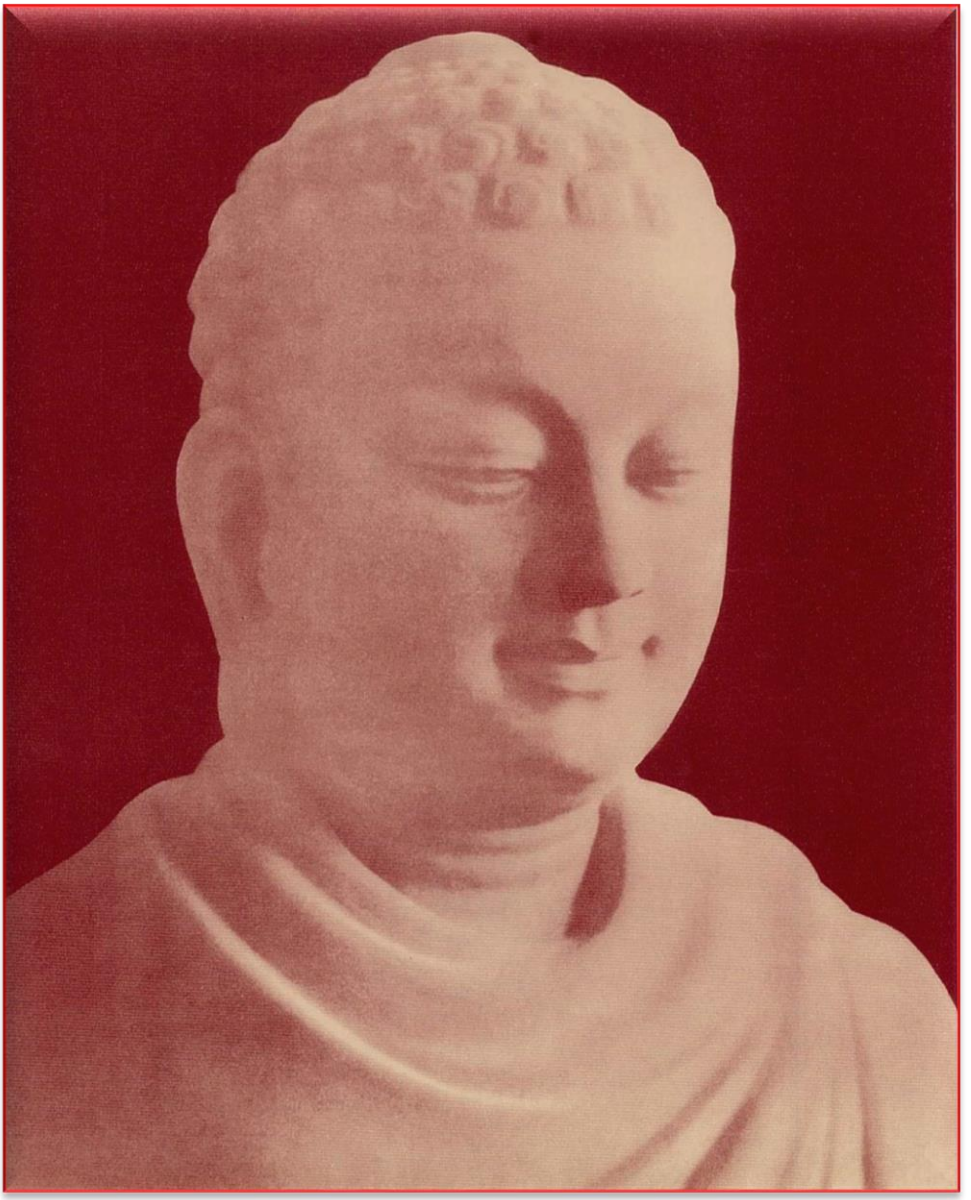

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 10

BỘ BẢN DUYÊN

I

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

Lời Giới Thiệu

Ngày nay, có thể nói, đại đa số Tăng Ni và Phật tử Việt Nam đều nhận thấy, một bộ Đại Tạng Kinh bằng chữ Việt là nhu cầu hết sức bức thiết, vì hai lý do:

Thứ nhất, hầu hết các nước Phật giáo châu Á, kể cả Lào và Campuchia, đều đã có Đại Tạng Kinh riêng của họ, lẽ ra Phật giáo Việt Nam cũng đã phải có từ lâu rồi, nhưng cho đến nay vẫn chưa: điều này chứng tỏ Phật giáo Việt Nam đã thua kém Phật giáo các nước bạn rất xa. Đó là điều mà giới Phật giáo Việt Nam, đặc biệt giới xuất gia, cần quan tâm suy nghĩ.

Thứ hai, khả năng học tập, nghiên cứu Phật giáo trực tiếp qua Đại Tạng Kinh chữ Hán, có thể sẽ mỗi ngày một sút giảm dần; như vậy, nếu không có được bộ Đại Tạng Kinh chữ Việt hoàn chỉnh và gấp rút, thì e các thế hệ học Phật tương lai sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc nghiên cứu, học hỏi; và về lâu về dài, sự phát huy tinh thần Phật pháp ở Việt Nam cũng sẽ bị ảnh hưởng, nếu không nói bị hạn chế.

Chúng tôi nhấn mạnh, "Đại Tạng Kinh chữ Việt hoàn chỉnh", có nghĩa là trước nay ở Việt Nam tuy cũng đã có một số lớn kinh điển Hán văn được dịch sang chữ Việt rồi, nhưng số đó còn rời rạc, lẻ tẻ, chứ chưa được tổ chức thành hệ thống hẳn hoi cho đúng với danh nghĩa Đại Tạng Kinh như tạng chữ Hán, để truyền trì cho đời sau. Hơn nữa, "hoàn chỉnh" còn có nghĩa là Đại Tạng Kinh chữ Việt phải gồm đủ Kinh, Luật, Luận và những tác phẩm chú thích, sớ giải v.v... của các bậc Tổ sư tiền bối cũng như của các học giả cận đại.

Nay, chúng tôi được biết, Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh –Tiến sĩ Triết học– hiện đang ở bên Đài Loan, phát nguyện đứng ra tổ chức phiên dịch và ấn hành Đại Tạng Kinh chữ Việt. Hòa thượng đã hoạch định một chương trình phiên dịch và ấn loát quy mô, công việc đang được tiến hành một cách thuận lợi và đều đặn. Chúng tôi vô cùng hân hoan và xin nhất tâm tùy hỷ.

Nhưng đây là sự nghiệp lớn lao, công đức cũng vô lượng, không phải sức của một người có thể chu toàn được, mà phải cần sự hỗ trợ của nhiều người. Cái khó trước kia là ở chỗ đã chưa có ai đề xướng và đứng ra gánh vác trách nhiệm, cho nên dù có người muốn hỗ trợ cũng không biết hướng về đâu. Thì nay đã có Hòa thượng Tịnh Hạnh, tương đối đủ năng lực và điều kiện, đứng ra cán đáng công việc to lớn này, nên chúng tôi chí thành tha thiết thỉnh cầu chư tôn Hòa thượng, chư Đại đức Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, hãy phát đại tâm hộ trì Phật pháp, giúp đỡ Hòa

thượng Tịnh Hạnh bằng hai cách:

– Tích cực tham gia công trình phiên dịch, hiệu đính, chứng nghĩa, góp ý v.v...

–Hỗ trợ tài chính, tùy theo khả năng, cho công trình ấn loát, xuất bản v.v...

Đây là việc chung, có ảnh hưởng rất lớn đối với tiền đồ Phật giáo Việt Nam, chúng tôi ước mong quí vị sốt sắng tham gia, để phúc quả to tát này mau được viên mãn.

Sự nghiệp phiên dịch và xuất bản Đại Tạng Kinh chữ Việt, khi được hoàn thành, sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển nền văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời, giúp nâng cao địa vị của Phật giáo Việt Nam lên ngang tầm địa vị của các nước Phật giáo trên thế giới.

Nguyện cầu chư Phật, Bồ-tát, Thánh tăng, Hộ pháp thiện thần gia bị cho Hòa thượng Tịnh Hạnh và toàn thể quí vị Mạnh thường quân hộ trì Chánh pháp mau thành tựu đại nguyện.

Nam mô Hộ Pháp Chư Thiên Bồ-tát tác đại chứng minh.

Sài Gòn ngày 16 - 12 - 1998

Hội đồng Chứng minh

Lời Nói Đầu

Ba tạng giáo điển là kho tàng của trí tuệ Bát-nhã, là chìa khóa của sự thành tựu đạo nghiệp. Hơn mười ba thế kỷ trước, thấu triệt lẽ này, Đại sư Huyền Tráng đã phát đại hùng tâm phiên dịch kiện toàn ba tạng giáo điển, giúp Trung Quốc hồng phước sở hữu Trung văn Đại Tạng Kinh.

Trải năm mươi năm ấp ủ một hoài bão tương tự, mãi đến ngày nay, chúng tôi, mới tạm hội đủ nhân duyên để thực hiện bộ Việt tạng; thành tựu ấy chẳng thể, chẳng phải do một cá nhân: nó là thành quả của một công đức cộng đồng, do nhiều trái tim, bộ óc hợp lại.

Xưa kia, sự hiện diện của Hán tạng đã góp phần to lớn vào sự nghiệp nâng cao đời sống văn hóa, tâm linh của Trung Hoa, giúp nước này đủ sức mạnh gốc rễ để đứng vững trước bao phong ba, thử thách. Nhận định về điều này, ông Phùng Hữu Lan, giáo sư Viện đại học Bắc kinh đã viết:

"Vào thời đại Nam Bắc triều, giới tư tưởng Trung Quốc lại có sự chuyển mình lớn lao. Bởi vì lúc đó tư tưởng Phật giáo truyền vào Trung Quốc có hệ thống, người Trung Quốc đối với Phật giáo cũng thâm nhập hiểu được những huyền diệu sâu xa. Từ đó cho đến thời sơ diệp nhà Tống, những người có tư tưởng lỗi lạc nhất của Trung Quốc đều là những người nghiên cứu tư tưởng đạo Phật (khoảng năm sáu trăm năm). Tư tưởng Phật giáo vốn là sản vật của Ấn Độ nhưng được người Trung Quốc giảng giải, phần nhiều đem tư tưởng đó thâm nhập vào khuynh hướng tư tưởng người Trung Quốc, biến thành tư tưởng Phật giáo của Trung Quốc." *

Sự hiện diện của Việt tạng đối với dân tộc ta đương nhiên cũng là như thế.

Về mặt nội dung, Việt tạng tiếp nạp cả Đại tạng Bắc truyền và Đại tạng Nam truyền. Về phần Đại tạng Bắc truyền, quan trọng nhất được chọn từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Tục Tạng Kinh...; thêm vào những sắc thái đặc biệt của Đại tạng Tây Tạng, Nhật Bổn; những văn bản tư tưởng Phật giáo của các vị Cao tăng học giả Đông, Tây cận đại và hiện đại: tất cả vào khoảng một ngàn tập, mỗi tập dày một ngàn trang khổ 17 x 24 cm, như

** Trung Quốc Triết Học Sử, trang 661, xb. 1970 tại Đài loan:*
"Nam Bắc triều thời, Trung Quốc tư tưởng giới hựu hữu đại biến động. Cái ư thị thời Phật giáo tư tưởng hữu hệ thống đích du nhập, nhi Trung Quốc nhơn đối chi diệc năng hữu thậm thâm liễu giải. Tự thử dĩ hậu, dĩ chí Tống sơ Trung Quốc chi đệ nhất lưu tư tưởng gia, giai vi Phật học gia. Phật học bổn vi Ấn Độ chi sản vật, đản Trung Quốc nhơn giảng chi, đa tương kỳ gia nhập Trung Quốc tư tưởng chi khuynh hướng, dĩ sử thành vi Trung Quốc chi Phật học."

quý vị đang có trước mắt.

Chỉ nói sơ qua, đã mường tượng được công việc thực hiện Việt tạng là khó khăn như thế nào. Thử liếc nhìn qua nước Nhật Bổn chẳng hạn: chỉ mỗi phần việc biên tập tu đính dành cho bộ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (vì toàn bộ Đại Tạng Trung văn và Đại Tạng Nhật Bổn đã hoàn thành từ lâu), do hai học giả Phật giáo lỗi lạc của Nhật Bản là Cao Nam Thuận Thứ Lang (Junjiro Takakusu) và Độ Biên Hải Húc (Watanabe) chủ trì, cùng với sự cộng tác của nhiều học giả Phật giáo và Đông phương học mà phải cống hiến ròng rã mười ba năm trí tuệ tâm huyết, mới tạm gọi là hoàn chỉnh.

Việc đã đành là khó, ngàn khó vạn khó, nhưng lẽ nào thấy khó mà không làm. Tự lượng sức mình có hạn, nhưng vì mỗi chút lòng thao thức cho sinh mệnh, tiền đồ của Phật giáo và dân tộc Việt Nam, chúng tôi đã mạo muội đứng lên khởi xướng, những mong một gọi nghìn thưa: mỗi Phật tử người Việt, xin ý thức trách nhiệm của mình, tự nguyện góp phần công đức vào sự nghiệp thực hiện bộ Việt tạng này, chẳng những là một phương tiện thù thắng để hoằng dương Chánh pháp, mà còn là đối với nền văn hóa dân tộc được cống hiến vô cùng sâu rộng, cũng xứng đáng là một tôn giáo đã có mặt trên đất nước Việt Nam ngót hai ngàn năm lịch sử.

Hôm nay Việt tạng bắt đầu xuất bản, vì là lần đầu, mặc dầu chúng tôi cố gắng đến mức tối đa, nhưng chắc cũng khó tránh khỏi những khuyết điểm về hình thức lẫn nội dung; hy vọng những vị cao kiến chỉ dạy để kịp thời sửa lại trong những tập sau cũng như lần tái bản. Ở đây chúng tôi xin ghi ơn những vị tiền bối đã âm thầm góp sức, cũng như nhiều vị phụng hiến trí tuệ và mồ hôi qua sáu năm và những ngày sắp tới vào công việc gian lao này. Sau hết, không quên cảm ơn Chính phủ Việt Nam trong thời gian qua, đã dành cho chúng tôi nhiều sự dễ dàng trong khi thực hiện Đại Tạng Kinh chữ Việt.

Kính chúc Quý vị vô lượng cát tường.

Viết tại chùa Pháp Bảo Quận THỦ ĐỨC
Ngày 06 tháng giêng năm Canh thìn
P.L: 2544 (2000)
Sa môn THÍCH TỊNH HẠNH

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 10

BỘ BẢN DUYÊN

I

SỐ 152 → 157

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ BẢN DUYÊN 1

SỐ 152 ..... **3**
KINH LỤC ĐỘ TẬP **3**
QUYỂN 1 ..... **3**
Chương I: BỐ THÍ ĐỘ VÔ CỰC 3
QUYỂN 2 ..... **26**
Chương I: BỐ THÍ ĐỘ VÔ CỰC (tt) 26
QUYỂN 3 ..... **47**
Chương I: BỐ THÍ ĐỘ VÔ CỰC (tt) 47
QUYỂN 4 ..... **68**
Chương II: GIỚI ĐỘ VÔ CỰC 68
QUYỂN 5 ..... **100**
Chương III: NHẪN NHỤC ĐỘ VÔ CỰC 100
QUYỂN 6 ..... **133**
Chương IV: TINH TẤN ĐỘ VÔ CỰC 133
QUYỂN 7 ..... **161**
Chương V: THIỀN ĐỘ VÔ CỰC 161
QUYỂN 8 ..... **181**
Chương VI: MINH ĐỘ VÔ CỰC (Trí tuệ Ba-la-mật) 181
SỐ 153 ..... **239**
PHẬT THUYẾT KINH BỒ-TÁT BẢN DUYÊN **239**
QUYỂN THƯỢNG **239**
1- Phẩm Tỳ-la-ma: 239
2- Phẩm Nhất Thiết Thí: 247
3- Phẩm Vương Tử Nhất Thiết Trì: 257
QUYỂN TRUNG **261**
3- Phẩm Vương Tử Nhất Thiết Trì (tiếp theo): 261
4. Phẩm Vua Thiện Kiết: 271
5. Phẩm Vua Nguyệt Quang: 275
QUYỂN HẠ **282**
6. Phẩm Thỏ: 282
7. Phẩm Nai: 287
8. Phẩm Rồng: 293
SỐ 154 ..... **299**
PHẬT NÓI KINH SINH **299**
QUYỂN 1 ..... **299**
Kinh 1: Đức Phật Nói Kinh Na-lại 299

Kinh 2: Đức Phật Nói Kinh Tỳ-kheo Khất Thực. 302
Kinh 4: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Sinh Sống Bằng Tà Nghiệp. 308
Kinh 5: Đức Phật Thuyết Giảng Về Kinh Ngã Sở. 311
Kinh 6: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Con Gà Rừng 313
Kinh 7: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Tranh Người Con Gái Ở Đời Trước.. 317
Kinh 8: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Ngọc Bị Rơi Vào Trong Biển. 319
Kinh 9: Đức Phật Giảng Thuyết Về Chuyện Tỳ-kheo-ni Chiên-xà-ma Bộc Chí Hủy Báng Đức Phật. 322
Kinh 10: Đức Phật Thuyết Giảng Về Con Ba Ba Và Con Khỉ Chúa. 323
Kinh 11: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Năm Vị Tiên Nhân. 325
QUYỂN 2 332
Kinh 12: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Hai Cậu Cháu 332
Kinh 13: Đức Phật Thuyết Kinh Nhàn Cư 336
Kinh 14: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Tôn Giả Xá-lợi-phất Nhập Niết-bàn. 338
Kinh 15: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Người Con Bị Chết. 341
Kinh 16: Đức Phật Thuyết Giảng Về Quan Điểm Của Các Vị Tỳ-kheo. 342
Kinh 17: Đức Phật Thuyết Giảng Về Tôn Giả Ca-chiên-diên Nói Về Vô Thường. 350
Kinh 19: Đức Phật Nói Kinh Phật Tâm Tổng Trì. 355
Kinh 20: Đức Phật Thuyết Giảng Về Kinh Thần Chú Bảo Vệ Các Tỳ-kheo..... 358
Kinh 21: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Thần Chú Kiết Tường. 359
QUYỂN 3 363
Kinh 22: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tổng Trì. 363
Kinh 23: Đức Phật Thuyết Giảng Về Thích Tử Sở Hân. 365
QUYỂN 4 396
QUYỂN 5 423
SỐ 155 483
KINH BỒ-TÁT BẢN HẠNH 483
QUYỂN Thượng 483
QUYỂN Trung 505
QUYỂN Hạ 527
SỐ 156 557
KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN 557
QUYỂN 1 557
Phẩm 1: MỞ ĐẦU 557
Phẩm 2: HIẾU DƯỠNG 568
QUYỂN 2 579
Phẩm 3: ĐỐI TRỊ 579

Phẩm 4: PHÁT TÂM BỒ-ĐỀ ... 597
QUYỂN 3 ... 601
Phẩm 5: LUẬN NGHỊ ... 601
QUYỂN 4 ... 625
Phẩm 6: ÁC HỮU ... 625
QUYỂN 5 ... 650
Phẩm 7: TỪ BI ... 650
QUYỂN 6 ... 670
Phẩm 8: ƯU-BA-LY ... 670
QUYỂN 7 ... 698
Phẩm 9: THÂN CẬN ... 698
SỐ 157 ... 716
KINH BI HOA ... 716
QUYỂN 1 ... 716
Phẩm 1: Chuyển Pháp Luân ... 716
Phẩm 2: ĐÀ-LA-NI ... 720
QUYỂN 2 ... 737
Phẩm 3: BỐ THÍ LỚN (PHẦN 1) ... 737
QUYỂN 3 ... 759
Phẩm 3: BỐ THÍ LỚN (PHẦN 2) ... 759
Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 1) ... 765
QUYỂN 4 ... 781
Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 2) ... 781
QUYỂN 5 ... 804
Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 3) ... 804
QUYỂN 6 ... 827
Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 4) ... 827
QUYỂN 7 ... 846
Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 5) ... 846
QUYỂN 8 ... 869
Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 6) ... 869
Phẩm 5: BỐ THÍ BA-LA-MẬT (PHẦN 1) ... 882
QUYỂN 9 ... 889
Phẩm 5: BỐ THÍ BA-LA-MẬT (PHẦN 2) ... 889
QUYỂN 10 ... 908
Phẩm 5: BỐ THÍ BA-LA-MẬT (PHẦN 3) ... 908
Phẩm 6: MÔN NHẬP ĐỊNH, TAM-MUỘI ... 913

*****

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 10

KINH LỤC ĐỘ

SỐ 152

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 152

KINH LỤC ĐỘ TẬP

Hán dịch: Đời Đông Ngô, Sa-môn Khương Tăng Hội, người nước Khương cư.

QUYỂN 1

Chương I: BỐ THÍ ĐỘ VÔ CỰC

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại Diêu sơn thuộc thành Vương xá, cùng với năm trăm vị Ứng nghi *(A-la-hán)*, một ngàn vị Bồ-tát cùng an tọa. Trong số này có vị Bồ-tát tên A-nê-sát, khi Đức Phật nói kinh giảng đạo, thường tịnh tâm lắng nghe, lặng lẽ không nghĩ ngợi, ý chuyên chú nghe kinh, Đức Thế Tôn đều biết.

Đức Phật vì chúng hội, thuyết giảng về sáu pháp Độ vô cực *(sáu pháp Ba-la-mật)* hạnh cao khó đạt của Bồ-tát, là con đường mau chóng để thành Phật.

Sáu hạnh cao độ vô cực là những gì?

Một là Bố thí. Hai là Trì giới. Ba là Nhẫn nhục. Bốn là Tinh tấn. Năm là Thiền định. Sáu là Trí tuệ *(minh)*.

Sao gọi là Bố thí độ vô cực *(Bố thí ba-la-mật)*?

Lành nuôi người vật, thương xót cả đám tà, vui mừng vì người hiền đạt giải thoát, cứu giúp chúng sinh hơn cả trời đất, ân thấm nhuần khắp biển sông. Bố thí cho chúng sinh, người đói cho ăn, người khát cho uống, lạnh cho áo, nóng cho mát, tật bệnh giúp thuốc thang, xe, ngựa, thuyền, kiệu, các thứ châu báu, vợ con, đất nước... hễ ai cầu xin là cho ngay. Như thái tử Tu-đại-noa, bố thí cho bao kẻ nghèo cùng, khác nào như cha mẹ nuôi con, bị vua cha đuổi đi, thương mà không oán.

-oOo-

1- Xưa có vị Bồ-tát lòng thông nẻo chánh, thấy đời vô thường, mạng sống khó giữ nên đem hết của cải bố thí. Trời Đế Thích thấy Bồ-tát đem

lòng Từ nuôi dưỡng muôn loài, bố thí cứu giúp mọi người, công cao vòi vọi, đức dội mười phương, ông sợ Bồ-tát đoạt mất ngôi vị của mình nên hóa ra cảnh địa ngục trước mặt Ngài, rồi hiện đến nói:

– Bố thí giúp người, sau khi chết thần hồn đi vào địa ngục Thái sơn, bị thiêu nấu vạn lần đau khổ. Bố thí mà phải chịu hại như vậy thì ông bố thí làm gì?

Bồ-tát đáp:

– Lẽ nào người có công đức bố thí mà phải vào địa ngục Thái sơn?

Đế Thích bảo:

– Bồ-tát không tin thì cứ hỏi tội nhân.

Bồ-tát hỏi tội nhân:

– Ông vì sao mà vào địa ngục?

Tội nhân thưa:

– Tôi ở đời đem hết của cải ra giúp kẻ bần cùng, cứu vớt ách nạn cho mọi người, nên nay phải chịu tội ở trong địa ngục Thái sơn!

Bồ-tát hỏi Đế Thích:

– Người nhân đức bố thí thì chuốc lấy tai ương, còn người thọ của bố thí thì sao?

Đế Thích đáp:

– Kẻ thọ thí thì mạng chung sẽ sinh lên trời!

Bồ-tát nói:

– Ta cứu giúp chỉ vì chúng sinh, nếu như lời ông nói là thật thì với sở nguyện của ta, dù từ bi bố thí mà phải chịu tội, ta cũng quyết làm. Cứu vớt người, nguy hại mình, đó là chí cao cả của Bồ-tát!

Đế Thích hỏi:

– Tại sao chí nguyện của ông lại chuộng các hạnh cao ấy?

Đáp:

– Ta muốn cầu thành Phật để cứu vớt chúng sinh, đưa họ đến Nê-hoàn, không còn bị sinh tử nữa.

Đế Thích nghe rõ tâm nguyện của bậc Thánh liền cúi đầu thưa:

– Thật sự không có việc bố thí, thương giúp chúng sinh mà xa phước, bị họa đọa vào địa ngục Thái sơn ấy đâu! Vì đức của Ngài động cả đất trời, sợ đoạt mất ngôi vị, nên tôi hiện ra cảnh địa ngục để mê hoặc chí Ngài thôi! Ngu si lừa dối Thánh nhân, nguyện xin tha tội nặng ấy.

Đế Thích sám hối tội lỗi xong, liền cúi đầu từ tạ.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

2- Xưa có vị Bồ-tát tên hiệu Tát-ba-đạt, là vua một nước lớn, bố thí cho chúng sinh thỏa theo đòi hỏi của họ, cứu giúp ách nạn, luôn có lòng thương xót. Trời Đế Thích thấy đức từ bi thi ân của nhà vua trùm khắp mười phương. Trời, Thần, Quỉ, Rồng đều cho rằng:

– Ngôi vua trời cao quý xưa nay thường không phải của một người. Bậc nào giới đủ, hạnh cao, đức từ, phước lớn, sau khi mạng chung nhất định sẽ làm vua trời.

Đế Thích sợ nhà vua đoạt mất ngôi của mình nên muốn đến thăm dò thực hư thế nào, Đế Thích lệnh cho Biên vương:

– Nay vị nhân vương kia lòng Từ nhuần thấm như mưa, phước đức vòi vọi, e rằng chí của ông ấy muốn đoạt mất đế vị của ta. Vậy ngươi phải hóa thành chim bồ câu, mau bay đến chỗ vua, làm ra vẻ sợ hãi, cầu sự thương xót. Nhà vua vốn nhân từ tất nhận ngươi về. Ta sẽ tìm đến sau, theo vua ấy đòi ngươi lại. Nhà vua hẳn là không trả phải ra chợ mua thịt, bằng với thịt ngươi để đổi. Ta sẽ tiếp tục dối gạt, lòng vua trong sạch chân chất, đã hứa thì nhất định không trái lời, sẽ đồng ý tự cắt thịt nơi thân mình tương đương với trọng lượng của thân ngươi để đổi. Nếu thịt cân cứ theo đấy nặng dần lên thì khi thịt hết, thân đau, ắt vua phải hối hận. Nếu ý có chút hối hận thì chí nguyện không thành.

Đế Thích liền hóa làm chim ưng, Biên vương hóa làm bồ câu. Bồ câu vội bay đến đáp dưới chân vua, sợ hãi nói:

– Đại vương ơi, mạng tôi cùng rồi!

Vua bảo:

– Chớ sợ, chớ sợ! Ta nay sẽ cứu sống ngươi!

Chim ưng liền bay đến sau, hướng về chỗ vua nói:

– Bồ câu của tôi vừa đến đây, bồ câu là món ăn của tôi, xin nhà vua giao trả lại cho!

Nhà vua nói:

– Bồ câu đem thân mạng đến nương tựa vào ta, ta cũng đã nhận sự nương nhờ đó rồi. Ta nói ra là phải thủ tín, trước sau không trái! Ngươi muốn có thịt thì ta sẽ nạp đủ hơn trăm lần!

Chim ưng nói:

– Tôi chỉ muốn thịt bồ câu thôi, không dùng thịt khác. Mong vua cho lại, chứ sao đoạt lấy miếng ăn của tôi?

Vua đáp:

– Ta đã nhận cho chim nương nhờ, chữ tín nặng ngang trời đất, thì lòng nào mà trái được? Theo ngươi, thì ta phải lấy vật gì để ngươi cho bồ câu ở lại và vui vẻ ra đi?

Chim ưng nói:

– Nếu vua từ bi suy xét, nhất định muốn cứu giúp chúng sinh, vậy xin vua cho cắt thịt vua cho bằng thịt bồ câu, thì tôi vui lòng nhận ngay.

Vua nói:

– Rất tốt.

Vua liền tự cắt thịt đùi của mình để cân cho bằng thịt của bồ câu. Chim bồ câu cứ nặng dần, nhà vua tự cắt thịt mình như vậy, cho tới khi thịt hết mà trọng lượng vẫn chưa bằng. Nỗi đau đớn của thân xác bị thương kia thật không kể xiết. Nhà vua vì lòng Từ bi mà chịu đựng mong cho bồ câu được sống, nên ra lệnh cho cận thần:

– Ngươi mau giết ta, lấy tủy để cân cho bằng với thịt của bồ câu. Ta kính thờ chư Phật, thọ trọng giới chân chánh nhằm cứu nguy ách của chúng sinh. Tuy có bị lũ tà quấy nhiễu, nhưng cũng như làn gió thoảng nhẹ, đâu có thể lay động được núi Thái?

Chim ưng biết rõ chí của nhà vua giữ đạo không đổi, lòng Từ bi thi ân khó ai bằng được, nên cả hai liền hiện lại nguyên hình như trước. Đế Thích, Biên vương cúi đầu sát đất thưa:

– Đại vương mong đạt điều gì mà chịu khổ não như vậy?

Vua người trả lời:

– Chí của ta không cầu ngôi vị vua trời Đế Thích hay Phi hành hoàng đế... Ta thấy chúng sinh mãi chìm đắm trong tăm tối, không thấy ba ngôi báu, không nghe lời Phật dạy, buông lòng làm những việc hung ác, ném thân vào chốn địa ngục Vô trạch, thấy họ ngu si, mê lầm như vậy mà thương xót nên lập thệ nguyện cầu đạt quả Phật để cứu vớt chúng sinh khỏi mọi khổ ách, khiến họ chứng đắc Nê-hoàn.

Trời Đế Thích kinh hãi thưa:

– Tôi ngu si cứ tưởng đại vương muốn đoạt ngôi vị của mình nên đã quấy nhiễu đến ngài, vậy ngài có điều gì để dạy bảo?

Nhà vua nói:

– Hãy khiến cho thương tích nơi thân thể ta lành lại như cũ, để cho chí của ta vốn ưa chuộng các hạnh bố thí, cứu giúp còn cao cả hơn hôm nay.

Trời Đế Thích liền sai lương y cõi trời đem thần dược truyền vào thân vua, thương tích của vua liền lành, sắc lực hơn trước, những dấu bị cắt cứa nơi thân thể, trong giây lát bỗng nhiên lành lặn. Đế Thích cúi đầu từ tạ, nhiễu quanh ba vòng rồi vui vẻ ra về.

Từ đó về sau, nhà vua lại bố thí hơn trước.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

3- Xưa có vị Bồ-tát nghèo cực khốn khó, cùng với các thương nhân đi sang nước khác. Những người này đều có lòng tin Phật, bố thí kẻ nghèo thiếu, cứu giúp chúng sinh. Mọi người đều nói:

– Chúng tôi đều có lòng thương xót, giúp cho, còn ông thì lấy gì để bố thí?

Bồ-tát đáp:

– Ôi! Thân mạng là thứ mượn tạm, không gì là chẳng thể từ bỏ. Tôi thấy cá dưới biển, lớn bé ăn nuốt lẫn nhau, nên lòng ngậm ngùi thương xót. Vậy tôi sẽ đem thân này thay cho đám cá nhỏ, để chúng được sống trong chốc lát.

Nói rồi liền tự gieo mình xuống biển, cá lớn nhờ đấy được no, cá nhỏ được sống. Hồn linh của Bồ-tát hóa làm vua cá Chiên, thân dài đến mấy dặm.

Bên bờ biển có một đất nước đang bị hạn hán, dân chúng đói khát nên ăn thịt lẫn nhau. Vua cá thấy vậy, rơi nước mắt, nói:

– Chúng sinh hỗn loạn, nỗi khổ ấy thật bức bách! Thân ta thịt nhiều đến mấy dặm, có thể cung ứng cho sự túng thiếu của lê dân trong mười tháng.

Cá bèn tự phơi thân lên bãi biển của đất nước đang bị khô hạn. Cả nước nhờ ăn thịt cá mà bảo tồn được sinh mạng. Dân chúng lấy thịt ăn đến mấy tháng mà cá vẫn sống. Thiên thần xuống nói với cá:

– Người có thể kham chịu nỗi khổ đến thế sao? Sao không chết đi để khỏi phải chịu nỗi đau đớn như vậy?

Cá đáp:

– Nếu ta chết đi thì hồn lìa thân nát, sau này dân chúng đói khát, sẽ lại ăn thịt lẫn nhau. Ta chẳng nỡ nhìn, vì lòng thương cảm!

Thiên thần nói:

– Lòng từ bi của Bồ-tát thật khó sánh.

Thiên thần vì thế càng đau lòng, nói:

– Ngài ắt thành Phật để cứu độ chúng sinh thoát khổ.

Có người dùng búa chặt lấy đầu, nên cá chết, hồn linh của cá liền thác sinh làm thái tử con vua. Vừa sinh ra, thái tử đã có trí sáng của bậc Thượng thánh; lòng Từ tỏa rộng, bốn ân nhuần thấm khắp trời đất, thương dân khốn cùng, nói năng hiền hòa. Thế nhưng đất nước vẫn còn hạn hán. Vua tịnh tâm trai giới, từ chối mọi sự ăn uống, dập đầu hối lỗi nói:

– Dân tình không gặp điều tốt đẹp, lỗi tại thân ta! Nguyện bỏ thân mạng này, cho muôn dân được hưởng mưa móc nhuần thấm.

Tháng ngày buồn thương, vua như người con chí hiếu gặp phải tang cha lành. Lòng chí thành lan xa, liền có chư Phật gồm năm trăm vị đi đến nước ấy. Nhà vua nghe tin lòng vui mừng như quên mình, cung kính nghinh đón, rước về chánh điện. Hoàng hậu, thái tử... ai ai cũng thành khẩn. Món ngon, pháp phục đẹp, đều cúng dường đầy đủ, năm vóc gieo xuống đất, cúi đầu khóc mà thưa:

– Con tâm hạnh uế trược, chẳng vâng theo lời dạy về bốn ân của Tam tôn, gây khổ cho nhân dân, tội thật đáng chém, hoặc đày nơi hèn khốn. Nhiều năm khô hạn, muôn dân đói khát, oán giận, thống khổ, thương tâm, nguyện xin dứt trừ tai ách cho dân, dồn tội họa cho con.

Đức Phật nói:

– Ông là vị vua biết thương người, có lòng nhân từ, luôn ban phát ân huệ, đức ngang với trời Đế Thích, chư Phật đều biết. Nay trao cho nhà vua hạnh phúc này, chớ có lo lắng, mau chỉ dạy dân gieo trồng lúa thóc.

Vua liền vâng theo lời dạy. Nam nữ có nghề, dân chúng thảy đều làm việc. Lúc lúa đã kết hạt, quan coi về nông nghiệp tâu lên vua. Vua nói:

– Phải để thật chín.

Kết quả khắp nước đều có lúa gạo, mỗi nhà mấy hộc, vị gạo thơm ngon, hương lan khắp chốn. Cả nước vui mừng, ngợi khen công đức của vua. Các nước bốn phía vốn thù địch nay đều đến xưng thần. Dân chúng thêm đông đúc, bờ cõi ngày một mở rộng, khắp nước đều giữ giới, quy kính Tam bảo. Vua và dân chúng sau khi lâm chung đều sinh lên cõi trời.

Đức Phật dạy:

– Người nghèo thuở ấy chính là thân Ta, vì nhiều kiếp thực hiện nhân từ bố thí, cứu vớt chúng sinh, công đức không hề bị hủy hoại, nên nay đắc quả Phật, hiệu Thiên Trung Thiên, là Bậc Đại Hùng trong ba cõi.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

4- Xưa, Bồ-tát lúc làm Thệ tâm (Phạm-chí) thường ở nơi núi đầm, chuyên cần giữ đạo, không phạm các việc ác, ăn trái cây, uống nước suối, không giữ lấy vật gì, luôn nghĩ thương chúng sinh ngu si tự khốn, thấy kẻ nguy ách thì xả thân cứu giúp.

Một hôm trên đường đi tìm hoa quả, gặp một cọp mẹ đang cho con bú. Cho cọp con bú xong, cọp mẹ vì thiếu ăn nên mệt đuối, do đói khát nên lòng hoang mang, muốn trở lại ăn thịt con mình. Bồ-tát thấy vậy động lòng thương xót, ngậm ngùi nghĩ đến chúng sinh sống ở đời ưu khổ thật không lường, mẹ ăn thịt con, nỗi đau đớn ấy thật khó nói nên nghẹn ngào rơi nước mắt. Bồ-tát bèn quay nhìn bốn phía tìm xem có gì cho cọp mẹ ăn, để cứu lấy mạng cọp con, nhưng đều chẳng thấy, trong lòng tự nghĩ: "Cọp là loài ăn thịt!". Lại nghĩ tiếp: "Ta lập chí học đạo, chỉ vì chúng sinh bị chìm đắm trong biển khổ, lòng muốn cứu vớt khiến họ dứt bỏ tai họa, để thân mạng luôn được, yên ổn. Sau này, ta rồi cũng già chết, thân này rốt cuộc cũng bỏ đi, chi bằng đem thân bố thí cho chúng sinh để tạo thành phước đức". Bồ-tát nghĩ như vậy rồi, bèn tự đưa đầu mình vào miệng cọp. Đem đầu cho cọp, là muốn mau chết để khỏi cảm thấy đau đớn. Cọp mẹ, cọp con đều được toàn mạng.

Chư Phật khen ngợi công đức ấy bằng công đức của bậc Thượng thánh. Trời, Rồng, Thiện thần, những người có tâm đạo... không ai là không thương xót. Ai tinh tấn tu tập hoặc chứng đắc quả Câu cảng *(Tu-đà-hoàn),* Tần lai *(Tư-đà-hàm),* Bất hoàn *(A-na-hàm),* Ứng chân *(A-la-hán, bậc Duyên nhất giác)...,* có người phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, do ý chí mạnh mẽ ấy mà vượt hơn trước các Bồ-tát được chín kiếp, thề ở trong đời năm thứ ô trược làm thầy cõi trời, người, hóa độ kẻ nghịch ác, khiến hạng tà vạy thuận theo chánh đạo.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

5- Thuở xưa có vị Bồ-tát làm bậc đại quốc vương, nước tên Càn-di, vua hiệu là Thiên Duyệt, trong sáng, ngoài nhân, nét mặt luôn hiền hòa, thẳng thắn, muôn dân thuận theo đức giáo hóa của vua, ngục tù đều trống rỗng, dân chúng nghèo thiếu xin gì cũng cho, đức từ thấm nhuần, ân như Đế Thích. Các Thệ tâm nơi nước khác đều kính phục sự nhân từ, luôn bố thí theo ý muốn của mọi người của vua. Bọn tà ganh ghét, đem nguỵ hủy chân, bèn đến cửa cung, nói:

– Ta nghe bậc vua sáng cứu giúp dân chúng nghèo thiếu như ân trời phủ khắp mọi nơi.

Rồi chúng bảo vệ sĩ:

– Ngươi có thể trình tấu lên vua chăng?

Cận thần tâu lên, vua liền xuất hiện, Thệ tâm đến thưa:

– Đức vua sáng suốt, lòng nhân thấm đến bốn cõi, các loài hữu thức, không loài nào là không khen ngợi. Dám xin chấp nhận nguyện vọng mà tôi muốn tâu lên.

Nhà vua nói:

– Rất tốt.

Thệ tâm tâu:

– Vua trời ưa bố thí, nếu cầu xin chắc không trái ý. Lúc này, tôi cần đầu người để làm một việc, nguyện xin đầu của đức vua để thỏa điều mong ước.

Vua nói:

– Đầu ta có gì tốt đẹp mà ngươi muốn xin? Ta có nhiều châu báu cho ngươi lợi hơn.

Thệ tâm không nhận. Nhà vua lại sai thợ khéo tạo ra đầu bằng bảy thứ châu báu, số lượng có đến mấy trăm cái để cho Thệ tâm. Thệ tâm nói:

– Ta chỉ muốn cái đầu của nhà vua mà thôi.

Vua chưa từng trái ý người xin, liền tự bước xuống khỏi điện, dùng tóc buộc vào cây, bảo:

– Ta đưa đầu cho ngươi đây!

Thệ tâm rút dao nhanh chân bước đến. Thần cây thấy sự việc giận kẻ vô đạo kia, nên dùng tay tát vào má hắn, thân hắn liền xoay vòng, mặt bị trẹo ngược, buông tay rơi dao. Nhà vua được bình an, thần dân đến chúc thọ, vui buồn lẫn lộn. Chư Thiên tán thán công đức của vua: "Đáng gọi là nội thí". Bốn vua trời ủng hộ, các độc tiêu tan, trong nước không tật bệnh, lúa thóc được mùa, nhà tù phá bỏ hết, vua tôi đều vui vẻ.

Phật bảo các vị Sa-môn:

– Vua nước Càn-di lúc đó là thân Ta, Thệ tâm kia là Điều-đạt.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như thế.

6- Thuở xưa, có vị Bồ-tát làm đại quốc vương, dùng lòng nhân từ trị dân, quên mình giúp người. Hàng tháng vua đi tuần, gặp kẻ nghèo thiếu thì cứu giúp, kẻ cô quả bệnh tật thì cho thuốc thang, cơm cháo. Mỗi lần đi tuần thú thì lệnh cho xe chở theo sau nào châu báu, quần áo, thuốc men... Hễ

gặp người chết thì lo chôn cất, thấy dân chúng nghèo thì tự trách lỗi mình:

– Vua thiếu đức nên dân phải khổ. Vua giàu nhân đức thì dân đầy đủ ấm no. Nay dân nghèo tức ta nghèo.

Vua nhân từ như vậy nên tiếng tốt đồn khắp mười phương. Vị trời Đế Thích thứ hai ngồi lo lắng bức rức. Lòng Đế Thích sợ nghĩ: "Đức của vua kia cao vòi vọi, ắt sẽ đoạt mất ngôi vị của ta. Ta phải hủy hoại chí nguyện của ông ấy, thì hạnh đó mới dứt". Đế Thích bèn hóa làm một lão Phạm-chí theo vua xin một ngàn đồng bạc. Nhà vua liền cho. Được bạc rồi, Phạm-chí tâu:

– Tôi đã già cả, sợ người ta lấy trộm mất số bạc này, nên xin gởi lại nhà vua giữ giúp.

Nhà vua đáp:

– Nước ta không có kẻ trộm.

Phạm-chí lại tâu:

– Cứ xin gởi cho vua.

Nhà vua liền nhận giữ. Trời Đế Thích lại hóa làm một Phạm-chí khác đi đến cửa cung. Cận thần tâu lên, nhà vua liền đi ra. Phạm-chí khen:

– Công trạng danh tiếng của đại vương truyền khắp tám hướng, đức hạnh hiếm có nên nay tôi từ xa đến đây có điều muốn xin.

Nhà vua nói:

– Rất tốt.

Phạm-chí tâu:

– Trước tôi vốn phước mỏng, nên sinh vào hàng tầm thường, nhưng rất ham thích sang quý, nên muốn xin cả đất nước này.

Nhà vua đáp:

– Tốt lắm!

Rồi liền cùng vợ con lên xe nhỏ ra đi. Vua trời lại hóa làm một Phạm-chí, theo vua xin chiếc xe. Vua bèn đem xe ngựa trao cho, rồi cùng vợ con lên đường, dựa nơi núi dừng nghỉ, ngủ qua đêm. Có một vị đạo sĩ chứng được năm thần thông là bạn với vua, bỗng nhớ về đức độ của nhà vua, nên ngửa xem sao trời, biết vua đã mất nước, bèn tĩnh tâm thiền định, tức thì thấy trời Đế Thích vì tham lam ganh ghét đã chiếm đoạt mất nước, khiến vua phải khốn đốn, tiều tụy. Đạo sĩ liền dùng thần túc, trong chốc lát hiện đến chỗ vua, thưa:

– Vua mong cầu gì mà phải nhọc chí đến như vậy?

Nhà vua đáp:

– Chí của ta muốn gì thì ông đã biết rồi đó.

Vị đạo sĩ liền hóa ra một chiếc xe hai càng để đưa nhà vua trở về, lúc sao sớm đã mờ.

Trời Đế Thích lại hóa ra một Phạm-chí khác theo xin chiếc xe ấy, nhà vua liền cho luôn. Rồi vua và gia đình đi dần về. Cách nước ấy chừng vài mươi dặm, trời Đế Thích lại hóa ra ông Phạm-chí ban đầu đến đòi tiền bạc. Nhà vua nói:

– Ta đã đem nước cho người nên quên mất tiền của ông rồi.

Phạm-chí nói:

– Hẹn vua trong ba ngày phải trả đủ tiền cho tôi.

Nhà vua liền đem vợ con đến cầm nơi một gia đình nọ, lấy được một ngàn đồng bạc để trả lại cho Phạm-chí.

Vợ vua làm người hầu cho cô gái chủ nhà ấy. Cô gái đi tắm, cởi các thứ vàng ngọc châu báu treo lên giá, trời Đế Thích lại hóa làm chim ưng cắp lấy y phục và châu báu bay đi. Cô gái chủ nhà cho là người hầu đã trộm lấy nên buộc tội giam ngục. Đứa con của vua thì cùng ngủ với con của người chủ, đêm đến, trời Đế Thích tới giết con của người chủ nhà, gia đình người chủ ấy liền bắt con vua bỏ ngục. Như vậy cả hai mẹ con đều bị bắt giam, đói khát, tiều tụy, kêu than không ai cứu, suốt ngày chỉ biết khóc lóc. Khi tội đã định, đem bỏ ngoài chợ.

Nhà vua làm thuê kiếm được đủ một ngàn đồng bạc, liền đến để chuộc lại vợ con. Khi đi ngang qua chợ, thấy vợ con như vậy, nhà vua liền tưởng nhớ đến mười phương chư Phật và tự hối lỗi:

– Kiếp trước ta độc ác đến thế sao!

Rồi tĩnh tâm thiền định, nhờ ánh sáng của thần thông, nên thấy việc này do trời Đế Thích làm. Trên không trung có tiếng nói:

– Sao không mau giết nó đi!

Nhà vua đáp:

– Ta nghe Đế Thích cứu giúp khắp chúng sinh, lòng son thương xót, dưỡng nuôi hơn mẹ lành, cả đến loài ngậm máu phun người, không ai là không chịu ân giúp đỡ. Ông cũng vì không có duyên ác nên mới được ngôi vị Đế Thích đấy. Đế Thích vì ôm lòng độc dữ, khi ác độc chín muồi thì thành tội, thân còn sống mà đã đọa vào địa ngục Thái sơn.

Trời, Người, Rồng, Quỉ, không ai là không khen vua tốt. Vua chủ đất liền giải tội cho vợ con vua. Hai vua gặp nhau, tìm hỏi căn nguyên, kể rõ

đuôi đầu, trong nước lớn nhỏ ai cũng rơi lệ. Nhà vua chủ đất cùng chia nước cho vua cai trị. Thần dân nước cũ tìm đến chỗ vua nước mình, rồi tổ chức nghinh đón. Vua tôi hai nước, bên buồn bên vui.

Nhà vua thời đó là thân Ta, người vợ nay là Câu-di, đứa con nay là La-vân, trời Đế Thích nay là Điều-đạt, đạo sĩ trong núi nay là Xá-lợi-phất, nhà vua chủ đất là Di-lặc.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh bố thí độ vô cực như vậy.

7- Xưa có vị Bồ-tát làm đại quốc vương, dùng lẽ chánh trực để trị dân, lòng không thiên lệch, nhưng chẳng chịu đi xem xét dân tình. Vị tướng quốc tâu:

– Xin vua rời cung đi xem xét dân tình một lần.

Nhà vua nói:

– Rất tốt!

Rạng ngày liền ra đi. Dân chúng vui mừng, đều được như ý. Vua thấy nhà giàu trong nước chỗ ở đẹp đẽ, lợp ngói vàng bạc, phục sức lộng lẫy. Vua rất vui mừng, bèn nói:

– Nước ta giàu có thay!

Trở về cung, nhớ việc này, nhà vua nói:

– Các Lý gia (Ly-xa) ấy đã đem lại ích lợi gì cho đất nước?

Bèn ra lệnh trưng dụng số tài sản kia để nuôi quân.

Có một Lý gia tài sản riêng có đến ba ngàn vạn, viết sớ trình lên vua. Vua giận, nói:

– Sao dám khinh ta?

Người ấy thưa:

– Thần từ nhỏ đến lớn lo làm ăn, nói chung là có được ít nhiều của riêng. Còn châu báu trong nhà đều là phần của năm nhà, không phải của riêng thần có.

Nhà vua nói:

– Sao gọi là của riêng?

Người đó đáp:

– Lòng nghĩ đến công Phật, miệng nói lời Phật dạy, thân làm việc Phật, bỏ phần của năm nhà ra để xây dựng chùa am thờ Phật, thờ kính Thánh chúng, cúng dường thức ăn uống, y phục, từ bi nuôi dưỡng các loài bò, bay, máy, cựa…. Việc gì lòng đã không ưa thì không đem đến

cho kẻ khác. Phước đức ấy gắn liền với ta như bóng theo hình, nên gọi là của riêng. Còn phần của năm nhà ấy, một là nước, hai là lửa, ba là giặc, bốn là quan, năm là vì mạng hết. Thân mất rồi của báu trong nhà bỏ lại cho đời, ra đi một mình, cửa họa phúc chưa biết về đâu. Thấy đời như mộng huyễn nên chẳng dám có. Nếu tính phần của năm nhà thì có đến hàng mười ức. Đấy chính là hang ổ của tai họa, thường sợ nguy đến mình nên đâu dám có của riêng. Xin quân sĩ hãy chở đi để trừ cái lo cho thần.

Nhà vua nói:

– Lời đó thật lòng thay!

Bèn cho phép người ấy ra đi. Vua lui vào trai phòng, tĩnh tâm suy nghĩ, liền tỉnh ngộ:

– Thân còn chẳng giữ được, huống chi là đất nước, vợ con, những thứ ấy có thể tồn tại lâu dài được sao?

Nhà vua liền soạn chép kinh Phật, đọc tụng, giải nghĩa, tâm cấu uế được trừ sạch, tiến cử quan trung hậu, nhận lời can gián đại xá cho cả nước, trả châu báu lại cho dân, hậu đãi quan lại, bàn việc khoan chánh. Vua gọi quần thần bảo:

– Phàm người không thấy được nghĩa sâu, trọng của kinh Phật thì chỉ là hạng mù điếc thôi! Lý gia kia giàu có, chỉ ta là nghèo thôi.

Vua liền ra lệnh phân chia của báu cho trong nước, cứu giúp những người nghèo khốn, cho dân chúng những gì họ muốn, lập chùa, am thờ Phật, thắp hương, cúng dường thức ăn uống cho các vị Sa-môn, bản thân nhà vua thực hiện sáu ngày trai. Cứ như vậy suốt ba năm, bốn cõi yên tịnh, trộm cướp đều dứt, năm thứ lúa thóc được mùa, dân chúng hết cảnh cơ hàn. Sau khi chết nhà vua liền được sinh lên cõi trời thứ hai.

Đức Phật bảo các Sa-môn:

– Nhà vua thời ấy chính là thân Ta, người Lý gia là Tôn giả Thu Lộ Tử (Xá-lợi-phất), người khuyên vua đi xem xét dân tình là Tôn giả A-nan.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

8- Xưa, Bồ-tát là một đại Lý gia tên Tiên Thán giàu sang, của cải vô kể, thấy giáo pháp sáng tỏ của Phật, biết đời vô thường, thân mạng khó giữ, của cải không phải do mình có, chỉ có công đức bố thí là chẳng hư hoại, liền báo cho dân chúng biết: "Nếu ai nghèo thiếu thì cứ theo chỗ cần dùng mà đến lấy!". Kéo dài trong nhiều tháng như thế.

Bấy giờ, nhà nước thi hành chính sách rộng rãi, dân chúng đều giàu có, không còn kẻ nghèo khó. Tiên Thán suy nghĩ: "Chỉ nên mua thuốc men, giúp người bệnh tật". Liền mua thuốc hay, cứu mạng chúng sinh, lòng Từ bi nuôi dưỡng lan khắp, ân huệ không đâu là không thấm. Bố thí trải qua nhiều năm, hương đức tỏa xa, người bệnh từ bốn phương kéo đến, ai ai cũng khen ân kia thấm rộng, đức sánh cùng trời. Của cải hết sạch, nên tự mình đi tìm của báu. Cách nhà hơn trăm dặm, ở trên một bến sông, gặp mấy chiếc xe chở những người bệnh nặng, Tiên Thán hỏi:

– Các ông đi đâu vậy?

Họ đáp:

– Đi đến chỗ của Tiên Thán để mong được sống sót.

Tiên Thán liền quay về, đến chỗ vua vay năm trăm lượng vàng, mua thuốc trị lành bệnh hết số người đó. Rồi tự mình cùng với các thương nhân vào biển tìm châu báu. Khi đã kiếm được nhiều, họ bỏ thuyền đi bộ trở về nước. Trên đường đi thiếu nước uống, Tiên Thán tìm được một giếng nước, gọi mọi người lại múc, rồi tự mình lấy nước uống. Đám người buôn thấy Tiên Thán kiếm được viên ngọc trắng, sáng lóng lánh, tuyệt đẹp, lòng tham khiến con người thêm xấu ác, muốn hủy phạm bậc Thánh, hại người nhân nghĩa, nên họ cùng nhau xô Tiên Thán xuống giếng ấy. Nhưng vì Bồ-tát nhân đức nên cảm động đến Thần linh, Thiên thần đỡ nâng nên không bị thương tích. Đám người buôn về đến nước. Vua hỏi họ:

– Tiên Thán đi đâu rồi?

Đáp:

– Vừa rời khỏi nước liền biệt dạng, không biết đi đâu!

Vua nói:

– Lũ ngươi đã giết ông ấy rồi sao?

Họ trả lời:

– Không hề làm thế!

Tiên Thán ở dưới giếng, thấy bên cạnh có lỗ trống, nhờ đó mà ra khỏi giếng của nhà ấy. Chừng đúng bảy ngày, Tiên Thán về đến nước mình. Nhà vua hỏi:

– Vì sao về tay không vậy?

Tiên Thán thưa:

– Không tìm gặp châu báu.

Nhà vua yên lặng suy nghĩ: "Hẳn phải có duyên cớ gì đây." Bèn triệu đám người buôn đến, hỏi:

– Các ngươi nếu thành thật thú nhận tội thì được sống, còn như, dối trá ta thì phải chết.

Những người buôn đều thú nhận, liền bị bắt bỏ ngục, chờ ngày định tội. Tiên Thán khóc lóc, vội đến cửa cung vua khấu đầu xin tội cho những kẻ kia. Vua nói:

– Điều ấy trái với phép nước.

Tiên Thán lại xin một lần nữa:

– Người ngu thấy biết luôn sai trái, chưa đủ sáng suốt, xin tha cho sự không hiểu biết của họ.

Nhà vua khen đức nhân từ bao trùm của Tiên Thán, tha tội dữ cho đám lái buôn kia, ra lệnh trả lại vật báu đã lấy. Đám người buôn đều nói:

– Nếu Tiên Thán không thờ Phật thì đâu có lòng nhân từ như vậy.

Đám kia đều lựa các châu báu để hoàn trả cho ông ấy. Tiên Thán chỉ nhận của mỗi người một nữa. Những người buôn ấy đều cúi thưa:

– Chịu ân ngài cứu mạng, xin thâu nạp hết cho!

Tiên Thán nhận lấy của ấy đem vàng trả lại cho vua, lại tiếp tục bố thí lớn hơn nữa. Vua và thần dân cùng nhau xin thọ giới. Con hiếu, tôi trung, trời thần phò hộ, nước giàu, dân an, bốn cõi chịu ân đức, không ai là không khen tốt đẹp.

Đức Phật nói:

– Tiên Thán lúc đó chính là thân Ta.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

9- Xưa, có vị Bồ-tát sinh vào gia đình giàu sang. Vừa ra đời đã nói:

– Chúng sinh muôn vàn tai họa, ta phải cứu giúp. Họ chẳng thấy bóng Phật, chẳng được nghe pháp sáng, ta phải mở tai mắt, dứt trừ đui điếc cho họ, khiến họ nghe thấy được giáo pháp Chánh chân vô thượng, là vua của các Thánh, là cội nguồn của pháp tắc rõ ràng, dẫn dắt tinh tấn bố thí, không ai là không phục tùng.

Họ hàng kinh hãi, bảo:

– Xưa nay chưa từng nghe trẻ con nói những lời như thế. Đây chắc là sự linh ứng của Trời, Rồng, Quỉ thần chăng? Cần bói thử xem sao?

Đứa bé liền đáp lời người thân:

– Tôi từ chỗ bậc Thượng thánh hóa ra, tự nhiên thấu suốt khắp chứ không phải là hàng yêu quỉ, hãy yên tâm, chớ nghi ngờ.

Nói rồi liền lặng yên. Cha mẹ nói:

– Con có chí lớn rộng khắp trời đất, sẽ là hạng khác thường chăng?

Bèn đặt tên cho con là Phổ Thí. Mới lên mười tuổi, mà các kinh điển Phật giáo, mọi học thuật thế gian, không gì là không thông suốt, liền từ giã cha mẹ đi cứu giúp mọi người, bố thí cho những kẻ nghèo cùng. Cha mẹ nói:

– Nhà ta có tiếng là rất giàu, con cứ mặc sức mà bố thí cho kẻ nghèo thiếu.

Phổ Thí đáp:

– Không đủ đâu! Con xin làm Sa-môn, cho con đủ y bát, tích trượng, để làm công việc cứu độ muôn người, đó là ý nguyện của cả đời con.

Cha mẹ nhớ lại lời thề của con khi mới sinh, nên không ngăn cản, từ chối. Họ liền theo ý nguyện, cho con làm Sa-môn, đi khắp chốn giáo hóa.

Qua một nước lớn, nước ấy có một nhà giàu, cũng thông hiểu sách vở, thấy Phổ Thí cung cách đàng hoàng, dung mạo đẹp đẽ, tánh tình chững chạc, sạch như vàng trời, có dáng dấp của bậc Thượng thánh, sẽ làm bậc anh hùng ở đời, nên gọi Phổ Thí, bảo:

– Muốn gì thì xin cứ nói, ta sẽ làm vừa lòng Thánh nhân. Ta có đứa con gái hèn, xin đem cho ngài sai khiến.

Phổ Thí đáp:

– Rất tốt. Nhưng phải đợi tôi trở về.

Phổ Thí liền lên đường đến ven biển, rồi ngồi thuyền qua biển, lên bờ vào núi, đến chỗ không người ở. Từ xa trông thấy một tòa thành bằng bạc, cung điện sáng đẹp, có một con rắn độc quấn quanh thành bảy vòng, thân lớn trăm khoanh, thấy Phổ Thí đến thì cất cao đầu lên. Phổ Thí nghĩ: "Đây là loài có độc ắt có tâm hại, ta phải khởi lên lòng Từ bao la để diệt độc ấy. Hung ác là lửa, từ bi là nước, dùng nước diệt lửa thì sao không được." Bèn ngồi nhập định, khởi lên lòng Từ, nguyện cho chúng sinh sớm lìa tám nạn, lòng bỏ niệm ác, gặp Phật, thấy pháp, cùng với Sa-môn hội ngộ, được nghe đạo sáng Chánh chân vô thượng, lòng mở, diệt như chỗ thấy biết của ta. Khi khởi tâm Từ do pháp định ấy thì độc nơi rắn liền diệt, nên nó cúi đầu xuống mà ngủ. Phổ Thí bước lên đầu rắn vào thành. Trong thành có một vị Thiên thần, thấy Phổ Thí đến thì vui mừng, nói:

– Từ lâu vốn cảm phục Thánh đức, nay ngài đã cung dụng đến đây, thật hợp với bản tâm của tôi. Xin lưu lại một thời gian chín mươi ngày.

Phổ Thí nhận lời. Vua trời liền đem việc triều chính giao phó cho cận thần, tự mình dâng hầu các thức ăn uống, sớm tối vâng giữ, tu tập các hạnh cao của chư Phật về vô thường, khổ, không, vô ngã là các pháp sáng để cứu độ chúng sinh. Thời hạn cúng dường đã mãn, Phổ Thí lên đường, Thiên vương đem một viên ngọc báu minh nguyệt tặng rồi tiễn chân, nói:

– Đem viên ngọc báu này theo mình thì tỏa sáng bốn mươi dặm, như lòng khởi cầu mong gì thì các báu hiện ra đầy đủ. Nếu sau này ngài thành Phật thì tôi xin được làm đệ tử thân cận hầu hạ.

Phổ Thí đáp:

– Được.

Phổ Thí lại đi về phía trước, thấy một tòa thành bằng vàng, trang hoàng đẹp đẽ hơn hẳn thành bạc. Lại có con rắn độc quấn quanh thành mười bốn vòng, thân lớn gấp đôi con trước, đầu cất cao mấy trượng. Phổ Thí lại tư duy với pháp định thể hiện lòng Từ rộng lớn, độc của rắn liền tiêu nên rũ đầu xuống ngủ, Phổ Thí bước qua mình nó, vào thành. Trong thành ấy có vị Thiên nhân, thấy Phổ Thí đến thì mừng rỡ, nói:

– Từ lâu vốn mến phục bậc Thánh linh, nay ngài đã đến là rất tốt! Xin ở lại đây hai thời một trăm tám mươi ngày, tôi nguyện tận tình cúng dường, chỉ xin lưu lại uy thần.

Phổ Thí liền nhận lời ở lại, vì vị Thiên nhân ấy thuyết giảng đạo pháp về hạnh sáng vô thượng. Đủ một trăm tám mươi ngày từ giã ra đi. Vị Thiên nhân ấy lại dùng viên ngọc thần tiễn đưa. Ngọc chiếu sáng tám mươi dặm, chí vừa mong cầu thì các báu sẽ hiện đầy. Thiên nhân nói:

– Nếu ngài đắc đạo, tôi nguyện làm đệ tử có thần túc vô thượng.

Nhận viên ngọc thần xong, Phổ Thí lại lên đường, trông thấy một thành bằng lưu ly, rực rỡ hơn thành trước. Lại có con rắn độc, thân rất lớn, quấn quanh thành hai mươi mốt vòng, ngẩng đầu trừng mắt canh cửa thành ấy. Phổ Thí lại ngồi xuống, nhập định, tư duy sâu rộng về lòng Từ trùm khắp, thề tế độ chúng sinh. Rắn tiêu nọc độc, rũ đầu nằm yên, Phổ Thí lại bước qua nó mà vào. Trong thành có vị trời vui mừng tiếp đón như trước, thỉnh lưu lại ba thời, xin hết lòng cúng dường, đúng theo sở nguyện. Hạn kỳ hết, lại từ giã lên đường, cũng tiễn đưa bằng một viên ngọc thần chiếu sáng đến một trăm sáu mươi dặm. Ngọc ở đâu thì các loại báu sẽ hiện đầy cả trong vùng ánh sáng ấy theo ý mình muốn, không cầu gì mà không được. Vị trời cũng xin rằng:

– Nếu ngài đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tôi xin làm đệ tử có trí tuệ sáng suốt hơn hết.

Phổ Thí đáp:

– Chắc chắn sẽ thỏa nguyện của ông.

Phổ Thí được ngọc báu rồi, nói:

– Chừng ấy là đủ để cứu giúp mọi sự khốn khó của chúng sinh!

Bèn lên đường trở về chốn cũ. Các Thần rồng ở biển cùng nhau bàn rằng:

– Biển lớn của chúng ta chỉ cần ba viên ngọc thần diệu ấy làm cho chúng ta vinh hoa, nay đạo sĩ kia đã được cả, thì chúng ta lấy gì để được giàu sang? Thà mất hết các thứ của báu khác chứ không thể để mất ba viên ngọc báu ấy.

Thần biển hóa làm người phàm, chận đường Phổ Thí nói:

– Tôi nghe ngài có được của báu nhất trên đời, có thể cho xem được chăng?

Phổ Thí vừa bày ngọc ra, Thần biển liền đập vào đầu Phổ Thí để đoạt số ngọc ấy. Phổ Thí nghĩ: "Ta trải qua hiểm nguy, vượt qua biển lớn mới có được ngọc báu ấy, muốn đem nó để cứu giúp mọi sự khốn khó của chúng sinh. Ngờ đâu lại bị vị thần này xem thấy mà đoạt mất". Nghĩ xong liền bảo:

– Ngươi trả ngọc báu lại cho ta, nếu không ta sẽ làm cạn biển của ngươi đấy!

Thần biển đáp:

– Ngươi nói khoác lác gì thế? Đây là biển lớn, sâu rộng khó lường, ai có thể làm khô cạn được? Mặt trời có thể rơi rụng, gió bão có thể dừng lại, còn biển thì dễ gì làm cho cạn kiệt, cũng như hư không khó có thể hư hoại được!

Phổ Thí nói:

– Xưa kia, trước Đức Phật Định Quang ta đã phát nguyện đạt được đạo lực lật úp các biển, tay nâng Tu-di lên, lay động đất trời, chuyển dời các cõi. Đức Phật theo ý muốn ấy, cho ta đạt được như nguyện. Nay ta đã được đạo lực đó rồi, còn người chỉ có sức tà như tơ tóc các loài yêu quỉ, làm sao có thể ngăn cản được sức mạnh chân chánh của ta.

Liền nói kinh:

– Ta từ vô số kiếp đến nay, uống dòng sữa mẹ, nước mắt khóc, máu chảy thân chết, biển đã không nhận, ân ái khó tuyệt, sinh tử khó dừng. Ta vẫn muốn dứt tuyệt gốc ân ái, ngừng hẳn thần sinh tử. Đời nay tháo gỡ không dứt thì đời đời xin tháo gỡ.

Liền đứng thế hai chân bằng nhau, tháo bầu nước biển mà quăng ra ngoài núi Thiết vi.

Bấy giờ có vị trời tên Biến Tịnh, từ xa nghe được lời thâm diệu ấy, nên tự nghĩ: "Xưa kia, trước Đức Phật Định Quang, ta từng nghe người này có được chí nguyện ấy, ắt sẽ làm Bậc Thế Tôn tế độ tất cả chúng sinh". Vị trời ấy liền xuống trợ lực, giúp tháo bầu nước, nước mười phần mất hết tám. Thần biển hối hận, sợ hãi nói:

– Ôi, người này là ai mà linh ứng vô biên như vậy? Nước ở đây mà hết thì chỗ ở của chúng ta sẽ không còn!

Liền đem hết mọi vật báu nơi các kho tàng trao cho Phổ Thí. Phổ Thí không nhận, nói:

– Ta chỉ muốn nhận lại ngọc báu thôi.

Các thần biển trả lại ngọc báu. Phổ Thí thì trả lại nước, rồi đi khắp đất nước mình, tìm đường để bố thí. Những nước Phổ Thí đi qua thì dân nước ấy không còn nghèo nữa. Tất cả các nước, không nước nào là không cải cách thay đổi, đều lấy năm giới, mười điều thiện làm chính sách trị nước của quốc gia, mở ngục đại xá. Ân đức thấm khắp chúng sinh, Ngài bèn đạt được quả vị Phật-đà.

Đức Phật bảo các Sa-môn:

– Phổ Thí chính là thân Ta, người cha là vua Bạch Tịnh, người mẹ nay là Diệu Xá mẹ ta, vị nữ đại sĩ là Câu-di, vị trời trong thành bạc nay là A-nan, vị trời trong thành vàng nay là Mục-kiền-liên, vị trời trong thành lưu ly nay là Xá-lợi-phất.

Bồ-tát nhiều kiếp siêng năng, thực hành bốn ân, thệ nguyện cầu thành Phật để cứu vớt chúng sinh.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

10- Xưa, Bồ-tát làm đại quốc vương tên là Trường Thọ, thái tử tên là Trường Sinh. Vua ấy nhân từ, luôn mang lòng thương xót chúng sinh, thệ nguyện tế độ, tinh tấn không hề biết mệt mỏi. Dao gậy không dùng đến, thần dân không oán thán, gió mưa thời tiết thuận hòa, lúa quý dồi dào.

Tiểu vương nước bên cạnh tánh nết bạo ngược, phép nước tham tàn nên dân nghèo nước rỗng. Vua nước đó gọi quần thần, bảo:

– Ta nghe vua Trường Thọ, nước ấy giàu có, cách đây không xa, luôn có lòng nhân nên không giết hại, không có quân đội phòng bị, ta muốn chiếm lấy nước đó, nên chăng?

Quần thần tâu:

– Nên.

Vua ấy liền khởi binh kéo đến biên giới nước lớn. Quan giữ cửa ải vội dâng biểu tâu rõ tình trạng xin sớm tìm cách phòng bị. Vua Trường Thọ bèn họp quần thần, bảo:

– Vua kia đến đây chỉ vì tham nước ta dân đông, nhiều của báu. Nếu cùng giao tranh với họ thì ắt hại mạng muôn dân. Vì lợi mình mà tàn hại dân, tham lam mà bất nhân, việc ấy ta không làm.

Quần thần đều tâu:

– Chúng thần từ lâu đã học tập quân mưu, binh pháp, xin được đem binh đánh diệt bọn ấy, không nhọc thánh quân phải lo nghĩ.

Vua Trường Thọ nói:

– Ta thắng thì chúng chết, ta thua thì ta tiêu tan! Binh lính của họ, nhân dân của ta đều do trời sinh dưỡng. Trọng thân, tiếc mạng, ai mà chẳng vậy. Nhưng để toàn thân mình, mà hại muôn dân thì người hiền không làm.

Quần thần đều đứng ra nói với nhau:

– Đây là bậc vua trời nhân đức, không thể để mất nước, phải cùng nhau tự điểm binh mã đem ra chống giặc.

Vua Trường Thọ biết được việc ấy nên gọi thái tử bảo:

– Vua kia tham nước ta, ôm lòng độc dữ đến đấy, quần thần vì thân ta chỉ một người mà muốn hại mạng muôn dân. Nay ta giao nước để bảo toàn mạng sống cho dân trời, nghĩa ấy nên chăng?

Thái tử tâu:

– Dạ vâng.

Rồi cha con vượt thành ra đi, cải đổi tên họ, ẩn cư nơi núi rừng, đồng vắng. Tên vua tham lam kia nhờ vậy mới vào được nước ấy. Quần thần và dân chúng mất vua cũ của mình như người con hiếu mất song thân, thương thảm, lăn lộn, nhà nào cũng vậy. Vua tham treo thưởng để bắt vua cũ là vàng ròng ngàn cân, tiền ngàn vạn quan. Vua Trường Thọ ra đi, ngồi thiền định bên gốc cây ven đường, thương xót chúng sinh, sống chết, cực khổ, không thấy vô thường, khổ, không, vô ngã, vì bị tham dục mê hoặc, khổ kia thật vô số.

Có vị Phạm-chí ở nước xa xôi, nghe vua Trường Thọ ưa bố thí, cứu giúp mạng sống của chúng sinh, từ xa tìm đến cũng dừng nghỉ bên gốc cây này. Cả hai hỏi thăm nhau, mỗi người kể lể đầu đuôi hoàn cảnh của mình. Vị Phạm-chí cả kinh nói:

– Thiên vương vì sao đến nông nỗi này?

Rồi rơi nước mắt, tự than thở:

– Những năm tàn của đời tôi không còn mấy nữa, nên tôi định đến xin ngài tiếp sức cho cái mạng thừa này, nhưng đại vương đã mất nước thì mạng tôi cũng cùng rồi.

Nói xong liền than khóc.

Nhà vua nói:

– Ông nghèo khó, từ xa tìm đến, lại gặp lúc ta mất nước, không lấy gì giúp ông được, thật chẳng đau xót lắm sao!

Rồi gạt nước mắt nói tiếp:

– Ta nghe vua mới đang treo giá bắt ta rất hậu, vậy ông hãy lấy đầu ta đem đến đó có thể được trọng thưởng.

Phạm-chí thưa:

– Không thể làm vậy được! Từ xa tôi đã cảm phục thiên vương là người nhân từ, luôn cứu giúp chúng sinh, đức nhuần thấm ngang trời đất, nên đã bỏ đất nước đến đây mong nhờ cứu mạng. Nay vua bảo tôi chém đầu ngài, tôi đâu dám vâng lệnh.

Nhà vua nói:

– Thân này là đồ mục nát, há dám giữ mãi được sao! Phàm có sinh thì có tử, có ai trường tồn được! Nếu ông không lấy rốt cuộc nó cũng thành tro bụi mà thôi.

Phạm-chí tâu:

– Ân huệ của thiên vương thật đã tỏa rộng khắp, nhân đức như trời, ắt muốn tự hại thân mình để cứu giúp kẻ thấp hèn. Xin ngài buông tay cho tôi dắt đi.

Vua liền đưa tay đi theo. Đến cửa thành cũ, vua bảo Phạm-chí trói mình lại nạp lên vua tham kia. Người trong nước thấy vua thì thương xót, gào khóc vang động khắp chốn. Người Phạm-chí nhận thưởng. Vua tham kia ra lệnh đem vua Trường Thọ đến ngã tư đường thiêu sống. Quần thần đều tâu:

– Vua cũ của chúng thần rốt cuộc phải chết, xin được làm một mâm cỗ nhỏ để tiễn đưa linh hồn người.

Vua tham nói:

– Được.

Bá quan cùng dân chúng thương xót kéo ra đầy đường, vật vã cùng

nhau gào khóc kêu trời. Thái tử Trường Sinh giả làm người bán củi tới đứng trước mặt cha. Vua thấy con thì ngửa mặt lên trời nói:

– Nếu trái lời dặn dò sau cùng của cha, chất chứa hung độc, lòng mang oán nặng thì chuốc lấy họa đến muôn đời, không phải là người con hiếu. Bốn tâm vô lượng của chư Phật thấm nhuần rộng khắp, đức phủ cả trời đất. Ta vì theo đạo mà tự giết thân mình để cứu giúp chúng sinh, còn sợ là không tròn chút hạnh của đạo hiếu, huống lại làm chuyện ngỗ ngược báo thù sao? Không bỏ lời ta dạy mới gọi là hiếu vậy.

Thái tử không nỡ nhìn phụ thân chết nên trở về núi sâu.

Nhà vua mạng chung, thái tử khóc thương, máu lệ tràn miệng nói:

– Vua cha của ta tuy lúc lâm chung đã có lời dạy ta hết mực nhân từ, nhưng chắc ta phải trái lời dạy đó, phải diệt trừ loài thú dữ độc hại kia.

Thái tử bèn rời khỏi núi tìm chỗ thuê mướn mình và làm người trồng rau cho một vị quan. Vị quan này một hôm, ngẫu nhiên đi dạo vườn thấy rau tốt tươi, nên hỏi sự tình. Người giữ vườn đáp:

– Nhờ thuê được một người giỏi về làm vườn.

Vị quan gọi người làm vườn đến hỏi:

– Ngươi còn có khả năng gì nữa?

Đáp:

– Khéo cả trăm nghề, tôi đều đứng đầu.

Vị quan mời vua tham kia đến, bảo anh ta nấu ăn dâng lên, còn giỏi hơn cả đám quan lo việc nấu ăn cho vua. Vua hỏi:

– Món ăn này do ai làm vậy?

Vị quan liền đem hoàn cảnh hiện tại thưa lên. Vua tham bèn nhận anh ta về làm quan coi về bếp núc của vua mỗi việc đều thuận hợp. Dần dần thái tử Trường Sinh được vua tham cất nhắc lên làm cận thần, bảo:

– Con của vua Trường Thọ là kẻ trọng thù với ta, nay ta dùng ngươi làm quan cận vệ.

Thái tử đáp:

– Thưa vâng.

Một hôm, vua tham hỏi thái tử Trường Sinh:

– Ngươi thích đi săn không?

Đáp:

– Thần rất thích!

Vua tham liền tổ chức đi săn. Vì giục ngựa đuổi theo con mồi nên

vua lạc mất mọi người, chỉ còn lại Trường Sinh bên mình. Họ ở trong núi đến ba ngày, đói khát, khốn đốn, vua tham bèn tháo kiếm trao cho Trường Sinh, rồi gối đầu lên đùi thái tử mà ngủ. Trường Sinh nói:

– Nay ta đã được ngươi mà không giết ư?

Bèn rút kiếm muốn chém đầu vua ham, chợt nhớ đến lời cha dặn: "Trái lời dạy của cha là bất hiếu", nên dừng lại, cất kiếm. Vua tham tỉnh giấc nói:

– Ta vừa mơ thấy Trường Sinh muốn chém đầu ta. Phải làm sao đây?

Thái tử đáp:

– Núi có quỉ dữ, vui thích việc nung nấu, nhưng có thần làm thị vệ, còn lo sợ gì nữa?

Vua tham lại ngủ tiếp. Sự việc như trên lại diễn đến lần thứ ba, thái tử liền ném kiếm, nói:

– Ta vì cha ta nhân từ mà tha mạng cho ngươi đó!

Vua tham lại tỉnh giấc, nói:

– Ta mơ thấy thái tử Trường Sinh đã tha mạng cho ta rồi!

Thái tử nói:

– Trường Sinh chính là tôi đây! Nhớ cha nên đã theo đuổi kẻ thù đến hôm nay! Cha tôi đến lúc chết mà miệng vẫn còn dạy tôi lời nhân từ, khiến ta tuân theo đạo lý nhẫn nhục, đem thiện trả ác của chư Phật. Nhưng tâm tánh tôi ngu muội, muốn đem hai thứ độc ấy để lẫn vào nhau, ba lần nghĩ tới lời dạy của cha thì ba lần buông kiếm. Vậy xin đại vương mau giết tôi đi để trừ hậu hoạn. Thân chết, hồn lìa, thì ý ác không còn sinh nữa.

Vua tham hối lỗi, nói:

– Ta làm chuyện bạo ngược không phân biệt thiện ác, Tiên vương của ngươi hạnh cao thuần đủ, mất nước chứ không mất hạnh, đáng gọi là bậc Thượng thánh. Con mà bảo tồn được hạnh của cha, đáng gọi là hiếu! Còn ta là giống sài lang, tàn hại sinh linh để được no đủ. Nay mạng sống của ta ở trong tay ngươi, mà ngươi tha cho không giết, sau này há dám làm trái đạo nữa sao! Giờ ta muốn trở về nước mình thì phải đi theo đường nào?

Trường Sinh đáp:

– Việc lạc đường này là do tôi sắp đặt.

Rồi thái tử đưa vua ra khỏi rừng, gặp lại các quan. Vua hỏi các quan:

– Các ông có biết thái tử Trường Sinh chăng?

Họ đều đáp:

– Thưa không biết.

Vua nói:

– Người này là thái tử Trường Sinh, nay sẽ trở về nước, còn ta sẽ trở lại nước cũ của mình. Từ nay xin kết làm anh em, họa phúc có nhau.

Ngày lập thái tử Trường Sinh lên làm vua, cả nước vừa vui vừa buồn, ai ai cũng đến chúc tụng. Vua tham trở về nước mình, nối lại việc triều cống như xưa, đất nước từ đấy được giàu mạnh, an ổn.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

– Vua Trường Thọ thời đó chính là thân Ta, thái tử là A-nan, vua tham là Điều-đạt. Điều-đạt đời đời luôn có ý ác đối với Ta, Ta vẫn luôn cứu độ ông ấy. A-nan và Điều-đạt vốn tự không có oán thù nên chẳng hại lẫn nhau. Ta đời đời nhẫn những điều không thể nhẫn, chế ngự tâm ý, lập hạnh, nên nay được thành Phật, được ba cõi tôn kính.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

□

KINH LỤC ĐỘ TẬP

QUYỂN 2

Chương I: BỐ THÍ ĐỘ VÔ CỰC (tt)

11- Kinh vua Ba-da.

Xưa, vua nước Ba-la-nại tên là Ba-da, dùng nhân từ trị nước, bỏ binh đao, dẹp roi gậy, hủy nhà tù, ngoài đường không tiếng than trách muôn dân an cư, nước mạnh, dân giàu, chư Thiên khen ngợi đức nhân từ ấy. Thành của vua rộng dài bốn trăm dặm, chu vi một ngàn sáu trăm dặm. Hàng ngày, người trong thành ăn uống vua đều cho họ theo ý muốn. Vua nước láng giềng biết nước này giàu có, tai nạn đều dứt bèn cùng quần thần bàn mưu:

– Nước kia thịnh vượng, dân chúng giàu có an vui, ta muốn chiếm lấy nước đó, nếu ta đến ắt thắng.

Các quan đều tâu:

– Xin vui theo ý vua.

Tức thì khởi binh kéo đến đất nước nhân từ. Quần thần nước nhân từ tâu lên vua muốn xuất quân cự địch. Vị vua nhân từ bùi ngùi nói:

– Vì thân của ta một mình ta, mà giết hại thân mạng hàng triệu dân. Vì yêu chỉ một mạng người của ta, mà hại thân mạng hàng triệu dân. Một miệng ngày hai bữa ăn, một thân mặc vài bộ quần áo, có gì phải tranh giành, để bỏ đi cái đức của trời xuân, giữ lấy sự tàn tệ của loài lang sói! Ta thà bỏ mạng sống một đời, chứ quyết không bỏ chí nguyện lớn, quên mình để quần sinh được an ổn, đó là nhân đức trùm cả trời đất.

Bèn lệnh cho các bề tôi:

– Thôi các khanh hãy trở về, sáng mai rồi hãy bàn!

Đêm đến, nhà vua vượt thành trốn đi xa, vào tận trong núi, ngồi cạnh gốc cây. Có vị Phạm-chí, tuổi độ sáu mươi đến hỏi vua:

– Vua nước nhân từ kia có được muôn phước an lành không?

Vua đáp:

– Vua ấy đã chết rồi.

Vị Phạm-chí nghe nói thế liền ngã lăn xuống đất khóc thương.

Nhà vua hỏi ông:

– Sao ông quá bi ai vậy?

Phạm thưa:

– Tôi nghe vị vua ấy nhân đức thấm khắp muôn loài như Đế Thích, nên vội tìm đến để nương thân. Nay vua ấy đã chết, thân già tôi thật đã cùng đường!

Nhà vua nói:

– Vị vua nhân từ kia chính là ta đây. Vua nước láng giềng biết nước ta giàu có thịnh vượng, dân chúng đông đúc nhiều của báu, đã lệnh cho võ sĩ: "Ai lấy được đầu ta thì sẽ được thưởng tôi tớ nam nữ mỗi loại một ngàn người, ngựa một ngàn con, bò một ngàn con, vàng bạc mỗi thứ một ngàn cân". Nay ông hãy lấy đầu ta, đem mũ vàng, kiếm báu để làm chứng, đến chỗ vua đó, sẽ được thưởng nhiều, có thể lấy những thứ ấy làm của truyền đời, lòng ta hoàn toàn thanh thản.

Phạm-chí đáp:

– Bất nhân trái đạo, thà chết chứ không làm!

Vua nói:

– Ông già rồi, nhờ cậy nơi ta để sống, mà ta nỡ để ông cùng khốn sao? Ta nay tự lấy đầu cho ông, để ông không có tội.

Rồi vua đứng dậy, cúi đầu lễ mười phương, rơi nước mắt thề rằng:

– Quần sinh ai bị nguy khổ, ta sẽ đem an vui lại cho họ. Kẻ bỏ chân theo tà, ta sẽ khiến họ quy mạng Tam bảo. Nay dùng đầu này để cứu ông khỏi sự nghèo khốn, nên ông không có tội.

Rồi vua tự rút kiếm hủy mình để cứu nạn cho kẻ ấy. Phạm-chí đem đầu, mũ, kiếm của vua đến chỗ vua kia. Vua hỏi các cựu thần:

– Vua nhân từ sức mạnh địch cả ngàn người, mà lại bị ông này bắt được sao?

Các cựu thần cúi đầu lăn ra đất khóc than đau đớn, không thể trả lời được. Vua lại hỏi Phạm-chí. Phạm-chí tâu rõ gốc ngọn sự việc. Hàng triệu dân đổ xô ra đường kêu khóc, có người gào đến thổ huyết, có người chết sững. Từ vị vua ác kia cho tới quần thần, võ sĩ... lớn, nhỏ, không ai là không nghẹn ngào. Vua ác ngửa mặt lên trời than dài:

– Ta thật vô đạo, đã tàn hại một bậc nhân từ như trời!

Bèn lấy thi thể và đầu vị vua nhân từ gắn liền lại, dùng vàng dát mỏng phủ lên thân, đặt thân ấy ngồi trên điện, làm vua ba mươi hai năm, sau mới

lập con vua đó lên kế vị. Nước láng giềng không ai là không thương người con ấy. Vị vua nhân từ chết rồi được sinh lên cõi trời.

Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vị vua nhân từ ấy là thân Ta, vua nước láng giềng là Mục-kiền-liên, quần thần nước đó nay là các Tỳ-kheo.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

12- Kinh vua nước Ba-la-nại.

Xưa kia, thái tử của vua nước Ba-la-nại, tên là Ca-lan, có hai anh em. Khi vua cha qua đời, anh em nhường cho nhau, không chịu lên ngôi. Người anh đem vợ trốn vào trong núi học đạo, đến ngụ bên bờ sông.

Bấy giờ, ở nước khác có một tội phạm, theo phép nước bị chặt cả tay chân, cắt tai mũi, bỏ bè trôi sông. Tội nhân kêu trời kể lể. Đạo sĩ nghe tiếng kêu thảm thiết, động lòng thương cảm, nghĩ:

– Ôi! Người ấy là ai mà khốn khổ đến thế! Phàm người có tâm Từ bao la là quên mình nguy khốn để cứu ách nạn cho muôn loài, đó chính là sự nghiệp của bậc Đại sĩ.

Liền lao mình xuống nước, rẽ sóng, lướt dòng, kéo bè vô bờ, rồi cõng anh ta về chỗ ở, hết lòng chăm sóc, thương tật khỏi dần, tánh mạng được an toàn, suốt bốn năm trời thương nuôi không mệt mỏi. Người vợ dâm đãng không ngần ngại tư thông với tội nhân, âm mưu giết chồng. Người vợ kia bảo:

– Ngươi giết hắn đi, để ta cùng ngươi chung sống với nhau.

Tội nhân nói:

– Ông ấy là người hiền, cớ sao giết đi?

Người vợ lại nói như lần trước. Tội nhân nói:

– Tôi không còn tay chân, không thể giết được.

Người vợ nói:

– Ông cứ ngồi đó, tự ta có kế vậy.

Bèn giả đau đầu, bảo chồng:

– Đây chắc là do thần núi làm ra, thiếp muốn giải trừ. Sáng mai, thiếp theo chàng cùng đi cầu phúc.

Chồng nói:

– Rất tốt.

Rạng ngày vợ chồng liền lên sườn núi cao đến bốn mươi dặm, ba mặt vách núi dựng đứng, nhìn thấy đã sợ rồi. Người vợ nói với chồng:

– Theo đúng phép, chàng phải đứng hướng về phía mặt trời, để tự thiếp cúng lễ.

Người chồng liền hướng theo phía mặt trời. Người vợ giả vờ đi quanh vài vòng, rồi thình lình xô chồng rơi xuống núi. Nhưng nhờ lưng chừng núi có cây nhô ra, lá cây rậm rạp lại mềm mại, đạo sĩ chụp lấy cành dừng lại được. Trái cây ấy ngon ngọt, ăn vào thì toàn mạng. Cạnh cây có một con rùa, hàng ngày cũng đến ăn trái cây, thấy trên cây có người, nên sợ chẳng dám đến. Nhịn đói đã năm ngày, rùa bèn liều tới tìm trái cây, cả hai không hại nhau nên trở thành gần gũi. Một hôm, đạo sĩ nhảy cỡi lên lưng rùa, rùa hoảng kinh phóng đại xuống đất. Nhờ Thiên thần nâng đỡ, nên cả hai không hề hấn gì. Nhân đó, đạo sĩ trở về nước cũ. Người em đem đất nước nhường lại cho anh. Người anh lấy lòng độ lượng rộng lớn của mình thương khắp, cứu giúp quần sinh, làm vua cai trị nước ấy. Cứ sáng ngày ra là bố thí, trong vòng bốn trăm dặm, người, ngựa, xe, cộ, các vật báu, đồ ăn thức uống... mọi người tự do lấy mà dùng. Đông, Tây, Nam, Bắc vua đều ban ân huệ, nuôi dưỡng như vậy. Công ân, tiếng tốt vang khắp nơi, mười phương đều ca ngợi đức độ của vua.

Người vợ, tưởng chồng đã chết, người trong nước không ai biết mình, nên cõng người chồng tàn tật về nước, rồi tự giải bày về hoàn cảnh cưới nhau, gặp lúc đời suy loạn, thân lại tàn phế, nghe thiên vương từ bi thi ân nên đến xin được cứu giúp. Người trong nước khen bà như vậy nên mách rằng:

– Thiên vương lòng Từ ban khắp, nuôi dưỡng hết quần sinh, sáng mai ngài sẽ ra cửa thành đông bố thí, ngươi đến đó mà đón xin. Quý trọng hạnh tốt của ngươi, ắt ngài sẽ cho ngươi nhiều đấy.

Rạng ngày, chúng theo vua xin ăn. Nhà vua ngầm biết đó là vợ mình, nên nói hết đầu đuôi sự việc về người vợ ấy cho quần thần nghe. Một vị quan tâu:

– Phải thiêu sống người đó đi.

Một vị khác thưa:

– Phải chém đi.

Vị quan chấp pháp tâu:

– Phàm gây tội, không gì lớn hơn là bỏ chánh theo tà, làm những điều bội nghịch. Vậy phải đem người đàn ông hung dữ đóng đinh lên lưng người

đàn bà độc ác, để chúng cõng nhau mãi mãi.

Quần thần đều nói:

– Phải đấy! Hãy cho chúng theo chỗ chúng thích, để làm rõ việc giữ đúng pháp.

Nhà vua đem mười điều thiện giáo hóa muôn dân, mọi người đều vui mừng đón nhận. Nhà vua cùng thần dân sau khi chết đều sinh lên cõi trời, còn vợ chồng tội nhân kia sau khi chết bị đọa vào địa ngục.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vị vua ấy là thân Ta, tội nhân là Điều-đạt, người vợ là con gái của Hoài Vu.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

13- Kinh Vua Tát-hòa-đàn.

Xưa có vị quốc vương hiệu là Tát-hòa-đàn, có nghĩa là Bố thí khắp tất cả. Ai có điều cầu xin đều không trái ý. Do bố thí như thế nên tên tuổi vua ấy vang khắp tám phương, không ai là không nghe biết.

Bấy giờ đức Văn-thù-sư-lợi muốn đến xem thử, nên hóa làm một người Bà-la-môn trẻ tuổi, từ nước khác đến thẳng cửa vương cung, nói với quan giữ cửa:

– Tôi từ xa đến muốn được yết kiến đại vương.

Khi nghe quan giữ cửa tâu như vậy, nhà vua rất vui mừng, liền ra tiếp đón như con gặp cha, trước là chào hỏi, mời ngồi, rồi thưa:

– Đạo nhân từ đâu lại, trên đường lặn lội đến đây có được khỏe không?

Bà-la-môn nói:

– Tôi ở nước khác, nghe công đức của vua nên đến để được gặp, nay muốn xin của cải.

Nhà vua nói:

– Tốt lắm! Muốn xin gì là được ngay, chớ có ngần ngại! Tên ta gọi là Bố thí tất cả. Vậy ngài muốn xin những vật gì?

Vị Bà-la-môn nói:

– Tôi không xin vật gì khác, chỉ muốn được thân vua làm đầy tớ trai cho tôi và vợ vua thì làm tớ gái cho tôi. Nếu được như thế thì nhà vua đi theo tôi.

Nhà vua rất vui mừng, đáp:

– Tốt lắm! Nay thân ta thì ta tự định được, nguyện đem thân này giao cho đạo nhân sai khiến. Còn vợ ta vốn là con gái của một vị đại quốc vương, phải đến hỏi ý kiến xem sao.

Nhà vua liền vào nói với phu nhân:

– Nay có vị đạo nhân, tuổi trẻ, đoan chánh, từ phương xa đến, muốn xin thân ta về làm tớ trai, nay lại muốn xin luôn khanh về làm tớ gái, ý khanh thế nào?

Phu nhân hỏi:

– Nhà vua đã trả lời ra làm sao?

Vua nói:

– Ta đã hứa làm tớ trai cho ông ấy rồi, nhưng chưa hứa cho khanh.

Phu nhân nói:

– Vua vì được việc cho riêng mình mà muốn bỏ nhau, không nghĩ đến việc độ cho thiếp.

Rồi phu nhân theo vua ra thưa với đạo nhân:

– Nguyện được đem thân này dâng cho đạo nhân sai khiến.

Vị Bà-la-môn lại nói với vua:

– Vua đã xét kỹ chưa? Bây giờ ta muốn đi đây.

Vua thưa với đạo nhân:

– Tôi bình sinh bố thí chưa từng hối hận, xin theo đạo nhân.

Bà-la-môn nói:

– Các vị theo ta đều phải đi chân đất, không được mang giầy, đúng theo phép tôi tớ, không được che giấu.

Nhà vua và phu nhân đều nói:

– Thưa vâng! Xin theo lời đại gia dạy bảo, không dám trái lệnh.

Bấy giờ, vị Bà-la-môn liền dẫn hai nô tỳ băng đường mà đi. Đức Văn-thù-sư-lợi liền hóa ra người khác, thay cho vua Tát-hòa-đàn và phu nhân ở lại lo việc nước, khiến ở đó mọi việc như cũ. Phu nhân của vua vốn là con gái của một đại quốc vương, đoan chánh vô song, tay yếu chân mềm, sinh trưởng ở chốn thâm cung, không hề cực khổ, thân lại mang thai mấy tháng, bà gắng đi bộ theo đại gia, toàn thân đau đớn, chân cẳng bị thương, không thể tiến lên trước, đành mệt nhọc lê bước theo sau. Vị Bà-la-môn ngoảnh lại mắng:

– Ngươi là tớ gái phải theo phép tớ gái, không thể có thái độ như ngày trước.

Phu nhân quỳ dài, thưa:

– Không dám thế, chỉ hơi mệt mỏi một chút nên phải dừng lại nghỉ thôi.

Vị Bà-la-môn la:

– Hãy mau đến đây, theo sau ta ngay!

Khi đến phía trước chợ của một nước, ông Bà-la-môn bèn bán riêng mỗi nô tỳ cho một chủ, cách nhau vài dặm. Có ông trưởng giả mua được tớ trai ấy, sai giữ nhà đất cho ông ta, có ai đem chôn người chết thì thu thuế, không được làm chuyện sai quấy. Lúc này người tớ gái đã thuộc về phu nhân của một đại gia hay ghen, ngày đêm bắt nàng làm việc không hở tay. Sau đó vài ngày thì người tớ gái chuyển bụng, sinh được một đứa con trai. Phu nhân chủ giận dữ nói:

– Người là tớ sao có đứa con ấy, mau đem giết đi!

Theo lời bảo của vợ đại gia, người nữ tỳ liền đem giết đứa bé ấy, rồi mang đi chôn, ghé sang chỗ người tớ trai. Hai người được gặp nhau, nàng nói:

– Thiếp sinh được một đứa con trai, nhưng nay đã chết rồi, mà không mang theo tiền, đâu có thể dối chôn được ở đây, phải không?

Người tớ trai nói:

– Đại gia rất nóng nảy, ông ấy mà biết được thì tội tôi không nhỏ. Nàng hãy mang đi tìm chỗ khác, không nên đứng ở đây.

Vua và phu nhân tuy được gặp nhau, nhưng không hề kể lể về chuyện cực khổ, lòng đều không oán giận. Nói năng như vậy trong giây lát, chập chờn như trong giấc mơ, vua và phu nhân tự nhiên trở lại ngồi trên chánh điện trong cung tại nước mình như trước, không gì khác. Các quần thần, hậu cung thể nữ thảy đều như cũ. Thái tử vừa sinh cũng tự nhiên sống. Trong lòng vua và phu nhân tự hoài nghi: "Duyên cớ gì đến như vầy?".

Đức Văn-thù-sư-lợi, hiện thân sắc tướng ngồi trên tòa sen bảy báu ở trong không trung, khen:

– Lành thay! Nay ông bố thí chí thành như vậy!

Vua và phu nhân vô cùng vui mừng, liền đến trước mặt làm lễ đức Văn-thù-sư-lợi vì họ thuyết giảng kinh pháp. Ba ngàn quốc độ đều chấn động mạnh, dân chúng khắp cả nước đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vua và phu nhân ngay lúc đó liền đạt được quả Pháp nhẫn bất khởi (Vô sinh pháp nhẫn).

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Đức vua thời đó chính là thân Ta, phu nhân ngày ấy nay là Câu-di, thái tử nay là La-vân.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan, Ta kiếp trước đã từng bố thí như thế, vì tất cả mọi người nên không tiếc thân mạng, trải qua vô số kiếp không hề hối hận, không hề mong cầu danh lợi, tự đạt đến Chánh giác.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

14- Kinh Tu-đại-noa.

Xưa, vua nước Diệp-ba hiệu là Thấp Tùy, tên là Tát-xà dùng pháp chân chánh trị nước, dân chúng không oán. Nhà vua có vị thái tử tên là Tu-đại-noa, dung mạo tươi sáng hơn đời, lòng nhân đức hiếu khó sánh, luôn đem bốn tâm vô lượng cứu giúp khắp, lời nói không tổn thương người. Vua chỉ có một người con nên vô cùng thương quý.

Thái tử thờ kính cha như thờ trời. Tới tuổi hiểu biết, thường nguyện bố thí, cứu giúp muôn loài để đời sau được hưởng phước vô cùng. Người ngu không thấy sự biến đổi vô thường, nên cho là có thể bảo tồn được. Kẻ sĩ có trí thấy rõ năm nhà nên hay chuộng bố thí. Chư Phật mười phương, Duyên giác, Bậc Vô Sở Trước, không ai là không khen ngợi: Bố thí là điều quý nhất trên đời. Thái tử liền bố thí cùng khắp, ban cho tất cả các loài. Người muốn xin được ăn mặc, đáp lời cho ngay; kẻ muốn vàng bạc, châu báu xe ngựa, ruộng nhà... xin gì cho nấy.

Tiếng thơm lan xa, bốn biển khen ngợi. Vua cha có con voi trắng sức lực dũng mãnh chống cự một lúc được sáu mươi con voi thường. Nước địch đến gây chiến, voi trắng luôn chiến thắng. Các vua bàn nhau:

– Thái tử là bậc Hiền thánh xin gì cũng cho, nên sai tám người Phạm-chí đến chỗ thái tử xin con voi trắng ấy. Nếu xin được voi, chúng ta sẽ trọng thưởng cho họ.

Đám Phạm-chí lãnh mạng đi liền. Họ mặc áo da nai, mang dép, cầm bình, chống gậy, lặn lội trải qua các quận, huyện xa xôi, có hơn ngàn dặm mới đến được nước Diệp-ba. Họ đều chống gậy, đứng một chân, hướng về cửa cung, gọi thị vệ nói:

– Ta nghe Thái tử bố thí kẻ nghèo khó, ân nhuần khắp muôn loài, nên từ xa lặn lội đến xin cái ta thiếu.

Vệ sĩ liền đem sự việc thưa lên. Thái tử nghe xong thì vui mừng, vội vàng ra đón tiếp, như con gặp cha mẹ, cúi đầu sát chân, an ủi, hỏi:

– Do đâu mà quý vị khổ nhọc đến thân thể vậy! Muốn cầu xin điều gì mà phải đứng một chân thế?

Họ thưa:

– Đức sáng của thái tử chiếu khắp tám phương, trên thấu đến trời xanh, dưới xuống tận suối vàng, vòi vọi như Thái sơn, ai mà không khen ngợi, kính ngưỡng. Ngài là con của vua trời, lời nói ra ắt đáng tin tưởng, thường bố thí không trái ý nguyện của mọi người. Nay chúng tôi muốn xin ngài "con voi trắng đi trên hoa sen" tên là La-xà-hòa-đại-đàn.

Thái tử nói:

– Tốt lắm! Xin dâng các vị vàng bạc, châu báu, cứ mặc lòng chọn lấy, không nên tự làm khó!

Liền ra lệnh người hầu mau chóng trang bị cho voi trắng nào là bành vàng, dàm bạc, rồi dắt đến ngay. Thái tử tay trái nắm dàm voi, tay phải bưng bình vàng rót nước rửa tay các Phạm-chí. Các Phạm-chí vui mừng, chú nguyện xong họ đều cỡi lên voi, mỉm cười ra đi.

Tướng quốc, các quan không ai là không buồn bã, cùng nói với nhau:

– Con voi ấy sức lực hùng mạnh, nước nhà nhờ nó mà được an ổn. Kẻ địch đến đánh đều bị thua chạy. Nay thái tử đã đem cho nước cừu địch thì ta còn dựa vào đâu?

Họ cùng đến yết kiến vua, tâu rõ:

– Con voi trắng ấy sức lực có thể quật ngã sáu mươi con voi khác. Đối với nước, nó là của báu chống địch, vậy mà thái tử đem cho kẻ thù. Còn kho tàng trong nước mỗi ngày một rỗng mà thái tử tự ý bố thí không ngừng nghỉ, khoảng vài năm nữa chúng thần e rằng vợ con cả nước ắt sẽ trở thành vật bố thí hết.

Nhà vua nghe lời ấy, lặng buồn hồi lâu, rồi nói:

– Thái tử ham chuộng đạo Phật, lấy việc cứu giúp kẻ bần cùng, từ bi nuôi dưỡng muôn loài làm đầu các hạnh. Như thế, nếu ta cấm chỉ, hoặc bắt phạt thái tử thì vô đạo.

Bá quan đều nói:

– Lời dạy thiết tha khuôn phép của đại vương, chúng thần không dám trái, nhưng bắt phạt vì chuyện ngang ngược, chúng thần xin mạnh dạn tâu, cho trục xuất thái tử ra khỏi nước đến nơi đồng ruộng thôn dã khoảng mười năm, để thái tử thẹn mà tự hối lỗi. Đó là ý nguyện của chúng thần.

Nhà vua liền sai sứ giả đến bảo thái tử:

– Voi là vật báu của nước, sao lại đem cho kẻ địch? Nhà vua không

nỡ phạt tội, vậy hãy mau ra khỏi nước!

Sứ giả phụng mạng đến nói như thế. Thái tử đáp:

– Không dám trái với mạng trời, nhưng nguyện xin bố thí giúp kẻ nghèo thêm bảy ngày, rồi sẽ ra khỏi nước, không chút ân hận.

Sứ giả về tâu, vua bảo: Đi mau, ta không cho phép!

Sứ giả quay lại nói: Lệnh vua chẳng cho.

Thái tử xin một lần nữa:

– Không dám trái mệnh trời, nhưng ta có của riêng, không dám xâm phạm của nước.

Sứ giả về tâu lại vua, vua liền cho phép. Thái tử vui vẻ lệnh cho người hầu xem trong nước có ai nghèo thiếu thì khuyên họ đến mau, theo chỗ cầu xin của họ mà thi ân cho hết. Đất nước, quan tước, ruộng nhà, của báu... đều là các thứ mộng ảo, tất cả đều bị hao mòn, hủy diệt.

Hàng triệu dân chúng lớn nhỏ vội chạy đến cửa cung. Thái tử đem đồ ăn, thức uống, quần áo, bảy báu và các thứ châu ngọc khác, tất cả đều cho theo chỗ mong muốn của dân chúng. Bố thí xong xuôi, kẻ nghèo đều trở nên giàu.

Vợ thái tử tên là Man-để, con gái hàng vương giả, nhan sắc xinh đẹp, cả nước không hai, từ đầu đến chân đều mang chuỗi ngọc bảy báu.

Thái tử gọi vợ đến hỏi:

– Hãy nghe lời ta nói! Đại vương đày ta đến núi Đàn-đặc, thời hạn là mười năm, nàng có biết không?

Người vợ cả kinh đứng lên nhìn thái tử, rơi lệ, nói:

– Chàng có tội tình gì mà bị trục xuất, phải bỏ đất nước giàu sang đến ở nơi rừng sâu núi thẳm vậy?

Thái tử đáp lời vợ:

– Vì ta bố thí làm hao tổn tài sản quốc gia, con voi danh tiếng là vật báu để chiến đấu mà ta cũng đem cho kẻ địch, nên vua cùng quần thần giận dữ trục xuất ta.

Vợ thái tử liền bày tỏ lời nguyện cho đất nước được giàu thịnh, vua, tôi, cùng hàng triệu dân chúng được sung túc, sống lâu vô cùng. Riêng nàng sẽ lập chí, cùng thái tử vào chốn núi đầm để thành tựu đạo quả với thệ nguyện rộng lớn.

Thái tử nói:

– Núi đầm kia là nơi đầy những thứ đáng sợ, hổ lang, thú dữ, rất khó

dung thân. Lại còn độc trùng, yêu cây, quái đá, tệ quỉ, sấm chớp, giông bão, gió mưa, mây mù... thật là ghê rợn. Lạnh nóng quá mức, cây cối khó nương, gai gốc, sỏi đá... nàng không kham nổi đâu. Nàng là con của bậc vương giả, sinh ở chốn vinh hoa, lớn lên trong cung cấm, áo quần mịn màng, ăn uống ngon ngọt, nằm thì màn trướng, âm nhạc luôn vui tai, muốn gì được nấy. Nay ở nơi núi đầm, nằm thì gối cỏ, ăn thì hoa trái, không phải ai cũng chịu được, liệu nàng kham nổi chăng?

Vợ đáp:

– Mịn màng, tốt đẹp, vật báu, trướng màn, ngon ngọt... liệu có ích gì cho mình khi cùng với thái tử phải sinh ly? Lúc vua ra đi, dùng cờ làm hiệu, lửa lấy khói làm hiệu, vợ lấy chồng làm hiệu. Thiếp nay cậy nhờ thái tử như con trẻ nương dựa mẹ cha. Lúc thái tử còn ở trong nước bố thí khắp nơi, thiếp luôn đồng tình, nay chàng sẽ trải hiểm nguy mà thiếp thì ở lại giữ lấy vinh hoa, há còn là nhân đạo sao! Hoặc giả có kẻ đến xin, mà thiếp không còn thấy thái tử đâu thì lòng thiếp thương nhớ không nguôi, ắt là phải chết, chứ không còn nghi ngờ gì nữa.

Thái tử nói:

– Nếu người nước xa đến xin vợ con, ta thì không trái ý cầu xin của họ, còn nàng thì vì tình quyến luyến mà không chịu, hóa ra trái với đạo bố thí làm dứt tuyệt ân lớn lao đã từng thấm nhuần khắp, hủy hoại trách nhiệm nặng nề của ta.

Vợ thưa:

– Sự bố thí của thái tử thật là hiếm thấy trên đời! Nên quyết thành tựu lời thệ nguyện lớn chớ có mệt mỏi. Trăm ngàn kiếp không ai như chàng, luôn tiếp nối và phát huy trách nhiệm nặng nề của Phật, thiếp chẳng dám trái ý.

Thái tử nói: Tốt.

Bèn đem vợ con đến từ biệt mẹ, cúi đầu sát đất, xót xa từ tạ:

– Xin mẹ đừng lo nghĩ về chúng con, hãy giữ gìn vóc ngọc, việc nước có gì xin mẹ nhiều phen dùng tâm Từ can gián, không nên để triều đình mặc sức làm oan uổng muôn dân. Phải nhẫn chịu điều không thể nhẫn, nhẫn được là quý.

Người mẹ nghe lời từ biệt, quay lại nói với kẻ hầu:

– Thân ta như đá, lòng như thép cứng. Nay có một đứa con mà bị đuổi đi, lòng ta sao nỡ? Khi chưa có con thì kết nguyện cầu tự, những ngày mang thai thì như cây ngậm hoa, đợi ngày nở nhụy. Trời không cướp lời

thệ ước nên cho ta có con, nuôi đến lúc trưởng thành mà nay phải sinh ly sao?

Các phu nhân, phi tần, hầu thiếp... những người vốn ganh ghét thì vui mừng ra mặt, chẳng còn kính nể. Thái tử và vợ con cúi đầu lạy mẹ rồi lui ra. Trong cung, người lớn kẻ nhỏ ai ai cũng nghẹn ngào. Thái tử ra cửa thành cùng với trăm quan và dân chúng buồn bã nói lời từ biệt rồi tất cả đều đi ra khỏi thành. Mọi người không ai là không trộm nghĩ:

– Thái tử là Thánh linh của đất nước, là thứ tôn quý nhất trong các vật báu, sao cha mẹ ngài đành lòng trục xuất?

Thái tử ngồi ở ngoài thành, cảm tạ những người tiễn đưa, bảo họ trở về nhà. Dân chúng đều bái phục, ai cũng thương xót. Có người lăn ra đất kêu trời, âm thanh vang động cả nước.

Thái tử cùng vợ con lên đường. Khi biết mình đã cách xa đất nước, thì cả nhà tạm ngồi nghỉ dưới một bóng cây. Có một Phạm-chí từ xa đến xin, thái tử liền cởi chiếc áo quý nơi thân mình và các châu ngọc của vợ cho hết, rồi bảo vợ con lên xe tự tay mình cầm cương. Vừa sắp lên đường, thì có một Phạm-chí đến xin con ngựa, Thái tử bèn tháo ngựa ra cho, rồi tự mình kéo xe ra đi. Lại gặp Phạm-chí khác đến xin chiếc xe, thái tử liền dìu vợ con xuống xe, lấy xe cho kẻ ấy. Xe ngựa, áo quần, châu báu trên người và các vật khác đều đã cho hết không còn gì. Thái tử bèn bảo vợ bế con gái, còn mình thì bồng con trai ra đi. Khi còn ở trong nước, bố thí cho kẻ khác voi quý, châu báu, xe ngựa... đến nỗi bị đuổi ra khỏi nước lưu đày, mà chưa hề giận dữ, hối hận, lòng vẫn luôn hòa hợp vui vẻ đi vào núi.

Trải qua hai mươi mốt ngày mới đến được núi Đàn-đặc. Thái tử thấy trong núi cây cối sum suê, suối chảy nước trong, trái ngọt đầy dẫy, le le, nhạn, uyên ương... dạo chơi đây đó, hàng trăm loài chim ríu rít hòa nhau vui hót. Thái tử thấy thế, gọi vợ bảo:

– Nàng xem núi ấy cây cối rợp trời, ít có gãy đổ, chim bầy kêu hót giọng thật dễ thương, nơi nơi đều có suối chảy, hoa quả rất nhiều, có thể dùng làm đồ ăn thức uống, chỉ lấy đạo làm sự nghiệp, không nên trái với thệ nguyện.

Trong núi các đạo sĩ đều giữ vững tiết tháo, hiếu học.

Có một đạo sĩ tên là A-châu-đà, ở lâu trong núi, đạo đức thâm diệu cao xa. Thái tử cùng vợ con tìm đến đảnh lễ, rồi chắp tay đứng, hướng về đạo sĩ, thưa:

– Tôi đem vợ con đến đây học đạo, cúi xin ngài rủ lòng Từ rộng lớn dạy bảo cho chí nguyện tôi được thành tựu.

Đạo sĩ chỉ dạy gì thái tử đều nghe theo. Rồi lấy cây cỏ làm nhà, y phục sơ sài, ăn trái cây, uống nước suối. Đứa con trai tên là Da-lợi mặc áo cỏ nhỏ, thường theo bên cha, bé gái tên là Kế-noa-diên mặc áo da nai theo mẹ ra vào. Ở trong núi qua một đêm thì trời làm cho nước suối tăng thêm vị ngọt, sinh nhiều cây thuốc quý, quả ngon đầy cành.

Về sau, có ông Phạm-chí già nghèo, ở huyện Cưu-lưu, vợ ông tuy nhiều tuổi nhưng nhan sắc đoan chánh, thường mang bình đi lấy nước, hôm ấy, gặp một người trẻ tuổi ngăn lại, đùa cợt:

– Bà sống nghèo khổ vậy thì lấy gì để nuôi thân? Tham chi tài sản của lão già ấy mà theo sống với hắn? Lão già ấy học đạo sai đúng không thông, thời gian giáo hóa khó mong thành được, một người ngu si điếc lác mà bà còn tham gì ở đấy? Hình dáng thì vừa xấu vừa đen, mũi thì méo lệch, thân thể thì quắt queo, mặt nhăn nhúm, môi vễu ra, nói năng lắp bắp, hai mắt lại xanh giống như mắt quỉ...toàn thân không chỗ nào đẹp, ai mà chẳng gớm ghiếc! Bà làm vợ hắn không thấy xấu hổ, chán ngấy sao?

Người vợ nghe lời chê bai ấy bèn rơi nước mắt, nói:

– Tôi thấy ông ấy tóc bạc phơ như sương phủ cây, sớm hiện chiều tan, lòng mong cho ông ta sớm chết nhưng chưa được toại nguyện. Không như thế thì làm gì?

Bà trở về nhà kể lại việc trên với chồng, rồi nói:

– Ông phải có tôi tớ để sai bảo, tôi không đi lấy nước nữa đâu. Nếu gặp chuyện như hôm nay thì tôi bỏ ông thôi.

Người chồng bảo: Tôi nghèo lấy đâu ra tôi tớ để sai khiến?

Người vợ nói:

– Tôi nghe có bậc Thượng sĩ bố thí tên là Tu-đại-noa, vì lòng Từ rộng lớn cứu giúp mọi người làm hao tổn của cải quốc gia, nên vua cùng quần thần đày vào trong núi. Vị ấy có hai người con, nếu ông xin thì sẽ cho ngay.

Người vợ nói nhiều lần, vì thương vợ nên khó trái ý, ông ta liền nghe theo lời vợ tìm đến nước Diệp-ba, tới thẳng cửa cung, nói:

– Thái tử được bình an chăng?

Vệ sĩ tâu lên, vua nghe lời ấy thì nghẹn ngào, nước mắt chan hòa, hồi lâu mới nói:

– Thái tử bị đuổi đi cũng chỉ vì bọn này, mà nay lại đến nữa sao?

Vua cho người gọi đến, an ủi rồi hỏi hắn tới làm gì?

Phạm-chí thưa:

– Tiếng thơm của thái tử thấm nhuần khắp, xa gần đều ca ngợi, nên

tôi từ xa tìm tới đây để nương nhờ, mong được sống tiếp.

Vua bảo:

– Châu báu của thái tử bố thí hết sạch rồi, nay đang ở trong núi sâu, ăn mặc còn không đủ, lấy gì bố thí cho ông?

Lão thưa:

– Đức mầu của thái tử lồng lộng, dù xa xôi cũng hết sức ngưỡng mộ, huống chi được nhìn thấy dung quang, thì dù mất mạng cũng không hối hận.

Vua sai người chỉ cho lão đường tắt. Trên đường đi gặp người thợ săn, lão hỏi:

– Ông từng trải qua nhiều núi, có gặp thái tử chăng?

Người thợ săn vốn biết thái tử bị trục xuất là vì bọn này, nên nổi giận mắng:

– Ta chém đầu ngươi đấy, chớ hỏi thái tử làm chi?

Phạm-chí vừa xấu hổ vừa rồi sợ hãi, nghĩ: "Ta ắt bị tên này giết mất". Rồi lão quyền biến, nói dối với người thợ săn:

– Vua và quần thần sai tôi đi gọi thái tử về lại nước để làm vua.

Người thợ săn đáp: Tốt lắm.

Rồi vui vẻ chỉ chỗ ở của thái tử. Lão từ xa trông thấy một mái nhà nhỏ, thái tử cũng thấy lão đi đến. Hai đứa bé thấy lão Phạm-chí này thì trong lòng kinh sợ, anh em bàn với nhau:

– Cha ta vốn ưa bố thí, mà nay ông này tìm đến của cải lại không còn gì, ắt cha đem anh em mình cho ông ấy chăng!

Chúng bèn dắt tay nhau chạy trốn. Có sẵn hố do mẹ đào từ trước có thể dung thân được, hai đứa bèn vào trong đó, lấy củi phủ lên, cùng dặn nhau:

– Cha có gọi thì đừng lên tiếng.

Thái tử hỏi thăm lão ta và mời ngồi trước mình, lấy trái cây, nước uống bày trước mặt. Ăn quả, uống nước xong, thái tử an ủi ông ấy:

– Trải qua đường xa chắc ông mệt mỏi lắm?

Lão đáp:

– Tôi từ xa đến, toàn thân đau nhức và rất đói khát, đức thơm của thái tử lan tỏa khắp, nơi nơi đều ca tụng, lồng lộng chiếu xa như Thái sơn, Thiên thần, Địa kỳ, ai mà không vui mừng. Vì thế nên nay từ xa đến, tìm chỗ nương cho sự nghèo cùng, ngõ hầu kéo dài mạng sống nhỏ nhoi.

Thái tử áy náy đáp:

– Tôi không tiếc với ông gì cả, nhưng của cải đều hết rồi.

Phạm-chí nói: Có thể đem hai đứa trẻ cấp dưỡng cho già này.

Thái tử đáp: Ông từ xa đến đây xin hai đứa trẻ, ắt không trái ý.

Thái tử lớn tiếng gọi con. Anh em chúng sợ quá nên nói với nhau:

– Cha ta gọi tìm, ắt là đem cho quỉ đấy!

Chúng trái lệnh không lên tiếng. Biết chúng ẩn núp trong hố kia, thái tử bèn giở củi ra thấy chúng. Hai đứa trẻ vội chạy ra ôm lấy cha, run bần bật, khóc lóc. Chúng vừa nức nở vừa nói:

– Đó là quỉ chứ không phải Phạm-chí đâu. Con mấy lần thấy Phạm-chí rồi, nhưng chưa thấy thứ người nào mặt mày như vậy cả. Cha đừng đem chúng con cho quỉ ăn thịt. Mẹ ơi! Sao mẹ hái quả về chậm thế, hôm nay nhất định là bị quỉ nuốt rồi. Mẹ về tìm con, như trâu mẹ tìm trâu nghé, thương xót chạy như điên dại, nhất định cha sẽ hối hận cho mà xem.

Thái tử nói:

– Ta từ lúc làm chuyện bố thí, chưa hề có chút hối hận. Cha đã hứa rồi, các con không được trái lời.

Phạm-chí nói:

– Ngài đã lấy lòng Từ rộng khắp mà cho tôi, nếu để mẹ các cháu về ắt làm hỏng ân lớn của ngài, mà cũng trái với bản nguyện của tôi, chi bằng sớm đem đi thì hơn.

Thái tử nói:

– Ông cầu xin trẻ nên từ xa tìm đến, tôi nhất định không dám trái, vậy hãy mau đi đi.

Rồi thái tử tay phải rót nước rửa tay cho Phạm-chí, tay trái dắt con giao cho lão ta.

Phạm-chí nói:

– Tôi già yếu, nếu hai trẻ chạy trốn về nơi chỗ mẹ chúng thì tôi làm sao bắt được? Thái tử rộng cho xin hãy trói chúng lại rồi mới trao cho tôi.

Thái tử giữ hai con để cho Phạm-chí trói lại, tự tay nắm mối dây, hai đứa trẻ lăn ra đất, vật vã trước mặt cha, nức nở gào kêu mẹ:

– Thiên thần địa kỳ, các Thần núi rừng, xin hãy một lượt thúc gọi lòng dạ mẹ con: "Hai trẻ đã bị đem cho người rồi, phải mau bỏ việc hái hoa quả kia để được một lần gặp gỡ!"

Ai oán cảm động cả trời đất, thần núi xót thương tạo nên tiếng vang

như sấm động. Người mẹ lúc này đang hái trái, thấy lòng bỗng nôn nao, ngước nhìn trời xanh không thấy mây mưa, mắt bên phải máy động, nách bên trái ngứa ngáy, hai vú sữa chảy ra liên tục. Người mẹ nghĩ: "Điều này lạ quá! Ta còn hái quả làm chi, phải mau trở về xem thử con ta có chuyện gì chăng?".

Rồi bà bỏ việc hái quả, vội vàng quay về, bàng hoàng như cuồng dại. Đế Thích nghĩ: "Bồ-tát chí cao cả, muốn hoàn thành trách nhiệm nặng nề của lời thệ nguyện sâu rộng ấy, nếu vợ về đến thì sẽ hủy hoại chí cao kia!". Bèn hóa ra sư tử ngồi lù lù ngang giữa đường đi. Người vợ nói:

– Ngươi là chúa trong loài thú, ta cũng là con vua của loài người, đều ở trong núi này. Ta có hai đứa con hãy còn thơ dại, sáng giờ chưa ăn gì đang mong ta về.

Sư tử tránh đi, người vợ lên đường. Rồi trời lại hóa cọp... đợi cho Phạm-chí đi xa rồi mới chịu lui. Người vợ trở về, thấy thái tử ngồi một mình, nàng buồn bã, sợ hãi hỏi:

– Con ta đâu rồi mà chàng ngồi một mình? Hai con thường ngóng trông thần thiếp hái quả về là chạy a vào người thiếp, nằm lăn ra đất, rồi lại đứng dậy, nhảy nhót vui cười nói rằng mẹ đã về, con đói được no! Nay sao không thấy chúng, hay đã đem cho người nào rồi? Khi thiếp ngồi thì con đứng, đứa bên phải, đứa bên trái, thấy mình thiếp lấm bụi chúng tranh nhau phủi sạch. Nay con không thấy lại chỗ mẹ, cũng chẳng thấy đâu cả, hay chàng đã đem cho ai sao? Hãy mau nói ra cho thiếp biết. Cầu cúng trời đất, thật tình khó nói, chàng cho cả đến con hiền nối dõi! Nay đồ chơi của con, nào voi, ngựa, trâu, heo... bằng đất và các vật khác ngổn ngang trên mặt đất này, thấy mà thương tâm, thiếp đến phát cuồng mất. Chàng đã đem con làm mồi cho cọp, sói, quỉ quái, đạo tặc nuốt rồi sao? Hãy mau cởi mở gút mắc này, nếu không thiếp chẳng thể sống nổi!

Thái tử hồi lâu mới lên tiếng:

– Có một Phạm-chí từ xa đến xin hai con. Ông ta nói là tuổi già sức yếu, muốn có người giúp đỡ nên tôi đem chúng cho ông ấy rồi.

Người vợ nghe nói thế, xúc động lăn ra đất, vật vã, khóc thương, nước mắt đầm đìa, nói:

– Thật đúng như ta đã thấy trong giấc mộng. Một đêm thiếp nằm mơ thấy một Phạm-chí già nghèo túng, quẫn bách đến cắt hai vú của thiếp rồi mang chạy đi mất. Thì ra chính là chuyện hôm nay đây!

Rồi bà khóc lóc kêu trời, vang động cả một vùng núi:

– Con ta đã như thế, biết đâu mà tìm!

Thái tử thấy vợ buồn thương quá thảm thiết bèn gọi, bảo:

– Ta vốn cùng nàng đã thề tuân giữ nẻo hiếu cao rộng, chí ta theo đạo lớn cứu giúp chúng sinh, nên họ xin gì ta cho nấy. Lời thề đã rõ ràng, mà nay sao nàng quá buồn thương làm loạn tâm ta?

Vợ nói:

– Thái tử cầu đạo, phải khó nhọc đến thế sao! Phàm kẻ sĩ sống nơi gia đình, đều quý trọng vợ con, ai ai cũng vậy. Huống chi là bậc được mọi người tôn kính. Rồi nguyện: "Xin cho cầu gì được nấy như Bậc Nhất Thiết Trí".

Đế Thích và chư Thiên cùng bàn với nhau:

– Đạo bố thí của thái tử rộng lớn vô cùng, chúng ta nên thử thách đến vợ, xem lòng ngài thế nào?

Rồi Đế Thích hóa thành vị Phạm-chí đến trước thái tử thưa:

– Nghe ngài mang lòng nhân từ như trời đất, tế độ khắp quần sinh, bố thí không trái ý người xin, nên đến nhờ cậy. Đức hiền trinh của vợ ngài thơm tỏa lan xa nên tôi đến xin bà, chắc ngài chịu cho chứ?

Thái tử đáp:

– Rất tốt.

Rồi thái tử tay phải rót nước rửa tay cho Phạm-chí, tay trái dắt vợ. Khi vừa muốn trao cho ông ấy thì chư Thiên ca ngợi, không ai là không khen hay. Trời đất bỗng nhiên chấn động mạnh, người quỉ đều kinh hải.

Phạm-chí nói: Thôi ta không nhận đâu.

Thái tử hỏi:

– Người vợ này há có gì xấu sao? Mọi cái xấu của đàn bà người này đều không có, còn về lễ nghĩa của phái nữ thì người này đứng đầu, đầy đủ. Hơn nữa, vua cha nàng chỉ có một người con gái này thôi. Nàng đã hết lòng theo lễ thờ chồng, không nề hà chuyện lầm than khổ cực. Ăn mặc thú vui, không hề đòi hỏi ngon đẹp, siêng năng khỏe khoắn, nhan sắc hơn người. Ông nên nhận cho tôi vui lòng, đó là cách tốt nhất để dứt mọi bận lo về sau.

Phạm-chí nói:

– Vợ ngài hiền đức đúng như lời vừa nói, tôi xin kính nhận lấy, rồi đem gởi lại cho ngài không được đem cho người khác.

Rồi trời lại nói tiếp:

– Ta là trời Đế Thích, không phải là người thế tục, đến là để thử thách ngài. Ngài chuộng trí tuệ giác ngộ của Phật, hình bóng phép tắc ấy khó ai sánh được. Nay ngài muốn nguyện gì, cứ mặc sức xin, sẽ được như ý.

Thái tử nói:

– Tôi nguyện được giàu lớn, thường ưa bố thí, không hề tham lam hơn cả hiện nay. Xin khiến phụ vương tôi và quần thần, dân chúng trong nước nghĩ đến việc gặp nhau.

Trời Đế Thích nói: Tốt.

Ngay khi đó liền biến mất.

Nói về lão Phạm-chí xin được hai đưa trẻ kia, mừng được như ý nên đi không biết mệt, lôi dẫn hai trẻ vì sắp được thỏa ước nguyện sai khiến. Hai đứa trẻ này vốn con cháu hàng vương giả, giàu sướng tự do, nay phải rời cha mẹ, bị dây trói buộc, khắp mình thương tích, thường khóc gọi mẹ, nhưng sợ đòn roi nên phải chạy theo lão già. Nhân lúc, Phạm-chí ngủ, hai trẻ bèn chạy trốn, tự ngâm mình trong ao, lấy lá sen cỏ nhược phủ lên, trùng nước bám đầy nơi thân. Phạm-chí tỉnh dậy đi tìm được hai trẻ, dùng gậy đánh chúng dọc ngang khắp thân thể, máu chảy đỏ đất. Thiên thần thương xót nên mở dây, trị lành thương tích, làm ra quả ngọt, khiến đất trên đường đi mềm mại, anh em hái quả trao cho nhau ăn, cùng bảo:

– Vị ngọt trái này khác nào trái trong vườn vua, đất đây mềm mại giống như nệm bông của vua.

Anh em ôm nhau ngước lên trời gọi mẹ, khóc than nước mắt ướt cả thân mình. Chỗ Phạm-chí đi thì đất ấy gập gềnh, đầy những sỏi đá, gai góc... thân và chân hắn giẫm phải, gây lở lói đau đớn. Còn nếu thấy trái cây thì toàn là đắng hoặc cay. Phạm-chí trở nên gầy ốm, da bọc lấy xương, còn hai đứa trẻ thì da dẻ hồng hào, nhan sắc trở lại như trước. Khi về tới nhà, Phạm-chí hí hửng nói với vợ:

– Ta vì nàng xin được hai đứa nô tỳ, từ đây tha hồ sai khiến.

Người vợ nhìn bọn trẻ, nói:

– Nô tỳ không phải thế! Hai đứa trẻ này đoan chánh, chân tay mềm mại, không làm được việc nặng nhọc, mau đem ra chợ bán đi rồi mua lại đứa khác để sai bảo.

Lại bị vợ sai khiến, lão định sang nước khác để bán hai đứa trẻ. Nhưng trời làm lộn đường, mới trở lại nước cũ. Dân chúng nhận biết ngay, đều nói:

– Đó là con của thái tử, cháu của đại vương đấy.

Họ nghẹn ngào chạy đến cửa cung tâu lên. Vua cho gọi Phạm-chí đem hai trẻ vào cung. Cung nhân lớn nhỏ ai ai cũng sục sùi. Nhà vua gọi chúng lại muốn bồng, hai trẻ không đến. Nhà vua hỏi tại sao? Đứa trẻ trai

thưa:

– Xưa là cháu vua, nay là nô tỳ. Kẻ nô tỳ hạ tiện sao dám ngồi trên gối vua được?

Vua hỏi Phạm-chí:

– Ngươi hãy nói rõ, do đâu mà có hai đứa trẻ này?

Phạm-chí cứ như sự việc cũ trình bày. Nhà vua hỏi:

– Bán trẻ được bao nhiêu tiền?

Phạm-chí chưa kịp đáp thì đứa cháu trai đã vội cất tiếng nói:

– Con trai giá một ngàn đồng bạc, trâu đực một trăm con. Con gái thì giá hai ngàn đồng vàng, trâu cái hai trăm con.

Nhà vua hỏi:

– Con trai lớn hơn mà giá thấp, con gái nhỏ hơn mà giá cao, vì duyên cớ gì vậy?

Đứa bé đáp:

– Thái tử vừa là bậc Thánh vừa có lòng nhân từ, bố thí thấm nhuần khắp cả trời đất, thiên hạ vui mừng, nhờ cậy như con trẻ nương vào cha mẹ. Ông ấy đã đạt được nẻo sáng chói tốt đẹp cho thiên hạ mà bị lưu đày nơi núi đầm xa xôi, làm bạn với cọp sói, độc trùng, ăn trái cây, mặc áo cỏ, mưa gió sấm sét luôn đe dọa con người, quả là thứ tệ mạt cùng loại với cỏ rác! Nhìn thấy sự ruồng bỏ này đủ biết con trai giá thấp. Còn con gái của thứ dân có chút nhan sắc thì được đem vào cung, nằm thì đệm lông, đắp thì trướng báu, mặc thì áo quần nổi tiếng trong thiên hạ, ăn đều là những món của thiên hạ cống dâng. Xem đó thì biết con gái đắt giá hơn.

Nhà vua nói:

– Trẻ con mới tám tuổi mà đã có cách lý luận của bậc cao sĩ, huống chi là cha nó!

Cung nhân lớn nhỏ nghe cháu vua nói lời bóng gió như vậy, không ai mà không thương xót. Phạm-chí nói:

– Tôi xin bán bọn trẻ giá một ngàn đồng bạc, trâu đực trâu cái mỗi thứ một trăm con. Đúng như vậy thì tốt, bằng không thì thôi.

Nhà vua nói:

– Được.

Rồi vua liền ban cho đủ số đó. Phạm-chí lui ra. Vua ẵm hai cháu đặt lên gối mình rồi hỏi:

– Lúc trước cháu không đến đây, sao bây giờ đến mau vậy?

Thưa:

– Lúc trước cháu là nô tỳ, còn bây giờ là cháu vua.

Vua hỏi:

– Cha cháu ở trong núi tự kiếm ăn ra sao?

Hai trẻ đáp:

– Tự sống được là nhờ rau cỏ và trái cây. Ngày ngày vui với muông thú, chim chóc, lòng không vướng bận chút buồn lo.

Nhà vua sai sứ đi đón thái tử về. Sứ giả lên đường.

Bấy giờ trong núi cây cối đều cúi xuống ngẩng lên, co duỗi tợ như quỳ lại làm lễ. Hàng trăm loài chim hót bi ai làm cảm động lòng người. Thái tử nói:

– Điềm ứng gì đây?

Người vợ nằm dưới đất nói:

– Lòng của phụ vương đã cởi mở, cho sứ đến đón chúng ta về! Thần đất rất vui, nên khởi lên điềm như thế.

Từ khi mất con, vợ thái tử cứ nằm mãi dưới đất. Khi sứ giả đến, mới đứng dậy bái mệnh vua. Sứ giả nói:

– Vua cùng hoàng hậu bỏ ăn, nuốt lệ, thân mạng ngày một suy yếu, nhớ trông mong gặp thái tử.

Thái tử quay người nhìn khắp bốn phía, quyến luyến cảnh cây cối, suối nước nơi núi rừng, gạt nước mắt mà bước lên xe.

Từ lúc sứ giả ra đi, cả nước vui mừng, quét dọn đường sá sạch sẽ, treo sẵn trướng màn, đốt hương, tung hô, tấu kỷ nhạc, giăng treo cờ đẹp lọng quý... Cả nước kéo nhau đi chúc thọ đông nhiều vô kể. Thái tử vào thành dập đầu tạ lỗi, rồi lui ra an ủi hỏi han mọi người. Nhà vua lại đem kho báu của nước giao cho thái tử, khuyến khích ngài bố thí. Dân chúng nghèo khó của các nước láng giềng đầu đuôi quy thuận như các dòng sông đổ về biển cả. Những thù oán cũ đều tiêu tan, thảy đến triều bái dưng biểu xưng thần, vâng lệnh hiến cống. Giặc cướp chuộng nhân từ, trộm cắp đua nhau bố thí, đao binh cất vào kho, nhà tù được dẹp bỏ, muôn loài mãi an lạc, mười phương đều khen ngợi, tích đức không ngừng, nên đạt được đạo Chánh chân vô sở trước của Như Lai, là đạo Chánh giác tối thượng, một mình qua lại ba cõi, làm vua của các bậc Thánh.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Ta nhận lấy trách nhiệm nặng nề của chư Phật, thề cứu giúp muôn loài, tuy phải chịu nhiều cực khổ, nay mới làm bậc tôn quý, dứt mọi sự

ngăn che.

Thái tử sau khi chết sinh lên cõi trời Đâu-suất. Từ cõi ấy, hạ sinh nơi cung vua Bạch Tịnh, nay là thân ta. Còn phụ vương lúc đó là A-nan, người vợ nay là Câu-di, con trai là La-vân, con gái là mẹ của A-la-hán Châu Trì, trời Đế Thích là Đức Di-lặc, thợ săn là Ưu-đà-da, đạo sĩ A-châu-đà là Đại Ca-diếp, người Phạm-chí bán trẻ con là Điều-đạt, vợ Phạm-chí ấy nay là vợ của Điều-đạt, tên là Chiên-già.

Thân mạng ta từ xưa đến nay luôn chuyên cần, thọ khổ không lường, nhưng trọn không hề sợ hãi mà trái với lời thề lớn, đem pháp bố thí vì các đệ tử mà thuyết giảng rõ.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

□

KINH LỤC ĐỘ TẬP

QUYỂN 3

Chương I: BỐ THÍ ĐỘ VÔ CỰC (tt)

15- Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Thuở xưa có vị quốc vương hiệu là Hòa Mặc. Nhà vua thi hành chính sách nhân từ, bình đẳng, thương dân như con, theo đúng pháp trị nước, nên dân chúng không hờn oán. Đất nước ấy rất rộng lớn, nhiều quận, huyện, mọi xứ đều sung túc, ngũ cốc được mùa, trong nước không có thiên tai độc hại, con người sống đến tám vạn tuổi. Hòa Mặc là bậc vua Thánh, mệnh lệnh luôn rõ ràng. Hoàng hậu, quý nhân, bá quan, người hầu... đều phải chấp hành đúng kỷ cương của phận làm tôi, đem chánh pháp dạy cho bộ phận của mình quản lý. Nhà vua thường thể hiện tâm từ, thương tưởng chúng sinh, buồn cho họ vì ngu mê điên đảo để tự đọa lạc, nên dốc tìm giữ nguồn đạo, thương yêu cứu giúp, muôn loài như trời Đế Thích. Tâm sát sinh, trộm cắp, dâm dật, nói hai lưỡi, nói lời độc dữ, nói dối, nói thêu dệt, ganh ghét, sân hận, ngu si... những điều hung ác như thế không còn. Hiếu thuận với cha mẹ, kính yêu tộc họ, tìm theo người hiền, quý trọng bậc Thánh, tin Phật, tin Pháp, tin theo lời dạy của bậc Sa-môn, tin làm lành thì được phước, làm ác thì bị họa, lấy mười điều thiện trung chánh ấy làm pháp sáng, tự mình chấp hành. Ngoài ra, còn ban lệnh từ hoàng hậu, cung phi xuống đến tiện thiếp, đều khiến tuân theo, cùng nhau làm điều lành, bố cáo cho thần dân lớn nhỏ khắp bốn trấn mang đọc, lòng ghi nhớ để tu tập.

Bấy giờ, trong nước có một người nghèo khổ không chịu nổi cảnh khốn cùng, chẳng còn kế gì nên đi ăn trộm, người chủ tóm được đem đến tâu vua.

Nhà vua hỏi: Ngươi ăn trộm phải không?

Kẻ trộm tâu: Quả thật là con ăn trộm!

Vua hỏi: Vì sao ngươi đi ăn trộm?

Kẻ trộm thưa: Con thật quá cùng khốn, không có gì để nuôi thân, đành trái phép sáng của bậc Thánh, đạp lửa mà đi ăn trộm.

Nhà vua thương xót kẻ ấy, khen là thành thật, nhưng trong lòng cảm thấy hổ thẹn, bèn than dài:

– Dân đói tức là ta đói, dân lạnh tức như ta không có gì để che thân.

Lại nói: Thế lực của ta có thể làm cho nước không còn người nghèo. Cái khổ, cái vui của dân đều do nơi ta mà thôi.

Nhà vua liền đại xá cho cả nước, lệnh xuất châu báu trong kho bố thí cho kẻ nghèo thiếu, người đói khát liền được ăn uống, người rét được áo, kẻ bệnh được cấp thuốc men, ruộng vườn, nhà cửa, vàng bạc, châu báu, xe ngựa, trâu tiền … Vua cứ cho theo ý của dân xin. Các loài chim bay, thú chạy, cho tới côn trùng, cả đến ngũ cốc, cỏ cây cũng theo sở thích của chúng.

Từ khi nhà vua thực hành bố thí thì nước mạnh, dân giàu, cùng thúc đẩy nhau giữ đạo. Dân không có người sát sinh, trộm cắp của người khác, gian dâm đối với phụ nữ, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói dối, nói lời thêu dệt, ganh ghét, sân hận, ngu si. Lòng hung ác, ngu muội lặng lẽ tiêu mất. Nhân dân đều tin Phật, tin Pháp, tin Sa-môn, tin làm lành được phước, làm ác bị họa. Cả nước đều vui, roi gậy không thi hành, kẻ cừu địch đến xưng thần, dụng cụ chiến tranh mục nát trong kho, lao ngục không còn nhốt tù nhân, dân chúng đều khen hay:

– Ta sinh ra gặp thời!

Trời, Rồng, Quỉ thần đều vui vẻ giúp đỡ, ủng hộ đất nước ấy. Độc hại tiêu sạch, năm thứ lúa thóc được mùa, nhà nhà có dư. Lòng vua riêng vui mừng liền được năm phước là:

1. Sống lâu.

2. Sắc diện ngày một thêm đẹp đẽ.

3. Đức độ vang đến mọi chốn mọi nơi.

4. Không bệnh hoạn, khí lực ngày một tăng.

5. Bốn cõi luôn an ổn, lòng thường vui vẻ.

Nhà vua khi lâm chung vẫn như một người cường tráng, ăn no, nằm an tĩnh chốc lát được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Dân chúng trong nước đều vâng giữ mười giới của vua ban dạy, khi mạng chung đều được sinh lên cõi trời, không bị đọa vào ba đường ác: địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

– Vua Hòa Nặc thời đó là thân Ta.

Các vị Sa-môn nghe kinh xong đều rất hoan hỷ, lễ Phật và lui ra.

16- Phật nói kinh Tứ tánh.

Nghe như vầy:

– Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, nhà của Tứ tánh gặp phải tai ương từ kiếp trước, nên nghèo túng khốn cùng, mặc áo cỏ, nằm chiếu rơm, cháo rau qua ngày. Tuy là nghèo cực, nhưng chân không bước tới nhà kẻ vô đạo, tay không cầm lấy vật của người vô đạo cho, chí hạnh trong sạch, các thứ tà vọng không thể làm ô nhiễm lòng mình. Sáng học, chiều giảng kinh, giới không ngớt nơi miệng, được Đức Thế Tôn khen ngợi, các bậc trí cung kính. Tuy áo cơm không đủ nuôi thân miệng, nhưng luôn cúng dường Thánh chúng, tùy theo khả năng của gia đình, dù chỉ là cháo rau, chiếu cỏ, cũng không một ngày thiếu vắng. Các vị Sa-môn nói:

– Gia đình Tứ tánh nghèo khốn, thường lộ vẻ thiếu đói, chúng ta không nên thọ nhận vật cúng dường của ông. Trong kinh nói: "Bậc Sa-môn một lòng giữ điều chân chánh, giới đủ, hạnh cao, chí như vàng quý, không trọng tài sắc, chỉ có kinh điển là vật báu, dứt tuyệt sáu thứ đói, nên thề xuất gia. Vậy còn xấu hổ gì vì việc xin ăn mà không đi ư?"

Rồi cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật, thuật rõ đầu đuôi. Đức Thế Tôn im lặng.

Hôm sau, Tứ tánh tự thân đến tinh xá, cúi đầu lễ Phật xong, ngồi sang một bên. Đức Phật nghĩ tới lời thưa của các vị Sa-môn hôm trước, nên hỏi Tứ tánh:

– Hằng ngày ông đem lòng Từ bố thí, cúng dường các Tỳ-kheo phải không?

Đáp: Thưa vâng! Gia đình con hàng ngày cúng dường, chỉ hiềm một nỗi nhà nghèo, chỉ có rau cháo, chiếu cỏ, làm cực nhọc các vị Thánh hiền, nên lấy làm áy náy.

Đức Thế Tôn nói: Hạnh bố thí cốt ở bốn ý: lòng Từ hướng về người thọ thí, lòng Bi luôn thương xót họ, lòng Hỷ khi thấy họ có được những thành tựu, lòng Hộ (Xả) luôn cứu giúp chúng sinh, thì dù là bố thí ít ỏi, nhưng phước đức sau này thường được sinh vào hai đường trời, người, mọi sở nguyện sẽ luôn như ý. Mắt nhìn sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, miệng nếm vị, thân mặc quần áo tốt, tất cả vui vẻ thỏa lòng, không sợ thiếu thốn. Nếu bố thí lắm thứ, nhiều đồ mà lòng không vui thì sau này được phước, phước ấy cũng mỏng manh. Dù được ngôi quan

bảy báu vẫn thấy không đủ sang. Ở trong phước mộng ấy mà lòng lại tham lam keo kiệt, chẳng dám ăn mặc, lo sợ ngay ngáy, chưa từng được vui vẻ, bụng đói, thân lạnh chẳng khác gì người ăn xin, sống dở chết dở, không có được chút phước lành để tự giúp mình. Nếu bố thí mà lòng tốt không thành khẩn, kiêu ngạo, tự thị, thân không cung kính, chỉ cốt cầu danh để tiếng tăm mình được vang xa, thì sau cũng có ít của cải, người đời chỉ xưng tụng suông, cho là ức triệu, lòng lo sợ cướp đoạt, áo thường thô mỏng, ăn chưa từng nếm món ngon cũng là sống uổng chết không.

Các Tỳ-kheo chưa từng bước đến nhà, kẻ ấy vốn xa lìa ba ngôi báu, luôn gần đường ác. Nếu ai đem các vật tốt bố thí dùng bốn Đẳng tâm kính dâng, tự tay san sẻ đặt bày, luôn ghi nhớ Tam bảo, cầu nguyện cho chúng sinh sống được gặp Phật, chết được sinh lên cõi trời, khổ độc tiêu trừ, đời sau sinh ra không cầu mong gì mà không đạt được: gặp Phật, sinh lên cõi trời, ắt được như chí nguyện.

(Chương này trong bản khác xếp ở sau kinh Vua Tát-hóa-đàn)

17- Xưa có vị Phạm-chí tên là Duy Lam, ngôi cao, sang quý, làm Phi hành hoàng đế, của cải nhiều không thể tính kể, tánh ưa bố thí, đem cả con gái sắc đẹp nổi tiếng, phục sức rực rỡ bố thí cho người. Bát vàng đựng đầy gạo bạc, bát bạc đựng đầy gạo vàng, chậu giặt, thau rửa, mâm đựng đồ đều làm bằng bốn thứ báu. Trong đỉnh làm bằng vàng bạc dùng đựng đồ ăn có đến trăm vị. Trâu danh tiếng sông Tần đều lấy vàng ròng che phủ kín. Mỗi con trâu ấy mỗi ngày cho ra bốn thăng sữa, trâu nghé theo sau. Áo báu dệt thành đính đầy ngọc minh châu. Giường ghế, mùng màn, làm bằng vàng bạc, chuỗi báu giăng treo lóa mắt. Voi quý, ngựa tốt, yên cương đều treo đầy các châu báu. Các xe có tàng hoa che, chỗ ngồi phủ da cọp, hoa văn, chạm trổ đẹp đẽ muôn phần. Từ con gái đẹp nổi tiếng cho tới xe báu, những thứ như thế, mỗi loại có đến một ngàn không trăm tám mươi bốn cái, tất cả đều đem bố thí cho người.

Duy Lam từ bi thi ân khắp tám phương, trên dưới. Trời, Rồng, Thiên thần không ai là không hoan hỷ trợ giúp.

Như Phạm-chí Duy Lam bố thí để cứu giúp dân nghèo, suốt cả một đời, không ngày nào ngừng nghỉ, cũng không bằng một ngày dâng cơm cho một nữ thanh tín thọ trì đủ giới luật. Phước bố thí đó hơn phước kia không thể tính kể.

Lại bố thí cho một trăm vị thanh tín nữ như trên, không bằng dâng một bữa cơm cho một vị thanh tín nam đầy đủ giới đức. Dâng cúng cơm

cho một trăm thanh tín nam đầy đủ giới đức, không bằng dâng một bữa cơm cho một Tỳ-kheo-ni đầy đủ giới đức. Bố thí cho một trăm vị Tỳ-kheo-ni đầy đủ giới đức, không bằng dâng một bữa cơm cho một vị Sa-di cao hạnh. Cúng dường một trăm vị Sa-di cao hạnh, không bằng cúng dường cho một vị Sa-môn đầy đủ giới hạnh, tâm không uế trược, trong ngoài đều thanh khiết. Người phàm phu như gạch đá, còn các bậc cao hạnh, đầy đủ giới đức thì như ngọc báu minh nguyệt. Ngói đá đầy khắp bốn châu thiên hạ chẳng bằng một viên trân châu.

Lại như Duy Lam, bố thí cúng dường cho nhiều vị đầy đủ giới hạnh, cũng không bằng cúng dường cho một vị Câu cảng (*Tu-đà-hoàn*). Cúng dường cho một trăm vị Câu cảng, không bằng cúng dường cho một vị Tần lai *(Tư-đà-hàm).* Cúng dường cho một trăm vị Tần lai, không bằng cúng dường cho một vị Bất hoàn (*A-na-hàm*). Cúng dường một trăm vị Bất hoàn không bằng cúng dường một vị Ứng chân (*A-la-hán*).

Lại như Duy Lam, trước bố thí và dâng cơm cho các bậc Hiền thánh, không bằng hiếu thảo phụng dưỡng cha mẹ. Con hiếu thảo luôn dốc hết lòng phụng dưỡng, không chút riêng tư. Trăm đời hiếu thuận với cha mẹ, không bằng cúng dường cơm cho một vị Bích-chi-phật. Cúng dường cho một trăm vị Bích-chi-phật, không bằng cúng dường cơm cho một vị Phật. Cúng dường một trăm Đức Phật không bằng tạo lập một ngôi chùa, giữ tam quy là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Thể hiện trọn lòng nhân từ, không sát sinh; giữ trong sạch không trộm cắp; giữ trinh tiết không xâm phạm vợ của người khác; phụng trì chữ tín không lừa gạt, hiếu thuận nên không say sưa. Thọ trì năm giới, hằng tháng ăn sáu ngày chay, thì công đức cao vòi vọi, hơn hẳn Duy Lam bố thí vạn thứ quý giá cùng dâng cúng cơm các bậc Hiền thánh như đã nêu trên, phước đức ấy thật khó tính kể. Công đức trì giới không bằng dùng bốn Tâm vô lượng thương xót nuôi dưỡng chúng sinh, phước đức ấy là không cùng tận. Tuy là cháo rau, chiếu cỏ, mà giữ gìn Tam quy, lòng mang bốn Tâm vô lượng, thọ trì năm giới, thì núi cao, biển rộng còn đo lường được chứ phước đức ấy khó tính toán nổi.

Đức Phật bảo ông Tứ tánh:

– Phạm-chí Duy Lam ngày ấy chính là thân Ta đó.

Tứ tánh nghe kinh, lòng rất vui mừng, lễ Phật rồi ra về.

18- Thuở xưa, Bồ-tát làm thân nai chúa, thân hình cao lớn, lông có năm màu, móng sừng đẹp lạ, hàng ngàn nai khác phục tùng đi theo từng bầy.

Một hôm, quốc vương nước ấy đi săn, bầy nai bị phân tán, con thì lao vào hang núi, con thì rớt xuống vực sâu, húc vào cây, đâm vào gai, da nát xương gãy, tử thương và bị giết không ít. Nai chúa thấy thế, nghẹn ngào nghĩ: "Ta là trưởng đàn, đáng lẽ phải sáng suốt chọn đường đất mà đi kiếm ăn. Chỉ vì cỏ non mà quanh quẩn ở đây, làm cho lũ nhỏ bị tiêu tán, lỗi này tại ta". Rồi nai chúa theo đường tắt, tự đi vào thành. Người trong nước thấy nó đều nói:

– Vua ta có đức chí nhân, khiến nai thần đến tận triều.

Vì cho là điềm lành của đất nước, không ai dám động tới nai chúa nên nai chúa mới đến được trước điện vua, quỳ xuống tâu:

– Loài thú nhỏ tham sống, gởi thân nơi đất nước ngài, bởi gặp thợ săn, loài vật chúng tôi chạy trốn, hoặc sống thì lạc nhau, hoặc chết thì la liệt. Lòng nhân của trời luôn thương yêu loài vật, thật đáng buồn đau. Chúng tôi tự chọn mỗi ngày dâng nạp thái quan, xin cho biết số lượng, không dám dối gạt.

Nhà vua lấy làm lạ, đáp:

– Thái quan dùng một ngày không quá một con. Ta không biết các ngươi bị tử thương quá nhiều. Nếu quả thật như lời ngươi nói, thì ta thề không đi săn nữa.

Nai chúa về họp cả bầy nai, nói hết ý ấy, chỉ rõ chỗ họa phước. Cả bầy nai nghe rồi đều phục tùng, tự phân thứ tự, con nào phải đi trước. Mỗi khi con nào sắp đi chịu chết đều đến từ biệt nai chúa, nai chúa đều rơi nước mắt, thương xót dặn dò:

– Sinh ra trên đời đều phải chết, có ai được miễn đâu. Con nên tìm đường niệm Phật, nhân hiếu từ tâm, đối với vua kia, chớ có oán giận.

Hàng ngày đều như thế cả.

Một hôm, đến lượt một con nai phải ra đi, mà thân mang thai gần ngày sinh. Nó thưa:

– Chết tôi không dám trốn tránh, nhưng xin được tạm miễn để sinh con.

Bèn chọn con kế tiếp để thay, con này dập đầu khóc thưa:

– Tôi nhất định là phải chết rồi! Nhưng hãy còn sống được một ngày một đêm nữa. Dù mạng sống chỉ giây lát, nhưng giờ đến thì mới không ân hận.

Nai chúa không nỡ ép uổng các sinh mạng ấy. Rạng ngày, nai chúa bèn trốn đàn, đích thân đến thẳng chỗ thái quan. Người nhà bếp biết được

liền tâu lên vua. Nhà vua hỏi duyên cớ, nai chúa đem sự việc như trên đáp lại. Nhà vua bùi ngùi thương xót, rơi nước mắt:

– Há có loài thú mà mang lòng nhân từ như trời đất, giết thân mình để cứu cả đàn, đi theo hạnh từ bi rộng lớn của cổ nhân. Còn ta là vua của con người, hàng ngày giết bao mạng chúng sinh chỉ để béo tốt cho thân mình! Ta ưa nẻo hung ngược, chuộng nết của loài sài lang sao! Loài thú mà làm điều nhân từ như thế là tôn phụng cái đức hiếu sinh của trời.

Nhà vua bảo nai chúa trở về chỗ cũ, rồi hạ lệnh cho cả nước, nếu có người xâm phạm đến loài nai thì coi đồng với tội giết người. Từ đó về sau vua và quần thần đều cải hóa, dân chúng tuân theo nẻo nhân không sát sinh. Ân đức thấm nhuần đến cả cỏ cây, đất nước được thái bình.

Bồ-tát đời đời hy sinh thân mình để cứu giúp muôn vật. Công nên, đức lớn, trở thành bậc Đại hùng tôn quý.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nai chúa thời đó chính là thân Ta, còn quốc vương là Xá-lợi-phất.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như thế.

19- Thuở xưa, Bồ-tát làm thân thiên nga, sinh được ba con. Gặp lúc trời hạn hán, không có gì nuôi con, thiên nga mẹ đành rỉa thịt dưới nách để cứu mạng các con. Ba con nghĩ: "Thịt này mùi vị cùng với hơi hướng nơi thân mẹ ta không khác. Không lẽ mẹ đã dùng thịt mình làm đồ ăn cho chúng ta?" Ba con xót xa lòng đầy bi thương, lại nói:

– Thà mất mạng chúng ta cứ không thể mất mạng mẹ.

Thế rồi chúng ngậm miệng không ăn. Mẹ thấy con không ăn thì lại rỉa thêm thịt. Thiên thần khen:

– Mẹ hiền thương cho khó có ai hơn được, còn con hiếu kính thật là ít có.

Rồi chư Thiên giúp đỡ, nguyện xin gì đều được thỏa.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Thiên nga mẹ là thân Ta đó, ba con ấy là Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và A-nan.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

(Chương này trong bản khác xếp ở sau kinh Duy Lam).

20- Xưa, Bồ-tát làm chúa Khổng tước, vợ hầu có đến năm trăm, nhưng đã bỏ hết vợ cũ để ham theo cô vợ Thanh tước. Cô Thanh tước này chỉ thích uống nước ngọt và ăn quả ngon. Khổng tước vì vợ nên ngày ngày

phải đi kiếm lấy. Phu nhân của vua nước ấy có bệnh, nằm mơ thấy Khổng tước nói:

– Thịt nó có thể làm thuốc.

Thức dậy, bèn tâu lên. Nhà vua liền ra lệnh cho thợ săn mau tìm bắt. Phu nhân nói:

– Ai bắt được Khổng tước thì sẽ gả con gái út cho và biếu thêm trăm cân vàng.

Thợ săn trong nước chia nhau đi tìm khắp. Họ thấy Khổng tước chúa theo Thanh tước ở chỗ thường kiếm ăn, liền lấy mật trộn với lương khô, bôi lên cây ở mọi chốn. Khổng tước bèn lấy đem về cho vợ. Một thợ săn dùng thứ lương khô trộn mật ấy bôi nơi thân mình rồi ngồi đợi. Khổng tước đến lấy thức ăn, người này nhân đó bắt được. Khổng tước nói:

– Ông đã dốc hết thân ắt là vì lợi. Tôi sẽ chỉ cho ông cả núi vàng, có thể là của báu vô tận, đổi lại, ông hãy tha mạng cho tôi.

Người ấy nói:

– Đại vương hứa cho ta cả trăm cân vàng và gả gái út làm vợ. Ta há tin được lời của ngươi?

Thợ săn liền đem dâng lên vua. Khổng tước tâu:

– Nhà vua giữ lòng nhân, đức ấy đâu đâu cũng thấm nhuần. Xin nghe lời mọn này: "Hãy cho tôi chút nước, tôi sẽ dùng tâm Từ chú nguyện, uống vào là lành bệnh ngay. Nếu không hiệu nghiệm, sẽ xin chịu tội cũng không muộn".

Nhà vua thuận theo ý của chim. Phu nhân dùng nước đã chú nguyện của Khổng tước, các bệnh đều khỏi, sắc đẹp rạng rỡ. Cung nhân cũng đều như thế. Cả nước khen vua lòng nhân từ bao la, xin tha mạng cho Khổng tước để người cả nước được tăng thêm tuổi thọ. Khổng tước nói:

– Xin được ném thân vào hồ lớn kia để chú nguyện cho nước ở đó, nhằm chữa bệnh cho dân chúng khắp nước. Nếu có nghi ngờ nguyện vọng này, xin cứ dùng gậy đánh vào thân tôi.

Nhà vua nói: Được!

Khổng tước liền chú nguyện nước nơi hồ. Dân chúng uống nước ấy, người điếc được nghe, người mù được thấy, người câm thì nói được, người gù được thẳng lưng, các bệnh đều lành như thế. Bệnh của phu nhân dứt hẳn, dân cả nước cũng đều dứt tật, không ai có tâm muốn hại Khổng tước. Khổng tước biết rõ điều ấy nên hướng về vua tâu bày:

– Thọ ân lớn của vua tha mạng, tôi đã cứu mạng cả nước để đền đáp.

Việc đã hoàn tất, xin được cáo lui.

Nhà vua nói: Được.

Khổng tước liền bay vòng quanh, rồi đậu lên cây, lại nói:

– Thiên hạ có ba kẻ ngu si.

Vua hỏi: Sao gọi là ba?

Chim đáp:

– Một là tôi ngu si, hai là thợ săn ngu si, ba là đại vương ngu si.

Nhà vua xin chim giải thích. Khổng tước nói:

– Giới trọng của chư Phật cho sắc dục là lửa dữ thiêu đốt thân thể, nguy hại đến tánh mạng đều do đấy. Tôi bỏ sự hầu hạ của năm trăm vợ để ham mê con Thanh tước, phải đi kiếm đồ ăn cung phụng nó như một tên đầy tớ, nên bị thợ săn chăng lưới bắt được, suýt nguy đến tánh mạng. Đó là cái ngu si của tôi. Còn cái ngu si của người thợ săn là hắn không tin lời nói chí thành của tôi, bỏ cả một núi vàng, vất cả một kho báu vô tận, lại đi tin lời dối gạt sai vạy của phu nhân, hy vọng được cưới con gái út làm vợ. Xem ra người đời cuồng ngu đều cùng một loại như thế cả. Họ bỏ đi lời răn dạy chí thành của Phật, để tin theo sự lừa dối của quỉ mị. Rượu nhạc, dâm loạn, thì hoặc dẫn đến cái họa phá tan cửa nhà, hoặc sau khi chết bị đọa vào địa ngục Thái sơn, khổ ấy thật vô số. Nghĩ kỹ lại, làm người như con chim không cánh, mà muốn bay lên trời, há chẳng phải là khó lắm sao! Sắc đẹp của dâm nữ dụ dỗ mê hoặc, nên mất nước, hại thân đều từ đó mà ra cả. Vậy mà kẻ ngu trên đời lại tôn thờ nó. Vạn lời của nó không một lời thành thật, thế mà bọn thợ săn tin theo. Ấy là cái ngu si của thợ săn. Còn đại vương thì có được thuốc trời trừ hết bệnh cho cả nước, các độc hại đều diệt, sắc diện mọi người như hoa thắm, kẻ lớn, người nhỏ đều hớn hở cậy nhờ. Ấy mà nhà vua lại thả đi. Đó là cái ngu si của đại vương.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Chúa Khổng tước từ đó về sau, đi khắp tám phương, với tấm lòng lành đem thần dược bố thí, chữa khỏi bệnh tật cho chúng sinh. Chúa Khổng tước chính là thân Ta, quốc vương là Xá-lợi-phất, người thợ săn là Điều-đạt, phu nhân của vua ấy nay là vợ của Điều-đạt.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

21- Ngày xưa, có một vị Phạm-chí sống đến một trăm hai mươi tuổi, vẫn giữ trinh không cưới vợ, chuyện dâm dục không màng đến, sống tĩnh lặng nơi núi đầm, không ưa đời phú quý, dùng cỏ tranh làm

lều; cỏ bồng, cỏ hoa làm chiếu, uống nước suối, ăn quả rừng, cốt để giữ mạng sống, chí rộng, hạnh cao, thiên hạ đều ca ngợi đức độ. Nhà vua đã từng mời làm tướng quốc, nhưng ông một lòng vì đạo không ra làm quan. Ông ở chốn núi đầm này hơn mấy mươi năm, nhân từ trùm khắp, cả loài cầm thú đều được nhờ cậy. Bấy giờ có bốn con thú là cáo, rái cá, vượn và thỏ, hàng ngày chúng cúng dường đạo sĩ và tĩnh tâm nghe kinh. Sự việc trải qua nhiều năm, trái cây nơi núi này dần dần hết cả, đạo sĩ muốn đi tìm nơi khác có nhiều trái cây hơn. Bốn con thú lo buồn, nói:

– Tuy có kẻ sĩ vinh hoa khắp cả nước, nhưng như nước bẩn đầy cả biển không bằng một thưng, một đấu nước cam lộ. Đạo sĩ đi rồi không còn được nghe Thánh điển nữa, chúng ta sẽ bị suy thôi. Vậy mỗi chúng ta phải tùy nghi xoay sở tìm đồ ăn thức uống cúng dường đạo sĩ, thỉnh ngài ở lại núi này để được nghe đại pháp.

Bọn chúng đều nói: Được.

Con vượn lãnh phần tìm hái quả. Con cáo hóa làm người kiếm được một túi lương khô. Con rái thì bắt được cá lớn. Ba con đều nói:

– Số lương thực này có thể cung cấp cho đạo sĩ trọn một tháng. Con thỏ tự nghĩ: "Ta sẽ lấy gì để cung cấp cho đạo sĩ đây?".

Rồi nó nói: Hễ có sống thì phải có chết, thân này là đồ mục nát, rồi sẽ bỏ đi, cho vạn kẻ phàm phu ăn không bằng cúng dường cho đạo sĩ một bữa.

Nó lấy củi nhóm lửa thành than, hướng về đạo sĩ, thưa:

– Thân con tuy nhỏ, nhưng có thể cung cấp cho ngài được một ngày.

Nói rồi, nó liền lao mình vào lửa, nhưng lửa không cháy. Đạo sĩ thấy thế, hết sức cảm kích về việc làm của nó, nên khiến như vậy. Chư Phật khen ngợi công đức ấy, Thiên thần đem lòng lành nuôi dưỡng. Đạo sĩ liền ở lại nơi đó, ngày ngày nói diệu kinh. Bốn con thú tuân theo, thọ nhận lời dạy dỗ.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

– Vị Phạm-chí ngày ấy chính là Đức Phật Định Quang, con thỏ là thân Ta, con vượn là Thu Lộ Tử, con cáo là A-nan, còn con rái là Mục-kiền-liên.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã bố thí như vậy.

22- Thuở xưa, Bồ-tát là một nhà giàu có, tích chứa của báu ngang với kho tàng cả nước, thường ưa cứu giúp kẻ bần cùng, bố thí cho khắp chúng sinh, nhận tất cả muôn loài nương nhờ như biển cả nhận các dòng sông.

Bấy giờ có đứa con người bạn, do hành động phóng đãng, nên cửa nhà tiêu tan. Người nhà giàu thương xót dạy:

– Lấy đạo lý sống với đời thì phúc lợi không bao giờ hết. Ta đem ngàn lượng vàng cho con để làm vốn.

Hắn thưa:

– Thưa vâng! Con không dám trái lời dạy dỗ sáng suốt.

Hắn liền đem số vàng ấy làm vốn đi buôn bán. Nhưng hắn vốn tánh hạnh tà hèn, ưa việc quỉ mị, dâm đãng, rượu chè, vui chơi nên của cải đó hết dần, trở lại bần cùng. Do có năm hạnh như thế nên tiền của sạch túi, nghèo cũng hoàn nghèo. Khi đó, ngoài cửa nhà người giàu ấy có con chuột chết trên đống phân, người nhà giàu bèn chỉ cho hắn ta thấy và bảo:

– Này, kẻ sĩ thông minh với cái thây con chuột chết kia cũng có thể nuôi sống mình và tạo nên sự nghiệp, huống hồ là con có ngàn lượng vàng mà lại cùng khốn sao? Nay ta lại cấp cho con một ngàn lượng vàng nữa.

Lúc ấy, có một đứa trẻ ăn xin từ xa nghe được lời dạy ấy, lòng bồi hồi xúc động. Đi xin ăn xong trở lại, nó lấy con chuột chết ấy đem về. Theo lời dạy hay của người nhà giàu, nó xin đủ các thứ gia vị ướp rồi nướng, đem bán được hai tiền. Nó dùng số tiền ấy làm vốn mua bán rau, dần dà có hơn bạc trăm. Từ buôn bán nhỏ trở thành buôn bán lớn, chẳng mấy lúc trở thành người giàu có trong vùng. Lúc rảnh rỗi bèn nhớ lại: "Ta vốn là đứa trẻ ăn xin, nhờ nhân duyên gì mà được của này?". Rồi sực tỉnh ra: nhờ lời dạy hiền thiện của người giàu kia cho một đứa trẻ ương bướng mà ta có được của báu này. Đã thọ ân thì phải đáp trả mới là người sáng suốt.

Bèn làm một cái mâm bạc và con chuột bằng vàng, trong bụng chứa đầy các thứ châu báu danh tiếng, dùng lụa phủ lên. Lại đem chuột vàng báu ấy bày lên mâm bạc, bốn bên kết treo các thứ chuỗi ngọc báu và các thứ ngon quý, rồi mang sang lễ nhà giàu kia, thuật rõ lý do, nên nay xin đền đáp ân trời biển nọ. Người nhà giàu nói:

– Hay thay bậc Trượng phu đã có thể làm theo lời giáo huấn đó!

Rồi người nhà giàu liền đem con gái gả cho, cả gia sản cũng giao luôn và nói: Con là con cháu của ta, phải thờ Phật, quy y Tam bảo, đem bốn thứ tâm để cứu giúp chúng sinh.

Anh ta thưa: Con quyết tâm tu theo lời Phật dạy.

Sau này làm người kế thừa gia thế ấy, cả nước đều khen là người con hiếu đạo.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

– Người nhà giàu là thân Ta. Tên đãng tử kia là Điều-đạt, người nhờ chuột mà trở nên giàu kia là Tỳ-kheo Bàn Đặc. Điều-đạt nhớ tới sáu ức phẩm kinh của Ta, nhưng nói thuận làm nghịch, khi chết bị đọa vào địa ngục Thái sơn. Còn Tỳ-kheo Bàn Đặc chỉ nhớ làm theo một câu nói của Ta cho đến đổi đời. Ôi! Có nói không làm thì như mỡ gặp ánh nắng tự hoại. Ấy là trí của kẻ tiểu nhân. Lời nói đi đôi với việc làm thì sáng như mặt trời mặt trăng, thương tưởng chúng sinh, giúp thành muôn vật. Ấy là sự sáng suốt của bậc Đại nhân. Người thực hiện là đất, muôn vật do đó sinh ra.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

23- Xưa, có một người mẹ góa làm thuê cho Lý gia coi giữ ruộng vườn. Chủ nhân không được rảnh rỗi, thường cho ăn quá giờ. Đến lúc sắp được ăn thì vị Sa-môn đến xin. Lòng bà nghĩ: "Người ấy dứt dục, bỏ tà, ắt đức hạnh thanh cao chân chánh. Cứu giúp cho người đói trong bốn biển không bằng cúng dường chút ít cho bậc chân hiền giới hạnh thanh tịnh".

Rồi bà đem hết phần ăn của mình trút vào bát rồi cắm một cành hoa sen lên để hiến cúng. Đạo nhân hiện thần thông, phóng hào quang sáng ngời. Bà vui vẻ khen:

– Đây đúng là bậc Thần thánh sao? Ta nguyện sau này sinh được một trăm người con như thế.

Bà mẹ qua đời, thần hồn dời đi muốn làm con nối dõi của người Phạm-chí, nên hồn bà tụ nơi chỗ tiểu tiện của Phạm-chí. Có con nai liếm chỗ tiểu tiện, liền cảm thọ thai. Đến kỳ sinh một đứa con gái. Phạm-chí nuôi dưỡng, năm lên hơn mười tuổi, dung mạo sáng đẹp, ở nhà giữ lửa. Đứa con gái cùng nai đùa giỡn, không hay lửa tắt. Cha về giận lắm, sai đi xin lửa. Người con gái đến xóm đông người, mỗi bước chân nàng đi qua thì chỗ đó mọc ra một hoa sen. Người chủ có lửa nói:

– Cô đi quanh nhà ta ba vòng, ta lấy lửa cho cô.

Cô gái liền thuận theo lời thì hoa mọc trên đất vây quanh nhà ba lớp. Người đi đường dừng chân, không ai không lấy làm lạ. Tiếng đồn phút chốc đến tai quốc vương. Nhà vua ra lệnh cho thầy tướng xem tướng nàng ấy sang hay hèn.

Thầy tướng thưa: Ắt có con nối dòng thánh, truyền ngôi đến vô cùng.

Vua liền sai hiền thần chuẩn bị đủ lễ nghinh đón về. Dung nghi nàng tươi đẹp như hoa, cung nhân không ai bằng.

Nàng mang thai, đến kỳ sinh ra một trăm cái trứng. Hậu, phi, thê

thiếp... ai ai cũng ganh ghét. Họ bèn chặt cây chuối khắc hình tượng quỉ, đến khi nàng sinh, chúng dùng tóc phủ lên mặt và lấy nước bùn dơ bôi lên tượng chuối ấy rồi đem trình lên vua xem. Bọn yêu quái che lấp ánh sáng nên nhà vua lầm tin. Lũ tà lấy hũ đựng trứng, bịt kín miệng rồi ném xuống dòng sông. Trời Đế Thích xuống lấy ấn đóng lên miệng bình, chư Thiên theo bảo vệ, xuôi dòng dừng lại như cây cổ thụ cắm xuống đất. Nhà vua của nước nơi vùng hạ lưu đang lúc ở chốn đài cao, trông thấy xa xa giữa dòng nước có cái hũ trôi xuống, hào quang tỏa rực rỡ bao trùm, như có linh khí của trời. Bèn sai người vớt lên xem, thấy có dấu ấn của trời Đế Thích trên miệng, mở ra thì được trăm cái trứng, bèn sai một trăm người đàn bà ấp nuôi đủ độ ấm nóng. Đến khi hình thể đã thành, nở ra một trăm người con trai, sinh ra đã có trí tuệ của bậc Thượng thánh, tự hiểu biết sáng suốt không cần phải dạy dỗ, dung mạo đẹp đẽ hơn người, tướng tốt ít có, thế lực tài năng hơn người trăm lần, tiếng nói vang như sư tử rống. Nhà vua sắm đủ một trăm con voi trắng với yên cương đều bằng bảy báu, để cho những người con thánh nối dõi, rồi sai họ đi chinh phạt các nước xung quanh, khiến bốn phương đều hàng phục, xưng thần.

Bấy giờ đến lượt đi chinh phạt đất nước của vua cha đã sinh ra họ, dân chúng cả nước từ lớn tới nhỏ không ai là không run sợ. Nhà vua nước ấy hỏi: Ai có thể ngăn được kẻ địch này?

Phu nhân của vua thưa: Xin đại vương chớ có lo sợ, cứ xem kẻ địch tấn công từ hướng nào, thì theo đó dựng đài quan sát. Tôi sẽ vì vua mà hàng phục chúng.

Nhà vua liền ra xem tình hình quân địch thế nào rồi cho lập đài. Người mẹ đẻ của họ lên đài quan sát, cất tiếng nói:

– Phàm tội phản nghịch lớn có ba thứ: "Không xa lánh bọn tà ngụy, rước lấy lỗi lầm hai đời, đó là một. Sống không biết cha mẹ làm ngược hiếu hạnh, đó là hai. Cậy thế lực làm hại người thân, hủy hoại tam tôn, đó là ba." Ôm mang ba điều đại nghịch ấy, ác đó không bao giờ che giấu nổi. Các ngươi hãy há miệng ra, tín hiệu hiện ngay bây giờ.

Rồi người mẹ nắm vú mình bóp mạnh, trời khiến sữa bắn vào miệng khắp trăm đứa con. Chúng cảm vì sự tinh thành, nên uống những giọt sữa tình thương, rồi đều nói: Đây đúng là mẹ của ta.

Nước mắt chảy ròng, chắp tay bước tới, cúi đầu hối lỗi. Mẹ con mới gặp lại nhau, không ai là không thương cảm. Từ đó hai nước hào mục, tình hơn anh em. Tám phương mừng rỡ, không ai là không khen ngợi tốt đẹp.

Bấy giờ các con nhìn thấy đời vô thường, hư ảo, nên giã từ người

thân, tìm đường học đạo, xa lánh cõi đời uế trược. Chín mươi chín người con đều chứng được đạo quả Duyên giác. Còn một người con ở lại lo liệu việc nước, đến khi phụ vương băng hà thì lên làm vua, đại xá những kẻ có tội, phá bỏ lao tù, san bằng hào ải, tha miễn hàng nô bộc, an ủi người hiếu để, nuôi dưỡng kẻ cô độc, mở kho bố thí lớn theo sở nguyện của dân chúng mà cấp phát, lấy mười điều thiện làm phép nước, người người đều vâng theo tụng đọc, nhà có con hiếu, xây dựng chùa tháp, cúng dường Sa-môn, tụng kinh luận đạo, miệng không phạm bốn điều ác, bao nhiêu độc hại đều tiêu tan hết, thọ mạng dài thêm. Vua trời giúp đỡ, nuôi dưỡng họ như cha mẹ nuôi con.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn: Người con ở lại làm vua đó là bản thân Ta. Vua cha nay là vua Bạch Tịnh, người mẹ nay là Xá Diệu.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

24- Thuở xưa, Bồ-tát có thời làm Phạm-chí, thông tỏ kinh luật, được người cả nước tôn làm thầy. Phạm-chí có năm trăm người đệ tử, đều là những kẻ đức độ, nho nhã, ưa bố thí như tự giữ gìn bản thân mình.

Đời bấy giờ có Đức Phật hiệu là Tiệp Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Tôn Tối Chánh Giác dẫn đường cho ba cõi, thần trở về nơi gốc không. Bồ-tát gặp Đức Phật, mừng rỡ tự quy y, thỉnh Phật và chúng Tăng lưu lại nhà bảy ngày, dùng lễ cúng dường. Các đệ tử của Phạm-chí tranh nhau làm chủ từng việc. Có một người tuổi nhỏ, thầy bảo đi về mà không về, trở lại xin làm việc.

Thầy nói: Xem có việc gì không có người làm thì ngươi nhận mà làm.

Đồng tử thưa: Chỉ có việc đèn lửa là chưa có ai làm.

Thầy nói: Hay thay! Này đệ tử, hãy lấy bình dầu mè, tự tắm rửa sạch sẽ, dùng khăn trắng quấn quanh đầu, tự tay châm lửa đốt đầu mình. Trời, Người, Rồng, Quỉ nhìn thấy sức mạnh ấy, không ai là không vỗ tay kinh ngạc và khen ngợi: Trên đời chưa từng có, người ấy ắt sẽ thành Phật.

Đức Phật khen người đó, khiến đèn sáng suốt đêm mà đầu không bị tổn thương. Lòng định nơi kinh, hoát nhiên dứt tưởng. Bảy ngày như thế, không chút lười mỏi. Đức Phật liền thọ ký:

– Qua vô số kiếp, con sẽ thành Phật hiệu là Định Quang, nơi đỉnh đầu, trên vai, đều có hào quang, dạy bảo, cứu vớt độ được chúng sinh nhiều vô lượng.

Trời, Người, Quỉ, Rồng nghe người ấy sẽ được thành Phật, không ai

là không khen ngợi, cúi đầu lạy mừng. Vị Phạm-chí nghĩ: "Người kia được Phật thọ ký làm Phật, ta ắt cũng được như vậy." Bèn đợi Phật thọ ký, nhưng Phật đã ra đi. Phạm-chí đến trước Đức Phật, cúi đầu bạch:

– Nay thiết lễ mọn cúng dường, lòng con chân thành nguyện xin Đức Phật thọ ký.

Đức Phật bảo Phạm-chí: Khi đồng tử đó thành Phật sẽ thọ ký cho ông.

Phạm-chí nghe sẽ được làm Phật, vui mừng quên cả thân. Từ đó về sau luôn làm bố thí lớn: kẻ đói cho ăn, người rét cho mặc, bệnh cấp thuốc thang, các loài bò, bay, máy, cựa... Theo sự ăn uống của chúng luôn kịp thời cứu giúp. Các nước trong tám phương đều gọi là bậc cha nhân từ.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Đồng tử là Đức Phật Định Quang, còn Phạm-chí là thân Ta.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

25- Thuở xưa, Bồ-tát là một Lý gia lớn, tích chứa của cải nhiều vô số, thường phụng thờ ba ngôi báu, lòng thương khắp chúng sinh. Một hôm đi ra chợ, thấy một con ba ba, động lòng thương xót, mới hỏi giá cả bao nhiêu. Người chủ con ba ba biết Bồ-tát có đức nhân từ rộng rãi, ưa tế độ chúng sinh, giàu có của cải không kể xiết, giá mắc rẻ không từ chối, nên mới đáp:

– Đủ một trăm vạn thì có thể lấy đi được, bằng không tôi sẽ làm thịt nó.

Bồ-tát đáp: Rất tốt.

Liền trả tiền đúng giá, mang ba ba về nhà, rửa giúp vết thương rồi đem ra bờ sông thả. Nhìn nó bơi đi, buồn vui lẫn lộn, Bồ-tát thề rằng:

– Mong loài chúng sinh, ngạ quỉ trong địa ngục Thái sơn, những kẻ bị lao ngục trên đời... sớm được thoát nạn, thân mạng an toàn như ngươi hôm nay.

Rồi cúi đầu lạy khắp mươi phương, chắp tay nguyện tiếp:

– Chúng sinh, khổ kia không lường. Ta sẽ xin làm trời, đất, vì hạn làm mưa nhuần, vì nổi trôi làm chiếc bè, đói cho ăn, khát cho uống, rét cho ấm, nóng cho mát, vì người bệnh cho thuốc, vì chỗ tối tăm cho ánh sáng. Nếu có đời dơ dục, gặp thời điên đảo, Ta sẽ ở trong cõi đó thành Phật, tế độ chúng sinh ấy.

Mười phương chư Phật đều tán thán lời thề đó:

– Hay thay! Ông ắt được như chí nguyện.

Đêm hôm sau, con ba ba đến cắn cửa nhà Bồ-tát. Ông lấy làm lạ sao ngoài cửa có tiếng động, sai người ra coi thử thì thấy con ba ba. Người nhà nói lại sự việc, Bồ-tát ra xem thì thấy con ba ba nói tiếng người:

– Tôi thọ ân nhuần của ngài, thân thể được an toàn, không biết lấy gì để đáp tạ ân sâu. Vật sống dưới nước nên biết trước được nước đầy hay vơi. Tôi biết nạn hồng thủy sắp đến ắt sẽ gây hại lớn, xin mau chuẩn bị thuyền bè, đến lúc đó tôi sẽ đón ngài.

Bồ-tát đáp: Tốt lắm.

Sáng sớm hôm sau, Bồ-tát bèn đến cung vua tâu rõ sự việc trên. Nhà vua biết Bồ-tát từng nổi tiếng là bậc Hiền thiện, nên tin lời ông ngay, liền ra lệnh dời hết dân ở vùng thấp lên chỗ cao. Đến khi lụt bắt đầu, ba ba tới nói: Nạn hồng thủy đến rồi, hãy mau xuống thuyền, bơi theo sau tôi thì được an toàn.

Thuyền của Bồ-tát bơi theo sau con ba ba ấy. Bơi được một lúc thì có con rắn bơi theo thuyền.

Bồ-tát hỏi: Cứu lấy nó chứ?

Ba ba đáp: Tốt lắm.

Rồi lại thấy một con cáo bị trôi, Bồ-tát hỏi: Cứu lấy nó chứ?

Con ba ba cũng đáp: Tốt.

Một lúc nữa, lại gặp một người bị trôi, đang tự vỗ vào mặt kêu trời:

– Hãy thương cứu lấy mạng tôi!

Đại Lý gia hỏi: Cứu lấy hắn chứ?

Con ba ba đáp hãy thận trọng, không nên cứu. Lòng người đời dối trá, ít có trung tín, vong ân bội nghĩa, chạy theo thế lực, ưa làm những việc hung nghịch.

Bồ-tát nói:

– Loài vật ngươi cứu, còn loài người mà ta xử tệ thì đâu là nhân từ nữa. Ta không đành lòng.

Rồi Bồ-tát cứu lấy người ấy.

Ba ba nói: Ôi! Rồi ngài sẽ hối hận.

Đến được chỗ đất yên lành, ba ba từ tạ:

– Đền ân đã xong, tôi xin cáo lui.

Bồ-tát đáp: Khi ta chứng được đạo quả Như Lai Vô Sở Trước Chí Chân Chánh Giác thì ta sẽ độ cho ngươi.

Ba ba đáp: Tốt lắm.

Ba ba lui rồi thì rắn, cáo cũng đều ra đi. Con cáo đào hang làm chỗ ở, gặp được kho vàng ròng của người xưa có đến trăm cân, vui mừng nghĩ: "Ta sẽ đem của này đền đáp ân cứu mạng kia." Rồi nó vội trở lại gặp Bồ-tát, thưa:

– Loài vật nhỏ nhoi này chịu ân cứu mạng. Tôi vốn là loài vật ở hang nên trong lúc đào hang để ở, bắt gặp một trăm cân vàng. Hang ấy không phải mồ mả, không phải nhà cửa, của này không phải là của cướp đoạt, cũng không phải là của trộm cắp. Tôi được nó là do lòng thuần thành, nên nguyện đem đến hiến cúng cho ngài.

Bồ-tát ngẫm nghĩ: "Không nhận lấy mà bỏ đi thì không ích lợi gì cho dân nghèo. Nếu nhận lấy rồi đem bố thí thì chúng sinh được cứu giúp, vậy chẳng tốt hơn sao?". Nghĩ rồi liền theo cáo tới lấy của ấy. Người bị trôi thấy vậy, nói: Chia cho tôi một nửa!

Bồ-tát liền lấy mười cân cho hắn. Người bị trôi nói:

– Ông đào mả cướp vàng, tội ấy phải thế nào? Nếu không chia cho phân nửa, thì tôi ắt tố cáo với quan.

Bồ-tát đáp: Dân nghèo thiếu thốn, ta muốn đem bố thí đều cho họ, mà ngươi muốn đoạt hết số của đó, chẳng là bất công lắm sao?

Người bị trôi bèn báo với quan Hữu ty. Bồ-tát bị bắt, hết cách biện bạch, chỉ còn cách quy mạng Tam tôn, hối lỗi tự trách, nguyện cho chúng sinh mau lìa tám nạn, không còn oán kết như mình hôm nay. Rắn và cáo gặp nhau bàn: Việc này sao đây?

Rắn nói: Tôi sẽ giúp cho.

Rồi nó ngậm thuốc hay, mở khóa vào nhà giam, thấy tình trạng Bồ-tát, vóc dáng suy tổn mà xót xa buồn lòng. Nó thưa với Bồ-tát:

– Ngài mang thuốc này trong mình, tôi sẽ tìm cắn thái tử. Nọc tôi cắn rất độc, không ai có thể cứu được, ngài cứ đem thuốc này dâng lên vua, uống vào là khỏi ngay.

Bồ-tát lặng thinh, còn rắn thì làm như đã nói. Mạng thái tử sắp mất, nhà vua truyền lệnh:

– Ai có thể cứu thái tử thì phong làm tướng quốc, cùng với ta tham gia trị nước.

Bồ-tát dâng thuốc lên, thái tử uống vào liền khỏi ngay. Nhà vua vui mừng hỏi nguyên do, tù nhân tự bày tỏ đầu đuôi câu chuyện. Nhà vua bùi ngùi tự trách lỗi:

– Ta tối tăm lắm thay!

Vua bèn xuống lệnh giết tên bị trôi kia, đại xá cho cả nước, phong Bồ-tát làm tướng quốc, nắm tay đi vào cung, cùng ngồi mà nói:

– Hiền giả đọc sách gì, tin theo đạo nào mà làm việc nhân từ của trời đất, ban ân huệ khắp chúng sinh như thế?

Bồ-tát đáp: Tôi đọc kinh Phật, tin theo đạo Phật.

Nhà vua hỏi: Phật có yếu quyết gì chăng?

Thưa: Có chứ. Đức Phật dạy về bốn vô thường, ai giữ được thì sẽ dứt hết các họa, phước lớn thịnh.

Nhà vua nói: Xin được nghe lời dạy quý báu kia.

Bồ-tát đáp: Khi trời đất kết cuộc thì bảy mặt trời cùng thiêu đốt, biển lớn đều khô cạn, trời đất rực lửa, núi Tu-di băng hoại. Trời, Người, Quỉ, Rồng..., thân mạng chúng sinh bị cháy thiêu đốt ngay. Trước thịnh sau suy, đó gọi là vô thường. Người sáng suốt luôn giữ ý niệm vô thường, biết rằng trời đất còn vậy huống chi là quan tước, đất nước đâu có trường tồn. Đạt được ý niệm này mới có chí thương xót rộng khắp.

Nhà vua nói: Trời đất còn vậy huống chi là đất nước. Đức Phật dạy "vô thường" lòng ta tin lắm thay!

Bồ-tát lại nói: Cái khổ càng khổ hơn nữa, vua nên biết về điều ấy.

Nhà vua nói: Xin được nghe lời dạy sáng suốt.

Bồ-tát nói: Linh thức chúng sinh vi diệu khó biết, nhìn không thấy hình, nghe không thấy tiếng, rộng khắp thiên hạ, cao không gì che được, mênh mông không gì nêu tỏ nổi, luân chuyển không cõi bờ. Nhưng nó đói khát theo sáu dục, như biển cả với bao nhiêu sông đổ về vẫn không đủ, vì vậy nhiều lần thay đổi, ngục Thái sơn thiêu đốt, chịu các khổ độc, hoặc làm ngạ quỉ bị nước đồng sôi rót vào miệng, bắt làm lao dịch trong ngục; hoặc làm súc sinh bị mổ, lột, róc xé, chết liền theo dao, thọ khổ vô cùng. Như được làm người thì ở trong thai mười tháng, đến lúc sinh thì chật vật như dây tơ buộc thân, nỗi thống khổ sinh ra trên đất như từ cao rơi xuống, gió thổi như lửa thiêu mình, tắm nước ấm như rót nước đồng sôi vào thân, tay xoa vào thân như dao tự róc... Những nỗi đau đớn ấy rất là khổ, khó nêu bày hết. Sau khi lớn tuổi, các căn đều suy sụp, tóc bạc, răng rụng... Trong ngoài đều hư hao, chỉ còn nỗi lòng buồn, rồi chuyển thành bệnh nặng, bốn đại muốn rời bỏ, các bộ phận trong người đều đau nhức, ngồi nằm phải nhờ người, thầy thuốc đến càng thêm lo sầu. Khi sắp chết các gió cùng dậy, đứt gân nát xương, các lỗ bế tắc, hơi thở dứt, thần hồn lìa theo nghiệp dẫn dắt.

Nếu được lên trời thì trời cũng có giàu nghèo, sang hèn, thọ mạng kéo dài, hay có chừng mực. Khi phước hết, tội đến thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh. Những việc ấy gọi là khổ.

Nhà vua nói: Hay thay! Đức Phật nói yếu quyết về "khổ", lòng ta tin ngay!

Lý gia lại nói: Phàm đã có ắt phải không, giống như hai khúc cây cọ xát vào nhau thì sinh ra lửa, lửa lại đốt cây, lửa và cây đều hết, cả hai đều không. Xưa các tiên vương, cung điện, thần dân, nay đã tiêu tan, không còn thấy đâu nữa, đó cũng là không.

Nhà vua nói: Hay thay! Đức Phật nói yếu quyết của "không", lòng ta tin ngay.

Bồ-tát lại nói: Phàm thân là đất, nước, gió, lửa hợp lại. Cái cứng là đất, cái mềm là nước, cái nóng là lửa, hơi thở là gió. Thân mạng chết, thần hồn ra đi, bốn đại lìa bỏ, không thể bảo toàn được. Do đó nên gọi là vô ngã.

Nhà vua nói: Hay thay! Đức Phật nói về "vô ngã", lòng ta tin ngay! Thân còn không giữ được, huống chi đất nước này ư! Ôi, đau đớn thay cho tiên vương ta, không nghe được lời dạy của Bậc Vô Thượng Chánh Chân Tối Chánh Giác về vô thường, khổ, không, vô ngã.

Lý gia nói. Trời, đất còn vô thường, thì ai có thể giữ được đất nước này mãi! Sao không đem hết của kho, bố thí cho người nghèo thiếu?

Nhà vua nói: Hay thay! Lời dạy của người thầy sáng suốt! Thật vui sướng thay!

Nhà vua liền đem hết của cải trong các kho bố thí cho kẻ nghèo thiếu. Những người góa vợ, góa chồng, các em cô nhi thì đều khiến cho họ được làm cha làm mẹ, làm con cái. Dân chúng ăn mặc sáng đẹp, giàu nghèo như nhau, cả nước hân hoan, vừa cười, vừa đi, ngửa mặt lên trời khen: Bồ-tát thần hóa đến thế ư!

Bốn phương khen ngợi thần đức của vua, đất nước được thái bình.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn: Lý gia đó là thân Ta. Quốc vương là Di-lặc, con ba ba là A-nan, con cáo là Thu Lộ Tử, con rắn là Mục-kiền-liên, còn người bị trôi là Điều-đạt.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

26- Thuở xưa, Bồ-tát tu hạnh Sa-môn, thường ở nơi núi rừng, lòng Từ thương xót nghĩ tới chúng sinh bị luân chuyển trong ba cõi chịu khổ lâu dài mãi, lấy gì để cứu độ họ? Đang tĩnh tâm suy nghĩ, tìm ra nguồn đạo lớn

để cứu vớt họ, thì trong áo lại có rận làm thân ngứa ngáy, lòng bực bội, chí đạo không định. Bèn lấy tay lần tìm, bắt được con rận, lòng thương xót, muốn tìm cách làm cho nó yên sống, vừa thấy có xương thú, nên đem nó đặt vào đấy. Con rận được ăn bảy ngày, hết rồi bỏ đi nơi khác, cuộc sinh tử đắp đổi lại qua... Còn Bồ-tát thì tu thành Phật, lui tới khắp chốn giáo hóa. Một hôm trời đổ tuyết nhiều lấp hết đường đi lại. Trong nước có một người nhà giàu thỉnh Phật cùng vài ngàn Tỳ-kheo về nhà cúng dường, trong bảy ngày, hết lòng cung kính cả gia đình đều thế. Bảy ngày qua rồi mà tuyết vẫn chưa tạnh ráo, Đức Phật bảo Tôn giả A-nan báo tin cho các Tỳ-kheo lui về tinh xá. Tôn giả A-nan thưa:

– Chủ nhân vẫn cung kính, lòng chưa biểu hiện điều thiếu sót, lơ là. Hơn nữa, ngoài trời tuyết nhiều chưa dứt, không có nơi đi khất thực được.

Đức Thế Tôn nói: Ý chủ nhân đã hết, không còn cúng dường nữa!

Rồi Đức Phật dẫn các Sa-môn trở về tinh xá. Sáng hôm sau, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan đến nhà người chủ đó khất thực. Tôn giả A-nan vâng lời dạy, đi đến nhà người chủ kia. Người nhà ra nhìn thấy mà không hỏi han gì cả. Chờ đợi một lúc, Tôn giả A-nan trở về quỳ xuống cúi đầu thưa trình hết sự việc, lại hỏi nguyên do về lòng dạ bất thường của người chủ kia, sao lại thay đổi chóng vậy? Đức Phật liền vì Tôn giả mà nói đầy đủ về chuyện quá khứ như trên.

Đức Phật lại bảo: Này A-nan, Ta đem lòng Từ, cứu giúp cái mạng nhỏ nhoi của con rận, cho nó nắm xương mục ăn được bảy ngày, nên nay được nhận sự cúng dường các món ăn ngon nhất đời. Kiếp trước Ta làm ân, ân đó tương đương với bảy ngày cúng dường, vì đã đủ nên ý người ấy ngưng lại, không cúng dường như trước nữa. Huống chi đem lòng Từ hướng về Đức Phật cùng chúng Sa-môn, những người hạnh cao, trì giới thanh tịnh, vô dục, nội tâm đoan chánh, ngoại hiện từ hóa. Cung kính cúng dường một vị hạnh cao đó thì phước báo vượt xa sự tận tình bố thí cho người thường trải qua nhiều kiếp. Sở dĩ như thế nên các Tỳ-kheo phải luôn nhớ giữ. Kinh Phật có giới, có định, có huệ, có giải thoát và giải thoát tri kiến. Các vị ấy đã dùng năm đức đó thương xót chúng sinh, khiến họ xa lìa cái họa muôn khổ trong ba cõi.

Tôn giả A-nan nói: Lý gia ấy may mắn thay! Đích thân được thương nuôi cúng dường Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác, Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư cùng các vị Sa-môn, hoặc đã chứng các bậc Câu cảng, Tần lai, Bất hoàn, Ứng chân *(Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán)* hoặc có vị là bậc Khai sĩ, mở lòng Từ rộng lớn dẫn

đường cho chúng sinh, phước ấy khó lường, chẳng khác gì biển cả, phước ấy khó sánh, chẳng khác gì đất.

Đức Phật nói: Hay thay! Này A-nan, thật đúng như Tôn giả đã nói! Khó gặp Phật ra đời, đạo pháp khó được nghe, Tỳ-kheo Tăng khó được cúng dường, như hoa Ưu-đàm chỉ một lần nở!

Đức Phật nói như vậy, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ cúi đầu vâng làm.

Bồ-tát từ bi thi ân, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành bố thí như vậy.

□

KINH LỤC ĐỘ TẬP

QUYỂN 4

Chương II: GIỚI ĐỘ VÔ CỰC

Sao gọi là Giới độ vô cực?

– Cuồng ngu, hung ngược, ưa tàn sát mạng sống, tham lam, trộm cắp, dâm dật uế tạp, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói dối, nói thêu dệt, lòng ganh ghét, giận dữ, ngu si, hại người thân, làm nhục bậc Thánh nhân, bài báng Phật, quấy nhiễu người hiền, lấy vật nơi tông miếu, mang lòng xấu ác, hủy hoại ba ngôi báu. Độc ác như thế thà chịu phanh thây, bị băm vằm nơi chợ, rốt cuộc quyết không bao giờ làm. Chỉ dốc tin Tam bảo, bốn ân cứu giúp khắp.

27- Thuở xưa, Bồ-tát làm Thanh tín sĩ. Vua của đất nước ấy làm điều chân chánh, khuyên dặn các quan và dân chúng biết đến ba ngôi báu. Ai giữ giới, ăn chay thì được tha thuế má, miễn sưu dịch. Dân chúng lớn nhỏ đều thấy vua chuộng hiền đức, nên phần nhiều giả lương thiện mà âm thầm làm điều tà vạy. Nhà vua dùng giới luật của Phật để xem xét tiết tháo nơi dân chúng, thấy lắm kẻ chỉ tốt bề ngoài mà trong lòng thì xấu, trái với sự giáo hóa trong sạch của Phật. Nhà vua liền giả vờ xuống sắc lệnh:

– Ai dám tôn trọng đạo Phật thì bị tội chết bêu chợ.

Bọn giả làm lành không đứa nào là không bỏ điều chân chánh, buông lòng quay về gốc tà ngụy của chúng. Bồ-tát tuổi già, lòng giữ sự sáng suốt chân chánh rộng lớn, nghe lệnh vua thì cả kinh, nói:

– Bỏ chân theo tà, dù được làm đế vương, sống ngang trời đất, giàu không ai hơn, sáu vui thỏa lòng, ta trọn không làm. Tuy sống chỉ trong một bữa ăn mà được thấy sự giáo hóa chân thật của Tam bảo, ta cũng vui lòng phụng sự. Còn ôm nhớ hàng vạn sách vở ghi chép về thế tục, thân sống trong cung trời, thọ mạng ngang trời mà mờ mịt về ba ngôi báu, không nghe được kinh Phật, thì ta không mong cầu. Vâng theo lời Đức Phật dạy, dù gặp phải họa giết chóc ta cũng cam lòng.

Kinh dạy:

– Chúng sinh tự lao mình vào ba đường, có những cái khó: được làm người là khó; được ở vùng giữa là khó; sáu căn đầy đủ là khó; sinh trong nước có đạo là khó; thân cận với Bồ-tát là khó; gặp được kinh mà tin là khó; thấu hiểu điều sâu xa vi diệu là khó; gặp Sa-môn hạnh cao, tâm thanh tịnh, dốc lòng cúng dường là khó; gặp Phật và được thọ ký là khó.

Ta nhờ công đức đời trước, nay thấy kinh Phật, được thờ Tam bảo, nên dù gặp phải sự vô đạo tàn khốc, hoặc muối thịt, ngâm thân, hoặc nước sôi, lửa bỏng, ta trọn cũng không bỏ nẻo chánh chân để theo thứ yêu mị, độc hại kia.

Nhà vua giao cho quan Hữu Ty truy xét những người trái lệnh thì đem giết bêu chợ. Người tra xét thấy Bồ-tát bền chí phụng thờ Tam bảo không chuyển, lòng thành không suy giảm, liền bắt đem tâu lên vua. Nhà vua phán:

– Đem ra chợ chém!

Rồi kín đáo sai người theo nghe ngóng xem ông ấy nói gì. Bồ-tát sắp đến chết còn dạy con:

– Trời đất từ lúc mới dựng, có người sống đến nay, chúng sinh ở đời do sáu tình loạn hành, cuồng say quá lắm, ít được gặp Tam bảo dẫn dắt giáo hóa, để trở thành sáng suốt, trong sạch. Con nay may mắn biết được đạo pháp, hãy thận trọng không nên bỏ. Ôi! Bỏ hạnh của Phật pháp mà làm theo hành vi hư ngụy của quỉ yêu thì chắc chắn mất nước thôi. Ta thà bỏ thân mạng này, chớ không hề bỏ nẻo chân chánh. Nhà vua nay đã sai lầm, con không được nghe theo.

Người tra xét tâu lên vua những điều được nghe. Nhà vua biết Bồ-tát giữ hành chân chánh, liền vui mừng mời đến, nắm tay dắt lên điện, nói:

– Khanh chân chánh, đáng gọi là đệ tử của Phật.

Rồi vua phong làm tướng quốc, giao cho việc trị nước. Còn bọn người bỏ sự giáo hóa thanh tịnh của Phật thì lại phải đóng thuế, sưu dịch. Từ đấy, trong nước không ai là không ham chuộng điều thiện.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

– Vị quốc vương lúc đó là Di-lặc, còn vị Thanh tín sĩ là thân ta.

Bồ-tát giữ chí tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành trì giới như vậy.

28- Thuở xưa, Bồ-tát thân làm voi chúa, tấm lòng rộng xa, biết có Phật, có Pháp, có Tỳ-kheo Tăng, thường quy y Tam bảo, luôn đem lòng Từ rộng lớn cứu giúp chúng sinh, nguyện khi thành Phật sẽ độ tất cả. Bầy voi

đi theo có năm trăm con, trong đó có hai con là vợ voi chúa. Một hôm, voi chúa dầm mình trong nước hái được một cành hoa sen màu sắc rất đẹp đem về cho vợ cả. Vợ cả được hoa, vui sướng nói:

– Băng giá rất lạnh, làm sao có được hoa này?

Vợ nhỏ tánh tham lam ganh ghét, giận dữ thề: "Có cơ hội ta sẽ dùng thứ độc cực mạnh giết chết ngươi". Sau đó, vì uất khí mà chết. Hồn linh hóa làm con gái của nhà Tứ tánh, nhan sắc hơn người, tâm trí thông sáng, hiểu rộng việc xưa nay, ngửa xem thiên văn, biết rõ thời suy thịnh. Nhà vua nghe được, nên cưới về làm phu nhân. Vừa vào cung là tâu rõ về chính sách trị nước, nghĩa lý phù hợp với một bề tôi trung thành. Nhà vua đẹp lòng nên càng yêu kính, mỗi lời nói ra liền được vua nghe theo. Một hôm phu nhân nói:

– Thiếp nằm mơ thấy con voi sáu ngà, lòng muốn lấy ngà ấy làm đồ trang sức, nếu nhà vua không cho, thiếp chắc không sống nổi.

Nhà vua nói:

– Đừng nói chuyện gàn dở, người nghe sẽ cười cho!

Phu nhân thưa rồi liền sinh mối ưu uất.

Vua cho mời bốn vị quan đến để luận bàn, tự cho rằng mình nằm mộng, rồi hỏi:

– Xưa nay có con voi như thế sao?

Một bề tôi thưa:

– Không hề có như vậy.

Một bề tôi khác nói:

– Nhà vua không nằm mơ như thế.

Một vị quan nữa tâu:

– Đã từng nghe có nó nhưng ở xa lắm.

Một ông khác nói:

– Nếu có thể đến đó được thì nay trời Đế Thích đang bay liệng ở chỗ ấy.

Bốn vị bề tôi liền cho gọi đám thợ săn bốn phương tới hỏi. Thợ săn phương Nam đáp:

– Người cha quá cố của tôi thường kể: Có con voi như thế nhưng ở xa và khó đến lắm.

Các quan tâu lên rằng có người kia biết. Nhà vua liền cho đòi hắn đến gấp. Hắn tới, phu nhân bảo:

– Ngươi đi thẳng về phương Nam chừng ba ngàn dặm thì gặp núi, vào núi, đi chừng hai ngày nữa thì đến chỗ voi ở. Rồi ngươi đào hầm bên đường, cạo bỏ râu tóc, mặc đồ Sa-môn, ngồi trong hầm bắn voi, cắt lấy hai ngà của nó rồi mang về đây.

Thợ săn theo lời chỉ bảo mà làm, đi đến chỗ voi ở. Trước khi bắn voi, hắn mặc pháp phục, mang bình bát, đứng đợi trong hầm. Voi chúa thấy Sa-môn liền cúi đầu nói:

– Kính chào đạo sĩ! Đạo sĩ vì việc gì mà muốn hại thân mạng tôi?

Đáp: Muốn được cặp ngà của ngươi.

Voi chúa nói:

– Ta đau đớn khó chịu nổi, ngươi mau lấy ngà đi đi, đừng khuấy động lòng ta khiến sinh niệm ác. Ai tâm đã nghĩ ác thì chết sẽ đọa vào đường địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh. Còn ai giữ nhẫn, làm từ, ác đến thiện đi là hạnh cao của Bồ-tát, cho dù có bị băm vằm xương thịt, trọn không hề trái với hạnh ấy. Ai tu theo hạnh đó, chết liền sinh lên cõi trời, chóng được diệt độ.

Người thợ săn liền cắt lấy ngà. Voi chúa nói:

– Đạo sĩ phải đi ngay, không nên để bầy voi tìm được dấu chân!

Voi chờ thợ săn đi xa, đau đớn khó nhịn nổi, liền lăn ra đất, rống to lên một lát thì chết, tức khắc được sinh lên trời. Bốn phía bầy voi chạy lại, chúng đều nói:

– Người nào đã giết hại vua ta.

Rồi chúng đi tìm, nhưng không thấy gì liền trở lại ôm lấy xác voi chúa thương khóc.

Thợ săn đem ngà voi về triều. Nhà vua thấy ngà voi lòng liền hoảng sợ. Phu nhân lấy ngà voi cầm trong tay, vừa muốn xem thì sấm chớp nổ vang đánh bà hộc máu, chết đọa vào địa ngục.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

– Chúa voi ấy là thân Ta, vợ lớn của voi nay là Cừu-di, thợ săn là Điều-đạt, vợ bé là Hảo Thủ.

Bồ-tát giữ chí tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành trì giới như vậy.

29- Thuở xưa, Bồ-tát làm vua Oanh vũ, thường vâng theo lời Phật dạy, quy mạng ba ngôi báu. Khi phải chết thì chết không hề phạm mười điều ác, đem lòng Từ giáo hóa, luôn lấy sáu độ làm đầu.

Bấy giờ, quốc vương thích ăn thịt chim Oanh vũ, thợ săn tranh nhau tìm bắt, thấy đàn chim ấy, họ dùng lưới chăng bắt sạch hết chúng, đem dâng

cho thái quan. Người lo việc giết thịt thâu nhận, con nào béo liền làm thịt nấu thức ăn dâng vua. Vua Oanh vũ thầm nghĩ:

– Chúng sinh quay cuồng vào ngục, mất thân, luân hồi trong ba cõi đều do ăn mà ra cả!

Rồi vua Oanh vũ bảo cả đàn:

– Bỏ tham, bớt ăn, thân gầy khổ ít thôi, toàn mạng mới là điều đáng mong. Kẻ ngu tham ăn uống, lòng không lo xa, giống như người keo kiệt tham chút mật dính nơi lưỡi dao mà không biết cái họa bị đứt lưỡi. Ta nay bớt ăn các người hãy làm theo.

Vua Oanh vũ ngày một gầy đi, nhờ thế từ mắc cáo lồng nhảy thoát được ra ngoài. Rồi chim đứng trên lồng nói:

– Phàm tội lớn của tham ác chính là không muốn có được cảnh thiện.

Lại nói tiếp:

– Chư Phật cho tham là ngục, là lưới buộc, là thuốc độc, là đao gươm! Các ngươi cứ bỏ ăn thì sẽ được như ta.

Từ đó, Bồ-tát nếu làm người phàm thì ăn uống đạm bạc để giữ mạng sống, mặc đơn sơ để che thân, lấy tham để răn lòng, không một ngày lãng quên. Khi phước đến, được làm đế vương, liền dùng trí Phật để xem xét cách trị nước, phước cao rộng ấy thật khó tính toán hết được. Cuộc đời là vô thường không chắc chắn, chỉ khổ không vui, vừa có là mất ngay, thân là giả huyễn, khó giữ như trứng, khó thuần dưỡng như sói, người có mắt nhìn thấy không ai là không run sợ. Bồ-tát đời đời lấy giới làm hạnh, nên mới thành tựu đạo quả Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác, làm Thầy trời người.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vua Oanh vũ khi đó là thân Ta, quốc vương ấy là Điều-đạt.

Bồ-tát giữ chí tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành trì giới như vậy.

30- Thuở xưa, Bồ-tát làm thái tử con vua, tên là Pháp Thí, trong ngoài đều trong sạch, thường lấy cái họa đi theo nẻo tà để tự răn lòng, tôn trọng Hiền thánh, hiếu để với người thân, luôn thương xót cứu giúp chúng sinh.

Mỗi khi thái tử vào chầu, thường đợi tướng quốc, tới lui đúng lễ, chưa từng mất oai nghi. Người thiếp yêu của vua, lòng dạ dâm tà, một hôm ra tay ôm kéo thái tử. Thái tử tận lực tránh né nên thoát được, tay đụng vào đầu tướng quốc, miệng thì bảo: "Đi đi". Mũ của tướng quốc rơi xuống đất, để lộ cái đầu không tóc. Người thiếp yêu của vua cười, tướng quốc xấu hổ,

ôm giận. Sau đó, người thiếp gặp vua tâu:

– Thiếp tuy hèn mọn nhưng cũng là vợ vua, mà thái tử không biết tự chế, có lòng ham muốn thiếp.

Nhà vua nói:

– Ta biết thái tử là người tiết tháo, không phải chí nguyện của Phật thì không nghĩ tới, không phải lời Phật dạy thì không nói ra, việc không đúng với giáo lý của Phật thì không làm bao giờ, tám phương khen ngợi đức hạnh, các nước không có ai bằng, há lại làm chuyện sai trái như thế sao?

Người thiếp yêu dùng bao lời tâu sàm tỉ tê để mê hoặc lòng vua. Nhà vua nói:

– Cốt nhục tương tàn, đó là giặc loạn, ta không thể làm!

Bèn phong cho thái tử làm vua vùng biên giới, cách đất nước tám ngàn dặm và dặn:

– Con trấn nhậm cõi ngoài thì nên theo phép trời làm nhân nghĩa, không được tàn hại dân lành, không nên vơ vét làm cùng khốn trăm họ, phải tôn trọng người già như cha mẹ, phải yêu thương dân như con, phải thận trọng tu trì giới cấm của Đức Phật, giữ đạo cho đến chết. Đời nhiều gian dối, khi có lời dạy từ ấn răn con mới nên tin theo.

Thái tử cúi đầu khóc, tâu:

– Con không dám bỏ qua lời dạy của cha.

Rồi thái tử liền đến nhận đất phong, đem năm giới, mười đức, thương xót giáo hóa dân trong nước mình. Thái tử lên ngôi được một năm, dân chúng xa gần mến mộ ân đức nên theo về đông đúc, hộ dân tăng hàng vạn. Thái tử viết biểu dâng lên, ca ngợi đức của vua cha chiếu thấu nơi xa nên mới được như vậy. Nhà vua cùng hoàng hậu, cung phi vui mừng khen thái tử, riêng người thiếp thì vẫn ôm mối oán thù, nên cùng với tướng quốc làm điều gian, mưu trừ thái tử, rình chờ nhà vua nằm ngủ, lén lấy sáp ong làm ấn, rồi dối viết thư:

– Người can tội phạm thượng, ta không nỡ giết ngay! Vậy nhận được thư này, mau móc đôi mắt giao cho sứ giả mang về kinh đô.

Khi sứ giả đến, xem thư xong, quần thần của thái tử đều nói:

– Đấy là sứ giả của kẻ yêu loạn, không phải của đại vương đâu!

Thái tử nói:

– Đại vương trước đã thân tình dặn dò, nay có dấu ấn răng làm tin đến đây rồi, nếu yêu quý thân mạng mình mà trái lệnh cha thì đó là đại

nghịch.

Liền cùng với quần thần vui chơi ba ngày, dạo khắp trong nước, chu cấp cho kẻ nghèo cùng, giúp đỡ người thiếu thốn, đem hình ảnh Đức Phật làm khuôn phép, lấy lòng Từ giáo huấn chúng dân, rồi tìm người có thể móc mắt mình. Có đứa trẻ bán cỏ đã giúp thái tử lấy mắt ra đem giao cho sứ giả. Hắn bỏ đôi mắt vào hộp rồi vội vã mang về nước. Tướng quốc đem đôi mắt ấy giao cho người ái thiếp của vua. Bà này treo đôi mắt trước giường, mắng:

– Không theo ý muốn của ta thì bị khoét mắt, vậy có thích không?

Đại vương nằm mộng thấy thái tử bị ong độc chích nơi mắt, tỉnh dậy nghẹn ngào nói:

– Con ta chắc có chuyện lạ gì đây?

Người thiếp yêu của vua tâu:

– Vua luôn nghĩ đến con nên nằm mơ thấy đấy thôi, ắt không có gì lạ đâu!

Thái tử dùng đàn hát kiếm ăn nuôi thân, lần hồi qua nhiều nước. Tới nước vua cha của hậu phi, là cung phi của vua cha thái tử. Nhà vua nước này có cây đàn kỳ diệu, nên gọi thái tử tấu đàn để nghe. Đầu tiên tiếng đàn khen ngợi công đức của tiên vương, sau là âm thanh buồn thảm nói về số phận của cô nhi không cha mẹ. Bà hậu phi kia thấu hiểu tiếng đàn ấy nên nghẹn ngào nói:

– Ôi! Thái tử con vua chồng ta cùng cực đến thế sao!

Nhà vua hỏi:

– Bà nói cái gì?

Người phi thuật lại đầy đủ về sự việc của thái tử, rồi nói lời từ giã cha mẹ:

– Việc này là do lệnh của ả nghiệt thiếp kia. Đàn bà hai họ thì chẳng phải là trinh trắng, con xin được theo người quân tử chí hiếu ấy.

Cha mẹ bà đều buồn thương. Người phi đem thái tử trở về nước cũ. Nhà vua nghe có tiếng đàn kỳ diệu, liền gọi vào tấu nhạc để thưởng thức, thấy hình dung thái tử tiều tụy, chỉ nhận biết qua tiếng nói. Vua hỏi:

– Ngươi có phải là Pháp Thí, con của ta không?

Thái tử cúi đầu sát xuống đất, nghẹn ngào. Vua, hoàng hậu, cung nhân, cả nước lớn nhỏ không ai là không thương xót. Người phi tâu rõ đầu đuôi sự việc. Nhà vua than:

– Hỡi ơi! Người nữ bất nhân! Chẳng khác nào chất độc lẫn lộn trong

cơm gạo ngon! Đức Phật dạy nên xa lìa chúng, thật chẳng đúng lắm sao!

Rồi nhà vua liền cho bắt tướng quốc và người ái thiếp, dùng roi gai đánh chúng, rót nhựa cây nấu chảy vào vết thương, hơ lửa nóng cho nứt ra, sau đó đào hầm chôn sống chúng.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Túc mạng của thái tử từng là người bán ngọc trắng.

Người thiếp kia thời đó là con gái nhà giàu, ngồi xe đi đường, còn quan tướng quốc ngày ấy là người đánh xe. Hắn gọi đồng tử bán ngọc:

– Đem ngọc của ngươi lại đây nào!

Rồi họ cầm ngọc khen nhưng không mua, lại nhìn nhau có vẻ dâm đãng, buông lời đùa cợt. Đồng tử nổi giận nói:

– Không trả lại ngọc cho ta, lại còn nhìn dâm đãng, ta sẽ móc mắt các ngươi đấy.

Cô gái và người đánh xe đều nói:

– Ta lấy roi gai đánh, rồi đổ nhựa cây nóng vào vết thương cho nứt thịt ra, sau đó thì chôn sống ngươi được chăng?

Ôi, thiện ác đã làm, thì họa phước sẽ liền theo sau như bóng theo hình, ác chín mùi tội thành ngay, như âm vang ứng với tiếng. Làm ác mà muốn khỏi tai ương chẳng khác nào gieo giống mà không muốn mọc.

Bồ-tát giữ giới thanh thịnh của Phật, thà chịu móc mắt mà chết chứ không phạm dâm để sống.

Thái tử Pháp Thí lúc ấy là thân Ta. Tướng quốc là Điều-đạt, người thiếp yêu của vua là vợ Điều-đạt.

Bồ-tát giữ chí tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành trì giới như vậy.

31- Thuở xưa, có vị Bồ-tát, anh em ba người gặp lúc đời khô hạn, dân chúng ăn thịt lẫn nhau. Họ cùng đi kiếm ăn để nuôi sống thân mạng hèn mọn. Trải qua núi non hiểm trở, có ngày thiếu ăn, hai anh nói:

– Phải dùng đến thịt vợ để cứu lấy mạng được chăng?

Người anh cả giết vợ mình trước, chia làm năm phần, người em út động lòng nhân, thương xót nên không ăn. Rồi người anh giữa cũng làm như vậy, người em út càng nghẹn ngào. Khi hai anh muốn giết đến vợ người em, người em nói:

– Giết người để bảo toàn mạng mình, không phải là con đường nhân từ của Phật, tôi không thể làm!

Rồi người em đem vợ vào núi hái trái cây nuôi thân, sống qua nhiều năm ở chốn ấy. Trong núi có một người thọt chân, người vợ tư thông với hắn nên mưu tính giết chồng, giả vờ thưa:

– Đáng lẽ thiếp phải làm nuôi chàng, mà trước nay đều để chàng làm hết. Ngày mai xin chàng cho thiếp theo phụ giúp, để được cộng khổ với chàng.

Người chồng nói:

– Núi non rất hiểm trở, nàng không đi được đâu!

Chồng từ chối ba lần, vợ vẫn không chịu nên đành cho đi theo. Người vợ thấy núi cao hang sâu, liền xô chồng rơi xuống đó. May thay bên mép nước có thần, vị thần tiếp đỡ nên người chồng được bình yên. Thực hiện được ý đồ, người vợ hý hửng trở về cùng với người thọt chân chung sống. Người chồng theo dòng nước để đi, gặp được một người lái buôn thương tình, đưa ông tới một nước giàu có. Gặp lúc vua nước ấy băng hà, không có thái tử kế vị, quần thần đang nhường nhau nên chưa biết lập ai lên ngôi. Họ lệnh cho một vị Phạm-chí bói xem những người đi đường có ai hợp tướng thì làm vua. Vị Phạm-chí này vừa thấy Bồ-tát, liền nói;

– Hay thay! Đây là một vị vua có đạo, đúng là kẻ đem lòng nhân của trời che phủ cho muôn dân.

Quần thần, bá quan, chúng dân gạt nước mắt khen là hay, không ai là không đến mừng thọ, nghinh đón đưa vào cung, đem ngôi vua trao cho. Từ đó, Bồ-tát đem bốn tâm vô lượng nuôi dưỡng muôn dân, các thuật tà mị đều phế bỏ hết, trao cho năm giới, ban bố mười điều lành, đốc suất mọi người trong nước giữ giới. Do vậy, Thiên đế hộ giúp đất nước, quỉ yêu tránh xa, khí độc tiêu trừ, lúa gạo, hoa quả được mùa. Dùng nẻo chánh cảm hóa các lân quốc, cừu địch trở thành thân thiện, người người dắt dìu bồng bế nhau quy tụ về đất nước ấy. Người vợ cũ dắt người chồng thọt kia cũng tìm vào nước xin ăn. Mụ kể lể, trước đây đem chồng đi lánh nạn trời, nay trở về nương nhờ lòng nhân từ của vua. Người trong nước không ai là không khen lạ, đều nói:

– Người vợ hiền này thật đáng ghi chép thành sách.

Phu nhân của vua nói:

– Nên trọng thưởng cho người ấy.

Nhà vua thấy và nhận ra ngay, liền hỏi người đàn bà ấy:

– Ngươi có biết Thiên tử là ai không?

Người đàn bà sợ hãi cúi đầu. Nhà vua đem câu chuyện về người đàn

bà đó nói hết ngọn ngành cho mọi người trong cung nghe. Vị đại thần chấp chính tâu:

– Người này đáng chết.

Vua nói:

– Chư Phật lấy nhân từ làm của báu nhất trong ba cõi. Ta thà mất mạng chứ không bỏ nẻo nhân.

Phu nhân sai người đuổi chúng ra khỏi nước, quét sạch vết chân của bọn chúng.

Đức Phật bảo Tôn giả Thu Lộ Tử:

– Nhà vua thời ấy là thân Ta, người thọt chân là Điều-đạt, người đàn bà là Hảo Thủ.

Bồ-tát giữ chí tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành trì giới như vậy.

32- Thuở xưa, Bồ-tát làm kẻ phàm phu, học rộng kinh Phật rõ sâu tội phước, các môn về y thuật, cả đến tiếng kêu hót của các loài cầm thú thảy đều thấu tỏ. Thấy đời rối loạn nhơ nhớp, nên ngài ở ẩn không ra làm quan, chuộng thờ giới cấm của Phật, chỉ tin theo điều chân chánh. Cuộc đời nghèo khốn, phải làm thuê vác đồ cho thương nhân. Một hôm, đến bên bờ sông ăn uống, đàn quạ kêu vang, khiến người lái buôn lo sợ nổi da gà, còn Bồ-tát thì mỉm cười. Ăn uống xong, liền ra đi.

Khi về lại nước mình, người chủ nhìn kỹ người gánh thuê, hỏi ngay:

– Quạ kêu ngươi cười, là có ý gì?

Đáp:

– Quạ kêu nói rằng: "Chủ có ngọc trắng quý, giá trị rất lớn, ngươi giết hắn lấy ngọc ấy, còn bọn ta thì ăn thịt hắn", vì thế nên tôi cười.

Người chủ nói:

– Ngươi không giết ta vì sao vậy?

Đáp:

– Kẻ không thấy kinh Phật, thì làm ác đầy trời mà cho là không có tai họa, đó chỉ là tự lừa dối mình. Ta học kinh sách vô thượng chánh chân, quan sát hạnh nhân từ thanh tịnh của Bồ-tát, nên đối với loài vật bò, bay, máy, cựa, đều thương yêu không giết hại, còn rau cỏ nếu không phải của mình thì không lấy. Phàm kẻ ưa giết hại là bất nhân, ưa lấy của phi nghĩa là không trong sạch. Ta kiếp trước vì ham thích lấy nhiều, nên nay chịu tai ương, cuộc sống nghèo khốn, hèn mọn, phải làm thuê cho khách... giờ không lẽ phạm nữa, gieo nhân tội lỗi vô lượng thì không phải là đệ tử của

Phật. Ta thà giữ đạo chịu nghèo hèn mà chết chứ không làm việc vô đạo, được giàu sang mà sống.

Người chủ nói:

– Hay thay! Chỉ có lời Phật dạy là chân chánh.

Bồ-tát giữ chí tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành trì giới như vậy.

33- Thuở xưa, Bồ-tát sống đời bần cùng, làm thuê cho thương nhân, theo họ vào biển tìm lấy tài lợi. Một hôm thuyền dừng lại không chịu đi, bọn thương nhân lớn nhỏ ai nấy đều sợ hãi, cầu đảo thần linh trên dưới giúp đỡ. Riêng người làm thuê này chỉ hướng về Tam bảo, giữ giới không phạm, ăn năn, tự trách lỗi của mình, mỗi ngày đêm ba lần, đem tâm Từ thệ nguyện:

– Nguyện cho mười phương chúng sinh không còn sợ hãi như hôm nay. Sau này ta thành Phật sẽ độ hết các loài ấy.

Mãi đến bảy ngày, thuyền vẫn không di chuyển được. Thần biển hiện mộng gạt chủ hàng, nói:

– Ngươi bỏ người nghèo này đi, ta sẽ cho thuyền ngươi chạy.

Chủ hàng được báo mộng, lòng xót xa thương người làm thuê, nên bí mật bàn với nhau. Người nghèo kia biết rõ hết việc đó, nói:

– Không vì một thân tôi mà làm tiêu tan mạng của mọi người!

Chủ hàng làm bè, cấp lương thực cho người ấy, rồi hạ bè xuống đẩy ra xa. Sau đó, có con cá lớn lật thuyền, nuốt hết các thương nhân. Còn người nghèo kia theo gió tấp vào bờ, trở về được nước mình, bà con quyến thuộc mừng rỡ. Người nghèo ấy nhờ công đức quy y Tam bảo, thọ trì năm giới, mười thiện, ăn chay và sám hối... tâm Từ luôn thương xót đến chúng sinh nên được phước.

Người nghèo ấy là thân Ta.

Bồ-tát giữ chí, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành trì giới như vậy.

34- Thuở xưa, Bồ-tát giữ giới ở ẩn, không chuộng nẻo vinh hoa, nương náu nơi nhà giàu làm người giữ nghĩa địa cho họ. Nếu có ai đến chôn cất, ngài liền ra sức giúp đỡ, tang chủ cảm động, đem của báu biếu cho. Có được ít nhiều đều đem nộp lại cho chủ. Nhà giàu nói:

– Ông ra sức mới có được của báu này, sao lại đem đưa cho ta?

Đạo sĩ trả lời:

– Tôi giữ đất cho ông, người ta đến mai táng trên đất của ông, luận

theo đại nghĩa thì của báu ấy là của ông.

Người giàu khen:

– Hay thay! Người hiền thuở trước há có thể vượt được ông ư?

Bèn lựa trong đám con hầu một cô đức hạnh hiền thục, có nhan sắc, gả làm vợ, chia cho gia tài, để vợ chồng sinh sống. Đạo sĩ nói:

– Hạnh ấy càng tiến, đức ấy càng cao!

Đạo sĩ nghèo lúc bấy giờ là thân Ta, người vợ là Cừu-di.

Bồ-tát giữ chí, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành trì giới như vậy.

35- Thuở xưa, Bồ-tát, thân làm người phàm, quy mạng ba ngôi báu, giữ giới không thiếu sót, cùng người cậu đi buôn bán để nuôi thân. Họ đến một nước xa lạ kia, người cậu qua sông trước, nghỉ tạm ở nhà một người mẹ góa. Trong nhà có một cô gái nhỏ, thưa với mẹ:

– Sau nhà có cái chậu rửa, có thể đem đổi cho người lái buôn để lấy ngọc trắng.

Người mẹ thuận theo ý con gái, đem bày ra. Người lái buôn dùng dao cạo thử, thì thấy quả thật là vật báu, nhưng giả vờ quăng xuống đất nói:

– Đồ này làm bẩn tay ta!

Rồi hắn liền bỏ đi ra đường. Người mẹ và con gái lấy làm xấu hổ. Người cháu đến sau, cô con gái một lần nữa đem chậu ra bán để đổi ngọc. Người mẹ bảo:

– Việc xấu hổ vừa rồi đáng lấy làm điều răn cho hôm nay đấy.

Người con gái nói:

– Con xem anh học trò này có tướng người nhân từ, không phải như kẻ tham tàn trước đấy đâu.

Rồi hai mẹ con lại bày chậu ra bán. Anh học trò xem xong nói:

– Đây quả là vàng ròng, tôi xin đổi hết của cải của tôi được chứ?

Người mẹ nói:

– Được!

Người cháu lại nói:

– Cho tôi xin hai đồng tiền vàng để qua đò.

Người cậu tìm trở lại, nói với bà mẹ:

– Nay ta đem ít ngọc cho bà, bà đem cái chậu ấy ra đây.

Người mẹ đáp:

– Vừa có cậu học trò tốt bụng đem hết ngọc quý đổi lấy cái chậu vàng của tôi rồi, còn cảm ân về việc đổi rẻ nữa, bảo: bà đừng vội đi đâu, tôi sẽ trả thêm cho bà.

Người cậu đến bờ sông, giậm chân xuống đất kêu:

– Trả lại của báu cho ta!

Do tánh nóng nảy, tự đấm vào ngực đến mửa máu mà chết. Người cháu đem vàng trả thêm thì thấy cậu đã chết rồi, nghẹn ngào than:

– Tham đến nỗi mất thân ư!

Bồ-tát giữ tín nên được của báu, Điều-đạt gian tham phải bị mất mạng. Người cháu ấy là thân Ta, người cậu là Điều-đạt.

Bồ-tát giữ chí, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành trì giới như vậy.

36- Xưa, có Bồ-tát, trong vô số kiếp, anh em lo mua bán kiếm lời, nuôi dưỡng cha mẹ. Đi đến một nước khác, người anh bảo em đem châu báu dâng lên vua nước ấy. Nhà vua thấy người em vóc dáng đẹp đẽ nên mừng rỡ ưng ý, hứa gả công chúa cho. Kiếm được rất nhiều ngọc rồi, người em trở về nói lại với anh. Người anh tìm đến chỗ vua. Nhà vua thấy người anh dung mạo đường hoàng, nói năng hợp Thánh điển, hình tướng nho nhã khó ai bằng, nên càng mừng rỡ hơn, đổi ý đem công chúa hứa gả cho người anh. Người anh lòng nghĩ: "Anh của chồng như cha, em dâu như con! Ta với cô này có tình thân như cha con, há có chuyện thành vợ chồng được sao! Vua nước này ở địa vị nhân vương mà xử sự theo hành vi của loài cầm thú."

Bèn dẫn em đi về. Công chúa lên đài cao nhìn theo nói:

– Ta sẽ làm quỉ độc ăn gan người anh này mới đáng.

Lần hồi trong cõi sinh tử, một kiếp kia, người anh làm con vượn, công chúa và người em làm một cặp vợ chồng ba ba. Một hôm ba ba vợ bệnh, thèm ăn gan vượn. Con đực đi tìm, thấy vượn xuống uống nước, bèn nói:

– Người đã từng nghe nhạc chưa?

Đáp:

– Chưa!

Ba ba nói:

– Nhà ta có nhạc hay, ngươi muốn nghe không?

Đáp:

– Muốn chứ.

Ba ba nói:

– Ngươi lên lưng ta, ta đưa ngươi về nghe.

Vượn lên lưng ba ba, đi theo được nửa dòng suối, ba ba nói:

– Vợ ta thèm ăn gan ngươi, chứ trong suối làm gì có nhạc.

Lòng vượn có chút thẹn, nghĩ: "Phàm giới là đạo thường để giữ điều lành, quyền biến là việc lớn để cứu nạn." Bèn nói:

– Ấy! Sao ngươi không nói sớm, ta đã đem gan treo lên cây kia rồi.

Ba ba tin thật, quay lại chỗ cây. Vượn nhảy lên bờ, nói:

– Đồ ba ba chết tiệt! Há có chuyện gan ở trong bụng mà lại đem treo ở trên cây sao?

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Người anh là thân Ta, thường giữ lòng trinh sạch, trọn không phạm điều dâm loạn, nghiệp cuối của kiếp trước còn tai ương nên phải đọa làm thân vượn. Người em và con gái vua đều làm thân loài ba ba. Con đực là Điều-đạt, con cái là vợ của Điều-đạt.

Bồ-tát giữ chí, tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành trì giới như vậy.

37- Thuở xưa, có vị Bồ-tát đi thuyền vượt biển tìm kiếm châu báu để cứu giúp người nghèo khổ. Trên bờ biển có thành quách, vườn tược đầy đủ. Gái đẹp lên bãi đón họ, nói:

– Nước này giàu có, đẹp đẽ, châu báu muốn bao nhiêu cũng được, nên chịu khó vào thành xem dân có không?

Những lái buôn tin theo lời quỉ mị mê hoặc, bèn ở lại cùng sống với bọn chúng, kể đã năm năm. Bồ-tát cảm thấy nhớ quê hương, cha mẹ, ra khỏi thành lên núi, trông về bốn phía xa xăm, thấy một ngôi thành bằng sắt, trong thành có một người đàn ông, đầu đội mũ trời, nghiễm nhiên ngồi, gọi Bồ-tát, nói:

– Các ngươi điên hay sao, lại lấy quỉ mị làm vợ, bỏ hết tình sâu dày của cha mẹ, họ hàng. Lại bị quỉ nuốt, há chẳng lầm lạc lắm sao! Các người đừng ngủ để quan sát thì khắc biết sự thật. Đang có con ngựa thần bay đến đây cứu mọi người, nên nhờ nó giúp quay trở về quê thì được an toàn tánh mạng. Nếu như luyến ái những người vợ yêu mị, thì chết vào thành ấy, các độc đầy khắp nơi, dù có hối cũng không thể cứu.

Bồ-tát vâng lệnh, giả vờ ngủ để xem xét thì thấy quả đúng như đã nói, lòng sợ hãi lắm. Sáng ngày, bí mật bàn với nhau, mọi người đều đồng ý, cùng ngầm dò xem, thấy vợ biến thành thân chồn giành nhau ăn thịt

người, không ai là không tái mặt, nói:

– Chúng ta chắc chết thôi!

Rồi cùng kinh sợ, chuẩn bị, nếu lười trễ là chết. Ngựa chúa kịp đến, nói:

– Có ai chịu rời chốn này, lòng nhớ người thân, thì mau đến đây ta giúp cho.

Những người lái buôn cả mừng nói:

– Đây nhất định là trời!

Cả đám vội đến nương thân. Vợ họ liền bế con theo dấu tìm kiếm, khóc than: "Oan lắm, hỡi trời cao! Làm vợ bao nhiêu năm mà nay cho là quỉ!"

Tiếng ai oán động lòng, lời bay tới cung vua, cũng tâu bày như trên:

– Bọn thiếp nay thật bàng hoàng, không biết nương dựa vào đâu, xin đức vua thương xót tình cảnh của bọn thiếp.

Nhà vua cho triệu Bồ-tát vào hỏi rõ nguyên nhân. Bồ-tát đem những điều đã thấy tâu rõ đầu đuôi. Vua thấy sắc đẹp, vội cho chồng ra đi, rồi cho vào hậu cung làm chuyện dâm tà. Từ đó việc nước rối loạn, quỉ hóa làm chồn, ngày đi ăn thịt người, tác hại quá lắm mà vua không hay biết gì.

Sau đó, tất cả đều mạng chung, sinh tử quay vòng. Bồ-tát nhờ tích chứa nhiều công đức nên được làm Phật. Hồn linh của quỉ cáo hóa sinh vào làm con gái nhà Phạm-chí, nhan sắc tuyệt trần. Bấy giờ, Đức Phật đi khất thực giáo hóa ở vùng đó. Ăn xong, Ngài ra khỏi thành ngồi bên gốc cây. Phạm-chí thấy Đức Phật tướng đẹp, sắc diện vàng rực, nơi đầu có hào quang, như mặt trăng giữa các vì sao. Thấy Phật như thế, ông vui mừng khôn xiết, về nói với vợ:

– Con gái ta được người chồng ấy là bậc hùng trong đời.

Rồi vội lấy áo quần tốt đủ thứ vào hạng đẹp nhất đời, mặc cho con gái, rồi cả nhà ông Phạm-chí dẫn con gái đến dâng cho Đức Phật. Trên đường đi thấy dấu chân, người vợ nói:

– Vị thần ấy là Bậc vô dục, há đem dâm tà làm rối loạn được chí kia sao!

Người cha bảo:

– Con gái ta là hàng quốc sắc đứng đầu, sao bậc đức cao lại không ngó ngàng tới?

Người vợ liền đọc bài tụng ý:

Kẻ dâm lê chân đi
Giận nhiều giảm ý bước
Người ngu chân chạm đất
Trời, người tôn dấu này.

Không tự biết nhục, người cha còn nói:

– Bà sao trí cạn cợt thế, gắng mà thực hiện.

Bèn đem con gái đến dâng.

Đức Thế Tôn bảo:

– Trời Ma thứ sáu, đã hiến cho ta ba người con gái, đều biến thành quỉ già rồi, nay ngươi đem cái túi phân này đến làm gì?

Phạm-chí bẽn lẽn, người vợ càng xấu hổ hơn. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo tiến đến cúi đầu thưa:

– Xin để cho con.

Đức Thế Tôn dạy:

– Ngươi xưa làm vua, cô gái này làm quỉ, đã dùng sắc đẹp dối gạt ngươi, ăn hết dân chúng của ngươi mà ngươi không chán sao!

Vị Tỳ-kheo thẹn thùng trở về dốc tu thiền đạt định, chứng đạo quả Câu cảng.

Đức Phật bảo Tôn giả Thu Lộ Tử:

– Bồ-tát từ khi nghe lời dạy của người trong thành sắt, trở về nhà quy mạng ba ngôi báu, tự thề: "Cho dẫu đến chết cũng không phạm giới trọng thanh tịnh của Đức Như Lai Ứng Nghi Chánh Chân Giác". Rồi Bồ-tát Ma-ha-tát dốc giữ giới đức thêm rộng nhiều, nên thành Phật đạo. Trưởng giả bấy giờ là thân Ta, nhà vua thời ấy là vị Tỳ-kheo chứng quả Câu cảng, quỉ là con gái của Phạm-chí, người trong thành sắt là Thu Lộ Tử.

Bồ-tát giữ chí tu hạnh Độ vô cực, đã thực hành trì giới như vậy.

38- Kinh Thái tử Mộ Phách.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Văn vật. Bấy giờ, Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

– Xưa có quốc gia tên là Ba-la-nại, vua có thái tử tên là Mộ Phách, sinh ra đã thông minh vô cùng, các việc quá khứ, hiện tại, vị lai, trí đều thông suốt, không chút trở ngại, thân tướng tươi sáng như trăng giữa các vì sao. Là con một của vua, nên cả nước không ai là không yêu mến. Nhưng

đã mười ba tuổi, mà vẫn ngậm miệng không nói như người câm. Vua và hoàng hậu lo rầu, gọi các Phạm-chí đến hỏi nguyên do. Họ thưa:

– Đây là điềm chẳng lành. Đoan chánh mà không nói được thì có ích gì cho đại vương. Hậu cung không người nối dõi, há chẳng phải tại thái tử hại sao? Theo phép thì nên chôn sống ắt sẽ có quý tử nối dòng.

Nhà vua ngậm ngùi, vào bàn bạc cùng hoàng hậu. Hoàng hậu cùng cung nhân không ai mà không thương xót, than thở:

– Sao mà thái tử bạc phước, gặp phải tai ương này!

Người thương xót kéo đến chật đường, làm nghẽn tắc lối đi, như có đại tang. Hoàng hậu mặc cho thái tử đầy đủ y phục quý giá rồi đem giao cho táng phu. Táng phu đoạt lấy hết áo quần tốt, cùng nhau xây mộ. Mộ Phách nghĩ: "Vua cùng người trong nước đều tin ta câm thật". Bèn lặng lẽ thu lại áo quần vào sông tắm rửa sạch sẽ, dùng hương thơm xoa lên thân, mặc đầy đủ áo quần quý giá, đi đến chỗ trên huyệt kêu:

– Các ngươi làm gì đó?

Táng phu đáp:

– Thái tử câm điếc, làm đất nước không người nối dõi, vua ra lệnh chôn sống, mong sinh được con hiền nối ngôi.

Thái tử nói:

– Ta là Mộ Phách.

Táng phu nhìn xe bỗng chốc thấy trống rỗng, xem kỹ hình dung, ánh sáng tỏa rực rỡ khắp đồng cỏ xa gần như ánh sáng mặt trời. Thánh linh thế lớn làm chấn động các thần. Táng phu lớn nhỏ không ai là không khiếp sợ, giương mắt nhìn nhau, mặt mày xanh mét, lời thành văn chương, thảy đều kinh hãi. Họ ngửa mặt lên trời, nói:

– Thái tử đức linh đến thế sao!

Liền cúi đầu thưa:

– Nguyện xin về tâu vua ngay, để mọi người không còn than thở nữa.

Thái tử bảo:

– Các ngươi mau về tâu vua rằng ta có thể nói được!

Họ liền về tâu lên vua. Vua và hoàng hậu cùng dân chúng lấy làm lạ về việc này, lòng mừng rỡ khen ngợi, không ai là không vui mừng. Xe ruổi dong, người chạy vội, người xe đông đảo làm tắc nghẽn cả đường đi. Mộ Phách nói:

– Muốn được làm Sa-môn, tu hạnh hư tĩnh, chẳng phải là tốt sao!

Ý vừa nghĩ như thế thì trời Đế Thích liền hóa ra vườn, ao, cây cối chưa hề thấy, lại cởi các y phục báu hóa làm ca-sa.

Vua đến nơi, thái tử gieo năm vóc xuống đất cung kính làm lễ. Nhà vua liền ngồi xuống, nghe tiếng con nói ấy, bóng dáng uy nghi, trời đất rúng động. Nhà vua vui mừng dụ:

– Ta có người con được cả nước kính yêu như thế, sẽ nối dõi ngôi trời, làm cha mẹ muôn dân.

Thái tử tâu:

– Nguyện xin đại vương thương nghe lời hèn này. Con xưa đã từng làm quốc vương nước này tên là Tu Niệm, trị nước an dân hai mươi lăm năm, thân phụng trì mười nẻo thiện, lấy từ bi nuôi dưỡng dân, roi gậy và các thứ binh khí đều bỏ hết không dùng đến, nhà ngục không nhốt tù nhân, trên đường đi không có tiếng ta thán, bố thí cùng khắp, không đâu là không nhuần thấm. Chỉ do lần đi dạo chơi, người theo hộ vệ rất đông, quan dẫn đường xua đuổi ráo riết khiến lê dân kinh hoàng, nên sau khi chết, bị đọa vào địa ngục Thái sơn, chịu khổ thiêu nấu, cắt, xé đến sáu vạn năm, muốn chết không được, kêu ca không ai cứu. Như vào lúc này, trong có bà con xa gần, ngoài thì thần dân của cải vô số, thú vui vô kể, có ai biết con đã từng đọa vào địa ngục Thái sơn, chịu bao khổ thiêu nấu, đau đớn vô cùng đâu! Vinh hoa của cuộc sống, vợ con, thần dân, ai có thể chia bớt nỗi khổ này đi cho! Chỉ một mình phải chịu hết các khổ độc thôi. Mỗi lần nghĩ đến điều này thì lòng dạ xót xa, xương cốt rã rời, thân toát mồ hôi, lạnh nổi da gà. Lời đi, họa đến, tai ương theo đuổi như bóng tìm hình, tuy muốn nói nên lời nhưng sợ phải chuốc lấy tội lỗi. Nỗi khổ ở ngục Thái sơn, nào muốn tái diễn nữa! Do đó lưỡi rụt, không muốn nói ra, mới mười ba năm mà đạo sư yêu quái đã khiến phụ vương chôn sống con. Sợ đại vương bị tội phải vào địa ngục Thái sơn, buộc con phải nói một lời. Nay con muốn làm Sa-môn, giữ hạnh vô dục, thấy đủ cửa các tai họa rồi, không muốn làm vua nữa, xin cha chớ lấy làm lạ.

Nhà vua nói:

– Con làm vua hạnh cao đức trọng, đem đạo dạy dân, lỗi như tơ tóc, không ai nghĩ nhớ, vậy mà phải bị tội khốc liệt đến như thế sao! Còn như ta nay làm chủ loài người, lòng theo điều ham muốn, không phụng thờ chánh pháp, thì chết rồi sẽ ra sao đây?

Bèn thuận cho thái tử học đạo. Vua trở lại trị nước, dùng chánh bỏ tà, quốc gia trở nên giàu có, yên vui. Mộ Phách liền tự luyện tâm, dứt dục, chí dốc tiến theo đạo chân, đắc quả thành Phật, rộng nói kinh pháp, cứu độ

chúng sinh, đưa đến giải thoát.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Mộ Phách lúc đó là thân Ta, phụ vương nay là vua Bạch Tịnh, mẹ thời ấy nay là Xá Diệu, mẹ Ta. Ôi! Sắc đẹp dục tà là lò thiêu thân, còn thanh tịnh đạm bạc chính là nhà không còn hoạn nạn. Nếu người muốn khỏi nạn, không tội thì không được quên lời Phật dạy. Hành đạo tuy khổ còn hơn là sống trong ba đường ác. Làm người thì được xa cảnh bần cùng lam lũ, không bị tám nạn. Nếu chí dốc học đạo thì phải theo hạnh như Phật. Người muốn đạt được bậc Duyên giác, Ứng chân, giải thoát thì phải theo đúng hạnh ấy mới có thể đạt được.

Đức Phật nói kinh xong, các vị Sa-môn đều vui mừng, cúi đầu làm lễ.

39- Kinh Di-lan.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, các vị Sa-môn ở nơi vắng lặng, suy nghĩ sâu xa nhận thấy: người đời quen theo nẻo tà, ưa thích dục lạc từ đầu đến cuối, không hề biết chán năm dục. Năm dục là gì? – Đó là mắt ưa sắc, tai thích tiếng, mũi ưa mùi hương, miệng thích mùi ngon, thân ưa êm ái. Phàm năm dục này cho đến chết, há có người nhàm chán sao! Sau bữa trưa, các vị đều đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ nơi chân, lui ra đứng qua một bên, bạch:

– Thưa Đức Thế Tôn, chúng con nghĩ người ngu trên đời, mê đắm năm dục, cả đến lúc chết, cũng đâu có nhàm chán.

Đức Phật bảo:

– Xem ra cả đời không đủ đối với năm dục ấy.

Thuở xưa có năm trăm lái buôn, vào biển kiếm lợi, trong số họ có người trí tên là Di-lan, làm thuyền trưởng. Biển có con cá thần tên là Ma-kiệt, đã lật chìm thuyền kia, cả đám chết hết. Di-lan nhờ bám được tấm ván mà khỏi chết, gió thổi ông dạt vào bờ một đất khác tên là Tỷ ma. Ông lên bờ đi khắp để tự tìm lại cuộc sống, gặp một con đường nhỏ, theo đó đi tới, từ xa thấy một ngôi thành bằng bạc, cây cối sum suê, trong có ao tắm, giáp vòng bốn phía đều có nước ngọt chảy quanh. Có bốn mỹ nhân đẹp như Tiên nữ, đón mời nói:

– Trải vượt qua biển cả chắc là nhọc nhằn lắm, xin chúc mừng đến nơi được an lành. Hôm nay thành bạc này, trong có các thứ báu như vàng

ròng, bạc trắng, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ... làm cung điện, chúng thiếp bốn người xin dâng cho bậc nhân từ sai khiến, tối nghỉ sáng dậy theo lệnh ngài bảo ban, xin đừng đi nơi khác!

Di-lan vào thành, lên điện bảy báu, vui say theo ý muốn, cần gì được nấy.

Sống trong thành ấy hơn ngàn năm, Di-lan nghĩ: "Các nàng ngọc nữ này chẳng muốn ta đi, chắc có duyên cớ gì?". Bèn rình chờ cho bốn cô gái ngủ, vội trốn đi mất. Xa xa thấy một ngôi thành bằng vàng, ông liền đi tới, có tám ngọc nữ nghinh đón, nói những lời như trên. Tám ngọc nữ ở đây còn đẹp hơn bốn người trước. Bảo điện ở trong thành tên là Tiết mạt, các thứ báu minh nguyệt, trân châu cũng vượt xa thành bạc. Sống ở đây chừng vài vạn năm tuổi, ông lại ngờ tám nàng ngọc nữ này hẳn có lý do gì, nên không cho ông đi, bèn chờ cho họ ngủ, vội lén trốn đi mất. Lại thấy một ngôi thành bằng thủy tinh, có mười sáu cô ngọc nữ ra nghinh đón ông, cũng những lời lẽ như trước, mời mọc ông vào thành, lên điện bảy báu. Thành, điện, các thứ báu, ngọc nữ... còn rực rỡ hơn các thành trước, ông sống ở đó hơn vài ngàn vạn năm, cảm thấy chưa thỏa, lại chờ ngọc nữ ngủ, để trốn đi nữa. Ông lại thấy một ngôi thành bằng lưu ly sáng chói rực rỡ, có ba mươi hai nàng ngọc nữ ra tiếp đón, quỳ lạy, dùng những lời mời mọc như trên, thỉnh ông vào thành, lên điện bảy báu tên là Uất-đan, ở đây các vật báu, kỹ nhạc, đồ ăn ngon, nữ sắc... đều hơn các điện trước. Ông ở đấy lâu năm như các thành trên, lại đợi cho các ngọc nữ ngủ và lén trốn ra đi. Lần này, ông thấy xa xa có một thành bằng sắt, nhưng không thấy người nào ra đón tiếp. Di-lan nghĩ: "Thành bạc có bốn ngọc nữ, thành vàng có tám cô, thành thủy tinh có mười sáu cô, thành lưu ly có ba mươi hai cô, thảy đều dung nhan tuyệt trần, lại cung kính tiếp đón, nay không có người nào đón tiếp cả, chắc có chuyện gì chăng?". Ông đi quanh một vòng thì có quỉ ra mở cửa. Di-lan vào thành liền thấy con quỉ, tên là Câu Dẫn, trên đầu hắn có bánh xe cháy rực đang xoay. Quỉ giữ tội nhân, lấy bánh xe trên đầu quỉ kia tròng lên đầu Di-lan. Não chảy, thân cháy, Di-lan rơi nước mắt nói:

– Từ bốn đến tám, từ tám đến mười sáu, từ mười sáu đến ba mươi hai ngọc nữ hầu hạ, sống sang trọng trong điện Tiết mạt, điện Uất-đan! Ta do hạnh không biết đủ nên mới bị như thế, làm sao xa được nạn này?

Quỉ giữ tội nhân đáp:

– Số năm mang vòng lửa bằng số năm đã sống nơi các thành trên, thì ông sẽ thoát nạn này.

Từ đó, vòng lửa ở trên đầu Di-lan đến sáu ức năm mới khỏi.

Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

– Di-lan đó nay là Ta. Sở dĩ như vậy là vì khi ấy chưa thờ phụng ba ngôi báu, ngu mê tin theo nẻo tà, có lần mẹ tắm gội xong, mặc áo mới nằm ngủ, ta đạp lên đầu mẹ, nên ở ngục Thái sơn bị bánh xe lửa chụp lên đầu. Lại từng lấy ngày mùng tám tháng tư thọ trì "bát quan trai", trong lòng hoan hỷ nên đã được ở các thành báu, thọ mạng hàng ức ức năm, sở nguyện luôn như ý, muốn gì được nấy. Thấy đời không biết đủ, chỉ đạt được đạo quả mới thôi!

Đức Phật bảo các vị Sa-môn:

– Di-lan ra khỏi ngục Thái sơn, lòng ngăn ba ác, miệng dứt bốn dao, thân xét ba lỗi, hiếu thuận cha mẹ, phụng thờ ba ngôi báu, đội giới làm mũ, mặc giới làm áo. Mang theo giới làm lương thực, lấy hương vị giới làm món ăn, ngồi, đi, ăn, thở không hề quên giới luật của Phật, khắp nẻo hành hóa luôn nhờ giới đức mà nên, tự đạt đến thành Phật. Cái hạnh của người phàm tục, bất hiếu với cha mẹ, không tôn thờ thầy tổ, ta thấy họ về sau tự chuốc lấy tội nặng cùng một tội như Di-lan mà thôi. Phàm làm ác thì họa đuổi theo như bóng theo hình, còn dứt tuyệt tà ngụy, sùng tôn chân chánh thì các tai họa tự nhiên tiêu hết.

Đức Phật nói kinh xong, các vị Sa-môn đều hoan hỷ làm lễ.

40- Kinh Đảnh Sinh Thánh vương.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy Tôn giả A-nan rảnh rỗi, nên suy nghĩ sâu xa: "Chúng sinh từ đầu đến cuối, ít người chán ghét năm dục". Sau bữa trưa, Tôn giả đến chỗ Đức Phật, cúi đầu lễ xong lui ra, bạch:

– Thưa Đức Thế Tôn, nhân lúc ngồi rảnh con suy nghĩ kỹ, thấy rằng chúng sinh, ít người biết đủ, còn kẻ không biết chán năm dục thì rất đông.

Đức Thế Tôn khen:

– Hay thay! Hay thay! Đúng như ông nói đó. Sở dĩ như vậy là vì. Đức Phật kể tiếp:

– Thuở xưa, có vị vua tên là Đảnh Sinh, Đông, Tây, Nam, Bắc không ai là không thần phục. Vua có bảy báu là: đao của bánh xe vàng bay, voi trắng, ngựa tía, ngọc minh nguyệt, vợ ngọc nữ, tôi phụ chính giỏi, tôi điều binh tài. Những thứ bảy báu của vua xem ra trên đời thật ít có. Vua lại có một ngàn người con đoan chánh, tươi đẹp, thông minh, trí rộng, thiên hạ

xưng tụng là Thánh, có sức mạnh chế ngự mọi người, như là sư tử. Vua đã là Thánh lại nhân từ, khắp trời an vui thần thuộc, thọ mạng có đến hàng ức năm. Lòng vua thường nghĩ: "Ta có một cõi thiên hạ Câu-da-ni, đất đai ngang dọc ba mươi hai vạn dặm, dân chúng đông đúc, ngũ cốc dồi dào, nhà nhà giàu có, những gì đời hiếm thì nước ta gồm đủ cả. Tuy nhiên ta vẫn cầu nguyện vua trời kia hãy mưa xuống tiền vàng, tiền bạc bảy ngày bảy đêm, cho ta như thế, há chẳng tốt sao?".

Trời theo ý nguyện của vua, mưa xuống hai thứ báu trên đầy cả mọi chốn. Ánh sáng của báu trời rực rỡ khắp nước. Nhà vua vui sướng không lường, thiên hạ lại tạ mừng rỡ. Hàng ngày cùng quần thần, nhà vua vui chơi thỏa thích. Muôn dân đều khen ngợi tốt đẹp vì luôn được an lạc vô bờ.

Qua được vài ngàn vạn năm, nhà vua lại nghĩ: "Ta có đất phía Tây rộng tới ba mươi hai vạn dặm, tốt tươi, đủ bảy báu, có ngàn đứa con, rạng rỡ cả đất nước, được trời mưa tiền báu, chưa từng có trên đời. Tuy nhiên, ta nghe ở phương Nam có cõi Diêm-phù-đề, đất rộng, dài có đến hai mươi tám vạn dặm, dân chúng đông đúc, cầu gì được nấy. Ta mà được đất ấy há chẳng sung sướng lắm sao!".

Ý vua vừa nghĩ, thì bánh xe vàng hướng về Nam, bốn binh chủng bảy báu nhẹ nhàng bay đi, cùng tới trên đất ấy. Vua và thần dân nước đó không ai là không tùng phục. Vua dân nước đó trọn ngày hân hoan. Nhà vua dừng lại đó giáo hóa mọi người. Trải qua số năm như trên, nhà vua lại nghĩ: "Ta có đất phía Tây, nay lại có đất phía Nam, các báu nơi trời, người cầu gì mà không có. Bây giờ ta nghe ở phương Đông có cõi Phất-vu-đãi, rộng dài ba mươi sáu vạn dặm. Vua dân cõi đó, các báu, ngũ cốc, các thứ báu quý... mong gì được nấy. Nếu ta được đất ấy thì chẳng càng thích thú sao?". Miệng vừa nói như vậy, thì bánh xe vàng liền hướng về phía Đông, bốn binh chủng đều bay đi đến đó. Vua, tôi, dân chúng nước ấy không ai là không tuân phục. Vua lại dùng chánh pháp, nhân từ giáo hóa muôn dân, số năm dài như trên, nhà nhà đều mang ân đức của vua. Rồi nhà vua lại nghĩ: "Ta có đất ở các cõi Tây, Nam, Đông. Trời, người các báu, không có báu quý gì mà ta không có. Nay nghe phương Bắc có cõi Uất-đan-việt, nếu ta làm vua cõi ấy thì chẳng tốt lắm ư?". Vừa mở miệng nói lời nguyện, thì bánh xe vàng đã hướng về phía Bắc, bốn binh chủng đều bay như trước. Vừa vào cõi ấy, xa xa thấy đất xanh như sắc lông chim thúy, nhà vua hỏi:

– Các người thấy đất xanh chứ?

Họ thưa:

– Dạ thấy.

Vua nói:

– Đây là đất Uất-đan-việt.

Lại thấy đất trắng, vua hỏi họ thấy không, họ đáp:

– Có thấy.

Vua nói:

– Đất đấy đã thành cơm gạo rồi, các ngươi ăn đi!

Rồi lại thấy các cây báu, trên đó nào là áo quần mịn đẹp, xuyến, nhẫn, chuỗi ngọc lạ lùng, nhà vua hỏi:

– Các ngươi thấy đó chứ?

Thưa:

– Dạ thấy.

Nhà vua bảo:

– Các ngươi lấy mà mặc vào đi!

Nhà vua cai trị bằng lòng nhân từ, giáo hóa dân bằng lòng khoan thứ, số năm ở đấy lâu như trên. Rồi lại sinh ý nghĩ: "Ta đã có ba cõi thiên hạ, nay được thêm cõi phương Bắc bốn mươi vạn dặm, bây giờ thì muốn lên cõi trời Đao-lợi, đến chỗ của Đế Thích". Vua vừa nghĩ vậy thì bánh xe vàng liền hướng lên trên, bốn binh chủng bảy báu bay lên trời, vào cung Đế Thích. Đế Thích thấy nhà vua đến thì vui mừng nghinh đón, nói:

– Nghe cao danh đã lâu, muốn được gặp gỡ, nay ngài bay lên đây, thật là sung sướng lắm!

Đế Thích bèn cầm tay cùng ngồi, nhường vua tòa ngồi. Nhà vua ngoái nhìn tả hữu thấy cung điện trên trời làm bằng vàng ròng, bạc trắng, thủy tinh, lưu ly, xa cừ, hổ phách, trân châu... lòng càng hớn hở, lại nghĩ: "Ta có bốn nước, tiền báu vô số, nhưng ở đây sang quý khó tả xiết, nếu khiến cho trời Đế Thích chết đi, để ta ở ngôi vị ấy thì chẳng thỏa nguyện lắm sao?"

Niệm dữ vừa dấy lên thì thần túc liền bị diệt hết. Đế Thích đưa về cung cũ thì lâm bệnh nặng, quan phụ chính tâu:

– Thiên vương bệnh nặng, nếu có mệnh hệ nào thì sẽ có di huấn gì không?.

Nhà vua nói:

– Như có ai hỏi vì sao nhà vua mất đi thì hãy đáp như chỗ ngươi đã thấy. Do tham mà bị bệnh, đến nỗi mất mạng. Ôi, tham lam là lưỡi dao hại mạng, là cái gốc của sự mất nước, xa ba ngôi báu để theo ba đường ác thảy đều do đấy mà ra cả. Kẻ nối dõi về sau phải lấy đó làm điều răn, xem lửa

tham, si là gốc thiêu đốt thân mình, vậy nên cẩn thận chớ tham. Phàm càng sang quý nhiều thì họa càng cao, của báu nhiều thì oán kia càng lắm.

Sau khi vua mất rồi, những người nối tiếp thuộc nằm lòng những lời răn dạy về tham ấy, nương vào đó làm của báu truyền đời. Dân chúng trong bốn cõi thiên hạ tôn trọng sự giáo hóa nhân từ, phụng thờ ba ngôi báu, làm theo mười điều thiện nên được phước lâu đài.

Đức Thế Tôn nói:

– Xem ra ở đời ít kẻ có thể bỏ vinh quý, vứt năm dục. Chỉ có những bậc chứng được các quả Câu cảng, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi, Duyên giác, Vô Thượng Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác Đạo Pháp Ngự Nhân Thiên Sư, thì mới có thể dứt tuyệt được. Phi hành hoàng đế sở dĩ mọi ước nguyện đều đạt được, không hề trái với ý là vì do kiếp trước đã tu tập các pháp Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, chứ không phải tự nhiên mà có. Vua Đảnh Sinh ấy chính là thân Ta.

Đức Phật nói kinh xong, Tôn giả A-nan vui mừng đảnh lễ Phật.

41- Kinh vua Phổ Minh.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Thuở xưa, có Bồ-tát làm đại vương tên là Phổ Minh, lòng Từ thi ân tỏa trùm khắp, mười phương đều ca ngợi, dân chúng nguyện nhà vua luôn được an lành như con hiền hỏi thăm cha mẹ.

Nước bên cạnh có vị vua cai trị theo đúng phép, sức mạnh như sư tử, đuổi bắt được chim bay. Một hôm, người lo thịt ăn cho vua bị mất thịt, nên sáng sớm đã vội đến chợ tìm mua, trên đường đi hắn thấy thây người vừa mới chết, bèn lấy thịt đó về làm món ăn, hương vị ngon hơn thịt súc vật. Hôm sau, hắn làm đồ ăn không ngon bằng trước, nhà vua trách hỏi Thái quan, người phụ trách về thịt đến cúi đầu thú nhận sự việc. Lòng vua bẽn lẽn nói:

– Thịt người ngon đấy chứ!

Rồi vua ngầm ra lệnh cho đầu bếp dùng thịt ấy làm món ăn thường ngày.

Đức Thế Tôn nói:

– Con người, hễ đắm sâu nơi mùi vị thì đạo nhân mỏng, nẻo nhân mỏng thì lòng lang sói dấy mạnh. Ôi! Làm chó sói thì ham mùi vị thịt, giết

hại mạng sống loài vật, nên thiên hạ oán thù.

Đầu bếp vâng lệnh, lặng lẽ đi giết người để cung phụng theo ý muốn của vua. Thần dân xôn xao, dâng biểu xin vua truy tầm kẻ giết người. Nhà vua đành phải đồng ý, nhưng mật bảo đầu bếp:

– Ngươi hãy cẩn thận đấy!

Một hôm, có quan chức bắt được kẻ giết người, hắn nói:

– Vua ra lệnh cho tôi đó.

Quần thần đến can vua:

– Chúng thần trộm nghe, bậc vua là đức theo pháp nhân từ, anh minh thì nhật nguyệt cùng tỏa sáng, đất dày thấm nhuần ân như trời đất, ôm giữ chúng sinh như là hư không, vậy mới đáng là vua của thiên hạ. Nếu bỏ nhân từ theo nẻo tàn bạo tức là loài sài lang, bỏ sáng theo tối, ấy là bọn đui mù, bỏ cứu vớt để tự đắm chìm là lũ đục phá thuyền, bỏ thấm ướt ưa thích khô ráo tức là giết mình trong lửa hạn. Quay lưng với chỗ rộng thoáng để hướng về chốn ngột ngạt tức là tâm của loài người đá. Ôi! Hành động của những kẻ lang sói tham tàn, mù tối, đắm chìm, thiêu đốt, người đá, thật không đáng làm người coi đám đầu bếp há đâu có thể làm vua trong thiên hạ? Nếu tôn sùng đức thì thạnh, ưa tàn hại thì vong, hai nghĩa thiện ác ấy, vua nghĩ thế nào?

Nhà vua nói:

– Trẻ sơ sinh dứt sữa được không?

Quần thần đáp:

– Không thể được.

Nhà vua bảo:

– Ta cũng như thế.

Quần thần đều nói:

– Sài lang không đáng nuôi dưỡng, kẻ vô đạo không đáng làm vua.

Thần dân một lòng đồng thanh đuổi đi. Vua chạy vào núi thấy thần cây, bèn cúi đầu thưa:

– Khiến tôi được trở về lại đất nước, tôi xin dâng cho thần một trăm vua.

Thề xong liền đi. Bèn rình chờ các vua ra ngoài, đột kích bắt lấy, như diều cắt tóm bắt chim én, sẻ. Hắn bắt giữ được chín mươi chín vị vua. Thần cây hiện hình người, dung mạo đẹp đẽ khác thường, gọi A Quần bảo:

– Người làm việc vô đạo, nên đánh mất ngôi vua sang quý, nay lại

làm điều tàn ác lớn hơn, còn muốn trông chờ gì nữa?

A Quần chạy tới phía trước, bỗng nhiên người ấy biến mất. Vừa khi vua Phổ Minh đi quan sát dân tình khổ, vui thế nào. Trên đường gặp một Phạm-chí, vị ấy nói:

– Xin đại vương trở về cung, tôi có điều muốn thưa.

Nhà vua bảo:

– Hôm qua đã ban lệnh rồi, nay phải thực hiện, chữ tín khó làm trái. Xin mời đạo sĩ đến cung ngồi, ta quay về ngay.

Rồi vua ra đi, thì bị A Quần bắt được, ném bên gốc cây. Nhà vua nói:

– Ta không sợ mất mạng, chỉ hận vì chữ tín của ta bị hủy bỏ.

A Quần hỏi:

– Vì sao vậy?

Nhà vua liền nói rõ về lời thề của mình khi gặp đạo sĩ và xin gặp ông ấy một lần để nhận giới trọng, đem ít của báu dâng lên, rồi trở lại chịu chết, không ân hận.

A Quần thả nhà vua trở về gặp đạo sĩ. Vua đích thân bày tòa cao mời đạo sĩ lên ngồi. Đạo sĩ liền nói bài kệ:

Số kiếp đã hết
Lửa cháy đất trời
Tu-di biển lớn
Đều ra tro rồi.
Trời rồng hết phước
Về trong tiêu tan.
Đất trời còn mất
Nước sao thường ngôi?
Sinh, lão, bệnh, tử
Luân chuyển không bờ.
Việc cùng nguyện trái
Buồn lo ấy hại
Dục chất họa chồng
Không ngoài bướu nhọt
Ba cõi đều khổ
Nước chỗ nào nhờ?
Có vốn từ không
Nhân duyên nên thành?
Thạnh ắt phải suy
Thật tất có hư!

Chúng sinh xuẩn ngu
Đều duyên chốn huyễn
Tiếng vang đều không
Đất nước cũng vậy!
Thần thức vô hình
Xe kéo bốn rắn.
Vô minh quý dưỡng
Dùng làm xe vui
Hình, vô thường chủ
Thần, vô thường nhà
Ba cõi đều ảo
Nào có nước đâu?

Nhận bài kệ xong, nhà vua liền hiến cúng một vạn hai ngàn tiền vàng cho vị Phạm-chí. Phạm-chí lại dạy:

– Ông nên nhớ nghĩ đến bốn vô thường thì họa kia ắt tiêu diệt.

Nhà vua đáp:

– Thưa vâng, không dám trái lời dạy sáng suốt.

Rồi nhà vua đến chỗ gốc cây đã hẹn. Thấy nhà vua vừa đi vừa mỉm cười, A Quần nói:

– Mạng nguy đến nơi sao vui được mà cười?

Đáp:

Lời dạy của Đức Thế Tôn, ba cõi ít kẻ nghe, nay ta được nghe và nhớ, sao lại còn tiếc đất nước, thân mạng?

A Quần vòi vĩnh nói:

– Xin được nghe lời dạy quý giá.

Nhà vua liền đem bốn bài kệ trao cho. A Quần vừa sợ vừa mừng, khen:

– Đức Thế Tôn lồng lộng thay! Đã nêu bày rõ bốn vô thường. Ôi! Ta vì không được nghe, thấy, nên đã làm những việc ngông cuồng, sai trái.

Rồi ông liền thả một trăm vị vua, ai về nước nấy. A Quần sám hối lỗi lầm, tự sửa đổi, lấy gốc cây làm chỗ ở, ngày ngày luôn nhớ nghỉ về bốn bài kệ. Đến khi lâm chung, hồn chuyển đến làm Vương thái tử. Cưới vợ không sinh được con trai, nhà vua càng thêm lo buồn, nhân đó tuyển mộ con gái trong nước rồi dạy dỗ, khiến có con trai. Về sau, thái tử trở nên dâm dật, phóng đãng, không theo đạo chân, nhà vua giận dữ sai phơi

thây thái tử ở ngã tư đường, ra lệnh cho người đi đường dùng ngón tay gõ vào đầu để làm nhục. Gõ vừa đúng chín mươi chín người thì thái tử mới chết. Linh hồn ông biến hóa, luân chuyển mãi không thôi, đến khi sinh ra ở nước Xá-vệ thì gặp Phật tại thế. Ông sớm mồ côi cha, cùng mẹ sống cô đơn theo đạo Phạm-chí, tánh thuần, lời tín, sức mạnh địch cả voi, được thầy yêu, bạn kính, gần xa đều khen là hiền.

Mỗi lần đi du hóa, thầy đều giao cho ông trông coi việc nhà. Một hôm, người vợ yêu của thầy kéo tay ông, dùng lời dâm dục dụ dỗ. A Quần từ chối:

– Bạn già ở đời, đàn ông là cha ta, đàn bà là mẹ ta, huống chi thầy là chỗ ta kính trọng! Bảo thiêu đốt thân mạng còn có thể làm theo, chớ loạn luân thì ta không dám thuận.

Vợ thầy xấu hổ lui vào nghĩ kế, chồng về, vợ nói:

– Ông khen hắn hiền, đủ rõ là ông không biết gì về hắn cả.

Rồi mụ đặt điều nói đủ lỗi của ông. Lời yêu nữ nói ra như thật, khiến Phạm-chí tin. Phạm-chí nói với A Quần:

– Ngươi muốn thành Tiên không?

Thưa:

– Dạ muốn.

Thầy bảo:

– Ngươi giết một trăm người, chặt lấy một trăm ngón tay của họ là được thành tiên ngay.

Vâng lời thầy, A Quần vác kiếm tìm gặp người là giết, thu được chín mươi chín ngón tay, mọi người đều chạy trốn hết, cả nước chấn động. Không còn ai, hắn thấy mẹ mình, mừng rỡ nói:

– Mẹ nữa là đủ số, ta sẽ thành Tiên ngay thôi!

Thấy cảnh ấy, Đức Phật nghĩ: "Tà đạo mê hoặc mọi người, hạng ấy có mặt ở khắp nơi." Ngài liền hóa làm một vị Sa-môn, đi ở đàng trước A Quần. Hắn nói:

– A, có người này là đủ số rồi!

Bèn chạy đuổi theo sau mà không kịp được. Hắn kêu:

– Này! Sa-môn, hãy dừng lại.

Đức Phật đáp:

– Ta dừng đã lâu rồi, chỉ có ngươi là không dừng thôi.

Hắn hỏi:

– Dừng nghĩa là thế nào?

Đức Phật đáp:

– Ta, các việc ác đều dừng, còn ngươi thì các việc ác đều bừng lên.

A Quần tâm mở rộng, bỗng như mây tan, gieo năm vóc xuống đất, cúi đầu hối lỗi, chắp tay xin theo.

Đức Phật đem về tinh xá, cho làm Sa-môn, lại vì ông thuyết giảng về hạnh kiếp trước, hiện rõ bốn vô thường, ông chứng được đạo quả Câu cảng, lui về bên gốc cây ngồi nhắm mắt chắp tay, tu luyện trừ bỏ các thú cấu nhiễm còn sót lại, tiến lên chứng được đạo quả Vô trước.

Trong khi ấy, quốc vương triệu tập quân sư, chiến sĩ vài vạn, ra lệnh tìm bắt yêu tặc giết người, chưa biết đi đâu. Trên đường đi qua chỗ Đức Phật, thấy vua, Đức Phật hỏi:

– Nhà vua từ đâu đến mà thân lấm bụi đất?

Vua đáp:

– Trong nước có yêu tặc giết hại quá nhiều mạng dân, nay đi tìm bắt nó.

Đức Thế Tôn hỏi:

– Nếu dân chúng trước tu đức hạnh, mà sau thoái lui chuộng tà đạo thì phép trị nước xử như thế nào?

Vua đáp:

– Trước quý, sau hèn thì dùng phép chánh mà trị.

Đức Phật hỏi tiếp:

– Còn nếu trước mang lòng súc vật, sau bỏ đi mà giữ lấy đức Thánh thì chánh pháp ra sao?

Vua đáp:

– Trước hèn, sau quý thì dùng chánh pháp mà ban thưởng.

Đức Phật nói:

– Yêu tặc mà ngài tìm, nay đã bỏ tà chuộng chân rồi, hiện đang làm Sa-môn.

Nhà vua khen:

– Hay thay, Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư đã giáo hóa cao thượng, thần diệu đến như thế ư! Trước là kẻ sài lang, nay là người có lòng nhân từ của trời đất.

Nhà vua cúi đầu dưới chân Như Lai, rồi lại khen:

– Việc hóa độ này lạ lắm, con nguyện được một lần nhìn thấy người này.

Đức Thế Tôn nói:

– Được.

Vua cùng các quan đi theo kéo đến chỗ A Quần, nói:

– Này hiền giả đức cao! Hãy một lần mở mắt để thấy nhau được không?

Nhà vua nói như vậy ba lần, A Quần mới đáp:

– Tia mắt sáng ngời của ta chiếu tỏa ra, thật khó mà đương nổi!

Nhà vua cúi đầu nói:

– Ngày mai, bày một buổi tiệc nhỏ, xin được đón đến.

Đáp:

– Dọn nơi nhà xí thì đến, còn dọn ở cung điện thì không.

Nhà vua nói:

– Xin vâng.

Trở về, nhà vua cho phá nhà xí, đào bỏ đất cũ, thay vào đất mới. Những thứ gỗ quý như chương tử, chiên-đàn được dựng làm rường cột, nước thơm rải thấm đất. Các thứ hương như chiên-đàn, tô hợp, uất kim, hòa với nhau làm vữa, tô vách, len, dạ, lụa là, dùng làm tòa ngồi. Chạm khắc hoa văn, đem các thứ vật báu làm đẹp tăng thêm rực rỡ, huy hoàng, có khi còn hơn cả cung điện. Rạng ngày đích thân nhà vua bưng lư hương đến đón. A Quần vào chỗ ngồi, nhà vua vén áo, đi gối hầu hạ. Thọ cúng dường xong, liền thuyết giảng kinh:

– Ngày trước nhà xí ô uế, há có thể dọn ăn được ư?

Đáp: Không được.

Hỏi: Nay thì dọn được ư?

Vua nói: Được vậy.

A Quần nói:

– Ta khi chưa gặp Phật thì tin thờ yêu quái, lòng nghĩ, miệng nói, thân làm toàn các việc tà vạy, đạo tà dơ bẩn nên chúng trở thành hôi thối càng quá hơn nhà xí. Phân dơ rửa sạch, còn cấu uế thì khó trừ, nhưng nhờ phúc kiếp trước nên sinh nhằm đời có Phật, được tắm gội bằng sự giáo hóa sạch trong, khử mùi thối, thấm hương thơm, trong ngoài thanh tịnh như trân châu của trời. Ôi! Nếu không gặp được Phật, không nhận biết bốn vô thường, thì xem ra cái chí kia chẳng khác nào người cuồng dại do say rượu.

Không gần gũi bậc Hiền mà nương theo mười ác, thì hẳn cùng với sài lang là một bè vậy.

Nhà vua nói:

– Hay thay! Lạ thay! Chỉ có sự hóa độ của Đức Phật mới khiến cho mùi hôi thối của nhà xí hóa thành hương chiên-đàn.

Nói kinh xong, A Quần liền đi ngang qua chợ, nghe có người đàn bà sinh ngược, mạng sống chỉ trong hơi thở, liền trở về thưa rõ lên Đức Phật. Đức Phật nói:

– Ngươi đến giúp cho người ấy sinh!

A Quần thẹn thùng. Đức Thế Tôn nói:

– Ngươi nhìn người sinh và nói như thế này: Ta từ khi sinh ra đến nay, đem lòng Từ hướng về chúng sinh, cứu giúp thấm nhuần khắp trời đất, mẹ con ngươi đều được an toàn!

Ông nhận lời dạy bảo rồi ra đi, đến nơi, đem lời ân đức của Phật đọc lên thì người đàn bà kia được mẹ tròn con vuông. Trên đường trở về, ông ngỡ mình có tội ác giết người mà nói là thương khắp. Bèn cúi đầu hỏi lại Đức Phật. Đức Phật bảo A Quần:

– Ngày mà lòng phàm của ngươi mở ra thọ nhận đạo pháp, có thể gọi là mới sinh. Không gặp ba ngôi báu, không thọ giới trọng, như đứa trẻ còn trong thai, có mắt mà nào thấy được gì, có tai mà nào nghe được gì, nên nói là chưa sinh!

A Quần tâm mở liền chứng được đạo quả Ứng chân.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Vua Phổ Minh thuở ấy chính là thân Ta. Ta đời trước đã trao cho A Quần bốn bài kệ, một lúc đã cứu sống một trăm vua, nay khiến đắc đạo, không chịu tội nặng. A Quần kiếp trước đã từng làm Tỳ-kheo vác một hộc gạo đưa vào trong chùa, làm một lưỡi dao dâng cúng, hoan hỷ, ca ngợi Đức Thế Tôn, cúi đầu mà đi. Vác gạo nên có nhiều sức mạnh, dâng cúng dao nên được nhiều của báu, hoan hỷ nên được đoan chánh, ca ngợi Đức Thế Tôn nên được làm vua, cúi đầu làm lễ Phật nên được người trong nước sùng bái. Còn chín mươi chín người gõ vào đầu cho đến chết là trả oán trước đã chặt ngón tay của họ. Người đến sau muốn gõ nữa thì thấy đã chết, lại thấy Sa-môn, liền có Từ tâm. Người đến sau tức là mẹ A Quần bây giờ, ban đầu có ý ác, nên A Quần ban đầu cũng có ý ác (*định giết mẹ*), thấy Sa-môn lại có tâm Từ nên thấy Phật là hiếu thuận ngay. Gieo giống tinh thuần thì được thuần, gieo giống tạp thì được tạp, thiện ác làm ra, phước họa tìm đến, như

bóng theo hình, vang ứng theo tiếng, tất cả đều có nguyên do, không phải là tự nhiên. Các Tỳ-kheo nguyện:

– Khiến người gặp được Phật, đắc đạo được như sở nguyện, cúng dường ba ngôi báu, dù có ít như tơ tóc. Sa-môn đem lòng Từ chú nguyện cho người bố thí, nói như lời người ấy nói thì được cả vạn mà không sót một người nào.

Bồ-tát giữ chí tu hạnh Độ vô cực, đã thực hiện trì giới như vậy.

□

KINH LỤC ĐỘ TẬP

QUYỂN 5

Chương III: NHẪN NHỤC ĐỘ VÔ CỰC

Thế nào gọi là Nhẫn nhục độ vô cực?

Bồ-tát suy nghĩ sâu xa: "Thần thức của chúng sinh bị ngu si khuất lấp nên cống cao, tự đại, thường muốn hơn kẻ khác. Những sự tốt đẹp của quan tước, đất nước, sáu tình đều muốn riêng mình giành hết. Nếu thấy người ta có thì đâm ra ganh ghét, tham lam một cách ngu si. Trong thì hừng hực tham lam, ganh ghét, ngoài mặt thì sân giận bừng bừng, không biết dừng lại. Những cái đó làm cho con người say sưa điên cuồng nên mãi mãi ở trong cảnh tối tăm, lần hồi trong năm đường, nơi ngục Thái sơn thiêu nấu, trong nẻo ngạ quỉ, súc sinh... chồng chất không biết bao nhiêu lần khổ".

Bồ-tát thấy những điều đó liền hiểu ra, buồn bã than:

– Chúng sinh do đó mà mất nước, tan nhà, hại thân mạng, diệt họ hàng. Họ sống thì chịu những hoạn nạn ấy, chết thì chịu khổ nơi ba đường ác. Họ phải chịu như vậy đều do không thể ôm nhẫn làm lành.

Bồ-tát hiểu ra điều đó, liền tự thệ:

– Ta thà chịu cái đau đớn của nước sôi, lửa bỏng, cái hoạn nạn bị băm vằm, trọn không hề sân hận, gây độc hại đối với chúng sinh. Phàm nhẫn những điều không thể nhẫn là cội nguồn của muôn phước.

Từ khi Bồ-tát biết rõ như vậy trở về sau, đời đời tu hạnh từ bi. Chúng sinh có theo mình mắng chửi, đánh đập, cướp đoạt của báu, vợ con, đất nước, nguy thân, hại mạng Bồ-tát liền dùng phước đức nơi sức nhẫn của chư Phật để diệt trừ độc hại của sân giận, luôn từ bi thương xót, tìm đến để tế độ giúp đỡ họ. Nếu chúng sinh ấy thoát khỏi tội lỗi thì Bồ-tát lấy làm hoan hỷ.

42- Thuở xưa, có vị Bồ-tát thấy đời dơ đục, vua tôi vô đạo, bỏ chân theo tà, khó đem đạo pháp ra hóa độ, nên mới che khôn giấu bóng, ẩn thân nơi một nghĩa địa để tu tập hạnh nhẫn. Trong nghĩa địa có con trâu nghé,

Bồ-tát thường lấy phân và nước tiểu của nó làm đồ ăn, thức uống kéo dài mạng sống. Dung mạo đen xấu, mọi người đều gớm ghiếc, người trong nước thấy ngài thường bảo nhau:

– Đất này có quỉ.

Nhìn thấy Bồ-tát không ai là không thóa mạ, lại ném cả đất đá nữa. Nhưng Bồ-tát không mảy may giận dữ, còn lấy tâm Từ thương xót:

– Khổ thay! Vì những người này không hiểu biết kinh Phật nên làm những việc ác ấy.

Bèn thề:

– Khi ta thành Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Giác Đạo, ta quyết độ hết họ.

Bồ-tát thực hành pháp Nhẫn độ vô cực đã nhẫn nhục như vậy.

43- Thuở xưa, có vị Bồ-tát tên là Thiểm, thường mang lòng Từ rộng lớn thấm nhuần khắp chúng sinh, thương xót hạng ngu muội không thấy ba ngôi báu, bèn đem cha mẹ mình vào ở trong chốn núi đầm. Cha mẹ tuổi đã cao, đôi mắt lại mù lòa, nên Thiểm lấy làm thương xót, khổ sở, nói ra rơi nước mắt. Đêm đêm, ông thức dậy ba lần để chăm sóc, hàn huyên, hạnh chí hiếu tỏa đức thơm lừng trời đất. Thần đất, rồng biển, người trong nước... đều hay biết. Ông phụng thờ Phật, làm mười điều thiện, không giết hại chúng sinh, không nhặt của rơi trên đường, giữ trinh không cưới vợ, các họa của thân đều dứt sạch. Nói hai lưỡi, nói lời ác độc, nói dối, nói thêu dệt, khen chê tà vạy... lỗi nơi miệng cũng đều diệt hết. Những dơ bẩn trong lòng như ganh ghét, sân giận, tham lam, tâm cấu uế... cũng đều tịch tịnh cả. Ông tin làm thiện được phước, làm ác mang họa, lấy cỏ tranh làm lều, lấy rơm rác làm chiếu, thanh tịnh vô dục, chí như vàng trời. Trong núi có suối chảy, giữa dòng sen mọc, quanh bờ trái cây ngon ngọt đầy khắp. Sớm dậy đi hái quả, chưa từng dành phần trước, lòng nhân từ ấy thấu xa, cầm thú gần gũi cậy nhờ.

Một hôm, ông Thiểm đi lấy nước về cho cha mẹ dùng thì gặp phải lúc vua nước Ca-di vào núi săn bắn. Nhà vua giương cung lắp tên bắn hươu nai núi, nhưng lại nhầm trúng vào ngực Thiểm. Chất độc của mũi tên hoành hành, đau đớn không thể tả. Ông ngoái trông hai bên, rồi khóc kêu lớn:

– Ai đã dùng một mũi tên mà giết chết ba đạo sĩ? Song thân ta tuổi cao, lại đều bị mù lòa, một ngày không có ta, chắc đều phải mất mạng.

Lại cất tiếng than:

– Voi chết vì ngà, tê giác chết vì sừng, chim thúy chết vì lông... ta đây không ngà, không sừng, cũng không lông rực rỡ thì vì cái gì mà chết?

Nhà vua nghe tiếng kêu thảm thương, liền xuống ngựa, hỏi:

– Nhà ngươi làm gì trong núi sâu?

Đáp:

– Tôi đem cha mẹ vào ở trong núi này để từ bỏ sự dơ bẩn của cuộc đời, tinh tấn tu học đạo lớn.

Nhà vua nghe Thiểm thưa, nghẹn ngào rơi nước mắt, càng đau đớn thương xót ông, nên nói:

– Ta là kẻ bất nhân, tàn hại sinh mạng loài vật, lại còn giết chết người con chí hiếu.

Rồi cất tiếng than thở:

– Sao lại đến nỗi này?

Quần thần lớn nhỏ không ai là không nghẹn ngào. Nhà vua lại nói:

– Ta đem cả nước để cứu mạng ngươi. Xin chỉ chỗ song thân ngươi ở, ta muốn đến để tạ tội.

Ông Thiểm nói:

– Nhân theo lối nhỏ này, đi đến chỗ kia không xa thấy một lều cỏ, cha mẹ tôi ở trong ấy. Xin nhà vua vì tôi nói với song thân: tôi từ đây xin vĩnh biệt, những năm tháng còn lại xin thận trọng, không nên luyến nhớ.

Thiểm nói rồi lại càng đau xót, chốc lát thì mất. Nhà vua cùng quân sĩ lại một lần nữa thổn thức. Họ tìm theo đường đã chỉ đến đúng chỗ cha mẹ ông Thiểm ở. Nhà vua đi có nhiều người theo, tiếng cỏ cây sột soạt, cha mẹ Thiểm nghi là có người lạ, lên tiếng hỏi:

– Người nào đi đó?

Nhà vua đáp:

– Là vua nước Ca-di.

Cha mẹ Thiểm nói:

– Nhà vua đến đây rất tốt, nhà chỉ có chiếu cỏ xin ngài nghỉ mát, có quả ngọt để ngài dùng, con tôi đi lấy nước sắp về ngay đây.

Nhà vua thấy cha mẹ ông ấy đem lòng thương đợi con về, lại nghẹn ngào lần nữa. Nhà vua gọi họ bảo:

– Ta thấy hai đạo sĩ đã thương đợi con về, lòng ta xót đau không lường, ông Thiểm con của đạo sĩ bị ta bắn chết rồi.

Cha mẹ Thiểm kinh hãi nói;

– Con tôi vì tội gì mà giết nó thế? Tánh khí của nó nhân từ, đạp đất còn sợ đất đau. Nó có tội gì mà nhà vua giết nó?

Nhà vua nói:

– Quả thật con ông là một người con chí hiếu, là một bậc thượng hiền, ta săn bắn hươu nai, nhầm trúng ông ấy thôi.

Cha mẹ Thiểm nói:

– Con tôi đã chết! Chúng tôi biết sẽ nương vậy vào đâu, hôm nay chắc phải chết thôi. Xin đại vương đưa giúp hai mạng già chúng tôi đến chỗ thi thể của con, quyết gặp lần cuối, hầu chết được chung mồ.

Nhà vua nghe lời nói ấy, càng thêm xót thương, rồi đích thân dẫn cha mẹ Thiểm đến chỗ xác chết.

Người cha lấy tay sờ lên đầu gối, người mẹ thì ôm lấy chân con trai, hôn chân con thành tiếng, cả hai đều dùng tay sờ lên vết thương bị tên, đấm ngực, đập má, ngẩng đầu kêu:

– Thần trời, thần đất, thần cây, thần nước... con ta là Thiểm đó, thờ Phật, tin Pháp, tôn kính Hiền thánh, hiếu thuận song thân, lòng nhân từ rộng rãi hơn hết, thấm nhuần đến cả cỏ cây.

Rồi họ lại nói:

– Nếu xét thấy con ta lòng thành phụng Phật, chí hiếu thấu đến trời cao, thì tên phải được nhổ ra, độc hại được tiêu trừ, con được sống lại, làm tròn cái hạnh chí hiếu ấy. Còn nếu hạnh của con không được như vậy, lời của cha mẹ không thành thì xin được chết theo luôn để cùng làm tro đất một thể!

Trời Đế Thích, Tứ đại Thiên vương, Thần đất, Rồng biển, nghe lời thảm thương của cha mẹ Thiểm, đều tin lời nói ấy, ai ai cũng động lòng. Trời Đế Thích hóa thân xuống gọi song thân Thiểm bảo:

– Người con chí hiếu ấy ta có thể làm sống lại được.

Rồi ngài dùng thần dược của trời rót vào miệng Thiểm, bỗng nhiên ông được sống lại. Cha mẹ và Thiểm, vua cùng quần thần tháp tùng đều vui buồn lẫn lộn, thảy cùng bậc khóc. Nhà vua nói:

– Do đức hạnh thờ Phật, chí hiếu, nên mới được như thế. Rồi vua ra lệnh cho quần thần từ nay về sau thúc đẩy dân chúng phải thờ phụng Phật và mười đức lành, tu theo hạnh chí hiếu của Thiểm.

Cả nước đều làm theo, sau đấy nước giàu dân mạnh, nên được thái bình. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Ta đời đời phụng thờ hạnh chí hiếu của chư Phật, đức cao, phước

thịnh, nên đạt Bậc Thiên Trung Thiên, một mình qua lại ba cõi, ông Thiểm lúc ấy là thân Ta, còn quốc vương là A-nan, cha của Thiểm là cha Ta hôm nay, bà mẹ ấy nay là Xá Diệu mẹ Ta, trời Đế Thích là Di-lặc.

Bồ-tát thực hành pháp Nhẫn độ vô cực đã nhẫn nhục như vậy.

44- Thuở xưa, Bồ-tát lúc làm Phạm-chí, tên là San-đề-hòa, sống tại núi đầm, ngồi thiền bên gốc cây, dùng trái rừng, nước suối làm đồ ăn thức uống. Tâm cấu nhiễm được gột sạch, ở chỗ vắng lặng, sáu căn rộng tỏ, biết được hết mọi thứ. Hương thơm trí tuệ tỏa lừng tám hướng và trên dưới. Mười phương các Đức Phật, Duyên giác, Ứng nghi, cùng Thánh chúng không ai là không khen ngợi. Phạm vương, Đế Thích, Tứ thiên vương, rồng biển, thần đất... sớm chiều cung kính chắp tay cúi đầu, vâng theo đúng cách, ủng hộ nước ấy, gió mưa thuận thời, ngũ cốc được mùa, độc hại tiêu trừ, tai ương diệt hết, vua tôi giàu thịnh.

Vua nước này tên là Ca-lê vào núi săn bắn, đuổi theo hươu nai, tìm dấu chân chúng. Khi đi qua trước chỗ Bồ-tát, nhà vua hỏi đạo sĩ:

– Dấu thú qua đây, chúng về hướng nào?

Bồ-tát im lặng suy nghĩ: "Chúng sinh luôn bị rối loạn chỉ vì thân mạng, ham sống sợ chết, lòng ta nào có khác! Giả như ta chỉ cho nhà vua thì là bạo ngược, giết hại bất nhân, tội đồng với vua. Còn ta nói không thấy thì là nói dối gạt". Lòng cảm thấy xấu hổ, nên cúi đầu không nói. Nhà vua liền nổi giận, bảo:

– Người ăn mày đáng chết! Ta là bậc chí tôn trong một nước mà hỏi ngươi không trả lời còn giả vờ cúi đầu ư?

Nước kia có lệ cho khảy móng tay là không nói.

Bồ-tát buồn bã, khảy móng tay nói "không biết". Bèn nói rõ với vua là mình không thấy.

Vua bảo:

– Dấu chân thú qua đây mà nói rằng không thấy, thì với thế lực lớn của nhà vua không giết ông được ư?

Bồ-tát nói: Tôi xin nghe theo lời vua.

Nhà vua hỏi: Ông là ai vậy?

Đáp: Tôi là người nhẫn nhục.

Vua nổi giận rút kiếm chém cánh tay phải. Bồ-tát nghĩ: "Chí ta chuộng đạo pháp, không tranh với đời, mà ông vua này còn dùng dao hại ta, huống gì là đối với dân chúng! Ta nguyện khi thành Phật sẽ trước độ

ông ấy, để cho chúng sinh khỏi bắt chước theo những hành vi độc ác.”

Nhà vua lại hỏi: Ông là ai?

Đáp: Tôi là người nhẫn nhục.

Vua lại chặt cánh tay trái của Bồ-tát. Rồi cứ một lần hỏi là một lần chặt một bộ phận nơi thân thể. Vua chặt chân, cắt mũi, cắt tai..., máu chảy như suối, đau đớn vô lượng. Trời đất vì việc này mà chấn động, mặt trời liền tối sầm lại. Bốn Đại thiên vương đều kịp thời đến, giận dữ đồng thanh nói:

– Tên vua này tàn ác hết mực, thật không ai bằng!

Rồi họ nói với đạo sĩ:

– Không phải bận lòng, chúng tôi sẽ giết bỏ tên vua này, cả vợ con, cùng tiêu diệt luôn cả nước để nêu rõ cái ác của hắn.

Đạo sĩ đáp:

– Mấy ông nói gì thế? Cái tai ương này là do đời trước không vâng theo lời dạy của Đức Phật, đã gia hại ông ấy. Do đó làm ác thì họa theo như bóng theo hình. Xưa gieo trồng ít mà nay gặt hái nhiều. Ta nếu thuận theo ý của các vị thì họa như trời đất, phải nhiều kiếp chịu tội lỗi, há có thể hết được sao?

Chúng dân thấy có biến vội vàng chạy đến, nhận lỗi, đồng thanh nói:

– Đạo sĩ ở đây, ân lớn giúp đỡ khắp đất nước, tai ương qua hết, dịch bệnh tiêu trừ, mà ông vua này quá ư ngu si không biết phải trái, không rõ nẻo tới lui, mà giết hại đức Thánh! Cúi xin Thánh nhân đừng đem chúng con, tâu lên Thượng đế!

Bồ-tát đáp:

– Vua đem điều ác vô cùng làm khốn khổ thân ta, nhưng lòng ta vẫn thương xót như mẹ hiền thương con. Còn chúng dân đây thì đâu có lỗi gì mà ta oán họ! Nếu còn nghi ngờ thì các ngươi cầm cánh tay của ta đã bị chặt đem lại đây.

Dân chúng cầm lấy, thì dòng sữa vọt ra. Bồ-tát nói:

– Vì ta có nỗi xót thương của người mẹ hiền nên nay bằng chứng ấy đã hiện ngay đây.

Dân chúng thấy được bằng chứng rộng lớn, không ai là không vâng theo lời dạy và vui mừng lui về.

Bồ-tát có người em, cũng đã thấy được nguồn đạo, đang ở tại một núi khác, dùng Thiên nhãn nhìn thấu suốt, thấy Trời, Thần, Quỉ, Rồng hội nhau bàn bạc về cái ác của vị vua kia, không ai là không phẫn nộ. Sợ người anh

mình có chỗ tổn hại đến tâm đức nên dùng thần lực đi đến chỗ người anh, hỏi:

– Những vết thương ấy có đau đớn lắm không?

Bồ-tát đáp:

– Không sao! Nếu em muốn rõ về bằng chứng của ta thì hãy lấy tay, chân, tai, mũi rời ra đó sắp vào chỗ cũ. Nếu nó liền lại thì niềm tin của ta đã hiện rõ.

Người em nối các thi thể của anh, tức thì chúng đã liền lại. Người anh nói:

– Niềm tin về lòng Từ bi rộng khắp của ta đến nay đã hiện rõ.

Thần trời, Thần đất không ai là không vui mừng, cúi đầu khen ngợi, rồi khuyến khích dắt dẫn nhau lập chí tu hạnh cao, thọ giới mà lui về.

Từ đó về sau mặt trời mặt trăng, không còn ánh sáng, năm sao cũng hết thấy dạng, yêu quái dẫy đầy, thời tiết khô hạn, ngũ cốc khan hiếm, dân chúng khốn khổ đều đem lòng oán thán vị vua. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Ông San-đề-hòa khi ấy là thân Ta, người em là Đức Di-lặc, nhà vua nay là La-hán Câu-lân.

Bồ-tát thực hành pháp Nhẫn độ vô cực đã nhẫn nhục như vậy.

45- Ngày xưa, có vị Bồ-tát sinh vào một gia đình nghèo. Gia đình nghèo này không nuôi, bèn bọc trong tấm áo lót, chờ đến tối vắng người, đem bỏ ở ngã tư đường với một ngàn đồng tiền đặt trên đầu. Tục của nước này lấy ngày hôm ấy là ngày lành, cả nước tổ chức lễ hội. Người quân tử, kẻ tiểu nhân đều theo từng loại tổ chức ăn uống, vui chơi. Có một Phạm-chí tham gia buổi hội vui, khen:

– Vui thay! Những người dự hội hôm nay, riêng có kẻ như lúa canh gạo trắng thuần không chút lẫn lộn, mùi hương thơm phức. Nếu ngày này mà ai sinh được con trai, hay con gái thì đã quý lại hiền.

Ngồi trong buổi hội này, có một vị Lý gia cô độc không con nối dõi, nghe lời nói ấy thì mừng thầm, liền sai người đến khắp các ngã tư tìm đứa con nào bị bỏ rơi. Kẻ đi tìm hỏi người qua đường:

– Có thấy đứa trẻ nào bị bỏ rơi không?

Người đi đường đáp:

– Có một người mẹ góa nhận về nuôi rồi.

Người đi tìm, lần đến nhà bà lão thì gặp được đứa bé. Ông ấy nói với

bà lão:

– Nhà chủ của tôi giàu có mà không con nối dõi, nếu bà đem đứa bé này đến giao lại thì sẽ được nhiều của báu.

Bà mẹ nói:

– Được.

Rồi bà giữ lại tiền, đưa đứa bé đến để kiếm của cải. Bà mẹ được của cải như ý muốn. Lý gia nuôi đứa bé được vài tháng thì người vợ có thai, ông nói:

– Ta vì không có con nối dõi nên mới nuôi đứa bé khác họ này. Nay trời trao cho ta con nối dòng thì nuôi nó làm gì nữa.

Rồi ông bọc đứa trẻ trong cái áo lót, đang đêm đem bỏ nơi cái giếng cạn. Bầy dê nhà ban ngày hay tựu về đó cho đứa bé bú, người chăn dê đi tìm thì thấy có đứa bé, liền than:

– Thượng đế vì sao làm rơi đứa bé ở đây?

Rồi ông mang nó về nuôi bằng sữa dê. Lý gia biết được, vặn hỏi:

– Vì sao ngươi trộm sữa?

Người chăn dê thưa:

– Tôi được đứa con rơi của trời nên lấy sữa để nuôi.

Tứ tánh buồn bã, hối hận, đem đứa trẻ về nuôi, được vài tháng thì vợ sinh một con trai, niệm ác lại dấy, ông cũng làm như lần trước, lấy áo lót bọc đứa trẻ rồi đem đặt vào trong vết bánh xe. Đứa trẻ tâm tư nghĩ đến Phật và Tam bảo, lòng thương hướng về cha mẹ. Rạng ngày sau có hàng trăm thương nhân đi qua con đường ấy, trâu dừng lại không chịu bước tới, một thương nhân đến xem xét thử vì sao, thì thấy một đứa trẻ, cả kinh nói:

– Con của vua trời vì sao lại ở chỗ này?

Ông liền bồng đứa bé vào trong xe thì trâu liền tiến nhanh như nước chảy. Đi tới phía trước chừng hai mươi dặm, họ dừng trâu nghỉ ngơi. Có một bà mẹ cô độc thưa với vị thương nhân xin đứa trẻ để giúp đỡ bà lúc tuổi già cùng khốn. Vị thương nhân liền cho bà. Người mẹ này nuôi đứa bé chưa được bao lâu thì Tứ tánh lại hay được, áy náy nói:

– Ta đến nỗi bất nhân tàn hại đức trời thế ư!

Rồi ông lại lấy của báu đến xin đem đứa bé trở về nhà mình, nghẹn ngào tự trách, nuôi dưỡng hai đứa trẻ như nhau. Nuôi được khoảng vài năm, ông thấy đứa bé trí tuệ kỳ lạ biến hóa dọc ngang, thì niệm ác lại nảy sinh, nghĩ:

– Đứa bé này thông minh quá đỗi, con ta chắc thua! Không nên để nó

làm gì!

Ông lại bọc nó bằng áo lót, đem vào núi bỏ trong bụi trúc, không cho ăn, ắt phải chết. Đứa bé ấy lòng Từ niệm:

– Ta sau này được làm Phật, quyết sẽ tế độ mọi đau khổ của chúng sinh.

Gần núi có một lạch nước, đứa trẻ tự sức mình rung lay theo trúc rơi xuống đất, lần hồi bò đến bên bờ nước kia. Cách lạch nước lối hai mươi dặm, có một đám khiêng người chết và đông đảo người đi lấy củi, thấy xa xa có đứa trẻ, họ kéo đến xem và than:

– Thượng đế làm rơi đứa con mình xuống đây ư?

Rồi họ bồng về nuôi dưỡng. Tứ tánh hay được cũng lại ân hận như trước, rồi đem của quý báu đến, buồn khóc xin rước về. Ông dạy cho đứa trẻ về sách lý số, ngẫng xem thiên văn, cúi xem quẻ bói... học thuật của các đạo, hễ qua mắt đứa bé thì liền giỏi ngay. Bẩm tánh nó lại nhân, hiếu, lời nói ra liền trở thành giáo hóa, dẫn dắt mọi người, cả nước tôn xưng là Thánh, kẻ có học khắp nơi kéo về. Người cha lại sinh niệm dữ, tánh ác càng nặng. Trước nhà cách thành bảy dặm, có một người thợ đúc. Muốn mưu giết đứa trẻ, ông Tứ tánh viết thư báo với người thợ đúc:

"Xưa nuôi đứa trẻ này làm con. Từ khi nó vào trong nhà ta thì bệnh tật liên miên, của cải hao tổn, gia súc chết nhiều. Quan thái bốc đoán: Đứa trẻ đã đem tới tai vạ ấy. Thư này đến thì hãy bắt lấy nó ném vào trong lửa ngay".

Đối với đứa trẻ thì ông giả vờ nói:

– Ta nay tuổi đã xế bóng, lại thêm bệnh nặng, vậy con hãy đến nhà người phường đúc, kê tính rõ tiền bạc, châu báu, đó là tài sản trọn đời của con.

Đứa trẻ vâng lời ra đi. Đến trong cửa thành, nó thấy em cùng với bọn trẻ đang chơi trò bắt trái bồ đào, đứa em nói:

– Anh đến thật may cho em quá! Anh hãy vì em đánh thắng bọn nó đi.

Anh nói: Cha sai anh đi có việc!

Em nói: Để em đi cho!

Rồi nó giật lấy thư đi đến nhà phường đúc. Người phường đúc theo lời trong thư, bắt đứa bé ném vào lửa. Lòng người cha nôn nao lo sợ, bèn sai người đi tìm đứa trẻ. Người nhà thấy đứa anh, hỏi:

– Em đâu rồi?

Đứa anh cứ như thật trả lời, rồi nó về nhà nói lại sự việc. Người cha vội lấy ngựa đuổi theo, đến nơi thì con mình đã ra tro rồi. Người cha vật mình kêu trời, tức khí uất nghẹn, trở thành phế tật. Ông lại sinh ý độc ác, nói:

– Ta giờ đã không người nối dõi, thì chẳng cần để đứa bé ấy làm gì, giết phứt đi cho rồi.

Người cha có một tòa lâu đài cách kinh thành lối một ngàn dặm, nhân đó sai đứa bé đi, bảo:

– Ông đó đã làm tiêu tán tài sản của ta, vậy con đến nơi ấy tính xem, nay ta cho con tòa lâu đài ở đấy, có một phong thư khằn kín bằng sáp ong, con mau đi gấp!

Trong thư người cha ngầm dặn:

– Đứa trẻ này đến liền lấy đá buộc vào lưng rồi dìm xuống vực sâu.

Đứa trẻ nhận lệnh, cỡi ngựa thong thả ra đi. Được nửa đường, đứa trẻ gặp một Phạm-chí ở xa, vốn cảm phục người cha, thường qua lại hỏi nhau về sách cổ. Vị Phạm-chí này có một người con gái, rất hiền lành, thông minh, biết tường tận về chuyện lành dữ, coi thiên văn, bói toán.… Đứa trẻ đến chỗ Phạm-chí ở, nghĩ: "Cha ta với Phạm-chí là chỗ thân quen, ta nên nghỉ lại nơi đây". Rồi gọi người đi theo bảo:

– Ta muốn qua đó chào hỏi ông Phạm-chí, có nên không?

Người đi theo nói: Tốt.

Liền đi qua hầu thăm. Ông Phạm-chí vui mừng, nói:

– A! Con trai anh ta đến kia!

Ông bèn cho gọi các học sĩ, nho sinh, những bậc kỳ lão, đạo cao đức trọng cùng đến hội họp, yến tiệc vui chơi. Họ cùng nhau hỏi han các việc còn thắc mắc, không ai là không thỏa thích. Trọn ngày, hết đêm, ai nấy đều mệt mỏi, ngủ say. Người con gái trộm nhìn người con trai, thấy ngay lưng có mang một phong thư, bèn lén mở lấy đem về, đọc được lời trong thư thì buồn bã, than:

– Yêu quái nào đây, nỡ giết hại người con trai nhân từ thế này? Nàng liền xé phong thư ấy viết lại thư khác, rằng: "Tuổi ta đã xế bóng, bệnh nặng ngày một khốn đốn, ông Phạm-chí kia với ta là chỗ thân quen. Con gái ông đã hiền lại thông minh, nay thật xứng đôi với con ta. Hãy sắm đầy đủ lụa là, châu báu, làm sính lễ. Xin lo cho thật tốt tiểu lễ dạm hỏi này, còn lễ cưới, ngày cưới, thì căn cứ vào lời dặn nơi thư này". Viết thư xong, nàng phong kín để lại như cũ.

Rạng ngày, người con trai lên đường, Phạm-chí, các nho sĩ không ai là không đến khen ngợi. Người ở lâu đài được thư vâng lệnh sắm đủ lễ vật đến nhà ông Phạm-chí. Vợ chồng ông Phạm-chí bàn nhau:

– Phàm về chuyện hôn nhân thì trước hết phải chọn người đi hỏi tên xem tuổi, nếu bên ấy đã sắm đầy đủ lễ vật thì ta mới nhận lời. Nay bên trai không có mai mối lại đem sính lễ đến, phải chăng họ xem thường ta?

Rồi trở vào nằm nghỉ, lại nghĩ: "Từ xưa trai gái làm bạn trăm năm với nhau đều như thế. Hơn nữa trai hiền, gái trinh gặp nhau cũng khó". Bèn nhận lễ vật, họp cả chín họ lại, đều vui mừng nói:

– Đây là niềm vinh dự truyền đời.

Lễ cưới đã xong, người ở lâu đài vội báo tin cho Tứ tánh biết. Nghe được việc này, bệnh của Tứ tánh càng nặng thêm. Đứa trẻ nghe cha bệnh, nghẹn ngào nói:

– Ôi! Mạng sống khó bảo toàn, đúng là như huyễn, không thật!

Vị Phạm-chí muốn chọn ngày tốt mới cho trở về, lòng Bồ-tát đau đớn nên không nghe theo lời ông ấy, bèn đem cả vợ vội trở về, đến nơi lên nhà cúi đầu lạy cha. Vợ tìm đến bái lạy, khóc rũ rượi, cứ ba bước lại một lần bái lạy, rồi xưng tên:

– Con là vợ của con trai cha đó. Cha mẹ đặt tên con là … phải phụng thờ tổ tiên, làm kẻ nâng khăn sửa túi, tận tình giữ lễ, hết lòng hiếu kính. Cầu xin đại nhân bệnh lành, phước đến, giữ mãi tuổi thọ không chết, cho con thỏa lòng, có được cái đức của người con dâu hiếu thảo.

Ông Tứ tánh kết giận, uất nghẹn mà chết. Bồ-tát thương xót lo việc tống táng đầy đủ, tình nghĩa đậm đà. Cả nước đều khen là hiếu. Đám tang xong ngài dốc tu hành, tiếng thơm xông tỏa mười phương.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Đồng tử ấy là thân Ta, vợ là Câu-di, còn ông Tứ tánh là Điều-đạt.

Bồ-tát thực hành pháp Nhẫn độ vô cực đã nhẫn nhục như vậy.

46- Thuở xưa, Bồ-tát làm đại quốc vương, thường đem bốn thứ tâm để nuôi dưỡng, hộ trì chúng sinh, tiếng tăm vang động xa gần, không ai là không khen ngợi. Người cậu làm vua ở một nước khác, tánh tình tham lam không biết hổ thẹn, lấy hung tàn làm sức mạnh, các bậc Khai sĩ đều than trách. Bồ-tát mang lòng nhân huệ của trời đất, còn ông cậu thì chuyên dối trá, vu khống, chê bai, tạo mối hiềm khích, để dấy binh muốn đoạt nước của Bồ-tát. Bồ-tát cùng quần thần đều nói:

– Thà làm kẻ giữ đạo nhân của trời mà nghèo, chứ không thèm làm giống sài lang mà sang giàu.

Dân chúng thì nói:

– Thà làm loài vật của người hữu đạo, còn hơn làm dân của người vô đạo.

Rồi họ tuyển chọn võ sĩ, bày binh, bố trận. Quốc vương lên đài quan sát quân tình, khóc lóc, nước mắt chảy quanh cổ, nói:

– Vì ta, chỉ một thân này mà hủy hoại hàng triệu mạng dân. Mất nước khó phục hồi, thân người khó giữ được, ta trốn đi xa thì cả nước được yên, sẽ không có ai bị hoạn nạn!

Nhà vua cùng nguyên phi bỏ nước ra đi. Người cậu vào cai trị nước ấy, lấy tham tàn làm quốc sách, giết hại kẻ trung trinh, tin dùng kẻ nịnh hót, độc hại. Chánh sự hà khắc, dân tình khốn khổ, oán than đầy dẫy. Họ ca ngợi, nhớ nghĩ đến vua cũ, như người con hiếu luôn canh cánh bên lòng về cha mẹ mình.

Bấy giờ, vua và nguyên phi đang ở nơi núi rừng. Biển có một con rồng tà, mê sắc đẹp của nguyên phi, nên hóa làm một Phạm-chí, giả bộ chắp tay, cúi đầu ngồi yên lặng suy nghĩ, giống như lúc đạo sĩ tư duy thiền định. Nhà vua nhìn thấy, lòng hớn hở, ngày ngày đi hái trái cây cúng dường. Con rồng rình chờ nhà vua đi khỏi, trộm gặp lấy vương phi mang đi, đem về chỗ cư trú ở biển. Đường nó đi là một lối tắt kẹp giữa hai ngọn núi. Núi có chim lớn, giương cánh chận lối đi, cùng với rồng đánh nhau. Rồng dùng sấm sét đánh xệ cánh bên phải của chim, nên thoát được đem nguyên phi trở về biển. Nhà vua hái quả trở về, không thấy người phi của mình, bùi ngùi nói:

– Ta kiếp trước làm chuyện sai trái, nay tội vạ xảy ra mau thế ư?

Rồi cầm cung, mang tên, đi qua khắp ngọn núi để tìm kiếm nguyên phi. Thấy có một dòng suối đầy, lần tìm theo đến tận nguồn thì gặp một con vượn lớn đang buồn thảm. Nhà vua thương xót hỏi:

– Ngươi sao buồn vậy?

Vượn đáp:

– Tôi cùng với người cậu họ hợp nhau làm vua. Cậu dùng thế mạnh đoạt hết người của tôi. Chỉ biết than thở chứ còn biết kiện ai. Còn ông nay sao lại phiêu bạt đến núi này?

Bồ-tát đáp:

– Ta cùng ngươi có nỗi buồn như nhau. Nhưng ta lại mất người phi

chưa biết nàng ở đâu?

Vượn nói:

– Ông giúp tôi chiến đấu giành lại quân sĩ của tôi, tôi sẽ vì ông tìm lại nàng phi cho. Thế nào rồi cũng tìm được thôi.

Nhà vua đồng ý nói:

– Được.

Rạng ngày, con vượn cùng cậu nó đánh nhau. Vua lấy cung lắp tên vào, cánh tay và đùi vế đang ở vào tư thế giương cung bắn. Con vượn cậu từ xa trông thấy sợ run lên, vội tìm đường chạy trốn. Đám quân của vua vượn đều quay trở lại. Vua vượn liền ra lệnh cho chúng:

– Người phi của vua người lạc mất tại núi này, các ngươi phải tỏa ra tìm cho cùng khắp.

Bọn vượn đều ra đi, gặp con chim bị đau ở cánh, chim hỏi:

– Các ngươi đi tìm cái gì vậy?

Đáp:

– Vua trời bị mất nguyên phi, chúng tôi đi tìm bà ấy.

Chim nói:

– Con rồng đã bắt trộm bà ấy rồi. Thế lực ta không bằng hắn, nên hiện nay hắn đang ở bên cồn lớn, trong biển cả đó.

Nói xong thì chim chết. Vua vượn đốc suất chúng vượn theo đường tắt đến biển. Đang buồn lo không biết làm sao để vượt biển, thì trời Đế Thích hóa làm con vượn thân bệnh ghẻ lở, tiến đến thưa:

– Nay muốn vượt biển, quân sĩ đông nhiều như thế sao lại lo không đến được cồn kia. Nay hãy ra lệnh ai nấy đều vác đá lấp biển, có thể làm thành núi cao thì không những chỉ thông đến cồn kia mà thôi.

Vua vượn liền phong cho nó làm giám sát, điều khiển bọn vượn. Theo kế hoạch ấy vác đá lấp biển thành công, bọn vượn qua được biển, bao vây cồn ấy trùng điệp. Rồng tung mù độc, bọn vượn bị bệnh đều ngã lăn ra đất. Hai vua buồn bã, con vượn nhỏ lại thưa:

– Cứ để con làm chúng khỏi bệnh, khỏi nhọc đến Thánh ý.

Nó liền dùng thuốc trời truyền vào trong mũi chúng, bọn vượn hắt hơi rồi đứng lên, sức mạnh vượt hơn trước. Rồng liền nổi gió mây che tối cả mặt trời, chớp lòa sáng biển, đột nhiên nổi trận lôi đình chấn động trời đất. Vượn nhỏ nói:

– Vua người bắn giỏi, chỗ trắng lóa đó tức rồng đấy, nên buông tên

trúng vào chỗ ấy để trừ hung ác, đem lại phước cho dân, các Thánh không hề trách đâu.

Chờ khi sấm sét, nhà vua buông tên trúng ngay ngực rồng. Rồng bị bắn chết, bọn vượn khen tốt, vượn nhỏ rút khóa nhà rồng, mở cửa đem vị phi ra. Trời, quỉ đều vui mừng. Hai vua trở về núi cũ, cùng nhau từ tạ, nhún mình nhường nhau. Trong lúc đó, ông vua cậu chết không có con nối dõi, thần dân vội vàng đi tìm kiếm vua cũ, đến chỗ núi non hiểm trở kia thì vua tôi gặp nhau, cùng thương khóc trở về. Vua cũ lên làm vua, sáp nhập luôn nước của cậu vào, hàng triệu dân vui mừng, tung hô vạn tuế. Nhà vua ra lệnh đại xá, thi hành chính sách khoan thứ, lòng dân hân hoan, vừa đi vừa mỉm cười. Vua nói:

– Đàn bà xa chồng, đi riêng chỉ một đêm thôi mà mọi người còn nghi ngờ dị nghị, huống gì nàng đi cả hai tuần! Nàng nên trở về lại nhà nàng cho hợp với lễ nghi xưa.

Nguyên phi nói:

– Tôi tuy ở trong hang loài vật dơ bẩn, nhưng cũng như hoa sen ở nơi bùn lầy. Nếu lời tôi thành thật đáng tin thì xin đất chỗ này nứt ra.

Lời vừa dứt thì đất nứt toác ra. Nguyên phi nói:

– Lòng thành tín của tôi đã hiện rõ rồi đấy.

Nhà vua nói:

– Hay thay! Sự trinh khiết ấy là hạnh của bậc Sa-môn.

Từ đó trong nước, người buôn bán thì nhường lợi, kẻ sĩ thì từ chối địa vị, người hào hiệp có thể nhịn kẻ tiện, kẻ mạnh không lăng nhục kẻ yếu... tất cả là nhờ đức của vua. Đàn bà dâm đãng cải đổi thành tiết hạnh, dù nguy hiểm đến tánh mạng vẫn giữ trinh tiết, kẻ lừa dối chuộng trung tín, đứa xảo ngụy giữ lòng ngay thật... tất cả là nhờ đức cảm hóa của nguyên phi.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Quốc vương khi đó là thân Ta, nguyên phi là Câu-di, người cậu là Điều-đạt, Thiên đế Thích là Di-lặc.

Bồ-tát thực hành pháp Nhẫn độ vô cực đã nhẫn nhục như vậy.

47- Thuở xưa, Bồ-tát thân làm con vượn, sức quản bầy nhỏ, minh triết hơn người, thường mang lòng Từ rộng lớn cứu vớt chúng sinh. Một hôm, leo cây hái trái, vượn thấy trong hang núi có người bị rớt xuống đó không thể tự lên được, suốt ngày khóc thương, kêu trời xin được sống.

Nghe tiếng kêu bi ai, vượn rơi nước mắt, nghĩ: "Ta thề dốc thành Phật là vì những chúng sinh như thế. Nay nếu không đem được người này ra khỏi hang thì anh ta sẽ chết. Ta phải tìm cách xuống hang cõng hắn ra." Vượn liền xuống hang tối, bảo người ấy tựa vào mình, rồi níu vịn cỏ leo lên núi, đặt vào chỗ đất bằng, chỉ đường cho hắn, rồi nói:

– Tại đây ngươi đi được rồi, từ nay về sau phải thận trọng, không nên làm điều ác.

Đem người ra khỏi hang mệt nhọc quá, nên vượn nằm lăn ra nghỉ. Người ấy nghĩ: "Ở trong hang bị đói khát, nay ra ngoài cũng vậy, nào có khác gì đâu!". Lòng hắn nghĩ phải giết con vượn này ăn thịt, để cứu mạng mình, chẳng phải là nên lắm sao! Rồi hắn dùng đá đập vào đầu vượn, máu tuôn đỏ cả đất. Vượn đang nằm cả kinh thức dậy, leo vội lên cây, nhưng lòng không ý giận, còn từ bi thương xót cho người đã mang lòng ác độc. Rồi vượn tự nghĩ: "Sức ta không thể độ được, xin nguyện đời sau thường gặp được chư Phật, tin theo đạo giáo và tu hành theo đó để được độ, đời đời chớ có niệm ác như người này."

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Con vượn là thân Ta, còn người ở trong hang là Điều-đạt.

Bồ-tát thực hành pháp Nhẫn độ vô cực đã nhẫn nhục như vậy.

48- Thuở xưa, Bồ-tát cùng A-nan đều có tội phải làm thân rồng. Một con rồng nói:

– Ta với anh cùng ở trong biển, không chỗ nào là không trông thấy, nay chúng ta có thể lên đất liền dạo chơi chăng?

Một con đáp:

– Người ở trên đất liền hay dấy lòng ác, nếu gặp phải chuyện bất thường thì mình không thể thoát ra.

Rồng nọ lại nói:

– Hay ta hóa làm rắn nhỏ! Nếu đường không người thì ta tìm đường lớn đi chơi, gặp người thì trốn, nào lo sợ gì?

Cả hai đều đồng ý, liền lên đất liền dạo chơi. Ra khỏi biển chưa bao lâu, giữa đường gặp con rắn hổ ngậm độc. Con rắn hổ thấy hai con rắn nhỏ thì niệm ác phát sinh, lòng muốn đến hại, liền phun bọt độc vào hai con rắn nhỏ. Một con rắn nảy ý muốn dùng thần oai giết chết con rắn hổ kia. Một con thì tâm Từ nhịn nhục, can ngăn:

– Phàm là kẻ cao sĩ thì phải xá cho bọn ngu dại chứ. Phải nhẫn được

điều không thể nhẫn dược, đó mới là đại giới chân chánh của Phật.

Liền nói kệ:

Tham dục làm điên dại
Không có lòng nghĩa nhân
Ganh ghét muốn hại Thánh
Chỉ lặng nhẫn là yên.
Ai phi pháp không tuân
Trong lòng không thương xót
Tham ác hại bố thí
Chỉ lặng nhẫn là yên.
Người phóng dật không giới
Khốc hại mang lòng ác
Không vâng thuận đạo đức
Chỉ lặng nhẫn là yên.
Quên ân không đền đáp
Giả vờ làm dối nịnh
Ấy là ngu si quá
Chỉ lặng nhẫn là yên.

Một con rắn thì ca tụng đức nhẫn nhục, nói kệ để nêu bày đủ nghĩa lý, còn một con thì cung kính thọ trì nên không hại con rắn hổ độc kia. Một con rắn nói:

– Thôi chúng ta trở về biển, nên chăng?

Rồi cùng nhau đồng ý ra về, trổ oai thần làm chấn động cả trời đất, nổi mây sa mưa, rồng thiên biến hóa làm sáng rực cả vùng biển, người quỉ đều kinh hãi. Con rắn hổ kinh hoàng sợ hãi, chết giấc không biết, bảy ngày bỏ cả ăn uống.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Con rồng muốn hại con rắn độc lúc bấy giờ là ông A-nan, con rồng nói pháp nhẫn là thân Ta, còn con rắn hổ ngậm độc là Điều-đạt.

Bồ-tát đời đời tu hành nhẫn nhục. Tuy ở loài cầm thú mà không hề quên hạnh ấy.

Bồ-tát thực hành pháp Nhẫn độ vô cực đã nhẫn nhục như vậy.

49- Thuở xưa, có đất nước tên là Ma-thiên-la, vị vua tên là Nan, học thông thần minh, không chỗ tối nào là không thấy. Biết rõ cõi đời là vô thường, nên nói:

– Thân ta rồi sẽ mục nát làm phân bón cho đời, thì đất nước làm sao giữ mãi được!

Bèn từ bỏ vinh hoa dục lạc, mặc pháp phục của bậc Đại sĩ, một bát ăn là đủ, thọ giữ giới luật của Sa-môn, lấy núi rừng làm chỗ ở đã ba mươi năm. Ở mé rừng cây, có cái hầm, hầm sâu những ba mươi trượng. Một hôm, có tên thợ săn vội đuổi bắt hươu bị rơi vào hầm. Cùng lúc, có con quạ và một con rắn do kinh sợ nên bị rơi xuống đấy, thân thể đều bị thương, cùng khốn đốn cả. Cả ba ngửa mặt lên trời kêu khóc, tiếng than thật bi ai, thê thảm. Vị đạo sĩ nghe bùi ngùi, dùng lửa soi thấy chúng nước mắt ràn rụa, đến bên hầm bảo:

– Các ngươi đừng buồn, ta sẽ cứu các ngươi khỏi nạn lớn này.

Đạo sĩ liền làm một sợi dây treo thòng xuống để chúng leo lên. Ba người, vật hoặc ngậm bằng miệng, hoặc nắm bằng tay, đều được cứu toàn mạng, tất cả cúi đầu lạy tạ ân đạo sĩ, nói:

– Mạng sống chúng tôi như ngọn đuốc leo lét trước gió, đạo sĩ nhân từ rộng khắp vô lượng, nên hôm nay chúng tôi mới còn nhìn thấy ánh mặt trời. Xin nguyện trọn đời này chu cấp mọi thứ gì ngài còn thiếu thốn để báo đền ân sâu trong muôn một.

Vị đạo sĩ nói:

– Ta là quốc vương nước lớn, dân nhiều, cung báu, thể nữ... đứng trên các nước, cầu gì có ngay, muốn gì chẳng được. Nhưng ta cho đất nước là hang oán thù, cho sắc, thinh, hương, vị, y phục phô trương, niệm tà là sáu lưỡi kiếm chặt đứt thân ta, là sáu mũi tên bắn vào mạng ta. Do sáu thứ tà này mà phải luân chuyển chịu khổ khốc liệt trong ba đường, khó nhẫn, khó kham, nên ta rất chán mới bỏ đất nước để làm Sa-môn, nguyện chứng được Bậc Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Giác Đạo Tối Chánh Giác Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư, để giáo hóa dẫn dắt chúng sinh khiến họ trở về với cội nguồn của mình, há chỉ cứu có ba các ngươi thôi sao? Các ngươi trở về nơi ở cũ, gặp người thân của mình thì hãy khiến họ quy y ba ngôi báu, không làm trái điều Phật dạy.

Tên thợ săn nói:

– Tôi sống ở đời nhiều năm, tuy thấy các nho sĩ tích đức làm thiện nhưng há có ai như đệ tử của Đức Phật, quên mình cứu người, ở ẩn mà không nêu danh ư! Nếu đạo sĩ có đi khất thực, nguyện xin ngài đến nhà để tôi cúng dường.

Quạ nói:

– Con tên là Bát, nếu đạo sĩ gặp nạn thì xin gọi tên là con vội vàng

đến ngay.

Rắn nói:

– Con tên là Trường, nếu đạo sĩ gặp hoạn nạn gì thì xin gọi tên là con nhất định đến để đền ân.

Nói xong lời từ biệt, chúng đều lui về hết. Một ngày kia, đạo sĩ đi đến nhà người thợ săn. Tên này từ xa trông thấy đạo sĩ đến thì nói với vợ:

– Người tới kia là kẻ chẳng lành, nếu ta có bảo làm cơm thì cứ thong thả mà nấu nướng, lão ấy quá ngọ là không ăn nữa.

Người vợ thấy đạo sĩ đến làm ra vẻ vồn vã, giả bộ lưu lại để đãi cơm, nhưng rồi cứ ngồi đó nói chuyện suông đến quá ngọ, đạo sĩ bèn cáo lui ra về. Đến núi thấy quạ, gọi tên Bát, con quạ hỏi:

– Ân nhân đi đâu về?

Đáp:

– Từ nhà thợ săn về.

Quạ hỏi:

– Ngài đã ăn gì chưa?

Đáp:

– Hắn làm cơm chưa xong thì đã quá ngọ rồi, không đúng giờ ăn nên ta đành lui về.

Quạ nói:

– Đồ quỉ tội lỗi, hung ác! Gặp nạn, người ta đem lòng Từ cứu vớt cho, vậy mà trái nhân, bội ân, là tội hung nghịch lớn nhất. Con không có đồ ăn thức uống để cúng dường, xin ngài hãy nán ngồi lại đây, con đi giây lát sẽ trở về.

Rồi nó bay đến nước Bàn-già, vào hậu cung của nhà vua thấy hoàng hậu nằm ngủ, trong các bảo vật trang sức trên đầu có hạt ngọc minh nguyệt, quạ liền gắp lấy rồi vội bay về, đem dâng lên cho đạo sĩ. Phu nhân của vua thức dậy tìm không thấy ngọc, liền tâu lên vua. Nhà vua ra lệnh cho thần dân, ai tìm được thì thưởng cho vàng, bạc, mỗi thứ một ngàn cân, trâu ngựa mỗi loài một ngàn con, nếu ai tìm được mà không đem dâng thì bị tội diệt cả dòng họ.

Đạo sĩ được ngọc rồi đem cho tên thợ săn. Tên thợ săn liền bắt ngài trói lại đem đến tâu với vua. Nhà vua hỏi:

– Ngươi được ngọc này từ đâu?

Vị đạo sĩ thầm nghĩ: "Nếu ta nói thực ra thì loài quạ trên cả đất nước

đều bị chết hết. Còn nếu nói trộm lấy được thì không phải là đệ tử Phật". Rồi ngài nín lặng chịu mọi sự tra khảo, bị đánh đập hàng ngàn gậy, không chút oán vua, cũng không hề thù tên thợ săn, chỉ khởi tấm lòng Từ rộng lớn, thề nguyện:

– Nguyện được làm Phật để cứu độ hết khổ của chúng sinh.

Nhà vua bảo:

– Đem chôn sống đạo sĩ, chỉ chừa cái đầu để ngày mai sẽ chém.

Lúc này đạo sĩ mới gọi tên con rắn:

– Trường ơi!

Con rắn thầm nói:

– Thiên hạ không ai biết tên ta, chỉ có đạo sĩ thôi! Nay đã tiếng gọi tên thì ắt phải có chuyện gì đấy.

Nó vội vàng chạy đến thì thấy đạo sĩ bị hoàn cảnh như thế. Nó cúi đầu hỏi:

– Vì sao ngài phải đến nỗi này?

Vị đạo sĩ thuật lại đầy đủ sự việc như trên. Rắn rơi nước mắt nói:

– Lòng nhân từ của đạo sĩ như trời đất mà còn bị tai họa, huống chi kẻ vô đạo thì có ai giúp đỡ được? Trời nhân từ không oán! Ông vua này chỉ có thái tử là con duy nhất, không ai nối dõi. Con sẽ vào cung cắn chết thái tử, ngài dùng thần dược của con truyền cho thái tử là khỏi ngay.

Đêm đến, rắn bò vào cung cắn chết thái tử, nhà vua cho quàng xác ba ngày và ra lệnh:

– Ai cứu sống được thái tử ta sẽ chia nước mà cai trị!

Rồi chở thái tử vào núi để hỏa táng, đường đi qua bên cạnh chỗ chôn đạo sĩ. Đạo sĩ hỏi:

– Thái tử bệnh gì mà đến nỗi phải chết? Hãy khoan hỏa táng, ta có thể làm cho thái tử sống lại được.

Kẻ tùy tùng nghe nói, vội về tâu lên vua. Nhà vua buồn vui lẫn lộn, lòng lại càng xót thương, nói:

– Ta sẽ xá tội và chia nước cho ngươi làm vua!

Đạo sĩ đem thuốc truyền vào thân thái tử, thái tử bỗng đứng lên nói:

– Tại sao ta lại ở đây?

Kẻ tùy tùng thưa rõ đầy đủ nguyên nhân. Thái tử trở về, trong cung lớn nhỏ đều vui mừng, nhảy múa. Nhà vua chia nước ban cho, đạo sĩ một mực từ chối. Nhà vua sực tỉnh nghĩ ra:

– Chia nước còn không nhận thì há có việc trộm ngọc báu ư?

Nhà vua hỏi:

– Ngài là người nước nào? Vì sao lại làm Sa-môn? Ngọc này ngài có được từ trường hợp nào? Hạnh cao như thế bỗng mắc phải hoạn nạn này là do từ đâu?

Đạo sĩ liền thuật rõ hết cả đầu đuôi. Nhà vua thương xót khóc, nước mắt đầy cả mặt. Rồi vua cho gọi tên thợ săn đến nói:

– Nhà ngươi có công lao với nước, hãy cho gọi hết bà con đến đây, ta muốn ban thưởng trọng hậu.

Người thân của tên thợ săn bất kể lớn nhỏ đều kéo nhau đến cửa cung. Nhà vua nói với họ:

– Bất nhân, bội ân, đứng đầu các tội ác, hãy giết hết chúng đi.

Từ đó đạo sĩ vào núi học đạo, tinh tấn không mệt mỏi, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vị đạo sĩ khi đó là thân Ta, con quạ là Thu Lộ Tử, con rắn là A-nan, tên thợ săn là Điều-đạt, còn vợ tên thợ săn là con gái của Hoài Bàn.

Bồ-tát trải lòng nhân độ vô cực, đã thực hành nhẫn nhục như vậy.

50- Thuở xưa, vua nước Câu-thâm tên là Ức-ca-đạt, nước ấy rộng lớn, dân chúng đông đúc, vua dùng pháp chánh trị nước, không ép uổng muôn dân. Nhà vua có hai người con, một trai, một gái, trai tên là Tu-đạt, gái tên là An-xà-nan, đều giữ hạnh thanh tịnh, nhà vua rất yêu quý, xây cho ao tắm bằng vàng để hai con vào tắm. Trong ao có con rùa tên là Kim, mù một mắt cũng ở trong nước đùa giỡn, chạm phải thân hai đứa trẻ, khiến chúng cả kinh hét lớn. Nhà vua hỏi nguyên do, chúng đáp:

– Trong ao có con gì chạm phải, làm chúng con sợ.

Nhà vua nổi giận:

– Ao là để cho bọn trẻ tắm. Con gì vào ở được khiến con ta kinh sợ!

Rồi vua ra lệnh quăng lưới bắt lấy. Quỉ rồng, kỳ quái đều phải bắt cho được hết.

Phường chài tóm được rùa. Nhà vua nói:

– Phải giết như thế nào đây?

Bầy tôi, hoặc có người nói:

– Chặt đầu.

Hoặc có người thưa:

– Thiêu sống.

Hoặc có người bảo:

– Chặt khúc ra nấu canh.

Một vị bề tôi tâu:

– Giết như thế chưa phải là ghê gớm. Chỉ việc đem ném nó vào sông lớn, đó mới gọi là ghê gớm.

Rùa cười thầm:

– Chỉ có thế mới là ghê gớm chăng!

Nhà vua sai đem ném rùa vào sông to. Con rùa thoát chết, vui mừng chạy vội đến chỗ long vương, tự thưa bày rõ:

– Vua người Ức-ca-đạt có con gái đẹp đẽ, đoan chánh, sánh ngang Thiên nữ, nhưng lòng vua còn so đo. Đại vương muốn đem cô gái ấy cùng với vua rồng kết làm vợ chồng.

Vua rồng hỏi:

– Người nói thật không?

Rùa thưa:

– Thật như thế đấy.

Vua rồng thết đãi rùa một bữa tiệc lớn, toàn dùng đồ vật báu. Rùa nói:

– Nên sớm sai hiền thần ra đi, vua tôi muốn biết được quyết định của ngài.

Vua rồng liền sai mười sáu vị hiền thần theo rùa đến dưới thành của nhân vương. Rùa nói:

– Các ngươi dừng ở đây, để ta đến tâu lên vua trước.

Rồi rùa liền trốn đi mất, không trở lại nữa. Mười sáu hiền thần đều tức giận, lo lắng, cùng vào thành yết kiến đức vua. Nhà vua hỏi:

– Các rồng đến làm gì?

Họ đáp:

– Xin thiên vương nhân huệ tiếp bọn thần. Nghe đức vua muốn cho quý nữ làm phi vua chúng tôi, nên vua của chúng thần sai đến để nghinh đón.

Vua nghe liền nổi giận nói:

– Con gái của vua người đâu có thể gá nghĩa với loài rồng rắn?

– Đại vương đã sai rùa thần đến truyền mệnh lệnh kia mà. Chúng

thần chẳng phải đến suông.

Nhà vua không chịu hứa gả. Các rồng bèn biến hóa khiến cho trong cung mọi vật đều thành ảnh rồng, nhiễu vòng quanh trước sau nhà vua. Vua sợ quá, kêu thét lên, quần thần ngạc nhiên đều đến dưới điện hỏi rõ nguyên do. Vua kể hết mọi chuyện vừa rồi. Các bề tôi đều nói:

– Chẳng lẽ vì một người con gái mà phải mất nước sao?

Thế rồi vua và quần thần đi đến bờ sông tiễn đưa công chúa. Nàng về làm phi vua rồng sinh được hai con, một trai, một gái, con trai tên là Bàn-đạt. Khi vua rồng chết, con trai nối ngôi làm vua, muốn bỏ cái nhơ bẩn của sự vinh hoa nơi thế gian, học theo chí của người hạnh cao. Hàng vạn bà vợ đều tìm đi theo, chạy trốn vào nơi khó tới nhưng cũng không tránh được. Khi lên đất liền, vua rồng đến bên gốc cây Tư-lê ẩn mình biến làm một con rắn khoanh tròn mà nằm. Đêm đến thì gốc cây kia sáng choang đèn lửa có đến mười ngọn. Ban ngày thì mưa xuống đủ các loài hoa, màu sắc đẹp đẽ, hương thơm ngạt ngào trên đời chưa hề thấy có.

Trong nước có một người giỏi ếm rồng tên là Pha-đồ, vào núi tìm rồng, định làm vật dùng đi kiếm sống. Gặp đứa trẻ chăn trâu, hắn hỏi có thấy rồng không? Đứa trẻ đáp:

– Tôi thấy có một con rắn khoanh tròn nằm dưới gốc cây kia, đêm đến trên cây có tới mười ngọn đèn lửa, ánh sáng rực rỡ, ban ngày hoa rơi như tuyết, sắc thắm hương thơm, thật khó nói hết. Tôi lấy thân mình dựa vào, nó cũng không có lòng làm hại.

Tên thuật sĩ nói:

– Hay thay, ta được toại nguyện rồi!

Hắn liền dùng độc dược thoa vào răng nanh rồng, làm cho răng nanh rụng hết. Rồi hắn dùng gậy đánh rồng khiến cho da bị thương, xương bị gãy. Tên thuật sĩ dùng tay vặn mạnh từ đầu đến đuôi làm rồng đau đớn vô cùng, nhưng lòng rồng cũng không chút oán hận, tự cho đó là tội lỗi của mình từ kiếp trước nên mới bị tai họa này. Rồng thề:

– Xin cho ta thành Phật để cứu vớt quần sinh, khiến họ đều được an ổn, không bị như ta hiện nay.

Tên thuật sĩ bắt rồng bỏ trong cái tráp nhỏ, tự mang đi để xin ăn. Mỗi khi đến một nước nào, hắn liền bắt rồng múa. Quần thần các nước không ai là không sợ hãi. Tên thuật sĩ nói:

– Xin cho vàng bạc mỗi thứ ngàn cân, nô tỳ mỗi loại một ngàn người, voi ngựa trâu xe mỗi thứ một ngàn.

Đến nước nào, hắn cũng thu được như vậy. Lần hồi hắn đến nước tổ phụ của vua rồng. Lúc này, mẹ và anh em của vua rồng đều đã lên đất liền để tìm kiếm, đều hóa làm chim bay nương cạnh vương cung. Lúc tên thuật sĩ đến đây, vua rồng hóa làm con rồng năm đầu vừa sắp ra múa thì thấy anh em và mẹ nên xấu hổ rụt trở lại không ra múa nữa. Tên thuật sĩ gọi năm, sáu lần, rồng vẫn cúi đầu. Mẹ rồng hiện lại hình người, cùng với vua tương kiến, trình bày đầu đuôi sự việc ấy. Nhà vua và thần dân không ai là không dấy lòng thương xót. Nhà vua muốn giết tên đạo sĩ, vua rồng xin:

– Hành vi kiếp trước con đã gieo thì nay phải nhận lấy quả báo, không nên giết nó vì như vậy chỉ thêm nặng cái oán cho kiếp sau. Cứ nên theo chỗ nó xin mà ban cho. Lòng Từ rộng lớn như thế thì Phật đạo mới thành.

Nhà vua liền làm gương cho các nước khác, ban cho đầy đủ những gì mà tên thuật sĩ ưa thích. Tên thuật sĩ được nhiều của báu, nên vui mừng rời khỏi đất nước, đến biên giới nước khác thì gặp giặc cướp, thân mạng bị băm vằm, tài vật bị lấy sạch.

Mẹ con rồng cùng nhà vua nói lời từ biệt:

– Nếu đại vương nhớ đến tôi, cứ gọi tên là tôi đến ngay, không nên quá buồn bã!

Nhà vua cùng toàn thể thần dân đều đến bãi biển tiễn đưa mẹ con rồng. Cả nước thương xót không ai là không vật vã.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vua rồng Bàn-đạt là thân Ta, quốc vương Ức-ca-đạt là A-nan, bà mẹ vua rồng là mẹ ta ngày nay, người em là Thu Lộ Tử, người em gái là Tỳ-kheo-ni Thanh Liên Hoa, tên thuật sĩ hại rồng là Điều-đạt.

Bồ-tát thực hành pháp Nhẫn độ vô cực đã nhẫn nhục như vậy.

51- Kinh Vua Sẻ.

Thuở xưa, Bồ-tát thân làm vua sẻ, lòng Từ luôn cứu giúp chúng sinh, hơn cả mẹ hiền thương các con gian khổ, thân sơ bình đẳng, thấy người thọ nhận đạo pháp thì vui mừng như chính mình làm được, thương yêu nuôi dưỡng muôn loài như tự chăm sóc vết thương nơi thân mình.

Có một con cọp ăn thịt thú vật, xương mắc vào răng, bệnh khốn sắp chết. Chim sẻ thấy thế động lòng Từ bi, nghĩ: "Chư Phật cho ăn uống là tai họa, việc ấy quả nhiên!". Rồi sẻ chui vào miệng cọp mổ rỉa lấy xương, cứ ngày ngày như vậy nên mỏ chim sẻ bị thương, thân thể trở nên gầy ốm. Lấy được xương ra, cọp bình phục lại. Chim sẻ bay lên cây nói:

– Kinh Phật dạy rằng sát sinh là hung ngược, việc ác ấy không nhỏ. Nếu kẻ khác giết mình, há vui được sao! Phải biết quên mình độ người, là có tấm lòng nhân của trời đất. Người nhân thương khắp, cứu giúp quả lành ứng liền, hung ngược giết hại chúng sinh thì họa liền theo như bóng. Ngươi hãy ghi nhớ lời ta.

Cọp nghe chim sẻ răn dạy, đột nhiên tức giận nói:

– Ngươi vừa mới rời khỏi miệng ta, mà còn dám nhiều lời ư?

Chim sẻ thấy không hóa độ được cọp, lòng bùi ngùi thương xót liền vội bay đi.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Vua sẻ là thân Ta, cọp là Điều-đạt. Bậc Khai sĩ đời đời có lòng thương cứu giúp chúng sinh, lấy việc người lo lắng như tự lo cho chính bản thân.

Bồ-tát thực hành pháp Nhẫn độ vô cực đã nhẫn nhục như vậy.

52- Kinh Đến Nước Khỏa Thân.

Thuở xưa, Bồ-tát là hai anh em chú bác, đều có vốn liếng trong nước. Một lần họ đem của cải đến quê hương người khỏa thân. Người em nói:

– Người nhiều phước thì ăn mặc tự nhiên đầy đủ, còn kẻ bạc phước thì nhờ đến sức lực của mình. Nay quê hương người khỏa thân ấy không có Phật, không có Pháp, không có chúng Sa-môn, đáng gọi là đất không có người. Chúng ta đến đó tranh thủ ý của họ đâu phải là chuyện dễ. Thôi thì vào nước họ phải theo phong tục của họ, tiến lui phải hợp nghi thức, tánh tình mềm mỏng, lời nói từ tốn, giấu sự sáng suốt, bày vẻ ngu dốt, ấy là lo nghĩ của bậc Đại sĩ.

Người anh nói:

– Lễ nghi không nên giảm bớt, đạo đức không nên thoái lui, há có thể khỏa thân để hủy hoại các nghi lễ trước của ta sao?

Người em nói:

– Phép tắc lớn của bậc Tiên thánh là thà mất thân chứ không mất hạnh, đó là đạo thường của giới. Trong vàng ngoài đồng để thích nghi theo thời, trước chê sau khen, đó là cái lớn của đạo quyền biến.

Rồi họ cùng đi đến nước ấy. Người anh bảo:

– Nay chú vào trước, xem thử sự thể thế nào rồi sai người về bảo thật cho ta.

Người em nói:

– Thưa vâng.

Khoảng mười ngày thì ông sai người về báo cho anh: "Nhất định phải theo đúng lễ nghi, phong tục của họ".

Người anh nói ngay:

– Bỏ phong cách của người mà theo kiểu sống loài vật, đâu phải là hành động của người quân tử? Chú làm theo còn ta thì nhất định không.

Phong tục nước ấy thì cứ lấy ngày rằm tháng cuối, đêm thường tổ chức vui chơi, dùng dầu mè, mỡ thấm ướt đầu, đất trắng vẽ thân, cổ đeo các loại xương, lấy hai viên đá đập vào nhau, rồi trai gái nắm tay nhau nhởn nhơ ca múa.

Bồ-tát cũng làm theo họ, nên người trong nước đều hân hoan. Vua yêu dân kính người khách đến với mình. Vua lấy hết của cải mua lại với giá thập bội. Người anh đi xe vào nước ấy, nói năng ra vẻ nghiêm túc, làm trái lòng dân, nên vua giận dân khinh, đã đoạt hết của cải mà còn đánh đập nữa. Người em cầu xin mãi mới được thả ra. Rồi cả hai trở về nước mình. Kẻ đưa tiễn người em đầy đường, còn người anh thì bị mắng rát cả tai. Người anh xấu hổ, giận nói:

– Bọn ấy cùng chú sao lại thân, cùng ta sao lại thù? Chú thì họ đem cho của cải còn ta thì chúng đoạt lấy, há không phải do chú gièm pha gì sao?

Rồi buộc đai người em, nói tiếp:

– Từ nay về sau, đời đời hại nhau, chứ không tha chú đâu!

Bồ-tát bùi ngùi rơi nước mắt, thề:

– Xin cho ta đời đời gặp Phật, thấy Pháp, thân phụng Sa-môn, rộng báo đáp bốn ân, cứu giúp chúng sinh, thờ anh như chính bản thân, không hề trái lời thề này.

Từ đó về sau người anh luôn cản trở, gây khó người em, còn người em thì thường cứu giúp người anh.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Người em thuở ấy là thân Ta, người anh là Điều-đạt.

Bồ-tát thực hành tâm Bi nhu hòa độ vô cực đã nhẫn nhục như vậy.

53- Kinh Sáu Năm Nhịn Đói Trả Xong Tội.

Thuở xưa, Bồ-tát làm vua nước lớn, quy kính ba ngôi báu, phụng giữ đủ mười điều thiện, đức bao trùm gần xa, không ai là không thuận theo. Binh đao không dấy, lao ngục không có, gió mưa đúng thời, nước

mạnh dân giàu, bốn phương bình an, trên đường không lời ta thán. Sách tà nhảm nhí cả nước không đọc, lời chân của sáu độ mọi người đều tụng.

Bấy giờ có một người Phạm-chí giữ khí tiết thanh tịnh, sống ẩn nơi núi rừng, không dự vào vòng tục lụy, chỉ lấy việc tu đức làm chính. Một đêm kia, khát nước nên đi uống, uống nhầm nước ao trồng sen của người trong nước. Uống rồi tự nghĩ: "Người kia mua ao này lấy hoa dâng cúng chùa, đền Phật, còn quả thì tự dùng. Ta uống nước ấy mà không xin chủ, tức là uống trộm. Phàm tạo cái họa ăn trộm thì trước phải vào ngục Thái sơn, thứ đến là làm súc sinh bị mổ thịt đem ra chợ bán để đền nợ kiếp trước, rồi nếu được làm người phải chịu kiếp nô tỳ, chẳng bằng ngay đời này ta sớm trả hết, không để họa về sau".

Bèn đến thẳng cung vua tự cáo:

– Tôi đã phạm tội ăn trộm, cúi xin đại vương dùng luật pháp mà trị, đền xong đời này đời sau khỏi tội.

Nhà vua bảo:

– Đó là nước tự nhiên, không phải là vật báu, làm gì có tội?

Thưa:

– Phàm mua nhà tức là có giếng, chiếm ruộng tức là có cỏ. Múc nước, cắt cỏ, không báo cho chủ là không lấy. Tôi không báo cho chủ mà uống nước, há chẳng phải là ăn trộm sao? Xin vua xét xử.

Nhà vua nói:

– Việc nước còn nhiều, ông vào vườn ngự mà chờ.

Thái tử bảo Phạm-chí vào sâu trong vườn ngồi chờ. Nhà vua vì bận bịu công việc nên quên bẵng đến sáu ngày. Bỗng nhiên vua nhớ ra, hỏi:

– Vị Phạm-chí còn ở đó ư? Mau gọi ông ấy lại đây!

Phạm-chí giữ giới, đói khát sáu ngày, đến đứng trước mặt vua, thân thể gầy gò, đứng dậy mà muốn ngã xuống đất. Nhà vua nhìn thấy rơi nước mắt, nói:

– Lỗi ta nặng lắm!

Hoàng hậu mỉm cười. Nhà vua sai người tắm rửa cho Phạm-chí, sắm đủ các món ngon, rồi đích thân vua cúng dường, cúi đầu hối lỗi, nói:

– Ta làm vua, để dân đói tức là ta đói, dân rét tức là ta lạnh, huống chi lại tỏ ra sơ sót đối với bậc giữ đạo thi đức! Phước của thiện sĩ cả nước không bằng cái đức của bậc hiền giả hạnh cao. Đất nước, dân chúng, được an ổn, bốn mùa thuận hợp, lúa thóc dồi dào, nếu không phải do đức của giới hạnh thì ai có thể làm được?

Rồi vua nói với đạo sĩ:

– Uống nước không báo, tội còn như thế, huống gì là thực sự ăn trộm thì không có tội nặng hay sao? Vì vậy, ta tha cho ngài, ắt sau không còn họa nữa.

Phạm-chí nói:

– Tốt lắm, xin đội ân lớn của vua.

Từ đó về sau, luân chuyển trong cõi sinh tử không bờ. Mãi đến khi sắp thành Phật, phải không ăn sáu năm, tội hết đạo thành. Do Câu-di tự giải, La-vân mới sinh ra. Thái tử bỏ nước, chuyên ở chốn núi rừng, bọn tà kiến đều cho là điên cuồng, tiếng bài báng không phải ít. Thái tử nghe được, nhịn nhục những lời chê bai ấy, dùng lòng Từ bi tế độ để đáp lại, phước đức nhiều lên, đạo quả được thành, chư Thiên nhóm lại cúi đầu vâng theo, vua chúa, thần dân không ai là không quy mạng.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Đức vua thời đó là thân Ta, phu nhân ấy là Câu-di, thái tử là La-vân. Phàm chuộng ác thì họa theo liền, thi ân đức thì phước về ngay, có thể không cẩn thận ư! Nhà vua quên đạo sĩ, khiến đói sáu ngày, nên phải chịu tội nhịn đói sáu năm mới dứt. Sáu ngày sau vua đích thân cúng dường, nên nay sáu năm tai ương qua rồi, đạt thành đạo quả. Câu-di mỉm cười nên nay phải mang thai La-vân sáu năm bệnh nặng. Thái tử đem Phạm-chí vào ở sâu trong vườn ngự, nên phải ở sáu năm nơi chốn tối tăm. Người ngu mê muội không rõ đường đi lối về, đem tâm ác đối với Phật, Sa-môn, Phạm-chí. Chặt tay, cắt mũi thì đó chỉ khổ một đời. Dối dùng tay đánh, dùng miệng chê bai càn bậy thì khi chết sẽ đọa vào địa ngục Thái sơn, bị quỉ kéo lưỡi ra đặt vào cát nóng, rồi đem trâu đến cày trên đó, lại còn dùng đinh cháy đóng lên năm vóc, muốn chết cũng không được. Họa dữ như thế, nên phải thận trọng, đừng làm theo nẻo tà vạy.

Bồ-tát thực hành pháp Nhẫn độ vô cực đã nhẫn nhục như vậy.

54- Kinh Nhà Họ Thích Hết Tội.

Thuở xưa có Bồ-tát giữ giới hạnh thanh tịnh, tích lũy công đức, nên mới chứng được đạo quả Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Giác Đạo Tối Chánh Giác. Khi đi du hóa ở nước Xá-vệ, trời, rồng, quỉ thần, vua chúa, thần dân... không ai là không theo về với ngài. Đạo tà, thuật quấy gặp thời Phật hưng thịnh, giống như trước ánh mặt trời thì lửa đom đóm phải tàn lụi. Tham lam ganh ghét nổi lên, không thấy lửa cháy đốt mất thân, bàn mưu kết với bọn xấu xúi giục nữ đệ tử, tên là Hảo Thủ đến hủy

hoại Đấng Thiên Tôn. Người trong nước những kẻ chưa hiểu được lẽ thật, có vẻ trầm ngâm ngờ vực, lòng nghi các vị Sa-môn, vua cũng lấy làm dạ. Bọn đạo tà tham bẩn, tranh của cải tố cáo nhau. Uế trược hiện ra, tai họa theo ngay, tức thời bị phế bỏ. Trinh chân chiếu rõ, người trời ngợi khen. Nhà vua đến tinh xá cúi đầu hối lỗi, do đó có lòng hổ thẹn, nên nhờ mai mối, thưa hỏi xin được kết hôn với cô em gái Đức Phật để dứt tuyệt mối oán hờn với dòng họ Thích. Đức Thế Tôn nói:

– Ta đã bỏ nhà làm Sa-môn, không can dự vào việc đời, mọi chuyện cưới xin nhất nhất đều do phụ vương Ta.

Nhà vua sai sứ giả đem lời kết thân đến kính báo. Mọi người trong họ Thích đều không chấp thuận. Vua họ Thích nói:

– Đức Phật đang ở xứ ấy, do vậy các ông qua lại, người sáng suốt thì không nên oán, chỉ kẻ ngu mới kết thù. Con gái ta chẳng qua là con của người thiếp hèn mọn, làm sao đủ để gây oán hận?

Rồi nhà vua hứa:

– Được.

Sau đó, cuộc hôn nhân liền thành, sinh được một người con trai nối dòng. Một hôm, người con ấy xin được gặp các cậu của mình, nên đi về nước của họ Thích. Họ Thích mừng rỡ lo xây dựng tinh xá cho Phật. Họ đào đất sâu ba thước, đem hương chiên-đàn lấp đầy vào đó, gom góp các vật báu trong nước làm tinh xá cho Phật, nguy nga rực rỡ như là Thiên cung, tiếng đồn vang khắp các nước láng giềng, không ai là không náo nức, tò mò. Đức Phật chưa vào ngồi trên tòa ở tinh xá, thì thái tử nhân dịp về thăm các cậu vào xem và nói:

– Tinh xá này đẹp, các thứ báu lộng lẫy, chỉ có cung vua trời mới sánh được thôi.

Lại nói:

– Đức Phật chưa đến đây, ta được một lần ngồi lên tòa này, dù có mất mạng cũng không ân hận.

Thái tử có một người bạn thân tên là Đầu-khư-ma, đáp:

– Ừ có mất gì đâu!

Thái tử liền lên tòa ngồi. Các hùng sĩ họ Thích lớn tiếng mắng:

– Chỗ Đức Thế Tôn ngồi, vua trời còn không dám, con của kẻ hèn mọn sao dám lên tòa ngồi? Bèn phá đi để làm lại.

Thái tử đi ra gọi người bạn, nói:

– Nhục này không gì hơn. Nếu ta được làm vua, người đừng quên

đấy nhé.

Người bạn đáp:

– Hẳn nhiên.

Trở về nước mình, đòi mẹ muốn được làm thái tử. Người mẹ dùng lời yêu mị cầu vua, theo sở nguyện của con. Nhà vua nói:

– Chuyện này xưa nay ta chưa từng nghe, không nên bày đặt lời rồ dại, chỉ chuốc lấy điều xấu hổ.

Yêu độc ở bên trong, nịnh thần dùng lời lẽ khéo léo, nhà vua bèn lập hai con, chia dân để cai trị. Vua cha băng hà, hai thái tử lên ngôi lập thành hai nước, dân theo sở thích nhân từ hoặc hung bạo mà chia dòng. Người nhân từ liền theo phụng sự người anh, kẻ hung bạo thì vội tìm đến người em. Người bạn được vua em phong làm tướng quốc, sửa soạn chiến tranh, chuẩn bị quân đội, rồi đem chuyện cũ tâu lên. Vua nói:

– Được.

Rồi họ chọn binh hùng tướng mạnh xuất phát.

Thấy Phật ngồi bên đường, cạnh gốc cây nửa khô nửa tươi, nhà vua đến cúi đầu, thưa:

– Đức Phật sao Ngài không ngồi dưới bóng cây thuần tươi tốt, mà lại ở bên gốc cây nửa khô nửa tươi như thế?

Đức Phật đáp:

– Cây này tên là Thích, Ta yêu tên ấy, nên đem lòng nhân cứu nạn cho nó, làm cho phần khô được tươi lại, cho nó sự sống trọn vẹn.

Nhà vua bùi ngùi, trong lòng hổ thẹn, nói:

– Lòng nhân từ của Phật rộng khắp, ban đến cả cỏ cây, huống chi là người.

Thế là nhà vua cho quân quay về. Tướng quốc ngửa mặt xem thiên văn, thấy họ Thích phước xưa đã hết, tai họa đang lên, bèn đem việc này tâu lên. Nhà vua lại xuất quân, đi chưa đến thành họ Thích, thì nghe tiếng cung nỏ tên đạn trong thành kêu vang như gió mưa, cờ phướn dù lọng gãy cán, cột đứt, giáp rách, dàn ngựa rời ra... binh sĩ ngựa nghẽo tuôn chạy, không ai là không sợ hết hồn. Nhà vua lại thâu binh chạy trở về. Người họ Thích hỏi Phật phải chống giặc ấy như thế nào? Đức Phật bảo:

– Giữ chặt cửa ải, phế bỏ cầu hào.

Nhà vua kia lại xuất quân. Tôn giả Mục-liên thưa Phật:

– Con muốn đem uy lực của La-hán hóa làm lưới trời che phủ mặt thành bốn mươi dặm, vua làm gì được người họ Thích?

Đức Phật nói:

– Không làm sao khỏi tội được.

Tôn giả Mục-liên lại nói:

– Hay là chạy trốn sang nước khác.

Đức Phật nói:

– Không làm sao khỏi tội được.

Mục-liên thưa:

– Con có thể cứu việc hữu hình, chứ không thể làm gì để cứu tội vô hình sao?

Đức Phật nói:

– Gieo ác thì họa sinh, ai có thể cứu được. Hãy lấy một người con của họ Thích đặt dưới bát của ta, để chứng thật điều ấy.

Tôn giả Mục-liên làm y theo lời. Các hàng kỳ lão họ Thích vâng lời, lo giữ cửa. Ma hóa làm kẻ quen đức độ, đến la rầy người họ Thích:

– Giả như nhà vua mượn đường đi qua, các ngươi lại tuyệt đường ông ấy, cái ác về sau sẽ thêm nặng. Đệ tử của Đức Phật đi có được chăng?

Ma thừa thế rút khóa mở cửa, binh sĩ tràn vào như nước ùa đê vỡ. Thích-ma-nam làm đại tướng quân, từng cùng với tiên vương của nhà vua học một thầy, đã có ước thề làm bạn sinh tử có nhau, gọi vua lại nói:

– Hãy dừng binh sĩ hung bạo của ông trong chốc lát, để người trong thành đi ra được toàn mạng.

Nhà vua nói:

– Được.

Đại tướng quân đến bên bờ hào, hướng về Đức Phật, cúi đầu rơi nước mắt, nói:

– Đem cái mạng nhỏ của con, xin người trẻ tuổi kia, nguyện cho quần sinh trong mười phương vâng lời Phật dạy, quên mình cứu người, nhuần thấm cả trời đất, không làm điều độc ác của loài chó sói, rắn hổ mang, giết người chúng sinh như ông vua vô đạo này.

Rồi ông nhảy xuống nước, lấy tóc cột vào rễ cây, trong giây lát thì chết. Vua sai sứ giả vào xem, sứ trở về tâu lên việc đã thấy đúng như thế. Binh sĩ vào thành đào đất chôn nửa người họ Thích, rồi đặt cây ngang cho voi kéo giết sạch hết, rồi hoặc cho ngựa giẫm, hoặc cho binh sĩ dùng dao chém. Trong khi ấy thì Đức Phật nhức đầu, nổi đau đớn khó mà kể xiết. Phạm vương, Đế Thích, Tứ đại Thiên vương đều chắp tay đứng hầu, thấy

vậy lòng càng đau đớn. Người dòng họ Thích, có người tự quy mạng ba ngôi báu, có người tụng kinh, có người khởi tâm Từ... Họ Thích có ba thành, việc chinh phạt chưa hết, nhà vua nhớ lại việc Thích-ma-nam sát thân để xin cứu mạng cho mọi người, nên lấy làm buồn bã, bèn bãi binh quay trở về, sai sứ đến kính thưa với Phật:

– Quân mệt nhọc, xin quay về nước nghỉ binh. Một ngày khác sẽ xin kính cẩn đến cúi đầu lễ dưới chân.

Đức Phật dạy:

– Cảm tạ nhà vua đã tự thương mình.

Sứ giả lui về. Đức Phật nhìn theo. Tôn giả A-nan sửa lại pháp nhục, cúi đầu bạch:

– Phật không hề nhìn suông, ắt có nguyên do gì chăng?

Đức Phật nói:

– Họ Thích đã hết tội, còn nhà vua thì tội đang đến.

Sau đó bảy ngày, quỉ của địa ngục Thái sơn dùng lửa thiêu đốt ông và thần dân nước ấy. Tội vua đó khó cứu như họa của họ Thích khó trừ.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan nâng bát, người dưới bát cũng đã chết. Đức Phật dẫn các Sa-môn đến giảng đường của Phạm-chí. Đường đi qua chỗ đất các người họ Thích chết, có người đã chết, có người gãy đứt chân, tay. Thấy Đức Phật đến, họ tự vả vào má ngậm ngùi.

– Chúng con xin quy mạng Phật, quy mạng Pháp, quy mạng Thánh chúng, nguyện cho mười phương chúng sinh được an lành mãi, không như bọn chúng con.

Lúc ấy, tự nhiên giường từ dưới đất hiện ra, đất không kẽ hở, các Sa-môn đều ngồi xuống. Đức Phật nói:

– Vua này bội nghịch, gây nên tội to lớn như thế!

Lại hỏi các Sa-môn:

– Có ai thấy các người đồ tể, thợ săn, người chài lưới mà làm Phi hành hoàng đế không?

Các thầy đáp:

– Thưa không thấy.

Đức Phật nói;

– Hay thay! Ta cũng không thấy. Do vì họ không có bốn thứ tâm rộng lớn, thi ân cứu giúp quần sinh.

Nhà vua đến bên bờ hồ, quân sĩ vào hồ tắm, thần hồ hóa làm rắn độc

cắn bọn họ. Chất độc làm cho thân thể bị thâm đen, hoặc có người chết ngay trong nước, hoặc có người đi được trăm bước, được một dặm rồi mới chết. Còn được một nửa số lượng về đến nước. Quỉ dữ tụ tập ở trong cung, đêm đến tiếng người la, tiếng vật kêu, tụ lại giữ nhau, đợi sáng làm theo lệnh. Nhật nguyệt ăn nhau nên mịt mờ, tinh tú mất độ, đầu cuối khắp nước đều quái dị, không ai là không oán vua. Nhà vua nghe Phật dạy về cái kỳ lạ của lửa biển, trong lòng nóng như nước sôi đốt, bèn sai sứ giả đến hỏi việc ấy. Đức Phật cũng nói như trên, sứ trở về tâu lại đầy đủ, cả nước chấn động, ngói gạch vỡ tan. Nhà vua hội các quần thần bàn nói:

– Hoặc ở núi, hoặc ở cả nước.

Họ liền quyết định ngồi thuyền vào biển, người mạnh, người giàu được đi theo, còn người nghèo, người ốm phải ở lại trong nước. Người trong cung vua mặc áo đẹp lên thuyền, trông xa thấy lửa bèn cởi áo, cởi viên ngọc dương toại gắn trên quần áo. Ngày hôm đó mây nổi ùn ùn, trời tối mù mịt, gió mưa lớp lớp, bè đứt thuyền trôi, thần dân đều nói:

– Vua tối tăm làm việc bạo ngược mới bị cái họa dữ như vậy.

Đến giữa trưa, mặt trời xuất hiện, đun nóng viên ngọc dương toại, làm phát ra lửa, bắt đầu cháy từ thuyền của vua. Quỉ thần của ngục Thái sơn nhóm hợp ầm ĩ như tiếng sấm sét liên hồi. Cả nước còn sống mà sinh vào địa ngục Thái sơn. Người còn ở lại trên bờ tuy có chút sợ hãi mà an toàn.

Vào ngày hôm ấy Đức Phật khởi pháp định tâm Từ. Các vị Sa-môn hỏi Tôn giả A-nan:

– Đức Phật không ra sao?

Tôn giả đáp:

– Nước có tang lớn, nên Phật khởi pháp định tâm từ bi nên không ra.

Sáng sớm hôm sau, Đức Phật xuất hiện, các vị Sa-môn đều cúi đầu đảnh lễ. Đế Thích, Phạm vương, Tứ thiên vương, các rồng, thần, quỉ, Đế vương thần dân đều cung nghinh đảnh lễ rồi an tọa. Tôn giả A-nan sửa lại y phục, hỏi Đức Phật nguyên nhân họa biển của hai nước, xin Đức Phật cởi bỏ mối nghi của mọi người, để cho quần sinh hiểu rõ căn do của họa phước.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Thuở xưa có ba vương quốc gần nhau. Thời đó Phật nhập diệt đã lâu, kinh điển không người tu tập, học hỏi. Nước thuận chỗ Bồ-tát sinh sống, đến chỗ có nhiều ao hồ đánh bắt được vô số cá. Nước ở bên cạnh nghe được thì vui mừng, đem tiền đến mua, nhưng cá đã hết nên buồn bã

trở về, còn quốc gia ở xa thì không hay biết, cũng không có ý muốn mua. Các người đánh bắt cá đó nay là ba ức người họ Thích bị chết. Còn nước vui mừng mua cá ấy nay là những người họ Thích trong một thành sợ lính bỏ chạy mất hết của cải. Nước ở xa không nghe bắt được cá, nay là những người họ Thích trong một thành không biết vua đến. Còn Ta khi đó, nhìn thấy đạp đầu cá mà không một lời can ngăn, nên nay dù đã thành Phật, làm Đấng Chí Tôn của ba cõi cũng còn không khỏi cái nạn bị đau đầu, huống gì người phàm! Này các đệ tử, hãy giữ lòng mình luôn đoan chánh, dấy lên đức từ bi đem lại mọi an ổn cho quần sinh, quên mình cứu người, cẩn thận không sát sinh, không trộm cắp của người ta, không gian dâm với vợ người khác, không nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, nói lời ác độc ganh ghét, sân si, bài báng Tam bảo, họa lớn nhất không gì hơn mười điều ác, cái tôn quý nhất của phước báu chỉ có mười điều lành. Giết hại vật là giết mình, cứu vật là cứu mình. Nhọc lòng nghĩ ác, miệng nói lời ác, thân làm việc ác không bằng nhọc lòng nghĩ về đạo, miệng nói lời đạo, thân làm việc đạo. Làm thiện phước theo, làm ác họa tìm, như vang đáp tiếng, như bóng đuổi hình. Thấy những biến hóa như thế, nên thận trọng chớ có trái với lòng nhân từ của trời đất mà chuộng thói hung tàn của loài lang sói.

Đức Phật nói kinh xong, bốn chúng đệ tử, Trời, Rồng, Quỉ, Thần, muôn loài đều rất vui mừng, cúi đầu đảnh lễ và lui ra.

□

KINH LỤC ĐỘ TẬP

QUYỂN 6

Chương IV: TINH TẤN ĐỘ VÔ CỰC

Sao gọi là Tinh tấn độ vô cực?

– Tinh là chuyên giữ đạo thâm diệu. Tấn là không chút biếng trễ. Nằm, ngồi, đi, đứng, hít thở... không chút xao lãng. Mắt hằng thấy phảng phất hình bóng linh của Phật biến hóa trước mặt mình. Tai thường nghe tiếng đức chánh chân dạy bảo. Mũi ngửi mùi đạo, miệng nói lời đạo, tay làm việc đạo, chân bước trong nhà đạo, không rời bỏ chí ấy dù chỉ trong hơi thở. Thương xót chúng sinh ở mãi trong đêm dài của biển nước sôi, trôi theo dòng luân chuyển, độc hại ngày một thêm, hết đường cứu độ. Bồ-tát buồn lo cho họ như người con chí hiếu bị mất cha mẹ. Nếu như con đường cứu giúp chúng sinh mà phía trước có nạn nước sôi lửa bỏng, có đao gươm, chất độc làm hại, dù phải hy sinh thân mạng, Bồ-tát vẫn hoan hỷ cứu giúp mọi hoạn nạn cho chúng sinh. Chí mong vượt khỏi sáu nẻo đường tăm tối để đạt tới cõi tươi sáng.

55- Thuở xưa, có Bồ-tát khi làm người phàm, nghe được danh hiệu, tướng tốt và đạo lực của Phật, công đức lồng lộng, chư Thiên đều ngưỡng mộ. Người theo cao hạnh thì các khổ đều diệt. Bồ-tát luôn nhớ tưởng, than khóc không yên nói:

– Ta làm sao được đọc tụng tu tập kinh điển của bậc Thầy trời người, phụng hành cho đến khi được thành Phật, để cứu lành bệnh của chúng sinh, khiến họ trở về với bản tánh thanh tịnh đây?

Thời đó Phật nhập diệt đã lâu xa, không có chúng Tỳ-kheo, không biết dựa vào đâu để được nghe, thọ trì. Hàng xóm có một kẻ phàm phu tánh tình tham tàn, thấy Bồ-tát tinh tấn luyện chí, nên nói:

– Ta biết một chương gồm ba giới của Phật, ông muốn vâng thọ không?

Bồ-tát nghe nói lòng mừng vô cùng, cúi đầu đảnh lễ nơi chân, quỳ

mọp xuống xin nghe giới. Người biết kệ nói:

– Đây là giáo lý tinh yếu của Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Giác Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư, ông muốn nghe suông, há được vậy sao?

Bồ-tát đáp:

– Xin cho biết nghi thức hỏi pháp, nghĩa ấy như thế nào?

Người kia nói:

– Nếu ngươi thật thành khẩn muốn nghe pháp, thì nơi mỗi lỗ chân lông một kim chích vào, máu chảy thân đau mà lòng không chút hối hận thì giáo pháp tôn quý mới có thể nghe được.

Bồ-tát đáp:

– Nghe kinh Phật rồi chết, tôi cũng vui lòng làm, huống chi chích vào thân mà vẫn còn sống!

Rồi đi chợ mua kim, tự chích vào khắp thân mình, máu tuôn như suối chảy. Bồ-tát vui mừng nghe pháp, chứng được pháp định dứt mọi đau đớn. Trời Đế Thích thấy Bồ-tát dốc sức luyện chí mà đem lòng thương xót, nên hóa khiến trên toàn thân của Bồ-tát mỗi lỗ chân lông đều có một cây kim. Người kia thấy rõ chí cao cả của Bồ-tát, liền trao lời kinh:

– Giữ gìn miệng, nhiếp phục tâm ý, thân không phạm ác. Trừ được ba hạnh này thì được hội nhập vào con đường Hiền thánh. Đó là giáo pháp chân chánh của các Đấng Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Tôn Tối Chánh Giác đã giảng nói.

Bồ-tát nghe giới hoan hỷ cúi đầu, ngoái nhìn thì kim châm trên thân bỗng biến mất hết. Bóng dáng ngài sừng sững, khí lực hơn trước nhiều. Trời, Người, Quỉ, Rồng không ai là không khen ngợi. Chí tiến hạnh cao của Bồ-tát luôn nối tiếp cho đến khi thành Phật cứu vớt mọi chúng sinh.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Người trao kệ cho Bồ-tát nay là Điều-đạt. Điều-đạt tuy biết kệ của Phật trước, nhưng giống như người mù cầm đuốc soi cho kẻ khác mà bản thân thì không thấy sáng, thử hỏi có ích gì cho mình.

Bồ-tát luyện chí Độ vô cực, đã hành tinh tấn như vậy.

56- Thuở xưa, Bồ-tát làm vua loài vượn, thường dẫn theo năm trăm con vượn dạo chơi. Bấy giờ gặp lúc trời khô hạn, trái cây không nhiều. Có tòa thành của quốc vương kia, cách núi không xa, chỉ lội qua một dòng nước nhỏ. Vượn chúa bèn dẫn bầy vượn vào vườn vua để ăn quả. Quan

giữ vườn đem việc này tâu lên, nhà vua nói:

– Hãy canh giữ cẩn thận, đừng để cho bọn chúng chạy thoát.

Vượn chúa biết được, buồn bã, nghĩ: "Ta là đầu đàn, họa phước do ta. Vì tham cầu được quả để nuôi mạng mà làm liên lụy đến cả đàn." Bèn ra lệnh cho đàn vượn:

– Hãy đi khắp tìm dây leo.

Đám vượn đem dây leo bện nối liền lại, dùng một đầu dây cột vào một cành cây lớn. Chúa vượn tự buộc đầu dây còn lại vào eo lưng rồi leo lên cây, lao mình níu cành cây bên kia, dây ngắn nên phải duỗi xuống nối với dây, rồi ra lệnh cho đàn vượn:

– Hãy mau nương theo dây mà qua đi.

Đàn vượn đi qua hết thì hai nách của vượn chúa đều đứt, rơi xuống bên bờ nước, chết giấc rồi sống lại. Sáng sớm, nhà vua đến vườn để xem xét thì bắt được vượn chúa. Vượn nói được tiếng người nên cúi đầu tự thưa trình:

– Dã thú tham sống, cậy nhờ vào ân ích của đất nước, gặp khi trời hạn, trái cây thiếu, nên đã mạo phạm vào vườn trời, tội lỗi này là do tôi, xin xá tội cho cả đàn. Thịt hư của thây con vật này xin dâng lên thái quan làm bữa cho vua.

Nhà vua ngửa mặt than:

– Đầu đàn loài thú mà còn biết hy sinh thân mạng để cứu đồng loại, quả là có lòng nhân của bậc Thánh hiền xưa. Ta làm vua người há có thể được như thế ư!?

Do đó vua xúc động rơi nước mắt, bảo kẻ hầu mở trói cho vượn, đỡ ngồi yên trên đất, ra lệnh cho cả nước để đàn vượn kiếm ăn tự do, ai xâm phạm chúng thì tội đó xem như đồng với giặc. Nhà vua trở về cung nói với hoàng hậu:

– Lòng nhân của vượn, hạnh của bậc hiền xưa sánh chưa bằng thế, lòng nhân của ta chỉ như tơ tóc, còn của vượn kia thì hơn cả núi Côn Lôn.

Hoàng hậu nói:

– Hay thay! Con vật này thật lạ lùng. Vua nên để mặc chúng kiếm ăn tự do, đừng cho người hại.

Nhà vua nói;

– Ta đã ra lệnh rồi.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Con vượn chúa là thân Ta, quốc vương là A-nan, năm trăm con

vượn ấy ngày nay là năm trăm vị Tỳ-kheo.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, luôn tinh tấn như vậy.

57- Thuở xưa, Bồ-tát thân làm nai chúa, sức lực vượt hơn đồng loại, nhân ái trùm khắp, lũ nai ái mộ theo về. Một hôm, bầy nai dạo chơi gần vườn ngự, người giữ việc chăn nuôi thấy được, tâu lên vua. Nhà vua đốc suất quân sĩ bao vây đuổi bắt. Nai chúa rơi nước mắt nói:

– Các ngươi bị ách nạn này là do ta cả. Ta sẽ hy sinh thân mình để cứu các ngươi.

Rồi nai chúa đến bên mép lưới, quỳ hai chân trước xuống, bảo:

– Hãy leo lên mình ta nhảy ra, các ngươi sẽ được toàn mạng.

Bầy nai làm theo lời nai chúa nên đều được khỏi chết. Riêng thịt trên thân nai chúa đều bị rách nát, máu chảy như suối, ngã xuống đất chết giấc, đau đớn khó nói hết. Cả bầy nai than khóc, quanh quẩn chẳng chịu đi. Vua người thấy thân thể nai chúa tàn tạ, máu chảy đỏ đất mà không thấy bầy nai, mới hỏi:

– Con này sao thế?

Nai chúa đáp:

– Giữ tiết không tròn nên phải nhận thân mạng làm loài thú, tìm kiếm cỏ non để bảo toàn mạng sống nhỏ hèn này, nên phạm đến cõi nước vua, tội rất nặng. Thịt trên thân tuy hết, nhưng thịt hai đùi vẫn còn đầy đủ, xin để thái quan làm bữa dâng vua.

Nhà vua hỏi:

– Ngươi vì duyên cớ gì mà đến nỗi như vậy?

Chúa nai tâu rõ đầu đuôi sự việc đã xảy ra. Vua nghe qua bùi ngùi rơi nước mắt, nói:

– Ngươi là súc sinh mà có lòng nhân từ rộng như trời đất, hủy bỏ thân mạng mình để cứu giúp đồng loại. Ta làm vua người, lại hiếu sát tàn hại các sinh vật của trời!

Liền ban bố lệnh nghiêm, bảo cho dân chúng trong nước: từ nay cấm tuyệt việc săn bắn, không ăn thịt nai.

Nhà vua cho người mở dây lưới, đem nai thả nơi chỗ đất bằng phẳng. Đàn nai thấy vua của chúng, thảy đều ngẩng lên trời khóc than. Rồi chúng đến trước nai chúa liếm nơi vết thương, lại chia nhau hái thuốc nhai nhỏ rịt vào thân nai chúa. Vua người thấy vậy, một lần nữa gạt lệ, nói:

– Vua đem tình cha đối với con để thương yêu, nuôi dưỡng dân chúng

thì dân chúng dùng tình con đối với ân sâu của cha mẹ mà mến mộ vua của họ. Đạo làm vua đâu có thể bất nhân được!

Từ đó nhà vua hết giết hại, ưa chuộng nẻo từ, trời liền độ giúp, nước giàu dân vui, xa gần đều ca tụng đức nhân, dân theo về như nước.

Đức Phật bảo Tôn giả Thu Lộ Tử:

– Chúa nai là thân Ta, năm trăm con nai nay là năm trăm vị Tỳ-kheo, còn vua trời là A-nan.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

58- Thuở xưa, Bồ-tát thân làm nai chúa tên là Tu Phàm, lông trên thân có chín màu, thật trên đời hiếm thấy. Một hôm, dạo chơi bên bờ sông, thấy có người bị chìm đang kêu trời cầu cứu, nai thương xót, nghĩ: "Mạng người khó được, mà sắp phải mất sao! Ta thà lao vào chỗ nguy hiểm để cứu kẻ ấy". Bèn bơi đến đó, nói:

– Ngươi chớ sợ! Hãy vịn vào sườn này rồi cỡi lên lưng ta, thì sẽ được cứu ngay.

Người ấy làm theo như lời. Nai đem người ra khỏi chỗ nước, mệt gần đứt hơi. Người được cứu sống mừng lắm, liền đi quanh nai ba vòng, cúi đầu thưa:

– Thân người khó được, mạng sống là trọng, nay trượng phu không màng nguy hiểm để cứu mạng sống của tôi, ân đó vượt cả trời đất, trọn đời tôi không quên, xin làm kẻ tôi tớ dâng lên những gì còn thiếu thốn.

Nai nói:

– Ngươi hãy đi đi! Vì thân mạng ta làm liên lụy ngươi trọn đời! Nếu có ai tìm bắt ta thì người nói là không thấy.

Người bị chìm kính vâng và thề mất mạng cũng không trái lời. Quốc vương thời ấy tên là Ma Nhân Quang, bẩm tánh thuần hòa, thương nuôi muôn dân. Nguyên hậu của nhà vua tên là Hòa Trí, nằm mộng thấy chúa nai lông trên thân có chín màu, sừng hơn cả sừng tê giác. Tỉnh dậy, tâu lên vua, xin muốn dùng da và sừng nai làm áo, làm vòng đeo, nếu không toại nguyện bà ắt phải chết.

Nhà vua nói:

– Được.

Sáng hôm sau, vua họp các quần thần, tả hình dạng nai rồi ban lệnh tìm kiếm, treo giải kẻ tìm được thì phong cho một huyện, một bát vàng đầy hạt bạc, một bát bạc đầy hạt vàng. Giải treo như thế khiến tên bị chìm trước

đấy vui mừng. Hắn nghĩ: "Ta được một huyện, vàng bạc đầy hai bát, an vui trọn đời. Nai tự làm mất mạng ta nào có can dự gì". Rồi hắn vội vàng đến cung vua, đem việc như đã biết về nai chúa tâu lên. Trong phút chốc, mặt hắn liền bị phun lở, miệng bị hư thối. Hắn lại nói:

– Con nai ấy rất linh, vua phải đem binh nhiều thì mới bắt được.

Nhà vua liền hưng binh qua sông tìm bắt nai. Bấy giờ, nai cùng với quạ kết bạn rất thân. Nai đang nằm ngủ không hay vua đến. Quạ kêu:

– Bạn ơi! Vua đến bắt bạn đấy!

Nai vẫn mê mệt không nghe, quạ mổ vào tai, kêu lớn:

– Vua đến giết bạn!

Nai thất kinh, thấy vua giương cung hướng về mình, liền chạy mau đến trước vua, quỳ gối, cúi đầu tâu:

– Xin thiên vương tha cho mạng tôi trong chốc lát, tôi muốn giải bày mối ngu tình.

Nhà vua thấy nai nói thế, liền ra lệnh dừng bắn. Nai tâu:

– Vua quý trọng nguyên hậu, đã nhọc thân đến đây, tôi nhất định là không thoát khỏi chết. Nhưng thưa thiên vương! Đại vương ở trong chốn thâm cung làm sao biết được con vật nhỏ nhoi này ở đây?

Vua lấy tay chỉ, nói:

– Người hủi kia thưa trình đó.

Nai nói:

– Tôi đi tìm cỏ non để ăn, xa thấy người bị đắm kêu trời cầu cứu vớt. Tôi thương tình nên lao mình vào nguy hiểm để cứu hắn. Người kia lên bờ vui mừng, cúi đầu nói: "Mạng tôi đáng lẽ đã chết mà được ân cứu cho, nguyện xin cung cấp cỏ nước, trọn đời làm tôi tớ." Tôi đáp với nó: "Ngươi cứ tự do đi đi, có điều cần thận trọng đừng nói với ai rằng ta ở đây."

Nai chúa lại nói tiếp:

– Thà vớt cỏ cây nổi trôi nơi sông nước đem lên đất liền, chứ không cứu vớt kẻ không biết suy nghĩ, xét đoán. Cướp của giết chủ, tội ấy có thể tha, chớ chịu ân mà mưu phản, ác ấy khó giải bày.

Nhà vua cả kinh, nói:

– Đây là loài súc sinh mà mang tấm lòng nhân từ rộng lớn, hy sinh mạng mình để cứu vật khác mà không cho là khó khăn. Chắc hẳn là trời.

Nhà vua khen lời nói của nai, vui mừng tiến đức. Bèn ra lệnh cho muôn dân trong nước:

– Từ hôm nay về sau, mặc tình nai ăn uống kiếm sống, ai dám xâm phạm đến nó đều phải tội chết.

Nguyên hậu nghe vua phóng thích nai, quá tức giận nên vỡ tim, chết đọa vào địa ngục Thái sơn.

Trời Đế Thích nghe vua lập chí tôn chuộng nhân từ, ngợi khen nai như thế, liền hóa làm loài nai đầy cả nước, ăn lúa hoa màu, ruộng mạ, hoa quả các thứ, ăn hết sạch, để xem chí của nhà vua. Dân chúng kiện lên vua, nhà vua nói:

– Hung dối giữ nước, không bằng mất nước mà giữ chữ tín.

Trời Đế Thích nói:

– Nhà vua thật giữ chữ tín.

Bèn khiến nai đều đi hết, các thứ lúa thóc dồi dào gấp bội, độc hại tiêu hết, các hoạn nạn đều dứt trừ.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Nai chúa khi ấy là thân Ta, quạ là A-nan, nhà vua là Thu Lộ Tử, người bị đắm là Điều-đạt, vợ vua nay là vợ Điều-đạt.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

59- Bồ-tát thuở xưa, thân làm ngựa chúa, tên là Khu-da, thường ở ven biển để độ người nổi trôi.

Bấy giờ, ở bờ bên kia, có bọn quỉ dâm nữ rất đông. Chúng thấy các lái buôn đi qua, liền hóa làm thành quách, nơi ở, vườn tược, kỹ nhạc, đồ ăn thức uống, rồi biến làm người đẹp, nhan sắc rực rỡ, gọi mời đám thương nhân ấy, rượu nhạc vui chơi. Quỉ mị mê hoặc bao người, khiến họ đều lưu lại ăn ở với chúng. Chừng khoảng một năm thì quỉ dâm nhàm chán, dùng dao sắt đâm vào cổ họng họ để uống máu, ăn thịt, hút tủy. Ngựa chúa xa trông thấy bọn quỉ dâm ăn thịt người mà rơi nước mắt, nhân bay qua biển đến bờ bên kia, kiếm được gạo giã trắng, ngựa chúa ăn uống xong, lên núi kêu lớn tiếng:

– Ai muốn vượt qua biển không?

Kêu như thế ba lần. Đám thương nhân nghe lời kêu, vui mừng, nói:

– Thường nghe ngựa thần hay thương xót cứu độ ách nạn, nay được gặp rồi sao?

Họ vui mừng đến với ngựa thần, nói:

– Xin thương xót cứu giúp chúng tôi.

Ngựa nói:

– Các ngươi ra đi thì bọn quỉ dâm ắt sẽ bế con đến đưa cho các ngươi, rồi kêu khóc đuổi theo. Kẻ nào có lòng luyến ái ở lại, thì khi ta đi rồi bọn quỉ ắt sẽ dùng dao sắt đâm vào cổ họng các ngươi mà uống máu, ăn thịt. Còn ai lòng ngay nghĩ lành thì sẽ được toàn mạng. Phàm ai muốn trở về thì hãy cỡi lên lưng ta, níu lấy bờm, đuôi, ôm lấy cổ đầu, tự do bám vào rồi níu vịn lẫn nhau, thì ắt được sống gặp lại người thân.

Những thương nhân tin lời của ngựa thần, đều được toàn mạng, trở về gặp lại những người thân yêu. Còn bọn mê theo dâm nữ, tin quỉ yêu độc hại thì không ai là không bị chúng ăn thịt. Hễ kẻ nào tin theo chánh pháp, bỏ tà ngụy thì suốt đời này mãi được an lành.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Ngựa chúa ngày ấy là thân Ta.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

60- Bồ-tát thuở xưa, thân làm vua cá, có hai bề tôi tả hữu, đều là những bậc có hạnh cao, thường ghi nhớ lời Phật dạy, khi ăn lúc thở đều không hề xao lãng. Vua tôi ăn rong nơi nước tạm để nuôi sống thân mạng, nhân từ nuôi dưỡng đàn cá nhỏ như tự nuôi chính bản thân mình, theo nước triều dạo chơi, đem giới hạnh của Phật để dạy bảo. Không ngờ bị người đánh cá tung lưới bắt được. Cả đàn cá lớn nhỏ không con nào là không sợ cái họa bị đem nấu nướng. Vua cá thương xót bảo:

– Thận trọng đừng nên sợ hãi. Cứ một lòng niệm Phật, nguyện cho chúng sinh được an lành, thề lớn thương khắp, trời sẽ cứu độ như vang ứng tiếng. Hãy mau tìm lại bên nhau, ta sẽ cứu các ngươi.

Nói rồi vua cá liền đâm đầu vào bùn, dùng đuôi nâng lưới lên cho cá mau ra hết. Cả đàn cá được sống, không con nào là không đội ân.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Vua cá khi đó là thân Ta, hai bề tôi tả hữu là Thu Lộ Tử và Mục-kiền-liên.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

61- Bồ-tát thuở xưa thân làm vua rùa, ngày đêm tinh tấn nghĩ ra các phương tiện lành để khiến cho thần tánh của chúng sinh được trở về với bản thể không. Lại có một vua rùa khác, cũng cùng ở nơi rừng sâu này, hằng ngày đều thấy những con tắc kè leo lên cây rồi lao mình xuống. Như

thế thật là không yên. Bồ-tát dự đoán, nói:

– Đây là hiện tượng sẽ nguy hại đến thân mạng, chúng ta phải sớm tránh xa là tốt.

Vua rùa kia ngu si, tự chuyên theo ý mình, không nghe lời chân thật. Bồ-tát tận tâm cứu giúp những con theo mình khiến chúng được khỏi nạn.

Mười ngày sau, voi chúa cùng cả đàn voi tập trung đến gốc cây nghỉ ngơi, thì tắc kè lao mình vào trong lỗ tai voi. Đàn voi kinh hãi kêu rống, chạy nhảy tứ tung, đạp chết các rùa. Vua rùa kia tức giận, nói:

– Biết việc như thế mà không chỉ ra, ta chết, ngươi sống, thế thì lòng lành ở đâu? Nhiều kiếp ta sẽ tìm ngươi, hễ bắt gặp là giết hại.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vua rùa giỏi đoán biết việc là thân Ta, còn vua rùa tự chuyên không chịu đi là Điều-đạt.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

62- Thuở xưa, Bồ-tát làm chúa chim Anh vũ, cả đàn đông tới ba ngàn con. Có hai con Anh vũ sức lực tài giỏi hơn đàn, miệng ngậm cành trúc làm xe chở, vua Anh vũ cỡi trên đó để bay, dừng dạo chơi. Vua thường cỡi xe cành trúc, trên dưới trước sau, tả hữu các chim Anh vũ bay theo mỗi phía năm trăm con, như vậy sáu mặt có ba ngàn con bay theo hỗ trợ, dâng hiến các món quý, hoặc vui chơi tùy lúc. Vua Anh vũ thầm nghĩ: "Những hoan lạc này làm loạn đức, không làm sao đạt được tâm định, ta sẽ quyền biến, thác bệnh không ăn, rồi giả hô chết để bỏ bọn chúng".

Các chim Anh vũ thấy vậy liền lấy cỏ phủ lên xác vua Anh vũ, rồi đều bỏ đi. Vua Anh vũ trở dậy kiếm ăn. Đàn Anh vũ đó bay đến chỗ vua Anh vũ khác, thưa:

– Vua chúng tôi đã chết, xin được làm bề tôi của nhà vua.

Vua kia đáp:

– Nếu vua các ngươi đã chết thì hãy mang xác lại đây. Nếu thật đã chết thì ta thu nạp các ngươi.

Chúng trở về lấy xác, bỗng nhiên không thấy đâu, đi tìm khắp bốn phía thì gặp được vua mình, xúm lại làm lễ, lại dâng cúng như cũ. Vua chim nói:

– Ta còn chưa chết, mà các ngươi lại bỏ ra đi. Các Đức Phật dạy rõ: Xem ra đời không có gì thân thích, chỉ có đạo pháp là đáng tin theo. Các vị Sa-môn cho tóc râu là các loại làm dơ loạn ý chí nên cạo bỏ đi, chuộng

hạnh vô dục. Các ngươi hoan lạc ồn ào, tiếng tà làm loạn chí, nên ta sống một mình không đôi lứa, đức ngang với bậc Thượng thánh.

Nói xong chim bay vút đi, sống an nhàn nơi chốn tịch mịch, kín đáo, bỏ dục, vô vi. Chim tư duy thiền định, các dơ bẩn đều diệt hết, lòng như vàng trời.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Anh vũ chúa khi ấy là thân Ta.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

63- Bồ-tát thuở xưa, thân làm vua bồ câu, cả đàn có năm trăm con, bay lượn đến nơi vườn vua để kiếm ăn. Nhà vua trông thấy chúng nên ra lệnh cho người chăn nuôi chăng lưới bắt hết, lớn nhỏ không sót con nào, đem nhốt chúng vào lồng, nuôi bằng gạo ngon, con nào béo lên thì thái quan đem làm món ăn dâng vua. Bồ câu chúa bị bắt thì một lòng niệm Phật, ăn năn lỗi lầm, dấy lên lòng Từ, nguyện xin cho chúng sinh bị bắt được giải thoát, chóng xa lìa tám nạn, không bị như mình hôm nay. Rồi bồ câu chúa bảo các bồ câu kia:

– Các giới của kinh Phật, tham là đầu mối. Tham để được vinh hoa, như người đói được uống thứ nước độc, niềm vui đắc chí kia chỉ mau như chớp, còn các khốn khổ mà mình phải chịu thì đến hàng ức đời. Các ngươi bỏ ăn thì thân mạng toàn vẹn vậy.

Đàn bồ câu đáp:

– Bị bắt bỏ lồng, muốn khác sao được?

Vua bồ câu nói:

– Trái lời Phật dạy, mặc sức tham muốn, không ai là không mất thân.

Rồi tự mình bỏ ăn, đói làm cho cơ thể mỗi ngày một héo hon, chui ra khỏi nơi giam giữ, ngoái lại gọi bọn còn bị nhốt:

– Diệt tham, bỏ ăn, thì được như ta.

Nói rồi liền bay đi.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Bồ câu chúa ngày ấy là thân Ta.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

64- Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Vua Ong Mật.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các đệ tử:

– Hãy siêng năng, tinh tấn, nghe nhớ, đọc tụng, không được biếng trễ, để khỏi bị vòng tối của các ấm phủ che. Ta nhớ lại từ vô số kiếp về trước, có Đức Phật hiệu là Nhất Thiết Đô Vương Như Lai Vô Sở Trước Tối Chánh Giác, lúc ấy đã vì chư Thiên, chúng dân nhiều không kể xiết mà thuyết giảng kinh pháp. Bấy giờ trong chúng có hai vị Tỳ-kheo, một vị tên là Tinh Tấn Biện, còn vị kia tên là Đức Lạc Chánh, đều cùng nghe kinh pháp. Tinh Tấn Biện nghe kinh hoan hỷ, liền chứng được quả A-duy-việt *(không thoái chuyển),* thần thông đầy đủ, còn Tỳ-kheo Đức Lạc Chánh thì ngủ say không thức nghe nên không được gì. Khi đó, Tinh Tấn Biện gọi Đức Lạc Chánh nói:

– Đức Phật khó gặp! Hàng ức trăm ngàn đời mới một lần xuất thế, nên phải lấy tinh tấn làm gốc cho các việc làm, sao lại ngủ nghỉ mãi? Phàm ưa ngủ nghỉ là tội bị các ấm che lấp, phải tự cố gắng mới có được tâm giác ngộ.

Đức Lạc Chánh nghe lời bảo ban ấy liền đi kinh hành, trong khoảng các hàng cây của khu lâm viên Kỳ-đà. Vừa mới đi kinh hành thì lại đứng ngủ, phiền loạn như thế thì không thể tự định được. Ông liền đi đến bên dòng suối, muốn ngồi tư duy thì lại ngồi ngủ nữa. Khi ấy, Tỳ-kheo Tinh Tấn Biện phải quyền biến khéo léo đến để độ bạn, bèn hóa làm con ong mật chúa bay đến trước mắt bạn như muốn chích vào. Đức Lạc Chánh cả kinh nên thức dậy và ngồi, nhưng chỉ sợ chúa ong trong giây lát rồi lại ngủ tiếp. Lúc ấy, ong mật chúa bay xuống dưới nách, chích vào ngực và bụng ông ấy. Đức Lạc Chánh cả kinh, trong lòng rúng động, không dám ngủ nữa.

Khi đó, nơi suối nước có các thứ hoa Ưu-đàm, Câu văn đủ màu sắc, hoa nào hoa nấy đều tươi đẹp, thanh khiết, ong mật chúa bay đậu trên đóa hoa hút lấy mật hoa. Đức Lạc Chánh bèn ngồi ngay ngắn nhìn ong, sợ nó bay đến chích nên không dám ngủ nữa, lại tư duy về ong chúa, quan sát nguồn cội sự việc. Ong chúa hút nhụy không bay ra khỏi hoa. Trong chốc lát, ong chúa ngủ, rơi vào vũng bùn, thân thể lấm dơ, lại bay trở về đậu trên đóa hoa.

Lúc ấy, Đức Lạc Chánh hướng về ong mật chúa nói lời kệ:

Người ăn vị cam lộ
Thân thể được an ổn
Không nên lại mang về

Cho khắp cả vợ con
Vì sao rớt trong bùn
Tự làm nhơ thân thể?
Như thế là không khôn
Vị cam lộ bị hỏng
Lại như đóa hoa này
Chẳng nên ở trong lâu.
Trời lặng hoa lại khép
Muốn ra khỏi được nào
Phải đợi mặt trời mọc
Mới ra khỏi được hoa
Mệt tối nơi đêm dài
Khổ nhọc như thế đấy.

Ong mật chúa hướng về Đức Lạc Chánh, nói kệ đáp:

Phật ví như cam lộ
Lắng nghe không nhàm đủ
Chẳng nên có biếng trễ
Không ích cho mọi người
Năm đường biển sinh tử
Ví như rớt bùn nhơ
Ái dục đã trói buộc
Không trí là đắm mê
Mặt trời mọc, hoa mở
Ví sắc thân Đức Phật
Mặt trời lặn, hoa khép
Ví Phật nhập Niết-bàn
Được gặp đời có Phật
Phải tinh tấn thọ trì
Trừ bỏ ngủ che lấp
Chớ bảo Phật thường trụ
Yếu Tuệ của pháp sâu
Không do sắc duyên hợp
Ấy hiện có người trí
Nên biết là phương tiện
Quyền biến khéo để độ
Có ích không nêu quấy
Mà hiện biến hóa này
Cũng do tất cả ấy.

Khi Đức Lạc Chánh nghe ong mật chúa nói kệ như thế thì đạt được "Pháp nhẫn bất khởi", tỏ được gốc của các pháp, chứng được "Đà-lân-ni", mới biết đây là phương tiện quyền xảo của Tinh Tấn Biện. Từ đó, Đức Lạc Chánh thường một mình đi kinh hành, không còn biếng trễ, đồng thời cũng chứng được quả vị Bất thoái chuyển.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Tinh Tấn Biện lúc bấy giờ nay là thân Ta, còn Đức Lạc Chánh ấy là Di-lặc.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

– Lúc bấy giờ Ta với Di-lặc cùng nghe kinh pháp, Di-lặc thì lo ngủ nghỉ nên không được gì cả. Giả như thời đó Ta không dùng phương tiện khéo léo để độ ông ấy thì Di-lặc đến nay vẫn còn ở trong sinh tử, chưa được giải thoát. Vậy các vị nghe pháp này phải thường tinh tấn, rộng khuyên tất cả mọi người, phải từ bỏ sự che lấp của ngủ nghỉ, phải dốc tạo căn bản cho trí tuệ sáng suốt.

Đức Phật nói như vậy rồi, thì vô số người đều phát tâm Vô thượng bình đẳng.

Bồ-tát luyện chí Độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

65- Kinh Đức Phật Lấy Ba Việc Để Cười.

Thuở xưa, Bồ-tát làm Thanh tín sĩ, quy mạng ba ngôi báu, nhân từ rộng khắp, quên mình cứu giúp quần sinh, giữ trong sạch không trộm cắp, bố thí đến cùng, trinh thuận không dâm dật, quán xét từ bỏ lòng dâm, đức tin giống bốn mùa, nặng như Tu-di, tuyệt không uống rượu, tôn trọng hiếu đạo, khuyến dụ người thân, tháng giêng giữ vẹn chay sáu ngày, tinh tấn không mệt mỏi. Sinh đời gặp Phật nên đức hạnh ngày một tăng thêm, rồi chứng được đạo quả Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Giác Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân sư, giáo hóa khắp chốn.

Một hôm đi qua chợ, thấy một ông lão lường đấu bán cá buồn thảm than thở:

– Oan quá! Trời ơi! Con ta tội gì mà sớm chết đi? Nếu nó còn bán cá thì ta đâu khổ nhọc thế này?

Đức Phật thấy thế, liền mỉm cười, miệng phát hào quang năm sắc. Qua khỏi chợ giây lát, lại thấy một con heo lớn lấm đầy phân đi trên đường, Đức Phật lại mỉm cười nữa. Tôn giả A-nan sửa lại y phục, cúi đầu thưa:

– Vừa rồi Đức Thế Tôn cười, vì có nhiều người nên con không tiện hỏi nguyên do, nay lại cười nữa, ắt có điều dạy bảo. Nguyện xin Đức Phật mở điều nghi của mọi người để làm khuôn phép cho đời sau.

Đức Thế Tôn bảo:

– Này A-nan, Ta cười có ba lý do. Một là xem thấy cái ngu của ông lão kia thật là to lớn. Hằng ngày giăng lưới đánh cá, tàn hại mạng quần sinh, lòng không chút trắc ẩn, họa lây con chết thì lại đi oán trời, kêu khóc kinh động, đó là cái hạnh của kẻ hạ ngu, không phải là lòng nhân của trời đất, lòng khoan thứ của Hiền thánh, do đó mà Ta cười.

Thuở xưa, Phi hành hoàng đế, trồng phước vòi vọi, mà chí kiêu ngạo, hạnh thì phóng dật, nên nay phải làm cá cho người đong bán, đấy là lý do thứ hai khiến ta cười. Chẳng nhớ nghĩ đến trời người, dù thọ tới tám mươi ức bốn ngàn vạn kiếp, ý chuyên chấp trước vào không, chẳng có thể bỏ đi cái không không tưởng, để trở về với bản thể vô vi, nên phước hết thì phải thọ tội, ngày nay đang ở trong đấu cá ấy, đó là lý do khiến Ta cười.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

– Phi hành hoàng đế so với vị trời đáng tôn kính kia, đức cao lồng lộng, cớ sao không thoát tội được?

Đức Thế Tôn dạy:

– Họa phước không phải chân thật thì làm sao thường còn mãi được! Phàm ở nơi tôn quý mà thi ân bố đẳng, hiểu rõ bốn vô thường thì thoát được những nạn kia. Nếu tự thỏa mãn với cái nhân quý báu, lòng chuộng nẻo tà thì khi hưởng hết phước phải chịu tội. Đó là quy luật tự nhiên từ xưa đến nay. Họa, phước đuổi theo mình như bóng tìm hình, như vang đáp tiếng, đâu có phân biệt sang hèn! Còn nữa, đời trước Ta làm Thanh tín sĩ, có một người hàng xóm ưa phụng thờ ma quỉ, đánh bạn với lũ yêu quái ác hại, không tin làm ác họa sẽ đến ngay, như vang ứng tiếng. Mỗi khi đến ngày trai giới, Ta bảo nên vào chùa thờ Phật chánh chân, nghe các vị Sa-môn giảng thuyết pháp thanh tịnh, làm căn bản cho đức hạnh, phòng dứt họa dữ, nhưng nó là một kẻ dâm hoang, dối rằng có việc cần không đi được. Ta đến chùa Phật, còn nó thì đi theo đường tà. Từ đó về sau Ta sinh ra gặp Phật, nghe pháp, cùng sánh chí với các bậc Sa-môn, đức hạnh ngày một tăng thêm, thành tựu quả Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư, làm bậc tôn quý trong ba cõi, hiệu là Pháp vương. Còn người hàng xóm kia ưa việc quỉ thuật, tàn hại quần sinh, buông theo nữ sắc, rượu chè điên loạn, không biết hiếu thuận

mà tự cho là đắc chí thỏa lòng, nên phải luân chuyển trong ba đường ác, khổ sở không lường. Ta nay đã làm Phật, còn kẻ ấy thì vẫn tiếp tục làm con vật hôi thối, do vậy mà Ta cười.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Trong nhiều kiếp thọ trì kinh điển, thâu thái nghĩa lý, thân cận Sa-môn, nên đạt được công đức như thế.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

66- Kinh Đứa Trẻ Nghe Pháp Hiểu Được Ngay.

Thuở xưa, có vị Tỳ-kheo tinh tấn giữ phép, từ nhỏ đã giữ giới cấm, không chút hủy phạm, thường tu phạm hạnh, an trụ ở tinh xá. Nếu có tụng kinh thì tụng kinh Bát-nhã ba-la-mật. Khi giảng kinh, thì giảng hay không ai bì kịp, nghe được âm thanh của vị Tỳ-kheo ấy không ai là không hoan hỷ.

Có một đứa trẻ mới bảy tuổi, chăn trâu ở ngoài thành, nghe tiếng vị Tỳ-kheo tụng kinh, liền lần theo tiếng tìm đến tinh xá, lễ vị Tỳ-kheo, rồi ngồi một bên để nghe lời kinh ấy. Khi nói về căn bản của "Sắc", nghe xong hiểu ngay, khiến đứa bé hết sức vui mừng. Tiếng vừa dứt, bèn hỏi vị Tỳ-kheo. Vị ấy đối đáp không vừa ý đứa bé. Bấy giờ đứa bé lại giảng giải, nghĩa kinh rất thâm diệu, từ xưa ít nghe. Tỳ-kheo nghe rồi rất là hoan hỷ, vừa lòng, lại lấy làm lạ về đứa trẻ này, hẳn không phải là người phàm nên mới có trí tuệ ấy. Lúc đó đứa bé liền đi về chỗ trâu, thì trâu nghé nó chăn đã chạy tản lạc vào núi. Bé theo dấu chân dò tìm thì chẳng may bị cọp hại. Sau khi mạng chung, thần hồn đứa bé liền chuyển sinh vào nhà trưởng giả, làm con của người vợ cả. Khi phu nhân mang thai, miệng bà thường hay nói kinh Bát-nhã ba-la-mật từ sáng đến tối không biếng nghỉ. Gia đình trưởng giả ấy vốn không biết kinh pháp, lấy làm lạ về chuyện này, sợ miệng phu nhân nói lời xàm, cho là bệnh quỉ. Hỏi han về việc trừ tà, không chỗ nào là không đến, mà vẫn không ai có thể biết được. Trưởng giả rất buồn, không biết vợ mình mắc phải chứng bệnh gì, nên cả nhà nội ngoại thảy đều lo sợ. Khi ấy thầy Tỳ-kheo vào thành khất thực, đến cửa nhà trưởng giả, xa nghe tiếng kinh, lòng rất vui mừng, đứng ở cửa một chút, thì chủ nhân thấy Tỳ-kheo cũng không làm lễ. Vị Tỳ-kheo lấy làm lạ: "Trong nhà này có vị hiền giả nói kinh tiếng hay đến vậy, mà sao vị trưởng giả đây không nói gì với ta cả?". Liền hỏi trưởng giả:

– Trong nhà có ai tụng kinh thâm diệu mà âm thanh hay ho đến thế?

Trưởng giả đáp:

– Vợ tôi trong nhà bị mắc bệnh quỉ nên ngày đêm nói xàm luôn miệng không dứt.

Vị Tỳ-kheo nghe vậy mới biết là gia đình ông trưởng giả này không hiểu biết đạo. Tỳ-kheo nói:

– Đây không phải là bệnh quỉ, mà bà chỉ nói về kinh quý thuộc đạo lớn của Phật, xin được vào trong nhà cùng người ấy gặp mặt.

Trưởng giả nói:

– Tốt.

Bèn mời vị Tỳ-kheo vào đến chỗ người vợ. Vợ ông trưởng giả thấy vị Tỳ-kheo liền làm lễ. Tỳ-kheo chú nguyện, nói là: "Được bệnh Phật".

Rồi bà cùng với vị Tỳ-kheo hỏi han, thuyết giảng kinh pháp, nêu rõ những chỗ sâu xa khiến vị Tỳ-kheo rất vui. Trưởng giả hỏi:

– Đây là bệnh gì?

Tỳ-kheo đáp:

– Không bệnh gì cả, bà chỉ nói kinh pháp thâm diệu, rất có nghĩa lý. Tôi nghĩ phu nhân đang mang thai đứa bé chính là đệ tử của Đức Phật.

Ông trưởng giả hiểu ra sự việc, liền thỉnh vị Tỳ-kheo ở lại làm cơm cúng dường. Thọ trai xong, vị Tỳ-kheo lui về tinh xá, lần lượt kể lại cho mọi người biết:

– Có phu nhân của một ông trưởng giả mang thai rất kỳ lạ, miệng luôn tụng kinh quý, nói giảng lưu loát, tiếng đọc du dương, giải thích nghĩa lý kinh rất sâu.

Hôm sau, trưởng giả lại thỉnh vị Tỳ-kheo và tất cả Tăng chúng đến nhà, bày biện cơm nước đầy đủ. Đến giờ, chư vị đều đến ngồi vào chỗ, rửa tay, thọ trai. Xong, họ chú nguyện nhận đồ vật cúng dường. Bấy giờ phu nhân bước ra lễ các vị Tỳ-kheo, rồi ngồi sang một bên, lại vì các vị Tỳ-kheo mà vui giảng kinh pháp, có các chỗ nghi không thể hiểu thấu, bà đều tận tình vì các vị ấy giảng nói đầy đủ, chúng Tăng hết mực phấn chấn, hoan hỷ lui về.

Ngày tháng đã đủ, phu nhân sinh được một đứa bé trai tại nơi không có nước dơ nhớp. Cậu bé ấy vừa mới sinh ra liền chắp tay quỳ gối tụng kinh Bát-nhã ba-la-mật. Còn phu nhân sau khi sinh xong, thì trở lại như cũ, chẳng biết gì, như người vừa tỉnh mộng, không còn biết gì cả. Ông trưởng giả lại mời chúng Tăng, các vị Tỳ-kheo đều đến thấy đứa trẻ giảng kinh, chuyện xưa thông suốt, không chút vấp váp.

Lúc ấy các vị Tỳ-kheo, ai nấy đều dốc lòng xem xét về nguồn gốc

của đứa bé, nhưng đều không thể biết được. Trưởng giả hỏi:

– Đây là người thế nào?

Tỳ-kheo đáp:

– Chính là đệ tử của Đức Phật, thận trọng chớ sợ hãi, nghi ngờ, phải nuôi dưỡng nó cho thật tốt. Đứa bé này về sau lớn lên sẽ làm thầy của tất cả mọi người, chúng tôi đều phải theo đứa trẻ này học hỏi đó.

Khi đứa bé lớn lên, đến năm bảy tuổi thì biết hết mọi sự việc vi diệu của đạo, đời, siêu vượt hơn mọi người, trí tuệ thực tột bậc. Các Tỳ-kheo đều theo thọ giáo, học tập. Trong các kinh điển có chỗ nhầm lẫn, hoặc ngắn thiếu đều được đứa bé san định, bổ túc lại đầy đủ. Đứa trẻ mỗi lúc vào ra đều có mục đích, bèn dạy dỗ dẫn dắt cho mọi người, khiến phát tâm cầu Đại thừa. Gia đình ông trưởng giả trong ngoài lớn nhỏ gồm năm trăm người đều theo đứa bé tu học, phát khởi được ý Đại thừa, đều làm Phật sự. Qua các thành thị, chợ búa, làng xóm... đứa trẻ đã dạy dỗ dẫn dắt cho tám vạn bốn ngàn người, đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân, năm trăm người thuộc thừa Thanh văn. Các vị Tỳ-kheo nghe đứa trẻ thuyết giảng, thì gốc tâm hữu lậu đều được cởi bỏ, người có chí cầu Đại thừa đều chứng được "Pháp nhãn thanh tịnh".

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Đứa trẻ thời đó là thân Ta, vị Tỳ-kheo tụng kinh là Phật Ca-diếp.

Như thế này A-nan, Ta thuở xưa một lần theo vị Tỳ-kheo được nghe phẩm Đại thừa, liền ca ngợi, thông tỏ, tâm ý vui mừng chẳng chuyển, tinh tấn không quên, biết sâu về thân mạng đời trước, tự chứng đạt đến Bậc Vô Thượng Bình Đẳng Chánh Giác. Phước đức của một lần nghe mà còn được như thế, huống chi hằng ngày tuân theo tu tập.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

67- Kinh Giết Mình Cứu Người Đi Buôn.

Thuở xưa, có Bồ-tát cùng năm trăm thương nhân đi vào biển cả để tìm các của báu. Họ vào biển mấy tháng, kiếm được nhiều châu báu, chở nặng đầy thuyền. Lúc sắp quay về quê cũ, thì gặp gió bão, sấm chớp chấn động đất trời, thần nước tụ lại vây kín như thành lũy, mắt họ như tóe lửa, sóng vỗ ướt núi, mọi người than khóc:

– Chúng ta chắc chết!

Họ sợ hãi biến sắc, ngửa mặt lên trời kêu cứu.

Bồ-tát bùi ngùi, lòng nảy ra kế:

– Ta cầu làm Phật chỉ vì chúng sinh. Thần biển vốn ghét nhất là gặp thây chết, Ta phải vì họ, hy sinh thân mình để cứu mọi người, đó mới là sự nghiệp của bậc Khai sĩ. Ta không đem máu mình đổ xuống biển, thì thần biển làm dữ, chắc thuyền nhân không qua đến bờ.

Rồi gọi mọi người, bảo:

– Các ngươi đan tay nhau lại rồi cùng nắm lấy thân Ta.

Mọi người làm theo lệnh, Bồ-tát liền rút dao tự đâm chết mình, thần biển ghét bỏ đi, đẩy thuyền trôi vào bờ, mọi người đều được cứu. Thuyền nhân ôm thây Bồ-tát gào khóc kêu trời:

– Đây ắt là Bồ-tát chứ không phải là hạng tầm thường.

Rồi họ vật vã kêu trời nữa:

– Thà để chúng tôi mất mạng ở đây, chứ không để chết bậc Sĩ đức cao trọng.

Lời nói chân thành cảm động đến chư Thiên. Trời Đế Thích thấy lòng nhân từ rộng lớn của Bồ-tát, xem ra trên đời ít có, nên đích thân hiện xuống nói:

– Đây là bậc Bồ-tát chí đức sẽ là Đấng Thánh Hùng, nay ta tự cứu sống lại.

Rồi dùng thuốc trời để vào trong miệng và thoa khắp thân thể. Bồ-tát liền sống lại, bỗng nhiên ngồi dậy cùng mọi người hỏi han. Trời Đế Thích đem cho các thứ báu danh tiếng đầy thuyền họ, nhiều gấp ngàn lần trước đó. Tất cả liền trở về quê quán, gặp lại bà con họ hàng, không ai là không vui mừng. Bồ-tát đem của cải cứu giúp kẻ bần cùng, thiếu thốn, ban ân khắp mọi chúng sinh, thuyết giảng kinh Phật, khai hóa những kẻ ngu si tối tăm. Quốc vương nước ấy cảm phục đức hạnh của Bồ-tát nên tìm đến để thọ nhận sự giáo hóa thanh tịnh. Vua nhân, tôi trung, cả nước giữ giới, nhà có con hiếu, nước giàu, nạn hết, dân chúng mừng vui, mạng chung đều được sinh lên cõi trời, xa lìa hẳn các khổ.

Bồ-tát nhiều kiếp tinh tấn không dừng nghỉ nên đã thành Phật.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Người tự giết mạng mình để cứu mọi người là thân Ta, trời Đế Thích là Đức Di-lặc, năm trăm thương nhân ấy nay là năm trăm vị Ứng chân đang ngồi trong pháp hội này.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

68- Thuở xưa, có Bồ-tát làm con một người mẹ góa, sớm tìm đến

chùa, bỏ tà, chuộng chân, đảnh lễ Sa-môn, thọ nhận sự thần hóa của Đức Phật, sáng học hỏi, chiều lo tu tập. Bình minh, mặt trời mọc, tìm hiểu các kinh, những gương Hiền thánh, hiếu hạnh xưa luôn tinh thành ngưỡng mộ, như người đói mơ thấy được ăn. Nước của Bồ-tát sống có quốc vương vô đạo, tham tài, trọng sắc, bạc đãi người hiền, khinh rẻ dân chúng. Nhà vua nhớ đến vô thường, nên tự nghĩ:

– Ta làm những việc bất thiện thì chết sẽ vào ngục Thái sơn thôi! Sao ta không tích tụ vàng để dâng cho vua ngục Thái sơn?

Từ đó vua thu góp vàng của dân, ban lệnh nghiêm ngặt rằng:

– Nếu ai giấu dù chỉ một phân vàng thôi thì cũng phải tội chết.

Lệnh ra như vậy chỉ ba năm thì vàng của dân chúng đều hết sạch. Nhà vua vờ treo giải:

– Ai có chút vàng đem dâng, thì vua sẽ gả con gái út và ban cho tước vị cao.

Đứa bé thưa với mẹ:

– Trước đây mẹ đã đem một đồng tiền vàng đặt trong miệng cha khi mất, dùng để đút lót cho ngục Thái sơn, nay chắc hãy còn, vậy nên lấy đem dâng lên vua.

Bà mẹ nói:

– Được.

Bé lấy đem dâng lên. Vua ra lệnh tra hỏi do đâu được vàng. Bé tâu:

– Khi cha tôi chết, mẹ đem vàng đặt vào miệng chôn, là muốn hối lộ cho vua ngục Thái sơn, nay nghe lệnh đại vương đặt tước, kiếm vàng, nên mới đào mộ, gỡ gỗ để lấy.

Vua hỏi:

– Từ ngày tang cha đến nay bao nhiên năm rồi?

Bé tâu:

– Đã mười một năm.

Vua nói:

– Cha ngươi không đem hối lộ cho vua ngục Thái sơn sao?

Bé đáp:

– Sách vở Thánh hiền, chỉ có lời Đức Phật dạy là chân chánh. Kinh Phật dạy: "Làm thiện phước đuổi theo, làm ác họa tìm đến. Họa theo phước đến như bóng theo hình, như vang ứng tiếng." Chạy thân để tránh bóng, vỗ núi để dứt tiếng vang, làm thế được chăng?

Vua nói:

– Không thể được.

Bé tâu:

– Phàm thân do bốn đại tạo nên, khi mạng chung bốn đại lìa tan, hồn linh ra đi, biến hóa theo nghiệp mình đã làm, hối lộ phỏng có ích gì? Đời trước nhà vua bố thí, tạo phước đức, nay được làm vua, nếu ngài lại chuộng nhân ái, ân thấm nhuần khắp xa gần, thì tuy chưa đắc đạo, đời sau ắt được làm vua.

Vua nghe lòng hoan hỷ, bèn đại xá ngục tù, trả lại số vàng đoạt của dân.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Khi vua muốn lấy vàng còn trong dân mà giết hại người vô tội, Bồ-tát thấy dân khóc than, kêu ca, do vậy gạt lệ, lao mình vào chốn việc nước hà khắc, để cứu dân khỏi nạn lầm than. Dân cảm ân nhuần ấy mà thờ Phật, giữ giới, đất nước trở nên no đủ giàu có. Đứa bé khi ấy là thân Ta.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

69- Kinh Điều-đạt Dạy Người Làm Ác.

Thuở xưa có vị Bồ-tát ở ngôi thiên vương, giữ hạnh tinh chuyên, chí tiến như nước chảy, mỗi lần đến ngày trai, cỡi ngựa đi tuần du bốn phương, tuyên giảng nghĩa lý sâu xa của kinh Phật, giáo hóa chúng sinh, tiêu trừ những lầm lỗi nhơ bẩn, khiến họ tôn sùng đạo giáo quý của Đức Như Lai Ứng Nghi Chánh Chân Giác, bậc trời trong các trời, vua trong các Thánh, lìa bỏ gốc các khổ trong ba đường.

Điều-đạt khi ấy cũng làm vua trời trong cõi Ma, đi khắp bốn cõi thiên hạ dạy người làm ác, tùy theo ý muốn, không có quả báo ương họa nơi Thái sơn. Trên đường đi gặp Bồ-tát, Điều-đạt hỏi:

– Ông đi đâu vậy?

Đáp:

– Đi dạy dân thờ Phật, tu tập theo đức của bậc Thánh cao tột.

Điều-đạt nói:

– Ta dạy dân buông thả, theo dục, đời sau không họa, làm thiện nhọc chí không ích gì cho mình.

Bồ-tát nói:

– Ngươi tránh đường cho ta!

Điều-đạt đáp:

– Ông làm thiện giống như vàng bạc, ta làm ác giống như gang sắt, gang sắt có thể cắt được vàng bạc, chứ vàng bạc không thể cắt được gang sắt. Ông không bỏ đường ấy, ta sẽ chém đầu ông!

Điều-đạt làm ác càng nhiều lên, thành họa, phải vào ngục Thái sơn ngay khi còn sống.

Phàm người làm ác, sau khi chết đều bị đọa vào ba đường. Trong ba đường mà dốc làm lành, thì không ai là không sinh lên cõi trời. Tuy ở chỗ sang quý mà ôm lòng ác dữ không bằng ở nơi ba đường mà nhớ một lời Phật dạy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Thiên vương dạy người làm thiện là thân Ta, còn Thiên ma dắt người làm ác là Điều-đạt.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

70- Kinh Giết Rồng Cứu Cả Nước.

Thuở xưa có anh em Bồ-tát một chí như nhau, đều đi học đạo, ngưỡng mộ chư Phật, các hạnh khó theo kịp, đọc tụng kinh văn, giải thích nghĩa diệu, khai thị dắt dẫn sáu nẻo tối tăm, luyện bỏ lòng cấu uế, chỉ quán tịch tĩnh. Mỗi khi nghe các nước không biết tới ba ngôi báu, hai anh liền đến để dẫn dạy, khiến họ phụng trì diệu hạnh chân chánh của sáu độ.

Bấy giờ có một nước lớn, vua nước ấy ưa thích học đạo, bị bọn yêu quái dụ dỗ, dạy trao điều tà ngụy, cả nước noi theo, nên dân chúng đều phụng thờ đạo độc hại. Gió mưa không thuận thời, yêu quái khắp chốn, anh em Bồ-tát tự bàn với nhau:

– Ở chính nước ta, ba ngôi báu đã hành hóa, mọi người đều tuân giữ mười điều lành. Vua nhân, tôi trung, cha nghĩa, con hiếu, chồng tín, vợ trinh, nhà nhà đều có người hiền đức, thì anh em ta còn giáo hóa ai nữa? Nước kia tin theo yêu quỉ, rồng rắn ở đó ăn nuốt dân đen, họ gào kêu thê thảm nhưng không ai cứu giúp, mà ta lập chí cầu Phật chỉ vì loại người ấy. Vậy chúng ta nên đem Đạo đến đó giáo hóa, dẫn dụ cho họ lòng nhân, rồng ngậm độc dữ, chúng ta sẽ tiêu diệt nó.

Người em nói:

– Giới luật của Phật cho sát sinh là tội hung ngược lớn nhất, bảo vệ sự sống là đầu mối của đạo nhân, vậy phải làm sao đây?

Người anh nói:

– Hễ giết một người thì tội kia phải trả trăm kiếp. Nay rồng ăn nuốt dân cả nước, ta sợ hằng hà sa số kiếp dù hết, ương họa của nó vẫn chưa trừ xong. Nếu vì tham muốn chút lợi trong chốc lát mà không thấy cái tội bị thiêu đốt nơi ngục Thái sơn, lòng ta thấy thương xót lắm. Làm người khó được, Phật pháp khó nghe, giết rồng cứu nước, đem ba ngôi báu và hạnh cao của sáu độ để dẫn dạy thì họa này như tơ tóc mà phước ấy vượt hơn trời đất. Em hãy hóa làm voi, ta hóa làm sư tử, nếu mạng chúng ta không mất thì nước ấy không thể cứu được.

Rồi họ cúi đầu lễ mười phương, thề:

– Chúng sinh không yên ổn là lỗi của tôi, sau này thành Phật sẽ hóa độ tất cả.

Voi tới chỗ rồng, sư tử cũng lên đó. Rồng liền dương oai sấm chớp nổ vang, sư tử giậm chân rống; rồng phô bày uy linh, sư tử hiện thế lực bừng bừng, khắp đại địa đều chấn động, ba mạng đều chết hết. Chư Thiên ca ngợi, không ai là không tán thán lòng nhân.

Hai vị Bồ-tát sau khi mạng chung, sinh lên cõi trời thứ tư. Cả nước ấy dân chúng được toàn mạng, ôm thây của hai vị kêu khóc thê thảm.

– Đây chắc hẳn là thần chứ ai mà nhân từ như vậy.

Sau đó, môn đồ của hai vị tìm đến, thấy thầy có lòng Từ bao la, giết mình để cứu mọi người, nên đều thương xót, ca ngợi công đức. Rồi họ tiến hành tuyên dương đạo hóa của thầy, vua và thần dân bấy giờ mới biết có Phật đạo. Cả nước noi theo đều nói:

– Đức nhân hóa của Phật đã đạt đến như thế ư?

Chôn cất hai thầy, cả nước buồn thương. Vua ra lệnh:

– Ai không phụng trì sáu độ, mười điều lành của Phật mà thờ yêu quỉ thì bị tội đến cả quyến thuộc.

Từ đó về sau, nước có Sa-môn số ngàn sánh vai mà đi. Trong nước, đàn ông đàn bà đều theo hạnh cao thanh tín, đất nước yên lành thái bình.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Người anh khi đó là thân Ta, người em ấy là Di-lặc, còn rồng dữ là Điều-đạt.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

71- Kinh Di-lặc Làm Thân Nữ Nhân.

Thuở xưa có vị Bồ-tát làm trời Đế Thích, ngôi vị sang quý cao tột, nhưng chí vẫn nhớ về vô thường, khổ, không, vô ngã. Ngồi thì tư duy, đi

thì giáo hóa, thương xót người ngu, yêu mến kẻ trí, đem trí tuệ dạy bảo, tinh tấn không ngừng nghỉ. Bồ-tát quan sát thấy người bạn xưa ấy nay làm thân người nữ, làm vợ một người giàu có, mê nơi tài sắc, không hiểu về vô thường, sống nơi chợ bán quán. Trời Đế Thích hóa làm người lái buôn, giả vờ đi chợ, đến đứng trước người đàn bà. Bà ta vui vẻ, vội sai con về nhà lấy ghế ra định mời ngồi. Người lái buôn mới ngắm nhìn người đàn bà mà mỉm cười. Người đàn bà giữ tiết hạnh cao, ý lấy làm lạ về người lái buôn đứng cười không phải cách. Đứa bé đi lấy ghế ngồi trễ nên khi đem lại liền bị đánh, người lái buôn lại đứng cười. Bên cạnh có một đứa trẻ đang rung trống cơm nhảy đùa chơi, người lái buôn lại cười. Có một người cha bị bệnh, người con đem trâu đi tế quỉ, ông lái buôn cũng cười. Có một người đàn bà bồng con nâng niu đi dạo trong chợ, đứa bé cào rách mặt mẹ, máu chảy quanh cổ, người lái buôn lại cười nữa. Khi ấy, vợ người nhà giàu hỏi:

– Ông đứng trước tôi, mỉm cười không dừng. Tôi đánh đứa bé, ấy là tại ông, vì sao ông cười?

Người lái buôn nói:

– Bà là bạn tốt của ta, nay quên nhau rồi sao?

Người đàn bà buồn bã, ý không vui và lấy làm lạ về lời nói của người lái buôn. Ông ấy lại nói tiếp:

– Sở dĩ tôi cười về việc nàng đánh con, vì đứa bé ấy là cha nàng, vì thương cảm nên đầu thai làm con nàng. Chỉ cách một đời mà cha con không biết nhau, huống chi là lâu dài! Đứa trẻ rung trống cơm đó vốn là con trâu. Trâu chết phách linh của nó trở về làm con người, chủ nhà dùng da trâu để bịt trống, nay đứa trẻ đem trống cơm ra đánh, nhảy nhót, múa đùa, không biết da ấy là thân thể của mình, nên tôi cười. Còn người giết trâu đem tế, xin khỏi bệnh cho cha, cầu sống mà giết hại thì việc rất chẳng lành, khác nào uống chất độc của chim chấm để chữa bệnh. Người cha ấy vừa chết, chết thì làm trâu, nhiều đời bị đâm giết, thọ họa không thôi, nay đem trâu tế, trâu chết, hồn về, sẽ thọ thân người, thoát hết sầu khổ, do đó ta lại cười. Đứa trẻ cào cấu mặt mẹ vốn là người vợ nhỏ, người mẹ là vợ lớn. Tình nữ chuyên dâm, nên lòng mang ghen ghét, thường gây bạo ác, nên người vợ nhỏ ngậm hờn, sau khi chết hồn sinh làm con vợ lớn, nay lại báo thù, cào cấu vào mặt, gây thương tích cho thân thể mà người vợ lớn không dám than oán, ta cười là vậy.

Phàm tâm của chúng sinh vốn nó không thường, luôn thay đổi, xưa ghét nay yêu, có gì là thường mãi? Đây chỉ là một đời, thấy mặt còn không nhận ra nhau, huống chi là trải qua nhiều kiếp.

Kinh nói:

– Người vì sắc tự vùi thân thì không thấy được đạo lớn, kẻ chuyên nghe tiếng tà thì không nghe được tiếng vang của Phật, ta cười chính là thế. Sang giàu của cuộc đời như chớp, chợt lóe liền tắt ngay, phải biết vô thường, chớ theo lũ ngu dại. Nên trau dồi nết đức và diệu hạnh của sáu độ. Ta nay trở về, ngày sau sẽ đến nhà ngươi.

Nói xong bỗng nhiên biết mất. Người đàn bà bùi ngùi lui về nhà, dốc trai giới nghiêm túc, ngóng trông ngưỡng mộ. Cả nước đều nghe chuyện này, từ vua đến bá quan không ai là không khâm phục.

Người lái buôn ngày sau quả đã đến nhà người đàn bà ấy, với hình dáng xấu xa, quần áo tồi tàn, nói với người nhà:

– Bạn ta ở trong ấy, ngươi gọi ra giúp ta!

Người nhà vào báo đầy đủ về hình dáng và lời nói của người này. Người đàn bà ra nói:

– Ngươi không phải là bạn của ta.

Đế Thích mỉm cười nói:

– Đổi hình dạng, thay quần áo, nàng còn không nhận biết, huống chi đời khác bỏ thân này, thọ thân kia sao?

Lại nói tiếp:

– Nàng siêng thờ Phật, thời có Phật khó gặp, Tỳ-kheo hạnh cao khó được cúng dường, mạng người như hơi thở, không nên mê hoặc theo nẻo thế tục.

Nói rồi thì biết mất. Cả nước vui mừng khen ngợi, mọi người đều vâng giữ, hành theo hạnh cao diệu của sáu độ.

Đức Phật bảo Thu Lộ Tử:

– Người đàn bà bấy giờ là Di-lặc, còn trời Đế Thích là thân Ta.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

72- Kinh Người Nữ Cầu Nguyện.

Bồ-tát thuở xưa, thân làm nữ nhân, có chồng tánh khí ngu ác, hay ghen. Mỗi lần đi buôn bán hắn đem vợ gởi cho bà góa lối xóm. Mẹ góa này vâng giữ giới luật của Phật, tu hạnh thanh tín. Khi Đức Phật vào nước đó, vua cùng thần dân không ai là không thọ giới. Người mẹ góa nghe kinh, trở về nhà nói lại cho người đàn bà ấy nghe. Người đàn bà vui mừng nói:

– *Đây chắc là Đấng Vô Thượng Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác.*

Bèn theo bà mẹ góa đi nghe Đức Phật thuyết giảng kinh pháp. Từ xa thấy Phật liền đảnh lễ. Đến ngày chay, người mẹ góa hỏi:

– Hôm nay con đến chỗ Đức Phật nghe pháp được không?

Người đàn bà mừng nói:

– Được.

Vừa đi ra ngoài thành, người đàn bà chợt nhớ đến tánh hay ghen của chồng, nên bùi ngùi không vui, về lại nhà bà tự khinh mình, bảo: "Họa của ta nặng thế sao!". Người mẹ góa nghe về, thuật lại:

– Hôm nay, trời, rồng, quỉ thần, đế vương, thần dân đi nghe kinh, có người chứng bốn quả Sa-môn. Hoặc nhận thọ ký Bồ-tát... thời có Phật khó gặp, kinh pháp khó được nghe, sao con lại quay về?

Người đàn bà nghe nói về công đức của Phật thì rơi lệ thuật rõ tánh cả ghen của chồng. Người mẹ góa nói:

– Cứ thử đi một lần xem sao?

Người đàn bà đáp:

– Xin vâng.

Rạng ngày bà theo người mẹ góa ra đi, thấy Phật bà liền gieo năm vóc xuống đất làm lễ, rồi đứng sang một bên, tâm thanh tịnh nhìn thấy tướng Phật tốt đẹp, nghĩ đến tâm thanh tịnh của Phật, bà quả quyết đây là bậc được trời tôn kính. Đức Phật hỏi người đàn bà:

– Con đến đây có ước nguyện gì?

Người đàn bà cúi đầu thưa:

– Con nghe Đức Phật là Đấng Vô Thượng Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư, đức nhiều như cát sông Hằng, trí như hư không, sáu thông, bốn đạt, chứng Nhất Thiết Trí, nay mới có dịp đến viếng Đức Thế Tôn, xin Đức Phật thương xót tới con.

Đức Thế Tôn bảo:

– Phật vì tất cả chúng sinh mà cứu độ, con có sở nguyện gì cứ việc nói ra.

Người đàn bà cúi đầu thưa:

– Phàm người ở đời, chưa hiểu được gốc không, thì đều vì tham dục mà thành vợ chồng ăn ở với nhau. Nay con nguyện đời đời cùng với người chí đức kết đôi sống với nhau, đồng lòng, không có hành vi ghen tuông. Hai là thân, khẩu, ý nết hạnh luôn đoan chánh hơn đời. Ba là thờ kính ba ngôi báu, lòng trần ngày một tiêu trừ, tiến tu đạo pháp không biết mệt mỏi, được chư Phật giúp sức, các tà ngụy không ngăn cản, sẽ đạt được Nhất thiết

trí, cứu nạn cho chúng sinh.

Đức Phật khen:

– Hay thay, hay thay! Mong người sẽ đạt được những ước nguyện ấy.

Người đàn bà rất vui mừng, cúi đầu làm lễ, rồi trở lại nơi ở của mình. Người chồng buôn bán trở về, đi thuyền theo đường thủy, lẽ ra đến nơi đúng vào hôm ấy. Trời Đế Thích thấy người đàn bà đức hạnh cao cả phát nguyện không ai hơn, bèn giúp vui khen lành, làm nổi gió mưa, khiến thuyền kia phải chậm lại, sáng ngày mai mới về tới.

Sau khi người đàn bà mạng chung, thần hồn sinh về gia đình có đạo đức, nhan sắc tươi đẹp, đến tuổi trưởng thành, xuất giá làm vợ một nho sĩ trong nước, được cả nước khen là cao hiền. Khi người chồng vào biển tìm kiếm của báu, để cứu giúp dân nghèo, người vợ ở nhà dùng lễ tự giữ mình như bức thành bảo vệ chống giặc cướp. Hậu, phi của quốc vương, thê thiếp của đại thần không ai là không ngưỡng mộ, họ đến cửa như mây nhóm để học theo nếp đức của người đàn bà ấy. Người đó đêm ngủ tỉnh giấc, nghĩ: "Đời là vô thường, vinh hoa phú quý như huyễn, ai còn được mãi đâu! Thân là thuyền mục, thần hồn phải chở, như người được bóng trăng mà mong được vật báu của trời, nhọc lòng khổ thân nào có ích gì cho mình đâu! Mộng huyễn đều không, thì đời sang quý của trời thần cũng đều quy về đấy. Sáng mai ta sẽ đi tìm Đấng Vô Thượng Chánh Chân, Bậc Trời trong trời ấy làm Thầy cho ta!".

Sáng dậy, đã thấy ngôi tháp đá trước sân, tượng Phật vàng ánh, vách tháp chạm viết kinh ca ngợi Đức Phật là thầy của các thánh, đi một mình trong ba cõi, người đàn bà vui mừng khen:

– Đây chắc là Đấng Như Lai Ứng Nghi Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác?

Liền gieo năm vóc xuống đất, làm lễ, rồi nhiễu quanh tháp ba vòng, tung hoa, đốt hương, thắp đèn, treo lụa, sớm tối kính cẩn cúi đầu cúng lễ. Vương hậu và những phi nữ trong nước đều đến noi theo phong thái trong sạch, bỏ tà vạy, chuộng chánh chân.

Gần nhà có một tên buôn bán hung dữ, gặp người chồng nói:

– Vợ ông theo yêu mị, dối lập miếu quỉ, sớm chiều xông hương, bùa chú yêu ma cầu cho ông chết, thật là chuyện chẳng lành!

Chồng về, vợ thưa:

– Một đêm trước đây, thiếp hiểu ra được đời vô thường, sáng dậy thấy trong sân có bức tượng tuyệt đẹp của Đấng Tôn Linh Vô Thượng

Chánh Chân, nên thiếp nay cúng thờ đốt hương, thắp đèn, treo lụa, dâng hoa, sớm chiều lễ bái, cúi đầu tự quy y, vậy chàng hãy thờ kính đi, ắt hợp với pháp Thánh.

Người chồng rất vui mừng, một lòng cung kính. Người trong nước lớn nhỏ thảy đều vâng theo, như thế đến tám vạn bốn ngàn năm.

Đức Phật bảo Tôn giả Thu Lộ Tử:

– Người đàn bà lúc bấy giờ là thân Ta, người chồng khi ấy là Di-lặc, người mẹ góa là Thu Lộ Tử, còn người đàn ông hung ác gần nhà ấy là Điều-đạt.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

73- Kinh Người Thắp Đèn Được Thọ Ký.

Bồ-tát thuở xưa, thân làm người nữ, trẻ đã góa bụa, thủ tiết, quy y ba ngôi báu, sống đời nghèo, vui đạo pháp, tinh tấn không mệt mỏi, từ bỏ những thứ lợi dữ, lấy việc bán dầu làm nghề nghiệp.

Bấy giờ, có một vị Sa-môn tuổi đã xế bóng, lòng giữ hạnh cao, không thông văn học, hạng người hay khen chê cho là không trí, nghiêng về kính lễ, thiếu trước hụt sau, đi xin dầu mè, để cúng dường trước Phật. Người mẹ góa biết rõ như thế, nên hàng ngày đem dầu dâng lên đầy đủ. Có một vị Tỳ-kheo, cúi đầu lễ nơi chân Đức Phật, chắp tay thưa:

– Vị Tỳ-kheo già đó tuy ít trí tuệ nhưng giới đủ hạnh cao, thắp đèn cúng dường, về sau được phước như thế nào?

Đức Thế Tôn khen:

– Lành thay lời hỏi ấy! Vị Tỳ-kheo già đó, trải qua vô số kiếp sẽ thành Đấng Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác, cổ có hai vòng hào quang, sẽ dắt dẫn ba cõi, chúng sinh được độ không kể xiết.

Người mẹ góa nghe được lời ấy, vội vàng đến chỗ Đức Phật, cúi lạy, trình bày:

– Vị Tỳ-kheo ấy thắp đèn, dầu do con cúng, vị ấy chứng Vô Thượng Chánh Chân Đạo, sẽ dắt dẫn chúng sinh, hồn về với gốc không, Trời, Người, Quỉ, Rồng không ai là không vui mừng. Kính mong Đức Phật thương xót thêm mà thọ ký cho con.

Đức Phật bảo người đàn bà ấy:

– Thân nữ không được làm Phật, Duyên giác, Phạm thiên vương, Đế Thích, Thiên ma, Phi hành hoàng đế... Những ngôi vị ấy tôn quý vòi vọi, thân nữ không làm được. Phàm muốn đạt được những ngôi vị trên, thì phải

bỏ tấm thân ô uế, thọ thân thanh tịnh.

Người đàn bà cúi đầu bạch:

– Hôm nay con sẽ bỏ nó!

Rồi bà trở về chỗ ở, tắm gội sạch sẽ, từ xa hướng về Đức Phật bái lạy thưa: "Phàm thân có là do bốn đại, ta không thể giữ lâu mãi." Rồi bà lên lầu phát nguyện:

– Nay đem tấm thân ô uế này cho những chúng sinh bị đói khát, xin được làm thân nam để nhận thọ ký làm Phật. Như có đời dơ đục, chúng sinh mờ tối, bỏ chánh theo tà, không biết đến Phật, con nguyện sẽ ở trọn đời đó mà cứu vớt họ.

Rồi từ lầu cao nhảy xuống, người xem lạnh run. Đức Phật đã biết ý chí thành, nên hóa khiến đất mềm như tơ trời. Cả thân không bị hại, còn hóa làm thân nam, nên vui mừng khôn xiết, vội đến chỗ Đức Phật hớn hở bạch:

– Chịu ân Đức Thế Tôn, con đã được thân trong sạch, kính mong Đức Thế Tôn thương xót thọ ký cho con.

Đức Phật khen ngợi:

– Con thật dũng mãnh, đời thật ít người có, nhất định sẽ được thành Phật, không còn hồ nghi nữa. Khi vị Tỳ-kheo thắp đèn kia được thành Phật, sẽ trao danh hiệu Phật cho con.

Trời, Người, Quỉ, Rồng nghe người ấy sẽ thành Phật đều hướng về bái lạy, chúc mừng. Trở về nơi ở, họ vẫn còn khen ngợi, ai nấy đều thêm tinh tấn.

Bấy giờ, chính người ấy khuyến dạy dẫn dắt quần sinh, số không kể hết. Đức Phật bảo Thu Lộ Tử:

– Vị Tỳ-kheo già thời ấy là Đức Phật Định Quang, người mẹ góa là thân Ta.

Bồ-tát luyện chí độ vô cực, đã luôn tinh tấn như vậy.

□

KINH LỤC ĐỘ TẬP

QUYỂN 7

Chương V: THIỀN ĐỘ VÔ CỰC

Thiền độ vô cực là gì?

Đó là lòng ngay thẳng, ý chuyên nhất, gồm thâu các lành, mang lấy trong lòng, dùng thiện để tiêu trừ các ý xấu nhơ. Thiền có bốn bậc. Hành Thiền thứ nhất bỏ chỗ tham ái, năm việc yêu tà. Mắt thấy sắc đẹp, lòng dại vì dâm, bỏ tai nghe tiếng..., mũi ngửi hương..., miệng nếm vị..., thân ưa tốt... Người có chí hành đạo ắt phải xa lìa chúng.

Lại có năm thứ che phủ: che do tham của cải, che do sân hận, che do mê ngủ, che do dâm dục, che do nghi ngờ. Có đạo hay không đạo, có Phật hay không Phật, có kinh hay không kinh, tâm ý luôn nhớ nghĩ thì thanh tịnh không nhơ bẩn. Tâm sáng suốt thì thấy được nẻo chân, chứng đạt thì không gì là không biết. Trời, Rồng, Quỉ yêu không thể mê hoặc được, như người có mười nỗi oán mà đã lìa bỏ, thoát thân được, một mình ở trong núi, không ai biết, không còn lo sợ. Người xa tình dục, trong sạch, tâm lặng, đó gọi là Thiền thứ nhất.

Tâm đã đạt được Thiền thứ nhất rồi thì tiến hướng đến Thiền thứ hai. Bậc Thiền thứ hai như người tránh oán thù, tuy ở trong núi sâu mà vẫn còn sợ oán thù tìm đến, càng tự giấu sâu thêm. Hành giả tuy xa mười oán thù dục tình, vẫn còn sợ giặc dục đến hủy hoại chí đạo. Khi chứng được Thiền thứ hai thì dục tình hơi xa không thể làm ô uế mình được. Ở bậc Thiền thứ nhất, thiện ác tranh nhau, dùng thiện trừ ác, ác lùi thiện tiến. Ở bậc Thiền thứ hai, lòng vui dừng lặng, không còn dùng thiện để tiêu diệt ác nữa. Hỷ, thiện hai ý đều tiêu diệt, mười ác bặt tăm, nhân duyên bên ngoài không len vào được trong lòng. Ví như đỉnh cao có suối, suối không có nguồn nước chảy vào, cũng chẳng phải nước do rồng mưa xuống, mà suối tự có nước trong sạch tràn đầy, thiện từ tâm ra, ác cũng không còn do mắt, tai, mũi, miệng vào nữa. Chế ngự được tâm như vậy thì lòng hướng về Thiền thứ ba.

Ở bậc Thiền thứ ba, giữ ý vững vàng chắc chắn, thiện ác không vào

được, lòng an như núi Tu-di, ác thiện không ra với việc bên ngoài, thiện ác vắng tiêu, không len vào trong lòng, giống như hoa sen, gốc cành ở trong nước, hoa búp chưa nở bị nước phủ che. Hành Thiền thứ ba thanh tịnh như hoa sen, bỏ lìa các ác, tâm ý đều an. Chế ngự được lòng như thế liền hướng về Thiền thứ tư.

Ở bậc này, thiện ác đều bỏ hết, lòng không nghĩ thiện, cũng chẳng nhớ ác, trong lòng sáng sạch như ngọc lưu ly. Lại như vương nữ, tự tắm gội sạch sẽ, thân thoa hương thơm, áo mới mặc trong ngoài rực rỡ, thơm sạch hiển bày. Bồ-tát lòng ngay chứng Thiền thứ tư. Lũ tà chúng bẩn, không thể che lòng, giống như lụa sạch nhuộm màu gì chẳng được. Lại như thợ gốm, nhồi đất nặn đồ, đất không cát sỏi thì nắn đồ gì cũng được. Lại như thợ bạc, nấu chín vàng ròng, trăm lạ, ngàn khéo theo lòng mình muốn. Bồ-tát tâm tịnh, chứng được bốn Thiền ấy rồi tùy ý tự do, nhẹ nhàng bay nhảy, bước trên nước mà đi, phân tán thân thể, biến hóa muôn điều, ra vào không gián đoạn, mất còn tự do, sờ mó mặt trời mặt trăng, lay động trời đất, thấy nghe thông suốt, không gì là không lãnh hội thấu đáo. Tâm thanh tịnh xem xét sáng suốt, chứng được Nhất thiết trí. Được trí này rồi, thì từ khi chưa có trời đất chúng sinh đổi thay mười phương hiện tại, các tâm đã nghĩ nhớ, việc chưa nẩy sinh, hồn linh của chúng sinh làm trời, làm người, đọa vào địa ngục Thái sơn, sinh trong loài ngạ quỉ, súc sinh, phước hết thì thọ tội, tai ương hết thì thọ phước, không chỗ xa nào mà không đi tới. Phàm được bốn Thiền rồi mà muốn được trí sáng suốt của các bậc Câu cảng, Tần lai, Bất hoàn, Ứng nghi và trí sáng giác ngộ của các Bậc Như Lai Chí Chân Bình Đẳng Chánh Giác Vô Thượng thì cầu là được ngay, giống như muôn vật đều từ nơi đất mà sinh ra. Từ bậc đạt trí năm thông cho đến Bậc Thế Tôn đều từ bốn Thiền mà thành, cũng như chúng sinh không thể đứng vững nếu không có đất.

Đức Thế Tôn lại dạy:

– Quần sinh ở đời, dù cho có được trí của các bậc Thiên đế, Tiên thánh tuệ thông, mà không gặp kinh này thì cũng không đạt được cái định dứt lìa bốn thứ, khác nào người ngu tối. Đã có trí tuệ, mà lại nhất tâm, là gần với việc độ đời.

Đấy là Thiền độ vô cực của Bồ-tát, nhất tâm như vậy.

75- Thuở xưa có vị Tỳ-kheo ăn xong rửa tay, súc miệng, đi vào núi sâu, nơi gò mả, bên gốc cây mà ngồi, chắp tay, cúi thấp đầu, nhất tâm diệt tạp niệm, trong tâm ý quyết tiêu trừ năm thứ phủ che. Năm thứ ấy diệt rồi

thì tâm kia bừng sáng, tối tăm lui mất, sáng suốt hoàn toàn ngự trị. Bèn nhìn lại thương xót trời người, các loại bò bay máy cựa, thương chúng ngu si mê hoặc mãi ôm nặng năm thứ phủ che, ngăn dứt cái tâm lành sáng suốt. Trừ bỏ năm thứ che phủ thì các thiện liền mạnh, giống như người nghèo vay nợ để làm ăn, được lợi trả nợ, của cải còn dư dùng sửa nhà ở, hàng ngày có lợi thu vào, lòng người ấy vui mừng.

Lại như hàng nô tỳ được thoát làm người dân lương thiện, kẻ khỏi được bệnh khốn cùng, họ hàng ngày một đông đảo, như kẻ bị tội nặng giam cầm trong ngục, gặp dịp ân xá được thoát khỏi.

Lại như người đi tìm châu báu qua biển, trải nhiều hiểm nguy được về đến nhà, gặp lại người thân, vui sướng không lường.

Lòng mang năm thứ che phủ như bị năm cái khổ ấy. Tỳ-kheo thấy rõ sự thật, lìa bỏ năm thứ che phủ, giống như những người phàm kia thoát khỏi năm nạn trên. Năm thứ che phủ lùi thì trí sáng tiến, các ác thảy đều bị tiêu diệt, chí đạo cường thịnh, liền chứng được Thiền thứ nhất, từ Thiền thứ nhất đến Thiền thứ hai, thường có ba hạnh:

Một là Cần lực.

Hai là Sổ niệm.

Ba là Tư duy.

Từ ba việc này thành được Thiền thứ tư. Đi từ Thiền thứ nhất đến Thiền thứ hai, từ Thiền thứ hai đến Thiền thứ ba, từ Thiền thứ ba đến Thiền thứ tư. Thiền thứ tư hơn Thiền thứ ba, Thiền thứ ba hơn Thiền thứ hai, Thiền thứ hai hơn Thiền thứ nhất. Ở bậc Thiền thứ nhất thì mười ác lui, năm thiện tiến lên.

Mười ác gồm những gì?

Mắt ưa sắc đẹp, tai ưa tiếng hay, mũi ưa hương thơm, miệng ưa vị ngon, thân ưa chạm tốt, cộng thêm với năm thứ che phủ ở trên, gọi là mười ác.

Năm thiện gồm những gì?

Một là kế, hai là niệm, ba là ái, bốn là lạc, năm là nhất tâm. Đây là năm thiện ở bên trong.

Ở bậc Thiền thứ hai thì không còn kế, niệm nữa. Chế ngự tâm quán sát bên trong, hạnh thiện ở bên trong, không còn do tai, mắt, mũi, miệng ra vào nữa nên hai hạnh thiện, ác không còn can thiệp vào nhau, tâm trụ ở trong chỉ có hoan hỷ. Hạnh Thiền thứ ba trừ bỏ hoan hỷ, tâm hướng về thanh tịnh, trong lặng tịch tĩnh. Đức Thế Tôn, chư Phật, A-la-hán dạy:

– Những ai có thể diệt dục, làm sạch cõi lòng thì thân trọn đời luôn an ổn.

Bậc Thiền thứ tư thì tâm hỷ bỏ đi, chứng được định, tịch tĩnh. Thiền thứ nhất, tai bị tiếng làm loạn. Thiền thứ hai, tâm bị niệm làm loạn. Thiền thứ ba, tâm bị hoan hỷ làm loạn. Thiền thứ tư tâm bị hơi thở làm loạn. Thiền thứ nhất tai ngừng tiếng loạn thì tiến đến Thiền thứ hai. Thiền thứ hai niệm diệt hết thì tiến đến Thiền thứ ba. Thiền thứ ba hoan hỷ diệt thì tiến đến Thiền thứ tư. Thiền thứ tư hơi thở diệt thì chứng được pháp Định không.

Thiền độ vô cực của Bồ-tát luôn nhất tâm như vậy.

76- Chí đạo của Bồ-tát, thường dùng mấy sự việc có thể khiến cho trong tâm thanh tịnh chuyên nhất, chứng đắc thiền. Khi thấy người già đầu bạc, răng rụng, hình thể đổi khác, thấy thế thì lòng hiểu rằng: "Ta sau này ắt như vậy". Một lòng hiểu vậy thì đạt được thiền.

Hoặc thấy người bệnh, thân tâm khốn đốn, đau đớn như bị đánh gậy, bùi ngùi hiểu ra: "Ta sau này cũng như thế". Một lòng hiểu như vậy thì đạt được thiền.

Hoặc thấy chúng sinh thọ mạng hết rồi, hơi thở dứt, khí ấm tan đi, thần hồn rời khởi, thân xác lạnh tanh, họ hàng bỏ rơi, đem đặt ngoài đồng xa, trong khoảng mười ngày thì thân thể sình lên thối rữa, hoặc bị chồn, chó, các loài chim đến ăn thịt, thịt da sinh dòi, dòi quay lại ăn thịt của thân, mủ, máu nước dơ chảy nhầy nhụa trên đất, xương cốt rời rã mỗi đoạn một nơi, chân, bàn chân, đùi vế, xương mông, xương ống, xương sườn, xương tay, đầu, răng, sọ mỗi thứ đều tự chia lìa. Người học đạo nghĩ: "Phàm đã sống là có chết, người vật như huyễn, hợp tức có tan, thần hồn đi, thân thể rã. Ta há được riêng khác, không như thế sao?" Thấy vậy thì buồn thương, một lòng hiểu như thế thì được thiền.

Hoặc thấy thây chết lâu thân thể xương cốt tiêu diệt, tan cùng với cát bụi bùn đất, tự nghĩ sâu rằng: "Thân thể ta rồi cũng như vậy". Một lòng hiểu như thế thì đạt được thiền.

Hoặc do nghe về khổ độc dữ, nước sôi, lửa bỏng của ngục Thái sơn, đau đớn khốc liệt, những nỗi nhọc nhằn, đói khát của loài ngạ quỉ, những sự khổ sở vì bị mổ, giết, cắt, chặt của loài súc sinh, lòng thấy những điều đó, ngạc nhiên. Một lòng hiểu vậy thì được thiền.

Hoặc thấy kẻ nghèo cùng, đói rét, mà chết. Hoặc thấy kẻ có hành vi phi pháp bị phép vua trừng phạt. Người học đạo nghĩ: "Người này bị nạn là do không có chí đạo. Ta không tinh tấn ắt lại như họ vậy thôi". Một lòng

hiểu vậy thì đắc thiền. Nghĩ sâu, quan sát chính bên trong bản thân, dưới thì bị đại, tiểu tiện bức bách, trên thì bị nóng lạnh lấn hiếp. Nhân đó biết rõ về thân là đáng ghét. Một lòng hiểu vậy thì được thiền.

Hoặc gặp năm mất mùa, ngũ cốc vơi cạn, dân chúng nghèo cùng làm loạn, đánh giết lẫn nhau, thây chết ngổn ngang. Thấy đó nên buồn thương nghĩ: "Ta không hành đạo ắt cũng như vậy". Một lòng hiểu thế thì được thiền. Thấy có thịnh có suy, của cải khó mà bảo tồn, trẻ trung tráng kiện thì có già lão bệnh hoạn thọ, mạng như ánh chớp. Kinh ngạc nhớ nghĩ thế thì ngạc nhiên, một lòng hiểu vậy thì được thiền. Nghĩ về Đức Phật tướng tốt lồng lộng, đều do tu hành thanh tịnh mà thành Bậc Thế Tôn, nghĩ vậy lòng vui, một lòng hiểu thế thì được thiền.

Hoặc luôn nhớ diệu nghĩa sâu xa của kinh điển, những hạnh cao của hàng Sa-môn, một lòng hiểu vậy thì được thiền. Thân chỉ làm thiện, trước sau tích lũy công đức, một lòng nghĩ vậy thì được thiền. Chỉ kẻ ngu mới mong trái với pháp sáng của Đức Phật, đã nhọc nhằn mà thêm tội. Chư Thiên ở đời, giữ giới trì trai, tự đạt đến cõi trời, sống lâu, vinh hiển không lường. Một lòng hiểu như vậy thì được thiền.

Nhận kinh thâm diệu của Đức Phật, rồi tư duy kỹ lưỡng về nghĩa sâu đó, vì chúng sinh dạy bảo dắt dẫn, trong lòng hoan hỷ. Một lòng nghĩ vậy thì đạt được thiền. Luôn nhớ nghĩ về chúng sinh có thành liền có hoại, mọi sự hoại diệt đều thống khổ, nghĩ thế buồn thương. Một lòng nghĩ vậy thì đạt được thiền.

Tánh khí của chúng sinh, không thể tự giữ lấy, xưa nay luôn biến đổi, người học đạo tự sợ hãi, mạng hết chết đến, hoặc đọa vào đường ác, thấy rõ nẻo vinh hoa của cuộc đời thật dối như mộng, tâm lại tỉnh ngộ. Một lòng nghĩ vậy thì đạt được thiền.

Các món ăn vào miệng, cùng với nước giải hòa quyện, ngoài ngon trong thối, hóa thành phân, nước tiểu. Nhớ nghĩ lại đáng chán, một lòng nghĩ vậy thì được thiền.

Đứa trẻ ở trong bụng mẹ, mới đầu đọng lại như cháo, rồi dần dần lớn lên, đủ tháng đủ ngày, thân thể đều hình thành, đến nạn sinh ra, nhiều nguy ít an, sau khi đã sinh, các thứ bệnh hoạn cùng tăng, hoặc sống được một, hoặc mười, hoặc năm mươi, thậm chí cả trăm năm đi nữa cũng đều phải già chết, không ai khỏi cái nạn ấy. Nghĩ mình cũng thế. Một lòng nghĩ vậy thì được thiền.

Có còn tức có hoại, theo tìm không chốn, ba cõi đều không, lòng chẳng tham luyến, nghĩ thương chúng sinh không thấy kinh Phật, bị tà dục

che khuất, không biết vô thường, nên thệ nguyện cứu vớt. Một lòng nghĩ vậy thì được thiền.

Hoặc chí quyết hoàn thành hạnh cao, luôn giữ bốn thứ tâm, thương xót nuôi dưỡng chúng sinh, giống như mẹ hiền thương giữ con trẻ. Con theo bạn bè nô đùa, mẹ đem lòng Từ bi đi tìm, thấy con bị bùn bụi làm dơ bẩn, đói khát kêu khóc. Thấy con như thế, thương đến rơi nước mắt, bồng con trở về, tắm rửa thay quần áo, cho ăn uống, con được khỏe khoắn, vui tươi, lòng từ mẫu hoan hỷ. Mẹ thương yêu giữ gìn con quanh quẩn bên mình, không bỏ bê như trước nữa. Người học đạo từ bi, yêu thương giúp đỡ chúng sinh còn hơn mẹ hiền kia, chỉ dạy mọi người trong thiên hạ, cùng các loài bò, bay, máy, cựa... thờ Phật, xem kinh, thân chuộng chúng Sa-môn, giữ lấy giới Phật, nhớ nghĩ mà thực hành theo, xa lìa ba ác, lòng nghĩ điều thiện, miệng nói điều thiện, thân làm việc thiện, ngăn chặn ba việc ác trên, luôn hưng khởi ba việc thiện, thì mãi mãi khiến không phải chịu nỗi cùng khổ, hiểm nguy nơi địa ngục Thái sơn, ngạ quỉ, súc sinh nữa, yên ổn nơi nhà phước đức vô bờ. Người học đạo lại còn tìm theo để dạy dỗ, sợ ở nơi nhiều phước rồi trở nên kiêu ngạo, phóng đãng, buông thả theo lòng ác mà trở lại nơi ba nẻo dữ, cũng là cái họa của sự giàu sang. Bèn đem cảnh vô thường, khổ, không, biến đổi để khuyên răn. Khuyên giữ vô vi, như lòng người mẹ hiền gìn giữ con. Tư duy về mười sáu việc, một lòng nghĩ vậy thì đạt được thiền. Mười sáu việc ấy gồm những gì?

– Hơi thở dài, ngắn liền tự biết, hơi thở động thân liền tự biết. Hơi thở nhỏ liền tự biết. Hơi thở nhanh chậm liền tự biết. Hơi thở dừng, đi liền tự biết. Hơi thở vui, buồn liền tự biết. Tự nghĩ về vạn vật vô thường, hơi thở tự biết, vạn vật quá khứ không thể đuổi theo, hơi thở tự biết. Lòng không điều suy, bỏ đi chỗ nghỉ hơi thở tự biết. Buông bỏ thân mạng hay không bỏ thân mạng, hơi thở tự biết. Người học đạo nghĩ ngợi sâu xa. Có đó tức được đó. Không có tức không được đó. Phàm có sống ắt có cái nạn già chết, hồn linh không mất, liền phải thọ thân. Không sinh thì không già, không già thì không chết. Một lòng nghĩ vậy thì được thiền.

Người học đạo dùng mắt quan sát về sự sống chết ở đời, chỉ dốc quán về mười hai nhân duyên, một lòng nghĩ vậy thì được thiền.

Người học đạo dùng năm việc để tự quán về hình thể. Một là tự quán về mặt mày nhiều lần biến đổi. Hai là khổ vui nhiều lần thay đổi. Ba là tâm ý nhiều lần biến đổi. Bốn là thân thể nhiều lần đổi khác. Năm là thiện ác nhiều lần cải đổi. Đó là năm việc, có nhiều biến đổi giống như dòng nước chảy trước sau dồn dập. Nghĩ những việc này mà dốc một lòng thì được

thiền.

Người học đạo nhớ thiền phải thế nào?

Mắt thấy người chết, từ đầu đến chân, nghĩ kỹ nhìn rõ giữ niệm trong tâm; đi, đứng, nằm ngồi, ăn uống... mọi việc luôn giữ niệm ấy nơi tâm để củng cố ý chí thì được thiền, suy nghĩ tự tại. Ví như người nấu cơm đến mấy hộc gạo, muốn biết chín chưa, chỉ cần lấy một hột gạo đang nấu mà xem, hột gạo ấy đã chín thì biết là phần còn lại đều chín. Chí đạo cũng như thế.

Tâm đi về giống như dòng nước chảy. Người học đạo nghĩ thẳng một việc, tâm dừng, ý sạch thì có thể chứng được đạo chân A-la-hán giải thoát. Ở bậc Thiền thứ nhất, muốn chứng A-la-hán có thể được chăng?

Đáp:

– Trong ấy có người chứng được, có người không chứng được.

–Làm gì thì có thể được, làm gì thì không được?

Trong Thiền thứ nhất mà có "niệm", có "ái" thì đạo không thành. Trời đất vô thường, hư không khó giữ, cấu bẩn nơi tâm sạch hết, không còn ý niệm tham ái, tâm thanh tịnh như thế thì chứng được A-la-hán. Từ Thiền thứ hai, thứ ba đến Thiền thứ tư giữ tâm như ở Thiền thứ nhất, luôn nhớ đến Thiền thứ nhất, dù chưa đắc A-la-hán thì sau khi mạng chung, cũng có thể hướng đến, liền sinh lên cõi trời thứ bảy, thọ mạng một kiếp. Ở Thiền thứ hai, mạng chung sinh lên cõi trời thứ mười một, thọ mạng hai kiếp. Ở Thiền thứ ba, mạng chung sinh lên cõi trời thứ mười lăm, thọ mạng tám kiếp. Ở Thiền thứ tư, mạng chung sinh lên cõi trời thứ mười chín, thọ mạng mười sáu kiếp. Người học đạo tự quan sát về mọi nẻo trong thân thể đều không sạch, tóc da, đầu lâu, thớ thịt, nước mắt, nước dãi, gân mạch, thịt tủy rồi cả sáu phủ, năm tạng..., các thứ dơ bẩn ấy chung hợp lại mới làm thân người. Giống như dùng bao đựng đầy năm thứ lúa thóc hoa màu. Có túi chứa nước mắt, xem xét riêng ra từng thứ từng thứ đều khác. Nhận rõ về người như thế, nội quán về thân mình số lượng giống loại của bốn đại mỗi thứ đều có tên, đều là không có chủ thể. Dùng quán vô dục mới thấy người vốn không. Quán như thế mà dốc một lòng thì được thiền.

Người học đạo quan sát sâu xa, nhận rõ về trong thân bốn đại: đất, nước, gió, lửa. Tóc, lông, xương, răng, da, thịt, năm tạng... Đó là thuộc đất. Nước mắt, mũi dãi, máu mủ, mồ hôi, mở, tủy não, tiểu tiện... đó là thuộc nước. Nóng ấm trong thân, chủ làm tiêu việc ăn uống, ấy là thuộc lửa. Hơi thở ra vào ấy là thuộc gió. Ví như người đồ tể giết súc vật, mổ ra riêng biệt làm bốn phần, biết tường tận đầy đủ.

Người học đạo quan sát trong thân, phân biệt bốn đại rành mạch: "Đây là đất, kia là nước...". Lửa, gió cũng vậy, đều là không chủ thể. Luôn tâm niệm về điều đó cho đến khi lòng hoàn toàn trong lặng. Một lòng như vậy thì được thiền.

Người học đạo biết được hơi thở dài ngắn, chậm mau, lớn nhỏ. Thảy đều phân biệt biết rõ. Giống như người nạo đồ vật thì sâu cạn tự biết, nhớ nghĩ về hơi thở cũng như thế. Một lòng nghĩ vậy thì đạt được thiền.

Thiền độ vô cực của Bồ-tát luôn nhất tâm như vậy.

77- Thái tử ra ngoài dạo chơi, nhà vua ra lệnh cho trong nước dẹp hết các thứ ô uế có trên đường thái tử đi qua. Thái tử ra khỏi thành, vua cõi trời thứ hai hóa làm một người già, đứng ở trước xe, đầu bạc, lưng còng, chống gậy lần bước đi.

Thái tử hỏi: Đây là người gì?

Người đánh xe thưa: Đó là người già.

Hỏi: Sao gọi là già?

Thưa:

– Bốn đại trong các căn đã rệu rã, mạng sống còn lại không bao nhiêu!

Thái tử hỏi: Ta sau này cũng sẽ già ư?

Thưa: Từ xưa ai cũng phải già, không Thánh nào tránh khỏi.

Thái tử nói:

– Ta được gọi là bậc sang quý, so với kẻ phàm có khác, mà đều không tránh, như thế thì giàu sang có ích gì cho mình đâu?

Trở về cung, lòng nghĩ mãi về đều ấy. Một lòng nghĩ vậy thì được thiền.

Nhà vua hỏi người theo hầu:

– Thái tử đi dạo chơi, xem đất nước có vui không?

Thưa:

– Trên đường đi thái tử thấy người già, cảm nhận đời vô thường nên lòng không vui.

Nhà vua sợ thái tử bỏ nước đi tu, nên tăng thêm mọi sự hoan lạc, dùng vinh hoa để mê hoặc, đem âm nhạc để làm loạn chí, nhằm phá lòng tìm đạo, khiến ở lại giữ ngôi báu. Sau đó thái tử lại đi dạo, vua ra lệnh:

– Không được để bất cứ người già yếu nào ở ven đường.

Vị Đế Thích trước đây lại hóa làm người bệnh với thân thể mệt mỏi,

hơi sức yếu ớt, da bọc xương, nước bẩn bôi trét lên thân, đứng tựa bên cửa.

Thái tử hỏi: Đây lại là người gì?

Người hầu thưa: Đó là người bệnh.

Hỏi: Sao gọi là bệnh?

Thưa:

– Ăn uống không điều độ, thức ngủ không giờ giấc, nên bị bệnh. Bệnh thì có thể hết, cũng có thể chết.

Thái tử nói:

– Ta cũng ăn uống không điều độ, nằm dậy cũng không giờ giấc, nên lại cũng bị bệnh ư?

Thưa:

– Có thân tức là có bệnh, không ai khỏi được cái nạn ấy.

Thái tử nói:

– Ta không tránh khỏi được nạn này, về sau ắt cũng bị như thế.

Trở về cung, trong lòng mãi nhớ nghĩ về điều ấy mà một lòng vào thiền.

Sau lại ra đi dạo nữa. Trời Đế Thích lại hóa làm người chết, người khiêng xác, kẻ vác cờ, thương khóc đầy cả lối đi.

Thái tử hỏi: Đây lại là người gì?

Thưa: Đó là người chết.

Hỏi: Sao gọi là người chết?

Đáp:

– Khi mạng chung, thần hồn lìa khỏi xác, hình hài bị tiêu tan, cùng người thân xa lìa mãi, đau đớn khôn xiết.

Thái tử nói: Ta rồi cũng vậy sao?

Thưa:

– Ngay cả bậc Thượng thánh, đức độ thuần thục cũng không khỏi nạn ấy.

Thái tử cho quay xe trở về cung, rồi dốc lòng nhập thiền. Sau đó, lại ra dạo, đi đến nhà trực của ruộng vua, ngồi bên gốc cây, thấy người cày ruộng lật đất bày trùng ra, con thì bị thương, con thì chết, chim chóc đuổi theo mổ ăn, trong lòng buồn bã, than dài:

– Ôi, chúng sinh thật rối rắm, thống khổ thế này mà chịu được.

Nghĩ rồi buồn thương một lòng nhập thiền. Khi mặt trời lên cao nắng chiếu vào thân thái tử, cây liền rũ thấp cành xuống che, không cho mặt trời

thiêu đốt. Vua cha tìm đến chỗ thái tử, từ xa trông thấy uy linh của bậc Thánh đức vô thượng, lòng buồn vui lẫn lộn, bất giác gieo mình cúi đầu làm lễ. Thái tử cũng cúi đầu sát đất. Cha con thăm hỏi nhau xong, Vua trở về cung, thái tử dốc lòng nhập thiền.

Thiền độ vô cực của Bồ-tát luôn nhất tâm như vậy.

78- Lúc thái tử mới sinh, vua bảo thầy xem tướng. Thầy tướng tâu:

–Ở lại trị nước ắt sẽ làm Phi hành hoàng đế, nếu bỏ nước đi làm Sa-môn thì sẽ làm bậc thầy của trời người.

Vua cho xây dựng cung điện ba mùa, xuân, hạ, đông, mỗi mùa có một cung điện khác nhau. Mỗi cung điện có năm trăm kỹ nữ, không mập, không gầy, cao thấp hài hòa, nhan sắc tươi sáng đều như đào mận. Mỗi cô đều rành một ít môn nhạc, dáng vẻ dịu hiền, để làm vui thái tử. Trước điện, vua cho trồng từng hàng cây ăn quả ngon ngọt, hương hoa thơm phức, xây ao trong sạch, trong có đủ các thứ hoa, các loài chim khác lạ tiếng hót hòa nhau, cửa cung đóng mở tiếng nghe xa đến bốn chục dặm, trung thần vệ sĩ tuần tra không chút lơ là. Các chim báo động như Giao thanh, Uyên ương, có điều gì khác thường là kêu liên tục. Năm mười bảy tuổi, thái tử không kinh điển gì mà không thông thạo, thầy phải quay lại bái phục thọ giáo. Nhà vua cưới vợ cho thái tử, vợ tên Cừu-di, dung nhan như hoa sánh với Thiên nữ. Sức mạnh của thái tử có thể quật ngã một lúc sáu chục con voi lớn. Năm lên mười chín tuổi, thái tử tập hợp hết kỹ nữ của ba cung điện, gồm một ngàn năm trăm người về ở một điện, buộc họ tấu các món kỹ nhạc, khiến họ mệt mỏi ngủ say để tiện bề ra đi. Trời khiến mọi người chơi nhạc đều ngủ say không biết gì. Thái tử lặng nghĩ, nhìn các kỹ nữ giống như người gỗ, xương cốt đều rỗng trông như đốt tre, tay chân rũ xuống đất, nước mắt, nước mũi chảy ra, miệng trào nước dải hoen bẩn cả má, đầu rối, gối trống. Người tấu nhạc đều mang vòng khuyên ngọc quý lủng lẳng, khi đi đong đưa màu sắc lấp lánh. Hạt châu, chuỗi ngọc, vòng côn đẹp, khéo lụa là thêu hoa văn năm màu trên quần áo vua ban. Các nhạc khí như đàn cầm, đàn sắt, đàn tranh, sáo, kèn, ống tiêu tất cả đều để ngổn ngang trên mặt đất. Các chim báo động và đám người bảo vệ đều ngủ cả không biết gì. Thái tử dùng đôi mắt sáng suốt quan sát khắp mọi thân, lại nhìn vợ mình, từ đầu tóc, sọ, xương, răng, móng tay da thịt, máu, mủ, tủy não, gân mạch tim mật, lá lách, thận, gan, phổi, ruột, bao tử, nước mắt, phân, nước tiểu, nước dãi… Bên trong xem như xương khô, bên ngoài trông như bị thịt, tất cả không chút đáng quý, nơi nơi toàn là đồ bất tịnh hôi thối. Thấy đó nhớ

lại cũng đủ thấy người buồn nôn, như ngoài mặt trang điểm áo quần lụa là hoa văn sặc sỡ, xông thoa hương thơm mà bên trong thì chứa đầy phân, nước tiểu, mủ máu... Người ngu tin cái bày bên ngoài, còn người sáng suốt thì thấy rõ bên trong nên họ lìa xa muôn dặm, hãy còn nhắm mắt lại.

Thái tử thấy chúng như là huyễn mộng, khó giữ lâu dài được, ở đời tạm mượn, ắt sẽ trả về cho chủ, người nằm ngổn ngang giống như thây chết, không có gì vui. Dốc một lòng được thiền, từ thiền tỉnh ra, ngước nhìn sao trời, biết đã nửa đêm, chư Thiên hiện ra đầy bên cạnh, đang chắp tay làm lễ, tung hoa hương, tấu kỹ nhạc, cất lời nguyện vô lượng. Thái tử thấy chư Thiên cúi đầu làm lễ liền nói kinh rằng:

– Dâm dật rất ác, khiến người say cuồng. Chê chánh, khen tà, lấy tối làm sáng. Thế nên chư Phật, Bích-chi, La-hán, chẳng khen là hay, phải mau xa tránh.

Suy đi nghĩ lại, bèn gọi Xa-nặc bảo:

– Hãy mau thắng ngựa Kiền-trắc.

Rồi lại tự nghĩ: "Cửa thành đóng mở, nghe xa đến bốn chục dặm, biết làm sao đây?". Chư Thiên đều nói:

– Kính thưa Thế Tôn, chúng tôi ngăn cửa, khiến nó không động, để người trong cung không biết!

Chân ngựa tuyệt nhiên không nghe một tiếng nhỏ. Thái tử lên ngựa, trăm ức Đế Thích, bốn trăm ức Tứ đại Thiên vương, Trời, Rồng, Quỉ, Thần bay theo dẫn đường. Đường đi bằng phẳng, nhạc trời vịnh ca: "Đấng Vô Thượng lồng lộng. Chúng ta sinh gặp Ngài. Ánh thiêng được thấy rồi. Tiêu diệt lòng trần bẩn. Trọn đời chẳng suy phai. Khổ đau thay tám nạn. Đáng thương phải xa Ngài!"

Chư Thiên lại nói:

– May mắn thay cho chúng ta gặp Ngài!

Ngựa vừa ra khỏi cửa, cửa liền phát ra tiếng động, ngựa nghẹn ngào kêu đau thương, nước mắt chảy quanh má. Chư Thiên giấu vua, cả nước không hay biết, sở dĩ như vậy là muốn cho thái tử sớm được đắc đạo. Thái tử bỏ ngôi vị Kim luân vương bảy báu, chịu các khổ sở để cứu độ chúng sinh.

Thiền độ vô cực của Bồ-tát luôn nhất tâm như vậy.

79- Khi Thái tử chưa đắc đạo, lấy cỏ rơm trải đất bên gốc cây, rồi chắp tay ngồi ngay thẳng, loại bỏ các ý niệm dơ bẩn, làm trong sạch tâm,

chuyên nhất chí, tự nghĩ: "Bắt đầu từ hôm nay, dù cho thịt gân khô nát tại nơi đây, nếu ta không thành Phật, nhất định không đứng dậy."

Bồ-tát liền đắc Thiền thứ nhất, thứ hai, thứ ba đến Thiền thứ tư. Trong đêm thứ nhất chứng được "Thuật đồ thứ nhất", biết được cha mẹ, anh em, vợ con, họ hàng của mình từ vô số kiếp. Trong đêm thứ hai chứng được "Thuật đồ thứ hai" tự biết chúng sinh từ vô số kiếp, giàu nghèo sang hèn, cao thấp, tốt xấu, trong tâm chúng sinh có niệm hay không niệm, không gì là không biết. Trong đêm thứ ba chứng được "Thuật đồ thứ ba", ba độc đều diệt. Lúc đêm trở về sáng, Phật đạo đã thành, Ngài trầm lặng suy nghĩ: "Ta nay thành Phật, hết mực sâu xa, hết sức sâu xa, khó hiểu khó biết, nhỏ nhiệm nhất trong mọi nhỏ nhiệm, huyền diệu nhất trong mọi huyền diệu. Phật đạo nay đã thành, không đâu là không thông tỏ.", bèn đứng dậy đi đến cung rồng, rồng tên là Văn Lân, chỗ ở của nó bên sông có cây. Đức Phật ngồi bên gốc cây nói: "Thuở xưa, Đức Phật Định Quang trao cho Ta ấn quyết tôn quý, là sẽ làm Phật hiệu Thích-ca Văn, thật đúng như điều đã nghe. Ta nay được thành Phật là do từ vô số kiếp đến giờ, dốc tu sáu độ: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, nguyện tích lũy công đức nay mới chứng quả cực quý, làm thiện phước theo về, không hề mất công sức của ta". Đức Phật vừa nghĩ đến đó, thì vào thiền định vượt bực. Bên bờ sông, Đức Phật phóng hào quang chiếu suốt đến chỗ rồng ở. Rồng thấy bóng ánh sáng, vẩy vi đều dựng ngược. Rồng đã từng được thấy ba Đức Phật là Phật Câu-lũ-tần, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni và Phật Ca-diếp. Ba Đức Phật này đều ngồi tại đây thành đạo, ánh sáng đều chiếu đến chỗ của rồng. Nay rồng thấy ánh sáng liền nghĩ: "Ánh sáng này cùng với ánh sáng của ba Đức Phật trước như nhau. Thế gian lại có Phật ra đời nữa ư?". Rồng rất hoan hỷ ra khỏi nước, quay nhìn hai bên phải trái, thấy Đức Phật ngồi bên gốc cây, thân có ba mươi hai tướng tốt, màu sắc vàng tía, ánh sáng rực rỡ hơn cả mặt trời, mặt trăng, tướng tốt đoan chánh như cây có hoa. Rồng đến trước Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát đất, rồi đi quanh Đức Phật bảy vòng, thân rồng lùi cách Đức Phật bốn mươi dặm, dùng bảy đầu che trên Phật, rồi rồng vui mừng làm mưa gió bảy ngày, bảy đêm. Đức Phật ngồi ngay thẳng, không lay động, không hít thở. Bảy ngày không ăn thì được thành Phật, lòng mừng đều dứt mọi tưởng. Rồng rất vui mừng, cũng không ăn suốt bảy ngày mà không có ý niệm về đói khát. Hết bảy ngày, gió mưa tạnh. Đức Phật từ thiền định xuất, rồng hóa làm một Phạm-chí trẻ tuổi, ăn mặc tươm tất, quỳ thẳng chắp tay cúi đầu hỏi:

– Ngài đạt đến trạng thái không lạnh, không nóng, không đói, không khát, công đức hội tụ, các độc không hại, ở đời làm Phật, ba cõi đặc biệt

tôn trọng, há không thích sao?

Đức Phật bảo rồng:

– Kinh điển của các Đức Phật thời quá khứ nói: chúng sinh lìa ba đường ác được làm người là thích. Ở đời sống an nhàn, giữ chí đạo là thích. Điều xưa từng nghe, nay đều hiểu được là thích thú. Ở đời có lòng Từ bi, không hại chúng sinh là thích thú. Thiên ma, độc dữ đều tiêu diệt hết là thích thú. Đạm bạc, vô dục, không ham sang giàu là thích thú. Ở đời đắc đạo, làm bậc thầy cả trời người, tâm đạt được định không, bất nguyện, vô tướng. Thân hữu lậu của các dục, trở về với bản thể không, trường tồn với cõi tịch tĩnh, cùng với sự khổ vĩnh viễn dứt hẳn, đó là niềm thích thú vô thượng.

Rồng cúi đầu thưa:

– Từ nay về sau, con xin tự quy y Phật, quy y Pháp.

Đức Phật bảo rồng:

– Vừa có Thánh chúng, các bậc quyết chí đạt A-la-hán, các Tỳ-kheo khổ hạnh, cũng nên tự quy y với họ.

Rồng đáp:

– Vâng, con xin tự quy y chúng Sa-môn.

Trong loài súc sinh, rồng ấy là con vật được Phật hóa độ theo về trước tiên.

Thiền độ vô cực của Bồ-tát luôn nhất tâm như vậy.

80- Một hôm, Đức Phật đi vào một lối nhỏ, bên đường có một cây lớn, Ngài ngồi bên gốc cây cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, một lòng nhập định. Có năm trăm cỗ xe đi qua. Khi ấy Đức Phật khát nước, nên gọi Tôn giả A-nan bảo:

– Ông đi lấy nước! Ta đang muốn uống.

A-nan thưa:

–Vừa có năm trăm cỗ xe đi qua, nên nước chỗ ấy rất đục, không thể uống được.

Đức Phật lại bảo:

– Ta cần nước, ông mau lấy nước lại đây.

Nói đến lần thứ ba, A-nan thưa:

– Có khe nước tên là Cưu-đối, nước trong lại ngon, tắm được uống được.

Đức Phật cùng Tôn giả A-nan nói chưa xong, thì có một người tên là Bào Kế, thờ đạo sĩ tên là La-ca-lam làm thầy. Bào Kế thấy vẻ uy linh rực rỡ của Phật, thân màu vàng tía, tướng đẹp lạ lùng, ngay cả thánh xưa cũng ít có, nên lòng vui mừng gấp bội, chắp tay tiến đến, cúi đầu thưa:

– Vừa có năm trăm cỗ xe đi qua, Đức Thế Tôn không hay biết ư?

Đức Phật đáp:

– Ta chẳng thấy, chẳng nghe gì.

Bào Kế nói:

– Đức Thế Tôn ngủ sao?

Đức Phật đáp:

– Ta ngồi thiền, được định nhất tâm.

Bào Kế ca ngợi:

– Đức Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Giác đạt được định huyền diệu sâu xa đến thế sao? Ban nãy xe đi chấn động cả nước, thân lấm bụi bặm mà chí đạo không đổi, không hay không thấy gì. Trời đất có thể lay động mà chí ấy vẫn an định. Lúc thầy con còn sống, cũng ở nơi gốc cây bên đường mà nhập thiền, bấy giờ cũng có năm trăm cỗ xe đi qua trước mặt. Có người hỏi: 'Ông có nghe thấy gì không?' Thầy con đáp: 'Không nghe không thấy'. Người kia hỏi: 'Khi đó ông ngủ hay đi đâu?' Đáp: 'Ta nhất tâm được định thanh tịnh nên không nghe không thấy'. Người kia nói: 'Bậc A-la-hán chí đạo sâu xa mới được như thế sao! Xe qua trước mặt, thân lấm bụi đất mà không biết.' Người kia thấy chí đạo của thầy con u huyền nên trọn đời thờ làm thầy.

Bào Kế nói:

– Chí Phật tịch định, không hề lay động, giống như thầy con thuở trước. Bắt đầu từ hôm nay đến trọn đời, con xin phụng giữ năm giới của Phật, làm Thanh tín sĩ, dốc sức dứt trừ các ác.

Đức Phật bảo Bào Kế:

– Tiếng năm trăm cỗ xe có bằng tiếng vang của sấm động không?

Thưa:

– Tiếng của một ngàn cỗ xe còn không sánh được với tiếng sấm nhỏ trong cơn mưa, nói chi đến tiếng sấm sét đùng đùng.

Đức Thế Tôn nói:

– Lúc trước Ta ở huyện A-đàm, ngồi dưới lều cỏ, tư duy về nguồn gốc của sinh tử. Bỗng có trận gió bão mưa gió sấm chớp ầm ầm đánh chết bốn con trâu đực và hai anh em người đi cày. Dân chúng của huyện ấy,

người xem rất đông. Khi Ta ra khỏi lều đi kinh hành, có một người đến chỗ Ta, Ta hỏi người ấy:

– Người ta đến xem chuyện gì vậy?

Người kia kể lại sự việc, rồi hỏi: "Đức Phật lúc ấy ở đâu?".

Ta đáp: Ở một mình trong lều.

Người kia hỏi: Khi đó Đức Phật ngủ à?

Đáp: Không.

Người kia nói:

– Đâu có chuyện thức mà không nghe? Chí đạo của Ngài rất sâu, từ nay về sau con nguyện thờ Đức Thế Tôn làm thầy, dốc giữ năm giới thanh tịnh làm Thanh tín sĩ, trọn đời giữ đạo chân chánh.

Bào Kế nghe chuyện ấy thì tâm mở, mọi vướng mắc đều thông tỏ, quay lại bảo người đi theo:

– Trong kho, vàng lụa dệt thành áo có hàng ngàn bộ, hãy chọn bộ nào đẹp nhất đem đến đây, ta muốn dâng cúng Đức Phật.

Người đi theo vâng lệnh, về nhà lấy mang tới. Bào Kế tự tay lấy y đắp lên Đức Phật, rồi lui lại cúi đầu thưa:

– Từ nay, nguyện xin Đức Thế Tôn bớt chút uy linh lớn lao, hạ cố đến chỗ các Thanh tín sĩ thôn chúng con, xin Ngài quá bộ đến nhà con, để cho người thân lớn nhỏ trong dòng họ được tự mình cúng dường Đức Phật. Đem hết tuổi thọ của trời đất và lòng chí kính để phụng dưỡng Trời, Rồng, Quỉ, Thần cùng các loài bò, bay, máy, cựa, cũng không bằng một ngày cúng đường trai phạn cho một vị Sa-môn, huống chi là cúng dường Đức Phật Vô Thượng Chánh Chân! Xin Đức Thế Tôn rủ lòng Từ rộng lớn, ban cho con cái phước báu vô bờ ấy.

Thế Tôn nói: Hay lắm!

Thiền độ vô cực, của Bồ-tát luôn dốc chí như vậy.

81- Đức Phật tự kể:

– Khi Ta còn làm Bồ-tát tên là Thường Bi. Bồ-tát Thường Bi thường vừa đi vừa rơi nước mắt. Đời bấy giờ không có Phật, kinh điển đều mất hết, không gặp được chúng Sa-môn Hiền thánh, mà Bồ-tát thường ao ước được thấy Phật, nghe diệu chỉ của kinh điển. Đời khi ấy uế trược, quay lưng với chánh, theo tà, ưa dối ham lợi, như loài thiêu thân thích lửa. Đâu biết Tứ đẳng tâm, Sáu độ làm cho nhà cửa an lành mãi, mà đời thì bỏ pháp ấy của Phật, chuốc lấy tai họa hiểm nguy kia để tự phá tan nát mình. Vì

thế Bồ-tát mới buồn bã vừa đi vừa khóc.

Thuở xưa có Đức Phật hiệu Ảnh Pháp Vô Uế Như Lai Vương, diệt độ đã lâu, nên kinh pháp đều mất hết. Bồ-tát Thường Bi nằm mơ thấy Đức Phật ấy vì mình mà nói pháp:

–Cẩn thận đừng cống cao, học hỏi hạnh của kẻ sĩ, trừ bỏ sự nhơ bẩn của lòng ân ái, không bị cấu nhiễm những bụi bặm của sáu tình, không để sót lại các ái dục nhỏ như tơ tóc trong tâm ngươi. Các niệm luôn lắng trong tịch tĩnh, đó là vô vi.

Bồ-tát theo Đức Phật nghe pháp ấy, như người đói được ăn món ngon, vui mừng vô hạn, tâm cấu uế đã dứt trừ, vào được thanh tịnh. Liền rời gia đình, vợ con, vào chỗ núi sâu ở chỗ vắng lặng, dùng nước suối, trái cây rừng để nuôi thân. Trong chốn núi sâu ấy ngài dùng tay đấm ngực kêu than:

– Con sinh vào thời buổi đáng oán thay! Không gặp được đời có Phật, không nghe được kinh Phật! Đấng Thế Tôn Chí Chân của chúng sinh hiện tại khắp mười phương luôn nhìn suốt, nghe thông, đều biết hết tất cả, biến hiện phảng phất, nhưng ánh sáng soi tỏ không đâu là không tới. Xin hiện tôn linh khiến con thấy được Phật, nghe được ý thú tột đỉnh của đạo lớn pháp sáng.

Tiếng thỉnh cầu bi ai vừa dứt thì Thiên thần hiện xuống, nói:

– Kẻ sĩ sáng suốt chớ kêu than nữa! Đức Phật có pháp lớn gọi là ánh sáng của trí tuệ vượt bờ. Các Đức Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đều do pháp ấy mà thành. Người phải tìm để đọc tụng tập kinh văn ấy, tìm hiểu diệu nghĩa để phụng trì, tu tập. Người ắt sẽ được bốn vô sở úy, mười lực, mười tám pháp bất cộng, thân màu vàng tía, quanh cổ có hào quang vô hạn. Kinh giáo mười phương, người sẽ làm Bậc minh chủ, Bậc tôn quý trong các Thánh, làm Thầy của trời người, các Phật, A-la-hán có chỗ không có.

Bồ-tát Thường Bi ngẩng đầu nhìn, đáp:

– Tôi phải theo ai để được pháp quý ấy? Phải dùng phương tiện gì và đi đến đất nước nào? Vị thầy đó tên họ là gì?

Vị trời kia đáp:

– Ngươi từ đây đi thẳng về hướng Đông, không nhớ nghĩ đến sắc, thống (thọ), tưởng, hành, thức; không nghĩ tới khổ vui, thiện ác. Tai, mắt, mũi, miệng, thân, tâm, ta, người và cả việc đời trước đã trải, việc đời sau sắp đến. Đừng nhớ tới đất, nước, gió, lửa, hư không; các sắc xanh, vàng, trắng, đen và các màu; các nẻo tham dâm, giận dữ, ngu si, ganh ghét, nam nữ, họ hàng, phải trái trước sau, cao thấp, chậm mau, không nghĩ đến có Phật, không Phật, có kinh đạo, không kinh đạo, có Thánh hiền, không

Thánh hiền... tâm ý người phải rỗng không, dứt hết các ước nguyện, ngươi dốc giữ lòng, không trái lời chỉ dẫn của ta thì sẽ thấy được Thánh điển của trí tuệ vượt bờ.

Bồ-tát Thường Bi ngẩng đầu thưa:

– Vâng xin trọn đời giữ.

Vị trời lại nói:

–Phải siêng năng nhớ lấy.

Nói xong, vị trời chợt biến mất. Bồ-tát nhận lời chỉ dạy, lòng ngay ý sạch, nhắm hướng Đông đi tìm. Đi được vài ngày, bèn dừng lại tự nghĩ: "Ta trước vốn phước mỏng, sinh không gặp Phật, đời không có Sa-môn, vua tôi mờ mịt không biết có Phật là Bậc có trí tuệ vượt bờ, là Bậc Thầy tôn quý đã dứt bóng tối." Cách đấy mấy dặm, lúc chưa thấy gì, trong lòng buồn thương hết mực, vừa đi vừa khóc, tâm thành như thế nên cảm động đến chư Phật. Đức Phật từ phương trên bay đến trước mặt, thân màu vàng tía, tướng tốt tuyệt vời hơn cả Thánh, mặt như trăng tròn, quanh đầu cổ có hào quang sáng như mặt trời. Chư Thiên theo hầu mang màn báu, lọng đẹp, tấu nhạc, tung hoa, chắp tay cúi đầu. Đức Phật khen ngợi Bồ-tát:

– Lành thay! Lành thay! Chí dốc cầu đạo của ngươi thật ít có trên đời.

Bồ-tát gặp Đức Phật, trong lòng vừa vui vừa buồn, cúi đầu thưa:

– Nguyện xin Đức Phật thương con! Dứt hết mọi hệ lụy, cởi hết mọi trói buộc giúp con, mở mắt mù tối cùng chữa lành bệnh cho con, vì con mà thuyết giảng kinh pháp.

Đức Phật bảo:

– Ba cõi đều không, phàm cái gì có đều là không, vạn vật như huyễn, vừa sinh liền diệt, giống như bọt nước, thấy rõ cuộc đời như vậy ngươi hãy nghĩ về điều ấy, Ta vì ngươi mà thuyết giảng kinh pháp, hãy giữ lòng ngay dốc lắng nghe, cẩn thận đừng quên. Từ đây đi về phương Đông hai dặm, có đất nước tên là Kiền-đà-việt, là thành trì của các vị Bồ-tát. Cả nước toàn là những bậc Thượng sĩ, không có người phàm tục. Nếu muốn nói về công đức của các vị Bồ-tát thì dù có kể đến hết kiếp, công đức ấy vẫn còn. Có vị Bồ-tát đức cao chí tôn tên là Pháp Lai. Ở trong các thánh, khác nào chòm sao có thêm vầng trăng, luôn ghi nhớ kinh điển, trí tuệ vô hạn, thường diễn giảng về trí tuệ vượt bờ, dạy người liên tục. Các vị Bồ-tát có người nghe kinh, người tụng, người chép, người san định nguyên bản của kinh, ngươi đến sẽ thấy họ, họ ắt làm thầy ngươi, khuyên ngươi tìm Phật. Hãy mau đến đó, tự họ sẽ vì ngươi nói toàn bộ về đức lớn của trí tuệ vượt bờ.

Bồ-tát Thường Bi nghe Đức Phật khen ngợi danh đức của các vị Bồ-tát kia, tâm nhập vào pháp hỷ, đắc định hiện tại, các tưởng đều lặng, thấy hết chư Phật vì mình thuyết giảng công đức của trí tuệ vượt bờ, khen mình có công tinh tấn, dốc chí tìm Phật, nên đều khen:

– Lành thay! Chí đi tìm Phật, ngươi đã gặp rồi đó! Ta ở đời quá khứ, khi mới phát tâm cũng đều như thế. Các vị Phật quá khứ, đương lai và hiện tại cũng đều dốc cầu tìm như ngươi cả. Ngươi ắt sẽ thành Phật, tế độ tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Thường Bi từ định xuất, ngoái nhìn hai bên không thấy chư Phật hiện nữa, lòng liền lại buồn, rơi nước mắt nói:

– Ánh sáng linh thiêng của chư Phật từ đâu đến, nay lại đi về đâu như thế?

Thiền độ vô cực của Bồ-tát luôn nhất tâm như vậy.

82- Thuở xưa, có hai vị Bồ-tát, chí, hạnh thanh tịnh, bên trong lặng, vô dục, bên ngoài như vàng trời, lìa bỏ lũ uế trược, vào sống nơi núi đầm, khoét đá làm nhà, ở yên chí tịnh, áo cỏ, chiếu rơm, ăn trái cây, uống nước suối, thanh tịnh vô vi, tâm ý như hư không, gồm đủ bốn Thiền, chứng được trí năm thông: Một là có thể nhìn thấu suốt, không chỗ xa nào là không thấy. Hai là có thể nghe thông, không tiếng nhỏ nào là không nghe. Ba là có thể bay lượn vào ra, không gì ngăn trở được. Bốn là có thể biết rõ các ý niệm trong lòng chúng sinh khắp mười phương. Năm là có thể tự biết những thay đổi của đời mình từ vô số kiếp đến nay. Phạm vương, Đế Thích, Tiên thánh các Trời, Rồng, Quỉ... không ai là không cúi đầu đảnh lễ. Hai vị ở trong núi đầm đã hơn sáu mươi năm, thương xót nghĩ đến chúng sinh trôi nổi trong cảnh ngu tối, không biết làm ác, sau có tai ương nặng, hạn chế tình, từ bỏ dục, kính phụng ba ngôi báu, phước ứng liền ngay, ắt được giàu sang. Hai vị Phạm-chí ấy, một tên là Đề-kỳ-la, một tên Na-lại. Đề-kỳ-la đêm dậy tụng kinh, mệt quá nằm ngủ, khi ấy Na-lại cũng dậy tụng kinh, lỡ đạp nhầm đầu của Đề-kỳ-la. Đề-kỳ-la liền thức dậy, nói:

– Ai đạp đầu ta, sáng mai khi mặt trời mọc một sào, ta sẽ đập bể đầu người ấy làm bảy phần, được chăng?

Na-lại nói:

– Tôi lỡ đạp nhằm đầu ông, sao nỡ rủa thề nặng thế? Phàm các thứ đồ vật không biết đi còn có khi đụng chạm, huống chi con người ở chung với nhau suốt cả đời mà không có lầm lỗi sao? Lời ông thường đúng! Sáng mai mặt trời mọc, đầu tôi ắt vỡ làm bảy phần. Vậy tôi phải ngăn mặt trời

không cho nó mọc.

Mặt trời bèn không mọc trong khoảng năm ngày. Cả nước tối tăm, đèn đuốc phải thắp liên tục, các quan không đi làm được, vua dân hoảng hốt, họp các quan lại, mời đạo sĩ, vua nói:

– Mặt trời không mọc lỗi ấy tại đâu?

Trong số đạo sĩ ấy, người chứng được năm thông tâu:

– Hai vị đạo sĩ trong núi có chút tranh chấp, nên đã ngăn mặt trời không cho mọc.

Nhà vua hỏi:

– Họ tranh chấp vì duyên cớ gì?

Vị đạo sĩ thuật rõ đầu đuôi câu chuyện cho vua biết. Vua nói:

– Vậy phải làm sao đây?

Đáp:

– Vua nên đốc suất các quan cùng dân chúng không kể lớn nhỏ mau đến chỗ họ cúi đầu xin hòa giải, thì họ ắt sẽ tự hòa giải.

Nhà vua liền xuống chiếu, theo như lời đạo sĩ. Rồi vua đến chỗ núi đầm, cúi đầu thưa:

– Nước giàu dân an là nhờ ân nhuần của hai vị, mà nay hai vị bất hòa làm cho đất nước mất chỗ trông nhờ, lỗi ấy tại ta, dân chúng không có tội gì, vậy xin xá cho.

Na-lại nói:

– Nhà vua nên hiểu ý của vị kia, nếu ý ông ấy đã mở thì tôi thả mặt trời ra ngay.

Vua đến chỗ Đề-kỳ-la, nói lại ý của Na-lại. Vua lại nói:

– Khiến vị kia lấy bùn đắp lên đầu, rồi thả mặt trời ra, bùn trên đầu vỡ làm bảy phần, còn đầu Na-lại thì không hề gì.

Vua, tôi, lê dân không ai là không vui mừng. Hai đạo sĩ vì vua nói rộng về phương pháp trị nước:

– Phải dùng lòng Từ của bốn tâm không bị ngăn che, khuyên dân vâng giữ năm giới, thực hành mười nẻo thiện.

Vua và thần dân thảy đều cùng thọ giới. Nhà vua trở về kinh đô xuống chiếu:

– Người trong nước, chẳng kể là hàng tôn quý hay thấp hèn, đều phải mang kinh năm giới, mười thiện dùng làm chính sách của nước.

Từ đó về sau, ân vua thấm nhuần đến cây cỏ, tôi trung vừa thành thật

vừa trong sạch, khiêm tốn; cha đúng phép, mẹ hợp nghi, vợ chồng đều chuộng giữ đạo trinh tín, nhà có con hiếu.

Đức Phật nói:

– Hai vị Bồ-tát thấy vua nước ấy không biết ba ngôi báu, quan dân mờ tối, bị tà kiến ngăn che, giống như trong nẻo tối bịt mắt mà đi, các vị thương họ đến chết không thấy kinh Phật, nên biến hóa như thế là muốn cho họ thấy được ánh sáng.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Na-lại ấy là thân Ta, Đề-kỳ-la là Di-lặc.

Thiền độ vô cực của Bồ-tát luôn một lòng như vậy.

□

KINH LỤC ĐỘ TẬP

QUYỂN 8

Chương VI: MINH ĐỘ VÔ CỰC (Trí tuệ Ba-la-mật)

83- Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, với một ngàn hai trăm vị Tỳ-kheo, một vạn vị Bồ-tát cùng an tọa. Đệ tử thứ nhất là Thu Lộ Tử, đến trước Đức Phật cúi đầu quỳ gối, bạch:

– Xa-nặc từ kiếp xưa có công sức gì mà khi Bồ-tát ở nhà sẽ làm Phi hành hoàng đế, lại khuyên bỏ nước vào núi học đạo, tự chứng đắc quả vị Phật, cứu vớt chúng sinh, công đức vòi vọi, đến cõi diệt độ? Nguyện xin Đức Thế Tôn nói rõ nguồn gốc.

Đức Phật khen ngợi:

– Lành thay, lành thay! Thu Tử đã hỏi hay lắm! Công đức của Xa-nặc nhiều đời nhiều kiếp thật không thể lường hết. Các ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói ra đây.

Thưa:

– Xin vâng.

Đức Phật nói:

– Thuở xưa Ta làm Bồ-tát tại nước Ni-ha-biến. Quốc vương nước ấy nghe lời người bày vẽ, hoặc cho tu đạo thì được lên trời hoặc thờ thần thì được lên trời. Nhà vua từ thuở nhỏ đến giờ thường ước nguyện được lên trời, nhưng chưa biết cách. Nước ấy có hơn bốn vạn Phạm-chí. Nhà vua đòi họ đến gặp, hỏi:

– Ta muốn lên trời thì phải dùng phương cách nào?

Người Phạm-chí lớn tuổi nhất tâu:

– Lành thay câu hỏi ấy! Nhà vua muốn đem thân này lên trời chăng? Có đem hồn đi không?

Vua nói:

– Ta muốn ngồi như vầy mà được lên trời ngay.

Đạo sĩ nói:

– Phải lập đàn cúng tế trời thần thật lớn mới được.

Nhà vua mừng vô cùng, truyền lấy hai ngàn cân vàng bạc ban cho. Phạm-chí được của báu trở về nhà cùng nhau vui chơi. Của báu hết, chúng bàn với nhau: "Chúng ta sẽ khiến vua chọn lấy đồng nam, đồng nữ, đẹp đẽ hơn người, mỗi loại một trăm đứa, voi, ngựa, các súc vật khác mỗi thứ cùng trăm con, trước đãi chúng ta ăn uống, tiếp theo thì giết người và súc vật, lấy xương thịt chúng để làm bệ lên trời."

Bàn rồi thì đem việc này tâu lên vua. Vua nói:

– Rất tốt.

Nhà vua liền ra lệnh cho quan ở ngoài mau chóng sắm sửa đầy đủ. Tất cả những người, vật được chọn đều đem tống giam vào ngục, khiến đông đảo người khóc than đầy đường. Người trong nước đều nói:

– Làm vua mà bỏ lời dạy chân chánh của Đức Phật, lại sùng chuộng yêu tà thì đó là nguyên nhân mất nước.

Đám Phạm-chí lại tâu:

– Nếu như giết hết các mạng ấy mà nhà vua không được lên trời, thì chúng ta bị phanh thây bêu nơi chợ, việc ấy chắc chắn thôi!

Rồi chúng lại bàn mưu với nhau:

– Trong Hương sơn có người kỹ nữ là vua trời, tên là Tợ Nhân Hình Thần, Thần thánh cũng khó bắt được. Chúng ta nên khiến nhà vua cầu tìm người ấy, nếu tìm không được thì mọi việc đều xong, chúng ta mới khỏi tội.

Lại đến chỗ vua tâu:

– Trong núi Hương có nữ nhạc của trời, phải lấy được máu người ấy hợp với người và súc vật dùng làm cái bệ thì ngài mới lên trời được.

Nhà vua mừng rỡ nói:

– Sao không nói sớm, nay đã bốn tháng trôi qua rồi mới nói?

Thưa:

– Pháp thuật của chúng tôi từ gốc đến ngọn là thế. Xin nhà vua lệnh cho dân chúng trong nước tụ hội lại, hứa ban thưởng lớn, rượu nhạc đầy đủ cho ai có thể tìm được thần nữ.

Bấy giờ dân chúng có người biết, tâu:

– Trong núi thứ bảy có hai đạo sĩ, một tên là Xà-lê, một tên là Ưu-bôn, biết chỗ ở của thần nữ ấy.

Vua bảo:

– Hãy gọi họ đến.

Sứ giả vâng mệnh ra đi, vài ngày liền đem đạo sĩ về. Nhà vua vui vẻ bày tiệc, rượu nhạc suốt bảy ngày, rồi nói:

– Các ngươi vì ta bắt được thần nữ về đây, ta lên trời thì sẽ đem đất nước này cho các ngươi.

Họ đáp:

– Chúng tôi tất nhiên là hết sức cố gắng.

Họ trở về chỗ, tìm kiếm hơn hai tháng trời, trải qua bảy lớp núi mới đến được Hương sơn. Họ thấy một hồ nước lớn, dọc ngang ba chục dặm, đất bằng bên hồ có ngôi thành báu đồ sộ nguy nga, dài, rộng, cao, mỗi chiều tám chục dặm. Cây báu vây quanh thành rực rỡ sáng cả nước. Trong hồ đầy hoa sen, mỗi hoa có đến ngàn cánh, cánh có năm màu, cùng sáng rỡ lấp lánh, nhiều thứ chim lạ líu lo ca hót. Cửa thành bảy lớp, trong thành lầu, gác, cung, điện san sát nhau, cờ phướn lộng lẫy, chuông, linh rung năm âm vang vọng, Vua trời ở trong cung cùng ca nữ vui chơi. Sau bảy ngày, Đế Thích ra ngoài đi dạo, đến hồ tắm, vui thích đã xong, phải về lên trời. Bên gốc cây cạnh hồ có vị Phạm-chí thánh, trong ngoài không dơ, đã được sự sáng suốt của năm thông. Hai đạo sĩ tiến đến, cúi đầu thưa:

– Nhạc này tuyệt diệu, đem làm vui cho ai vậy?

Đáp:

– Đầu Ma Vương nữ cùng hơn một ngàn người khác du chơi ở đây. Họ mới vừa đến, các ngươi hãy sớm lui đi.

Hai đạo sĩ lui về tìm chỗ ẩn thân, bàn với nhau:

– Vị Phạm-chí này đạo đức thiêng linh, chúng ta sẽ dùng cách gì để đến gần Thiên nữ đây? Chỉ có cách phải dùng đạo quỉ, kết cỏ ếm chú, rồi đem ném vào hồ nước, khiến thân vị Phạm-chí chồng lên mình Thiên nữ thì thiêng linh sẽ tiêu tan.

Liền kết cỏ ném vào nước, dùng đạo yêu chú yếm. Đế Thích thoát khỏi quay về trời, chư Thiên cũng vậy, chỉ có Thiên nữ không thể bay lên được. Hai đạo sĩ nhảy vào hồ cởi áo trói Thiên nữ lại.

Thiên nữ nói:

– Các ngươi định làm gì ta?

Hai đạo sĩ đáp như đã nói ở trên. Dùng tre bẻ để ghi tính thì đi suốt bảy ngày mới về tới vương quốc.

Họ đến thẳng vương cung, tự nhiên thấy sợ. Thấy được Thiên nữ, nhà vua mừng rỡ, bày tiệc ăn uống, ủy lạo các đạo sĩ, nói:

– Ta được lên trời thì sẽ đem nước này cho các người.

Người con đầu của vua tên là Nan-la-thi, làm vua ở một nước khác, có thái tử tên là Tu-la, con người vợ trước, nhân từ, hòa nhã, thông minh thấu rõ cả, thấy trước việc chưa xảy ra của chúng sinh ở đời, không chỗ sâu xa nào mà không thấy, không cái nhỏ nhặt nào mà không đạt, hạnh cao sáu độ không rời khỏi lòng, tự thề cầu cho được quả Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Giác Đạo Pháp Ngự Nhân Thiên Sư, Thiện Thệ Thế Gian Giải, đạt đến gốc không. Vua nói:

– Ta sắp lên trời, gọi hoàng tôn đến để từ giã.

Hoàng tôn đến, cúi đầu lạy, nhận lời từ giã xong, lui lại ghế ngồi. Vua hỏi:

– Cha mẹ con cùng dân chúng an ổn cả chứ?

Hoàng tôn đáp:

– Nhờ ân nhuần thấm của vua nên khắp chốn đều yên ổn.

Rồi cháu vua nói:

– Nếu ta không cầu xin Tiên nữ về làm phi thì vua ắt giết đi!

Có người nghe được đem tâu, nhà vua nói:

– Ta sẽ dùng máu của Thiên nữ để làm bệ lên trời.

Hoàng tôn liền tuyệt thực, lui về nghĩ ngợi, lòng không vui.

Vua sợ cháu chết, liền đem Thiên nữ cho làm phi. Trong ngoài mừng rỡ, các hoạn đều tan hết. Sau bốn tháng, các Phạm-chí lại tâu:

– Bây giờ phải đào hố để giết các súc sinh, lấp đầy hố, rồi lấy máu Thần nữ bôi lên miệng hố, chọn ngày tốt làm lễ tế trời.

Nhà vua nói:

– Hay thay!

Rồi truyền lệnh các người già cả trong nước, cùng quan, dân phải tham dự cuộc tế lễ ấy. Hoàng tôn nghe được việc đó, bùi ngùi không vui, gạn hỏi Phạm-chí:

– Phép thuật cúng tế này xuất phát từ Thánh điển nào?

Đáp:

– Phàm làm việc cúng tế như vậy sẽ được lên trời.

Hoàng tôn vạch ra:

– Hễ giết là hại mạng chúng sinh. Hại mạng chúng sinh là đứng đầu

trong các tội nghịch ác, họa ấy không cùng, hồn linh chuyển hóa lại hiềm oán nhau, dùng gươm độc giết hại nhau, đời đời không dứt, chết phải vào địa ngục Thái sơn, thiêu nấu, băm vằm chịu đủ các thứ độc hại. Rồi được ra thì hoặc làm súc sinh lại liền bị chết về dao chém, hoặc về sau được làm người thì phải bị họa phân thây, đều do giết hại mà ra cả. Há có chuyện làm bạo ngược mà được lên trời sao?

Phạm-chí đáp:

– Ngươi tuổi mới lớn, trí nghĩ tới đâu mà bắt bẻ chúng ta?

Hoàng tôn nói:

– Thọ mạng đời trước của ta, năm trăm đời liền được sinh ra trong nhà Phạm-chí, rành kinh sách đạo của ngươi, lấy thanh chân làm đầu, các ngươi xảo dối, há hợp với diệu ý của kinh?

Phạm-chí nói:

– Ngươi biết đạo của ta sao không trình bày ra?

Hoàng tôn nói rõ:

– Nguyên tắc lớn của Phạm-chí là cõi Thánh hết mực thanh tịnh, mà các ngươi thì dơ đục, tàn khốc, tham ăn, dối đem cúng tế tà vạy, giết người hại vật, uống rượu dâm loạn, dối trời khổ dân, khiến dân bỏ Phật, trái pháp xa hiền, chẳng bà con mà đem hết của cải cúng cho quỉ, còn người thân thì đói rét, há hợp với Thánh ý, cao hạnh của Sa-môn sao?

Đám Phạm-chí hổ thẹn cúi đầu mà lui. Hoàng tôn liền vì vua ông trình bày lời tin chí thành của Đấng Vô Thượng Chánh Chân Tối Chánh Giác:

– Hễ muốn lên trời phải quy y ba ngôi báu, hiểu rõ về bốn vô thường, dứt hết tham lam keo kiệt, nuôi chí thanh tịnh, quên mình cứu người, ân nhuần khắp chúng sinh. Đó là một.

Thương xót mọi sinh mạng, rộng lòng mình để cứu người, chí hằng biết đủ, không phải của mình thì không nhận lấy, giữ trinh không dâm dật, tin không lừa dối, rượu là loạn độc làm khô nát đạo hiếu, tuân giữ mười đức, dùng chánh đạo dắt dẫn người thân. Đó là hai.

Nhịn nhục đối với chúng sinh, thương xót kẻ cuồng say, độc tới buồn đi, cứu mà không hại, đem ba ngôi báu để dẫn dụ, hiểu được rồi liền giúp vui, thương nuôi cùng giúp đỡ, ân ngang trời đất. Đó là ba.

Tinh tấn luyện chí, dốc cầu theo hạnh cao. Đó là bốn.

Bỏ tà dứt cấu nhiễm, chí lặng như hư không. Đó là năm.

Học rộng, không gì ngăn che mong đạt đến nhất thiết trí. Đó là sáu.

Ôm giữ đức rộng lớn này, trước sau không lầm lỗi, cầu làm bậc pháp vương ba cõi thì có thể được lên trời, khó gì? Còn trái với lời dạy từ bi của Đức Phật, chuộng sự hung ác, giết hại mạng chúng sinh, nhạc dâm, tế tà, sống thì trời bỏ, chết phải vào ba đường dữ, lại giết hại lẫn nhau, mang họa vô cùng. Đem ác dữ ấy mà mong lên trời, ví như người làm trái lệnh vua mà muốn được ngôi vị cao.

Vua nói:

– Hay thay lời tin ấy!

Vua bèn mở ngục đại xá, đuổi hết các yêu tà, đem của báu cả nước sai cháu làm phước đức. Hoàng tôn được của báu, đều đem chia cho người nghèo, bố thí suốt bảy ngày, không kẻ thiếu thốn nào là không no đủ. Sau khi bố thí, lại khuyên dân giữ giới, mọi người đều cảm nhận ân nhuần, không ai là không tuân theo. Trời, Rồng, Quỉ, Thần đều khen hay, làm mưa nhiều thứ báu, lụa là, lúa gạo, hoa màu. Các nước lân cận ngưỡng mộ đức hóa theo về như các dòng sông chảy về biển cả. Hoàng tôn từ giã người thân, đem nàng phi lui về.

Về đến nước, thái tử chỉ lo đóng cửa, bỏ việc, cùng nàng vui chơi. Quần thần tâu lên vua:

– Không bỏ người phi ấy thì việc nước sẽ hư nát.

Vua cha nói:

– Vợ là do ông nội ban cho, đâu được bỏ đi!

Bèn triệu thái tử đến để giam lại, người phi nghe thế nên hổ thẹn, liền bay về chỗ ở cũ, nơi núi thứ bảy. Thấy Ưu-bôn và các người khác bà dặn:

– Chồng ta có đến thì hãy vì ta mà đuổi đi.

Rồi để lại chiếc nhẫn vàng làm tin.

Vua cha nghe nàng phi đi rồi mới cho thái tử về nước. Thái tử không thấy người phi của mình, nên buồn bã rơi nước mắt. Thần giữ cung nói:

– Thái tử không nên thương tiếc, ta chỉ cho đường đi. Người phi đang ở nơi núi thứ bảy, hãy mau đến tìm cho kịp.

Hoàng tôn nghe lời, liền mặc áo ngọc, mang kiếm, cầm cung đi ngay. Áo báu chiếu sáng đến bốn mươi dặm. Hôm đến núi thứ bảy, thấy vợ bẻ cành cây quăng xuống đất để làm dấu cho biết. Thái tử gặp trước hai đạo sĩ, hỏi:

– Người phi của ta có đi qua đây không?

Đáp:

– Có.

Rồi họ đem nhẫn vàng trao cho, cùng đi theo giúp, lấy cây bắc cầu đi qua sông nhỏ, đến núi thứ tám, thấy Phạm-chí đạt được bốn Thiền, liền gieo năm vóc xuống đất, cúi đầu làm lễ, thưa:

– Đạo sĩ có thấy vợ tôi đi qua đây chăng?

Đáp:

– Có đi qua đây! Hãy ngồi đây giây lát, tôi chỉ chỗ cho.

Bấy giờ trời Đế Thích hóa làm con vượn lớn, oai linh chấn động cả núi rừng. Hoàng tôn rất sợ. Phạm-chí nói:

– Đừng sợ, nó đến cúng dường đó.

Con vượn thấy ba đạo sĩ thì nghi ngại nên đứng lại, không dám bước tới. Phạm-chí gọi:

– Đến đây.

Vượn liền đi đến, lấy trái cây cúng dường. Phạm-chí nhận trái cây, rồi bốn người cùng ăn, gọi vượn bảo:

– Đem ba người này đến chỗ nàng Tợ nhân Hình thần.

Vượn hỏi:

– Đây là người nào mà khiến lên trời vậy?

Phạm-chí nói:

– Thái tử của quốc vương là bậc đứng đầu hàng Khai sĩ, sẽ là Đấng Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư, chúng sinh sẽ nhờ ân lớn ấy mà được trở về với gốc không.

Vượn ca ngợi:

– Lành thay, bậc Khai sĩ! Nếu ngài được thành Phật, tôi xin làm ngựa cho ngài.

Ưu-bôn hai người, một người nguyện làm nô bộc, một người nguyện làm La-hán. Vị Khai sĩ nói:

– Rất tốt!

Rồi tất cả cùng lên trời.

Trên đường đi có năm trăm vị Duyên giác, đều đến cúi lạy, sai vượn trở lại lấy hoa, tung lên cúng dường chư Phật, nguyện:

– Mong tôi chóng thành Bậc Chánh Giác, dẫn dắt chúng sinh, diệt hết sinh tử, thần thức trở về với gốc không.

Ba người lại phát nguyện như trước, xin đều làm Phật, cúi lạy mà đi. Đến ngoài cửa thành của Tợ Nhân Hình Thần, vượn cúi đầu xin lui. Ba người đều ngồi nghỉ. Bấy giờ có người áo xanh đi ra lấy nước. Vị Khai sĩ

hỏi:

– Chị lấy nước làm gì?

Đáp:

– Lấy nước cho vương nữ tắm.

Vị Khai sĩ cởi chiếc nhẫn bỏ vào thùng nước ấy. Thiên nữ thấy chiếc nhẫn thì dừng không tắm, thưa với cha mẹ:

– Chồng con đi tìm, nay đã đến đây!

Người cha tên Đầu Ma, vui mừng vội ra gặp nhau. Khai sĩ cúi đầu theo lễ của người rễ, còn hai đạo sĩ thì cúi đầu lễ rồi lui. Vua mời Khai sĩ vào trong, tay dắt con gái trao cho, chung quanh thị nữ có hơn ngàn người, hòa nhạc trời vui thích. Lưu lại nơi đó bảy năm, lòng nhớ ân sinh dưỡng của cha mẹ, vị Khai sĩ nghẹn ngào nói lời từ biệt xin trở về nước. Thiên vương nói:

– Tất cả đất nước này, nay ta đem giao phó cho con, làm sao mà con đành ra đi?

Khai sĩ lại nói như trước. Vua bảo:

– Hãy lưu lại đây thêm bảy ngày nữa để tận hưởng vui thú với nhau.

Sau bảy ngày, có vị Đại thần vương đến chỗ vua trời chúc mừng:

– Con gái của vua đã về, lại được người chồng thánh.

Vua trời nói:

– Con gái hèn mọn của ta được người chồng hùng thánh, người ấy nay lại nhớ về người thân sinh dưỡng, vậy phiền ông lo việc tiễn đưa.

Quỉ vương kính vâng, rồi lấy báu trời làm cung điện, đền đài bảy tầng, các vật báu, nhạc trời, trên đời ít thấy. Quỉ vương tay nâng, đưa về nước cũ, xong cúi đầu chào lui đi. Khai sĩ gặp lại cha mẹ, lời thành hỏi thăm đầy đủ. Vua ông vui vẻ truyền ngôi.

Thiên nữ, quỉ, rồng không ai là không khen ngợi. Thái tử đại xá các tội, đem hết của nước bố thí cho dân chúng khắp bốn phương và đến cả mọi chúng sinh, đều giúp những người bần cùng, thiếu thốn, thỏa mãn theo lời cầu xin của họ. Chúng sinh mừng rỡ, không ai là không ca ngợi, khen Phật giáo hóa theo nẻo nhân, ân thấm nhuần hơn cả trời đất, tám phương chuộng đức kéo nhau vào đất nước, như con thơ đến nương nhờ mẹ hiền. Vua ông sau khi mạng chung, liền được sinh lên trời.

Đức Phật bảo Tôn giả Thu Lộ Tử:

– Hoàng tôn ấy là thân Ta, Phạm-chí chứng được bốn Thiền là Thu Lộ Tử, Ưu-bôn là Mục-liên, Xà-lê là Xa-nặc, trời Đế Thích *(hóa làm vượn)*

ấy nay là Kiền-đức *(ngựa Kiền-trắc),* vua cha là Ca-diếp, vua ông nay là vua Bạch Tịnh, mẹ là Xá Diệu mẹ Ta, vợ là Câu-di.

Bồ-tát nhiều đời đem lòng Từ với bốn tâm rộng lớn, cùng sáu hạnh Độ vô cực để cứu độ chúng sinh, khó mà tính kể xiết.

Đức Phật thuyết giảng xong, các vị Bồ-tát, bốn chúng đệ tử, các vị Trời, Rồng, Quỉ, Thần và thần Chất lượng, không ai là không hoan hỷ, làm lễ lui ra.

84- Kinh Vua Nước Già-la.

Thuở xưa, vua nước Già-la, vì người chánh hậu không con nối dõi, nên rất buồn rầu, ra lệnh:

– Bà về bên nhà cha mẹ, tìm phép gì cho có con nối dõi, trở lại đây ta sẽ không làm tội.

Hoàng hậu khóc lóc từ giã, thề sẽ quyên sinh, bèn gieo mình xuống núi sâu, rớt vào rừng rậm. Trời Đế Thích cảm động, nói:

– Hoàng hậu của vua này đời trước là chị của ta, nay không con nối dõi mà phải bỏ thân nơi núi hiểm.

Đế Thích buồn thương, bỗng nhiên hiện xuống, lấy đĩa đầy trái cây đưa cho hoàng hậu, nói:

– Này chị, ăn đĩa quả này ắt có con Thánh nối dòng, sẽ là bậc anh hùng thế gian. Nếu nhà vua có nghi ngờ thì lấy đĩa ấy cho xem. Đĩa thần của vua trời này là vật làm chứng tốt nhất.

Nguyên hậu ngẩng đầu lên trời ăn trái cây, bỗng nhiên không thấy Đế Thích ở đó nữa. Bà cảm thấy thân nặng, trở về cung, gặp vua, đem việc ấy thành thật tâu lên đầy đủ. Đủ ngày bà sinh được một hoàng nam, dung mạo xấu xí, trong đời ít thấy. Ở tuổi ấu thơ, thái tử đã tỏ ra thông minh biết rộng, mưu trí vượt chúng, sức có thể vật ngã voi, chạy đuổi theo bắt được chim ưng bay, phát tiếng nói ngân vang như sư tử rống, tiếng đồn xa gần, tám phương đều khen ngợi. Nhà vua cưới con gái vua nước bên cạnh cho thái tử; nàng tên là Nguyệt Quang, xinh đẹp đoan chánh, đầy đủ nết tốt trên đời. Sau nàng còn có bảy người em gái cũng rất xinh đẹp. Hoàng hậu sợ Nguyệt Quang không ưa diện mạo của thái tử nên nói dối:

– Theo lễ nghi xưa của nước ta, vợ chồng không được gặp nhau lúc ban ngày. Lễ là điều quan trọng, phi không được trái với tục xưa.

Nguyệt Quang thưa:

– Kính vâng, con không dám quên lời dạy quý báu ấy.

Từ đó về sau, thái tử vào ra chưa từng thấy mặt. Thái tử thầm nghĩ: "Nước mình cùng bảy nước là thù địch, nếu dùng sức để tranh thì không ổn, muôn dân ta thán, vậy ta phải quyền biến để đem lại yên lành". Lòng tự suy nghĩ: "Thân tướng ta rất xấu, vợ thấy ắt lánh xa, nàng lánh xa thì thiên hạ an ổn, dân chúng an lành. "

Bèn vui mừng thưa với hoàng hậu xin được gặp vợ một lần để ngắm dung nhan nàng. Hoàng hậu nói:

– Diện mạo của con xấu xí, còn vợ con thì dung mạo tươi đẹp, diễm lệ, sánh ngang Thiên nữ, nó mà biết được chắc là bỏ đi ngay thôi, con phải trọn đời cô độc.

Thái tử lại xin, hoàng hậu thương con nên phải chấp nhận theo ý nguyện, đem hoàng phi ra xem ngựa. Thái tử giả làm người chăn, hoàng phi thấy, hỏi:

– Người chăn sao mà xấu thế?

Hoàng hậu nói:

– Đây là người chăn của tiên vương đấy.

Sau đó đưa đi xem voi, hoàng phi lại thấy thái tử nên ngờ, nghĩ: "Nơi ta dạo đến đều thấy người này, có lẽ là thái tử chăng?" Bèn thưa với hoàng hậu:

– Xin cho con được thấy mặt thái tử.

Hoàng hậu liền quyền biến, bảo anh em đi du hành trong nước. Thái tử cùng quan liêu có đám tùy tùng theo hầu, hoàng hậu và hoàng phi nhìn thấy lòng có chút vui vẻ. Sau đó, lại đi vào khu thượng uyển, thái tử leo lên cây hái trái ném vào lưng vợ, hoàng phi nói:

– Đây nhất định là thái tử.

Đêm đến, rình lúc thái tử ngủ, hoàng phi lặng lẽ lấy đèn soi thấy được tướng mạo thái tử, hoảng sợ nên bỏ chạy về nước. Hoàng hậu giận nói:

– Sao lại để cho vợ con bỏ về thế?

Thái tử đáp:

– Vợ con bỏ đi thì đó là nền tảng cho thiên hạ thái bình, dân chúng trọn đạo nuôi nấng cha mẹ mình.

Rồi thái tử vào bái biệt vua cha và hoàng hậu lên đường tìm vợ mình. Đến đất nước của hoàng phi, thái tử giả làm thợ gốm, đi làm đồ gốm thuê. Đồ gốm làm ra đẹp nhất nước, chủ lò gốm thấy đẹp nên mang đến dâng lên vua. Nhà vua được đồ đẹp mừng lắm, ban cho cô gái út, cô bèn đem đến cho các chị mình xem. Nguyệt Quang biết là đồ của chồng mình làm, nên

ném xuống đất cho vỡ đi. Thái tử lại vào thành đi nhuộm thuê các thứ vải lụa, chọn lấy một xấp lụa nhuộm thành các thứ đẹp lạ, đầy đủ kỹ thuật tinh xảo, xem ra trên đời ít thấy. Chủ lò nhuộm mừng rỡ lấy làm lạ, lại đem dâng lên vua. Vua lại đẹp lòng, đem đưa cho tám người con gái xem, Nguyệt Quang biết đó là của chồng mình nên bỏ đi không nhìn. Thái tử lại đi làm người nuôi ngựa thuê cho một vị đại thần, nuôi khéo ngựa đã mập lại thuần. Vị đại thần hỏi:

– Ngươi còn có tài nghệ nào nữa chăng?

Thưa:

– Các món mà một thái quan phải làm, tôi đều biết đầy đủ cả.

Vị đại thần bảo chàng làm các món ăn để dâng lên vua. Ăn xong, nhà vua hỏi:

– Ai đã làm các món ăn này?

Vị đại thần cứ sự thật tâu lên. Vua ra lệnh cho chàng làm thái quan, coi sóc công việc ăn uống của vua. Một hôm, thái tử đem canh vào nội cung dâng cho tám người con gái của vua. Muốn đạt được sự quyền biến, thái tử giả vờ làm đổ canh vào người, các cô gái đều kinh sợ, riêng Nguyệt Quang không thèm ngó đến. Trời Đế Thích hoan hỷ khen:

– Bồ-tát lo cứu độ chúng sinh đến như thế sao! Ta phải quyền biến giúp đỡ.

Bèn khiêu khích bảy nước thù địch, tụ hội tại thủ đô của nước hoàng phi, nói với hoàng phi: "Chính ngươi sẽ dứt được gốc tai họa cho hàng triệu dân".

Rồi hóa làm tờ thư do chính tay phụ vương của Nguyệt Quang viết, đem Nguyệt Quang gả cho bảy nước. Bảy nước đều sắm lễ vật đến kinh đô nước của Nguyệt Quang để rước dâu. Họ gặp gỡ, cùng hỏi thăm nhau đến đây làm gì? Ai cũng trả lời rằng đến để xin cưới người con gái của vua tên Nguyệt Quang. Tranh cãi nhau rối rít, họ đều lấy thư tay của vua đưa ra, rồi cùng lên tiếng oán hận, nói:

– Sẽ diệt cả họ của ngươi, việc không thể lầm được!

Liền khiến sứ giả trả lại thư, cùng hỏi vặn:

– Ông đem một người con gái ra đùa cợt với bảy nước chúng ta, các nước oán hận cùng hưng binh, nước mất ngay hôm nay đấy!

Vua cha sợ hãi nói: "Họa này lớn quá, chắc do nghiệp từ đời trước gây ra! Bèn gọi Nguyệt Quang bảo:

– Con làm vợ người ta, chồng dẫu khôn ngu, lành dữ, tốt xấu, đều do

nghiệp từ trước, ai có thể bỏ đi được, mà không trinh nhất, một lòng tận hiếu vâng thờ, lại bỏ chồng trở về nước, để họa đến thế này! Ta nay phải phân thây con ra làm bảy phần, để tạ tội với vua bảy nước.

Nguyệt Quang khóc thưa:

– Xin cha tha mạng con trong chốc lát, để con tìm người tài trí, ắt có thể đẩy lui được các họa bảy nước ấy...

Nhà vua liền treo giải:

– Ai có thể trừ được họa này, thì sẽ gả Nguyệt Quang và nuôi dưỡng bằng phước lớn.

Thái tử nói:

– Hãy mau làm đài cao, ta sẽ trừ hết giặc.

Đài cao làm xong, thái tử giả bị bệnh, bước một chân nghiêng xuống đất, cần Nguyệt Quang đến cõng thì mới đẩy lui được quân địch. Nguyệt Quang hoảng hốt, sợ thấy cảnh chém giết, nên phải đỡ nâng thái tử lên đài, chỉ biết đứng sững. Thái tử lớn tiếng gọi vua bảy nước, âm vang chấn động xa như sư tử rống, đem lời Phật dạy mà dẫn dụ:

– Làm bậc trời coi sóc muôn dân phải dùng đạo nhân từ, mà nay các ông nổi giận, giận lớn là họa to, họa to thì thân mất, hễ mất thân thì mất nước, ấy đều do danh, sắc cả!

Binh hùng bảy nước không ai là không ngây người bất động, giây lát sau tỉnh lại, đều muốn trở về nước mình. Thái tử tâu với vua:

– Việc hôn nhân không ai bằng các vua này, sao không đem bảy cô con gái gả cho con của bảy vua kia! Có con rể che chở thì nhà vua được an lành, thần dân được vui vẻ, cha mẹ được nuôi dưỡng.

Nhà vua nói:

– Hay thay! Đây là niềm vui lớn!

Bèn gọi bảy vua đến đem bảy cô con gái gả cho. Tám chàng rể dâng lễ hậu hỹ, vua tôi hớn hở. Đến lúc đó vua và thần dân mới biết thái tử là chồng cũ của Nguyệt Quang. Vua liền tuyển chọn quan hiền, võ sĩ theo hầu, mọi người đều trở về nước. Chín nước đều hòa bình an ổn, dân chúng múa hát, thảy đều ca ngợi:

– Trời giáng xuống làm cha ta! Phàm là Thánh nhân quyền biến thì chẳng phải người phàm biết được! Nay đức tụ công thành, vậy mới rõ ràng, không chê bai.

Trở về nước chừng hơn một năm, vua cha băng hà, thái tử thay ngôi cha đại xá các tội, đem năm giới, sáu độ, tám trai, mười thiện giáo hóa

muôn dân, tai họa đều dứt, nước giàu dân an, nền đạo hóa lớn lưu hành, mọi người đều phụng thờ ba ngôi báu, đức lớn phước về, các bệnh đều tiêu diệt, dung mạo thái tử trở nên rực rỡ, đẹp hơn cả hoa đào. Sở dĩ như vậy là vì thọ mạng đời trước của Bồ-tát: Vợ chồng đều cùng đi cày, một hôm sai vợ về lấy cơm, trông thấy vợ trở lại, cùng đi với một vị Bích-chi-phật, khuất sau sườn núi, lâu mà không thấy đến. Lòng sinh nghi ngờ, nổi giận cầm cây muốn đi đến đánh. Tới nơi, thấy vợ mình đang lấy phần cơm cúng dường vị Sa-môn, rồi lui lại chắp tay đứng. Vị Sa-môn ăn xong, ném bát lên hư không, bát phát ra ánh sáng chói lòa, rồi bay đi mất. Lòng người chồng vừa xấu hổ, vừa hối hận, nghĩ: "Vợ mình có đức mới gặp được bậc đáng tôn kính ấy! Còn mình quá ngu chắc sẽ bị họa". Liền gọi vợ nói:

– Phước cúng dường của nàng ta sẽ chung với, phần cơm còn lại hai ta cùng ăn, xin nàng chớ giận!

Đến khi mạng chung, mỗi người đều sinh vào gia đình vương giả, người vợ có lòng thuần từ bố thí nên sinh ra đã đoan chánh. Còn người chồng, trước giận dữ, nhưng sau thì có lòng Từ, nên mới sinh thì xấu xí mà sau thì đẹp đẽ.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Hễ con người tạo nghiệp, trước ban cho sau lấy lại, thì đời sau lúc mới sinh ra thì giàu có nhưng lớn lên thì nghèo khổ. Nếu trước lấy đi mà sau ban cho thì đời sau thọ báo trước nghèo hèn mà sau lớn lên thì giàu sang. Thái tử ấy là thân Ta, người vợ là Câu-di, phụ vương là vua Bạch Tịnh, người mẹ nay là Xá Diệu, mẹ ta; trời Đế Thích là Di-lặc. Bậc Khai sĩ đời đời thương nhớ chúng sinh, dốc cứu vớt họ ra khỏi cảnh lầm than.

Trí tuệ độ vô cực rộng khắp của Bồ-tát luôn thể hiện sự sáng suốt như vậy.

85- Kinh Bồ-tát Dùng Trí Tuệ Xa Rời Vợ Quỉ.

Thuở xưa, Bồ-tát làm người phàm, năm lên mười sáu tuổi tánh khí thông minh, học nhiều thấy rộng, không kinh nào là không thấu triệt, luyện kỹ nghĩ sâu về đạo thuật của các kinh, xem kinh nào là đúng nhất, đạo nào là an nhất. Suy nghĩ rồi bùi ngùi nói:

– Chỉ có kinh Phật là đúng nhất, đạo vô vi là an nhất.

Lại nghĩ:

– Ta dốc giữ lấy điều đúng và ở chỗ yên ấy.

Cha mẹ muốn cưới vợ cho, Bồ-tát buồn bã nói:

– Họa về yêu quái dữ nhất không gì lớn hơn sắc. Nếu yêu quỉ đến thì đạo đức mất. Ta không chạy trốn chắc bị sói nuốt thôi!

Thế rồi liền trốn tới nước khác, đem sức làm thuê, để tự sinh sống. Bấy giờ, có một ông chủ điền đã già nhưng không có con nối dõi. Một hôm ra đồng, nhặt được một bé gái dung nhan tuyệt vời, hớn hở đem về nuôi làm con, rồi tìm người con trai để gả, khắp nước mà không tìm đâu được. Ông thuê Bồ-tát đã năm năm, thấy có nết hạnh từ nhỏ đến lớn nên trong lòng vui vẻ nói:

– Này đồng tử, nhà ta có đủ cả, nay đem con gái gả cho con, làm người nối dõi của ta nhé!

Người con gái có đức thần, làm mê hoặc lòng Bồ-tát. Cưới vợ không bao lâu, Bồ-tát tự hiểu:

– Ta thấy chư Phật dạy rõ, cho sắc dục là lửa, người là con thiêu thân, con thiêu thân tham lửa, nên thân bị thiêu đốt. Nay ông này đem lửa sắc thiêu đốt thân ta, lấy mồi của cải câu miệng ta, dùng cảnh nhà dơ này để chôn đức ta.

Đêm đến, Bồ-tát lặng lẽ trốn đi xa, được hơn trăm dặm, vào ngôi đình trống ngủ qua đêm. Người giữ đình hỏi:

– Ông là người nào?

Trả lời:

– Tôi là người ngủ nhờ qua đêm.

Người giữ đình dẫn vào, thấy giường nệm đẹp đẽ, các đồ châu báu lóa mắt, có người đàn bà nhan sắc giống như vợ mình, mê hoặc tâm Bồ-tát, khiến cùng nhau ăn ở đến năm năm. Bồ-tát sáng lòng nghĩ:

– Dâm là sâu độc làm tán thân nguy mạng. Ta đã cố chạy trốn nay xui khiến lại gặp.

Rồi lặng lẽ trốn nhanh. Lại gặp cung điện và người đàn bà như trước, lại mê hoặc lòng nữa, ăn ở được mười năm. Rồi Bồ-tát sáng lòng, hiểu ra nói:

– Họa của ta quá nặng, chạy mà không thoát khỏi!

Rồi tự phát lời trọng thệ:

– Suốt đời không ngủ nhờ nữa.

Lại chạy trốn đi. Xa xa, thấy một ngôi nhà lớn bèn tránh đi ra đồng. Người giữ cửa hỏi:

– Người nào đi đêm đó?

Đáp:

– Tôi đi đến xóm phía trước.

Người giữ cửa nói:

– Có lệnh cấm không cho đi.

Người trong nhà gọi vào, Bồ-tát lại thấy như trước. Người đàn bà nói:

– Từ vô số kiếp đã thề làm vợ chồng với nhau, ông sao chạy khỏi?

Bồ-tát nghĩ:

– Gốc của dục khó nhổ đến như thế sao!

Liền dấy ý niệm về bốn vô thường, nói:

– Ta muốn dùng pháp định vô thường, khổ, không, vô ngã để diệt các dơ bẩn của ba cõi, thì chỉ chút dơ bẩn của ngươi sao lại không thể trừ được!

Khởi lên bốn niệm ấy thì vợ quỉ liền diệt, trong lòng rực sáng. Liền thấy chư Phật đứng ở trước mặt mình, giải rõ về định không, bất nguyện, vô tưởng, thọ giới Sa-môn, làm bậc thầy tối thượng.

Trí tuệ độ vô cực rộng khắp của Bồ-tát luôn thể hiện sự sáng suốt như vậy.

86- Kinh Nho Đồng Thọ Ký.

Thuở xưa, Bồ-tát sinh ở nước Bát-ma, làm Phạm-chí tên là Nho Đồng, tự tìm thầy học hỏi, ngửa xem thiên văn, các sách về mưu lược, sấm ký, hễ nghe thấy là liền hiểu, giữ chân, chuộng hiếu. Nho sĩ trong nước đều khen ngợi. Một hôm, thầy hỏi:

– Ngươi nay đạo đầy, nghề đủ, sao không dốc chí ra đi giáo hóa kẻ mới học?

Phạm-chí thưa:

– Con vốn nghèo thiếu, không có của cải gì để báo đền ân thầy, nên không dám đi. Vả lại mẹ bệnh rất nặng không thuốc thang chữa trị, xin đi làm thuê để lo thuốc thang cho mẹ.

Thầy nói:

– Tốt lắm.

Phạm-chí bèn cúi đầu lễ thầy ra đi, dạo khắp nước gần đó, thấy năm trăm vị Phạm-chí tụ hội nơi giảng đường, bày biện một tòa ngồi cao, đặt một người con gái đẹp và năm trăm đồng bạc nói:

– Ai lên ngồi trên tòa cao để các nho sĩ cùng vấn nạn, nếu thấy trí rộng, đạo sâu thì sẽ dâng cô gái và số tiền ấy.

Bồ-tát đến xem, thấy họ trí cạn, bị gạn hỏi tất hết lời, bèn bảo các nho sĩ:

– Tôi cũng con Phạm-chí, có thể dự bàn được không?

Mọi người đều đáp:

– Được.

Bồ-tát liền lên ngồi tòa cao, các nho sĩ hỏi đạo cạn thì đáp đạo sâu, hỏi nghĩa hẹp thì giải nghĩa rộng. Các nho sĩ nói:

– Người này đạo cao trí rộng, có thể làm thầy.

Rồi họ đều cúi đầu chịu phục. Bồ-tát xin cáo lui. Các nho sĩ nói:

– Người này tuy trí tuệ cao minh, nhưng là người nước khác, cưới con gái nước ta làm vợ không hợp, hãy lấy thêm tiền để tặng cho.

Bồ-tát đáp:

– Người đạo cao thì đức sâu, ta muốn đạo vô dục, điều muốn ấy mới quý giá. Đem đạo truyền cho thần, đem đức trao cho Thánh, Thần thánh truyền nhau thì nền giáo hóa lớn lao mới không hư, đáng gọi là kẻ nối dòng tốt. Các ông muốn mất đạo, chặt gốc rễ của phước đức, có thể gọi là kẻ vô hậu.

Nói rồi liền lui. Các nho sĩ bẽn lẽn, xấu hổ. Người con gái nói:

– Bậc cao sĩ kia đúng là chồng ta.

Rồi nàng vén áo bước ra đường, lần theo dấu vết, trải qua khắp các nước, chân đau sức mệt, ngất xỉu bên vệ đường. Đến nước Bát-ma, quốc vương hiệu là Chế Thắng, đang tuần hành biên giới, thấy người con gái mệt xỉu, liền hỏi:

– Cô là ai mà nằm bên vệ đường vậy?

Người con gái thuật đầy đủ về nguyên do. Vua khen chí của cô và rất thương xót. Nhà vua ra lệnh cho cô gái:

– Hãy theo ta về cung, ta sẽ nhận con làm con gái.

Cô gái tâu:

– Thức ăn của họ khác, có thể ngồi không mà ăn sao? Xin cho giữ một chức gì thì sẽ theo đại vương.

Vua nói:

– Cô hái các loại hoa quý dâng cho ta trang sức.

Cô gái xin vâng lời, theo vua về cung, ngày ngày hái hoa đẹp để dâng lên cho vua dùng.

Nho Đồng trở về nước, thấy trên đường người ta xúm nhau san gò

lấp hố, quét dọn sạch sẽ, bèn hỏi người đi đường:

– Dân chúng hớn hở, chắc có gì vui vẻ?

Họ đáp:

– Đức Định Quang Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư sắp đến đây giáo hóa, nên dân chúng hớn hở.

Nho Đồng lòng vui, lặng lẽ nhập định, tâm thanh tịnh không nhơ, thấy Đức Phật sắp đến. Trên đường gặp cô gái khi trước hái hoa cắm bình hoa, bèn đi theo xin được năm cành hoa. Vua, hoàng hậu, thứ dân đều tự mình sửa sang đường, Bồ-tát nài xin một đoạn nhỏ để tự mình lo sửa. Dân nói:

– Còn có một khe nhỏ, nước chảy xiết, đất đá không đứng yên được.

Bồ-tát nói:

– Ta dùng sức thiền hạ ngôi sao nhỏ kia, lấp vào đấy được không?

Lại nghĩ: "Nghi thức cúng dường là phải dùng bốn lực lớn, khổ mình mới tốt". Liền để ngôi sao mà kéo đá, đem sức mình lấp khe đó. Sức hiền lực trụ rồi, còn chút rãnh bùn thì Đức Phật đã đến, Bồ-tát bèn cởi áo da nai đang mặc phủ lên chỗ đất bùn, đem năm cành hoa tung lên cúng Phật, hoa trùm lên không trung, như lấy tay rải hạt giống vào đất mọc lên. Đức Phật gọi Bồ-tát nói:

– Sau chín mươi mốt kiếp, hiền giả sẽ thành Phật hiệu là Năng Nhân Như Lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư. Đời ấy điên đảo, cha con thù nhau, sự cai trị của vua tổn hại đến dân, khác nào trời mưa đao kiếm, dân tuy cố tránh nhưng khó thoát nạn. Người sẽ ở nơi cõi đời ấy cứu vớt chúng sinh, số người được độ không thể tính kể.

Nho Đồng mừng vui, nhảy lên hư không cách mặt đất bảy nhận, rồi từ trên không đáp xuống, lấy tóc trải đất cho Phật bước qua. Đức Thế Tôn đi qua rồi, bảo các Tỳ-kheo:

– Đừng đạp lên đất ấy. Sở dĩ như vậy là vì đó là nơi thọ ký, tôn kính vô thượng. Kẻ sĩ có trí dựng ngôi chùa nơi đây thì cùng đồng với thọ ký.

Chư Thiên đều đồng thanh nói:

– Chúng tôi sẽ tạo chùa ở đấy.

Bấy giờ, có con ông trưởng giả tên là Hiền Càn, lấy một ít củi nhỏ xếp lên chỗ đất ấy, nói:

– Chùa ta đã dựng rồi!

Chư Thiên ngoái nhìn nói với nhau:

– Đứa bé phàm phu mà có trí tuệ của bậc Thượng thánh ư?

Hiền Càn bèn chở các báu đến, dựng chùa trên đó, rồi cúi đầu thưa:

– Xin nguyện cho con được thành Phật, giáo hóa như nay. Hiện đã dựng chùa rồi thì phước ấy ra sao?

Đức Thế Tôn nói:

– Khi Nho Đồng thành Phật, con sẽ được thọ ký.

Đức Phật bảo Tôn giả Thu Lộ Tử:

– Nho Đồng ấy là thân Ta, cô gái bán hoa nay là Câu-di, con ông trưởng giả nay là Phi-la-dư đang ngồi trong chúng hội.

Phi-la-dư liền cung kính đảnh lễ nơi chân Phật. Đức Phật thọ ký cho sau này sẽ thành Phật hiệu là Khoái Kiến.

Đức Phật thuyết giảng kinh xong, bốn chúng đệ tử, trời, người, rồng, quỉ... không ai là không hoan hỷ, làm lễ và lui.

Trí tuệ độ vô cực rộng khắp của Bồ-tát luôn thể hiện sự sáng suốt như vậy.

87- Kinh Vua Ma-điều.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn ở nước Vô-di, ngồi bên gốc cây, dung mạo rực rỡ hơn cả vàng tía, vui vẻ mà cười, miệng phóng hào quang năm sắc. Bấy giờ, ai trông thấy, không ai là không vui thích, đều ca ngợi:

– Thật đúng là Đấng Thiên Trung Thiên!

Tôn giả A-nan sửa lại y phục, cúi đầu thưa:

– Đức Thế Tôn cười hẳn là muốn cứu độ chúng sinh tối tăm?

Đức Phật nói:

– Lành thay! Đúng như lời Tôn giả nói, Ta không cười suông, đó là nhằm nêu pháp. Tôn giả muốn biết ý nghĩa của nụ cười ấy chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

– Chúng con luôn khao khát Thánh điển, thật không bao giờ gọi là no đủ cả.

Đức Phật nói:

– Thuở xưa, có vị Thánh vương tên là Ma-điều, khi làm Phi hành hoàng đế cai trị bốn châu thiên hạ, lòng chánh, hạnh ngay, dân không riêng oán, từ bi vui giúp, lòng như trời Đế Thích. Thời ấy thọ mạng của dân lâu

đến tám vạn tuổi. Nhà vua có bảy món báu là: Bánh xe quay bằng vàng tía, voi trắng biết bay, ngựa thần màu xanh biếc, ngọc thần Minh nguyệt, vợ Thánh ngọc nữ, quan Thánh coi kho báu, quan Thánh coi về quan binh. Hoàng đế có một ngàn người con, đoan chánh nhân hậu, thanh bạch, thấu rõ việc quá khứ, đoán được việc vị lai, người có hiểu biết không ai là không kính mộ.

Hoàng đế muốn du hành, dạo xem khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, ý vừa dấy niệm thì xe vàng đã ở trước mặt, đi đâu tùy theo ý, bảy báu đều như thế. Chúng bay trước dẫn đường cho thánh vương, trời rồng, thiện thần không ai là không theo phòng vệ, tung các hoa báu, chúc thọ vô lượng. Hoàng đế ra lệnh cho cận thần coi về khăn lược:

– Khi nào ngươi thấy tóc nơi đầu ta bạc thì phải tâu ngay. Hễ tóc bạc, sắc hủy, chứng tỏ là sắp chết, lúc ấy ta muốn dẹp bỏ các công việc dơ tục của dòng đời mà thực hành hạnh đạm bạc thanh tịnh.

Quan cận thần y theo lệnh, sau đó, thấy đầu vua bạc liền tâu lên. Lòng hoàng đế vui mừng, triệu thái tử đến nói:

– Đầu ta đã bạc, tóc bạc là chứng tín của vô thường, không nên buông thả niệm trong cuộc đời vô ích này. Nay ta lập con làm hoàng đế cai trị bốn châu thiên hạ. Thần dân giao mạng cho con, con phải thương xót họ, theo phép tắc của ta đã làm thì khỏi sa vào nẻo ác. Đến khi tóc bạc thì hãy bỏ nước đi làm Sa-môn, lập con lên làm vua, dạy bảo nó phải lấy bốn thứ tâm, năm giới mười thiện làm đầu.

Lời dạy rõ ràng vừa xong, vua liền bỏ đất nước, đến nơi lều tranh bên gốc cây, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục làm Sa-môn. Quần thần dân chúng thương mến vật vã khóc than cảm động... Con cháu của Pháp vương Ma-điều nối truyền nhau được một ngàn tám mươi bốn đời. Chánh pháp của thánh hoàng vào đời sau cùng muốn suy giảm, Thánh vương Ma-điều lại bỏ cõi trời, thần hồn giáng xuống sinh vào nhà vua sau cùng, cũng làm Phi hành hoàng đế, hiệu là Nam. Chánh pháp lại hưng thịnh. Vua ra minh lệnh cho hoàng hậu, quý nhân trong cung phải giữ tám giới và hàng tháng sáu ngày chay. Tám giới là:

1. Phải có lòng Từ bi thương xót, yêu chuộng sự sống của chúng sinh.
2. Là cẩn thận không trộm cắp, giàu có phải cứu giúp kẻ nghèo thiếu.
3. Là phải giữ lòng trinh thanh tịnh, tuân giữ nẻo chân chánh.
4. Là phải giữ thành tín, nói năng theo lời dạy của Phật.
5. Là phải hết lòng hiếu thảo, không uống rượu.

6. Là không nằm giường cao, màn gấm.

7. Là vào buổi chiều, thức ăn không qua miệng.

8. Là hương hoa phấn sáp nên thận trọng đừng để gần mình.

Ca dâm, nhạc tà không để làm nhơ đức hạnh, tâm không nghĩ đến, miệng không nói tới, thân không làm ra. Nhà vua còn ra lệnh cho các bề tôi thánh, danh sĩ đạo hạnh xuống đến dân thường, người không phân biệt sang hèn đều phải vâng giữ sáu ngày trai, xem đọc tám giới, mang nó bên mình, mỗi ngày đọc tụng ba lần, hiếu thuận với cha mẹ, kính vâng người già cả, tôn trọng hết lòng, khiến họ đến nghe kinh, những người quan, quả, trẻ đi ăn xin, đều được cứu giúp cấp của, kẻ bệnh tật thì thuốc men, áo quần ăn uống giúp nhau. Người nghèo khó không có gì, thì khiến đến cửa cung, xin những gì mình thiếu. Ai không nghe theo lời thì bắt làm công việc nặng nhọc, cứ một nhà có một người hiền ở trong thì bao gồm năm nhà khiến năm giáo hóa một, ai thuận trước thì được thưởng, còn quan phò tá việc cai trị thì chọn dùng người hiền, chứ không dùng quý tộc.

Từ khi pháp sáng của vua được thi hành trở về sau, dân trong bốn châu thiên hạ đem lòng Từ hòa hướng về nhau, tâm ưa giết hại diệt hết, nên luôn được giúp đỡ, đêm không đóng cửa, trinh khiết thanh tịnh, không phải vợ mình thì không ham muốn, một không nói hai, nói dạy nhân từ, thương xót, thấy điều không thường là thật, lời không thêu dệt, thấy người khác được phước lợi thì lòng hoan hỷ, nói lời khuyến trợ, hành hóa đạo lớn, hung độc đều tiêu diệt, tin Phật, tin Pháp, tin Sa-môn, nói năng không còn điều nghi ngờ, khúc mắc. Ân từ nhuận của vua Nam thấm đượm khắp nơi, không đâu là không đến, tám phương trên dưới không đâu là không khen ngợi công đức. Vua trời thứ hai và bốn Thiên vương, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, rồng biển, thần đất hàng ngày cùng nhau bàn luận:

– Vua người của thế gian có lòng Từ, bốn thứ tâm bố thí, ân đức thấm khắp vượt hơn chư Thiên!

Trời Đế Thích bảo chư Thiên:

– Các ngươi muốn thấy vua Nam không?

Chư Thiên đáp:

– Đó là nguyện vọng lâu nay của chúng tôi! Xin lời dạy sáng suốt!

Trời Đế Thích chỉ trong khoảnh khắc, đã đến trên điện Từ tuệ của vua Nam, yết kiến vua Nam, nói:

– Thưa Thánh vương đức lớn, chư Thiên từ lâu khao khát, nghĩ muốn được gặp không ngày nào là không mong. Thánh vương có muốn thăm cõi

trời Đao-lợi không? Trên đó tự nhiên không nguyện gì là không đạt được.

Vua Nam nói:

– Tốt! Ta nghĩ cũng muốn có một chuyến dạo chơi.

Đế Thích trở về trời bảo người đánh xe tên là Ma-lâu:

– Đem xe báu ngàn ngựa của ta đón vua Nam đến.

Người đánh xe vâng lệnh lấy xe trời tới rước vua Nam. Xe trời đến dừng ở dưới cửa cung, quần thần, dân chúng không ai là không ngạc nhiên, cho đó là điềm lành của vua Thánh, ca ngợi là chưa từng có, nên cùng nhau tuyên dương, xưng tụng, cả nước đều vui:

– Vua ta lòng Từ bao la, ân đức thấm nhuần khắp chúng sinh, tự tu tám giới, hàng tháng thọ sáu ngày, lại đem những điều đó dạy dân, phước đức rất lớn, nên khiến trời Đế Thích yêu kính đến nghênh đón.

Vua Nam lên xe, ngựa xe đều bay, bồi hồi dùng dằng, muốn cho dân cùng thấy. Vua bảo người đánh xe:

– Hãy đem ta đến xem người ác ở hai đường địa ngục, ngạ quỉ, bị thiêu nấu đánh khảo, chịu tội đời trước.

Người đánh xe làm theo lệnh xong, bèn đưa lên trời.

Trời Đế Thích hoan hỷ, xuống điện ra nghinh tiếp, nói:

– Ngài đã nhọc lòng ngược xuôi lo việc cứu độ chúng sinh, thực thi sự nghiệp rộng lớn của Bồ-tát: Bốn đẳng tâm, sáu độ, nên chư Thiên mong muốn được gặp.

Đế Thích đi tới, cầm tay cùng ngồi. Thân thể vua Nam lại biến thành thơm tho, thanh khiết, dung mạo đoan chánh, không khác gì Đế Thích. Rồi ở Thiên cung tấu lên kỹ nhạc hay lạ, âm thanh vang vọng không lường, các hoa báu, hương thơm được tung lên đón mừng, thật hiếm thấy trên đời. Trời Đế Thích lại nói:

– Thận trọng, chớ nên luyến tiếc chỗ ở thế gian, các thú vui trên đời, vua Thánh đều có cả.

Vua Nam lòng nhằm giáo hóa kẻ ngu tối, diệt hết lũ tâm tà, khiến mọi người biết phụng thờ ba ngôi báu, nên đáp lời Đế Thích:

– Ví như mượn vật của người, phải tính trả lại cho chủ. Nay, ngôi trời này, không phải là chỗ tôi thường ở, xin tạm trở về thế gian, dạy dỗ đám con cháu, đem pháp sáng của Đức Phật, theo tâm chánh trị nước, khiến cho sự hiếu thuận luôn nối nhau, giới đủ, hạnh cao, khi bỏ thân người, sinh lên cõi trời, cùng với Đế Thích vui thú.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Vua Nam ấy là thân Ta, con cháu truyền nhau đến một ngàn tám mươi bốn đời, lập con làm vua, cha làm Sa-môn.

Tôn giả A-nan vui vẻ cúi đầu nói:

– Đức Phật luôn thương xót chúng sinh, ân thấm nhuần đến như thế, công đức bất hủ, nên nay thành tựu đạo quả Phật, làm bậc tôn quý trong ba cõi, chư Thiên, Tiên thánh không ai là không tôn kính.

Các Tỳ-kheo hoan hỷ làm lễ rồi lui ra.

88- Kinh A-ly-niệm-di.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại xóm Ưu-lê thuộc Xá-vệ. Lúc ấy, sau bữa ngọ trai, các Tỳ-kheo ngồi lại ở giảng đường, riêng cùng bàn luận:

– Mạng người ngắn ngủi, thân yên ổn không được bao lâu, sẽ phải đến đời sau rồi! Trời, người, các vật... không gì sinh ra mà không chết, những người ngu tối, keo kiệt không biết bố thí, không vâng giữ kinh đạo, cho làm thiện không phúc, làm ác không bị họa nặng, buông lòng, thả chí, không việc ác nào mà không làm, trái lời Phật dạy, về sau dù hối hận phỏng có ích gì!

Đức Phật dùng thiên nhĩ, xa nghe các vị Tỳ-kheo bàn luận về chuyện vô thường không gì hơn. Đức Thế Tôn liền đứng dậy, đến chỗ các vị Tỳ-kheo, lên tòa ngồi an tọa rồi hỏi:

– Các vị vừa bàn luận việc gì?

Các Tỳ-kheo quỳ gối, thưa:

– Sau bữa ăn, chúng con cùng nhau bàn luận về vấn đề mạng người thoáng chốc, không bao lâu phải sang đời sau... *như trên đã nói*.

Đức Thế Tôn khen:

– Lành thay! Lành thay! Rất thú vị! Đang khi các ông bỏ nhà học đạo, chí phải trong sạch, chỉ có điều thiện mới nên nhớ nghĩ. Tỳ-kheo đứng ngồi, phải luôn tâm niệm hai việc: Một là phải giảng kinh, hai là phải thiền định. Các vị có muốn nghe Ta giảng kinh không?

Các vị Tỳ-kheo đáp:

– Thưa vâng, chúng con nguyện vui thích lãnh hội.

Đức Thế Tôn kể:

– Thuở xưa có vị quốc vương tên là Câu-lạp. Nước ấy có một loại cây lớn, tên là Tu-ba-hoàn, chu vi thân cây năm trăm sáu chục dặm, rễ dưới

bốn phía rộng đến tám trăm bốn chục dặm, cao bốn ngàn dặm, cành tỏa ra bốn phía đến hai ngàn dặm. Cây ấy có năm mặt:

Mặt thứ nhất, vua và cung nhân cùng ăn. Mặt thứ hai, bá quan ăn. Mặt thứ ba, dân chúng ăn. Mặt thứ tư, đạo nhân, Sa-môn ăn. Mặt thứ năm, chim thú ăn. Quả của cây to bằng cái bình hai đấu, vị ngọt như mật, không có người giữ gìn, cũng không ai xâm phạm phá phách. Con người thời ấy đều thọ đến tám mươi bốn ngàn tuổi, họ đều có chín thứ bệnh: Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiểu tiện, ái dục, ăn nhiều, tuổi già, thân suy. Họ có chín thứ bệnh ấy, con gái đến năm trăm tuổi mới đi lấy chồng.

Bấy giờ, có vị trưởng giả tên là A-ly-niệm-di, của cải nhiều vô số. Niệm-di tự nghĩ: "Thọ mạng rất ngắn, không gì có sinh mà không có tử. Của báu nào phải là của mình, nhiều lần đem tai họa đến, chẳng bằng ta đem bố thí, cứu giúp kẻ nghèo đói, thiếu thốn. Đời sang tuy vui, nhưng không tồn tại lâu, chi bằng ta xa lìa nhà vứt bỏ mọi uế trược, giữ hạnh trong sạch, mặc ca-sa làm Sa-môn". Bèn đến chỗ chúng Tăng thọ giới Sa-môn. Những người thường thấy Niệm-di làm Sa-môn, có hơn mấy ngàn người, nghe lời dạy của bậc Thánh ấy, đủ hiểu rõ về lẽ vô thường, có thịnh tức có suy, không gì còn mãi mà không mất, chỉ có đạo là đáng quý, nên họ đều xin làm Sa-môn, thuận theo sự giáo hóa của ông. Niệm-di vì các đệ tử nói kinh:

– Mạng người ngắn ngủi, thoáng chốc vô thường, phải bỏ thân này, đến với đời sau, không có gì sống mà không chết, đâu được lâu dài! Vậy nên phải dứt tuyệt lòng keo kiệt, bố thí cho kẻ nghèo cùng thiếu thốn, thu nhiếp tình dục, không phạm các điều ác. Sống ở đời, mạng người trôi qua rất nhanh. Mạng người ví như giọt sương mai trên đầu ngọn cỏ, giây lát đã rơi, mạng người như thế nào được lâu dài! Mạng người ví như trời mưa nước xuống, bọt nổi liền tiêu, mạng trôi qua nhanh hơn cả bọt nước. Mạng người ví như sấm chớp loáng nhanh, giây lát diệt ngay, mạng trôi qua nhanh, hơn cả sấm chớp. Mạng người ví như dùng gậy đập xuống nước, nhắc gậy lên nước liền lại ngay, mạng trôi qua nhanh còn hơn cả việc này. Mạng người ví như chút dầu xào trên lửa mạnh, để trong giây lát là cháy rụi, mạng trôi qua nhanh hơn cả chút dầu cháy ấy. Mạng người ví như máy dệt, sợi liền qua lại chỉ một chút liền giảm tới hết. Mạng người ngày đêm hao mòn như vậy, nhiều buồn lắm đau nào được lâu dài. Mạng người ví như dắt trâu ra chợ mổ thịt, trâu dời một bước là gần đến chỗ chết một bước. Người sống một ngày như trâu bước một bước. Mạng sống trôi qua còn nhanh hơn như thế. Mạng người như nước từ núi đổ xuống, ngày đêm

tuôn mau, không phút giây ngừng nghĩ. Mạng người qua đi còn nhanh hơn thế. Ngày đêm hướng đến cõi chết, nhanh lẹ không dừng. Người ở thế gian lắm khổ cực, nhiều lo nghĩ. Mạng người khó được, vì lẽ đó, nên phải vâng theo chánh đạo, giữ giới, nghe kinh, không được chê bỏ, bố thí kẻ nghèo cùng, thiếu thốn, người sống ở đời không ai là không chết.

Niệm-di đã dạy các đệ tử như thế. Rồi lại nói tiếp:

– Ta bỏ lòng tham dâm, sân giận, ngu si, ca múa, đàn xướng, ngủ nghỉ, tà vạy, mà giữ lòng thanh tịnh, lìa xa ái dục, bỏ các hạnh ác, trong rửa sạch tâm cấu uế, ngoài diệt các niệm vọng, thấy thiện không mừng, gặp ác không lo, khổ vui không hại, hạnh ấy trong sạch, nhất tâm bất loạn, chứng được Thiền thứ tư. Ta dùng tâm Từ giáo hóa người, vật, khiến biết đường thiện, sinh lên trên cõi trời, thương mến xót xa sợ họ bị đọa vào cõi ác. Ta đã chứng đắc bốn Thiền và các pháp tịnh, không gì là không thấu đạt, lòng hoan hỷ. Đem chỗ chứng đạt ấy giáo hóa muôn vật khiến thấy được pháp thâm diệu về thiền định, Phật sự. Như có ai chứng đắc ta cũng vui giúp, nuôi dưỡng giúp đỡ muôn vật như tự giữ thân mình. Thực hành bốn việc ấy thì lòng chân chánh, bình đẳng, mắt nhìn thấy các sắc xấu đẹp, tai nghe lời khen tiếng chê, mũi ngửi mùi thơm, thối, lưỡi nếm vị ngon ngọt, đắng cay, thân chạm xúc mượt mà, thô ráp, nguyện ước vừa ý hay phiền não trái lòng, tốt không mừng rỡ, xấu không oán giận. Giữ sáu hạnh này đến lúc đạt đạo quả Vô thượng Chánh chân. Các vị cũng dốc thực hành sáu hạnh này để đạt đạo quả Ứng chân.

Niệm-di là bậc Tôn sư của các Thánh trong ba cõi, trí tuệ thông đạt, không chỗ sâu xa nào mà không thấu tỏ. Các đệ tử, tuy chưa tức thời đắc được đạo Ứng chân, nhưng chắc chắn là sau khi mạng chung, đều được sinh lên cõi trời. Kẻ tâm vắng chí lặng, chuộng thiền định, đều sinh lên cõi trời Phạm thiên. Thứ đến là sinh lên cõi trời Hóa ứng thanh, thứ đến sinh lên cõi trời Bất kiêu lạc, kế tiếp sinh lên cõi trời Đao-lợi, kế tiếp sinh lên cõi trời Đệ nhất, thứ đến nữa là sinh vào các nhà vương hầu ở thế gian. Hạnh cao được cao, hạnh thấp được thấp, giàu nghèo sang hèn, sống lâu hay chết yểu, đều do từ kiếp trước. Những kẻ vâng lời các giới của Niệm-di thì không còn khốn khổ. Niệm-di ấy là thân Ta. Các Sa-môn tu hành tinh tấn nên thoát được cái khổ của sinh, lão, bệnh, tử, ưu não, chứng được đạo lớn Ứng chân giải thoát. Người không đủ năng lực tu hành trọn vẹn thì ít ra cũng đạt được đạo Câu cảng, Tần lai, Bất hoàn. Người sáng suốt suy nghĩ sâu xa: "Mạng người vô thường, thoáng chốc không lâu. Sống một trăm tuổi thì có người được, người

không. Trong một trăm năm gồm có ba trăm mùa, xuân, hạ, đông, mỗi mùa có được một trăm. Lại trong số một ngàn hai trăm tháng, các tiết xuân, hạ, đông mỗi thứ có được bốn trăm tháng. Trong ba mươi sáu ngàn ngày, mùa xuân được mười hai ngàn ngày. Trong một trăm năm, phàm một ngày ăn hai bữa thì có được bảy mươi hai ngàn bữa, các mùa xuân, hạ, đông mỗi mùa tính được hai mươi bốn ngàn bữa. Trừ đi lúc còn nhỏ, chỉ bú mớm chưa thể ăn được, những lúc nghỉ ăn, hoặc ốm đau, hoặc sân giận, hoặc ngồi thiền, hoặc trai giới hoặc trường hợp nghèo khốn thiếu ăn, đều ở trong bảy mươi hai ngàn bữa ăn. Trong một trăm năm, đêm ngủ trừ đi năm chục năm, lúc còn bé trừ đi mười năm, thời gian bệnh trừ đi mười năm, lo nghĩ việc gia đình và các việc khác trừ đi hai chục năm, thì con người thọ một trăm năm chỉ được chừng mười năm vui mà thôi."

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Ta đã nói về thân mạng con người, nói về năm, tháng, ngày, về ăn uống, về tuổi thọ. Những điều Ta phải vì các thầy Tỳ-kheo thuyết giảng đều đã thuyết giảng rồi, những sở cầu của chí Ta đều đã thành tựu. Còn Tỳ-kheo các vị sở cầu, chí nguyện rồi cũng sẽ thành tựu, ở nơi núi đầm hay chốn tông miếu đều phải giảng kinh, nhớ đạo, không được biếng trễ. Kẻ sĩ đã quyết tâm sau này, không có gì phải hối.

Đức Phật nói kinh xong, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ, lễ Phật mà lui ra.

89- Kinh Vua Kính Diện.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Đến giờ ăn, chúng Tỳ-kheo mang bình bát vào thành khất thực, mà trời chưa đứng bóng nên lòng đều nghĩ nói: "Vào thành sớm quá, chúng ta nên đến giảng đường của Phạm-chí đạo khác ngồi nghỉ chốc lát." Mọi người đều nói: "Được". Rồi họ liền kéo đến chỗ đó, cùng các Phạm-chí hỏi thăm nhau, rồi ngồi vào chỗ. Khi ấy, các Phạm-chí cùng nhau tranh cãi về kinh điển, phần khúc mắc không giải được, chuyển sang oán giận, bài bác nhau, nói:

– Ta biết pháp ấy, ông biết pháp nào? Điều ta biết là hợp với đạo, còn chỗ ông biết thì không hợp đạo. Đạo pháp của ta nên thi hành, còn đạo pháp ông thì khó gần gũi được, điều đáng nói trước thì đem nói sau, điều đáng

nói sau lại đem nói trước. Nhiều pháp nói sai, như gánh nặng không thể cất lên nổi. Tôi vì ông giảng giải nghĩa lý mà ông không thể hiểu. Ông chẳng biết, ông thật không có được gì cả? Sao lại bức bách ta?

Trả lời thì dùng lưỡi sỉ vả, thành ra hại nhau, bị một lời độc thì đáp lại bằng ba.

Các vị Tỳ-kheo nghe họ nói những lời dữ như vậy, cũng không đồng tình với lời nói kiểu ấy, nhưng cũng không chứng minh được chúng phải. Các vị Tỳ-kheo đều đứng dậy, đi vào thành Xá-vệ khất thực. Thọ trai xong, cất bát, trở lại khu lâm viên Kỳ-đà, làm lễ Đức Phật, xong đều ngồi sang một bên, đem sự việc trên bạch với Đức Phật, nghĩ rằng đám Phạm-chí ấy tự làm khổ với cái học như thế. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Không biết tới khi nào hiểu được? Đám dị học đó không phải chỉ ngu tối một đời.

Này các Tỳ-kheo, vào thời quá khứ xa xưa, ở cõi Diêm-phù-đề này có vị vua tên là Kính Diện, thường đọc tụng các kinh quan trọng của Phật, trí tuệ như cát sông Hằng, đa số thần dân không tụng đọc, lại ưa thích sách nhảm, tin theo vết sáng của đom đóm mà nghi ngờ cái thấy xa của mặt trời, mặt trăng. Bèn đem người mù để dẫn dụ, muốn họ từ biệt vũng nước nhỏ mà đi vào biển lớn. Liền lệnh sứ giả đi khắp trong nước, bắt những người mù bẩm sinh đem về cửa cung vua. Sứ giả phụng mệnh thi hành, đem hết cả những người mù trong nước về cung, rồi tâu lên vua:

– Chúng thần đã bắt được những người mù mắt, hiện đang chờ dưới điện.

Nhà vua nói:

– Đem họ đi xem voi.

Quan phụng mệnh vua, dẫn những mù ấy đến chỗ voi, dắt tay chỉ voi cho họ xem. Trong bọn họ có người sờ được chân voi, có người sờ được phần ngọn của đuôi voi, có người sờ được bụng, có người sờ bên sườn, có người sờ lưng, có người sờ tai, sờ đầu, sờ ngà, sờ mũi... Bọn người mù ở chỗ voi tranh cãi nhau om sòm. Ai cũng cho rằng mình đúng, còn người khác sai. Sứ giả dẫn họ trở về, đem đến chỗ của nhà vua. Vua hỏi:

– Các ngươi thấy voi chưa?

Họ tâu:

– Chúng tôi đều thấy cả.

Nhà vua hỏi:

– Voi giống như cái gì?

Người sờ được chân, tâu:

– Thưa minh vương nó giống như cái thùng sơn.

Người sờ được phần cuối đuôi, tâu:

– Voi như cái chổi quét rác.

Người sờ gốc đuôi, tâu:

– Voi như cây gậy.

Người sờ bụng, tâu:

– Voi như cái trống.

Người sờ hông, tâu:

– Voi như bức vách.

Người sờ được lưng, tâu:

– Voi như cái ghế cao.

Người tóm được tai, tâu:

– Voi như cái nia để gạo.

Người sờ đầu, tâu:

– Voi như cái đấu lớn.

Người nắm phải ngà tâu:

– Voi như cái sừng.

Người sờ được vòi voi, tâu:

– Thưa minh vương, voi như sợi dây kéo lớn.

Rồi chúng lại ở trước mặt vua cùng tranh cãi nhau, ai cũng bảo:

– Voi đúng như lời con thưa.

Vua Kính Diện cười, bảo chúng:

– Những kẻ mù kia ơi! Những kẻ mù kia ơi! Lũ ngươi cũng như người không hiểu kinh Phật vậy.

Bèn nói bài kệ:

Nay bọn đui mù này
Cãi suông, tự cho đúng
Thấy một cho khác sai
Ngồi một voi cùng oán.

Nhà vua lại nói:

– Phàm chuyên chú vào đám sách vở nhảm bậy thì không thấy được kinh Phật mênh mông, không gì hơn, chân chánh ngất trời, không gì che phủ, khác nào bọn người không mắt.

Từ đấy, cả nước trên dưới lớn nhỏ đều đọc tụng kinh Phật.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vua Kính Diện ấy là thân Ta, còn những người mù mắt kia là đám Phạm-chí ở giảng đường. Lúc ấy, bọn họ vô trí, mù nên tranh cãi nhau, nay cãi nhau cũng vì mờ tối, ngồi tranh cãi nhau một cách vô ích.

Bấy giờ, Đức Phật kiểm đầy đủ sách ấy, khiến các đệ tử giải thích, vì đời sau làm rõ ràng, để cho kinh đạo được trụ thế lâu dài.

Đức Phật bèn nói kinh đủ nghĩa này:

Mình mù, nói họ chẳng bằng ta
Ngày một nặng si, lúc nào rõ
Mình không đạo, bảo là học hết
Đảo loạn không tu, bao giờ tỏ?
Hạnh quý thường làm tự biết
Hạnh tự thấy nghe khó sánh
Đã đọa năm nhà đời buộc
Thêu dệt há thắng người ngay!
Ôm si đứng ngóng nẻo thiện
Học tà mà mong được độ
Chân lý thấy nghe, suy nghĩ
Tuy giữ giới chớ chấp trước.
Thấy việc đời chớ thuận làm
Chỉ tuệ, niệm mới nên ham
Với bốn đẳng nên kính giữ
Chớ sinh tưởng không kịp người.
Dứt thế, đời sau nghiệp dứt
Bỏ vọng tưởng đi riêng mình
Chớ tự biết cho rằng sáng
Tuy thấy nghe, chỉ dốc quán.
Cả hai mặt đều vô nguyện
Thai, không thai cũng xa lìa
Hai chốn cũng vô sở trụ
Dốc quán chỉ đạt các pháp.
Chỗ thấy, nghe, ý thọ hành
Nẻo niệm tà chớ hề tưởng
Tuệ quán pháp ý cùng hợp
Từ đấy buông xả, đời không xa.
Tự không có, chỗ nào đợi?

Hạnh gốc, cầu mong phép mầu
Dốc giữ giới, chưa phải tuệ
Vượt bờ chẳng lại qua mau.

-oOo-

90- Kinh Vua Sát Vi.

Thuở xưa, Bồ-tát làm đại quốc vương tên là Sát Vi, chí trong hạnh sạch, chỉ quy y ba ngôi báu, xem đọc kinh Phật lắng lòng hiểu nghĩa, thấy rõ nguồn gốc của con người vốn tự vô sinh. Nguyên khí mạnh là đất, mềm nhuyễn là nước, nóng là lửa, lay động là gió, bốn thứ ấy hòa hợp thần thức sinh ra, bậc Thượng trí có thể biết, nên ngừng dục, rỗng lòng, thần thức trở về với gốc không. Nhân đó, ngài bèn thề:

– Ta phải giác ngộ cho đám người không biết: "Thần thức dựa vào bốn thứ ấy mà lập, lòng nhân lớn thì làm trời, lòng nhân nhỏ thì làm người, các hạnh uế tạp thì làm các loài động vật bò bay máy cựa, do nghiệp thọ thân nên có thiên hình vạn trạng. Thức cùng nguyện khí nhỏ nhiệm khó thấy, không mảy may dáng hình thì ai có thể nắm bắt được, nhưng thần thức ấy bỏ thân cũ, nhận thân mới, trước sau thật vô cùng".

Nhà vua đem việc hồn linh biến hóa làm thân vô thường, luân chuyển trong năm đường, triền miên không dứt, để giải thích cho đám quần thần hiểu, nhưng họ tối tăm không hiểu, vẫn còn nghi ngờ, thưa:

– Thân chết, thần sinh lại thọ thân khác, bọn thần phần nhiều ít biết được kiếp trước.

Nhà vua nói:

– Bàn luận chưa đủ hết các mối thì sao có thể biết được sự việc nhiều kiếp? Nhìn không thấy tăm hơi thì ai có thể thấy được linh hồn biến hóa?

Nhân một hôm nhàn rỗi, vua mặc áo vải thô đi ra khỏi cung, gặp một ông lão sửa giầy, hỏi đùa:

– Người trong cả nước ai là kẻ vui sướng nhất?

Ông già đáp:

– Chỉ có vua là vui sướng.

Vua hỏi:

– Vì sao cho là vui sướng?

Ông già đáp:

– Vua được bá quan cung phụng, triệu dân dâng hiến, muốn gì cũng được nấy, thế là không phải vui sướng sao?

Nhà vua nói:

– Để xem thử đúng như lời ông nói không.

Vua liền đem rượu bồ đào cho ông ấy uống đến say mèm không biết gì, rồi khiêng về đặt trong cung, gọi hoàng hậu, bảo:

– Ông lão sửa giầy này cho rằng làm vua vui sướng, ta nay muốn đùa hãy lấy vương phục mặc vào, khiến nghe việc nước, các người đừng sợ.

Hoàng hậu đáp:

– Kính vâng.

Hôm ông già tỉnh rượu, thị nữ vờ nói:

– Đại vương vừa say, mọi việc tồn đọng quá nhiều, nên phải xem xét, sắp ra lâm triều.

Bá quan giục ông làm việc. Ông ngơ ngơ ngác ngác không biết chuyện gì. Quốc sử ghi lỗi công thần kêu ca. Ngồi trên ngai cả ngày, thân thể đau nhừ, ăn không biết ngon, ngày một gầy sút. Cung nhân vờ nói:

– Sắc diện đại vương có hơi gầy, vì sao vậy?

Ông đáp:

– Ta nằm mơ làm ông lão sửa giầy, nhọc thân kiếm ăn, rất là khó tả, nên mới bị ốm.

Mọi người không ai là không lén cười. Đêm nằm không ngủ trăn trở nghĩ: "Ta là ông lão sửa giầy hay là Thiên tử thật? Nếu là Thiên tử, thì sao da thịt thô xấu thế này? Nếu vốn là ông lão sửa giầy thì cớ gì lại ở trong cung vua? Lòng ta hoang mang hay mắt ta loạn rồi? Thân ở hai nơi, không rõ ai là thật đây!"

Hoàng hậu vờ nói:

– Đại vương không được vui, xin tấu kỹ nhạc, dâng rượu bồ đào.

Ông lão lại say mèm không biết gì. Lại mặc cho quần áo cũ, đưa về nhà, đặt nằm trên cái giường thô xấu của lão. Tỉnh rượu, lão thấy mình ở trong ngôi nhà tồi tàn, quần áo xoàng xĩnh như cũ, toàn thân đau nhừ như bị đánh đập. Sau vài ngày, nhà vua lại đến. Ông lão nói:

– Hôm trước uống rượu của ông, say mê man không còn biết gì nay mới tỉnh dậy, trong say mơ thấy ở ngôi vua, xét đoán các quan, quốc sử ghi lỗi, quần thần kêu ca, trong lòng hoảng sợ, đau nhừ toàn thân như bị đánh roi, không thể đứng dậy. Mộng còn như thế huống chi làm vua thật! Chuyện tôi nói hôm trước nhất định là không đúng rồi!

Vua trở về cung, kể cho quần thần chuyện ấy, ai cũng cười ngất.

Nhà vua gọi quần thần bảo:

– Chỉ một thân này, đang còn thấy nghe đây, mà nay còn không tự biết, huống chi là đời khác, bỏ cũ nhận mới, trải các gian khổ, yêu quỉ ngăn che, đau đớn khốn khó, mà nói muốn biết nơi hồn linh đi thọ thân há không khó sao. Kinh dạy rằng: "Người ngu ôm lòng tà vạy mà muốn thấy hồn linh, chẳng khác nào đi trong đêm tối mà ngước lên nhìn trăng sao, chỉ khổ thân chết xác chứ khi nào thấy được!"

Từ đấy, quần thần cùng dân chúng cả nước mới rõ được hồn linh cùng nguyên khí hiệp nhau, đến chết rồi lại sinh, luân chuyển không cùng, nên tin sống chết, họa phúc có nẻo hướng tới:

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vua khi ấy là thân Ta.

Trí tuệ độ vô cực rộng khắp của Bồ-tát luôn thể hiện sự sáng suốt như vậy.

-oOo-

91- Kinh Vua Phạm Ma.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở nơi khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Các ông tu đức, phụng hành các điều lành ắt được phước lớn. Ví như nông phu, trước có ruộng tốt, cày bừa kỹ càng, mưa thấm thích hợp điều hòa, gieo hạt đúng lúc, lúc mọc lên gặp tiết, làm sạch cỏ rác, lại không bị tai hại, thì lo gì mà không thu hoạch tốt.

Thuở xưa, vào đời trước, khi Ta chưa thành Phật, lòng yêu thương rộng rãi cùng khắp, cứu giúp chúng sinh như mẹ hiền nuôi con đỏ. Ta làm như thế suốt bảy năm, lòng nhân công đức tỏ rõ, nên khi mạng chung, hồn linh được sinh lên làm vua Phạm thiên hiệu là Phạm Ma. Ở ngôi trời ấy trải qua bảy lần thành hoại của trời đất. Khi kiếp muốn hoại, Ta liền sinh lên cõi trời Ước tịnh thứ mười lăm. Sau đó thay đổi, lại về cõi Phạm thiên thanh tịnh không dục. Chốn ấy an nhiên, sau xuống cõi trời Đao-lợi làm vua ba mươi sáu phen, cung điện bảy báu, ăn uống, quần áo, âm nhạc thảy đều an nhiên. Rồi lại trở về thế gian làm Phi hành hoàng đế, bảy báu luôn bên mình là:

1. Bánh xe quay bằng vàng tía.

2. Ngọc thần Minh Nguyệt.

3. Voi trắng biết bay.

4. Ngựa lông biếc, bờm đỏ.

5. Vợ ngọc nữ.

6. Quan coi giữ các báu.

7. Quan thánh giúp đỡ.

Mỗi thứ có tám mươi bốn ngàn. Vua có một ngàn người con trai đều đoan chánh, tươi đẹp, nhân từ, vũ dũng, một người đương đầu được hàng ngàn người. Bấy giờ nhà vua đem năm giáo pháp để trị nước, dẫn dạy dân chúng nghe theo: Một là nhân từ không giết hại, mà ban ân khắp quần sinh. Hai là trong sạch, nhường nhịn, không trộm cắp, quên mình cứu người. Ba là trinh chánh không dâm dật, không phạm các dục. Bốn là thành tín không lừa dối, lời nói không thêu dệt. Năm là vâng giữ đạo hiếu không say sưa, hạnh không cấu nhiễm.

Thời ấy không xây lao ngục, không dùng roi gậy phạt người, mưa gió đúng thời, ngũ cốc dồi dào, tai họa không dấy, đời được thái bình, dân trong bốn châu thiên hạ cùng dắt nhau giữ đạo, tin làm thiện được phước, làm ác mang họa, nên khi chết đều được sinh lên cõi trời, không ai bị vào ba đường dữ. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vào thuở xa xưa ở kiếp trước, Ta dốc thực hành bốn đẳng tâm, công đức bảy năm ấy nên được lên làm vua trời Phạm thiên, xuống làm Đế Thích, trở lại thế gian làm Phi hành hoàng đế cai trị bốn châu thiên hạ đến hàng mấy trăm ngàn đời, công đức đủ đầy, các ác lắng diệt, các thiện nhóm về, thành Phật ở đời, riêng lời một bước, ba cõi hết mực tôn quý.

Các Tỳ-kheo nghe kinh, hoan hỷ lễ Phật lui ra.

Trí tuệ độ vô cực rộng khắp của Bồ-tát luôn thể hiện sự sáng suốt như vậy.

□

SỐ 153

PHẬT THUYẾT KINH BỒ-TÁT BẢN DUYÊN

** Tăng-già-tư-na soạn. *Hán dịch: Đời Đông Ngô, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, người nước Nguyệt chi.*

QUYỂN THƯỢNG

1- Phẩm Tỳ-la-ma:

Người tâm niệm hẹp hòi
Tuy thường làm bố thí
Người nhận không thanh tịnh
Khiến đạt quả báo nhỏ.
Nếu khi hành bố thí
Phước điền tuy bất tịnh
Nhưng sinh tâm rộng lớn
Quả báo không thể lường.

Tôi đã từng nghe, thời quá khứ có vị vua tên Địa Tự Tại, bản tánh bạo ác, hiếu chiến.

Bấy giờ, có tám vạn vị vua nước nhỏ, đầu đội mão báu quan, thường đến triều kiến, phục vụ.

Nhà vua thường nói những lời hung dữ, làm việc bất thiện, xâm lăng nước khác một cách phi pháp. Vua có một vị Bà-la-môn làm phụ tướng, tu hạnh thanh tịnh, trí tuệ vang xa, nói lời nhu hòa, không thô ác, làm việc gì cũng mau hoàn tất, diện mạo nghiêm trang, ai cũng kính trọng, tìm hiểu am tường hết bốn bộ Vi-đà, thông tỏ tất cả các kinh luận của Bà-la-môn.

Khi ấy, phụ tướng tuổi đã già, bị bệnh chưa lâu, đột ngột qua đời. Vua và dân chúng nghe tin này đều buồn bã, thương tiếc không nguôi. Nhà vua lúc nào cũng nhớ nghĩ, nói kệ với thần dân:

Làm sao cõi lớn này
Một ngày không người trị

Như thuyền không người lái
Theo gió trôi đó đây
Bậc mà ta tôn kính
Xuất gia đã thành tựu
Miệng nói lời ôn hòa
Thường làm lợi ích đời
Vì sao lại qua đời
Làm tâm ta sầu muộn
Cũng như không đèn sáng
Mà đi vào phòng tối.

Lúc ấy, các quan thưa với vua:

– Xin đại vương chớ quá sầu não, đừng cho rằng trong nước không còn người làm được phụ tướng. Vị Bà-la-môn đó tuy đã qua đời, con ông ta tuy nhỏ nhưng là hạng thông minh sáng suốt, diện mạo tươi đẹp vô song, lời nói nhu hòa vừa lòng mọi người, tu hạnh nhẫn nhục, tâm thường tịch tĩnh, không hề kiêu mạn tự đại, nghe nhiều học rộng, sách nào cũng thông suốt, luôn đem lại lợi ích cho mọi người cũng như Phạm thiên, tên là Tỳ-la-ma. Mong đại vương ra lệnh cho người ấy giữ chức phụ tướng.

Vua đáp:

– Nếu ông ta có con theo như các ngươi nói, vậy sao lâu nay ta chưa nghe bao giờ?

Các quan tâu:

– Đại vương, người con trai của vị Bà-la-môn ấy thường cầu chánh pháp, xa lìa tà pháp, mến giữ pháp của mình, chưa thi thố cho ai biết cả.

Vua nói:

– Nếu người ấy có tài, làm sao dám nghịch lại gia pháp của tiền nhân. Ai không noi theo nghiệp cũ thì không được gọi là người cầu chánh pháp. Tiên phụ người này trước đây thường đem chánh pháp giúp ta trị nước, làm cho chúng ta xa lìa các việc ác. Tuy xử lý việc trị nước như vậy, nhưng không vi phạm pháp Bà-la-môn. Nếu người ấy đúng như các ngươi nói hãy mau triệu đến đây.

Quần thần tuân lệnh sai sứ giả triệu Tỳ-la-ma đến gặp nhà vua.

Đến nơi, Tỳ-la-ma khép nép quỳ tâu:

– Đại vương, hôm nay vì sao thần được bệ kiến?

Vua đáp:

– Ngươi không biết sao? Ta bạc phước, quan phụ tướng là cha ngươi

chẳng may qua đời, cả nước nghiêng ngửa, muôn dân xao động. Ta vì việc này nên ưu tư sầu muộn.

Tỳ-la-ma tâu vua:

– Yêu thương thì phải xa lìa, không phải chỉ riêng vua mới bị như vậy, đều là tướng trạng của pháp hữu vi. Đại vương chưa từng nghe hay sao? Trời, Rồng, Quỉ, Thần, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Sa-môn, Bà-la-môn, từ già đến trẻ, không ai thoát chết cả. Đại vương, tất cả chúng sinh chắc chắn bị như vậy. Thưa đại vương, như tánh của lửa là thiêu đốt tất cả vật chất. Pháp vô thường cũng như thế, luôn tiêu diệt tất cả chúng sinh. Ngài biết không, già bệnh chết giết hại chúng sinh, như cây hoa trái ở ngả tư đường, thường bị mọi người hái phá. Đại vương như sông mạnh thường chảy không ngừng, mạng sống của chúng sinh cũng như vậy. Đại vương, như Kim sí điểu bay xuống Long cung bắt rồng ăn thịt, như sư tử tung hoành giữa bầy nai, tất cả chúng sinh lưu chuyển trong ba cõi, đối với sự chết cũng như vậy. Đại vương, như thế thì đối với sự chết không thể dùng sự thân cận, tài vật, cầu xin biếu tặng, lời dịu dàng dụ dỗ mà thoát khỏi, cũng không thể dùng thế lực của bốn loại binh để áp bức, chế ngự làm cho thoái lui tan rã. Như vậy sự chết luôn hiện hữu, là pháp thường của chúng sinh. Vì thế mà, đại vương đối với việc này không nên buồn rầu.

Khi nghe như vậy, vua vui vẻ, nói với quần thần:

– Thật hiếm có! Đồng tử này tuy tuổi còn nhỏ, mà nói những lời của các bậc tiền bối kỳ cựu.

Vua nói với Tỳ-la-ma:

– Người biết không, cha người luôn yêu mến, ủng hộ ta, xem như con đỏ. Thế nên, ta nhớ tới ân sâu ấy mà ưu sầu không nguôi. Nay ta nhu nhược, vô trí, theo như người nói, ta thật không biết gì. Nếu ngươi thấy như vậy, xin thương xót xem xét, mong ngươi thừa kế sự nghiệp của cha, ta xin thành tâm trọn đời quy y.

Tỳ-la-ma suy nghĩ: "Hôm nay tại sao ta gặp phải việc khó khăn quá, nghe thế này không biết phải làm những gì! Cũng như người yếu phải đi bộ qua núi cao... Nay nếu ta kế tục sự nghiệp của cha làm việc nước, tuy có nhiều lợi ích cho muôn dân, nhưng những pháp thuần thiện của ta tu tập tất bị tổn giảm. Vua trị nước phải hợp với tâm ý của dân chúng, lại có vô số những việc lỗi lầm, đó là hình phạt, cướp đoạt tài sản của người, xâm lăng thiên hạ, hoặc đuổi hoặc rượt ta, sẽ tuân lệnh vua làm những việc như vậy. Nếu làm theo pháp đúng, thì ta bị tổn hại. Nay, nếu ta muốn tu tập

pháp thiện, thì không đáp ứng được lòng hoài vọng của vua. Nếu theo đúng pháp của vua, thì pháp thiện ngày càng suy giảm."

Trong khi Tỳ-la-ma suy nghĩ như thế thì nhà vua hỏi:

– Đại sư đang suy nghĩ về điều gì?

Tỳ-la-ma tâu:

– Thần đang nghĩ nên dùng phương pháp gì để làm cho đại vương và đất nước đều được lợi ích, không bị suy tàn và cũng suy nghĩ về phước đức cùng lỗi lầm của vua và dân chúng trong nước. Ai trước làm thiện sau lại làm ác, không gọi là người. Đại vương, thà nói thật mà bị oán ghét, không nên dua nịnh để làm thân thiết. Thà nói chánh pháp mà bị đọa địa ngục, không nói dua nịnh để sinh lên trời. Đại vương, thần đang tư duy trù tính việc này, người nào nghĩ được ý nghĩa này, phải biết người ấy có thể đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Vua nghe nói, vui mừng lên tiếng:

– Đại sư, nếu chúng ta có thể thi hành pháp ấy, thì sự tu tập theo pháp thiện tu tập không bị suy giảm.

Bấy giờ, Tỳ-la-ma phụng mệnh vua kế thừa sự nghiệp của tiên phụ làm phụ tướng, sau đó dần dần khuyến hóa nhà vua cùng tám vạn bốn ngàn tiểu vương đều tu trì theo chánh pháp và làm cho dân chúng trong nước tránh xa việc ác, không tham chuộng năm dục.

Khi ấy, nhà vua tu tập vô lượng pháp thiện cũng như Tỳ-la-ma không khác.

Tỳ-la-ma thấy nhà vua tiến bộ như vậy, rất vui mừng, nghĩ: "Ta đã tham gia việc trị nước, nhưng pháp thiện của ta không bị suy giảm... Ta cần phải dùng những cách gì để khuyến khích chúng sinh, làm cho họ sinh chánh tín đối với đạo Phật. Nhưng chúng sinh căn tánh không đồng, hoặc thích nghe pháp, hoặc tham tài sản, hoặc đắm năm dục, hoặc ưa lời trìu mến, hoặc hiếu động thân cận nhiều người, hoặc muốn làm theo hạnh người thiện, hoặc ham hưởng thụ ý không biết chán. Ta may mắn có trí tuệ, với những phương tiện nhiếp phục tất cả chúng sinh, đưa họ đến an trú nơi đạo Vô thượng Chánh giác. Ta cũng phải có các phương tiện khác. Ví như mặt trời mọc chiếu sáng khắp nơi, nhưng không thể làm cho người mà mắt thấy được. Ta cũng vậy, có thể thuyết về đạo Vô thượng cho tất cả chúng sinh, nhưng không thể đem lại lợi ích cho người không có mắt trí tuệ. Ta cần phải cung cấp đầy đủ y phục thức ăn theo nhu cầu của họ. Sau khi tâm họ hoan hỷ, ta sẽ thuyết pháp làm cho họ tin nhận."

Sau khi suy nghĩ việc này, Tỳ-la-ma đến gặp vua, tâu:

– Thần đã làm vô số pháp thiện cho chúng sinh rồi. Gồm có ba pháp: tu tập chánh pháp, thu nhập tiền tài theo ý nguyện, làm cho cả nước an lạc không có oán thù, chánh pháp phát triển như ánh trăng hiện ra tỏa sáng, tiếng tốt vang khắp mười phương. Cầu xin đại vương cho phép hạ thần tu hành theo chánh pháp vô thượng.

Khi nhà vua nghe nói, sợ mừng lẫn lộn, dựng tóc gáy, thưa:

– Đại sư, ngài muốn làm gì, xin dạy bảo.

Tỳ-la-ma nói:

– Nay, thần muốn tổ chức các lễ bố thí lớn, xin ngài cung cấp vật cần dùng trong cuộc lễ và chọn một nơi rộng ngoài thành dựng hội trường bố thí. Cầu xin đại vương khéo nói lời khuyến dụ khiến những người phục vụ không được sân hận với thần.

Nhà vua và những người phục vụ đều hoan hỷ cung kính chuẩn bị đầy đủ những thức ăn uống cần dùng, đánh trống tuyên lệnh khắp bốn phương, người nào cần y phục, thức ăn, vật để nằm, dược phẩm, voi ngựa, xe cộ, hương hoa, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, nhà cửa, đèn sáng, thì tập hợp đến đây, sẽ được cung cấp. Có bài kệ:

Ta vì lợi ích
Thế gian cho nên
Tùy theo chúng sinh
Cần dùng vật gì
Cho đến thân thể
Tay chân thịt máu
Khi xả bỏ ra
Xem như cỏ rác
Các ngươi nếu nhận
Trong lúc cúng dường
Thì phải tất cả
Tư duy pháp thiện
Nhận cúng dường xong
Không nên tham lam
Nên dùng pháp thiện
Làm lợi tất cả
Nếu theo sức ta
Mau đến Niết-bàn
Nhưng vì chúng sinh
Lưu chuyển sinh tử

Thế nên ở mãi
Không nhập Niết-bàn
Vô lượng chúng sinh
Trong ngục già chết
Ta muốn cứu họ
Vĩnh viễn thoát ly.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Tỳ-la-ma tổ chức lễ cung cấp bố thí làm cho vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sinh tùy ý thụ hưởng đầy đủ theo nhu cầu, nhân đó nói pháp:

– Các đại đức, nay tôi quên thân mình để phục vụ quý vị. Các vị nay đã thọ nhận mọi sự cúng dường, muốn tự đạt được lợi ích, nên quán sát chánh pháp. Nếu khi sắp qua đời, tuy có cha mẹ vợ con thân tộc, vô số tài sản, nhưng không thể làm cho sống thêm được một giây phút nào. Khi mạng chung, một mình đơn độc qua thế giới khác. Cha mẹ vợ con thân quyến tài sản không thể đi theo mình. Chỉ có hạnh nghiệp là không hề rời mình.

Tỳ-la-ma nói kệ cho đại chúng:

Vì cha mẹ thân tộc
Làm những việc xấu ác
Khi chết đọa ba đường
Không có ai theo cả
Trong đời sống hiện tại
Nếu khi bị khổ não
Tuy có cha mẹ anh
Không giúp được chút nào
Huống chi đời vị lai
Làm sao thay thế được
Thế nên phải nhất tâm
Không vì người, làm ác.

Các Đại đức, hiện nay các vị an ổn không bệnh. Đó là chưa bị các bệnh già suy, bệnh phổi, hen suyễn, đau đầu, phải nên tinh tấn tu tập các pháp thiện.

Đấy là Đại Bồ-tát Tỳ-la-ma dùng hai nhiếp pháp để hướng dẫn chúng sinh, là tài và pháp. Đủ chín mươi ngày, qua hết mùa hạ bố thí theo ý nguyện là tám vạn mâm vàng đựng lúa bạc, tám vạn bò nhỏ, tám vạn bò sữa kèm con bê, mỗi con bò này mỗi ngày cho một đấu sữa, dùng toàn vải trắng che trên thân, trang sức với sừng bọc vàng, móng bọc bạc. Tám vạn

đồng nữ xinh đẹp, trang sức với vàng, vật báu, chuỗi ngọc. Mỗi cô kèm theo một cô hầu để sai khiến làm cho thêm phần trang trọng. Mỗi cô gái có một cái giường hoặc bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ngà voi, gỗ thơm; ở trên trải các loại nệm mềm mại. Tám vạn chiếc xe bò, tám vạn voi ngựa và các kho lúa thóc, tiền tài châu báu, không thể kể xiết. Sau khi bố trí với tất cả những vật như vậy rồi, Tỳ-la-ma suy nghĩ: "Những vật bố thí này còn thiếu gì không?"

Bồ-tát nói với các Bà-la-môn:

– Quý vị biết cho, tôi tập trung các loại vàng bạc, nữ nhân, xe cộ, voi ngựa, kho lúa thóc, châu báu, chính vì quý vị. Mong quý vị im lặng, không nói chuyện trong vài phút để nghe ý nguyện của tôi, sau đó tùy ý cùng nhận phần rồi về.

Khi tất cả các Bà-la-môn đều im lặng, Bồ-tát vì các chúng sinh tự răn tâm mình: "Này tâm! Hành động của ngươi thường mong cầu quả báo, như khỉ vào rừng rậm". Bồ-tát nói kệ:

Nay, bố thí của tôi
Khắp vì các chúng sinh
Tôi bố thí thế này
Thật không mong quả báo
Thí, chỉ mong chúng sinh
Đều thọ nhận an lạc.
Vì ngươi ham điều thiện
Thì ở mãi trên trời
Ngươi tham làm việc ác
Bị đọa mãi địa ngục,
Lại cũng vì tham đắm
Làm đại thí chủ này
Hoặc làm người bần cùng
Mà bố thí rộng lớn.
Có khi nhiều tiền của
Nhưng tham lam keo kiệt
Chính vì giàu có ấy
Tự đọa vào bần khổ.
Lại kẻ sống phóng túng
Ở mãi trong sinh tử
Bị luân hồi vô cùng
Như xe lăn trên đất.

Ta từ lâu đến nay
Kính thuận phục vụ ngươi
Tuy làm việc như vậy
Không phải để ngươi vui.
Nay, ngươi phải an trú
Trong bất động tịch tĩnh
Việc bố thí của ta
Vì tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Tỳ-la-ma với tay phải cầm bồn nước rửa, với tâm Đại từ bi thương tưởng đến tất cả các loài chúng sinh, sụt sùi rơi lệ tự nghĩ: "Ta bố thí không vì cầu làm Phạm vương, Ma-hê-thủ-la, Thích Đề-hoàn Nhân. Giả sử có bậc nào hơn ba vị ấy, ta cũng không mong cầu. Chỉ cầu thành Phật, vì đem lại lợi ích cho chúng sinh, đoạn trừ các phiền não. Nay ta nên xả bỏ thân mình, vợ con, nô tỳ, người hầu, châu báu, nhà cửa, chỉ cầu giải thoát, không cầu sinh tử. Ta bố thí nữ nhân dịu dàng vì nguyện cho chúng sinh trong đời vị lai đoạn trừ hết tham dục. Ta bố thí năm loại thức ăn làm từ sữa bò, nguyện cho chúng sinh trong đời vị lai thường ban cho người khác các pháp vị. Ta bố thí vật dụng để nằm như vậy, nguyện cho tất cả chúng sinh trong đời vị lai chắc chắn được ngồi nơi tòa Kim cang của Như Lai. Ta bố thí các loại châu báu, nguyện cho tất cả chúng sinh trong đời vị lai chắc chắn được bảy phần Bồ-đề quý báu của Như Lai."

Sau khi nghĩ như vậy, từ chỗ ngồi cao nhất Bồ-tát tuần tự rót nước rửa nhưng nước không chảy, cũng như người tiếc của không chịu bố thí.

Bồ-tát suy nghĩ: "Vì sao nước rửa này không chảy xuống? Phải chăng nguyện của ta trong đời vị lai sẽ không thành tựu? Cái gì đã ngăn lại làm cho nước không chảy, chẳng lẽ trong hội này không có bậc Đại đức? Chẳng có ai xứng thọ cúng dường của ta chăng? Hay là sự bố thí của ta không khắp hết? Hay là người phục vụ của ta không hoan hỷ? Chả lẽ trong hội này có sự sát sinh? Ta biết chắc là không có gì hại tới chúng sinh. Sự bố thí của ta hiện nay là đúng lúc, cũng không xét chọn người đáng nhận hay không đáng nhận, vậy tại sao rót nước không chảy xuống?".

Khi ấy, Bồ-tát thấy các Bà-la-môn vì những người nữ nên sinh tâm tham lam, ganh ghét, phát sinh giận dữ, tranh nhau nói: "Cô gái xinh đẹp kia hãy để cho ta, ngươi không được lấy." Con bò kia mập mạnh hãy để cho ta, ngươi không được lấy. Vàng bạc, mâm lúa... cho đến các thứ châu báu cũng đều như vậy cả.

Thấy các Bà-la-môn tham lam tranh giành các vật, sân hận với nhau, Bồ-tát thầm nghĩ: "Những người thọ nhận này do tham lam, sân hận, ngu si nên tâm cuồng loạn, thật không nên nhận. Cúng dường như thế này khác nào xe bị gãy trục, căm vành bị hư không thể chuyên chở được. Ta cũng như vậy, hạt giống thật tốt mà ruộng thì cằn xấu. Vì những người thọ nhận này tâm bất thiện, nên khiến cho nước rót xuống không chịu chảy. Nay, tuy ta tổ chức bố thí thế này, cũng không có người dạy ta phát tâm cầu Chánh giác, mà ta tự phát tâm vì tất cả chúng sinh. Nay, nên thí nghiệm, nếu ta thật lòng thương đối với tất cả chúng sinh thì nước chảy xuống." Nghĩ xong, Bồ-tát dùng tay trái cầm bồn rưới xuống thì nước liền chảy xuống tay phải Bồ-tát.

Các Bà-la-môn thấy vậy, đều sinh hổ thẹn, bỏ vật được bố thí, tu hành phạm hạnh. Họ cùng nhau đảnh lễ, cầu thỉnh Bồ-tát làm Hòa thượng. Bồ-tát thương xót họ nên nhận lời, dạy họ tu học bốn tâm vô lượng, nhờ nhân duyên ấy nên sau khi qua đời đều được sinh cõi trời Phạm thiên, khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Chánh giác vô thượng.

Khi Đại Bồ-tát hành Bố thí ba-la-mật, không thấy đây là phước điền, đây là phi phước điền, cũng không phân biệt thân sơ. Thế nên Bồ-tát khi bố thí, dù nhiều ít tốt xấu, nên với một tâm thanh tịnh dâng lên, không được có tâm xem thường người nhận.

2- Phẩm Nhất Thiết Thí:

Tất cả các Bồ-tát
Vì lợi ích chúng sinh
Nên xả bỏ mạng mình
Xem như cỏ, phân uế.

Tôi từng nghe:

– Thời quá khứ có một vị vua tên Nhất Thiết Thí. Khi vua mới sinh, hướng đến cha mẹ nói lời thế này: "Con đối với tất cả vô lượng chúng sinh, còn có thể xả bỏ cả thân mạng quý trọng, huống chi là các vật châu báu khác của con".

Vì vậy, cha mẹ rất quý trọng người con, đặt tên là Nhất Thiết Thí. Từ khi sinh ra, thân thể lớn dần theo hạnh bố thí, như mặt trăng đầu tháng lớn dần đến ngày mười lăm. Sau đó không bao lâu, phụ vương băng hà, hoàng tử nối nghiệp lớn của cha, trị nước đúng theo pháp, giáo hóa, không ức hiếp

muôn dân, giữ gìn tự thân không can dự việc người, không xâm lăng nước khác. Nếu họ đến quấy nhiễu thì trị phạt nhưng không bắt giữ. Cứu giúp dân nghèo, trợ cấp tài sản. Cung kính các hàng Sa-môn, Bà-la-môn... Thường bố thí thức ăn cho chúng sinh với tự tay thanh tịnh, chính miệng thường tuyên bố: "Cho người này thức ăn, cho người này quần áo, cho người này tài sản vật báu, thương yêu người này, săn sóc người này."

Bấy giờ, Bồ-tát thường làm việc bố thí hoàn toàn như vậy, khiến dân chúng nước láng giềng nghe công đức của vua như thế nên thường quy phục, do đó đất nước vua càng thêm đông đúc hầu như không còn chỗ trống. Như nước lũ trên đỉnh núi chảy xuống làm đầy tràn khắp các chốn khe suối, hang hố vực sâu. Cũng như cứ nửa tháng, nước thủy triều dâng, dân chúng nước khác đến quy phục trong nước ấy đông đảo cũng như vậy. Nước khác bị giảm thiểu dần dân số, nên sinh phẫn nộ, cùng nhau bàn luận việc chinh phạt. Sau khi thương nghị, họ tập họp bốn loại binh cùng kéo đến nước của Bồ-tát. Khi ấy, quan trấn thủ biên giới, từ xa về tâu vua:

– Nước oán tặc bên cạnh đã xâm lăng giống như cuồng phong, gió đen, mưa dữ.

Nhà vua bảo:

– Các khanh không nên làm loạn tâm ta.

Vua nói kệ:

Nước bên sở dĩ
Đến đánh nước ta
Chính vì muôn dân
Kho tàng châu báu
Vui thay! Rất hay
Nên thí cho họ
Ta nên xả bỏ
Xuất gia học đạo
Có nhiều quốc vương
Vì năm dục nên
Xâm chiếm của dân
Chứa cất không chán
Nên biết vua ấy
Sau khi qua đời
Bị đọa địa ngục
Súc sinh, ngạ quỉ.

Vì thế, nay ta không nên vì thân mình mà làm hại chúng sinh, đoạt

tài sản của họ, vậy ta sẽ tự bỏ đi.

Các quan lớn cùng dân chúng cùng tâu:

– Cầu xin đại vương đừng bỏ đi, tự chúng tôi có thể chống cự kẻ địch này. Ngài hãy xem, hôm nay chúng tôi sẽ dùng năm loại binh, trang bị gươm giáo đầy đủ tất sẽ dẹp tan sạch hết lũ giặc, như gió bão thổi bay hết mây mưa.

Vua đáp:

– Than ôi! Này các khanh, từ lâu ta đã biết các khanh có lòng yêu mến, tôn trọng, hộ vệ ta, cũng biết các khanh hùng dũng hơn người, vũ lược mưu kế bậc nhất, nhưng vua bên địch gây ra việc này, đều không phải vì các khanh mà chính là vì ta. Giả sử họ đến không làm hại các khanh, thế sao lại sinh tâm ác như vậy. Ta từ lâu đã biết việc này, thân năm ấm là đích của các mũi tên. Các khanh biết không, ta từ lâu đã nói cho các khanh biết chư Bồ-tát đối với chúng sinh luôn thương tưởng như đối với con một. Các khanh không nên có tâm sân hại đối với chúng sinh khác vì biết chắc sân hại sẽ làm cho mình bị đọa địa ngục. Vậy nên các khanh phải nhất tâm tu thiện.

Trong khi Bồ-tát giảng dạy như vậy, thì quân giặc từ xa kéo đến, reo hò vang dậy. Nhà vua nghe tiếng reo, hỏi quần thần:

– Đấy là tiếng gì?

Quần thần đều buồn khổ, khóc than tức tưởi, tâu vua:

– Giặc ác không bị ngăn, đã giết hại nhiều người, cũng như mưa đá dữ làm hại năm thứ lúa thóc, như lửa dữ thiêu rụi cỏ khô, như bão dữ xô ngã cây lớn, như sư tử sát hại các loài cầm thú, bọn oán tặc sát hại dân chúng cũng như vậy.

Bấy giờ, quần thần không nghe theo lời dạy của vua, tự phân tán trang bị cho bốn loại binh để chiến đấu chống lại quân địch. Nhưng quân binh không có chủ tướng nên bị đánh lui, tan rã. Binh lính bị chết nhiều không kể xiết.

Khi ấy, vua lên lầu nói:

– Nhân vì ác dục làm cho con người hành động ác. Như thế thì các dục cũng như thây chết, nhà xí, phẩn uế, tại sao chỉ vì dục mà làm ác? Người ngu vì tham đắm nơi quốc gia nên sinh tâm cạnh tranh, cũng như bầy chim tranh giành nhau miếng thịt. Những chúng sinh ấy luôn có kẻ oán ghét là già bệnh chết. Tại sao không tự mình quán sát kỹ về kẻ oán này, ngược lại chỉ đi cạnh tranh với kẻ khác.

Lúc vua Nhất Thiết Thí suy nghĩ về việc này, thì vua nước địch đã vào trong cung. Nhà vua bèn đi theo ống nước chạy vào rừng sâu, đến khu rừng rậm thì thoát được giặc. Nơi ấy thanh tịnh, cây cối với các loại hoa quả nhiều vô số. Nước trong mát dịu ngọt, đủ tám mùi vị. Các loại chim phù, chim nhạn, cùng các loài cầm thú cũng rất nhiều. Nhà vua thấy vậy nên rất vui mừng, nói:

– Nay, ta đã thật thoát khỏi ngôi nhà lỗi lầm, khổ não. Vô số chúng sinh thường bị bao mối già, bệnh, chết khống chế làm cho khổ não. Nay ta đã tới được nơi chốn thanh tịnh, an lạc này thật khoan khoái không thể tả hết. Rừng này là trú xứ của Bồ-tát tu tập từ bi, cũng là thành trì vững chắc cho người phá trừ bốn loại ma. Ta đã được thân tâm thanh tịnh, tẩy sạch các cáu bẩn, cùng làm bạn với những con nai, thân tâm càng thêm an lạc, thọ nhận mọi khoan khoái cùng cực.

Khi vua oán địch chiếm được nước kia rồi, liền rao lệnh tìm kiếm vua cũ. Người nào tìm được vua Nhất Thiết Thí, hoặc giết hoặc trói đem về đây, thì sẽ trọng thưởng cung cấp tất cả mọi thứ vật dụng tùy theo yêu cầu. Bởi vì trước đây vua ấy thường tự xưng tụng mình tu tập chánh pháp, chê bai chúng là bạo ngược làm ác. Thế nên, nay vua mới này muốn gặp ông ta để chỉ cho thấy kết quả của việc tu thiện kia.

Tại địa phương xa khác, có một Bà-la-môn nghèo cùng, tiều tụy, xin ăn để sống, qua ngày gặp phải việc quan không nơi nhờ cậy, nghe tên họ vua thích làm việc bố thí, liền từ nước mình đi về nước của vua để cầu xin, giữa đường đói khát, mệt nhọc, tạm nghỉ trong rừng, tự than thở:

– Nơi này tịch tĩnh là trú xứ của Thánh nhân, hoặc là nơi ở của bậc Thần tiên ly dục, của các hạng người cầu giải thoát, đoạn tuyệt ăn uống, không giữ nô tỳ, không đi xe ngựa, ít muốn biết đủ, ăn trái khô, củ rễ, dược thảo. Chỗ ở của người có tâm Đại bi cũng là nơi tất cả các loài chim bay thú chạy không hề sợ hãi. Tự tại Thiên vương, vì muốn khiến cho chúng sinh thấy rõ gia đình là chốn lỗi lầm, khổ hoạn nên hóa ra nơi này.

Vua Nhất Thiết Thí nghe nói vậy, rất vui mừng, liền đi đến gặp vị kia, chào hỏi, mời ghé chỗ mình.

Sau khi ông Bà-la-môn an tọa, vua Nhất Thiết Thí bèn đem các loại trái cây ngon ngọt mời ông ta. Ăn xong, nhà vua hỏi:

– Đại Bà-la-môn, nơi này đáng sợ, không có dân chúng, ở đây chỉ có người tu đạo nhàn tịnh sống riêng lẻ, vì sao ông lại tìm tới?

Bà-la-môn nói:

– Người không nên hỏi tôi về việc này. Người là bậc phước đức thanh

tịnh, xa lìa sự trói buộc của lao ngục gia đình, vì sao hỏi tôi về sự việc ấy. Người không nên nghe lời nói ác trược: Nếu ai xâm phạm ta, ta sẽ xâm phạm lại. Nếu ai đoạt của ta, ta sẽ đoạt lại của họ, làm cho tài sản tiêu tán, thân tộc chia lìa, vì sống tại gia nên phải chấp nhận như vậy. Đại đức, nay ngài đã đoạn trừ tất cả mọi thứ ràng buộc, an trú trong núi rừng, như loài voi mạnh quý giá, luôn tự tại vô ngại.

Bồ-tát Nhất Thiết Thí nói:

– Người nói ra những lời thanh tịnh, dịu dàng, vì sao không cùng ta trú ở nơi này?

Bà-la-môn đáp:

– Nếu muốn nghe, tôi sẽ trình bày rõ cho ngài. Quê hương của tôi cách đây rất xa, bạc phước nên gặp phải vua bạo ngược, cũng như sư tử ở giữa bầy nai, không bao giờ có một chút tâm niệm từ thiện. Vua nước tôi bạo ngược cũng giống như loài thú dữ ấy, không có tâm từ mẫn với muôn dân, có tội, không tội chỉ tiền bạc là xong. Tôi từ khi sinh ra đến nay luôn đề phòng cẩn thận, chưa từng phạm một chút nhỏ luật lệ của vua. Vô cớ vua bắt cả gia đình tôi giam giữ, bắt tôi phải nộp năm mươi tiền vàng, nộp đủ thì sẽ tha tội gia đình tôi, nếu không thì không thả ra, phải bị nhốt mãi nơi chốn tối tăm và còn bị đánh đập. Sắp đến kỳ hạn phải nộp tiền vàng, nhưng gia cảnh nghèo cùng không sao có đủ. Tôi nghe nước này có vua Nhất Thiết Thí, ưa làm việc bố thí, giúp đỡ người nghèo. Sự bố thí bất tuyệt, như cây trong mùa xuân hạ, hoa quả liên tục, như nước trong mát nơi đồng rộng ruộng vắng, người khát qua đó tùy ý uống, như hội lớn thực hiện việc bố thí không ai ngăn chận. Nay tôi lược nói, giả sử có người có ngàn cái đầu, mỗi đầu có ngàn miệng, miệng có ngàn lưỡi, mỗi lưỡi giải ngàn nghĩa, muốn tán thán đủ công đức của vị vua này cũng không thể hết được. Vua ấy đã thành tựu danh đức như vậy. Nay gia đình tôi gặp phải vua bạo ác, vô cớ mắc phải tội, lại không biết dựa vào đâu, thế nên tôi muốn đến chỗ nhà vua kia trình bày cầu xin theo chỗ mình cần. Nhưng trong tâm tôi thường suy nghĩ: "Bao giờ thì mới đến được nơi tùy ý cầu xin! Nếu vị đại vương kia biết được hoàn cảnh của tôi, thương xót, cung cấp ít nhiều, thì gia đình tôi có thể nhờ đấy mà bảo toàn sinh mạng. Nếu xin không đủ số, tôi sẽ không sống nổi."

Khi Bồ-tát nghe việc này, tâm bị xúc động mạnh nên ngất xỉu, ngã lăn ra đất, cũng như gió bão dữ làm ngã cây đại thọ.

Bà-la-môn liền lấy nước rưới lên mình nhà vua, khiến cho tỉnh lại và hỏi:

– Đại tiên, ngài nghe gia đình tôi bị khổ não như thế nên tâm ý ngài sầu muộn phải không? Ở đây thanh tịnh làm ngài yêu thích, thường sinh tâm Bi. Nay tôi gặp phải hoàn cảnh như vậy còn không sầu khổ, ngài vì sao mà quá khổ não đến thế?

Vua đáp:

– Ông có ý muốn gặp được vua kia. Ông thật không may vì người chánh trực đã không còn. Ông có đến nơi chắc chắn cũng không gặp, nên tôi buồn khổ.

Bà-la-môn hỏi:

– Nhà vua ấy bỏ đi đâu?

Vua Nhất Thiết Thí đáp:

– Có vua nước thù địch đến chiếm đoạt vương vị của vua ấy. Hiện nay vua ấy chạy trốn trong rừng vắng, chỉ làm bạn với cầm thú.

Bà-la-môn nghe nói vậy liền ngất xỉu. Vua Nhất Thiết Thí bèn rưới nước lạnh, làm cho ông ta tỉnh lại, rồi an ủi:

– Ông hãy ngồi dậy, đừng sầu khổ nữa.

Bà-la-môn nói:

– Hôm nay chắc tôi phải chết! Vì sao? Là vì điều mong muốn của tôi đã tan nát, tôi làm sao gượng dậy nổi, chắc chắn là không sao sống được.

Bấy giờ, vua Nhất Thiết Thí phát sinh tâm Từ bi, suy nghĩ: "Thật thương cho bậc đạo sĩ này, vì ý nguyện không được kết quả. Như hàng ngạ quỉ từ xa mong có nước trong, đến nơi thì lại không uống được, tâm quá sầu khổ nên ngã lăn ra đất. Bà-la-môn này cũng như vậy!"

Nhà vua bèn gọi:

– Bà-la-môn ơi! Ông hãy ngồi dậy! Ông hãy ngồi dậy! Vua Nhất Thiết Thí chính là ta. Trước đây ông muốn thấy, nay đã được gặp, vì sao còn sầu khổ?

Bà-la-môn hỏi vua:

– Dùng lời thiện để an ủi tôi, vậy ngài có tiền của không?

Vua đáp:

– Ta không có tiền của nhưng có cách làm cho ông được nhiều châu báu.

Bà-la-môn nói:

– Cách ấy là gì?

Vua đáp:

– Trước đây ta nghe vua oan gia của ông đang ở nước ta và tuyên bố giữa mọi người: "Ai bắt được vua Nhất Thiết Thí, giết chết hoặc giải về đây, thì sẽ được ta trọng thưởng theo yêu cầu". Ta từ xưa đến nay chưa bao giờ dạy người khác làm việc ác, thế nên không bảo ông phải lấy đầu ta, chỉ nên trói ta giải đến vua kia. Vì sao? Vì ta ngoài thân này ra, thì chẳng có tiền của gì cả. Nhưng thân này của ta đã được tự tại, may mắn đem đổi lấy tài sản vật dụng để cứu giúp ông. Lành thay! Lành thay! Này Bà-la-môn, nay ta có được lợi ích là dùng thân vô thường này đổi lấy thân kiên cố. Đạo sĩ hãy xem, giả sử thân ta bị chết ở đây, thì bỏ thây nơi hoang vắng thì khác nào cây cỏ. Tuy có cầm thú đến ăn, nhưng nào có lợi gì! Nay dùng thân tro đất này đổi lấy vàng ròng vật báu, ta vì ý gì mà còn luyến tiếc nó.

Khi ông Bà-la-môn nghe vua nói thế thì buồn khóc, thưa:

– Sao có thể có lý như thế được. Vì sao? Ngài hiện nay là bậc Vô thượng Điều ngự, cha mẹ của chúng sinh, giỏi làm việc hộ trì, là nơi chốn quy ngưỡng lớn lao, diệt trừ tất cả sự sợ hãi của vô lượng chúng sinh, hành động quảng đại, không mong báo đáp, thường thương xót muôn loài, là ánh lửa sáng lớn soi đường đối với bao cảnh đời tối tăm. Tôi làm sao lại phá diệt chánh pháp, trói ngài đem đến giao cho vua thù oán được? Giả sử đem ngài đến giao vua thù oán mà được vàng bạc châu báu vô kể thì tôi với tâm địa nào để đưa tay ra nhận? Giả như nhận lấy, thì tay ắt sẽ bị gãy xuống đất. Ví như người con trai vì để nuôi sống lấy thân mình mà phải ăn thịt cha mẹ, người này tuy được bảo tồn tánh mạng, nhưng khác nào kẻ đã chết rồi. Tôi cũng như vậy, nếu trói vua đem đến cho kẻ ác kia, tuy được nhiều tiền để chuộc gia đình, nhưng là việc tôi không thể ham chuộng.

Nhà vua đáp:

– Lời nói như vậy, sao gọi là tính toán chu đáo? Nếu ông thương xót ta, thì ta sẽ tự trói mình đi theo sau ông đến chỗ kẻ oán thù kia. Ông không bị tội lỗi gì, còn ta thì lại được phúc.

Bà-la-môn nói:

– Kính vâng lệnh vua, xin làm theo ý ngài.

Nói xong những lời ấy, nhà vua bèn tự trói cùng với ông Bà-la-môn đưa nhau đến thành.

Cựu thần của nhà vua cùng dân chúng khi trông thấy vua, đều tỏ ra kinh ngạc hết sức:

– Than ôi! Bà-la-môn! Ngươi chính là loài La-sát chứ chẳng phải Bà-la-môn! Ngươi đích thực là La-sát, chẳng phải Bà-la-môn! Ngươi vốn là quỉ thần bạo ác, trá ngụy hình tướng Bà-la-môn, không có tâm từ bi, chính

là tử quỉ thường mong giết hại người. Nay ngươi làm cho thân vua bị tiêu diệt, cũng như nguyệt thực, bảy mặt trời cùng chiếu làm cho biển lớn khô cạn. Đèn sáng của pháp vô thượng hôm nay bị tắt hết. Này kẻ Chiên-đà-la, tại sao tay ngươi không bị rụng xuống đất. Vì sao thân ngươi không bị chôn sâu vào lòng đất. Như vua sư tử, sau khi chết rồi, ai không hại được! Vua Nhất Thiết Thí này từ lâu đã rời bỏ ngôi vị, đất nước, vợ con, kho tàng châu báu cùng tất cả mọi sự tranh giành, lui vào rừng sâu, tu hạnh tịch tĩnh, đối với ngươi có thù oán gì mà nỡ đưa ngài lại đây.

Dân cả thành đồng thanh nguyện:

– Chư đại Tiên thánh, Tứ đại Thiên vương hộ thế! Xin dùng uy thần hộ trì nhà vua được bảo toàn mạng sống.

Lúc ấy, vị Bà-la-môn nghe như vậy, rất kinh sợ, vội vàng dẫn vua Nhất Thiết Thí vào gặp vua kia, tâu lên:

– Đại vương biết cho, thần đã bắt được vua Nhất Thiết Thí.

Vua thù oán thấy vậy liền suy nghĩ: "Vị vua này đang độ tráng niên, thân tướng đẹp đẽ, hình dung tuấn tú, sức lực khó khuất phục. Còn ông Bà-la-môn này thì tuổi già sức yếu, hình dung khô héo, diện mạo xấu xí, không sức lực mưu kế, vậy thì làm sao bắt được vua ấy đem đến đây? Hay ông ta là Phạm vương, Tự tại thiên vương, Na-la-diên vương, Thích Đề-hoàn Nhân, Tứ đại Thiên vương?"

Vua thù oán hỏi:

– Ai trói cho ngươi?

Bà-la-môn tâu:

– Chính thần trói ông ta.

Vua thù oán liền mắng:

– Hãy đi xa đi, kẻ ngu si!

Vua lại hỏi:

– Hay là ngươi đã dùng sức của chú thuật để trói lại phải không? Vì thân ngươi ốm yếu, còn thân vua kia thì đoan nghiêm, cũng như Đế Thích, làm sao ngươi trói được? Giả sử có người nói là có thể thổi núi Tu-di tan ra như bột, thì có thể tin không?

Oán vương bảo các đại thần:

– Các ngươi nên biết, đây là việc lạ, là trong mộng hay là huyễn hóa? Chẳng lẽ tâm ta mê muội nên nhìn thấy sai lầm hay sao? Con khỉ già ốm này làm sao trói được thân Đế Thích? Các quan nên biết, làm sao dùng tơ trong ngó sen để treo núi Tu-di? Làm sao với thân con thỏ mà vượt qua

biển lớn? Làm sao với vòi con muỗi lại châm tới tận đáy biển?

Khi Bà-la-môn nghe Oán vương nói vậy, liền nói kệ:

Nay đại vương nên biết
Tôi thật không thể trói
Chính vua này từ bi
Vì tôi nên tự đến.
Như dùng lưới trói gió
Việc này thật là khó
Chính như Thiên đế Thích
Cũng không thể làm được.

Khi ấy, Oán vương hướng về vua Nhất Thiết Thí nói:

– Ngươi vì sợ ta nên trốn vào chốn núi sâu, khe suối, rừng rậm đồng vắng, chỉ biết vui với cỏ cây, cầm thú, ít muốn, biết đủ, uống nước suối, ăn trái cây, lấy cỏ làm nệm, không tranh với ta. Nhưng tâm thù oán của ta thì chưa thể tiêu trừ được. Ta lại có quyền sát hại ngươi, vì sao ngươi lại tìm đến đây?

Vua Nhất Thiết Thí thản nhiên mỉm cười, không lộ chút sợ hãi, thân tâm ung dung như Sư tử vương, lên tiếng:

– Ngươi không biết hay sao, ta tên là vua Nhất Thiết Thí. Ta muốn thành tựu thệ nguyện của mình, nay đến đây là vì ba việc: Một, vì ông Bà-la-môn này dốc cầu xin tiền tài. Hai, trước đây ngươi đã công bố ai bắt được ta đem tới cung vua thì sẽ trọng thưởng cho họ. Ba, trước đây ta có thệ nguyện là sẽ bố thí tất cả, thế nên ta tìm đến là muốn xả bỏ thân mạng. Nay người hãy ý thức rằng, nếu thân ta bị chết, chôn vào đất, nào có ích gì! Sở dĩ trước đây ta chạy vào rừng núi, không phải vì sợ hãi, mà chỉ vì yêu thương muốn hộ trì tánh mạng cho các chúng sinh. Nay ngươi có quyền lực mà chưa diệt được tâm thù oán, nên ta đến đây tùy ý ngươi chém giết để hết tâm oán hận, được an ổn. Vậy nay người hãy mau thực hiện đi.

Vua Nhất Thiết Thí nói kệ:

Với oán sinh sân hận
Tự khô héo tâm mình
Như đóm lửa dưới tro
Có thể đốt vạn vật.
Nhân vì tâm phẫn nộ
Khi chết đọa địa ngục
Như bị mũi tên độc
Trúng thân chắc phải chết.

Ai sân hận kẻ thù
Thì tâm không yên tĩnh
Như người bị đau mắt
Không thấy đúng sắc màu
Thân này bằng máu thịt
Xương, tủy, mỡ và não
Phẩn uế và đờm dãi
Da mỏng bọc bên ngoài,
Thân này như nhà xí
Không chủ, không có ngã
Có oán thù gì vua
Mà phát sinh phẫn nộ.
Giặc sinh lão bệnh tử
Thường xâm chiếm thân vua
Tại sao đối với chúng
Ngược lại tưởng bạn thân?
Thân ta là bốn đại
Thân vua cũng như vậy
Ai thấy mà nổi sân
Là tự sân với mình.

Thế nên đại vương không nên nổi sân hận! Nếu ngươi vẫn còn sân hận thì với quyền lực hiện nay, hãy tùy ý chém giết ta cho mau, hãy thưởng cho người đầu tiên tìm kiếm ta. Ta nhất quyết bỏ thân mạng không chút luyến tiếc. Với nhân duyên này, ta nguyện cho tất cả chúng sinh có thể thực hiện sự bố thí tất cả và cũng đạt được việc xả bỏ mọi thứ tiếng tăm.

Khi Oán vương nghe nói như vậy, từ ngự tọa đứng dậy, chắp tay cung kính lạy vua Nhất Thiết Thí và thưa:

– Cầu xin đại vương ngồi trở lại tòa của mình. Ngài chính là bậc Pháp vương, là bậc chúa giáo hóa chân chánh. Tôi chỉ là kẻ La-sát bạo ác. Ngài là ngọn đèn sáng trong đời, là cha mẹ của thế gian. Tôi chỉ là kẻ giặc lớn bạo ác ở đời, chuyên làm pháp ác, cướp đoạt tài sản người khác. Ngài thật xứng hợp với pháp, là gương sáng của chánh pháp. Tôi không xứng với pháp vì thường dối trá người khác. Cũng như người mù không thấy vết nhơ của mình, chúng tôi tội lỗi sâu nặng cũng giống như thế. Thân này từ lâu đáng bị vùi vào đất, sở dĩ còn sống đến ngày hôm nay, thật ra là nhờ Tôn giả đã hộ trì cho. Nay, tôi xin bỏ đất nước này và dâng thân tôi lên cho ngài.

Vua Nhất Thiết Thí nhân đấy bèn giảng giải giáo pháp cho Oán vương nghe, khiến cho nhà vua an trú trong giáo pháp, đem nhiều của báu ban cho người Bà-la-môn giúp ông ấy trở về quê cũ.

Khi Đại Bồ-tát tu tập hạnh Bố thí ba-la-mật, còn xả bỏ cả thân mạng quý trọng như vậy, huống chi đối với tài sản bên ngoài.

3- Phẩm Vương Tử Nhất Thiết Trì:

Bồ-tát Ma-ha-tát
Vì các chúng sinh nên
Đem tất cả vật quý
Bố thí cho tất cả.

Trước đây, tôi từng nghe:

Thời quá khứ có một vị vua, con của nhà vua là thái tử Nhất Thiết Trì, tuổi còn nhỏ, dung mạo tuấn tú, cũng như mặt trăng tròn sáng giữa muôn sao, mọi người ngắm nhìn không hề chán, uy nghi đĩnh đạc như núi Tu-di, trí tuệ sâu xa như biển lớn, thành tựu nhẫn nhục cũng như mặt đất, tâm không thay đổi như vàng ròng, thường được tất cả trời người yêu mến, như nước trong sạch gồm đủ tám vị, tâm luôn bình đẳng đối với thế gian, như mặt trăng mặt trời chiếu khắp vạn vật luôn làm mãn nguyện chúng sinh, như người cầu xin gặp ngọc Như ý, tâm sinh hoan hỷ, cũng như mẹ hiền trông thấy con yêu.

Vào lúc ấy, vương tử nói kệ:

Ta tự do sử dụng
Với vô lượng tài sản
Cho chúng sinh cùng hưởng
Như mặt trời chiếu khắp
Thấy người đến cầu xin
Không lúc nào nói không
Với người không mong cầu
Cũng bố thí cho họ.

Bồ-tát vương tử các căn luôn tịch tĩnh cũng như Phạm thiên. Tài sản đầy đủ như Tỳ-sa-môn. Vua cung cấp các phương tiện để phục vụ cho mọi người, như đệ tử phục vụ Hòa thượng. Tâm thường yêu mến tất cả chúng sinh như cha mẹ nhớ đến con ruột, giáo hóa chúng sinh theo phép tắc lễ nghi như bậc Đại hiền. Bồ-tát vương tử thành tựu được các công đức lớn lao như vậy. Tâm luôn vui vẻ bố thí cho tất cả chúng sinh. Vật như thế

này bố thí cho người này. Vật như thế nọ, bố thí cho người kia. Người này sợ hãi, ta sẽ an ủi họ giúp tu tập chánh pháp, không có bỏ phế. Vật bố thí là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xa cừ, mã não, san hô, bích ngọc, cùng các loại dụng cụ, y phục, giường nằm, chăn nệm, xe cộ, nhà cửa, đất đai ruộng lúa, lương thực, nô tỳ, người phục vụ, voi ngựa, bò dê. Bố thí đầy đủ tùy theo nhu cầu, cũng như trời mưa làm cho trăm loại cây lương thực phát triển. Bồ-tát bố thí tài vật cho người với năm ngón tay của mình, như năm con rồng phun trận mưa lớn. Bồ-tát vương tử cũng luôn bố thí không ngừng như thế. Nếu hôm nào không có người đến xin, thì dung nhan Bồ-tát tiều tụy, trong lòng buồn rầu, cũng như mặt trăng vừa mới xuất hiện đã bị mây mù che phủ, không còn phát ra ánh sáng. Bấy giờ quần thần đều sinh ý hiềm hận đối với vương tử.

Than ôi! Vua ta ngu si vô trí
Có tiền không ăn, vị lai ra sao!
Hiện tại không dùng, cũng không trách con
Phân tán kho tàng cho kẻ ở không
Kho tàng cạn rồi dân chúng ly tán
Dân chúng ly tán, giặc đến ai chống?
Giả như không giữ mạng sẽ chẳng toàn
Mạng đã chẳng còn, nước còn ai sống?

Các đại thần và dân chúng đều suy nghĩ về việc này.

Khi ấy vua cha có một con voi trắng có thể đi lại trên hoa sen, sức lực có thể hàng phục các nước thù địch. Vì có voi quý ấy nên các nước khác không dám xâm lăng.

Vua oán địch ở nước bên cạnh thường nghĩ: "Ta phải bày mưu chước gì để có được voi trắng quý giá kia".

Vua liền sai người giả dạng một vị Bà-la-môn khổ hạnh, đi đến chỗ vương tử cầu xin voi trắng nọ.

Vì vương tử thấy các đại thần sinh tâm phẫn nộ, nên cỡi voi trắng ra ngoài thành du ngoạn, muốn đến một khu rừng, thì ngay trên đường đi đã thấy người Bà-la-môn. Sau khi gặp vương tử, Bà-la-môn rất vui mừng, chú nguyện: "Nguyện cho vương tử kế tục ngôi vị cao cả của đại vương, sống lâu vô cùng, các nước khác đều quy phục, thiên hạ được thái bình". Rồi nói:

– Thưa vương tử, chúng tôi đều là Bà-la-môn sống ở phương xa, thường nghe vương tử thích làm việc bố thí, nên từ nơi ấy đến đây, trên đường bị đói khát, chịu nhiều thống khổ. Thưa vương tử, nên biết chúng

tôi thọ trì giới cấm thanh tịnh, đọc tụng rất nhiều, thông suốt tất cả. Công đức của vương tử trải khắp mười phương, nghe xưng tán về đức độ của ngài, ai cũng yêu mến. Ngài luôn cho chúng sinh thỏa mãn ý nguyện, chẳng một ai đến xin mà trở về tay không. Xin ngài bố thí cho chúng tôi con voi trắng đang cỡi.

Nghe vậy, vương tử suy nghĩ: "Nay nếu không cho thì trái với lời nguyện, còn nếu như đem cho thì voi chẳng phải là của ta, mà là vật vua cha rất yêu quý." Suy nghĩ như thế nên bảo người Bà-la-môn:

– Các vị nếu cần vàng, bạc, lưu ly, châu báu, các loại xe cộ, nô tỳ của ta, thì ta sẽ cho hết. Còn voi trắng này vốn không phải là của ta nên ta không có quyền cho. Vả lại, đây là voi của vua cha ta cỡi, làm sao ta tự tiện đem cho được. Tính ra xem voi trắng này giá trị bao nhiêu, ta sẽ cho bằng với giá ấy, không khiến cho các vị nghèo cùng, cần gì chỉ muốn có được voi ấy. Bà-la-môn quý vị luôn thương xót chúng sinh nên xuất gia thọ giới, đã xa lìa tất cả vật chất thì dùng voi này làm gì? Nếu các vị được nó, có khi lại thêm khổ sở là khác.

Các Bà-la-môn nói:

– Chúng tôi không dùng tiền tài châu báu, chỉ cần voi này để cỡi vào núi tìm kiếm hoa đẹp cúng dường chư Thiên, sẽ làm cho chúng sinh được sinh lên cõi trời hoặc nhập Niết-bàn. Bản nguyện của vương tử là muốn đem lại lợi ích cho người khác, tôi cũng vậy, chỉ vì muốn đem lại lợi ích cho mọi người.

Vương tử nghe nói vậy, bèn phát sinh tâm Bi, liền từ lưng voi nhảy xuống, lại nghĩ: "Voi này là sở hữu của vua cha, nay ta đem bố thí, tất quần thần và dân chúng thấy sẽ tức giận, nghi ngờ. Ta muốn đem lại lợi ích cho mọi người tại sao lại phải tính toán như vậy, vì sự bố thí của ta là không cầu danh tiếng hay cầu sinh lên cõi trời, chỉ nhờ vào việc này giúp cho chúng sinh đoạn trừ các khổ não."

Sau khi phát nguyện, Bồ-tát liền bố thí voi trắng quý cho Bà-la-môn, rồi tự mình cỡi một con ngựa trở về thành.

Được voi quý xong, các Bà-la-môn cùng nhau cỡi voi trở về, trong thời gian rất ngắn, họ đã trở về nước cũ.

Các đại thần cùng nhau tập họp, vội vàng đến gặp nhà vua tâu lên:

– Đại vương, hôm nay xin quyết đoán cho khéo vì vương tử đã đem voi trắng quý cho các Bà-la-môn và họ đã cỡi đi, lúc này chắc đã về tới nước thù địch. Vì trước đây đại vương thấy vương tử bố thí vàng bạc châu báu lại không khiển trách, đến nỗi ngày nay đem cả voi trắng quý giá cho

kẻ oán thù. Đại vương, người con xấu trong thế gian có nhiều tội lỗi vì uống rượu, cờ bạc, tham sắc, hoang phí. Chúng thần mạo muội tâu bày, xin đại vương đừng bắt tội, từ đây về sau nếu vương tử không còn đem tài vật bố thí cho người thì cho phép ở lại triều đình, còn nếu không ngưng bố thí nên thì đuổi vào rừng sâu.

Nhà vua ra lệnh triệu vương tử đến và suy nghĩ: "Lạ thay! Tại sao tự dưng ta lại vì các đại thần mà không cho phép con ta bố thí tùy ý. Ta thật xấu hổ, khác nào nàng dâu sợ cha mẹ chồng." Nhà vua bèn nói với con mình:

– Từ nay, con không được tham lam thực hành tất cả các công đức nữa, hãy từ bỏ tâm xả đi. Người hành theo chánh pháp nên mặc y phục bằng cỏ, uống nước lạnh, ăn trái cây, ở xa trong núi sâu. Con không thể móc mắt trái để trị mắt phải. Hôm nay vì sao bỗng dưng con làm phiền muộn tâm ta cùng đám quần thần. Người sống theo pháp phải làm cho hàng thân thuộc được an vui trước, sau đó mới đem lại an vui cho người khác. Nay, vì sao con lại đem voi trắng quý giá cho kẻ oan gia?

□

PHẬT THUYẾT KINH BỒ-TÁT BẢN DUYÊN

QUYỂN TRUNG

3- Phẩm Vương Tử Nhất Thiết Trì (tiếp theo):

Bấy giờ, vương tử chắp tay quỳ xuống tâu:

– Thưa phụ vương, sự bố thí của con không vì tham dục sân hận ngu si, không mong danh tiếng, không cầu sinh thiên, hay sinh vào các nhà giàu sang, không hành động do tâm điên cuồng thác loạn, chỉ vì dốc cầu chánh pháp nên bố thí như vậy. Đại vương! Xin biết cho, con nay luôn ủng hộ cha mẹ, anh em, vợ con nhưng đến khi chết, thân tộc ai có thể đi theo, chỉ có chánh pháp là luôn theo con không rời. Nếu con không có tâm hành pháp thiện, còn mong đại vương la rầy dạy bảo. Vì sao bỗng nhiên đại vương tin dùng lời tà, ngăn con làm việc thiện. Ngài vừa ra lệnh cho con phải lìa bỏ tâm xả. Tâm xả là bản tánh của con làm sao bỏ được! Cũng như đất không thể lìa bỏ tánh cứng của nó. Như lửa không thể xả bỏ tánh nóng. Như cá vứt lên bờ thì không thể nào sống được. Như tôi tớ của vua, nếu đủ cả sáu tình, thân thể toàn vẹn, không khác gì chư Thiên, thì người ấy làm sao để vua sai khiến. Tài sản của nhà vua như xe cộ, thể nữ, vàng bạc châu báu, từ đâu mà được. Nên biết đều do hành động bố thí ở quá khứ, nay mới được phước báo ấy. Đại vương, nên biết rằng tất cả loài ngạ quỉ bị lửa đói thiêu đốt, thân tâm khô héo như vậy đều là do tham lam keo kiệt. Nơi cõi trời với cung điện làm bằng bảy báu, mạng sống lâu dài, nên biết đều do nhân bố thí mà có. Đại vương, sự bố thí của con hiện nay, lửa không thể đốt, nước không làm trôi, nhà vua, trộm cướp, oan gia, chủ nợ không thể xâm phạm. Vật bố thí, trong các cảnh giới thường làm bạn thân, cõi thiên là xe cõi. Vật bố thí, trong sinh tử, nó thường theo thân con như bò nghé theo mẹ. Như vua ra lệnh con ngăn bỏ tâm bố thí, nếu không bỏ được phải đi vào núi sâu. Tuy đến núi sâu mà chẳng bỏ tâm bố thí, thì người bần cùng cũng sẽ tìm tới. Bản nguyện của con thật thích hợp chốn núi rừng, sở dĩ chưa xin phép vì lo vua không cho đi. Vua đã cho phép thì thật đúng với sở nguyện của con. Chính là đúng lúc nên vâng lệnh chia tay lên đường đi tới. Vì sao? Trong núi rừng là nơi yên tịnh,

Tiên thánh vui thích, xa lìa tham dục, sân hận, ngu si. Nếu con đến chốn đó thì tất tự lợi.

Vương tử cung kính lạy sát chân phụ vương, đi nhiễu theo phía bên phải ba vòng, rồi từ giã ra đi. Sau đó vương tử đến gặp mẹ, quỳ lạy như trước, nhiễu bên phải ba vòng rồi lạy từ giã. Rồi đến gặp vợ, nói:

– Nàng nên ở đây phụng dưỡng cha mẹ, nuôi nấng con cái, vậy là nàng đã tu tập chánh pháp. Nay ta muốn đi sâu vào rừng núi. Vì sao? Trước đây ta thường nguyện, muốn vào núi sâu tu hành theo chí mình. Nay phụ vương đã cho phép, vậy nên ta phải mau đi vào nơi kia để giúp tâm ta tìm sự ứng hợp, cùng các loài cầm thú làm bạn, uống nước lạnh, ăn trái cây cũng đủ nuôi sống. Nàng là vương nữ, thân thể mềm yếu, xinh đẹp, nhã nhặn, làm sao chịu đựng được những việc khổ như thế. Vậy phải ở đây, không nên theo ta.

Người vợ nghe nói, tâm buồn bã, áo não, thân thể run rẩy như tàu lá chuối, kêu gào khóc lóc, nói:

– Làm sao được! Vương tử có tội gì khiến cho phụ vương phải đuổi vào rừng sâu! Đại vương rộng rãi, nhân từ, trị nước bằng chánh pháp, yêu dân như con, vì sao bỗng nhiên lại đuổi chàng như vậy? Thân hình đáng yêu của chàng với dung quang uyển chuyển như hoa Chiêm-ba, tại sao bỗng nhiên phải nằm trên gai gốc, đất đá. Hiện nay, chàng đang sống an vui với năm âm nhạc trong cung, nếu vào núi chỉ còn nghe âm thanh độc dữ của loài hổ, lang, sư tử ác thú. Lạ thay! Nay tâm từ ái của đại vương ở đâu! Vì sao cha thân yêu lại biến thành bạc bẽo, vì chuyện nhỏ, bỗng dưng thành oán sâu?

Vương tử đáp lời vợ:

– Lành thay vương nữ! Nàng có sự hiểu biết sâu xa, tinh tấn dũng mãnh, luôn là người bạn tốt của ta. Nếu như ta không đúng, cần phải khiển trách đi nữa, nàng cũng không nên nói ra các lời thô bạo như vậy. Những ông vua vì nước quá lo chuyên trị nên gây chiến tranh với nhau, đều bị khổ não vì tham lam, sân hận, si mê. Chính ta có phước duyên nên mới khiến phụ vương cho phép vào núi tu tập chánh pháp. Nàng không nên sinh ý buồn phiền. Theo pháp thường trong thế gian, nếu vua già cả thì lập thái tử để biết việc nước. Quốc sự đa đoan, nhiều việc lầm lỗi. Gây lỗi thì chôn thân ở đấy không có chỗ tránh. Nay phụ vương chưa suy yếu, lại có thể rộng lượng, cho phép ta vào núi tu tập theo ý mình. Lầm lỗi trong thế gian không sao thấy hết, vậy vì sao nàng lại không hoan hỷ? Nàng hãy vui ở lại, ta sắp lên đường.

Vương nữ nói:

– Cha mẹ thiếp khi gả thiếp cho chàng, có cả nhật nguyệt, trái đất và Tứ thiên vương đều làm chứng. Ngày tân hôn, chàng tự nói ra lời thề không hề chia lìa, vì sao hôm nay chàng lại muốn ra đi một mình. Như mặt trời, mặt trăng, hay lửa rực cháy, ánh sáng và vật phát sinh không thể rời nhau. Vậy sao chàng lại muốn thấy sự chia lìa như thế?

Bấy giờ, vương tử đem gia tài bố thí hết cho người nghèo, rồi vác hai con trên vai, tay dắt vợ đi vào Tuyết sơn. Đến nơi, vương tử ăn trái cây, uống nước lạnh để sống, ngày đêm tu tập tâm từ bi. Vương tử lại nghĩ: "Khi ta còn ở nhà, hưởng thụ năm dục sung sướng không bằng ngày nay sống trong núi. Sự an lạc này còn hơn cả dục lạc mà Thích Đề-hoàn Nhân thọ hưởng. Chúng sinh thật không biết vị ngọt vi diệu của chánh pháp, như con quạ không biết mùi vị thượng diệu của hoa sen".

Vương tử thường vì chúng sinh tư duy về ý nghĩa này. Người vợ thường hay vào rừng hái trái khô để nuôi sống cho cả nhà.

Bấy giờ, có một người Bà-la-môn già cả, thân hình xấu xí chẳng ai ưa nhìn, từ phương xa đến. Vương tử trông thấy, liền mời ông ta ngồi, đưa nước và trái cây, sau đó thì thăm hỏi:

– Vì sao ông đến đây? Phải chăng vì nhàm chán sự khổ não của gia đình? Tráng niên thì nên ở nhà thọ hưởng năm dục, nay già lão sắp chết, hãy bỏ tất cả để tu đạo, thật là việc an lạc. Trong chốn này yên tĩnh, không có lỗi lầm của gia đình. Nếu ông ưa thích nơi đây, thì nước mát trái ngọt của tôi sẽ cung cấp cho ông, không để thiếu thốn.

Bà-la-môn nói:

– Người không dục tưởng thì nên sống ở chốn nơi này. Hiện nay, tôi chưa diệt được dục tưởng, thế nên không thể sống ở nơi đây. Đại tiên, ông hãy xem này, thân tôi tuy già đầu bạc răng rụng, bước đi run rẩy, mắt nhìn không tỏ, miệng lưỡi khô khan không thể nói năng, đầu nặng khó chịu cũng như đội lấy núi Thái, tai nghe không rõ, thân thể suy tàn, nhưng vẫn còn dục tưởng như thời tráng niên. Đại tiên nên biết, tuổi tác của tôi già cả, thân thể suy yếu, nhà nghèo thiếu thốn, không có người sai khiến, nếu ngài muốn làm thỏa mãn ý nguyện của tôi, làm ân cho tôi xin hai người phục vụ.

Bồ-tát nghe nói, liền suy nghĩ: "Khó thật! Hôm nay nếu ta nói không có thì trái với lời thệ trước đây. Còn nếu ta nói có thì lúc này quả thật là không có gì".

Bà-la-môn nói:

– Nay ngài dùng dằng ngờ vực, có suy nghĩ gì, hay là nghĩ tôi chẳng phải là hàng Bà-la-môn thọ trì giới cấm, học rộng phải không? Ngài đừng nghĩ như vậy, tôi đúng thật là hạng người ấy.

Bồ-tát đáp:

– Khi ta còn ở nhà, có nhiều tôi tớ, vàng bạc châu báu kho tàng đầy đủ. Ngày ấy, thấy người đến xin, không bao giờ ta nói là không có. Nay ở núi này, không đem theo gì cả, thế thì tìm đâu để giúp đỡ cho xứng, vì vậy nên ta mới dùng dằng suy nghĩ.

Bà-la-môn nói:

– Nay tôi già yếu không còn sức lực, từ phương xa đến để cầu xin theo ý muốn. Từ xưa đến nay, ngài thấy người xin, chưa từng nói là ta không có gì. Hôm nay vì sao lại nói như vậy? Đại Tiên! Nếu ngài thương xót cấp cho hai người ở, tôi sẽ về nước. Nếu không được thế chắc tôi sẽ chắc chết ở đây.

Vương tử suy nghĩ:

– Ta phải làm cách gì để giúp đỡ người này?

Bấy giờ, hai đứa con của vương tử đang chơi đùa trong núi cách đó không xa.

Bồ-tát lại suy nghĩ: "Nay ta sẽ vì tất cả chúng sinh tạo mọi nhân duyên đầy đủ".

Bèn gọi hai con, sau khi chúng đến, Bồ-tát liền ôm chúng, suy nghĩ: "Hai con của ta sinh trưởng trong vương cung, thân thể mềm yếu, chưa trải qua khổ lạnh. Làm sao bỗng dưng phải xa lìa cha mẹ, làm tôi tớ cho người!".

Lại nghĩ: "Vì sao ta lại tính toán việc này? Nếu không tu hành khổ hạnh khó làm, thì nhờ vào đâu để thành tựu quả vị Chánh giác! Với nhân duyên này, ta nên thi hành, nguyện với hạnh này sẽ mau thành Chánh giác. Ta chẳng phải bố thí hai con yêu mến của ta để cầu sinh thiên hay phước báo trong loài người, hoặc mong làm bậc Chuyển luân thánh vương, Đế Thích, Phạm vương, Tứ thiên vương. Nguyện đem công đức này hồi hướng khắp chúng sinh đều thành tựu đạo quả Vô thượng."

Nghĩ xong, Bồ-tát liền tay dắt hai con, giao cho người Bà-la-môn, nói:

– Này Bà-la-môn, hai con tôi cũng như mạng sống của tôi, chúng còn non dại chưa đủ trí, chưa hiểu lời nói của người. Tuy như người, nhưng chưa có hiểu biết, nay giao cho ông để làm kẻ phục vụ, sợ mẹ

chúng trở về ngăn cản, hãy mau dẫn đi đi.

Lúc đó, hai đứa con bèn quay lại nắm lấy áo cha, thưa:

– Cha ơi! Vì sao lại đem anh em con cho kẻ Bà-la-môn ác này. Từ nay, chúng con vĩnh viễn xa lìa cha mẹ. Con còn thơ ấu chưa có hiểu biết, chẳng ai che chở, đùm bọc, làm sao sống được. Vì sao chúng con phải chịu khổ não này, rồi nay còn bị rơi vào tay người khác, tánh mạng chắc không bảo toàn. Như phạm pháp của vua, tất phải chịu hình phạt, chúng con thơ ngây nhỏ dại, chưa vi phạm gì, vì sao hôm nay gặp phải khổ này. Giả như thật có vi phạm còn vẫn được tha thứ, huống chi không vi phạm mà bị oan uổng. Giả sử cha đối với con không còn tâm yêu thương, nhưng đạo lý làm người không nên như thế, già bé đáng thương, ngu trí cũng vậy. Nay cha vì sao riêng chịu khổ độc? Giả sử cha vì pháp mà chịu chia lìa, bỏ mất tâm từ ái thương yêu như thế, có đúng là pháp không? Con tuy nhỏ bé, nhưng từng nghe pháp Bà-la-môn dạy rằng, nếu dốc lòng ủng hộ vợ con người thì được sinh lên cõi Phạm thiên.

Bồ-tát nghe nói vậy, thân tâm run rẩy, liền tự chê trách mình vì sao đến nỗi như vậy: "Này tâm! Ngươi không biết sao? Từ xưa đến nay, chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử, ai chẳng phải là oán, ai chẳng phải là thân thuộc, ngươi mù tối không thấy chăng? Tại sao không chánh niệm, tư duy phân biệt? Nay ngươi chính vì họ mà đưa hai con đi, nên rung động như vậy phải không, nếu cái chết đến nơi thì phải làm sao?"

Sau khi Bồ-tát khiển trách tâm mình xong thì bình tĩnh lại, bảo người Bà-la-môn:

– Ông hãy đi mau lên!

Hai trẻ liền thưa với cha:

– Xin cho con ở lại chút nữa, chờ mẹ con về để quỳ lạy, thăm hỏi, từ giã rồi đi cũng không muộn.

Bồ-tát đáp:

– Các con hãy đi đi, ta cùng mẹ con sẽ theo sau con.

Bà-la-môn vội vàng dẫn hai đứa trẻ lên đường. Hai trẻ vừa đi, vừa nhìn lại, trông thấy mặt cha, chúng buồn khổ kêu khóc.

Bồ-tát lại trách tâm mình:

– Ngươi không nên rung động nữa, hãy quán sát thân này luôn bị già chết đốt cháy.

Khi con đi chưa xa, Bồ-tát lập thệ nguyện:

– Nay tôi xả thí cả hai con thật là hạnh khó làm, nguyện nhờ nhân

duyên này sẽ thành tựu đạo quả Chánh giác, dứt trừ hết thảy mọi trói buộc cho tất cả chúng sinh.

Người Bà-la-môn lên đường chưa xa, tự nghĩ: "Vương tử thật đặc biệt, hiếm có trong thế gian, luôn làm đúng lời nói, bố thí cả hai con cho ta, sự tu tập pháp thiện tất được thành tựu đầy đủ. Nay, hai trẻ này nên đem bán ở đâu, chỉ có trở lại nơi nước của vua tổ phụ chúng."

Bà-la-môn bèn đưa hai đứa trẻ đi đến vương cung. Nhà vua nhìn thấy hai cháu mình, buồn vui lẫn lộn, hỏi Bà-la-môn:

– Nhà ngươi được hai trẻ này ở đâu?

Bà-la-môn tâu:

– Xin hãy nghe, trong núi Tuyết kia có con của đại vương tên Nhất Thiết Trì đã đem cho thần hai đứa trẻ này để làm người sai khiến.

Vua nghe nói thế, liền nắm chặt tay lại, nói:

– Lạ thay! Con ta mến pháp quá đáng, đến nỗi không còn thương tiếc cả con cái yêu dấu nữa. Ngươi hãy trở về, ta sẽ cho ngươi của cải.

Sau khi nói lời kính tuân lệnh vua, Bà-la-môn bèn nhận lấy châu báu rồi trở về nhà mình.

Bấy giờ, vợ của vương tử ở trong rừng vắng, mắt trái lay động, tâm hồi hộp không vui. Hoa đã hái liền bị khô héo. Hai trái cây trong giỏ cùng lăn ra đất. Hai vú kinh động khiến sữa chảy ra ngoài. Có con chim ở trước, kêu vang liên tục. Bà liền suy nghĩ: "Nay ứng các điềm này, thật không lành! Chẳng lẽ chồng ta bị chết? Hay là hổ lang, sư tử thú dữ đã ăn thịt con ta? Hoặc là chúng chạy chơi, rơi xuống núi bị chết?"

Nghĩ như vậy rồi, bà ta liền trở về chỗ ở, thấy Bồ-tát đang ngồi nghiêng trên tòa cỏ bên cạnh bờ đá, liền nghĩ: "Chồng ta đang ở đây chắc không có gì đáng lo cả!" Nên đến trước hỏi:

– Hai con có an ổn chăng?

Bồ-tát đáp:

– Hai con an ổn.

Vợ nói:

– Tai thiếp có nghe nói là an ổn, nhưng chưa thấy chúng nên lòng cứ lo lắng!

Bồ-tát đáp:

– Nàng hãy ngồi chốc lát tất sẽ thấy chúng.

Khi vợ đã ngồi yên, Bồ-tát lại bảo:

– Nàng không biết rõ về bản nguyện của ta hay sao, tất cả mọi sở hữu đều đem bố thí cho người. Sáng này, sau khi nàng đi khỏi, có một vị Bà-la-môn theo ta xin hai con và ta đã đem chúng cho ông ấy.

Người vợ nghe xong, tâm ý mê muội, toàn thân ngất xỉu, ngã lăn ra đất.

Bồ-tát lấy nước rưới lên, làm cho người vợ tỉnh lại.

Người mẹ bị kinh động toàn thân, ngồi nói kệ:

Lạ thay vì chánh pháp
Mà thực hành khổ hạnh
Khi đem con bố thí
Tại sao tâm không loạn?
Tâm chàng nào phải sắt
Mà không còn tình cảm
Tại sao có thể đem
Con bố thí cho người?
Con tôi còn thơ ấu
Xinh đẹp chẳng ai bằng
Mặt như hoa sen nở
Mắt như cánh sen hồng
Tự ăn trái, nước lạnh
Cũng chẳng buồn phiền gì
Sao không còn tình người
Bỗng dưng đem con cho?
Đường này nhiều đá cát
Gai gốc và gai độc
Họ không có từ, tuệ
Đem con đến nơi nào
Chàng ơi, có thấy không
Những con chương lộc kia
Còn chạy đi tìm kiếm
Huống chi chàng là cha
Chẳng thấy trong núi này
Tất cả các cây rừng
Vì mất con thiếp nên
Cùng xào xạc kêu khóc
Tất cả những cây rừng
Đều không có tâm thức

Còn có tình như vậy
Huống chi người có tâm?

Lúc ấy, tại chỗ có cây chuối đang lay động toàn thân. Người vợ nói:

– Chồng ngươi cũng không có tâm từ mẫn, đem con cho người khác phải không? Có phải vì vậy mà toàn thân ngươi rung động chăng?

Người vợ nhớ đến con, nên buồn khóc, chạy qua lại khắp nơi, không ở yên một chỗ.

Bồ-tát nói:

– Rất hay! Rất hay! Đã được vào núi tu tập pháp thiện, tại sao còn làm cho tâm chịu khổ như vậy? Uổng công ở chỗ vắng tu tập diệu lý. Lạ thay vương nữ! Tuy có trí sâu, tinh tấn dũng mãnh, mà lại không hiểu rõ về bao lỗi lầm nguy hiểm của sinh tử. Ai biết rõ được nguồn gốc của cha mẹ, anh em, vợ con, kẻ oán. Con trong hiện tại, thời quá khứ có thể là kẻ oán của nàng. Nếu nó gặp khổ nạn thì nàng vui mừng. Bị chia lìa con, nên nàng sinh áo não, giả như nó bị chết hay giặc bắt đi, nàng có phẫn nộ ta không? Nàng chẳng từng nghe các bậc Tiên thánh nói:

Trẻ, già, tráng niên đều về cái chết
Cũng như trái chín, tự rơi xuống đất
Người há chẳng biết tất cả sinh tử
Như là giấc mộng, thấy các việc sai
Vô thường sinh tử dẫn các chúng sinh
Tuy có cha mẹ, ai cứu được mình
Ví như sư tử bắt lấy bầy nai
Tuy có nai mẹ làm sao cứu được
Sinh già bệnh chết thường hại chúng sinh
Cũng như trái cây, bị nhiều người hái
Như đồ gốm chưa nung gặp trời mưa
Tất bị tan rã không còn cái nào
Chúng sinh trong ba cõi cũng như vậy
Gặp mưa vô thường không ai thoát khỏi
Nay tạo nghiệp này, mai gây chuyện khác
Đam mê không biết quán cái chết đến.

Như vậy, hai con ta chắc chắn sẽ lìa xa. Nay ta vì pháp đem bố thí cho người khác, nàng phải hoan hỷ không nên sầu khổ. Ta tuy xa con, nhưng con an lạc. Thế thì không nên quá khổ não.

Nghe Bồ-tát vương tử nói như vậy, người vợ chỉ còn im lặng.

"Lạ thay! Bồ-tát không hề luyến tiếc gì cả", sau khi nghĩ như vậy,

Thích Đề-hoàn Nhân bèn hóa thành một người Bà-la-môn đi đến chỗ Bồ-tát nói kệ:

Này Đại tiên nên biết
Tiếng khen tận Phạm thiên
Ngài thường bố thí lớn
Yêu thích với chánh pháp
Nay yêu cầu của tôi
Khó nói cho hết được
Cầu mong Đại chánh pháp
Thỏa mãn nguyện của tôi.

Bồ-tát đáp:

– Thân mạng của tôi đều vì tất cả chúng sinh, không tiếc gì cả, huống chi tiền tài châu báu hay các ngoại vật khác, giả sử có tôi cũng không hề yêu tiếc. Khi tôi còn ở nhà, có nhiều kho tàng, voi ngựa, xe cộ nô tỳ, người phục vụ, thảy đều đem bố thí cho các Bà-la-môn, không chút luyến tiếc, nhưng vì hiện tại không còn gì, chỉ còn có thân cùng vợ. Nếu ai cần dùng tôi thật cũng không tiếc.

Bà-la-môn nói:

– Nếu tâm ngài đã như vậy, xin cho tôi người vợ của ngài.

Bồ-tát đáp:

– Từ lâu tôi đã xa lìa tâm ganh ghét tham tiếc. Ông hãy cho phép tôi bày tỏ với nàng trong chốc lát.

Bồ-tát nói với vợ:

– Bà-la-môn này theo ta xin nàng. Ý nàng thế nào?

Người vợ đáp:

– Tùy ý chàng, thiếp đã thuộc về chàng, nào được theo ý mình.

Bồ-tát cầm tay vợ giao cho Bà-la-môn.

Bà-la-môn nói với Bồ-tát:

– Người phụ nữ này xinh đẹp, dung nhan đặc biệt, hình dáng hơn hết. Đường đi hiểm nạn, có nhiều giặc cướp, tôi đơn độc, đi chắc không tới nhà, xin tạm gửi lại cho ngài, xin đừng cho người khác.

Bồ-tát lại nói:

– Nay tôi nhờ bạn mà phá trừ lao ngục, không còn mọi sự trói buộc. Nay bạn còn muốn trả lại tôi lao ngục để trói buộc tôi phải không?

Bà-la-môn đáp:

– Nếu được ngài thương xót, chắc đồng ý, xin trở lại nhận nàng trong

thời gian ngắn.

Bồ-tát lấy tâm Từ suy nghĩ:

– Nhận lại chỉ trong thời gian ngắn, có gì là khổ.

Bà-la-môn nói:

– Nếu tôi trễ hẹn không trở lại kịp, xin ngài chớ đem bố thí cho người khác, vì như vậy là tôi không vừa ý.

Nói xong, Bà-la-môn liền bỏ đi. Đi chưa xa, ông ta bèn hóa ra một Bà-la-môn khác, trở lại gặp Bồ-tát, nói:

– Ngài thường làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, như cây ăn quả thường cho trái ngọt. Tôi ở phương xa, từ lâu đã nghe tiếng thơm của ngài, nên lặn lội tìm đến đây cầu xin, hy vọng được thỏa mãn ý nguyện.

Bồ-tát đáp:

– Tôi chỉ có một vợ, trước đây đã cho người khác rồi. Hiện nay chỉ có thân tôi là còn tự do cho người khác nếu họ cần.

Bà-la-môn nói:

– Tôi không cần cả thân ngài, chỉ cần hai mắt, nếu được cho sẽ ghi nhớ ân mãi.

Bồ-tát tự nghĩ: "Bà-la-môn này theo ta xin hai mắt để làm gì?... Nhưng ta cũng chẳng tính toán, vì thân này cũng như thây chết giữa mộ địa, đem sự không vững chắc để đổi lấy sự vững chắc, thì nên vui mừng có chứ gì phải suy nghĩ."

Bấy giờ, Bồ-tát cầm cây Khư-đà-la phát thệ nguyện:

– Nay, tôi vì tất cả chúng sinh mà bỏ hai mắt, không tham tiếc. Trước đây tôi đã xả bỏ hai con, rồi bố thí cả vợ cho người, nguyện đem công đức này hồi hướng cho tất cả chúng sinh vĩnh viễn đoạn trừ tham dục. Với nhân duyên bố thí hai con và vợ, khiến cho chúng sinh xa lìa mọi nguồn gốc của tham ái. Nay tôi xin thí cả hai mắt, mong cho chúng sinh đều đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Đại Bồ-tát phát nguyện như vậy xong, liền dùng cây nhọn muốn móc mắt ra.

Bà-la-môn vội bước tới trước giữ tay Bồ-tát lại không cho móc mắt, nói:

– Nay mắt đã thuộc về tôi, ngài không được cho ai nữa.

Bồ-tát nói:

– Tôi có một thân, vì sao trong một ngày liên tiếp nhận gửi hai việc.

Bà-la-môn trước đã gửi vợ tôi, nay ông thì gửi mắt. Tôi làm sao giữ gìn được.

Bà-la-môn liền hiện trở lại thân Đế Thích, nói với Bồ-tát:

– Vợ và mắt đều thuộc của ta, nay đều giao cho ngài chớ nên cho nữa.

Đế Thích liền bay đi, trên không trung tuôn mưa với bốn loại hoa. Hư không phát ra tiếng lớn nói rõ với chư Thiên:

– Các vị nên biết, người này đã làm lớn mạnh cây đạo giác ngộ, không bao lâu sẽ chứng đắc Bậc Chánh Đẳng Giác.

Khi Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật, sự việc đã diễn ra như vậy, Bồ-tát luôn bố thí tất cả. Tất cả chúng sinh nếu nghe việc này, nên đối với Bồ-tát đều sinh tâm hoan hỷ.

4. Phẩm Vua Thiện Kiết:

Khi Bồ-tát bố thí
Tâm định, làm tận cùng
Cho đến ma Ba-tuần
Cũng không ngăn cản được.

Trước đây, tôi từng nghe:

Thời quá khứ, có vị vua tên Thiện Kiết, vì muốn thành tựu đạo Bồ-đề nên thường làm việc lợi ích, tu tập chánh pháp, không có ý tưởng đánh đập làm hại chúng sinh, mặt mắt xinh đẹp ít người sánh bằng, thường giữ nụ cười không nói lời thô bạo, cúng dường cha mẹ, tôn trọng thầy dạy, cung kính hàng Sa-môn tu sĩ xuất gia, tự hành thập thiện, khuyến khích mọi người làm theo, thường bố thí không ngừng. Nếu có người nghèo cùng khốn khổ, thân thể gầy ốm, không đủ áo quần, Bồ-tát trông thấy họ liền sinh tâm thương xót, toàn thân rung động như bị tên độc, suy nghĩ: "Những chúng sinh này do keo kiệt, kẻ ngu không biết rõ, tuy được làm người thân hình đầy đủ, nhưng vì vô phước nên thường phải xin người khác, đều do đời trước không bố thí. Vì keo kiệt ganh ghét nên tự cất giấu, đưa đến quả báo đời này phải chịu khổ như vậy. Giống như kẻ nông phu ngu si vô trí, từ xa đi đến nhà bên vợ, trên đường đi bị đói khát, sau khi vào nhà, gặp lúc vắng người, bèn lén trộm gạo, ăn đầy miệng bị nghẹn, lúc chưa kịp nuốt, thì người nhà về đến, người ấy xấu hổ nhưng không nuốt được, lại tiếc nên không nhả ra.

Người nhà thấy vậy hỏi:

– Anh bị bệnh gì mà như thế?

Người này nghe hỏi, im lặng không nói. Khi ấy thân quyến lớn nhỏ của nhà vợ liền đưa anh ta đến thầy thuốc để chữa trị. Thầy thuốc thấy má anh ta cứng như gỗ đá, không còn cách gì nên dùng dao mổ hai má anh ta. Sau khi mổ ra, không có mủ, chỉ thấy gạo sống đầy trong miệng. Người này vì che giấu tội trộm của mình nên bị quả báo hiện tại như vậy. Như người phụ nữ che giấu cái thai của mình, nhưng tới ngày sinh, quá đau đớn nên phải kêu la, làm cho tất cả mọi người đều biết. Con người cũng như vậy, che giấu tội lỗi, khi quả báo thuần thục, bị khổ não bức bách nên biểu hiện ra đời sống, hoặc bị trói vào tâm keo kiệt ganh ghét mà chịu khổ ấy. Ta phải ngăn chận tất cả các nẻo đường, không cho keo kiệt, ganh ghét xâm nhập vào tâm. Nay ta phải tập họp các vật dùng bố thí lại, để bố thí cho tất cả chúng sinh."

Vua Thiện Kiết suy nghĩ như vậy xong, thường bố thí không ngừng nghỉ. Những khi thực hành bố thí, tâm vua hoan hỷ vô cùng.

Bấy giờ, Ma vương Ba-tuần ưu sầu không vui, nói:

– Lạ thay, Thiện Kiết! Tại sao bỗng nhiên tạo oán đối với ta, muốn làm cho cảnh giới của ta trống rỗng? Ta có sức mạnh lớn có thể hàng phục các vị Tiên chuyên uống nước ăn trái, tu hành khổ hạnh, đã thành tựu hoàn toàn các chú thuật. Ta chỉ cần bắn một mũi tên hoa là phá tan sự trì giới của họ, như gió bão thổi ngã cây to. Nay, ta là Ba-tuần tuy bắn đến ba phát, sợ không làm lay động được thân tâm của Bồ-tát Thiện Kiết. Vì sao? Là vì chư Tiên ngoại đạo không có tâm từ bi trí tuệ, không muốn lợi tha, chỉ vì tự lợi nên khi bị tên liền thua tan. Bồ-tát Thiện Kiết thì có đại trí tuệ, tâm từ bi rộng lớn, không cầu tự lợi chỉ vì tất cả. Tuy ta bắn đến ba phát mà vẫn sợ không làm cho ông ta thua tan. Vì sao? Người này quyết định vì các chúng sinh cầu đạo quả Vô thượng, không bao lâu sẽ chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng giác. Trong khi người này chưa thành đạo, ta có thể gây nạn khiến cho đạo quả bị phá hoại. Ví như có người vừa bị bệnh khổ, gặp được lương y cho uống ít thuốc khiến liền hết bệnh. Như mầm cây mới mọc, có thể dùng móng tay ngắt đứt, nhưng khi chúng đã to lớn, tuy dùng trăm búa cũng khó chặt nhỏ. Bồ-tát này chưa thành đạo Vô thượng Chánh chân, hãy mau diệt đi.

Khi ấy, vua Thiện Kiết làm việc bố thí nhiều nên mệt mỏi ngồi nghỉ nơi yên tịnh. Ma Ba-tuần ở trên không trung, thân chiếu ra ánh sáng che át cả nhật nguyệt, nói lớn:

– Lành thay! Lành thay! Đại vương Thiện Kiết, ngài thật sự mong cầu chánh pháp, yêu mến chúng sinh, như mẹ hiền thương yêu con mình.

Này thiện nam tử, người muốn tăng trưởng tất cả các pháp thiện, mà trái lại nhằm làm cho tất cả các pháp ác thêm rạng rỡ, khác nào có người muốn thưởng thức cam lộ mà lại uống độc dược, muốn cầu an lạc mà vào trong giặc, muốn thân an ổn mà uống sai thuốc, muốn hết khát lại uống nước muối, muốn đoạn trừ dâm dục lại thích nữ nhân. Này thiện nam tử, người nên biết, có những đàn việt do bố thí nên đều bị đọa địa ngục. Thế nên, nay ta vì thương xót người mà giảng giải rõ, người nên ghi nhận, thực hiện. Từ nay về sau, ngươi nên từ bỏ ý tưởng bố thí, phải sinh tâm tham tiếc.

Ba-tuần liền hóa ra cảnh địa ngục đầy cả tội nhân, chỉ cho Thiện Kiết thấy và nói:

– Những người như thế đều do đời trước thích bố thí, tham cầu chánh pháp. Vậy nên ngày nay bị đọa vào trong đó chịu nhiều khổ não. Đại vương nên biết, tội nhân trong này, chỉ dùng dao búa chém chặt nhau, từng phần thân thể rơi vãi trên đất, nhưng vẫn còn sống không hề chết; dùng lá đồng nóng quấn khắp người, toàn thân bốc khói mà tánh mạng vẫn còn; tuy dùng ngàn cây đinh đóng quanh trên thân như căng da trâu nhưng vẫn không chết. Họ chạy khắp nơi thường gặp lửa đốt, gió lạnh nóng hành hạ thân thể. Hoặc có gió độc thổi tan thân; hoặc bị đánh đập nát như bụi trần; đói ăn sắt cục, khát uống đồng sôi; hoặc vào rừng đao leo lên cây kiếm; hoặc bị bỏ trong chảo lớn sôi lên chìm xuống nhừ nát như đậu chín. Những chúng sinh này tuy thọ các loại khổ não như vậy, nhưng mạng sống của họ vẫn còn. Đại vương nên biết, tôi không cầu mong gì ở đại vương, cũng không cần vật cúng dường. Chỉ vì vua tu hành theo đạo tà ngụy, nên tôi giảng thuyết về đạo chánh.

Vua Thiện Kiết thấy những chúng sinh như thế trong địa ngục, liền sinh tâm Từ, suy nghĩ: "Chúng sinh như vậy lưu chuyển trong sinh tử không có lúc thoát khỏi, đã chịu vô số khổ não, nay lại còn chịu khổ trong địa ngục này thật là đáng thương xót. Bao giờ họ được thoát hết tất cả khổ não! Chúng sinh như vậy là do trước đây làm theo pháp ác nay chịu quả báo khổ. Tự làm phải chịu, không phải lỗi của ta. Ta biết chắc rằng các chúng sinh đang chịu vô lượng khổ, đều do đời trước thân miệng ý làm nhiều việc bất thiện, nên ngày nay phải bị đọa trong tội này, nhất định không phải do bố thí mà bị khổ!".

Với tâm Từ bi, vua Thiện Kiết nói với Ba-tuần:

– Lành thay, Đại sĩ! Ông thật từ bi, có tâm thương xót, nói rõ về tướng trạng của chánh đạo và tà đạo. Nếu người bố thí phải chịu khổ như vậy, còn những người được thí thì lại ở nơi nào?

Ba-tuần đáp:

– Lành thay, Bồ-tát! Ngài có trí sâu nên mới có thể hỏi về ý nghĩa này. Hãy lắng nghe, lắng nghe, ta sẽ nói cho ngài rõ.

Bấy giờ, Ba-tuần dùng quái lực của mình, tức thì hóa ra các vị Thiên trang sức chuỗi ngọc, vòng báu, hoa hương trên thân, vui chơi với vô số kỹ nhạc, có các Thiên nữ xinh đẹp hầu hạ hai bên. Nhiều loại cây cối luôn có trái ngọt, cây trổ hoa, chuỗi báu, y phục, thức ăn bày la liệt ở trước. Vô số chim hợp nhau ca hót, âm thanh hòa nhã rất đáng ưa thích. Khắp nơi có nhiều dòng suối, ao hồ, hoa sen màu vàng ròng nở đầy trên mặt nước. Không có các âm thanh về già, bệnh, chết, đau khổ. Thân ở trong cung điện bảy báu vi diệu.

Sau khi biến hóa như vậy, Ma vương nói với Bồ-tát:

– Này thiện nam tử, những người thọ bố thí đều được như vậy, được hưởng vô số vui thích tối thượng. Thế nên, ngài hãy từ bỏ tâm bố thí đi, nhờ vậy sau này được thọ hưởng các quả báo vi diệu như thế.

Bồ-tát tự nghĩ:

– Lời nói như vậy thật là điên đảo hư vọng không có nghĩa lý. Vì sao? Là vì ta chưa từng thấy cây Ha-lê-lặc sinh ra mía ngọt, trong hầm phân lại có mọc hoa sen sạch, vàng thuần chất mà biến thành đồng sắt. Đàn việt có tín tâm lại chịu khổ ở địa ngục. Lời nói như thế có nhiều tai hại. Những lời điên đảo này chắc chắn là lời của ma...

Bồ-tát liền nói:

– Lành thay! Lành thay! Ông đã khéo phân biệt công đức như vậy. Như thế là ông đã cho rằng mình thu phục được tôi… Ông nên biết, như ruồi quạt cánh thì sức gió không thể lay động núi chúa Tu-di. Với sức gió của ông mà muốn lay động tôi thì cũng như vậy. Như trước, ông nói những thí chủ vì bố thí nên bị đọa địa ngục, còn những người thọ thí thí được sinh lên trời, thật hợp với ý nguyện của tôi. Nguyện cho tôi từ đây một mình làm thí chủ thường bị đọa vào địa ngục, khiến cho tất cả chúng sinh đều làm người thọ thí để được sinh thiên. Một thân chịu khổ để nhiều người hưởng vui, há chẳng phải là bản nguyện của Bồ-tát hay sao? Tôi biết chắc ông là ma Ba-tuần. Ông cũng không thể chiến đấu với tôi. Tôi từ xưa đến nay thường tu tập tâm bố thí. Nay ông làm sao khiến tôi xả bỏ được!

Đại Bồ-tát tu hành Bố thí ba-la-mật như vậy, cho đến Ma vương Ba-tuần cũng không thể cản trở nổi.

5. Phẩm Vua Nguyệt Quang:

Bồ-tát Ma-ha-tát
Khi hành đạo cao cả
Vì tất cả chúng sinh
Bố thí cả đầu mắt.

Tôi từng nghe:

Tại nước Ca-thi, ngày xưa có vị vua tên là Nguyệt Quang, tu đạo Bồ-đề, vì cầu lợi ích theo pháp, thường chê trách các dục. Nhà vua có thân hình nghiêm trang xinh đẹp đặc biệt, tài trí hơn người, thế gian không ai bì kịp, tánh chất thật ngay thẳng không dối trá, lời nói dịu dàng, chí thành không hề dấy sân hận, tâm ý vui vẻ, cung kính các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, nhân từ hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ, vua các nước chung quanh phục tùng đức độ nên kính trọng xin kết bạn, danh đức vang khắp mười phương, thường làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh, giúp đỡ muôn dân trong nước như mẹ hiền yêu thương con nhỏ.

Một hôm, sau khi suy nghĩ: "Ta phải làm sao để các chúng sinh được hoan hỷ", nhà vua liền gọi đại thần, ra lệnh:

– Các khanh hãy trang hoàng thành này, treo các lọng hoa, dựng những cờ báu, quét dọn đốt hương, rải hoa trên đất, không được làm cho muôn dân buồn khổ, đều dùng các thứ chuỗi báu trang nghiêm thân thể, mặc y phục, trang sức sang trọng.

Quần thần vâng lệnh vua, bố cáo với dân chúng trong thành: "Các vị hãy trang hoàng thành phố, kể cả đường sá trong xóm cũng làm cho sạch sẽ như cung điện cõi trời Ba mươi ba.

Bấy giờ, vua Nguyệt Quang cỡi voi lớn ra khỏi cung điện và sai một vị quan đem lệnh vua ra báo cho mọi người biết:

– Ta trang hoàng thành phố như vậy chẳng phải vì tham dục tự cao, kiêu mạn hay sợ hãi kẻ oán, phòng ngự kẻ địch, cũng không cầu làm bậc Chuyển luân thánh vương. Sở dĩ ta trang hoàng thành này chỉ vì muốn cho tất cả chúng sinh được thọ hưởng vô lượng an lạc, không bị đọa vào các nẻo ác như địa ngục, súc sinh, ngạ quỉ. Hôm nay, các khanh đối với ta xem như cha mẹ, anh em, thiện tri thức, đi vào cung ta như vào nhà mình, tùy ý lấy vật cần dùng theo ý muốn. Hôm nay, ta mở hội bố thí lớn, không nên nghi ngờ gì. Sau khi lấy vật, nên thực hành pháp thiện, sử dụng còn dư thì chuyển bố thí cho người khác. Ai cần đến thân mạng ta cũng không tiếc, cầu nguyện tất cả đều thọ hưởng an lạc.

Nêu rõ như thế rồi, vua Nguyệt Quang liền sai người mang các bảo

vật quý giá trong cung ra, tùy ý bố thí, xem dân chúng như cha mẹ, anh em ruột thịt, sắc mặt vui vẻ như trăng thu. Tất cả nhân dân chiêm ngưỡng vua như cha mẹ, anh em, dùng tâm thiện nhìn vua mắt như sen xanh. Bấy giờ, dân chúng trong cả nước không ai cầm dao gậy đánh nhau cả, đều tùy thuận theo vua thực hành mười điều thiện, cũng như bầy trâu tùy tùng theo trâu chúa, cũng như muôn sao vây quanh mặt trăng, như những khách buôn theo sau trưởng đoàn, như binh lính tuân theo chủ tướng, như hạt bồ đào ngọt nên sinh trái cũng ngọt, như cây chiên-đàn cả rễ hoa đều thơm, vua Nguyệt Quang ra lệnh cho nhân dân thực hành mười điều thiện cũng như vậy. Lúc ấy, trong nước không có một người nào sân hận, ganh ghét, kiêu mạn, cao ngạo, ngang ngược, trộm cắp vật người khác, tư thông với vợ người, nói hai lưỡi, ác khẩu, tham lam, sân hận, tà kiến. vua Nguyệt Quang không phải là bậc Thánh đế mà dân chúng của vua đều hành theo mười điều thiện. Muôn dân bấy giờ tuy không mặc áo cỏ, ăn trái khô, nhưng thân thể, hình dáng không khác người Tiên, đều thích núi sâu chỗ vắng, nhưng vì yêu mến vua nên không thể bỏ đi. Khi vua hành pháp thiện như vậy rồi, có các Sa-môn, Bà-la-môn truyền tụng đức độ vang khắp các phương. Có một Bà-la-môn già bỏ nhà ái dục, tu ở núi Tuyết, để râu tóc dài với hình tướng Phạm-chí, mặc áo cỏ, uống nước suối, ăn trái cây, nghe người nói có vua Nguyệt Quang thích bố thí không tiếc. Sau khi nghe như vậy, do tập khí từ trước nên Bà-la-môn này bèn khởi ý nghĩ ác, như lửa dữ được tưới thêm dầu mỡ, càng cháy mãnh liệt, như thuốc độc tiêm vào mạch máu, sức công phá càng mạnh, như người đang khát lại uống nước muối, như mùa thu lại tăng thêm nóng bức, mùa xuân lại gây ra nhiều bệnh ho. Bà-la-môn này sống trong núi sâu, nghe công đức của vua nên phẫn nộ dữ dội, cũng giống như vậy. Như sư tử tức giận vì nghe tiếng nai, Bà-la-môn này giận dữ cũng thế.

Lại suy nghĩ: "Tất cả mọi người trong thế gian đều ngu si, không có trí tuệ, nên đều bị nhà vua gạt cho si mê. Ta nên đến đó cầu xin một vật, để xem xét rõ nhà vua thật có tâm rời bỏ hay không?... Vì không có người đến xin thân mạng, nếu có người xin, tất nhà vua sẽ rút lui sự bố thí." Sau khi nghĩ như vậy, Bà-la-môn bèn ra khỏi núi sâu, vứt bỏ pháp thanh tịnh, phẫn nộ càng tăng thêm, miệng như đồng đỏ, bặm môi, nghiến răng, mặt nhăn nhó thành góc, như rồng ác phun ra mưa đá làm hại ngũ cốc, như chùy kim cương đập phá núi lớn, như vua A-tu-la che giữ nhật nguyệt, như mưa lớn khiến nước tràn ngập làng xóm, như lửa cháy mạnh đốt rụi cả cỏ khô. Bà-la-môn này cũng như vậy, mang tâm ác ấy đến thành Ca-thi gặp vua Nguyệt Quang, biểu hiện tướng xấu theo tập quán như thân thể rung động, lời nói khó khăn, đi nghiêng ngã, tay nắm khiêu khích, tóc rũ xuống lông mày, đầu

tóc dựng ngược, năm ngón tay bấu lại như năm đầu rồng, trong tâm ác dữ như rắn độc, hơi thở sân hận phun ra mịt mù như khói lửa, nói lời dối trá:

– Đại vương, tôi ở núi Tuyết, nghe danh đại vương nên vui mừng vô cùng. Tôi thấy các vua khác không như ngài, công đức của đất nước này khó lường nên mới được gặp vị pháp vương như vậy. Đại vương, nay vì lợi tha nên xả bỏ thân mạng mình. Người tu tập chánh pháp thức ngủ thường an. Tôi muốn xin đại vương một việc.

Nhà vua đáp:

– Đại Bà-la-môn, không cần nói nhiều, chỉ xin ra lệnh tôi làm gì, tùy theo yêu cầu của ông, tôi sẽ dâng hiến, như là voi ngựa, xe trâu, vàng bạc, lưu ly, y phục, châu báu, nô tỳ, người sai khiến, thảy đều cung cấp hết. Này Bà-la-môn, ông nên biết, chúng sinh luôn bị ba độc quấy nhiễu nên mãi lưu chuyển trong sinh tử, không có lúc nào thoát ra. Già bệnh chết thường hại chúng sinh, riêng một mình tôi có thể thoát ly, nhưng vì chúng sinh nên còn ở lại trong thế gian. Tùy theo sự ưa thích của ông, tôi đều cung cấp hết.

Bà-la-môn nói:

– Nếu vua làm được như vậy, trước phải định tâm, không nên xao động.

Vua đáp:

– Tôi xưa nay thường lập thệ nguyện, tâm khó lay động. Tôi vì chúng sinh mà phát tâm Bồ-đề, thân mạng còn bỏ huống chi là các ngoại vật. Ông nên biết, người có tiền tài mà không bố thí, nên biết chính người ấy là nô tỳ giữ của. Như cây độc tuy có sinh hoa trái nhưng không ai dùng cả. Giếng sâu dây ngắn không sao lấy nước được. Có tiền tài mà không bố thí cũng như vậy. Thấy người đến xin mà mặt mày nhăn nhó, nên biết là kẻ ấy đang mở cửa vào nẻo ngạ quỉ.

Bà-la-môn nói:

– Lành thay đại vương! Nêu bày lời trống rỗng thì có ích lợi gì, nếu có thể làm được, xin bố thí đầu ngài cho tôi.

Các đại thần nghe nói vậy, bèn bảo Bà-la-môn:

– Lạ thay gian tặc! Từ đâu đến đây, dùng miệng người nói lời vô nghĩa.

Họ cùng nhau dùng đất, đá ném, đồng thanh nói:

– Người thế này không phải là Bà-la-môn! Ở đâu mà có áo cỏ, da nai, tóc dài, ít ăn nhưng lại nói lời như gai nhọn. Thân thể, y phục như Tiên nhân, miệng nói ra lời quá hơn Chiên-đà-la. Lời nói và thân không phù hợp

nhau, vậy nên biết chắc chắn không phải là Bà-la-môn, mà chính là quỉ thần La-sát xấu ác. Than ôi kẻ ác! Ngươi đến đây muốn làm khô cạn sông chánh pháp hay sao? Như chim cánh vàng muốn ăn rồng pháp để chấm dứt mưa pháp hay sao? Ngươi như gió ác thổi tắt ngọn đuốc pháp. Như voi hung ác muốn nhổ cây pháp. Kẻ ác đáng chết không có đạo lý. Khi miệng nói ra, tại sao lưỡi không thụt lại. Tại sao mặt đất lại nâng ngươi được? Sức nóng mặt trời sao không đốt khô thân ngươi. Tại sao sông lớn không cuốn ngươi trôi đi?

Bà-la-môn nói với các vị đại thần:

– Các ngươi ngu si, vì sao mắng nhiếc thậm tệ khác nào chó dữ sủa người đến xin? Các ngươi nghi ta không phải là Bà-la-môn từ xa đến cầu xin phải không? Chẳng phải là người xuất gia học rộng phải không? Các ngươi ngu ác nên không thể biết các uy lực của những bậc Bà-la-môn. Ngươi biết không, nhật nguyệt đầy vơi, biển lớn mặn đắng. Thần dân A-nậu uống nước sông Hằng làm ngừng chảy trong mười hai năm. Tự tại Thiên vương mặt có ba mắt. Tiên nhân Cù-đàm hóa ra ngàn nữ căn trên thân họ Thích. Tiên Bà-tư-thát biến thân Đế Thích thành con dê đen. Đại tiên Tỳ-cứu ăn núi Tu-di như ăn cháo sữa. Những việc như vậy đều là năng lực của hàng Bà-la-môn chúng ta. Ta đến đây cũng vì ngài nói lời trống rỗng, thêu dệt. Ai không biết là nhà vua đã tự nói có thể bố thí tất cả. Vậy nay ta theo xin thì có gì đáng trách!

Vua Nguyệt Quang bảo quần thần:

– Các khanh không nên ngăn cản. Ta sẽ làm thỏa mãn ý nguyện của vị Bà-la-môn này. Ngươi hãy quán sát, ta trị nước không có tham dâm, sân hận, ngu si, quả báo đạt được nay đã thành tựu. Đến lúc xả thân như rắn lột vỏ. Các ngươi phải biết, ta dùng thân không bền, đổi lấy thân bền vững, dùng tài sản không chắc chắn đổi lấy tài sản chắc chắn, dùng mạng sống vô thường đổi lấy mạng sống kiên cố. Trước đây, ta thường nói với các ngươi về pháp của bậc Đại nhân, nay là đúng lúc. Ta cũng thường khuyên các ngươi hướng đến chánh pháp, lấp kín nẻo ác, mở các cửa thiện, trồng các giống thiện trong vườn giác ngộ, làm mỏng các phiền não, dần dần cởi mở hết các dây gia đình trói buộc. Những công đức mà ta đã được, các ngươi cũng sẽ có được. Thế nên, ngày nay ta xả bỏ thân mạng. các ngươi nên hoan hỷ chớ nên buồn khổ. Nếu ta tham thân không làm được việc này, các ngươi còn phải trách cứ khuyên bảo ta làm. Huống chi hôm nay ta tự cắt ra mà các người còn ngăn cản không cho. Ví như có người dùng cỏ đổi len, uống độc trừ bệnh, ta cũng như vậy, bỏ thân không kiên cố để được

thân bền chắc.

Các đại thần lại tâu:

– Đại vương không nên tính việc ấy để được thân bền vững. Ngài không nên tính như vậy. Vì sao? Ngài là nơi chúng thần nương tựa. Thân này của ngài quan hệ với tất cả các việc, quan hệ với pháp, làm sao riêng vì một Bà-la-môn mà muốn xả bỏ. Ngài xả bỏ thân này rồi thì việc bố thí tài sản làm sao bày biện nổi. Nếu không tổ chức được, nhiều người sẽ bị khổ. Tuy một thân vua nhưng gồm cả thiên hạ. Vì sao hôm nay ngài muốn tự do cho riêng mình? Như nhiều người cùng có chung một món quý, một người muốn dùng riêng làm sao được tự ý? Nay thân của vua cũng như vậy.

Sắc mặt hòa nhã, nhà vua bảo các đại thần:

– Trước hết các khanh nên sinh tâm từ mẫn, quan sát vị Bà-la-môn này, sau đó ta mới cắt đầu bố thí cho ông ta.

Nhà vua lại bảo Bà-la-môn:

– Ông hãy đi nơi khác một lúc để ta khuyên nhủ các thần dân, sẽ khiến họ tuân lệnh.

Bà-la-môn liền tránh đi nơi khác.

Nhà vua bảo các quan:

– Các khanh có biết trước đây ta nguyện thường muốn đem lại lợi ích cho chúng sinh không? Ta đã làm xong việc cho các người, lại muốn làm mãn nguyện cho vị Bà-la-môn này. Vào thời quá khứ, Bà-la-môn này với ta có thù oán, dư báo chưa hết nên thường ràng buộc tâm ta, không còn có cách nào để trả lại, nên phải giao cái đầu để không còn nợ. Từ khi ta làm người thường thi hành chánh pháp, nay vì người này thì cũng là thi hành chánh pháp, các khanh hãy mau đi gọi Bà-la-môn trở lại đây.

Nhà vua nói:

– Bà-la-môn, ông không lanh trí, không biết chọn lúc thích hợp nên xin đầu ta giữa mọi người. Tại sao không xin ta ở nơi vắng vẻ. Nay ta vì ông nên khuyên can các quan để ông được an ổn bảo toàn tánh mạng. Nếu không can gián thì thân mạng của ông làm sao an toàn! Ông hãy đi không xa, đến nơi vắng kia, chờ ta giải tán các đại thần rồi, ta sẽ đến gặp và giao đầu cho.

Bà-la-môn nghe vua nói xong liền đi tới nơi khác.

Sau khi giải tán các đại thần, vua đến gặp ông Bà-la-môn, nói:

– Nếu ông vì kẻ oán đối với ta mà xin đầu, ta cũng không thù hiềm gì cả. Nếu ông tự xin vì lý do gì đi nữa, này Bà-la-môn cũng nên niệm tâm

Từ, nếu niệm tâm Từ sẽ sinh vào Thiên giới. Tâm oán thù như lửa hãy mau dập tắt đi. Trong tâm sân hận thì không thấy ý nghĩa của pháp. Người tu tập nhẫn nhục dốc trừ diệt sân hận. Sân hận làm ô nhiễm tâm, thân hình không ngay thẳng, như mây mù che khuất trăng trong. Người xuất gia không nên sinh khởi sân hận. Người sân hận không xinh đẹp, như kẻ uống rượu, hơi thở hôi hám.

Bà-la-môn nói:

– Lời ngài nói tuy thật hay, nhưng ta thô lậu làm sao tin nhận. Hãy cho ta đầu, đừng nên nói nữa. Ta nghe ngài nói tuy thiện, nhưng nghe xong càng thêm sân hận, như lửa cháy bùng được đổ dầu mỡ vào.

Vua đáp:

– Ta từ khi sinh ra đến nay chưa bao giờ khuyên bảo người làm điều ác. Nay thân ta tùy ý ngươi chặt, thân này thật xấu như hố phân, thật không đáng yêu, chỉ vì thương ông sẽ bị đọa địa ngục.

Bà-la-môn nói:

– Địa ngục ở nơi nào?

Nhà vua liền niệm tâm Bi, nói:

– Lạ thay chúng sinh, than ôi thế gian! Cho đến không có một người tu hành pháp thiện vì lợi cho mình! Ta tuy khuyên can người này bằng nhiều cách, nhưng bản tâm họ vẫn thích làm ác. Như con ruồi xanh ở trong lọ mật, có người vớt ra nhưng tâm nó vẫn đắm, vì tham đắm trước nên đến nỗi bị bỏ mạng. Bà-la-môn này cũng như vậy.

Bấy giờ, Bà-la-môn cầm một đao bén rút ra từ lớp da nai, nắm tóc vua cột trên cây, với tâm sân hận muốn chặt đầu vua. Lưỡi dao bị lệch không trúng vua, chỉ chặt đứt nhánh cây. Bà-la-môn cho rằng đã chặt xong nên sinh vui mừng. Nhờ uy lực của Bồ-tát và các Thiên thần nên Bà-la-môn không hề thấy đầu và thân vua.

Lúc ấy Thần cây nói với Bà-la-môn:

– Ở đâu lại có người Bà-la-môn chứa đao bén sát hại mạng người. Tay ngươi tại sao không rụng xuống đất. Tại sao đất không nứt ra vùi lấp thân ngươi? Tại sao ngươi sinh tâm ác với người thanh tịnh như vậy. Ngươi không đọa địa ngục vì nhờ Bồ-tát ấy hộ trì đó.

Khi ấy, Bà-la-môn tưởng rằng đã chặt được đầu Bồ-tát, tâm oán thù không còn, nên bỏ ra đi.

Nhà vua trở về cung, thân an ổn, không bị tổn hại.

Khi Đại Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật, đã luôn xả bỏ tất cả như

vậy.

□

PHẬT THUYẾT
KINH BỒ-TÁT BẢN DUYÊN

QUYỂN HẠ

6. Phẩm Thỏ:

Bồ-tát Ma-ha-tát
Nếu thọ thân súc sinh
Những pháp thiện đã làm
Ngoại đạo không bì kịp.

Tôi từng nghe:

Thời quá khứ, Bồ-tát từng làm thân thỏ, vì nhân duyên của dư nghiệp đời trước. Tuy thân thỏ nhưng nói được tiếng người, lời nói thường chí thành, không dối trá, thành tựu trí tuệ, xa lìa sân hận, đứng đầu trong trời người, tâm đầy từ bi, hòa nhã dịu dàng, có khả năng tiêu trừ các ma chướng, nói và làm hợp nhau, chân thật không tà vạy, hoàn toàn không còn tâm sát hại, an trú không lay động như núi Tu-di, làm đầu đàn cho vô lượng con thỏ, thường chỉ dạy đám thỏ kia:

– Các ngươi có biết việc bị đọa vào đường ác không? Thân này thật đau khổ, bệnh hoạn, đường ác là địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, A-tu-la. Các người hãy chú ý lắng nghe nguyên do bị đọa vào đường ác. Đó là mười điều ác. Trước đây, ta từng nghe chư tiên phân tích giảng dạy, tâm còn nhớ nghĩ. Nay sẽ lược giảng cho các ngươi nghe. Bốn pháp căn bản có nhiều lỗi lầm là tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn. Nhân vì tâm tham dục làm mười điều ác bị đọa làm ngạ quỉ. Nhân vì tâm sân hận làm mười điều ác nên bị đọa vào loài súc sinh. Nhân vì tâm ngu si làm mười điều ác nên bị đọa vào địa ngục. Nhân vì tâm kiêu mạn làm mười điều ác nên bị đọa vào A-tu-la. Nhân vì bốn pháp ấy nên dẫn đến cảnh giới thường chịu khổ não. Các ngươi hãy quan sát trong địa ngục luôn có lửa cháy rực rỡ, dao bén lột cắt, thường bị chó dữ ăn thịt, chim mỏ sắt mổ mắt, sông tro làm nát thân như bụi bặm, lại bị các dùi đánh đập, búa đao, kiếm bén chặt đứt tay chân, gió dữ lạnh buốt thổi rách cả thân, hai núi

ép lại thân thể ở giữa. Các ngươi nên biết, giả như ta có sống đến trăm ngàn đời, giải nói về chúng sinh chịu khổ trong địa ngục như vậy cũng không thể hết được. Địa ngục như vậy có nhiều cách khổ. Các ngươi hãy nghe tiếp về các khổ trong hàng ngạ quỉ. Đó là bị đói khát giày vò làm thân thể luôn khô héo, trong vô lượng năm chưa bao giờ được nghe về danh từ nước, đến nỗi mong được phẩn uế cũng không có, tóc dài quấn khắp thân hình nên làm cho các chi phần trên thân luôn cháy rực, từ xa thấy nước đến gần thì thành ra hầm lửa, bị đói khát hành hạ nên chạy theo phẩn uế, lại bị các quỉ thần hung ác cầm dao gậy ngăn chận. Nay nói về việc này, càng làm cho tâm ta kinh hoàng sợ hãi. A-tu-la tuy hưởng năm dục không khác chư Thiên, nhưng kiêu mạn tự cao, không có tâm khiêm nhường, xa thiện tri thức, không tin Tam bảo, cũng không được bạn thiện hỗ trợ, có ý tưởng điên đảo với thế gian, tuy gặp chư Phật nhưng tâm không kính tín, thường sinh tâm ác với chư Thiên ở trên, ý luôn tìm tòi lỗi của chư Thiên. Các ngươi nên biết, phiền não kiêu mạn có nhiều lỗi lầm không có lợi ích, vậy nên chúng sinh không thành tựu đạo quả đều do kiêu mạn bùng lên, khen mình chê người hiềm khích trách mắng. Chúng sinh trong thế gian vì kiêu mạn nên tăng trưởng tà kiến, do tà kiến nên phỉ báng Tam bảo. Do phỉ báng Tam bảo nên sinh vào hàng A-tu-la. Các khổ phải chịu trong A-tu-la, nếu muốn nói hết cũng không thể hết được. Vì nhân duyên ngu si nên bị đọa vào thân súc sinh chịu nhiều thống khổ, mang nhiều hình dáng, ăn uống với nhiều loại khác nhau, tiếng nói cũng không giống, đi đứng chẳng đồng... không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, đi dưới nước, trên bộ, trên không trung. Bò, dê, lạc đà, lừa, heo, gà, chó, chim bay thú chạy... những loài này luôn bị ngu si che phủ, sống trong tối tăm không có trí tuệ, đối với nhau luôn có ý tưởng sát hại, sợ hãi nhau như kẻ thù, thường bị thợ săn đồ tể sát hại, lại bị sư tử hổ lang, chó sói, vô số thú dữ khác bắt ăn, thường bị rơi xuống hầm bay treo giữ trong lưới, sống thì vác chở nặng, chết bị lột xẻ, cày ruộng kéo xe, bị móc sắt quản thúc, yên cương bó buộc, luôn bị đói khát, miệng lưỡi khô héo, có cần việc gì cũng không nói được, còn nhỏ đã lẻ loi lìa xa cha mẹ, cỏ nước vô lượng nhưng ăn không được no. Quả báo ác của súc sinh thấy rõ trong đời, thế nên ta chỉ nói qua cho các ngươi. Như ta do nhân duyên của nghiệp ác đời trước nên thọ thân thỏ này, tuy ăn nước cỏ nhưng luôn sợ hãi. Vậy nên các ngươi nên thường tu pháp thiện, nhờ đó sinh vào cõi trời, người. Tuy

sinh cõi người có nhiều khổ não hơn cõi trời, nhưng nên phát nguyện sinh cõi người. Như phép quan vì có người gây tội nên làm hầm đất có ba tầng. Người tội nặng nhất bị nhốt tầng thấp nhất. Ngươi tội trung bình nhốt ở tầng giữa. Người tội nhẹ thì nhốt nơi tầng trên cùng. Người gây nghiệp ác cũng vậy. Người cực ác bị đọa địa ngục. Người ác trung bình bị thân súc sinh. Người ác nhẹ sinh vào ngạ quỉ. Ai xa lìa ba loại ác này thì sinh vào loài người. Được làm người có làm thiện và bất thiện. Người hành thiện tối thượng, nhập vào Niết-bàn như nhà của mình.

Bấy giờ, vua thỏ thường dạy những diệu pháp như vậy cho các thỏ khác.

Có một Bà-la-môn chán đời, xuất gia tu học theo phép tiên, không hại chúng sinh, ly dục đoạn ái, lời nói hòa nhã, thân không thô bạo, uống nước ăn trái và các rễ thuốc, ít muốn biết đủ, tu hạnh tịch tĩnh, để tóc và móng tay dài, biểu hiện hình tướng phạm hạnh.

Một hôm, bỗng nhiên Tiên nhân nghe tiếng thỏ chúa thuyết pháp cho các thỏ khác. Sau khi nghe như vậy, Tiên nhân tự trách mình: "Ta tuy được sinh làm người, nhưng ngu si vô trí không bằng thỏ chúa là súc sinh mà hiểu rõ pháp thiện. Như ánh sáng mặt trời che lấp ánh sáng mặt trăng, ta cũng như vậy, tuy là người mà bị súc sinh che lấp. Thỏ tuy súc sinh mà hoặc là vị tướng chánh pháp, hay là Phạm vương, Đại Tự tại thiên. Ta nghe lời pháp của vị ấy thuyết nên tâm ý điều hòa. Như người đang nóng bức đi vào chỗ nước mát. Lạ thay! Sư tử gây nhiều nghiệp ác nên thọ thân thú ấy, tại sao lại giết những thỏ như vậy? Thỏ như thế là bậc thuần thiện, tuy mang hình thỏ nhưng tu tập được pháp của Tiên thánh, tuy sinh trong loài súc sinh nhưng có thể nói lên được tướng trạng của thiện ác. Từ trước đến nay, ta chưa có nơi để học hỏi, tôn kính. Nay gặp vị này thật hay vô cùng!".

Tiên nhân đứng dậy chắp tay đi đến chỗ thỏ. Đến nơi, Tiên nhân ngồi qua một bên, chắp tay hướng về thỏ, thưa:

– Ngài thật là thân chánh pháp, vị lai không còn thọ thân thỏ vì có pháp chắc chắn thuần thiện. Xin ngài giảng dạy pháp cho tôi. Tôi đã tu học về việc để tóc râu dài, mặc áo cỏ, ăn trái cây, nay thật chán việc ấy. Như nấu nước tìm bơ thật là khó được. Tôi cũng như thế, trọn đời để tóc dài mặc áo cỏ, ăn trái cây, tuy tu khổ hạnh nhưng khó được chánh pháp. Tôi tuy được sinh làm người nhưng xa thiện tri thức, tu hành pháp ác. Như hoa thất diệp, nên nhìn từ xa chứ không được lại gần, tôi cũng như vậy, tu hành pháp ác nên người có trí thấy vậy tránh xa chứ không thân cận. Ngài là bậc Phạm vương, giả thọ thân thỏ.

Thỏ đáp:

– Đại Bà-la-môn, nếu lời tôi nói làm vui lòng người, thật không nên yêu thích. Vì sao? Từ lâu, tôi đã xa lìa sự trói buộc của tham tiếc. Ngày xưa tôi phát tâm chứng đắc Niết-bàn, nhưng vì chúng sinh nên cố trú sinh tử.

Bà-la-môn nghe lời thỏ nói xong liền sinh hoan hỷ:

– Ngài là bậc Đại sĩ, nên vì chúng sinh ở mãi chỗ này.

Như vậy, Tiên nhân liền theo thỏ, trải qua nhiều năm, uống nước ăn trái như thỏ.

Khi ấy, người đời làm nhiều pháp ác. Vì vậy khiến cho trời hạn hán, cây cỏ khô héo không mọc hoa trái, ở biển hồ, giếng suối các nguồn nước đều bị khô cạn, mặt đất chỉ có rừng cây lau sậy cỏ hoang. Dân chúng các địa phương thu thập của cải bỏ đi hết.

Vị Bà-la-môn bị đói khát khốn khổ, hòa nhã thưa với thỏ:

– Nay tôi muốn đi, xin ngài đừng trách.

Thỏ nghe nói, suy nghĩ: "Vị Đại tiên này không thích ở đây nên muốn bỏ đi, nên hỏi: Nơi này có lỗi gì, có gì xúc phạm ngài không? Đại tiên nên xem, thân mặc áo cỏ khô như vậy mà để tâm sầu não thật không thích hợp. Như Bà-la-môn đi vào nhà dâm nữ, thật là trái pháp".

Bà-la-môn nói:

– Lời ngài nói thật hợp với tâm tôi, nơi này thanh tịnh thật không lỗi lầm gì. Các thỏ khác tự tu cũng không xâm phạm tôi, chỉ vì tôi bạc phước, thiếu thốn thức ăn uống, vậy nên miễn cưỡng rời bỏ đi. Xin ngài hãy xem tất cả chúng sinh đều nhờ ăn mà sống. Lời ngài dạy là pháp yếu hoàn toàn tốt đẹp, tuy tôi đi xa nhưng trọn đời ghi nhớ trong lòng, không bao giờ quên. Xin ngài biết cho, tâm tôi không nhân từ, chỉ vì thức ăn thiếu kém mà phải chia tay nhau.

Thỏ đáp:

– Việc của ngài chỉ là việc nhỏ, tại sao lại muốn bỏ nhau ra đi?

Bà-la-môn nói:

– Đã nhiều ngày, tôi chỉ uống nước, sợ không toàn mạng, cho nên muốn bỏ đi.

Thỏ nghe nói suy nghĩ: "Lành thay Bà-la-môn! Có thể vì pháp mà nhiều ngày chỉ uống nước", nên nói:

– Nếu ngài bỏ đi, tôi không còn phước điền nào như vậy. Xin nhân giả nhận lời thỉnh của tôi vào ngày mai. Tuy biết Bồ-tát đối với phước điền tâm không phân biệt, nhưng bố thí cho chúng sinh cực khổ đói khát thì

phước ấy rất lớn. Tuy biết hai mắt là nơi phải luôn giữ gìn, nhưng phải ưu tiên cứu chỗ thống khổ. Nay, ngài là thiện tri thức gần gũi của tôi, là bậc tôi tôn kính, có uy đức lớn. Thế nên, tôi muốn dâng vật mọn. Ngài nên biết, người có bốn hạng, thí cũng có bốn, đó là: Bậc thấp, bậc thấp trong thấp, bậc trí, bậc trí trong trí. Thế nào là bậc thấp? Là khi bố thí, sinh tâm cầu giàu có. Bậc thấp trong thấp là vì sợ hãi nên bố thí. Bậc trí là khi bố thí với tâm cung kính. Trí trong trí là bố thí với tâm đại bi. Tôi trong bốn loại thí trên chỉ dốc hành một loại thí, xin ngài vào sáng mai nhận lời thỉnh của tôi.

Sau khi suy nghĩ: "Hôm nay, thỏ này thấy gì, hay là thấy xác nai, hay xác thỏ chết?", Bà-la-môn hoan hỷ đốt lửa tụng chú.

Đêm ấy, thỏ gom góp nhiều thứ củi khô, bảo với các con thỏ:

– Quý vị nên biết, Bà-la-môn này đang muốn bỏ ta đi xa đến khác. Ta rất sầu não, thân thể run rẩy. Thế pháp là vô thường, biệt ly như vậy, hư dối không thật, như huyễn hóa, hội hợp thì có biệt ly như mưa mùa thu. Pháp hữu vi có vô lượng sự lỗi lầm như thế. Vô thường như mộng, như hơi lửa khi nóng, mạng sống đi qua hết không thể trở lại. Quý vị biết thế pháp đã như vậy thì sao không từ bỏ. Vậy nên, quý vị cần phải tinh tấn phá trừ sinh tử trong ba cõi.

Đêm ấy, vua thỏ không ngủ, nói pháp như vậy cho các con thỏ khác. Đêm đã qua, vào sáng sớm mai, thỏ chúa đến bên đống củi thổi lửa. Sau khi lửa cháy rực, vua thỏ nói với Bà-la-môn:

– Hôm qua, tôi thỉnh ngài nhận sự cúng dường mọn, nay đã chuẩn bị xong, xin ngài nhận cho. Vì sao? Người trí gom tài sản muốn đem bố thí, người nhận nên xót thương nhận lấy mà sử dụng. Có phàm nhân nào chứa nhiều tài sản quý, đem bố thí cho người, việc này không khó. Tôi sống bần cùng, bố thí thật khó. Xin ngài thương xót quyết định nhận cho. Nay, thâm tâm tôi thanh tịnh cầu thỉnh, xin nhân giả quyết định nhận cho, chớ hoang mang.

Nói xong, vua thỏ lại an ủi:

– Tôi vì người khác được hưởng sự an lạc, tự xả bỏ thân mình không luyến tiếc chút nào cả. Với phước báo như vậy, cầu cho chúng sinh chứng đắc trí tuệ cao tột.

Sau khi an ủi, vua thỏ bèn nhảy vào đống lửa.

Bà-la-môn thấy sự việc như vậy, tâm kinh hoàng lông tóc dựng ngược, vội kéo thỏ ra khỏi ngọn lửa. Nhưng sinh mạng vô thường của thỏ đã không còn. Ông ta bồng thỏ để trên đùi nhìn mãi, tâm buồn bã, than thở:

– Bậc Đại sĩ mến pháp, Đại tiên từ mẫn, bậc Thầy lái thuyền giỏi vì

lợi ích cho chúng sinh nên xả bỏ thân mạng! Nay ngài đã đến đâu! Tôi xin đảnh lễ, quy y ngài. Tôi ở núi này gánh nặng tóc dài, tuy trải qua nhiều năm chẳng có lợi gì. Từ nay, tôi nguyện luôn kính trọng ngài. Nguyện công đức của ngài thành tựu đầy đủ, xin cho tôi trong đời vị lai thường được làm đệ tử ngài.

Nói như vậy xong, Bà-la-môn đặt thỏ xuống đất, cung kính lạy, rồi lại ôm thỏ như bồng con, cùng với thây thỏ nhảy vào trong lửa.

Khi ấy, trời Đế Thích biết việc này rồi, bèn tổ chức cúng dường lớn, thu nhặt xá-lợi và xây tháp.

Đại Bồ-tát tu tập Trì giới ba-la-mật như vậy, không lừa dối thế gian.

-oOo-

7. Phẩm Nai:

Bồ-tát Ma-ha-tát
Hành sáu Ba-la-mật
Giữa kẻ rất oán thù
Ngài vẫn không ác ý.

Tôi từng nghe:

Đời trước, Bồ-tát từng sinh vào loài súc sinh mang thân nai, hai bên hông màu vàng kim, xương sống bằng lưu ly, trên thân xen lẫn các loại khác khó nêu tên, móng như xa cừ, sừng như kim tinh, toàn thân trang sức như kho bảy báu, thường làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, thành tựu đầy đủ các pháp thiện. Thân sáng rực như mặt trời mới mọc. Chư Thiên kính trọng nên gọi tên ngài là nai Sắc Vàng. Ngài luôn chỉ dạy, hướng dẫn cho vô lượng con nai. Nai chúa này tu tập hạnh từ bi rộng lớn, tinh tấn, trí tuệ đầy đủ không thiếu, có sức dũng mãnh vượt bậc, hiểu biết tiếng người, vì nhằm điều phục chúng sinh nên thị hiện thân nai.

Bấy giờ, nai chúa đi lại ở Tuyết sơn. Trong núi có nhiều rừng cây hoa quả, suối chảy, ao tắm. Nếu những cầm thú nào có tâm thù ghét làm hại nhau, liền bị sức mạnh từ uy đức của Bồ-tát tiêu diệt hết. Nai chúa ở nơi yên lặng, thường dạy các nai khác xa lìa pháp ác, tu tập pháp thiện: "Các ngươi nên biết, trong các hành động, nên quan sát điều ác nhỏ như thức ăn độc. Như vậy ác nhỏ cũng không nên chấp nhận. Nên xem điều thiện nhỏ như là bạn thân, thường nên gần gũi siêng năng thọ trì. Này các nai, vì thân miệng ý các ngươi làm việc ác nên bị đọa vào súc sinh, không thể tu tập pháp thiện. Vì ngu si nên bị mang thân súc vật, trải qua vô số kiếp khó giải thoát được nẻo sinh tử, muốn hưởng an lạc cần phải lấy chánh pháp làm

căn bản. Chánh pháp có thể hộ trì chúng sinh không bị đọa vào cảnh giới ác, là cầu đò cho người vượt qua biển khổ phiền não. Như người đi qua chỗ khó phải cần gậy, như cầm đuốc soi thấy các nẻo tăm tối, người làm theo chánh pháp cũng như vậy. Chánh pháp là nơi cần phải thân cận, không thể phá hoại, chỉ dẫn chúng sinh con đường cao cả, có khả năng làm cho muôn loài thọ hưởng an lạc. Được nghe chánh pháp thường làm cho tâm hoan hỷ, tâm niệm luôn luôn hành pháp này thì không còn sợ hãi. Chánh pháp này có thể trừ diệt tất cả các ác, như là thuốc hay có thể trừ được nhiều bệnh. Do đó, cần phải luôn luôn nhớ nghĩ về chánh pháp không được quên đi. Nếu ai quên chánh pháp thì đời này trôi qua trống rỗng. Tất cả thế gian đều hư dối, chỉ có pháp bố thí, nhẫn nhục, trí tuệ biết hổ thẹn mới là chân thật. Nếu ai tu tập những pháp như vậy được gọi là thực hiện đầy đủ về chánh pháp.

Nai chúa thường thuyết pháp này cho các cầm thú, khiến cho người nghe ngay khi ấy xa lìa tâm dâm dục, cũng như Hiền thánh, xa lìa các ác không còn gây hại. Sau đó, nai chúa cùng bầy nai dừng chân nơi một con sông rộng lớn, sâu thẳm không bờ đáy, nước dâng cao chảy cuồn cuộn, nhiều chỗ nổi chìm, phá vỡ bờ núi, bứng cả cây to, tất cả chim thú đều không dám đến gần. Lúc ấy, có một người bị trôi theo dòng nước, kinh hoàng sợ hãi không biết đến nơi nào, sức lực trở nên yếu ớt, sắp chết đến nơi, nên lớn tiếng kêu cứu: "Thiên thần đất trời, ai có từ bi xin cứu mạng tôi, khổ thay! Hôm nay, tôi cách biệt gia đình, bị tai nạn, biết dựa vào ai! Trước đây tôi từng được nghe thế gian có một vị nai tu học phép Tiên, có tâm đại Từ bi, chỉ mong vị ấy cứu mạng cho tôi!".

Ở trước bầy nai, nai chúa nghe tiếng kêu kia, liền vội xem ai bị tai nạn và lên tiếng: "Ta nghe như vậy, tâm rất khổ não không khác gì chính người đang bị nạn kia... Các ngươi hãy tùy ý giải tán, ta muốn tìm nơi bằng phẳng để tùy ý uống nước cho đỡ khát".

Bầy nai nghe bảo, bỏ đi tứ tán. Vua nai theo tiếng kêu cứu đi tìm, thấy có một người bị trôi trong nước, lại bị cây đá xô xát rất là khổ não. Thấy như vậy, nai chúa suy nghĩ: "Dòng nước chảy mạnh, giả sử cá lớn cũng không vượt được. Ta thân hình nhỏ, sức yếu, chẳng biết có thể cứu người này được không, hay là cả ta và họ đều bị chết chứ không nỡ thấy riêng họ chịu khổ... Giả sử người này ở trên đất bị voi gây hại, thì ta có thể tìm cách cứu họ, nay đang bị trôi trong dòng nước mạnh, ta làm sao cứu nổi! Nếu ta vào nước mà không cứu được, thì tất cả người nghe biết sẽ cười ta vì đã tự biết không có khả năng, sao lại xuống nước! Ta tuy có tâm từ bi

nhưng sức lực kém, sợ không thể làm được. Ta cần phải tinh tấn gấp bội không chậm trễ để đến cứu họ."

Suy nghĩ như thế rồi, nai chúa lên tiếng:

– Người không nên sợ hãi nữa! Ta vào nước cũng như cây cỏ, nếu thân bị chết cũng cần phải cứu người.

Bấy giờ, nai chúa nhảy xuống dòng sông, bơi đến bên người kia và bảo kẻ bị trôi ngồi trên lưng nai. Kẻ bị nạn ngồi an ổn, không còn sợ nữa, như người ngồi yên trên ghế. Trên sông có nhiều cây đá, va chạm vào thân đau đớn vô cùng. Nai chúa liều chết không thả, cõng người bị nạn, cố gắng hết sức bơi qua đến bờ bên kia.

Sau khi được cứu mạng an ổn, người thoát nạn nói với nai chúa:

– Thân do cha mẹ sinh ra và nuôi lớn lên của tôi đã bị chết chìm. Thân mạng hiện nay thật do ngài mà có. Ngài tuy là nai chúa nhưng tôi xin giao thân mạng cho ngài, nếu cần gì xin ngài cứ sai bảo.

Nai chúa nói với người kia:

– Ngươi hãy nghe rõ, ta không cầu công quả với người cũng không sinh ý tưởng cao ngạo. Ta không tiếc thân mạng này, chỉ muốn làm lợi ích cho người khác. Người nên biết, ta mang thân thú thường ở rừng hoang, tự do tùy ý kiếm cỏ nước. Tuy ta không xâm phạm làng xóm dân cư, nhưng tội của ta là nhiều kẻ ganh ghét, lại còn sợ sư tử, hổ lang, các thú dữ, đám thợ săn, không chỗ ẩn náu, không ai bảo vệ. Ta tuy là thân nai nhưng có nhiều màu sắc xinh đẹp. Trong thế gian chưa ai được thấy. Chỉ vì nhằm cứu giúp nên ngươi mới thấy được. Xưa, ta có lập thệ: "Nếu thấy khổ nạn phải làm cho thoát khỏi. Người có sức lực mà thấy khổ không cứu, nên biết kẻ ấy sẽ không có phước báo. Như không trồng cây thì chẳng được trái. Nếu người nhớ đến ta thì nên giữ kỹ miệng. Biết ân nhớ ân là điều Hiền thánh khen. Người không biết ân, ngay đời này tiếng xấu lan truyền khắp nơi, bị người trí chê trách, đời vị lai sẽ chịu quả báo xấu ác. Người biết ân, an vui cả trong hai đời, không do bố thí mà được tự tại, chẳng tu tập đa văn mà đầy đủ trí tuệ, tuy không tắm nước mà thanh tịnh không dơ bẩn, tuy không xông hương mà được thơm tho cao thượng, không mang chuỗi ngọc mà thật xinh đẹp, không cần y phục mà được kín đáo, tuy không dao gậy nhưng không ai xâm phạm. Người nên biết: Công đức của người biết ân nói không thể hết. Người không biết ân bị các khổ nạn cũng vô lượng". Vậy người nên giữ kín miệng.

Nghe nói như vậy, người bị trôi kia vui buồn lẫn lộn, nước mắt đầm đìa, liền lạy sát chân nai, thưa:

– Ngài thường thuyết pháp chỉ dạy cho chúng sinh về chánh đạo Niết-bàn. Ngài như lương y, trừ diệt tâm nóng, bệnh khổ cho chúng sinh. Ngài là người cha lành đứng đầu trong thế gian, là bậc tôn quý, bậc hướng dẫn, thật tôi muốn theo hầu để sớm chiều học tập không muốn rời xa dù chỉ trong một niệm, tất sẽ không còn làm ác nữa. Nay nếu tôi ra đi, thân hình tuy xa lìa, nhưng tâm không dám có ý tưởng rời xa.

Sau khi nói xong, người kia từ giã ra đi. Nai chúa nhìn theo người ấy đến khi khuất bóng mới trở lại chỗ bầy của mình.

Về tới nhà, người bị nước trôi kia vong ân bội nghĩa, phá tắt cây đuốc pháp, tự đốt tâm mình, chặt ngã cây đại thọ pháp, đến nỗi trồng rừng cây độc, tâm thành bồn ác chứa đầy oán độc, vì tham lợi trong hiện tại nên đến tâu lên nhà vua:

– Đại vương biết không, vừa rồi thần vào rừng thấy một con nai, thân thể màu sắc vi diệu, như kết bằng bảy báu, là chúa giữa bầy nai, như mặt trăng tròn ở giữa muôn sao. Tấm da nhiều màu sắc của nó có thể phủ trên xe vua. Thần biết rõ nơi sinh sống của nai này.

Nghe tâu như vậy, nhà vua vui mừng quá, hỏi:

– Khanh hãy chỉ chỗ cho ta, chính ta sẽ đi bắt nó.

Người bị trôi tâu vua:

– Kính tuân lệnh vua.

Vua liền lên xe và ra lệnh người kia dẫn đường, ngàn xe vạn ngựa nối nhau ra đi.

Khi ấy, nai chúa đang mệt nhọc nằm nghỉ giữa bầy nai. Trên hư không có nhiều loại chim thấy quân mã của vua, nên bảo nhau: "Vua này đến đây chắc vì nai Sắc Vàng".

Có một con quạ bay xuống, mổ vào tai nai chúa. Nai chúa giật mình thức giấc, suy nghĩ: "Quạ này vì sao đến đây đánh thức ta? Từ xưa tới nay, các loại quạ chỉ bay quanh ta chứ không dám lại gần. Hôm nay vì sao dám xúc phạm thân ta?"

Nai liền đứng dựng lên trông về xe vua. Bốn phương ồ ạt kéo tới đã gần kề. Nai chúa suy nghĩ: "Như thế là các con chim thật không có lỗi! Như có người ngồi xuống bị té, ta lấy tay kéo lên, có gì là lỗi!". Nai lại suy nghĩ: "Những chúng sinh này không có tâm từ bi. Sư tử, hổ lang, trên thế gian thường là kẻ oán của ta, nhưng khi nghe ta thuyết pháp liền hết tâm oán. Người này thật vô lý, được sinh làm người lại vong ân bội nghĩa, đối với ta lại sinh tâm độc ác, khác nào đặt hoa thơm đẹp nơi tử thi, bị ghê tởm ngay

không ai ưa nhìn. Người này cũng như vậy, vì được một phần nhỏ sung sướng trong đời này, lại vứt bỏ vô lượng quả báo an lạc trong vị lai".

Nai chúa nói với bầy nai:

– Các ngươi chớ buồn! Nay nhà vua đến đây chính vì thân ta chứ không phải nhằm hại các ngươi. Ta cũng có thể chạy xa, cũng có thể phá trừ quân lính của họ, vậy cần phải liều mạng chạy đến chỗ vua. Nếu ta làm như thế, các ngươi phải chạy tán loạn cho đến mất mạng. Thế nên ta vì các ngươi sẽ đến gặp vua, hãy đi theo sau ta, chớ nên sợ hãi. Ta sẽ làm cho các ngươi an ổn không bị nạn. Các ngươi nên biết, nếu ta phát tâm muốn nhập Niết-bàn, tức có thể làm được. Lý do không nhập là vì các ngươi. Ta đến gặp vua, giả sử bị chết nhưng làm cho các ngươi toàn mạng là ta không ân hận rồi.

Thế rồi nai chúa đến gặp nhà vua. Người bị nước trôi thấy nai, chỉ cho nhà vua:

– Nai chúa chính là đây!

Tên này vừa nói xong, hai tay liền bị rụng xuống đất.

Nhà vua thấy vậy, liền xuống ngựa, tâm kinh hoàng, lông tóc dựng ngược, hỏi:

– Tay ngươi vì sao bị đứt rơi xuống như vậy?

Vua liền bỏ dao gậy, một mình đi đến gặp nai.

Khi nai chúa thấy vua, lòng rất buồn rầu.

Nhà vua suy nghĩ:

– Vị ấy tuy mang thân thú nhưng không thật là nai, chính là vị vua của chánh pháp dũng mãnh.

Nai chúa thưa với vua:

– Vì sao đại vương vứt bỏ đao gậy, thân thể ra mồ hôi giống như sợ hãi, hay là ngài sợ tôi. Tôi tu tâm Từ, không bao giờ hại ai cả, như mặt trăng sinh ra lửa, là điều không bao giờ có.

Nhà vua nghe như vậy, tâm được an ổn, hướng đến nai chúa nói:

– Người này vì sao hai tay bị rơi xuống đất? Nhưng như ngài vừa nói hay bố thí sự an ổn cho chúng tôi, vậy tại sao người này vừa chỉ vào thân ngài liền bị quả báo như thế? Vừa rồi ngài nói hay bố thí cho chúng sinh sự không sợ hãi, vì sao làm cho người này như vậy? Nếu nói không bố thí sự an ổn, thì tất cả thế gian sẽ bị lửa cháy thiêu đốt.

Nai chúa liền thưa với vua:

– Như có người phạm tội nặng với quan trên, xúc phạm với vị Tỳ-

kheo thanh tịnh không tranh cãi. Người như vậy tất bị tội nặng. Người không biết ân cũng như thế, bị tội rất nặng. Vua nên biết, người này tự làm tự nhận quả báo, chẳng phải do tôi.

Nhà vua hỏi:

– Xin ngài nói rõ, tôi muốn được nghe.

Nai chúa nói:

– Xin vua hỏi anh ấy, không cần tôi nói!

Vua hỏi người kia:

– Nay vì sao hai tay khanh bị rụng xuống đất?

Người kia liền kể lại cho vua nghe hết chuyện cũ.

Vua nghe xong, nói:

– Khanh đã gây ra việc như vậy, lẽ nào lại không bị quả báo! Khi bị nguy khốn, nhờ vào người khác, cho đến trong một niệm cũng phải báo ân, huống chi đã trải qua thời gian dài thọ ân như vậy, lại không báo đáp mà còn gây hại, sao không bị quả báo như thế được? Như người bị trời nóng, ẩn núp tại bóng cây mát, người này không được gây hại cho cây dù chỉ một cái lá. Thọ ân không quên cũng giống như thế.

Quốc vương hướng đến nai chúa, quỳ xuống chắp tay thưa:

– Từ nay, tôi thường quy y với ngài.

Nai chúa đáp:

– Đại vương đã rõ được như vậy, xin kính nhận ý ấy của đức vua.

Vua lại nói:

– Ngài đã nhận lời tôi, vậy ngài cầu điều gì?

Nai chúa đáp:

– Nếu đại vương có ý tôn trọng tôi, xin hãy lắng nghe. Tôi là thân thú chỉ dùng cỏ nước để sống, ngoài ra không cầu gì cả. Đại vương nên biết, người này trước đây bị trôi trong nước, không ai cứu hộ, mạng sống sắp hết. Khi ấy, tôi còn cứu sống được. Nay, nếu nhà vua có tâm từ bi, hãy xem người kia như con đỏ của mình. Nếu chăm sóc người kia tức là chăm sóc tôi. Người kia ngu si vô trí thật đáng thương, sau khi chết chắc bị đọa địa ngục, trải qua vô lượng năm, bị thọ các khổ. Thế nên phải sinh tâm từ bi thương xót đối với người ấy. Đại vương, như người có nhiều con cháu thương yêu như nhau, nhưng với người bệnh thì phải chú trọng hơn. Bồ-tát cũng như vậy, đối với các chúng sinh xấu ác, phải thương yêu nhiều hơn, bởi vì chúng sinh tâm có pháp ác, nên Bồ-tát mới vì các chúng sinh ấy mà phát tâm Bồ-đề.

Bấy giờ, nhà vua ôn hòa trở lại và nói:

– Ngài thật là bậc Điều ngự đại sư, hộ trì chánh pháp cứu độ ách nạn, là chỗ quy y, hay trừ diệt mọi sự sợ hãi cho tất cả chúng sinh. Các chúng sinh làm nhiều pháp ác nên đáng đọa địa ngục, nhưng không bị đọa là do Đại sĩ hộ trì vậy. Từ nay về sau, cho phép bầy nai vui vẻ không sợ hãi. Trọn đời con xin làm đệ tử. Đời sau, nếu ngài chứng đạo cao cả, xin độ con trước.

Sau khi nói xong, quốc vương bảo quần thần:

– Dân chúng cả nước bắt đầu từ đây không được đi săn, gây nghiệp sát hại.

Khi Đại Bồ-tát thực hành Trì giới ba-la-mật, tuy thọ thân thú, nhưng đối với kẻ thù oán vẫn không có một chút tâm niệm ác.

8. Phẩm Rồng:

Bồ-tát Ma-ha-tát
Chốn giận vẫn trì giới
Huống chi sinh loài người
Sao lại không kiên trì?

Tôi từng nghe:

Thuở xưa, vì nhân duyên sân hận nên Bồ-tát bị đọa vào loài rồng, thọ ba thân độc. Đó là khí độc, thấy độc và tiếp xúc độc. Thân Bồ-tát có nhiều màu sắc, như đống bảy báu, tự sáng rực rỡ, không nhờ ánh sáng của nhật nguyệt, dung mạo, tài trí đã trưởng thành, hơi thở như tiếng bễ lò rèn. Hai mắt chiếu sáng như hai mặt trời, thường có vô số rồng khác vây quanh, có thể biến hóa thành người, sống vui thú cùng các long nữ, nơi thâm u thuộc núi Tỳ-đà. Có nhiều rừng cây hoa trái sum suê rất đáng ưa thích. Có nhiều hồ nước đầy đủ nước tám vị. Bồ-tát thường sống trong đó, hưởng vui thú, trải qua vô lượng trăm ngàn vạn năm.

Bấy giờ, có Chim cánh vàng vì tìm mồi, từ hư không bay xuống muốn bắt rồng. Trong lúc chim đang bay, các núi tan nát, suối ao cạn nước. Các rồng và rồng nữ thấy nghe việc này, tâm rất kinh sợ, vứt bỏ hết những trang phục chuỗi ngọc, hoa hương trên đất. Các rồng phu nhân kinh sợ khóc lóc nói:

– Kẻ thù oán lớn đang đến đây hại chúng ta, mỏ nó bằng kim cương, có thể phá hoại rất nhiều, nay phải làm sao đây!

Bồ-tát rồng nói:

– Các khanh hãy theo sau ta.

Các Long nữ vội cùng nhau theo sau rồng. Rồng tự nghĩ: "Các Long nữ này đều sợ hãi. Nếu ta không thể giúp đỡ họ thì thân hình to lớn đặc biệt này dùng làm gì! Nay ta là rồng chúa, nếu không bảo vệ họ được thì làm vua để làm gì? Người hành chánh pháp phải bỏ thân mạng để giúp đỡ người khác. Vua Kim sí điểu này có uy đức lớn. Sức lực ấy khó đối địch, trừ ta ra không ai có thể chế ngự được. Nay ta cần phải hy sinh thân mình để cứu các rồng."

Long vương bảo chim cánh vàng:

– Này chim cánh vàng, hãy tạm ngưng uy thần trong một chút, nghe ta nói. Ngươi thường oán hại ta, nhưng ta hoàn toàn không có tâm ác đối với ngươi. Ta vì túc nghiệp nên thọ thân to lớn này có sẵn ba độc. Tuy có sức lực như vậy nhưng chưa bao giờ có tâm ác với người khác. Ta tự biết rõ với khí lực của mình đủ có thể hàng phục ngươi và có thể từ xa phóng hỏa thiêu rụi cây cỏ khô, như ngũ cốc sắp chín bị phải mưa đá, hoặc biến thân hình to lớn che cả nhật nguyệt, hoặc biến thân nhỏ chui vào lỗ ngó sen, cũng có thể phá hủy đất đai làm thành sông biển, hoặc có thể làm cho núi non chấn động, cũng có thể bỏ chạy thật xa làm cho ngươi không tìm ra ta. Nay, sở dĩ ta không chạy xa vì có nhiều rồng đến nhờ ta giúp đỡ. Sở dĩ ta không chiến đấu với ngươi vì ta không có tâm ác với ngươi.

Chim cánh vàng nói:

– Ta gây thù oán với ngươi, vì sao ngươi không oán ta?

Long vương đáp:

– Ta tuy thân thú nhưng hiểu rõ nghiệp báo, biết rõ việc ác nhỏ nhưng quả báo không xa, như bóng theo hình không rời nhau. Ta với ngươi sở dĩ cùng sinh vào gia đình ác như vậy là đều do nghiệp ác đã làm ở đời trước. Ta thường có tâm Từ đối với ngươi. Ngươi hãy suy nghĩ kỹ lời Như Lai dạy:

Tâm thù oán không thể
Diệt hết sự oán thù
Chỉ với lòng nhẫn nhục
Mới diệt được oán thù.

Như lửa lớn ném vào củi khô, lửa ấy càng cháy mạnh hơn trước. Dùng sân hận đáp lại sân hận thì cũng như vậy.

Chim cánh vàng nghe nói xong, không còn tâm oán thù, hướng đến Long vương nói:

– Ta thường có tâm thù oán người, nhưng người lại có tâm Từ với ta.

Long vương đáp:

– Trước đây, ta cùng ngươi thọ trì lời Phật dạy. Ta thường ghi nhớ mãi trong tâm, nhưng ngươi thì quên hết không còn nhớ.

Chim cánh vàng nói:

– Cầu xin nhân giả làm bậc Hòa thượng cho tôi, giảng nói cho nghe pháp cao quý. Từ đây, tôi xin bố thí tất cả không còn làm cho các rồng sợ nữa.

Chim cánh vàng nói xong liền bay ra khỏi Long cung, trở về chỗ ở của mình.

Sau khi vua rồng làm cho chim cánh vàng trở về chỗ cũ rồi, bèn an ủi các rồng và các rồng nữ:

– Thấy chim cánh vàng, các ngươi có sợ không? Các chúng sinh khác khi thấy các ngươi thì cũng sợ hãi như vậy. Cũng như rồng các ngươi luôn yêu mến thân mạng, tất cả các chúng sinh cũng như thế. Hay quan sát thân mình để so sánh với thân khác, vậy nên sinh tâm đại từ bi. Ta nhờ tu tập tâm từ bi nên làm cho kẻ oán ghét phải trở về chỗ cũ. Lưu chuyển trong sinh tử, pháp đáng nương nhờ không gì bằng tâm Từ. Ngươi có tâm Từ trừ được phiền não nặng nề, đưa đến an lạc vi diệu. Từ chính là thức ăn thơm ngon cho đói khát trong vô lượng sinh tử. Ngày trước, ta vì mất tâm Từ nên nay bị đọa vào loài súc sinh. Ai tu tập lấy Từ tâm làm cửa thì tất cả phiền não không thể vào được, được sinh lên cõi trời, người cho đến đạt được đạo quả chánh giải thoát. Từ là môn thuốc hay không gì bằng được.

Sau khi nghe nói, các rồng nữ xa lìa sân độc, tu tập tâm Từ.

Long vương thấy đồng loại của mình đều tu tập tâm Từ, nên rất vui mừng, khen ngợi:

– Lành thay! Nay việc làm của ta đã xong. Ta tuy do nghiệp nhân bị đọa vào loài thú, nhưng được tu tập theo hạnh nghiệp của hàng đại sĩ.

Khi ấy, Long vương nói với các rồng:

– Ta đã làm việc thiện cho các ngươi xong, đã chỉ dạy cho các ngươi đạo chánh chân, lại vì các ngươi đốt ngọn đuốc chánh pháp, đóng các đường ác, mở nẻo trời người. Các ngươi đã từ bỏ vô lượng ác độc, đem cam lộ thượng diệu thay vào. Ta muốn yêu cầu một việc, các ngươi nên biết, vào mười lăm ngày đầu trong mười hai tháng, người Diêm-phù-đề dùng nước tám giới để tắm rửa thân tâm, làm việc thanh tịnh để tạo nên tư lương cho con đường của cõi trời người. Họ xa lìa kiêu mạn, cao ngạo, tham dục, sân hận, ngu si. Ta cũng như thế, muốn bắt chước họ thọ tám trai giới. Các ngươi nên biết, ai có thể thọ trì tám giới như vậy, tuy không mặc y phục đẹp nhưng vẫn sạch sẽ, tuy không tường vách nhưng ngăn được oán tặc,

tuy không cha mẹ mà được dòng họ tôn quý, không mang chuỗi báu anh lạc nhưng tự xinh đẹp, tuy không có châu ngọc nhưng giàu có vô cùng, tuy không có xe ngựa nhưng được gọi là xe lớn, không nhờ cầu bến nhưng vượt qua được đường ác. Người thọ tám giới có công đức như vậy. Các ngươi nên biết, ta ở nơi nào cũng thường thọ trì giới ấy.

Các rồng đều nói:

– Tám trai giới là gì?

Long vương nói:

– Tám trai giới là: Một, không sát hại; hai, không trộm; ba, không dâm; bốn, không nói dối; năm, không uống rượu; sáu, không nằm ngồi trên giường cao rộng; bảy, không mang hương hoa chuỗi ngọc, xoa chất thơm vào người; tám, không ca hát múa và không đi xem nghe. Tám việc này trang nghiêm bằng pháp không ăn quá ngọ. Đây gọi là tám trai giới.

Các rồng hỏi:

– Nếu chúng tôi rời vua một chút là mất mạng ngay, nay muốn tăng trưởng chánh pháp cao cả, thắp sáng đèn pháp, xin phụng hành lệnh của ngài. Ích lợi của Phật pháp nơi nào cũng được, vì sao không thọ trì ở đây? Chúng tôi từng nghe có người tại gia tu tập được pháp thiện. Nếu sống tại gia mà hành pháp thiện cũng được tăng trưởng, cần gì phải cầu nơi an tịnh?

Long vương đáp:

– Muốn sống nơi dục thì tâm không lúc nào yên tịnh, thấy các sắc đẹp thì tâm ái dục ở quá khứ lại phát sinh. Như đất ướt, mưa dễ làm thành bùn, thấy các sắc đẹp thì dục tâm ở quá khứ lại phát sinh cũng giống như vậy. Nếu ở núi sâu thì không thấy sắc. Nếu không thấy sắc thì không sinh tâm dục.

Các rồng nói:

– Nếu ở núi sâu được tăng trưởng chánh pháp thì xin thi hành theo ý ngài.

Khi ấy, Long vương đem các rồng đến nơi yên tịnh, xa lìa tâm dâm dục, sân hận, đối với chúng sinh tu tâm đại từ, đầy đủ nhẫn nhục để tự trang nghiêm, mở cửa giác ngộ, tự thọ tám giới, giữ trai pháp thanh tịnh, trải qua nhiều ngày, bỏ cả ăn uống thân gầy ốm rất đói khát mệt nhọc ngủ yên. Long vương tu hành tám giới như vậy đầy đủ nhẫn nhục, không có ý hại các loại chúng sinh.

Bấy giờ có kẻ ác đến chỗ ở của Long vương.

Trong khi ngủ, Long vương nghe tiếng bước chân đi nên thức dậy.

Những kẻ ác trông thấy Long vương, mừng sợ bảo nhau:

– Đây là khối châu báu gì từ dưới đất vọt lên?

Rồng thấy những người này, liền suy nghĩ: "Ta vì tu đức nên đến đây, mà giữa núi này lại có kẻ ác nghịch phá người tu đức. Nếu để những kẻ ấy thấy hình thật của ta thì sẽ chết vì sợ. Họ vì sợ mà chết, thì sự tu tập theo chánh pháp của ta bị hủy hoại. Trước đây ta vì sân hận mà bị đọa vào loài rồng thân có đủ ba độc, tiếp xúc với hơi thở đều cũng độc như vậy. Những người này đang đến đây tất vì tham thân ta mà phải bỏ mạng."

Những kẻ ác nói với nhau:

– Chúng ta vào núi đã nhiều năm để cầu tài lợi, chưa từng thấy thân rồng có trang điểm nhiều màu sắc rực rỡ như thế, thật vừa mắt người xem. Nếu lột da rồng này đem dâng lên vua chúng ta chắc được trọng thưởng.

Những kẻ ác vội cầm dao bén muốn lột lấy da rồng. Lúc ấy, tâm Long vương thường vì lợi lạc cho tất cả thế gian nên đối với kẻ ác ấy vẫn sinh tâm từ bi thương xót, vì hành từ tâm nên ba độc liền tiêu diệt. Long vương tự khuyên nhủ tâm mình: "Ngươi không nên luyến tiếc thân này. Tuy ngươi đã muốn giữ gìn nó nhiều năm nữa, nhưng đến lúc phải chết thì cũng không thoát được. Những người này nay vì thân ta mà tham tiền thưởng, sẽ bị đọa địa ngục. Ta thà chịu chết chứ không bao giờ trong hiện tại để họ bị khổ".

Long vương lại suy nghĩ: "Nếu có người vô tội, bị người khác đến cắt xẻ, im lặng chịu, không chống lại, không sinh thù oán, nên biết người nay là bậc Đại sĩ chân chánh. Nếu đối với cha mẹ, anh em, vợ con mà im lặng nhẫn nhục thì đó chưa thật quý. Nếu đối với kẻ thù oán mà vẫn im lặng nhẫn nhục thì đó mới thật quý. Thế nên nay ta vì chúng sinh, cần phải im lặng nhẫn nhục chấp nhận. Nếu ta đối với họ mà chịu nhẫn nhục được, thì họ chính là người bạn tri thức chân thật của ta. Do đấy, ta đối với những người này phải tưởng như cha mẹ. Từ vô lượng kiếp trước, ta đã bỏ nhiều thân mạng rồi nhưng chưa lần nào vì một chúng sinh. Nếu những người kia vì suy nghĩ cho rằng lột da này rồi, sẽ được thưởng vô lượng châu báu, tài sản, thì ta xin nguyện trong đời vị lai thường cho những người này vô lượng pháp tài".

Khi Long vương bị lột da rồi, thân thể chảy máu, đau đớn, vẫn chịu. Toàn thân rung động không thể giữ yên. Có vô lượng các loại trùng nhỏ nghe mùi máu liền tụ tập lại, rúc rỉa ăn thịt.

Long vương lại suy nghĩ: "Nay các loại trùng nhỏ này ăn thân ta, nguyện trong vị lai, ta sẽ cho chúng được thọ hương pháp thực".

Khi Đại Bồ-tát tu hành Trì giới ba-la-mật, cho đến nỗi bị lột da, ăn

thịt, đều cũng không sinh tâm oán hận, huống chi là đối với các chỗ khác.

□

SỐ 154

PHẬT NÓI KINH SINH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư Trúc Pháp Hộ.

QUYỂN 1

Kinh 1: Đức Phật Nói Kinh Na-lại.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ.

Lúc bấy giờ, có một vị Tộc tánh tử bỏ nhà, xa vợ con, lìa quyến thuộc để làm Sa-môn. Người vợ đoan chánh, xinh đẹp, thấy chồng bỏ nhà đi tu liền tái giá. Vị Tộc tánh tử nghe được tin ấy, lòng nghĩ nhớ những lúc cùng vợ vui vẻ: khi thì vợ chồng giữ lễ tương kính, khi thì cùng nhau cười đùa, phóng túng. Lòng tưởng nhớ không chút nguôi ngoai, hình bóng vợ luôn ám ảnh, khiến Tộc tánh tử hình dáng tiều tụy, nếp sống luôn luôn sầu thảm, không ham thích việc tịnh tu phạm hạnh, liền định quay về nhà. Các vị Tỳ-kheo hay được, bèn đến bạch Phật. Đức Phật kịp thời cho gọi Tộc tánh tử đến. Tộc tánh tử lập tức tới nơi, làm lễ Phật, ngồi sang một bên. Đức Phật liền vì Tộc tánh tử mà dứt trừ vọng niệm về sắc dục, lỗi lầm về si ái, giảng dạy về sự nhơ bẩn của phiền não cấu nhiễm, vui ít buồn nhiều, nhiều thất bại ít thành đạt, diễn ra không giới hạn, chỉ có Đức Phật và các đệ tử sáng suốt của Ngài mới phân biệt nhận rõ được. Ái dục sinh tội lỗi, nhiều không kể xiết, vượt khỏi sắc dục, dứt bỏ mọi tưởng về chúng thì mới có được cuộc sống vắng lặng để học hỏi Diệu đế.

Sau khi nghe Phật thuyết giảng, vị Tộc tánh tử liền thấu rõ pháp sáng suốt của bậc Thánh hiền, đồng thời các vị Tỳ-kheo cũng đạt được điều chưa từng có. Các vị ấy cùng nhau bàn bạc:

– Chúng ta hãy ngẫm nghĩ xem việc này, quả là vị Tộc tánh tử đã lìa bỏ gông cùm, xiềng xích của tù ngục gia đình, nhưng lại tự ràng buộc tư

tưởng tham đắm về vợ con, không chuyên tu phạm hạnh, Đức Thế Tôn đã kịp thời, bằng những phương tiện thông tuệ của Bậc Như Lai mà khai thị cho, khiến cho con người trở nên Hiền thánh.

Khi ấy, các vị Tỳ-kheo thưa với Đức Thế Tôn:

– Chúng con xét thấy quả là vị Tộc tánh tử có lìa bỏ gia đình, quyết làm Sa-môn, nhưng lại tưởng nhớ tới vợ con, gia sự. Đức Thế Tôn đã vì ông ấy mà chỉ ra lỗi lầm của ái dục, công năng của giới luật, hoạn nạn của sinh tử và sự an vui của cõi vô vi giải thoát, khiến cho người tu tập đạt đến cảnh giới của bậc Thánh, dứt mọi tham đắm, vướng mắc. Làm được việc này, ngoài Đức Như Lai Chí Chân Chánh đẳng giác ra, không còn ai có thể thực hiện được.

Đức Phật nói:

– Này các vị Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo ấy, chẳng phải mới đời này, dấy lòng tham đắm sắc dục, tình ái, không thể tự kiềm chế tâm, ý bị ràng buộc với ái dục không thể dứt ra được. Đây cũng không phải lần đầu Ta khuyến hóa ông ấy dứt trừ những mê hoặc của ái dục, mà ngay trong đời quá khứ xa xưa kia, Ta cũng đã từng làm việc ấy rồi.

Đức Phật kể:

– Trong thời quá khứ, có một vị quốc vương tên là Phương Tích, trong cung có rất nhiều mỹ nữ nhan sắc mặn mà không đâu sánh kịp. Bọn họ hay cùng với người khác tranh cãi, như với bọn gái dâm đãng không chút xót thương, hoặc với các tỳ nữ, đám đồng tử cũng cấu ó tranh giành. Mọi người đều gây gỗ không chịu hòa mục với nhau, vừa gây gỗ xong, liền kéo ra khỏi cung đi mất. Vua Phương Tích nghe được chuyện này bèn nổi giận. Bọn mỹ nữ ấy đi đâu mà đám gia nhân tìm không thấy khiến nhà vua ưu sầu chẳng vui, lại khóc lóc thảm thương. Vua luôn tưởng nhớ những người phụ nữ: nhớ lúc cười đùa vui vẻ, nhớ cảnh tình nghĩa vợ chồng, giờ đây, mọi tâm tư, hành động đều hướng về họ, nên dù có đờn ca xướng hát cũng chỉ thêm buồn, chẳng ích lợi gì. Nhà vua không thể tự thoát ra khỏi tình cảnh này.

Lúc bấy giờ có một vị Tiên nhân, đầy đủ năm thứ thần thông, dùng thần túc bay đi, oai lực vô cùng, tên là Na-lại *(đời Tấn gọi là Vô lạc)*, thấy vua Phương Tích bị mê hoặc theo nẻo ái dục, không thể tự cởi bỏ được, nên đem lòng thương xót, muốn vì nhà vua mà dứt trừ hoạn nạn của ái dục. Vị Tiên Na-lại bay trong không trung, thể hiện thần thông, đột nhiên đáp xuống giữa điện vua. Nhà vua trông thấy, liền đứng dậy nghênh đón, nhường chỗ mời ngồi. An tọa xong, vị Tiên hỏi nhà vua:

– Do đâu mà tâm ý của đại vương đắm nơi ái dục, luôn nghĩ ngợi lao lung, tơ tưởng về tình ái, sắc dục, không thể tự ngăn mình lại?

Nhà vua kính cẩn cứ sự thật nêu rõ ràng việc thể nữ trong cung tranh giành về địa vị: lớn, nhỏ, trên, dưới không chịu hòa với nhau, tất cả đều bỏ đi. Đây chính là nỗi ưu sầu, lo lắng không sao cởi mở được.

Lúc ấy, vị Tiên nhân vì nhà vua mà thuyết giảng về các khổ nạn của ái dục, về các công đức của việc xa lìa ái dục. Vị Tiên nói:

– Người đời tìm cầu về dục không biết thỏa mãn. Giả sử có một người thỏa mãn được mọi ham muốn nhưng vẫn không hề thấy mình là đầy đủ.

Bèn nói bài kệ:

Người đời bao ham muốn
Biết chán không một ai
Mọi nẻo đều nguy hại
Cớ sao tự giết mình.
Tất cả các dòng nước
Đều đổ về biển khơi
Chẳng hề thấy đầy đủ
Không chán ai cũng thế.
Ví được làm Phạm thiên
Sang quý nào ai kịp
Chỗ dục lại còn hơn
Chẳng hề biết chán đủ.
Giả sử cõi Diêm-phù
Hết mọi thứ cây cỏ
Thiêu đốt mãi không chán
"Dục chẳng đủ" cũng vậy.
Như tám hạng nam tử
Đoan chánh, dung mạo tươi
Tất cả thêm về dục
Uy lực đoan chánh tốt,
Như vì lời thêm ác
Hủy dục nơi trượng phu
Không đáng khinh lại khinh
Chưa chán, cho là chán.
Đại vương phải nên biết
Như học theo ái dục
Ân ái càng thêm tăng

Khác nào uống nước mặn.
Vị Tiên nhân đã vì
Vua Phương Tích giảng giải
Nói bài kệ "thống thiết"
Khiến vua được thông tỏ.

Bấy giờ, vị Tiên nhân đã vì vua Phương Tích đem giáo pháp ấy mà khai thị giáo hóa, khiến nhà vua liền được cởi mở, hiểu rõ, không còn ham chuộng nẻo hoan lạc, xuất gia học đạo, tu tập bốn phạm hạnh, đoạn trừ ái dục, nghiêm trì đầy đủ giới luật, sau khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.

Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Có lẽ các ông đều muốn biết vị vua Phương Tích thời ấy là ai? Đó là vị Tỳ-kheo này *(chỉ vị Tộc tánh tử),* còn Tiên nhân Na-lại chính là tiền thân của Ta đấy! Kiếp xưa gặp nhau, đời này gặp lại!

Đức Phật đã thuyết giảng như thế, không một vị Tỳ-kheo nào là không hoan hỷ.

Kinh 2: Đức Phật Nói Kinh Tỳ-kheo Khất Thực.

Nghe như vầy:

Khi Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo cùng với nhiều vị khác đi khất thực khắp nơi. Theo thứ lớp, vị ấy đi vào nhà một người đàn bà dâm đãng. Thấy vị Tỳ-kheo đến nhà mình, người đàn bà ấy vui mừng lăng xăng, vội vàng đón tiếp, đảnh lễ nơi chân vị Tỳ-kheo, mời vào chỗ ngồi, rồi hỏi:

– Thầy từ đâu đến đây?

Vị Tỳ-kheo đáp:

– Tôi là kẻ khất thực đến đây để xin ăn.

Người đàn bà này liền bày biện các thức ăn ngon đầy bình bát để cúng dường. Vị Tỳ-kheo nhận cúng dường rồi ra về. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo được nhận đồ ăn ngon lành đầy đủ, trong lòng rất hoan hỷ, không tự kiềm chế nên thường chỉ đến nhà người đàn bà dâm đãng ấy để khất thực. Người đàn bà này suy tính: "Vị Tỳ-kheo ấy khó lòng giữ được đạo pháp."

Bà luôn sửa soạn các thứ đồ ăn ngon lành, bổ dưỡng để trao cho vị Tỳ-kheo kia thường lui tới luôn. Học vấn chưa thông, nẻo hành hóa không đủ sức tính toán, chưa điều phục được các căn, vị Tỳ-kheo khất-thực ấy

thấy nhan sắc mỹ miều của người đàn bà dâm đãng, nên ý dâm vọng khởi, lòng dạ buông thả, say đắm người đàn bà ấy, miệng nói ra những lời dịu ngọt, ân tình, lòng luôn tơ tưởng chuyện thương yêu và những lời đáp lại cũng ân cần trọn vẹn.

Tỳ-kheo khất thực hằng ngày luôn đến đấy, mắt thường thấy sắc đẹp, tai luôn nghe tiếng ngọt ngào, nên ý dâm loạn động, mê hoặc lầm lẫn, chẳng biết gì cả. Như kinh Phật đã nói: "Mắt thấy sắc đẹp, động lòng dâm tà." Đức Thế Tôn lại dạy: "Nhìn đàn bà, nếu lớn thì xem như mẹ, trung niên thì xem như chị, còn nhỏ thì xem như em gái hoặc như con cái. Phải quán tưởng bên trong thân ấy đều là chất nhầy nhơ uế, không có gì để yêu. Bên ngoài thân thì như cái bình được vẽ vời, trong đó chẳng sạch sẽ gì. Phải quán tưởng: thân này do đất, nước, lửa, gió, bốn đại theo nhân duyên hòa hợp thành, nó vốn không có thực."

Vị Tỳ-kheo kia chưa hiểu được pháp quán về Không, bị sắc đẹp quyến rũ nên ý dâm cứ loạn động mãi, vì người dâm nữ ấy mà nói bài tụng:

Tuổi thơ thục nữ luôn tươi tắn
Dung mạo đoan chánh càng đẹp xinh
Nhan sắc so ra hơn tất cả
Cùng nàng ta nguyện sống chung tình.

Khi đó, người dâm nữ nghe vị Tỳ-kheo ấy nói như thế, tự cho là mình vốn không biết tham dâm hung ác là phản lại việc nghiêm trì giới luật thanh tịnh, là không tội, nhưng với người tu hành thì tội lỗi thêm dày, nên nàng dựa theo câu nói, lựa lời mà đáp. Nàng dùng bài kệ đáp lại:

Ta mang cơm nước đến
Hương hoa, y phục tốt
Bằng thứ ấy hiến cúng
Như vậy đã đủ chưa?

Vị Tỳ-kheo liền dùng kệ đáp lại nàng:

Ta không có tài sản
Xem hoạt động của ta
Xin ăn để nuôi sống
Muốn cùng được nương nhờ.

Người dâm nữ dùng kệ nói:

Giả sử thân người không sự nghiệp
Tại sao quyết cầu chỗ khó đạt
Nếu ông không biết chỗ hổ thẹn
Thì hãy mau rời khỏi nhà ta.

Nàng liền trục xuất vị Tỳ-kheo, đuổi đến tận cửa tinh xá Kỳ hoàn. Các vị Tỳ-kheo thấy vậy, liền đến thẳng chỗ Đức Phật thưa rõ sự việc với Đức Thế Tôn và xin Ngài nói rõ gốc ngọn của việc này. Đức Phật nói, vị Tỳ-kheo ấy thân kiếp trước đã từng làm con ba ba, còn người dâm nữ đã từng là con khỉ cái. Chúng rất hợp nhau nhưng không được như ý. Rồi quay lại tự lừa dối, bức bách nhau, không đi vào nẻo chánh giáo, nên họ phải chịu hoạn nạn đau khổ mãi như thế. Ý chí, ước nguyện cùng dâm nữ, ước nguyện không thành mà còn bị nhục nên xấu hổ bỏ đi.

Đức Phật kể:

– Trở về vô số kiếp của thời quá khứ xa xưa, trong dòng sông lớn có một con ba ba sinh sống. Bờ cây này cây cối sum suê, trong đám rừng rậm ấy có một con khỉ cái lấy đấy làm nơi ở. Lúc con ba ba ngoi lên mặt nước, xa thấy trong đám cây cối có con khỉ cái này, nó cùng chuyện trò, rồi từng chút, từng chút tiến đến dần dần, muốn gần gũi với con khỉ. Lần lượt qua lại hằng ngày thấy nhau, ngày ngày đều như vậy. Nó nhìn mãi không chán, liền khởi ý dâm tà, lòng lại mê hoặc và bị cấu nhiễm, không thể tự biết được. Nó liền dùng bài kệ mà than. Kệ:

Đỏ vàng nhan sắc, mắt lại xanh
Cây cối nhởn nhơ vui lá cành
Ta muốn biết lông này nhẵn bóng
Ước sao được mãi ở bên mình.

Con khỉ cái dùng kệ đáp:

Ta nay biết rõ chàng ba ba
Vương tử thông minh tài lắm đa!
Nay cớ sao lại hỏi đến tớ
Ta nghe chàng hỏi dạ nghi ngờ.

Con ba ba dùng kệ bày tỏ:

Tâm ta mơ tưởng bóng hình nàng
Ân ái hoài mong thật rối lòng
Do có nhớ thương ta mới hỏi
Bằng cách gì đây để gặp nàng.

Con khỉ cái đáp lại bằng bài kệ:

Ba ba, chàng biết ta nương cây
Không thể cùng chàng giao kết được
Nếu muốn cùng ta vui gặp gỡ
Lên đây ta phụng dưỡng đủ đầy.

Bấy giờ con ba ba lại nói kệ:

Ta nhờ thịt cá để nuôi thây
Hấp dẫn ngon lành hơn trái cây
Đâu bỏ để cầu đồ khó nuốt
Vì nàng phải ngậm trái hoa này.

Khỉ cái dùng kệ đáp lại:

Giả sử người chàng ở cây to
Làm thế nào cầu ta chẳng đến
Nay thấy ta không chút thẹn thò
Thì mau rời khỏi, nỡ nào ngó.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Con khỉ cái ngày trước nay là người đàn bà dâm đãng ấy, còn con ba ba là ông Tỳ-kheo khất thực. Ngày trước phóng túng, mong ước những chuyện như vậy mà chẳng được như nguyện, mãi đến bây giờ rồi cũng thế!

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các vị Tỳ-kheo đều vui vẻ lãnh hội.

Kinh 3: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Hòa Nan.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc ấy có vị Thích tử tên là Hòa Nan. Vị này muốn có nhiều đệ tử, nên có ai muốn xuất gia, ông không cần biết họ hành vi tung tích thế nào, cứ cạo sạch râu tóc cho làm Sa-môn, truyền đủ giới pháp, không hỏi đầu đuôi, từ đâu đến, cha mẹ là ai, lành, dữ, tốt, xấu, biết hay không biết, miễn có được người là cạo đầu, truyền giới Cụ túc. Ông chỉ muốn có nhiều đệ tử, không nghĩ đến hậu hoạn. Đáng lẽ phải hỏi rõ ngọn ngành từ đâu đến, theo dõi hành động, đề phòng kẻ lừa dối xâm nhập để khỏi phải hối hận. Tỳ-kheo Hòa Nan chẳng chịu ai can ngăn, hễ gặp được người liền cho cạo đầu xuất gia.

Thuở ấy, có một người hung ác, con kẻ đánh bạc lận. Hắn nghe đồn Thích tử Hòa Nan có nhiều quần áo, bình bát, lại rất muốn có nhiều đệ tử, liền đến xin theo học. Ông Hòa Nan chẳng hỏi gốc ngọn, từ đâu đến mà cứ xuống tóc cho hắn, bản thân hắn thì đói lạnh, không có gì sinh sống, muốn đến đấy để lừa dối. Trong lòng dự sẵn mưu kế, hắn đến thẳng chỗ Hòa Nan, cung kính nghiêm trang, dập đầu làm lễ, thể hiện oai nghi phép tắc, đứng ngồi phải cách, không chút sơ hở, vội vã. Thích tử Hòa Nan bảo với hắn:

– Làm Sa-môn phải sống ẩn dật, không ưu phiền, không lo lắng. Còn gần gũi với ái dục thì không phải là điều tốt đẹp. Lười nhác không lo tu tập là người không biết nên bị ái dục hủy hoại. Ái dục mà theo đuổi nhiều thì chỉ mang đến bao nỗi ưu phiền rối rắm, tai hại. Người tham đắm ái dục thì không thể được hóa độ.

Hắn đáp lại:

– Bản thân con không thể vất bỏ ái dục làm Sa-môn.

Hòa Nan lại hỏi:

– Tại sao ngươi chẳng chịu làm Sa-môn? Làm Sa-môn thu đạt được nhiều lợi ích. Ngươi đã có ý xuất gia làm Sa-môn rồi mà. Còn sở học và đức hạnh của ngươi thì ta sẽ giúp đỡ cho.

Hắn đáp:

– Xin vâng lời Thầy dạy, dứt hết lo âu, phiền muộn, sống cảnh ẩn dật, an nhàn để làm Sa-môn.

Như thế là hắn được cạo bỏ râu tóc, thọ Cụ túc giới. Động cơ làm Sa-môn của hắn có ý đồ, nên hắn cố biểu hiện tốt. Hắn cung kính, thuận hòa, tinh tấn tu hành, chưa từng lười biếng, nhẫn nhục, thuận theo lời dạy. Bấy giờ, Hòa Nan thấy có thể tin tưởng bảo bọc hắn, chẳng dò xét thái độ, chẳng chút nghi ngờ, lại tin tưởng tuyệt đối. Vì vậy mà Thích tử Hòa Nan đem hết y phục, bình bát cùng các đồ vật được cúng dường giao cho hắn trông coi, rồi đi ra ngoài du hóa, trong lòng yên ổn, chẳng còn vướng bận gì. Ở nhà, hắn ta tóm thâu tất cả y bát và các vật được cúng dường, vội vàng đem cất giấu một nơi kín đáo, rồi cùng với bọn đánh cờ bạc lận tụ họp nhau ăn uống. Lúc ấy, Hòa Nan nghe được người đệ tử mới kia như thế, liền tức tốc trở về, thấy nhà cửa trống không, mọi vật dụng bị trộm hết, bèn hỏi khắp chung quanh, tìm tới chỗ đông người cũng không thấy hắn, chỉ biết hắn là con kẻ đánh bạc lận, là hàng côn đồ hung bạo, giả vờ làm Sa-môn, dối trá lừa thầy để ăn cắp của cải. Mọi người đều nói: "Tánh thầy hấp tấp, chẳng hỏi rõ nguồn gốc mà đã xuống tóc cho hắn xuất gia! Nay hắn chiếm lấy của cải, lẫn trốn đâu đó, cùng với bọn đánh bạc lận ăn chơi!"

Hòa Nan biết được về hắn như vậy, sợ là không thể làm gì được hắn ta nên Thích tử Hòa Nan âm thầm chịu mọi sầu não. Các vị Tỳ-kheo nghe biết việc ấy liền thưa lại đầy đủ với Đức Phật. Bấy giờ, Đức Đại Thánh bảo các vị Tỳ-kheo:

– Người đánh bạc lận trụy lạc ấy không phải chỉ đời này dùng dáng dấp nhà sư đạo đức để lừa gạt, chiếm đoạt của cải, mà kiếp trước hắn cũng thế. Ông Tỳ-kheo Hòa Nan cũng không dứt được sự tin tưởng đối với hắn.

Đức Phật kể:

– Về đời quá khứ xa xưa, lúc đó tại thành Vương xá, có một người hiền đi vào nhà chứa dâm đãng, cùng với gái mãi dâm ăn uống, ca xướng, vui chơi hoan lạc. Của cải của ông ta chẳng bao lâu tiêu tán, vì đã bị bọn dâm nữ đoạt lấy hết cả. Chẳng chừa, ông ta lại vào nhà chứa, bị dâm nữ xua đuổi, ông ta la mắng chửi bới chẳng chịu đi. Bấy giờ, người dâm nữ nhất quyết đuổi ra khỏi nhà. Cuối cùng, ông ấy đành đi mưu tìm của cải, nhưng rồi đi đi, về về, chẳng tìm được gì.

Quyết tìm cầu của cải, lần đó ông ấy đến nước Uất-đan, tuy đến được nước này, nhưng vì lạ, ông ta chẳng biết ất giáp gì cả. Ở nước Uất-đan, bấy giờ có một vị đại Tôn giả, nhiều của cải, châu báu, giàu có vô kể. Ông ta giả vờ làm một người hiền lành, nhân đức đến gặp thẳng vị Tôn giả, thưa:

– Tôi là một người buôn bán, dẫn đường cho nhiều người từ nước tôi đến đây, mang theo của cải châu báu. Trên đường đi, chúng tôi gặp bọn hung ác cướp đoạt hết mọi tài sản đó khiến chúng tôi trở nên nghèo cùng, mười phần nguy khốn, không thể sống nổi. Tôi vừa được cứu mạng, hết sức chạy đến đây, xin được nương nhờ, hầu hạ Tôn giả.

Vị Tôn giả thấy hắn ta oai nghi tề chỉnh, đi đứng đàng hoàng, có cái uy đức của người hiền, đúng là một người tốt. Từ đó hắn ta lập tâm làm ra vẻ một người trí tuệ thông minh, biện tài, biết ứng xử trong hành động, không lười biếng, tinh ý nhạy cảm mau mắn. Để làm cho Tôn giả hết sức vui mừng, hắn ta cẩn thận giữ gìn tâm ý, chưa từng phóng túng, làm việc gì đâu ra đó, không có việc gì mà không thành tựu, thân hành động trong sạch, miệng nói lời dịu dàng, không chút thô tục, toàn là lời khéo từ đẹp, mọi người thấy thế đều rất hoan hỷ. Toàn thể người trong nhà, quyến thuộc lớn nhỏ của Tôn giả đều rất quý mến thương yêu, ca ngợi hắn ta, khiến Tôn giả thấy thế rất là hài lòng, đem lòng tin tưởng vì những hành động của hắn ta không chút sơ sót. Bấy giờ Tôn giả thấy đức hạnh của hắn trong ngoài tốt đẹp không chút lỗi lầm, nên khuyến khích, giúp đỡ hắn trong mọi công việc của hắn tạo ra. Tôn giả rất kính trọng không chút khinh thường, dốc hết lòng tin, xem hắn như anh em, không có gì phân biệt, đâu đó rõ ràng, không mảy may lừa dối. Ít lâu sau khi được tín nhiệm, nắm được một số tài sản lớn, hắn liền chiếm đoạt đem ra ngoài, dùng xe chở hết số tài sản quý báu ấy về thành Vương xá, cùng với bọn gái dâm đãng ăn uống, vui chơi thỏa thích.

Ở nhà vị Tôn giả không thấy hắn xuất hiện, liền cho người tìm kiếm lục lọi khắp chốn, không biết hắn tụ họp nơi nào! Xem lại kho tàng

thì thấy mất rất nhiều của cải, châu báu không biết bao nhiêu mà kể. Thấy mất của cải, vị Tôn giả lại cho người tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không thấy hắn đâu. Mãi sau mới nghe người ta đồn đãi: Tên ấy đã trở về thành Vương xá cùng với bọn dâm nữ ăn chơi. Gã con của người đánh bạc lận ấy, chẳng phải là hạng trưởng giả, chẳng phải là hạng người như Tôn giả đã nghĩ. Tôn giả đi dò tìm khắp nơi cũng không gặp được, rất tự giận mình, làm bài kệ than:

Không phải hiền quân tử
Mà ra dáng hào hoa
Lời khéo chứa điêu ngoa
Không nên tin tưởng chúng.
Nhìn bề ngoài hành động
Thấy họ rất hiền hòa
Người trí phải phòng xa
Quan sát cho thật rõ.
Tánh ác mới tường tỏ
Bọn lưu manh giở trò
Mà ta không nỡ lờ
Như ăn đồ độc hại.
Thì sao không phản lại
Ân tình cũng tiêu tan
Kẻ trí phải biết phân
Lúc nào nên giúp đỡ.
Như ta vừa rồi đó
Tin tưởng kẻ dối lừa
Giả hiền dạng dễ ưa
Đoạt của cải trốn mất!

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vị Tôn giả lúc đó nay chính là ông Tỳ-kheo Hòa Nan đấy, còn tên lường gạt thì nay chính là tên con của người đánh bạc lận giả làm Sa-môn lừa dối ông Hòa Nan. Đời trước đã xâm đoạt nhau, đời nay cũng thế.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 4: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Sinh Sống Bằng Tà Nghiệp.

Nghe như thế này:

Một thời Đức Phật du hóa ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, vị Thích tử Hòa Nan vì người thuyết kinh giảng về mọi hoạt động để sinh sống, ông chỉ nói về việc ăn, mặc. Trong nhiều trường hợp khác, ông chỉ thuyết giảng về các việc phước đức cùng sự báo ứng, chưa từng giảng luận về cái diệu nghĩa của trí tuệ nơi đạo pháp, nhờ đó ông thu được rất nhiều đồ dùng về ăn mặc, rời xa nẻo Hiền thánh. Nói lắm điều về việc ăn uống của thế gian, những lúc cao hứng, ông đã nói những điều không nên nói và không đả động gì đến trí tuệ rộng lớn vượt sinh tử của đạo pháp. Các vị Tỳ-kheo thấy vị Tỳ-kheo đi khất thực, đến nhà người ta chỉ thuyết giảng về các sự việc thế gian cùng sự cúng dường về ăn uống, y phục, liền trách cứ can ngăn, tiếng ồn lan ra làm các người theo học nghe được, họ cũng a vào để trách cứ can ngăn việc làm đó. Họ bàn với nhau:

– Thế nào là người hiền? Đức Thế Tôn Đại Thánh, Ngài đã thể hiện sự thông đạt bậc Thánh ấy qua tự thân chứng đạt Tối Chánh Giác, thuyết giảng cho đời pháp thâm diệu khó kịp, khó tỏ, truyền dạy khắp nơi giáo lý mầu nhiệm: vô niệm, vô tưởng, lòng lìa danh, sắc, được yên định, dứt hết khổ hoạn. Hạng sáng suốt đạt đạo, từ vô số kể trăm ngàn muôn ức kiếp, gốc từng theo chư Phật, lãnh hội chánh pháp, phụng trì, đều đạt đến cõi an ổn, tịch tĩnh. Các vị Tỳ-kheo nghe được chánh pháp, có được lòng tin từ gia đình, đã lìa bỏ nơi ấy xuất gia theo đạo, mà trở lại chuyên thuyết giảng về kinh điển thế tục, nhiều vọng tưởng tham cầu, dấy khởi bao chuyện về ăn uống dung tục, thật không nghĩa lý gì cả. Chỉ có kẻ xa lìa nẻo Thánh hiền mới làm những sự việc như vậy!

Các vị Tỳ-kheo liền đến bạch với Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Đó không phải là Sa-môn, cũng không phải là hành động của kẻ xuất gia thọ Cụ túc giới, đó chỉ là dựa dẫm vào đạo pháp để sinh sống, chỉ cầu lấy sự ăn mặc, chưa từng biết chỉ dạy hay dẫn dắt kẻ khác.

Lúc ấy, Đức Phật Thế Tôn đã dùng vô số sự việc để khiển trách về việc làm ấy là trái với giáo pháp. Ngài nói với các vị Tỳ-kheo:

– Ông Thích tử Hòa Nan là hạng nam tử ngu si, không phải chỉ mới đời này, đem chuyện lợi ích về ăn mặc của thế tục, thuyết giảng rộng rãi để được nổi danh, khiến cho mọi người cúng dường, mà từ kiếp trước, ông cũng đã làm thế.

Về thời quá khứ xa xưa, ở một nơi chốn hết sức vắng lặng, có nhiều

vị Thần tiên cư ngụ, trong số đó có một vị Tiên ngu tối, không có trí tuệ, tâm ý tự ngăn lấp, thuyết giảng cho các quốc vương, thái tử và hàng quan lại, ông cũng chỉ nói tới các việc ăn uống với các món ngon vật lạ hoặc chuyện may mặc đủ loại, không hề bàn luận về đạo lý. Ông còn biết chọn hoàn cảnh thích hợp, như thấy kẻ giàu sang, xe ngựa thì đón lại để tìm đến giảng kinh. Hoặc vì những kẻ mê muội mà tìm tới giảng kinh. Hoặc nhân sự trở ngại khó khăn gì đấy mà tìm đến giảng kinh. Hoặc vì sự ăn mặc ngon lành, đẹp đẽ của thế tục mà tìm tới khen ngợi để giảng kinh. Do những việc làm đó, ông được mọi người cúng dường đủ thứ các món ngon vật lạ. Khi ấy có một vị Phạm-chí ngoại đạo thấy sự việc như thế, nên đã vì quốc vương, thái tử và các đại thần mà thuyết giảng kinh điển. Từ xa trông thấy xe ngựa của vị Tiên mê muội ấy đi tới, các vị Tiên liền đến thưa lên vị Hòa thượng và các vị Tiên khác biết. Nghe được các điều đó, các vị Tiên đều cùng trách cứ, can ngăn, cho rằng những việc làm ấy là sai trái. Đến khi vị Hòa thượng lớn nhất, tức vị Tiên đạt được năm thần thông hỏi rõ việc đó, Bồ-tát *(vị Tiên năm thần thông)* tức thời quở trách:

– Không nên như thế! Vì nếu người kia đã phạm phải những việc làm phi nghĩa, mà ta lại bài báng thì kể cả hai bên đều chẳng tốt đẹp gì! Chẳng phải là việc chân chánh. Lại nữa thuyết giảng kinh ấy là rời xa chỗ đứng của Hiền thánh, không thích hợp với sách vở. Người nghe, nhận thì cũng có nên chăng? Bởi vì cả hai đều bị đọa lạc!

Đối với việc của Hòa Nan, Đức Phật nói bài kệ:

Hai bên không thông nghĩa
Đọa lạc kể cả hai
Thuyết pháp nghĩa lý sai
Nghe kinh không hiểu rõ.
Đánh giá đời rất khó
Thần tiên giảng tục kinh
Thu lợi lộc cho mình
Không biết cách khen ngợi.
Ăn cơm gạo thơm ngon
Thịt toàn đồ bổ dưỡng
Còn dựa vào Thánh hiền
Nhằm luận giảng điển chương.
Chí tại nơi nhàn nhã
Lương thực bằng rau quả
Ta vui cuộc sống đây

Thần Tiên vui pháp này
Ca ngợi đạo tịch diệt
Muốn làm Phạm-chí tốt
Tự điều phục oai nghi,
Không vui trong mê si
Ít đòi hỏi, biết đủ
Bỏ nhà làm khất sĩ
Hãy nên sống như vậy
Chớ trái với kinh pháp.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Các vị hẳn muốn biết người vào thời ấy hay lấy chuyện ăn ngon, mặc đẹp để thuyết giảng, không bàn luận gì về đạo pháp, nay chính là ông Thích tử Hòa Nan đây. Các vị Hòa thượng với những phạm hạnh thanh tịnh nay chính là chúng Tỳ-kheo này. Vị Tiên nhân chứng đắc năm thần thông chính là Ta. Đời trước gặp nhau, đời này cũng gặp nhau.

Đức Phật giảng dạy như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 5: Đức Phật Thuyết Giảng Về Kinh Ngã Sở.

Nghe như thế này:

Một thời, Đức Phật du hóa ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ, có một vị trưởng giả tuổi cao, giàu có vô kể, vàng bạc châu báu nhiều không biết bao nhiêu, nhưng ông sống trong cảnh khổ cực, thiếu thốn, chịu mọi sự đói khát, lạnh nóng. Ông cứ đương đầu với những khó nhăn, lo lắng toan liệu về các hoạn nạn, không kể gì đạo lý là để ky cóp nên cái sản nghiệp này. Tuy giàu có, ông chẳng chịu tiêu xài, không biết bố thí, không hề cúng dường, không nuôi dưỡng mẹ cha, không cung cấp đầy đủ cho vợ con, tôi tớ. Đối với gia đình, bà con, hàng xóm trong ngoài, còn không được chút lợi lộc gì thì nói chi đến việc ông bố thí để tạo phước đức! Mặc thì toàn áo quần bằng vải thô xấu, ăn thì ăn đồ ôi hư, lòng luôn tiếc của, cha mẹ thiếu thốn, vợ con đói lạnh, gia thất trong ngoài không hề giao tiếp. Ông thường sợ những người ấy gây điều phiền nhiễu. Họ có cầu xin điều gì, ông đều tỏ ra keo kiệt, tham tiếc của cải, đúng là hạng thiếu phước không trí, chỉ bo bo giữ lấy phần mình, không chịu giúp đỡ ai.

Trong lúc còn sống, hoặc vô tình hay hữu ý, tích lũy tài sản của báu nhiều vô số kể mà chẳng tiêu dùng, đến khi mạng chung, nếu không có con nối dòng thì mọi của cải đều bị sung công quỹ. Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

– Các ông hẳn đã được nghe về con người tầm thường, ngu muội, có được nhiều của báu mà chẳng tiêu xài, không phụng dưỡng mẹ cha, nuôi nấng vợ con, tôi tớ, khách khứa thì muôn phần về sau không được chút lợi ích gì mà còn tổn hại.

Các vị Tỳ-kheo nghe thế, tất cả cùng thưa với Đức Phật:

– Dạ đúng như vậy, thưa Đức Thế Tôn, có một vị trưởng giả tên gọi là X, giàu có, của cải nhiều thật không lường, không chịu tiêu dùng, lại không phụng dưỡng mẹ cha, không nuôi nấng vợ con, tôi tớ, không biết bố thí, một ngày kia chết đi, mọi của cải đều bị sung công quỹ.

Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

– Ông trưởng giả cao tuổi ấy chẳng phải chỉ mới đời này keo kiệt, tham tiếc của cải mà kiếp trước cũng thế.

Đức Phật kể:

– Thuở đời quá khứ xa xưa, ở núi Đại hương mọc rất nhiều cây Tất-bát, là loại dược liệu và hồ tiêu. Trên cây Tất-bát có một con chim tên là Ngã sở, sinh sống nơi đó. Đến tháng xuân, trái cây thuốc chín, người ta đến hái về để ăn và làm thuốc chữa bệnh. Khi ấy, con chim Ngã sở hô hoán kêu than: "Đấy là trái của tôi, các người chớ lấy, lòng ta chẳng muốn các người hái!" Mặc cho chim kêu la, người ta vẫn cứ tiếp tục hái, chẳng thèm nghe tiếng kêu của nó. Con chim phước mỏng, cứ ưu sầu kêu la mãi không thôi, do vậy mà chết.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Đúng như thế đấy! Người ngu si lúc ấy là người căn trí thấp kém, sống chỉ lo làm giàu, không kể chánh tà, dốc tích lũy tài sản. Một mai chết đi, của cải không đem theo được. Như con chim tên là Ngã sở kia, thấy quả cây Tất-bát và các cây thuốc đã chín liền hô hoán kêu than: "Tất cả đều của ta" nhưng người ta cứ hái lấy, không thể ngăn cấm được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Có chim tên Ngã sở
Ở tại núi Hương sơn
Đến mùa trái chín ngon
Hô hoán của tôi đấy (Ngã sở).
Nghe tiếng la vang dậy

Lũ chim đều kéo về
Người hái trái rồi đi
Chim Ngã sở bực dọc.
Con người đâu có khác
Tích tụ của quá nhiều
Mà không chịu chi tiêu
Như chim, không bố thí.
Quan trên và giặc dữ
Oan gia cùng lửa nước
Thiêu rụi hoặc cướp đi
Như chim, trái bị mất.
Sống chẳng ưa ăn mặc
Giường chõng cũng không màng
Hương hoa khắp cúng dường
Nên có được như vậy.
Đã được thân con người
Lại về với giống nòi
Chết là bỏ hết rồi
Không đem được gì cả.
Cho nên phải tạo đức
Lo nghĩ đến kiếp sau
Người tạo phước đức nhiều
Quả đời sau chờ kết.
Không được vậy, khi chết
Nóng nảy ở trong lòng
Nếu trước ta buông lung
Thì nay nên tạo đức.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo:

– Nên biết chim Ngã sở lúc đó nay là ông trưởng giả đây. Vậy nên Tỳ-kheo các ông phải lo tu học, chẳng nên keo kiệt, tham tiếc của cải, dứt trừ lòng cáu bẩn, thường tu hạnh thanh tịnh, đó là lời dạy của chư Phật.

Đức Phật giảng nói như thế, không ai là không vui mừng lãnh hội.

Kinh 6: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Con Gà Rừng

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa nơi khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc

nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ Đức Phật kể với các vị Tỳ-kheo rằng:

– Thuở quá khứ, nhiều đời trước đây, trong rừng cây rậm rạp có một con mèo rừng đang sống ở đó. Gặp ngày lâm bồn, nó không kiếm ăn được nên đói lả. Nhìn thấy trên cây cao có một con gà rừng xinh xắn, đẹp đẽ, nó bèn làm ra vẻ có lòng nhân từ thương xót, vừa lê lết, vừa thở hổn hển, khiến cho người, vật đều chú ý. Con mèo rừng đã có chủ tâm độc ác, muốn lấy mạng con gà rừng nên từ từ tiến đến bên gốc cây, dùng lời dịu ngọt, ngợi khen:

Lặng thinh làm mặt lạ
Ăn cá, mặc áo đẹp
Thôi ngươi hãy xuống đất
Ta vì ngươi kết giao.

Gà rừng đáp kệ lại:

Người có bốn giò đủ
Thân ta có hai chân
Mèo với gà khác loại,
Không nên kết vợ chồng.

Mèo rừng nói kệ:

Ta đã đi nhiều chỗ
Quận, huyện và quốc gia
Không gặp được người ưa
Chỉ mình ngươi vừa dạ.
Thân người thật gọn đẹp
Dáng vẻ khó ai bằng
Ta cũng tươi, dịu dàng
Son trẻ và trong sạch.
Hãy cùng nhau hoan lạc
Như gà đi chơi ngoài
Vừa lòng đều cả hai
Thì sao không vui thích.

Gà rừng đáp lại:

Ngươi sao ta chẳng biết
Thì ngươi muốn gì đây
Mọi việc chưa đủ rõ
Người trí chẳng vui vầy.

Mèo rừng lại nói:

Thuận lấy ta làm vợ
Ngược, như gậy đánh đầu
Dù nghèo cùng đến đâu
Cũng giàu như mưa báu.
Gần quyến thuộc con cháu
Sẽ phát tài không lường
Gần gia đình thân thương,
Thì yên tâm bền vững.

Gà rừng đáp:

Ý dứt, ta theo nàng
Mắt xanh như ghẻ dữ
Như bị dây khóa vòng
Như ngục tù giam giữ.

Mèo mắt xanh nói:

Không cùng ta đồng lòng
Nói chi lời gai góc
Có dụng ý gì chăng?
Lòng ta buồn rười rượi.
Đức hạnh ta vang lừng
Làm gì lưu xú uế
Nào, muốn bỏ ta chăng?
Ta đi xa biệt xứ.

Gà rừng đáp:

Ngươi quyến rũ đi xa
Hung tệ như mãng xà
Tuy lông ngươi mềm mại
Nhưng không muốn sánh đôi.

Mèo rừng nói:

Mau đáp thẳng xuống đây
Ta có điều tỏ bày
Góp lời cùng thân thích
Trình cho cha mẹ hay.

Gà rừng trả lời:

Vợ ta còn son trẻ
Đoan trang, tâm tốt lành
Nết na và đức hạnh

Lòng ta xa sao đành.

Mèo rừng nói:

Ở đây dạy dỗ nghiêm
Gà nhà theo chánh giáo
Trong nhà có tôn trưởng
Phép tắc được giữ gìn.
Cây dương liễu ngoài hiên
Mọi người đều cung kính
Quanh năm đều tốt rậm
Như Phạm-chí thờ lửa.
Đem thế lực nhà ta
Phụng thờ các Phạm-chí
Tốt lành nhiều con cháu
Lại được nhiều của báu.

Gà rừng đáp lại:

Trời thỏa nguyện ngươi đó
Lấy gậy Phạm đánh cho
Ở đời có pháp gì
Sao lại muốn ăn gà?

Mèo rừng lại nói:

Ta sẽ không ăn thịt
Bộc lộ ý trong lành
Đối chư Thiên thờ dạy
Ta mong được việc này.

Gà rừng lại dùng kệ đáp:

Ta chưa từng nghe thấy
Mèo rừng mà tu hành
Ngươi muốn diệt ta nhanh
"Ăn gà" là mơ ước.
Cây và quả phân khác
Giả cười lời đẹp hay
Ta trọn chẳng tin mày
Làm sao ăn gà được.
Tánh ác bộc lộ hết
Mặt như máu đỏ thâm
Mắt thì xanh như chàm
Ngươi cứ phải ăn chuột.

Trọn chẳng ăn gà được
Sao chẳng bắt chuột đi?
Mắt xanh, mặt đỏ lừ
Tên mèo, lúc hô hoán.
Ta lông thảy dựng đứng
Nhanh trốn đi cho rồi
Đời đời xa lìa ngươi
Ý nào gặp nhau được.

Bấy giờ, mèo rừng lại nói:

Lành đâu tại sắc mặt
Đoan chánh cũng vậy thôi
Xét phép tắc oai nghi
Xem tu nhân tích đức.
Đủ hành vi tích cực
Lại phương tiện, thông minh
Gia thế rõ sự tình
Chưa từng ai sánh kịp.
Ngày ngày ăn mặt đẹp
Ta hay tắm gội thường
Bày ca múa tưng bừng
Nếu được ngươi bảo bọc.
Ta vì ngươi chải tóc
Và chăm sóc rửa chân
Đến đây xem đùa không?
Rồi yêu ta chẳng muộn.

Lúc ấy, gà rừng đáp:

Lòng ta đầy tự ái
Khiến sợ người chải đầu
Nếu cùng ngươi thân cận
Chắc chẳng sống lâu đâu!

Đức Phật bảo với các vị Tỳ-kheo:

– Nên biết con mèo rừng lúc đó nay là Tỳ-kheo Chiên-già, còn con gà là tiền thân của Ngài. Kiếp xưa gặp nhau, đời này cũng thế.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 7: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Tranh Người Con Gái

Ở Đời Trước.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ Điều-đạt tâm niệm độc hại tự cho mình đạt được đạo, bài báng Đức Như Lai. Mọi người đều trách mắng ông. Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Đế Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, tất cả đều khuyên nhủ:

– Chớ nên có ý hại đến Đức Như Lai, không được bài báng Đức Thế Tôn. Đức Phật là Đấng Chí Tôn của tất cả chúng sinh trong ba cõi, chứng trí tuệ ba đạt không hề bị ngăn ngại, trên trời dưới đất không ai là không quy mạng. Làm sao lại phỉ báng Ngài? Tội lỗi thật không thể lường được! Nhà ngươi muốn hủy báng Đức Phật, chẳng khác nào đưa tay muốn với lấy mặt trời, mặt trăng; như đem một hạt bụi mà muốn vượt hơn núi Tu-di; như cầm một sợi lông mà đo lấy hư không.

Ông Điều-đạt nghe những lời khuyên ấy nhưng tâm không cải hối. Khi ấy, các vị Tỳ-kheo đều thưa với Đức Phật để rõ về việc đó:

– Ông Điều-đạt có hiềm khích gì mà ôm lòng oán thù Ngài quá vậy?

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Ông Điều-đạt chẳng phải chỉ mới đời này mà nhiều đời đã như thế.

Đức Phật kể:

– Về thời xa xưa, trải qua vô số kiếp, có một vị Phạm-chí rất giàu có, tài sản vô kể, sinh được một người con gái xinh đẹp, đoan chánh, dịu dàng, nhan sắc có một không hai. Các Phạm-chí cho đây là một dòng họ hơn người: đã là xử nữ thì phải sánh đôi với kẻ thông hiểu sách vở. Lúc đó, vị Phạm-chí mời năm trăm người đồng học về nhà cúng dường ba tháng để xem xét về chỗ hiểu biết của họ. Trong năm trăm người này, có một vị trí tuệ vượt trội, học thấu ba kinh, rộng thông năm điển, văn chương rành mạch, hợp với nghĩa kinh, hạch hỏi, tìm lỗi thì không có chỗ nào còn nghi ngờ, nên được mời ngồi ở chỗ cao hơn hết, nhưng có điều là ông ấy quá già lão, mặt mày lại xấu xí, hai mắt lại xanh, xem chẳng giống người. Vợ chồng vị Phạm-chí buồn rầu, còn cô con gái cũng phiền muộn lo lắng. Làm sao mà cùng với người đó nên vợ chồng được, nàng sợ chẳng khác nào sợ quỉ. Đang lúc chưa biết phải làm sao, thì từ phương xa có một vị Phạm-chí trẻ tuổi, dung mạo đẹp đẽ đến. Vị Phạm-chí này tinh tường ba kinh, thông đạt năm điển, biết rõ thiên văn, địa lý, thấu được mọi việc tai

biến lành dữ. Ông cũng biết cả sáu phép đánh bạc, biết các yêu thuật quái dị, xem được thai đang mang là trai hay gái, sinh con khó hay dễ. Ông có lòng thương xót mười phương chúng sinh, đến cả các loài bò, bay, máy, cựa, luôn thể hiện bốn đẳng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Hộ (Xả). Ông nghe biết vị Phạm-chí rất giàu có, lại thuộc dòng họ tiếng tăm, đã mời năm trăm người đồng học đến cúng dường trong ba tháng và muốn gả con gái, nên tìm đến thẳng gia đình ấy. Ông vấn nạn các vị Phạm-chí kia, khiến cho những vị này trở nên lúng túng, không tìm được lời đáp lại. Năm trăm người ấy trí tuệ không bì kịp, đành để vị Phạm-chí trẻ tuổi đó chiếm ngôi thượng tọa. Bấy giờ, cô gái và cha mẹ cô thấy vậy đều rất hoan hỷ, cho rằng mình cầu hôn cho con gái đã lâu ngày, nay được như nguyện. Vị Phạm-chí đáng kính nói:

– Ta nay tuổi đã già, muốn gả chồng cho con gái đã lâu. Nếu nay ta đúng như mong ước giao con gái ta cho ngươi làm vợ, ngươi nên yêu thương ta tuổi già, chớ hủy nhục nó.

Vị Phạm-chí tuổi nhỏ đáp:

– Tôi không thể vượt khuôn phép mà phải theo đúng tình người, tôi xin nhận, tôi biết mình phải làm gì đối với ngài.

Ba tháng cúng dường đã hết, vị Phạm-chí giàu có đem con gái giao cho vị Phạm-chí trẻ tuổi. Vị Phạm-chí già nua kia ôm lòng độc ác, nghĩ: "Ngươi đã làm nhục mà đoạt vợ của ta, đời đời ta oán thù ngươi, tìm cách hại và làm nhục ngươi, quyết không để yên cho ngươi đâu."

Người Phạm-chí trẻ tuổi luôn thể hiện tâm từ bi, còn người Phạm-chí già nua kia thì cứ ôm lòng độc hại.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Người Phạm-chí già nua thời ấy nay là Điều-đạt, còn vị Phạm-chí trẻ tuổi chính là Ta, người con gái kia chính là Cù-di. Đời trước đã kết, đời nay khó giải.

Đức Phật đã giảng nói như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không vui vẻ lãnh hội.

Kinh 8: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Ngọc Bị Rơi Vào Trong Biển.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa ở núi Linh thứu thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, tất cả các vị

đại Thánh đều đã đạt được thần thông.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo tụ tập ở giảng đường, cùng nhau bàn luận:

– Đức Thế Tôn của chúng ta, từ vô số kiếp luôn tinh tấn tu hành, không chút biếng trễ, không còn bị vây buộc với nạn sinh tử trong năm đường, dốc mong được giác ngộ để cứu độ tất cả chúng sinh. Do luôn hành tinh tấn, Ngài đã vượt qua chín kiếp, chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là Bậc Tối Chánh Giác. Chúng ta là những kẻ mới được Ngài thi ân hóa độ, phải nên noi theo để tu tập.

Lúc ấy, Đức Phật từ xa nghe lời bàn luận của các vị Tỳ-kheo đó, liền đến giảng đường hỏi các vị đã bàn luận điều gì? Các vị Tỳ-kheo thưa:

– Chúng con đang bàn luận: Đức Thế Tôn công đức thật vòi vọi không lường, từ nhiều kiếp đến nay luôn tinh tấn tu hành chẳng chút chán nản, không xa lánh những gì khó khăn, siêng năng khổ nhọc để cầu đạo, nhằm tế độ muôn loài không bị rơi rớt giữa chừng, tự chứng được đạo quả Phật-đà, chúng con nhờ ân ấy mà được hóa độ.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Thật đúng như lời các ông vừa nói. Ta từ vô số kiếp đến nay, luôn dốc tinh tấn cầu đạo, không chút nhác lười. Vì thương xót chúng sinh, muốn độ cho họ được giải thoát. Nhờ ở sự tinh tấn ấy, vượt qua chín kiếp, chứng được quả Phật trước khi Phật Di-lặc ra đời. Ta nhớ về đời quá khứ, vô số kiếp trước đây, thấy dân chúng trong nước vô cùng nghèo khó, thương xót họ, phải tìm cách gì để giúp họ được no đủ. Ta nghĩ là phải vào biển để kiếm được ngọc Như ý mới mong cứu giúp họ được. Bèn gióng trống, khua chuông kêu gọi ai muốn vào biển để tìm kiếm châu báu. Mọi người tụ hội lại khá đông. Khi sắp lên thuyền, ta ra lệnh chỉ rõ: Đi biển lần này là xa cha mẹ, chẳng luyến tiếc vợ con, xem thường sự sống chết của bản thân, có như vậy thì mới nhập bọn. Sở dĩ như thế là vì có ba cái nạn ở biển cả: Một là ngoài biển có loài cá lớn, dài đến hai mươi tám ngàn dặm; hai là quỉ thần, La-sát luôn muốn lật đắm thuyền chúng ta; ba là núi bị chấn động. Ta nói điều này để sau khỏi có kẻ oán trách.

Vừa nghe nói xong, mọi người đều thoái chí. Chỉ có năm trăm người một lòng kiên quyết ra đi. Thế là họ nhìn chiều gió, dong buồm ngồi thuyền ra đi, đến thẳng biển của Long vương để trước hết là tìm cầu ngọc Như ý. Long vương thấy họ siêng năng, khó nhọc mới đến được biển, muốn giúp đỡ kẻ nghèo khó, nên lấy ngọc cho họ. Những người đi tìm ngọc, ai nấy đều lo thu nhặt của báu, đã đầy đủ rồi thì họ lên thuyền trở về. Các rồng ở trong biển và quỉ thần đều bàn với nhau:

– Ngọc Như ý này là của quý báu nhất ở biển, không thể để cho người thế tục lấy được, sao lại làm tổn hại cho biển cả mà làm lợi cho cõi Diêm-phù-đề?

Chúng đâm ra tiếc rẻ nên tìm kế đoạt lại, chứ chẳng chịu mất ngọc báu về tay loài người. Lúc ấy, rồng và quỉ thần ngày đêm bao vây họ nhiều vòng, quyết đoạt cho được ngọc báu kia. Vị Thầy dẫn đường cho các người đi tìm ngọc ấy oai đức cao vời, đám quỉ thần và rồng tuy muốn lật thuyền để đoạt ngọc Như ý, nhưng sức của chúng không đủ. Vị Đạo sư và năm trăm người đi lấy ngọc đều yên ổn vượt biển. Bồ-tát (vị Đạo sư) mừng rỡ, cho thuyền dừng lại bên bờ biển, cúi đầu xuôi tay chú nguyện thần biển, cột châu báu ở nơi cổ. Khi đó, rồng và quỉ thần nhân cơ hội ấy đã làm cho ngọc báu rơi hết xuống biển.

Vị Đạo sư hết sức xót xa, nghĩ: "Ta đi thuyền gian khó, khổ sở không kể xiết, vào biển mới lấy được của báu này để cứu đói cho mọi người. Nay thần biển lại đem đổ xuống đáy sâu!" Ngài bèn bảo người hầu cạnh mau đem vật dụng đến để hút nước biển cạn đến đáy bùn, nếu tìm không được ngọc báu ấy thì không thể chấm dứt. Có đồ hút nước biển rồi, ngài dốc hết sức lực mình chẳng nề gian khó, không tiếc đến tánh mệnh, làm cho nước tự nhiên bị hút vào vật dụng kia. Các quỉ thần và rồng thấy sự việc như thế, lòng đều lo sợ, cho rằng người này uy thế và sức tinh tấn như vậy thật chẳng phải người đời có được. Nếu để ông ấy cho hút nước thì chẳng bao lâu biển sẽ cạn kiệt. Nghĩ thế nên chúng liền mang ngọc báu đến xin trả lại và tạ từ:

– Chúng tôi không lượng sức mình, chẳng hiểu được sức mạnh tinh tấn vô địch trong thiên hạ của bậc Đạo sư!

Thu lại của báu trở về nước, ngài quán tưởng về vật ấy, cầu nguyện khiến trời mưa bảy thứ báu, rồi đem của đó cung cấp cho thiên hạ khiến mọi người đều được an vui, no đủ.

Đức Phật bảo:

– Vị Đạo sư ngày ấy chính là tiền thân của Ta, năm trăm người theo Ta lấy của báu nay là đệ tử của Ta đấy. Ta là người hướng dẫn mọi người tinh tấn xông vào biển cả, lấy được của báu đem về, cứu giúp mọi người cùng khổ. Đến nay Ta đã chứng được quả vị Phật, ra khỏi sinh tử, được trí tuệ vô lượng, tế độ chúng sinh không hề sót một loài nào.

Đức Phật đã giảng nói như thế, các vị Tỳ-kheo thảy đều hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 9: Đức Phật Giảng Thuyết Về Chuyện Tỳ-kheo-ni Chiên-xà-ma Bộc Chí Hủy Báng Đức Phật.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc bấy giờ, quốc vương Ba-tư-nặc thỉnh Đức Phật và các vị Tỳ-kheo vào cung thọ trai. Đức Phật cùng các vị đại Tỳ-kheo và Bồ-tát rời khỏi khu lâm viên, Trời, Rồng, Thần, Quỉ cùng quyến thuộc vây quanh. Trời Đế Thích, Phạm thiên và Tứ thiên vương rải hương hoa, tấu nhạc trời cúng dường ở trên cao, cùng rưới nước hương thơm xuống đất. Đang lúc Đức Phật cùng đại chúng vào thành Xá-vệ nhằm đến thẳng vương cung thì có Tỳ-kheo-ni tên là Bộc Chí, dùng một khúc cây cột trong bụng giống như đang mang thai, tới kéo áo Đức Phật kêu lên:

– Ông là chồng tôi, từ khi thành thân không hề cung cấp quần áo, lương thực cho bản thân tôi, cớ sao như thế?

Khi ấy, các vị trong đại chúng Trời, Người, Đế Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương cùng chư Thiên, Quỉ thần và dân chúng trong nước thảy đều kinh hoàng. Họ đều biết Đức Phật là Đấng Chí Tôn của ba cõi, tâm luôn thanh tịnh còn hơn ngọc Ma-ni, trí tuệ tươi sáng hơn cả mặt trời, mặt trăng, một mình cất bước trong ba cõi, không một ai có thể sánh kịp. Ngài hàng phục các tà thuyết, tất cả chín mươi sáu loại thảy đều quy kính, đạo đức cao dày, lồng lộng, không thể kể xiết! Như hư không vô hình không hề bị ô nhiễm, tâm Đức Phật còn hơn thế nữa, không một ai có thể sánh ngang hàng với Ngài được. Vị Tỳ-kheo-ni này đã là đệ tử của Phật, tại sao lại ôm lòng xấu ác muốn hủy hoại Đức Như Lai?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nhận thấy rõ tâm ý của mọi người, muốn dứt trừ mối nghi của họ, bèn ngước nhìn lên cao, vừa đúng lúc trời Đế Thích hiện xuống hóa làm một con chuột nhỏ, cắn đứt dây cột khúc gỗ nơi bụng của Bộc Chí, làm cho khúc gỗ rơi xuống đất. Mọi người thấy sự việc như vậy, vừa giận, vừa mừng, cho là do đâu mà có sự việc kỳ quái này. Vua Ba-tư-nặc tỏ ra giận dữ, bảo là vị Tỳ-kheo-ni này đã lìa bỏ gia đình, sự nghiệp, làm đệ tử Đức Phật, đã không tán dương công đức vô lượng, vô biên của Đức Như Lai mà ngược lại ôm lòng ganh ghét, bài bác Đức Đại Thánh! Vua liền ra lệnh cho người hầu đào hố sâu để chôn ngược bà ta. Đức Phật khuyên giải nhà vua:

– Chớ nên như thế! Đó là tội đã tạo ra từ kiếp trước của ta, không

chỉ riêng bà ấy muốn hại.

Đức Phật kể:

– Thuở đời quá khứ xa xưa, có một nhà buôn bán rất nhiều ngọc quý, ngọc ấy vừa tròn trịa, vừa xinh đẹp. Bấy giờ, có một phụ nữ đến mua ngọc, giá cả gần xong thì ngẫu nhiên cùng lúc có một người đàn ông đến cho giá cao, mua hết số ngọc đó, mua xong ra đi. Người phụ nữ không mua được ngọc, lòng tức giận, nhưng cũng đến xin người đàn ông chia bớt cho mình, mà ông ta nhất định không chịu. Vị ấy rất oán giận, nghĩ: "Ta đến mua ngọc trước, ngươi đến sau, lại đoạt mua hết, xin chia bớt, ngươi cũng không chịu! Ngươi đã làm nhục ta, đời đời ta phải báo cái oán này. Ngươi đã hủy nhục ta, hối không kịp đâu!"

Phật nói với các Tỳ-kheo, quốc vương và mọi người:

– Nên biết người đàn ông mua ngọc đó chính là thân Ta, còn người đàn bà mua ngọc ngày ấy nay là bà Bộc Chí. Do ôm mối hận đó mà sinh ra ở đâu, bà cũng tìm cơ hội bài báng Ta.

Đức Phật giảng nói chuyện ấy, mọi người đều dứt hẳn nghi ngờ, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 10: Đức Phật Thuyết Giảng Về Con Ba Ba Và Con Khỉ Chúa.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp-cô-độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo hội họp, bàn luận:

– Tỳ-kheo-ni Bộc Chí ấy đã rời bỏ gia đình, sự nghiệp, xuất gia học đạo, quy mạng Tam bảo, Đức Phật là cha, giáo pháp là mẹ, chư vị Tỳ-kheo là huynh đệ, vốn dốc lòng theo đạo pháp làm Sa-môn, tuân giữ con đường đạo mà tu tập, dứt trừ ba độc cấu nhiễm, cúng dường, hầu hạ Phật pháp và các Tỳ-kheo Tăng, thương xót chúng sinh, thường hành bốn tâm vô lượng, mới có thể được giải thoát. Vậy mà ngược lại, bà đã ôm lòng độc ác, hủy báng Đức Phật tôn quý, khinh rẻ chúng Tăng, thật là điều quái lạ chưa từng có!

Đức Phật nghe rõ việc này, nên đến hỏi các vị Tỳ-kheo:

– Các thầy bàn luận về chuyện gì?

Các vị Tỳ-kheo trình bày với Đức Phật các điều đã bàn. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo-ni ấy, chẳng phải chỉ đời này mới có ý ác hại Như Lai mà nhiều đời về trước cũng đã từng như vậy.

Ta nhớ lại từ vô số kiếp trong quá khứ, có một con khỉ chúa ở trong rừng cây, ăn trái cây, uống nước lã, lòng luôn thương xót đối với tất cả người và vật, muốn độ cho tất cả đều đạt đến cõi vô vi, giải thoát.

Nó cùng với một con ba ba kết bạn thân mật, kính trọng chẳng hề nghịch nhau. Thỉnh thoảng con ba ba đến chỗ con khỉ chúa ăn uống đàm luận những chuyện thích đáng, hợp nghĩa lý. Vợ con ba ba thấy chồng ra đi nhiều lần cho là có chuyện ngoại tình, liền hỏi chồng:

– Chàng đã nhiều lần ra ngoài, làm gì ở đâu, lấy gì làm chắc là chàng không làm việc vô đạo, phóng túng ở bên ngoài?

Con ba ba chồng đáp:

– Ta với khỉ chúa kết làm bạn thân. Hắn thông minh, trí tuệ, lại hiểu nghĩa lý. Ra khỏi nhà là đến đó ngay, ta với hắn bàn luận kinh pháp, chỉ nói những điều phải, không hề phóng túng.

Vợ không tin lời chồng nói. Nó giận con khỉ chúa dụ chồng nó đi lại nhiều lần, nên có ý đồ muốn giết con khỉ. Nhân chồng đang ở nhà, nó giả vờ bệnh nằm liệt giường. Chồng nó vất vả chạy thầy chạy thuốc để trị liệu, nhưng chẳng ăn thua gì. Nó bảo với chồng:

– Sao phải vất vả, tốn hao thuốc men, bệnh ta nặng lắm, phải lấy được gan của con khỉ bạn thân của chàng, dùng gan ấy chữa thì mới lành!

Chồng đáp:

– Đó là bạn thân của ta, đã trao gởi thân mạng cho nhau chẳng chút nghi ngờ, thì làm sao toan lấy gan nó mà trị bệnh cho nàng được?

Vợ nói:

– Đã là vợ chồng với nhau, hai ta chỉ là một, sao chàng lại chẳng lo cứu giúp thiếp?

Phản lại con khỉ là chẳng hợp với đạo nghĩa, nhưng sợ vợ và bị vợ bức bách nên ba ba phải đến mời con khỉ chúa. Hắn nói:

– Ta nay qua lại nơi ở của anh, nhưng anh chưa hề quá bộ đến cửa nhà tôi. Nay tôi mời anh đến nhà ăn bữa cơm.

Khỉ chúa đáp:

– Tôi ở trên đất, anh ở dưới nước, làm sao đến nhà anh được?

Ba ba đáp:

– Tôi sẽ cõng anh, như thế cũng thích hợp đấy!

Con khỉ chúa bằng lòng theo. Đi được nửa đường, ba ba nói với khỉ chúa:

– Hẳn anh muốn biết vì sao tôi đến mời anh chớ gì? Đó là vợ tôi bị bệnh hiểm nghèo, muốn có được lá gan của anh để ăn thì mới dứt được bệnh.

Khỉ chúa nói:

– À ra vậy, sao anh không nói sớm, tôi đã treo gan trên cây rồi, không đem theo đây, để tôi trở về lấy đã.

Thế là cả hai trở lại, đến nơi, con khỉ bèn nhảy vọt lên cây, vui mừng nhảy nhót. Ba ba hỏi:

– Sao ngươi không lấy gan mang theo đến nhà ta, mà lại thót lên cây nhảy nhót lăng xăng thế?

Khỉ chúa đáp:

– Thiên hạ không ai ngu hơn ngươi, gan mà làm sao treo trên cây được. Ngươi cùng với ta đã là bạn, thân mạng ký thác cho nhau, mà ngươi lại có ý đồ hại ta, thì từ nay về sau, hai ta mỗi người một ngả.

Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

– Vợ của con ba ba ấy nay là bà Bộc Chí, con ba ba là ông Điều-đạt, còn con khỉ chúa là tiền thân của Ta.

Đức Phật đã giảng nói như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 11: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Năm Vị Tiên Nhân.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và các vị Bồ-tát.

Đức Phật bảo các vị trong chúng hội:

– Về vô số kiếp xa xưa, có năm vị Tiên nhân sống nơi rừng núi. Bốn người là chủ, một người chuyên hầu hạ, cung cấp mọi thứ, chưa từng làm mất lòng bốn người kia. Hái quả, múc nước đều làm đúng giờ giấc. Một ngày nọ, ông ta đi xa hái quả, lấy nước, mệt mỏi ngủ say, quên giờ trở về. Ông về đến nơi thì đã quá nửa ngày rồi, bốn người kia không được ăn, tức

giận gọi người hầu đến bảo:

– Ngươi lo việc cấp dưỡng mà xử sự như thế được sao? Hành động như ngươi đúng là một người xấu ác đáng nguyền rủa chứ không phải là người đàng hoàng.

Người hầu nghe xong, buồn rầu, khó nói nên lời, trở về bên gốc cây, ngồi gần mép nước duỗi một chân, suy nghĩ tự trách mình làm việc đã lâu, nay cung cấp trái giờ ăn của bốn vị Tiên, đã mất ý nghĩa của đạo giáo, lại còn chẳng thuận với bốn vị kia, nên quá xúc động mà chết. Chân ông thường mang đôi guốc bằng bảy báu, khi ông duỗi chân ngồi thì một chiếc guốc rơi xuống nước mất. Sau khi chết liền sinh làm đứa con đáng nguyền rủa của một người ngoại đạo. Lúc hơn mười tuổi, cùng với bọn trẻ đùa giỡn bên đường. Bấy giờ có vị Phạm-chí đi qua thấy bọn trẻ đùa giỡn bên đường, nên dừng lại quan sát, thấy đứa trẻ đáng nguyền rủa này có quý tướng làm vua, dung mạo đặc biệt hơn người. Vị Phạm-chí gọi đứa trẻ ấy đến bảo:

– Ngươi có tướng làm vua, không nên vung phí sức lực rong chơi với bọn chúng.

Đứa trẻ đáp:

– Tôi là một tên đáng nguyền rủa, sao có tướng làm vua được!

Vị Phạm-chí lại nói:

– Căn cứ theo kinh điển của ta so với nghi dung hình thể của ngươi và theo sách ghi sấm ký cũng rất phù hợp. Việc này mà ứng nghiệm thì lời ta là ân sâu nặng đấy, chắc chắn, không chút lừa dối. Vị quốc vương ấy phải mất vào ngày ấy, tháng ấy, ắt ngươi sẽ được kế vị.

Đứa trẻ đáp:

– Dạ, ngài chớ nói lớn chuyện này, xin hãy giữ thật kín. Nếu đúng như lời ngài nói, con xin mang ân nặng, chẳng dám tự kiêu.

Vị Phạm-chí nói xong, bỏ đi sang nước khác.

Chẳng bao lâu, nhà vua mất, không có người nối ngôi, cho người cầu hiền để làm quốc vương. Quần thần bàn: "Nước không có chủ như người không có đầu, phải mau đi tìm người có đức để lập làm vua."

Sứ giả đi khắp nơi, thấy đứa trẻ ấy có phong tư khác thường, liền cho người về trình báo với quần thần, phải theo phép tắc của triều đình, xa giá uy nghi đúng phép, đem đến nghinh đón. Quần thần bá quan ai cũng mừng rỡ, theo đúng lời sứ giả đã thưa, xa giá nghiêm chỉnh cung kính rước về. Dùng nước thơm tắm gội, mặc triều phục năm thời, đội mũ

thất bảo, đeo kiếm, đúng như pháp của Tiên vương, tiền hô hậu ủng, hợp với nghi thức quốc gia, đưa đứa trẻ ấy lên điện tức vị. Vua hướng về phía Nam, xưng hiệu, bố cáo khắp nơi được biết, cầu cho đất nước an lành, dân chúng vui mừng.

Khi ấy, vị Phạm-chí ngước trông thiên văn, cúi xuống quan sát địa lý, biết được đứa trẻ ấy đã lên ngôi vua, bèn tìm đến thẳng cửa cung, cầu xin yết kiến. Quan giữ cửa tâu với vua:

– Bên ngoài có vị Phạm-chí cầu xin yết kiến quốc vương.

Nhà vua cho mời vào. Vị Phạm-chí tiến vào vừa cảm tạ, vừa chú nguyện, rồi thưa với nhà vua:

– Thật như tôi đoán, nay kết quả đã đúng như nguyện trước, hoàn toàn chắc chắn chăng?

Nhà vua đáp:

– Đúng vậy! Đạo nhân quả là bậc thần diệu! Tôi đã chịu ân và hưởng được ngôi cao.

Nhà vua nói tiếp với vị đạo nhân:

– Nửa kho tàng châu báu của đất nước, phụ nữ đẹp, xe ngựa, người hầu, nếu ông muốn là được ngay.

Vị Phạm-chí đáp:

– Tôi không muốn những thứ đó, chỉ xin nhà vua hai ước nguyện: Một là xin được cùng với vua ăn uống, y phục, mọi thứ nằm ngồi đều đồng thời như nhau, chớ có trước sau hay sai khác. Hai là cùng với vua tham gia bàn luận quốc sự, cùng nhau quyết định mọi việc, không được tự chuyên.

Nhà vua nói:

– Lành thay! Tôi chấp nhận hai ước nguyện của đạo nhân, không làm sai khác đâu!

Nhà vua thường lấy chánh pháp để chỉnh đốn và cai trị đất nước, không bức hiếp muôn dân. Vị Phạm-chí được ân vua, tự kiêu, phóng túng, khinh miệt đại thần. Quần thần căm giận đến can vua:

– Vua là bậc tôn quý, phải nên cùng với các vị đại thần kỳ cựu bàn bạc việc nước, chứ lại tin theo đạo sĩ khiến hắn trở nên ngạo mạn, khinh lờn, lấn hiếp bá quan. Việc này nếu lân quốc nghe được, họ sẽ cười cho, sẽ dẫn đến nạn giặc thù xâm lấn.

Nhà vua nói:

– Lúc nhỏ, ta có lời thề với ông ta từ lâu, làm sao có thể bỏ được!

Triều thần can vua không nghe, họ nghĩ: "Nếu vua ăn trước, không chờ hắn thì có thể sửa đổi được tình hình."

Được vua bằng lòng, họ đợi đến lúc ông Phạm-chí đi vắng không về kịp, bèn dọn bữa cho vua ăn trước. Ông Phạm-chí trở về tức giận, nói:

– Vì cớ gì mà nay một mình nhà vua ăn trước?

Vua đáp:

– Ta ăn trước vì ngươi chưa về, biết ngươi về trễ nên ta đã dự bị sẵn một cỗ khác cho ngươi.

Ông Phạm-chí mắng:

– Đồ thứ đáng nguyền rủa, chẳng biết đạo lý, vi phạm lời thề.

Quần thần nghe kẻ bề tôi mà dám hủy báng vua như thế đều đến tâu vua xin giết đi. Vua hỏi quần thần:

– Tội này nên dùng hình phạt nào để xử?

Mọi người đều thưa rằng: nào là bỏ vào nồi để nấu, nào là dùng lửa thiêu đốt, nào là đem phanh thây, nào là bỏ vào cối mà giã, hoặc dùng năm hình phạt như là xẻo tai, cắt lưỡi, móc mắt...Vua không nghe theo. Vua bảo:

– Ta phụng thờ đạo pháp, lòng thành luôn thương xót tất cả chúng sinh, không hại đến một con vật mềm yếu, huống gì là hại mạng con người. Nay cấp lương thực, đồ dùng cho hắn rồi đuổi ra khỏi nước.

Quần thần y theo chiếu chỉ, cấp lương thực và quần áo, rồi trục xuất ông Phạm-chí ấy ra khỏi lãnh thổ.

Một mình trên quãng đường xa, chịu bao nhiêu thứ nóng lạnh nên mệt mỏi, tiều tụy, chẳng giống với ai, ông ta sang nước khác, thẳng đến nhà một người Phạm-chí vốn có quen biết từ trước. Người Phạm-chí này hỏi:

– Người từ đâu đến, tu tập hành động theo kinh điển gì? Đã có chỗ sở đắc chưa?

Hắn đáp:

– Tôi từ xa đến đây, bị đói rét hành hạ nên quên hết những điều đã tu tập.

Vị Phạm-chí ấy nghĩ: "Người này đã quên hết những điều đọc tụng tu tập, khó có thể làm công việc giáo hóa, nên cho ông ta làm ruộng." Ông liền cấp cho hắn tôi tớ và trâu cày. Khi làm ruộng, hắn đầy đọa người đầy tớ quá đỗi, bắt phải san bằng đất đai và sai đi khắp nơi. Người đầy tớ buồn khổ muốn gieo mình xuống dòng nước. Người ấy đến bên dòng sông thì

nhặt được một chiếc guốc bằng bảy báu, lòng bèn nghĩ: "Nếu đem đưa cho ông chủ, thì ông chủ vô ân, nếu đem cho cha mẹ thì cha mẹ ắt bán để ăn thôi. Ông Phạm-chí này đã gây khốn khổ, sai khiến ta đủ điều, ta đang phải phụng sự hắn, nếu đem dâng chiếc guốc báu này thì có thể được thoải mái." Anh ta liền mang chiếc guốc về dâng cho người Phạm-chí. Ông này rất vui mừng, suy nghĩ: "Giá trị của chiếc guốc bằng bảy báu này thật không có gì sánh được. Ta đã làm trái ý vua, bây giờ nếu đem chiếc guốc này dâng lên vua thì cái tội phạm thượng trước đây có thể được hóa giải."

Vị Phạm-chí nghĩ như thế rồi bèn trở lại tìm vị quốc vương, dâng lên vua chiếc guốc, rồi hắn tự trần tình sự ăn năn hối lỗi ngày trước, xin được vua tha tội cho.

Nhà vua nói:

– Lành thay!

Rồi vua liền đem chiếc guốc vào để trong màn, cho hắn ngồi tòa riêng, gọi quần thần lại, xuống chỉ:

– Các khanh có thấy vị Phạm-chí bị trục xuất trước đây không?

Quần thần tâu:

– Thưa không thấy!

Vua nói:

– Nếu như thấy hắn thì ta phải làm gì?

Quần thần tâu:

– Dạ phải chặt tay chân hắn, xẻo tai, mũi hắn, chặt đầu, chém lưng hắn... dùng năm thứ độc trị hắn.

Vua nói:

– Nếu như hắn tỏ ra hiểu biết thì sao?

Quần thần tâu:

– Thưa không xét.

Nhà vua đưa chiếc guốc báu cho quần thần thấy và gọi người Phạm-chí ra để gặp quần thần, nói rõ việc liên quan giữa hắn với vật báu lạ này. Quần thần cùng tâu:

– Tội người Phạm-chí này như núi, như biển, không thể tha thứ được. Hiến một chiếc guốc chưa đủ, nếu được một đôi thì tội ấy mới có thể dứt trừ.

Nhà vua đồng ý. Vua lại trục xuất người Phạm-chí, bảo phải tìm thêm một chiếc guốc nữa. Người Phạm-chí buồn bã than:

– Ôi! Việc ta lại thêm nặng nề quá lắm!

Hắn bèn quay về chủ cũ. Người chủ hỏi:

– Ngươi đã đến chốn nào và từ đâu trở lại đây?

Người Phạm-chí nín thinh, chẳng dám đáp lại, làm như ngẫu nhiên mình trở lại đây. Người chủ cũ giao cho trâu cày, đầy tớ, khiến hắn lo việc trồng trọt như trước. Bấy giờ, người Phạm-chí mới hỏi người đầy tớ:

– Trước đây ngươi được chiếc guốc báu ở đâu?

Người đầy tớ liền đưa hắn đến nơi nhặt chiếc guốc. Đến bên bờ nước, hắn tìm khắp chung quanh nhưng không thấy chiếc guốc kia ở đâu. Anh chàng đầy tớ bỏ về. Người Phạm-chí nghĩ: "Chiếc guốc báu đó ắt phải từ phía thượng lưu trôi xuống, ta ở phía dưới này làm sao tìm được." Hắn liền theo ngược dòng sông đi lên, trông thấy một con cá ngậm hoa sen lớn lội theo dòng nước cuốn trôi. Hoa ấy rất lớn, có hơn một ngàn cánh. Người Phạm-chí suy nghĩ: "Tuy không tìm được chiếc guốc, mà nếu dâng lên nhà vua bông hoa này thì cũng có thể hóa giải được lỗi trước và được sủng ái như xưa". Hắn liền cầm lấy cành hoa thì thấy có bốn vị Tiên nhân đang ngồi bên gốc cây, liền đi đến trước mặt các vị ấy làm lễ, thăm hỏi nơi ở và chúc Thánh thể được vạn phước. Các vị Tiên hỏi:

– Ngươi từ đâu đến đây?

Người Phạm-chí thưa:

– Con làm mất lòng nhà vua, tuy đã dâng một chiếc guốc báu, nhưng chưa đủ để hóa giải tội lỗi, cho nên phải ngược dòng đến đây để tìm thêm một chiếc nữa mà chưa tìm được.

Vị Tiên nhân bảo:

– Ngươi là người có học, phải biết lẽ tiến lui chứ! Vị quốc vương đó là đệ tử của chúng ta, đã từng thương yêu, kính trọng ngươi, cùng ăn uống, nằm ngồi, bàn bạc quốc sự với ngươi. Tại sao trong một lúc mà ngươi dám mắng vua là đồ đáng nguyền rủa. Tội ngươi rất đáng bị tru lục. Ngươi nay chẳng biết, tại nơi gốc cây này, quốc vương xưa là thị giả cung cấp lương thực cho các vị Tiên, hồi ấy đã ngồi duỗi một chân, rồi quá xúc động mà chết, chiếc guốc báu rơi xuống nước, một chiếc mang nơi chân thì còn đây, giờ cho ngươi đó!

Người Phạm-chí nhận lấy chiếc guốc, dập đầu tạ lỗi, trở về bổn quốc, tiếp tục dâng chiếc guốc lên nhà vua. Nhà vua vui mừng, lòng quần thần cởi mở nên hắn lại được sủng ái như xưa.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vị vua lúc đó là tiền thân của Ta, bốn vị Tiên nhân ấy là các vị Phật Câu-lưu-tần, Câu-na-hàm Văn-ni, Ca-diếp và Di-lặc, còn ông Phạm-chí kia là Điều-đạt.

Bấy giờ, Đức Phật giảng như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

□

PHẬT NÓI KINH SINH

QUYỂN 2

Kinh 12: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Hai Cậu Cháu

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ cùng với chúng đại Tỳ-kheo.

Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

– Thuở vô số kiếp trong quá khứ, có hai chị em, người chị có một người con trai, cùng với người cậu chuyên cung cấp các thứ ăn mặc quý giá đẹp lạ cho vua chúa quan lại như lụa là, gấm vóc. Anh ta thấy những đồ vật quý hiếm lạ lùng trong kho, nên động lòng tham, liền bàn với người cậu:

– Chúng ta làm việc luôn siêng năng khó nhọc, không dám trễ nải, biết rõ các đồ vật trong kho tốt xấu, ít nhiều, sao ta lại không lấy để giải quyết cảnh nghèo đói của chính mình?

Như đã định, đêm đến, hắn đào đường hầm chui vào kho trộm lấy nhiều đồ vật không biết bao nhiêu. Sáng ra, người giữ kho thấy đồ vật trong kho giảm bớt, liền đem việc này tâu lên vua. Nhà vua bảo:

– Chớ làm lớn chuyện khiến người ngoài biết cậu cháu nhà kia ăn trộm. Cứ làm như vua bận nhiều việc nên không hay biết gì. Đến ngày hôm sau cứ phục sẵn, thế nào hắn cũng trở lại lần nữa. Phải cảnh giác nghiêm nhặt để chờ hắn. Hắn đến là bắt ngay không để chạy mất.

Người giữ kho nhận chiếu chỉ, liền gia tăng phòng bị vì thế nào kẻ kia cũng trở lại ăn trộm. Người cháu nói với cậu:

– Cậu lớn tuổi, thân thể gầy ốm, nếu bị người giữ kho bắt được, không thể tự thoát nổi, vậy cậu cứ theo đường hầm mà vào, nếu bị họ phát hiện thì sức con còn cường tráng sẽ cứu thoát cậu ngay.

Người cậu theo lời vừa chui vào đường hầm thì bị đám canh chừng tóm ngay. Những người này hô hoán lên nhưng không bắt được người cháu. Sợ sáng mai mọi người biết việc này, nên họ chặt đầu người cậu

mang về. Sáng sớm, người giữ kho đem mọi việc tâu với vua. Nhà vua lại chỉ thị:

– Đem cái thây chết này đặt nơi ngả tư, nếu có ai đến nhận khóc tử thi thì đó chính là tên giặc chủ mưu.

Đặt xong tử thi, những người này tản ra bốn ngả đường canh gác nhiều ngày. Lúc đó, từ phía xa có một đoàn buôn đông đảo đi đến, người ngựa, xe cộ ồn ào đầy dẫy nghẽn cả đường, rồi đột nhiên chen nhau chạy tới. Người kia làm ra vẻ náo loạn, cho chở hai xe củi trên đặt cái thây chết kia chạy đi. Đám người canh gác liền vào triều tâu hết với vua mọi điều. Nhà vua bảo:

– Phải cẩn trọng dò xét khắp nơi và cẩn mật, nếu gặp chúng thiêu thây thì bắt hết đem về đây.

Lúc ấy, người cháu liền bảo bọn trẻ con cầm đuốc múa giỡn, mọi người cùng náo nhiệt cả lên, ném lửa vào củi, củi cháy bừng bừng. Những người theo dõi thấy vậy chẳng biết phải làm sao, cùng đem sự việc tâu lên vua. Nhà vua lại chỉ thị:

– Nếu đã hỏa táng rồi thì phải tăng cường canh giữ, dò xét nghiêm mật cái hài cốt kia, kẻ đến lấy cái hài cốt ấy chính là tên cầm đầu vụ trộm.

Người cháu biết được việc này, bèn làm thật nhiều rượu ngon rồi sai người hiền lành mang rượu thẳng đến chỗ những người canh giữ rao bán. Bọn canh giữ nhiều đêm liền đói khát, thấy rượu đến đều mua uống, uống rượu quá nhiều nên say ngủ mê man như bị nhốt trong bình rượu. Người bán rượu bèn nhặt lấy hài cốt mà đi. Đám người canh giữ chẳng hay biết gì cả. Thức dậy, họ lại vào tâu rõ với vua sự việc. Nhà vua lại bảo:

– Trước, sau cảnh giác, canh giữ đều để hắn sổng mất, tên giặc này rất xảo quyệt, phải dùng mưu mới tóm được hắn.

Nhà vua liền cho người con gái trang sức nào ngọc ngà, chuỗi anh lạc, châu báu, thật đẹp đi ra ở trong ngôi nhà bên bờ sông lớn, rồi sai rất nhiều thị vệ canh chừng, dò xét không ngớt, tức là dùng sắc đẹp để nhử hắn tìm đến nơi chỗ người con gái này. Nhà vua chỉ dạy rõ cho người con gái nếu gặp kẻ nghịch thì tìm cách tóm lấy và hô hoán lên cho mọi người bắt giữ.

Vào đêm nọ, người cháu lén tìm tới. Nhờ vào dòng nước, hắn thả bè, cho thuận dòng trôi xuống, kêu to lên rồi lặn mất. Các người canh giữ nghe tiếng kêu, sợ hãi đi đến xem cho là có người lạ, nhưng họ chỉ thấy bè cây. Nhiều đêm như vậy, thường thường không đổi, những người canh

giữ cho là việc bình thường nên ngủ yên không lo sợ gì. Người cháu liền cỡi bè đến nhà người con gái… Người con gái liền nắm áo của y. Người cháu bảo:

– Níu áo làm chi, nắm tay ta đây này!

Người cháu vốn sáng trí lắm mưu nên đã mang sẵn cánh tay của người chết, bèn trao cho đứa con gái, cô ta liền bỏ áo chụp lấy cánh tay chết, rồi kêu ầm lên. Những người canh giữ thức dậy chậm, nên người cháu thoát chạy mất. Những người này lại tâu rõ sự việc với nhà vua. Nhà vua lại nói:

– Tài nghệ của tên này thật có một không hai, nên lâu rồi mà chưa bắt được.

Đang lúc chưa biết tính sao, thì người con gái ấy mang thai, sau mười tháng sinh được một đứa con trai, trông rất bụ bẫm, kháu khỉnh. Nhà vua bảo người nhũ mẫu bồng nó đi khắp trong nước, nếu có người nào thấy mà gọi nó thì bắt trói đem về đây. Bà nhũ mẫu bồng đứa bé đi cả ngày mà không có ai gọi cả. Người cháu lúc bấy giờ là thợ làm bánh. Đứa bé đói khóc, bà nhũ mẫu bồng sang lò bánh mua bánh cho ăn. Người cháu thấy đứa trẻ liền lấy bánh cho, nhân đó mà gọi nó. Bà nhũ mẫu trở về tâu với vua:

– Ẵm đứa bé đi trọn ngày không ai đến gần, nó đói, đi ngang qua lò bánh, thì người bán bánh đến trao cho bánh và gọi nó.

Nhà vua nói:

– Sao không bắt trói đem về đây?

Bà nhũ mẫu đáp:

– Trẻ nhỏ đói khóc, người làm bánh cho bánh, nhân đó mà gọi nó, chẳng có ý làm giặc, cớ gì bắt tù người ta được.

Nhà vua bảo bà nhũ mẫu đem đứa bé ra và sai người hầu bám theo dò xét, nếu thấy ai đến gần đứa bé thì liền bắt trói đem về.

Người cháu làm rượu ngon, gọi mời bà nhũ mẫu và những người ngầm theo dõi tựu về quán rượu, cho uống đến say mềm, rồi bắt trộm đứa bé đem đi. Những người này khi tỉnh dậy thấy mất đứa bé, chỉ còn biết về tâu rõ với vua. Nhà vua lại nói:

– Các ngươi ngu đần, đều ham uống rượu, đã không bắt được kẻ giặc mà còn làm mất đứa bé.

Người cháu khi được đứa bé liền mang sang nước khác, xin yết kiến vị quốc vương nước này. Trong khi nói năng, bàn luận với vua, ông luôn

luôn từ tốn và dẫn giải theo kinh điển khiến nhà vua rất vui mừng, liền phong ban cho ông địa vị, bổng lộc, cử làm đến đại thần, nhận xét, bảo:

– Trong nước của ta, về trí tuệ và tài năng thì không ai sánh kịp khanh, nay ta muốn gả con gái ta cho khanh, ý riêng của khanh thế nào?

Ông tâu rằng:

– Thần chẳng dám! Nếu bệ hạ thật lòng thương thần thì ngài cưới con gái của vua nước thần cho thần.

Nhà vua đáp:

– Lành thay! Ta chuẩn theo sở nguyện của khanh.

Nhà vua liền nhận ông ta làm con và sai sứ đến hỏi con gái vị vua kia cho ông. Vị vua ấy bằng lòng gả con gái cho, nhưng lại nghĩ: "Hắn liên tục là kẻ trộm, trước sau rất xảo trá." Vua bảo cho sứ giả hay là muốn rước con gái mình thì thái tử phải có đủ năm trăm xe ngựa chỉnh tề.

Nhà vua liền ra lệnh mau chóng chuẩn bị đầy đủ xe ngựa để đi ra ngoài. Người cháu vốn là một tên giặc nên đối với vua có lòng lo sợ, tự nghĩ: "Nếu đến nước kia, vua biết được thì sẽ bắt liền, chẳng chút nghi ngại!" Bèn nói với sứ giả về tâu lại với vua bên ấy:

– Nếu nhà vua cho người ngựa của năm trăm xe đầy đủ, quần áo, yên cương thảy đều giống nhau không chút sai khác thì mới có thể nghinh hôn.

Nhà vua bằng lòng sự đòi hỏi đó, liền cho sang rước dâu. Vua cha cô dâu lệnh cho con gái mình tiếp đãi ăn uống thật vui vẻ, hai trăm năm mươi xe ngựa ở phía trước, hai trăm năm chục xe ở phía sau, người cháu ở giữa, nhưng chàng rể vẫn ngồi trên lưng ngựa, không xuống giữa năm trăm chiếc xe. Phụ vương cô gái phải tự ra xem xét rồi đi vào giữa đoàn xe, đích thân dẫn người cháu ra và nói:

– Ngươi đã bày ra mưu mô trước sau, đủ cách thì làm sao bắt được.

Người cháu cúi đầu thưa:

– Có thật như thế sao?

Nhà vua nói:

– Cái thông tuệ của nhà ngươi thật là thiên hạ vô song, ta thuận theo sở nguyện của ngươi.

Nhà vua đem con gái gả cho và họ đã trở nên vợ chồng.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Người cháu lúc đó là tiền thân của Ta, phụ vương của người con gái là Xá-lợi-phất bây giờ, người cậu nay là Điều-đạt. Vị quốc vương nhận

làm cha người cháu nay là Du-đầu-đàn, mẹ của người cháu là thân mẫu Ma-da, người vợ nay là Cù-di, đứa trẻ là La-vân…

Đức Phật thuyết giảng như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 13: Đức Phật Thuyết Kinh Nhàn Cư

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-lưu, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm vị.

Phật và Thánh chúng vừa đến nơi xóm làng ở trong thành thì tự nhiên ở đấy vang lên âm thanh tốt đẹp. Đức Phật liền đi vào trong ấy. Bấy giờ, nơi xóm làng đó, có ông Phạm-chí trưởng giả cùng với vô số dân chúng thảy đều nghe rõ như thế này: "Có Đấng chí nguyện lớn lao, tịch tĩnh, họ là Cù-đàm, thuộc dòng Thích-ca nổi tiếng, đã ra khỏi nước, đang đi đến xóm làng trong thành cùng với năm trăm vị đại Tỳ-kheo. Đức Phật đại thánh này tiếng tăm vang lừng khắp mười phương, không ai là không ca ngợi, tán dương. Những kẻ nghi ngờ thì co lại, nơm nớp sợ hãi, còn mọi người thì ai mà chẳng mừng rỡ, kính ngưỡng. Tôn hiệu của Ngài là Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự Thiên Nhân Sư, Hiệu Phật Thế Tôn, luôn đem lòng thương xót đối với chư Ma, Phạm thiên, Sa-môn, Phạm-chí, cả trên trời lẫn nhân gian, khai hóa loài trời, người. Ngài chứng sáu thứ thần thông, riêng mình qua lại tự tại trong ba cõi, thuyết pháp nói kinh, lời giảng dạy trước sau như một, luôn thể hiện điều tốt đẹp dẫn dắt về nẻo thiện, phân tích nghĩa lý vi diệu để thấy được chân lý, tịnh tu phạm hạnh. Lành thay! Phước đức biết bao! Nếu được gần gũi hầu hạ Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác ấy, nếu như thành kính thọ trì đạo pháp của Ngài thì công đức thật là vô lượng."

Lúc ấy, ông trưởng giả Phạm-chí đến thẳng chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi sang một bên. Từ chỗ ngồi hướng về Đức Như Lai, ông trưởng giả khiêm cung chắp tay thỉnh lời vấn an Đức Phật. Đức Thế Tôn bảo ông trưởng giả Phạm-chí:

– Giả sử có người đến hỏi ngươi: Loại Sa-môn nào thì không nên phụng sự cúng dường?

Ông đáp:

– Con không được rõ, cúi xin Đức Phật chỉ dạy cho!

Đức Phật nói:

– Đó là loại Sa-môn, Phạm-chí mắt còn tham đắm sắc đẹp, tai còn mê tiếng hay của năm ấm, mũi còn ưa hương thơm, miệng còn ham vị ngon, thân thích va chạm trơn láng mịn màng, tâm ý chạy theo các pháp, chẳng dứt bỏ dục vọng, tham lam ganh ghét, vướng buộc vào nẻo ái ân, chỉ cầu không biết chán, luôn luôn bị lửa dục nung nấu trong sự thống khổ. Với những Sa-môn, Phạm-chí như thế thì không nên tôn kính, phụng sự cúng dường.

Ông trưởng giả thưa với Phật:

– Nếu có người đến hỏi như trên, con phải đáp lại như thế thì mới ứng hợp nghĩa lý tốt đẹp cùng nẻo hành hóa của giáo pháp. Tại sao vậy? Là vì chúng con còn tham vướng các pháp: Sắc, thanh, hương, vị và xúc, còn say đắm ái ân, tham cầu không biết chán và các thứ khác nữa, còn bị mê hoặc theo năm ấm, sáu trần, chạy theo quan tước, bổng lộc, của cải, giàu sang, không biết mệt mỏi. Như thế thì hàng Sa-môn, Phạm-chí theo như Đức Thế Tôn dạy, khác gì người thế tục như chúng con, vì vậy chẳng nên phụng sự cúng dường những hạng người ấy.

Đức Phật bảo ông trưởng giả:

– Giả sử có người đến hỏi ông phải nên tôn trọng, phụng sự, cúng dường cho những vị Sa-môn, Phạm-chí nào, thì ông sẽ trả lời ra sao?

Phạm-chí bạch Thế Tôn:

– Cúng dường cho những vị đã không còn tham vướng năm ấm, sáu trần, tham dâm, giận dữ, ngu si, không bị nhiễm tập theo vọng niệm về sắc, thanh, hương, vị và cảm giác êm ái. Họ còn tích chứa các đức, luôn thể hiện sự ôn hòa, nhã thuận. Đấy chính là các bậc Phạm-chí, Sa-môn phải nên cúng dường phụng sự.

Đức Phật nói với ông Phạm-chí trưởng giả:

– Các ông vì sao nói những lời ấy? Căn cứ vào đâu mà biết được các vị Sa-môn, Phạm-chí đã lìa bỏ được các sự tham dâm, giận dữ, ngu si và chỉ dạy cho mọi người cũng lìa bỏ được sự tham đắm về sắc, thanh, hương, vị và các cảm giác êm ái, dứt được lửa phiền não trong lòng và các dục tình không bờ bến?

Ông trưởng giả trả lời Đức Phật:

– Chúng con thường thấy có một số vị Sa-môn, Phạm-chí đoan chánh, tốt lành, họ đã xả bỏ được mọi ham muốn về sắc, thanh, hương, vị và các cảm giác êm ái, họ sống ở nơi chốn thanh vắng, hoặc ngồi bên gốc cây,

hoặc ở những khoảng đồng trống, gò nổng, dứt bỏ mọi lỗi lầm xấu xa, lòng không một chút tham cầu, yên ổn tự tại một mình. Họ đã đoạn trừ vĩnh viễn vọng niệm của các pháp sắc, thọ, tưởng, hành, thức, xua diệt các đòi hỏi, giữ lòng rỗng lặng. Chúng con luôn xem xét và nhận biết các vị Sa-môn, Phạm-chí này lìa được tham dâm, giận dữ, si mê và cùng chỉ dạy cho mọi người cùng lìa bỏ các vọng niệm về sáu trần. Được lãnh hội về sự dạy bảo như thế, ai cũng lấy làm vui mừng, nên đối với việc say mê ái ân cũng được trừ hết, các thứ mong cầu sắc dục, khi được sáng tỏ rồi thì cũng lìa bỏ luôn, như thế thì sẽ thực hiện được sự hạn chế một cách thích hợp việc cung phụng mọi sở cầu của mình. Đối với năm ấm, sáu tình cũng lại như vậy. Con nhận xét các vị Sa-môn, Phạm-chí này sống ở chốn thanh tịnh, vắng lặng, an tọa bên gốc cây, hoặc ở trong quãng đồng rộng gò cao một mình và luôn yên định, đã dứt trừ vĩnh viễn mắt đắm sắc, tai mê tiếng, mũi mê mùi hương, miệng ưa vị ngon, thân thích tiếp xúc êm ái, ý chấp các pháp, luôn tích chứa gốc của các đức, thể hiện sự cung thuận, hòa nhã.

Các vị Sa-môn, Phạm-chí đã lìa bỏ tham dục, giận dữ, si mê rồi chỉ dạy mọi người cùng xa lìa các thứ trên. Chúng con đã quan sát và so sánh những hiện tượng đó, nên hôm nay chúng con xin quy y Phật, Pháp và Tăng, vâng giữ năm giới, làm người cư sĩ tại gia.

Đức Phật đã giảng nói như thế, các vị Tỳ-kheo không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

Kinh 14: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Tôn Giả Xá-lợi-phất Nhập Niết-bàn.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại vườn Trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất đang ở tại xóm Na-la bị bệnh nặng phải nằm một chỗ, luôn được các vị Hiền giả và các Sa-di trông nom. Khi Hiền giả Xá-lợi-phất vừa nhập Niết-bàn, thì người hầu tên là Chuân-na đã theo đúng pháp thực hiện việc phụng sự cúng dường đầy đủ xong xuôi. Ông mang hết bình bát, y phục của Hiền giả Xá-lợi-phất về đến vườn Trúc ở thành Vương xá thì mặt trời đã xế bóng. Ngay buổi chiều ấy, Sa-di Chuân-na đã mang y bát của Hiền giả Xá-lợi-phất đến chỗ của Tôn giả A-nan, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang bên. Sa-di Chuân-na thưa với Tôn giả:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả biết không, Hiền giả Xá-lợi-phất đã nhập

Niết-bàn rồi! Hôm nay con mang xá-lợi của Hòa thượng cùng y bát về đây.

Tôn giả A-nan bảo Chuân-na:

– Tiện đây ta với ông cùng đến chỗ Đức Phật, cung kính lễ bái Ngài, hoặc giả nhân đấy được nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp quan trọng.

Sa-di Chuân-na đáp:

– Dạ, xin vâng theo lời chỉ dạy của Tôn giả.

Thế rồi hai người cùng đến thẳng chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ xong, ngồi sang một bên, chắp tay thưa với Đức Phật:

– Thân con như thể suy yếu lắm, chẳng còn có chút khí lực nào, hoàn toàn sa sút, nhu nhược, như thể không còn tu các pháp được nữa. Vì sao như thế? Là vì vừa rồi ông Sa-di Chuân-na đến chỗ con, cúi đầu làm lễ và nói với con rằng: "Tôn giả biết không, Hiền giả Xá-lợi-phất đã nhập diệt rồi. Con gom y bát và xá-lợi của Ngài đem về đây!".

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ý nghĩ của ông và Chuân-na cho là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã dùng các phẩm về Giới, Định, Tuệ, về Giải thoát và Giải thoát tri kiến làm hành trang đã vào cõi diệt độ chăng? Lại nữa, Ta đã thông tỏ pháp ấy, đạt đến bậc Tối Chánh giác, mới phân biệt nói ra các nẻo tu tập: Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý và tám Thánh đạo hành, là chỗ thể hiện sự tin tưởng Đức Phật. Ông nay vừa hay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất nhập Niết-bàn mà đã bi lụy than khóc không thể tự kiềm chế được! Khác nào ông đã bạch với Đức Thế Tôn là: "Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chẳng hề mang theo các phẩm về Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến mà vào Niết-bàn." Đức Thế Tôn đã thấu tỏ giáo pháp ấy, chứng được đạo quả Tối chánh giác, phân biệt theo căn cơ mà nói ra và Hiền giả Xá-lợi-phất cũng không mang theo các pháp tu tập như: Bốn Ý chỉ, bốn Ý đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Thánh đạo hành mà vào cõi tịch diệt.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Dạ, đúng như thế thưa Đức Thế Tôn! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất hết lòng phụng trì giới luật của đạo giải thoát, có biện tài thông suốt, giảng giải đạo pháp không biết chán, khiến cho bốn bộ chúng lãnh hội không hề biết mệt mỏi, bàn bạc không chút lười nhác. Nhờ đó họ khuyến khích hỗ trợ lẫn nhau, khai hóa giúp những người chưa đạt, khiến lòng họ vui vẻ, nên không ai là không vâng theo lời dạy của Hiền giả. Hiền giả luôn tiết chế, biết đủ,

chí dốc tinh tấn, tu thiền định, có trí tuệ rộng lớn của bậc Đại thánh. Có ai hỏi điều gì, Hiền giả luôn tùy theo căn cơ mà lựa lời chỉ dạy, thể hiện một sự thấu đạt sâu xa, theo lời hỏi mà đáp lại, khiến tất cả đều thông suốt. Trí tuệ là vật báu, các đức luôn đầy đủ, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cao vời như thế, cho nên khi nghe Hiền giả đã vào cõi tịch diệt, con ưu sầu buồn thảm, lòng đầy thương xót không thể tự kiềm chế được.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Đã sinh ra trên đời, làm sao còn mãi được. Các pháp do suy niệm nhớ nghĩ duyên khởi mà có, ắt phải quy về sự diệt tận, hủy hoại, vĩnh viễn mất đi. Trước mắt Ta, các pháp đang tan rã, đang mất đi, muốn nó không mất cũng không thể được.

Đức Phật lại nói với Tôn giả A-nan:

– Phật đã từng nói, tất cả những ân ái đều phải biệt ly, phàm có sinh thì có diệt, sự việc có thành tất có bại, có hợp ắt có tan, tất cả đều phải bị hủy diệt, hư hoại hết, muốn chúng không như thế đâu có được theo ý. Phải biết tất cả các pháp đều hoại diệt, đều quy về vô thường. Các pháp biệt ly, muốn chúng không lìa tan nào đâu có thể được!

Đức Phật nói tiếp với Tôn giả A-nan:

– Việc Hiền giả Xá-lợi-phất đã về cõi tịch diệt, Phật rất an tâm, không có gì đáng lo nghĩ, bởi vì đã đến lúc biệt ly, tan rã theo nẻo vô thường, thì có muốn nó không đến cũng không làm sao có thể được! Các pháp có khởi là có diệt, sự việc có thành thì có hoại, con người có sinh thì phải có tử, có hưng thạnh ắt phải có suy vong, các pháp phải theo quy luật vô thường, biệt ly, muốn nó không đến đâu có thể được! Ví như núi báu lớn rồi tới một hôm nào đó đỉnh núi cao cũng bị sụp đổ. Này A-nan, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất ở trong chúng Tăng cũng như thế, nay Hiền giả đã nhập diệt, cũng như đỉnh núi báu bị sụp đổ, các pháp đều chịu quy luật vô thường nên phải tan rã, biệt ly, muốn nó không đến đâu có thể được như ý.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

– Như cây báu lớn, rễ, mầm, thân, nhánh, cành lá hoa trái đầy đủ tươi tốt, rồi bỗng dưng một phần lớn của cây gãy đổ, khiến nó hiện tướng khuyết giảm nhìn không còn uy thế. Này A-nan, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất ở trong chúng Tăng cũng thế. Nay Tỳ-kheo đã diệt độ, chúng Tăng cũng giảm uy lực. Các pháp phải theo quy luật vô thường, hao tổn, hủy diệt, muốn nó không đến há có thể được sao! Do đó, này A-nan, từ nay về sau, thân tự tu tập hành hóa, đã dốc quy y đạo pháp, để có được sự chứng đắc thì phải lấy kinh điển làm nơi nương tựa, chớ có nương vào cái gì khác. Này các Tỳ-

kheo, các vị cần phải làm những gì? Đối với các vị Tỳ-kheo, phải tự quán tưởng về bản thân: trong ngoài đều là vô ngã, phải tự quan sát để chế ngự cái tâm vọng của mình, quán sát về mọi pháp thế gian đều do vô minh mà có. Quán bên trong và bên ngoài đều luôn thọ nhận sự khổ, đều là phi ngã *(vô ngã)*. Đạt được như thế thì rất tốt! Chế ngự tâm vọng tưởng, nhận thấy các pháp thế gian đều do vô minh mà có. Quán sát nội, ngoại của tâm, trong ngoài đều chẳng có gì cả. Đạt đến được như vậy thì tốt lắm thay! Tự chế ngự tâm vọng, quán sát thế gian không có ánh sáng trí tuệ, quan sát thấy mặt trời, mặt trăng trên cao, cũng quán các pháp bên ngoài, nhưng không dựa bám vào bên trong, bên ngoài. Đạt được chỗ đó thì tốt lắm thay! Chế ngự tâm vọng, quán sát thế gian bị chìm đắm trong vô minh cần được xua trừ…

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

– Đó chính là những pháp nên tu tập hành hóa, tự mình tu tập để nương vào nơi cõi pháp, quy mạng với chánh pháp, không đứng ở cõi khác, không nương dựa nơi người khác.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ đã theo Ta thọ nhận giáo pháp, phải tự tu thân, tự tìm chốn nương tựa, đứng vững nơi cõi pháp, quy về nơi cõi pháp, quy mạng với chánh pháp, không ở cõi khác, không về theo người khác. Các vị Tỳ-kheo xuất gia làm đệ tử của Phật, vâng theo lời dạy này tức là thuận theo đạo pháp của Phật.

Đức Phật thuyết giảng như thế, Tôn giả A-nan, Sa-di Chuân-na cùng các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ nghe kinh, lãnh hội lời dạy rồi lui ra.

Kinh 15: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Người Con Bị Chết.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một người theo ngoại đạo, con trai ông ta vừa mới chết, cha mẹ vì quá yêu thương con không hề muốn nghĩ là nó đã chết, nên cứ nhìn nó mãi không thôi. Tình yêu thương con đó đã làm cho người này phát điên loạn, chạy khắp trong nhà ngoài ngõ, trên các nẻo đường để tìm con, mong con đến gặp mình, con đang ở đâu? Làm sao thấy được hình hài của con? Khi ấy, người này lững thững theo

đường lộ ra khỏi thành Xá-vệ đi đến khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, rồi tới thẳng chỗ Đức Phật, lặng thinh đứng trước mặt Ngài. Đức Phật hỏi người kia:

– Ông đến đây vì cớ gì? Ông phải biết tự chế ngự lòng mình, chứ hiện nay các căn của ngươi đã biến dạng bất thường, trông rất là tiều tụy, gầy yếu!

Người kia thưa với Đức Phật:

– Ngài hỏi con tại sao các căn của con biến đổi khác thường! Thưa Ngài, tại vì con chỉ có độc nhất một đứa con, cả nhà đều yêu thương hết mực, không ai là không yêu mến, ngắm nhìn nó không hề biết chán mà nay thì nó đã mất rồi. Vì thương yêu con mà con đã phát cuồng si, tâm hồn mê loạn nên chạy đôn đáo tứ tung để tìm cho được nó, cầu mong nó lại gặp con. Nhưng giờ thì con không biết tìm con mình ở đâu.

Đức Phật dạy:

– Hỡi kẻ kia, vì quá tham đắm nẻo ái ân, nên ly biệt thì âu sầu, khóc lóc bi thương, chính là cái hoạn từ sự ưu phiền. Có hội hợp ắt phải có chia ly, đã có chỗ yêu thương thì tất phải dẫn đến sự sầu khổ.

Lúc ấy người kia nghe được những lời dạy của Đức Phật, trong lòng bỗng nhiên hiểu rõ: Cuộc sống là vô thường, ba đời như là huyễn ảo. Vị ấy liền thọ giới với Đức Phật rồi cúi lạy ra về.

Kinh 16: Đức Phật Thuyết Giảng Về Quan Điểm Của Các Vị Tỳ-kheo.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở khu tòng lâm Việt kỳ âm thanh cùng với các vị Tỳ-kheo tôn túc. Tất cả những bậc Thánh hiền ấy đều đạt các thần thông, tuổi đã cao, đó là: Hiền giả Xá-lợi-phất, Hiền giả Đại Mục-liên, Hiền giả Ca-diếp, Hiền giả Ly Việt, Hiền giả Bân-nậu-văn-đà-phất, Hiền giả Tu-bồ-đề, Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả Ưu-ba-ly, Hiền giả Ly Cấu, Hiền giả Danh Văn, Hiền giả Ngưu Thi, Hiền giả La-vân, Hiền giả A-nan, đại thể có các Hiền giả như thế cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm người.

Lúc bấy giờ, Hiền giả Mục-kiền-liên và các vị đệ tử lớn của Phật thấy trời gần sáng nên từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Hiền giả Xá-lợi-phất. Khi ấy, Hiền giả Xá-lợi-phất từ xa trông thấy các vị đồng môn của mình kéo nhau đến đây, liền tới chỗ Hiền giả Ly Việt, nói:

– Này Ly Việt, hãy ra xem Đại Thánh chúng đang cùng đi đến, có Mục-kiền-liên và nhiều vị nữa!

Hiền giả Ly Việt cùng lúc đó đi tới chỗ Hiền giả Xá-lợi-phất, tay cầm cái quạt, tự nghĩ: "Đông đảo chư vị cùng tới chỗ Hiền giả Xá-lợi-phất để làm gì? Hôm nay có lẽ nhân việc Hiền giả Xá-lợi-phất cùng các vị Đại đệ tử được nghe Đức Phật thuyết giảng đạo pháp, đồng lòng muốn gặp nhau trong một lúc."

Khi Hiền giả Xá-lợi-phất gặp gỡ các vị đại đệ tử của Đức Phật, liền bước tới thăm hỏi, mừng Hiền giả A-nan và nói:

– A-nan này! Hiền giả đến đây thật tốt quá! Hiền giả đã dốc lòng cung kính, làm thị giả Đức Phật, gần gũi Đức Thế Tôn, được nghe Ngài nêu giảng rõ về Thánh giáo, vậy xin hỏi Hiền giả A-nan những chỗ lòng tôi còn hoài nghi! Nơi tòng lâm Việt kỳ âm thanh ấy có an vui chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí, khung cảnh luôn khiến lòng người thích thú. Thế thì chư vị Tỳ-kheo ở trong tòng lâm đó phải thể hiện cái đức cao nhã ra sao?

Hiền giả A-nan đáp:

– Phải thường dùng thời gian thích hợp tu tập đầy đủ các hạnh, phân tích giáo nghĩa để thấu tỏ chỗ vi diệu, tịnh tu phạm hạnh, phát hiện được nhiều điều, thành tựu nhiều việc, đạt tới chỗ nghe biết rộng rãi, hiểu rõ được giáo pháp, tâm ý mở mang, vui trong chánh kiến, rồi vì bốn chúng mà giảng thuyết kinh điển, lời giảng nói giản dị nhưng phải nêu được các điều cốt yếu, cứu vớt các mối âu lo của chư vị tu tập nơi đồng vắng, hang sâu. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, các vị Tỳ-kheo ở nơi tòng lâm Việt kỳ âm thanh là như thế!

Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi Hiền giả Ly Việt:

– Ý Hiền giả thế nào! Lời biện giải đầy trí tuệ của Hiền giả A-nan như tiếng rống của sư tử, nay xin hỏi Hiền giả Ly Việt, Hiền giả thấy đó, tòng lâm Âm thanh thật an lạc hết mực chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, tỏa hương thơm phức, không khí luôn êm dịu đem lại sự hứng thú cho lòng người, vậy các Tỳ-kheo ở trong tòng lâm ấy phải thể hiện đức cao nhã ra sao?

Hiền giả Ly Việt trả lời:

– Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, giả sử có vị Tỳ-kheo sống ở chốn thanh vắng, yên ổn, vui riêng một nơi, luôn dứt hết những nhớ tưởng về gia đình, không còn ái dục, sống giữa mọi người mà không phóng túng, không ưa đùa cợt, thường thể hiện sự điềm tĩnh, an nhiên, tâm không rối

loạn, chí tại hạnh không tịch. Các vị Tỳ-kheo ở tại tòng lâm Việt kỳ âm thanh nên biểu lộ cái đức cao nhã như thế đấy.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi Hiền giả A-na-luật:

– Theo ý của Hiền giả thì thế nào? Ở nơi tòng lâm Âm thanh là vô cùng an lạc chăng? Uy thần vòi vọi, cây cảnh hoa trái um tùm, sum suê, hương tỏa thơm lừng, không khí luôn êm dịu khiến lòng người hứng thú. Vậy thì các vị Tỳ-kheo ở nơi tòng lâm đó nên thể hiện cái đức cao nhã của mình như thế nào?

Hiền giả A-na-luật đáp:

– Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, theo ý tôi thì nếu như vị Tỳ-kheo chứng được Thiên nhãn, có được cái nhìn, nhận thức thấu suốt, thì đạo nhãn ấy phải thanh tịnh, thấy được cả cõi Trời, người, cũng như các quốc độ của chư Phật trong Tam thiên đại thiên thế giới không hề bị ngăn ngại. Ví như có người với đôi mắt sáng tỏ, lên chốn lầu gác cao, từ trên cao nhìn xuống dưới thấp, tất trông thấy rõ mọi nẻo đi lại, ra vào, lui tới cùng dân chúng sinh sống, dừng nghỉ nơi những khu dân cư của họ. Nói chung là Tỳ-kheo có được Thiên nhãn, nhận thức về ba cõi không hề bị trở ngại. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, các vị Tỳ-kheo ở tòng lâm Âm thanh nên thể hiện đức cao nhã đặc biệt như thế.

Hiền giả Xá-lợi-phất hỏi Hiền giả Đại Ca-diếp:

– Theo ý của Hiền giả thì thế nào? Sống tại tòng lâm Việt kỳ âm thanh là vui thích lắm chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí êm dịu làm khoan khoái lòng người, nên các vị Tỳ-kheo ở trong tòng lâm ấy phải thể hiện cái đức cao nhã như thế nào?

Hiền giả Đại Ca-diếp đáp:

– Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, giả sử có thầy Tỳ-kheo tự mình ở nơi chốn thanh vắng, tịch tĩnh và khuyên người khác sống theo nếp sống như mình, tự tu theo Thánh hiền và khuyên người tu tập đúng theo nẻo ấy, tự mặc các y phục thô xấu và khuyên người cũng ăn mặc giản dị như thế, mong cầu và khuyên người cũng noi theo hạnh đó, tự thân mình ham chuộng sự tịch tĩnh, an nhiên và khuyên người cũng chuộng theo nẻo ấy, bản thân mình luôn tinh tấn và khuyên người cũng dốc tinh tấn, bản thân mình dốc chế ngự tâm vọng và khuyên người cũng dốc chế ngự như mình, bản thân mình thường được ý định và khuyên người cũng gắng tạo được ý định, bản thân mình chuyên cần tu tập và khuyên người cũng thực hành như mình, bản thân mình có được đầy đủ Giới, Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến và cũng dốc khuyên người đạt được như vậy, bản thân

mình giáo hóa, khuyến khích chúng sinh lãnh hội được diệu nghĩa của chánh pháp. Giảng kinh, nói pháp để khai thị giáo hóa mọi người không biết nhàm chán thì cũng khuyên người cùng làm như mình. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, các Tỳ-kheo ở tòng lâm Việt kỳ âm thanh nên thể hiện cái đức cao nhã như thế.

Hiền giả Xá-lợi-phất lại hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên:

– Theo ý Hiền giả thì thế nào? Sống ở nơi tòng lâm Âm thanh thật là hết sức an lạc chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, êm dịu làm khoan khoái lòng người, vậy các Tỳ-kheo ở nơi tòng lâm ấy phải thể hiện cái đức cao nhã ra sao?

Hiền giả Mục-kiền-liên đáp:

– Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, giả sử có thầy Tỳ-kheo đạt được thần túc lớn lao, hiển bày uy lực vô lượng của bậc Thánh ung dung khắp chốn. Với thần túc như thế thì luôn tự tại theo ý, biến hóa, thị hiện thiên hình vạn trạng, từ một thân có thể biến đến nhiều vô kể thân rồi hợp lại làm một, đối với mọi thứ tường vách, núi chằm, khe hang đều vượt qua thông suốt, không hề bị trở ngại, vô không dấu, ra không vết, chui vào lòng đất rồi trở ra ví như người bước vào trong nước, đi trên nước mà không chìm, khác nào đi trên đất liền. Ngồi kiết già ở giữa hư không giống như chim bay. Thân phát ra ánh sáng rực rỡ như vầng lửa lớn. Từ trong thân có thể tuôn nước ra như suối chảy mà không hề bị thấm ướt, ví như mặt trời, mặt trăng, uy thần tỏa rạng chiếu khắp thiên hạ, từ dưới đất đưa tay lên là sờ bắt được mặt trời, mặt trăng, có thể biến hóa thân lớn đến trời Phạm thiên. Thưa Hiền giả Xá-lợi-phất, các vị Tỳ-kheo ở nơi tòng lâm Việt kỳ âm thanh nên thể hiện cái đức cao nhã như thế.

Bấy giờ, Hiền giả Mục-kiền-liên hỏi Hiền giả Xá-lợi-phất:

– Còn ý Hiền giả thì thế nào? Sống tại tòng lâm Âm Thanh ấy là vô cùng an vui chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí êm dịu làm khoan khoái lòng người, vậy các vị Tỳ-kheo ở tòng lâm đó nên thể hiện cái đức cao nhã như thế nào?

Hiền giả Xá-lợi-phất đáp:

– Giả sử có vị Tỳ-kheo luôn chế ngự tâm, đạt được tự tại chẳng còn bị thân sai khiến, tự ở nơi phòng mình thực hiện pháp Tam-muội, chánh thọ, chỉ trong khoảnh khắc tâm ý phát khởi, từ sáng sớm đến cả ngày, cả đêm, người nhập định luôn nhất tâm định ý từ nửa đêm về sáng, mọi hành động của mình được tự do, hiện bày đầy đủ sự tự tại, không hề bị ngăn ngại, cản trở. Ví như trong một gia đình Trưởng giả, đối với đứa con yêu quý

luôn được tắm rửa sạch sẽ, mặc áo mới mẻ, đẹp đẽ, những điều cần theo ý muốn đều đầy đủ như muốn mặc áo gì, muốn các thứ châu báu anh lạc, hương hoa, kỹ nhạc, không một thứ gì bị thiếu thốn. Từ sáng sớm, suốt cả ngày đến đêm, những điều mong muốn về phục sức, quần áo, giường chõng, đồ nằm ngồi…, tất cả đều được tự tại. Thưa Hiền giả Mục-kiền-liên, người tu thiền định phải chế ngự vọng tâm, không buông theo ý tán loạn, từ sáng sớm, suốt cả ngày người nhập định luôn không để cho tâm ý bị tăm tối! Từ nửa đêm về sáng, các pháp thiền định Tam-muội sẽ theo ý muốn của người tu định, theo chỗ quán tưởng của họ đều được tự tại. Vị Tỳ-kheo ở tòng lâm Âm thanh thể hiện cái đức cao nhã như vậy.

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất nói với Hiền giả Mục-kiền-liên:

– Hiền giả đã nói rồi, chúng ta mỗi người đều đã trình bày hết quan điểm của mình, tùy theo biện tài của từng vị, thảy đều đã nói lên hết mọi ý tưởng của mình, vậy chúng ta cùng nhau đến thẳng chỗ Đức Phật đại thánh để trình bày sự việc này, nếu như Đức Phật có dạy bảo điều gì thì chúng ta sẽ theo đấy mà thực hành.

Hiền giả Mục-kiền-liên nói:

– Vâng, xin theo ý kiến của Hiền giả.

Rồi thì các vị cùng đến chỗ Đức Phật và Hiền giả Xá-lợi-phất bạch với Đức Thế Tôn:

– Chúng con mỗi người đều đã nói lên những hiểu biết của mình, nay xin trình bày lại với Đức Thế Tôn để có thêm những lý giải gì chăng.

Đức Thế Tôn nói với Hiền giả Xá-lợi-phất về trường hợp của Hiền giả A-nan:

– Lành thay! Lành thay những điều Hiền giả A-nan đã nêu bày! Vì sao như vậy? Là vì các Tỳ-kheo luôn phải rộng nghe, ghi nhớ, giữ gìn chớ để quên! Nếu có thuyết pháp, lời giảng nói trước sau luôn như nhau, đều nói về điều tốt đẹp, nhận rõ được đầy đủ ý nghĩa của giáo pháp, đạt tới chỗ vi diệu, tịnh tu phạm hạnh, để có thể phân biệt được hình tướng của pháp như thế. Nghe rộng, hiểu nhiều, luôn được tự tại trong mọi nhận thức, tâm thanh tịnh, các căn được hàng phục, nhờ đấy mà có được sự thông tỏ, tất vì bốn chúng mà thuyết giảng kinh điển, nêu lên những điểm cốt yếu, làm cho mỗi người đều lãnh hội một cách thấu đạt.

Đức Thế Tôn nói về trường hợp của Tôn giả Ly Việt:

– Hay thay! Hay thay những điều của Hiền giả Ly Việt đã nêu lên! Tại sao như vậy? Là vì nếu như vị Tỳ-kheo sống ở nơi thanh vắng, hành động sẽ được tịch tĩnh, an nhiên, tâm luôn được thanh tịnh, từ đó phân biệt

rõ được diệu lý không, vô.

Đức Phật nói về trường hợp Hiền giả A-na-luật:

– Hay thay! Hay thay những điều Hiền giả A-na-luật trình bày! Tại sao như vậy? Là vì hiện nay Thiên nhãn của ông đã có thể nhìn thấy tất cả cõi Phật trong Tam thiên đại thiên thế giới, như ở trên lầu cao nhìn thấy rõ mọi người bên dưới.

Đức Phật nói về trường hợp của Tôn giả Ca-chiên-diên:

– Này Ca-chiên-diên, hay thay những điều trình bày của ông! Tại sao như thế? Là vì những kiến giải của ông về Tứ diệu đế là hoàn toàn thích hợp, không chút hồ nghi.

Đức Phật nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Hay thay! Hay thay! Này Hiền giả Tu-bồ-đề, ông đã có thể giải bày về pháp Không và lấy diệu nghĩa của pháp Không làm căn bản.

Đức Phật nói với Hiền giả Ngưu Thi:

– Này Ngưu Thi, hay thay! Hay thay những điều ông đã trình bày! Tại sao như vậy? Là vì những kiến giải rõ về việc sợ chán cái khổ của sinh tử để vui với Niết-bàn giải thoát.

Đức Phật nói với Hiền giả Bân-nậu:

– Lành thay! Lành thay! Ông đã phân biệt được diệu nghĩa của kinh điển, diễn nói giáo pháp của Phật.

Đức Phật nói với Hiền giả Ưu-ba-ly:

– Hay thay! Hay thay! Ông Ưu Ba Ly, ông đã phân biệt được về tội, phước, để từ đấy quyết vâng giữ tu tập theo giới luật.

Đức Phật nói với Hiền giả Ly Cấu:

– Hay thay! Hay thay! Ông Ly Cấu, ông đã dứt trừ được mọi tội lỗi từ ba độc, chứng được ba cửa giải thoát.

Đức Phật nói với Hiền giả Danh Văn:

– Hay thay! Hay thay! Ông Danh Văn, ông đã chuyên tu các đức lành, từ đấy hóa độ mọi người.

Đức Phật nói với Hiền giả La-vân:

– Hay thay! Hay thay! Ông La-vân, ông đã dốc gìn giữ giới cấm, không hề có chỗ sai phạm.

Đức Phật nói với Hiền giả Đại Ca-diếp:

– Hay thay! Hay thay! Hiền giả Ca-diếp, ông vui sống nơi chốn thanh vắng, cùng khuyên người khác cũng sống theo hạnh ấy. Lấy mười hai sự

việc để thường tự tu thân, rồi cũng khuyên người ta tu tập theo con đường đó.

Đức Phật nói với Hiền giả Mục-kiền-liên:

– Hay thay! Hay thay! Này Hiền giả Mục-kiền-liên, ông đã đạt được vô lượng thần túc lớn lao, luôn được tự tại, có thể hóa một thành vạn, hóa vạn thành một, có thể sờ chạm đến mặt trời, mặt trăng, thân biến to cao đến cõi trời Phạm thiên.

Đức Phật nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

– Hay thay! Hay thay! Này Hiền giả Xá-lợi-phất, sáng sớm, ban ngày, buổi tối người đều chuyên thiền định, nửa đêm về sáng đạt được Tam-muội chánh định, thường được tự tại, như con ông Trưởng giả tắm gội sạch sẽ xong mặc áo quần đẹp, trang sức các thứ châu báu, anh lạc… ngày đêm ba thời, muốn gì thảy đều được nấy.

Đức Phật bảo với các vị Tỳ-kheo:

– Các vị mỗi người đã nói lên cái nhận thức hiểu biết của mình, thảy đều rất thuận hợp với đạo pháp, không có chỗ nào sai trái. Bấy giờ thì các vị hãy lắng nghe lời nói của Ta.

Thế nào, các vị Tỳ-kheo, ở nơi tòng lâm Âm thanh rất là an lạc chăng? Uy thần lồng lộng, hoa trái sum suê, hương tỏa thơm phức, không khí êm dịu làm khoan khoái lòng người, vậy tại Tòng Lâm ấy các vị Tỳ-kheo phải luôn thể hiện cái đức cao nhã. Từ nơi đó, sáng sớm, các vị Tỳ-kheo mang y bát đi vào làng xóm. Nếu ở tại nước khác, ngụ bên gốc cây thì sáng sớm cũng mặc y mang bát vào những thôn ấp của nước đó. Nếu vào nơi các làng xóm, thì phải luôn luôn thu nhiếp giữ gìn các căn, sau khi khất thực rồi, ăn cơm xong, thì xếp cất y bát, rửa chân tay, ngồi xếp bằng một mình ở nơi yên tịnh, thân hình phải ngay ngắn, tâm an định quán tưởng: trong đời, tất cả đều vô thường. Lòng tự suy nghĩ: "Như thân ta đây, các lậu hoặc được đoạn trừ hết, tâm ý thông mở thì mới rời khỏi chỗ ngồi này, còn nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ hết thì quyết không rời khỏi chỗ ấy. Ở tòng lâm Âm thanh, các vị Tỳ-kheo phải làm được như thế thì mới thể hiện đầy đủ cái đức cao nhã đặc biệt của mình.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền nói bài kệ:

Pháp vi diệu giữ gìn biết rộng
Phân nghĩa kinh giải rõ phép mầu
Vì nhiều người thuyết giảng nghĩa sâu
Có chí nhàn cư vui độc tọa.
Trong tự tu thân, ngoài khuyến hóa

Ngăn chấp trước, thân vui đạo thiền
Tu theo lời dạy của Thế Tôn
Ngồi bên gốc cây nơi yên tĩnh.
Lòng không tham đắm, mắt thanh tịnh
Dứt bốn trăm tư bệnh của thân
Nhìn thấy ngần ấy loài chúng sinh
Sống yên bên cây, đức như thế.
Giống như sư tử sống trên núi
Nương cảnh tịch tĩnh một mình thôi
Biết đủ, giải thoát, dạy tùy loài
Sống nơi yên tĩnh, đức như thế.
Như ở trên trời, cung Phạm thiên
Hoặc Kiền-đạp-hòa và thế gian
Làm cho tất cả không ngại ngăn
Sống yên bên cây, đức như thế.
Đem trí tuệ mầu cứu thế nhân
Lòng được tự tại, định các căn
Bỏ hết các ác, biết đủ thân
Sống yên bên cây, đức như thế.
Các vị thượng nhân thuyết vi diệu
Mỗi người giảng pháp theo sở tri
Hay thay, diễn giảng đúng không sai
Đến gặp Thế Tôn xin tôn ý.
Bậc Thiên Trung Thiên không ngăn, bỏ
Âm thanh như Phạm âm, tôn quý
Các thần thông ấy bình đẳng hơn
Tôn sư kịp thời mở cửa tuệ.
Thế Tôn nói rằng: "Trừ mây tối"
Nhân hưng chánh giáo, nghe lời Ta
Những việc các thầy nên hành hóa
Sống yên bên cây, bày đức nhã.
Chuộng pháp nhiệm mầu, ưa ít dục
Tâm hành phân biệt phải cao siêu
Mặc áo, mang bình đủ uy nghi
Đi như chim lượn giữa hư không.
Như pháp diệu này ai tu chứng
Thánh dứt ganh ghét, không mưu hại
Trừ sạch cấu uế, đạt tịch nhiên

Sống yên bên cây, đức như vậy.

Đức Phật thuyết giảng như thế, các vị đệ tử, các chúng Trời, Rồng, Quỉ, Thần, A-tu-la nghe kinh thảy đều hoan hỷ.

Kinh 17: Đức Phật Thuyết Giảng Về Tôn Giả Ca-chiên-diên Nói Về Vô Thường.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước A-hòa-đề. Lúc bấy giờ, Hiền giả Ca-chiên-diên nói với các vị Tỳ-kheo:

– Này các vị Hiền giả, hãy lắng nghe: Tất cả cái gì có hội hợp đều phải có chia lìa, hễ có khỏe mạnh thì phải có bệnh tật, đã trẻ thì phải già, dù có sống lâu rồi cũng phải chết. Như giọt sương buổi sáng trên cành hoa, mặt trời lên phải tan, thế gian quả là vô thường.

Cũng lại như vậy, tuổi trẻ cường tráng nhưng không thể tồn tại mãi được, giống như mặt trời mọc lên soi sáng khắp thiên hạ, nhưng rồi chẳng bao lâu lại lặn mất. Này các Hiền giả, đời sống là như vậy, có hội hợp thì có biệt ly, người có sinh thì phải có chết, hưng thịnh ắt suy bại, tất cả vạn vật đều vô thường, hư hoại và trở về mất hết, như trái cây đã chín, đành phải chịu cái buồn rụng rơi. Vạn vật là vô thường.

Cũng lại như vậy, có hội hợp phải có chia ly, có hưng ắt có suy, giống như người thợ gốm làm các đồ sành, sứ, làm ra các đồ dùng rồi thì hư vỡ. Này các Hiền giả, như vậy đó, có hội hợp phải có chia ly, có hưng ắt có suy, có sinh ra ắt phải có chết đi. Ân ái, biệt ly, những điều mong cầu, ái mộ không bao giờ được như ý. Khi có điều xấu ác, quái lạ ứng hiện thì bệnh tật phát sinh, các căn lâm nguy, thân thể bị bệnh thì thân mạng đã gần kề cái chết, xương thịt rã rời, mất hết mọi an ổn. Bị bệnh nặng khốn thì luôn bực dọc không nói được, cơ thể đau đớn cùng cực, uống nước không trôi, thuốc thang hết hiệu nghiệm, bùa chú hết linh ứng, tất cả mọi biện pháp giải trừ đều vô hiệu, thầy thuốc bó tay phải chạy, cuối cùng phải mạng vong. Tánh mạng đến hồi đau đớn nguy kịch thì có những chuyển biến. Khi mạng sống sắp hết thì có sáu nỗi thống khổ, chịu bao độc hại đau đớn hành hạ, các thứ khổ hoạn đều tụ về nơi thân, mình không muốn mà tự nhiên chúng cứ ào tới. Rồi lấy hơi lên, hoặc tắt không thông, chỉ có hơi ra mà không có hơi vào, rồi thở ra hít vào cũng dứt luôn, các kinh mạch đều dừng. Hoặc ốm đau gầy mòn, hết dáng vẻ sống, nằm ngồi phải nhờ người đỡ vịn, người cũng thường cho ăn uống, thuốc men, nhưng cháo gạo chỉ ngậm đấy

không tiêu hóa được rất là khổ sở, muốn vói lên hư không, vả mồ hôi trắng, hét lên thất thanh, xuất ra các chất dơ bẩn, thân lại nằm lên trên, rồi chết. Khi hồn đi hết, người ta mang xác ra bỏ ngoài bãi tha ma, hoặc đem hỏa táng, thân thể thối rữa, không còn biết gì, chim chóc bay đến mổ rỉa, xương cốt đầu mình tay chân vương vãi ra đấy, gân nối đứt lìa tiêu ra tro đất, tất cả đều là vô thường. Đang lúc này đây, thân hình hiện ở đâu? Đầu, mình, tay, chân rơi vãi chốn nào? Lúc mới chết, đem ra nghĩa trang, cha mẹ, anh em, vợ con đều đi theo thương tiếc, thân bằng quyến thuộc cũng lại như vậy, thảy đấm ngực khóc lóc, ưu sầu, thương tiếc lắm thay! Khi thi thể đã chôn rồi, ai về nhà nấy, không ai có thể cứu được, chỉ riêng thân mình chịu cảnh bị chôn bỏ dưới đất, như sành, như đá, không nghe được sắc, thanh, hương, vị, cảm giác êm dịu cùng năm dục cũng chẳng biết gì. Do đã rõ thân là vô thường, nên phải phụng dưỡng cha mẹ, cung kính Sa-môn và các Đạo sĩ, bố thí, trì giới, chay tịnh, luôn nghiêm túc giữ giới cấm dốc tu tập. Đi lại, đưa đón đều cúi đầu, chắp tay làm lễ quy ngưỡng. Này các vị Hiền giả, phải nên xem xét, quan sát thật kỹ vấn đề này, phải luôn tâm niệm về vô thường, khổ, không và vô ngã.

Lúc ấy, Hiền giả Ca-chiên-diên đọc bài kệ:

Đã thấy như thế thật đáng sợ
Cầu đặng thân người có dễ đâu
Phải tinh tấn cứu lửa cháy đầu
Đoạn trừ khổ lụy nên an tịnh.
Chư Phật ngày xưa thường tinh tấn
Dứt mọi tôi - ta và phóng dật
Gặp phải được - mất khổ rất nhiều
Sinh tử, địa ngục, khổ càng dữ.
Lòng nơi ái dục, không làm ác
Hàng phục các căn nên nêu bày
Không được vọng tưởng, nghĩ không hay
Đến được tịch nhiên, phá được giặc.
Không được nghĩ rằng: của ta thật
Quả không của ta, không ta tất
Không được ỷ thế, không trọng người
Nhiếp phục thân tâm trước sự đời.
Thường phải biết thân và xấu hổ
Coi thường thân mạng không tham chấp
Không nên chìm đắm trong nẻo ác
Cẩn thận chớ làm, gặp khổ thêm.

Cảnh giới Diêm-la lại đừng đến
Với cha mẹ phải thường hiếu thuận
Tích công đức dành để kiếp sau
Phải nên sớm theo đường Hiền thánh.
Chớ nên cầu an mà phạm ác
Không theo tà giáo, hành độc dữ
Xem đó nên thường bố thí thêm
Bỏ hết ái dục và lỗi lầm.
Sau đấy mới mong nơi cha mẹ
Vợ con, quyến thuộc và bằng hữu
Theo lời Phật dạy, chẳng trái sai
Làm điều giá trị cho tương lai.
Giả sử có bệnh cầu cha mẹ
Vợ con, quyến thuộc và bằng hữu
Nhờ họ cứu giúp không thể được
Công đức, trí tuệ do ta tạo.

Hiền giả Ca-chiên-diên đã vì các vị Tỳ-kheo mà thuyết giảng như thế, các vị Tỳ-kheo đều hoan hỷ nhận lấy những điều chỉ dạy.

-oOo-

Kinh 18: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Hỏi Đáp Cho Trưởng Giả Hòa Lợi.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Na-nan, ở trong rừng Ba-hòa-nại cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị.

Bấy giờ, Trưởng giả Hòa Lợi đến thẳng chỗ Đức Phật, cúi đầu làm lễ rồi ngồi sang một bên. Đức Phật bảo vị Trưởng giả:

– Ta muốn hỏi ông, giả sử có bọn ma và quyến thuộc của chúng cùng vô số người ngoại đạo đến đây chất vấn ông và ông phải đáp lại. Vậy ông hãy lắng nghe và suy nghĩ cho kỹ.

Vị Trưởng giả thưa:

– Thưa vâng, Thế Tôn, con nguyện vui lòng lắng nghe.

Liền đó, Trưởng giả và đại chúng vâng theo lời dạy và cùng nghe. Đức Phật bảo vị Trưởng giả:

– Sao gọi là đầu mối lớn lao?

Vị Trưởng giả đáp:

– Thưa Thế Tôn, đầu mối lớn lao có bốn thứ. Một là địa đại, hai là

thủy đại, ba là hỏa đại, bốn là phong đại. Đó là bốn đầu mối lớn của sự vật.

Đức Phật nói:

– Sao gọi là địa đại?

Thưa:

– Gọi thế vì có năm đặc điểm: Đứng vững, rắn chắc, không mềm, thô cứng, có thể qua lại được.

Đức Phật nói:

– Hay thay! Hay thay! Này Trưởng giả, ông có nhận xét rõ về các đặc điểm của địa đại đều vĩnh viễn không hiện ra chăng?

Trưởng giả đáp:

– Thưa Thế Tôn, thân con có thể biết về địa đại, nhưng khi diệt mất thì không thể biết được.

Đức Phật nói:

– Hay lắm!

Lại hỏi:

– Sao gọi là thủy đại?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, thủy đại có năm đặc điểm: Thấm ướt, lưu thông, mềm mại, vụn nhỏ, không có hình dáng, cũng như cái lưới rộng lớn trùm khắp đến các gạch nối.

Đức Phật nói:

– Này Trưởng giả, hay lắm, hay lắm! Thế ông có thể biết thủy đại khi diệt mất thì không biết về đâu chăng?

Thưa:

– Bạch Thế Tôn, đã biết tất cả đều quy về vô thường thì vĩnh viễn không thật.

Đức Phật bảo vị Trưởng giả:

– Sao gọi là hỏa đại?

Trưởng giả thưa:

– Nó là thứ ấm áp, có thể làm cho con người nóng lên, tạo sự tiêu hóa, có thể thiêu đốt, thuộc loại chiếu sáng.

Đức Phật nói:

– Này Trưởng giả, hay lắm! Vậy ông có thể biết hỏa đại diệt hết thì lại không còn hiện ra chăng?

Thưa:

– Con có thể biết cái gì vô thường, quy về diệt tận thì không còn hiện ra.

Đức Phật bảo vị Trưởng giả:

– Sao gọi là phong đại?

Trưởng giả thưa:

– Phong đại có năm đặc điểm: Nó là thứ lạnh lẽo, nhẹ nhàng, nhanh nhạy, có chỗ thổi thông, ra vào thuận lợi tạo ra tiếng vang.

Đức Phật nói:

– Hay lắm! Hay lắm! Vậy ông có thể biết phong đại đột nhiên biến mất lại không hiện ra chăng?

Đáp:

– Thưa Thế Tôn, có thể biết được phong đại tự nhiên mất hết.

Đức Phật nói:

– Hay thay! Hay thay! Này Trưởng giả.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

– Há chẳng nhìn thấy âm thanh tịch tĩnh của các đại kia chăng?

Đáp:

– Thưa vâng, đã biết âm thanh của các đại kia bình đẳng như đã gọi, đó là bốn đầu mối lớn lao.

Đức Phật hỏi: Bốn đại làm sao tồn tại?

Đáp: Dựa vào tham dục, ăn uống, ân ái mà tồn tại.

Lại hỏi: Bốn đại kia nương dựa như thế nào?

Thưa: Chúng lần lượt nương dựa vào nhau.

Lại hỏi: Cái nhắm hướng đến của bốn đại là gì?

Thưa: Cái nhắm đến là sắc và các nhập.

Lại hỏi: Chỗ quy về của các nhập là gì?

Thưa: Chỗ quy về của các nhập là phiền não, tội lỗi.

Lại hỏi: Phiền não, tội lỗi do cái gì?

Thưa: Bạch Thế Tôn, do thức và thân, mỗi mỗi tự chia khác, tự ly tán.

Lại hỏi: Khi mạng hết, thân hoại thì hướng tới chỗ nào?

Thưa: Há có chỗ để hướng đến! Thân không tâm ý, thân và thức mỗi mỗi riêng biệt.

Lại hỏi: Này Trưởng giả, tiếp tục lấy cái thức cũ để về với chỗ nhằm hướng đến, hay lại có cái thức khác chăng?

Thưa: Bạch Thế Tôn, không mang theo thức cũ để về với chỗ nhằm hướng đến nhưng không lìa thức cũ, cũng không có thức khác.

Lại hỏi: Này Trưởng giả, làm thế nào nhận biết được các pháp?

Thưa: Thí dụ như, thưa Đức Thế Tôn, mắt nhận thức đều khác thường, tai cũng nhận biết điều khác lạ không cùng hợp với nhau. Như vậy thưa Thế Tôn, cứ như thế mà chìm đắm trong sinh tử mọi sở kiến như vậy là không hề chán, lấy đó mà duy trì thân mạng.

Đức Phật nói:

– Này Trưởng giả, hay thay, hay thay! Nay ông đã đáp được tất cả những điều Ta nêu hỏi, vậy xét rõ chúng là thật, không hư hay là không thật?

Thưa:

– Không thật. Tại sao như vậy? Là vì Đại Thánh đã dạy ở trong thế gian ngã và ngã sở đều không thật, lòng ham muốn và các pháp đều hư. Con nghĩ, thưa Thế Tôn, các sự việc thế tục ấy đều do hư vọng mà có, chưa từng có các pháp thật.

Đức Phật nói:

– Hay thay! Hay thay! Này ông Trưởng giả, giả sử có ai nói: Việc đời đều là hư vọng, thì đấy là điều chưa từng có, là chư Phật nói. Tại sao như vậy? Bởi vì mọi sự việc ở đời đều là hư vọng, không có một cái gì là thật, ở thế gian này, những kiến giải như thế đều là chưa từng có.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, Trưởng giả Hòa Lợi đã nhận lãnh lời dạy và hoan hỷ ra về.

Kinh 19: Đức Phật Nói Kinh Phật Tâm Tổng Trì.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Nậu-đàn-nậu, chỗ bến nước gần bờ biển lớn, Đức Phật ngồi nơi tòa sư tử ở rừng cây, cùng với vô số chư Thiên và quyến thuộc của họ vây quanh, để vì họ thuyết giảng đạo pháp.

Bấy giờ, Đức Phật nói với Thiên tử An Tường Ma-di-hoàn và Tịnh Cư Thân:

– Này các vị Thiên tử, các vị nên biết có một pháp gọi là "Phật Tâm Tổng Trì", trong thời quá khứ, vì bốn bộ chúng, Như Lai Chí Chân Đẳng

Chánh Giác đã thuyết giảng. Mãi đến đời sau này, pháp ấy đã cứu giúp, thu nhiếp ủng hộ tất cả chúng sinh khiến họ tìm về chánh pháp, thu hoạch được những lợi ích thù thắng đặc biệt. Ta sinh đến đời này, nhằm giúp đỡ tất cả, vì các vị Bồ-tát cầu học Đại thừa, đã chịu ân của pháp ấy, khiến đến được khắp cả, tất cả việc làm của họ đều siêu việt khác thường, do đó, Ta nói ra pháp này. Này các Hiền giả, các vị cũng phải thọ lãnh, giữ gìn đọc tụng. Sau khi Ta diệt độ rồi, mãi về đời sau này, bốn bộ chúng, những người cầu học Đại thừa, nghe danh hiệu chư Phật, phải phân biệt thuyết giảng, vì người khác thuyết giảng, tâm luôn nhẫn nhục thì tâm được tự tại. Nghe được tiếng đã là khó, nêu bày được danh hiệu của chư Phật thì phải có đức tánh siêu việt hơn người. Những điều giảng thuyết của Như Lai mà dốc thu nhiếp, giữ gìn là đã đạt được cái nguyện tối thượng và mọi sở kiến đều được tự tại. Nếu có ai muốn nghe pháp "Phật Tâm Tổng Trì" thì phải vì họ mà thuyết giảng.

Toàn hội chúng cùng đáp:

– Thưa vâng, Thế Tôn! Chúng con xin thọ lãnh chánh giáo, như Đức Phật đã nói, trọn đời chẳng dám sai trái, khiến cho lời dạy của Đức Như Lai được truyền đi khắp nơi một cách đầy đủ.

Chúng hội lại hỏi:

– Thưa Thế Tôn, sao gọi là pháp Phật tâm tổng trì?

Đức Thế Tôn đáp:

– Ta nay lần lượt nêu giảng: Pháp đó là sạch mọi cấu nhiễm, lìa cấu uế để tạo được tất cả diệu nghĩa, thảy đều đạt được, chỗ tạo tác công đức của nó là không có bờ bến, ba đời đều bình đẳng, thông suốt tất cả mười phương, gồm đầy đủ các tuệ, thị hiện tất cả các nơi chốn cất chứa, các pháp tự tại, đầy đủ tất cả mọi sự thành tựu, các nẻo hành hóa đều thông đạt, thấu tỏ khắp hết, bỏ tất cả kiến chấp ở trong ba cõi cho đến khắp mười phương đều an nhiên tịch tĩnh, đạt được các cửa giải thoát, nhạn rõ pháp giới, cứu cánh cũng như mọi nương tựa vướng mắc, đều khiến nghĩ đến tất cả các việc đã làm, là nhằm vượt qua cái tâm còn lại, đạt được giải thoát rồi, trừ bỏ hết mọi trói buộc, chuyển chánh pháp khắp trong hư không, bản tánh thanh tịnh, không hề cấu nhiễm, hóa độ ba cõi, bình đẳng cả ba đời: quá khứ, hiện tại và tương lai, đoạn trừ một cách rốt ráo, lìa mọi sở hữu, chứng đạt đạo quả bậc nhất, chỗ hành động như lời nói, mọi việc làm đều thành tựu, đem tất cả lòng đại từ, đại bi đến với tất cả mọi người, không người nào mà không hóa độ.

Đức Phật bảo:

– Này các vị Thiên tử, đó là pháp Phật Tâm Tổng Trì. Vì bốn chúng mà thuyết giảng, cầu đạt Bồ-tát thừa, ai dốc lòng đọc tụng, thân tâm luôn nhớ nghĩ đến, hiểu biết rõ ràng, chắc chắn, người thọ trì kinh này, luôn tưởng nghĩ, thì giống như Đức Như Lai ngự tại đỉnh đầu, nghĩ tới là được thấy những gì có thể thấy. Như có người được nghe thì có thể thuyết giảng kinh pháp. Hoặc có người thọ trì chưa từng bị quên, học đến rốt ráo, sẽ được an trụ nơi đạo pháp, an nhiên tịch tĩnh mà thuyết giảng kinh. Vì vậy mà giảng kinh những điều cần được thọ trì đang được thọ trì, chưa từng nghi ngại. Do đấy, đối với pháp Tổng trì, về những điều được nghe thấy, đều có thể nhẫn nhục, nhờ vậy mà chỗ đạt được rộng lớn như biển. Đạt được pháp Nhẫn bất khởi, thì đối với tất cả các pháp luôn được tự tại, không hề bị ngăn trở, dẫn đến cửa giải thoát đầy đủ như ý. Với pháp hiện tại, đối với giáo pháp của Ta, các vị phải chịu trách nhiệm lớn, phải bỏ hết các gánh nặng khác đi. Các vị Tộc tánh tử ấy đã thấy được Phật, như thấy tất cả, phải nghe theo mà thọ trì. Quán tưởng theo pháp đó, chớ nên chấp vướng vào hình tướng, lại càng không nên hủy hoại và khinh dể!

Thiên tử Ma-di-hoàn bạch với Đức Phật:

– Thưa vâng! Chúng con xin vâng lời dạy, chẳng dám sai trái, phải tuyên giảng truyền bá lời dạy của Đức Như Lai đến cùng khắp, rồi với đời sau, lấy kinh pháp này, vì bốn chúng mà thuyết giảng, còn đối với các vị cầu Bồ-tát thừa thì cũng phải dốc sức phân biệt nhận rõ. Như có người đọc tụng được, còn đối với những người quên thì phải vì họ mà chỉ rõ: "Này các vị Tộc tánh tử, các vị phải nhận biết và lãnh hội pháp này, cùng khiến cho mọi người cũng được lãnh hội để giữ gìn những lời giảng dạy của Đức Như Lai. Chúng ta cũng phải cùng nhau nhận lãnh, thọ trì lời dạy ấy của Đức Như Lai." Những vị Tộc tánh tử như thế là đã hoàn thành được nghĩa lớn.

Đức Phật bảo Thiên tử Ma-di-hoàn:

– Ông phải hết lòng phụng hành như nay đã nêu vì đó chính là giáo pháp của Phật.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, Thiên tử Ma-di-hoàn, chư Thiên cõi trời Tịnh cư, tất cả các vị trong chúng hội, Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Người, A-tu-la nghe kinh thảy đều hoan hỷ.

Đức Phật nói kệ:

Oan gia, giống tri thức
Giả dạng kết bạn thân
Các vua làm nhiều việc

Ngài là chủ đất đai.
Nước kia nhiều quan lớn
Thường sinh chuyện tranh giành
Thường vì nhìn nhau xấu
Do đó nói chú này:

"Đà cơ lị ni – Đà bảo lị ni – Sư Tỳ-kheo – Quy la đà – Đọa kệ đà – Sa du đầu đà âu – A di tỳ đâu ba – Muội đán xí na chiên – Quỵ ly na ba la – Sí đề ni đà bàn ni – Ni phi tán ni – Ma ha man na nâu đà lị na".

Câu thần chú kia chỉ bấy nhiêu, nhưng đối với ta không hề hao tốn của cải, mà thảy đạt được mọi thành tựu. Như trong quá khứ, để có được câu thần chú ấy, phải dùng tay trao nhận, nặng nơi tay chân thì đầu gối được nâng đỡ, nặng ở xương đầu gối thì thường thấy nặng đều khắp, làm cho hông thấy nặng thì khiến cho phần dưới thân thể thấy nặng, ở cổ thấy nặng thì khiến cho con tim thấy nặng. Làm cho bốn bộ chúng đều thấy câu thần chú này là quan trọng thì tất cả đều được bình đẳng, nơi chốn theo đuổi đạt đến, cái vẻ bề ngoài sẽ theo gió tan đi.

"Âu na đề nô – Âu na đề đà – Âu di đề hồ – Âu đề đồ thủ – Phi kiện đà – Sất xà, Sất giả.

Chu đà xà dà – Bà sa đề – Ba sa đàn ni da ế ca di cừu di già la sí – Chu la linh ma ni – A đề đà.

Phù di tiện na y du la đầu – Na sí kỳ đế di – Tỷ xiển đế di – Tát phi na lâu – Di đàn nậu nam mô – Ma ca ni – A đế tỳ da."

Trì chú này thì sẽ được mọi sự an lành và luôn được các Phạm thiên khuyến khích, trợ giúp.

Kinh 20: Đức Phật Thuyết Giảng Về Kinh Thần Chú Bảo Vệ Các Tỳ-kheo.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Thế Tôn du hóa ở phía Đông thành Vương xá thuộc nước Ma-kiệt-đà, ở vùng rừng Nai, gần nơi gò tụ tập của các Phạm-chí, từ đó đi lên phía Bắc, vào hang đá của Đế Thích trong núi Bi-đề.

Bấy giờ, rất nhiều vị Tỳ-kheo mạnh ai nấy chạy vội vã, dáng hốt hoảng chẳng an, giống như đàn cá chạy tán loạn khi gặp người đánh cá chặn lưới vây bắt. Đức Thế Tôn từ xa trông thấy cảnh tượng ấy, nên hỏi:

– Này các thầy Tỳ-kheo, làm gì mà chạy tán loạn, lộn xộn như cá sợ lưới thế?

Thầy Tỳ-kheo thưa:

– Chúng con gặp hoạn nạn, chỗ ở chẳng yên, gặp nhiều thứ nào là giặc cướp, quỉ thần, La-sát, voi, rồng, quỉ đói, sư tử và nhiều loài yêu tinh quỉ mị, không phải người, gấu, dã nhân, đủ các thứ tà ma, bên ngòi nước đầy dẫy bọn quỉ, bọn dùng bùa chú độc hại.

Đức Phật bảo thầy Tỳ-kheo:

– Ta sẽ vì ông mà nói về pháp cứu giúp, hộ trì tất cả mọi người, ngươi hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, ghi nhớ.

Thầy Tỳ-kheo thưa:

– Con xin lãnh thọ lời dạy của Đức Như Lai.

Đức Phật bảo:

– Những gì là pháp cứu giúp, hộ trì tất cả mọi người? Thần chú ấy như vầy:

"A kha di – Ca la di – Hi lệ hi lệ – Bát bi a la bi – Ma khâu – Phi lại đâu – Ha đầu sa.

Sí câu lê – Nhân đề lệ giả Tỳ-kheo phi âu ta lu di giả la – Nan lâu tại giả la.

A kỳ phá kỳ – A la nhân a la da – Da vật già để bi di a bi."

Nếu không giải thoát được hoàn cảnh ấy thì Ta sẽ giúp để giải trừ vì những người đọc tụng mà ủng hộ, cứu giúp khiến họ được yên ổn, an lành, dứt trừ tai họa. Nếu gặp các đám đạo tặc, quỉ thần, La-sát, bọn dùng bùa chú độc hại, thì trong chu vi bốn trăm dặm, thần chú này sẽ khiến chúng không dám quấy nhiễu. Nếu ai không tỏ ra cung kính, thuận giữ mà còn xúc phạm thần chú này thì đầu sẽ bị vỡ làm bảy mảnh, vì sao như vậy?

Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo:

– Nay Ta xem khắp trên các cõi trời và thế gian, nếu được thần chú này chú nguyện và hộ trì thì trọn đời dứt hết mọi sợ hãi, không còn cảnh rợn tóc lạnh người, trừ phi kiếp trước không biết cung kính, quy y. Những ai dốc thọ trì thần chú của Thế Tôn thì các Phạm thiên tốt luôn khuyến khích, trợ giúp kẻ thọ chú này.

Kinh 21: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Thần Chú Kiết Tường.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa ở thành Xá-vệ, nơi ấy có tên là Chuyển

pháp luân, không gì có thể vượt hơn được. Đất ấy rộng lớn, bao quát, nếu có kẻ đến quấy nhiễu, Đức Phật đều thuyết phục. Nay đang lúc thuyết giảng, các bậc Đại nhân, Thánh hiền đều quy tụ về đó.

Lúc ấy, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Ta vì ông mà nói thần chú là vua của các thứ thần chú, ông phải hết lòng thọ trì vì đây là chú của các Đức Phật đã nói! Khi thực hành phải chí thành, thực hành theo đúng nẻo đạo pháp, thực hành theo mười hai nhân duyên, thực hành theo hàng tháng, hàng ngày, các vị Hiền giả đều thực hành, ngày tháng luôn thực hành. Vậy ông hãy lắng nghe và khéo ghi nhớ.

Hiền giả A-nan thưa:

– Con xin vâng theo lời dạy và lắng nghe.

Thần chú như vầy:

Hưu lâu – Ni lâu – A ca la – Bài la – Mạc ca đát la bạt đề – Ba la linh ba sô a ni tha – Da đề a ni – Da đề a đề tà đề át đế mạt đế lô – Lô la la bạt đề ma na la la ba di trá.

Đây là pháp Tổng trì vô lượng, vua của các ấn chú mà chư Phật đã nói. Phải chí thành mà thực hành, phải đúng theo đường tu tập mà thực hành, theo dấu bình đẳng mà thực hành, phải ngày thực hành, tháng thực hành, ngày tháng đều thực hành, không hề gián đoạn.

Đức Phật nói với Hiền giả A-nan:

– Câu Tổng trì này là câu chú của Phật, là câu chú tôn quý hơn hết, là câu chú phải học, là câu chú của Thánh hiền, là câu chú đem lại diệu nghĩa lợi lạc, là câu chú luôn mang theo bên mình, là câu chú không hề bị trở ngại. Như các vị Tộc tánh tử, Tộc tánh nữ, nếu hội nhập được câu chú này là vào được trăm, ngàn cánh cửa giải thoát, có thể phân biệt để thuyết giảng.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Ở mé Nam núi Tuyết, có vị nữ thần lớn tên là Thiết-đà-lân-ca-ê (Nhiếp Thanh), có năm trăm người con và đám quyến thuộc, nghe được kinh này, liền cùng đứng lên kêu oán: "Than ôi, đau đớn lắm thay! Hỡi ôi! Sao mà dữ dội đến thế! Thân ta vốn lấy cái tinh chất của hàng trăm hàng ngàn người để ăn uống, hại mạng người để phục vụ mình, đến nay thì không làm gì được, không thể xâm phạm nữa! Sa-môn Cù-đàm vì bốn bộ chúng mà nêu bày, hộ trì. Vì sao? Là vì nếu các hàng thiện nam, tín nữ nhận được thần chú này thì những đồng nam, đồng nữ khi vào các quận,

huyện, thôn, xóm trong nước, dốc trì tụng chú kiết tường này thì không có gì có thể nhiễu hại được. Vì sao như vậy? Là vì nay ông Sa-môn Cù-đàm nói thần chú ấy đã xua đuổi bọn phi nhân, diệt trừ các thứ hoạn nạn."

Đại nữ thần ở đây mà thường xuất hiện ở cung ma, bọn ma xấu nói: "Thiên vương nên biết, Sa-môn Cù-đàm, đã lấy sạch cảnh giới của ông rồi. Nay các Thiên vương đều phải mặc áo giáp đồng, dẫn theo cả đám đông cùng binh lính giống như hồi Bồ-tát mới bắt đầu tham thiền bên gốc cây Bồ-đề." Bọn ma liền mặc áo giáp đồng, cùng đám binh lính đến thẳng chỗ Phật.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói với Hiền giả A-nan:

– Đó là đại nữ thần Thiết-đà-lân-ca-ê ở tại phía Nam núi Tuyết, cùng với năm trăm người con đông đủ, từ xa nghe Đức Như Lai nói thần chú Tổng trì ấn chú này mà sợ hãi cuống lên, lông tóc dựng đứng, nên đã huy động tất cả đám quân ma lớn nhỏ cùng các thứ ma khác.

Bấy giờ, bọn ma mặc áo giáp có lông cánh cùng đám quyến thuộc đến thẳng chỗ Đức Thế Tôn, mang theo tâm ý ác độc đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Khi ấy, vị Bồ-tát tên là Hàng Khí Ma đã hàng phục được ma vương, ma quan và đám quyến thuộc, đến thẳng chỗ Đức Phật cung kính đảnh lễ bậc Đại thánh, chắp tay hướng về Đức Phật, bạch Đức Thế Tôn:

– Con đã nhiếp phục, chế ngự được bọn ma và đám quyến thuộc của chúng, gom bọn Đại thần nữ Thiết-đà-lân-ca-ê lại để chế ngự, như thế là chúng chẳng còn dám làm điều sai trái, hoặc nhiễu hại các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, chẳng những không dám hại mà chúng không còn có chỗ để hại nữa. Lành thay! Thưa Đức Thế Tôn, nguyện xin Ngài nói pháp Ấn tổng trì cho bốn bộ chúng để họ đều được sự hộ trì khiến luôn được yên ổn. Xin Đức Phật tăng thêm từ bi làm cho thần chú này phổ cập đến dân chúng khiến cho họ cũng được muôn phần yên ổn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn vì nhằm nói ra thần chú ấy, bỗng mỉm cười. Hiền giả A-nan hỏi Đức Phật:

– Thưa Thế Tôn, vì cớ gì Ngài cười? Chắc phải có ý gì đấy thì Ngài mới cười?

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Ông hãy xem kìa, Bồ-tát Hàng Khí Ma đạo hạnh hết sức thù thắng đặc biệt, đã hàng phục được ma quân, ma vương và đám quyến thuộc, trừ diệt hết tà thuật của Đại thần nữ Thiết-đà-lân-ca-ê, khiến bọn chúng luôn lo sợ nên bỗng nhiên biến mất, không hiện ra nữa.

Đã đến lúc nói về Ấn tổng trì, bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ về Ấn tổng trì này là vua trong các pháp Tổng trì, có thể nhiếp phục tất cả các loại quỉ thần xấu ác cùng các thứ yêu mị, trừ dứt được tất cả mọi sự nhiễu hại. Câu chú Tổng trì ấn vương như sau:

"Phục cưu, Phục cưu, Hưu phù hưu lâu a kì đề."

Đối với các nơi chốn có Quỉ thần, Thần nữ, Cưu hoàn long, Kim sí điểu và các loài thú hung dữ, các thứ yêu mị có ý tìm đến nơi đường đi để giết người, ăn tươi nuốt sống, thì với câu chú ấy có thể khiến chúng phải đi theo con đường sáng suốt, dốc cả tâm ý làm điều thiện, huống chi việc nhỏ nhặt thì không thể ẩn giấu được. Các đức lớn của phép Tổng trì ấy là không hề lựa chọn, phân biệt, không tối tăm mà cũng không có chỗ dứt bỏ. Trong lòng đọc tụng mười sự việc kia dẫn đến cái cười của Ta hôm nay. Đấy là việc phải làm, không hề có chọn lựa.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Thần chú này là câu chú không chọn lựa, câu chú Tổng trì, câu chú không có chỗ tuyển lựa, câu chú yên ổn, câu chú hộ trì, câu chú giúp mọi người không bị quấy nhiễu, câu chú không bị hại, câu chú cấm ngăn chế ngự, câu chú cho mọi người đọc tụng, câu chú làm cho bốn bộ chúng luôn được hộ trì giúp đỡ, Nhân và Phi nhân không thể xâm phạm được, cả những khi ra vào, ngủ nghỉ cũng không ai dám quấy nhiễu. Huống chi Đức Phật đã nói: Ai được nghe chú này cũng đều được an ổn.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, mọi người đều hoan hỷ lãnh hội và lui ra.

□

PHẬT NÓI KINH SINH

QUYỂN 3

Kinh 22: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tổng Trì.

Nghe như vầy:

Một thời, lúc Đức Phật mới thành đạo, Ngài du hóa ở nước Ma-kiệt, trụ chốn pháp nhàn, nơi gốc cây Bồ-đề, cùng với hàng vạn vị Bồ-tát, tất cả đều đã đạt được mọi thành tựu. Như Bồ-tát Phổ Hiền, hành nơi vô nguyện, giải thoát rốt ráo và các vị Bồ-tát như: Bồ-tát Không Vô, Bồ-tát Liên Hoa Tạng, Bồ-tát Bảo Tạng, Bồ-tát Hành Tạng, Bồ-tát Diệu Diệu, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Lực Sĩ Tạng, Bồ-tát Vô Cấu Tạng, Bồ-tát Điều Định Tạng, đại thể có tới một vạn vị Bồ-tát như thế, cùng với số lượng chúng Bồ-tát vô kể nơi một thế giới của chư Phật trong cõi Tam thiên đại thiên, mỗi vị từ cõi Phật khác cùng đến họp mặt nơi chúng hội này. Tới nơi, chư vị đều hóa ra tòa ngồi sư tử, cung kính đảnh lễ Phật xong, thì an tọa nơi tòa sư tử phía trước Đức Phật. Bấy giờ, các vị Đại sĩ Bồ-tát ấy, không còn phân biệt tôi-ta, thảy đều thanh tịnh không chút cáu bẩn, đều suy nghĩ: "Do nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn gì mà chư Phật, Thế Tôn có được cảnh giới không thể nêu bày lượng tính hết được? Do từ cái sở nguyện gốc của chư Phật, Thế Tôn mà có được những sự thù thắng đặc biệt như thế chăng? Do nhân duyên gì mà chư Phật Như Lai đạt được sự cảm ứng như vậy? Sao gọi đó là việc làm không thể nghĩ bàn, hành động không hề bị ngăn ngại? Làm sao mà Đức Thế Tôn đã dứt sạch mọi niệm, tưởng, đạt được những sự việc đặc thù ấy?"

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết các vị Bồ-tát trong lòng đang có những suy nghĩ: Các vị Bồ-tát đang an tọa, chư Phật không có nơi chốn mà luôn thường trụ, các vị ấy muốn hỏi Đức Như Lai về tất cả sự sáng suốt của uy thần của chư Phật và về đức của uy thần ấy luôn tinh tấn không gì vượt hơn được, nhờ đó mà tất cả đã thành tựu, đã hội nhập vào được các pháp Tổng trì của chư Phật, là nẻo giác ngộ rộng lớn của bậc Thánh, tất cả chốn hội nhập ấy là đặc biệt thù thắng như vậy, không chỗ nào bị ngăn ngại, nẻo hội nhập của thân cũng đều như thế. Những người thân cận với chư

Phật, từ bỏ các lỗi lầm, theo đúng giáo pháp chư Phật mà không chấp vào những gì đã đạt được thì thường được yên ổn.

Khi ấy, Bồ-tát Liên Hoa Tạng chứng nhập vào các pháp mà tâm hướng tới không còn những thứ ngăn ngại, chỗ nghĩ về các pháp môn không còn chút ngăn che, hạnh của các vị Bồ-tát là hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền, đó là sự tập hợp đầy đủ các hạnh nguyện. Nếu an trụ một cách thích hợp nơi đó thì chứng nhập được giáo pháp của chư Phật, thấy được Phật trong mười phương, phát khởi tâm đại bi, cứu độ chúng sinh đến cùng, dắt dẫn họ dứt bỏ hết các đường ác. Tất cả các vị Bồ-tát nhờ pháp Định, Tam-muội, mà thấy rõ cõi gốc của mình, nhờ vào trí tuệ của chư Phật mà phát hạnh nguyện đến vô cùng, chúng sinh không ai là không quy phục. Đích cuối cùng của con đường trí tuệ giác ngộ đều nhằm soi tỏ các pháp Tổng trì để phân biệt các nẻo giải thoát trong kho tàng hoa sen vi diệu.

Các vị Bồ-tát ấy đã vâng theo Thánh chỉ của Đức Phật, mỗi người tự nêu bày:

– Chư Phật đã nghe thấu hết, hạnh nguyện của chư Phật Thế Tôn thật là không thể lường hết, biến hóa thật vĩ đại, tùy theo bản tướng của các Ngài, thông tỏ các pháp, biết hết tất cả, chư Phật thật là siêu việt, kỳ lạ, không gì có thể che khuất được. Chư Phật Thế Tôn trùm khắp pháp giới, hội nhập trong pháp giới của các cõi Phật, có hay không có xứ sở, không một chỗ nào bị ngăn ngại. Những gì là mười? Chẳng hạn như Đức Thích-ca tại cung trời Đâu-thuật, thị hiện thọ mạng sau cùng của mình, bỗng nhiên biến mất khỏi cảnh giới ấy, không gì ngăn cản hay chế ngự được, cũng không biết ở nơi chốn nào, đã vào thai mẹ, đủ mười tháng sinh ra, rồi bỏ gia đình mà vui vẻ ra đi tìm đạo, lòng an vui tự tại, đến ngồi bên gốc cây Bồ-đề, tu thành Phật và tích lũy tất cả giáo pháp của chư Phật, chỉ trong khoảnh khắc, Ngài đã thị hiện khắp các cõi Phật, tạo ra sự cảm ứng thể hiện qua các điềm lành, thường chuyển pháp luân, vun trồng và phát huy gốc của công đức, phân biệt theo căn cơ mà giảng giải cho chúng sinh, nên gặp được lúc có Phật thì đủ điều kiện để thành Bồ-tát, chính là do đạo pháp mà thành tựu. Chư Phật Thế Tôn luôn an trụ trong diệu lý "Vô sở trụ", thường ở nơi trí tuệ mà kiến lập nên. Đã là Phật tử, thì không vướng mắc vào xứ sở, nơi chốn, phải thấu đạt diệu lý vô sở trụ. Lại nữa, với Phật tử, các Đức Phật, Thế Tôn có mười điều nêu dạy. Mười điều đó là:

- Giáo hóa tất cả chúng sinh, nhằm đưa họ đến bờ giải thoát.
- Giải trừ hết tất cả những pháp không có trí tuệ.
- Hằng tu tập theo hạnh đại bi.

- Có được mười thứ diệu lực.

- Chuyển bánh xe pháp khắp nơi chốn để giáo hóa mọi người.

- *Điều phục, dẫn dắt chúng sinh để đạt được giác ngộ bình đẳng.*

- Khai mở, chỉ dẫn cho muôn loài khiến đạt được diệu lý "Không chốn trụ".

- Ở đó, tự quay về nương tựa theo nẻo "Vô hành" đối với tướng pháp.

- Đạt được cảnh giới tịch tĩnh, an nhiên.

- Đạt được đạo quả rồi thì quyết giáo hóa cho mọi người khác cũng đạt đến giác ngộ, giải thoát.

Đó là mười điều. Lại nữa, Đức Phật còn có mười việc mau gặp Đức Như Lai. Mười việc đó là: Vừa gặp chư Phật thì những chúng sinh ấy liền:

- Bỏ hết tất cả các nơi chốn hướng về trước đây của mình, chỉ giữ lấy lời dạy trọng yếu của chư Phật.

- Mau chóng có được phước đức cùng quyến thuộc.

- Chóng thọ lãnh được cái gốc của mọi đức hạnh.

- Liền được thanh tịnh, không còn những thua kém, thiếu thốn, dứt hết các hồ nghi.

Vừa gặp được Chư Phật thì tất cả những chúng sinh ấy:

- Được chỉ dẫn con đường đi đến Đại thừa.

- Khiến dứt hết mọi nẻo sợ hãi.

- Liền được thành tựu pháp "Bất thoái chuyển".

- Phân biệt, nhạn rõ căn nguyên của chúng sinh để khai thị, độ thoát cho.

- Giáo hóa khắp thế gian, làm thanh tịnh các căn của chúng sinh.

Vừa gặp được chư Phật Thế Tôn thì mọi chúng sinh liền dứt hết bao thứ che phủ, ngăn ngại.

Đức Phật thuyết giảng như thế, các vị Bồ-tát nghe kinh thảy đều vui mừng lãnh hội.

-oOo-

Kinh 23: Đức Phật Thuyết Giảng Về Thích Tử Sở Hân.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, Sở Hân, con cháu dòng họ Thích (Sở Hân Thích tử) nhiều lần lui tới đây, ra vào không giờ giấc, dựa vào chỗ là đến với họ hàng, nên việc đến, đi của ông thật không thể tính kể, khi thì sáng sớm, lúc thì tối trời, hoặc sớm đến, tối đi. Lúc ấy, các Hiền giả A-nan, Ưu-đà, Bạc-câu-lô… hội họp lại một nơi, gọi ông Thích tử Sở Hân đến bảo:

– Này Hiền giả, sao ông hay đi lại không giờ giấc gì cả thế? Sao ông đến đây, vào ra không theo đúng giờ giấc, đáng ra thì ông phải biết tự điều tiết số lượng đi lại ấy chứ?

Ông Thích tử Sở Hân liền tuông ra những lời thô tục, mắng chửi các vị Hiền giả:

– Các ông là những kẻ vô trí, chỉ biết vọng động quấy rối, không thể tự an, hô hoán ác khẩu. Các ông là hạng lười nhác, chẳng làm gì cho chúng Tăng được hưng thịnh. Ta nay ra vào, thường vì chúng Tăng nghiêm túc bàn luận về những việc phải, các ông không cho đó là công lao ư? Cái chính là vì chúng Tăng có chỗ cần biện luận, chớ nên gọi ta là kẻ hay lý sự. Các Hiền giả nhiều chuyện, tỏ ra quá đáng đối với cá nhân ta, Thích tử Sở Hân này. Vả lại, các ông có chỗ muốn cùng biện luận, thế các ông có biết ta đã biện luận về việc của chúng Tăng ra sao không?

Khi ấy, các vị Tỳ-kheo cùng suy nghĩ: "Ba vị kia thì lời nói dịu dàng, mềm mỏng, uy đức hơn người, dựa vào gốc của phước đức mà thực hiện, nên chỗ đạt đến được rất nhiều, vượt hẳn người kia. Còn Thích tử Sở Hân chỉ là một gã nam tử ngu độn, liều mạng, ngớ ngẩn tự đề cao mình, chỗ mong cầu có vẻ quá đáng nhưng không được như ý muốn."

Vào một ngày khác, Thích tử Sở Hân đến nhà một ông Trưởng giả, được cúng dường một bữa trưa hết sức thịnh soạn. Hiền giả A-nan đến nơi ấy sau nên đã tới nhà ông Trưởng giả khác, dùng lời nói dịu dàng để nêu bày về sự bền chắc của công đức vun trồng từ kiếp trước, lại vì họ mà thuyết giảng kinh pháp, khiến cho mọi người trong gia đình ấy hết sức hoan hỷ. Từ đấy, đi khất thực đến đó, Hiền giả A-nan luôn được cúng dường nhiều, họ tự nguyện bố thí không chút phô trương hay mong cầu gì.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo đem đầu đuôi câu chuyện này thưa rõ với Đức Phật. Đức Phật nói với các vị ấy:

– Đối với bốn người ấy, chẳng phải chỉ đời này mới xảy ra chuyện tranh nhau trong việc khất thực, ở đấy, chỉ có một người được cúng dường ít, còn những người còn lại thì được cúng dường nhiều hơn. Tỳ-kheo A-nan luôn được mọi người khuyến trợ nên thảy đều được yên ổn.

Đức Phật kể:

– Về thời xa xưa đã lâu lắm, ở vùng đất lạ kia, có bốn người rất thân thiết, cùng nhau chung sống một chỗ. Khi ấy, có người thợ săn, bắt được một con nai, muốn đem vào thành để bán. Bốn người này thấy sự việc ấy, liền bàn với nhau: "Chúng ta nên tìm cách đi theo người thợ săn kia để mong có được thịt nai! Thử xem ai sẽ kiếm được nhiều nhất!"

Bàn xong thì bốn người cùng xuất phát ra đi. Lời hỏi xin của người thứ nhất thật thô lỗ mà còn cao ngạo:

– Ê! Người đàn ông kia, hãy cho ta thịt nai ấy đi, ta muốn ăn đấy!

Người thứ hai nói:

– Thưa anh, cho xin một ít thịt, em muốn thưởng thức món thịt đó.

Người thứ ba thưa:

– Vị nhân đức đáng kính, có thể cho bớt tôi một ít thịt ấy, tôi vốn rất thích.

Người thứ tư nói:

– Thưa vị thân thiết, nhân hậu, có thể bỏ bớt đi một ít thịt! Xin thông cảm mà bố thí cho, tôi muốn được ăn lắm vì cả bọn tôi đều đói khát!

Lúc ấy, người thợ săn xét lời nói của bốn người, rồi tùy theo lời của từng người mà dùng kệ đáp lại. Kệ đáp người thứ nhất như sau:

Lời người rất thô lỗ
Thịt nào lại cho ngươi
Nói xin như ra lệnh
Cho ngươi cái sừng thôi.

Ông lại dùng kệ đáp người thứ hai:

Người này thì hay lắm
Gọi ta là huynh đài
Lời kia như thủ túc
Sẵn ta cho một đùi.

Ông cũng dùng bài kệ đáp người thứ ba:

Đem ái kính cho ta
Lòng từ bi bao la
Lời nói như tâm phúc
Lấy tim gan làm quà.

Ông lại dùng kệ đáp người thứ tư:

Lấy ta làm thân thích
Thân kia được hòa đồng

Lời ấy hợp ý lắm
Lấy hết thịt cho ông.

Thế rồi người thợ săn, tùy theo ngôn từ của từng người, hoặc thô vụng, hoặc tế nhị mà cho họ các phần thịt. Khi ấy, có vị trời khen ngợi:

Ngôn từ của nam tử
Dịu ngọt quy về thân
Chớ nói lời thô lỗ
Lợi hại chẳng rời thân.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Người thứ nhất với ngôn từ thô lỗ ấy nay là ông Thích tử Sở Hân, người thứ hai nay là ông Bạt-đà-hòa-lê, người thứ ba nay là ông Hắc-ưu-đà, người thứ tư chính là ông A-nan, còn vị trời nói bài kệ đó chính là bản thân Ta. Ngày trước đã gặp nhau, đến nay cũng như thế.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không vui mừng lãnh hội.

-oOo-

Kinh 24: Đức Phật Thuyết Giảng Chuyện Vị Quốc Vương Và Năm Người Con.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo tôn trưởng, mỗi người đều tự bày tỏ những ý nghĩ từ lòng mình. Hiền giả Xá-lợi-phất, Hiền giả A-na-luật, Hiền giả A-nan, Hiền giả Du Luân và chúng đệ tử năm trăm người đã cùng một lúc lìa bỏ gia đình để học đạo, dứt mọi nẻo tham muốn, chí quyết không màng sự giàu sang ở đời, thảy đều làm Sa-môn.

Lúc ấy, Hiền giả Xá-lợi-phất tán thán:

– Trí tuệ được xem là bậc nhất hơn hết, nhờ đó dứt trừ mọi hồ nghi, hòa giải mọi sự tranh giành, xâu xé, phân biệt rõ được đạo nghĩa, không có chỗ nào là không thông đạt, cũng như trong chỗ tối tăm có được cây đuốc sáng soi tỏ khắp chốn.

Hiền giả A-na-luật tán thán:

– Tay nghề khéo léo chính là người thợ giỏi đối với mọi người, nhờ đó đã đem lại sự thành tựu ở nhiều lãnh vực, thể hiện được biết bao là kỹ thuật tinh xảo, khiến mọi người đều thích thú, cho nên công xảo là hơn hết.

Đến lượt Hiền giả A-nan tán thán về cái dáng vẻ đoan chánh bậc nhất:

– Dung nhan tươi đẹp hơn hết khiến ai thấy cũng đều hân hoan, được mọi người quý trọng, tất cả đều tôn kính như là Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt.

Còn đây là ý kiến của Hiền giả Du Luận:

– Luôn chuyên cần tu tập, chưa từng biếng trễ, đức tinh tấn ấy thật đáng ca ngợi, trong thế gian không ai sánh kịp. Nhờ đó lại có thể đi vào trong biển cả, thành tựu được rất nhiều việc lớn. Như Đức Như Lai Thế Tôn, đã thị hiện sinh vào dòng họ Thích, rồi bỏ đất nước, ngai vàng dốc chí tu tập, thành tựu đạo quả Phật, đoan nghiêm không gì sánh, hình tướng, sắc diện là bậc nhất như mặt trăng trong đám tinh tú, tươi sáng còn hơn cả mặt trời, thân cao một trượng sáu, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tiếng nói vang tỏa khắp tám bộ chúng, nói ra hàng vạn ức âm thanh để giảng thuyết kinh pháp cho các loài trời, rồng, quỉ, thần, người, vật… đều được khai thị, thông tỏ, đều đạt được sở nguyện của mình. Những anh em con chú bác của Đức Phật, tuy mỗi người có tiếng tăm uy tín riêng, nhưng đều quy mạng Đức Phật, xin làm đệ tử của Ngài, công đức của Đức Phật thật không thể nêu bày, xưng tụng hết được. Từ vô số trăm ngàn vạn ức kiếp, Ngài đã tích lũy công đúc, tự tu tập để chứng được quả Phật, rồi vì tất cả mọi người, mà chỉ ra con đường chân chánh.

Tất cả các vị trong chúng hội cùng nhau đến thẳng chỗ Đức Phật, hỏi rõ về nguồn gốc việc này:

– Bạch Thế Tôn, ai là người được xem là bậc nhất. Chúng con đã tụ hội lại và mỗi người đã tự nói lên cái sở trường của mình, mong Ngài minh xét.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Những người ấy chẳng phải chỉ mới đời này tự xưng tán về cái danh dự bậc nhất vô song của bản thân mình, mà đời trước cũng thế. Chỗ quy về của các đời nơi họ thảy đều thuận phục nơi Ta, hết lòng tôn quý Ta. Vì sao như vậy? Về thời quá khứ xa xưa, có một vị quốc vương tên là Đại Thuyền, cõi nước rộng lớn, đất đai mầu mỡ, dân chúng no đủ, các vị đại thần cũng như bá quan đều hết lòng giúp nước. Nhà vua có năm người con: Người thứ nhất có trí tuệ, người thứ hai có tài khéo léo, người thứ ba rất đoan chánh, người thứ tư rất tinh tấn, còn người thứ năm thì đầy đủ phước đức.

Mỗi người con đều tự ca ngợi về chỗ sở trường của mình. Người

con có trí tuệ, ca ngợi cái trí tuệ bậc nhất trong thiên hạ ấy bằng bài kệ:

Trí tuệ là hàng đầu
Hồ nghi giải quyết mau
Phân rõ được nghĩa khó
Giải mọi oán kết lâu.
Hãy dùng quyền phương tiện
Giúp người hiểu được nhau
Mọi người đều hoan hỷ
Cùng ca ngợi ân sâu.

Người con thứ hai ca ngợi tài khéo của mình bằng bài kệ:

Kỹ thuật từ khéo tay
Nhiều việc thành tựu ngay
Máy móc làm người gỗ
Như người thật không sai.
Cử động co duỗi được
Người xem thấy khen hay
Được thưởng ngần ấy báu
Tài đó chính nhờ đây!

Người con thứ ba ca ngợi về sự đoan chánh của mình bằng bài kệ:

Đoan chánh bậc nhất rồi
Sắc hình cũng hơn thôi
Mọi người xem diện mạo
Người gần, kẻ xa xôi.
Đều biết đến tôn kính
Ân cần việc mọi người
Họ thờ như thờ Phật
Vắng mây, rạng mặt trời.

Người con thứ tư ca ngợi sự tinh tấn của mình bằng bài kệ:

Tinh tấn lấy làm đầu
Tinh tấn vào biển sâu
Hay vượt các hoạn nạn
Của báu được rất nhiều.
Lắm tài và dũng mãnh
Do đó, ngại gì đâu
Nghiệp nhà đều nên cả
Bà con mừng kính yêu.

Người con thứ năm ca ngợi về phước đức của mình bằng bài kệ:

Phước đức là tối cao
An nhiên tự tại vào
Giàu sang không bờ vực
Đời đời phước đức gieo.
Phước được làm Đế Thích
Luân vương, Phạm thiên cao
Nếu được thành Phật đạo
Làm Pháp vương đạo mầu.

Mỗi người đã tự nói lên cái sở trường của mình, ai cũng tự cho tài của mình là số một, không có thể quyết đoán được vì không ai chịu phục ai, rồi quay ra nói với nhau:

– Chúng ta mỗi người phải tự thi thố tài đức của mình, thể hiện rõ tướng thật của kẻ trượng phu bằng cách viễn du đến các nước, tới những nước khác ấy thì mới biết được cái thù thắng đặc biệt của ai là hạng nhất.

Bấy giờ, người con có trí tuệ vào được đất nước khác rồi, ông tìm hỏi về dân chúng nước đó lành dữ thế nào, lương thực nhiều ít, sang hèn, giàu có hay nghèo cùng. Ông lại nghe trong nước ấy có hai ông trưởng giả giàu có không ai bì kịp, trước thì rất thân thiết nhau, sau lại bất hòa, bị mọi người đâm thọc xúi bậy, họ lại càng chống đối nhau, trở thành oán thù chất chứa nhiều năm, không thể hòa giải được. Người con có trí tuệ kia liền bày ra một phương sách khéo léo, mang hàng trăm thức ăn ngon lành đến thẳng nhà ông trưởng giả, yêu cầu gặp mặt để dâng tặng. Ông trưởng giả liền ra gặp, người con có trí tuệ bèn dâng hết thức ăn ngon lành đã mang theo cho ông trưởng giả, rồi đem chuyện đã nghe được về ông trưởng giả ấy, từ tốn hỏi han:

– Việc trước kia hai bên mất lòng nhau là do không kịp suy nghĩ, bị kẻ khác đâm thọc nên kết thành oán thù lâu năm, không được gặp gỡ, nói chuyện với nhau, nghĩ rằng đối mặt hầu chuyện là rất khó khăn, cho nên chủ tôi sai tôi mang mấy món ăn uống đến để biếu tặng, xin đại nhân nhận cho, chớ nên quở trách, đây cũng không phải là oán thù truyền đời của cha mẹ, nên chủ tôi sai tôi đến để tỏ rõ ý nhau.

Vị trưởng giả này nghe xong tỏ ra hân hoan, vồn vã:

– Tôi rất muốn hòa giải từ lâu rồi, chỉ tại không có người thân cả hai bên để bày tỏ ý nhau, nay lại tin tôi, khiêm tốn giải bày, thành ý này thật ngoài chỗ mong ước. Tôi xin đón nhận ý nhân hậu ấy và xin thuận theo điều đã nêu bày, chẳng dám trái mạng.

Người con có trí tuệ đã giải hết mọi nghi ngờ của ông trưởng giả,

xong thì từ tạ ra về.

Tìm đến nhà ông trưởng giả thứ hai, cũng lại như vậy, người con có trí tuệ ấy giải bày mọi ý nghĩ như đã nêu rõ với ông trưởng giả trước. Xong rồi, hẹn thời gian và nơi chốn để cả hai gặp gỡ. Lúc ấy, dân chúng tụ họp đông đảo để tham dự việc hòa giải oán cừu, cùng lúc tổ chức nào yến tiệc, nào ca hát tưng bừng, cùng nhau vui vẻ, hai bên hỏi nhau gốc ngọn về ý kiến hòa giải này, mới hay là do người kia khéo bày đặt ra để hòa giải oán thù cũ, kết thân họ lại như xưa. Mỗi người tự nghĩ: "Ta làm mất lòng nhau đã lâu, người trong một nước mà không hòa giải nổi, nay người này từ xa đến đã làm được công việc khó khăn ấy, ân đức này khó mà lường hết, không có lời nào diễn tả trọn vẹn được!" Rồi mỗi người xuất ra trăm ngàn lượng vàng để dâng tặng cho người đã làm công việc hòa giải. Anh ta liền mang của báu ấy về cho anh em, dùng lời kệ khen:

Có đầy đủ ngôn từ
Biện giải thành kinh điển
Bậc Chánh sĩ biết rộng
Rốt ráo được an ổn.
Xem ta dùng trí tuệ
Đạt được báu dường này
Ăn mặc tự đầy đủ
Bố thí rồi còn dư.

Lúc đó, người con thứ hai có tài khéo léo đi đến nước khác, gặp khi quốc vương xứ ấy ham thích các kỹ thuật, anh ta liền lấy gỗ tốt chế tạo một người máy bằng gỗ, hình dạng đoan chánh không khác gì người sống, y phục, dung mạo, trí tuệ không gì so sánh được, có thể làm các việc ca múa, cử động như con người thật. Anh ta có lời ca rằng: "Con trai ta sống đã ngần ấy năm, trong nước thảy cung kính, nhiều nơi đều mang quà tặng cho".

Quốc vương nghe được, ra lệnh cho anh ta biểu diễn tài nghệ của mình. Nhà vua cùng phu nhân lên lầu cao ngồi xem cuộc biểu diễn ấy. Người con thứ hai này đã cho người gỗ do mình tạo ra diễn đủ các mục, ngần ấy động tác còn hơn cả người sống, vua và phu nhân hoan hỷ vô cùng. Nhân đấy anh chàng người gỗ máy bèn nháy mắt đắm nhìn nhan sắc của phu nhân, nhà vua từ xa trông thấy, lòng rất phẫn nộ, liền ra lệnh cho người hầu:

– Chém đầu hắn mang lại cho ta. Tại sao hắn dám nháy mắt nhìn

phu nhân của ta, rõ ràng là có ý xấu, không còn nghi ngờ gì nữa!

Người cha của hắn khóc kể, nước mắt chảy ròng ròng, quỳ dài cầu xin:

– Con chỉ có một đứa con trai, nên rất thương yêu quý mến nó, ngồi đứng, tới lui nhờ nó mà khuây khỏa buồn lo, vì dại dột chẳng kịp nghĩ nên có thất thố với nhà vua, nếu đại vương giết nó thì xin cho con cùng chết, xin hãy thương xót, con biết đây là tội đáng chết.

Gặp nhà vua rất giận nên chẳng chịu nghe. Anh ta lại thưa với vua:

– Như đại vương chẳng chịu tha cho thì con xin tự tay mình giết nó khỏi phải sai người khác.

Nhà vua liền đồng ý. Anh ta liền chém sả một bên vai, máy móc bung ra rơi rớt lung tung xuống đất. Nhà vua mới kinh ngạc nói:

– Sao bản thân ta lại đi giận dữ với cây gỗ? Người này thật là xảo diệu, thiên hạ vô song, chế tạo được người với những ba trăm sáu mươi chi tiết, hơn cả người sống thật!

Thế là nhà vua liền ban thưởng hàng ức vạn lượng vàng. Người con thứ hai mang vàng về cho anh em để tiêu dùng, làm bài kệ khen:

Xem nghề khéo của ta
Thành tựu nhiều lắm đa!
Làm người sống bằng gỗ
Người sống chẳng vượt qua.
Người lớn rất hoan hỷ
Ngắm nó đàn, múa ca
Được thưởng nhiều châu báu
Ai bậc nhất bằng ta?

Người con thứ ba là người đoan chánh đi đến nước khác. Dân chúng nghe có người đoan chánh từ xa lại, sắc diện hình tướng vào hạng bậc nhất, thế gian ít có, nên họ cùng nhau kéo tới để nghinh đón, dâng tặng bao thứ của ngon vật lạ cùng ngọc ngà châu báu. Anh này bèn trổ tài khiến mọi người càng thêm vui thích, càng chiêm ngưỡng cái nhan sắc như vầng trăng trong muôn sao. Những người con gái của các gia đình quý phái giàu sang, vàng bạc châu báu đầy kho đã mang đến tặng biếu cho anh vô số ức các vật báu châu ngọc kỳ lạ. Được của báu rồi, anh ta đem về cho anh em mình và dùng lời kệ khen:

Đẹp thay sắc như hoa!
Tướng đoan chánh dễ ưa
Nữ nhân đều kính trọng

Yên ổn mãi bên ta.
Mọi người đều chiêm ngưỡng
Như vầng trăng trong sao
Nay được bao của báu
Bố thí và tiêu pha.

Người con thứ tư là người có chí tinh tấn đi dần đến nước khác, tới gần bờ một dòng sông, trông thấy một cây chiên-đàn theo dòng nước trôi đi, anh ta liền cởi áo lao xuống nước, bơi theo chận lại, vớt lấy. Người nhà của quốc vương lúc ấy đang gấp tìm kiếm cây chiên-đàn, ông liền mang lên dâng cho vua, được thưởng hàng trăm vạn lượng vàng, cùng các thứ châu báu nhiều không thể tính kể được, bèn đem về cho anh em và dùng lời kệ khen:

Tinh tấn thật tuyệt vời
Dũng mãnh vào biển khơi
Được nhiều của quý giá
Cung cấp cho gia tộc.
Nhờ nổi trên sông nước
Vớt cây chiên-đàn trôi
Được vàng hàng ngàn lượng
Ăn tiêu và cho người.

Người con thứ năm là người nhiều phước đức, cũng đi đến một nước lớn, gặp lúc trời nóng bức, anh ta nằm nghỉ dưới bóng cây, khi mặt trời đã nghiêng xế, các bóng cây khác đều dời chỗ, nhưng chỗ người ấy nằm thì bóng cây không dời. Người ấy rõ là thân cao lồng lộng, đoan chánh, tươi đẹp như mặt trời, mặt trăng. Vua nước đó mất, không có thái tử nối ngôi, mọi người bàn:

– Phải cầu người hiền để làm chủ nước, phải cho người đi khắp nơi trong cõi để tuyển chọn người có thể lập lên làm vua.

Sứ giả đi tìm, thấy nơi gốc cây có một người như thế, cho là ở đời thật hiếm có: nằm dưới gốc cây mà bóng cây không dời chỗ, lòng họ tự nghĩ: "Đây quả là một người khác thường, đáng làm vị Quốc chủ." Những người đi tìm kiếm người hiền bèn trở về thưa với các quan đại thần, nói rõ đầu đuôi. Bấy giờ, quần thần liền chỉnh đốn oai nghi, mang theo xe ngựa, ấn tín, mũ khăn xa giá, y phục đến để nghinh đón. Tắm rửa, xông hương, mặc áo, đội mão, phục sức cho người ấy xong xuôi, tất cả mọi người đều bái yết xưng thần. Vị vua mới lên xe vào cung, hướng mặt về phương Nam tuyên chiếu lên ngôi vua, từ đó đất nước liền được thái bình, mưa gió thuận

hòa. Nhà vua tức thời ban chỉ ra ngoài triệu bốn người: một là người có trí tuệ, hai là người có tay nghề tài khéo, ba là người đoan chánh, bốn là người tinh tấn, tất cả bốn người ấy đều được mời vào trong cung, phong giữ chức thị vệ. Vị vua Phước Đức bèn làm bài kệ:

Người có phước đức nhiều
Làm Đế Thích cao siêu
Làm vua, Chuyển luân vương
Trời Phạm cũng ngự triều.
Người trí và kẻ khéo
Tinh tấn và mỹ miều
Đều đến cửa phước đức
Làm thị vệ đứng hầu.

Lúc ấy, vua Phước Đức liền dựa vào ngôi cao của mình phong cho anh em mỗi người ai cũng được địa vị tốt.

Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

– Người trí tuệ thời ấy, bây giờ là ông Xá-lợi-phất, người công xảo là ông A-na-luật, người đoan chính là ông A-nan, người tinh tấn là ông Du Luân, còn vị vua Phước Đức là bản thân Ta đấy! Các ông ấy, thời đó mỗi người đều tự xưng tụng cái sở trường của mình cho là bậc nhất, đến hôm nay thì cũng như thế. Các ông ấy thời bấy giờ đều chẳng bằng Ta, mỗi người chỉ tự ca tụng tài nghệ của mình, còn Ta thì dốc tu tập, nay đã thành Phật đạo, là bậc Tôn quý trong ba cõi, nay tất cả họ đều quy ngưỡng nơi Ta, làm đệ tử, nhờ Phật mà được giải thoát.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 25: Đức Phật Thuyết Giảng Về Con Cáo Độc Và Con Quạ Đen.

Nghe như vầy:

Một thuở Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Ông Điều-đạt là người hung hăng, nguy hiểm, hay khen ngợi những điều ngược ngạo chẳng hợp lý. Tỳ-kheo Câu-ca-lợi khen ngợi ông Điều-đạt, ông Điều-đạt cũng lại ca ngợi ông Câu-ca-lợi, hai ông này ngang ngược ca ngợi nhau, không có nghĩa lý gì cả.

Các vị Tỳ-kheo nghe xong, liền thưa với Đức Thế Tôn:

– Kính thưa Bậc Đại Thánh, xem ra như ông Tỳ-kheo Câu-ca-lợi do nương tựa vào giáo pháp kinh điển và giới luật để tin tưởng xuất gia làm Sa-môn, lại làm chuyện ngược đời, đi ca ngợi ông Điều-đạt, lấy trái làm phải, chẳng có nghĩa lý gì cả. Rồi ông Điều-đạt thì lại khen ngợi ông Tỳ-kheo Câu-ca-lợi, lấy trái làm phải, lấy phải làm trái.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Những hạng người ngu si ấy, chẳng phải chỉ mới đời này ngang ngược ca ngợi nhau, lấy trái làm phải, lấy phải làm trái đâu, mà từ đời trước chúng cũng đã như vậy.

Đức Phật kể:

– Thuở quá khứ xa xưa, có người từng giữ một chức quan nhỏ, khi chết được bà con đem bỏ trong rừng cây tạp. Khi ấy, có con cáo độc và con quạ đen cùng đến ăn thịt xác chết ấy, rồi cùng nhau ca ngợi. Đậu trên cành cây, con quạ vì con cáo mà nói kệ:

Thân giống như sư tử
Đầu như vị Tiên nhân
Chân như chân nai chúa
Tinh hoa đẹp tuyệt trần.

Con cáo độc liền đến bên gốc cây đọc bài kệ khen:

Trên cây, vị nào đấy?
Trí tuệ thật tuyệt vời
Ánh sáng mười phương chiếu
Sắc tía như vàng tươi.

Con quạ đáp:

Chính là sư tử lớn
Muốn đến đây gặp thôi,
Chân ấy, chân nai chúa
Được lợi nghĩa, hay thay!

Con cáo độc lại ca ngợi:

Biết nhau thật thành tín
Khen nhau rất thật lòng,
Cùng tía như vàng bột
Ăn mặc đây phải không?

Bấy giờ, cách đó không xa, có một vị Đại tiên sống từ lâu nơi chốn vắng vẻ, tịch tĩnh, dốc tu tập hành đạo, nghe con cáo độc và con quạ đen tán tụng nhau, lòng thầm nghĩ: "Bọn này ngang ngược, bày đặt chuyện khen ngợi nhau toàn là những lời rỗng tuếch, không một chút thành thật",

nên dùng kệ nói:

Ta thường thấy nơi đây
Miệng lưỡi của chúng mày
Giấu mình trong cây cối
Ăn xác chết mỗi ngày.

Con quạ giận dữ, làm kệ đáp vị Tiên nhân:

Sư tử và Khổng tước
Cũng lấy thịt làm mồi
Bọn chúng đầu trọc hết
Muốn sống phải thế thôi.

Vị Tiên dùng kệ đáp lại:

Rừng tạp thôi vô ngần
Chim sợ đều lánh thân
Chỗ bọn nai nương tựa
Lìa xa xác huỳnh môn.
Bọn bây là hạ tiện
Tụ về đây kiếm phần
Cùng ăn xác thối rữa
Mà xưng là thượng nhân.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Con cáo độc ngày ấy bây giờ là ông Điều-đạt, con quạ là ông Câu-ca-lợi, còn vị Tiên nhân ấy chính là Bồ-tát. Thời ấy, bọn chúng đã khen ngợi nhau, lấy trái làm phải, lấy phải làm trái, nay thì cũng vậy.

-oOo-

Kinh 26: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Thầy Tỳ-kheo Bị Bệnh.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Khi ấy, có một vị Tỳ-kheo bị bệnh nặng mà chỉ một thân một mình, không có ai chăm nom hoặc lo giúp về thuốc men, quần áo, ăn uống. Ông không thể ngồi dậy được, mọi sự bài tiết hầu như tự xuất, nằm dài trên giường, quay nhìn bốn bên, chẳng thấy một ai đến gần, liền tự than thở:

– Hiện giờ thân ta quả là không có ai đến cứu giúp cả!

Tôn giả A-nan nghe được, liền đến bạch với Đức Phật:

– Thưa Đức Đại Thánh, được như thân con hôm nay là chưa từng có. Thưa Đức Như Lai đại từ đại bi, hiện có một vị Tỳ-kheo bị bệnh nặng, đang mong được sự cứu giúp, săn sóc.

Đức Phật nói:

– Nhiều đời kiếp về trước kia, Ta đã từng cứu giúp cái khổ về bệnh tật của vị Tỳ-kheo này rồi, đến hôm nay cũng vậy. Về thời quá khứ xa xưa, ở chốn thanh vắng, tịch tĩnh, có nhiều vị thần tiên đạt được năm thứ thần thông, cùng nhau tu học. Nơi chốn riêng lẻ ấy, mỗi mỗi người đều tự khuyến khích hỗ trợ lẫn nhau, ai ai cũng đem các thứ trái cây mình kiếm được để cùng cung cấp đủ cả, lại còn trù tính khi bị bệnh tật thì chăm sóc, chữa trị cho nhau. Bấy giờ, có một Phạm-chí trẻ tuổi cầu học, dù có ai bị bệnh hoạn nguy cấp, cũng không thèm ngó qua. Khi người Phạm-chí này có việc nguy ngập thì không có ai cứu giúp, chỉ trước sau một thân một mình, không có bè bạn. Một hôm khác, ông bị bệnh, không có người săn sóc, chạy chữa, cũng không ai cho trái cây để ăn. Lúc ấy có một vị Tiên nhân đạt năm thứ thần thông, là bậc tôn trưởng ở đấy, thấy như vậy, tự nghĩ: "Người này thật cô độc, không ai giúp đỡ cả".

Cảm thấy thương xót, ngài liền đến chỗ người bị bệnh, hỏi:

– Này ông Phạm-chí tuổi trẻ, lúc ông khỏe mạnh, nghe ai có chuyện gì hầu như chẳng thèm thăm hỏi, vậy ông có bạn bè thân thích gì chăng?

Người ấy liền đáp:

– Dạ không, thưa bậc Tôn trưởng, con không có bạn bè thân thích gì cả, mà cha mẹ thân thuộc bà con thì ở cách đây xa lắm!

Lại hỏi:

– Các ông Phạm-chí cùng chung sống ở đây, không lấy tình thân hữu

kết làm tri thức với nhau sao?

Đáp:

– Thưa không!

Vị Tôn trưởng nói:

– Không tạo tình thân hữu, không có một người bạn tri thức nào cả, thế là thế nào? Ông xem những người khác, ai ai cũng đều kính trọng, ai ai cũng lo việc giúp lẫn nhau, chỉ riêng ông là lẻ loi, cô độc, không một ai cứu giúp.

Rồi vị Tiên nhân đỡ người trẻ tuổi này ngồi dậy đem về chỗ ở của mình, khuyên giải ông ấy hãy yên tâm, lại nhờ những người quen biết lo liệu việc chữa trị. Vị Tiên làm bài kệ:

Bỏ gia đình, vợ con
Xuất gia, dục không còn
Bậc tôn túc là cha
Anh em là đồng môn.
Ở chung cùng Phạm-chí
Chẳng cùng nhau kết thân
Khi bệnh tật nguy khốn
Cô độc, ai đỡ đần.
Xét kỹ ngươi thấy đó
Phạm hạnh là bạn gần
Đến đâu cũng được kính
Cùng nhau thường hỏi han.

Khi đó, Đức Thế Tôn đến thẳng chỗ vị Tỳ-kheo bị bệnh nặng hỏi:

– Nay ông bị bệnh thế đã có ai săn sóc về thuốc men, giường chiếu gì chăng?

Tỳ-kheo bị bệnh thưa:

– Con thật cô độc, không một ai săn sóc, cũng không có thuốc men gì cả. Gia đình con ở rất xa, mà con đã lìa bỏ cha mẹ, lại không có anh em, không bạn bè, không người láng giềng nên chẳng một ai gần gũi.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

– Lúc còn khỏe mạnh, ông có hay săn sóc, thăm hỏi các người bị bệnh không?

Thưa:

– Dạ không!

Đức Thế Tôn bảo:

– Lúc khỏe mạnh, ông cũng chẳng chăm sóc, thăm hỏi những người bị bệnh, nên nay ông bị bệnh thì không một ai săn sóc lại cho ông cả! Thiện ác đối đãi nhau, tội phước luôn báo ứng, sống nên tạo ân qua lại, tình nghĩa dứt thì mọi cái đều lạt lẽo. Nhưng Phật vì cứu khổ cho tất cả chúng sinh trong ba cõi, độ thoát họ ra khỏi năm đường mà lại bỏ không cứu ông sao? Đời trước, Ta đã cứu ông, bây giờ thì cũng vậy!

Rồi Đức Phật đỡ vị Tỳ-kheo ngồi dậy, tính dùng nước để rửa ráy. Lúc ấy, chỉ trong khoảnh khắc, vị Đế Thích hốt nhiên hiện xuống, muốn thay Đức Phật để rửa ráy cho vị Tỳ-kheo kia. Đức Phật nói với Đế Thích:

– Ông ở trên cõi trời, trong chốn sạch sẽ, tinh khiết, đâu có thể làm cái việc rửa ráy giúp nơi chỗ hôi thối ô uế được?

Trời Đế Thích đáp:

– Nghe Đức Thế Tôn nói là vị Tỳ-kheo này vốn không hề biết chăm sóc, giúp đỡ người bệnh tật, nên nay bị bệnh thì chịu cảnh cô độc, không ai cứu giúp. Đức Phật đã dốc cứu khổ cho tất cả chúng sinh trong mười phương, công đức đầy đủ, không chỗ thiếu thốn, mà Ngài còn chăm sóc cho vị Tỳ-kheo ấy, huống gì tôi chưa thoát khỏi vòng tội phước, mà lại không dốc làm phước sao?

Rồi Phật dùng tay rửa ráy cho vị Tỳ-kheo, Đế Thích xối nước, đưa vị ấy nằm lại chỗ cũ, cho uống thuốc, bệnh giảm bớt dần, lại vì ông ấy mà giảng kinh pháp, khiến ông liền đắc đạo. Đức Thế Tôn dùng bài kệ khen:

Thấy bệnh phải đến thăm
Hỏi han việc nguy nan
Thiện ác có báo ứng
Muốn quả phải trồng nhân.
Thế Tôn là từ phụ
Kinh pháp là mẹ hiền
Đồng học là huynh đệ
Nhân đó được độ liền.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không vui mừng lãnh hội.

-oOo-

Kinh 27: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Ông Thẩm Lõa Hình.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi

vị.

Bấy giờ, có một vị quốc vương cùng với một người nữ Phạm-chí sinh được một đứa con trai, đặt tên là Chí Thành, người này theo học một phái ngoại đạo là phái lõa hình, lấy đó làm tên, gọi là Lõa Hình Tử. Ông ấy trí tuệ thông minh, có sự hiểu biết khác lạ hơn người, ở những nơi chốn thuyết giảng luôn hàng phục được nhiều đối tượng, đối với các thứ kinh điển không chỗ nào là không thông tỏ, tiếng tăm được bàn tán khắp trong ngoài triều, thấu đến tai Đức Thế Tôn.

Người theo phái lõa hình kia có bốn chị em do Phạm-chí sinh, đều theo học các phái ngoại đạo: Một tên là Thao Than, hai là Hưng Tham, ba là Kim Thành, bốn là Thành Tuyết. Lõa Hình Tử sai bốn người này đến chỗ Đức Phật, muốn dò xét Đức Thế Tôn nên hắn buộc họ phải tiếp nhận các phép tắc, cùng học kinh điển để sau này về nói lại cho hắn. Lúc ấy, bốn chị em bàn với nhau:

– Chúng ta đến chỗ ông Sa-môn Cù-đàm để dò xét về những hành động, cách thức sinh hoạt tu học, cố nắm lấy chỗ sở trường, sở đoản của ông ấy.

Bàn xong, họ liền đến chỗ Đức Phật, lìa bỏ gia đình, thảy đều xin làm Sa-môn, thọ giới pháp đầy đủ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn thường lấy các việc đời trước để dẫn dụ nhằm khai thị giáo hóa họ, chỉ rõ cội nguồn, chỗ các căn phải theo cùng gốc của mọi công đức, nhờ đó họ dứt bỏ hết mọi thái độ cao ngạo, kiêu mạn, chứng được quả A-la-hán. Khi ông Lõa Hình Tử hỏi các chị em về công việc dò xét ra sao thì những người con gái ấy đã dùng không biết bao nhiêu lời hay tốt để tán thán Đức Thế Tôn, ca ngợi sự nhiệm mầu không gì hơn của kinh điển và giới luật do Phật dạy. Lõa Hình Tử chẳng chịu nghe lời tán thán của họ. Hắn nói:

– Nhiệm vụ của các ngươi đến đó là để dò xét và làm rối loạn đạo pháp, nay thì ngược lại, các ngươi đã bị ông Thế Tôn thu phục làm cho mê hoặc, bị lừa dối rồi! Ví như có người vào trong nước nhằm để rửa bỏ mọi thứ dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ, nhưng trái lại thì bị chết chìm trong ấy. Các ngươi là như vậy đó! Muốn đến dò xét để hủy hoại ý đạo, xem xét mọi hành động, cách sinh hoạt để nắm lấy cái sở trường, sở đoản của họ, ngược lại, các ngươi đã bị ông Cù-đàm mê hoặc, tự đắm chìm để chết trong ấy, không thể cứu được nữa rồi! Ví như có người đi vào rừng cây trái, muốn hái được nhiều quả ngon, nhưng lại bị các loài thú dữ như cọp, sói ăn thịt mất xác chẳng còn trở về. Các ngươi cũng thế! Các ngươi đến đó là nhằm dò xét ông Sa-môn Cù-đàm, nắm lấy phép tắc, mọi sinh

hoạt, cái hay cái kém để về nói lại với ta, nhưng trái lại thì bị chìm ngập trong ấy, bị ông Cù-đàm mê hoặc. Ví như đối với loài rắn hổ mang, trùng độc hoặc người hung hãn hãy còn có thể gần gũi, tin tưởng, vui thích, có thể có được các phép tốt lành, yên ổn, chứ còn đối với ông Thế Tôn Cù-đàm thì mong cầu có được công đức ấy tức ý nghĩa của sự yên ổn thì chắc chắn là không thể được!

Các người con gái đáp:

– Đạo đức của Đấng Thế Tôn trừ khử được cho con người các độc hại của loài rắn dữ, các thứ lỗi lầm, ô uế, khiến cho mọi người đạt được yên ổn, tịch tĩnh. Hư không còn có thể có tỳ vết, chứ Đức Như Lai Thế Tôn thì chưa từng có chút thiếu sót, sai lầm. Nam nữ, ai được nhìn thấy Ngài không ai là không được yên vui. Ngài đã vì chúng tôi mà thuyết giảng những ý nghĩa mầu nhiệm, tuyên dương đạo pháp khiến chúng tôi rất vui mừng, nên cung kính đảnh lễ xin quy y.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo Tăng thưa bày đầy đủ với Đức Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, chúng con thấy ông ngoại đạo Lõa Hình Tử dùng những lời không tốt để bài báng đạo giáo của Đức Phật, lại quở trách những người con gái kia: Nào là tại sao các ngươi lại quy mạng ông Thế Tôn, nào là các ngươi phải quan sát mọi sinh hoạt ở đấy, phải nắm lấy chỗ mạnh, chỗ yếu của Phật để báo lại cho ta biết, nào là các ngươi trái lại đã bị mê hoặc, đã bị chết chìm trong ấy không thể tự cứu được…

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Lõa Hình Tử sai bốn người có gái ấy đến là nhằm dò xét Ta, muốn nắm lấy chỗ hơn kém của Ta. Nhưng Ta không chút tỳ vết thì tìm đâu ra khuyết điểm. Ta nhân đấy liền khai thị giáo hóa cho, khiến cả bốn người đều được độ, chứng được đạo quả Vô trước.

Đức Phật kể:

– Về đời xa xưa, có một vị quốc vương tên là Ca-lân cùng một vị quốc vương khác kết oán thù với nhau. Muốn phá hoại vị quốc vương kia nên vua Ca-lân sai bốn người con gái trẻ trung, diễm lệ, nhan sắc tuyệt vời đến thăm dò để nắm lấy chỗ mạnh, chỗ yếu của nhà vua ấy, ngầm làm giặc bên trong. Đám nữ đó đến chỗ vua A-chi và được vua chấp thuận. Vua A-chi có bà Thái hậu đáng kính, đoan chánh, đẹp đẽ, ai cũng tôn quý, uy thần lồng lộng, phước đức thù thắng vô lượng, không có chút tỳ vết, nhơ uế, nhu hòa hiền hậu, tiếng lành vang xa. Các con gái của vua Ca-lân ca ngợi:

– Công đức của vua A-chi thật trên đời hiếm có, danh tiếng đồn xa, tám phương, trên dưới đâu đâu cũng vang dậy. Phụ vương chúng tôi húy là

Ca-lân, cùng sai chúng tôi đến để hầu hạ, phụng sự đại vương. Phụ vương chúng tôi dặn: "Đức độ của vua A-chi thù thắng, vi diệu, khó nghĩ kịp, không có vết nhơ, hiền hậu, không hung bạo, nhẫn nhục, trong lành, đặc biệt có tài biện luận với mọi người, nghe đến tên vua thì ai cũng bái phục", nhưng cha chúng tôi chẳng chịu nghe lời.

Có nước kia thuộc dưới quyền của vua A-chi, là một nước lớn, tên nước là Hư không, nước này có một vị đại thần tên là Tế-na, trí tuệ thông minh, thông đạt không ai bì kịp, ứng đối nhanh nhẹn, làm phụ thần cho vua. Khi đó, vua Ca-lân không nghe theo lời các con gái, bỏ đến thẳng biên giới nước lớn của đại thần Tế-na, cùng với cả đoàn người vây chung quanh. Nhà vua hỏi kẻ bề tôi bên cạnh:

– Ta tự mở cửa ra đi đến cửa của kẻ khác, vậy thì phải làm sao đây?

Kẻ bề tôi bên cạnh tâu:

– Không nên sợ hãi, Thiên tử cứ yên tâm! Ví như sư tử trong rừng chẳng hề sợ cây cối, nay ta ở đây cũng lại như vậy. Thành quách yên ổn, được bảo vệ kỹ, khỏi phải lo lắng gì cả.

Rồi làm bài kệ:

Tự mở cửa nước nhà
Vào đất nước người ta
Dựa A-lan nước lớn
Như sư tử rừng già.
Muốn giúp mà được giúp
Tự nhiên không sợ gì
Hân Dũng, quốc vương ấy
Được yên ổn dài lâu.

Mọi người tha hồ bàn luận, lời nói lan đi khắp nơi. Vua A-chi nghe vua Ca-lân vì của cải và tiếng tăm mà khởi ý đến đó, nên than:

Việc này rất tốt
Mầu nhiệm khó lường
Danh đức lưu khắp
Không còn tai ương.
An trụ nơi pháp
Không nên phô trương
Tất có điều gian!

Lại tự hỏi:

– Nay đây các vị Tiên nhân, các vị Thần của Thiên đế đều du hành đến cõi nước của vua Ca-lân. Các vị ấy uy thần lớn lao, nên biết được đức

hạnh của ta, nhất định phải cho ta thắng lợi, còn vua Ca-lân kia thì bị phá bỏ, phải tự hàng phục.

Lúc ấy, vua A-chi tự nghĩ: "Các vị Tiên nhân kia trước sau chẳng hề nói dối. Chư Tiên nhân nói rằng ta sẽ đạt được thắng lợi, công đức ấy thật là vô lượng, chắc chắn là như thế đấy."

Các bề tôi đáp:

– Thưa vâng, đại vương! Tiên nhân là người chí thành nhất định không nói dối.

Và đọc bài kệ:

Đám Ca-lân đắc thắng
Hàng phục dựa vào đây
Vua A-chi thất thế
Tiên lại nói thế này.
A-chi thắng, không mất
Lời chân thực, hay thay!
Tại sao nói được vậy
Tự nhiên lời nêu bày.
Vua Trời phải biết đó
Lời chí thành đến đây
Hành động không phóng túng
Thắng lợi phải được thôi.
Lại nói vua A-chi
Thắng lợi phải đến tay
Chí thành thế do đâu
Lại vì ta giải ngay.

Các đại thần đáp:

– Chưa từng được nghe hay sao, các vị Tiên nhân mất Thánh đức, rất là cứng cỏi khó cảm hóa, tay cầm kiếm bén, dáng dấp thật đáng sợ. Bậc nam tử trượng phu, chính vì dân chúng nương theo gốc nơi đức độ của nhà vua mà quyết làm cho đối phương hàng phục, không dùng nhiều lời mà chúng tự quay về nẻo chánh. Vua A-chi ấy là một vị đại trượng phu, mọi phương tiện kế hoạch trù liệu cũng lại như vậy. Hơn nữa, quyến thuộc của nhà vua luôn hòa thuận, vâng lời chỉ dạy, không có khác lòng, không có tâm chia rẽ, những việc làm đều cao cả, uy đức lồng lộng. Giá như vua A-chi không được thắng lợi, thì nay xin vua trời hãy tận mắt nhìn thấy nhà vua dũng mãnh, kế sách phương tiện quyền biến hơn người, nhất định không thể bị phá hoại được. Ví thử không tin, thì khi đã tận mắt thấy rõ sẽ

không còn nghi ngờ gì.

Bèn đọc bài kệ khen:

Kế sách rất cao thâm
Biết thì tinh tấn thêm
A-chi vang đức nhẫn
Hóa giải các giận hờn
Vua A-chi được hết
Ca-lân làm sao bằng.

Bấy giờ, vua Ca-lân chẳng hề tuyên chiến, tự dấy khởi binh tướng kéo thẳng đến nước vua A-chi, thì binh sĩ của Hân Dũng, là vị đại thần phụ tá, vốn thông minh trí tuệ, dũng mãnh tinh tấn, lòng dạ cao cả, hòa hợp không hề chia rẽ. Hơn nữa, bản thân vua A-chi cũng dũng mãnh hơn người, đó là sức mạnh thần thánh, nên nhất định phải thắng vua Ca-lân. Vua Ca-lân chịu phục, tự quy mạng bái yết, thả hết những người đã bắt sống được. Khi ấy, trời Đế Thích đọc kệ khen:

Nhẫn nhục Thánh hiền khen
Hóa giải mọi giận hờn
Vua Ca-lân quy phục
A-chi thắng hoàn toàn.

Đức Phật bảo với các vị Tỳ-kheo:

– Nên biết vua Ca-lân lúc ấy nay là ông Thẩm Lõa Hình Tử, vua A-chi là bản thân Ta, đại thần Hân Dũng nay là Tôn giả Xá-lợi-phất, Đế Thích là Tôn giả A-nan. Thời ấy theo nhau kết làm bạn bè, giáo hóa đạo lý cho nhau, đến hôm nay cũng vậy.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 28: Đức Phật Thuyết Giảng Về Sứ Giả Của Cái Bụng.

Nghe như vầy:

Một thuở Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, lúa gạo của nước này giá cả tăng vọt, dân chúng đói khát, các vị Tỳ-kheo của Đức Phật muốn phân tán ra đi du hóa đến các nước khác để an cư. Hiền giả A-nan là bậc nghe rộng biết nhiều, đối với giáo pháp luôn tận lực lãnh hội, có biện tài vô ngại. Khi Đức Phật thuyết giảng kinh, Hiền giả A-nan đã giúp rất nhiều người thọ nhận ý nghĩa của kinh điển, tinh tấn không ai bì kịp. Khi ấy Hiền giả A-nan tự nghĩ: "Giá như Đức Thế Tôn đến một nước nào đó để có cuộc sống an ổn thì ở khu vực khác sẽ có vô số người mất đi chỗ nương tựa của đạo đức, mặc dù các vật dụng sinh hoạt thì không hề thiếu thốn. Còn nếu Đức Như Lai lại dừng ở nước Xá-vệ này an cư trong năm, thì nhiều chỗ được an ổn, tạo nên cái gốc cho đạo đức."

Lúc ấy Đức Thế Tôn vì thương xót muôn dân, muốn cứu giúp họ, nên Ngài quyết định ở lại thành Xá-vệ với vua Ba-tư-nặc, quần thần và dân chúng. Hiền giả A-nan đến chỗ quốc vương trình bày đầu đuôi sự việc ấy. Vua Ba-tư-nặc nghe lời của Hiền giả A-nan, nên thỉnh Phật và đại chúng Tỳ-kheo ở lại đây ba tháng, bao nhiêu món ăn thức uống nhà vua đều lo đầy đủ, bệnh hoạn thì cung cấp thuốc men, tùy theo nhu cầu tất cả mọi thứ, mọi chỗ đều an lành. Đức Phật và các vị Tỳ-kheo an cư tại thành Xá-vệ trong ba tháng như thế không hề thiếu thốn. Các vị Tỳ-kheo trong lòng tự nghĩ: "Công đức của Hiền giả A-nan khó ai bì kịp, làm được việc chưa từng có, hành động quyền biến, biết được thời cơ, hiểu rõ lý luận, khuyến hóa được vua Ba-tư-nặc cúng dường Đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo trong mùa an cư ba tháng được yên ổn, khiến trong chín mươi ngày ấy, đại chúng Tỳ-kheo không có gì phải suy nghĩ, tất cả đều được bảo vệ và cung cấp đầy đủ, nhờ đó các Tỳ-kheo ai cũng được yên tâm tu học, không phải du hóa tới các nước khác."

Đức Phật biết rõ là các Tỳ-kheo đang bàn luận về việc này, nên đi đến chỗ các vị Tỳ-kheo và hỏi:

– Các ông đang hướng về ai mà bàn bạc như vậy?

Đại chúng Tỳ-kheo liền đem đầy đủ sự việc trình bày với Đức Như Lai. Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

– Hiền giả A-nan không phải chỉ mỗi đời này mới hành động quyền

biến, nắm lấy thời cơ, mà đời trước cũng đã từng làm như thế. Đức Phật kể:

– Vào đời quá khứ xa xưa, ở nước Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm Đạt, là bậc có phước đức lớn, tiếng tốt đồn xa. Bấy giờ trong nước gặp lúc đói kém, giá lúa gạo đắt đỏ, dân chúng đói khát, kẻ ăn xin rất nhiều, không lấy gì để cung cấp cho đủ. Nhà vua vui lòng làm công việc bố thí, tức thì mười phương, bốn hướng tụ lại để xin đông nhiều như mây nổi, nhà vua cứ theo mức độ tiêu dùng mà cung cấp. Bố thí như vậy liên tục không hề dừng nghỉ. Lúa gạo dần dà trở nên quý hiếm, trời lại chuyển sang nắng hạn dữ dội, không một giọt mưa rơi, mùa màng mất trắng, dân chúng đói khát khốn cùng, kẻ ăn xin ngày càng nhiều thêm. Họ kéo nhau đến trước cung vua, ở đây kho lẫm cũng sạch trơn. Lúc ấy, các quan lại đều bàn với nhau:

– Nay theo ý của quốc vương, thì kẻ ăn xin nào đến là phải bố thí cho họ, không để họ phải nản lòng. Nhưng trời hạn hán chẳng mưa, kẻ ăn xin thì quá nhiều, lúa gạo thì khan hiếm mà kho lẫm thì lại trống rỗng, đất nước sắp đến lúc bại hoại chăng!

Thế rồi, các đại thần vì muốn bảo vệ đất nước, nên cùng đến chỗ nhà vua tâu trình đầy đủ lời mình vừa bàn trên:

– Việc bố thí của vua bây giờ xin hãy ngừng lại, dựa vào một số biện pháp để giữ trật tự, đợi sau này được mùa, lúc ấy mới bố thí tiếp.

Nhà vua bảo:

– Việc bố thí của ta không thể dừng lại được. Ta đã có chí nguyện bố thí, sao lại làm trái với bản tâm của ta được. Hơn nữa, họ đến đây để xin ăn, sao nỡ khiến họ thất vọng? Nếu như không có người đến xin thì ta bố thí cho ai?

Các đại thần cùng bàn với nhau:

– Chúng ta phải cùng nhau tìm ra kế sách, làm cho các người nghèo không còn đến xin nữa, thì mới chấm dứt được tình trạng này.

Trong khi đó thì nhà vua vẫn tiếp tục bố thí, chưa từng chậm trễ, trong lòng tự nguyện: "Mong sao cho các kho chứa lúa gạo không bị hao hụt." Cùng lúc, các quan pháp minh yết cáo, thông báo cho các nơi xa gần biết là không được đến chỗ nhà vua xin ăn, kẻ nào dám đến xin thì đều bị tội chết, thây đem bêu giữa chợ.

Hành khất các nơi xa đến nước này, nghe được thông báo như thế nên chẳng dám đi xin ăn nữa. Không được gặp nhà vua, họ càng ưu sầu, buồn thảm, hỏi các vị đại thần xem đúng là có lệnh này không. Lại hỏi cha mẹ, thật có lệnh cấp bách không được đi xin ăn chăng?

Đáp rằng:

– Có đấy! Chẳng được đi xin ăn.

Những người đi xin lại nói:

– Nếu có lệnh đến những phương xa, thì phải có các quan sứ. Hiện khắp nơi, khắp chốn các kho lúa, lương thực đều đủ cả. Nay các quan trong triều này như muốn chỉ để riêng mình tiêu dùng, nên ban ra lệnh ác bảo các nơi xa, những người đi xin ăn nghèo cùng không được đến cửa vua để xin ăn, nếu ai liều đi xin thì phải tội chết. Tuy vậy, các người sứ từ phương xa đến đều thấy các kho lẫm đều còn đầy.

Lời nói lần lượt truyền nhau nên mọi người đều biết đây là lệnh của các quan trong triều đề ra chứ không phải là nhà vua.

Có một vị Phạm-chí đói khổ đã lâu, muốn đi xin ăn để cứu mạng sống mình. Ông đi khắp nơi xin ăn để còn chu cấp cho vợ con, giá như vào lúc giá gạo rẻ, xin ăn dễ, được nhiều, còn khi lúa gạo khan hiếm, xin ăn khó được, phải chạy ngược xuôi khắp nơi, không chỗ nào là không tìm đến mà cũng chỉ vừa đủ nuôi mạng sống, lòng ông lo lắng chẳng nói nên lời. Vợ ông lúc đó nói với ông:

– Ông thật khổ nhọc, đi xin ăn gặp lúc gay go, không chỗ nào là không đến xin vậy mà chẳng được gì. Sao không tới chỗ vua mà xin ăn, nghe nói quốc vương ta mong muốn có người đến xin, không hề trái ý người xin bao giờ.

Vị Phạm-chí đáp lời vợ:

– Bà chẳng nghe hay sao? Quốc vương đã có lệnh không cho người đến cửa vua xin ăn nữa. Tuy các người sứ ở phương xa đến đều được thấy rõ là lúa gạo trong kho còn đủ để cấp thí, những ai đi xin thì liền bị chém đầu.

Vị Phạm-chí nói tiếp:

– Thân tôi hôm nay muốn được bình an chứ không muốn bị nguy hại. Còn nếu muốn mong chờ nơi nhà vua thì có thể lại bị hủy nhục đấy!

Vợ ông đáp:

– Như các quan lại trong triều thông báo cho các nơi xa được biết, vậy chỉ có những người ở xa mới được tới trước, còn các người khác thì không cho. Sao ông không tự nói rằng mình từ phương xa đến, muốn được gặp vua để tâu trình, có thể được miếng ăn đấy.

Bấy giờ, vị Phạm-chí nghe theo lời vợ, cầm gậy, đội mũ của quan phụng sứ, đến thẳng cửa cung vua. Quan giữ cửa hỏi:

– Ông ở đâu đến đây?

Đáp:

– Tôi là phụng sứ từ xa đến.

Quan phụng sứ vào tâu với vua rõ đầu đuôi về người ấy, tức thì trở ra hỏi rất rõ:

– Ông từ chốn nào đến, hiện nay cả mười sáu nước lúa gạo đều khan hiếm, nước nào cũng lo giữ biên giới của mình làm sao mà đến, từ nước nào mà đến được?

Quan giữ cửa đã hỏi đầy đủ như thế. Người Phạm-chí đáp:

– Được nghe và khâm phục đức hạnh của nhà vua, nên mặc kiểu phụng sứ mà đến.

Quan giữ cửa lại hỏi:

– Ở biên giới nước này có thể nghe được nước kia sao?

Đáp:

– Làng xóm thành ấp thì có thể biết được đầy đủ. Giả sử chỉ vì mình thôi thì xin nguyện vua Trời, một mình cầu xin kiếm ăn là đủ rồi. Tôi muốn gặp được vua nên đến đây để cầu kiến.

Quan giữ cửa hỏi nữa, ông cũng đáp như vậy. Nhà vua cho gặp, vị Phạm-chí liền vào. Vua hỏi ông:

– Vì ai mà phụng sứ đến đây?

Vị Phạm-chí thưa:

– Cầu xin không sợ hãi, như ngài chịu hứa nghe thì mới dám tâu vua chỗ sai đến.

Nhà vua bảo:

– Hãy nói rõ nguồn cơn, đừng sợ hãi.

Nhà vua lại hỏi:

– Ai là người sai ông đến đây?

Vị Phạm-chí tâu:

– Đại vương muốn biết chăng? Chính bụng dạ tôi sai đến.

Khi ấy, vị Phạm-chí liền nói kệ:

Mọi người cầu tài lợi
Gặp giặc giữ, oán hờn
Ta bị bụng sai đến
Xin vua tha cho thần.
Ai thế lực lớn nhất

Ai kia cao cả hơn
Tôi thật là phúc sứ (Sứ giả của cái bụng)
Vua chớ trách tội thần.
Chư Phật và Duyên giác
Các đệ tử Thánh nhân
Rời bỏ nơi tịch tĩnh
Vào thành thị xin ăn.
Cùng khốn không chỗ dựa
Thân sống gặp khổ nạn
Nay tôi làm phúc sứ
Xin tha, hỡi tôn nhân!

Vua nghe rất thương xót ông, dùng kệ đáp:

Phạm-chí, ta cho ngươi
Trâu cái năm trăm đôi
Cùng nghé con đầy đủ
Đâu thể không cho ngươi.
Ta vì các sứ giả
Cấp cho chỗ nghèo thôi
Vì sứ giả, làm sứ
Cho thêm không sợ gì.

Đức Phật bảo cho các Tỳ-kheo biết:

– Ông Phạm-chí lúc đó nay là Hiền giả A-nan, vua Phạm Đạt nay là vua Ba-tư-nặc. Thời ấy Hiền giả A-nan đã khai thị giáo hóa khiến nhà vua rất vui mừng, kính ngưỡng vô cùng. Đến bây giờ đây, tại nước này, Hiền giả A-nan lại nêu bày chỉ dẫn cho vua Ba-tư-nặc, mặc dù lúa gạo khan hiếm, mà nhà vua vẫn cúng dường cho Đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo trong ba tháng, không có chỗ nào thiếu thốn. Vậy cho nên các vị Tỳ-kheo phải học hỏi thực hiện các lời nói hiền lành, dịu dàng, hòa ái, phải lựa lời khéo léo làm câu phương tiện giáo hóa. Đó là lời dạy của chư Phật.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 29: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Người Đệ Tử Qua Đời.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Lúc ấy, một vị Tỳ-kheo có một người đệ tử tánh tình hiền hậu,

công đức thù thắng, ý chí hành động luôn đúng nẻo nhân từ đức độ, tâm dốc cầu sự an tịnh, bản thân thường theo hầu hạ vị Hòa thượng, trong các lúc hành hóa hay nghỉ ngơi, luôn cung kính thuận hợp, tinh tấn không ai bì kịp, thuận theo giáo pháp, chẳng hề dám trái mạng thầy. Do vì mạng ngắn, bởi vì đời trước đã gieo thiếu nhân lành nên thọ mạng mỏng ít, còn tuổi ấu thơ mà đã qua đời, liền được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Vừa sinh lên cõi Trời, ông đã quan sát nhận thấy ở cõi này cũng không có gì là bền vững lâu dài, chỉ thấy lửa đang cháy to, nên ông thầm nghĩ: "Ta vốn có sở nguyện nhưng không được như ý, chẳng đạt được cứu cánh, cùng với thầy lành bạn tốt không thể giữ nhau được, nay lại phải bỏ đi để theo bạn xấu. Như thế là đã xa rời các bậc Hòa thượng chí tôn, bậc A-di-lê và các bạn lành khác, như những người tu phạm hạnh, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ, bốn chúng đệ tử của Phật. Đức Phật Thế Tôn trí tuệ vô biên, hiểu biết tất cả, hiệu là Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay đã xa rời bậc Đại Thánh Thế Tôn ấy, các bậc Hòa thượng, thầy, bạn và các đồng học mà từ vô số kiếp rất khó gặp, khó thấy, cho dù cùng sinh ra ở thế gian này cũng chẳng thể gặp được. Cũng không thể được nghe thuyết giảng các kinh điển thâm diệu, sâu xa vô lượng mà ta chưa từng nghĩ đến. Miệng Ngài không phát ra lời mà làm cho mọi người được yên ổn, để cùng được dẫn dắt, giáo hóa, dùng trí tuệ phân biệt để thuyết giảng các pháp duyên khởi, mỗi mỗi đều giải rõ. Ta từ vô số kiếp, vốn đã gieo nhân nên những chỗ chưa được nghe, thấy, rốt cuộc đều được giải rõ. Ta may mắn được gặp vị Hòa thượng nên đã lãnh hội được kinh điển giới luật ấy, bỏ nhà xuất gia làm Sa-môn, chẳng đến được chỗ siêu việt khác thường, như vậy những điều ta phải tạo dựng chẳng đến nơi đến chốn. Nay ta há lại phải buông thả các hành động của mình sao? Nay ta nên trước đến chỗ Đức Thế Tôn trọn lòng học hỏi nghĩa lý kinh điển thì sẽ tự hiểu được cái nợ kiếp trước mà cảm thương cho thân phận của mình."

Rồi ngay đêm ấy, bằng oai thần chói lọi, sáng chiếu rất xa, ông đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên. Đức Phật biết được lòng ông chân chánh thuần thục, vui thích đạo pháp, nên Ngài thuyết giảng về Tứ diệu đế: Khổ, Tập, Tận, Đạo. Ông liền ngộ được diệu nghĩa của bốn chân lý. Lúc ấy, Đức Thế Tôn dựa vào căn gốc để phân tích cho ông hiểu. Ông chứng được đạo quả, vui mừng hớn hở, thọ trì giới luật, cúi đầu đảnh lễ, đi quanh Đức Phật ba vòng, rồi bỗng nhiên biến mất.

Trong khi đó, lòng vị Hòa thượng nghĩ đến tánh hạnh, công đức của

người đệ tử mà thương cảm, kết thành ưu sầu, rơi nước mắt như mưa, không thể tự giải tỏa được. Tất cả những lời khuyên giải chung quanh đều không thể làm nguôi được mối ưu tư ấy. Khi đó, các vị Tỳ-kheo bèn đến trình bày với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo:

– Này ông Tỳ-kheo, lại Ta hỏi đây! Vì sao ông sầu não, không thể tự giải tỏa được?

Vị Tỳ-kheo ấy thưa:

– Thưa Đức Thế Tôn, người đệ tử của con rất là lương thiện, đàng hoàng, hiền lành, nhân đức, ôn hòa, danh tiếng đạo đức khó lường, chưa đạt được cứu cánh, nửa chừng mạng yểu, do đó con buồn lo, cứ mãi chất chứa.

Đức Phật bảo vị Tỳ-kheo:

– Chớ nên mãi buồn lo! Vì sao như vậy? Vì người đệ tử của ông đã đạt đến cứu cánh rồi! Ông ấy được sinh lên cõi trời, nửa đêm hôm nay đã đến chỗ Phật, uy thần lồng lộng, hào quang chiếu sáng rất xa, cúi đầu làm lễ và đứng sang một bên. Ta đã vì vị Thiên tử ấy mà thuyết giảng kinh pháp, phân tích đầy đủ, rộng rãi về Tứ diệu đế, bấy giờ, vị Thiên tử ngay nơi tòa ngồi đã thành tựu được pháp Thánh cao tột. Đức Phật vì vị Tỳ-kheo ấy nói rõ đầu đuôi, khiến ông tức thời hoan hỷ, dứt hết mọi nỗi buồn lo, chẳng còn rơi lệ.

Khi Đức Thế Tôn giảng dạy cho vị Tỳ-kheo kia dứt trừ bao mối lo lắng sầu não, thì các vị Tỳ-kheo khác tâm niệm:

– Chúng ta đã được chứng kiến một việc chưa từng có, Đức Đại Thánh Thế Tôn đã dùng pháp dược vô thượng để trị lành hẳn bệnh sầu não của vị Tỳ-kheo ấy. Do người đệ tử của ông ta bị bệnh qua đời, ông đau buồn sầu não không thể giải được, gặp Đức Phật Thế Tôn thì các khổ hoạn kia đều tiêu trừ hết. Quả là Bậc Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên dù đến hàng vạn kiếp ca ngợi công đức của Phật cũng không thể hết được!

Đức Phật từ xa biết các vị Tỳ-kheo đang bàn luận như thế, liền đi đến hỏi:

– Các ông tụ hội bàn bạc chuyện gì vậy?

Các vị Tỳ-kheo thưa với Đức Phật:

– Thưa Thế Tôn, chúng con hội họp lại đây để ca ngợi công đức của Đức Phật là Bậc Thánh tôn quý thật không lường, Phật đã hóa độ cho những người chưa được độ, cứu giúp những ai chưa giải thoát, diệt

trừ những gì chưa được dứt trừ, trị liệu tất cả những bệnh tham dâm, giận dữ, si mê, là vị thầy thuốc vô thượng, dùng các pháp dược để trị các thứ tâm bệnh, như vừa trị tuyệt được nỗi âu lo buồn khổ của vị Tỳ-kheo, khiến vị ấy vui mừng hớn hở, không thể tự kiềm chế được.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các vị có biết vì sao ngày nay vị Tỳ-kheo ấy thấy đệ tử mình qua đời mà cảm động, kết thành ưu sầu, chẳng thể tự giải không? Chỉ riêng có Phật Thế Tôn mới biết được túc mạng đời trước của hai người này, cũng lại như vậy.

Đức Phật kể:

– Về quá khứ xa xưa, ở một nơi chốn vắng vẻ nọ, có một con voi mẹ sinh con, voi con ra đời chưa bao lâu thì voi mẹ chết. Cách chỗ ấy không xa là chỗ ở của một Tiên nhân, là bậc đầy đủ oai thần, công đức, luôn có tâm đại bi thương xót muôn loài, xa thấy voi con mất mẹ, vừa cử động chân bước chập chững đây đó, không thể tự sống được. Ông liền tìm cách cứu giúp, đi đến chỗ voi con, lấy nước cho uống, hái quả cho nó ăn. Khi ấy, voi con dần dà trở nên nhân hòa, hiền lành, công đức thù thắng, vui cùng nghĩa lý, muốn được an ổn, không có âu lo, dứt hết các phiền não. Bấy giờ, vị Tiên nhân cùng chung sống với voi, thân hình nó phát triển lớn dần, lông lá mượt mà thì biết đem nước ngọt, trái cây ngon cúng dường vị Tiên nhân trước, rồi mới ăn sau, tới lui ân cần, hầu hạ, phụng sự không hề trễ nải, khiến vị Tiên nhân rất thương xót voi con, thấy đức hạnh nó như vậy nên ông thương yêu nó như con, ngắm nhìn nó không chán, yêu quý vô hạn.

Lúc đó, trời Đế Thích có ý nghĩ: "Vị Tiên nhân này tâm ý đều đặt ở con voi con, luôn nghĩ đến nó không hề chán, nay ta có thể làm mất voi con đi khiến ông ấy phải buồn rầu khổ não." Thế là trời Đế Thích thị hiện thi hành việc đó, hóa phép khiến con voi con đột nhiên lăn ra chết, máu loang đầy đất. Vị Tiên nhân thấy con voi con chết thì ưu sầu không nói năng, rơi lệ ngắn dài không thể khuây giải được. Các vị Tiên nhân khác biết việc đều tới khuyên can, nhưng không thể dứt được mối ưu sầu của vị Tiên nhân ấy, ông lại chẳng chịu ăn uống gì cả. Khi ấy, trời Đế Thích đang ở giữa hư không, liền vì vị Tiên nhân mà nói kệ:

Hiền giả đã bỏ nhà
Đến đây không quyến thuộc
Các Tiên giữ pháp luật
Buồn chết không tốt đâu.
Giả sử buồn âu sầu

Khiến chết sống lại được
Thì họp lại thương khóc
Nhưng khóc không tái sinh.
Quen rồi đều lặng thinh
Để cùng voi con trọn
Chút ân cần lân mẫn
Không thể không buồn rầu.
Còn khóc đến chết theo
Kìa có người khóc đó
Người trí biết tự chế
Sao Tiên lại khóc thương!

Trời Đế Thích làm cho vị Tiên nhân kia sầu não rồi, liền khiến voi con sống lại như cũ. Khi ấy, vị Tiên nhân thấy voi con sống lại, nên vô cùng hớn hở, vui mừng hết mực, không còn ưu sầu nữa. Trời Đế Thích liền vì vị Tiên nhân nói bài tụng:

Đánh tan sầu cho ông
Sầu thương chất đầy lòng
Nay Hiền giả hết nạn
Buồn thương con trừ xong.
Nay đã lìa sầu não
Và thân thuộc đủ đông
Ông hôm nay vui vẻ
Nhìn voi sống thong dong.

Trời Đế Thích lại nói kệ tiếp:

Ta cảm thương cho ông
Muốn trừ nỗi đau lòng
Nên bày nhân duyên ấy
Thêm lợi cõi bụi hồng.
Người sáng hiểu rõ đấy
Ân ái sinh khổ lòng
Trong ngoài quan sát kỹ
Muốn được biến hóa thông.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vị Tiên nhân thời ấy nay là vị Hòa thượng đó, con voi con là người đệ tử, còn trời Đế Thích chính là thân Ta, ngày đó gặp nhau, bây giờ cũng thế.

Đức Phật nêu giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

□

PHẬT NÓI KINH SINH

QUYỂN 4

Kinh 30: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Con Trâu Chúa.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, Phật nói với các Tỳ-kheo:

– Về đời quá khứ xa xưa, ở chốn vắng vẻ, khoáng đãng nọ, lúc ấy có một con trâu chúa sống nơi đấy, hay đi đó đây để ăn cỏ và uống nước suối. Khi trâu chúa và đám quyến thuộc họp nhau lại một chỗ, trâu chúa thường đứng trước, dáng vẻ đẹp đẽ, uy thần lồng lộng, đức độ khác lạ hơn chúng, lại luôn nhẫn nhục hòa nhã, mọi nẻo đi đứng đều luôn thể hiện sự an lành. Có một con khỉ cái đứng ở ven đường, nhìn thấy trâu chúa cùng quyến thuộc tụ hội đông đủ, lòng sinh giận dữ, ganh ghét, liền lấy gạch đá, tung cát bụi ném vào đám trâu kia. Bị khinh khi, làm nhục, nhưng trâu vẫn im lặng nhận chịu chứ không chống trả lại. Lát sau, một bộ phận khác của trâu chúa nối nhau tìm đến, con khỉ cái trông thấy cũng lại la mắng, rồi lấy gạch đá, tung cát bụi quăng ném xối xả về phía đàn trâu. Bộ phận đi sau này thấy vua trâu đi trước im lặng không hề chống trả, nên cũng bắt chước nhịn nhục, lòng vui vẻ, ôn hòa, an lành, khoan thai bước đi, chấp nhận sự hủy nhục ấy không lấy đó làm giận. Tất cả đám quyến thuộc của trâu chúa đi qua chưa bao lâu thì lại có một chú trâu nghé theo đàn đi tới, đuổi theo bầy. Lúc đó, con khỉ cái lại mắng chửi, nhục mạ khinh dể nó. Con trâu nghé này lòng giận lắm, chẳng vui, nhưng thấy cả bầy đi trước đã tỏ ra nhẫn nhục, không sân hận, nên cũng học theo cách ấy mà thể hiện sự nhẫn nhục, nhu hòa. Cách con đường đó không xa, nơi rừng cây lớn có vị thần cây sống quanh quẩn trong đó. Khi trông thấy các con trâu bị hủy nhục mà vẫn nhẫn nhịn, không sân hận, bèn hỏi trâu chúa:

– Vì sao các ngươi thấy con khỉ cái ấy thốt ra lắm lời mắng chửi, ném gạch đá, tung cát bụi mà vẫn nhẫn nhục, im tiếng, không chút phản

ứng gì cả, thế là ý nghĩa gì, ý của các ngươi thế nào? Ông lại làm bài kệ để hỏi:

Các ngươi vì cớ gì
Nhịn khỉ cái phóng dật
Quá độ hung ác thật
Các ngươi xem khổ vui.
Hòa ái cho ngày mai
An lành trong hành động
Nhẫn nhục phải coi trọng.
Trong quá khứ chúng bây.
Mặc gậy đập sừng này
Tạo nên bao đầy ải
Lại bày nghĩa sợ hãi
Mặc nhiên không đáp lại.

Con trâu chúa đáp lại:

Khi dễ, hủy nhục ta
Đối người khác tăng gia
Kia chịu nhiều báo ứng
Bệnh hoạn càng thêm ra.

Đàn trâu đi qua chưa lâu, thì có đông đảo các vị Phạm-chí cùng với một đoàn Tiên nhân thuận đường cùng tới, con khỉ cái ấy cũng lại buông lời mắng chửi, nhục mạ, khi dễ, rồi lấy đá gạch cát bụi tung ném về phía họ. Các Phạm-chí tức thời đuổi bắt, lấy chân đạp giết con khỉ đó. Do vậy, thần cây lại làm bài kệ:

Tội ác chẳng tiêu mất
Gặp họa khi đã mùi
Tội ác đã đầy đủ
Tai ương phải đến thôi.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết, trâu chúa lúc ấy là bản thân Ngài. Lúc còn là Bồ-tát, có tội nên bị đọa làm trâu, là vua trong loài trâu, Ngài thường thực hành nhẫn nhục, tu tập bốn tâm vô lượng là: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, tự chứng đến quả Phật. Các con trâu khác và đám quyến thuộc của trâu chúa nay chính là các Tỳ-kheo. Còn con trâu nghé là các vị Phạm-chí, Tiên nhân và các tín đồ tại gia của Đức Phật. Con khỉ cái kia là đại diện của đám dị giáo Ni-kiền sư. Đầu đuôi là như thế, đầy đủ rốt ráo, mọi nẻo hành động đều có thu đạt, thiện ác không hề bị tiêu mất mà luôn như bóng theo hình, như vang ứng với tiếng.

-oOo-

Kinh 31: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Con Thỏ Chúa.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

– Ngày xưa, có con thỏ chúa sống cùng với đàn ở trong núi, đói thì ăn trái cây, khát thì uống nước suối, luôn thực hành bốn tâm vô lượng: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, dạy dỗ đám quyến thuộc phải nên nhân ái hòa thuận, chớ làm điều xấu ác, thì khi thoát khỏi thân này sẽ được làm thân người, có thể thọ nhận được đạo pháp. Các quyến thuộc đều vui mừng nghe theo lời chỉ giáo, chẳng dám trái mạng. Khi ấy, có một vị Tiên nhân sống trong rừng cây, ăn hoa quả, uống nước suối trong núi, một mình tu tập theo đạo pháp, chưa từng buông thả tâm ý, dốc tạo theo bốn phạm hạnh: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, tụng kinh, luôn nhớ nghĩ đến pháp, âm thanh vang tỏa khắp nghe rất hòa nhã khiến ai cũng vui thích. Khi thỏ chúa đến gần nơi đó, được nghe tụng kinh, lòng vô cùng hớn hở, nên nghe không biết chán, bèn cùng với đám quyến thuộc mang trái cây đến cúng dường cho vị đạo nhân. Cứ như thế, ngày qua tháng lại suốt năm, khi mùa đông lạnh lẽo đến, vị Tiên nhân muốn trở về nơi xã hội thế tục, thỏ chúa thấy ông mặc áo, mang bát và cái túi da hươu đựng y phục, nên buồn rầu chẳng vui, lòng đầy lưu luyến, chẳng muốn ông bỏ đi. Thỏ chúa liền đến trước ông, rơi nước mắt, hỏi:

– Ngài đi về đâu vậy? Ở đây ngày ngày được trông thấy ngài, tôi lấy làm vui vẻ, quên cả đói khát, y như đối với cha mẹ, nguyện xin ngài ở lại nơi đây, chớ nên bỏ đi.

Vị Tiên nhân đáp:

– Ta có thân tứ đại, phải giữ gìn nó, nay mùa đông rét mướt đã đến, trái cây đều hết, nước suối trong núi này sẽ đóng băng, lại không có hang kín để có thể ở được, nên mới tính bỏ đi dựa vào xã hội đông đảo dưới kia làm kẻ khất sĩ xin ăn, nghỉ tạm ở tinh xá chờ qua mùa đông lạnh lẽo thì ta sẽ tới đây gặp lại nhau, vậy chớ nên lo lắng ưu sầu.

Thỏ chúa nói:

– Đám quyến thuộc của chúng con sẽ đi khắp nơi, lục lọi khắp chỗ để tìm kiếm trái cây nhằm cung cấp đủ cho nhau, chúng con nguyện một

lòng một dạ, xin ngài thương xót tế độ cho. Giả sử ngài bỏ đi, nỗi luyến thương càng tăng thêm buồn bã, sầu khổ, hoặc chẳng tự bảo toàn được. Còn như hôm nay, không có đủ phẩm vật để cúng dường, thì xin lấy thân con để dâng lên đạo nhân.

Vị đạo nhân thấy vậy, thương cảm hết mực, thấu được lòng dạ chí thành của thỏ chúa, phân vân chưa biết phải thế nào. Vị Tiên nhân này thờ lửa, trước mặt có đống than đang cháy rực. Thỏ chúa nghĩ là vị đạo nhân này đã bằng lòng nên mới im lặng, thế là nó bèn gieo mình vào đống lửa. Lửa đang bừng bừng cháy đỏ, thỏ chúa vừa rơi vào trong ấy, vị Đạo nhân muốn cứu, nhưng nó đã chết. Sau khi chết, thỏ chúa được sinh lên cõi trời Đâu-suất, làm thân Bồ-tát, công đức đặc biệt tôn quý, uy thần lồng lộng. Vị Tiên nhân thấy thỏ chúa đã vì đạo đức mà không tiếc thân mạng mình, nên thương xót lắm và cũng nghiêm khắc tự trách bản thân, rồi tuyệt cốc, chẳng ăn uống gì, thần hồn về nơi cõi trời Đâu-suất.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Con thỏ chúa ngày ấy là bản thân Ta, các quyến thuộc của thỏ nay là các vị Tỳ-kheo đây, còn vị Tỳ-kheo kia nay là Đức Phật Định Quang. Ta làm Bồ-tát chuyên cần khổ hạnh như thế, luôn tinh tấn chẳng chút biếng trễ, vì kinh điển, đạo pháp nên chẳng hề tiếc thân mạng, tích lũy công đức từ vô số kiếp mới chứng đắc Phật đạo. Vậy các vị phải nên tinh tấn, siêng năng, không được phóng dật, không được lười nhác, nỗ lực đoạn trừ sáu tình như cứu lửa cháy đầu, tâm không tham vướng, luôn tự tại như chim bay lượn giữa hư không.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 32: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Không Sợ.

Ngày xưa có một người tánh tình vốn hiền lành, nhân đức, phụng thờ kinh pháp, giữ giới luật, dốc sức tu tập tinh tấn, vun bồi đức hạnh. Mỗi ngày đều tự nghiêm khắc trách mình, việc làm không vướng tội lỗi xấu ác, bản thân luôn tuân hành theo lề lối sống trong thiên hạ, đi lại với bốn chúng, dứt hết những ý tưởng cấu uế, hành động chân chánh không bị mê hoặc, tu tập sáu pháp của hàng Bồ-tát là: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm và Trí tuệ, dứt mọi nẻo mong cầu, dùng đạo pháp để tự bảo vệ, đến với bạn đồng học không hề có tâm tính toán sai khác. Như ở đâu có pháp hội, ông liền đến đó để nghe kinh, không nhàm chán mệt mỏi, luôn nhớ nghĩ đến công đức của Phật, tán thán Phật là Bậc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ,

Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, là Phật Thế Tôn, ân đức của Đức Phật ấy đã ban bố lưu truyền rộng khắp. Ông cũng ca ngợi diệu nghĩa của đạo pháp, ý chí chỉ đặt ở nẻo vô vi giải thoát là gốc của đạo pháp, luôn thấm đượm dịu ngọt hương của giáo pháp lan tỏa rộng khắp, mười phương thảy đều hay biết, bỏ ác tích thiện, còn ở nhà là ô nhiễm, xuất gia mới là vô vi, giải thoát, ý chí thường suy tư về giáo pháp, lấy giáo pháp làm nhiệm vụ, chuyên cần tụng kinh pháp như uống nước cam lộ, giáo pháp là thuốc đạo trị liệu nhiều bệnh, giáo pháp là cây cầu nối thông các nẻo qua lại, giáo pháp là chiếc thuyền đưa những người chưa giác ngộ tới được bến giác, giáo pháp là mặt trời, mặt trăng chiếu sáng ngày đêm, trừ khử tối tăm, làm tiêu tan bóng tối che phủ, thấy được nơi vô hình. Ông lại tin tưởng ở Thánh chúng, các vị tu học trong chúng cũng như các dòng nước chảy dồn về biển lớn. Những vị trong Thánh chúng, hoặc đã đắc quả Đạo tích, hoặc đắc quả Vãng lai, hoặc đắc quả Bất hoàn, hoặc thành tựu đạo quả Vô trước, quả Duyên giác, hoặc hành Bồ-tát hạnh, cho đến bậc Bất thoái chuyển, Nhất sinh bổ xứ và chứng được đạo quả Vô thượng Chánh chân, cũng do từ đấy mà sinh ra, giáo pháp ấy là vô tận, không bờ bến giới hạn, nói chung biển đạo pháp là hết sức sâu xa vi diệu. Nẻo phụng sự hành hóa của Bồ-tát luôn qua lại cùng khắp để độ thoát tất cả muôn loài, không gì là không dốc sức tế độ. Nhờ vào trí tuệ giác ngộ cao diệu, nên không còn bị một nơi chốn nào ngăn ngại. Người ấy mỗi khi hành động, ra vào nơi bốn chúng, thường ca ngợi Tam bảo, bản thân thì tự quy y, từ đó giáo hóa tất cả, thường tôn trọng ba việc: Một là dấy khởi, tạo lập công đức như tu sửa chùa Phật. Hai là tụng kinh niệm đạo, tuyên dương kinh điển, giáo pháp. Ba là tâm ý luôn định tĩnh, dứt mọi phóng dật, phụng trì, thể hiện bốn tâm vô thượng là: Từ, Bi, Hỷ, Hộ, thực hành các phép không, vô tướng, vô nguyện, hiểu rõ nẻo quyền biến khéo léo, tùy thời mà hóa độ người, khiến họ phát đạo tâm.

Khi người ấy tuổi đã lớn, thọ mạng sắp hết, thì những người trong bốn chúng cùng học, những người bà con gần gũi trong vùng và các nơi khác đều đến thăm hỏi: "Sắp ra đi không gì phải lo sợ, luôn an tâm, chớ sợ!" Người kia liền làm bài kệ đáp:

Các ác ta lánh xa
Làm công đức tối đa
Nay thân này đã hết
Sợ hãi sạch lòng ta.
Giống như cây cầu nối
Trụ cứng cầu vững đà

Như người đi thuyền chắc
Bờ giác ngộ ắt qua.

Mọi người nghe kệ thảy đều vui mừng hớn hở. Người kia mạng chung, sau khi chết được sinh lên cõi trời Đâu-suất cung kính đảnh lễ Phật Di-lặc, chứng được quả Bất thoái chuyển, cùng với các vị Bồ-tát giảng kinh, luận pháp, khai thị giáo hóa những chúng sinh chưa được giác ngộ.

-oOo-

Kinh 33: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Năm Trăm Đứa Trẻ Nhỏ.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Ba-la-nại cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và các vị Bồ-tát.

Bấy giờ có năm trăm đứa trẻ thường chơi đùa với nhau, tâm đầu ý hợp, cùng kết làm bạn bè, ngày ngày cùng đi chơi với nhau, coi nhau như một, không chút phân biệt, một ngày không gặp mặt xem dài bằng trăm ngày, rất kính trọng nhau. Một ngày kia, chúng đi chơi gần sông nước, lấy cát đắp làm tháp, miếu, đứa nào cũng nói: "Tháp của tao là đẹp nhất, mày nên bắt chước làm đi." Năm trăm đứa trẻ kia, tuy có tâm lành, nhưng phước đức của đời trước mỏng manh. Khi ấy, ở trong núi, trời đổ mưa lớn, nước lũ tuôn về làm nước sông dâng lênh láng tràn ra khắp nơi cuốn trôi mất năm trăm đứa trẻ đang chơi, khiến chúng bị chết chìm trong nước, cuốn theo dòng chảy. Mọi người nhìn thấy không ai là không than thở thương tiếc, đều nghĩ: "Thật đáng thương, thật đáng thương thay!"

Cha mẹ chúng thương khóc thảm thiết, không thể tự kiềm chế được, không biết tìm kiếm tử thi con ở đâu, càng thêm sầu buồn thê thảm. Khi ấy, mọi người đều quay trở lại, các Tỳ-kheo trình bày đầy đủ việc này và hỏi ý Đức Phật. Đức Phật bảo với mọi người:

– Ta đã sớm biết thọ mạng đời trước của chúng, không thể xin cầu được.

Ngài gọi cha mẹ chúng, bảo là chớ có buồn khổ, năm trăm đứa trẻ ấy đời này túc mạng đã ứng như vậy. Nay tuy thọ mạng chúng hết, nhưng đã được sinh lên cõi trời Đâu-thuật, đều cùng phát tâm tu tập hạnh Bồ-tát. Đức Phật bèn phóng hào quang sáng tỏa để cho cha mẹ chúng thấy các con tại đây. Khi Đức Phật từ xa gọi: "Năm trăm đồng tử hãy đến!", thì các đồng tử đều đến đứng giữa hư không, tung rải hoa cúng dường Đức Phật, rồi hiện xuống cúi đầu đảnh lễ, xin quy y Đức Phật. Các đồng tử nói:

– Nhờ ân Đức Thế Tôn, tuy thân mạng mất, nhưng chúng con được sinh lên cõi trời, gặp Đức Phật Di-lặc, xin Ngài rủ lòng Từ bi ân đức, hóa độ cho những người chưa được giác ngộ.

Đức Phật:

– Lành thay! Các con có sự tính toán rất hay, hiểu biết về đạo pháp chí chân giác ngộ, tạo lập chùa tháp, do nhân lành ấy mà được sinh lên cõi trời, được gặp Phật Di-lặc, thọ nhận lời dạy về đạo pháp.

Đức Phật còn vị họ mà thuyết pháp, khiến họ thảy đều vui mừng, an trụ nơi pháp Bất thoái chuyển, mỗi người đều thưa với cha mẹ:

– Xin cha mẹ chớ có buồn rầu, mỗi người sống đều có mạng, không thể cản lại được, vì thế phải nỗ lực tinh tấn, lấy đạo pháp để tự tu tập. Người sống trong ba cõi như bị giam hãm trong tù, chỉ có đắc đạo, vượt khỏi cuộc đời sinh tử thì mới hoàn toàn tự tại. Vậy nên quy y Tam bảo, thoát khỏi sự chi phối của ba dòng, phát tâm Bồ-đề mới mong được lâu bền, du hóa khắp nơi, độ thoát tất cả.

Cha mẹ thảy đều nghe theo những lời chỉ dẫn của con, nên đều phát khởi đạo tâm. Khi ấy, các người con trên trời kia cúi lạy nơi chân Đức Phật, đi nhiễu quanh ba vòng, làm lễ xong lui ra bỗng nhiên biến mất, trở về cõi trời Đâu-thuật.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 34: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Cây Cỏ Độc.

Ngày xưa, ở một nước kia có rừng cây lớn, cây cối um tùm cao ngất trời, không ai chặt phá. Trong khu rừng ấy có vị thần cây, thông đạt nghĩa lý, vào ra hành động luôn thích hợp, không giống với những kẻ khác, thường hay đi đến khắp bốn phương, trải qua nhiều khu rừng lạ. Bấy giờ, thần cây rất vui vẻ nên để mặc cho những người vào rừng hái quả, kiếm củi, cắt cỏ, chẳng chút hờn giận. Nước suối có bóng mát phủ che, uống vào luôn an lành. Khi ấy, có con chim từ phương xa bay tới, miệng ngậm cây cỏ hết sức xấu độc, lượn qua khu rừng đó, ném cây cỏ độc xuống. Cây cỏ độc vừa rơi chạm vào cành thì độc tố đã thâm nhập vào cây, làm cây bị khô quá phân nửa. Thần rừng cây thấy thế, lòng nghĩ: "Chất độc này quá hung ác, vừa rơi vào cây chỉ trong giây lát đã làm khô nửa cây, chưa hết nửa ngày, chưa hết đêm tối mà đã khô héo như thế, thì chưa tới mười ngày, cây cối trong khu rừng này sẽ khô héo hết!"

Đang chưa biết làm thế nào để trừ khử độc tố tai hại kia, thì giữa hư

không có vị Thiên thần nói:

– Này vị thần cây, chẳng bao lâu có bậc cao minh trên đường du hóa sẽ đi ngang qua khu rừng cây này, ông hãy chuẩn bị giấu vàng trong rừng, để thuê ông ấy trừ độc này, trừ sạch từng gốc cây một, khiến không còn một chút chất độc nào cả nơi cây thì các người mới được yên ổn lâu dài, nếu không như vậy thì ngày chưa tối, cái cây bị độc ấy sẽ khô hết, rồi tiếp đến là cả rừng cây.

– Vị thần cây nghe theo lời bảo, hóa làm người đứng bên đường chờ đợi. Khi người đó đến, ông liền nói:

– Tôi có kho vàng sẽ xin biếu ông, xin ông ra sức diệt trừ tận gốc thứ độc tố trong cây bị nhiễm độc này.

Người kia nghe nói sẽ được cả kho vàng lớn, liền mau mắn nhận lời. Ông liền trừ tuyệt tận gốc thứ độc tố phá hại cây đó. Thần cây vui mừng, liền dâng cho người ấy kho vàng, người ấy nhận lấy vàng rồi cáo lui, nhà cửa nhờ đấy trở nên giàu có. Thần cây thì vui mừng vì tránh được cái nạn nhiễm độc, cây cối yên ổn lâu dài, hoa trái sum suê, chẳng còn lo bị độc hại nữa, các tội tiêu tan hết.

Đức Phật nói:

– Rừng cây ấy là ví cho ba cõi, ông thần cây là ví cho vị Bồ-tát phát tâm cứu độ chúng sinh, con chim từ phương xa mang độc hại đến là ví cho các tưởng về ma chướng có từ vô minh, thần trên hư không chính là Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật mượn chuyện này nhằm dẫn dạy cho những người tu học đạo pháp, đừng theo nẻo ma, phải thuận theo bạn lành là các bậc Bồ-tát Đại sĩ và những người đồng chí cùng tu học, mới mong diệt trừ được ba thứ cấu nhiễm và các tai ách nhọc nhằn. Việc giải trừ độc tố cho cây tận gốc rễ là ví cho việc tiêu diệt cái tối tăm của dâm, nộ, ngu si. Nếu không trừ dứt được chúng thì luôn bị chìm đắm trong ba cõi, tội lỗi cứ chồng chất, phủ che thì không có cái uy thế gì có thể cứu độ được chúng sinh thoát khỏi khổ não của sinh tử. Việc tặng cho kho báu là ví cho kho báu đạo pháp. Các vị Bồ-tát Đại sĩ lần lượt giúp nhau để hoàn thành sứ mạng độ sinh, cũng như muôn dòng sông đều chảy về biển lớn. Thần cây vui mừng, không còn hoạn nạn sầu khổ, tiếp tục ở lại rừng cây ấy là các vị Bồ-tát đã chứng được pháp nhẫn Vô sở tùng sinh đại bi, nhân đấy mà luôn qua lại nơi ba cõi để hóa độ khắp tất cả chúng sinh. Việc được của báu vui mừng, gia đình trở nên giàu có ấy là chỉ cho việc đạt được pháp Tổng trì sáu Độ vô cực, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tu bốn tâm vô lượng, bốn

ấn, mười lực, hòa hợp khéo léo với bốn vô sở úy, các căn tịch định, ấy chính là của quý báu vô hạn, đạo pháp giàu có vô lượng. Việc trở về nhà ấy chính là sự giải thoát trở về với cái gốc thanh tịnh chân thật của cõi đạo. Từ đó, thị hiện thân Phật để hoằng dương đạo pháp, khai thị hóa độ khắp mười phương, không ai là không chịu ân.

-oOo-

Kinh 35: Đức Phật Thuyết Dụ Về Con Ba Ba.

Thuở xưa có một con ba ba chúa, sống đi đây đi đó trong biển cả, qua lại khắp nơi lấy làm vui sướng. Khi ấy, ba ba chúa ra đến bờ biển, lên sát mép nước mà nằm. Thân nó vừa dài vừa rộng, mỗi bên đến sáu mươi dặm, nằm phơi mình ở đấy trải qua nhiều ngày, nên cứ ngủ say trên mặt đất, không động đậy gì cả.

Bấy giờ, có một đoàn lái buôn từ phương xa tới đi ngang qua đó, thấy chỗ này tưởng là bờ biển cao ráo liền với đất, có thể đi được. Năm trăm khách buôn, xe ngựa, gia súc, số đông lên đến hàng ngàn đều dừng lại ở trên lưng con ba ba. Người ta còn chẻ củi, nhóm lửa, nấu đồ ăn thức uống và chăn thả súc vật như trâu, ngựa, lừa, la, lạc đà… đi lại, đứng nằm trên lưng con vật khổng lồ ấy. Lúc ấy, con ba ba chúa thân bị đốt nóng quá khiến nó cựa mình, tức thì chuyển thân bò nhanh vào biển lớn, bơi chạy khắp đó đây nhưng lửa hại trên lưng vẫn không dứt. Các người khách buôn thấy vậy cho là động đất, nước biển dâng tràn, nên họ kêu gào thảm thiết:

– Hôm nay nhất định bị chết, phải làm sao đây?

Thân con ba ba bị đau nhức không thể chịu đựng được, nên nó liền lặn sâu hút vào lòng biển, dìm chết mọi người cùng với trâu ngựa, gia súc cũng đều thiệt mạng.

Khi đó, vị Bồ-tát nói với các đệ tử:

– Cái thí dụ nêu trên là để giảng giải ý như sau: Đoàn khách buôn từ xa đến là chỉ cho con người trong ba cõi. Năm trăm khách buôn là chỉ cho năm ấm, sáu trần và cái nạn của các nhập. Thân con ba ba rộng dài mỗi chiều sáu mươi dặm là chỉ cho hai lớp giao tiếp của sáu thứ dẫn dắt của mười hai nhân duyên, khiến chúng sinh luân chuyển mãi trong cõi sinh tử không bến bờ, đi khắp năm nẻo không biết bao giờ mới chấm dứt. Đốt lửa nấu ăn là chỉ cho ba độc lây lan dữ dội, dục tình dấy khởi mạnh. Con ba ba chạy vào trong biển rộng là chỉ cho kẻ phạm mười điều ác, chết bị đọa trong ba đường ác là địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, chịu biết bao là thống khổ không thể nói hết. Cho nên Đức Như Lai hiện rõ Thánh đức,

trí tuệ giác ngộ lớn lao không cùng, qua lại cõi sinh tử để cứu độ các chúng sinh bị những ách nạn hiểm nguy, tội lỗi che lấp, mờ tối không tỏ, làm hiển bày cái vẻ rực rỡ của đạo pháp, khiến cho tâm ý của chúng sinh được mở mang, cùng phát khởi đạo tâm Vô thượng chánh chân.

-oOo-

Kinh 36: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Vị Bồ-tát Đã Từng Làm Con Ba Ba Chúa.

Thuở xưa, có vị Bồ-tát đã từng làm con ba ba chúa, sinh ra lớn lên trong biển rộng, giáo hóa đồng loại như đám con cái, dân chúng đều phải tu nhân tích đức. Chính bản thân ba ba chúa cũng phụng trì chánh pháp, thực hành bốn tâm vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Hộ, thương xót chúng sinh như người mẹ thương yêu đùm bọc nuôi nấng con mình. Ba ba chúa du hành trong biển giáo hóa tất cả đồng loại chưa được giác ngộ, đều nhằm đem an lành đến cho mọi vật, cùng cuộc sống sung túc, chẳng còn đói rét. Biển này rất sâu rộng, bờ vực vô hạn mà nó đã đi tới khắp cả, không chỗ nào là không trải qua, để cứu độ các trường hợp nguy ách, khiến các tội lỗi được tiêu trừ.

Lúc ấy, con ba ba chúa ra khỏi biển đến tận bờ nằm nghỉ, trải qua nhiều ngày tháng, thân nó vững chắc như chỗ đất cao liền với mặt đất. Khách buôn từ xa tới thấy chỗ này cao ráo thì dừng lại trên đó, chẻ củi nhóm lửa nấu ăn. Họ còn buộc, nhốt ở đấy nào là trâu, ngựa, chất đầy các thứ hành trang chở theo và cả xe cộ nữa. Con ba ba chúa thấy cảnh tượng ấy, lại bị lửa thiêu đốt cháy trên lưng mình, mà người, xe cộ đều ở trên đó cả, khốn nỗi nó không thể nói được, muốn lặn sâu trong nước thì lại sợ làm hại mọi người, là điều bất nhẫn trái với tâm đạo, nên nó cố gắng chịu đựng, nhưng nỗi đau đớn không thể tả xiết. Ba ba chúa bèn nghĩ ra một kế sách quyền biến, là sẽ vào chỗ biển cạn để ngâm thân mình, dập tắt được lửa dữ mà chẳng làm nguy hại tánh mạng đám khách buôn, quả là nhất cử lưỡng tiện, không gì là sai trái. Đúng như suy nghĩ, nó liền thực hiện phương kế ấy, đám khách buôn rất sợ hãi, cho là nước biển dâng tràn đến, nên kêu gào thảm thiết:

– Chúng con phen này nhất định chết mất! Chúng con xin quy mạng chư vị Đế Thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, thần ánh sáng mặt trời, mặt trăng, xin các ngài dùng oai thần cứu vớt chúng con.

Con ba ba chúa thấy vậy, càng thêm thương xót, nhân đó, nó báo cho đám khách buôn biết:

– Thận trọng, chớ có sợ hãi! Ta bị lửa thiêu đốt nên mới rời chỗ nằm

chạy vào nước bể để dứt trừ sự đau đớn, nay đã yên rồi, không còn gì nguy hiểm nữa đâu!

Đám khách buôn nghe được, lấy làm mừng rỡ, biết có hy vọng sống sót, liền cùng nhau kêu to lên:

– Nam-mô Phật.

Con ba ba dấy khởi lòng Từ bi lớn lao, dần dần mang hết đám khách buôn cùng vật dụng chuyển tới sát bờ biển, mọi người được thoát chết, ai cũng vui mừng, đứng từ xa bái lạy con ba ba chúa, ca ngợi đức độ của nó, tôn xưng nó là chiếc cầu đưa họ đi qua an toàn, việc làm ấy chính là chiếc thuyền chở họ vượt qua ba cõi, thành tựu được Phật đạo, sẽ trở lại cứu độ mọi người thoát khỏi khổ nạn của sinh tử.

Con ba ba chúa đáp lại:

– Lành thay! Lành thay! Đúng như lời của Đức Như Lai. Các ngươi hãy tự rời khỏi đi!

Đức Phật nói:

– Con ba ba chúa thời đó là thân Ta, năm trăm khách buôn là năm trăm người đệ tử như Hiền giả Xá-lợi-phất…

Tìm biết về thọ mạng từ đời trước, vì đệ tử mà thuyết giảng, là Đức Phật muốn khiến họ phải quyết chí tu đức.

-oOo-

Kinh 37: Đức Phật Thuyết Dụ Về Sự Độc Hại.

Thuở xưa, có một gia đình, cả nhà thích làm việc độc hại. Hễ một hành động độc hại được làm xong thì trong nhà được giàu có thêm. Thọ mạng đời trước, tội phước quả báo bọn họ đều mặc kệ. Cả nước đều ghét, chẳng ai dám qua lại làm việc với họ, sợ gặp họ như gặp điều nguy hại. Cả nước đều lánh xa, nên họ muốn cưới vợ cho con cái thì không ai dám gả, ai cũng nói cho nhau biết đó là gia đình chuyên làm việc độc hại, là việc làm ác độc nhất trên đời, chẳng hợp với nghĩa lý, chỉ muốn hại mạng người. Như muốn kết sui gia với họ, thì khi hết nơi nào bỏ độc, họ sẽ quay lại bỏ độc cho mình, vì vậy mà mọi người đều xa lánh họ như xa lánh giặc dữ. Giặc cùng với người giao đấu, tay sử dụng võ đánh đấm nhau, hãy còn phân biệt được kẻ mạnh người yếu, chứ như gia đình dùng độc hại, âm thầm hại người thì khi người bị chúng hại rồi, mạng sống không thể cứu được nữa. Mọi người đều biết như thế nên ai cũng xa lánh, không cùng họ cọng tác trong mọi công việc. Người này gặp cảnh khốn đốn vô cùng trong việc đi tìm vợ cho con khắp nơi mà không

nơi nào chịu gả cả. Nhân đó, hắn mới đi xa hơn ngàn dặm sang nước khác để tìm vợ cho con. Gia đình hắn thì giàu có sang trọng, còn nhà cửa bên người con gái lại nghèo khó, eo hẹp. Gia đình này thấy hắn giàu có nên tham mà gả con gái cho, không bị hắn bỏ độc hại, lại còn thu thêm được của cải. Hắn đưa người con gái về nhà làm lễ thành hôn rất uy nghi, đầy đủ. Ra vào lễ lượt, làm cho gia đình ấy hao tốn nhiều của cải nên phải bỏ độc hại người thì mới giàu có như cũ. Cha mẹ chồng bảo nàng dâu đi bỏ độc giết người này và nói:

– Cái nghề gốc của gia đình ta là tự mình phải làm như thế!

Nàng dâu nghe bảo thế thì buồn rầu, thưa với cha mẹ chồng:

– Cha mẹ con làm lành, chưa hề làm hại ai, nên con không nhận việc bỏ độc hại người, có chết thà chết chớ không vi phạm, cha mẹ có mắng chửi, con cũng không thể nghe theo lời được.

Nhân đó, vợ chồng người này thưa với thần độc hại:

– Hôm nay chúng con sai nàng dâu này đi bỏ thuốc độc hại người mà nó chẳng chịu nghe lời, phải làm sao đây?

Thần độc hại đáp:

– Ta phải cải hóa nó, để nó chẳng còn trái lời dạy bảo nữa.

Thần liền hóa làm con rắn độc bò đến chỗ nàng dâu, nàng này sợ hãi không biết phải tránh con rắn độc ở đâu. Con rắn hoặc hiện ở trên đầu, khi ăn thì hiện trước mặt, khi uống thì hiện trong đồ dùng, khi ngủ thì hiện trên giường, khi bước đi thì nó theo sau. Nàng dâu kia sợ hãi quá, không biết phải chui vào đâu, trở nên gầy ốm trơ xương, không thể ăn uống được. Thần độc hại mới ra lệnh cho nàng dâu đi bỏ thuốc độc hại người. Khốn cùng, không còn cách nào khác, nàng dâu đành theo lời dạy bảo của thần độc hại. Lúc ấy, có người nhà của nàng dâu đến thăm, thấy thân hình người con gái gầy ốm, chẳng an lành, thì lấy làm ngạc nhiên, hỏi lý do vì sao như vậy. Người con gái nói hết đầu đuôi câu chuyện, rồi dặn:

– Về đến nhà ta, phải thưa với cha mẹ ta mau chóng tới đón ta về, còn không thì nhất định ta phải bị chết.

Người quen trở về thuật lại đầy đủ cho cha mẹ nàng nghe chuyện đó. Ông bà buồn khổ, bồn chồn, người cha bèn chuẩn bị xe ngựa, nhanh chóng đi đón con gái về. Đến nơi, ông nói với cha mẹ chồng người con gái:

– Mẹ con gái tôi thương nhớ khóc lóc suốt đêm, quá nhớ con gái nên khiến tôi đến đón nó về để mẹ con được gặp nhau, ít lâu sau sẽ cho trở lại nhà chồng.

Cha mẹ chồng bằng lòng cho đi. Người cha đưa con gái về nhà, sau đó ông nói với cha mẹ chồng người con gái:

– Gia đình ông chuyên bỏ thuốc độc hại người, ta đoạt nàng dâu của ông, không trả lại đâu.

"Hai bên xảy ra cuộc tranh cãi, nếu như có pháp quan thì sẽ cho bên nào được?" Đây là nỗi lo âu về sự tuyệt diệt cho cả nhà, nên cha người con gái nhất định không nghe theo. Nếu bên gia đình chồng bỏ việc hạ độc hại người ta thì ông mới cho con gái về làm dâu. Hai vợ chồng cha mẹ nàng dâu bàn với nhau:

– Người con gái này thật đoan chánh, trên đời ít có, không thể bỏ được, thà bỏ cái nghề làm chuyện độc của gia đình. Hơn nữa, nếu quan hay được thì càng nguy hại!

Liền ngưng ngay cái nghề độc hại ấy cùng với người cha cô gái lập lời thề ước không dám phạm nữa. Ông sai người đem bỏ thần độc hại, từ đó trong gia đạo trở nên an lành.

Thần độc hại kia là ví cho bốn thứ ma, làm việc hại độc cầu được giàu có là ví cho các thiên ma và đám quỉ thần xấu ác. Ngày ngày chọn dâu, người trong nước không ai chịu gả, là ví cho những người không theo giáo pháp của ma. Người đi tìm nàng dâu, phải đến phương khác tìm kiếm được nàng dâu là ví cho pháp cấu nhiễm. Dạy khiến hại độc nhưng không nghe theo ấy là ví cho việc biết rõ là ma, không bị rơi vào năm ấm. Sai người về báo với cha mẹ ấy là cho việc theo giáo pháp Bát-nhã với phương tiện quyền xảo. Báo cho người cha đến đem con về là ví cho việc theo về với gốc Không. Khiến người con gái có chồng kia ngưng độc hại trở về cùng với mẹ ấy là ví cho trừ khử ba độc, các vọng tưởng, cầu ứng hợp với bốn tâm vô lượng. Nhờ sáu pháp Độ vô cực và các phương tiện khéo léo thích hợp để hóa độ tất cả chúng sinh trong ba cõi, đạt đến trí tuệ chánh chân vô bờ.

-oOo-

Kinh 38: Đức Phật Thuyết Giảng Về Việc Dạy Bảo Con.

Thuở xưa, có một người, cha mất sớm, sống côi cút một mình với mẹ, chưa được răn dạy đầy đủ, ra vào không biết hạn chế, không theo đúng lễ giáo, vi phạm lời dạy trong điển tịch của các Thánh nhân đời trước, chẳng chịu học hỏi lãnh hội kinh pháp, bị bạn ngu mê hoặc, kết bè với chúng để vui chơi rượu chè, cờ bạc, phô trương hình sắc, ham chuộng vỏ bên ngoài, dục tình buông thả, lêu lổng đó đây. Hắn chẳng chịu lấy việc hiếu thuận, tu sửa tâm đức để lập thân, lại phạm nhiều tội ác, miệng

nói lời thô tục, lòng nghĩ những điều độc hại, chẳng nhớ tới lời dạy dỗ, dặn dò của thân sinh, chỉ lấy điều phi pháp cùng hành động bừa bãi làm sự nghiệp. Người mẹ rất khổ vì đứa con như thế. Nhân muốn răn dạy đến nơi đến chốn những phép tắc oai nghi, để cải đổi tâm tánh, hành động của nó, khiến nó biết dè dặt nơi tâm ý, giữ gìn mồm miệng, phụng trì điển tịch của Thánh nhân đời trước, sửa đổi thân tâm theo phép tắc của tổ phụ, cung kính thọ trì đạo pháp vô bờ của Đấng Thế Tôn, người mẹ đem tấm lòng thành của mình nói ra lời răn dạy thâm diệu, bảo cho đứa con trai:

Con luôn hành nhu hòa
Kết bạn lành gần xa
Thường tuyên dương, khuyên giúp
Tu lâu đắc pháp tòa.

Người con hỏi mẹ:

Nếu luôn hành nhu hòa
Thì sẽ được những gì
Như kết giao bạn tốt
Thêm được lợi ích chi?
Luôn nên khen khuyên giúp
Làm sao tu nghĩa này?
Tu lâu được chánh pháp,
Có thêm hơn gì đây?

Người mẹ bảo con:

Nếu hành vi nhu hòa
Được mọi người kính yêu
Nếu kết giao bạn tốt
Kiên định không ngã xiêu,
Nếu luôn được khuyên giúp
Thu hoạch của cải nhiều
Tu lâu đắc chánh pháp
Khi chết sinh cõi trời.

Người con thưa với mẹ:

– Lành thay! Lời dạy của mẫu thân! Lời răn này thật là vô thượng, pháp dạy này thật là vô hạn, lồng lộng khó lường, không thể nêu bày hết được. Con lâu nay ngu tối, quay lưng với ân cao, chạy theo tà ngụy, không biết nẻo chí chân, mê theo bóng sắc, lầm lẫn dòng giống tộc họ, tự cho là tài trí, chẳng sáng mà tự cho là sáng, chẳng đạt mà tự cho là đạt, chẳng biết phân biệt cao thấp trên dưới, nhất là lời dạy sáng suốt của mẫu thân,

xem thường việc thiện, quý trọng việc ác, chẳng giữ đúng nẻo hiếu dưỡng để báo đáp ân đức của mẹ hiền, bỏ nhân hậu theo bạc ác, kết với bọn ngu làm bạn, khiến cho sự ngu si mê lầm ngày càng chồng chất thêm. Nhờ chịu sự giáo hóa của mẫu thân hiển bày rõ ràng nhân từ, thể hiện lòng thương lai láng, là cội nguồn của sự nuôi dưỡng làm chuyển đổi, khiến trở nên tốt đẹp hơn, thông đến mười phương, con xin thọ lãnh phụng hành, không dám sai sót hoặc quên lãng.

Người con cung kính lạy tạ mẫu thân, quyết tu hành theo sự chỉ dạy của người mẹ, trước sau chẳng hề sai trái. Người con theo đúng pháp mà tiến tu, thường thực hành điều nhu hòa, được cả nước yêu mến. Chọn người lành làm bạn, không hay lấn lướt khinh dể, luôn làm việc khuyên giúp, khiến các trường hợp chia lìa được gặp gỡ, tranh giành được hòa hợp, như vậy mà được dâng tặng rất nhiều của cải, vật báu vô lượng. Người con cung kính cúi lạy quy y Phật, thọ trì năm giới, tu hành mười điều thiện, được chư Thiên hộ trì, bảo vệ. Quốc vương nghe được, triệu vào cho làm đại thần. Nhà vua bảo:

– Trẫm nghe đức hạnh của khanh làm cho cả nước vui mừng, nên ra lệnh gọi vào giúp việc. Nước không có bề tôi giỏi, mà chỉ có bề tôi giỏi giúp việc thì mới khiến cho đất nước được thanh bình, an ninh, các nước bốn phương mới chịu quy phục uy đức, khanh như vậy là được hiển vinh.

Người kia từ tốn thưa:

– Thần chẳng dám trái Thánh ý, nhưng chỉ sợ đức mỏng, chẳng xứng với công việc được giao thì xấu hổ lắm! Không làm tròn trách nhiệm vua giao, khiến muôn dân oán trách, thần thấy việc này quá khó khăn, xin chẳng dám thuận mạng.

Nhà vua nói:

– Ta thấy nhân đức của khanh thể hiện trong lời nói, hành vi, cử động, tới lui, quả có thể làm được việc ấy, nên mới triệu đến đây!

Ngươi kia lặng thinh, được lập làm đại thần. Nhà vua lại bảo:

– Có vị quốc vương nọ, đã có lúc cùng ta giao hảo, thắm thiết như ruột thịt, nhưng rồi vì lời gièm pha đồn đãi khiến hai bên kình chống, mất lòng nhau, lâu ngày chầy tháng, mối nghi ngại hiềm khích kia cứ lớn thêm, khó mà hòa giải được. Ta muốn nhờ khanh làm sứ giả đến hòa giải việc này. Nếu thực hiện được, ta sẽ trọng thưởng cho khanh tiền của và địa vị lớn.

Người kia tâu:

– Xin vâng.

Rồi ông dùng tài sản của mình, chuẩn bị đủ các thứ đồ ăn ngon lành và các vật báu mang sang nước kia, vái lạy trình bày với vua nước đó:

– Thần tối tăm nhưng chịu ân nhuần nên vì vua của thần làm sứ giả. Thần được sai mang đồ ăn uống và vàng bạc châu báu này đến cống nạp cho đại vương. Trước đây, vua của thần sai lầm, hành động chẳng phải, làm trái thánh ý. Cách biệt từ đó đến nay trải nhiều năm tháng, vua của thần lấy làm xấu hổ, áy náy không yên nên sai hạ thần sang cống nạp, xin đại vương tha thứ những va chạm xích mích cũ, nguồn gốc của các lỗi lầm ấy.

Nhà vua này nghe thế trong lòng hả hê, cũng lại tự trách mình:

– Ta từ lâu đã có ý muốn hòa giải, nhưng chưa làm được thì sứ giả ấy đã đến từ tạ trước rồi. Quả là ta chẳng theo kịp ông ấy trong việc này.

Rồi chính tay nhà vua viết thư báo cho vị vua kia biết:

– Tuy cách biệt đã lâu, không được đối diện nhau để nói chuyện, nhưng luôn nghĩ đến mối giao hảo trước đây, không ngày nào là không nhớ. Trong thời gian cách biệt, không kịp đến chỗ đại vương, xao lảng không gặp gỡ. Nay đại nhân lại sai hiền thần đem vật ngon, của báu đến tặng biếu, tôi nhớ mãi cái hậu ý tốt này, không bao giờ quên, xin được một lần hội ngộ để xóa bỏ những điều vướng mắc trước đây. Nay tôi xin gởi đến đại vương những vật báu quý giá thay mặt, tỏ chút lòng quý trọng của bản thân tôi!

Nhà vua kia được thư mừng rỡ khôn xiết, hẹn ngày gặp gỡ, cùng nhau vui sướng. Họ xét lại nguồn gốc của sự mất lòng trước đây là do bị kẻ khác xuyên tạc và hiểu lầm nhau nên dẫn đến cái tai họa ấy. Nếu hai nước sánh nhau, kết thân thâm hậu, gặp việc hoãn cấp đều cứu giúp nhau thì lại càng thích hợp. Nhà vua liền tặng phong thêm cho quan đại thần tước vị và của báu nhiều vô kể.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Lời dạy chí thành của bà mẹ chẳng phải là lớn lao lắm sao!

Đức Phật nói:

– Thật rất lớn lao!

Tôn giả A-nan lại hỏi Đức Phật:

– Về đời sau này, mọi người đều nên thực hành lời dạy ấy?

Đức Phật nói:

– Có người theo, có kẻ không theo lời dạy ấy! Vì sao như vậy? Là vì về đời sau này dân chúng đa phần nghịch loạn, quý trọng điều ác, khinh

khi điều lành, tình ý phóng túng, bề tôi muốn hại vua, con giết cha mẹ, đệ tử hại thầy, chẳng nhớ tưởng tới công đức cao dày, chẳng nghĩ đến công ân dưỡng dục, muốn hại tất cả, chỉ biết lo cho mình, ganh ghét thầy mình, chẳng khác nào oan gia, tội lỗi như thế chẳng lớn lắm sao? Vì sao? Bởi vì đệ tử đời sau, trước mặt tỏ ra khiêm cung, sau lưng lại muốn chống đối, lòng dạ không trung thực. Tôn sư ra đời là nhằm tuyên dương, truyền bá đạo pháp, giáo hóa, độ thoát tất cả chúng sinh, nên phản bội, ganh ghét, độc ác đối với tôn sư là những tội đầu trong các tội, không thể lấy cái gì mà nêu bày cho hết được. Còn người đức hạnh ở đời sau thường thường cũng có, giống như cây cối trong thiên hạ tuy nhiều nhưng cây thơm, cỏ thơm thì hiếm lắm. Đất núi càng ít có vàng báu. Người tốt làm phước đức cũng lại như vậy. Khi người xấu làm ác thì bè đảng hùa theo rất đông. Người hiểu biết điều chân chánh rất ít. Thời Phật Di-lặc ra đời, người nhân đức mới nhiều, biết quý trọng điều thiện, khinh chê điều ác, không có bọn a dua, đạo đức hưng thịnh, phát triển khắp chốn không thể nói hết được. Mọi người chuyên tu theo đạo đức vô thượng, không làm điều tội ác xấu xa, luôn hiếu thuận với song thân, tôn kính bề trên, vâng lời sư trưởng, quy y Tam bảo, do đó ba thừa được hưng khởi, phát huy, ba độc bị tiêu diệt, người được hóa độ vô lượng, tất cả đều đạt đến đạo quả.

Tôn giả A-nan nghe lời này rồi, buồn vui lẫn lộn nghĩ rằng, nếu như ở đời vị lai mạt pháp mà có những hoạn nạn ấy thì đâu bằng những dân chúng ở vùng núi rừng hẻo lánh, tuy ngu dốt mà có thể biết rõ nẻo đi đến tới lui một cách thích hợp. Nghĩ ngợi như vậy rồi Tôn giả A-nan cung kính đảnh lễ Phật và lui ra.

-oOo-

Kinh 39: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Người Trả Nợ Làm Thân Trâu (Bò).

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và hội đủ các vị Bồ-tát.

Vào lúc sáng sớm, Đức Phật mặc y, tay ôm bình bát đi vào thành khất thực. Cùng lúc, có người dân phương xa đem theo một con trâu lớn, mạnh mẽ, béo tốt bán cho người ở trong thành này. Người mua dắt trâu ra về, tính là sẽ làm thịt. Tại cửa thành ấy, con trâu và Đức Phật gặp nhau. Người chủ thấy con trâu vừa to vừa khỏe, sợ nó vùng vẫy nên mời hơn mười người cùng giúp sức dẫn đi. Con trâu từ xa nhìn thấy Đức Phật,

trong lòng buồn vui lẫn lộn, bèn bứt đứt dây buộc, sổng chạy rất nhanh, mười người theo bắt mà không thể khống chế được trâu. Nó hướng về chỗ Đức Như Lai mà chạy tới. Đức Phật biết là trâu đang nhớ về thọ mạng đời trước của nó. Tôn giả A-nan thấy vậy nên đã đi lên trước nhằm đánh đuổi nó tránh sang một bên, sợ nó xúc phạm đến Đức Như Lai. Tất cả mọi người ai cũng sợ hãi, sợ nó làm tổn thương tới Đức Phật.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Hãy đi lại đây, chớ nên ruồng đuổi nó.

Con trâu liền đi thẳng đến chỗ Đức Phật, quỳ hai chân trước, kêu lớn tiếng bên chân Ngài, nước mắt ròng ròng, từ miệng nó phát ra lời thưa:

– Kính xin Đức Thế Tôn mở rộng lòng thương xót, cứu độ nguy ách khiến con thoát khỏi nạn ấy. Ở vào đời này, Bậc Đại Thánh rất khó gặp, hằng trăm ngàn ức đời Đức Thế Tôn mới xuất hiện nơi thế gian, là vì để hóa độ muôn loài. Vậy kính xin Ngài rủ lòng đại Từ để con một lần thấy được sự tế độ.

Đức Phật dạy:

– Lành thay! Thật đáng thương xót! Do tâm ý của ngươi mê lầm mới gặp phải hoạn nạn.

Tôn giả A-nan, với các chúng Trời, Rồng, Quỉ, Thần ai cũng ngạc nhiên, lấy làm kỳ quái, vì sao loài súc sinh lại biết quy y với Đấng Thiên Tôn. Tôn giả A-nan bèn bước lên trước, quỳ mọp, hỏi Đức Phật:

– Con trâu này vừa gặp Đức Phật, vì sao nó tự quy y Ngài? Chắc là có gốc ngọn thế nào chăng?

Đức Phật nói:

– Về thời quá khứ xa xưa, có một vị Chuyển luân vương làm chủ bốn cõi thiên hạ, có ngàn người con và bảy thứ báu, trị nước theo pháp chân chánh, không bức bách muôn dân, thiên hạ thái bình, dân chúng được an lành, năm thứ lúa thóc luôn dồi dào. Nhà vua lại có đủ bốn đức, coi dân như con, dân phụng sự vua như cha, các hàng Sa-môn, Phạm-chí, Trưởng giả cho tới chúng dân ai cũng tỏ bày tình thân hữu. Bản thân nhà vua chưa từng bệnh hoạn, luôn được khang kiện, an lạc. Người trong bốn cõi thường ca ngợi công đức của nhà vua, lan truyền đến khắp mười phương. Bấy giờ, vị Chuyển luân vương đi du hành xem xét khắp bốn phương xong xuôi, sửa soạn quay về cung, thì trông thấy một người, hình như quen ở đâu đã từ lâu lắm, đang bị người chủ nợ bắt trói nơi gốc cây, không thể đi được. Khi ấy, vị Chuyển luân vương và bảy thứ báu cùng đi theo, đều dừng lại không tiến lên phía trước, lấy làm lạ về sự việc, từ xa

trông thấy người quen biết xưa cũ ấy bị người bắt trói là do nợ năm mươi lượng vàng phải trả, nên chủ nợ bắt giữ lại chẳng cho đi. Thánh vương bảo người chủ nợ:

– Mở ra cho nó đi! Ta sẽ trả gấp bội cho khanh là một trăm lượng vàng.

Người chủ nợ thưa:

– Tôi lại chuyển trả cho ông Mỗ một trăm lượng vàng nên phải lấy số vàng này để bù vào, do đó mà không thể coi thường được.

Đức Thánh vương liền ra lệnh cho kẻ bề tôi trở về cung lấy trao cho người chủ nợ ấy một trăm lượng vàng. Kẻ bề tôi vâng lời. Người chủ nợ liền mở trói và người mắc nợ được trở về nhà yên ổn. Chủ nợ nhận vàng của nhà vua nhưng không trả cho ông Mỗ nọ, khiến ông này nhiều lần đi tới cửa vua cầu tìm vàng nhưng chẳng được, tìm người chủ nợ kia thì ông ta đã trốn đâu mất. Trong vòng sinh tử, quanh đi quẩn lại vô số kiếp, chẳng bồi thường số nợ cần trả, cho đến đời này phải bị đọa vào trong loài trâu ấy, chỗ nợ và chỗ bán để trả nợ đã lên đến mấy ngàn lượng vàng, vì vậy trâu mới tới quy y Phật. Duyên từ đời trước đã dắt dẫn buộc lấy thì sao mà thoát được.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Vua Chuyển luân thời ấy là thân Ta, người chủ nợ lường gạt đó là con trâu này đây. Đức Phật là vị Thánh vương đã bảo lãnh để giúp trả nợ, nhưng y đã không trả nợ, nên nay phải quy ngưỡng Đức Phật để cầu trả nợ giúp.

Đức Phật nói với người chủ trâu:

– Phật sẽ vì ông mà đi khất thực để bù vào đủ số vàng mà ông đã bỏ ra mua trâu.

Người chủ trâu không chịu, muốn đòi lấy lại trâu, Đức Phật lại bảo:

– Đem cân con trâu này nặng bao nhiêu, ta sẽ bằng lòng trả từng ấy cân vàng cho ông.

Vậy mà người ấy vẫn không chịu. Khi đó, các vị trời Đế Thích, Phạm thiên vương đều hiện ra, chắp tay bạch Đức Phật:

– Đức Phật chớ đi khất thực, Ngài muốn có được muôn ngàn ức lượng vàng, chúng tôi xin sẵn sàng đem đến trải đầy lên hai bên da trâu.

Trời Đế Thích, Phạm thiên, Tứ đại Thiên vương đem vàng đến chất đống rồi trải đầy lên hai bên da trâu, người kia mới chịu không đòi trâu nữa. Đức Phật đem trâu về nơi tinh xá Kỳ hoàn. Vào đấy, trâu xem thấy

thân tướng Đức Phật, hình ảnh các vị Thánh chúng và đức hạnh của các vị Bồ-tát thật là lồng lộng không lường, đường đường sáng chói, như mặt trăng trong chòm sao, uy thần tỏa chiếu khắp chốn, không thể nêu bày hết được. Trong thời gian này trâu suy ngẫm, niệm Phật, niệm Pháp và niệm Thánh chúng, qua bảy ngày thì mạng chung, liền được sinh lên cõi trời, tự nhớ và biết được công đức của Đức Thế Tôn đối với đời trước của mình, nên trâu đã trở lại nhân gian tung rải hoa cúng dường Đức Phật, nhằm báo đáp ân đức kia, rồi cung kính đảnh lễ nơi chân Phật. Đức Phật vì nó thuyết giảng kinh pháp, trâu liền phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân, tức thì được an trụ nơi địa Bất thoái chuyển, chứng được pháp Nhẫn vô sinh và trở lại cõi trời.

-oOo-

Kinh 40: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Ông Phạm-chí Quang Hoa.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và hội đủ vô số các vị Bồ-tát.

Bấy giờ, số người đông đảo, có tới hàng mấy ngàn đang tụ tập tại chỗ Đức Phật, tất cả đều được cạo bỏ râu tóc, làm Sa-môn. Họ tự hợp lại làm thành từng nhóm năm trăm người, nỗ lực tu trì đạo đức, tinh tấn không chút biếng trễ, thành tựu được thần thông, đoạn dứt được gốc của sinh tử, thảy đều chứng đạt đạo quả, rồi đi khắp mười phương để tế độ chúng sinh.

Tôn giả A-nan thưa với Đức Phật:

– Tất cả những người học đạo này, kiếp trước đã có những hạnh nguyện, những sự tu tập về đức ra sao nên hôm nay đạt được vinh dự như thế? Trí tuệ, thần thông của họ rõ ràng là bậc nhất.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

– Thuở quá khứ xa xưa, trải qua đến chín mươi mốt kiếp, vào thời Đức Phật Duy Vệ, có một vị quốc vương tên là Chiên-đầu, kinh thành của vua hiệu là Chiên-đầu-ma-đề. Lúc ấy, có một Phạm-chí tên là Quang Hoa, học rộng các kinh, tuyên dương truyền bá rộng rãi các pháp điển, không có một nghĩa lý thâm diệu nào mà không thông đạt. Ông Phạm-chí này có năm trăm người theo hầu học hỏi, thường hay đến chỗ Đức Như Lai Duy Vệ để nghe giảng và thọ trì kinh điển, khuyến dụ giáo hóa muôn dân, mở mang chỗ còn ngu tối của họ, khuyên bày nẻo chân chánh để thành Sa-môn, lấy việc tu đức làm sự nghiệp. Lúc ấy trong nước đó có tới năm trăm

doanh quân, mỗi doanh đem năm trăm người và đại thần, bá quan cũng đều làm Sa-môn. Có vị trưởng giả giáo hóa chúng dân cũng đều bỏ nhà theo làm Sa-môn, tinh tấn phụng hành giáo pháp, không phạm giới cấm, sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời, thọ mạng ở đấy hết thì lại sinh về nhân gian, lên xuống như thế, lần lượt trước sau, có đến chín mươi mốt kiếp. Nơi đời Phật này, họ cũng đều làm Sa-môn, thảy tụ hội ở chỗ Phật, đảnh lễ Phật xong rồi lui ra ngồi sang một bên. Các chúng Trời, Rồng, Thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, người và không phải người, ai ai cũng đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu làm lễ nơi chân Phật rồi lui ra đứng sang một bên. Khi ấy, Đức Phật liền mỉm cười. Tôn giả A-nan thưa:

– Do nhân duyên gì mà Đức Phật cười? Thế Tôn Chí Chân không bao giờ vui cười vô cớ, xin nói rõ về ý nghĩa ấy.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông có thấy các chúng Trời, Rồng, Quỉ, Thần đều tụ hội ở đây không?

Tôn giả A-nan đáp:

– Thưa, đã thấy.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

– Thời Đức Phật Duy Vệ, có một nước lớn tên là Chiên-đầu-ma-đề, vua tên là Chiên-đầu, đều phụng trì giáo pháp, quy mạng Tam bảo. Lúc đó, có vị Phạm-chí tên là Quang Hoa, trí tuệ gồm thâu ba đạt, tóm hết các kinh điển, không một nghĩa lý sâu xa nào mà không thấu tỏ, gặp Đức Phật Duy Vệ đang hóa độ khắp mười phương, trên trời dưới đất ai ai cũng đều quy ngưỡng, ông liền khuyên dụ năm trăm người đến chỗ Đức Phật xin làm Sa-môn, thọ trì kinh điển, giới luật. Bấy giờ, quốc vương ấy đã từ bỏ ngai vàng, đất nước, cùng với năm trăm người cũng làm Sa-môn. Có vị đại trưởng giả cũng giáo hóa đám tùy tùng năm trăm người đi làm Sa-môn, đều thọ trì đạo pháp, tinh tấn tu tập đạt được thần thông, luôn thể hiện bốn tâm vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Hộ, chín mươi mốt kiếp không rơi vào đường ác, chỉ sinh về cõi trời hoặc cõi người, nay họ được làm thân người đều tụ hội về đây, cũng cùng xuất gia làm Sa-môn, lãnh hội thọ trì kinh điển, giới luật, đều chứng đắc đạo quả. Nên biết vị Phạm-chí thời đó, không phải là ai khác mà chính là thân Ta, quốc vương, thần dân và chúng của vị đại trưởng giả, nói chung là những người cùng tu học ở thời Đức Duy Vệ Như Lai Chí Chân, trước đã gieo giống thì nay thu hoạch, công đức không hề mất đi mà đều tự đạt được.

Lúc nghe Đức Phật thuyết giảng có vô số người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chí chân, ngay lúc đó được an trụ ở địa Bất thoái chuyển, thành bậc Nhất sinh bổ xứ, số lượng ấy không thể kể xiết, những người đắc quả A-la-hán cũng đông đảo như vậy.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 41: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Biến Hối Dụ.

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, có một vị cư sĩ chán cuộc đời đau khổ, vạn vật vô thường, mọi tài sản hiện có của bản thân chỉ như ảo ảnh, sống gởi nơi cõi trời đất như khách qua đường, không một chút đáng để ham muốn, chỉ có giáo pháp chân chánh mới là vĩnh viễn trường tồn. Nhân đấy bèn xuất gia làm Sa-môn, tinh tấn không biếng trễ. Gốc của chí nguyện chưa đạt, nên ông liền đi vào trong núi, ở đấy ông ngày đêm tu hành không chút bê trễ, chẳng tiếc thân mạng, tu tập sáu pháp là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm và trí tuệ, giữ gìn tâm ý không vọng động, nhưng rốt cuộc chẳng đạt được đạo quả, lòng ông biến đổi, hối hận về việc đã làm, muốn trở về với cuộc sống thế tục.

Ông trước đây đã theo học đạo lâu năm, siêng năng chẳng hề dừng nghỉ, mà tâm vẫn mờ tối, không biết đâu là mục đích. Vốn lúc ở thế gian thường ưa bàn luận, miệng lưỡi lưu loát, nay ở trong núi không học hỏi thêm được gì, tiến lui chưa biết phải làm sao, không rõ nẻo về đâu, chi bằng cởi áo tu trở về với nghề nghiệp cũ, do dự chưa quyết định. Lúc ấy, thần núi, thần cây biết được, tiếc cho công phu tu tập của ông, nên muốn giúp ông thành tựu được sự nghiệp đã chọn, vì nếu để ông trở về nhà thì tâm ý tất bị nhiễm bao lỗi lầm cấu uế, cứ mãi dằn vặt về cuộc đời không sao nêu tả hết. Nhân đó, một vị thần hóa thân làm vị Tỳ-kheo-ni, mong muốn hóa giải các ý loạn động của ông ta, làm phát khởi đạo tâm và ý chí kiên định của con người đó. Vị Tỳ-kheo-ni này thân mang nhiều đồ châu báu, sắc mặt tươi sáng, hiếm có trên đời. Một vị thần nữa lại hóa làm một người con gái, dáng vẻ đoan chánh, sắc đẹp bậc nhất, phong độ rạng rỡ, không ai hơn được. Hai người nói với nhau:

– Nàng là Tỳ-kheo-ni, sao thân lại đeo chuỗi anh lạc quý giá, môi miệng tươi đẹp như ngọc châu đỏ thắm?

Vị Tỳ-kheo-ni nói:

– Các thứ của báu như đồ huyễn hóa, môi miệng tươi đẹp chẳng qua như tranh vẻ rực rỡ, vẻ đoan chánh rõ ràng chỉ là chất mỡ bóng dáng bên ngoài, có gì đâu mà ham muốn. Như nàng đây, hôm nay thân sắc tuy tươi đẹp, như vẻ rực rỡ của hoa mùa xuân, nhưng thân người như quả sắp rụng, không ở mãi trên cây được, bốn đại hợp rồi tan, không có cái gì gọi là chủ đúng nghĩa, chỉ có cái tâm là gốc, ở trong ba cõi một mình qua lại không có gì đi theo. Họa phước đuổi theo thân như bóng với hình, ba cõi đều không, chẳng có gì để nương cậy. Do tội lỗi phủ che, với năm ấm, sáu thứ trùm lấp khiến tâm ý bế tắc, không thấu rõ các pháp thiền định, tam-muội.

Vị Tỳ-kheo tu trong núi nghe những lời luận bàn ấy, tâm liền giác ngộ, biết rõ đúng như lời nói trên là: thân bốn đại vốn do nhân duyên hòa hợp, thân tham là tự hại, phân tích rành rẽ thì nó vốn là không, giống như sống gởi. Xem mọi người trong mười phương không còn phân biệt thân sơ thì tâm ý đều cởi mở thông tỏ, các lậu được dứt sạch, gốc sinh tử đã dứt, tất không còn dấy sự phân biệt, ra vào tự tại không còn đắm nhiễm trần cấu.

Vị Tỳ-kheo đã đạt đến sự hiểu biết thì núi rừng bỗng hiện ra như một đám mây nổi. Thân cây quỳ lạy, tự trần tình về nỗi cay đắng bị cuốn hút theo nẻo luân hồi trong ba cõi, bị năm ấm ngăn che, mười hai nhân duyên dẫn dắt nối tiếp không dứt. Xin vị Tỳ-kheo kia rủ lòng thương xót cứu giúp thoát khỏi sự phủ che ấy. Vị Tỳ-kheo liền vì vị thần cây đó mà thuyết giảng kinh khiến tâm vị thần mở rõ, phụng thọ năm giới, tu hành mười điều thiện, lánh xa ba đường ác, chút ít đạo tâm trước đây nay phát triển đến vô cùng, vào được nẻo chánh chân của Phật đạo.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

– Các ông đã rõ gốc ngọn rồi đấy, phải giữ lòng kiên định, việc phải đã quyết định không được hối hận.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 42: Đức Phật Thuyết Dụ Về Chuyện Con Ngựa.

Ngày xưa, có một ông Trưởng giả nuôi một con ngựa tốt. Lúc đầu mới được ngựa, nó hay hung hăng không thể chế ngự nổi. Vừa đóng yên cương là nó cất hai vó trước chạy càn tứ tung không theo đường lối, vào nơi suối khe, rừng cây hoặc tường vách. Ông Trưởng giả chủ giận lắm, trở về nhà lấy roi đánh ngựa rất tàn nhẫn, chẳng cho ăn cỏ, uống nước gì cả, khiến ngựa cùng khốn đói khát, lòng buồn tự trách, chưa nghĩ ra kế,

chưa biết làm thế nào thì trên không trung có tiếng bảo cho nó biết:

– Hãy thuận theo chủ thì không có hoạn nạn.

Khi đó, lòng ngựa hiểu rõ. Rạng ngày, ông Trưởng giả sắp cỡi ngựa, lấy yên cương mang vào thì con ngựa chịu ngay, chẳng còn nhảy nhót nữa, ông cỡi lên yên vững vàng, điều khiển dễ dàng, đi đây đi đó theo lệnh chủ chẳng dám trái. Về nhà, nó được cho ăn uống đầy đủ. Theo thời gian, nó trở nên béo tốt, khí lực sung mãn, về sau càng trở nên điều độ, nhu hòa. Rồi nó sinh được hai con, ngựa con đến tuổi trưởng thành, ông Trưởng giả cỡi, nó cũng lại nhảy nhót, chạy lung tung làm đứt dây cương, lại bị đánh đập, không thể sửa đổi, phải chịu đói khát. Nó nghĩ tới cái tai ương của mình đang gặp: ăn thì ăn cỏ ôi, uống thì uống nước suối bẩn, tự làm phải chịu, oán ai bây giờ! Đêm đến, ngựa con đi tìm gặp mẹ, quỳ xuống hỏi:

– Hôm nay đại gia độc ác chưa từng thấy, đã chẳng cho ăn uống, lại còn đánh đập tàn nhẫn, mẹ một mình ở trên cao chẳng nghĩ đến thân thích, lúc nào đi lại cũng hớn hở, vui vẻ một mình, trông cao thấy xa như chim hồng, chim hộc, chẳng lo cho con cháu đang một mình gặp cảnh khốn khổ này.

Ngựa mẹ đáp:

– Đó là cái lỗi của bản thân con, oán trách ai đây? Nếu ông Trưởng giả thắng yên cương thì con phải chịu để người ta cỡi, thuận theo ý người ta điều khiển đi đây đi đó thì được thương yêu ngay, việc làm này rất dễ, vì con làm ngược lại nên mới bị cái họa ấy.

Ngựa con nghe theo mẹ dạy. Sáng ngày liền làm theo lời mẹ. Ông Trưởng giả đi ngựa, nó an nhiên thuận theo lời người cỡi, bảo đi nó đi, bảo đứng nó liền đứng lại. Ông Trưởng giả rất mừng, con ngựa đã thuần nên cho ăn uống đúng lúc, cùng với ngựa mẹ không khác.

Giả mượn câu chuyện trên là để nêu dụ. Ông Trưởng giả là chỉ cho Đức Phật, con ngựa là chỉ cho những người theo học chẳng thọ Phật pháp, tâm ý phóng túng, chẳng theo nẻo giáo hóa của đạo pháp, cho nên phải thuyết giảng kinh giới để họ biết cách đi đứng, tới lui. Nhảy nhót, chạy đi không thể kiềm chế nên phải dùng gậy đánh là diễn dụ cho năm giới, mười thiện, nếu giữ thì được sinh lên ở các cõi trời, người, còn nếu phạm tội thì phải chịu nạn lao khổ trong ba đường địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh. Khổ nạn trong ba cõi, luân hồi qua lại, không một phút được yên. Như chẳng vi phạm điều ác, thọ trì năm giới, mười thiện thì được khai mở chuyển hóa. Thực hành các hạnh, bốn tâm vô lượng, sáu pháp Ba-la-mật, đạt được

thần thông thì cùng với mười phương chư Phật được gặp gỡ, tiêu trừ ba độc, khử bỏ các lớp che phủ vây buộc. Ngựa con kia chạy theo ngựa mẹ quỳ dài thưa hỏi là ý dụ cho việc trước nghe theo lời thầy làm theo phép tắc, thầy thuyết giảng các hạnh nguyện cạn, sâu đều có chủ ý. Cho nên năm giới, mười điều thiện là nhân vì hàng chúng sinh ở cõi trời, người mà nêu giảng. Còn như các pháp không, vô tướng, vô nguyện, sáu độ, bốn đẳng tâm, bốn ân là nhằm đạt đến chỗ không còn sinh tử, không trụ ở cõi diệt độ, chứng được đạo quả chánh chân, dùng thần thông đi khắp ba cõi để độ thoát tất cả chúng sinh.

-oOo-

Kinh 43: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tỳ-kheo-ni Hiện Biến.

Thuở xưa, thành Xá-vệ có tên là thành Câu-tát. Trong nước có các nhóm phóng đãng, dâm loạn, chuyên làm những việc hung ác, không theo đường ngay thẳng, cả nước lâm vào cảnh hoạn nạn, thật là tàn khốc, đau khổ. Các phe nhóm ấy như cùng đua nhau để làm điều nghịch ác. Quan nha tìm bắt, đuổi chúng đi nhưng không được. Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo-ni trong nước đều cùng đi du hóa, ở bên các gốc cây, tinh chuyên tu tập, tư duy về chánh đạo, tâm chẳng hề xao động. Trong số các Tỳ-kheo-ni ấy, người có trí tuệ hơn hết tên là Sai-ma, người có thần túc bậc nhất tên là Liên Hoa Tiên… ai ai cũng đều có đức hạnh và uy thần lồng lộng. Gặp tiết trời nóng nực muốn tắm rửa, họ cùng đến bên dòng suối. Bọn hung ác từ xa trông thấy liền sinh lòng xấu, ý dâm nổi lên muốn xúc phạm họ. Chúng chờ các vị Tỳ-kheo-ni cởi hết quần áo, vào trong nước tắm rửa thì liền đến lấy quần áo đem để nơi chỗ xa hầu dễ bề xúc phạm họ. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo-ni thấy bọn chúng có ý xấu xa, trong lòng bà thản nhiên, thương hại cho sự ngu muội của chúng. Nhân đó, mà móc đôi mắt mình để trong lòng bàn tay, bảo cho bọn nghịch ác biết:

– Các ngươi yêu ta chỉ vì ham chuộng sắc diện, nay ta mù rồi thì còn gì đẹp nữa đâu?

Bà lại phơi bày cả ruột, dạ dày… ngũ tạng của thân thể, tay chân cùng các thứ khác bỏ sang một bên và bảo bọn hung ác:

– Này, đẹp ở đó đấy!

Bọn nghịch ác thấy vậy, bỗng nhiên sợ hãi, thấy đời là vô thường, sống trong ba cõi chỉ là sống gởi, thân thể kia là do kết hợp mà thành, máu xương đều chẳng sạch sẽ, không có gì đáng ham muốn. Chúng liền đem quần áo trả lại, cúi đầu ăn năn lỗi lầm vì đã làm điều không hay, trái nghịch không hợp đạo nghĩa, nguyện từ nay bỏ những việc làm gây ra tai

họa kia. Chúng lại quỳ gối chắp tay xin thọ năm giới. Đến chỗ Đức Phật, chúng dập đầu sát đất, tự trách tội lỗi ấy, vì mù lòa không biết, bị mê muội lâu ngày nên làm ác nhiều quá, không hay là đời đời phải chịu nhiều tai họa, nguy khốn. Nay mong Đức Đại Thánh ban ân cứu giúp. Cảm kích cái đức của vị Tỳ-kheo-ni đã dùng đôi mắt để giáo hóa, bỏ điều tội lỗi khiến tội lỗi nhẹ đi, được gần gũi với đạo giải thoát.

Đức Phật nói:

– Lành thay! Đã xa lìa đường ác, đang thành tựu dần dần, như cây hoa nở đầy cành thì quả trái cũng sum suê, hành động cũng như thế.

Mọi người đều vui sướng cùng xin làm Sa-môn. Đức Phật liền chấp thuận, chỉ dạy thêm:

– Khi đi xuất gia, lấy chánh tâm làm gốc, giữ gìn các căn, các tai ương hoàn toàn dứt trừ, năm thứ che lấp không còn tồn tại, ba độc bị tiêu diệt, làm con cháu Đức Phật, lìa bỏ sinh tử, tự nhiên được thần thông. Như thế mới biết rõ cái ân đức lớn lao của Phật.

-oOo-

Kinh 44: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Cô Độc.

Ngày xưa, có một người, lúc thiếu thời cô đơn, khổ cực, một thân một mình dốc sức canh tác trên một mảnh ruộng lớn đúng ra phải có nhiều trâu bò cày, nhờ vậy mà thu hoạch được rất nhiều ngũ cốc, sữa, bơ, đề hồ, vô số rau quả các loại, cung cấp cho người tiêu dùng xa gần, thỉnh thoảng còn cho những kẻ nghèo cùng. Tiếng tăm đức hạnh vang khắp mười phương. Khi ấy, ông thuyết giảng cho mọi người hiểu ý của mình là phải sống cho có bạn có nhóm, còn đơn độc một mình thì không thể có được sự hòa hợp. Mọi người hiểu ý ông nên kéo đến sống cận kề, gia cư ngày càng nhiều, rồi lập nên thôn xóm. Ông lấy vợ, sinh con, con khôn lớn, người thêm đông, người cha đã có tuổi, dạy bảo các con nên thi hành những việc tốt, giữ gìn thân khẩu ý, bố thí ân đức. Nhưng các con đều lầm lạc vi phạm, chẳng theo lời dạy của ông cho rằng cha nay đã già, sao chẳng an phận, những lời dạy đều sai dối, ai mà nghe theo. Người cha buồn bực về đám con, lòng tự nghĩ: "Ta vốn một mình làm nên sự nghiệp, bố thí khắp xa gần, không ai bì kịp, nay bị các con làm loạn thân tâm ta, không nghe lời ta dạy bảo, cầm bằng như không con."

Đức Phật nói:

– Con người vốn là tốt. Một mình mà trong sáng thì có thể có đem ích lợi cho nhiều người. Phụng trì đức hạnh chân chánh, có sức quan sát hiểu biết tốt, nhưng chẳng hiểu được vạn vật vốn không, tự cho thân mình

là có, nhân đó mới sinh ra cái mê lầm của năm ấm, sáu trần, do vì cái mê lầm ấy mà không đến được chỗ chân chánh của Phật đạo. Nếu sau biết rõ mọi vật trong ba cõi đều không thì năm ấm tiêu trừ, ba độc đều diệt, mới đến được với đạo Vô thượng Chánh chân.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

PHẬT NÓI KINH SINH

QUYỂN 5

Kinh 45: Đức Phật Thuyết Về Chuyện Ông Phạm-chí.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, trời vừa sáng, Đức Thế Tôn mặc y, mang bát đi vào thành Xá-vệ khất thực theo thứ lớp. Vừa lúc đi đến nhà ông Phạm-chí thì từ xa ông đã trông thấy Đức Thế Tôn uy đức lồng lộng, các căn tịch tĩnh, an định, tâm ý an nhiên trong lặng, hàng phục các căn, không hề lộ vẻ suy yếu, như mặt trời lên khỏi sườn núi, như mặt trăng tròn đầy sáng ngời giữa các vì sao, như Đế Thích ngự ở cung Đao-lợi, như vua Phạm thiên ở giữa các Phạm chúng, như trên núi cao có tuyết phủ ngút ngàn bốn phương đều trông thấy, như hoa trên cây đang nở tốt tươi, lòng Ngài lắng đọng như nước trong lành, thân tướng hết mực trang nghiêm với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, uy thần rực rỡ không thể kể xiết, nhìn Ngài như thấy mặt trời. Ông Phạm-chí liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng với quyến thuộc bước lên phía trước để cung kính nghinh đón, đảnh lễ ngang chân Đức Phật, rồi thỉnh Ngài ngồi lên giường riêng. Đức Phật ngồi vào chỗ ngồi rồi, ông Phạm-chí và vợ, lòng vô cùng mừng rỡ, dọn ra vô số đồ ăn ngon, tinh khiết, tự tay hết lòng dâng cúng. Cơm nước xong, ông nâng bát rửa tay cho Đức Phật, rồi ngồi nơi giường thấp để nghe Đức Phật giảng kinh. Khi ấy, Đức Thế Tôn vì ông Phạm-chí và vợ con, đám nô bộc, tùy tùng của gia đình đó mà thuyết giảng kinh pháp, khai mở tâm ý của họ, chỉ rõ về nghĩa lý nơi các giáo pháp của chư Phật, tùy theo căn cơ của họ mà phân biệt giảng giải về sáu pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, ứng theo bệnh mà cho thuốc, khiến họ hiểu rõ về bốn chân lý Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khi đó, ông Phạm-chí và vợ con, kẻ nô bộc, kẻ tùy tùng, ngay tại chỗ ngồi, đã kịp hiểu về bốn Thánh đế, biết nắm chỗ quan trọng trong lời dạy của Đức Phật, chứng được Thiên nhãn, quy y Phật, Pháp, Tăng, vâng giữ năm giới. Ông Phạm-chí liền từ chỗ ngồi

đứng dậy, cung kính đảnh lễ và thưa với Thế Tôn:

– Hôm nay, nhờ ân dày của Đức Đại Thánh, làm rõ nghĩa hay nên chúng con đã lãnh hội được, độ thoát các hoạn nạn, tất cả là nhờ sự cứu giúp của Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Chánh Giác, như vầng mây lớn lan tỏa khắp hư không, như mưa rơi khắp trời đất, nhiều chỗ được thấm nhuần. Đức Thế Tôn là như vậy, thường lấy lòng đại Từ vô bờ mà rộng nói pháp lớn.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Hôm nay các vị có nghe chính từ miệng ông Phạm-chí những lời tán dương hết mực không?

Các vị Tỳ-kheo đáp:

– Vâng thưa Thế Tôn, chúng con đều đã thấy, đã nghe.

Đức Phật nói:

– Hôm nay, ông Phạm-chí này cùng với quyến thuộc đều đã thu được lợi ích lớn lao, đầy đủ như thế. Ta ở đời trước đây, cũng đã từng làm cho ông Phạm-chí ấy đạt được nhiều lợi ích như vậy.

Đức Phật kể:

– Về thời quá khứ xa xưa, ở thành Ba-la-nại có một vị Tôn giả tên là Sở Thủ, thuộc dòng Phạm-chí, trí tuệ thông minh, hiểu biết nghĩa lý, lời lẽ ngôn từ đối đáp luôn dịu dàng thông suốt làm cho vua luôn kính nể, thường được lòng vua. Nước này có nhiều rượu bồ đào ngon và đồ ăn thức uống dồi dào nên nhà vua và dân chúng thường ăn uống vui thích. Một hôm nọ, ông Phạm-chí bày ra một thuật khéo léo lạ lùng rất là vui vẻ khiến vua ngạc nhiên và vô cùng hoan hỷ nên ban cho ông một đặc ân là ước muốn gì cũng được. Ông Phạm-chí tâu với vua:

– Tôi phải trở về nhà hỏi ý kiến vợ xem muốn cầu xin điều gì?

Nhà vua bằng lòng. Ông Phạm-chí về đến nhà hỏi vợ:

– Ta làm được thuật lạ, khiến vua hoan hỷ, hứa đáp ứng sở nguyện của ta, vậy bà muốn có được những gì hãy bảo thật với ta đi, vì bà, ta sẽ đem về cho!

Người vợ hỏi:

– Còn ông thì nguyện xin cái gì?

Ông Phạm-chí đáp:

– Ta nguyện xin một huyện.

Vợ đáp:

– Thì cứ xin một huyện, ấp đi! Còn tôi thì xin trăm món trang sức như chuỗi ngọc Anh lạc, vòng đeo tay bằng ngọc, y phục đủ loại và cả nô tỳ, sữa, đề hồ, đồ ăn thức uống nữa.

Ông Phạm-chí lại hỏi con trai:

– Con muốn cầu xin gì?

Con trai đáp:

– Sở nguyện của con là không phải đi bộ nữa mà được đi xe ngựa, cùng với thái tử và đại thần đi du ngoạn.

Ông lại hỏi con gái:

– Chí nguyện của con muốn gì?

Con gái đáp:

– Sở nguyện của con là muốn được nhiều châu báu để trang sức, quần áo thuộc loại sang đẹp nhất để cho giữa hàng ngàn con gái khác, một mình con nổi bật hơn cả.

Ông Phạm-chí lại hỏi đám nô tỳ:

– Muốn cầu xin cái gì?

Kẻ nô bộc thưa:

– Kẻ nô bộc muốn được xe cộ, trâu bò, các dụng cụ để cày ruộng.

Đám hầu hạ thưa:

– Muốn được cối xay, cối giã để giã lúa, nghiền bột là an tâm, vì nếu ông bà, cô cậu không được ăn uống thì chúng tôi chẳng vui vẻ gì.

Bấy giờ, ông Phạm-chí trở lại hoàng cung thưa với nhà vua đầy đủ đầu đuôi về những điều cầu xin của đám vợ con, nô tỳ, lại dùng kệ ca ngợi:

Xin đại vương nghe đây
Sở nguyện đều lạ thay
Nhà tôi lòng đều khác
Vợ đòi ngọc đầy tay.
Trai thì xin xe ngựa
Gái cầu trang sức hay
Nô tỳ tôi nuôi dưỡng
Thì xin ruộng, cối xay.

Nhà vua dùng kệ đáp:

Theo chỗ muốn của ông
Mà cho chẳng trái lòng
Khiến Phạm-chí khi ấy

Được vui sướng vô cùng,
Nhà vua đều cho cả
Mỗi mỗi theo nguyện mong
Được đầy đủ như ý
Lòng đầy nỗi vui mừng.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết, vị quốc vương thời đó là bản thân Ngài, ông Phạm-chí ngày ấy nay là ông Phạm-chí hiện tại, vợ con, đám nô tỳ ngày trước của ông ta thì nay cũng vậy.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 46: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Về Vua Tôi.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại núi Linh thứu thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo đều tự nghĩ: "Nhờ uy thần của chư Phật, chư Thiên cảm nhận nên đạt được những điều chưa từng có. Trong khi Đức Thế Tôn thường đem lòng Từ bi thương xót để đối xử với mọi người, thì ngược lại, ông Điều-đạt luôn có ý muốn hại Đức Như Lai. Đức Phật luôn lấy lòng đại Bi để đáp lại ông." Hoặc có vị Tỳ-kheo nói như thế này: "Đã từng trải qua, lẽ nào Đức Thế Tôn lại không biết tâm địa của ông hung ác, độc hại mà còn cho ông ấy cạo tóc xuất gia." Hoặc có những vị Tỳ-kheo bảo với nhau: "Đức Phật đã thừa biết tâm địa của ông Điều-đạt là hung ác, nguy hiểm, dối trá." Hoặc có lời dị nghị rằng: "Có ai cho ông Điều-đạt cạo bỏ râu tóc làm Sa-môn đâu."

Đức Phật từ xa đã biết được các vị Tỳ-kheo cùng nhau bàn bạc việc này, nên liền đến đó, nói với các Tỳ-kheo:

– Ông Điều-đạt hung ác kể sao cho xiết, nếu dùng lời thì không có lời nào nêu bày hết.

Đức Phật nói tiếp:

– Đúng như thế đấy! Như các vị Tỳ-kheo đã nói, ông Điều-đạt ấy thường đem lòng độc ác mưu hại Như Lai. Nhưng Ta luôn đem lòng Từ bi để hàng phục ông ấy, từ nhiều đời quá khứ xa xưa khó kể hết được. Từ đó về sau, Phật đã biết ông Điều-đạt hung ác, tâm địa đầy gian trá, vẫn liên tục đem lòng Từ bi mà hàng phục, cho nên để cho ông ấy làm Sa-môn là muốn cho ông ta tạo dựng, thu nhiếp, lấy đức thiện để làm căn bản. Do nhân duyên ấy mà được xuất gia, được cứu giúp, che chở. Ông

Điều-đạt chẳng phải chỉ mới đời nay luôn tìm các phương tiện để bày tỏ lòng độc ác mưu hại Ta và Ta vẫn luôn đem lòng Từ bi hết sức chân thành rộng lượng mà hàng phục ông ấy. Trong quá khứ xa xưa, vô số kiếp về trước, ở thành Ba-la-nại có vị quốc vương hiệu là Đại Do, dùng pháp luật trị nước, không bức bách muôn dân. Nhà vua có vị đại thần tên là Mật Thiện Tài, thông minh đa trí, không điều gì là không biết, danh tiếng đức độ thật xuất chúng, khác thường, không giống với người đời. Tánh tình ông thuần hậu một cách đặc biệt, luôn hòa nhã, an định, không chút lo lắng, thường đem lòng Từ bi thương xót đối với tất cả muôn loài, ý chí luôn mềm mỏng, dịu dàng. Vị vua kia không có lòng thương xót của người Thích tử, chí không từ bi, thường xét nét lỗi của người khác, muốn chinh phục được người, tâm địa hung ác, không một chút tốt đẹp. Khi ấy, nhà vua cùng với đại thần Mật Thiện Tài gặp nhau, vua Đại Do nói với đại thần:

Người ta phải ăn nói như thế nào thì thu đạt được nhiều an lành, không dẫn đến nguy hại mà còn được ích lợi lâu dài? Rồi vua còn dùng kệ ca tụng:

Ta nói ít, lợi nhiều
Chẳng nhẫn được lâu dài
Nhẫn nhục nên vứt bỏ
Mật Thiện Tài nghĩ sao?

Đại thần Mật Thiện Tài dùng kệ đáp:

Đại vương là mầm sân
Lòng thường hay giận hờn
Không hại, không sân giận
Đó là hạnh chánh chân.

Nhà vua dùng kệ nói:

Lấy gì được ngủ yên?
Làm sao không lo phiền?
Lấy gì chỉ một pháp
Hạnh mật đến tài lành?
Sao Thánh hiền khen ngợi,
Đến chết chẳng lo buồn?
Ai gánh vác việc ấy,
Dứt sầu không lo toan?

Vị đại thần dùng kệ đáp:

Bỏ sân được ngủ yên

Trừ giận hết ưu phiền
Gốc độc là giận dữ
Đại vương nên biết rõ.
Hiền thánh khen điều này
Duyên đó không lo lắng
Đáp vua dùng nghĩa thắng
Hạnh nhẫn nhục ngợi khen.
Tiêu hủy hết oán hờn
Lấy nghĩa ấy đáp lại
Khuất phục nhờ phân giải
Được tiện không đẩy xô
Hung ác đừng thêm vô
Đứng trên đức bình đẳng.

Đức Phật bảo cho các Tỳ-kheo biết:

– Quốc vương Đại Do lúc ấy là ông Điều-đạt, còn vị đại thần Mật Thiện Tài là bản thân Ta. Khi Ta chứng đắc Phật đạo, đã diễn nói đầy đủ về gốc ngọn của sự việc này.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 47: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Về Vua Quạ Ở Nước Câu-tát-la.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Khi ấy vừa sáng sớm, Đức Thế Tôn khoác y mang bát vào thành khất thực. Quốc vương Ba-tư-nặc có bốn vị đại thần được bổ làm bốn tướng, hiệp với bốn thứ binh mã nhằm đi chinh phục một nước nhỏ ở phương khác. Lúc ấy, bốn vị đại thần từ xa trông thấy Đức Thế Tôn và chúng Tăng, liền đến thẳng chỗ Đức Phật, cung kính đảnh lễ nơi chân Ngài rồi lui ra đứng sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi họ:

– Chư vị nhân giả, các vị muốn đi đâu đấy?

Các đại thần đáp:

– Vua Ba-tư-nặc sai chúng con dẫn theo bốn binh mã để đi chinh phục một nước nhỏ ở nơi khác. Thưa Đức Thế Tôn, thân chúng con đã vì vua của nước này, góp nhiều công lao để xây dựng với biết bao khó nhọc, nguy hiểm đe dọa đến tánh mạng. Nay chúng con phải đi xa, đi chiến đấu

để chinh phạt. Công việc ra đi của chúng con là như thế.

Đức Thế Tôn khen:

– *Hay thay! Hay thay! Các Hiền giả thật khó ai sánh kịp, việc làm của các vị cũng thế. Đó là báo ân, thể hiện sự đền đáp, cho dù việc làm chỉ ít thôi nhưng chỗ làm ấy không hề mất. Thân của các vị nhận lấy bổng lộc của vua đương nhiên là phải làm việc. Công việc ấy là tốt đẹp, vì hình thức điều hành rất thận trọng đúng pháp, ắt trở thành kẻ sĩ chân chánh, vừa báo đáp được ân lớn của nhà vua đối với bề tôi, tức thể hiện sự đền đáp qua lại. Các Hiền giả hãy nghe cho rõ, chẳng phải chỉ đời này, các ông mới vì quốc vương mà tạo dựng, thành tựu được nhiều công trạng, khó ai bì kịp.*

Về thời quá khứ xa xưa, ở nước Sa-kiệt, có rất nhiều bầy quạ bay đến tụ tập, dừng nghỉ, trong đó có một con quạ chúa tên là Cam Giá một mình làm chủ cả bầy quạ tám vạn con. Quạ chúa có vợ tên là Cựu-lê-ni lúc ấy đang có thai muốn ăn thứ đồ ăn khó kiếm, nên nghĩ: "Muốn được ăn thịt nai chúa".

Muốn được ăn thứ thịt ấy, nên nó khẩn cầu quạ chúa:

– Nay thân tôi có điều ước nhỏ thế này, là nếu được ăn thịt mềm của nai chúa thì sống, còn không được ăn chắc là phải chết.

Lúc đó, vua nước Sa-kiệt, vì muốn ăn thịt nai chúa mềm ngon nên đã sai thợ săn đi tìm kiếm, hễ bắt được thì đem về dâng vua. Bấy giờ quạ chúa nghe lời vợ, họp bầy quạ lại bảo:

– Các ngươi phải đi đến chỗ quốc vương Sa-kiệt, ở đấy có một con nai chúa hình dáng to lớn tên là Tu-cụ-dạ, đã bị đám thợ săn bắt được, phải lấy được thịt nai ấy đem về.

Khi ấy, bốn con quạ ứng đáp:

– Chúng tôi xin đảm nhận việc đi lấy thịt nai chúa ngon mềm cho quốc vương, chúng tôi không hề tiếc thân mạng, sẽ xin hoàn thành việc này. Đừng cho các con quạ khác đi theo sau chúng tôi.

Thế rồi bốn con quạ nhiều lần bay đến chỗ nhiều người tụ họp đông đảo. Chúng bàn với nhau:

– Dùng phương tiện gì để lấy được thịt đây?

Cùng lúc, sứ giả của quốc vương báo cho thái tử:

– Quạ luôn bay đến, phải lo giữ gìn, đề phòng và đuổi chúng đi xa.

Không được như ý muốn, các con quạ trở về điều động cả bầy quạ đến để nhanh chóng lấy thịt nai chúa đem về.

Người con của quốc vương thấy cả bầy quạ quá đông nên sợ hãi bỏ chạy về tâu với vua, thưa lại đầy đủ sự việc ấy. Quốc vương hỏi:

– Quạ từ đâu bay đến như thế?

Thái tử tâu:

– Con thấy bốn con quạ hình sắc khác lạ, thường thường bay đến vườn nai kia. Con cũng đôi lần đuổi đi, sau đấy bốn con quạ lại xuất hiện với cả bầy đông đảo.

Vua Sa-kiệt ra lệnh cho người bên ngoài lo việc bắt quạ. Người thợ săn đem theo chim ưng đến để bắt quạ. Bốn con quạ thấy thế, sợ nguy đến tánh mạng nên lẩn tránh. Do vậy, người thợ săn đến bắt chim ưng về và liền thay đổi biện pháp. Ông quan sát các diễn biến nơi đó, tạo ra cách giăng lưới để bắt quạ. Ông liền bắt sống được chúng dâng lên nhà vua. Lúc ấy, quốc vương Sa-kiệt mắng hỏi bốn con quạ:

– Các ngươi cớ sao lại hay đến đây xâm phạm cảnh giới của ta?

Bốn con quạ thưa:

– Tâu đại vương, chẳng phải là điều vui thú của chúng tôi, chúng tôi không mong đến nơi này, chỉ vì có một vị vua tên là An Trụ, cùng với tám vạn con quạ là quyến thuộc, vua ấy là tôn sư của chúng tôi. Người vợ của quạ chúa là Cựu-lê-ni đang mang thai nghén, khó ăn uống, đòi ăn cho được thịt nai Tu-cụ ngon mềm nên chúa quạ sai chúng tôi đến đây. Nhận lời chỉ bảo của vua, chúng tôi chẳng tiếc thân mạng, liều mình vào chỗ chết, để dốc sức phụng sự vua, chứ chẳng phải ý nguyện riêng của mình.

Quốc vương nghe được điều chưa từng có ấy, lấy làm ngạc nhiên, lạ lùng. Một đằng thì muốn ăn món ăn không thể kiếm ra được, một đằng thì tự nhận lời chỉ bảo của vua, tìm ra phương kế, chẳng tiếc thân mạng, vì đấng quân vương mà coi thường mạng sống, những việc làm đó hôm nay, thật không có gì sánh kịp, trên đời ít có. Muốn tìm người đời có sự đền đáp như thế, nghe lời dạy bảo của vua, của cha, hãy còn không thể được, huống gì là loài cầm thú. Loài cầm thú mà biết tuân phụng lệnh vua, thật khó ai bì kịp, khó ai bì kịp, đúng là chưa từng có. Lúc đó, các con quạ vì vua mà nói kệ:

Xin nguyện đại quốc vương
Chúng tôi đến Sa-kiệt
Vì An Trụ thân thiết
Cùng quạ tám vạn con.
Lê-ni đòi ăn ngon
Muốn có thịt mềm tốt

Vườn nai ngài hơn hết
Đầy đủ món vua cần.
Vua chúng tôi lệnh ban
Chúng tôi phụng mạng đến
Nếu nhận được quân lệnh
Chẳng dám tự tới đây.

Quốc vương bèn nghĩ: "Việc này khó làm được, là việc chưa từng có."

Rồi quốc vương bảo các con quạ:

– Ta tha tội lỗi của các ngươi, từ lúc này, các ngươi được giải thoát, không còn bị kềm chế nữa.

Đức Phật bảo các vị đại thần:

– Các ông có biết bản thân bốn con quạ thời đó là ai không? Nay là các ông, bốn vị đại thần đó. Còn vua An Trụ kia nay là vua Ba-tư-nặc. Hiện tại quốc vương, các binh sĩ, đại thần, quan lại và các ông đều được an toàn cũng như trước đây các ngươi đem tám vạn con quạ đi và được thoát nạn không gặp nguy hại.

Đức Phật đã thuyết giảng như thế, bốn vị đại thần, binh sĩ, quan lại và các thầy Tỳ-kheo thảy đều vui mừng lãnh hội.

-oOo-

Kinh 48: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Mật Cụ.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo hội đủ. Lúc bấy giờ, có ông Phạm-chí bị mê hoặc do tà thuật của ngoại đạo, chẳng tin Phật pháp, muốn làm rối loạn Phật giáo. Ông đang dạo trong thành, từ xa thấy Đức Như Lai đi tới, ghét không muốn nhìn, liền tránh vào nhà khác để ông Sa-môn Cù-đàm không gặp được mình. Khi đó, Đức Đại Thánh rất thương xót ông Phạm-chí nên hiện ở trước mặt ông, muốn trốn cũng không xong, muốn chạy đi cũng không sao chạy được, ông đành phải đến chỗ Đức Phật. Đức Thế Tôn vì ông thuyết giảng kinh pháp, ông vui mừng, lòng lành phát sinh, liền xin quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ trì giới cấm, đi nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, đảnh lễ rồi ra về. Về đến nhà, ông liền lấy đồ đựng đầy mật ong, hai tay bưng đến chỗ Đức Phật và dâng lên. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo đem bát mật đó phân chia đều khắp cho chúng Tăng. Chỉ có một bát mật, Phật và chúng Tăng dùng đầy đủ rồi mà bát mật ấy vẫn

còn đầy như cũ. Chúng Tăng liền đem bát mật trao cho Đức Phật. Đức Phật bảo ông Phạm-chí:

– Ông đem mật này đổ xuống chỗ nước lớn có nhiều dòng chảy.

Ông Phạm-chí hỏi Đức Phật:

– Vì cớ gì?

Đức Phật nói:

– Vì trong nước có đầy đủ các thứ côn trùng, sâu bọ, sấu, giải, cá, ba ba thảy đều mong có được vị này.

Ông Phạm-chí nghe lời, liền đem mật đến đổ vào trong nước, trở lại chỗ Phật, vừa sợ, vừa ngờ, buồn vui lẫn lộn, bồi hồi xúc động. Lúc ấy, Đức Thế Tôn cười vui, từ miệng Ngài, đạo hào quang năm sắc phát ra, tỏa lên đến cõi Phạm thiên, chiếu khắp năm đường, soi tỏ tất cả, rồi trở lại nhiễu quanh thân Ngài ba vòng, thọ ký cho Bồ-tát thì hào quang theo đảnh đầu vào, thọ ký cho Duyên giác thì hào quang theo miệng vào, thọ ký cho Thanh văn thì hào quang theo khuỷu tay vào, nói phước đức trên cõi trời thì hào quang theo xương sống vào, nói việc thọ thân người thì hào quang theo đầu gối vào, nói về địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh thì hào quang theo chân vào.

Khi đó, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục cho ngay ngắn, đầu gối bên phải chạm sát đất, chắp tay bạch với Đức Phật:

– Đức Phật không cười suông, Ngài cười hẳn là có ý gì?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– *Ông thấy không, ông Phạm-chí đem mật dâng lên Phật, rồi mật ấy đem cho cúng Tỳ-kheo Tăng, vẫn còn thừa đem đổ xuống nước.*

Tôn giả A-nan thưa:

– Vâng ạ!

Đức Phật nói tiếp:

– Nay ông Phạm-chí hiện tại! Về đời sau này trải qua hai mươi kiếp không bị đọa vào đường ác, qua hai mươi kiếp thì chứng được quả Duyên giác, tên là Mật Cụ.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Thưa vâng Thế Tôn, chúng con đều thấy ông Phạm-chí ấy chỉ dâng một bát mật mà đạt được nhiều lợi ích và chứng được quả Duyên giác.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Ông Phạm-chí ấy không phải chỉ mới đời này dâng một bát mật đạt

được nhiều lợi ích, mà ở đời trước ông cũng từng làm như vậy.

Đức Phật kể:

– Về nhiều đời trong quá khứ không thể kể xiết, có một người Bà-la-môn đi vào nơi chốn vắng vẻ, tịch mịch, gặp nhiều vị Thần tiên đem lòng kính yêu. Người Bà-la-môn đó nghe người ta nói xưa nay bậc Tiên khó gặp, phải đến mà thưa trình xin gặp, có người bảo phải đem nhiều vật dụng ăn uống, y phục đến ra mắt. Khi ấy, có một Tiên nhân chứng đắc năm thứ thần thông, biết được điều nghĩ trong lòng ông Bà-la-môn, liền từ nơi chỗ vắng vẻ bên gốc cây bay vụt lên không trung và hiện ra trước mắt người Bà-la-môn ấy. Người này thấy vậy vui mừng vô cùng, lòng lành phát sinh, liền trở về nhà lấy đầy một bát mật đem đến dâng trao cho vị Tiên. Vị Tiên nhân nhận mật xong thì bay lên không trung. Do cái duyên thực hiện công đức ấy, nên đời sau làm quốc vương, tên là Mật Cụ. Nhà vua dùng luật pháp chân chính để trị nước nên nước được an ổn lâu dài, sau khi mạng chung thì được sinh lên cõi trời.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết là vị Tiên nhân chứng đắc năm thần thông chính là bản thân Phật, ông Phạm-chí lúc đó nay là ông Phạm-chí này. Thời ấy, bố thí mật được phước đức làm trời, người, từ duyên ấy đời nay cũng lại bố thí mật cho Đức Phật và về sau chứng được quả Duyên giác. Bấy giờ, Hiền giả A-nan dùng kệ tán dương Đức Phật:

Đức Phật đầy lòng Từ
Dốc sức độ mọi người
Vì trời và nhân thế
Lo họ ngục không rời.
Cho nên làm Đấng Thiên Nhân Tôn
Nơi pháp từ bi tuôn mưa pháp
Đem tâm hoan hỷ khuyến khích khắp
Xuất gia vô số sinh cõi trời.
Nay vượt dứt lợi, người đều lợi
Nên đều vui lòng quy kính Phật
Cung kính ân cần tạo nhiều ít
Mạng chung đã tận gặp nơi an.

Đức Thế Tôn khen ngợi Hiền giả A-nan:

– Lành thay! Lành thay! Đúng như lời Tôn giả đã nói. Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Ta đã tạo vô số hạnh nguyện nên mới thành tựu được đạo quả hôm nay. Phật luôn cứu độ chúng sinh như mẹ nhớ nghĩ đến con.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 49: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Tạp Tán.

(Theo một bản khác thì kinh này là kinh thứ năm mươi)

Nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có người con trai của một vị Tỳ-kheo-ni xuất gia tu đạo, nhưng ưa tìm đến các nhà thế gian, cùng với đám bạch y tụ tập ăn nói xằng bậy thô tục, hành động bất nhất. Người mẹ lắm lần la rầy:

– Chớ nên như vậy, phải hạn chế sự đi lại. Chỉ nên đi lại khi có các hội thuyết pháp giảng kinh! Không được học đòi theo việc thế tục.

Cha anh ta cũng từng đã la rầy, nhưng người ấy chẳng chịu nghe lời dạy bảo của cha mẹ, cứ vào nhà thế gian gây gỗ với nhiều người. Anh ta cùng với bọn ác nhân, bọn chẳng ra gì truy đuổi nhau, chẳng may gặp đám quá hung dữ dùng quyền cước đánh tả tơi rồi đem ném xuống nước, nằm yên trong ấy hồi lâu mới vùng vẫy kêu la xin được cứu thoát. Các vị Tỳ-kheo nghe tiếng kêu ấy đã tìm tới cứu được anh ta đem về nhà. Sau đấy, các vị Tỳ-kheo đến thưa với Đức Phật nói rõ đầu đuôi. Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

– Người ấy đâu phải chỉ mới đời này không chịu nghe theo giáo dục của gia đình, có những hành động mê lầm sai trái như thế.

Đức Phật kể:

– Về thời quá khứ xa xưa, có các tổ quạ ở gần gũi với nhà con người, nhiều lần họ đã tò mò dò xét để bắt lấy, nên quạ vợ nói với chồng:

– Không nên làm tổ gần nhà con người, chớ tin nơi họ, nếu không thì ông chỉ nhận thêm bao thứ đau khổ, độc hại thôi!

Con quạ chồng nghe lời vợ nói, muốn rời bỏ nơi này, nhưng lòng còn lưu luyến chẳng thể dứt đi được. Người ta đã nhiều lần đến xâm phạm, quấy phá tổ quạ, vì quạ không chịu bỏ đi nên bị người ta bắt được, nhổ hết lông rồi lấy dây gai cột cổ. Khi ấy, trời có mưa dầm, đường sá lầy lội khó đi mà bay thì không thể được, nên quạ từ từ cố sức lết về đến tổ. Vợ quạ dùng kệ nói:

Ai mà lông trơ trọi
Hôm nay trời mưa dầm
Lấy dây gai làm áo

Đứng cửa gọi ầm ĩ.

Con quạ cùng kệ đáp:

Duyên số thân ta còn may mắn
Hôm nay gặp lúc trời mưa to
Nên mau mở cửa cho ta đấy
Đem gấp đồ ăn cứu mạng này.

Vợ quạ dùng kệ nói:

Ta nghĩ thế nào! Ra thế ấy!
Ngươi thêu dệt đó là vì tham
Hiểm nguy nay gặp là như vậy
Sự thật này đây sau phải kham.
Lời nói của ta, ta chấp nhận
Đề hồ và sữa đã đầy mâm
Cầm bằng khổ nhọc tiêu tan hết
Đến chỗ vắng vẻ sống an nhàn.

Cách chỗ chúng không xa, có một vị đạo nhân Phạm-chí là bậc thần tiên, thoáng nghe lời nói ấy nên dùng kệ chỉ dạy:

Không biết quả báo ác
Là duyên gặp khổ đau
Do đó chớ tạo tội
Sẽ không chịu ưu sầu.

Đức Phật nói với các vị Tỳ-kheo:

– Có biết con quạ vợ thời ấy nay là ai không? Chính là vị Tỳ-kheo-ni kia, con quạ chồng chính là người con xuất gia làm Sa-môn, bị đánh đập, còn vị Tiên nhân lúc ấy là bản thân Ta. Ngày xưa gặp nhau, hôm nay cũng gặp lại.

Đức Phật đã thuyết giảng như thế, không ai là không vui mừng lãnh hội.

-oOo-

Kinh 50: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Lư-đà.

(Theo Đan bản thì kinh này là bài thứ bốn mươi chín)

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo mới tu học, là khách từ xa đến nước này,

ông ta xin các vị Tỳ-kheo cho làm ỷ trù, các vị Tỳ-kheo không cho vì thấy ông ta đi đứng không đàng hoàng, cử động không rõ ràng, nếu giao cho ông ấy làm thì công việc sẽ hao hụt mất mát. Thế là ông ta lại đi đến chỗ khác để xin làm công việc ấy. Các Tỳ-kheo kia không chịu hỏi rõ gốc ngọn gì cả liền giao cho ông ta làm ỷ trù. Vị Tỳ-kheo trước hay được liền đến hỏi:

– Sao ông không hỏi rõ đầu đuôi về anh ta mà lại giao cho làm công việc đó?

Vị Tỳ-kheo này đáp:

– Tôi cho ông ấy làm ỷ trù vì thấy anh ta có thể tin cậy được, không gian trá, cũng là để giúp việc cho tôi trong những lúc cúng dường, có được một vị Tỳ-kheo đi đứng ung dung từ tốn, cử động không thô bạo, ra vào, tới lui đúng phép tắc, đó là người tốt chứ không phải hạng hung ác đâu?

Vị Tỳ-kheo chỉ riêng sống một mình ít đi ra ngoài. Ông tân học Tỳ-kheo bèn lấy hết y bát rồi bắt ông Tỳ-kheo chủ ấy dùng gậy đánh đập, trói bỏ dưới đất, còn bịt miệng để khỏi kêu la cho người ngoài nghe tiếng và ngay trong đêm đó, hắn ta chạy trốn mất. Trời vừa sáng, các vị Tỳ-kheo nghe tiếng kêu ú ớ, bèn chạy đến cởi trói và hỏi thăm ông. Ông kể hết đầu đuôi sự việc và nhờ các Tỳ-kheo chia nhau đi tìm bắt tên đó, đem y bát về cho ông. Các vị Tỳ-kheo trả lời:

– Chúng tôi đã nói với ông là không nên tin tưởng sai lầm, chớ cho ông ấy làm ỷ trù, ông không rõ, chỉ tự tin làm theo ý mình, không theo lời bọn tôi, sự việc đã rồi, nay mới thức tỉnh.

Các vị Tỳ-kheo đem việc này thưa đầy đủ với Đức Thế Tôn. Đức Phật bảo:

– Này các Tỳ-kheo, ông Tỳ-kheo ấy chẳng phải chỉ mới đời này mới bị kẻ hung ác kia chiếm đoạt của cải vì chẳng rõ gốc ngọn, vì đã tin tưởng sai lầm nơi kẻ khác, hễ đã gặp gỡ là ông liền bị xâm đoạt.

Đức Phật kể:

– Thuở quá khứ, có ông Phạm-chí tên là Thảo-lư-đà dùng xe chở đồ sành sứ, xe có cửa nẻo chắc chắn, đang đi trên đường cái, từ xa trông thấy một đứa tớ trai đứng ven lối đi. Tên này nhìn thấy ông Phạm-chí dần dần đi tới chỗ mình, thì sinh tâm xấu muốn cướp đoạt tài sản. Vừa mới gặp nhau là ông Phạm-chí tin hắn liền. Ông nghĩ: "Người này thấy ta nên tìm đến để phụng sự, giúp đỡ, vậy là có thêm kẻ cộng tác, thêm kẻ thân thích cho ta." Ông Phạm-chí liền dùng kệ nói:

Ngươi ở ngã tư đường

Dáng dấp phản phúc chăng?
Người chưa biết gốc ngọn
Chẳng lựa chọn tỏ tường.
Người đi đường thấy đấy
Hạnh pháp sửa sạch trong
Không có điều hung ác
Giúp việc ta đảm đang.

Lúc ấy, các Phạm-chí khác, bạn đi cùng đường đều nói:

– Chớ tin dùng người ấy, nếu không nó sẽ lừa dối ông rồi đoạt hết của cải của đồ vật đấy!

Họ dùng kệ nói:

Phạm-chí không nên vừa gặp người
Ở giao lộ chớ vội tin ngay
Mắt thì láo liên, mặt trơ tráo
Nhất định đánh đập, cướp của người.

Ông Phạm-chí nghe kệ nhưng không tin lời bạn, ngược lại đi tin đứa tớ giặc, chưa có được lợi gì trong chuyện giúp đỡ, cung cấp việc ăn uống, thì đến nửa đêm trời tối không ai thấy gì, tên tớ kia liền chạy đến đánh đập ông Phạm-chí, gây thương tích ở chân và đầu gối khiến ông hoa mắt nằm ngã lăn dưới đất, tên kia đoạt hết của cải rồi trốn đi. Mất hết của cải, lại bị thương ở đầu gối, ông Phạm-chí Thảo-lư-đà nằm lăn dưới đất khóc lóc như một đứa trẻ, than oán, kêu gào. Có một vị trời tên là Tịnh Tu Phạm Hạnh dùng kệ nói:

Kìa cầu lợi cầu tài
Mà hành động xót vay
Tự chuyên mà thu nhận
Sư trưởng chẳng nghe lời.
Đều phải gặp khổ nạn
Như Phạm-chí kia thôi
Tin người, chẳng thận trọng
Tội Phạm-chí, phải rồi!

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Ông Phạm-chí Thảo-lư thời đó nay là ông Tỳ-kheo đã giao cho ông tân học Tỳ-kheo làm công việc ỷ trù đấy. Còn ông Tỳ-kheo lòng độc ác, dựa vào việc ỷ trù để cướp đoạt là tên ác nô đã cướp đoạt tài sản của ông Phạm-chí. Các ông Phạm-chí khác khuyên can ông Phạm-chí lúc đó nay là các vị Tỳ-kheo gạn hỏi ông Tỳ-kheo bị nạn, còn vị trời Tịnh Tu Phạm Hạnh

nay là bản thân Ta. Ngày đó gặp nhau, ngày nay cũng gặp nhau.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 51: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Khổng Tước.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Các vị Tỳ-kheo đều cùng nhau hội họp, khen ngợi và nhớ nghĩ về Đức Thế Tôn đã làm được việc chưa từng có. Đó là một con người xuất hiện ở đời hiệu là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đã diệt trừ, phá bỏ tất cả các học thuyết ngoại đạo khác, khiến chúng trở nên mờ tối, không còn sáng rỡ được nữa. Khi chưa có Đức Phật thì chúng được mọi người cúng dường hết sức đầy đủ về các thứ y phục, đồ ăn uống, giường nằm không hề thiếu thứ gì. Từ khi Đức Phật xuất hiện ở thế gian, thì rõ ràng là đám ngoại đạo kia lời nói chẳng đi đôi với việc làm.

Đức Phật dùng thiên nhĩ thông, từ xa nghe được lời bàn luận của các vị Tỳ-kheo, Ngài liền đến đó hỏi các vị ấy là đang bàn bạc về việc gì. Các vị Tỳ-kheo thưa đầy đủ với Đức Phật:

– Chúng con tụ hội lại bàn về việc Đức Bình Đẳng Chánh Giác vừa xuất hiện ở thế gian thì các học thuyết ngoại đạo khác liền bị chìm khuất, trở nên mờ tối hẳn, không còn trở lại vẻ sáng như trước.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Khi Ta chưa xuất hiện ở đời thì các học thuyết ngoại đạo thịnh hành, nổi bật, như không có mặt trời, mặt trăng thì đuốc lửa là sáng, nhưng khi mặt trời, mặt trăng vừa xuất hiện thì ánh sáng của đuốc lửa hầu như không còn sáng. Nay Phật đã có mặt ở đời, các loại học thuyết kia đều bị đẩy lùi hết, không còn uy lực để tỏa sáng nữa, chỉ còn mỗi ánh sáng giác ngộ của Phật tỏa chiếu không đâu là không soi tới. Các vị Tỳ-kheo nên biết, chẳng phải chỉ mới đời này mới có cái hạnh thù thắng xuất chúng như thế, mà đời trước cũng vậy, thật là giáo pháp chưa từng có. Về đời quá khứ xa xưa, có một nước lớn ở vùng biên địa phương bắc, tên là Trí Huyễn. Người dân nước Trí Huyễn đem quạ đến nước Ba-già-lê, vì ở trong nước ấy không có loài quạ này, mà cũng không có loài chim nào lạ đẹp hơn nữa. Khi người dân nước Ba-già-lê thấy người ta đem quạ đến thì hết sức vui mừng, cảm thấy thích thú vô cùng, bèn nuôi dưỡng, chăm sóc đầy đủ, cho chim ăn uống bằng nhiều loại trái cây. Ngày tháng qua đi, tin tức này loan truyền, các con quạ ở phương xa hay được, kéo nhau

đến tụ hội rất đông, không kể xiết. Cả nước đều lo nuôi dưỡng chăm sóc và trọng vọng chúng. Đến lúc có một khách buôn từ nước khác mang đến ba con công, dân chúng trông thấy cái vẻ đẹp khác lạ, nổi bật vi diệu của loài chim này, cả lông cánh cũng đặc biệt, dáng đi thì dịu dàng, thanh nhã, thật chưa từng có, lại cùng nghe tiếng kêu của nó, nên ai cũng vui mừng hớn hở gấp ngàn ức vạn lần trước đây. Thế là mọi người bỏ mặc lũ quạ không còn ai nuôi nấng chăm sóc. Lũ quạ ấy không còn uy lực rỡ ràng, bỗng nhiên mất hết vẻ hấp dẫn, như mặt trời mọc thì đuốc lửa bị lu mờ. Không còn ai để ý đến lũ quạ nữa, mọi người đều yêu thích, quý trọng các con công, nhìn ngắm chúng không biết chán, tất cả những vật dụng trước đây dùng để nuôi dưỡng chăm sóc lũ quạ, họ đều mang đến hết để dốc sức phục vụ cho các con công, kính trọng tự theo về với công, lũ quạ đều biến mất không biết đi đâu. Khi ấy có vị trời dùng kệ tụng rằng:

Khi mặt trời chưa hiện
Lửa đuốc rực sáng ngời
Lũ quạ được nuôi dưỡng
Trái cây cùng nước uống.
Do đầy đủ tiếng tăm
Mặt trời mọc trên cao
Đồ dâng lũ quạ này
Tới đây không còn nữa.
Thù thắng nên chọn lựa
Thờ không phân thấp cao
Khi tôn trưởng hiện vào
Ti tiện mất thờ kính.

Lúc ấy, Hiền giả A-nan dựa vào lời dạy của Đức Thế Tôn, lòng đầy hớn hở, làm bài kệ khen:

Như Phật không ra đời
Đạo sư không đến nơi
Thì Phạm-chí ngoại đạo
Được cúng dường khắp thôi.
Nay lời Phật vang dậy
Giảng đạo pháp sáng ngời
Các dị học ngoại đạo
Mất hẳn cúng dường rồi.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết:

– Con công thời ấy là bản thân Ngài, lũ quạ là các đám dị học ngoại

đạo, vị trời dùng kệ bày tỏ nay là Tôn giả A-nan.

Đức Phật nói:

– Khi đó ở đời, tuy Ta thuyết giảng kinh pháp nhưng chưa trừ hết ba độc, sinh lão bệnh tử chưa thể dứt sạch hoàn toàn, rồi nhờ tịnh tu phạm hạnh diệt trừ hết mọi thứ phiền não cấu nhiễm, cho đến nay Như Lai thị hiện nơi thế gian, thành tựu đầy đủ Bậc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hành Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Thiên Nhân Sư, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, hiệu Phật Thế Tôn thuyết giảng giáo pháp trọn vẹn rốt ráo, tịnh tu phạm hạnh, xa lìa bụi bặm cấu uế, diệt trừ tham dâm, giận dữ, si mê, sinh lão bệnh tử, một mình qua lại trong ba cõi, không còn sợ hãi, hàng phục bọn tà thuyết ngoại đạo, không ai là không quy phục, tất cả đều đội ân cứu độ.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, không ai là không vui mừng lãnh hội.

-oOo-

Kinh 52: Đức Phật Thuyết Giảng Về Kinh Bát Kiếp Tiên Nhân.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại núi Linh thứu thuộc thành Vương xá cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, ông Trưởng giả Cẩm Tận Thủ đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất đọc tụng kinh pháp. Khi trở về nhà, ông chán cảnh sống ấy nên xuống tóc xuất gia làm Sa-môn, nhưng chưa chứng được quả A-la-hán, dù mọi việc ông làm đều đầy đủ. Các vị Tỳ-kheo đến gặp Đức Thế Tôn, thưa:

– Nay chúng con xét thấy ông Cẩm Tận Thủ luôn thể hiện sự cung kính trong việc nghe thuyết giảng giáo pháp, giới luật rồi sau đấy thì xuất gia làm Sa-môn, là hàng trí nhiều, biết rộng, giảng giải không biết bao nhiêu là kinh pháp, lời lời lưu loát, câu cú tế nhị nhưng tâm thiền định dấy động nên ông trở lại nhà. Thưa Thế Tôn, như vậy nên ông chưa chứng được quả A-la-hán, không căn cứ, không gắn bó với giáo pháp, nên ông chưa thành tựu được sự tu tập để thấy rõ nẻo sinh tử luân hồi, không được giải thoát, như Đức Phật đã dạy: Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác luôn đạt được mọi sự an ổn.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Việc ấy có gì đâu là lạ! Ta đã thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh chân, là Bậc Tối Chánh Giác, còn ông Cẩm Tận Thủ thì phải nhờ Tôn giả Xá-lợi-phất chỉ dạy hóa độ cho mới vượt khỏi bốn nẻo khổ hoạn. Ta ở nơi

đời khác đã từng đem thân phàm phu giảng nói kinh pháp rộng khắp, hóa độ mọi người thoát khỏi lao khổ, đó mới là điều hết sức đặc biệt.

Đức Phật kể tiếp:

– Thuở quá khứ xa xưa, có một vị Tiên nhân tên là Bát Kiếp, tu chứng được năm thứ thần thông. Bấy giờ, quốc vương đem lòng yêu kính hết mực đối với vị Tiên nhân Bát Kiếp. Tiên nhân hay dùng thần thông bay tới cung vua, được quốc vương cúng dường đầy đủ, ban cho tất cả, luôn được ngồi bên vua, ngày nào cũng vậy. Nhà vua cung phụng vị Tiên nhân này đủ điều, rải tóc bên đường cho Tiên nhân đi qua, tự tay bưng dâng rót mời hàng trăm món ăn uống, trải qua nhiều năm, việc cúng dường ấy thật là vô hạn. Lúc đó, nhà vua có một việc nhỏ phải đi xa. Nhà vua có một người con gái đoan chánh, xinh đẹp, trên đời ít có, vua thương yêu quý trọng vô cùng. Nàng chưa có chồng, nhà vua bảo con gái: "Con có thấy ta không? Ta cúng dường vị Tiên nhân, luôn phụng sự ân cần, chẳng dám trái ý".

Người con gái thưa:

– Vâng, con đã thấy.

Nhà vua bảo con:

– Ta có việc phải đi xa, con ở hoàng cung lo chuyện cúng dường bậc ấy, cũng phải theo đúng những việc như ta đấy, chớ nên làm mất lòng!

Khi đó, vị Tiên nhân từ trên không trung bay xuống đi đến cung vua, người con gái thấy vị Tiên nhân tới liền đưa tay cao lên chào và mời ngồi vào tòa ngồi. Ông vừa chạm tay, cảm thấy thân thể người con gái mềm mại, liền khởi ý dục, ý ấy vừa phát khởi thì lửa ái dục bừng bừng nên bị mất thần túc, không thể bay đi được. Ông bèn tư duy, thiền định rồi kinh hành, mong muốn phục hồi thần túc nhưng không thể được. Lúc đó, vị Tiên nhân thấy con gái của quốc vương, ý tham dục dấy lên, không thể kiềm chế, ông liền đi bộ ra khỏi cung. Việc này lan truyền khắp nơi, không ai là không nghe biết, do đó vô số người tụ tập lại xem. Nhà vua thực hiện các công việc đã xong, hay được vị Tiên nhân đã không còn tâm vô dục mà rớt vào trong vòng ân ái nên mất cả thần túc, không thể bay đi được. Vào lúc đêm tối, nhà vua một mình tìm đến gặp vị Tiên nhân, cúi đầu làm lễ và đọc bài kệ tụng:

Ta nghe Đại Phạm-chí
Tham dục đều chết mau
Làm theo ai dạy bảo

Nhiễm sắc dục do đâu.

Tiên nhân Bát Kiếp dùng kệ đáp:

Ta thật với đại vương
Như đã nghe lời Thánh
Tà bậy nên lạc đường
Lời ta ngài xa lánh.

Nhà vua dùng kệ hỏi:

Có tuệ lực không xét
Và nghĩ điều dữ lành
Giả sử lòng phát dục
Không thể lại tịnh thanh.

Vị Bát Kiếp Tiên nhân lại dùng kệ đáp:

Ái dục mất nghĩa lợi
Lửa dâm nung cháy lòng
Hôm nay nghe vua nói
Ái dục dứt cho xong.

Khi được quốc vương nêu bày chỉ dẫn, vị Tiên nhân cảm thấy xấu hổ, lòng nghiêm khắc tự trách, ngày đêm tinh tấn, dốc sức tu dưỡng, chẳng bao lâu đạt được thần thông trở lại.

Đức Phật bảo cho các Tỳ-kheo biết:

– Vị Tiên nhân Bát Kiếp lúc đó nay là Tôn giả Xá-lợi-phất. Còn vị quốc vương ấy là bản thân Ta.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, không ai là không vui mừng lãnh hội.

-oOo-

Kinh 53: Đức Phật Thuyết Giảng Về Chuyện Cha Con Ông Thanh Tín Sĩ A-di-phiến-trì.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, có một vị Thanh tín sĩ sinh được một người con trai thông minh, trí tuệ, giỏi biện tài, không gì là không làm được, hoặc tham bác lãnh hội, luôn có tinh thần tự lập, không hề biếng trễ, sáng suốt đặc biệt tuyệt vời. Ông còn biết phát huy sự lợi ích trong việc buôn bán của gia đình nên đã thu đạt được nhiều của cải quý giá, lại biết phụng dưỡng cha

mẹ. Đức Phật dùng oai thần hộ trì, chư Thiên luôn bảo vệ, cũng như vô số người đã thương yêu kính trọng ông. Nhưng ông không thể hợp ý với cha mẹ, do đó người cha không thương tưởng tới ông, thường ghét bỏ, hễ gặp là thường xua đuổi ông ra khỏi nhà, đôi khi còn dùng cả gậy gộc nữa. Không thể chịu đựng nổi, ông bỏ sang nước khác. Ở nơi đất lạ, ông làm nghề buôn bán để sinh sống. Làm ăn phát đạt vì chẳng để mất thời cơ thuận lợi, chẳng hề bỏ bê sự nghiệp nên dành dụm được nhiều của cải quý giá. Ông Thanh tín sĩ kia, nghe con mình làm ăn khá giả bèn sai người đến gọi về, người con chẳng chịu nghe lời cha. Ông Thanh tín sĩ lại sai người đi nữa, dặn họ là nếu bảo không về thì tìm cách đem của cải về. Những người đi đã ân cần khuyên can người con nhưng người con nhất định không chịu nghe theo. Ông nói nhắn với cha mình:

– Cha đã làm khốn khổ con không thể kể hết, nay lại sai người đến khiến con trở về, con không thể nghe theo được.

Ông Thanh tín sĩ cũng khó lòng tự mình đi tới đó, nên ông đến trước chúng Tỳ-kheo tự nêu bày cái ý của mình, đại khái là người con kia có cái bệnh là không chịu thuận theo lời của cha mẹ. Các vị Tỳ-kheo thưa lại đầy đủ với Đức Phật việc này. Đức Phật bảo:

– Ông cư sĩ ấy chẳng phải chỉ đời này mới cùng với con mình luôn có sự bất hòa mà đời trước cũng vậy. Người con đó phước đức thù thắng khác thường, chỉ có làm nên sự nghiệp chứ không hề có sai trái, thất thoát, thế mà lại không vừa được lòng người cha. Các vị Tỳ-kheo hãy xem sự việc ấy, người con trai kia trí tuệ hết sức đặc biệt, đức hạnh thật không lường nhưng lại không thể thuận theo ý của người cha, không muốn nghe tiếng nói của cha mình mặc dù vẫn luôn nhớ nghĩ tới ông ta.

Đức Phật kể:

– Thuở quá khứ xa xưa, có một người tên là A-di-phiến-trì làm nghề dạy khỉ. Ông dạy cho khỉ về các cách thức cử động, đi đứng, các kỹ thuật đùa cợt để làm vui lòng cho người dân tới xem. Do kỹ thuật điều khiển khỉ ấy mà vô số người yêu thích, xa gần đều kéo tới xem biểu diễn, nhờ đó, người này thu được nhiều tài lợi. Ông A-di-phiến-trì kia, trước sau đều nhờ vào con khỉ mà được nhiều của cải, nhưng lại hay dùng roi gậy đánh nó rất dữ. Qua ngày khác, ông ta đem con khỉ vào trong thành, trói chặt nơi trụ cây dùng roi gậy đánh đập rất tàn nhẫn, muốn hủy nhục, khống chế con vật. Nhân khi thoát được, con khỉ lặng lẽ chạy trốn vào trong núi, một mình ở nơi thanh vắng gần bên cạnh vị Tiên nhân, nương theo vị ấy mà trú ngụ yên ổn. Con khỉ hay hái trái cây dùng cúng dường vị Tiên nhân

và dùng để ăn. Ông A-di-phiến-trì nghe biết con vật chạy đến ở chỗ vắng vẻ trong núi nên sai người tìm tới gọi nó về. Con khỉ không chịu nghe lời và nhắn với ông rằng:

– Tôi nay nghĩ lại sự tàn độc của ông đối với tôi trước đây, thật là thống khổ không lường. Không rõ đời trước cha ta làm gì nên tội mà nay ta phải gặp lắm khổ nhục không thể nói hết, đến nỗi phải chạy trốn vào trong núi.

Ông A-di-phiến-trì đích thân đến gọi con khỉ, nói:

– Hãy trở về nhà đi!

Con khỉ lặng thinh, không chịu theo lời. Vị Tiên nhân bảo với ông ấy:

– Nên để yên nó đó.

Ông đáp:

– Tôi xin để yên.

Vị Tiên nhân nói:

– Không nên cưỡng bắt mà phải khéo léo dụ khuyên nó rồi sau mới đem đi được. Nếu muốn cưỡng ép nó, chắc chắn là không thể được.

Người kia đáp:

– Nếu dùng hết cách mà nó chẳng chịu đi thì ta phải lập kế. Ông liền dùng kệ nói:

Ngươi, đứa con hiền lành
Như nai dưới lá cành
Theo nhờ bóng cổ thụ
Đói khát khỏi lo quanh.

Con khỉ dùng kệ đáp:

Bất nhân sinh cùng ta
Ta tự biết tánh ý
Từ đâu mà nghe thấy
Con khỉ là nhu hiền.
Xét nhiều mặt thấu đáo
Chưa từng có nghĩ tới
Nếu lòng tà đã lớn
Trọn không thể ngăn ngừa.
Ta nay nhớ chuyện xưa
Ông A-di-phiến-trì
Đem ta vào thành thị

Cột vào cọc đánh đau.
Đến nay chẳng quên đâu
Roi vọt ta khổ hại
Ta giờ được tự tại
Không để ông hại nữa.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo biết:

– Con khỉ của ông A-di-phiến-trì lúc đó nay là người con trai thông tuệ của ông Thanh tín sĩ, ông A-di-phiến-trì nay là phụ thân của người con trai đó, còn vị Tiên nhân kia chính là bản thân Ta.

Đức Phật đã thuyết giảng như vậy, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 54: Đức Phật Thuyết Giảng Về Kinh Phu Thê.

Nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Bấy giờ, ông Thanh tín sĩ với người vợ đoan chánh, xinh đẹp, đi đứng đàng hoàng, uy nghi, đức hạnh không ai sánh kịp, lại thông minh trí tuệ, ngôn ngữ biện tài, nói chung là có rất nhiều điểm xuất chúng, được mọi người kính yêu. Trong khi đó thì người chồng không quý trọng vợ mình, lại còn ghét bỏ, không vui thích, chẳng muốn gặp gỡ, trái lại, đi lấy người tớ gái làm thiếp, kính trọng thương yêu bà ấy. Người vợ thấy chồng mình thay lòng theo kẻ dưới, chẳng hòa hợp nên nói với chồng:

– Nếu như ông không còn cùng với tôi vui thích thuận hợp thì ông nên cho tôi xuất gia theo đạo làm Tỳ-kheo-ni.

Bà đã nhiều lần nêu bày như thế nên người chồng đồng ý. Bà liền xuất gia, theo đạo, làm Tỳ-kheo-ni, ngày đêm tinh tấn tu tập, không bao lâu đã chứng quả A-la-hán. Thời gian sau này, người đàn bà mà ông Thanh tín sĩ kia yêu thương đã trở về với nẻo vô thường thì ông ta tìm tới chỗ người vợ trước nay đã là Tỳ-kheo-ni, gọi bà ấy hãy trở về với ông. Vị Tỳ-kheo-ni chẳng chịu theo ý người chồng cũ, bảo:

– Tôi đã xuất gia tu hành thì đã là người khác rồi, hơn nữa, đời sống cũng đã thay đổi, tội phước không thể cùng chung.

Lúc đó, các Tỳ-kheo-ni hay được liền tới bạch với Đức Thế Tôn, nói rõ đầu đuôi sự việc. Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Ông Thanh tín sĩ đó đời trước đã từng hủy nhục người có đức hạnh ấy, chẳng phải chỉ đời này mới làm thế. Lại nữa, người đàn bà ấy đời đời có đức hạnh, có cái chí thù thắng đặc biệt, còn người đàn ông đó thì lại luôn tìm cách hủy hoại, làm loạn động bà ta. Nay thì bà ấy đã bước vào được con đường lớn, lại muốn hủy hoại bà ta, thì chắc chắn là không thể theo đúng ý muốn.

Đức Phật kể cho các vị Tỳ-kheo nghe:

– Về đời xa xưa kia, có một ông Phạm-chí, vợ tên là Liên Hoa, dịu dàng, đẹp đẽ, diện mạo xinh tươi như thế là vào bậc nhất, trên đời ít có, đức hạnh như thế thật không ai bì kịp. Ông Phạm-chí có một người tớ gái giúp việc, ông luôn gần gũi thuận kính người tớ gái ấy mà không yêu chuộng người vợ Liên Hoa của mình, đã không thích gặp người vợ mình mà còn nghe lời người tớ gái, đem vợ ra khỏi nhà, đi tận vào trong núi. Ở đây, ông leo lên cây Ưu-đàm-bát lựa trái chín hái ăn, còn bỏ trái sống xuống cho vợ. Vợ ông hỏi:

– Tại sao một mình chàng ăn những quả chín, còn quả sống thì bỏ xuống cho tôi?

Người chồng đáp:

– Muốn ăn quả chín, sao không tự leo lên cây để tự chọn lấy?

Vợ đáp:

– Chàng không cho tôi quả chín thì thôi!

Rồi theo lời chồng, người vợ liền leo lên cây, người chồng thấy vợ đã leo lên cây thì ở nơi gốc cây dùng các thứ gai gốc rào kín hết bốn bên để vợ không xuống được, rồi bỏ đó mà đi, muốn vợ phải bị chết. Lúc ấy, quốc vương và các đại thần cùng đi săn bắn, ngang qua gốc cây ấy, trông thấy người đàn bà kia vô cùng xinh đẹp, dung mạo thù thắng khác thường, hiếm có trên đời, vua liền đến hỏi:

– Nàng là ai? Từ đâu lại đến đây?

Người vợ kia đem cái biến cố của mình kể rõ đầu đuôi cho vua nghe. Nhà vua thấy người đàn bà này có tướng nữ hoàn hảo, không chút dấu vết thô xấu, lòng tự nghĩ: "Tên Phạm-chí ấy thật là ngu si, không có trí, không phải là hàng trượng phu nên không vui thích kính yêu người đàn bà này." Nhà vua liền cho người dẹp bỏ gai góc rồi đem nàng đi theo, về đến hoàng cung, vua lập nàng làm vương hậu. Vị vương hậu ấy thông minh, có trí tuệ,

biện tài không ai sánh kịp mà còn biết chơi sư bồ[1] và sử dụng sáu phương thức vui chơi, sách vở giải thích rất thông thạo nên đám nữ nhân xa gần đều đến đây vui chơi, lần nào vương hậu cũng thắng cả, không ai đương nổi. Bấy giờ, ông Phạm-chí từ xa nghe được vị vua kia có vị hoàng hậu xinh đẹp, lại giỏi về cờ bạc vui chơi, ai đến đánh, vương hậu đều thắng cả, mọi người đều quy phục, không ai thắng được, lòng ông tự nghĩ:

– Có lẽ đây là người vợ trước của ta, không thể là ai khác được, vì bà ấy rất rành về món vui chơi đó!

Hơn nữa ông Phạm-chí này cũng là một tay rất giỏi về lối chơi này nên tìm đến nhà vua để biểu diễn tài nghệ của mình. Khi đó, bà vợ vua nghe có một ông Phạm-chí hình dạng như thế với dáng dấp cao thấp, đẹp xấu thì liền nghĩ:

– Đó hẳn là người chồng trước của ta.

Ông Phạm-chí đến cửa vương cung, nhà vua liền ra gặp, rồi cho ông thi thố tài nghệ từ xa với người hầu tên là Xỉ. Ông Phạm-chí dùng kệ nói:

Tóc mượt dài tám thước
Mày ngài đẹp như tranh
Dịu dàng vào bậc nhất
Nhớ trái chín trên cành.

Vương hậu dùng kệ đáp:

Khi trước với tỳ thiếp
Lòng ngươi đã ưa nàng
Kính trọng là hơn hết
Cướp lấy là nhất chăng?

Ông Phạm-chí lại dùng kệ nói:

Sống an nhàn cung vua,
Voi tốt dạo thong dong
Nơi ấy cùng vui vẻ
Có nhớ trái chín không?

Vương hậu dùng kệ đáp:

Một mình ăn trái chín
Trái sống bỏ cho người
Đó là nhân duyên trước
Phạm-chí giỏi cướp thôi.

Ông Phạm-chí lúc ấy hối hận, nghiêm khắc tự trách nhưng sự ăn

---

1. Một lối đánh bạc ngày xưa.

năn ấy đã quá muộn.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Ông Phạm-chí thời đó nay là ông Thanh tín sĩ ấy, còn vị quốc vương kia chính là bản thân ta. Thời bấy giờ, ông Phạm-chí dấy khởi sự rối loạn trong gia đình mình, ngày nay cũng như vậy.

Đức Phật thuyết giảng như thế, không ai là không hoan hỷ lãnh hội.

-oOo-

Kinh 55: Đức Phật Thuyết Giảng Kinh Thí Dụ.

Về thời quá khứ, trải qua vô số kiếp, có một người đàn bà cô độc làm nghề bán dầu mè. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo theo sự hứa cho của bà, ngày ngày đến lấy dầu mè về thắp đèn cho Đức Phật. Trải qua nhiều năm, về sau Đức Phật thọ ký cho vị Tỳ-kheo ấy:

– Ông sau này sẽ thành Phật.

Chư Thiên, quốc vương và dân chúng đều đến chúc mừng vị Tỳ-kheo. Vị ấy nói:

– Tôi xin nhận lấy cái ân này.

Người đàn bà cô độc bán dầu kia nghe vị Tỳ-kheo được Phật thọ ký liền đến chỗ Phật, thưa với Ngài:

– Vị Tỳ-kheo ấy thắp đèn bằng dầu của con cúng dường, xin Đức Phật thọ ký cho con nữa.

Đức Phật nói:

– Khi vị Tỳ-kheo ấy thành tựu quả Phật, bà hãy theo Đức Phật ấy mà xin thọ ký.

Đức Phật nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Vị Tỳ-kheo khi đó là Đức Phật Đề-hòa-kiệt, còn người đàn bà cô độc bán dầu kia là bản thân Ta.

Thuở xưa, ở nước Duy-da-ly có một vị Trưởng giả nghe Đức Phật đến du hóa liền tìm tới chỗ Phật, cúi đầu làm lễ nơi chân Ngài, rồi thưa:

– Ý con muốn thỉnh Phật về nhà con an cư ba tháng.

Đức Phật lặng thinh chấp nhận, bèn mang y, cầm bát đến nhà ông Trưởng giả. Những người khác không thỉnh được Đức Phật, liền sinh lòng tức giận, có ý đồ muốn hại vị Trưởng giả. Họ hẹn ngày giờ đem đám tay chân tới vây quanh nhà ông nhiều lớp. Ông Trưởng giả sợ quá nên hết lòng niệm Phật, không nghĩ tưởng đến chuyện khác. Đức Phật đã vì gia đình ông mà thuyết pháp với bao lời chỉ dạy quan trọng khiến

vị Trưởng giả và quyến thuộc đều chứng được pháp nhãn Bất khởi. Đức Phật từ tòa ngồi đứng dậy, ra thuyết giảng với đám người bên ngoài. Ngài nói về cái quả báo đau khổ do sự tức giận tác hại, ngợi ca phước đức của sự từ ái, hòa nhã. Từng ấy lời giảng dạy cốt yếu đã làm cho mọi người lòng dạ cởi mở, khiến cho đến tám vạn bốn ngàn người phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vị Tỳ-kheo thưa với Đức Phật:

– Ở đại hội này, mọi người gặp được Phật khiến cho tâm ý được cởi mở, đó là sự gặp gỡ tình cờ hay là do nhân duyên từ trước?

Đức Phật nói:

– Nay ở chúng hội này, trong một lúc đã được hóa độ là đều do đời trước đã có nhân duyên với Đức Phật.

Các Tỳ-kheo thưa:

– Nguyện xin Đức Phật nói rõ đầu đuôi về việc đó để cho người nghe được tăng thêm công đức.

Đức Phật kể:

– Thuở xưa, có một nước ở gần biển lớn, nhà vua tên là Tất-hòa-đạt luôn đem lòng nhân từ trị nước, xem dân chúng như con. Lúc đó, trong nước gặp đại hạn, ba năm liền không mưa, khiến dân chúng đói khát. Nhà vua triệu đạo sĩ Phạm-chí vào cung hỏi:

– Trời có mưa được chăng?

Đạo sĩ chiếm quẻ rồi nói:

– Phải đủ đến mười năm thì mới có mưa.

Nhà vua nghe lời ấy, lo sợ muôn dân chết hết nên ưu sầu chẳng vui. Vua nghĩ:

– Phải có phương kế gì để cứu vớt muôn người. Hay là ta hy sinh thân mình để cứu chúng sinh.

Nghĩ ngợi xong, vua liền trai giới thanh tịnh, chắp tay hướng lên mười phương mà nguyện:

– Trẫm trước sau đã làm các điều thiện, như có được phước báo thì nguyện sinh vào trong biển làm con cá thân thật lớn để dùng thịt cung cấp, nuôi dưỡng chúng sinh.

Nguyện xong, nhà vua dứt mọi sự ăn uống, qua bảy ngày thì mạng chung, được sinh làm con cá có thân dài bốn ngàn dặm, vì biết rõ thân mạng đời trước của mình nên cá đã tới nằm trên bờ biển, trông giống như

một hòn núi đen. Dân chúng trông thấy sao lại có một hòn núi quái lạ ở đây, nên kéo nhau đến xem, mới biết đó là một con cá lớn. Người trong cả nước đều kéo tới cùng nhau làm thịt con cá đem về ăn, tránh khỏi được nạn đói, đất nước nhờ đó trở nên no đủ như xưa.

Đức Phật bảo cho các vị Tỳ-kheo biết:

– Con cá thời bấy giờ là bản thân Ta, những người ăn thịt cá lúc đó nay là dân chúng nước Duy-da-ly. Ngày ấy, Đức Như Lai đã dùng thịt mình để cứu sống chúng sinh trong một đời như vậy. Ngày nay, Ta cũng đem cái ánh sáng của trí tuệ giác ngộ để cứu độ tâm thức họ, đem họ trở về với bản tánh chân như, xa lìa ba cõi, tiêu diệt hoàn toàn hết mọi khổ đau. Là Bồ-tát phải luôn tinh cần, chịu khổ, thực hiện đầy đủ ba việc bố thí. Những gì là ba việc bố thí? Đó là ngoại thí, nội thí và đại thí. Đem cho ăn cho mặc, các thứ của báu cả đến đất nước, vợ con… đó là ngoại thí. Đem cho các phần của cơ thể mình như thịt, xương, đầu, mắt, tủy, não… đó là nội thí. Đem bốn Tâm vô lượng, sáu Độ, bốn Diệu đế, pháp môn Vô thường, mười hai Bộ kinh… vì chúng sinh mà thuyết giảng, đó là đại thí. Phương pháp cầu đạt đạo quả phải thực hành đủ ba việc bố thí ấy thì mới mau chóng thành tựu quả vị Phật.

Lúc Đức Phật thuyết giảng xong điều này thì có vô số chúng sinh cùng phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-oOo-

Ngài Thủ Đạt tuổi cao đáng kính, giáo hóa được năm ngàn người, ngài Duy Tiên tuổi trẻ, trí tuệ sâu rộng, đi tới nhiều nước, giáo hóa được sáu vạn người. Lần lượt trên con đường đi du hóa, hai vị này gặp nhau, các đệ tử của ngài Thủ Đạt thấy ngài Duy Tiên trí tuệ dũng mãnh thảy đều muốn đến để tỏ lòng sùng bái. Ngài Thủ Đạt gọi các đệ tử lại bảo:

– Ông Duy Tiên tuổi còn nhỏ, trí tuệ cạn cợt, ít ỏi.

Ngài Duy Tiên nghe được lời nói đó, bèn nghĩ: "Người tu hạnh Bồ-tát, phải nên cúng dường nhau, du hóa đến các nước gặp nhau coi như gặp được Phật. Nay ta thật không muốn ủng hộ ngài Thủ Đạt nhưng vẫn luôn nghĩ về tình đồng đạo. Ngài Duy Tiên ngay trong đêm đó lặng lẽ bỏ sang nước khác. Vì sao thế? Là vì muốn cho các đệ tử kia vẫn tiếp tục cúng dường ngài Thủ Đạt.

Ngài Thủ Đạt do đã bài báng ngài Duy Tiên nên phải bị đọa vào loài Ma-ha-nê-lê đến sáu mươi kiếp, khi đã thoát được ra làm người thì phải

chịu sáu mươi kiếp làm người không có lưỡi. Tại sao thế? Là vì ngài đã không tự chế ngự được ba nghiệp thân, khẩu, ý, làm mất đi pháp hạnh của Bồ-tát. Về sau, tội lỗi hết, nhờ công đức đã vun trồng từ trước và nỗ lực tự tu tập nên được thành Phật hiệu là Thích-ca Văn.

Đức Phật bảo các đệ tử:

– Ông Thủ Đạt kia chính là bản thân Ta, ngài Duy Tiên hiện nay là Đức Phật A-di-đà.

Tất cả các vị ngồi ở đây đều nói:

– Lỗi lầm kia nhỏ mà tội phải gánh chịu thì quá lớn!

Đức Phật bảo mọi người trong pháp hội:

– Thân, khẩu, ý, ba nghiệp ấy không thể không quyết chế ngự, giữ gìn, những ai trọn tin điều này và phụng hành thì đắc đạo. Nếu có phạm lỗi xấu ác tự biết ăn năn sửa đổi thì lỗi đó trở nên nhẹ bớt đi!

-oOo-

Từ vô số kiếp xa xưa, có một người phát tâm thực hiện một cuộc bố thí lớn, cúng dường cho các Phạm-chí ngoại đạo đông đảo, có đến hàng vô số ngàn người, suốt trong nhiều năm. Phép tắc của các Phạm-chí là người nào biết nhiều kinh điển thì được ngồi nơi tòa cao nhất, nên trong số các Phạm-chí ấy, có một vị tuổi cao, nhiều trí tuệ được xem là bậc nhất trong chúng hội. Lúc đó, Bồ-tát Nho Đồng ở trong núi tu học các kinh thuật, không gì là không thông thạo. Khi ngài đi đến chỗ chúng hội ấy thì ngồi ở phía cuối cùng. Theo thứ tự vấn đáp về sự hiểu biết của các Phạm-chí, lần lượt chẳng ai bằng ngài, cho đến bậc ngồi trên cao nhất kia thì mọi sự hiểu biết của vị Phạm-chí trưởng lão cũng không bằng ngài Nho Đồng. Mười hai năm đã gần đủ, những người giỏi kinh điển được dâng cúng chín món vật dụng, gồm: ngựa bằng vàng, yên cương bằng bạc, người con gái đoan chánh, bình múc nước tắm bằng vàng, chậu đựng nước tắm cũng bằng vàng, bạc, tất cả đều hết sức đẹp đẽ. Ông Phạm-chí trưởng lão bèn tự suy gẫm: "Ta trong mười hai năm, không ai bắt bẻ được, mà nay bị người thiếu niên này lý luận thắng ta! Người có thể xấu hổ, vật thì không đủ lời nói, mất thanh danh không phải là chuyện dễ." Ông liền nói với ngài Nho Đồng:

– Chín vật được bố thí sẽ cùng được giao hết, người nhỏ phải ở dưới ta, để ta ở trên.

Ngài Nho Đồng đáp:

– Tôi tự dùng lý luận để được chứ không cưỡng cầu để lên bậc trên, nếu sự hiểu biết của tôi kém cỏi thì tôi tự xuống dưới, không chút ân hận.

Ông Phạm-chí trưởng lão buồn bã nhường chỗ ngồi cao cho ngài Nho Đồng. Chỗ ngồi đó được trang sức bằng bảy thứ vật báu rất đẹp đẽ, tinh tế hết mực. Nhân đó, ông hỏi ngài Nho Đồng:

– Học vấn của ông đã cầu được ở đâu?

Nho Đồng đáp:

– Tôi cầu nơi Đức Phật A-duy-tam nhằm độ thoát muôn loài.

Ông Phạm-chí sinh lòng giận dữ, độc ác, thề nguyện trong lòng rằng:

– Ta phải đời đời quyết hủy hoại tâm của người này, khiến nó không đạt được gì, nếu nó được làm Phật thì ta cũng quyết quấy phá.

Ông lại nghĩ: "Thiện ác khác đường, sợ chẳng gần nhau, nên phải tu đức thật nhiều thì đó đây mới gặp gỡ được"

Ông thực hành pháp sáu Độ vô cực, cùng tu tập các pháp thiện, thường xuyên không có ý bê trễ. Thế rồi, ông ra đi luôn. Người chủ của chín vật bố thí đem hết cho các Phạm-chí để chia nhau. Mỗi Phạm-chí giảm bớt một tiền đem cho ngài Nho Đồng. Họ nói:

– Ngài không nhận chín món vật, bọn chúng tôi phải phân chia cho nhau, còn đây là phần ngài.

Ngài Nho Đồng nhận lấy rồi mỗi người mạnh ai nấy ra đi.

Bồ-tát thành tựu đạo quả, Điều-đạt thường cùng với Bồ-tát theo nhau, cùng sinh cùng tử, cùng làm anh em, luôn theo để hủy hoại Bồ-tát. Ông Phạm-chí trưởng lão lúc đó là ông Điều-đạt, còn Nho Đồng là Đức Phật Thích-ca Văn. Do lời thề xưa nên thường chẳng rời nhau, đó chính là gốc ngọn của câu chuyện này.

-oOo-

Lời Thầy dạy:

– Học nên nương theo bậc thiện tri thức. Thuở xưa, có một con lừa, chủ luôn cho đi theo với ngựa, đi lại, ăn uống đều thường cùng làm với ngựa. Ngựa đi trăm dặm, nó cũng đi trăm dặm, ngựa chạy ngàn dặm, lừa cũng chạy như vậy, lông bờm kêu rống y như ngựa. Thời gian sau, lừa cùng với ngựa theo nhau ăn uống, đi lại, cùng làm bạn với lừa, lừa đi trăm dặm, ngựa cũng đi trăm dặm, lừa đi ngàn dặm, ngựa cũng đi ngàn dặm, lông bờm đầu mình nó đều giống lừa. Tiếng kêu la "ai, ai" của ngựa cũng y như là lừa. Từ đấy đến khi chết nó không còn là ngựa nữa. Người đi học cũng như thế, theo thiện tri thức thì ngày ngày tinh

tấn, sẽ trở nên người tinh tấn, đắc đạo mau chóng. Còn theo bạn xấu, ngày ngày lười biếng thì sẽ trở nên người lười biếng, bị chìm đắm mãi trong sinh tử.

-oOo-

Thuở xưa, có một người Bà-la-môn nước ngoài thờ Trời, xây dựng tự viện, khéo tạc tượng trời, dùng vàng làm đầu pho tượng. Lúc ấy, có tên trộm leo lên tượng trời ấy để lấy cái đầu tượng bằng vàng, kéo mãi không lay động được, hắn liền niệm "Nam-mô Phật" thì lấy được đầu tượng và mang đi. Sáng ngày, người Bà-la-môn thấy mất đầu của tượng trời. Đầu tượng trời vì mất đi nên mọi người tụ lại cho là Thần trời đã mất đầu, vậy là không có thần linh nữa. Thần trời nhập vào người Bà-la-môn bảo:

– Kẻ đạo tặc lấy đầu ta không được, hắn liền niệm: "Nam-mô Phật", khiến chư Thiên đều kinh động, nên nó lấy được đầu ta mang đi.

Các người Bà-la-môn nói:

– Trời không bằng Phật, nên đi thờ Phật, không thờ trời nữa, kẻ ăn trộm kia chỉ niệm Nam-mô Phật là lấy được đầu tượng trời đem đi, huống gì các bậc Hiền giả luôn niệm Nam-mô Phật thì mười phương thần luôn tôn quý, không dám trái nghịch, vậy phải tinh tấn không được biếng trễ.

-oOo-

Ngày xưa, có thầy Sa-môn ngày đêm tụng kinh, khi ấy có con chó nằm dưới giường một lòng nghe kinh, không nghĩ đến ăn uống, như thế trải qua nhiều năm, sau khi qua đời được sinh làm người con gái sống ở nước Xá-vệ. Lớn lên, hễ gặp các thầy Tỳ-kheo khất thực là nàng vui vẻ lấy đồ ăn mang đến cho. Về sau, nàng theo các thầy Sa-môn làm Tỳ-kheo-ni, tinh tấn tu hành, chứng được đạo quả Ứng chân.

-oOo-

Ngày xưa, có một vị quốc vương, tổ chức biểu diễn một buổi hòa nhạc lớn ở ngoài thành, dân chúng trong nước đều kéo nhau đến xem. Trong thành ấy có một gia đình người cha bị tật nên không đi xem được. Cả nhà xúm nhau dìu dắt, cố sức đem ông ra khỏi thành, dừng lại bên gốc cây, ông biết mình không đi xem được nên nói với gia đình:

– Các ngươi đến xem đi, rồi trở lại đem ta về.

Khi ấy, trời Đế Thích hiện làm một đạo nhân đi qua gần người đó, liền gọi người bệnh, nói:

– Ngươi theo ta đi, ta có thể làm cho bệnh của ngươi bớt được.

Người kia nghe rất vui mừng liền đi theo. Trời Đế Thích đem ông lên cõi Trời, đến cung trời Đế Thích, ông trông thấy vàng, bạc, châu báu rất nhiều, thế gian không thể có nên nảy ý muốn cầu xin, lại cũng đã nghe có người nói nên xin cái bình, nên ông liền nói với trời Đế Thích:

– Con muốn trở về, nguyện xin cho cái bình này.

Đế Thích liền cho còn nói:

– Trong cái bình này có vật dụng, hễ ngươi có lòng cầu xin là có ngay.

Người bệnh mang bình về nhà, cả nhà đều cùng đến xem, tức thời theo trong tâm ý mong muốn họ liền có được nhiều vàng bạc, châu báu. Nhân đấy, họ tổ chức một hội lớn cho cả gia tộc gồm bà con nội, ngoại để ăn mừng vui chơi. Sau khi đã no say rồi, ông già cầm cái bình nhảy nhót và nói:

– Ta chịu ân người đã cho ta giàu có.

Ông nhảy mãi không dừng, bị té nhào xuống đất, làm vỡ tan cái bình quý, thế là chỗ mong cầu không thể còn được. Kinh giới của Đức Phật cũng như cái bình quý báu ấy. Khi mới lãnh hội thì tinh tấn, mọi sở nguyện đều được, về sau lười biếng dần, quên kinh, phạm giới giống như cái bình bị vỡ, không làm sao lành lại được.

-oOo-

Phép đeo vàng bạc, châu báu của đàn bà con gái trong nhà, có bốn cách để được sinh lên cõi trời:

Một là đeo vàng bạc châu báu, nếu có người hiểu rõ nghĩa của kinh, giảng kinh nghe mà hoan hỷ bỏ của cải ra bố thí, đó là một phước báu được sinh lên cõi trời.

Hai là người đó gặp thầy Sa-môn ở phương xa, đang lo xây dựng chùa tháp, hoan hỷ bỏ vàng bạc ra bố thí khuyến trợ, ấy là phước báo thứ hai được sinh lên cõi trời.

Ba là nếu người đó gặp kẻ nghèo cùng khốn khó, nghe lời Đức Phật dạy: "Bố thí là hạnh nên làm bậc nhất", liền đem của cải ra bố thí, đó là phước báo thứ ba được sinh lên cõi trời.

Bốn là người đó bị bệnh sắp lâm chung, đem của cải ra bố thí để nhằm cứu trợ mạng mình, chính mắt người ấy nhìn thấy sự bố thí và khi chết vui vẻ không sợ hãi thì được sinh lên cõi trời.

Đó là pháp trong gia đình của đàn bà con gái có bốn việc phải làm để được sinh lên cõi trời khi đeo vàng bạc châu báu.

□

SỐ 155

KINH BỒ-TÁT BẢN HẠNH

Hán dịch: Mất tên người dịch -
Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

QUYỂN Thượng

Nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở tại khu lâm viên thái tử Kỳ-đà, Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy các vị Sa-môn tâm biếng nhác, chẳng siêng năng, tinh tấn, mới bảo Tôn giả A-nan:

– Tánh biếng nhác, đem lại hậu quả vô cùng tai hại. Nếu người ở đời mà biếng nhác thì cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, tài sản nghiệp nhà không phát triển. Nếu hàng xuất gia mà biếng nhác thì không thể vượt ra khỏi bể khổ sinh tử. Do đó nên biết rằng tất cả kết quả tốt đẹp đều phát sinh từ hạnh tinh tấn. Nếu người ở đời mà tinh tấn thì cơm ăn, áo mặc đều đầy đủ, dư giả, nhà cửa ngày càng phát đạt, được kẻ xa người gần khen ngợi. Nếu người xuất gia tu hành tinh tấn thì đạo nghiệp sẽ được thành tựu. Muốn được đầy đủ kho tàng pháp ba mươi bảy phẩm trợ đạo và các chánh định... cắt đứt dòng sinh tử, đạt đến cảnh giới Niết-bàn vô vi an lạc, thì phải siêng năng tinh tấn.

Nếu biết lấy hạnh tinh tấn làm nền tảng, thì việc thực hiện các pháp: Sáu độ Ba-la-mật, bốn pháp bình đẳng, bốn ân, bốn vô úy, mười lực, mười tám pháp đặc biệt bất cộng của Như Lai, sáu thông, ba đạt, thành Nhứt thiết trí, thì cũng không có gì là khó khăn cao xa hết. Ngoài ra muốn đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, giáo hóa chúng sinh để trang nghiêm cõi Phật, cũng đều do tu hạnh tinh tấn này mà thành tựu.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Về thuở quá khứ cách đây vô số kiếp, có năm trăm người con hàng Trưởng giả, thiết lập đàn tràng bố thí rộng lớn, dựng cờ, đánh trống và bố cáo rằng: Các bậc Sa-môn, Bà-la-môn và những người ăn xin đều được

cúng dường cung cấp. Năm trăm người con hàng Trưởng giả đều bỏ ra nhiều loại ngọc ngà châu báu, voi, ngựa, xe cộ, áo quần, mùng mền và các thức ăn uống... tùy theo nhu cầu của mỗi người mà cung cấp.

Thời ấy có một người nghèo khổ, tha phương cầu thực ở rất nhiều nước, nay đến nước này, thấy năm trăm người con hàng Trưởng giả thiết lập đàn tràng, chẩn thí để giúp đỡ người nghèo thiếu một cách chu toàn, trong tâm không có một chút lẫn tiếc, nên hỏi các người con hàng Trưởng giả:

– Quý vị đem công đức bố thí này cầu mong việc gì?

Năm trăm người con hàng Trưởng giả liền trả lời:

– Đem công đức bố thí này cầu thành Phật đạo.

Kẻ nghèo khổ lại hỏi:

– Sao gọi là Phật đạo? Và Phật ấy thế nào?

Các người con hàng Trưởng giả đáp:

– Xét về quả vị thì Phật vượt hai quả vị A-la-hán và Bích-chi-phật, là vị Thầy đặc biệt tôn quý của trời, người trong ba cõi. Ngài có lòng đại Từ vô lượng, đại Bi vô biên, thương xót chúng sinh trong năm đường giống như mẹ hiền thương con đỏ. Ngài khuyến hóa tất cả chúng khiến thực hành điều lành để cắt đứt các cảnh khổ trong ba đường ác, vượt qua biển khổ sinh tử, đi đến cảnh giới Niết-bàn an lạc.

Sở dĩ gọi là Phật vì Ngài đã dứt sạch các điều ác, chứa tất cả điều lành, các phiền não ô nhiễm không còn phát sinh, tâm ái dục đều diệt, đầy đủ sáu độ Ba-la-mật, dùng phương tiện tùy thời giáo hóa không có lúc nào gián đoạn. Có mười thần lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng đặc biệt, ba mươi bảy phẩm trợ đạo là kho tàng Phật pháp vô giá. Thân màu vàng tía, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, sáu phép thần thông thông suốt không bị chướng ngại, biết rõ vô cùng kiếp quá khứ, vô cùng kiếp vị lai và những sự việc trong hiện tại, không có việc gì là không thấu suốt. Ba minh như tấm gương soi sáng vô cùng tận không gian và thời gian, được thể hiện qua mười câu nghĩa. Có đầy đủ những đức như thế gọi là Phật. Sở dĩ các người con hàng Trưởng giả mỗi mỗi đều ca ngợi Đức Phật có vô lượng đức hạnh là do nguyên nhân như vậy.

Khi đó, kẻ nghèo khổ nghe được công đức của Phật, trong tâm tự nghĩ: "Ta nay cũng muốn học theo nguyện ấy để rộng độ tất cả chúng sinh, ngặt vì ta nghèo không có tài sản quý giá, vậy nên đem cái gì làm việc bố thí?". Trong tâm tự nghĩ sẽ đem tấm thân mình dùng vào việc bố thí. Ý nghĩ như vậy rồi, liền thực hành hạnh cao cả ấy, đem bùn thoa khắp châu

thân, nằm ngoài gò mả, phát nguyện: "Ta nay dùng thân này bố thí cho tất cả chúng sinh. Như có ai muốn dùng thịt, đầu, mắt, tủy, não, ta đều xin bố thí, nguyện đem công đức này cầu thành Phật đạo, độ khắp chúng sinh".

Phát nguyện này rồi, liền lúc đó, cả cõi Tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động dữ dội, các cung điện cao ngất của chư Thiên bị lay chuyển. Bấy giờ, chư Thiên nơi cõi trời run rẩy lo sợ. Thích Đề-hoàn Nhân lập tức dùng Thiên nhãn quan sát cõi Diêm-phù-đề, thấy một Bồ-tát dùng thân bố thí đang nằm ngoài gò mả, liền giáng xuống để thử tâm Bồ-tát này. Thích Đề-hoàn Nhân liền biến hóa làm các loài chó, loài chim, loài thú... cùng nhau bay đuổi muốn đến ăn thịt. Bồ-tát thấy đàn chó và bầy chim cùng nhau đến ăn thịt mình, tâm ý lại hoan hỷ, không chút lay động, thoái chuyển. Vua trời bèn hiện nguyên hình là Thích Đề-hoàn Nhân ca ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Rất là đặc biệt, khó ai làm được.

Rồi hỏi vị Bồ-tát:

– Chẳng biết ngài đem công đức của hạnh bố thí này cầu mong việc gì? Phải chăng là cầu mong làm vua cõi trời Phạm thiên hay làm vua Chuyển luân?

Bồ-tát đáp:

– Chẳng phải mong cầu làm Chuyển luân thánh vương hay làm vua các cõi trời, Ma vương, Phạm vương, cũng chẳng nguyện cầu cảnh vui trong ba cõi. Ta nay chí tâm cầu thành Phật. Vì ta nghèo không có tài sản dùng vào việc bố thí, nên đem thân này bố thí với sở nguyện cầu mong thành Phật, độ vô lượng tất cả chúng sinh.

Vua trời Thích Đề-hoàn Nhân cùng vô số chư Thiên, khác miệng cùng lời đồng nhau ca ngợi:

– Hay thay! Hay thay! Quá ư đặc biệt, khó ai sánh được!

Bèn đọc bài kệ:

Mong cầu đạo tối thắng
Chẳng tiếc thân mạng mình
Xả thân như đất bẩn
Do chấp ngã không còn.
Tài thí tuy là quý
Việc này chẳng phải khó
Dũng mãnh như thế kia
Tinh tấn mau thành Phật.

Đọc bài kệ xong, Thích Đề-hoàn Nhân nói với Bồ-tát:

– Sức đại dũng mãnh, đại tinh tấn của ngài khó ai sánh bằng, vượt hơn sự tài thí của năm trăm vị Bồ-tát con hàng Trưởng giả, gấp hơn trăm ngàn muôn ức lần, không thể kể xiết. Do việc làm ngày hôm nay, ngài sẽ thành Phật trước năm trăm vị Bồ-tát kia.

Đế Thích và chư Thiên dùng hương hoa trời rải trên mình Bồ-tát, rồi lui về một cách hoan hỷ.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Người nghèo cùng đó chính là thân Ta hôm nay, còn năm trăm người con hàng Trưởng giả lúc ấy nay là Di-lặc cùng năm trăm vị Bồ-tát. Ta do dũng mãnh tinh tấn, vượt lên trên công đức của các vị Bồ-tát kia, nên nay Ta thành Phật trước.

Bồ-tát bố thí như vậy, siêng năng tu hành tinh tấn là việc làm cần thiết trước tiên.

Tôn giả A-nan và chư Tỳ-kheo nghe lời Phật nói, không một ai là không hoan hỷ, tất cả lễ Phật, mọi người đều tinh tấn, chỉnh đốn đạo hạnh của mình.

-oOo-

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Có một vị cư sĩ giàu có, của cải vô số, ngọc ngà châu báu của ông ta nhiều hơn kho tàng nhà vua, tên là Ma-ha-nam-ma, là người tham lam bỏn xẻn, không dám ăn mặc, không biết bố thí. Khi nào đi đâu thì đánh chiếc xe cũ kỹ, kết cỏ làm lọng, mặc đồ tồi tàn, ăn thì cơm hẩm tầm thường chứ chưa từng nếm thử món ngon vật lạ, đến giờ ăn lại đóng cửa. Qua cơn đau nặng thành phải bỏ thân, lại không con cái nên vua Ba-tư-nặc sung công tất cả tài sản, châu báu ngọc ngà mà chính bản thân ông ta cùng vợ chưa từng dám thọ dụng bao giờ.

Vua Ba-tư-nặc liền đến nơi Đức Phật đang trụ, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi trở về chỗ mình thường ngồi, bạch Phật:

– Thưa Đức Thế Tôn, nước con có một cư sĩ tên là Ma-ha-nam-ma, là người tham lam bỏn xẻn, không biết bố thí, không dám ăn mặc nay đã chết rồi, không biết ông ta sinh về cảnh giới nào?

Đức Phật bảo nhà vua:

– Thần thức ông ta đọa vào địa ngục thú dữ, trải qua ngàn vạn năm chịu mọi đau khổ. Thoát khỏi cảnh địa ngục rồi, lại đọa vào cảnh ngạ quỉ, suốt ngày đêm bị đói khát, thân thường bị lửa đốt, trải qua trăm ngàn năm

như vậy, hoàn toàn chưa từng nghe đến danh từ cơm nước.

Nhà vua nghe lời Phật dạy, lòng quá sợ hãi, chân lông nổi ốc, không dằn được lòng nên buồn tủi rơi lệ.

Đức Phật bảo với vua:

– Xét về người trí, thường xả bỏ tánh bỏn xẻn tham lam, thực hành hạnh bố thí, hiện đời được nhiều người giúp đỡ, kiếp sau được hưởng phước giàu sang.

Đức Phật lại bảo:

– Này đại vương, về thời quá khứ, cõi Diêm-phù-đề này có một Hoàng đế trị vì một nước lớn tên là Ca-na-ca-bạt-di, là người nhân từ, làm chủ cõi Diêm-phù-đề có tám vạn bốn ngàn vua chư hầu, một vạn đại thần, hai vạn thể nữ và một vạn phu nhân, đời sống của dân chúng hết sức hưng thịnh.

Bỗng nhiên có hỏa tinh xuất hiện vận hành, quan thái sử tiên đoán: "Sẽ bị đại hạn, trải qua mười hai năm không mưa". Thái sử đem việc này tâu lên Hoàng đế:

– Hỏa tinh vừa xuất hiện, chắc chắn cõi Diêm-phù-đề sẽ bị đại hạn, trải qua mười hai năm không mưa, nếu không mưa thì ngũ cốc thất thu, muôn dân đói khát, quốc gia sẽ lâm vào cảnh hoang tàn điêu đứng. Ta sẽ làm thế nào bây giờ?

Chúa thượng nghe tâu, lòng rất lo âu phiền muộn, liền ra lệnh quần thần triệu tập tám vạn bốn ngàn vua nơi các tiểu quốc lập tức về tâu chúa thượng, nói rõ chư hầu phải dâng sớ kê khai sổ nhân khẩu của nước mình, lại cũng phải kê khai số lượng thực hiện còn nhiều ít, là bao nhiêu đấu, thăng. Bất luận nam nữ, giàu sang, nghèo hèn, lớn nhỏ... Tính số người và số ngày, bình quân cấp mỗi người một ngày là một thăng thóc, không được ăn no.

Quần thần và các vua chư hầu răm rắp tuân lệnh, rồi mỗi người trở về nơi nước của mình tuyên đọc sắc lệnh của hoàng thượng cho dân chúng nghe, tất cả từ trên xuống dưới một mực thi hành.

Từ đó về sau trời hạn không mưa, không có nước gieo trồng, nên không thu hoạch lúa thóc gì cả, do đó dân chúng chết đói rất nhiều.

Quân thần tâu lên Hoàng đế:

– Dân chúng quá đói nên chết rất nhiều.

Hoàng đế ra lệnh bảo cho các nước chư hầu dạy dân của mình tu tập mười điều lành. Tuy thân có chết đi, thần thức sinh lên cõi trời hưởng mọi

diệu lạc tự nhiên.

Quần thần nhận sắc lệnh của hoàng đế rồi, đều ra lệnh cho muôn dân từ lớn đến nhỏ phải tu tập mười điều lành, ai giữ được mười điều lành, sau khi chết sinh lên cõi trời.

Lúc ấy, có một người trí tuệ thông minh, hình dung tuấn tú không ai sánh bằng. Người này thấy gia đình bà Tỳ-xá mẹ con thông dâm, thấy việc như vậy rồi tâm ông không vui, trong ý suy nghĩ: "Tuy mang thân người mà làm việc súc sinh, bị sắc dục khiến cho điên cuồng, con chẳng biết mẹ, mẹ chẳng biết con, điên đảo không biết kẻ trên người dưới, ở trong sinh tử, thật đáng sợ hãi". Người ấy liền cạo tóc xuất gia, mặc áo hoại sắc, vào trong thâm sơn hay đến nơi đầm vắng, thiền tọa tư duy, suy nghĩ thế này: "Do có ngu si, tham dục và sân hận mà phát sinh các hành nghiệp, nên chịu quả báo đau khổ sinh tử trong năm đường. Nếu không có ba độc thì không có hành nghiệp, hành nghiệp đã diệt thì không thọ thân căn, đã không có thân thì các khổ liền diệt."

Suy nghĩ như vậy, bỗng nhiên tâm trí được khai ngộ, các sự ham muốn tức thì diệt hẳn, liền chứng quả Bích-chi-phật, sáu phép thần thông thấu suốt không bị ngăn ngại. Rồi lại nghĩ: "Ngày nay ta sẽ đi khất thực ở đâu? Quán sát dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề đều đói khát, không thể đến họ khất thực được, chỉ có đại vương Ca-na-ca-bạt-di là thí chủ duy nhất, ta phải đến đó khất thực", tức liền bay đến nội cung của đại vương ấy để khất thực. Đại vương nói:

– Thực phẩm của ta chỉ đủ ăn một ngày nay nữa là hết.

Rồi đại vương thầm nghĩ: "Nếu hôm nay ta ăn phần ăn này rồi cũng phải chết, nếu ta không ăn thì cũng phải chết, chi bằng may gặp bậc Thần nhân khó gặp này, ta thà chẳng ăn, đem cúng phần ăn của ta cho vị Thượng nhân ấy".

Nghĩ như thế rồi, đại vương đem phần ăn của mình dâng cúng cho vị Bích-chi-phật.

Bích-chi-phật thọ trai xong rồi, trong ý suy nghĩ: "Sự bố thí hôm nay của đại vương này khó ai sánh bằng, ta sẽ làm cho đại vương tăng thêm lòng hoan hỷ". Nghĩ như vậy rồi, liền ở trước mặt đại vương, Bích-chi-phật bèn bay bổng lên hư không, biến hóa đủ cách: Ẩn phương Đông, hiện phương Tây; ẩn phương Tây, hiện phương Đông; ẩn phương Nam, hiện phương Bắc; ẩn phương Bắc, hiện phương Nam; ẩn phương dưới, hiện phương trên; ẩn phương trên, hiện phương dưới. Đi vòng quanh trên hư không, hoặc ngồi, hoặc nằm. Phía trên thân phun ra lửa, phía dưới thân

phun ra nước, phía dưới thân phun ra lửa, phía trên thân phun ra nước. Từ một thân phân ra làm trăm ngàn vạn thân cho đến vô số, rồi đem vô số thân hiện làm một thân.

Biến hiện xong rồi, từ hư không giáng xuống đứng trước mặt đại vương, nói:

– Sự bố thí ngày hôm nay của đại vương khó ai sánh bằng. Đại vương muốn cầu nguyện những gì, ta sẽ giúp đỡ cho.

Đại vương cùng quần thần, phu nhân, thể nữ... tất cả đều vui mừng, đầu mặt sát đất đảnh lễ dưới chân Bích-chi-phật, cầu nguyện:

– Nay muôn dân trong nước chúng tôi gặp phải tai họa khốn cùng, đến nỗi mạng sống chỉ còn trong giây lát, nay đem công đức của bữa ăn cuối cùng cúng dường cho Thượng nhân để cầu dứt trừ tai họa đói khát hiện có trong nước này. Đó là niềm ước mong duy nhất.

Bích-chi-phật đáp:

– Ta sẽ đáp ứng đúng như sở nguyện của các vị.

Nói xong liền bay đi mất dạng. Ngay khi đó, trên bầu trời mây cuồn cuộn nổi lên, gió lớn nổi dậy thổi sạch những vật dơ bẩn trên mặt đất, tất cả phẩn uế đều biến mất. Tiếp theo, mưa xuống thực phẩm đủ trăm mùi hương vị khắp cõi Diêm-phù-đề. Kế đến, mưa tuông toàn là ngũ cốc, rồi đến áo quần, mền mùng, cuối cùng là mưa xuống bảy thứ châu báu.

Tất cả tám vạn bốn ngàn vua chư hầu cùng thần dân trong cõi Diêm-phù-đề đều vui mừng không kể xiết!

Khi ấy Hoàng đế bảo quần thần ra lệnh cho tám vạn bốn ngàn vua chư hầu, mỗi người phải dạy tất cả dân chúng trong nước của mình tu hành mười điều lành.

Bấy giờ, toàn cõi Diêm-phù-đề ngũ cốc đều tươi tốt, thực phẩm đầy dẫy, muôn dân vui vẻ thực hiện theo mười điều lành, đem tình thương đối xử với nhau như cha, như mẹ, như anh, như em. Tất cả mạng chung đều sinh về cõi trời, không có một ai đọa vào ba đường dữ.

Đức Phật bảo đại vương Ba-tư-nặc:

– Hoàng đế Ca-na-ca-bạt-di thời đó là thân Ta ngày nay. Ta lúc ấy chỉ đem một bữa ăn cúng dường cho một vị Bích-chi-phật, hiện đời đó đã được công đức phước báo như thế, do công đức này đưa đến ngày nay Ta thành Phật, tất cả dân chúng đói khát khổ não trong thời ấy nay đều được chứng đạo, hưởng cảnh an ổn diệu lạc cho đến Niết-bàn tịch diệt.

Lúc ấy, tất cả hàng đệ tử cùng vua quan, thứ dân trong hội đều vui

mừng. Đức Phật bảo đại vương Ba-tư-nặc:

– Tất cả chúng sinh bị sợi dây tham lam bỏn xẻn trói buộc, bị sự phủ che của tham lam bỏn xẻn ấy nên không biết bố thí, phải chịu lấy quả đau khổ không thể kể xiết.

Đức Phật nhớ lại về thuở quá khứ xa xưa, tại cõi Diêm-phù-đề này, có một thành tên là Bất-lưu-sa, vị vua trong thành tên là Ba-đàn-ninh, phu nhân tên là Bạt-ma-kiệt-đề. Trong nước nhằm lúc củi quế gạo châu, muôn dân lâm vào cảnh đói khát, lại thêm bệnh tật. Nhà vua cũng bị lâm bệnh, phu nhân tự ý một mình ra ngoài thành cầu thần linh. Dọc trên đường đi có một gia đình, nhằm lúc người chồng đi vắng, người vợ lâm bồn mà không có người hộ sinh, thêm vào đó khi sinh xong ruột đói như cào, trong nhà không có thực phẩm, sản phụ đói lả muốn chết, nên lại thầm nghĩ: "Nay cái chết của ta sắp đến, toan tính vô phương, chỉ có một cách duy nhất là ăn thịt con mình để tự cứu mạng mà thôi". Nghĩ như thế rồi, tay liền cầm dao sắp sửa giết con mình, nhưng trong lòng cảm động nên cất tiếng khóc òa! Đúng lúc đó phu nhân trên đường đi về cung, tai nghe tiếng khóc của sản phụ rất thảm thiết, lòng càng áo não xót thương, nên dừng chân lắng nghe. Còn người sản phụ ngay lúc cầm dao giết con mình trong tâm tự nghĩ: "Sao lại nhẫn tâm ăn thịt con". Nghĩ như vậy rồi nên cất tiếng kêu khóc.

Phu nhân lập tức bước vào trong nhà, hỏi sản phụ:

– Vì sao kêu khóc? Muốn làm việc gì?

Sản phụ liền đáp:

– Không có thực phẩm để ăn, lại thêm vừa mới sinh, thân thể thêm yếu đuối bội phần, ý muốn giết con ăn thịt để cứu sống mạng mình.

Phu nhân nghe qua trong lòng xót xa đau đớn, nói:

– Người chớ giết con, đợi ta về cung, sẽ đem thịt đến cho người dùng.

Sản phụ nói:

– Phu nhân là bậc tôn quý, hoặc lại chậm trễ, hoặc lại quên mất. Mà tôi ngày nay mạng sống chỉ còn trong hơi thở không thể dần dà, chi bằng ăn thịt con mình để cứu lấy mạng.

Phu nhân lại hỏi:

– Người có thể ăn những thịt gì?

Sản phụ đáp:

– Thịt gì cũng được, miễn sao cứu được mạng người, không cần ngon

dở.

Lúc ấy, phu nhân liền cầm dao tự cắt vú của mình và tự nguyện:

– Ta nay đem thịt vú này dùng vào việc bố thí để cứu nguy ách cho người ấy. Chẳng cầu làm Chuyển luân thánh vương, Thiên đế, Ma vương, Phạm vương... mà chỉ đem công đức này nguyện thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh chân.

Nguyện rồi đem vú của mình đưa cho sản phụ. Ngay lúc phu nhân cầm dao tự cắt vú, cả cõi Tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu thứ chấn động, các cung điện của chư Thiên đều bị rung chuyển. Trời Đế Thích dùng Thiên nhãn quán sát thế gian, thấy phu nhân tự cắt vú của mình để cứu mạng sống cho sản phụ. Lúc đó, trời Đế Thích cùng vô số chư Thiên liền bay xuống trụ trong hư không, đều buồn khóc, nước mắt tuôn rơi như trận mưa lớn. Đế Thích hiện xuống, đứng trước mặt phu nhân, hỏi:

– Sự bố thí ngày nay của phu nhân không ai sánh bằng, không biết phu nhân đem công đức ấy cầu nguyện việc gì?

Phu nhân đáp:

– Nguyện đem công đức này cầu thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân, để độ cho tất cả chúng sinh thoát khỏi các khổ ách.

Đế Thích hỏi:

– Sở nguyện ấy lấy gì làm bằng chứng?

Phu nhân lập lời thề:

– Nếu công đức bố thí ngày nay của ta chắc chắn thành tựu đạo Chánh giác thì cái vú bị cắt của ta lập tức bình phục như cũ.

Dứt lời thệ nguyện, thì vú của phu nhân bình phục lại như xưa.

Đế Thích ca ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Đúng như sở nguyện, nhứt định không bao lâu ngài sẽ thành Phật.

Nhà vua, quần thần cùng muôn dân hết sức ca ngợi, cho là việc hy hữu, vui mừng không kể xiết. Sau đó, bệnh tật trong nước được tiêu trừ, lúa gạo dồi dào, muôn dân hưởng cảnh thái bình an lạc. Chẳng bao lâu, nhà vua băng hà, quần thần nhóm họp, bàn luận tìm người kế vị.

Trời Đế Thích bèn giáng hạ, bảo quần thần:

– Phu nhân Bạt-ma-kiệt-đề ngày nay đã biến thành thân nam tử, lại thêm phước đức hơn người, vậy nên thỉnh người lên ngôi quốc vương. Tất cả quần thần vô cùng hoan hỷ, liền làm lễ đăng quang cho phu nhân.

Trong thời kỳ phu nhân làm vua, quốc gia hưng thịnh, dân chúng giàu

có, hưởng cảnh thái bình no ấm.

Đức Phật bảo đại vương Ba-tư-nặc:

– Phu nhân Bạt-ma-kiệt-đề lúc ấy tức là thân Ta ngày nay. Ta không tiếc thân mạng, bố thí như vậy, nên hiện đời bấy giờ hưởng quả báo thân nữ biến thành thân nam, lại nối nghiệp đế vương. Cũng nhân công đức đó nên ngày nay thành Phật, hóa độ khắp tất cả chúng sinh.

Bồ-tát bố thí không còn chấp tướng và dũng mãnh như thế.

Thánh chúng đệ tử, vua, quan, muôn dân... nghe lời Đức Phật nói ai ai cũng đều hoan hỷ, lễ Phật mà lui về.

-oOo-

Nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Trong thành có một Bà-la-môn, một hôm ra ngoài thành lập đàn cúng tế, bày tiệc ăn uống. Cúng tế ăn uống xong rồi, vị Bà-la-môn ấy thỉnh các Bà-la-môn khác vào thành. Nhân lúc ấy Đức Phật vào thành khất thực.

Trên con đường vào thành, Bà-la-môn trông thấy Đức Phật dung mạo oai nghiêm, hào quang rực rỡ, nên trong lòng hớn hở vui mừng, đi nhiễu quanh Phật một vòng, đảnh lễ rồi đi. Đức Phật mỉm cười, hào quang từ miệng Phật chiếu khắp mười phương, trên tỏa đến cõi trời Ba mươi ba, dưới soi tới mười tám địa ngục lớn. Các loài ngạ quỉ... nói chung, cảnh giới nơi năm đường không một ai là không hưởng sự mầu nhiệm của ánh quang minh này. Người bệnh thì được lành, cảnh xiềng xích giam cầm trong lao ngục, tất cả đều được phóng thích. Còn chư Thiên, muôn dân, trông thấy hào quang của Đức Phật tất cả đều vui mừng, liền đi tới chỗ Đức Phật, dùng bao nhiêu là hương hoa để cúng dường Đức Thế Tôn.

Tôn giả A-nan quỳ mọp trước Đức Phật, bạch:

– Nụ cười hân hoan của Đức Phật hôm nay nhiệm mầu như vậy, không biết nụ cười ấy có ý nghĩa như thế nào mong Phật chỉ giáo cho.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Tôn giả có thấy ông Bà-la-môn lúc nãy đi nhiễu quanh Phật một vòng hay không?

Tôn giả A-nan đáp:

– Dạ vâng, con có thấy.

Đức Phật nói:

– Người Bà-la-môn ấy thấy Phật hoan hỷ, dùng ý thanh tịnh cung kính đi nhiễu quanh Phật một vòng. Do công đức này, Bà-la-môn đó từ nay trở về sau, trải qua hai mươi lăm kiếp không đọa vào trong ba đường ác. Ngược lại, sinh vào loài người hay trên cõi trời, nơi nào cũng hưởng an lạc vô cùng. Mãn hai mươi lăm kiếp rồi sẽ chứng quả Bích-chi-phật hiệu là Đặc-sấn-na-kỳ-lê.

Tôn giả A-nan và tất cả đại chúng nghe lời Đức Phật nói, thân tâm đều được thanh tịnh. Có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tu-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc có người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân.

Chúng hội vui mừng, nhiễu quanh bên phải rồi lễ Phật lui về.

-oOo-

Nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở tại nước Uất-đơn-la-diên. Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa-môn đi vào trong xóm làng. Sắc tướng của Như Lai, với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp tỏa hào quang rực rỡ chiếu sáng cả trời đất, không có một nơi nào là không sáng tỏ, cũng như ánh sáng vằng vặc của trăng đêm rằm giữa những đám sao nhấp nháy.

Ngài du hành gặp lúc trời nắng oi bức mà lại không có một bóng râm mát nào. Lúc ấy, có một người chăn dê thấy hào quang của Phật trong tâm tự nghĩ: "Như Lai Thế Tôn là Bậc Đạo Sư trong ba cõi, đi trong nắng oi ả thế này mà không có bóng râm mát." Ông liền bện cỏ làm dù đi theo sau che trên đầu Đức Phật. Đi được một khoảng đường, cách bầy dê quá xa, anh ta bèn bỏ cỏ dù xuống đất, lật đật chạy về coi dê.

Đức Phật liền mỉm cười. Nụ cười vừa chớm nở thì nơi kim khẩu của Đức Thế Tôn phóng ra ngàn vạn đạo hào quang màu vàng rực rỡ lạ thường. Trong mỗi đạo hào quang lại phát ra trăm ngàn tia sáng chiếu khắp cả mười phương, trên cho đến cõi trời thứ Ba mươi ba, dưới thì đến mười tám địa ngục lớn, ngạ quỉ, súc sinh... không một nơi nào là không sáng chói.

Người và chư Thiên trong ba cõi thấy ánh quang minh của Đức Phật, lập tức liền đến chỗ Phật, tất cả dân chúng và các loài Rồng, A-tu-la, vô số chúng hội hết sức vui mừng, đem tất cả hoa hương và đủ thứ âm nhạc cúng dường Đức Như Lai.

Tôn giả A-nan quỳ mọp trước Đức Phật, bạch:

– Nụ cười của Phật không phải chỉ là cười suông, ắt có lý do. Xin Đức Phật nói rõ về ý nghĩa của nụ cười ấy.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Tôn giả có thấy người chăn dê khi nãy không?

Tôn giả A-nan thưa:

– Dạ, con có thấy!

Đức Phật bảo:

– Người chăn dê ấy đem tâm cung kính, bện cỏ làm dù để che trên đầu Đức Phật. Do công đức này, trong mười ba kiếp tới đây, bất luận sinh lên cõi trời hay tại nơi thế gian, cuộc đời luôn luôn giàu sang phú quý, thường có chiếc dù bằng bảy thứ ngọc quý tự nhiên che trên đầu. Sau khi mạng chung không đọa vào ba đường ác. Mãn mười ba kiếp rồi, xuất gia hành đạo thành Bích-chi-phật hiệu là A- nậu-bà-đạt.

Tất cả đại chúng nghe Phật nói việc này rồi, có kẻ chứng các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm hay A-la-hán, hoặc thành Bích-chi-phật, hoặc phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác, hoặc chứng quả vị Bất thoái chuyển.

Chúng hội vui mừng lễ Phật lui về.

-oOo-

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đệ tử lớn của Phật là Xá-lợi-phất, ngày đêm sáu thời thường dùng đạo nhãn quán sát tất cả chúng sinh, xem căn tánh ai có thể độ được, liền đến hóa độ.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc có một đại thần tên là Sư Chất, giàu có tài sản vô lượng, lại có cơ duyên đáng được hóa độ, nên Tôn giả Xá-lợi-phất sáng sớm hôm sau, đắp y, mang bình bát đi thẳng đến nhà đại thần kia để khất thực.

Đại thần Sư Chất vừa thấy Tôn giả Xá-lợi-phất liền cung kính lễ bái, mời vào trong nhà ngồi trên tòa, hỏi thăm sức khỏe, rồi đại thần dâng đủ các thức ăn.

Sau khi Tôn giả thọ trai xong, rửa tay súc miệng, rồi vì đại thần Sư Chất mà thuyết pháp.

Tôn giả nói:

– Phú quý, địa vị, bổng lộc là nguyên nhân của các đau khổ. Nhà cửa, ân ái cũng như ở trong chốn lao ngục. Tất cả mọi sở hữu đều là vô thường. Tất cả sự tôn quý trong ba cõi cũng như sự biến hóa của trò ảo thuật. Thân hình lưu chuyển theo sinh tử trong năm cõi đều không có chủ tể.

Đại thần Sư Chất nghe Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp như vậy, trong tâm lo sợ không còn ham thích địa vị giàu sang, chẳng màng ân ái. Xem nhà ở như chốn gò mả, nên đem tất cả gia nghiệp vợ con giao lại cho người em ruột mình, rồi cạo bỏ râu tóc, thân mặc áo hoại sắc vào trong thâm sơn, thiền tọa hành đạo.

Lúc ấy, người vợ của đại thần Sư Chất cứ ưu sầu áo não, vẫn mơ tưởng Sư Chất, không chịu ân ái với người em chồng.

Người em Sư Chất nói:

– Nhà cửa, tài sản châu báu rất nhiều, nào có gì thiếu thốn mà lại luôn luôn buồn phiền chẳng vui?

Người vợ của đại thần Sư Chất đáp:

– Ta nhớ đến đại thần Sư Chất, là người chồng cũ của ta, do đó ta buồn rầu.

Người em của đại thần Sư Chất nói:

– Nay nàng cùng ta đã tác thành vợ chồng, tại sao ngày đêm vẫn mơ tưởng đến người cũ làm gì?

Người vợ của đại thần Sư Chất lại đáp:

– Người chồng cũ của ta tâm địa tốt đẹp không ai sánh bằng. Do vậy ta luôn mơ tưởng.

Người em của đại thần Sư Chất thấy chị dâu luôn luôn mơ tưởng tới người anh mình, nên e rằng người anh nếu không may thoái chí bỏ tu hoàn tục, trở về sẽ đoạt lại gia nghiệp vợ con. Nghĩ như thế rồi, anh ta bèn tính một kế, liền gọi một tướng cướp đến bảo:

– Ta thuê ngươi năm trăm tiền vàng, đi chặt đầu Sa-môn Sư Chất đem về đây.

Tướng cướp nhận tiền thuê, rồi đi vào trong núi gặp Sa-môn Sư Chất. Sa-môn Sư Chất nói:

– Ta chỉ có một chiếc y cũ xấu này, ngoài ra không có tài sản gì nữa. Người vì lý do gì mà đến đây?

Tướng cướp đáp:

– Em ông thuê ta đến đây để giết ông.

Sa-môn Sư Chất nghe qua thì hoảng sợ, nói với tướng cướp:

– Ta là người mới xuất gia hành đạo, lại chưa gặp Đức Phật, cũng chưa tỏ ngộ giáo pháp, xin dừng tay giết ta, đợi khi ta gặp Đức Phật, hiểu ít giáo pháp rồi, chừng ấy sẽ giết cũng chẳng muộn.

Tướng cướp một mực nói rằng ta nhứt định giết ông, không thể trì hoãn.

Sa-môn Sư Chất liền dang một cánh tay ra nói với tướng cướp:

– Người có thể chặt một cánh tay ta, còn thân tàn này để ta gặp Đức Phật được chăng?

Tướng cướp liền chặt một cánh tay của Sa-môn Sư Chất đem về giao cho người em.

Sa-môn Sư Chất sau đó tìm đường đến gặp Đức Phật. Khi gặp Đức Phật rồi, làm lễ, lui về chỗ ngồi.

Đức Phật vì Sa-môn Sư Chất mà thuyết pháp:

– Ông từ vô số kiếp xa xưa đến nay đã từng giết hại bao nhiêu người. Lượng máu chảy ra do ông chặt lấy tay, chân, đầu người ấy nhiều hơn nước nơi bốn biển. Xương người do ông sát hại chất cao hơn núi Tu-di. Nước mắt đau khổ của người do ông tạo ra nhiều hơn nước nơi bốn sông to. Sữa mẹ ông bú nhiều hơn nước sông bể. Ngày nay ông bị chặt tay là do quả báo từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng phải nhân quả chỉ trong một đời này.

Tất cả chúng sinh có thọ thân thì đều chịu các quả báo đau khổ. Tất cả các quả đau khổ đều từ nơi nhân tập mà phát sinh. Do tập nhân nơi ân ái mà có các khổ lụy này. Nếu si mê, ân ái dứt sạch thì nghiệp nơi tập nhân không còn. Hành nghiệp theo tập nhân không còn thì không thọ thân căn. Đã không có các thân căn thì các khổ liền tiêu diệt. Ông phải tư duy tu tập bát Chánh đạo.

Lúc ấy, Sa-môn Sư Chất nghe lời Đức Phật dạy như vậy, tâm trí bỗng nhiên sáng suốt, liền ở trước Đức Phật chứng quả A-la-hán, rồi xả bỏ thân mạng nhập Niết-bàn.

Nói về tướng cướp, đem cánh tay của Sa-môn Sư Chất về giao cho người em. Người em liền đặt cánh tay của anh mình trước chị dâu, rồi nói:

– Nàng thường nói mình luôn mơ tưởng đến người chồng cũ. Đây là cánh tay của ông ấy.

Người chị dâu thấy vậy, càng đau đớn nên buồn khóc nức nở, trong lòng rất bất bình, liền đem sự vụ tâu lên nhà vua. Nhà vua cho người điều tra, thấy đúng như sự thật nàng đã khai báo. Vua liền ra lệnh xử trảm người em.

Chư Tỳ-kheo nghi ngờ về trường hợp của Sa-môn Sư Chất, nên bạch Đức Phật:

– Sa-môn này đời trước đã tạo nhiều điều ác gì mà ngày nay phải chịu quả báo bị chặt cánh tay? Rồi do đã tạo phước đức gì, nên được gặp Phật, lại chứng đạo quả A-la-hán? Xin Đức Phật thương xót chỉ dạy cho.

Đức Phật bảo đại chúng:

– Vào thời quá khứ lâu xa, tại nước Ba-la-nại có vị vua tên là Bà-la-đạt. Lúc ấy, nhà vua cùng quần thần du hành săn bắn, vì vua mãi mê đuổi theo con thú vào tận rừng sâu nên quên mất đường về. Lại thêm cây lá um tùm che khuất ánh sáng mặt trời, dù nghĩ đủ trăm cách nhưng không tài nào tìm được lối ra, nên càng hoảng hốt lo sợ. May đâu lúc ấy thấy phía trước đường có một vị Bích-chi-phật, nhà vua liền tiến đến, thưa:

– Quả nhân vì mãi đuổi theo con thú nên lạc đường không biết lối ra, hiện giờ không biết quần thần, quân lính, xe ngựa ở tại phương nào?

Do hai cánh tay của vị Bích-chi-phật bị ung độc nhức nhối vô cùng, nên không thể cử động để chỉ lối được, bèn dùng chân chỉ lối đi cho nhà vua.

Nhà vua tức giận, bắt tội khi quân, nói:

– Người là dân của ta, gặp ta đã không đứng dậy thủ lễ, còn lại khinh khi lấy chân chỉ lối cho ta.

Nhà vua nói xong liền rút gươm chặt đứt một cánh tay của Bích-chi-phật.

Bích-chi-phật tự nghĩ: "Nhà vua nếu không biết sám hối việc làm của mình vừa rồi, thì sẽ thọ quả báo trọng tội không có thời kỳ chấm dứt." Lúc ấy Bích-chi-phật ở trước nhà vua liền dùng thần túc thông bay thẳng lên hư không, biến hóa đủ cách. Nhà vua thấy vậy, rồi gieo năm vóc sát đất, lớn tiếng cầu xin sám hối tạ tội:

– Cúi mong Phật thương xót, giáng hạ xuống mặt đất thọ sự sám hối của con.

Bích-chi-phật liền hạ xuống đất, nhận sự sám hối của nhà vua. Nhà vua gieo năm vóc xuống sát chân Bích-chi-phật, làm lễ sám hối, tự bày tỏ:

– Cúi mong ngài xót thương thọ nhận sự sám hối của con, để con khỏi phải thọ quả khổ lâu dài.

Lúc ấy, Bích-chi-phật xả thân nhập vào Niết-bàn vô dư. Nhà vua thu hài cốt, xây tháp để thờ linh cốt của ngài. Nhà vua ở trước bảo tháp luôn dùng hoa hương cúng dường cầu xin sám hối. Do đó, nay thoát khỏi vòng

sinh tử.

Đức Phật bảo đại chúng:

– Nhà vua lúc ấy nay là vị Sa-môn Sư Chất này. Do chặt cánh tay của Bích-chi-phật nên bị quả báo trong năm trăm đời bị chặt cánh tay mà chết, cho đến việc thọ báo ngày hôm nay cũng vậy. Do sự sám hối nên không bị đọa địa ngục, mà được trí tuệ sáng tỏ, thoát khỏi sinh tử thành bậc A-la-hán.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Tất cả những nghiệp nhân, họa hay phước đều không mất đi đâu cả.

Tất cả đại chúng nghe lời Đức Phật dạy, không ai là không kinh sợ, đồng gieo năm vóc sát đất lễ Phật.

-oOo-

Thuở xưa, Đức Phật ở tại ao A-nậu-đạt bảo năm trăm vị A-la-hán:

– Mỗi người tự nêu bày việc làm ở thời quá khứ của mình, mà do đó nay được chứng đạo.

Các vị A-la-hán theo lời dạy của Đức Phật, mỗi vị đều nói về công đức của các việc làm trong quá khứ của mình.

Lúc đó, có A-la-hán tên là Bà-đa-kiệt-lê tự nêu bày:

– Về thời quá khứ vô số kiếp, có Đức Phật ra đời hiệu là Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, giàu lòng đại từ bi, xót thương giúp đỡ tất cả, làm nơi nương tựa che chở cho chúng sinh, xuất hiện ở đời giáo hóa trời người khiến, họ đắc đạo rồi mới nhập Niết-bàn. Xá-lợi được phân chia, xây tháp an trí cúng dường.

Vào thời kỳ giáo pháp của Đức Phật này sắp diệt tận, tôi là người bần cùng không kế sinh nhai, nên đi đây đó đốn củi độ nhật. Bỗng từ xa trông thấy một ngôi tháp đồ sộ, nguy nga, nằm cạnh một cái đầm lớn. Khi mắt trông thấy thì tâm rất đỗi vui mừng, không sao kể xiết. Vội vàng rảo bước đến đó chiêm ngưỡng, lễ bái, trong người lâng lâng thoải mái. Thấy các loài chồn, cáo, chim chóc... nằm ngủ trong đó, chung quanh cây cỏ um tùm, gai góc chằng chịt và đầy dẫy phân chim, thú. Tuyệt nhiên không có người quản thủ và cũng không có một dấu vết của người đi lại chiêm ngưỡng cúng dường.

Tôi thấy cảnh hoang vắng như vậy, trong lòng lấy làm xót xa vô cùng. Không biết pháp công đức nơi thần lực của Như Lai như thế nào, mà đã khiến tâm tôi hớn hở dốc sức chặt phát cỏ cây và quét dọn sạch sẽ những

phân của cầm thú, chim chóc, chồn cáo... Quét dọn xong, trong tâm càng vui vẻ, chí thành nhiễu quanh tháp tám vòng, chắp tay đảnh lễ rồi lui về.

Do công đức này, sau khi mạng chung được sinh lên tầng trời thứ mười lăm là cõi Quang âm, dùng các thứ ngọc quý trang sức nơi cung điện nên hào quang rực rỡ, trang nghiêm tráng lệ, vô cùng tươi đẹp, vượt hẳn các cung điện của chư Thiên khác. Thọ mạng ở cõi trời xong, lại một trăm đời làm Chuyển luân thánh vương trị vì bốn châu thiên hạ, bảy báu tự nhiên tùy theo ý muốn. Mãn kiếp số làm Chuyển luân thánh vương, lại thường sinh vào nhà Trưởng giả, dòng họ tôn quý của hoàng tộc, giàu có vô cùng, dung mạo đẹp đẽ, không có người thứ hai sánh bằng, hễ ai trông thấy tôi đều sinh tâm hoan hỷ kính mến. Khi muốn ra đi, đường sá tự nhiên sạch sẽ, chư Thiên ở trên không rải hoa tỏ lòng cung kính. Bất cứ sống ở chỗ nào cũng được như vậy.

Chín mươi kiếp xoay vần trong một A-tăng-kỳ, khi thì sinh lên cõi trời, khi thì sinh trong nhân gian, lúc nào cũng hưởng cảnh phú quý tự nhiên, không rơi vào ba đường ác.

Tôi nhớ đây là sự việc quan trọng trong các sự việc đặc biệt của đời tôi về quá khứ. Ngày nay, phước báo cuối cùng của tôi đã viên mãn, đã gặp được bậc Thầy họ Thích, Bậc Đại Hùng trong ba cõi, được vào trong giáo pháp của Ngài, thành bậc Sa-môn, chứng được sáu phép thần thông, không việc gì làm ngăn ngại, dứt sạch các tham dục, thành bậc A-la-hán. Lại không bị các việc lạnh nóng và ấm làm bực dọc, tâm được thanh tịnh, hết sức an vui.

Nếu đối với Tam bảo, tạo được mảy may điều lợi ích gì, bất cứ ở cảnh giới nào cũng được phước báo vô cùng to lớn.

Tôi nghĩ nhớ đức hạnh đã tạo trong quá khứ như vậy, nên nay được quả báo như thế này.

Bà-đa-kiệt-lê ở trước Phật trình bày việc làm về thời quá khứ của mình, rồi lễ Phật lui ra đứng qua một bên.

-oOo-

Khi Đức Phật mới thành đạo, quán xét căn tánh của chúng sinh do ngu si điên đảo, nên ương bướng khó giáo hóa. Như Lai dầu có thuyết pháp thì ai là người chịu nghe theo, chi bằng Ngài nhập vào Niết-bàn, vả lại cũng không có người đến thỉnh Phật thuyết pháp.

Vua trời Phạm thiên biết được Đức Phật có ý muốn nhập Niết-bàn, liền cùng với vô số chư Thiên cõi Phạm thiên chỉ trong khoảng khắc như lực sĩ duỗi cánh tay, liền đến trước Đức Phật, đầu mặt lễ sát đất, nhiễu

quanh Đức Phật ba vòng, rồi chắp tay quỳ mọp trước Phật, bạch:

– Chúng sinh nơi ba cõi sống trong cảnh mờ tối đã quá lâu, nay mới có Bậc Đại Thánh xuất hiện. Cúi mong Đức Thế Tôn dũ lòng đại từ đại bi vô lượng, thương xót chúng sinh, mong Ngài nhận lời thưa thỉnh này, hết sức mong Ngài nhận lời thưa thỉnh của chúng con, khai diễn kho tàng Phật pháp để bố thí ánh sáng trí tuệ.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

– Chúng sinh khó giác ngộ, do mê lầm điên đảo. Dầu Ta có nói giáo pháp, ai là người chịu nghe theo, chi bằng Ta sớm nhập vào Niết-bàn.

Lúc ấy, Phạm thiên lập lại lời thỉnh:

– Chúng sinh trong ba cõi, đã từ lâu sống trong cảnh giới tối tăm, trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp mới gặp Đức Phật ra đời. Như hoa Ưu-đàm-bát rất lâu mới nở, cũng như chư Phật khó gặp. Cúi xin Đức Như Lai tăng thêm lòng đại bi, nguyện nói giáo pháp để khai ngộ kẻ ngu si.

Phạm thiên nói tiếp:

– Đức Thế Tôn từ vô số kiếp đến nay đã từng xả bỏ thân mạng, đầu, mắt, tủy, não, da, thịt, xương, máu, quốc gia, vợ con... bố thí cho tất cả, vì chúng sinh phát nguyện rộng lớn, sẽ vì chúng sinh làm ánh quang minh rực rỡ.

Lại nữa, về thời quá khứ cách đây vô số kiếp, lúc ấy tại cõi Diêm-phù-đề có vị vua cai trị một nước lớn, tên là Độ-xà-na-tạ-lê, là người nhân từ, dũng mãnh, đoan chánh tột bực, thống lãnh tám muôn bốn ngàn các chư hầu, nước nhà hưng thạnh, dân chúng an lạc. Một hôm nọ, đại vương ngồi tĩnh tọa tư duy nơi cung điện, suy nghĩ: "Xét người ở đời được sự tôn vinh, hưởng cảnh giàu sang phú quý an lạc tự nhiên đều do đời trước đã trồng căn lành, trau dồi trí tuệ. Vì lý do đó nên hôm nay mới được như vậy. Đã được hưởng cảnh tôn vinh, phú quý, an lạc tự nhiên rồi, trở lại đam mê sắc dục, không nghĩ đến cơn vô thường, lại không biết vun trồng thiện căn để tiếp nối phước báo cho đời sau. Cũng như loài súc sinh, suốt ngày ăn no nê không biết dụng công tu tỉnh. Phàm là người có trí cần phải trau dồi trí tuệ, để chánh pháp ngày được mở mang".

Nhà vua suy nghĩ như vậy rồi, liền bảo các cận thần:

– Ta muốn nghe chánh pháp, các khanh truyền lệnh cung thỉnh bậc trí tuệ vì ta mà thuyết pháp.

Quần thần nhận lệnh, rồi sai đi khắp các nước trong bốn phương tuyên lệnh của đại vương, cầu thỉnh các bậc đại trí thông minh.

Bấy giờ, có một người thuộc dòng Bà-la-môn, học vấn quảng bác, trí tuệ siêu quần, đến nhận lệnh của nhà vua. Quần thần tâu lên đại vương:

– Nay có một người Bà-la-môn là bậc thông minh trí tuệ, học thức uyên bác, đang đứng chờ lệnh ngoài ngõ.

Nhà vua vừa nghe qua trong lòng hớn hở, bèn đích thân ra tận ngọ môn cung kính đón rước vào nội cung, mời ngồi lên tòa làm bằng ngọc quý, rồi đầu mặt lễ sát đất, dâng lên các món cao lương mỹ vị. Bà-la-môn ăn xong, rửa tay súc miệng, rồi nhà vua mới thưa thỉnh:

– Từ lâu đã nghe danh nhân giả là bậc Hiền đức, nay từ xa đến đây, cúi xin đại Tiên vì tôi nói pháp.

Bà-la-môn nói:

– Ta tu học bấy lâu, trải qua nhiều năm cực khổ, mà nay đại vương muốn nghe pháp liền đâu được.

Nhà vua thưa:

– Nhân giả cần dùng quốc thành, ngọc ngà, châu báu…, tôi sẽ xin cung cấp tất cả theo ý muốn.

Bà-la-môn đáp:

– Ta không cần quốc thành, vợ con, ngọc ngà, châu báu, voi ngựa... Này đại vương, nếu có thể khoét thịt trên thân vua làm thành một ngàn ngọn đèn, nếu được vậy ta sẽ thuyết pháp cho nghe, còn không được như thế thì kinh pháp không dễ gì được nghe.

Nhà vua tự nghĩ: "Từ vô số kiếp đến nay, ta bỏ thân mạng không kể xiết, nhưng chưa có lần nào vì pháp mà bỏ thân mạng. Hôm nay vì pháp, đem thân làm đèn là việc làm hết sức vui sướng và tốt đẹp." Nhà vua nghĩ như vậy rồi, hoan hỷ thưa với Bà-la-môn:

– Theo như lời nhân giả đã dạy, tôi sẽ tuân hành, không dám trái ý.

Bà-la-môn nói:

– Nếu được vậy thì tốt lắm! Và chừng nào sẽ thực hiện?

Nhà vua lại đáp:

– Bảy ngày sau mới thực hiện.

Nhà vua bảo quần thần ra lệnh cho các chư hầu:

– Bảy ngày nữa, đại vương sẽ vì pháp mà dùng thân mình làm một ngàn ngọn đèn. Ai muốn thăm đại vương, tất cả tập hợp về kinh đô.

Quần thần nhận lệnh đại vương, đều sai sứ đi đến tám muôn bốn ngàn nước chư hầu tuyên lệnh:

– Đại vương trong bảy ngày nữa sẽ đem thân khoét thành một ngàn ngọn đèn, chư hầu thần dân ai muốn thăm đại vương thì mau mau tập hợp về đại quốc.

Tất cả vua chư hầu, dân chúng nghe được tin ấy đều hết sức ngạc nhiên, như nghe tin cha mẹ qua đời, nên buồn rầu khóc lóc, cảm động cả cõi Diêm-phù-đề. Tất cả chư hầu, thần dân đều tập trung về đại quốc.

Đại vương bảo các quan cận thần:

– Tìm một chỗ đất bằng phẳng, rộng rãi, thiết lập tòa ngồi.

Quần thần phụng lệnh, tìm một chỗ đất bằng phẳng rộng rãi và thiết lập một tòa ngồi.

Khi đại vương ăn uống xong, cùng chư vị phu nhân, hai ngàn thể nữ, một ngàn đại thần thứ lớp đi theo nhau. Đại vương bước lên ngồi chính giữa tòa.

Các vị phu nhân, thế nữ, các vị chư hầu, quần thần, dân chúng, ở trước mặt đại vương, ai ai cũng đau lòng, đồng thanh tâu trình:

– Cúi xin đại vương đem lòng đại từ, đại bi vô lượng thương xót thần dân, vì chúng tôi, đại vương chớ đem thân đốt thành một ngàn ngọn đèn.

Đại vương nói với chư hầu, quần thần, muôn dân, phu nhân, thế nữ:

– Ta từ vô số kiếp đến nay, sinh tử trong năm đường bỏ thân vô số, nhưng chưa từng vì pháp mà xả bỏ thân mạng. Nay vì pháp khoét thân làm đèn, xin đem công đức này hồi hướng về Phật đạo, vì vô lượng chúng sinh khắp mười phương thế giới làm ánh sáng quang minh phá tan bóng tối của ba độc tham, sân, si. Khi ta thành Phật, sẽ vì các ông đem ánh sáng trí tuệ chiếu soi đoạn trừ sinh tử, mở cửa Niết-bàn để vào căn nhà an ổn là Phật pháp. Các người chớ khuyên ta thoái chuyển tâm Vô thượng đạo.

Khi ấy, tất cả chúng hội đều lặng thinh.

Rồi đại vương cầm dao đưa cho quan hầu cận, bảo khoét trên thân một ngàn chỗ để làm một ngàn ngọn đèn, thịt múc trong thân ra mỗi lỗ sâu bằng một đồng tiền lớn, đem dầu rót vào và đặt một ngàn ngọn tim làm thành một ngàn ngọn đèn. Làm vừa xong, đại vương thưa với Bà-la-môn:

– Xin nhân giả thuyết pháp trước, rồi sau đó mới đốt đèn.

Nhưng vị Bà-la-môn vì đại vương chỉ nói vỏn vẹn một bài kệ:

Đã có thì không
Đã thành thì hoại
Có hiệp có ly
Có sinh có diệt.

Đại vương nghe kệ rồi thì vui mừng không kể xiết, bảo chư thần, phu nhân, thể nữ đọc tụng ghi nhớ, liền truyền lệnh mọi người viết bài kệ dán nơi các cửa ra vào, ngã tư đường cái và những cổng làng. Lại cùng ra lệnh cho tất cả dân chúng trong đại quốc cũng chư hầu thần dân cả cõi Diêm-phù-đề đều đọc tụng.

Khi ấy đại vương thưa với Bà-la-môn:

– Giờ đây nên châm lửa đốt đèn.

Rồi vua lập lời thệ nguyện:

– Ngày nay vì pháp đem thân làm đèn, tôi không cầu ngôi vị Chuyển luân thánh vương, trên cho đến Thiên đế, Thiên vương và các thứ lạc thú vinh hiển ở đời, cũng không cầu chứng quả của Nhị thừa. Nguyện đem công đức này cầu đạo Vô thượng Chánh chân. Vì tất cả chúng sinh trong năm đường làm ngọn đèn đại pháp chiếu phá các bóng tối vô minh.

Khi đại vương phát nguyện như vậy rồi, tức thì cả cõi Tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu thứ chấn động, trên cho đến cõi trời Thủ-đà-hội, tất cả cung điện đều rung rinh, khiến chư Thiên thảy hoảng sợ, không biết lý do gì khiến quả đất biến động dữ dội như vậy, liền dùng Thiên nhãn quán sát khắp cõi Diêm-phù-đề, thấy có một vị Bồ-tát vì cầu pháp nên đem thân đốt thành một ngàn ngọn đèn và phát đại nguyện. Vì lý do đó nên đại địa chấn động dữ dội.

Lúc đó, chư Thiên đồng giáng hạ xuống cõi Diêm-phù-đề, thấy rõ một ngàn ngọn đèn đang cháy sáng trên thân Bồ-tát. Vô số chư Thiên thương khóc, nước mắt như mưa. Trời Đế Thích đứng trước mặt đại vương ca ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Do quyết cầu pháp nên không tiếc thân mạng. Đại vương làm như vậy để cầu mong việc gì?

Bồ-tát đáp:

– Tôi chẳng cầu ngôi vị Chuyển luân thánh vương, Thiên đế, Ma vương, Phạm vương và thú vui theo ngũ trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc... cũng không cầu đạo quả Bích-chi-phật hay A-la-hán. Nguyện đem công đức này cầu quả Vô thượng Chánh chân, vì vô lượng chúng sinh khắp mười phương thế giới làm ngọn đèn trí tuệ để chiếu phá bóng tối của ba độc: tham, sân, si, khiến lìa các khổ, chứng cảnh an lạc nơi Nê-hoàn.

Trời Đế Thích lại hỏi:

– Thân đốt thành một ngàn ngọn đèn, đại vương có lấy làm đau khổ, sinh tâm hối hận chăng?

Vua đáp:

– Không lấy làm đau khổ, cũng không sinh tâm hối hận.

Thiên đế lại hỏi:

– Đại vương không sinh tâm hối hận, lấy gì làm bằng chứng.

Vua liền lập lời thề:

– Ta ngày nay vì cầu pháp, đem thân làm thành một ngàn ngọn đèn, nguyện đem công đức này hồi hướng về đạo quả Vô thượng Chánh chân. Như quả thật thành Phật thì xin những vết khoét của một ngàn ngọn đèn này trong tức khắc được lành, thân liền bình phục không còn vết sẹo.

Đại vương phát lời thệ nguyện ấy rồi, thì toàn thân liền bình phục như cũ, không còn một vết sẹo nào, lại đoan nghiêm tốt đẹp lạ thường, vượt hơn thân hình lúc trước.

Bấy giờ trời Đế Thích cùng vô số chư Thiên, các vua chư hầu, quần thần, phu nhân, thể nữ, vô lượng thứ dân đồng thanh ca ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Thật chưa từng có!

Tất cả đều vô cùng hoan hỷ, cùng vâng lời tu hành mười điều lành.

Đức Phật bảo:

– Đại vương lúc ấy là thân Ta ngày nay, Bà-la-môn lúc ấy nay là Điều-đạt.

Bồ-tát cầu pháp tu tập trí tuệ luôn tinh tấn như vậy.

□

KINH BỒ-TÁT BẢN HẠNH

QUYỂN Trung

Thuở xưa, khi Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có một Hiền giả tên là Tu-đạt, nhà cửa đơn sơ nghèo khó, không có tài sản, nhưng lại hết lòng sùng kính đạo đức. Ông đi đến tinh xá, đầu mặt đảnh lễ sát chân Đức Phật, rồi lui ra ngồi một bên nghe Đức Phật thuyết pháp.

Đức Phật hỏi:

– Này Tu-đạt, người tại gia nên bố thí hay không nên bố thí?

Tu-đạt bạch Phật:

– Người tại gia nên bố thí.

Và hỏi:

– Thế nào là bố thí nhiều? Thế nào là bố thí ít? Thế nào là có tâm lành bố thí? Thế nào là không có tâm lành bố thí?

Đức Phật bảo Tu-đạt:

– Xét về việc bố thí, có khi bố thí nhiều mà được phước báo ít. Có khi bố thí ít mà được phước báo nhiều.

Tu-đạt hỏi:

– Tại sao bố thí nhiều mà được phước báo ít?

Đức Phật đáp:

– Tuy bố thí nhiều mà tâm không chí thành, tâm không cung kính, không sinh tâm đại hoan hỷ, mà tâm đem tâm ngã mạn tự đại để bố thí. Người bố thí như vậy lòng tin không chánh đáng, nhận thức sai lầm, chẳng phải là chánh kiến. Đó không phải là sự bố thí của bậc Thượng sĩ, nên bố thí tuy nhiều mà phước báo rất ít. Ví như canh tác trong một đám ruộng xấu, gieo trồng tuy nhiều, kỳ thật thu hoạch hoa lợi chẳng được bao nhiêu.

Tu-đạt hỏi:

– Tại sao bố thí ít mà được phước báo nhiều?

Đức Phật đáp:

– Tuy bố thí ít, nhưng đem tâm hoan hỷ bố thí, đem tâm thanh tịnh bố thí, đem tâm cung kính bố thí, bố thí không có tâm cầu được báo ân. Người bố thí như vậy mới là sự bố thí của bậc Thượng nhân. Sự bố thí cho Như Lai, Bích-chi-phật và bốn quả Sa-môn là bậc Chánh kiến, nên bố thí tuy ít mà được phước báo nhiều. Ví như đám ruộng phì nhiêu, gieo giống tuy ít mà thật ra thu hoa lợi rất nhiều.

Đức Phật bảo Tu-đạt:

– Ta nhớ thuở quá khứ, ở tại cõi Diêm-phù-đề này, có một vị Chuyển luân thánh vương tên là Ba-đà-bạt-ninh, nhà vua có một ngàn người con, trị vì tám muôn bốn ngàn nước nhỏ trong bốn châu thiên hạ.

Lúc đó, có một vị Bà-la-môn tên là Tỳ-lam, thân màu vàng, dung mạo đoan nghiêm, trí tuệ thông minh vượt bậc, có phương pháp trấn áp khi trời đất chuyển biến, trên thông thiên văn, dưới giỏi địa lý, trong nhân gian lại rành về tâm lý của con người. Tất cả sách vở kinh điển nơi thế gian đều thông đạt. Là người đầy lòng nhân từ, thương xót tất cả mọi người, nên nhà vua rất kính mến. Tám vạn bốn ngàn vua chư hầu và tất cả dân chúng đều cung kính tôn thờ là bậc thầy tối thượng.

Đại sĩ Tỳ-lam được coi như là đại vương, chẳng phải Ba-đà-bạt-ninh. Vì sao vậy? Vì Chuyển luân vương Ba-đà-bạt-ninh trong mọi việc trị nước an dân đều hỏi Tỳ-lam. Đại sư Tỳ-lam nhân đó mà giáo hóa. Chư hầu, thần dân ai nấy đều hết sức hoan hỷ.

Bấy giờ, đại vương theo Tỳ-lam thưa học kinh điển, lại cũng khuyên bảo tám vạn bốn ngàn vua tiểu quốc cùng quần thần, thái tử và tất cả dân chúng, ai ai cũng phải theo Tỳ-lam cầu học kinh điển để phát sinh trí tuệ.

Các vua, thần dân không ai là không vui vẻ theo Tỳ-lam học hỏi kinh điển. Họ đều nói: "Đây là vị Phạm thiên đến giáo hóa chúng ta làm những việc tốt đẹp, không phải là người thường." Trong lúc đó, tám vạn bốn ngàn tiểu vương thọ học, trí tuệ được khai ngộ, tất cả đều rất đỗi vui mừng.

Tám vạn bốn ngàn tiểu vương ấy đem theo một con voi trắng, một con ngựa hay, một con bò lớn, tất cả đều được trang sức với dây bằng vàng, bằng bạc. Ngoài ra còn đem theo một ngọc nữ hình dung đoan chánh tuyệt vời, lại dùng chuỗi anh lạc bằng thất bảo trang sức đẹp đẽ lạ thường, một bát bằng vàng đựng đầy lúa bạc, bát bằng bạc đựng đầy lúa vàng, bát lưu ly đựng đầy lúa vàng, bát bằng pha lê đựng đầy lúa vàng, dùng vàng làm xe, dùng bảy báu trang sức... Mỗi tiểu vương đều như vậy, tổng cộng mỗi thứ gồm tám vạn bốn ngàn cũng đem hiến dâng cho đại sư

Tỳ-lam.

Đại vương Ba-đà-bạt-ninh nghe các tiểu vương hiến cúng cho Tỳ-lam như vậy, thì vui mừng không kể xiết và thầm nghĩ: "Ta cũng hiến cúng cho đại sư Tỳ-lam tài sản quý báu như vậy". Tức thời đem đồ phục sức bằng thất bảo, châu báu, chuỗi anh lạc đẹp đẽ lạ thường trang điểm cho tám ngàn ngọc nữ, dùng toàn dây bằng vàng trang sức cho tám vạn bốn ngàn con bạch tượng, cũng dùng dây bằng vàng bạc trang điểm cho tám vạn bốn ngàn con ngựa, dùng dây toàn bằng vàng trang điểm cho tám vạn bốn ngàn con bò, tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy lúa gạo, tám vạn bốn ngàn bát bằng lưu ly đựng đầy lúa vàng, tám vạn bốn ngàn cổ xe dùng toàn bằng vàng trang điểm... Đại vương đem tất cả những thứ đó hiến cúng cho Tỳ-lam.

Đại sư Tỳ-lam nhận lãnh rồi, tự nghĩ rằng tất cả tài sản mình có được như: châu báu, voi, ngựa, xe cộ... này, tất cả đều là vô thường, không có gì bền chắc. Rồi tâu với đại vương:

– Tất cả tài sản mà tôi có được đều thuộc pháp vô thường lần lần bị tiêu diệt. Tôi không dùng nó, ý muốn đem giúp đỡ những kẻ nghèo khổ.

Đại vương nghe lời này trong lòng rất phấn khởi, liền ra lệnh cho quân thần đánh trống truyền khắp cõi Diêm-phù-đề: "Những người nghèo cùng, côi cút, già cả đơn độc, những vị Bà-la-môn Phạm-chí, tất cả đều hội về".

Đại sư Tỳ-lam liền lập một đàn chẩn thí lớn, dân chúng nghe lệnh rùng rùng kéo nhau tụ tập. Già trẻ khỏe yếu dìu dắt lẫn nhau tề tựu đông đúc.

Lúc ấy, Tỳ-lam muốn rửa tay theo phép Bà-la-môn, nhưng nghiêng bình mà nước chẳng chảy ra nên rất lo buồn, thầm nghĩ: "Ta nay thiết lập đại lễ không biết có lỗi lầm gì chăng? Ý chẳng thanh tịnh, hay vật bố thí chẳng phải đồ tốt? Do duyên cớ gì mà nước chẳng chảy?"

Lúc đó, chư Thiên ở trên hư không nói với Tỳ-lam:

– Việc bố thí của ông ngày hôm nay hết sức tốt đẹp không ai sánh bằng! Tâm ông thanh tịnh không chút ô nhiễm, công đức của ông là bậc nhứt, trong thiên hạ không ai vượt lên trên được. Chỉ có người thọ thí, tất cả đều là những hạng người có tà kiến giả dối điên đảo, chẳng phải là bậc Thượng sĩ thanh cao, nên không thể lãnh thọ của cải bố thí với sự rửa tay cung kính của ông. Vì lý do đó, mà nước trong bình không chảy ra.

Tỳ-lam nghe chư Thiên nói như thế, ý ông khai ngộ, liền phát khởi

thệ nguyện: "Nguyện đem công đức bố thí ngày hôm nay, cầu thành đạo Vô thượng Chánh chân. Nếu đúng như lời nguyện này, thì khiến rót nước sẽ chảy vào bàn tay tôi!".

Phát lời thệ nguyện rồi, liền nghiêng bình rót nước, tức thời nước chảy ra rơi vào bàn tay Tỳ-lam.

Chư Thiên ở trên hư không ca ngợi:

– Hay thay! Hay thay! Đúng như sở nguyện, chẳng bao lâu ông sẽ thành Phật.

Lúc ấy, Đại sư Tỳ-lam bố thí áo quần, mùng mền, thực phẩm... theo nhu cầu của tất cả những người nghèo cùng. Trong mười hai năm như vậy, tất cả ngọc nữ, voi, ngựa, châu báu đều dùng vào việc bố thí, không còn cất giữ một vật gì.

Đức Phật bảo Tu-đạt:

– Bà-la-môn Tỳ-lam lúc ấy là thân Ta ngày nay. Lúc ấy Ta bố thí với tâm lành, vật bố thí cũng tốt đẹp, chỉ có kẻ thọ thí là tâm họ không thanh tịnh, nên tuy vật bố thí nhiều mà thọ phước báo rất ít.

Còn ngày nay đệ tử chân chánh, ở trong giáo pháp chân thật nhiệm mầu thanh tịnh của Ta làm việc bố thí, thì vật bố thí tuy ít mà thọ hưởng phước báo rất nhiều.

Đối với công đức bố thí của Tỳ-lam trong mười hai năm như vậy, cùng với mọi công đức bố thí cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề, gồm hai công đức này lại không bằng công đức cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn. Công đức này rất nhiều, vượt hơn phước đức trước.

Dầu cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì phước đức có được do sự cúng dường và bố thí đó, không bằng cúng dường cho một vị Tư-đà-hàm. Phước đức này rất nhiều, vượt hơn phước đức trước.

Giả sử như cúng dường cho một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị Tu-đà-hoàn, cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì phước đức có được do sự cúng dường và bố thí đó không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm. Phước đức này nhiều gấp bội phước đức trước.

Ví dầu cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị Tu-đà-hoàn, cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì phước báo có được do sự cúng dường và bố thí đó không bằng cúng dường cho

một vị A-la-hán. Phước đức này rất nhiều, vượt hẳn phước đức trước.

Giả sử cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị Tu-đà-hoàn cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì công đức có được do sự cúng dường và bố thí ấy không bằng cúng dường cho một vị Bích-chi-phật. Phước đức này rất nhiều, vượt hơn phước đức trước.

Giả sử cúng dường cho một trăm vị Bích-chi-phật, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị Tu-đà-hoàn cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì phước đức có được do sự cúng dường và bố thí đó không bằng xây tháp, cất nhà cho chúng Tăng, lập tinh xá, cúng dường áo, mền, giường nằm, đồ ăn uống... cung cấp sự cần dùng cho chư Tăng, Sa-môn, Đạo sĩ khắp bốn phương, cả ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai. Gồm những công đức này thì vượt hẳn những công đức trước.

Tuy xây tháp, cất nhà cho chúng Tăng, lập tinh xá như trên, cùng với sự cúng dường Bích-chi-phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì phước đức do sự cúng dường và bố thí đó không bằng cúng dường cho một Đức Phật. Công đức của sự cúng dường cho một Đức Phật rất nhiều, không thể kể xiết.

Tuy cúng dường Đức Phật, xây tháp cất nhà cho chúng Tăng, lập tinh xá, cúng dường Bích-chi-phật, A-la-hán, A-na-hàm. Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì bao nhiêu công đức của sự cúng dường và bố thí đó, không bằng có người ở trong một ngày thọ ba pháp tự quy y và bát quan trai giới. Nếu giữ được năm giới sẽ có công đức vượt hơn công đức cúng dường và bố thí vừa kể trên, gấp trăm ngàn lần không thể ví dụ.

Lại đem công đức trì giới này hiệp với tất cả công đức cúng dường Đức Phật, Bích-chi-phật, bốn quả Sa-môn cộng với phước đức bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, không bằng một người tọa thiền với tâm từ bi nghĩ đến chúng sinh trong chừng một bữa ăn cũng được công đức vượt hơn công đức bố thí của Tỳ-lam đối với tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề và sự cúng dường bốn quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật, xây tháp, cất nhà cho chúng Tăng, cho đến cúng dường Đức Phật đã nói ở trước, hơn gấp trăm lần.

Bao nhiêu công đức trì giới, tọa thiền với tâm từ bi nghĩ đến chúng sinh, không bằng công đức nghe pháp, ghi nhớ trong tâm, tư duy về bốn đế

lý, biết các pháp vô thường, khổ không, vô ngã, để chứng cảnh giới Niết-bàn tịch diệt. Đem công đức này so với tất cả công đức của những việc làm ở trước, thì công đức này là to lớn bậc nhất, không có một công đức nào vượt hơn được.

Lúc ấy, Tu-đạt nghe pháp, hết sức vui mừng, thân tâm thanh tịnh, chứng quả A-na-hàm, trong mình chỉ còn có năm đồng tiền vàng, mỗi ngày đem một đồng cúng cho Đức Phật, một đồng cúng cho Pháp, một đồng cúng cho chúng Tăng, một đồng tự ăn còn một đồng làm vốn. Ngày nào cũng như vậy, rốt cuộc trong mình lúc nào cũng còn lại một đồng không bao giờ hết.

Tu-đạt thọ năm giới cấm, quỳ mọp bạch Đức Phật:

– Ngày nay tâm ái dục của con đã dứt hẳn, sống tại gia con nên làm những việc gì?

Đức Phật bảo:

– Này Tu-đạt, như ông ngày nay tâm ý đã được thanh tịnh, ái dục lại không phát sinh, ông trở về nhà bảo các người vợ của ông: "Ta nay tâm ái dục đã diệt, các người tùy theo chỗ nào mình ưa thích, ai cần có chồng tùy ý theo nơi nào mình muốn. Nếu còn ở lại đây, ta sẽ cung cấp cơm ăn áo mặc".

Tu-đạt vâng lời Phật dạy, lễ Phật rồi lui về nhà bảo các người vợ:

– Ta nay tâm ái dục đã diệt sạch, vĩnh viễn không còn tái sinh, không còn làm việc dâm dục. Các người nếu muốn tạo lập cuộc đời mới, thì mỗi người tùy ý chọn nơi nào mình ưa thích, còn ai muốn ở lại đây, ta sẽ cung cấp áo cơm đầy đủ.

Các người vợ Tu-đạt đều tùy theo ý nơi mình ưa thích để lập gia đình. Lúc ấy, có một người vợ đang sấy gạo xay bột, bỗng có đàn dê húc nhau ùa vào mang đồ gạo sấy, nàng ta tức giận không biết tính sao, liền cầm cây củi đang cháy đánh bầy dê kia. Đầu cây củi có lửa chạm nhằm lông nơi cổ con dê, lông dê gặp lửa bốc cháy và cháy luôn cả voi nhà vua, thân voi da bị cháy rụi, nên phải giết khỉ, vượn lấy da đắp vào thân voi.

Khi đó, chư Thiên ở trên hư không nói kệ:

Sân hận gốc tranh giành
Chẳng nên cùng nó sống
Bầy dê húc lộn nhau
Trong đó mòng muỗi chết.
Tỳ nữ ngăn dê húc
Vượn khỉ chết vô cớ

Người trí lìa hiềm nghi
Chớ cùng người ngu sống.

Vua Ba-tư-nặc vì vậy bảo quần thần ra lệnh hạn chế việc đốt lửa. Lệnh rằng:

– Từ nay trở đi, ban đêm dân chúng không được đốt lửa và thắp đèn đuốc, kẻ nào vi phạm phạt một ngàn lượng vàng.

Bấy giờ Tu-đạt tu tập đạo pháp ở tại nhà ngày đêm tọa thiền. Đầu hôm khi nhập định thì thắp đèn thiền tọa, nửa đêm dừng nghĩ, đến gà gáy lại thắp đèn thiền tọa. Quân canh tuần bắt gặp, thâu lấy đèn và giải ông ta về triều, tâu lên chúa thượng, bắt phải phạt.

Tu-đạt tâu với đại vương:

– Nhà tôi nghèo khó, ngày nay tài sản không được một trăm tiền, biết lấy gì nộp phạt cho đại vương.

Nhà vua nghe nói, thì tức giận, nên sai lính đem nhốt trong ngục kín. Tức thời quân lính giải Tu-đạt giao cho quản ngục giam giữ.

Đêm đó, Tứ Thiên vương thấy Tu-đạt bị giam giữ trong ngục, nên đầu hôm hiện đến, thưa với Tu-đạt:

– Tôi sẽ cúng ông số tiền dùng vào việc nạp phạt cho nhà vua, để được thả ra.

Tu-đạt đáp:

– Nhà vua sẽ tự ý hoan hỷ thả ta ra, chẳng cần phải dùng tiền bạc.

Tu-đạt vì Tứ Thiên vương thuyết pháp. Tứ Thiên vương nghe pháp xong liền lui về. Tới nửa đêm Thiên đế Thích lại đến. Tu-đạt lại thuyết pháp. Đế Thích nghe xong liền lui về. Cuối nửa đêm, lại có Phạm thiên đến yết kiến Tu-đạt. Tu-đạt vì Phạm thiên mà thuyết pháp, Phạm thiên nghe xong liền lui về.

Nhà vua đêm ấy quán sát nhìn thấy ở trên lao ngục có ánh lửa xuất hiện. Sáng hôm sau nhà vua sai người nói với Tu-đạt:

– Ông đốt lửa nên bị giam, không biết hổ xấu lại còn tiếp tục đốt lửa?

Tu-đạt trả lời:

– Ta không đốt lửa, nếu như ta đốt lửa thì nơi chỗ này sẽ có khói tro.

Người kia lại hỏi Tu-đạt:

– Đầu hôm có bốn ngọn lửa, đến nửa đêm lại có một ngọn lửa lớn gấp bội phần ngọn lửa trước. Rồi cuối đêm có ngọn lửa lớn gấp bội phần ngọn lửa hồi nửa đêm. Ông nói không đốt lửa thì những thứ đó là gì?

Tu-đạt đáp:

– Đó không phải là lửa. Đầu hôm có bốn vị Thiên vương đến yết kiến ta. Nửa đêm thì vị Thiên đế thứ hai đến thăm ta và cuối đêm là vị Phạm thiên thứ bảy đến thăm ta. Đó là ánh sáng trên thân của chư Thiên chiếu ra, chẳng phải là lửa.

Người này nghe nói như vậy, liền về tâu lại đại vương. Nhà vua nghe qua lòng rất kinh hãi chân lông đều dựng ngược, nói: "Người này có phước đức đặc biệt nên mới được như vậy. Ta nay tại sao lại hủy nhục vị ấy!"

Liền bảo kẻ hầu cận:

– Mau mau thả người này ra, không được dần dà.

Lính được lệnh liền đến thả Tu-đạt. Tu-đạt được thả ra bèn đi đến tinh xá, đầu mặt lễ sát đất, rồi lui ra ngồi một bên nghe Đức Phật thuyết pháp.

Vua Ba-tư-nặc cũng lập tức ngự giá tới tinh xá. Dân chúng trong pháp hội thấy nhà vua đi đến đều đứng dậy thủ lễ, chỉ còn Tu-đạt vì tâm đang say sưa trong hương vị Phật pháp nên thấy nhà vua đến mà không đứng dậy. Nhà vua trong tâm hơi ngầm giận, nghĩ rằng người này là dân của ta mà mang tánh khinh mạn, thấy ta không chịu đứng dậy. Nhà vua càng nghĩ càng tức giận.

Đức Phật biết được ý của vua Ba-tư-nặc, nên ngừng thuyết pháp.

Đại vương bạch Phật:

– Nguyện mong Đức Phật giảng kinh pháp.

Đức Phật bảo đại vương:

– Nay không phải thời vì nhà vua mà thuyết pháp.

Đại vương hỏi:

– Vì sao chẳng phải thời?

Đức Phật đáp:

– Vua nay tâm sân hận uất kết chưa nguôi, cũng như khởi tâm ái dục đam mê nữ sắc, tâm kiêu mạn tự thị, tâm tự đại không cung kính… Đem những tâm cấu uế như vậy để nghe diệu pháp thì không thể nào lãnh thọ được. Vì lý do đó, nên nay không phải đúng thời vì nhà vua thuyết pháp.

Vua Ba-tư-nặc nghe Đức Phật nói như vậy, trong lòng tự nghĩ: "Do người đang ngồi này mà nay khiến ta bị hai việc thiệt hại: một là sinh tâm sân hận, hai là không được nghe Phật pháp". Nghĩ như thế rồi nhà vua đảnh lễ Phật lui về. Nhà vua ra đến bên ngoài tinh xá nói với quan cận thần:

– Người ngồi đó nếu ra khỏi nơi đây ta sẽ chặt đầu. Ngay khi nhà vua

vừa dứt lời, tức thì bốn phía các loài thú dữ như hổ, sói… ùa ra bao vây. Nhà vua thấy vậy nên hết sức sợ hãi, bèn quay trở lại giảng đường nơi Đức Phật đang thuyết pháp.

Đức Phật hỏi:

– Vì cớ gì đại vương trở lại đây?

Vua bạch:

– Con thấy thú dữ ùa ra bao vây như vậy nên trở lại đây.

Đức Phật nói:

– Nhà vua có biết người ngồi này là ai không?

Vua thưa:

– Không biết.

Đức Phật lại bảo:

– Người này đã chứng đạo quả A-na-hàm. Cớ gì nhà vua bỗng sinh ác ý với ông ta! Đó là lý do khiến nhà vua gặp sự khủng bố. Nếu không trở lại, nhà vua sẽ bị tai họa quyết không thể nào cứu được.

Vua nghe lời Đức Phật dạy lòng rất sợ sệt, liền hướng về Tu-đạt làm lễ sám hối bằng cách trải tấm da dê, ở trước chỗ Tu-đạt. Nhà vua khiêm tốn thành thật trình bày:

– Hiền giả là thần dân của tôi, mà nay tôi hướng về Hiền giả khuất phục, nhẫn nhục, đó là điều thật khó làm.

Tu-đạt lại nói rằng:

– Ta thật nghèo thiếu mà làm việc bố thí, lại cũng là việc rất khó làm.

Trong pháp hội có người tên là Thi-la Sư Chất tự nói:

– Ở trong nước, tôi là người công bình, chánh trực, khi bị giặc bắt dẫn đi, tướng giặc bảo tôi nói thế này: "Nói không thấy ta, thì ta sẽ thả ông ra. Không nói lời như vậy, ta sẽ giết ông". Ta tự nghĩ: "Ta nay nói lời không thật tức là làm việc phi pháp, sẽ đọa vào địa ngục, ai là người sẽ cứu vớt ta?". Suy nghĩ như thế rồi, liền trả lời với tướng giặc: "Thà ngươi chặt đầu ta, ta không bao giờ phạm tội vọng ngữ". Tướng giặc nghe nói liền thả ra, nên khỏi nguy hại. Không phạm vọng ngữ, thuận theo chánh pháp thật là việc làm rất khó.

Lại trong pháp hội có một vị Thiên tên là Thi-ca-lê tự nói:

– Khi ta thọ bát quan trai giới, nằm một mình ở trên lầu cao, có một ngọc nữ ở cõi trời đến chỗ ta nằm. Ta vì giới cấm mà không thọ sắc dục với nàng, đó là việc rất khó giữ.

Bốn người ở trước Đức Phật đều nói về chỗ khó làm của mình rồi, Đức Phật đọc bài tụng:

Nghèo cùng bố thí khó
Hào quý nhẫn nhục khó
Nguy hiểm giữ giới khó
Tráng niên bỏ dục khó.

Đức Phật nói kệ xong, lại giảng tiếp kinh pháp. Nhà vua, thần dân đều rất hoan hỷ, lễ Phật lui về.

-oOo-

Nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Thế Tôn trụ tại tinh xá Trúc lâm bên cạnh thành Vương xá.

Tại làng Ưu-liên có một dòng suối, trong suối có một con rồng độc tên là Toan-đà-lê hết sức hung dữ, thường gây ra những trận mưa đá, tuyết, phá hoại năm thứ lúa gạo hoa màu, khiến mùa màng thất thu, dân chúng đói khát.

Lúc đó, có một vị Bà-la-môn dùng thần chú ngăn chận rồng độc nên mưa đá không xuất hiện, trong mấy năm ấy mùa màng thuận hợp, ngũ cốc dồi dào. Chẳng bao lâu, vị Bà-la-môn này già yếu, lụm cụm không đọc thần chú được nữa.

Khi ấy, lại có một vị Bà-la-môn trẻ tuổi thông hiểu chú thuật, cất tiếng tụng chú, khiến mây mù tan biến, nạn mưa đá chấm dứt, mùa màng tươi tốt, dân chúng hết sức vui mừng. Họ mời vị Bà-la-môn này ở ngay nơi làng, dân làng sẽ đóng góp, cung cấp không thiếu một vật gì.

Bà-la-môn nói:

– Ta có thể ở lại đây, các ông phải luôn luôn cùng nhau đóng góp.

Dân chúng chung nhau dâng cúng các vật dùng cho Bà-la-môn luôn đầy đủ. Nhưng từ ngày Đức Phật du hóa, hoằng dương chánh pháp đến nước này, dân chúng lớn nhỏ đều thọ giáo, người đắc đạo rất nhiều. Tất cả loài Rồng, Quỉ, Thần đều làm việc thiện, không còn nhiễu hại, mưa thuận gió hòa, năm thứ lúa thóc hoa màu dẫy đầy, nhưng dân làng không còn cung cấp theo nhu cầu cho vị Bà-la-môn nữa. Bà-la-môn này đến đòi hỏi dân chúng, dân cư trong làng đã không cung cấp, lại còn mắng nhiếc, nên Bà-la-môn nổi tâm sân hận, nói:

– Các người nhờ ân lực của ta nên mới no nê đầy đủ, đã chẳng cung cấp lại còn mắng nhiếc ta, ta sẽ tiêu diệt cả dân chúng và đất nước này.

Bà-la-môn lại hỏi các người trong làng:

– Muốn đạt được sở nguyện thì phải làm gì?

Dân làng trả lời:

– Cúng dường thức ăn cho bốn vị đại đệ tử của Đức Phật, sẽ được toại nguyện.

Bà-la-môn lập tức bày biện trai diên, cung thỉnh vị Tôn giả là Đại Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và A-na-luật đến cúng dường. Khi bốn vị Tôn giả đang thọ trai, Bà-la-môn chí tâm đảnh lễ, bày tỏ sở nguyện của mình: "Tôi nay đem công đức cúng dường này nguyện thành con rồng độc, hết sức mạnh mẽ để tiêu diệt đất nước này, xin cho tôi quyết được toại nguyện."

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất dùng đạo nhãn quan sát tâm ý của thí chủ Bà-la-môn cầu nguyện những gì, biết rõ tâm ý của người ấy mong cầu trở thành rồng độc để tiêu diệt cả đất nước này, nên bảo:

– Ông chớ nên phát nguyện làm thân rồng rắn độc ác! Nếu muốn cầu là Chuyển luân thánh vương, hoặc Thiên đế Thích, Ma vương, Phạm vương… tất cả đều có thể được. Chớ nên dùng loại thân độc ác ấy làm gì. Sở nguyện đó không tốt.

Bà-la-môn đáp lại lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Tôi quyết cầu cho được nguyện này, đây là điều ước mong duy nhất, ngoài ra không nguyện cầu gì khác.

Lúc ấy, Bà-la-môn giơ năm ngón tay lên, nước liền từ đó chảy ra. Tôn giả Xá-lợi-phất chứng kiến lòng kiên quyết của Bà-la-môn, nên chỉ còn biết im lặng. Vị Bà-la-môn ấy cùng vợ và hai con đều phát nguyện làm rồng.

Sau khi ông ta chết liền đầu thai làm thân rồng có thần lực lớn, lại rất độc ác, liền đến giết rồng Toan-đà-lê và đoạt chỗ ở. Rồi nổi phong ba bão chướng trút một trận mưa đá tuyết dữ dội, khiến bao thứ lúa thóc hoa màu đều bị thiệt hại, chỉ còn những nắm rạ hoặc thân lá xơ xác. Do đó người ta đặt tên rồng này là A-ba-la-lợi, vợ rồng tên là Tỳ-thọ-ni. Rồng có hai con cùng một tên là Cơ-thiện-ni. Trong thời gian này dân chúng cơ cực, chết đói rất nhiều, lại thêm bệnh tật khiến người bỏ mạng cũng vô số.

Khi ấy, vua A-xà-thế đi đến tinh xá, đảnh lễ Đức Phật, đầu mặt sát đất, quỳ mọp thưa:

– Dân chúng nơi nước con bị rồng độc và dịch bệnh gây tai vạ đau thương, người chết vô số. Cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng đại Từ đại Bi

thương xót tất cả chúng sinh, mong được sự cứu giúp, trừ diệt tai hại.

Đức Phật liền nhận lời. Tờ mờ sáng hôm sau Đức Thế Tôn đắp y mang bình bát vào thành khất thực, rồi đến bên bờ dòng suối có rồng độc ngồi thọ trai, xong xuôi thì rửa bát, trút nước rửa bát ấy xuống dòng suối. Rồng rất tức giận, liền xuất hiện trên mặt nước, phun độc khí và hà lửa vào mình Đức Phật. Trên thân Đức Phật lại phun ra nước tiêu diệt lửa và khí độc. Rồng lại ở trên hư không mưa tuôn đá tuyết, thì đá tuyết ấy lại biến thành hoa trời. Rồng lại mưa bằng những tảng đá lớn, thì đá này lại biến thành ngọc quý và đồ trang sức. Rồng lại tuôn mưa đao kiếm tức thì đao kiếm biến thành bảy thứ châu báu. Rồng lại hóa làm quỉ La-sát, Đức Phật lại hiện làm Tỳ-sa-môn vương, La-sát bị tiêu diệt. Rồng lại biến thành con voi khổng lồ, vòi cuộn lấy kiếm nhọn, Đức Phật lại hiện ra hình sư tử chúa khiến voi liền biến mất. Rồng lại hiện chính thân mình, Đức Phật bèn hiện làm chim đại bàng cánh vàng, rồng liền chạy trốn.

Rồng đem hết thần lực mà không thể hại được Đức Phật, liền chui trốn vào trong dòng suối, lúc ấy lực sĩ Mật Tích cầm chày kim cang đập núi, núi vỡ một nửa, lấp dòng suối, rồng muốn chạy thoát, Đức Phật liền biến tất cả nước trong dòng suối thành đám lửa lớn, rồng vội vã vụt chạy, Đức Phật bèn dùng bàn giẫm lên đầu rồng, rồng không thể đi được, mới quy phục, nên quỳ mọp bạch Phật:

– Ngày nay con chỉ thấy việc làm của mình toàn là cảnh đau khổ, khốc liệt.

Đức Phật hỏi:

– Tại sao ngươi ôm lòng độc ác, gây bao khổ não cho chúng sinh?

Rồng liền cung kính đảnh lễ, đầu mặt lạy sát chân Phật, quỳ mọp, bạch:

– Mong Phật cho con được thả ra, bất cứ Thế Tôn dạy điều gì, con đều vâng lãnh.

Đức Phật bảo:

– Ngươi nên thọ giới cấm, làm người cận sự nam.

Rồng và vợ con thảy đều thọ năm giới cấm, làm người hộ pháp tại gia, trở thành người nhân từ, làm các điều lành, lại không bao giờ mưa tuyết nữa.

Bấy giờ, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, lúa gạo dẫy đầy, các loài quỉ dữ gây bệnh tật đều chạy về nước Tỳ-xá-ly. Dân chúng nước Ma-kiệt-đà có đời sống vật chất đầy đủ, các thứ bệnh dịch đều được tiêu trừ,

hưởng cảnh an lạc.

Lúc ấy, dân chúng nước Tỳ-xá-ly lại bị tật bệnh, người chết rất nhiều. Nghe Phật ở nước Ma-kiệt-đà đã hàng phục độc long, bệnh dịch được tiêu diệt, vua nước Tỳ-xá-ly liền sai sứ đến tinh xá Trúc lâm, thỉnh Phật.

Sứ giả đến nơi, tiến tới trước Đức Phật cung kính đảnh lễ sát chân, quỳ mọp thưa:

Nhà vua dốc lòng cho con đến đảnh lễ vấn an Đức Như Lai là Bậc Đại Thánh. Nước con đang bị bệnh dịch khiến người chết rất nhiều, cúi mong Đức Thế Tôn rủ lòng đại từ thương xót, giáng lâm che chở cho nước chúng con, tuy nhọc đến uy quang nhưng cũng mong cho muôn dân được cứu vớt.

Hai nước Tỳ-xá-ly và Ma-kiệt-đà vốn có mối thù xưa, nên vua A-xà-thế nghe nước Tỳ-xá-ly đang bị bệnh dịch hoành hành, trong lòng lấy làm thích thú.

Bấy giờ, Đức Phật bảo sứ giả nước Tỳ-xá-ly:

– Trước Ta đã nhận lời mời của vua A-xà-thế ở đây chín mươi ngày, nay chưa mãn hạn, ông phải đích thân đến thỉnh ý đại vương A-xà-thế.

Sứ giả bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, vốn hai nước có mối thù xưa, nếu nay con đến đó chắc chắn sẽ bị giết.

Đức Phật bảo sứ giả:

– Ông nay làm sứ giả cho Ta, chắc chắn sẽ không có ai giết ông đâu.

Đức Phật lại bảo sứ giả đến đó nói như thế này:

– Vua A-xà-thế đã tạo tội đại nghịch là giết cha, do hướng về Như Lai sám hối sửa đổi, nên tội bị đọa vào địa ngục, một ngày bằng năm trăm ngày trên dương thế của nhà vua, nay đã thoát khỏi.

Sứ giả nhận chỉ giáo liền đi đến cửa thành Vương xá. Vua A-xà-thế và quần thần nghe có sứ giả của nước Tỳ-xá-ly đã đến ngoài cửa thành thì ai nấy đều nổi giận cùng nhau bàn tính là sẽ chặt đầu, xẻo tai, xẻo mũi cùng nghiền nát thân xác người này thành tro bụi.

Sứ giả nước Tỳ-xá-ly đến trước bệ rồng, cất to tiếng tâu:

– Tôi được Đức Như Lai sai đến gặp đại vương.

Nhà vua và quần thần nghe nói là sứ giả của Đức Thế Tôn nên tất cả đều vui mừng. Đại vương hỏi sứ giả:

– Đức Thế Tôn sai ngươi đến đây có dạy bảo ta điều gì chăng?

Sứ giả tâu:

– Đức Phật bảo cho đại vương biết, tội ác nghịch giết cha của đại vương, do hướng về Đức Như Lai sám hối, nên tội bị đọa vào địa ngục trong một ngày bằng năm trăm ngày trên thế gian của đại vương nay đã thoát khỏi. Phật dạy đại vương cần phải tự cải bỏ những lỗi lầm trong quá khứ, không được tái phạm trong vị lai, chớ nên sầu muộn.

Nhà vua nghe nói như vậy, không sao kiềm chế được nỗi vui mừng, liền xoay mặt từ xa trông về hướng Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, bạch:

– Con đã tạo tội nghịch ác phải ở trong địa ngục, nay được ra khỏi.

Rồi nhà vua quay lại nói với sứ giả:

– Nay nhà ngươi vì ta đem đến tin vui này thật không sao diễn tả hết! Tùy ngươi muốn những gì ta sẽ ban cho.

Sứ giả tâu:

– Nước Tỳ-xá-ly của chúng tôi đang có tật dịch hoành hành, muốn cung thỉnh Đức Thế Tôn quang lâm đến để cả nước được nhờ ân tế độ. Cúi mong đại vương vui lòng để Đức Phật ra đi.

Nhà vua liền tùy hỷ và bảo sứ giả:

– Ngươi trở về tâu với vua của nhà ngươi: Ta từ cửa thành cho đến bến sông Hằng, lo tu bổ đường sá, dùng hoa rải trên mặt đường, hai bên cờ phướn thẳng hàng tới bờ sông, quân lính cả nước đứng hầu, tiễn đưa Đức Phật đến tận bến sông. Nước ông cũng phải từ thành Tỳ-xá-ly cho đến bờ sông Hằng, lo sửa sang đường sá, rải các hoa hương và hai bên đường đều có cờ phướn chỉnh tề, tất cả thần dân, binh lính toàn nước phải ra tận bờ sông Hằng để cung nghinh Đức Thế Tôn. Nếu đúng như vậy ta sẽ hoan hỷ để Đức Phật ra đi, còn không được như thế thì ta nhất định sẽ xin Phật ở lại.

Sứ giả nước Tỳ-xá-ly nghe lời chỉ bảo của vua A-xà-thế thì hết sức vui mừng, liền cáo từ nhà vua trở lại tinh xá, đầu mặt sát đất đảnh lễ thưa lại với Đức Phật đầu đuôi như vậy. Đức Thế Tôn liền chấp nhận. Sứ giả lễ Phật rồi vội vã ra về.

Sứ giả về tới thành Tỳ-xá-ly, đem mọi sự tâu lên vua mình. Nhà vua nghe qua thì vô cùng vui mừng và nghĩ: "Trong nước ta cũng nên gieo giống phước đức". Tức thì ra lệnh cho tu bổ đường sá từ cửa thành Tỳ-xá-ly tới bến sông Hằng, tất cả đều được sạch sẽ, rải các hoa thơm, xông hương thơm, hai bên đường bày la liệt cờ phướn thẳng hàng. Nhà vua Tỳ-xá-ly lại lệnh cho thần dân đánh chuông trống và tấu các thứ kỹ nhạc đến tận bờ

sông Hằng để nghinh rước Phật. Nhà vua đem năm trăm chiếc lọng báu dâng cúng Đức Thế Tôn.

Vua nước Ma-kiệt-đà cũng ra lệnh tu bổ đường sá, tất cả đều được sạch sẽ, rải các hoa thơm, treo các cờ phướn đến tận bờ sông, quân lính cả nước cùng các dân chúng còn đánh chuông, thúc trống, tấu các thứ kỹ nhạc vang rền khắp trời đất cùng đứng hầu tiễn Đức Phật. Nhà vua đem năm trăm chiếc lọng báu ra tận sông Hằng cúng dường Đức Thế Tôn.

Vua cõi trời Tứ thiên, vua cõi trời Đao-lợi, vua cõi trời Hóa ứng thinh, mỗi vị cùng vô số chư Thiên cõi mình, đều đem theo các thứ ngọc quý cõi trời đẹp đẽ lạ thường cùng các thứ hoa hương, vô số kỹ nhạc và năm trăm lọng báu đến dâng cúng Đức Thế Tôn.

Vua cõi trời Phạm thiên thứ bảy cho đến cõi Thủ-đà-hội thiên, các Thiên vương này cùng các Thiên tử, mỗi vị đều đem theo các thứ hoa hương, kỹ nhạc và năm trăm chiếc lọng báu của cõi trời đến dâng cúng Đức Thế Tôn.

Vua loài A-tu-la là Tỳ-ma-tỳ-la cùng vô số dân A-tu-la đem các ngọc quý, các thứ hoa hương, vô số kỹ nhạc và năm trăm lọng báu đến dâng cúng Đức Thế Tôn.

Long vương Ta-kiệt-la cùng vô số rồng quyến thuộc, mỗi vị đều đem theo vô số hương thơm, trỗi các thứ kỹ nhạc và năm trăm lọng báu đến dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn.

Tổng cộng số lọng báu cúng dường cho Đức Thế Tôn là ba ngàn chiếc. Đức Phật để lại một chiếc, còn bao nhiêu thì thọ nhận. Chiếc lọng báu để lại với dụng ý che chở cho hàng đệ tử sau này khiến họ được cúng dường.

Ngay lúc ấy, vô số chư Thiên, muôn dân, rồng, A-tu-la, nhiều không thể kể xiết, cùng nhau kéo đến tinh xá Trúc lâm, nơi Đức Phật đang ngự. Vua nước Tỳ-xá-ly và các thần dân đều nói:

– Ngày nay Đức Phật sẽ vượt qua sông Hằng, chúng ta cùng nhau dùng năm trăm chiếc thuyền để đưa Đức Phật qua sông.

Vua và thần dân nước Ma-kiệt-đà cũng nói:

– Ngày nay, Đức Phật sẽ qua sông, chúng ta phải dùng năm trăm chiếc thuyền để đưa tiễn.

Chư Thiên mỗi tầng trời cũng đều sắm sửa năm trăm chiếc thuyền quý. Các loài A-tu-la cũng cùng nhau tạo ra năm trăm thuyền quý. Lúc ấy, loài rồng bèn tự đem thân mình bện thành năm trăm chiếc cầu, muốn Đức

Thế Tôn giẫm trên thân mình để qua khỏi sông.

Bấy giờ, Đức Phật nhận thấy tất cả chư Thiên, dân chúng, rồng, A-tu-la… mỗi loài đều có tâm hoan hỷ cúng dường, nên để cho tất cả chúng sinh đều được phước, Đức Phật đã dùng hóa thân biến hiện khắp trên các thuyền. Chư Thiên, dân chúng, rồng, A-tu-la, mỗi loài đều tự thấy Đức Như Lai Thế Tôn chỉ ở trên thuyền của mình, còn các thuyền khác thì không có. Với cách thức như thế, Đức Như Lai đã đi qua khỏi sông.

Vô số chư Thiên đầy trong hư không rải các hoa quý, đốt các hương thơm vi diệu lạ thường, trỗi các kỹ nhạc. Dân chúng, rồng, A-tu-la đều cũng rải các hoa quý, xông các hương thơm và tấu các kỹ nhạc được gặp Thế Tôn nên lòng vui mừng vô hạn.

Lúc ấy, Đức Như Lai quán biết chư Thiên, muôn dân trong ba cõi đều đem tâm vui mừng, hớn hở cúng dường Đức Như Lai. Đức Như Lai muốn nêu bày về nhân nơi đời trước của mình khi còn tu hạnh Bồ-tát, nên liền mỉm cười, hào quang ngũ sắc từ nơi kim khẩu phóng ra, mỗi đạo hào quang phát xuất vô số tia sáng, mỗi tia sáng hiện một hoa sen báu, trên mỗi hoa sen có hóa thân Phật. Tất cả hào quang chia làm năm phần:

Phần hào quang thứ nhất chiếu sáng rõ cõi Dục, cõi Sắc và Vô sắc. Chư Thiên trong ba cõi thấy hào quang ấy và các vị Hóa Phật, tất cả đều hoan hỷ, xa lìa dục lạc, hướng về Đức Hóa Phật nghe thuyết kinh pháp. Vô lượng chư Thiên nghe kinh pháp, lòng vô cùng vui mừng, đều chứng được các quả vị, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tư-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, có người chứng quả A-la-hán, có người phát tâm cầu đạt đạo quả đại Bồ-đề, chứng bậc Bất thoái chuyển.

Phần hào quang thứ hai chiếu vào loài người trong Tam thiên đại thiên thế giới, chư vị Hóa Phật trong hào quang biến khắp các thế giới. Tất cả dân chúng khi thấy được ánh sáng đó thì cũng đều thấy được Hóa Phật. Đối với những kẻ nào lòng đầy sân hận thì tâm sân hận ấy liền được tiêu diệt và đều phát tâm từ bi. Đối với những kẻ lửa dâm dục hẫy hừng thì tâm dâm dục ấy liền được tiêu trừ, nhận thức được sự bất tịnh. Đối với những kẻ tối tăm ngu si thì họ đều được tỉnh ngộ, rõ được bốn pháp vô thường. Đối với những ai bị giam cầm trong ngục thì đều được phóng thích. Đối với kẻ mù thì được sáng, kẻ điếc được nghe, kẻ câm được nói, kẻ chân tay què quặt thì được hoàn hảo, người tàn tật hay mắc phải một trăm thứ bệnh cũng đều được lành khỏi. Tất cả dân chúng không một ai là không vui mừng, đều lìa bỏ sự đam mê dục lạc, hướng về Hóa Phật. Lúc đó, mỗi vị Hóa Phật đều thuyết pháp khiến tâm ý nơi mọi người đều được khai mở.

Hoặc có kẻ dự vào Thánh đạo, có kẻ chứng quả Bất lai, có kẻ chứng quả Bất hoàn, có kẻ chứng bậc Vô trước (A-la-hán). Hoặc có kẻ phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân, trụ vững nơi pháp Đại thừa không còn thoái chuyển. Số ấy không thể kể xiết.

Phần hào quang thứ ba chiếu khắp cõi ngạ quỉ, tất cả các vị Hóa Phật trong hào quang đều biến hiện khắp cảnh giới ngạ quỉ. Bao nhiêu ngạ quỉ trông thấy hào quang của Phật thì tự nhiên no nê không còn đói khát, thân tâm thanh tịnh dứt hết phiền não, nghe các vị Hóa Phật thuyết pháp đều hoan hỷ, tâm hạ tiện bỏn xẻn được tiêu trừ, sau khi mạng chung được sinh về cõi trời.

Phần hào quang thứ tư chiếu vào cảnh giới súc sinh trong đại thiên thế giới, tất cả loài cầm thú trông thấy hào quang của Phật, đều hết sức vui mừng, tâm lành tự động phát sinh, trái lại tâm độc ác của các loài cọp, sói, rồng, rắn, sư tử… đều được tiêu diệt, ngay tức thì các loài ấy đều đem tâm yêu thương đối với nhau chứ không còn sát hại nhau nữa. Sau khi mạng chung, đều được sinh lên các cõi trời.

Phần hào quang thứ năm chiếu khắp cảnh địa ngục trong đại thiên thế giới, những chỗ tối tăm trong núi Thiết vi không đâu là không sáng tỏ. Tất cả các chúng sinh trong tất cả các địa ngục khi trông thấy ánh hào quang này thì liền thấy Hóa Phật, nên vô cùng vui mừng hớn hở, như lửa tắt, nước nóng trở thành mát, những cảnh khảo tra độc ác đều được dừng nghỉ. Địa ngục Hàn băng bỗng nhiên ấm áp. Chúng sinh trong địa ngục đã dứt được cảnh đau khổ nên vui mừng không thể kể xiết. Lúc ấy, các vị Hóa Phật, mỗi vị đều vì chúng sinh trong địa ngục mà thuyết pháp, khiến tâm họ được khai ngộ, ngay khi xả bỏ thân mạng được sinh lên các cõi trời.

Ngay vào lúc các vị Hóa Phật trong hào quang biến hiện đầy khắp trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới thì chúng sinh trong năm đường đều được giải thoát.

Phàm hào quang của Đức Như Lai phát ra và nhập vào một chốn nào thì đều có chỗ tương ứng:

Như Hóa Phật muốn nói về việc địa ngục, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ lòng bàn chân Đức Thế Tôn để đi vào cõi kia.

Như Hóa Phật muốn nói về việc súc sinh, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ trên bàn chân Đức Thế Tôn để đi vào cõi ấy.

Như Hóa Phật muốn nói về việc ngạ quỉ thì hào quang Hóa Phật phát ra từ mắt cá và ống chân Đức Thế Tôn để đi vào cảnh giới đó.

Như Hóa Phật muốn nói về việc nơi cõi người, thì hào quang Hóa

Phật phát ra từ bắp vế Đức Thế Tôn để đi vào.

Như Hóa Phật muốn nói về việc của Chuyển luân thánh vương, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ rún Đức Thế Tôn để đi vào.

Như Hóa Phật muốn nói về việc A-la-hán, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ kim khẩu Đức Thế Tôn để hội nhập.

Như Hóa Phật muốn nói về việc Bích-chi-phật, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ chặng giữa hai hàng lông mày Đức Thế Tôn để hội nhập.

Như Hóa Phật muốn nói về việc Bồ-tát, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ trên đảnh đầu Đức Thế Tôn để hội nhập.

Như Hóa Phật muốn nói về việc quá khứ, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ phía sau lưng Đức Thế Tôn để hội nhập.

Như Hóa Phật muốn nói về việc hiện tại và vị lai, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ phía trước Đức Thế Tôn để hội nhập.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện đại thần thông biến hóa, hào quang chiếu khắp mười phương thế giới. Trong toàn cõi đại thiên mưa xuống các thứ hoa trời, vô lượng các thứ kỹ nhạc không người điều khiển mà tự nhiên hòa tấu. Đại chúng, chư Thiên, muôn dân không ai là không vui mừng, hớn hở.

Khi ấy, Đức Thế Tôn thu nhiếp thần túc, tất cả Hóa Phật trong hào quang liền xoay về nhiễu quanh Đức Thế Tôn ba vòng, rồi nhập vào sau lưng kim thân. Vô lượng chư Thiên cùng tất cả đại chúng đồng ca ngợi Đức Như Lai:

– Công đức của Như Lai thật vòi vọi, không thể nghĩ bàn, tính toán!

Lúc ấy, Tôn giả A-nan chắp tay quỳ mọp trước Đức Phật bạch:

– Đức Phật không bao giờ cười suông nên khi Ngài cười là có duyên cớ. Nụ cười hoan hỷ của Đức Phật ngày hôm nay như vậy, ắt là sẽ nói về các việc làm nơi đời trước của mình chăng?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan và đại chúng:

– Vào thuở quá khứ lâu xa vô lượng vô số kiếp, tại cõi Diêm-phù-đề này có một vị Chuyển luân thánh vương tên là Tu-đà-lê Thiện Ninh trị vị bốn châu thiên hạ. Cõi Diêm-phù-đề này có tám vạn bốn ngàn vua tiểu quốc với tám vạn bốn ngàn thành. Nhà vua có bảy thứ báu:

Thứ nhất là kim luân, bánh xe này có một ngàn tăm, đường kính bốn mươi dặm, chu vi khoảng một trăm hai mươi dặm. Khi nhà vua muốn ra đi, thì kim luân dẫn đường đi trước, không cần sức người, trên đầu kim luân tự nhiên xoay suốt, khi muốn đứng lại thì tự nhiên dừng nghỉ, không cần vật ngăn cản.

Thứ hai là ngọc Ma-ni, nếu treo ngọc trên đầu cây phướn, thì suốt ngày đêm ánh sáng chiếu xa đến một ngàn sáu trăm dặm.

Thứ ba là voi trắng, thân nó rất dài, đẹp đẽ lạ thường, sắc trắng như tuyết. Nhà vua cỡi trên mình thì tự nhiên bay đi khắp bốn châu thiên hạ chỉ trong khoảng thời gian một bữa ăn.

Thứ tư là ngựa màu xanh biếc, lông bờm và lông đuôi màu đỏ tươi, nhà vua cỡi lên mình, thì nó phi khắp cõi thiên hạ chỉ trong khoảng thời gian một bữa ăn.

Thứ năm là quan thống lãnh binh lính, như ý nhà vua cần có trăm ngàn vạn hùng binh, thì tự nhiên quân lính kéo đến.

Thứ sáu là quan quản thủ kho tàng, nếu nhà vua muốn dùng vàng, bạc, bảy báu, quần áo, mùng mền, đồ ăn uống… thì hai tay của quan liền mang đầy đủ bảy báu, tài sản, tất cả nhu cầu cần thiết đến ngay, rồi tùy theo ý của nhà vua, các vật dụng cứ hiện ra trong hai tay không bao giờ cùng tận.

Thứ bảy là ngọc nữ, hình dung tươi đẹp không ai sánh kịp, giống như Tiên nữ cõi trời, không chút cấu uế, bất tịnh như những người nữ bình thường khác, thân thể trong lành như hoa sen xanh tỏa hương thơm ngào ngạt. Khi ý nhà vua muốn được mát mẻ, thì thân người nữ tự nhiên mát rượi, khi nhà vua muốn ấm áp thì thân người nữ tự nhiên ấm áp, tiếng như Phạm âm, thường khiến nhà vua hoan hỷ vô cùng, gọi là ngọc nữ bảo.

Nhà vua có một ngàn người con, dũng mãnh phi thường, khi vua sắp ra đi thường có lọng bảy báu luôn che trên đầu, bảy thứ báu kia và vô số quần thần hộ vệ trước sau, một trăm, một ngàn kỹ nhạc cùng hòa tấu, âm thanh vi diệu, trang nghiêm, oai vệ không sao kể xiết.

Thái tử nhỏ nhất trong số một ngàn người con của nhà vua, thấy vua như vậy nên thưa hỏi mẫu hậu:

– Đây là vị quốc vương nào mà oai phong như thế?

Mẫu hậu đáp:

– Đó là đại Chuyển luân vương Tu-đà-lê Thiện Ninh, trị vì bốn châu thiên hạ, là cha của con, sao con lại không biết?

Thái tử lại hỏi:

– Con chừng nào sẽ được làm vua?

Mẫu hậu đáp:

– Phụ vương có một ngàn người con, con là đứa con út nên không được làm vua.

Thái tử lại nói:

– Nếu không được làm vua, ở tại gia làm kẻ bạch y làm gì?

Liền quỳ mọp trước mẫu hậu thưa:

– Cúi xin mẫu hậu cho con được phép xuất gia làm Sa-môn, vào trong núi sâu, đầm vắng tu học đạo Tiên.

Mẫu hậu liền đồng ý và nói:

– Nếu con tư duy chứng được trí tuệ, quyết phải trở về cho ta biết.

Thái tử đồng ý, liền xuống tóc, mặc áo hoại sắc, vào trong đầm núi tinh tấn tọa thiền, tư duy về trí tuệ. Trong hiểu rõ về ngũ ấm, ngoài biết muôn vật tất cả đều vô thường, tất cả thọ thân đều là sự chứa nhóm của các khổ. Như Chuyển luân thánh vương là bậc hào kiệt, tài giỏi hơn người, làm chủ cõi đời, được tam giới tôn vinh nhưng cũng như trò ảo thuật không có chủ tể. Duyên hợp thì có, duyên tan thì không, đều từ nhân si ái mà có các hành nghiệp. Do các hành nghiệp mà thọ tất cả thân nên chịu quả khổ trong năm đường, nếu không có các si ái thì không có các hành nghiệp, không có hành nghiệp thì không có năm đường, do không có năm đường thì không có thọ thân, do không có thân thì các khổ liền diệt. Tư duy như vậy, bỗng nhiên tâm trí được khai ngộ, chứng đạo quả Bích-chi-phật, sáu phép thần thông thấu triệt không gì ngăn ngại, rồi bay vọt lên hư không, biến hóa đủ cách.

Bích-chi-phật nhớ lời hứa cũ liền trở về thăm mẫu hậu, hiện thần túc thông bay trên hư không, lúc đi kinh hành, lúc thiền tọa, lúc thì nằm, trên thân phun ra nước, dưới thân phun ra lửa, trên thân phun ra lửa, dưới thân phun ra nước, một thân phân ra làm trăm ngàn vạn cho đến vô số thân, rồi trăm ngàn vạn thân hiệp lại thành một thân. Mẫu hậu thấy sự biến hóa như vậy, trong lòng rất vui mừng liền đảnh lễ đầu mặt sát đất.

Mẫu hậu lại hỏi:

– Thái tử sinh sống bằng cách nào?

Đáp:

– Khất thực để tự sống.

Mẫu hậu lại nói:

– Chớ nên khất thực, hãy nhận lời mời của ta, từ nay về sau Tôn giả sẽ ở trong vườn này, nguyện ngày ngày sẽ nhận đồ ăn uống do ta cúng dường, cũng để cho ta có cơ duyên làm chút phước đức.

Bích-chi-phật nhận lời mời của mẫu hậu, ở lại trong Thượng uyển. Bà ta ngày ngày tự mình mang thức ăn đến dâng cúng cho Bích-chi-phật.

Trải qua được vài năm, một hôm, tự nghĩ: "Thân này nhơ nhớp, không chút trong sạch, thân là món đồ chứa các thứ đau khổ, dùng nó làm gì?", liền xả bỏ thân mạng, nhập vào tịch diệt đạt đến Niết-bàn vô dư. Mẫu hậu làm lễ trà-tỳ, thâu xá-lợi, xây tháp dùng hoa hương cúng dường.

Một hôm nọ, nhà vua dạo chơi trong khu thượng uyển, thấy bảo tháp ấy liền hỏi quan cận thần:

– Nguyên vườn này không có bảo tháp, ai là người xây cất?

Mẹ Bích-chi-phật liền tâu:

– Đây là bảo tháp người con út trong số các thái tử của nhà vua. Một hôm trông thấy nhà vua ngự giá, người con ấy đã hỏi thiếp: "Đây là đại vương nào mà oai nghiêm như thế?"

Thiếp đáp: "Chuyển luân thánh vương Tu-đà-lê Thiện Ninh, là cha của con."

Người lại hỏi tiếp: "Con chừng nào sẽ được làm vua?"

Thiếp đáp: "Con là thái tử nhỏ nhất trong một ngàn thái tử, nên không được làm vua."

Người lại thưa: "Nếu không được làm vua thì ở tại gia làm bạch y làm gì? Nên xin phép mẫu hậu cho con từ biệt, xuất gia học đạo."

Thiếp đã đồng ý, nhưng với lời giao ước: Nếu con đắc đạo thì nhất định sẽ về thăm mẹ. Người liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc vào tận chốn núi sâu đầm vắng tinh tấn thiền tọa, chứng được đạo quả Bích-chi-phật. Người đã giữ lời hứa nên trở về thăm thiếp. Thiếp mời ở lại trong vườn Thượng này, ngày ngày cúng dường cơm nước và những vật cần dùng. Trải qua nhiều năm như vậy, rồi nhập Niết-bàn. Thiếp đã làm lễ trà-tỳ và xây tháp thờ tại đây. Chính là tháp của Bích-chi-phật, con ta.

Nhà vua nghe hoàng hậu tâu qua, trong lòng buồn vui lẫn lộn, rồi bảo với hoàng hậu:

– Sao khanh lúc ấy không nói cho ta biết! Ta sẽ đem ngôi Chuyển luân thánh vương truyền trao cho người. Ta lấy làm hối tiếc là đã không được nghe lời tỏ bày. Nhưng nay người tuy nhập Niết-bàn rồi, ta vẫn đem vương vị trao cho thái tử út của ta.

Nhà vua liền cởi chiếc thiên quan bằng bảy báu cùng những đồ phục sức tốt đẹp đắp lên trên bảo tháp, đầu mặt sát đất đảnh lễ, dùng hoa hương, kỹ nhạc cúng dường, lòng rất vui mừng.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Chuyển luân Tu-đà-lê Thiện Ninh lúc ấy là thân Ta ngày nay. Con

Ta lúc ấy thành Bích-chi-phật, Ta cúng dường nơi bảo tháp của Bích-chi-phật ấy, rồi đem ngôi vua dâng lên, cùng chiếc lọng lớn bằng bảy báu che trên tháp báu. Do nhân duyên của công đức đó, vô lượng số kiếp, Ta làm Chuyển luân thánh vương trị vì bốn châu thiên hạ và bảy thứ báu luôn có bên Ta, thường có ba ngàn lọng bằng bảy báu tự nhiên hiện đến. Vô lượng vô số kiếp làm Thiên đế hay Phạm vương. Cho tới ngày nay, nếu Ta không thành Phật thì ba ngàn lọng bảy báu vẫn có đến vô tận, không bao giờ chấm dứt.

Cúng dường tháp một Bích-chi-phật đạt được công đức không thể cùng tận, huống gì là cúng dường nơi sắc thân của Như Lai và sau khi Phật diệt độ, xây tháp thờ xá-lợi, hay tạo tượng Phật để cúng dường… thì công đức này vượt hẳn công đức cúng dường nơi tháp Bích-chi-phật kia gấp trăm ngàn lần, không thể tính kể, không thể ví dụ.

Bấy giờ, tất cả đại chúng hết sức vui mừng, tâm được khai ngộ, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Hoặc có người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân, hoặc có người trụ nơi quả vị Bất thoái chuyển, số ấy không thể kể xiết.

Tất cả đại chúng đều hết sức hoan hỷ, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, đầu mặt sát đất đảnh lễ, mỗi người lần lượt trở về chỗ ở của mình.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn tiến vào thành Tỳ-xá-ly, khi đến cửa thành, Ngài nói kệ:

Thiên thần trên mặt đất
Chư Thiên tại hư không
Những ai đến chỗ này
Đều phải phát Từ tâm.
Ngày đêm sinh hoan hỷ
Thực hành theo chánh pháp
Độc hại chớ để lòng
Quấy nhiễu các dân chúng.

□

KINH BỒ-TÁT BẢN HAHN

QUYỂN Hạ

Khi Đức Như Lai nói lời chân chánh vi diệu như vậy, thì đám quỉ gây bệnh tật đều chạy về hướng nước Ma-kiệt-đà, nhờ vậy dịch bệnh trong nước Tỳ-xá-ly đều được tiêu trừ. Đức Phật phải quay trở về nước Ma-kiệt-đà, thì đám quỉ gây bệnh tật ấy lại chạy sang nước Tỳ-xá-ly. Do đó, Đức Thế Tôn phải qua lại hai nước đến bảy lần, cuối cùng lại nói:

– Ta từ vô số kiếp đến nay, tạo được bao nhiêu công đức, đều nhằm để phát đại nguyện. Nay Ta đem việc làm chân chánh này để trừ tâm bệnh và thân bệnh cho tất cả chúng sinh.

Đức Phật kể:

– Khi Ta làm vua tên là Thi-tỳ, vì một con bồ câu mà tự cắt thịt trên thân mình, Ta đã phát lời thệ nguyện trừ diệt tận mọi nguy hiểm cho tất cả chúng sinh.

Khi Ta làm thái tử tên là Ma-ha-tát-đỏa, vì hai mẹ con cọp đói mà ta xả bỏ thân mạng cho cọp được sống.

Khi Ta làm vua tên là Xá-thi, tự lấy thịt nơi thân mình hiến cho người bệnh trải qua mười hai năm.

Khi Ta làm vua tên là A-di-đà-da-lương, bị bệnh, tự chế thuốc để uống, lúc ấy có một vị Bích-chi-phật mắc bệnh đồng như nhà vua, đến chỗ nhà vua xin thuốc. Nhà vua nhịn không uống thuốc, đem phần thuốc của mình cúng cho Bích-chi-phật, rồi phát đại nguyện: Nguyện cho tất cả bệnh chúng sinh đều được diệt trừ.

Khi Ta làm vua tên là Tu-đà-tố-di, Ta cứu được mạng sống cho một trăm vua sắp chết và đã cải hóa vua Ca-ma-sa-bạt khiến ông ta đạt được chánh kiến, lời thề ác của Ca-ma-sa-bạt trong mười hai năm đều được tiêu trừ.

Khi Ta làm thái tử tên là Tu-đại-noa đã đem bố thí cả vợ lẫn hai con.

Khi Ta làm thái tử Ma-hưu-sa-đà, đã đem thuốc chữa bệnh cho tất cả chúng sinh, lại vào trong biển lớn tìm được ngọc Ma-ni, đem về giúp đỡ cho dân chúng khỏi cảnh đói nghèo.

Khi Ta làm vua tên là Ma-ha-bà-lợi, trải qua hai mươi bốn ngày đem thịt thân mình cung cấp cho người bệnh.

Khi Ta làm Tiên nhân tên là San-đề-bà-la bị cắt đứt tay chân mà tâm không hề khởi sân hận.

Khi Ta làm vua tên là Ca-thi, dân chúng trong nước bị tật bệnh, nhà vua thọ bát quan trai giới, phát tâm đại từ bi đến tất cả chúng sinh, nên tất cả dân chúng trong nước đều được lành bệnh.

Khi Ta làm thầy giải trừ chú thuật tên là Tỳ-bà-phù, dân chúng bị bệnh dịch hoành hành, ta đem máu thịt của mình cho loài quỉ gây bệnh ăn để dùng vào việc giải trừ, tất cả dân chúng đều được lành bệnh.

Khi Ta làm Phạm thiên vương, vì một bài kệ, đã tự lột da trên thân mình làm giấy chép kệ.

Khi Ta làm vua tên là Tỳ-lăng-kiệt-lê, vì một bài kệ, trên thân chịu đóng một ngàn đinh.

Khi Ta làm Tiên nhân tên là Ưu-đa-lê, vì một bài kệ mà Ta tự lột da làm giấy, chẻ xương làm viết, lấy máu làm mực.

Khi Ta làm vua tên là Bạt-di, dân chúng trong nước bị bệnh ghẻ lở, nhà vua đang đi, thấy một cây độc, lá cây độc này rụng vào dòng nước, người nào uống nhằm nước ấy thì sinh ra bệnh. Nhà vua liền ra lệnh chặt cành, đào gốc rễ rồi dùng lửa đốt rụi, thì một nửa dân chúng được lành bệnh, còn một nửa thì bệnh vẫn như cũ, không thuyên giảm. Vua hỏi quan ngự y:

– Vì cớ gì một số dân chúng mắc bệnh không bớt?

Quan ngự y đáp:

– Bệnh ghẻ này quá trầm trọng cần ăn cá mới bớt.

Vua nghe lời quan ngự y, liền đến trên cây bên bờ sông, nguyện làm cá, nguyện rằng:

– Ta ngày nay đem thân trừ bệnh cho muôn loài, nguyện đem công đức này cầu thành Phật đạo, để diệt trừ vô lượng tâm bệnh, thân bệnh cho khắp tất cả chúng sinh, đều như sở nguyện. Nếu có chúng sinh nào được ăn thịt của ta, thì tất cả bệnh tật đều được lành khỏi.

Phát lời thệ nguyện rồi liền từ trên cây gieo mình xuống dòng nước, thân nhà vua biến thành cá, biết nói tiếng người. Cá nói:

– Hễ ai có bệnh, đến bắt cá này về ăn thịt sẽ được lành bệnh.

Dân chúng nghe lời nói ấy, đều đến bắt cá về ăn thịt, nhờ vậy tất cả bệnh đều được lành hết.

Đức Thế Tôn đã tự kể về việc làm nơi đời trước của mình như vậy, tất cả những lời nguyện ấy ngày nay đều được thành tựu. Đức Phật nói:

– Nay Ta dùng giáo pháp chân chánh để trừ diệt tai họa cho tất cả chúng sinh. Khi ấy, Đức Phật liền tự hóa một thân thành hai đầu, một đầu ngó về nước Tỳ-xá-ly, một đầu ngó về nước Ma-kiệt-đà, tất cả đám quỉ gây bệnh đều chạy ra xa tận biển khơi. Dân chúng hai nước, mọi thứ tật bệnh đều được lành khỏi, lúa thóc hoa màu được mùa, muôn dân an lạc. Ngài đem Phật pháp giáo hóa, khiến mọi tâm bệnh dục vọng nơi mọi người đều được thanh tịnh, trụ trong chánh pháp, tất cả người dân đều hết sức vui mừng.

Lúc đó, các vị Tỳ-kheo khác miệng đồng lời cùng tán thán:

– Công đức Như Lai thật là vô lượng, vô cùng vi diệu không thể nghĩ bàn.

Đức Phật lại bảo chư vị Tỳ-kheo:

– Ta chẳng những trừ diệt những tai họa, đói khát, bệnh tật cho chúng sinh trong đời nay, mà trong thời quá khứ cũng lại như vậy.

Về thời quá khứ vô số kiếp xa xưa, tại cõi Diêm-phù-đề này có vị vua của một nước lớn tên là Phạm thiên, tám vạn bốn ngàn vua tiểu quốc thuộc cõi Diêm-phù-đề. Nhà vua có hai vạn phu nhân, một vạn thể nữ, lại không có thái tử. Ngày đêm ưu sầu, nên cầu khẩn nơi các đền thờ thần linh: Phạm thiên, Đế Thích, Ma-ha Bá-lê thiên, cầu trời đất, cầu mặt trăng, mặt trời… nhân đó mới sinh được thái tử. Thái tử sinh ra, hình dung đoan nghiêm, đẹp đẽ lạ thường, có tướng đại nhân, quý danh là Đại Tự Tại Thiên. Thái tử là người nhân từ, thông minh, trí tuệ, tất cả sách vở của thế gian, mọi sự chuyển biến của tinh tú, nhật thực, nguyệt thực và tất cả kỹ thuật ngoài đời không một nghề nào là không thông đạt. Thái tử lại học nghề thầy thuốc và cách bào chế dược phẩm, lại ra lệnh cho tất cả bệnh nhân trong nước: "Hễ ai có bệnh thì hãy đến đây ta sẽ cung cấp thuốc men, thực phẩm và chăm sóc." Dân chúng được tin này, bao nhiêu người bệnh đều đổ xô về chỗ ở của thái tử. Tất cả người lớn, kẻ nhỏ trong nước đều vui vẻ, không một ai là không ca ngợi công đức này. Bệnh nhân không đến các thầy thuốc khác, trong đó có một số thầy thuốc tỏ ra khinh mạn, hầu hết đám này đều ôm lòng oán hận, ganh tỵ với thái tử.

Thời gian này, dân chúng cõi Diêm-phù-đề bị bệnh dịch lan tràn, lại thêm cảnh củi quế gạo châu. Nhà vua đã tập trung tất cả danh y mà không chữa khỏi bệnh, dân chúng bị bệnh chết từng ngày, từng ngày tăng lên rất nhiều. Nhà vua rất đỗi ưu sầu, bèn ra chiếu chỉ mời các danh y về triều để

hỏi phương thuốc cứu chữa.

Lúc ấy, có một thầy thuốc sẵn lòng đố kỵ với thái tử, trong tâm suy nghĩ: "Thái tử này là oan gia của ta, nay đúng là gặp dịp may hiếm có", liền tâu lên nhà vua:

– Thần nhớ có một phương thuốc xin thử về xem lại cho tường tận.

Nhà vua đồng ý, ông ta liền đi, sáng hôm sau mới trở lại, đến trước đại vương tâu:

– Tâu đại vương, thần tìm được một phương thuốc, nếu như đại vương đồng ý thì tất cả bệnh tật đều được trừ lành.

Vua liền hỏi:

– Phải cần những dược liệu gì? Khanh cứ nói thử xem!

Thầy thuốc đáp:

– Phải tìm cho được một người từ khi sinh ra cho đến ngày nay luôn đầy lòng Từ bi, thương xót tất cả chúng sinh và chưa bao giờ khởi tâm sân hận, sẽ dùng máu của người ấy hòa với thuốc để uống, móc hai tròng con mắt của người ấy để trừ quỉ, thì các chứng bệnh mới hết được.

Nhà vua bảo:

– Con người từ khi mới sinh cho đến hôm nay chưa từng sinh tâm sân hận, đây là việc khó có, việc này thật khó vô cùng, có lẽ không thể nào tìm được đâu!

Thái tử nghe lời nói như vậy, liền tâu phụ vương:

– Việc này dễ thôi, không có gì là khó cả!

Thái tử lại thưa:

– Con là con của phụ vương, từ khi sinh ra cho đến ngày nay chưa từng khởi tâm sân hận và cũng không hề có tâm độc ác đối với tất cả mọi người, luôn đem lòng Từ bi thương xót tất cả chúng sinh, từ trước tới giờ chưa có một niệm ác. Thân con vô thường không có gì bền chắc, chẳng bao lâu rồi cũng dẫn đến cái chết. Cúi xin đại vương đồng ý đem thân con làm thuốc để trừ bệnh cho chúng sinh.

Vua cha liền than:

– Ta không có con cái, đi cầu thần linh nơi các đền thờ thần mặt trời, mặt trăng, thần tinh tú, năm đỉnh núi cao, bốn quả núi lớn, do đó mới sinh được con. Ta nay dầu bỏ thân mất nước, nhất định không chìu theo ý con được.

Thái tử lại nài nỉ phụ vương:

– Con nay cầu Phật đạo, đem máu bố thí cho chúng sinh, nguyện đem công đức này để hiểu rõ tất cả kinh điển của Như Lai. Con nay đem nhục nhãn này bố thí cho chúng sinh, nguyện đem công đức ấy để được con mắt trí tuệ của Như Lai, con sẽ vì tất cả chúng sinh nguyện làm bậc Đạo sư chân chánh. Đại vương tuy không còn thái tử mà vẫn được làm vua. Giả sử quốc độ này không có muôn dân thì phụ vương làm vua với ai? Còn như tất cả dân chúng được lành bệnh, phụ vương tất sẽ trút khỏi nỗi ưu sầu.

Nhà vua lại buồn khóc nói với thái tử:

– Ta nay thà bỏ ngôi vua chứ đứa con đáng yêu quý này thật không thể bỏ.

Thái tử lại quỳ mọp, chắp tay thưa:

– Con nay dốc cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân. Nếu như luyến tiếc cái thân nhơ nhớp hôi thối này, thì làm sao tỏ ngộ được giáo pháp cao sâu vi diệu trí tuệ của Như Lai! Làm sao có thể đạt được tất cả tuệ nhãn! Cúi xin phụ vương chớ khước từ tâm cầu đạo vô thượng của con.

Phụ vương im lặng không nói một lời. Ông thầy thuốc liền tâu:

– Thần thử lấy một ít máu hòa với thuốc đem cho các bệnh nhân uống, nếu lành bệnh rồi mới móc mắt. Nếu chẳng lành thì chẳng nên móc mắt.

Khi ấy, thái tử tự tay chích máu nơi cánh tay mình và phát lời thệ nguyện:

– Ta dùng máu này quyết trừ bệnh cho chúng sinh, nguyện đem công đức này để thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh chân. Nếu quả thật ta sẽ thành Phật đạo, thì tất cả chúng sinh uống thuốc này bệnh sẽ được diệt trừ.

Tên thầy thuốc liền đem máu hòa với thuốc cho các bệnh nhân uống, tất cả đều được lành khỏi.

Thầy thuốc lại tâu với đại vương:

– Bất cứ bệnh nhân nào uống thuốc này đều được lành mạnh. Đại vương thấy việc rõ ràng trước mắt, có thể không tin sao?

Bấy giờ, tám vạn bốn ngàn chư hầu cùng thần dân cả cõi Diêm-phù-đề, nghe thái tử của đại vương vì lòng Từ bi nhằm cứu giúp tất cả muôn dân mà móc hai tròng mắt, không một ai là không buồn khóc, nên tất cả đều tập hợp trước mặt thái tử, quỳ mọp chắp tay thưa:

– Cúi mong thái tử của đại vương, suy xét, chúng tôi thà tự xả bỏ thân mạng, chẳng nỡ để thái tử hủy hoại hai mắt. Lòng từ bi thương xót chúng sinh của thái tử cũng đủ công đức để chẳng bao lâu sẽ thành Phật, mong

thái tử chớ hủy hoại hai mắt.

Thái tử liền dùng lời an ủi tất cả chư hầu và thần dân:

– Ta nay đem máu thịt, cho đến hai con mắt này để quyết trừ bệnh cho chúng sinh, nguyện đem công đức này cầu thành Phật đạo. Khi ta thành Phật sẽ quyết trừ tâm bệnh, thân bệnh cho các vị, chớ nên cản ngăn tâm vô thượng đạo của ta.

Chư hầu cùng tất cả thần dân nghe thái tử nói lời quả quyết như vậy, đều đứng lặng thinh.

Thái tử bèn sai quan hầu cận đem dụng cụ để mình khoét mắt. Thái tử bảo quan hầu cận:

– Ai là người có thể khoét giùm mắt ta?

Quan tả hữu cùng dân chúng thảy đều từ chối, không đủ can đảm làm việc này. Tên thầy thuốc vốn ganh tỵ với thái tử liền lên tiếng:

– Tôi có thể làm được.

Thái tử hoan hỷ nói:

– Ta rất sung sướng!

Rồi cầm dao đưa cho thầy thuốc và dặn:

– Khoét tròng con mắt và đặt vào trong lòng bàn tay ta đây.

Tên thầy thuốc liền khoét một tròng con mắt, đặt vào bàn tay thái tử.

Khi đó, thái tử lập nguyện:

– Ta nay đem nhục nhãn này bố thí cho chúng sinh, chẳng cầu được làm Chuyển luân thánh vương, chẳng cầu làm Ma vương, chẳng cầu cảnh vui nơi năm dục sắc, thinh, hương, vị, xúc của Phạm vương. Nguyện đem công đức này cầu thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh chân, để ta được đầy đủ mắt trí tuệ, vì vô lượng chúng sinh khắp mười phương làm bậc Đại y vương, trừ diệt tâm bệnh, thân bệnh cho tất cả muôn loài, làm con mắt trí tuệ cho họ.

Thái tử phát nguyện rồi, cầm tròng mắt đặt lên chiếc án kề bên. Thái tử nói tiếp:

– Đúng như sở nguyện của tâm ta, thì tất cả chúng sinh đều được lành bệnh.

Phụ vương và mẫu hậu thấy cảnh như thế, liền ngã xỉu, chết giấc, giây lâu mới tỉnh. Chư hầu, thần dân đều cất tiếng kêu khóc thảm thiết cảm động đến đất trời, có người tự đánh đập vào thân mình, hoặc có người hôn mê, chết giấc.

Ngay lúc tên thầy thuốc cầm dao khoét tròng mắt của thái tử, thì khắp cõi Tam thiên đại thiên chấn động dữ dội, tất cả chư Thiên trong ba cõi đều giáng hạ, thấy Bồ-tát vì chúng sinh mà tự khoét mắt cùng chích máu mình, nên vô số chư Thiên tất cả đều buồn khóc, nước mắt tuôn rơi như trận mưa lớn.

Trời Đế Thích bèn đến trước mặt thái tử thưa:

– Lòng từ bi của thái tử hôm nay, vì chúng sinh nên không tiếc thân mạng, khoét mắt lấy nhục nhãn. Sự đau khổ như vậy thật là khó làm. Vậy thái tử đem việc làm công đức đó nhằm cầu nguyện những gì? Phải chăng là cầu Thiên đế, Ma vương, Phạm vương, Vương tử hay cầu nguyện những gì khác chăng?

Thái tử đáp:

– Ta chẳng cầu ngôi vị Chuyển luân thánh vương, Thiên đế, Ma vương, Phạm vương, chẳng cầu cảnh vui nơi năm dục sắc, thanh, hương, vị, xúc trong ba cõi, chỉ đem công đức này cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân. Vì tất cả chúng sinh làm bậc Đại y vương, trừ tâm bệnh, thân bệnh cho tất cả muôn loài, làm con mắt trí tuệ dẫn dắt, để tất cả chúng sinh đều lìa tai họa sinh tử.

Trời Đế Thích cùng tất cả chư Thiên đồng ca ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Hết sức to lớn, khó có gì sánh bằng! Như sở nguyện ấy, chẳng bao lâu tất sẽ thành Phật.

Trời Đế Thích bèn lấy tròng mắt đặt lại nơi con mắt đã bị khoét, tức khắc mắt thái tử bình phục như xưa, lại sáng đẹp gấp bội lần con mắt cũ. Vô lượng chư Thiên dùng hoa trời rải trên người thái tử, không ai là không vui mừng. Phụ vương, mẫu hậu, cùng thể nữ và các tiểu vương, thần dân đều vô cùng vui mừng, hớn hở.

Trời Đế Thích lại sai đại tướng quân Tỳ-ba-đan-ma đuổi các loài quỉ gây bệnh trở về tận biển cả. Mọi người bị bệnh đều khỏi. Trời Đế Thích liền mưa các thức ăn uống, kế đến mưa lúa gạo, rồi mưa y phục, rồi tiếp mưa bảy báu. Tất cả bệnh nhân đều được lành mạnh, mọi người no đủ, không ai bị đói khát, dân chúng vui mừng, quốc gia hưng thịnh.

Sau đó vài năm, vua cha băng hà, thái tử lên ngôi hoàng đế ngự tại chánh cung, bảy thứ quý báu tự nhiên hiện đến, làm vị Chuyển luân thánh vương trị vì bốn châu thiên hạ, không một ai là chẳng nhờ ân.

Công đức của việc làm ấy đời hiện tại đã được phước báo như vậy.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Thái tử Tự Tại Thiên lúc ấy là thân Ta ngày nay, phụ vương Phạm thiên nay là phụ vương Bạch Tịnh, mẫu hậu nay là mẫu hậu Ma-da, mẹ của Ta, tên thầy thuốc khoét mắt Ta nay là Điều-đạt, dân chúng cõi Diêm-phù-đề thời đó là dân chúng hai nước Tỳ-xá-ly và Ma-kiệt-đà. Ta lúc ấy cũng trừ hoạn nạn, bệnh tật, đói khát cho muôn dân. Ta nay cũng tận trừ tâm bệnh, thân bệnh cho chúng sinh, cũng khiến cho chúng sinh được mắt trí tuệ, lập nguyện, chứng đạo.

Bồ-tát làm việc bố thí siêng năng khổ nhọc hoàn toàn không chấp tướng như thế.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo nghe lời Đức Phật dạy, đều hoan hỷ lễ Phật.

-oOo-

Nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa-môn sắp vào thành khất thực.

Khi Đức Phật sắp vào thành, có năm trăm vị trời phóng làn gió thơm thổi trên mặt các đại lộ và những đường hẻm trong thôn xóm, nên tất cả đều được sạch sẽ. Những nơi bất tịnh, nhơ nhớp, phân uế hôi thối đều tự nhiên vùi lấp vào lòng đất, tất cả đường sá đều thoáng sạch. Năm trăm vị trời tuôn mưa bằng những giọt nước thơm, nên mọi đường sá lớn nhỏ đều được thấm ướt, cùng tung rải các hoa trời. Nhà vua, thần dân thấy điềm lành này, biết là Đức Phật sắp đến, nên mọi người đều bỏ các công việc của mình đang làm, cùng nhau chạy nhanh đến nghênh đón Đức Thế Tôn. Trong số dân chúng đến diện kiến Đức Phật, có người quét đường, có người rải hoa, có người xông hương, có người cởi áo trải nơi đất, có người xõa tóc trải trên mặt đường, mong Đức Phật giẫm trên đó mà đi qua. Có người đem thân nằm rạp trên đất mong được Đức Phật bước qua trên thân mình, có người cầm phướn lọng, có người trỗi nhạc. Mọi người đều chắp tay, nhứt tâm thanh tịnh chiêm ngưỡng Đức Như Lai. Tất cả chúng sinh, mỗi người đều đem mỗi thứ để cúng dường Đức Thế Tôn.

Khi ấy có một người dòng Bà-la-môn quá nghèo, không có hoa hương để cúng dường Đức Điều Ngự, tự lấy làm buồn, dù đã nghĩ đủ cả trăm phương, chỉ còn một việc là nhứt tâm tịnh ý chiêm ngưỡng mà thôi! Liền thể hiện rõ oai nghi nghiêm chỉnh, chí tâm cung kính, với tấm lòng phấn khởi, chắp tay đứng yên chiêm ngưỡng tôn nhan Như Lai và dùng kệ tán thán Đức Phật:

Tôn nhan ánh vàng rực

Ba hai tướng tốt hiện
Tất cả hàng chúng sinh
Thấy Ngài đều tán thán.
Thấy Phật tâm hoan hỷ
Ưu sầu liền dứt sạch
Vượt qua biển sinh tử
Cúi đầu lễ Từ Tôn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nở nụ cười hân hoan, hào quang năm sắc từ kim khẩu phóng ra hàng trăm ngàn sự kỳ diệu. Mỗi đạo hào quang có vô số tia sáng. Trên mỗi tia sáng có hoa sen bằng bảy báu. Trên mỗi hoa sen có Hóa Phật xuất hiện. Ánh sáng tỏa khắp mười phương, dưới đến các địa ngục lớn, trên thì đến cõi trời Ba mươi ba, chiếu khắp các chỗ tối tăm trong năm đường, tận cùng các cảnh giới Phật, không một nơi nào là không sáng tỏ.

Chư Thiên, dân chúng trong Đại thiên thế giới thấy được hào quang của Phật không ai là không vui mừng hớn hở, đều xả bỏ mọi thứ dục lạc, rời cung điện, cùng nhau hướng về chỗ Đức Phật đang ngự, nghe Phật thuyết pháp mà được độ thoát. Có người thấy được hào quang mà được độ thoát. Hoặc có người nghe Hóa Phật thuyết pháp mà được giải thoát. Hoặc có người thấy ánh hào quang tìm đến chỗ Đức Phật ngự mà được độ thoát.

Cảnh khảo tra trong vô lượng địa ngục đều được dừng nghỉ, các chúng sinh ở đấy sau khi mạng chung đều được sinh về cõi Phật.

Tất cả cầm thú trong cảnh giới súc sinh, tâm lành được khai phát, dùng tâm Từ đối xử với nhau, không còn mang tâm sát hại, sau khi mạng chung cũng được sinh về cõi trời.

Trong cảnh ngạ quỉ, tự nhiên được thức ăn trăm vị, không còn một ai lo nghĩ về sự đói khát, nên đều vui mừng hớn hở, lại không có tâm bỏn xẻn, sau khi mạng chung đều được sinh lên cõi trời.

Vô lượng chúng sinh bị mù thì lại được thấy. Kẻ điếc thì được nghe, kẻ câm thì nói được. Kẻ tay bị cong vẹo thì co duỗi tự nhiên. Kẻ chân què thì đi được. Người tàn tật, mắc trăm bệnh đều được lành. Tất cả cảnh giam cầm, trói buộc trong địa ngục đều được thả ra.

Tất cả đại chúng, chư Thiên, muôn dân trong cõi đại thiên lúc ấy không ai là không hoan hỷ, tâm được thanh tịnh không dấy khởi tham, sân, si. Trong số này có người sinh về cõi trời, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, hoặc có người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân, hoặc có người kiên trụ nơi pháp bất

thoái chuyển…, số người chứng quả như vậy không thể kể xiết.

Hào quang của Đức Thế Tôn chiếu khắp mười phương thế giới, lại quay về, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, rồi nhập vào khoảng giữa hai hàng lông mày.

Khi ấy, Tôn giả A-nan sửa lại y phục, thể hiện oai nghi, quỳ trước Đức Phật chắp tay, bạch:

– Nụ cười hôm nay của Đức Thế Tôn ắt phải có nguyên do, cúi xin Đức Thế Tôn nói rõ nguyên do ấy.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Tôn giả, ông có thấy vị Bà-la-môn ấy chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Bạch Đức Thế Tôn, dạ vâng, con có thấy.

Đức Phật bảo:

– Người Bà-la-môn này dùng tâm thanh tịnh, làm một bài kệ khen ngợi Phật, nên từ nay cho đến mười ba kiếp về sau, bất cứ sinh vào cõi trời hay cõi người đều được giàu có tự nhiên, thân hình đoan nghiêm, có trí tuệ và tài biện luận, được mọi người ca ngợi, chẳng đọa vào ba đường ác và tám nạn, về sau sẽ thành Bích-chi-phật tên là Hoan Duyệt.

Tất cả chúng hội nghe lời Đức Phật nói, ai nấy đều sinh tâm hoan hỷ, ca ngợi công đức của Như Lai.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Công đức của Như Lai thật không thể nghĩ bàn, một bài kệ ca ngợi Đức Phật của Bà-la-môn ấy đã đạt được công đức không thể lường tính. Công đức của Như Lai thật vô cùng to lớn.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Bà-la-môn ấy chẳng phải chỉ mỗi đời nay ca ngợi Ta mà được thiện lợi như vậy.

Trong thời quá khứ xa xưa, vua nước Ba-la-nại tên là Bà-ma-đạt-đa. Khi nhà vua đi săn bắn, các binh chủng: Tượng binh, mã binh, xa binh… đều theo nhau mở đường và hộ tống. Săn bắn trong núi được một con voi trắng, thân voi trắng như tuyết, làn da mịn đẹp, dễ thương, mà lại có sáu ngà.

Nhà vua được bạch tượng lòng rất sung sướng, liền giao cho người dạy voi để luyện tập điều khiển. Lúc ấy, người dạy voi dùng cùm xiềng voi với một cây gỗ lớn và khóa xiềng lại. Voi buồn khóc rơi lệ, trải qua bảy ngày không ăn uống. Người dạy voi lo sợ voi này không ăn uống chẳng

bao lâu sẽ chết, liền tâu lên nhà vua:

– Bạch tượng săn được không chịu ăn uống, buồn khóc rơi lệ.

Nhà vua nghe tâu liền đến xem voi. Đại vương hỏi voi:

– Tại sao ngươi không chịu ăn?

Voi nói tiếng người đáp lại:

– Tâm tôi lo sầu, cúi xin đại vương giải sầu cho tôi.

Đại vương hỏi:

– Ngươi sầu lo những gì?

Bạch tượng nói:

– Tôi còn cha mẹ quá già yếu, đi lại không được, mà không có người nuôi dưỡng, chỉ có mỗi một mình tôi đi hái thức ăn và mang nước uống về cho cha mẹ. Nếu tôi cứ bị xiềng ở đây, thì cha mẹ không ai nuôi dưỡng, cả hai sẽ bị chết thôi. Tôi nghĩ vậy mà buồn sầu. Tâu đại vương, nếu như đại vương có lòng Từ bi, xin tha tôi về để nuôi dưỡng cha mẹ, đến ngày cha mẹ mãn phần, tôi sẽ trở lại cung phụng đại vương, chẳng dám trái lời hứa này.

Vua nghe bạch tượng nói, lòng buồn bã chẳng vui, liền khen ngợi:

– Ngươi tuy là súc sinh mà làm việc con người, ta tuy là con người mà làm việc như súc sinh.

Nhà vua bèn quỳ xuống mở xiềng, ra lệnh cho voi đi.

Bạch tượng trở về nuôi dưỡng cha mẹ suốt mười hai năm, khi cha mẹ mãn phần, liền trở lại cung vua.

Nhà vua thấy bạch tượng trở lại, lòng càng thêm hoan hỷ, lấy anh lạc, bảy báu trang sức cho bạch tượng. Khi đại vương sắp ra đi thì bạch tượng dẫn đường, nên nhà vua yêu bạch tượng còn hơn thái tử. Trong bầy voi của nhà vua, bạch tượng là con voi có quá trình đặc biệt nhất, nên đặt tên là Tượng Phan.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn nghèo cùng, muốn đến nhà vua xin bố thí, lại hỏi mọi người:

– Làm thế nào để nhà vua cho nhiều của cải?

Có người bảo:

– Nhà vua có con bạch tượng hết sức yêu quý, nếu ông có thể ca ngợi bạch tượng ấy, mới có thể xin được nhiều của cải.

Bà-la-môn liền theo dõi, đợi khi nhà vua đi ra, đứng sẵn bên vệ đường, cất tiếng khen ngợi bạch tượng:

Thân ngươi đẹp vô cùng
Giống như voi Đế Thích
Đầy đủ sắc tướng voi
Phước đức cao vòi vọi.
Màu sắc không ai bằng
Giống như làn tuyết trắng
Hình dung khó bì kịp
Đặc biệt khó nghĩ lường.

Quốc vương nghe kệ ca ngợi bạch tượng, lòng rất đỗi vui mừng, liền thưởng cho Bà-la-môn năm trăm tiền vàng. Bà-la-môn trở nên giàu có.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Tượng Phan thời đó là thân Ta ngày nay. Bà-la-môn kia nay là người Bà-la-môn này. Khi ấy, Bà-la-môn khen ngợi Ta, được lợi ích và nhờ Ta giúp cho khỏi cảnh nghèo cùng. Nay Ta thành Phật, mà Bà-la-môn lại tán thán Ta nên được phước báo không thể lượng tính, vì nhân duyên này, được Ta cứu vớt thoát nạn sinh tử.

Tôn giả A-nan bèn ở trước Phật, quỳ mọp bạch:

– Như có người dùng bài kệ bốn câu tán thán Đức Như Lai, sẽ được phước báo về công đức như thế nào?

Đức Phật nói:

– Giả sử có trăm, ngàn, vạn, ức, vô số chúng sinh đều được thân người, đều thành tựu đạo quả Bích-chi-phật. Ví như có người cúng dường: áo mền, thực phẩm, thuốc men, giường nằm, chăn nệm… cho những Bích-chi-phật ấy trong một trăm năm, thì người này có công đức nhiều chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Rất nhiều! Rất nhiều! Không thể nào tính toán được!

Đức Phật lại nói:

– Nếu có người dùng bài kệ bốn câu, đem tâm hoan hỷ ca ngợi Đức Như Lai, thì được công đức hơn phước đức của người cúng dường những vị Bích-chi-phật kia gấp trăm ngàn vạn lần, gấp ức ức vô số lần không thể dùng ví dụ.

Tôn giả A-nan và tất cả đại chúng nghe lời Đức Phật dạy, đều hết sức vui mừng, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, đầu mặt sát đất đảnh lễ.

-oOo-

Nghe như vầy:

Một thuở nọ Đức Phật dừng chân nơi một tinh xá thuộc nước Ba-la-nại. Theo đúng pháp của chư Phật, ngày đêm ba thời dùng mắt của Bậc Chánh Giác quan sát chúng sinh, xem người nào có thể độ được, liền đến độ. Lúc ấy, có quan Thừa tướng thuộc dòng Bà-la-môn, là người giúp việc cho vua Ba-la-nại, vừa mới lập gia đình, nên ông ta rất yêu chuộng vợ.

Người vợ thưa với Thừa tướng:

– Xin lang quân cho thiếp một điều.

Quan Thừa tướng đáp:

– Muốn những gì cứ tùy ý nàng.

Người vợ liền thưa:

– Xin lang quân cho phép thiếp tổ chức cúng dường Đức Phật và chư vị Tỳ-kheo Tăng, tự tay rót nước và nghe Đức Phật thuyết pháp.

Thừa tướng liền đồng ý và nói:

– Ta sẽ thuận theo những gì nàng mong muốn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết được vợ chồng quan Thừa tướng là người đáng độ, nên tờ mờ sáng hôm sau, Ngài đắp y, mang bát đến thẳng nhà vợ chồng quan Thừa tướng. Vợ chồng quan Thừa tướng nghe Đức Phật đã đến ngoài ngõ, nên hết sức vui mừng, liền ra tận nơi cung nghinh, đảnh lễ đầu mặt sát đất, rồi thiết trí tòa ngồi, thỉnh Đức Phật thăng tòa, vợ chồng Thừa tướng dâng cúng thức ăn đặc biệt tinh khiết, ngon ngọt. Khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, vợ chồng tự tay cầm bình rót nước để Thế Tôn rửa tay, súc miệng. Xong xuôi, Đức Phật vì vợ chồng Thừa tướng mà thuyết pháp. Đức Phật tán thán công đức bố thí, trì giới sẽ sinh lên cõi trời hay cõi người, tự nhiên hưởng cảnh giàu có, tôn vinh, phú quý, an lạc vô cùng. Tuy được cao sang, được thỏa chí mong cầu, nhưng không thoát khỏi cảnh khổ trong ba đường ác:

Cảnh khổ trong địa ngục, như lửa đốt, nước sôi, núi đao, rừng kiếm, lò than, dao cắt, cưa sả… đau khổ vô cùng khốc liệt, không sao kể xiết.

Cảnh khổ trong ngạ quỉ, như thân hình tiều tụy, bụng lớn, cổ nhỏ như cây kim, tất cả lóng đốt trong thân luôn đau nhức rã rời dường như lửa đốt. Trải qua trăm ngàn vạn năm, không nghe danh từ cơm ăn, nước uống, đói khát khổ sở không thể nào diễn tả.

Lại như sự đau khổ trong loài súc sinh, với cảnh tương tàn ăn nuốt sát hại lẫn nhau của các loài cọp, sói, sư tử, mãng xà, rắn độc, bò cạp…

Tâm độc ác của chúng sinh trong ba đường dữ luôn dấy khởi mãnh

liệt, không có mảy may tâm thiện, nên phải chịu xoay vần mãi trong cảnh khổ đau xấu ác không có thời kỳ ra khỏi. Chỉ có điều duy nhất là xả bỏ ái dục, suy tư về chân lý, như vậy mới có thể lìa được các khổ não!

Thọ thân trong ba cõi đều nhận lấy khổ báo. Tất cả khổ báo đều từ Tập đế phát sinh. Tập là do các cấu nhiễm ái dục của ba độc, quả báo của các hành nghiệp, lại sinh ra các khổ. Nếu dứt hẳn ba độc, tiêu diệt các dục thì không có các hành nghiệp. Các hành nghiệp đã diệt thì không thọ thân căn. Thân căn đã không thì các khổ liền diệt. Muốn diệt sạch sự ràng buộc của các hành nghiệp, điều duy nhất là phải tư duy thực hiện pháp Bát chánh đạo.

Đức Phật vì Thừa tướng và phu nhân thuyết pháp như vậy. Vợ chồng Thừa tướng vô cùng vui mừng, ngộ được pháp Tứ thánh đế, nên ở ngay trước Phật chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi chứng đạo quả rồi, vợ chồng xem gia đình như lao ngục, thấy ái dục như lửa đốt, nên chẳng màng ân ái, quỳ mọp trước Phật xin làm Sa-môn. Đức Phật thâu nhận, tức thì hai người râu tóc tự rụng, pháp y đắp vào thân, người chồng thành Tỳ-kheo, người vợ thành Tỳ-kheo-ni, đều theo hầu Đức Phật trở về tinh xá.

Khi về đến tinh xá, Đức Phật lại vì hai người thuyết giảng về ba mươi bảy phẩm trợ đạo và các pháp thiền định tam-muội. Hai người tư duy, tâm trí khai ngộ, dứt hẳn các dục, đều thành bậc A-la-hán, đủ sáu phép thần thông diệu dụng.

Lúc ấy, chư Tỳ-kheo cùng tán dương thần lực trí tuệ của Như Lai, đồng thời ca ngợi hai vị A-la-hán là những người có nhân duyên quá đặc biệt. Người chồng hiện hưởng địa vị cao sang, lại bỏ cảnh phú quý, bổng lộc vinh hiển, còn người vợ đang tuổi thanh xuân mà lìa bỏ được dục lạc. Việc của hai người rất khó làm, không ai sánh kịp.

Đức Phật bảo đại chúng Tỳ-kheo:

– Hai vị A-la-hán này vào thời quá khứ cũng đã phát tâm lành, cho đến ngày nay tâm lành ấy cũng vậy.

Đức Phật lại nói:

– Vào thời quá khứ xa xưa cách đây vô lượng kiếp, vua Ba-la-ma-đạt nước Ba-la-nại có vị Thừa tướng tên là Tỳ-đậu-lê, là người nhân từ, thông minh học rộng, không gì là không thông đạt, luôn đem mười điều lành giáo hóa dân chúng, từ vua cho đến mọi người không ai là không học tập, nhà vua rất kính mến.

Khi ấy, trong biển có vị Long vương tên là Ba-lưu-ni, Long vương có một phu nhân tên là Ma-na-tư được vua hết sức yêu quý. Một hôm, Long

vương sắp lên cung trời Đế Thích để dự đại hội, nên đem phu nhân giao cho năm trăm thể nữ ở trong cung chăm sóc, không được vì một lý do gì quấy nhiễu xúc phạm, khiến tâm phu nhân không được vui vẻ.

Sau khi Long vương đi rồi, phu nhân ở nhà tĩnh tọa, tư duy về việc làm nơi đời quá khứ của mình. Bà nghĩ nhớ về đời trước của mình, khi làm thân người do hủy phạm giới cấm, nay phải bị đọa trong loài rồng, tức thời chẳng vui, buồn khóc lệ trào. Đám tỳ nữ hầu cận thấy lịnh bà chẳng vui, cùng nhau thưa hỏi:

– Vì cớ gì lịnh bà không vui?

Phu nhân đáp:

– Ta nhớ lại đời quá khứ của mình, vốn khi làm người, mặc tình phạm giới cấm nên nay phải làm thân rồng, thọ lấy hình dáng xấu ác này, do đó mà chẳng vui.

Phu nhân lại hỏi các tỳ nữ:

– Các ngươi có biết làm cách nào để thoát khỏi thân rồng, được sinh lên cõi trời không?

Các tỳ nữ tâu:

– Đem thân rồng chứa đầy sự xấu ác này để cầu sinh lên cõi trời là điều rất khó. Cầu sinh làm thân người còn không thể được huống hồ là sinh vào cõi trời!

Trong số này, có một tỳ nữ thưa:

– Con từng nghe vua Ba-la-ma-đạt cõi Diêm-phù-đề có một Thừa tướng, là người hết sức nhân từ, trí tuệ vô song, tất cả kinh điển không loại nào là không am hiểu, ông hiểu tất cả các pháp sinh trong năm cõi, nhân, thiên… ông đem năm giới, mười điều thiện giáo hóa mọi người. Vậy có thể đến đó hỏi ông ta, mới biết làm thế nào để thoát khỏi thân rồng và thực hiện những pháp gì để được sinh lên cõi trời.

Khi Long vương trở về, thấy dung nhan của phu nhân không được vui, liền hỏi:

– Vì cớ gì hậu không được vui?

Phu nhân đáp:

– Hậu nghe tại cõi Diêm-phù-đề, vua Ba-la-ma-đạt nước Ba-la-nại có quan Thừa tướng tên là Tỳ-đậu-lê, là người hết sức nhân từ, thương xót chúng sinh, trí tuệ tuyệt vời, tất cả kinh điển không một loại nào là không thông suốt. Hậu muốn được trái tim ông ấy để ăn, muốn được máu ông ấy để uống. Nếu bắt được ông ấy thì nỗi buồn của hậu mới khuây khỏa.

Long vương đáp:

– Khanh chớ có phiền muộn, ta sẽ làm theo ý muốn của khanh.

Long vương có một người bạn Dạ-xoa chí thân tên là Bất-na-kỳ. Long vương nói với Dạ-xoa:

– Bỗng dưng phu nhân của ta nghe cõi Diêm-phù-đề nước Ba-la-nại, nhà vua có một Thừa tướng tên là Tỳ-đậu-lê là người nhân từ, trí tuệ đệ nhất, tất cả kinh điển không loại nào là không thông suốt. Phu nhân của ta muốn được trái tim và máu của ông ấy để về ăn uống, xin bạn niệm tình ta mà bắt cho được ông ấy đến đây.

Nói rồi, Long vương liền lấy hai hạt minh châu trao cho Dạ-xoa. Dạ-xoa liền nhận lời, cất hạt minh châu, liền đi.

Khi Dạ-xoa đến cõi Diêm-phù-đề, hóa làm khách buôn, cầm hai hạt ngọc Ma-na đi vào trong thành Ba-la-nại, khách đi đường hỏi người lái buôn:

– Người cầm ngọc này muốn bán phải chăng?

Người lái buôn đáp:

– Ta không bán nó, ta muốn dùng nó trong cuộc vui đỏ đen thôi.

Người nghe tức thì vào triều tâu vua:

– Bên ngoài có một khách buôn mang theo hai viên ngọc báu muốn trổ tài trong cuộc vui đỏ đen.

Nhà vua nghe nói trong lòng rất mừng, vì luôn tự ỷ lại nơi tài cờ bạc của mình, cho rằng nhất định thắng cuộc. Vua ra lệnh cho vào, khách buôn liền vào trong nội cung. Nhà vua hỏi khách buôn:

– Trong cuộc đỏ đen, nhà ngươi muốn cá những gì?

Dạ-xoa đáp:

– Nếu tôi thắng cuộc thì Đại vương đem đại thần Tỳ-đậu-lê giao cho tôi. Còn nếu nhà vua đắc thắng thì hai hạt minh châu này thuộc về nhà vua.

Nhà vua liền đồng ý. Chư quần thần tả hữu cùng nhau can gián. Nhà vua vì tham lợi và ỷ lại vào tài nghệ trong lãnh vực cờ bạc của mình, nên bảo với quần thần:

– Ta nhứt định thắng cuộc, các khanh khỏi phải can ngăn.

Liền cùng nhau vào cuộc, kết quả Dạ-xoa đắc thắng, được đại thần Tỳ-đậu-lê. Lúc ấy Dạ-xoa tóm lấy Tỳ-đậu-lê bay thẳng lên hư không.

Nhà vua mất Tỳ-đậu-lê, trong lòng hết sức ưu sầu. Tất cả quần thần đều tâu:

– Nếu nhà vua làm năm việc này sẽ mất ngôi, mất nước:

Ham vui cờ bạc.

Ưa thích uống rượu.

Say đắm nữ sắc, đam mê âm nhạc.

Thích đi săn bắn.

Chẳng nghe lời can gián của trung thần.

Làm theo năm việc này thì ngôi vua chẳng giữ được bao lâu.

Nói về Dạ-xoa, vác Tỳ-đậu-lê đi đến giữa núi, định giết. Tỳ-đậu-lê hỏi Dạ-xoa:

– Tại sao giết ta?

Dạ-xoa đáp:

– Phu nhân của Long vương nghe ông là người nhân từ, thông minh trí tuệ bậc nhất, muốn được máu và trái tim ông để ăn uống. Đó là lý do khiến ta giết ông.

Tỳ-đậu-lê nói:

– Ông ngu si chẳng hiểu dụng ý của phu nhân, phu nhân nghe danh ta, muốn được máu ta nghĩa là muốn được nghe giáo pháp của ta. Phu nhân muốn được tim ta nghĩa là muốn được trí tuệ trong tâm ta. Thôi, hai ta đồng đến gặp phu nhân, xem phu nhân cần những gì, ta sẽ cho tất cả.

Rồi Tỳ-đậu-lê vì Dạ-xoa mà nói pháp:

– Người làm ác có năm việc:

Làm việc bộp chộp, không đắn đo suy nghĩ.

Sau khi hành động rồi thường ôm nhiều hối hận.

Nhiều sân hận, không có từ tâm.

Tiếng ác đồn xa, mọi người chán ghét không muốn thấy mặt.

Chết rồi bị đọa vào trong ba đường ác.

– Người làm việc thiện có năm điều tốt. Năm thứ đó là những gì?

Trước khi làm một việc gì phải suy nghĩ chín chắn, có đường lối hẳn hoi, không vội vã hấp tấp, nên về sau khỏi hối hận.

Giàu lòng Từ bi, không manh tâm làm hại người.

Tiếng tốt được lưu truyền khắp nơi.

Được mọi người ái kính, xem như bậc cha mẹ, sư trưởng.

Sau khi chết được sinh lên trời hay trong nhân gian được hưởng mọi cảnh an lạc.

Dạ-xoa nghe những lời giảng giải như vậy, tâm trí liền được khai ngộ, đảnh lễ đầu mặt sát chân Tỳ-đậu-lê, cầu xin Tỳ-đậu-lê nhận sự sám hối. Tỳ-đậu-lê vì Dạ-xoa nói mười pháp lành để được sinh lên cõi trời. Dạ-xoa nghe pháp, lòng vui mừng hớn hở vâng làm.

Dạ-xoa liền đưa Tỳ-đậu-lê đến Long cung. Phu nhân thấy Tỳ-đậu-lê thì vô cùng hoan hỷ, đầu mặt đảnh lễ sát đất, cúi đầu quy mạng, rồi trần thiết bảo tọa, dâng cúng mỹ vị trăm món. Khi ấy, Tỳ-đậu-lê vì Long vương và phu nhân giảng nói về pháp nhân quả họa phước trong năm đường:

– Giữ thân không làm ba điều ác:

Đem lòng Từ bi thương xót chúng sinh, không làm điều tổn hại.

Trừ bỏ lòng tham lam bỏn xẻn, làm những việc nghĩa giúp đỡ lẫn nhau, không sinh tâm trộm cắp.

Quán sự dâm dục là nhơ nhớp, đem tâm lìa nữ sắc, sống cuộc đời trong sạch, không dâm dục.

– Giữ miệng không làm bốn điều ác:

Lời nói luôn luôn thành thật, không dối trá.

Thường nói lời mềm mỏng, không nói lời thô lỗ, cộc cằn.

Không nó lời gây kiện tụng, bè phái, hòa giải được mọi tranh chấp.

Lời nói phải thành thật, không nên trau chuốt, dối gạt.

– Giữ ý không làm ba điều ác:

Tâm thường từ bi nhẫn nhục, không khởi sân hận.

Thấy người thành công tốt đẹp ta mừng cho họ, không có tâm ganh tỵ.

Một lòng sùng kính Tam bảo cho đến giới luật, hiểu rõ tội phước, không hồ nghi.

Thực hành đầy đủ mười điều lành này, không hủy phạm, liền được sinh lên cõi trời, cung điện bằng bảy báu, mọi nhu cầu tùy theo ý muốn được có tự nhiên.

Giữ đủ năm việc: Không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và dứt hẳn rượu chè không được say sưa, sẽ được sinh trong loài người, thuộc dòng hoàng gia hay nhà trưởng giả, địa vị cao sang, giàu có sung sướng vô cùng.

Không có tâm Từ, giết hại chúng sinh, cướp đoạt của người, trộm cướp làm điều trái phép, tư thông vợ người, đam mê ái dục vô độ, nói lời

không thật, nói lời hai chiều, nói lời thô ác, mắng nhiếc người ta, sân hận ganh ghét, không hiếu thuận với cha mẹ, không tin Tam bảo, bỏ chánh theo tà..., ai làm những điều ác này, sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục, bị thiêu đốt đánh đập, vạn sự độc ác, trải qua bao nhiêu sự đau khổ không thể nào kể xiết.

Mắc nợ chẳng đền, được vay không trả, không tin nhân quả, kiêu mạn tự đại, hủy báng Tam bảo..., chết đọa làm loài súc sinh như ngựa, lạc đà, heo, dê, chó, sư tử, hổ, sói, rắn độc, bò cạp, kỳ đà..., cho đến các loài cầm thú khác. Tâm chúng hết sức độc ác, giết hại lẫn nhau, xoay vần chịu khổ không có thời kỳ ra khỏi.

Tham lam, bỏn xẻn, ganh ghét, không chịu bố thí, không dám ăn mặc, không tin Tam bảo..., bị lửa bỏn xẻn đốt cháy, chết đọa làm ngạ quỉ, thân hình tiều tụy, lóng đốt rã rời, toàn thân như lửa nung, trăm ngàn vạn năm không có lúc nào xen hở, ngày đêm đói khát, hoàn toàn chưa từng nghe danh từ cơm ăn, nước uống.

Chỉ thực hiện mười điều lành, giữ thân, khẩu, ý thì luôn luôn được sinh lên trời hưởng diệu lạc vô cùng.

Lúc ấy Long vương, phu nhân và tất cả loài rồng đều kinh sợ dựng chân lông. Tất cả đều vâng thọ mười điều lành, giữ thân, khẩu, ý, thọ bát quan trai một cách hoan hỷ. Đang khi ấy bỗng có chim đại bàng cánh vàng muốn đến ăn thịt loài rồng, dùng hết thần lực mà không tới gần được. Tất cả loài rồng vui mừng vô cùng, vì thấy điều chưa từng có.

Long vương, phu nhân, tất cả loài rồng trong biển cả cùng tất cả quỉ Dạ-xoa đều tu theo pháp Thập thiện, không ai là không hoan hỷ cúi đầu đảnh lễ Tỳ-đậu-lê.

Long vương liền hỏi Tỳ-đậu-lê:

– Đại sư muốn trở về Diêm-phù-đề không?

Tỳ-đậu-lê đáp:

– Muốn về.

Long vương bèn đem hương chiên-đàn, ngọc Ma-ni và các vật quý báu khác dâng cúng cho Bồ-tát. Phu nhân, thể nữ, tất cả rồng và các quỉ Dạ-xoa đều đem ngọc ngà quý báu lạ thường, dâng lên cho Tỳ-đậu-lê, rồi cùng tiễn đưa trở về cho đến tận nước Ba-la-nại mới cúi đầu hoan hỷ từ biệt.

Loài rồng và các quỉ Dạ-xoa ở trong biển lớn, tâm độc ác đều được tiêu diệt, sau khi chết đều được sinh lên cõi trời.

Vua Ba-la-ma-đạt và chư vị quần thần cùng tất cả dân chúng thấy Tỳ-đậu-lê trở về trong lòng rất đổi vui mừng, đầu mặt sát đất đảnh lễ hỏi han có sự? Tỳ-đậu-lê trình bày đầy đủ đầu đuôi sự việc với nhà vua. Đại vương và thần dân không ai là không hoan hỷ, ca ngợi điều chưa từng có. Tỳ-đậu-lê lại đem ngọc Ma-ni treo trên đầu cây phướn, chí tâm cầu nguyện, tức thời khắp trong cõi Diêm-phù-đề trời mưa bằng bảy báu, áo mền, các thức ăn uống… Vô lượng dân chúng quần thần đều được giàu có, an lạc.

Bấy giờ, vua trời Đế Thích, vua cõi người, Long vương nơi đại hải và vua Đại bàng cánh vàng Ca-lưu đều xả bỏ dục lạc, vào nơi thâm sơn đầm vắng ăn chay tọa thiền, tự kiềm chế thân tâm, mỗi người đều tự nói mình đạt được phước đức nhiều nhất.

Vua cõi trời tự nói:

– Ta xả bỏ dục lạc trên cõi trời, ngày nay đến nơi đây giữ gìn thân khẩu ý, ta được phước đức nhiều.

Vua cõi người lại nói:

– Ta xả bỏ các thứ vui về năm dục trong cung điện, đến nơi đây thu nhiếp thân ngữ ý, ta được phước đức nhiều.

Long vương lại nói:

– Ta xả bỏ các thứ dục lạc nơi cung điện bảy báu trong biển cả, nay đến chốn này chế ngự thân ngữ ý, ta được phước đức nhiều.

Vua Đại bàng cánh vàng cũng nói:

– Long vương này là món ăn của ta, ta nay trì trai giữ thân ngữ ý, không còn tâm làm tổn hại, cho đến không còn ăn thịt, ta được phước đức nhiều.

Lúc ấy, bốn vua tự than rằng chưa thể quyết định vị nào được phước đức nhiều, nên cùng nhau bàn:

– Phải cùng đến hỏi Đại sư Tỳ-đậu-lê.

Bốn vị liền đến chỗ Tỳ-đậu-lê, đầu mặt đảnh lễ sát đất, mỗi người đồng bạch:

– Xin Đại sư xem xét ai là người được phước đức nhiều?

Bồ-tát đáp:

– Các ông hãy dựng bốn cây phướn, một cây màu xanh, một cây màu trắng, một cây màu vàng và một cây màu đỏ.

Bốn vua liền vâng lời dựng bốn cây phướn.

Bồ-tát lại hỏi:

– Cái bóng của bốn cây phướn kia có khác nhau không? Có phải chỉ là một màu chăng?

Bốn vua đồng đáp:

– Màu sắc mỗi cây phướn khác nhau, nhưng bóng của chúng thì đồng một màu không khác.

Bồ-tát nói:

– Bốn vua các ông đều xả bỏ mọi thú vui dục lạc của mình, đồng đến đây trì giới, giữ gìn thân khẩu ý, công đức của mỗi người đồng đều, không có sai khác, như bốn cây phướn có màu sắc khác nhau, mà bóng của chúng thì cùng một loại không khác.

Lúc đó bốn vị vua nghe Bồ-tát nói thế thì tâm ý đều thông tỏ nên hết sức vui mừng. Vua cõi trời Đế Thích bèn đem áo bằng bông cõi trời cúng dường cho Bồ-tát. Vua cõi người thì đem đủ các loại ngọc quý cúng dường cho Bồ-tát. Long vương trong biển cả thì đem ngọc báu Ma-ni trên búi tóc của mình dâng cúng Bồ-tát. Vua chim Đại bàng cánh vàng thì đem dây thao quấn tóc dâng cúng Bồ-tát.

Lúc ấy, bốn vua rất hoan hỷ lễ tạ từ biệt. Bây giờ dân chúng cõi Diêm-phù-đề, rồng cùng Dạ-xoa luôn tu Thập thiện, hễ ai mạng chung đều được sinh lên trời, không ai bị đọa vào ba đường ác.

Đức Phật bảo chư Tỳ-kheo:

– Đại sư Tỳ-đậu-lê thời ấy là thân Ta ngày nay, Long vương Ba-lưu-ni thời ấy nay là quan Thừa tướng, phu nhân Ma-na-tư thời ấy nay là vợ quan Thừa tướng. Khi xưa làm rồng theo Ta nghe pháp, hoan hỷ ghi nhớ vào lòng, được thoát khỏi thân rồng sinh lên cõi trời. Nay Ta thành Phật, lại theo Ta nghe pháp, tâm sinh hoan hỷ, ý được tỏ ngộ, liền xuất gia, tư duy theo trí tuệ, đoạn tuyệt các dục, cả hai đều chứng A-la-hán. Trong quá khứ cũng nhờ tâm lành, cho đến ngày nay cũng nhờ nơi tâm lành.

Các Tỳ-kheo nghe lời Đức Phật nói, tất cả đều hoan hỷ cung kính đảnh lễ Đức Thế Tôn.

□

SỐ 156

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN

Hán dịch: Mất tên người dịch
– xếp vào bản Lục đời Hậu Hán.

QUYỂN 1

Phẩm 1: MỞ ĐẦU

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại thành Vương xá, trong núi Kỳ-xà-quật, cùng với các vị Đại Tỳ-kheo, hai vạn tám ngàn người, đều là những bậc chỗ làm đã xong, phạm hạnh đã lập, không còn phải chịu luân hồi sinh tử, tâm được tự tại cũng như đại định.

Các vị ấy tên là Ma-ha Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Kiều-trần-như, Ly-việt-đa-ha-đa, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Tất-lăng-già-bà-ta, Xá-lợi-phất, Ma-ha Ca-chiên-diên, A-nan, La-hầu-la…, là những người mà đại chúng đều đã quen biết.

Bồ-tát Ma-ha-tát, có ba vạn tám ngàn người, đều là những bậc từ lâu đã vun trồng gốc đức; đã từng ở nơi vô lượng trăm ngàn muôn ức chư Phật, thường tu phạm hạnh, thành tựu đại nguyện, thông suốt tất cả trăm ngàn môn thiền định, đà-la-ni, thường đem lòng đại bi, tùy thuận làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, tiếp nối khiến cho ngôi Tam bảo luôn được hưng thịnh, không hề bị đoạn tuyệt, hay dựng cờ pháp, vì các chúng sinh, làm người bạn không mời mà tự đến để giáo hóa dẫn dắt; đã tới được bờ đại trí, tiếng tăm đồn khắp. Tên các bậc ấy là Bồ-tát Quan Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Diệu Đức, Bồ-tát Diệu Âm, Bồ-tát Điện Quang, Bồ-tát Phổ Bình, Bồ-tát Đức Thủ, Bồ-tát Tu-di Vương, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Đại Hương Tượng, Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Việt Tam Giới, Bồ-tát Thường Bi, Bồ-tát Bảo Chưởng, Bồ-tát Chí Quang Anh, Bồ-tát Viêm Xí Diệu, Bồ-tát Bảo Nguyệt, Bồ-tát Đại Lực, Bồ-tát Vô Lượng Tuệ, Bồ-tát Bạt-đà-hòa, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Sư Tử Tác, Bồ-tát Sư Tử Phấn Tấn, Bồ-tát Mãn Nguyện, Bồ-tát Bảo Tích,

Bồ-tát Di-lặc, Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử… cùng với trăm ngàn quyến thuộc hội đủ.

Lại có vô lượng trăm ngàn các Thiên tử nơi Dục giới, mỗi người cùng với các quyến thuộc của họ, đều mang hương hoa vi diệu và trỗi âm nhạc cõi trời, để cúng dường Phật.

Tất cả các chư Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân…, mỗi bộ chúng cùng với trăm ngàn quyến thuộc đều lễ sát xuống chân Phật, rồi lui ra ngồi về một phía.

Bấy giờ, đại chúng đều vây quanh Đức Như Lai, cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi.

Một buổi sáng nọ, Tôn giả A-nan nương nơi thần lực Phật, vào thành Vương xá, theo thứ tự khất thực. Lúc ấy, ở trong thành, có một người con Bà-la-môn, rất hiếu dưỡng đối với cha mẹ, người con đó lại gặp lúc cảnh nhà suy sút, gia tài khánh kiệt, nên phải dắt mẹ già, cũng theo thứ tự xin ăn để nuôi mẹ. Nếu được thức ăn ngon, hoa quả tươi tốt, liền đem dâng cho mẹ, còn khi được những thức ăn không ngon, hay hoa quả khô héo thì mình ăn.

Tôn giả A-nan thấy vậy, lòng sinh vui mừng, khen ngợi người con ấy:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Thiện nam tử, cúng dâng cho cha mẹ, rất là hiếm có, thực khó ai sánh kịp.

Có một kẻ Phạm-chí, là đồ đảng của đám Lục sư, người ấy vốn rất thông biện; thấu suốt cả bốn bộ sách Vi-đà, biết được thời tiết, số mạng, bói toán, biết xem tướng tốt xấu, âm dương biến đổi, đoán trước được nhân tâm của mọi người và cũng là bậc thầy dẫn dắt nhiều người *(đồ đảng của đám Lục sư),* được họ tôn kính, vì cầu lợi dưỡng, nên thường chấp trước tà luận, hủy diệt chánh pháp, luôn mang lòng ganh ghét, hủy báng Phật, Pháp, chúng Tăng.

Kẻ Phạm-chí ấy bảo Tôn giả A-nan:

– Thầy của ông là Cù-đàm và những người trong dòng họ Thích tự nói là hay, là tốt, có những công đức lớn lao, chẳng qua cũng chỉ có danh, không có thực. Thầy Cù-đàm của ông rõ đúng là người bạc phúc, nếu không như vậy, thì tại sao mẹ của ông vừa mới sinh ra ông ta được bảy ngày đã chết, để ông ta phải côi cút, như thế chẳng phải là người bạc phúc là gì? Cho đến khi khôn lớn, lại vượt thành xuất gia, làm cho vua cha phải khổ não, sinh ra buồn rầu, mê mẩn, ngã ngất ra đất, phải dùng nước lạnh rảy vào mặt, bảy ngày mới tỉnh, rồi cất tiếng kêu gào khóc lóc mà nói: “Con

ơi, nước này là nước của con, ta chỉ có một mình con là chỗ nương cậy, làm sao ngày nay con lại nỡ bỏ ta trốn đi, vào ở nơi hang sâu núi thẳm." Thầy Cù-đàm của ông thực là người bội bạc, chẳng biết ân nghĩa, mới đành lòng dứt bỏ ra đi như thế! Cho đến phụ vương, đã vì ông ta mà tạo lập cung điện, cưới nàng Cù-di cho ông ta thành gia thất, nhưng ông ấy chẳng làm theo bổn phận của vợ chồng, khiến nàng phải sầu khổ, cho nên biết Cù-đàm là người bất hiếu.

Tôn giả A-nan nghe nói như thế rồi, trong lòng sinh hổ thẹn, nên khất thực xong xuôi, trở về đến chỗ Phật, đầu mặt lễ sát xuống chân Phật, rồi lui ra ngồi qua một phía, chắp tay bạch Phật:

– Lạy Đức Thế Tôn, trong Phật pháp, có sự hiếu dưỡng đối với cha mẹ không?

Phật dạy:

– A-nan, ai đã bảo, khiến Tôn giả hỏi Ta điều ấy, chư Thiên thần chăng? Nhân, Phi nhân chăng? Hay là chính Tôn giả đã tự đem trí lực của mình để hỏi Như Lai?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Lạy Đức Thế Tôn! Không phải chư Thiên, Long, Quỉ thần, Nhân, Phi nhân hiện ra bảo con, mà do vừa rồi, lúc đi khất thực, ở giữa đường gặp đồ đảng của hàng Lục sư, là Tát-già Ni-kiền Tử, đã đem lời nhục mạ.

Tôn giả A-nan bèn đến trước Phật thuật hết những sự tình như trên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vui vẻ mỉm cười. Từ trên trán của Ngài phóng ra hào quang năm sắc, chiếu sáng qua thế giới phương Đông, vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Thượng thắng, Đức Phật ở thế giới đó hiệu là Hỷ Vương, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cõi nước đó tên là Nghiêm thịnh, đất đai bằng phẳng, ngọc lưu ly làm đất, dây vàng giăng ở bên đường, có hàng cây bảy báu, đều cao và thẳng như một đường tên, hoa quả cành lá, thứ tự trang nghiêm, gió hiu hiu thổi, phát ra những thứ tiếng rất vi diệu, chúng sinh thích nghe, không bao giờ chán, khắp nơi đều có suối mát ao tắm, nước ao trong sạch, cát vàng rải khắp mặt đất, có nước tám công đức, đầy dẫy trong ao, bốn bên bờ ao, có các thứ hoa thơm vi diệu như: hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, hoa Bạt-sư-ca, hoa có đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe, che phủ trên bờ ao; trong ao có các loài chim khác nhau, hòa hợp ca hót, phát ra những giọng tiếng nhiệm mầu, rất đáng ưa thích; có thuyền bảy báu, cũng ở trong ao đó, để cho các chúng sinh, tự tại dạo chơi.

Ở mỗi khoảng rừng cây kia, có bày tòa sư tử, cao một do-tuần, cũng dùng bảy báu, trau dồi sửa sang, lại dùng Thiên y, trải trên tòa sư tử, đốt các thứ hương báu ở cõi trời và rải các hoa báu, khắp trên mặt đất. Đức Như Lai Hỷ Vương ngồi kiết già trên tòa ấy.

Ở nước kia, có vô lượng ức ngàn Bồ-tát trước sau vây quanh Đức Như Lai Hỷ Vương, rồi lui qua một phía, chắp tay cung kính hướng về Đức Như Lai, đồng thanh nói:

– Kính xin Đức Thế Tôn từ bi xót thương, chỉ bảo cho chúng con biết: vì nhân duyên gì, mà có hào quang sáng tỏa soi chiếu như thế, hào quang ấy lại có đủ các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, sắc tướng rực rỡ, thực khó ví dụ, từ phương Tây soi tới, soi cả nơi đại chúng đây, người nào được gặp ánh hào quang ấy, tâm ý thảy đều an lạc. Kính xin Đức Thế Tôn chỉ dạy, đoạn trừ mối ngờ cho chúng con.

Phật dạy:

– Các thiện nam tử, các ông nên nghe cho kỹ! Và để tâm suy nghĩ cho khéo, Ta nay sẽ vì các ông, phân biệt giải nói: Ở về phương Tây, cách đây vô lượng trăm ngàn thế giới của chư Phật, có một thế giới tên là Ta-bà, trong nước đó có Đức Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, có đại chúng vây quanh, nay Đức Phật ấy muốn vì các đại chúng, nói Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, vì Phật muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh; vì muốn nhổ sạch mọi tên độc tà nghi cho tất cả chúng sinh; vì muốn khiến cho những vị Bồ-tát mới phát tâm kiên cố nơi đạo Bồ-đề không bị thoái chuyển; vì muốn tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, chứng được rốt ráo đạo Nhất thừa; vì muốn cho các Đại Bồ-tát chóng thành tựu đạo quả Bồ-đề, báo đáp ân Phật; vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh nhớ nghĩ đến ân đức sâu dày; vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh vượt khỏi khổ bể; vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh hiếu dưỡng phụ mẫu, nên Phật phóng ra ánh sáng hào quang ấy.

Bấy giờ trong đại chúng, có mười ngàn vị Bồ-tát, mỗi mỗi vị Bồ-tát, đều là bậc chỉ đạo của đại chúng, liền từ tòa ngồi đứng dậy để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

– Kính xin Đức Thế Tôn dùng sức thần gia hộ, khiến cho chúng con được đến thế giới Ta-bà, để thân cận cúng dường Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai và muốn được nghe kinh điển rất vi diệu Đại Phương Tiện Phật Báo Ân.

Phật bảo các Bồ-tát:

– Thiện nam tử, các vị đến thế giới Ta-bà, nếu thấy Phật Thích-ca Mâu-ni, phải sinh lòng cúng dường cung kính, nghĩ tưởng khó gặp, bởi cớ sao? Vì Phật Thích-ca Như Lai đã từng ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp, làm những việc khổ hạnh khó làm, phát đại bi nguyện: "Khi Tôi được thành Phật, sẽ ở nơi cõi nước tệ ác, núi đồi gò đống, sành sỏi gai gốc; chúng sinh ở trong cõi đó, đủ mọi phiền não, ngũ nghịch, thập ác, Tôi sẽ tu hành thành Phật ở nơi đó để làm những việc lợi ích, đoạn trừ tất cả khổ não cho chúng sinh, khiến họ đạt được tất cả an vui, thành tựu pháp thân, hết không còn sót". Bản nguyện của Phật là như thế, các ông nay đến chỗ Phật Thích-ca cũng như chỗ Ta, ở chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni cũng như ở chỗ Ta không khác.

Các vị Bồ-tát cùng đáp:

– Chúng con xin y theo như lời của Đức Thế Tôn đã chỉ dạy.

Mỗi mỗi vị Bồ-tát đều đem vô lượng trăm ngàn vạn ức các chúng Bồ-tát để làm quyến thuộc, trước sau vây quanh, đều đi đến thế giới Ta-bà, những quốc độ các vị Bồ-tát đi qua, đều phát khởi sáu thứ chấn động, bóng sáng lớn soi khắp, các vị Thần tiên ở trên hư không rải các thứ hoa như: hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, phóng ra ánh sáng lớn, vận dụng thần túc khiến cảm động các thế giới nhiều như số cát sông Hằng. Lại có vô lượng trăm ngàn vạn thứ nhạc ở trên hư không, không đánh mà tự hòa tấu. Các vị Bồ-tát ấy đi đến núi Kỳ-xà-quật, tới chỗ Đức Thích-ca Như Lai, đầu mặt lễ xuống chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi lui ra ngồi về một phía.

Lúc ấy Đức Như Lai lại phóng một luồng hào quang, chiếu thẳng về phương Nam qua tám mươi vạn ức cõi nước của chư Phật, có thế giới tên là Quang đức, trong thế giới ấy có Đức Phật hiệu là Tư Duy Tướng, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nước tên là Thiện tịnh, đất đai bằng phẳng, lưu ly làm đất, dây vàng giăng bên vệ đường, có hàng cây bảy báu, đều cao và thẳng như một đường tên bắn, hoa quả cành lá thứ tự trang nghiêm, gió hiu hiu thổi, phát ra những thứ tiếng rất nhiệm mầu, chúng sinh thích nghe, không bao giờ chán; khắp nơi đều có suối chảy, ao tắm, nước ao trong sạch, cát vàng rải khắp mặt đất, nước đủ tám công đức đầy dẫy trong đó; bốn bên bờ ao có các thứ hoa, thơm tho nhiệm mầu như: hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, hoa Bạt-sư-ca, có đủ các thứ mầu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh

xe, che trên bờ ao; có những loài chim khác nhau, hòa hợp ca hót, phát ra những giọng tiếng vi diệu, rất đáng ưa thích; có thuyền bảy báu, cũng ở trong đó, để cho các chúng sinh tự tại dạo chơi. Ở nơi mỗi khoảng rừng cây, đều bày tòa sư tử, cao một do-tuần, cũng dùng bảy báu, để trau dồi sửa sang, lại dùng Thiên y, trải ở trên tòa; đốt mọi thứ hương trời báu và rải hoa báu của các cõi trời khắp trên mặt đất. Đức Như Lai Tư Duy Tướng ngồi kiết già trên tòa đó. Các vị Bồ-tát ở nước kia, có vô lượng ức ngàn, trước sau vây quanh Phật, rồi lui về một phía, chắp tay hướng về Đức Như Lai, đồng thanh nói:

– Kính xin Đức Thế Tôn từ bi xót thương, nói cho chúng con được biết, vì nhân duyên gì, có ánh sáng hào quang ấy, lại đủ các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, những sắc tướng rực rỡ đó, thực là khó ví dụ, từ phương Bắc soi tới, soi cả đại chúng đây. Kính xin Đức Thế Tôn dạy bảo, đoạn trừ mối ngờ cho chúng con.

Phật dạy:

– Các thiện nam tử, các ông nên nghe cho kỹ và để tâm suy nghĩ cho khéo, ta sẽ vì các ông phân biệt giải nói: Ở về phương Bắc, cách đây vô lượng trăm ngàn thế giới của chư Phật, có thế giới tên là Ta-bà, trong đó có Đức Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, có đại chúng vây quanh. Phật muốn vì các đại chúng, nói kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân; vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh; vì muốn nhổ tên độc tà nghi cho tất cả chúng sinh; vì muốn cho những vị Bồ-tát mới phát tâm kiên cố nơi đạo Bồ-đề, không bị thoái chuyển; vì muốn tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, được rốt ráo đạo Nhất thừa; vì muốn các vị Đại Bồ-tát chóng thành tựu đạo quả Bồ-đề, báo đáp ân Phật; vì muốn cho tất cả chúng sinh nhớ nghĩ đến ân đức sâu dày; vì muốn cho chúng sinh vượt qua bể khổ; vì muốn cho chúng sinh hiếu dưỡng đối với cha mẹ, do nhân duyên như thế, cho nên Phật đã phóng ra ánh sáng ấy.

Bấy giờ trong đại chúng, có mười ngàn vị Bồ-tát, mỗi mỗi vị Bồ-tát đều là bậc thầy chỉ đạo của đại chúng, liền từ tòa ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

– Kính xin Đức Thế Tôn đem sức thần gia hộ, khiến cho chúng con được đến thế giới Ta-bà, để thân cận cúng dường Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai và muốn được nghe kinh điển rất vi diệu Đại Phương Tiện Phật Báo Ân.

Đức Phật Tư Duy Tướng bảo các Bồ-tát:

– Này thiện nam tử, các ông đến thế giới Ta-bà, nếu thấy Phật Thích-ca, nên sinh tâm cung kính cúng dường, nghĩ tưởng khó gặp, vì sao? Vì Đức Thích-ca Như Lai đã từng ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp, thường làm những hạnh khổ khó làm và phát đại bi nguyện: "Khi Tôi được thành Phật, sẽ ở trong cõi nước tệ ác, núi đồi gò đống, sành sỏi gai gốc, nơi đó chúng sinh đủ mọi phiền não, ngũ nghịch, thập ác. Tôi ở trong ấy thành Phật, để làm lợi ích cho chúng sinh, khiến đoạn trừ tất cả khổ, được tất cả vui, thành tựu pháp thân, hết không còn sót". Bản nguyện của Phật là như thế, các ông nay đến chỗ Phật cũng như ở chỗ Ta không khác.

Các chúng Bồ-tát đồng thanh thưa:

– Chúng con xin theo như lời của Đức Thế Tôn đã chỉ dạy.

Mỗi mỗi vị Bồ-tát, đều đem vô lượng trăm ngàn vạn ức các chúng Bồ-tát làm quyến thuộc, trước sau vây quanh, đi đến thế giới Ta-bà, những quốc độ mà các Bồ-tát trải qua đều hiện đủ sáu cách chấn động, các vị Thiên thần ở trên hư không, rải các thứ hoa như: hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, phóng ra ánh sáng lớn, dùng thần túc làm rung động các thế giới nhiều như cát sông Hằng. Lại có vô lượng trăm ngàn vạn thứ âm nhạc của các cõi trời ở trên hư không, không đánh tự nhiên hòa tấu.

Các vị Bồ-tát ấy đi đến chỗ Đức Như Lai tại núi Kỳ-xà-quật, đầu mặt lễ sát chân Phật, nhiễu Phật ba vòng, rồi lui về một phía.

Đức Như Lai lại phóng ra ánh sáng lớn, soi thẳng về phương Tây, qua vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi nước của chư Phật, có thế giới tên là Tịnh trụ, Phật ở cõi đó hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Quang, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, nước tên là Diệu hỷ, cõi đất bằng phẳng, lưu ly làm đất, hoàng kim làm dây để giăng bên đường; có hàng cây bảy báu, đều cao và thẳng như một đường tên bắn, hoa quả cành lá thứ lớp trang nghiêm, gió hiu hiu thổi, phát ra tiếng rất vi diệu, chúng sinh thích nghe không bao giờ chán; chốn chốn đều có suối chảy, ao tắm, nước ao trong sạch, cát vàng rải khắp mặt đất, nước đủ tám công đức đầy dẫy trong ao, bốn bên bờ ao, có các thứ hoa, thơm tho mầu nhiệm như hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, hoa Bạt-sư-ca, những thứ hoa ấy có đủ các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe, che phủ trên bờ ao, dưới ao có các loài chim khác nhau, hòa hợp, ca hót, phát ra giọng tiếng vi diệu, rất đáng ưa mến, có thuyền bảy báu, cũng ở trong đó,

để cho các chúng sinh tự tại du ngoạn. Ở nơi khoảng cây kia, có bày tòa sư tử, cao một do-tuần, cũng lấy bảy báu để trau dồi sửa sang, lại lấy Thiên y cõi trời trải trên tòa, đốt hương báu và rải các hoa báu cõi trời, đầy khắp mặt đất. Đức Nhật Nguyệt Đăng Quang Như Lai, ngồi kiết già trên tòa sư tử. Bồ-tát ở nước kia, có vô lượng ức ngàn, trước sau vây quanh, rồi lui về một phía, chắp tay cung kính, đối trước Đức Như Lai, đồng thanh nói:

– Kính xin Đức Thế Tôn từ bi xót thương, nói cho chúng con biết vì nhân duyên gì mà có ánh sáng ấy, lại đủ cả các màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, rất là rực rỡ, khó có thể ví dụ được. Ánh sáng ấy từ phương Đông chiếu qua, soi sáng cả đại chúng đây, nếu người nào gặp được ánh sáng ấy, tâm ý thảy đều an vui. Kính xin Đức Thế Tôn chỉ dạy, đoạn trừ mối ngờ ấy cho chúng con.

Phật dạy:

– Các thiện nam tử, các ông nên nghe cho kỹ, nhớ nghĩ cho khéo, Ta sẽ vì các ông, phân biệt giải nói: Từ phương Đông cách đây vô lượng trăm ngàn thế giới của chư Phật, có thế giới tên là Ta-bà, trong thế giới đó có Đức Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, có đại chúng vây quanh. Nay Đức Phật muốn vì các đại chúng nói Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, là vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh; vì muốn nhổ tên độc tà nghi cho tất cả chúng sinh; vì muốn khiến cho những vị Bồ-tát mới phát tâm kiên cố nơi đạo Bồ-đề, không bị thoái chuyển; vì muốn khiến cho tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, được rốt ráo đạo Nhất thừa; vì muốn các vị Đại Bồ-tát chóng thành tựu đạo quả Bồ-đề, báo đáp ân Phật; vì muốn cho tất cả chúng sinh luôn nhớ nghĩ về ân sâu nặng; vì muốn khiến cho chúng sinh vượt qua biển khổ; vì muốn khiến cho chúng sinh hiếu dưỡng đối với cha mẹ, vì nhân duyên như thế, cho nên Phật mới phóng ra ánh sáng ấy.

Bấy giờ trong đại chúng, có mười ngàn vị Bồ-tát, mỗi mỗi vị Bồ-tát đều là bậc thầy chỉ đạo của đại chúng, liền từ tòa ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch:

– Xin Đức Thế Tôn đem sức thần gia hộ, khiến cho chúng con được đến thế giới Ta-bà, để thân cận cúng dường Đức Thích-ca Như Lai và muốn nghe kinh điển vi diệu Đại Phương Tiện Phật Báo Ân.

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Quang bảo các vị Bồ-tát:

– Các thiện nam tử, các ông đến thế giới Ta-bà, nếu thấy Đức Phật Thích-ca, nên sinh lòng cung kính, cúng dường, nghĩ tưởng khó gặp. Vì cớ

sao? Vì Đức Thích-ca Như Lai đã từng ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp, hay làm những hạnh khổ khó làm, phát nguyện đại bi: "Khi Tôi được thành Phật, Tôi sẽ ở ngay trong cõi nước tệ ác, núi đồi gò đống, sành sỏi gai gốc, chúng sinh đủ cả phiền não, ngũ nghịch, thập ác. Tôi ở trong đó tu hành thành Phật, để làm lợi ích cho chúng sinh, khiến họ đoạn trừ tất cả khổ, được tất cả vui, thành tựu pháp thân, hết không còn sót một chúng sinh nào." Bản nguyện của Phật là như thế, các ông nay đến chỗ Phật Thích-ca, cũng như ở chỗ Ta vậy.

Các chúng Bồ-tát đồng thanh nói:

– Chúng con xin theo như lời của Đức Thế Tôn đã chỉ dạy.

Mỗi mỗi vị Bồ-tát đều đem vô lượng trăm ngàn vạn ức các chúng Bồ-tát làm quyến thuộc, trước sau vây quanh, đi đến thế giới Ta-bà. Những quốc độ Bồ-tát đi qua đều phát khởi sáu thứ chấn động, ánh sáng lớn soi khắp. Các vị Thiên thần ở trên hư không rải các thứ hoa như hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, phóng ra ánh sáng lớn, dùng thần túc làm rung động các thế giới nhiều như cát sông Hằng. Lại có vô lượng trăm ngàn vạn thứ âm nhạc của các cõi trời, ở trên hư không, không đánh mà tự hòa tấu. Các vị Bồ-tát ấy đi đến núi Kỳ-xà-quật, tới chỗ Đức Như Lai, đầu mặt lễ sát chân, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi lui về một phía.

Bấy giờ, Đức Thích-ca Như Lai lại phóng ra ánh sáng năm màu, soi về phương Bắc, qua năm trăm vạn ức na-do-tha thế giới của chư Phật, có thế giới tên là Tự tại xưng vương, trong đó có Đức Phật, hiệu là Hồng Liên Hoa Quang, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, nước tên là Ly cấu, đất đai bằng phẳng, lưu ly làm đất, vàng ròng làm dây để giăng bên đường, có hàng cây bảy báu, cao và thẳng như đường tên bắn, hoa quả cành lá thứ lớp trang nghiêm, gió hiu hiu thổi, phát ra tiếng mầu nhiệm, chúng sinh thích nghe, không bao giờ chán; chốn chốn đều có suối chảy, ao tắm, ao đó trong sạch, cát vàng rải khắp mặt đất, nước tám công đức đầy dẫy trong ao, bốn bên bờ ao có các thứ hoa thơm tho mầu nhiệm như: hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, hoa Bạt-sư-ca, hoa có đủ màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, to lớn như bánh xe, che rợp trên bờ ao, trong ao nước kia, có các loài chim khác nhau, hòa hợp ca hót, phát ra giọng tiếng vi diệu, rất đáng ưa mến, có thuyền bảy báu, cũng ở trong ao đó để cho các chúng sinh tự tại du ngoạn. Ở những khoảng rừng cây kia, đều bày tòa sư tử, cao một do-tuần, cũng dùng bảy báu trau dồi sửa sang, lại lấy Thiên y trải trên tòa đó, đốt hương báu và rải các hoa báu cõi trời,

khắp trên mặt đất. Đức Hồng Liên Hoa Quang Như Lai, ngồi kiết già trên tòa sư tử, các vị Bồ-tát ở nước đó, nhiều vô lượng ức ngàn, trước sau vây quanh, rồi lui về một phía, chắp tay cung kính, đối trước Đức Như Lai, đồng thanh nói:

– Kính xin Đức Thế Tôn, từ bi xót thương, nói cho chúng con được biết vì nhân duyên gì mà có ánh sáng ấy, lại có đủ các màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, sắc tướng rực rỡ, khó có thể ví dụ được, ánh sáng ấy từ phía Nam chiếu qua, soi cả đại chúng đây, nếu ai được gặp ánh sáng ấy, tâm ý đều được yên vui. Kính xin Đức Thế Tôn đoạn trừ mối ngờ cho chúng con.

Phật dạy:

– Các thiện nam tử, nghe cho kỹ, nhớ nghĩ cho khéo, Ta sẽ vì các ông, phân biệt giải nói: Về phương Nam cách đây vô lượng trăm ngàn thế giới của chư Phật, có thế giới tên là Ta-bà, trong nước đó có Đức Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, có đại chúng vây quanh. Đức Phật muốn vì các đại chúng, nói Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, vì muốn lợi tạo ích cho tất cả chúng sinh; vì muốn nhổ tên độc tà nghi cho tất cả chúng sinh; vì muốn khiến cho các vị Bồ-tát mới phát tâm kiên cố nơi đạo Bồ-đề, không bị thoái chuyển; vì muốn khiến cho tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật được rốt ráo đạo Nhất thừa; vì muốn cho các vị Đại Bồ-tát chóng thành tựu đạo quả Bồ-đề, báo đáp ân Phật; vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh nhớ nghĩ đến ân đức sâu nặng; vì muốn khiến cho chúng sinh vượt qua bể khổ; vì muốn khiến cho chúng sinh hiếu dưỡng đối với cha mẹ, vì nhân duyên như thế, cho nên Phật phóng ra ánh sáng ấy.

Bấy giờ trong đại chúng có mười ngàn vị Bồ-tát, mỗi mỗi vị Bồ-tát ấy đều là bậc thầy chỉ đạo của đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch:

– Kính xin Đức Thế Tôn, đem sức thần gia hộ, khiến cho chúng con được đến thế giới Ta-bà để thân cận cúng dường Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai và nghe kinh điển vi diệu Đại Phương Tiện Phật Báo Ân.

Đức Phật Hồng Liên Hoa Quang bảo các Bồ-tát:

– Các thiện nam tử, các ông đến thế giới Ta-bà, nếu thấy Đức Phật Thích-ca nên sinh tâm cúng dường cung kính, nghĩ tưởng khó gặp. Vì sao? Vì Đức Thích-ca Như Lai đã từng ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ kiếp, hay làm những việc khổ hạnh khó làm, phát đại bi nguyện: "Khi Tôi được thành Phật, Tôi nguyện sẽ ở trong cõi nước tệ ác, núi đồi gò

đống, sành sỏi gai gốc, chúng sinh ở trong đó đủ mọi thứ phiền não, ngũ nghịch, thập ác, Tôi sẽ tu hành thành Phật ở trong nước ấy để làm lợi ích cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh đoạn trừ tất cả khổ, được tất cả vui, thành tựu pháp thân, hết không còn sót một chúng sinh nào". Bản nguyện của Phật là như thế, các ông nay đến chỗ Phật ấy cũng như ở chỗ Ta vậy.

Các chúng Bồ-tát đồng thanh thưa:

– Chúng con xin theo như lời của Đức Thế Tôn đã chỉ dạy.

Mỗi mỗi vị Bồ-tát đều đem vô lượng trăm ngàn vạn ức các chúng Bồ-tát làm quyến thuộc, trước sau vây quanh đi đến thế giới Ta-bà, những quốc độ Bồ-tát đi qua đều phát khởi sáu thứ chấn động, ánh sáng lớn soi khắp, Thiên thần ở trên hư không, rải các thứ hoa như: hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, phóng ra ánh sáng lớn, dùng thần túc làm rung động thế giới nhiều như cát sông Hằng. Lại có vô lượng trăm ngàn vạn ức âm nhạc cõi trời, ở trên hư không, không đánh mà tự hòa tấu. Các vị Bồ-tát ấy đi đến núi Kỳ-xà-quật, tới chỗ Phật Thích-ca Như Lai, đầu mặt lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi lui về một phía. Cho đến phương Đông nam, phương Tây nam, phương Đông bắc, phương Tây bắc, phương Thượng, phương Hạ, các chúng Đại Bồ-tát Ma-ha-tát trong các cõi nước của các Đức Như Lai ở mười phương, đều cùng với từng ấy trăm ngàn quyến thuộc đều đi đến chỗ Đức Thích-ca Như Lai, cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi, đồng thanh, nói lên trăm ngàn bài kệ, khen ngợi Phật, rồi lui ngồi về một phía.

Khi ấy, thế giới Ta-bà biến thành thanh tịnh, không có các rừng rậm, các núi lớn, nhỏ, sông, ngòi, ao hồ, suối, khe mương, hố. Chúng sinh ở trong đó, nhân ánh sáng ấy, được trông thấy Phật, vui mừng chắp tay, đầu mặt lễ kính, lòng sinh luyến mộ, chăm chú không chớp mắt.

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền thu nhiếp ánh sáng soi chiếu ở khắp mười phương, nhiễu quanh thân bảy vòng, rồi trở lại vào nơi đỉnh môn của Ngài.

Tôn giả A-nan, quan sát tâm của đại chúng, ai cũng đều nghi ngờ, Tôn giả vì muốn nêu rõ phương tiện mật hạnh của Như Lai, muốn mở mắt trí tuệ cho tất cả chúng sinh đời mai sau, vượt qua bể ái, đến bờ bên kia, vĩnh viễn an lạc và muốn khiến cho chúng sinh nhớ nghĩ đến ân sâu nặng của Cha mẹ, Sư trưởng, nên từ tòa đứng dậy, tề chỉnh y phục, để hở vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

– Lạy Đức Thế Tôn, A-nan từ khi hầu hạ Phật đến nay, chưa từng thấy Phật mỉm cười suông bao giờ, nay đây Phật mỉm cười ắt phải có ý gì? Xin Phật chỉ dạy, để đoạn trừ mối nghi ngờ cho đại chúng.

-oOo-

Phẩm 2: HIẾU DƯỠNG

Bấy giờ trong đại chúng, bỗng có một đóa hoa sen bảy báu, từ nơi mặt đất hóa sinh, cọng bằng bạch ngân, lá bằng hoàng kim, đài sen bằng ngọc báu Chân-thúc-ca, riềm hoa bằng ngọc trân châu, thứ lớp trang nghiêm.

Khi ấy, Đức Thích-ca Như Lai liền từ tòa ngồi đứng dậy, bước lên đài hoa sen báu kia, ngồi kiết già. Từ nơi thân thanh tịnh của Ngài hiện ra thân tướng của năm ngã, mỗi thân của năm ngã có một vạn tám ngàn hình loại khác nhau; mỗi mỗi hình loại hiện ra trăm ngàn thứ thân; trong mỗi mỗi thân lại có vô lượng thân, nhiều như cát sông Hằng, cho đến bằng cả số cát sông Hằng ở bốn phương…; trong mỗi mỗi thân lại hiện ra những thân nhiều như hạt bụi cả đại địa khắp bốn châu thiên hạ; ở trong số mỗi mỗi thân nhiều như những hạt bụi ấy lại hiện ra những thân nhiều như những hạt bụi trong ba ngàn đại thiên giới; ở trong mỗi mỗi thân nhiều như hạt bụi ấy lại hiện ra số thân nhiều như những hạt bụi nơi trăm ngàn ức thế giới chư Phật ở khắp mười phương, cho đến hiện ra những thân nhiều cùng tận cả cõi hư không pháp giới, không thể lấy tâm nghĩ, miệng bàn cho xiết được.

Bấy giờ Đức Như Lai hiện ra những thân như thế rồi, bèn bảo với Tôn giả A-nan, các vị Đại Bồ-tát ở khắp mười phương và tất cả chúng sinh:

– Các thiện nam tử, nay Như Lai biết cùng khắp một cách chân chánh, tuyên nói lời chân thực: Phật pháp vốn không có ngôn thuyết, Như Lai dùng phương tiện vi diệu hay dùng pháp không danh tướng ấy mà nói về danh tướng. Như Lai khi còn phải ở trong đường sinh tử, ở nơi tất cả loài chúng sinh, cũng đã chịu đủ mọi thân hình nhiều như những hạt bụi, không thể lấy lòng nghĩ, miệng bàn cho xiết được. Vì phải chịu thân như thế, cho nên tất cả chúng sinh, cũng từng đã làm cha mẹ của Đức Như Lai, Như Lai cũng đã làm cha mẹ của tất cả chúng sinh. Vì tất cả cha mẹ, nên Như Lai thường làm khổ hạnh khó làm, bỏ cả những sự khó bỏ như: đầu, mắt, tủy, não, quốc, thành, vợ con, voi, ngựa, bảy báu, kiệu cáng, xe cộ, y phục, ẩm thực, đồ nằm ngồi, thuốc thang, cấp cho tất cả, siêng tu tinh tấn, bố thí, trì giới, đa văn, thiền định, trí tuệ, cho đến đầy đủ tất cả vạn hạnh, luôn không dừng nghỉ, tâm không biết mệt mỏi, hiếu dưỡng đối với cha mẹ, biết ân trả ân, nên mới chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bởi thế, chính tất cả chúng sinh đã khiến cho Như Lai đạt đầy đủ bản nguyện. Vì vậy nên biết, tất cả chúng sinh có ân sâu đối với Phật. Vì có ân sâu như vậy, cho

nên Như Lai không bỏ chúng sinh. Như Lai đem tâm đại bi thường tu tập theo phương tiện để cứu độ chúng sinh. Như Lai vì tất cả chúng sinh, hai mươi lăm nẻo sinh tử trong ba cõi mà không nghĩ đến công lao của mình. Thường tu hành Từ bi bình đẳng, Hỷ xả theo phương tiện, thấu suốt tất cả Chúng sinh không, Pháp không, Năm ấm không, như vậy chẳng có tâm thoái lui, chẳng có mất, chẳng có chìm đắm vào pháp không, pháp có. Vì tu phương tiện thật tướng nên chẳng bỏ hai thừa, thực hiện việc học tất cả phương tiện. Vì tu mọi phương tiện vi diệu sâu xa như vậy cho nên thấu suốt được thực tướng của các pháp, rồi tùy theo căn cơ của chúng sinh mà Phật nói Pháp trước, sau có khác. Nhưng vì chúng sinh mê muội điên đảo, lầm chấp thấy có ba thừa, bị ái dục che đậy, chìm đắm trong bể khổ, bị bốn đảo làm cho điên đảo: đối với các pháp hữu lậu, vọng tưởng phân biệt; đối với các pháp là vô ngã, vọng tưởng thấy có ngã; đối với các pháp là vô thường, vọng tưởng chấp cho là thường; đối với các pháp không phải vui, vọng tưởng chấp cho là vui; đối với các pháp là bất tịnh, vọng tưởng cho là tịnh. Sinh, lão, bệnh, tử, biến đổi hoại diệt, niệm niệm vô thường, năm cái, mười triền che đậy, luân hồi ba cõi, phải chịu sinh tử không có trước sau, cũng như vòng bánh xe. Bởi thế, Như Lai lập giáo cũng tùy theo căn cơ của chúng sinh mà chia ra có chín bộ, ba tạng cho đến mười hai bộ Kinh, sự hóa đạo, chia dòng, tùy theo lòng tin sâu cạn mà nói ra mọi kinh điển, biện duyên khác nhau, khiến cho chúng sinh có thể tỏ ngộ được thực tướng của các pháp mà chứng Niết-bàn giải thoát. Vì vậy, Như Lai, với thệ nguyện gốc là từ bi, mở bày các phương tiện lớn, chiêu tập tất cả chúng sinh hữu duyên ở mười phương, đều tụ họp trong đại chúng đây, diễn nói, chỉ bày kinh điển vi diệu này, là những lời dạy bảo ngàn đời, lưu truyền rộng rãi ở thời tượng pháp, khiến tất cả chúng sinh thường được đại an lạc. Cũng vì thế nên Như Lai thị hiện giáng sinh và nhập Niết-bàn; hoặc ở nơi cõi nước khác, xưng là Lê-xá-na Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; hoặc lên cõi trời Đâu-suất-đà, làm bậc Đạo sư cho chư Thiên; hoặc từ nơi cõi trời Đâu-suất, thị hiện giáng sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, hiện sống lâu tám mươi tuổi, rồi vào Niết-bàn. Nên biết đó là Như Lai không thể nghĩ bàn; thế giới không thể nghĩ bàn; nghiệp báo không thể nghĩ bàn; chúng sinh không thể nghĩ bàn; thiền định không thể nghĩ bàn, ấy là sức thần lực không thể nghĩ bàn của Phật. Phật muốn khiến cho hết thảy chúng sinh đều giác ngộ được Phật tánh của mình, cho đến hàng chúng sinh thấp kém, căn trí ám độn cũng đều khiến được biết. Phật nhằm khiến cho tất cả chúng sinh nếu muốn được thấy Phật, liền được thấy

ngay; còn những chúng sinh không đủ cơ duyên, thì dù có đối trước Phật vẫn không thấy được, cho đến các vị Thanh văn, Duyên giác, tuy có Thiên nhãn thông cũng không thể thấy. Lại nữa, Phật phóng ra ánh sáng lớn, chiếu xuống tận địa ngục A-tỳ, trên đến cõi trời Hữu đảnh, những chúng sinh có duyên với Phật đều được thấy; còn các chúng sinh không đủ cơ duyên, thì dù có đối trước mắt cũng không thấy. Có khi Như Lai, hoặc chấp thuận, hoặc mặc nhiên, nên biết đó đều là phương tiện của chư Phật, Thế Tôn, không thể nghĩ bàn, không thể so lường, khó thể biết được. Vậy thì làm sao mà Tôn giả có thể hỏi Như Lai về những hạnh khổ khó làm, rất sâu xa vi diệu như thế, nhưng nay Tôn giả đã phát ra được lời hỏi ấy, thực là do lòng đại bi thương xót chúng sinh, muốn ngăn đóng ba nẻo ác, khai thông lối nhân thiên.

A-nan, hãy nghe cho kỹ! Ta nay sẽ vì Tôn giả, lược nói về nhân duyên khổ hạnh hiếu dưỡng đối với cha mẹ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan, các vị Bồ-tát Ma-ha-tát và tất cả đại chúng:

– Về đời quá khứ lâu xa, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, bấy giờ có một nước nọ, tên là Ba-la-nại, trong nước đó có Đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ-bà-thi, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật đó sống lâu mười hai tiểu kiếp, chánh pháp ở đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng ở đời hai mươi tiểu kiếp. Trong thời tượng pháp, có một ông vua ra đời, tên là La-xà vương, làm vua nước Ba-la-nại, có hai vạn phu nhân, bốn ngàn đại thần, năm trăm thớt voi mạnh mẽ. Vua thống lãnh sáu mươi tiểu quốc, tám trăm khu vực. Vua có ba vị thái tử, đều làm vua ở các tiểu quốc.

Đại vương La-xà ở nước Ba-la-nại, là người rất thông minh nhân đức, thường dùng chánh pháp trị quốc, không làm việc gì tổn hại cho muôn dân. Nhờ phúc đức của nhà vua, mà được gió hòa mưa thuận, lúa thóc luôn dồi dào, dân chúng an lạc.

Bấy giờ, đại vương nước Ba-la-nại kia có một vị đại thần tên là La-hầu, khởi tâm ác nghịch dấy bốn thứ binh: tượng binh, xa binh, mã binh và bộ binh đến đánh nước Ba-la-nại, giết chết đại vương.

Sau khi giết đại vương xong, lại đem bốn binh, đến đánh các tiểu quốc, giết chết thái tử thứ nhất, kế đó lại đi bắt thái tử thứ hai.

Người em út, làm vua ở một tiểu quốc, hình thể của vua này rất đẹp đẽ, đoan nghiêm, tánh tình nhân hậu, nói thường mỉm cười và khi nói ra

điều gì đều đem lại lợi ích, không tổn hại ý người, thường dùng chánh pháp trị nước, không tà quấy uổng hại muôn loài, nên cõi nước thịnh vượng an lạc, dân chúng đông đảo, của cải châu báu dư dật, gia kế sung túc, mọi người trong nước ai cũng ca ngợi công đức của nhà vua, tất cả chư Thiên, tất cả Thiên thần địa kỳ, cũng đều ái kính.

Vua sinh hạ được một thái tử, tên là Tu-xà-đề, rất thông minh, nhân từ, hay làm việc bố thí. Thân hình của thái tử Tu-xà-đề, sáng láng như sắc hoàng kim, bảy chỗ nơi cơ thể đều đầy đặn cân đối, nhân tướng đầy đủ, tuổi mới lên bảy, vua cha rất yêu quý, không bao giờ tạm rời bên lòng.

Lúc ấy, có vị thần coi cung điện, báo mộng cho đại vương biết: "Đại thần La-hầu, gần đây sinh tâm ác nghịch, âm mưu cướp ngôi vua, đã giết hại phụ vương La-xà, đồng thời phát động bốn binh, tầm nã bắt hai anh của đại vương. Kẻ phản nghịch ấy đã giết hai anh của đại vương và quân mã không bao lâu sẽ đến sát hại đại vương. Nay đại vương cần phải cấp thời trốn đi, để bảo toàn tánh mạng."

Đại vương nghe nói như vậy xong, trong lòng rất sợ hãi, dựng cả chân lông, thân thể dao động, lo giận áo não, nghẹn ngào phiền muộn, tâm can bấn loạn, vật vã ngã xỉu xuống đất, mãi hồi lâu mới tỉnh, rồi cất tiếng khẽ hỏi trên hư không:

– Người là ai? Sao chỉ nghe thấy tiếng, mà không thấy hình, việc người vừa nói có đích xác không?

Vị thần ấy liền báo cho vua biết:

– Tôi là thần coi cung điện. Vua là người thông minh phúc đức, không gây tổn hại cho muôn dân, thường dùng chánh pháp trị nước, vì vậy, mà tôi báo cho vua biết. Đại vương nay nên cấp thời phải đi lánh nạn, nếu không họa hoạn khổ não không lâu sẽ tới nơi!

Khi ấy, đại vương liền vào trong cung, tự suy nghĩ: "Ta nay phải cấp thời lánh nạn, qua một nước láng giềng khác, để tránh những tai họa sẽ xảy đến". Lại nghĩ: "Nước láng giềng mà ta định đến đó, có hai con đường: một đường phải đi bảy ngày mới đến, còn một đường thì phải trải qua mười bốn ngày."

Suy nghĩ như vậy rồi, vua liền cho chuẩn bị lương thực trong bảy ngày và cho đem ra ngoài thành một cách hết sức cẩn mật.

Xong xuôi, vua lại trở vào trong cung, gọi thái tử Tu-xà-đề, bế để ngồi trên đầu gối, mắt không lúc nào tạm rời, lại đứng dậy, có vẻ kinh hãi, rồi lại ngồi xuống.

Bấy giờ, phu nhân thấy đại vương có sự bất an, tựa hồ đang có điều

gì lo sợ, liền đến chỗ vua hỏi:

– Đại vương hôm nay, hình như có sự gì lo sợ, nên có vẻ đứng ngồi không yên, thân thể bụi bặm lấp láp, đầu óc bơ phờ, mắt trong ngơ ngác, hơi thở không bình thường, tựa như có điềm mất nước, ân ái biệt ly, oan gia sắp sửa xảy đến, với những tướng trạng bất thường như thế, xin đại vương cho thần thiếp được biết?

Vua bảo phu nhân:

– Ta có việc hệ trọng, nhưng không phải việc mà phu nhân có thể biết được.

Phu nhân liền tâu vua:

– Tâu bệ hạ, thiếp cùng với bệ hạ, khác nào hai hình một thể, cũng như chim hai cánh, như thân thể với chân tay, như đầu với mắt. Đại vương ngày nay vì sao lại không cho thần thiếp được dự biết.

Vua bảo phu nhân:

– Phu nhân không biết sao! Đại thần La-hầu, gần đây sinh tâm ác nghịch, đã giết phụ vương, cướp ngôi vua và bắt giết cả hai anh. Nay bọn chúng đang cử binh mã, lần lượt sẽ đến đây bắt ta, nay ta muốn tránh mạng, để khỏi những tai họa ấy.

Nói rồi, tức thời bế thái tử Tu-xà-đề, ra đi để lánh nạn. Phu nhân cũng tùy tùng theo sau.

Bấy giờ, vua vì tâm ý hốt hoảng rối loạn, nên đi lầm phải con đường mười bốn ngày, con đường đó lại rất nguy hiểm: không có nước cỏ. Đi được vài ngày, thì lương thực đã hết. Bản ý trước đây chỉ chuẩn bị vừa số lương thực lộ hành cho một người trong thời gian bảy ngày, nay phải dùng cho ba người, hơn nữa lại đi lầm vào con đường tới mười bốn ngày, thì lương thực đã hết cả, mà đường đi phía trước còn xa vời vợi. Lúc đó, đại vương và phu nhân, cất tiếng khóc than: "Thực là xót xa đau đớn cho chúng tôi lắm! Chúng tôi từ khi sinh ra đời cho đến nay, chưa từng có bao giờ bị khổ sở như thế này, tại sao ngày nay lại phải chịu như thế, giờ đây đã đến lúc đường cùng, họa lại sắp sửa xảy ra!".

Nói rồi, giơ tay vỗ đầu, bụi đất lấm láp, vật mình xuống đất tự hối trách:

– Chúng ta đời trước, gây nên những nghiệp ác gì? Hay là giết cha mẹ, hai bậc chân nhân La-hán? Hay là hủy báng chánh pháp? Hay là phá hoại hòa hợp Tăng? Hay là làm nghề săn bắn tàn hại chúng sinh? Đong đầy khảo vơi? Cướp đoạt của cải của chúng sinh? Hay là lạm dụng của cải của

chúng Tăng? Làm sao ngày nay lại phải chịu những sự họa hoạn ấy? Giờ đây chính muốn dừng nghỉ một chút, lại sợ oán giaập tới, nếu để chúng bắt được, quyết sẽ bị chết, không còn nghi ngờ gì nữa! Còn nếu tiến tới, thì lại bị đói khát bức bách, tánh mạng chỉ còn ngắn bằng hơi thở!

Đại vương và phu nhân suy nghĩ về những sự khổ não như vậy rồi, thốt tiếng gào khóc, buồn rầu, ngã xỉu ra đất, hồi lâu mới tỉnh. Vua lại tự suy nghĩ: "Nếu không phương tiện lập kế, thì chắc chắn cả ba mạng người đều không tránh khỏi chết, chi bằng ta nay giết phu nhân, để lấy thịt nuôi sống thân Ta và bảo toàn tánh mạng cho đứa con này."

Nghĩ như vậy rồi, liền tuốt gươm toan giết phu nhân.

Thái tử Tu-xà-đề thấy dị tướng như vậy, tay bên phải tức thời đỡ lấy gươm, nắm chặt tay vua cha, tâu:

– Cha! Cha định làm gì thế, hả cha?

Phụ vương buồn rầu, khóc lóc khẽ bảo thái tử:

– Ta nay muốn giết mẹ con, để lấy thịt ấy nuôi sống cha và bảo toàn tánh mạng cho con, vì nếu không giết mẹ con, thì tất cả chúng ta cũng sẽ chết. Thân cha nay đây không biết sống thác lúc nào, nay cha vì muốn cho con sống, nên cha có ý định giết mẹ con!

Thái tử Tu-xà-đề liền tâu với vua cha:

– Nếu vua cha giết mẹ con, con cũng không ăn, vì chưa bao giờ và ở đâu lại có những người con dám ăn thịt của mẹ mình, đã chẳng dám ăn, tất nhiên con cũng sẽ chết. Vua cha ngày nay sao lại không giết con đi, để cứu sống mạng cho mẹ.

Vua nghe con nói như thế, buồn rầu, vật vã, ngất xỉu ra đất, nói nhỏ với con:

– Con cũng như con mắt của ta, chưa bao giờ và ở đâu lại có người tự khoét mắt mình, để rồi lại tự ăn. Ta nay thà bỏ thân mạng, trọn đời không bao giờ giết con để nuôi sống tánh mạng của ta cả.

Bấy giờ, thái tử Tu-xà-đề thưa với cha mẹ:

– Con nay xin nguyện đem thân mạng này cúng dường cha mẹ, cha mẹ ngày nay, nếu cắt thân mạng con một lúc, thì không được bao nhiêu ngày, máu thịt sẽ bị hôi thối. Vậy kính xin cha mẹ, đừng giết chết ngay và con nay chỉ xin cha mẹ một điều, mong cha mẹ đừng làm trái ý con, nếu trái ý con, sẽ không phải là cha mẹ hiền từ của con nữa.

Vua cha bảo thái tử:

– Cha mẹ sẽ không làm trái ý con, con muốn xin điều gì thì cứ nói

ngay cho cha mẹ biết.

Thái tử Tu-xà-đề thưa:

– Con nay chỉ xin cha mẹ cho con một điều là: cha mẹ hãy thương con, có thể ngày ngày đem dao, xẻo thịt nơi thân thể của con, cắt chừng ba cân và chia làm ba phần, hai phần để dâng cha mẹ, còn một phần cho con ăn, để tự nuôi sống tánh mạng.

Bấy giờ cha mẹ, liền theo như lời của con nói, ngày ngày cắt ba cân thịt và chia làm ba phần: hai phần chia cho cha mẹ, còn một phần cho con ăn, để tạm sống, chống đỡ thân mạng, mong đi được đến nơi đến chốn.

Thời gian chưa được hai ngày, thịt ở nơi thân thể của thái tử đã hết, chỉ còn da dính với xương, tuy nhiên vẫn còn có một vài chút thịt dư chưa hết hẳn, vì quá kiệt sức, thái tử liền ngất ra đất.

Khi ấy, cha mẹ liền ôm lấy thái tử, cất tiếng gào khóc, nói:

– Con ơi! Cha mẹ thực là người vô dụng, ăn cả thịt con, khiến cho con phải đau đớn như thế này! Nay đường hãy còn xa, chưa đến được nơi đã định, mà thịt con cũng đã hết, tất nhiên đều sẽ bỏ thây cả ở đây!

Thái tử Tu-xà-đề, nói nhỏ với cha mẹ:

– Kính thưa cha mẹ, con dâng thịt của con để cúng dường cha mẹ, đã đi được tới nơi đây, tính ra đường trường chỉ có một ngày nữa là đến, mà thân thể con nay không còn làm sao cử động được nữa, chắc con sẽ bỏ tánh mạng ở đây mất, con sẽ không còn có thể theo cha mẹ cùng đi được, xin cha mẹ ngày nay, không nên nghĩ ngợi theo thói thường tình, để rồi cũng bị chết cả nơi đây. Con kính xin cha mẹ một điều, cha mẹ hãy thương xót con và xin chớ trái lòng con, cha mẹ hãy cắt nốt những chỗ thịt còn sót ở các lóng đốt này, tạm dùng nuôi sống cha mẹ cho qua ngày để đi đến được chỗ cha mẹ đã định.

Bấy giờ, cha mẹ liền theo lời con, lại cắt nốt thịt còn dư ở các lóng đốt và chia làm ba phần: một phần cho con ăn, còn hai phần thì cho mình ăn. Ăn xong rồi cha mẹ liền từ biệt con để ra đi.

Tu-xà-đề đứng dậy, trông theo cha mẹ cho đến khi khuất dạng mới thôi.

Lúc ấy cha mẹ đều cất tiếng gào khóc thảm thiết, dõi theo đường mà đi. Khi cha mẹ ra đi cách một khoảng xa không nhìn thấy nhau được thì thái tử Tu-xà-đề, vì luyến mộ cha mẹ, mắt nhìn đăm đăm không rời, hồi lâu liền ngã xỉu ra đất.

Hương vị của máu thịt tươi nơi thân thể của thái tử xông cả mười

phương, các loài ruồi nhặng ngửi thấy, liền bâu lại, đậu khắp cả trên thân thể, để ăn hút, đau đớn nhức nhối, không thể nào kể xiết.

Bấy giờ, thái tử thấy còn có chút ít thịt dư nơi thân mạng chưa hết, liền lập thệ nguyện:

– Nguyện đời trước có điều gì oán ác, từ đây sẽ trừ sạch hết và từ ngày nay trở đi, sẽ không dám làm nữa. Nay tôi đem thân này để cúng dường cha mẹ tôi, nguyện cho cha mẹ tôi thường được mười một điều phúc đức:

1. Khi ngủ được an vui.
2. Khi thức cũng được an vui.
3. Không thấy ác mộng.
4. Chư Thiên thường ủng hộ.
5. Mọi người đều ái kính.
6. Không gặp phải những sự kiện tụng, liên can triều đình.
7. Không bị trộm cắp.
8. Không bị giặc giã.
9. Không bị mưu hại.
10. Không bị tiêu diệt.
11. Gặp việc gì, cũng đều được tốt lành.

Và còn bao nhiêu những máu thịt sót lại nơi thân thể này, xin đem bố thí cho các loài ruồi muỗi… đều khiến cho được no đủ, khiến cho tôi đời sau được thành Phật, khi được thành Phật rồi sẽ đem thức ăn bằng giáo pháp, trừ trọng bệnh sinh tử đói khát cho tất cả chúng sinh.

Khi thái tử Tu-xà-đề phát nguyện như thế rồi, trời đất bỗng phát khởi sáu thứ chấn động, mặt trời ẩn mất cả tinh quang, các loài cầm thú sợ hãi ruổi chạy tản mác khắp bốn phương, nước ở đại hải nổi sóng dữ dội, núi Tu-di khuynh đảo, dao động, mãi đến cõi trời Đao-lợi, cũng đều rung chuyển mạnh mẽ.

Bấy giờ, vua Thích Đề-hoàn Nhân, liền đem chư Thiên ở Dục giới, đi xuống cõi Diêm-phù-đề, hóa làm những loài sư tử, hổ lang, trợn mắt, giậm chân, gào rống, chờn vờn nhảy nhót, như muốn lại vồ bắt để ăn thịt, thử xem thái tử có sợ hãi thoái tâm hay không.

Thái tử Tu-xà-đề trông thấy các loài cầm thú ra oai, có vẻ rất dữ tợn, liền dùng lời nhỏ nhẹ, bảo:

– Nếu các ngươi muốn ăn thịt ta, thì tùy ý mà ăn, chớ sao lại muốn

làm ta sợ hãi như thế?

Thiên đế Thích nói:

– Ta không phải sư tử, hổ lang đâu, mà là Thiên đế Thích, muốn đến đây để thử ngươi vậy!

Bấy giờ, thái tử thấy Thiên đế Thích, thì trong lòng rất vui mừng.

Thiên đế Thích hỏi thái tử:

– Nhân giả có thể bỏ được những việc khó bỏ. Nhân giả ngày nay đem cả thân thể xương thịt cúng dường cho cha mẹ, có những công đức như vậy là để nguyện sinh nơi cõi Trời, làm Ma vương, Phạm vương, Thiên vương, Nhân vương, hay Chuyển luân thánh vương?

Tu-xà-đề trả lời Thiên đế Thích:

– Tôi ngày nay chẳng nguyện sinh nơi cõi Trời, làm Ma vương, Phạm vương, Nhân vương, hay Chuyển luân thánh vương, mà tôi chỉ muốn cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề, để độ thoát cho tất cả chúng sinh.

Thiên đế Thích nói:

– Ông thật là đại ngu! Đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải chịu cần khổ rất lâu, rồi sau mới thành. Ông nay làm sao lại có thể chịu đựng được những sự cần khổ ấy?

Tu-xà-đề đáp:

– Giả sử vòng sắt nung đỏ để ở trên đầu, nhưng trọn sẽ không vì những sự ấy, mà thoái chuyển đạo Vô thượng.

Thiên đế Thích nói:

– Nhân giả chỉ nói suông thì làm sao có thể tin chắc được?

Tu-xà-đề liền lập thệ nguyện:

– Nếu tôi nói dối Thiên đế Thích, thì thân thể tôi sẽ mãi mãi bị chia lìa, còn không như vậy, thì nguyện sẽ được bình phục như cũ, máu huyết trở lại trắng thành sữa.

Thái tử phát nguyện vừa dứt lời, tức thì thân thể bỗng bình phục như cũ, máu huyết lại trở nên trắng như sữa, hình dung, thân tướng đẹp đẽ gấp bội lúc trước.

Bấy giờ Thiên đế Thích liền khen ngợi:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Ta nay không thể bì kịp Nhân giả, Nhân giả quả là tinh tấn dũng mãnh, không bao lâu sẽ chứng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu khi chứng được đạo quả ấy, thì nguyện độ cho tôi trước.

Khi đó, Thiên đế Thích ở trên hư không, liền ẩn chẳng hiện.

Nói về vua và phu nhân đã đi tới được nước láng giềng. Lúc ấy, quốc vương nước kia liền ra rất xa để nghênh tiếp, cung cấp đầy đủ các thứ cần dùng xứng ý.

Bấy giờ đại vương mới thuật rõ với vị quốc vương kia tất cả sự tình như trước: Nào là con tôi rất hiếu dưỡng, đem cắt cả thịt nơi thân thể để cúng dường cho cha mẹ…

Quốc vương nước láng giềng kia nghe nói như vậy rồi, rất lấy làm cảm mến thái tử Tu-xà-đề: Hay bỏ được những việc khó bỏ, đem thân thể, huyết nhục cúng dường cho cha mẹ, hiếu dưỡng như thế thật là hiếm có!

Vì cảm mến những đức hạnh từ hiếu như vậy, nên quốc vương kia tức thì phát khởi bốn đạo binh trở về cùng với đại vương để diệt trừ kẻ phản nghịch là đại thần La-hầu gian ác.

Thế là, đại vương liền đem bốn binh, thuận đường trở về, đồng thời vua La-xà cùng với phu nhân cùng tìm đến chỗ thái tử Tu-xà-đề, nơi trước đây cha con đã từ biệt nhau, với một ý nghĩ: "Con ta đằng nào cũng đã chết rồi, nay ta sẽ thu nhặt hài cốt của con, đem về bản quốc". Vì lòng thương con quá, nên vừa dõi theo đường tìm kiếm, vừa gào khóc rất thảm thiết.

Nhưng bỗng từ xa trông thấy con, thân thể vẫn bình phục như trước, lại có phần đoan nghiêm, đẹp đẽ gấp bội lần, liền đến trước, bồng ẵm lấy con, trong lòng vừa thương vừa mừng, hỏi thái tử:

– Con! Con vẫn còn sống!

Thái tử Tu-xà-đề liền đem tất cả sự tình như trên kể cho cha mẹ nghe.

Cha mẹ rất vui mừng, rồi cùng nhau dùng voi lớn làm phương tiện chuyên chở, trở về bản quốc.

Vì thái tử Tu-xà-đề có phúc đức rất lớn, nên đánh lấy lại được nước và lập thái tử lên làm vua.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Phụ vương lúc bấy giờ, hiện nay là cha Ta, Duyệt-đầu-đàn; phu nhân lúc ấy, hiện nay là mẹ Ta, Ma-da phu nhân; còn thái tử Tu-xà-đề, nay chính là Ta, Thích-ca Mâu-ni Như Lai; còn Thiên đế Thích lúc đó, nay là ông A-nhã Kiều-trần-như này vậy.

Khi Phật nói về sự hiếu dưỡng đối với cha mẹ ấy, trong chúng có hai mươi ức Bồ-tát, đều chứng được biện tài vô ngại, đem lại lợi ích cho tất cả. Lại có mười hai vạn Bồ-tát đều chứng được vô sinh pháp nhẫn. Lại có các vị Bồ-tát nhiều như những hạt vi trần ở khắp mười phương tới, đều chứng

được Đà-la-ni môn. Lại có các vị Thanh văn, Duyên giác nhiều như số cát sông Hằng, như vi trần, đều lìa bỏ tâm Nhị thừa, hướng về Nhất thừa rốt ráo. Lại có các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nhiều như số vi trần, hoặc chứng được sơ quả, cho đến nhị quả. Lại có trăm ngàn người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có các chư Thiên, Long, Quỉ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân, hoặc phát tâm Bồ-đề, cho đến phát tâm cầu đạo quả Thanh văn, Bích-chi-phật.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Bồ-tát vì tất cả chúng sinh, thực hành những khổ hạnh khó làm, hiếu dưỡng phụ mẫu, đem thân thể huyết nhục cung cấp cho cha mẹ, việc đó là như thế.

Tất cả đại chúng, nghe Phật nói pháp, đều được những ích lợi thù thắng, vui mừng làm lễ Phật, rồi nhiễu quanh theo phía bên phải, lui trở ra.

□

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN

QUYỂN 2

Phẩm 3: ĐỐI TRỊ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong đại chúng, cũng như vầng mặt trời chiếu sáng rực rỡ, che khuất cả các tinh cầu khác; cũng như đại long uốn khúc, liệng quanh nơi cõi thanh hư, huy hoàng xán lạn, uy quang chói lọi, sắc tướng khó ví dụ, trông đó thì mắt lóa; nghĩ đó thì ý loạn. Và cũng khác nào như ánh sáng của lửa con đom đóm, khi mặt trời mọc, liền ẩn khuất chẳng hiện; mặt trời, mặt trăng tuy có trăm ngàn ánh sáng, so với ánh sáng của Thiên đế Thích, cũng ví như một điểm mực đen; Thiên đế Thích tuy có ánh sáng thanh tịnh vi diệu, sánh với ánh sáng của vua Đại Phạm vương, cũng như sành sỏi sánh với ánh dạ quang của ngọc báu Ma-ni; Đại Phạm vương, tuy có trăm ngàn ánh sáng thanh tịnh vi diệu, sánh với ánh sáng của Như Lai, cũng khác nào như một điểm mực đen. Vì cớ sao? Vì ánh sáng tỏa tròn đến bảy thước của Đức Như Lai, soi chiếu khắp cả mười phương thế giới, tất cả chúng sinh ở trong đó, người nào gặp ánh được sáng ấy của Phật: người mù thì được trông thấy; người gù thì được ngay thẳng lại; người què quặt thì được tay chân lành lặn; người tà mê thì được thấy rõ con đường chân chánh sáng suốt. Tóm lại mà nói: mọi sự bất như ý, đều được như ý.

Lúc ấy trong chúng hội, có bảy mươi vị Đại Bồ-tát từ tòa ngồi đứng dậy, đầu mặt lễ sát chân Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi lui về một phía, đồng thanh nói ra trăm ngàn bài kệ, tán thán Đức Như Lai. Các vị Bồ-tát ấy tên là: Bồ-tát Bất Tư Nghị, Bồ-tát Ly Giác Âm, Bồ-tát Duy Niệm An, Bồ-tát Ly Cấu Xưng, Bồ-tát Vô Lượng Âm, Bồ-tát Đại Danh Văn, Bồ-tát Minh Bảo Kế, Bồ-tát Kiên Sư Tử, Bồ-tát Độc Bộ Thệ, Bồ-tát Xả Sở Niệm, Bồ-tát Cập Trí Tích, Bồ-tát Ý Thiện Trụ, Bồ-tát Vô Cực Tướng, Bồ-tát Tuệ Quang Diệu, Bồ-tát Tiêu Cường Ý, Bồ-tát Năng Ủng Hộ, Bồ-tát Chí Thành Anh, Bồ-tát Liên Hoa Giới, Bồ-tát Chúng Chư An, Bồ-tát Thánh Tuệ Nghiệp, Bồ-tát Vô Tư Nghị, Bồ-tát Tướng Công Huân, Bồ-tát Bảo Sự Nghiệp, Bồ-tát Tịnh Phạm Thí, Bồ-tát Xử Thiên Hoa, Bồ-tát Thiện Tư Duy, Bồ-tát Vô Hạn Pháp, Bồ-tát Danh Văn Ý, Bồ-tát Dĩ

Biện Tích, Bồ-tát Tự Tại Môn, Bồ-tát Thập Chủng Lực, Bồ-tát Hữu Thập Lực, Bồ-tát Đại Thánh Mẫn, Bồ-tát Vô Sở Việt, Bồ-tát Du Tịch Nhiên, Bồ-tát Tại Ư Bỉ, Bồ-tát Vô Số Thiên, Bồ-tát Tu-di Quang, Bồ-tát Cực Trọng Tạng, Bồ-tát Nhân Siêu Việt, Bồ-tát Nhi Độc Bộ, Bồ-tát Uy Thần Thắng, Bồ-tát Đại Bộ Giới, Bồ-tát Dĩ Sơn Hộ, Bồ-tát Trì Tam Thế, Bồ-tát Hữu Công Huân, Bồ-tát Tuyên Danh Xưng, Bồ-tát Nhật Quang Minh, Bồ-tát Sư Tử Anh, Bồ-tát Thời Tiết Vương, Bồ-tát Sư Tử Tạng, Bồ-tát Thị Hiện Hữu, Bồ-tát Quang Viễn Chiếu, Bồ-tát Sơn Sư Tử, Bồ-tát Hữu Thủ Thí, Bồ-tát Mạc Năng Thắng, Bồ-tát Vi Tối Tràng, Bồ-tát Hỷ Duyệt Xưng, Bồ-tát Kiên Tinh Tấn, Bồ-tát Vô Tổn Giảm, Bồ-tát Hữu Danh Xưng, Bồ-tát Vô Khủng Bố, Bồ-tát Vô Trước Thiên, Bồ-tát Đại Minh Đăng, Bồ-tát Thế Quang Diệu, Bồ-tát Vi Diệu Âm, Bồ-tát Báo Công Huân, Bồ-tát Trừ Ám Minh, Bồ-tát Vô Đẳng Luân… đều ở trước Phật phát thệ nguyện:

– Tất cả chúng con, sau khi Đức Thế Tôn diệt độ, xin dốc hộ trì Chánh pháp, lưu truyền ở khắp mười phương thế giới, khiến không đoạn tuyệt. Vì cớ sao? Vì chúng con ngày nay, được trông thấy sắc tướng nơi ánh sáng vi diệu của Đức Như Lai, không thể lấy tâm nghĩ miệng bàn được, ở trong ánh sáng ấy, đều được nghe Phật pháp, thật là chẳng thể nghĩ bàn, sau khi nghe pháp ấy rồi vĩnh viễn xa lìa những phiền não chướng trong nhiều kiếp, thân tâm trong sáng, rực rỡ như thiên kim và tất cả muôn loài cũng được nhờ ánh sáng soi chiếu ấy. Chúng con tự suy nghĩ về những công đức lợi lạc như vậy, nên đối với Đức Như Lai sinh tưởng như bậc Đại sư; sinh tưởng như bậc Đại từ phụ, thường nhớ nghĩ đến ân đức của Phật. Vì cớ sao? Chúng con được nghe Chánh pháp, không bao lâu sẽ được thành Phật, ngồi nơi đạo tràng, chuyển bánh xe chánh pháp, độ thoát cho tất cả chúng sinh, đều khiến cho chúng sinh được nghe chánh pháp, giải thoát sinh tử, chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ Đức Thích-ca Như Lai, bảo tất cả đại chúng:

– Bảy mươi vị Bồ-tát Ma-ha-tát ấy, ở đời quá khứ lâu xa trong số vô lượng trăm ngàn vạn ức vi trần a-tăng-kỳ kiếp, đã từng cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức vi trần số chư Phật, nhiều như cát sông Hằng, ở chỗ chư Phật, thường tu phạm hạnh, cúng dường chư Phật, tâm không biết mỏi mệt, theo tâm Từ tu thân, khéo hộ trì Phật pháp, không bỏ tâm đại bi, thường ở trong mười phương, làm những việc lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nếu có chúng sinh nào, tới khi mệnh chung, được nghe tên hiệu của một vị Bồ-tát ấy, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, cho đến bảy mươi vị, xưng

danh quy mệnh, người ấy sau khi mệnh chung, sẽ được vãng sinh về cõi nước của Phật, hóa sinh trong hoa sen, xa lìa dâm dục, không phải ở trong bào thai nhơ uế bất tịnh, thân thể của người ấy rất là trong sạch thơm tho mầu nhiệm, được mọi người đều cung kính yêu mến; vì được mọi người cung kính yêu mến, mà lòng sinh ra những sự hoan hỷ, vì hoan hỷ liền hay phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên đối với tất cả chúng sinh, hay khởi đại bi tâm; sau khi đã phát tâm từ bi rồi, kế sinh tâm làm những việc lợi ích cho chúng sinh, sinh tâm làm lợi ích cho chúng sinh rồi, lại phát tâm không bao giờ bỏ chúng sinh. Nhân tâm làm lợi ích cho chúng sinh, tâm tự lợi lợi tha, mà diệt trừ được tâm chướng ngại, đạt tâm tịch tĩnh, không phiền não hay gần gũi bạn lành, thường sinh tâm cung kính, tâm ý chuyên chú nghe pháp, nhớ giữ không quên, tâm suy nghĩ về nghĩa lý vi diệu, tâm nghe ít mà hiểu nhiều, tâm không nguyện nghe nhiều mà không hiểu nghĩa. Kế tin tự tâm là Chân như thực tướng; tin tự tâm là Như thực tướng nghĩa. Khi đã tin tự tâm là Như thực tướng nghĩa, kế sinh tâm Như thuyết tu hành; do sinh tâm Như thuyết tu hành rồi, kế sinh tâm không thoái chuyển, do sinh tâm không thoái chuyển, nên đối với chúng sinh, liền sinh những tâm đối trị:

"Như tôi không muốn chết, tất cả ba cõi, hai mươi lăm nẻo sinh tử, loài có hình, không hình, loài bốn chân, nhiều chân, mãi đến loài bé nhỏ như loài kiến… phàm loài nào có tánh mạng đều không muốn chết như tôi." Cho nên Bồ-tát, dù phải tan thân mất mạng, trọn không cướp đoạt thân mạng của kẻ khác.

"Như tôi có tiền của, lụa là, y phục, chăn đệm, thức ăn uống, voi, ngựa, xe cộ, quốc thành, vợ con, thân thể tay chân, tôi thường cúng dường ủng hộ, nhưng tôi không muốn người khác xâm chiếm của tôi, tất cả chúng sinh cũng lại như thế." Vì thế, Bồ-tát cho dù phải tan thân mất mạng, đối với y phục, của cải, thức ăn uống của chúng sinh, trọn không sinh tâm cướp đoạt.

"Như tôi không muốn người khác dụ dỗ cướp đoạt chị em, thê thiếp có nhan sắc của tôi, tất cả chúng sinh cũng lại như thế", cho nên Bồ-tát dù phải tan thân mất mạng, quyết không sinh ý nghĩ tà vạy, khởi tâm nhiễm ô đối với sắc đẹp của kẻ khác, phương chi còn làm những sự phạm dâm gian ác.

"Như tôi không đối trước mặt thì khen ngợi, sau lưng thì chê bai, nói lưỡi đôi chiều, nói ác khẩu, để gia hại tôi, tất cả chúng sinh cũng lại

như thế", cho nên nếu Bồ-tát phải tan thân mất mạng, cũng trọn không nói dối, nói lưỡi đôi chiều, gây sự rối loạn giữa kẻ kia người này.

"Như tôi không muốn bị roi gậy đánh đập tra khảo, tất cả chúng sinh cũng lại như thế", vì thế Bồ-tát cho đến phải tan thân mất mạng, trọn không dùng roi gậy đánh đập chúng sinh.

"Như tôi không muốn bị những cảnh khổ não: gông cùm, xiềng xích, trói buộc, tất cả chúng sinh cũng lại như thế", cho nên Bồ-tát cho đến phải tan thân mất mạng, cũng trọn không dùng gông cùm, xiềng xích để trói buộc chúng sinh.

"Như tôi không muốn người khác dùng sức mạnh uy thế, bức hiếp đè nén, không cho tôi được tự do trình bày sự thanh bạch của mình, tất cả chúng sinh cũng lại như thế", vậy nên Bồ-tát dù phải tan thân mất mạng, trọn không đem những sự phi lý, để gia hại chúng sinh.

"Như tôi được người cúng dường tôn trọng tán thán, khiến tôi vui mừng, tôi cũng sẽ thường bố thí cho chúng sinh: y phục, thức ăn uống, đồ nằm ngồi, thuốc thang và tất cả những thứ làm cho chúng sinh được an vui. Nếu tôi làm đại sự, hoặc Phật sự, Pháp sự, Tăng sự, nếu vì trí lực có hạn, không làm thế nào khiến thành tựu được, sinh ra lo buồn khổ não, nếu người có trí thấy tôi như vậy, biết rằng vì tôi kém phúc đức, nên không thể khiến cho việc ấy thành tựu được, liền bảo tôi: 'Nếu ông cần dùng điều gì, tôi sẽ xin cung cấp, khiến ông được vừa lòng, để hoàn thành công việc ấy'. Tôi nghe lời nói đó thì lòng sinh vui mừng, cho nên tôi cũng sẽ thường khuyến hóa giúp đỡ mọi người làm việc thiện, lợi ích cho chúng sinh."

"Như tôi bị nhà vua, giặc cướp, nước, lửa, quan lại bức bách, trói buộc giam cầm, lòng sinh sầu não. Người có trí tuệ, thấy tôi gặp phải những sự khổ nạn như vậy, liền đến chỗ tôi, khéo léo khuyên nhủ: 'Ông không nên sầu khổ, tôi sẽ vì ông, xin với nhà vua, hay các quan đại thần, hoặc cung cấp của cải, hoặc dùng các phương tiện khác khiến cho ông được giải thoát, không phải chịu những sự khổ nạn, suy não đó nữa'. Tôi nghe lời nói ấy, lòng sinh vui mừng. Vì thế, tôi thường siêng năng học hỏi về các ngành nghề kỹ xảo, đủ các tài năng xuất chúng như: Âm nhạc, ca múa, thiên văn, địa lý, toán số, chú thuật, học thuốc, lái xe, cỡi voi, cỡi ngựa, biết sử dụng áo giáp; cung tên, xuất trận, nhập trận, võ công hiển hách. Vì tôi có những ngành nghề đủ loại như vậy, nên tất cả mọi người: hoặc vua, hoặc đại thần… không dám trái nghịch ý tôi và tôi lại có đủ mọi thứ của cải giàu sang như: y phục, thức ăn uống, vàng ngọc, vòng xuyến, ngọc lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, châu báu, mai khôi, ngọc

Ma-ni, voi, ngựa, xe cộ, kiệu cáng, đứa ở tôi đòi, cung nhân mỹ nữ, suối chảy ao tắm, đài quán làm bằng bảy báu, thứ thứ vi diệu như vậy, vô lượng trăm ngàn."

Bồ-tát tuy có mọi thứ uy vũ, ngành nghề xuất chúng, trăm ngàn kho báu, voi ngựa xe cộ, vô lượng mỹ nữ, đài quán thắng diệu, suối chảy ao tắm, tất cả năm dục, xứng ý như vậy, nhưng tâm không hề tham đắm, mà thường ít dục biết đủ, ưa thích những chỗ vắng lặng nơi núi rừng, tu tập thiền định, tuy cùng với chúng sinh, hòa quang đồng trần, có những tài sản xuất nhập, lợi tức sinh kế, nhưng trọn không làm điều gì ác, chỉ làm những việc lợi ích cho chúng sinh.

Nếu có người nghèo cùng khổ não, tới xin Bồ-tát những thứ cần dùng, Bồ-tát đều cung cấp khiến được thỏa mãn như ý muốn của họ.

Nếu Bồ-tát thấy có chúng sinh, ưa muốn cầu Phật pháp, lại tới chỗ Bồ-tát, thân cận cúng dường, cung phụng hầu hạ, như rửa chân, xoa bóp, giặt giũ, hong phơi, đưa cành dương, nước rửa, phất trần, trải giường tòa, cuốn gấp chăn gối, mỗi đêm ba thời, chập tối, giữa đêm, gần sáng, cung cấp đèn nến, bữa ăn sáng, trưa, chiều, dâng các món ăn như: Đát-bát-na, Bồ-xà-ni, Khư-đà-ni và các thứ nước uống như: nước hưng lợi sư, nước trái phức-lặc-xa, bồ đào, hắc thạch mật. Thừa sự như vậy, từ bảy ngày cho đến sáu mươi ba ngày, vì muốn cầu thỉnh Bồ-tát xin được nghe Phật pháp.

Bồ-tát bấy giờ, tuy thấy người ấy cung cấp như vậy, nhưng tâm vẫn không vui mừng. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát ở trong thời gian lâu xa, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, dốc cầu Phật pháp là vì tất cả chúng sinh, với một bản hoài tối thượng: tâm không tăng giảm, tâm từ bi, tâm trụ nơi bình đẳng. Hoặc khi Bồ-tát làm Chuyển luân thánh vương, thường đem pháp mười nghiệp thiện, dạy bảo cho tất cả chúng sinh, ai nấy đều theo ý của Bồ-tát, hoan hỷ phụng hành, sau khi mệnh chung, được sinh lên cõi trời, hưởng thụ những an lạc nhiệm mầu của ngũ dục, tôn nghiêm cao quý, vừa tâm thích ý, đứng ngồi ở nơi Thiên cung, ngựa xe dạo chơi ở thượng uyển, kỹ nhạc hân hoan, ăn uống vui vẻ. Nhưng vô thường chợt tới, già bệnh chết chóc, khiến trai gái già trẻ, sầu khổ ảo não, cất tiếng kêu gào, đập ngực, bứt tóc, ăn uống không biết ngon, tâm ý cuồng loạn, vất vả. Người chết được chở trên xe, họ hàng khóc lóc tiễn đưa, đến khi mai táng xong rồi, thân thuộc họ hàng dìu dắt nhau về nhà, vì quá đau xót sầu khổ, nên có người hoặc bị mang bệnh, hoặc sinh ra điên cuồng, hoặc có khi bị chết. Người sống đã bị tổn hại lớn như thế, mà người chết cũng không lợi ích gì.

Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương, cùng với những người tháp tùng đi tuần hành khắp trong quốc giới, xem thấy các chúng sinh, phải chịu những sự khổ não như vậy, trong lòng rất thương xót, thốt ra lời nói:

– Ta nay làm vua, cai trị quốc giới, tuy rằng đem pháp mười nghiệp thiện để nhiếp hóa tất cả chúng sinh, nên được hưởng những quả báo vi diệu của ngũ dục như vậy, nhưng vẫn không thoát khỏi được cảnh thống khổ về sinh, lão, bệnh, tử, vô thường hủy hoại, nên biết ta tuy dùng chánh pháp trị nước, cũng thành ra vô ích đối với mọi người, nếu như đã vô ích đối với mọi người như vậy, thì làm sao được gọi là Chuyển luân thánh vương? Làm sao được gọi là Đại từ phụ? Làm sao được gọi là Đại y vương? Làm sao được gọi là Đại đạo sư, vì đã là Đại đạo sư thì phải dẫn dắt chúng sinh đi theo con đường chân chánh, chỉ bày lối Niết-bàn giải thoát, khiến cho chúng sinh chứng được đạo Vô vi, thường được yên vui. Chúng ta ngày nay thực là danh chẳng xứng với hành.

Ví như có người bị khát nước gần chết, chạy khắp Đông, Tây, tìm cầu nước uống, xa xa trông thấy một cái giếng khô, lòng sinh ra vui mừng, rồi tự nghĩ: "Thân ta ngày nay tưởng chừng phải chết, mà được sống lại. Vì cớ sao? Nếu như không gặp được nước, thì quyết không lâu sẽ bị chết khát, nay gặp được một cái giếng tốt như thế này, ắt sẽ có kỳ vọng được nước trong mát để uống, khỏi phải chết khát."

Nghĩ như vậy rồi, liền chạy đến bờ giếng, cởi bỏ áo, treo ở một chỗ, rồi xuống giếng lấy nước, nhưng không được nước, lại chỉ thấy những loài rắn độc, thạch sùng, bò cạp, cuốn chiếu, sành sỏi, gai gốc và các thứ cỏ tạp.

Bấy giờ người khát nước kia trở nên thất vọng, đã không được nước uống, lại gặp nhằm những loài trùng độc phun nọc dữ, toan thoát ra khỏi giếng, nhưng vì bờ giếng lở nát, nên rớt xuống tới đáy, không khác nào ở trên núi cao trượt té xuống dưới đất. Giếng ấy sâu bằng một đường tên bắn, đã không có thang bậc, lại không có cả dây rợ gậy gộc, dầu có cố sức nhảy lên, cũng không thể lên nổi, kiệt cả hơi sức, rồi lại hoàn rớt xuống giếng, nên bị các loài rắn độc rỉa ăn, trong lúc tánh mệnh chưa đoạn tuyệt hẳn, liền nói:

– Nếu ta biết trước, giếng này không có nước, mắt còn không muốn nhìn thấy, huống là tới đây để lấy nước, ngày nay mắc phải khổ độc như thế, là tại cái giếng này làm ta bị lầm vậy.

Lúc ấy, Chuyển luân thánh vương thấy các hạng dân chúng, nhà cửa trai gái, ân ái chia ly, phải chịu khổ não, liền nói:

– Thân ta ngày nay, ví như giếng không có nước, tuy có cái tên gọi là giếng, nhưng không có nước. Ta tuy dùng chánh pháp trị nước, khiến cho muôn dân có chỗ hướng về, nhưng rốt cuộc cũng chẳng đem lại lợi ích cho ai, đến nỗi dân chúng phải tan thân mất mạng, khổ não như thế. Ta nay tuy ở ngôi Chuyển luân thánh vương, bảy báu đầy đủ, dùng pháp mười thiện dạy bảo, dùng chánh pháp trị nước, khiến cho các chúng sinh được sinh nơi cõi người, cõi trời, thọ hưởng năm dục, an lạc thắng diệu, nhưng vẫn không thoát khỏi được những cảnh sinh, già, bệnh, chết, ân ái phân ly, oán ghét gặp gỡ, đau thương khổ não, khóc lóc thảm thiết, là lỗi tại ta, chứ đâu phải là lỗi tại chúng sinh! Vì sao? Chánh vì ta không có pháp xuất thế gian, để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tuy chúng sinh theo ta hỏi han lãnh thọ pháp thiện, mong được yên vui, mà thực không thể vượt qua được bể khổ sinh tử.

Chuyển luân thánh vương lại tự nghĩ: Thân của ta đây, ngày nay ví như người không có trí tuệ, là người thí chủ đại ngu si. Khi ấy, người thí chủ gặp lúc trời làm đại hạn, bảy năm không mưa, cây cối bị khô héo hết, thời buổi đói kém, lúa gạo mắc mỏ, muôn dân đói khát, chỉ ăn rau thay cơm, uống máu ăn thịt, tàn hại nhau, nhưng sự thực thì đối với nhau họ có tội tình gì đâu! Hoặc đến nỗi cha ăn thịt con, hoặc con ăn thịt cha mẹ; anh em, vợ chồng con cái, ăn nuốt lẫn nhau.

Lúc đó, người Đại thí chủ dạo đi xem xét, trông thấy chúng sinh, đói khát tiều tụy, gầy còm run rẩy, thân thể đen xấu, trên vai của các người đó, hoặc thấy mang gánh thuần là xác người chết, hoặc là đầu, tay, lóng tay, bắp tay, xương sống, xương sườn, bả vai, đầu gối, ngón chân, hoặc gan, mật, ruột non, ruột già.

Đại thí chủ liền hỏi nhỏ:

– Những vật mà ông mang gánh đó là vật gì?

Người ấy đáp:

– Những vật mà tôi gánh thuần là đầu, tay, cánh tay, lóng đốt… của người chết.

Đại thí chủ hỏi:

– Ngươi gánh những thứ… của người chết ấy để làm gì?

Người ấy thưa:

– Ông không biết sao? Trời làm đại hạn, thời buổi đói kém, thóc gạo mắc mỏ, muôn loài đói khát, ăn nuốt lẫn nhau, những vật mà tôi gánh đó, chính là thức ăn của tôi đấy.

Bấy giờ, thí chủ nghe lời nói ấy rồi, trong lòng rất kinh hãi, dựng cả chân lông, ngã ngất ra đất, phải dùng nước lạnh rảy lên mặt, hồi lâu mới tỉnh. Rồi lại hỏi:

– Tuy nhiên, đó là thức ăn của ông, nhưng là thịt của ai vậy?

Người bị đói kia nghe lời hỏi ấy, liền cất tiếng òa khóc, đau đớn như đứt ruột, bảo với người thí chủ:

– Thực là đau đớn! Quái lạ thay! Quái lạ thay! Không biết nói sao cho xiết! Đại thí chủ! Tôi nay tình thực thưa cho ông được rõ: những thứ thịt người mà tôi gánh đó có thể nói hoặc là cha, mẹ, hoặc là vợ con, anh em hay là họ hàng cốt nhục.

Lúc đó, các người bị đói khát, ai nấy đều đem lòng thành thực tự nói nguyên nhân của những sự việc với Đại thí chủ, mà không có việc gì khác hơn là ngoài việc vì bị đói khát, cho nên họ mới phải ăn nuốt lẫn nhau như vậy.

Bấy giờ, Đại thí chủ nghe nói như thế, bùi ngùi than thở, bảo với mọi người:

– Các ngươi ngày nay không nên ăn thịt lẫn nhau, nếu cần dùng quần áo, thức ăn uống, thuốc thang… bảy ngày nữa, hãy tụ tập tất cả ở tại nhà ta, ta sẽ tùy theo sự cần dùng của các vị mà cấp cho tất cả mọi thứ như: quần áo, thức ăn uống, thuốc thang khi bệnh hoạn, thỏa mãn với ý muốn của mọi người.

Ai nấy nghe rồi, lòng sinh vui mừng, ca ngợi:

– Tốt lắm! Tốt lắm! Thực là một sự việc chưa từng có!

Khi ấy thí chủ, trở về tới nhà, gọi vợ con và tôi tớ, tất cả đều hội họp, rồi vị thí chủ ở trước đại chúng, nét mặt vui vẻ, nói lời dịu dàng, bảo ban vợ con và các tôi tớ, nên phải để lòng nghe mình nói:

– Các người có biết chăng! Hiện nay gặp lúc trời làm đại hạn, thời buổi đói kém, dân chúng chết chóc vô số, các người ở tại nhà này, kho tàng đầy dẫy, thóc gạo chứa chan, cần phải cùng nhau kịp thời gieo trồng ruộng phúc.

Vợ con nghe rồi cùng khen ngợi:

– Tốt lắm! Tốt lắm! Chúng tôi rất lấy làm sung sướng và xin vâng theo lời của thí chủ, thân mạng của chúng tôi đây còn chẳng tiếc, huống chi là kho tàng của cải, thức ăn uống.

Bấy giờ, thí chủ lòng sinh vui mừng, nói:

– Tốt lắm! Tốt lắm! Các ngươi thực là những người bạn đạo Vô

thượng của ta! Các ngươi, mỗi người nên tự phân chia công việc tùy theo đó mà làm, nên làm ngay và làm mau, bảy ngày nữa quyết phải làm cho xong.

Lúc ấy thí chủ phân chia các công việc đã xong xuôi, liền đi ra ngoài, chốn chốn xem xét, với ý định tìm một khoảng đất nào bằng phẳng rộng rãi, để làm nơi lập hội đàn bố thí.

Sau khi đã tìm được chỗ đất thanh tịnh như ý muốn, ở đấy các thứ cát sỏi, gốc cây, gai gốc, đã được trừ sạch, các thứ giường tòa, chăn đệm trải bày la liệt, để làm chỗ cho đại chúng ngồi tươm tất. Năm trăm thớt voi, vận tải các thứ đồ ăn uống tới hội đàn bố thí. Các thứ đồ ăn uống ấy chất lên cao như núi, các thứ sữa, dầu mỡ, bánh thịt nhiều như nước ao, các thứ cỗ bàn yến tiệc, trăm vị đầy đủ và cả các thứ y phục, vòng ngọc, trâm xuyến, voi ngựa, bảy báu, không thiếu một thứ gì, đều được xếp đặt hết sức trang nghiêm, hoàn bị.

Sau bảy ngày, khi mặt trời vừa mọc, cùng suốt thời gian ấy, khua chuông đánh trống, thổi tù và, cao tiếng xướng:

– Tất cả đại chúng đều hội họp ở nơi hội đàn của Đại thí chủ đây.

Bấy giờ, mọi người nghe tiếng xướng ấy, lòng sinh vui mừng, khác nào như ngưỡng mộ Hiền thánh.

Sau khi nghe tiếng xướng ấy rồi, liền tìm đến đại hội đàn bố thí, tùy ý mà lấy: nào là y phục, chăn đệm, thức ăn uống, vòng ngọc, trâm xuyến, trăm thứ thuốc thang, voi ngựa, bảy báu, tùy theo sở thích, ai muốn lấy thứ gì thì tùy ý lựa chọn.

Đại thí chủ nhìn thấy mọi người đều đã lãnh hết các thứ của cải đem đi rồi, lòng ông rất vui mừng, liền trở về nhà, để cùng với vợ con thọ hưởng những sự sung sướng thỏa thích của cảnh ngũ dục.

Sau thời gian bố thí bảy ngày, bỗng nghe thấy người ngoài nói:

– Những người trước đây nhận các thứ y phục, chăn đệm, thức ăn uống của thí chủ ấy, đều bị trúng độc mà chết, hoặc giả có người nào chưa chết, họ đều nói: “Lạ thay! Lạ thay! Đại thí chủ ấy có lòng thương xót, cung cấp những thứ cần dùng cho mọi người nào y phục, chăn đệm, thức ăn uống, tuy nhiên hiện thời, đã được qua khỏi sự đói khát, tánh mạng được toàn vẹn, nhưng sau đó vài ngày, đều bị trúng độc mà chết hết cả.”

Đại thí chủ nghe thấy nói như vậy, sinh ra buồn bực áo não, hỏi vợ con:

– Tại sao các người, khi nấu nướng các thức ăn uống, lại để cho thuốc

độc nhiễm vào trong thức ăn, làm cho mọi người ăn nhằm mà bị chết như thế?

Vợ con và các tôi tớ trong nhà đều thưa:

– Thưa không phải như vậy đâu.

– Nếu không như vậy, thì thuốc độc từ đâu mà có đây?

Tất cả đều đáp lại:

– Thưa chúng tôi không được rõ.

Khi ấy, thí chủ liền vào trong nhà, lần lượt đi kiểm tra lại, thì thấy có một cái giếng nước đậy nắp, liền hỏi mọi người:

– Đây là cái giếng gì đây?

Gia nhân đáp:

– Đây là cái giếng nước, trước đây khi thí chủ còn bé, thí chủ có nuôi ba con rắn độc ở trong đó, chính đây là chỗ ở của ba con rắn độc ấy, nên nước cũng là nước độc, nếu người nào uống lầm phải, đều bị chết mất mạng.

Thí chủ xem xét rồi, liền hỏi các người tôi tớ:

– Trước đây các ngươi có dùng nước nơi này để nấu thức ăn uống không?

Các người tôi tớ nói:

– Thưa vì công việc lúc ấy quá gấp rút, cho nên chúng tôi có gánh nước ở trong giếng này để nấu thức ăn và dùng làm nước uống.

Đại thí chủ nói:

– Lạ thay! Lạ thay! Ta thực là những kẻ ngu si không có trí tuệ, tại sao ta lại nuôi những loài rắn độc ở trong cái giếng này, để gây thành tai họa như thế?

Rồi ông bảo cùng vợ con:

– Phải lấp ngay cái giếng này đi và ba con rắn độc ở trong đó, các ngươi sẽ vì ta, lấy lửa đốt chúng cho chết hết, để tránh những tai họa về sau này.

Thí chủ đã diệt trừ hết những thứ độc hại ở nơi giếng xong rồi, ông liền ra ngoài quan sát, thấy những người lãnh nhận sư bố thí của ông, đều đồng thanh nói:

– Ông thí chủ này đã cho chúng tôi thuốc độc, khiến chúng tôi có người đến nỗi phải tan thân mất mạng, nếu như chúng tôi biết trước trong những món ăn có chất độc như thế, quyết sẽ không bao giờ dám ăn cả.

Vị Đại thí chủ kia, nghe mọi người nói như thế, trong lòng vô cùng áo não.

Cũng vậy, Chuyển luân thánh vương, tuy dùng mười điều thiện để dạy bảo, khiến cho chúng sinh, được sinh nơi cõi người, cõi trời, dẫu được thọ hưởng năm thứ dục lạc thắng diệu, sung sướng hết mực, nhưng vẫn chưa thoát khỏi được cảnh sinh, già, bệnh chết.

Bấy giờ, Chuyển luân thánh vương liền phát nguyện:

– Ta nay quyết phải cầu Phật pháp vô thượng, là pháp xuất thế gian, khiến cho các chúng sinh, tán thán đọc tụng tu tập, để được xa lìa sinh tử, đạt đến cảnh Niết-bàn, giải thoát yên vui.

Lúc đó, Chuyển luân thánh vương, vì dốc cầu Phật pháp liền cho truyền lệnh khắp cõi Diêm-phù-đề: Ai hiểu biết Phật pháp thì Đại Chuyển luân thánh vương xin cầu được học tập.

Nhưng tất cả những nơi được lệnh của vua truyền đó đều nói là không có ai cả.

Cuối cùng đến một nước nhỏ kia, có một người Bà-la-môn, là người hiểu biết Phật pháp. Khi đó, sứ giả liền đi ngay tới chỗ vị Bà-la-môn kia, hỏi:

– Đại đức có hiểu biết về Phật pháp chăng?

Đáp:

– Hiểu!

Sứ giả nghe đáp thế thì đầu mặt lễ xuống chân, thưa cùng với Đại sư:

– Đại Chuyển luân thánh vương muốn thỉnh Đại sư chỉ dạy về Phật pháp cho nhà vua. Kính xin Đại sư thương xót nhận lời, tới chỗ Chuyển luân thánh vương kia để truyền dạy.

Khi đó Chuyển luân thánh vương liền ra ngoài hoàng thành để nghinh đón, đầu mặt lễ xuống chân, hỏi han Đại sư đi đường có mệt nhọc lắm không? Rồi mới mời vào trong cung, ở trên chánh điện, Vua mời Đại sư ngồi nơi ngự tòa của mình.

Người Bà-la-môn liền lên ngự tòa, ngồi kiết già.

Đại vương thấy Đại sư đã ngồi xong và những thứ cần dùng đã được cung cấp đâu vào đấy rồi, vua chắp tay hướng về người Bà-la-môn, thưa:

– Thưa Đại sư, ngài có hiểu biết về Phật pháp không?

Người Bà-la-môn đáp:

– Ta hiểu biết Phật pháp.

Đại vương thưa:

– Thưa Đại sư, xin người hãy vì tôi giải nói Phật pháp.

Người Bà-la-môn nói:

– Vua là người rất ngu si! Trước đây cầu học Phật pháp, ta đã phải chịu không biết bao nhiêu là sự cần khổ mới thành được. Nay đại vương đâu có thể nào lại muốn nghe một cách dễ dàng như thế?

Đại vương thưa:

– Vậy Đại sư muốn cần dùng những vật gì?

Người Bà-la-môn nói:

– Đại vương phải cúng dường cho ta.

Vua nói:

– Chẳng hay những thứ cúng dường ấy là những vật gì? Y phục, chăn đệm, thức ăn uống hay vàng bạc, châu báu?

Người Bà-la-môn đáp:

– Ta không dùng những thứ cúng dường ấy.

Vua hỏi:

– Nếu Đại sư không dùng những thứ cúng dường như thế, hay là Đại sư cần dùng voi, ngựa, xe cộ? Nước, thành, vợ con? Hay âm nhạc, ca hát?

Người Bà-la-môn nói:

– Ta cũng không dùng những thứ cúng dường như vậy, mà ta chỉ muốn nhà vua khoét trên thân thể của mình thành một ngàn cái lỗ, rồi đổ dầu đốt làm đèn đuốc để cúng dường cho ta, thì ta sẽ giảng nói Phật pháp cho, nếu không làm được như thế, ta sẽ bỏ đi ngay.

Vua chưa kịp trả lời, thì người Bà-la-môn đã bước ra khỏi tòa ngồi, toan bỏ đi.

Đại vương liền giữ lại và thưa:

– Xin Đại sư hãy vui lòng ở lại đây trong giây lát, nay tôi vì trí tuệ nông cạn, công đức mỏng manh, xin cho tôi được suy nghĩ trong giây lát, tôi sẽ vâng lời cúng dường như lời Đại sư đã dạy.

Chuyển luân thánh vương liền tự suy nghĩ:

– Ta từ đời vô thỉ lại đây, đã bỏ vô số thân mạng, nhưng chưa từng có lần nào vì pháp bỏ mình. Thân này của ta rồi một ngày kia cũng sẽ phải hoại diệt, đâu có thể còn mãi được, ngày nay chính là lúc ta cần phải đem thân mạng này để cúng dường nhằm cầu pháp.

Suy nghĩ như thế rồi, vua liền thưa Đại sư:

– Thưa Đại sư, tôi sẽ xin làm ngay việc cúng dường như lời đã dạy bảo.

Lúc ấy, đại vương liền vào trong cung, bảo với các phu nhân:

– Kể từ đây ta sẽ vĩnh biệt các phu nhân!

Các phu nhân nghe vua nói như thế, trong lòng rất kinh hãi, dựng cả chân lông, mà chẳng biết nguyên do tại sao lại có sự tình như thế! Các phu nhân nhỏ nhẹ nói với vua:

– Vua định sẽ đi đâu?

Vua nói:

– Thân ta ngày nay, ta muốn sẽ khoét làm một ngàn ngọn đèn để cúng dường Đại sư.

Các phu nhân nghe vua nói như vậy liền vật vã ra đất, cất tiếng kêu gào, mê mẩn, hồi lâu mới tỉnh, rồi tâu với vua:

– Tâu đại vương, ở đời không gì quý trọng bằng thân mạng, người ta cung phụng nuông chiều nó, tùy thời dưỡng, mà còn e chưa được hài lòng, nay vì lẽ gì mà vua lại hủy hoại ngọc thể như vậy? Vua là bậc trí tuệ mà in tuồng như kẻ điên rồ, lại như có ma quỉ gì ám hại?

Vua nói:

– Không phải như vậy đâu!

– Nếu không phải như vậy thì sao vua lại chuốc lấy những sự khổ não như thế, để cúng dường người Bà-la-môn?

Vua bảo các phu nhân:

– Nay ta sở dĩ làm như thế là muốn vì tất cả chúng sinh mà cầu Phật pháp.

Các phu nhân nói:

– Nếu vua nói là vì tất cả chúng sinh, ngày nay tại sao lại chỉ thấy có mỗi một mình đại vương xả bỏ thân mạng?

Vua bảo các phu nhân:

– Thiên hạ ân ái đều sẽ phải biệt ly, vì thế ta nay đem thân mạng này để cúng dường, là ta muốn vì các người và tất cả chúng sinh ở trong nhà tối, đốt lên một ngọn đèn lớn trí tuệ, soi sáng giữa đêm trường sinh tử, vô minh tối tăm cho các người, khiến cho các người dứt trừ được cái họa khổ về sinh tử trong nhiều đời nhiều kiếp, vượt qua mọi chướng nạn, đến được cảnh Niết-bàn an lạc. Các người tại sao lại làm trái ngược với ý định của ta?

Lúc ấy, các phu nhân nghe vua nói rồi, đều lặng thinh không dám đối đáp nữa, mà trong lòng thì rất sầu não, cất tiếng gào khóc, nức nở, tự bứt tóc, cào mặt, lại nói:

– Đám chúng ta vì ít phúc, cho nên nay mất chỗ nương cậy.

Vua có năm trăm thái tử, thảy đều đoan nghiêm, đẹp đẽ, thông minh, trí tuệ, nhân tướng đầy đủ, nên được vua rất yêu quý, chẳng khác nào con ngươi nơi mắt.

Bấy giờ, đại vương bảo các con:

– Ngày nay ta muốn làm việc cúng dường, ta e thân mạng này của ta không biết có qua khỏi được chăng, hay sẽ phải cách biệt các con, nếu thế thì cõi nước này, theo vương pháp, việc trị nước đã sẽ trao cho người con lớn nhất của ta.

Các thái tử nghe vua cha nói như thế, thì cả tứ chi, gân cốt, mạch máu như muốn bứt ra, giống như người bị nghẹn không thể nuốt vào, lại chẳng thể khạc ra, rất đau đớn, nghẹn ngào tâu vua:

– Vua cha ngày nay sao lại nỡ bỏ chúng con bị côi cút?

Các thái tử nói thế rồi, người thì ôm lấy cổ của vua cha, hoặc cầm lấy tay chân, cất tiếng khóc lóc bi thảm:

– Lạ thay! Lạ thay! Làm sao ngày nay chúng tôi lại bị mất sự che chở vĩnh viễn như thế này!

Đại vương liền khuyên bảo các con:

– Thiên hạ ân ái đều phải có lúc ly biệt.

Các con tâu vua cha:

– Thưa cha, tuy cha dạy bảo như vậy, nhưng vì tâm tình luyến mộ cha, chúng con làm sao có thể bỏ được! Đại vương ngày nay xin ban cho chúng con một điều sở nguyện là: chúng con xin đem thân mạng này dâng lên đại vương, để đại vương cúng dường cho người Bà-la-môn.

Vua nói:

– Các con còn trẻ, chưa thể biết được, chưa thể làm được những sự cúng dường ấy, như ta ngày nay đã thỉnh Đại sư từ phương xa tới đây, ta đã hứa cúng dường người, các con không được làm trái lời của ta. Phàm là người con có hiếu, tất nhiên không được làm trái ý của cha mẹ, tại sao ngày nay các con lại trái ý ta?

Các thái tử nghe lời đó rồi, đều cất tiếng kêu gào, kinh động cả đến các vị thần kỳ và gieo mình xuống đất như núi Thái nghiêng đổ.

Bấy giờ, đại vương lại từ biệt tất cả các vua nơi các tiểu quốc, rồi trở

lại cung, đến trước chỗ Đại sư, cởi bỏ các thứ chuỗi ngọc, y phục trang sức trên mình, để ở một chỗ, ngồi ngay ngắn xong xuôi, rồi bảo các đại thần, các tiểu quốc vương, năm trăm thái tử, hai vạn phu nhân:

– Các người hôm nay, ai sẽ vì ta mà khoét một ngàn lỗ ở nơi thân thể của ta?

Phu nhân, thái tử và quần thần, đều đồng tâm thưa:

– Thà lấy dao sắc, tự khoét hai mắt mình, chứ trọn không thể lấy tay mình khoét thân thể của vua được.

Đại vương nghe thế, tâm sinh sầu não, tự nghĩ mình ngày nay thực là cô độc, trong số đông đảo này, không một người nào có thể giúp đỡ cho mình được sao?

Bấy giờ, có một người Chiên-đà-la, tánh tình rất hung ác, ai cũng sợ hãi, nhân nghe thấy tiếng liền đi tới chỗ vua, bảo với thái tử:

– Đừng nên lo buồn làm chi, tôi nay có cách làm cho sự việc của vua không thể thành tựu được. Việc ấy khi đã không thể thành tựu, tất nhiên vua sẽ lại cai trị đất nước như trước đây, không khác.

Các thái tử nghe nói như thế đều sinh lòng vui mừng.

Người Chiên-đà-la bèn đi đến chỗ vua, tâu với đại vương:

– Đại vương hôm nay định làm gì vậy?

Vua nói:

– Ta định khoét mình làm một ngàn ngọn đèn, để cúng dường cho bậc Đại sư.

Người Chiên-đà-la tâu:

– Đại vương muốn khoét mình, tôi có thể vì đại vương mà làm được.

Vua nghe nói, lòng rất vui mừng, bảo người Chiên-đà-la:

– Nhà ngươi thực là người bạn đạo Vô thượng của ta.

Lúc ấy, người Chiên-đà-la liền sấn đến chỗ vua, với dáng điệu quát tháo dữ tợn, nói lớn:

– Đại vương nên biết, cái phép giết người, phải chém đầu, cắt cổ, chặt tay, chặt chân, cắt gân, đau đớn như thế, đại vương có thể kham chịu được không?

Vua nghe lời nói ấy, lòng đầy vui mừng.

Người Chiên-đà-la, tay cầm con dao lưỡi trâu, tới nơi thân thể của vua, trong khoảng chớp mắt đã khoét thành một ngàn lỗ.

Khi đó, người Chiên-đà-la tưởng vua thoái tâm, nhưng thực ra thì vua

rất bình tĩnh.

Người Chiên-đà-la thi hành xong, liền quăng con dao xuống đất, rồi mà bỏ chạy đi nơi khác.

Bấy giờ, đại vương nơi các lỗ bị khoét đã đổ dầu, dùng lụa làm bấc để đốt đèn.

Đại sư Bà-la-môn trông thấy nhà vua làm việc ấy rồi, liền tự nghĩ: "Ta nay phải nên trước vì đại vương tuyên nói Phật pháp. Vì sao? Đại vương ngày nay, đã đốt mình làm đèn, e tánh mạng khó qua được, nếu như tánh mạng không qua được, thì ai sẽ nghe pháp?"

Suy nghĩ như vậy, liền tâu với vua:

– Tinh tấn dũng mãnh làm được những việc khó làm, tu hành khổ hạnh như thế, là vì muốn được nghe Phật pháp. Giờ đây đại vương hãy nghe cho kỹ, nhớ nghĩ cho khéo, nay tôi sẽ vì đại vương tuyên nói Phật pháp.

Vua nghe lời nói ấy, lòng rất vui mừng, ví như người con hiếu thảo vừa mới mất cha mẹ, trong lòng rất sầu não, không biết nói sao cho xiết, nhưng bỗng thấy cha mẹ sống lại, nên lòng rất vui mừng. Vua nghe lời nói vừa rồi, cũng lại như thế.

Lúc ấy người Bà-la-môn liền vì nhà vua mà nói một nửa bài kệ:

Các pháp hưng, suy,
Sinh tất có diệt.
Tịch diệt là vui.

Vua nghe pháp ấy rồi, trong lòng rất vui mừng, bảo các thái tử và đám đại thần:

– Các người đối với ta, nếu ai có lòng thương yêu, nên phải vì ta, nhớ giữ gìn pháp ấy, ở khắp tất cả thành ấp thôn xóm, cho đến hang cùng ngõ hẻm, truyền nói ưu mệnh của vua: "Mọi người nên biết, Đại Chuyển luân thánh vương nhận thấy muôn dân và tất cả chúng sinh phải chìm đắm trong bể khổ, chưa được giải thoát, nên ngài sinh tâm thương xót, khoét mình làm một ngàn ngọn đèn để cầu một nửa bài kệ. Các ngươi ngày nay, nếu ai cảm ân đức đại từ bi của đại vương, nên hãy viết chép bài kệ ấy, hoặc đọc tụng, tu tập, suy nghĩ đúng nghĩa lý, theo như lời dạy tu hành".

Mọi người nghe lời nói ấy rồi, tâm sinh vui mừng, đồng thanh khen ngợi đại vương:

– Lành thay! Lành thay! Thực là bậc cha lành rộng lòng Từ bi, vì các chúng sinh tu khổ hạnh như thế, chúng ta phải nên chóng tới biên chép,

hoặc trên giấy, hoặc trên vải, hoặc khắc trên đá, hoặc trên cây cối, sành sỏi cỏ lá, khe suối, đường lối và những chỗ nhiều người qua lại, cũng đều viết chép, khiến cho người nào được trông thấy, nghe thấy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ đại vương liền đốt một ngàn ngọn đèn, cúng dường Đại sư, ánh sáng chiếu xa, khắp mười phương thế giới, trong ánh sáng của những ngọn đèn ấy, cũng phát ra tiếng truyền nói nửa bài kệ. Những người nghe pháp đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ánh sáng của một ngàn ngọn đèn ấy còn chiếu tỏa lên mãi tới cung trời Đao-lợi, làm át cả ánh sáng của chư Thiên.

Lúc ấy vua cõi trời Đao-lợi, thấy ánh sáng tỏa chiếu khắp Thiên cung, liền nghĩ: "Không biết vì nhân duyên gì mà lại có ánh sáng ấy?" Nghĩ vậy rồi, liền dùng Thiên nhãn xem xét nơi nhân gian, thì thấy vua Đại Chuyển luân, vì thương xót tất cả chúng sinh mà khoét mình thành một ngàn ngọn đèn, cúng dường Đại sư, để cầu Phật pháp, cứu độ cho tất cả muôn loài. Thiên vương suy nghĩ: "Chúng ta hôm nay phải đến nơi nhân gian để khuyến khích giúp đỡ, khiến cho nhà vua sinh tâm vui mừng."

Vua cõi trời Đao-lợi liền hiện xuống nhân gian, hóa làm người phàm, đi đến chỗ vua Đại Chuyển luân, hỏi nhà vua:

– Đại vương khoét mình thành một ngàn ngọn đèn, tu khổ hạnh như thế, mong cầu một nửa bài kệ để làm gì vậy?

Vua đáp:

– Thiện nam tử, ta vì tất cả chúng sinh nên nay phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, người biến hóa kia liền trở lại thân của Thiên đế Thích, với ánh sáng rực rỡ oai nghiêm, bảo với nhà vua:

– Đại vương cúng dường như vậy là để cầu làm Thiên vương, Ma vương hay Phạm vương?

Chuyển luân thánh vương liền bảo Thiên đế Thích:

– Tôi không cầu sự tôn quý ở cõi Trời hay cõi Người, mà chỉ muốn cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, để cứu độ cho tất cả chúng sinh. Người chưa được yên ổn sẽ khiến được yên ổn, người chưa được giải thoát sẽ khiến được giải thoát, người chưa được độ sẽ khiến được độ, người chưa đắc đạo sẽ khiến cho được đắc đạo.

Thiên đế Thích nói:

– Đại vương ngày nay thật là ngu si! Cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác phải khổ công siêng năng tu tập lâu dài mới thành tựu được, như vậy làm sao mà nhà vua có thể cầu đạo Vô thượng được?

Vua bảo Thiên đế Thích:

– Giả sử vòng sắt nóng quấn chặt lấy đầu tôi, tôi trọn không vì thế mà thoái tâm Bồ-đề.

Thiên đế Thích nói:

– Đại vương dẫu nói như vậy nhưng tôi vẫn chưa có thể tin được.

Khi ấy, Chuyển luân thánh vương liền ở trước Thiên đế Thích lập thệ nguyện:

– Nếu tôi không thực lòng cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để cứu độ chúng sinh, mà nói dối với Thiên đế Thích, thì một ngàn lỗ khoét trên thân thể này của tôi trọn không bao giờ lành, trái lại, nếu không như vậy, máu sẽ thành sữa và một ngàn lỗ ấy sẽ bình phục như cũ.

Vua vừa nói lời ấy xong, tức thì một ngàn lỗ trên thân thể của vua liền được bình phục như cũ.

Thiên đế Thích nói:

– Lành thay! Đại vương quả thực là người có lòng đại bi và thực hành đại bi, tinh tấn khổ hạnh, như vậy quyết không bao lâu sẽ chứng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi thành Chánh giác rồi, xin ngài độ cho tôi trước.

Lúc ấy, Thiên đế Thích bèn phóng ánh sáng, chiếu khắp toàn thân của vua, đồng thời trăm ngàn chư Thiên cùng lúc đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Năm trăm thái tử thấy thân thể của vua cha được bình phục như cũ, lòng rất vui mừng, liền ra trước vua, đầu mặt lễ sát xuống chân, rồi lui ra ngồi qua một phía, chắp tay hướng về vua cha, đồng thanh nói:

– Thực chưa từng có! Vua cha ngày nay thực là người có lòng Từ bi, thương xót tất cả.

Vua bảo các thái tử:

– Nếu các con là người có hiếu thì phải nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các thái tử nghe lời nói ấy xong, lòng sinh vui mừng, vì cảm ân đức trọng đại của vua cha, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hai vạn phu nhân, trăm ngàn thể nữ cũng lại như thế.

Bấy giờ trong muôn dân, có những chúng sinh nhiều bằng số hạt cát của bảy mươi sông Hằng, đều phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, lại có vô

lượng chư Thiên, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu-la già, Nhân và Phi nhân… được trông thấy và nghe thấy sự việc ấy, đều phát đạo tâm, rồi hoan hỷ lui ra.

-oOo-

Phẩm 4: PHÁT TÂM BỒ-ĐỀ

Bấy giờ trong chúng hội, có một vị Đại Bồ-tát Ma-ha-tát, tên là Hỷ Vương, liền từ tòa ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ xuống đất, chắp tay ngưỡng bạch Đức Như Lai:

– Bồ-tát phải tri ân, báo ân như thế nào?

Phật bảo Bồ-tát Hỷ Vương:

– Thiện nam tử, ông hãy nghe cho kỹ: Bồ-tát muốn tri ân báo ân nên phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và chỉ dạy cho tất cả chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Hỷ Vương hỏi:

– Nếu phát tâm Bồ-đề, sẽ phải phát như thế nào? Và nhân đâu mà có thể phát được?

Phật nói:

– Thiện nam tử, Bồ-tát Ma-ha-tát, khi mới phát tâm Bồ-đề phải lập đại nguyện và nói như thế này: "Nếu khi tôi chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tôi sẽ làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh được an trụ trong cảnh đại Niết-bàn, lại sẽ giáo hóa tất cả chúng sinh, thảy đều đủ Bát-nhã ba-la-mật." Như thế gọi là tự lợi cũng gọi là lợi tha.

Cho nên Bồ-tát khi mới phát tâm Bồ-đề, thời được gọi là Bồ-đề nhân duyên, chúng sinh nhân duyên, chánh nghĩa nhân duyên, ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp nhân duyên, thâu nhiếp tất cả cội gốc của pháp thiện.

Vì thế Bồ-tát được gọi là bậc Đại thiện, cũng gọi là cội gốc lành của tất cả chúng sinh, do vậy mà Bồ-tát có thể phá trừ ba nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý… cho tất cả chúng sinh. Tất cả những thệ nguyện của thế gian, tất cả thệ nguyện của xuất thế gian, không có thệ nguyện nào bằng được thệ nguyện thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thệ nguyện như thế, thực không gì hơn, không gì trên được nữa.

Bồ-tát khi mới phát tâm Bồ-đề, có năm việc: Một là tánh, hai là hạnh, ba là cảnh giới, bốn là công đức, năm là tăng trưởng. Bồ-tát nếu có thể phát tâm Bồ-đề, thì được gọi là Đại Bồ-tát, quyết định sẽ được

đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hạnh Đại thừa. Cho nên khi mới phát tâm Bồ-đề, tức có khả năng thâu nhiếp được tất cả pháp thiện. Bồ-tát Ma-ha-tát phát tâm Bồ-đề, tu hành mong đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu không phát tâm quyết không thể nào thành được, cho nên phát tâm là cội gốc của quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy chúng sinh phải chịu những sự khổ não thì lòng sinh thương xót, nên Bồ-tát, nhân tâm từ bi mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhân phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà hay tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp, chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên phát tâm là cội gốc của đạo quả Vô thượng Bồ-đề, mới có thể hành trì được Bồ-tát giới. Cho nên phát tâm gọi là gốc, gọi là nhân, gọi là cành, gọi là lá, cũng gọi là hoa, lần lượt gọi là quả, cũng gọi là hạt. Bồ-tát phát tâm, cũng có người được rốt ráo, người không được rốt ráo. Người được rốt ráo thì mãi mãi cho đến khi chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không bao giờ thoái chuyển. Còn người không được rốt ráo, là trong tâm đã có sự thoái chuyển. Thoái chuyển có hai thứ: một là thoái chuyển hoàn toàn, hai là thoái chuyển không hoàn toàn. Người thoái chuyển hoàn toàn, là người trọn không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thể suy tìm, tu tập pháp đó được. Người thoái chuyển không hoàn toàn, là người thường cầu phát tâm Bồ-đề, thường tu tập pháp đó.

Phát tâm Bồ-đề có bốn thứ:

Một là, nếu có thiện nam, thiện nữ nào, hoặc được xem thấy, nghe thấy những việc bất khả tư nghị của chư Phật, Bồ-tát liền sinh tâm cung kính và nghĩ: "Những sự việc của Phật, Bồ-tát là bất khả tư nghị. Nếu Phật, Bồ-tát chứng được sự bất khả tư nghị ấy, thì ta đây cũng quyết sẽ chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên ta dốc lòng nhớ nghĩ đạo Bồ-đề và phát tâm Vô thượng Bồ-đề".

Hai là, lại có người không được thấy những sự việc bất khả tư nghị của chư Phật, Bồ-tát, mà chỉ nghe thấy về tạng bí mật của chư Phật, Bồ-tát liền sinh tâm cung kính, tin tưởng, dốc cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Ma-ha Bát-nhã, cho nên phát tâm Bồ-đề.

Ba là, lại có người không được trông thấy những việc bất tư nghị của chư Phật, Bồ-tát, cũng không được nghe Pháp, mà do vì khi thấy Pháp bị diệt trong lòng nghĩ: "Phật pháp vô thượng có thể diệt trừ được vô lượng khổ não cho chúng sinh, làm ích lợi lớn lao cho muôn loài, chỉ có chư Phật,

Bồ-tát mới hay làm cho Phật pháp được trường tồn bất diệt, ta ngày nay cũng phải nên phát tâm Bồ-đề, khiến cho các chúng sinh, xa lìa phiền não, thệ nguyện thân này của ta, dầu phải chịu mọi sự khổ não bức hại nào đi chăng nữa, ta quyết giữ gìn Phật pháp, khiến Phật pháp được trường tồn ở thế gian, cho nên ta phát tâm Bồ-đề".

Bốn là, lại có người không được thấy chư Phật, Bồ-tát, không được nghe Pháp, khi Pháp diệt cũng không được thấy, mà chỉ thấy tất cả chúng sinh ở trong đời ác trược, đủ mọi thứ phiền não, tham dục, giận tức, ngu si, không thẹn, không hổ, bỏn xẻn, ganh ghét, nghi ngờ, lười biếng, tà kiến chẳng có lòng tin… Thấy như thế rồi, liền nghĩ: "Trong đời ác trược này, chúng sinh chẳng chịu tu thiện, tâm Nhị thừa còn không phát, huống hồ là tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Ta nay phải nên phát tâm Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề rồi, liền chỉ dạy cho tất cả chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Bấy giờ Bồ-tát Hỷ Vương lại bạch Phật:

– Lạy Đức Thế Tôn, Bồ-tát tri ân, báo ân bằng cách tự phát tâm Bồ-đề và dạy bảo cho tất cả chúng sinh đều phát tâm Bồ-đề. Song Đức Như Lai thuở xưa khi còn phải sinh tử, thoạt đầu mới phát tâm Bồ-đề là do nguyên nhân gì?

Phật dạy:

– Thiện nam tử, về đời quá khứ lâu xa, kiếp số nhiều không thể tính được, khi Ta còn ở trong vòng sinh tử, do phiền não sâu dày, tạo nên những nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý, nên phải đọa lạc vào tám địa ngục lớn: Địa ngục A-ha-ha, địa ngục A-bà-bà, địa ngục A-đạt-đa, địa ngục Đồng phủ, địa ngục Đại đồng phủ, địa ngục Hắc thạch, địa ngục Đại hắc thạch, cho đến địa ngục Hỏa xa. Ta nhớ khi Ta phải bị đọa vào địa ngục Hỏa xa, Ta cùng với hai người bạn phải kéo một cái xe lửa, bốc cháy ngùn ngụt, quỉ đầu trâu tên là A-bàng ngồi ở trên xe, mắm miệng, nghiến răng, trợn mắt; miệng, mắt, tai, mũi đều phun ra khói lửa, thân thể to lớn, tay chân gân guốc, hình sắc đen tía, tay cầm gậy sắt, luôn luôn đánh đập. Mặc dầu Ta bị đánh đập đau đớn, nhưng vẫn cố sức kéo. Lúc đó hai người bạn của Ta, vì hơi sức yếu đuối, kéo không nổi, nên bị quỉ đầu trâu A-bàng lấy đinh ba bằng sắt, đâm vào bụng, lấy gậy bằng sắt đập vào lưng, máu phun ra như suối chảy, đau đớn khó nhẫn, những người ấy cất tiếng kêu gào rất thảm thiết, người thì kêu cha mẹ, người thì kêu vợ con. Nhưng dầu có kêu gào như thế, cũng chẳng có ích lợi gì với mình. Lúc ấy, Ta thấy những người bạn của Ta chịu sự khổ não như vậy, lòng sinh thương xót. Nhân lòng sinh

tưởng thương xót ấy, cho nên Ta phát tâm Bồ-đề, vì những người chịu tội đó, mà khuyên bảo quỉ đầu trâu A-bàng:

– Những người phải chịu tội đây, thực đáng thương xót, xin ông hãy rủ lòng nới tay, đừng nên đánh đập họ tội nghiệp.

Lúc ấy, quỉ đầu trâu A-bàng nghe Ta nói như thế, lòng sinh giận tức, dùng đinh ba bằng sắt đâm vào cổ Ta, chết liền tại chỗ. Ta liền được thoát khỏi cái tội trăm kiếp phải đọa lạc nơi địa ngục Hỏa xa, chính vì lúc đó Ta phát được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vậy.

Phật bảo Bồ-tát Hỷ vương:

– Người kéo xe lửa tức là thân Ta ngày nay, nhân phát tâm Bồ-đề, mà chóng được thành Phật. Thế nên biết: tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, sự đó chẳng phải một, hoặc nhân lòng Từ bi, hoặc nhân lòng giận tức, hoặc nhân lòng bố thí, hoặc nhân lòng bỏn xẻn, hoặc nhân lòng vui mừng, hoặc nhân phiền não, hoặc nhân ân ái ly biệt, hoặc nhân sự oán ghét gặp gỡ, hoặc nhân gần gũi bạn lành, hoặc nhân nơi bạn ác, hoặc nhân được thấy Phật, hoặc nhân được nghe pháp…, cho nên biết: tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, mỗi mỗi chẳng phải đồng nhất.

Hỷ Vương nên biết! Bồ-tát Ma-ha-tát tri ân báo ân, sự đó là như thế.

Khi Phật nói pháp ấy rồi, có một vạn tám ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong tất cả đại chúng, có người được chứng quả Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, Thiên địa quỉ thần, Nhân và Phi nhân cũng phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Sau khi được nghe Phật nói Pháp, ai nấy đều vui mừng, đầu mặt làm lễ Phật, rồi cung kính nhiễu quanh theo phía bên phải và lui ra.

□

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN

QUYỂN 3

Phẩm 5: LUẬN NGHỊ

Khi ấy, Đức Như Lai lên cung trời Đao-lợi, vì mẹ là Ma-da phu nhân và các đại chúng, thuyết pháp trong thời gian chín mươi ngày. Trong chín mươi ngày ấy, nơi cõi Diêm-phù-đề, tất cả đều không biết Đức Như Lai ở chỗ nào. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, thần thông đệ nhất, dùng hết thần lực để tìm kiếm khắp cả mười phương nhưng cũng chẳng biết. Tôn giả A-na-luật-đà, Thiên nhãn đệ nhất, xem xét tất cả mười phương, ba ngàn đại thiên thế giới, cũng chẳng thấy, cho đến cả năm trăm đệ tử, cũng chẳng biết Đức Như Lai ở đâu, nên ai nấy đều mang lòng buồn rầu mong nhớ.

Vua Ưu Điền, vì luyến mộ Phật, nên dùng cây Ngưu đầu chiên-đàn, tạc làm hình tượng của Đức Như Lai, để lễ bái cúng dường cũng như Phật tại thế không khác.

Bấy giờ Đại vương Ưu Điền mới triệu tập đám lục sư ngoại đạo, hỏi xem Đức Như Lai ở chỗ nào. Lúc ấy đám Lục sư liền tâu:

– Đại vương nên biết: Đó chẳng qua là trò huyễn thuật của Sa-môn Cù-đàm, hóa làm như vậy, pháp huyễn thuật ấy không phải là chân thực. Đại vương cần rõ: trong bốn bộ kinh điển Vệ-đà của chúng tôi, cũng đã có nói trong khoảng một ngàn năm hay hai ngàn năm sau, sẽ có một người huyễn thuật ra đời. Sa-môn Cù-đàm chính là người đó vậy.

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật-đà đi đến chỗ nhà vua, nói với vua:

– Đại vương nên rõ: Đức Như Lai ngày nay hiện đang ở trên cung trời Đao-lợi, sau bảy ngày nữa sẽ trở về cõi Diêm-phù-đề.

Vua nghe lời nói ấy, lòng sinh vui mừng, truyền lệnh cho khắp cả trong lãnh thổ, phải quét dọn, rưới nước, đốt hương, treo các cờ phướn và trang thiết mọi thứ như: cỗ bàn, hương hoa, kỹ nhạc để cúng dường Phật.

Khi đó đám Lục sư thấy mọi người đều tụ họp, để trang trí, bày biện mọi thứ cúng dường như thế, mới hỏi:

– Các ngươi trang trí bày biện mọi thứ cúng dường như vậy, là muốn

để mời quốc vương hay vương tử?

Những người ấy trả lời:

– Không phải vậy đâu!

Đám Lục sư hỏi:

– Nếu không phải vậy, chắc là để mời các quan Đại thần, Bà-la-môn hay Cư sĩ?

Đáp:

– Không phải vậy!

Đám Lục sư lại hỏi:

– Nếu không phải vậy, chắc là để hội họp họ hàng chăng?

Đáp:

– Cũng không phải vậy, mà đó là chúng tôi muốn thỉnh Phật để cúng dường.

Đám Lục sư lại hỏi:

– Phật là ai?

Những người tụ họp trả lời:

– Là Bậc Nhất Thiết Trí.

Đám Lục sư lại hỏi:

– Nhất Thiết Trí là gì?

Đáp:

– Là người cha lành của tất cả chúng sinh, các ông không biết sao? Vua Bạch Tịnh là dòng dõi hào quý đệ nhất, từ sơ kiếp đến nay, con cháu thường tiếp nối nhau làm vua Chuyển luân, nhưng gần hai đời nay, thì không làm vua Chuyển luân nữa. Tuy không làm vua Chuyển luân, mà chỉ làm vua cõi Diêm-phù-đề thôi. Trong ba anh em, người lớn nhất tên Tịnh Phạn, người thứ hai tên Hộc Phạn và người con út tên là Cam Lộ Phạn. Vua Tịnh Phạn sinh được hai người con trai, người con trưởng tên là Tất-đạt, người con nhỏ tên là Nan-đà. Vua Hộc Phạn lại sinh được hai người con, người con trưởng tên là Đề-bà-đạt-đa, người con nhỏ tên A-nan. Vua Cam Lộ sinh được một người con gái, tên là Cam Lộ Vị.

Một bữa nọ, người anh cả là thái tử Tất-đạt-đa, ra ngoài thành du ngoạn trông thấy những cảnh lão, bệnh, tử, trong lòng bỗng sinh ra mối ưu tư, đến quên cả ăn uống. Thái tử thương xót cho nhân sinh, không luận là sang, hèn, giàu, nghèo, ai ai rồi cũng không thể thoát khỏi được những cảnh khổ ấy, nên trong một đêm nọ, Thái tử vượt thành xuất gia,

ngồi tu bên gốc cây Bồ-đề, khổ hạnh trong sáu năm, sau đó Ngài chứng được Nhất thiết trí. Cho nên gọi Ngài là Bậc Nhất Thiết Trí. Ngài là bậc đã tự tu hành, giác ngộ thành Phật, đầy đủ mười lực, bốn pháp vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, cho đến chứng được Nhất thiết chủng trí. Ngài sinh được bảy ngày thì Thánh mẫu mệnh chung, sinh lên cõi trời Đao-lợi. Ngày nay Phật lên cung trời Đao-lợi ấy, vì mẹ thuyết pháp trong chín mươi ngày, sau bảy ngày nữa, Phật sẽ trở về cõi Diêm-phù-đề này.

Bấy giờ đám Lục sư nghe lời ấy rồi, sinh lòng ghen ghét, phiền muộn giận tức, liền tụ tập tất cả đồ chúng để cùng nhau bàn bạc: "Nếu Sa-môn Cù-đàm trở về cõi Diêm-phù-đề này, thì tất cả dân chúng đều sẽ bỏ chúng ta, cúng dường Cù-đàm, như vậy chúng ta sẽ bị cô độc thiếu thốn, e sẽ không thể nào sống được!"

Đám Lục sư lại nghĩ: "Chúng ta hiện giờ cần phải đi đến những chỗ dân chúng đông đảo, nói lớn như thế này:

– Các người nên biết: Sa-môn Cù-đàm quả thực là người không hiểu biết gì cả, chẳng khác nào đứa trẻ con. Gần đây ông ra khỏi dòng họ Thích, ngồi bên gốc cây Bồ-đề, tự nói đã chứng được Nhất thiết chủng trí, nên biết đó chỉ là lời nói hư vọng. Vì sao? Vì một hôm vua A-kỳ-đạt tới thỉnh Cù-đàm để cúng dường, nhưng những món cúng dường chỉ là lúa cho ngựa ăn, thế mà Cù-đàm cũng không hay biết gì cả, lại nhận lời thỉnh của nhà vua. Nên biết Cù-đàm quả thực không phải là Bậc Nhất Thiết Trí.

Kế đến lại hỏi Tôn giả A-nan:

– Thời gian an cư còn bao nhiêu ngày nữa?

A-nan thưa:

– Còn bảy ngày nữa.

Lại hỏi tiếp Tôn giả A-nan:

– Ở trong vườn Kỳ hoàn vì sao lại có nhiều những tiếng chim quạ như thế?

A-nan thưa:

– Vì chúng nó tranh nhau ăn.

Lại nữa Cù-đàm vừa sinh được bảy ngày thì mẹ mệnh chung. Vì lẽ đó, nên biết Cù-đàm là người bạc phúc, cũng là người cực ác, do thế mà mẹ mất sớm. Cũng không phải là người con có lòng Từ hiếu, sớm tối phụng dưỡng cha mẹ, mà trái lại, còn bỏ cha mẹ đi vào chốn thâm sơn cùng cốc, nên cũng là người vô ân. Vua cha cưới nàng Cù-di cho ông, nhưng ông trọn không làm hết bổn phận của một người chồng đối với vợ, khiến cho di mẫu

Kiều-đàm-di phải chịu những sự buồn khổ lớn, nên biết, Cù-đàm là người chẳng biết ân, chẳng biết nhớ ân. Đồ chúng của Sa-môn Cù-đàm không có tôn ty trật tự, vì năm trăm đệ tử đều xưng là đệ nhất. Thầy đã không có giáo pháp, đệ tử cũng không có đạo nghiệp tu hành! Cho đến trong số đồ chúng của Cù-đàm, gồm đủ hạng người như: Tỳ-kheo Đà Phiêu, là người chỉ biết trông coi tọa cụ cho Tăng chúng, cũng xưng là đệ nhất; thông minh trí tuệ như Xá-lợi-phất, cũng được dự vào trong số đồ chúng đó. Dốt nát như Tỳ-kheo Bàn Đặc cũng được dự vào trong số đồ chúng ấy. Lại như, cho đến Tỳ-kheo-ni Da-du-đà-la, là người thiểu dục, cũng được dự vào trong số đồ chúng kia; Liên Hoa Sắc, là một người con gái nhà thổ, là hạng đồi bại nhất trong thành Xá-vệ, cũng được dự vào trong số đồ chúng đó. Cho đến Quân Đề là một đứa trẻ con chưa hiểu biết gì cả, cũng được dự vào trong số đại chúng ấy. Rồi như ông Tu-bạt-đà-la là một người già cả, một trăm hai mươi tuổi đầu cũng được dự vào trong số đồ chúng đó. Lại như những người hào quý thuộc dòng họ Thích cũng được dự vào trong số đồ chúng ấy; và kẻ hèn hạ nhất, chỉ làm nghề hốt phân ở trong thành Vương xá cũng được dự vào trong số đồ chúng kia. Cho nên biết: trong giáo pháp của Cù-đàm thực là hỗn tạp, không có tôn ty trật tự, chẳng đáng được tôn kính. Cũng ví như một cơn gió lớn, thổi mọi lá cây tụ họp một chỗ, giáo pháp của Cù-đàm cũng lại như thế. Hơn nữa, đồ chúng của Cù-đàm nhận lãnh những sự cúng dường như y phục, thức ăn uống của mọi người, cũng ví như đàn chim đi kiếm nhặt những vật mà người thế gian đã liệng bỏ. Các ngươi ngày nay, lại thỉnh Sa-môn Cù-đàm làm gì?"

Mọi người nghe đám Lục sư nói rồi, cũng ví như đại địa chẳng hề rúng động, đại chúng vì khát ngưỡng Đức Như Lai, nên dẫu nghe đám Lục sư nói như vậy, mà trong lòng vẫn rắn chắc như kim cương, không hề có thêm bớt, vẫn khát ngưỡng Đức Như Lai cũng như người bị khát trông mong được nước uống.

Sau bảy ngày, Đức Như Lai từ Thiên cung trở về cõi Diêm-phù-đề, có vô lượng trăm ngàn chư Thiên tùy tùng. Đức Như Lai phóng ra ánh hào quang rực rỡ, thần lực cảm động, chư Thiên trỗi lên trăm ngàn vạn thứ ca nhạc cõi trời để tán thán, cúng dường Phật, cho đến tất cả chư Thiên, tất cả Long thần, tất cả Quỉ thần, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la già, Nhân và Phi nhân… tất cả đại chúng thảy đều tụ họp rất đông, lễ bái cúng dường Phật.

Bấy giờ, đại vương Ưu Điền cùng với đại chúng ra mãi xa vây quanh nghinh đón Đức Như Lai, đầu mặt lễ xuống chân Phật, rồi lui ngồi về một

phía.

Lúc đó đám Lục sư, cùng với đồ chúng tụ họp, lại khởi ý nghĩ: "Lũ chúng ta ngày này tai vạ sắp tới nơi, tuy đã ở trước mọi người, nói lên lời nói ấy mà không ai tin nhận, nay phải đến chỗ tất cả đại chúng trời, người, nói rõ sự việc như thế, để cho tất cả được biết một cách rõ ràng."

Đám Lục sư nghĩ như vậy rồi, liền cùng với đồ chúng tám ngàn người, cùng đi tới nơi đông đảo kia. Đến rồi lui ra ngồi qua một phía.

Lúc ấy lại có một người con của Nhạc thần, tên là Thát-bà-ma-la, gảy đàn cầm bằng bảy báu, đi đến chỗ Đức Như Lai, đầu mặt lễ xuống chân Phật, rồi lui ra một phía, gảy đàn ca hát, phát ra tiếng rất vi diệu, hòa nhã, khiến cho tâm ý của đại chúng ai nấy cũng được vui vẻ, các bậc Thanh văn, Bích-chi-phật… nghe thấy tiếng đàn của Thát-bà-ma-la, bất chợt cũng phải động thân dậy múa, núi Tu-di là vật vô tri cũng phải nghiêng ngửa.

Khi ấy, Đức Như Lai liền nhập "Tam-muội hữu tướng", dùng diệu lực Tam-muội, khiến cho tiếng đàn vang xa khắp cả ba ngàn Đại thiên thế giới, trong tiếng đàn đó diễn nói đầy đủ các pháp như: khổ, không, vô thường, bất tịnh, vô ngã. Những chúng sinh buông lung, nghe được tiếng đàn vi diệu ấy, diễn nói đủ cả những sự hiếu dưỡng đối với phụ mẫu, tri ân báo ân trước kia, trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp của Đức Như Lai, tất cả các chúng sinh ấy, đều dõi theo tiếng đàn đó, cùng đi tới cõi Diêm-phù-đề, tìm đến chỗ Phật. Đến rồi, đầu mặt lễ xuống chân Phật, rồi lui ra ngồi về một phía.

Bấy giờ đại chúng chiêm ngưỡng Đức Như Lai, muôn người mắt không rời hình tướng Đức Thế Tôn. Đức Như Lai an trụ trong cảnh giới Tam-muội vắng lặng, còn tất cả đại chúng cùng đều yên lặng.

Lúc ấy, trong đại chúng bỗng có một cái tháp bằng bảy báu, từ dưới đất vọt lên, dừng ở giữa hư không, có vô số cờ phướn treo trên tháp và trăm ngàn chuông báu, không đánh tự kêu, gió nhẹ thổi động, phát ra những thứ tiếng rất vi diệu.

Tất cả đại chúng trông thấy bảo tháp ấy, từ dưới đất vọt lên, lòng sinh ra nghi ngờ: "Vì nhân duyên gì mà lại có bảo tháp ấy, từ dưới đất vượt lên như thế?"

Các bậc Thanh văn như Tôn giả Xá-lợi-phất… dùng hết trí lực của mình để suy nghĩ, trù lượng, cũng không thể biết được. Những vị Bồ-tát Ma-ha-tát là người vốn trú ở thế giới Ta-bà này, đến như Bồ-tát Di-lặc cũng không thể biết được.

Đám Lục sư, liền khởi ý nghĩ: "Vì nhân duyên gì mà có bảo tháp ấy?

Nếu như có người hỏi, mà ta không biết thì làm thế nào có thể gọi ta là người hiểu biết tất cả được?".

Lại nghĩ tiếp: "Tại sao Sa-môn Cù-đàm lại không mau vì đại chúng diễn nói việc này?".

Bấy giờ, Đức Như Lai từ trong cảnh chánh định xuất khởi. Thích Đề-hoàn Nhân, vua cõi trời Đao-lợi, liền lấy Thiên y nơi cõi Trời trải lên tòa sư tử. Đức Như Lai liền lên tòa ấy, ngồi kiết già, khác nào như núi chúa Tu-di ở giữa đại hải.

Bồ-tát Di-lặc quan sát tâm ý của đại chúng thảy đều nghi ngờ, tự mình cũng không rõ, nên liền từ tòa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ xuống chân, chắp tay đối trước Phật, bạch Phật:

– Lạy Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà có bảo tháp này, từ dưới đất hiện lên như thế?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Về đời quá khứ xa xưa, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, số nhiều không thể lấy tâm nghĩ, miệng bàn cho xiết được, khi ấy có một Đức Phật, hiệu là Tỳ-bà-thi, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời, giáo hóa vô lượng trăm ngàn vạn ức a-tăng-kỳ chúng sinh, khiến họ luôn kiên cố nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi Phật diệt độ, vào đời tượng pháp, có một nước tên là Ba-la-nại, vua nước Ba-la-nại là một người rất thông minh, nhân từ, thường dùng chánh pháp trị quốc, khiến cho dân chúng không gặp phải những sự oan uổng. Vua cai trị và làm chủ cả sáu mươi tiểu quốc, tám trăm khu vực. Vua không có con cái, nên vua thường tự cúng dường, phụng sự các vị thần như: thần núi, thần cây, tất cả thần kỳ, trải qua mười hai năm, không hề biếng nhác, với hoài vọng mong cầu có được một người con để nối dõi vương nghiệp sau này. May thay! Bà phu nhân thứ nhất liền có thai, đầy mười tháng thì sinh hạ được một người con trai, hình tướng đoan nghiêm tươi tốt, đẹp lạ thường.

Sau khi sinh rồi, vua liền truyền cho triệu tập các quan đại thần và vua ở các tiểu quốc, để đến xem tướng và đặt tên cho thái tử. Vì thái tử, bẩm tánh không hay giận tức, nên đặt tên là Nhẫn Nhục.

Thái tử Nhẫn Nhục, khi tuổi đã khôn lớn, hay ưa bố thí. Thái tử là một người rất thông minh, nhân từ, đối với các chúng sinh, luôn có một tấm lòng Từ bi, bình đẳng.

Trong triều lúc đó có sáu vị đại thần, tánh tình hung bạo, gian dối,

nịnh hót, thường hay gây ra những sự oan uổng một cách vô nhân đạo, cho nên dân chúng đều chán ghét. Sáu người đại thần này, tự biết những hành động của mình là trái quấy, nên thường mang lòng ganh tị, oán ghét thái tử.

Bấy giờ Đại vương lâm bệnh nạng, khổ não, tiều tụy, mạng sống không còn được bao lâu.

Thái tử Nhẫn Nhục đến bảo các quan đại thần:

– Vua cha bị bệnh nặng, nay phải làm thế nào để chạy chữa cho vua qua khỏi cơn bệnh hoạn này?

Các quan đại thần nghe rồi, sinh lòng giận tức, bảo thái tử:

– Tánh mạng của vua sẽ không kéo dài được lâu, dù cho có thuốc hay thế nào cũng không thể qua khỏi, vì thế nên biết, thọ mạng của nhà vua chỉ còn trong gang tấc.

Thái tử nghe rồi, lòng sinh khổ não, ngất xỉu ra đất.

Sáu quan đại thần ấy liền vào trong chỗ nhà vắng, cùng nhau bàn mưu tính kế: "Thái tử Nhẫn Nhục, nếu chúng ta không tìm cách trừ khử đi thì không bao giờ có thể sống một cách yên ổn".

Nghĩ mưu kế như vậy rồi, người đại thần thứ nhất nói:

– Thái tử Nhẫn Nhục, theo tôi nhận thấy, thì không một sự việc gì có thể hãm hại được cả.

Một quan đại thần khác lại nói:

– Tôi có phương tiện, có thể trừ khử được rất dễ dàng.

Sau khi đám đại thần, cùng nhau lập mưu, bàn kế xong xuôi, liền đi đến chỗ thái tử, nói với người:

– Kẻ hạ thần đã đi cùng khắp sáu mươi tiểu quốc, tám trăm khu vực để tìm kiếm các thứ cỏ thuốc, nhưng trọn không kiếm được.

Thái tử hỏi:

– Những thứ cỏ thuốc mà đại thần tìm kiếm đó, phải là những thứ như thế nào?

Đại thần tâu:

– Thái tử nên biết: các thứ thuốc mà chúng tôi tìm kiếm đó, chính là con mắt và tủy của người nào mà từ khi sinh ra cho đến lúc qua đời không hề giận tức ai bao giờ. Nếu tìm được thứ thuốc ấy thì mới có thể bảo toàn tánh mạng cho nhà vua, nếu như không tìm ra, thì mạng sống của vua sẽ chẳng còn được bao lâu, mà khắp cả các nước chúng tôi không kiếm đâu ra được một người như thế cả.

Thái tử nghe rồi, lòng sinh ưu não, sợ mình không biết có đủ đức tánh ấy không? Thái tử liền bảo với các vị đại thần:

– Thân của ta nay phỏng có được như người đó chăng? Vì sao? Vì ta từ khi sinh ra cho đến nay, chưa từng giận tức ai bao giờ cả.

Các đại thần tâu:

– Chỉ có thái tử mới được như người đó mà thôi, nhưng sự việc ấy cũng khó khăn lắm. Vì sao? Là vì sự quý trọng nhất trong thiên hạ, không gì bằng thân mình.

Thái tử bảo:

– Không phải như các đại thần nói đâu! Nếu như phụ vương ta qua khỏi trọng bệnh, thì dù ta có phải bỏ trăm ngàn thân này đi chăng nữa, cũng chưa phải đã là khó, huống chi ngày nay, ta mới chỉ bỏ một cái thân nhơ nhớp này!

Các đại thần tâu:

– Việc đó là như thế, xin thái tử tùy ý định liệu.

Bấy giờ thái tử Nhẫn Nhục lòng sinh vui mừng, tự nghĩ: "Nếu như thuốc ấy có thể chữa lành bệnh cho vua cha thì việc đó ta cần phải làm ngay."

Thái tử Nhẫn Nhục liền vào trong cung, đến chỗ mẹ, đầu mặt lễ xuống chân mẹ, chắp tay thưa:

– Thưa mẹ, nay con muốn đem thân mạng của con, để làm thuốc chữa cho vua cha khỏi bệnh. Con e thân mạng con sẽ không thể nào sống nữa, cho nên con đến đây để vĩnh biệt mẹ, xin mẹ đừng lo buồn thương nhớ, để phải suy tổn đến ngọc thể.

Người mẹ của thái tử nghe lời con nói rồi, sinh lòng buồn rầu, bấn loạn, quên mất cả bốn phương hướng, nghẹn ngào không nói ra lời. Bà ôm lấy thái tử, với một sắc thái buồn rầu, mê mẩn, phải dùng nước lạnh rảy vào mặt, hồi lâu mới tỉnh.

Thái tử lại thưa cùng mẹ:

– Thưa mẹ, mạng của vua cha chỉ trong giây phút, không còn được bao lâu nữa, nên cần phải làm ngay, để cho vua cha uống mới mong khỏi được.

Bấy giờ, thái tử liền gọi các quan đại thần, các vua nơi các tiểu quốc tới, rồi ở giữa mọi người, thái tử tuyên cáo:

– Thân ta ngày nay đây, xin vĩnh biệt cùng tất cả chư vị.

Tức thì các đại thần liền gọi người Chiên-đà-la, chẻ xương lấy tủy và

khoét cả đôi mắt của thái tử.

Các đại thần liền hòa mấy thứ kia làm thuốc, dâng lên đại vương. Vua uống rồi, thân thể được bình phục. Sau khi bình phục, vua hỏi các đại thần:

– Các khanh tìm đâu ra được thứ thuốc hay ấy, mà chữa cho ta lành bệnh tài như thế?

Các đại thần tâu với vua:

– Tâu đại vương, thuốc ấy là do thái tử Nhẫn Nhục chế biến, chứ chẳng phải sức của những kẻ hạ thần có thể làm được đâu ạ.

Vua nghe nói như thế, tâm thần kinh sợ, dựng cả chân lông, khẽ hỏi các đại thần:

– Thái tử Nhẫn Nhục hiện nay ở đâu?

Đại thần tâu:

– Thái tử hiện đang ở ngoài kia, thân thể của thái tử đã bị thương tổn, mạng sống sẽ không kéo dài được bao lâu.

Vua nghe nói thế liền cất tiếng tiếng kêu than:

– Lạ thay! Lạ thay!

Vua tự vật ngã xuống đất, bụi dính đầy thân thể. Vua nói:

– Như ta ngày nay thực là vô tình, tại sao ta lại có thể uống thứ thuốc bằng mắt và tủy sống của con ta như thế được!

Vua liền đi đến chỗ thái tử, nhưng than ôi! Thái tử đâu còn sống được nữa!

Vua cùng với phu nhân, các quan, dân, vô lượng đại chúng, trước sau vây quanh lấy thái tử. Mẹ của thái tử rất sầu não, bà gieo mình vào chỗ tử thi của con, khóc lóc, thảm thiết, rồi tự nói:

– Không biết kiếp trước tôi có gây nên tội ác gì mà nay khiến con tôi phải chịu khổ não như thế này!

Lúc ấy, vua cha và vua các tiểu quốc, liền lấy gỗ thơm bằng Ngưu đầu chiên-đàn, chất lên thành đống, để làm phép hỏa thiêu, lại xây tháp bằng bảy báu, để cúng dường thân cốt của thái tử.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Thiện nam tử và đại chúng nên biết: Đại vương nước Ba-la-nại bấy giờ chính là cha Ta vua Duyệt-đầu-đàn ngày nay; người mẹ của thái tử lúc ấy nay chính là mẹ Ta, Ma-da phu nhân; còn thái tử Nhẫn Nhục chính là thân Ta. Bồ-tát đã từng ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, hiếu dưỡng đối với cha mẹ, nào là y phục, thức ăn uống, phòng xá, giường chõng, cho đến

đem cả thân thể, xương tủy để cúng dường cho cha mẹ, việc đó là như thế. Do nhân duyên ấy, đến nay thành Phật, hiện giờ bảo tháp này từ dưới đất vọt lên. Chính là tại nơi đây, xưa kia Ta đã bỏ thân mạng, cốt tủy vì cha mẹ và cũng ở chính nơi này trước kia đã xây tháp cúng dường Ta, cho nên nay Ta thành Phật, tháp ấy liền hiện trước ta.

Lúc ấy, trong đại chúng có vô lượng Người, Trời, Rồng, Quỉ, Thần, nghe Phật giảng nói như thế, vừa thương, vừa mừng, nước mắt dàn dụa, rồi đồng thanh khen ngợi trăm ngàn công đức trong sự báo hiếu phụ mẫu của Đức Như Lai. Nhân đấy, mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có vô lượng trăm ngàn chúng sinh, phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Lại có vô lượng người chứng được quả vị Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán. Lại có vô lượng trăm ngàn vạn ức Bồ-tát Ma-ha-tát, không lâu sẽ chứng được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên biết: Đức Như Lai là bậc hiếu dưỡng chân thực đối với cha mẹ.

Lại nữa, Bồ-tát vốn biết công đức của người mẹ, với bản nguyện là được sinh ra thân tướng của Như Lai, vì sinh ra thân tướng của Như Lai là đã viên mãn được bản nguyện, cho nên không nhận lãnh sự lễ kính của Như Lai. Do vậy, sau khi Như Lai sinh ra được bảy ngày thì Thánh mẫu mệnh chung.

Bấy giờ đại chúng, đều đồng thanh khen ngợi công đức của Thánh mẫu Ma-da phu nhân:

– Lành thay Đức Ma-da! Thánh mẫu đã sinh ra thân tướng của Đức Như Lai, khắp cõi trời, cõi người trong thế gian này, không ai có thể sánh được với công đức ấy của Thánh mẫu.

Lúc này, Càn-thát-bà Ma-la, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, quỳ mọp chắp tay, bạch Phật:

– Lạy Đức Thế Tôn, Thánh mẫu Ma-da phu nhân, tu công đức gì, vì nhân duyên gì mà sinh thành được thân của Như Lai?

Phật dạy:

– Hãy khéo lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói: Về đời quá khứ lâu xa, kiếp số nhiều không thể tính kể xiết, bấy giờ có Đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ-bà-thi, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Trải qua thời kỳ chánh pháp và tượng pháp đã diệt, khi ấy có một nước gọi là Ba-la-nại, cách kinh thành không xa có một quả núi, gọi là chỗ ở của các bậc Hiền thánh, vì có trăm ngàn Bích-chi-phật ở núi ấy và có vô lượng thần tiên đạt ngũ thông cũng ở trong

đó, vì có nhiều bậc Tiên thánh ở đấy, cho nên người ta gọi tên núi là Thánh du cư sơn. Trong núi này, có một vị Tiên trú tại một cái hang về phía Nam, lại có một vị Tiên khác trú tại một cái hang về phía Bắc, giữa hai khoảng núi ấy có một cái suối, bên bờ suối có một hòn đá rất phẳng phiu. Bấy giờ, vị Tiên ở hang phía Nam thường hay đến giặt áo, rửa chân trên tảng đá ấy, xong xuôi thì trở về chỗ cũ. Sau khi vị ấy đi khỏi không lâu lại có một con hươu cái tới đó uống nước, dần dần uống cả những nước cáu ghét do giặt áo trên tảng đá đó. Uống rồi, lại quay đầu liếm chỗ tiểu tiện của mình.

Vậy là con hươu cái nhân thế mà thọ thai. Khi đã đủ tháng, sắp sinh, theo phép của loài hươu, mỗi khi đến lúc sinh thì phải trở lại chỗ mình đã thọ thai trước kia, cho nên con hươu cái ấy lúc này đã trở lại bên bờ suối, ở trên tảng đá trước đây, kêu rống, vật vã và sinh được người con gái.

Bấy giờ, vị Tiên ở hang phía Nam, nghe tiếng con hươu cái kêu rống, vật vã, nên thương xót, liền đến xem thì thấy con hươu cái ấy sinh được một người con gái. Lúc đó, con hươu cái đang dần dần liếm khắp thân thể của người con gái bỗng thấy vị Tiên đến, liền bỏ chạy đi chỗ khác.

Vị Tiên thấy bé gái kia hình tướng đoan chánh, vẹn toàn, nên sinh lòng thương xót, liền lấy chiếc áo bằng cỏ bọc đem về hang, rồi ngày ngày kiếm trái cây, tùy thời nuôi nấng, cho đến khi khôn lớn.

Năm mười bốn tuổi, nàng được cha rất yêu dấu, nên thường giao cho nàng công việc giữ lửa, khiến khỏi bị tắt. Nhưng bỗng một ngày nọ, vì không để tâm cẩn thận, nên lửa bị tắt mất, nàng bị cha trách mắng và bảo:

– Ta từ khi trưởng thành đến giờ, chưa từng để cho lửa tắt, mà con ngày nay sao lại làm tắt như thế! Nay nơi hang phía Bắc kia có lửa, con phải đến đó đem về đây cho cha.

Lộc nữ liền theo lời cha, đi đến hang phía Bắc, bước bước cất chân đều sinh ra hoa sen tươi đẹp, theo dấu chân của nàng, thành hàng ngũ đường lối trông rất có thứ tự, nàng đi đến hang phía Bắc, hỏi vị Tiên ở đó, xin lửa cho cha.

Bấy giờ, vị Tiên kia, thấy người con gái ấy phúc đức như thế, dưới chân của nàng lại sinh ra hoa sen, liền bảo:

– Nếu con muốn được lửa, hãy theo chiều bên phải, nhiễu quanh hang này của ta đủ bảy vòng, cho có hàng lối, thứ lớp, rõ ràng phân minh, thì ta sẽ cho con lửa.

Vâng lời chỉ dạy, theo dấu chân của nàng cất bước, đều mọc lên những bông sen rất thơm tho, vi diệu và nàng nhiễu quanh hang của vị Tiên bảy vòng mới thôi.

Vị Tiên ấy lại bảo nàng:

– Nếu con muốn được lửa, con lại phải từ phía bên phải này đi trở về, thì ta sẽ cho con lửa.

Nàng Lộc nữ vì muốn được lửa, nên cũng phải làm theo như lời của vị Tiên kia dạy mà đi. Sau khi người con gái ấy đi về chưa bao lâu, thì có vua nước Ba-la-nại, đem các đại thần, trăm ngàn vạn kẻ tùy tùng, trước sau vây quanh, ngàn xe vạn mã, vào rừng để du ngoạn và săn bắn hươu nai.

Vua nước Ba-la-nại, một mình cỡi con danh tượng, đi đến chỗ vị Tiên ở hang phía Bắc, trông thấy hoa sen mọc quanh hang rất có hàng lối.

Đại vương bèn sinh lòng vui mừng, khen ngợi:

– Lành thay! Lành Thay! Đại đức thần tiên! Đại Tiên Đạo sư có phúc đức lớn lao như thế!

Vị Tiên ở phía Bắc, liền tâu với nhà vua:

– Đại vương nên biết: Hoa sen ấy chẳng phải sức của tôi có thể làm được!

Vua hỏi:

– Nếu không phải đại sư làm, thì ai làm?

Vị Tiên tâu:

– Tâu đại vương, đó là vị Tiên ở hang phía Nam, sinh được một người con gái, dung mạo đoan chánh, nhân tướng vẹn toàn, thế gian hiếm có, người con gái ấy mỗi khi đi, tùy theo dấu chân, cất bước tới đâu đều sinh ra hoa sen.

Vua nghe lời nói ấy, lòng sinh vui mừng, bèn đến hang phía Nam. Trông thấy vị Tiên nọ, vua tỏ ra cung kính, liền đầu mặt lễ xuống chân.

Bấy giờ, vị Tiên ở hang phía Nam liền ra hỏi thăm:

– Đại vương đi đường xa xôi, có khỏi mệt nhọc lắm chăng?

Nhà vua nói với vị Tiên ấy:

– Nghe Đại tiên có người con gái, trẫm muốn cầu hôn được chăng?

Vị Tiên liền tâu với vua:

– Thân nghèo này chỉ có một người con gái ấy, hãy còn thơ ấu, chưa hiểu biết gì cả, từ hồi nhỏ đến giờ, thường ở nơi núi sâu, ăn trái cây, mặc áo cỏ, chưa từng quen biết những sự việc ở nhân gian, như thế thì làm sao vua có thể đoái thương được?

Rồi vị Tiên ấy lần lượt thuật lại hết về hoàn cảnh ra đời của người con gái ấy là do súc sinh sinh ra như trên, để cho vua nghe.

Vua nói:

– Tuy vậy cũng không hề gì.

Vua lại hỏi:

– Lộc nữ hiện giờ ở đâu?

Vị Tiên tâu:

– Tâu đại vương, Lộc nữ hiện đang ở trong hang cỏ này.

Đại vương nghe nói thế liền đi vào trong hang, trông thấy Lộc nữ lòng sinh vui mừng, liền sai lấy nước thơm tắm rửa cho nàng và đem các loại y phục đẹp đẽ, trăm thứ chuỗi ngọc, châu báu, để trang sức, xong xuôi thì cho cỡi voi quý, cùng với trăm ngàn người theo hầu, tấu nhạc ca hát, trở về bản quốc.

Lúc đó Lộc nữ, vì từ khi sinh ra đến nay chưa từng thấy như thế bao giờ, nên trong lòng sinh sợ hãi.

Bấy giờ, cha của Lộc nữ đứng nơi đỉnh núi cao, xa trông thấy con, nhìn mãi không thôi và tự nghĩ: "Ta nay nhìn theo con gái cho đến khi nào đi thật xa, không còn có thể trông thấy được nữa, lúc ấy ta mới trở về chỗ cũ."

Ông buồn rầu áo não, nước mắt tuôn trào: "Ta nuôi dưỡng đứa con gái này, hãy còn thơ ấu, chưa hiểu biết gì, mà nay đã phải cách biệt!" Ông lại nghĩ: "Ta nay nên ở lại chỗ này, không nên đi đâu, vì sao? Nếu như con gái ta trở lại đây, mà không thấy ta, tất sẽ sinh ra buồn rầu, khổ não."

Vị Tiên ấy cứ đứng trông chờ con mãi, nhưng mãi cũng không thấy con về.

Bấy giờ, ông sinh lòng hối hận, nói:

– Thực quả là loài súc sinh có khác! Ta nuôi nấng từ hồi còn bé, khiến cho được thành người, nay sinh lòng bội bạc, bỏ ta cô độc!

Ông liền vào trong hang, tụng trì chú thuật, chú nguyện cho con gái:

– Nếu như nhà vua ăn ở bạc đãi với con, tất không cần phải bàn đến, còn như vua lấy lễ tiếp đãi thì sẽ khiến không được toại nguyện.

Bấy giờ, vua nước Ba-la-nại, sau khi trở về cung, liền phong Lộc nữ làm đệ nhất, gọi là Lộc mẫu phu nhân. Các vua nơi những tiểu quốc, trăm quan đại thần đều đến yết kiến. Vua thấy vậy, lòng rất vui mừng.

Ít lâu sau, Lộc mẫu mang thai. Vua tự lo liệu, cung cấp cho phu nhân giường nằm, thức ăn uống,… không thiếu một thứ gì, lòng vua chỉ mong đến kỳ khai hoa nở nhụy, sẽ sinh hoàng nam để thừa kế ngôi vị. Nhưng tới lúc ngày đầy tháng đủ, lại sinh ra một bông hoa sen. Vì năng lực chú nguyện

của vị Tiên kia, nên khiến nhà vua sinh ra giận tức, nói:

– Quả thực là loài súc sinh sinh ra có khác!

Vua liền bãi chức phu nhân còn bông hoa sen kia thì sai người đem liệng bỏ.

Sau đó vài ngày, vua nước Ba-la-nại lại cùng với quần thần vào trong hậu viên du ngoạn, ngắm cảnh, hát xướng, đấu voi, ngựa, cùng với các người lực sĩ, trong số này có một lực sĩ bậc nhất, lúc rún rẩy nhảy nhót, vì chân giẫm đạp xuống đất, nên đất đều rúng động và làm động cả ao hoa sen. Bên ao hoa sen này, có một tảng san hô rất lớn, phía dưới tảng san hô ấy, có một hoa sen, nổi trên mặt nước. Hoa sen màu hồng, tỏa ra ánh sáng mầu nhiệm. Vua trông thấy hoa sen ấy, lòng vui mừng, bèn hỏi quần thần:

– Hoa sen như thế này, thực chưa từng có!

Vua liền sai sứ giả xuống ao lấy lên. Hoa có đủ năm trăm cánh, dưới mỗi cánh hoa, có một đồng tử, mặt mày đoan nghiêm, hình dáng tốt đẹp lạ thường.

Sứ giả liền tâu với vua:

– Hoa sen này thực chưa từng có! Đại vương nên biết: hoa sen ấy có đủ năm trăm cánh, ở dưới mỗi cánh hoa lại có một đồng tử.

Vua nghe lời sứ giả nói, lòng sinh kinh ngạc, dựng cả chân lông, khen ngợi sự thể làm sao lại có được như thế và hỏi Sứ giả:

– Có thực quả như vậy chăng? Hoa sen ấy có phải do Lộc mẫu sinh ra chăng?

Vua lại hỏi các người theo hầu:

– Hoa sen trước đây do Lộc mẫu sinh ra, đem bỏ chỗ nào?

Đáp:

– Tâu đại vương, chính hoa sen ấy, lúc đó chôn phía dưới tảng san hô, bên bờ ao này.

Vua biết rõ sự thực đó, chính hoa sen ấy là do Lộc mẫu phu nhân sinh ra. Vua tự vào trong cung, hướng Lộc mẫu phu nhân, ăn năn tự trách, nói:

– Ta thực là người ngu si, không có trí tuệ, chẳng phân biệt được người hiền lương, nên làm những sự oan uổng, tàn ác, trái nghịch đối với phu nhân!

Vua bày tỏ sự ăn năn hối hận với phu nhân xong, phu nhân lại được phục hồi địa vị cũ là phu nhân đệ nhất như trước.

Vua rất vui mừng, cho triệu các quan đại thần, các vua ở những nước nhỏ và các Tướng sư người Bà-la-môn, tất cả đều hội họp. Vua cho bồng

năm trăm thái tử, khiến các Tướng sư xem tướng cho các hoàng tử.

Các Tướng sư đoán:

– Những hoàng tử này đều là người rất có phúc đức, nếu ở tại gia, thì bốn bể sẽ được hưởng cảnh thanh bình, thịnh trị, quỉ thần hộ vệ; nếu xuất gia, quyết sẽ đoạn trừ phiền não, qua dòng ái dục, vượt bể sinh tử, chứng được pháp ba minh, sáu thông và đủ bốn đạo quả.

Vua nghe lời các Tướng sư nói rất đỗi vui mừng, liền truyền lệnh khắp trong nước, tuyển chọn năm trăm nhũ mẫu, để trông coi cho các hoàng tử.

Lộc mẫu phu nhân liền tâu với nhà vua:

– Vua không phải lo việc, triệu các nhũ mẫu ở trong nước làm gì, vì trong vương cung đã có năm trăm phu nhân, các phu nhân ấy, thấy thần thiếp sinh những hoàng nam, nên dấy tâm ghen ghét, nay vua nên cho mỗi phu nhân một thái tử để nuôi nấng, cũng như con của các phu nhân vậy.

Vua bảo phu nhân:

– Năm trăm phu nhân thường mang lòng ghen ghét, não hại Lộc mẫu, nay Lộc mẫu muốn ta đánh bằng roi gậy, hoặc đuổi đi, hay xử tử để đền lại những tội ác của họ trước đây đối với phu nhân, ta sẽ không trái ý của phu nhân. Nhưng giờ phu nhân lại bỏ qua những sự oán hận ấy thì thực khó có ai sánh kịp! Lại còn mở cái ân huệ như trời, như đất: đem thái tử cho các phu nhân ấy nuôi…

Bấy giờ, năm trăm phu nhân kia lòng rất vui mừng cùng nói với nhau: Lộc mẫu phu nhân đã cho chúng ta những sự an ổn, vui sướng, lại còn cho chúng ta thái tử nữa!

Bấy giờ, vô lượng trăm ngàn đại chúng được nghe việc ấy, lòng sinh vui mừng và đều phát đạo tâm Vô thượng.

Đại vương bảo phu nhân:

– Thực chưa từng có! Ta cũng không sánh kịp phu nhân!

Phu nhân nói:

– Tham lam giận tức đều do ghen ghét, hãy lấy nhẫn nhục để trừ bỏ gian ác, lấy hòa thuận để thắng oán thù. Thần thiếp từ khi sinh cho đến nay, chưa từng tranh giành với ai, các phu nhân tự sinh não hại, ví như có người đi ban đêm, trông thấy gốc cây liền tưởng là giặc, hoặc tưởng là ác quỉ, nên sinh ra kinh sợ, chạy tản mác khắp bốn phương, hoặc trốn vào trong hang núi, hoặc vào trong nước, lửa, rừng rậm gai gốc, tổn thương đến cả thân thể, nhân vọng tưởng mà phải họa tai hại đến như thế! Tất cả chúng sinh

cũng lại như thế: tự sinh tự tử, như con tằm vương tơ, lại tự quấn lấy mình, như con thiêu thân tự gieo mình vào đèn lửa, mà không phải do ai xua đổi chúng cả! Tất cả điều ác đều từ vọng tưởng sinh ra, các phu nhân cũng lại như thế, nên thần thiếp nay không muốn cùng tranh tụng với những người ít hiểu biết ấy.

Năm trăm phu nhân liền đến trước Lộc mẫu phu nhân, ăn năn tự tạ, phụng kính Lộc mẫu như bậc Thánh hiền, như tình chị em và nuôi nấng các thái tử cũng không khác gì con của mình sinh ra.

Năm trăm thái tử dần dần khôn lớn. Mỗi thái tử, sức có thể địch nổi ngàn người, các nước lân cận nếu gây sự phản nghịch không chịu tuân phục, tự các thái tử đến dẹp loạn mà không cần tới bốn binh. Vì thế, cõi nước được thanh bình, Thiên thần vui mừng hộ vệ, mưa gió thuận hòa, dân chúng an lạc. Lúc ấy, năm trăm thái tử, cỡi những con đại danh tượng, ra du ngoạn nơi rừng núi, đồng cỏ, tự tại vui thích vô lượng, cha mẹ luôn yêu dấu, khác nào con ngươi mắt của mình.

Bấy giờ, năm trăm thái tử tuổi đã khôn lớn, nhân một hôm cùng nhau ngồi chơi bên bờ ao hoa sen, trông thấy hình dung của mình, ảnh hiện nơi đáy nước, bèn cùng bảo với nhau: "Tất cả các pháp chẳng khác nào như trò huyễn thuật, như hoa đốm trên không, như cảnh tượng thấy trong giấc chiêm bao, như bóng hình nơi đáy nước, thể tánh vốn không phải chân thực, chúng ta ngày nay cũng lại như thế! Tuy chúng ta ở vào địa vị cao sang tôn quý, sống trong chốn thâm cung, hưởng thụ năm sự dục lạc, trẻ trung đẹp đẽ, rốt cuộc cũng không thể nào giữ được lâu, vạn vật có thành tất phải có hoại, người ta sinh ra rồi cũng phải chết, trẻ khỏe không được bao lâu, mà già nua sẽ tới, ăn uống không tiết độ, tất nhiên bệnh hoạn phát sinh, dù cho sống lâu đến trăm tuổi, rồi cũng phải chết."

Các thái tử tỏ vẻ lo buồn không vui, quên cả ăn uống, liền cùng nhau trở về cung điện, thưa với cha mẹ:

– Thưa cha mẹ, thế giới đều là khổ, không có gì đáng vui, nay xin cha mẹ cho chúng con được xuất gia.

Vua bảo thái tử:

– Sinh, lão, bệnh, tử, không một ai có thể tránh khỏi, việc gì riêng các con phải sầu muộn.

Các thái tử lại tâu với vua cha:

– Sự sinh tử chẳng riêng con phải chịu nhọc nhằn, mà khắp cả năm ngả chúng sinh cũng đều phải chịu như thế.

Vua biết không thể nào ngăn cản được chí xuất gia của các thái tử,

nên cũng bằng lòng cho các thái tử xuất gia.

Mẫu hậu bảo các thái tử:

– Các con xuất gia, chớ nên bỏ ta đi xa, mà nên ở hậu viên, trong đó rất mát mẻ, cây cối tươi tốt, bốn việc cúng dường không thiếu.

Lúc ấy, các thái tử liền thực hiện việc xuất gia và vâng theo lời Mẫu hậu đều ở nơi hậu viên.

Sau khi xuất gia, mỗi thái tử đều chứng được quả vị Bích-chi-phật, như thế cho đến vị thái tử thứ bốn trăm chín mươi chín đều đạt được đạo quả.

Chứng được đạo quả, các thái tử liền đến trước cha mẹ, báo cho cha mẹ biết: lợi ích của sự xuất gia, nay chúng con đã thành tựu.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo thân tự bay lên hư không, hiện đằng Đông ẩn đằng Tây; ẩn đằng Tây hiện đằng Đông; hiện đằng Nam ẩn đằng Bắc; hiện đằng Bắc ẩn đằng Nam, hoặc hiện làm nhiều thân hình lớn, đầy khắp trong hư không, rồi lại hiện làm một thân, một thân lại hiện làm vô lượng thân; hoặc hiện trên thân phun nước, dưới thân phun lửa.

Sau khi các thái tử đã vì cha mẹ, hiện đủ thứ thần biến rồi, liền tự thiêu thân mà nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Lộc mẫu phu nhân thâu nhặt thân cốt, xây bốn trăm chín mươi chín cái tháp ở trong hậu viên để cúng dường.

Người con út, qua chín mươi ngày sau, cũng chứng được quả vị Bích-chi-phật, cũng vì cha mẹ, hiện đại thần biến. Hiện thân biến xong liền nhập Niết-bàn.

Mẹ của thái tử cũng thu thập thân cốt, xây tháp cúng dường.

Bấy giờ, Lộc mẫu phu nhân đốt các thứ hương thơm quý, trỗi các thứ âm nhạc mầu nhiệm, ngày ngày ở trong hậu viên cúng dường năm trăm tháp Bích-chi-phật. Phu nhân ở trước các tháp ấy, tỏ vẻ buồn rầu không vui và nói: "Ta tuy sinh năm trăm thái tử, thảy đều xuất gia mà không có một người nào phát tâm Bồ-đề."

Phu nhân liền lập thệ nguyện:

– Ta cúng dường năm trăm Bích-chi-phật, gồm xây năm trăm tháp cúng dường công đức của xá-lợi, xin hồi hướng cho khắp tất cả chúng sinh, khiến ta đời sau, thà sinh một con mà phát tâm Bồ-đề, hiện thế xuất gia, chứng được Nhất thiết trí, còn hơn sinh nhiều con mà không phát tâm Bồ-đề.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Lộc mẫu phu nhân lúc ấy, nay là Ma-da phu nhân. Ma-da phu nhân do cúng dường năm trăm Bích-chi-phật và tu tập vô lượng nghiệp thiện, cho nên ngày nay được sinh thành thân của Như Lai.

Khi Phật nói pháp ấy, có vô lượng trăm ngàn người, trời, chứng được Sơ quả, cho đến Tứ quả; có vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, đức Ma-da phu nhân về đời quá khứ, đã tạo hạnh nghiệp gì mà phải sinh trong loài súc sinh, làm thân Lộc nữ?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nghe cho kỹ, Ta sẽ vì ông, phân biệt giải nói về nhân duyên hành nghiệp đời trước của Đức Ma-da phu nhân.

Về đời quá khứ lâu xa, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, bấy giờ có một Đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ-bà-thi, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, ở đời giáo hóa. Sau khi Phật diệt độ, vào thời kỳ tượng pháp, lúc ấy có một nước nọ, gọi là Ba-la-nại, trong nước này có một người Bà-la-môn chỉ sinh hạ được một người con gái. Sau khi cha chết, để lại nàng cho mẹ nuôi nấng tới lúc khôn lớn. Nhà có một khu vườn cây trái, nên mẹ nàng thường để nàng ở nhà để trông coi, còn bà thì đi kiếm sống để nuôi thân và nuôi con. Ngày ngày theo thường lệ, bà vẫn đem thức ăn về cho con. Nhân một bữa nọ, vì sự chậm trễ của mẹ, chưa kịp đem thức ăn về cho nàng, hơn nữa, do sự đói khát bức bách, nên nàng sinh ra tức giận, nói:

– Mẹ ta ngày nay, không biết vì lẽ gì mà không cho ta ăn, chẳng nhìn ngó đến ta, để ta như thế này?

Vì quá phiền muộn, nên nàng nhắc đi nhắc lại đến ba lần như vậy, rồi lại còn tức giận, nói:

– Mẹ ta ngày nay, không bằng loài súc sinh. Ta thấy loài súc sinh như con hươu, một khi con nó bị đói khát, lòng nó còn chẳng nỡ rời bỏ, nữa là mẹ ta!

Nhưng thời gian không bao lâu, mẹ nàng đã đem thức ăn về cho nàng ăn.

Đang lúc sắp ăn uống thì có một vị Sa-môn là Bích-chi-phật, từ phía Nam bay qua phía Bắc. Lúc ấy, người con gái Bà-la-môn thấy vị Tỳ-kheo kia thì sinh lòng vui mừng, liền đứng dậy, chắp tay, cúi đầu làm lễ, trải tòa

thỉnh mời ngồi, rồi lấy những bông hoa tươi tốt, giảm phần ăn của mình, để cúng dường vị Tỳ-kheo.

Vị Tỳ-kheo ăn xong rồi, lại vì người con gái ấy, mà thuyết pháp, chỉ dạy, khiến đạt được những sự lợi ích, vui mừng.

Bấy giờ, người con gái đó liền phát nguyện:

– Nguyện tôi đời sau, được gặp gỡ những bậc Hiền thánh, lễ bái, cúng dường, khiến cho tôi được nhan sắc tốt đẹp, tôn vinh cao quý, nếu khi dạo đi đến đâu, hoa sen sẽ mọc theo dấu chân đi.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Người con gái lúc bấy giờ, về sau là Lộc mẫu phu nhân, do cúng dường vị Bích-chi-phật một bữa ăn và hoa mà trong năm trăm đời, được hưởng phước báo phú quý cao sang, y phục, thức ăn uống, không thiếu một thứ gì, nếu đi tới đâu, lại có hoa sen mọc theo phía chân đi, vì có nhân duyên như thế, mà nay được gặp năm trăm vị Bích-chi-phật, lễ bái cúng dường, nhưng chỉ vì một lời nói ác, chẳng biết ân đức, hủy báng mẹ: "chẳng bằng loài súc sinh", mà trong năm trăm kiếp phải sinh làm loài hươu.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Người ta sinh ra ở đời, họa từ trong miệng phát sinh, nên phải giữ gìn miệng hơn cả lửa mạnh vì lửa mạnh có đốt cháy, cũng chỉ đốt cháy một đời này, còn như lời nói ác khẩu đốt cháy thì sẽ đốt cháy trong vô số kiếp; lửa mạnh đốt cháy chỉ đốt cháy được của cải nơi thế gian, còn như lời nói ác khẩu đốt cháy thì sẽ đốt cháy cả bảy thứ của cải của Thánh nhân.

Vì thế A-nan, tất cả chúng sinh, họa từ trong miệng sinh ra. Vả lại, miệng lưỡi thực là cái búa sắc tự bổ mình, là cái họa để tự diệt mình.

Khi Phật nói kinh này, có ngàn Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, biết giữ gìn tội lỗi của khẩu nghiệp, liền chứng được Sơ quả, lại có vô lượng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, chứng được Sơ quả, cho đến Tứ quả, vô lượng nhân, thiên đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến tâm Bích-chi-phật. Tất cả đại chúng nghe Phật thuyết pháp đều hoan hỷ vâng theo, rồi lễ Phật và lui ra.

-oOo-

Bấy giờ Đức Thế Tôn, cùng với Tôn giả A-nan, vào thành Vương xá khất thực. Khi trở về ngoài thành, thấy có một vũng nước rất lớn và sâu, nên người trong thành Vương xá thường đem những thứ đại tiểu tiện ô uế, đổ bỏ vào vũng nước ấy và khi trời mưa thì tất cả nước dơ dáy ở khắp các chốn cũng chảy dồn cả vào trong vũng đó. Lúc đó, ở trong vũng nước ấy, có một con đại trùng, hình thù giống như người, nhưng tay chân lại rất nhiều. Con đại trùng ấy xa trông thấy Đức Như Lai, liền ngoi đầu lên khỏi mặt nước, trông nhìn Đức Phật, mà nước mắt tuôn trào. Đức Như Lai thấy con vật đó rồi, tỏ vẻ thương xót không vui liền trở về núi Kỳ-xà-quật.

Tôn giả A-nan trải tọa cụ. Đức Như Lai ngồi kiết già trên tọa cụ ấy.

Lúc đó, Tôn giả A-nan quan sát tâm ý của đại chúng, liền hỏi Đức Như Lai:

– Bạch Đức Thế Tôn, con trùng ở trong vũng nước vừa trông thấy đó, đời trước làm việc ác gì mà phải sinh sống trong vũng nước như thế? Với thời gian là bao nhiêu? Và đến thời nào mới được giải thoát?

Phật bảo Tôn giả A-nan và đại chúng:

– Các ông nên nghe cho kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói việc ấy. A-nan, về đời quá khứ, vô lượng ngàn kiếp, bấy giờ có Đức Phật ra đời, giáo hóa chúng sinh đã đều khắp rồi và nhập Niết-bàn. Sau khi Phật diệt độ, ở trong thời tượng pháp, có một người Bà-la-môn, lập tịnh thất cúng dường Tăng chúng. Nhân có một người đàn việt thường dâng dầu tô để cúng dường chúng Tăng. Lúc ấy có vị Tỳ-kheo khách tới, vị Duy na thấy vậy, sinh lòng giận tức, không muốn tiếp vị khách kia, nên đem cất giấu tất cả những thứ dầu tô ấy. Khách Tăng mới hỏi:

– Sao Thầy không đem dầu tô để cúng dường chúng Tăng?

Vị Duy na đáp:

– Vì ông là khách Tăng, còn tôi là cựu trụ, vì thế mà tôi không cúng dường.

Tỳ-kheo khách nói:

– Đó là đàn việt cúng dường cho chúng Tăng hiện tiền.

Lúc ấy, người Duy na kia lộ vẻ hung ác đáng sợ, liền mắng khách Tăng:

– Sao ông không ăn phần giải mà lại cứ theo tôi đòi dầu tô đó hoài vậy?

Do lời nói ác độc ấy, cho nên từ đó đến nay, đã trải qua chín mươi

ức kiếp, thường phải sinh trong vũng phân. Người Duy na lúc bấy giờ, nay là con trùng ở trong vũng nước kia. Do đời quá khứ, phát ra lời nói ác, hủy nhục chúng Tăng mà trải vô lượng kiếp cứ phải sinh vào nơi phân giải nhơ nhớp!

Phật bảo các đệ tử:

– Nên phải giữ gìn khẩu nghiệp hơn cả lửa mạnh. Đối với cha mẹ, chúng Tăng, phải đem lòng cung kính cúng dường, nói lời nhu hòa, khen ngợi, thường nghĩ đến ân đức của các vị đó. Chúng Tăng là ruộng phúc, đã ra khỏi ba cõi; còn cha mẹ là ruộng phúc tối thắng ở trong ba cõi. Vì sao? Vì trong chúng Tăng gồm có bốn quả, bốn hướng, mười hai bậc hiền sĩ, người nào cúng dường các bậc ấy sẽ được hưởng phúc vô lượng, không những như vậy, nếu tinh tấn tu hành không thoái tâm, thì còn thành tựu Phật đạo nữa. Đối với cha mẹ, mười tháng cưu mang, ướt mẹ nằm, ráo nhường con, bú mớm nuôi dưỡng đến ngày lớn khôn, dạy bảo cho con biết nghề nghiệp, tùy thời nuôi dạy, lại cho đi xuất gia, tu hành được giải thoát, qua khỏi bể sinh tử, làm lợi ích cho mình và cho tất cả muôn loài.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Cha mẹ, chúng Tăng, là hai thứ ruộng phúc của tất cả chúng sinh, là diệu quả của cõi Nhân, Thiên, Niết-bàn giải thoát cũng do đó mà được thành tựu!

Khi Phật nói kinh này, có vô lượng trăm ngàn chúng sinh, Nhân và Phi nhân, hoặc được Sơ quả, cho đến Tứ quả, hoặc phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, tất cả ai nấy đều chắp tay lễ Phật, nhiễu quanh theo phía bên phải, vui mừng và lui ra.

-oOo-

Lại nữa, ở nước Ba-la-nại, có vị Thừa tướng Bà-la-môn, nhà rất giàu có, của cải châu báu, vàng bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, voi, ngựa, trâu, dê, ruộng vườn, tôi tớ, không thiếu một thứ gì, đã quá tám mươi tuổi mới sinh được một người con trai, đẹp đẽ đoan nghiêm, nhân tướng vẹn toàn, cha mẹ rất vui mừng, mời các tướng sư, đến để xem tướng và đặt tên cho con là Quân Đề. Quân Đề lên bảy tuổi, cha mẹ rất yêu quý nên cùng nhau tìm đến chỗ Đức Như Lai ở núi Sát-đề-lợi-nhân-đề-la, xin cho Quân Đề được theo Phật xuất gia.

Bấy giờ, Đức Như Lai với bốn chúng vây quanh, đang vì đại chúng chư Thiên, Long, Quỉ thần, giảng rộng về pháp thế gian và các pháp xuất thế gian. Lúc ấy, vị Bà-la-môn bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con nay tuổi đã về già mới sinh được đứa con này, xin Đức Thế Tôn là Bậc Đại Từ, thương xót che chở cho tất cả, nay con xin đem đứa con này của con đến, mong được Phật độ cho xuất gia làm đệ tử Phật.

Phật bảo:

– Hay lắm Tỳ-kheo!

Tức thì râu tóc tự nhiên rụng hết, áo ca-sa liền mặc vào mình. Rồi Phật vì Quân Đề nói pháp, chỉ bày dạy bảo, khiến đạt được những lợi ích, nên sinh lòng vui mừng, liền chứng đắc đạo quả ba minh, sáu thông và đủ tám thứ giải thoát.

Lúc ấy Tôn giả A-nan quan sát tâm ý của đại chúng, đều thấy có sự nghi ngờ, nên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, để hở vai áo bên phải, chắp tay cung kính, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Sa-di Quân Đề thời quá khứ đã tạo những công đức gì, tu hành nghiệp gì mà nay được gặp Đức Thế Tôn, lại được chứng đạo quả, sao mau chóng như thế?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Sa-di Quân Đề, không phải mới ngày nay tu hành liền được như vậy đâu, mà do đời quá khứ đã từng cúng dường cha mẹ, chúng Tăng, tu tập các công đức vi diệu, nên nay gặp được thiện tri thức, lại chứng đắc đạo quả.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Kính xin Phật giảng nói cho đại chúng được biết.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nghe cho kỹ, Ta sẽ nói cho ông và đại chúng được rõ:

Về đời quá khứ, vô lượng ngàn năm, có Đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ-bà-thi, tại thế giáo hóa, đem lại lợi ích cho cõi trời, cõi người. Hóa duyên đã viên mãn, liền nhập Niết-bàn. Sau khi Phật diệt độ, trong thời chánh pháp, có một vị Tỳ-kheo tuổi trẻ, thông suốt cả ba tạng: tạng A-tỳ đàm, tạng Tỳ-ni, tạng Tu-đa-la. Diện mạo tốt đẹp, nhân tướng đầy đủ, giọng tiếng trong trẻo vi diệu, lại rất thông minh, biện luận, thuyết pháp đều giỏi, cho nên được nhiều người quen biết, lại được cả nhà vua và những người Bà-la-môn cung kính, cúng dường. Lúc ấy, có một vị Tỳ-kheo già, thân hình xấu xí, tướng người chẳng đầy đủ, hơn nữa giọng tiếng lại không được tốt, nhưng thường ưa đọc tụng, tán thán công đức của Tam bảo.

Bấy giờ, vị Tam tạng Tỳ-kheo tuổi trẻ thấy vị Tỳ-kheo tuổi già, giọng

tiếng không được tốt, liền sinh tâm hủy nhục, nói:

– Giọng tiếng như thế chẳng khác gì tiếng chó sủa!

Vị Tỳ-kheo già nói:

– Sao ngươi lại hủy nhục ta như vậy? Ngươi có biết ta chăng?

Vị Tam tạng Tỳ-kheo tuổi trẻ nói:

– Tôi có biết ông, ông là vị Tỳ-kheo già Ma-ha-la, trong thời kỳ chánh pháp của Phật Tỳ-bà-thi, sao tôi lại không biết?

Ma-ha-la nói:

– Ta nay chỗ làm đã xong, phạm hạnh đã lập và không còn phải chịu thân sinh tử nơi đời sau nữa.

Vị Tam tạng Tỳ-kheo tuổi trẻ nghe nói thế, lòng sinh ra kinh hãi, dựng cả chân lông.

Lúc này Ma-ha-la, liền đưa tay bên phải phóng ra ánh hào quang lớn soi khắp cả mười phương.

Tam tạng Tỳ-kheo trẻ liền cúi đầu lễ bái, cầu xin sám hối:

– Tôi là người ngu si, không biết phân biệt Hiền thánh, nên gây ra nghiệp ác ấy, xin cho tôi đời sau, được gần gũi bạn lành, gặp gỡ Thánh sư, bao nhiêu phiền não đều được sạch hết, cũng như đại đức.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Tam tạng Tỳ-kheo trẻ tuổi ấy, vì một lời nói ác hủy mắng bậc thượng tọa, mà trong năm trăm kiếp, thường bị quả báo phải làm thân chó.

Tất cả đại chúng, nghe Phật nói pháp, đều kinh sợ hãi hùng và cùng phát ra tiếng nói:

– Gớm thay! Gớm thay độc họa nơi thế gian, không gì nặng hơn là ác khẩu!

Bấy giờ vô lượng trăm ngàn người đều lập thệ nguyện, nói kệ:

Giả sử vòng sắt nóng,
Quấn tại đỉnh đầu tôi
Trọn chẳng vì khổ ấy
Mà phát lời ác độc.
Giả sử vòng sắt nóng
Ở tại đỉnh đầu tôi
Trọn chẳng vì khổ ấy
Mà hủy báng Thánh hiền.

Phật bảo Tôn giả A-nan và Xá-lợi-phất:

– Đối với các chúng sinh, là bậc Thiện tri thức, ngày đêm sáu thời thường dùng đạo nhãn, xem xét chúng sinh ở trong năm ngả, người nên hóa độ, cần phải đến mà hóa độ cho họ.

Bấy giờ, khoảng giữa hai nước Ma-kiệt-đà và Xá-vệ có năm trăm người khách buôn, phải đi ngang qua một con đường rất nguy hiểm. Lúc đó, người chủ buôn, mang theo một con chó trắng. Người bạn của chủ buôn, vào lúc chập tối, có nấu thịt để làm thức ăn, tới khuya, con chó ấy ăn vụng hết. Sáng mai, người chủ buôn và bạn của ông ta, định lấy thịt ra để ăn, thì biết là chó đêm hôm qua đã ăn vụng hết sạch! Đang gặp lúc đói khát bức bách, nên họ sinh ra giận tức, liền cầm dao chặt hết bốn chân của con chó, quăng xác xuống hố rồi cùng nhau bỏ đi nơi khác. Con chó bị đau đớn, quằn quại dưới hố trông rất thảm thiết.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, vào chập tối, dùng đạo nhãn, từ xa thấy rõ sự thể ấy rồi, nên đến sớm mai, liền mặc áo, mang bát vào trong thành khất thực, xong xuôi Tôn giả liền đi thẳng tới chỗ con chó, đem thức ăn cho nó ăn, rồi lại vì nó giảng nói pháp, chỉ bày dạy bảo, khiến được những lợi ích, nên sinh lòng vui mừng. Con chó ấy nghe pháp rồi, hổ thẹn không vui. Sau bảy ngày tội hết, được thoát khỏi kiếp chó, sinh ra làm người.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Con chó lông trắng lúc ấy, nay là ông Sa-di Quân Đề này. Do đời quá khứ, hủy báng Hiền thánh, mà phải đọa lạc vào đường ác, nhưng vì biết ăn năn, hổ thẹn cải hối và phát thệ nguyện ấy, cho nên nay được gặp bạn lành, vì được gặp bạn lành mà được thoát thân kiếp chó, sinh ra làm người, được gặp Phật, giải thoát sinh tử, phiền não.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nên phải nghĩ nhớ đến ân đức của cha mẹ, ân đức của Thiện tri thức. Cho nên người biết ân, thường nên phải trả ân. Thiện tri thức là nhân duyên lớn.

Khi Phật nói pháp ấy, có vô lượng trăm ngàn chúng sinh, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Tất cả đại chúng, nghe Phật nói pháp rồi đều vui mừng hớn hở, lễ Phật và lui ra.

□

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN

QUYỂN 4

Phẩm 6: ÁC HỮU

Bấy giờ đại chúng vây quanh Đức Thế Tôn, cúng dường cung kính, tôn trọng tán thán. Khi ấy, Đức Như Lai vui vẻ mỉm cười, rồi từ trên trán phóng ra một vầng hào quang lớn tên là Đại bi gồm bốn màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, chiếu khắp mười phương, trên tới cõi trời Sắc cứu cánh, dưới đến mười tám cửa Địa ngục. Khi tia hào quang chiếu vào thân thể đau đớn, khổ não của Đề-bà-đạt-đa, thì lập tức Đề-bà-đạt-đa được yên vui bình thản.

Lúc ấy đại chúng đồng thanh ca ngợi Đức Như Lai:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Đức Thế Tôn thật là một Đấng Đại từ, Đại bi, đối với kẻ oán, người thân, tâm thường bình đẳng. Đề-bà-đạt-đa lúc nào cũng mang lòng thâm độc, toan hãm hại Như Lai, vậy mà Đức Thế Tôn không những đã chẳng lo sợ, oán giận, mà còn rủ lòng thương xót, phóng hào quang Đại bi, chiếu vào Đề-bà-đạt-đa khiến được yên vui bình thản.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo đại chúng:

– Không phải chỉ ở kiếp này Đề-bà-đạt-đa thường mang lòng hại Ta, mà trong kiếp quá khứ xa xưa, Đề-bà-đạt-đa cũng thường muốn hại Ta, nhưng Ta cũng đều lấy lòng Từ bi mà tha thứ và cứu độ cho.

Tôn giả A-nan nhận thấy tâm ý của đại chúng đều có chỗ nghi ngờ, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, đầu gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, trong kiếp quá khứ Đề-bà-đạt-đa thường mang lòng hại Phật, việc đó như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông hãy nghe cho kỹ, Ta sẽ vì ông mà nói rõ về việc đó. Ở thời quá khứ, cách đây vô lượng vô số ngàn năm, có một nước gọi là Ba-la-nại. Trong nước ấy có một vị Phật ra đời, hiệu là Tỳ-bà-thi, là Bậc Như

Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật Tỳ-bà-thi ở đời giáo hóa được mười ngàn năm. Sau khi nhập diệt, chánh pháp của Ngài lưu truyền được mười hai ngàn năm, thì bắt đầu sang thời kỳ tượng pháp.

Sau thời kỳ tượng pháp, nước Ba-la-nại có ông vua tên là Ma-ha-la-xà. Vua rất thông minh và nhân đức, lấy chánh pháp trị nước, không bức bách muôn dân. Vua làm bá chủ sáu mươi nước nhỏ, tám trăm thôn ấp; có năm trăm voi trắng và hai vạn phu nhân, nhưng không có con. Vua Ma-ha-la-xà mới làm lễ cầu đảo nơi các vị thần sông ngòi, núi rừng và cây cối để mong có con nối nghiệp. Cứ như thế ròng rã trong mười hai năm, thì hai bà phu nhân đệ nhất và đệ nhị đều mang thai. Được tin ấy, vua hết sức vui mừng, rồi tự tay chăm sóc các thức ăn uống, giường mùng cho hai vị phu nhân kia luôn được như ý. Sau mười tháng, phu nhân đệ nhất sinh ra thái tử, thân hình đầy đặn, tướng mạo khôi ngô và sắc diện đoan trang. Phu nhân đệ nhị cũng sinh được một trai. Vua thấy sung sướng vô cùng, liền triệu tập các quan văn, võ, các nhà tướng số và các thầy Bà-la-môn để xem tướng và đặt tên cho hai thái tử.

Thầy tướng hỏi:

– Khi sinh thái tử, có điềm gì khác lạ không?

Vua đáp:

– Bà mẹ của thái tử thứ nhất xưa nay tánh tình vốn xấu xa hay giận dữ, ghen ghét, tự kiêu, tự đại, nhưng từ khi sinh thái tử thì tánh tình khác hẳn: hòa nhã, vui vẻ, rộng lượng, khiêm tốn và lúc nào cũng tươi cười; gặp ai cũng dùng lời từ tốn thăm hỏi và thương yêu mọi người như mẹ thương con.

Thầy tướng nói:

– Đó là do phúc đức của đứa trẻ này khiến cho cha mẹ thay đổi như thế. Vậy nên đặt tên là thái tử Thiện Hữu.

Thầy tướng lại hỏi:

– Thế còn phu nhân đệ nhị khi sinh thái tử cũng có những điềm khác lạ chăng?

Vua đáp:

– Phu nhân đệ nhị xưa nay tánh tình vốn hiền hậu, vui vẻ, nói năng dịu dàng, ai cũng quý mến, nhưng từ khi mang thai thì tánh nết đột nhiên thay đổi: cáu kỉnh, oán hờn, ghen tỵ và hay chửi mắng.

Thầy tướng nói:

– Đó là do nghiệp báo của đứa trẻ này khiến cho bà mẹ thay đổi như thế. Vậy nên đặt tên là thái tử Ác Hữu.

Từ đó hai thái tử dần dần khôn lớn. Đến năm mười bốn tuổi thì thái tử Thiện Hữu tỏ ra rất thông minh và nhân từ, hay bố thí cho những người nghèo khó, nên cha mẹ rất thương yêu, quý chuộng. Còn thái tử Ác Hữu thì tánh khí hung bạo, cha mẹ thường ít ưa chuộng, không muốn nhìn mặt, nên Ác Hữu mang lòng ganh ghét với anh, hay gây sự bất hòa, sinh tâm hờn giận và chỉ muốn làm hại anh.

Một hôm, thái tử Thiện Hữu cùng với đoàn người tùy tùng ra ngoài thành du ngoạn. Thái tử thấy người cầy ruộng, lưỡi cầy đưa đến đâu thì côn trùng dưới đất chạy ra và lập tức bị những chim chóc mổ ăn. Thái tử thấy thế, bùi ngùi thương xót và vốn sinh trưởng trong thâm cung chưa hề thấy việc ấy, nên mới hỏi người tùy tùng:

– Tại sao những con vật lại giết hại lẫn nhau vậy? Và tại sao người kia phải làm việc vất vả như thế?

Người hầu cận đáp:

– Sở dĩ thái tử có đất nước là nhờ ở muôn dân; muôn dân có là nhờ nơi sự ăn uống, sở dĩ có cái để ăn uống là nhờ ở sự cầy cấy, trồng trọt các thứ thóc lúa để nuôi sống con người.

Nghe xong, thái tử trầm ngâm suy nghĩ và nói:

– Khổ thay! Khổ thay!

Đi được một khoảng đường nữa, lại thấy một đám người, cả đàn ông lẫn đàn bà đang dệt vải, mồ hôi nhễ nhại, trông có vẻ mệt nhọc, thái tử lại hỏi:

– Những người kia làm gì thế?

Tùy tùng thưa:

– Thưa thái tử, họ đang dệt vải để may quần áo cho mọi người che đậy thân thể và ngừa sự rét mướt.

Thái tử tự nghĩ: "Vì miếng cơm ăn, manh áo mặc mà con người phải vất vả như vậy". Đi thêm một quãng nữa, lại thấy người ta đang lột da những con trâu, con ngựa và chọc tiết heo, dê, thái tử liền hỏi:

– Đám người kia đang làm gì mà lại xâu xé những con vật như thế?

Tùy tùng trả lời:

– Họ là những người đồ tể, giết súc vật bán thịt để mưu sinh.

Nghe xong, thái tử có vẻ kinh sợ và nói:

– Lạ thay, sao người ta có thể bất nhẫn như thế được, cậy mạnh hiếp yếu, sát sinh để mưu sinh mà gây oan trái rồi đền trả nhau trong bao nhiêu kiếp.

Đi tiếp một quãng đường nữa, lại gặp một đám người bẫy chim, bắt cá, hà hiếp kẻ vô cớ, người khỏe bắt nạt kẻ yếu, thái tử lại hỏi:

– Những người kia làm gì vậy?

– Thưa thái tử, họ đang bẫy chim, bắt cá để đổi lấy miếng cơm ăn manh áo mặc.

Nghe xong, thái tử buồn rầu, rơi lệ, thương cho chúng sinh ở đời toàn tạo những nghiệp ác, để rồi phải chịu những quả khổ vô cùng. Thái tử thấy thế, lòng thương cảm không nguôi, liền sai xe quay trở về cung điện.

Về cung, vua cha thấy thái tử có vẻ ưu tư, sầu khổ, mới hỏi nguyên do. Thái tử liền đem hết những việc đã được mục kích trong khi du ngoạn ngoài thành, thuật lại cho vua cha nghe. Vua nói:

– Đó là những việc tự nhiên, không thể tránh được vậy con không nên buồn rầu, hại cho sức khỏe.

Thái tử nói:

– Nay con muốn xin Phụ vương một việc, Phụ vương có vui lòng cho con không?

Vua nói:

– Ta chỉ có con là người con duy nhất, ta rất yêu quý, vậy ý con muốn điều gì cứ nói, ta sẽ cho con được toại nguyện.

Thái tử thưa:

– Con muốn xin tất cả những kho tàng của cải và lương thực của phụ vương để bố thí cho tất cả mọi người.

Vua trả lời:

– Tùy ý con muốn, cha không hối tiếc.

Bấy giờ, thái tử Thiện Hữu mới sai quan giữ kho mở các cửa kho và dùng năm trăm con voi lớn chở các thứ của báu ra bốn cửa thành truyền cho dân chúng khắp trong nước ai cần thức ăn, áo mặc và của cải, cứ tự ý đến lấy. Lúc ấy danh tiếng của thái tử lừng lẫy tám phương. Dân chúng khắp nơi kéo đến và chỉ trong một thời gian ngắn đã hết hai phần ba của cải trong các kho tàng. Viên quan coi kho liền vào tâu vua:

– Tâu Bệ hạ, thái tử đã cho hết hai phần ba của cải trong các kho, xin Bệ hạ hãy nghĩ lại.

Vua nói:

– Không nên làm trái ý thái tử.

Một lúc sau, các quan họp nhau để bàn bạc và cho rằng: Sở dĩ quốc gia được hưng thịnh là nhờ vào các kho tàng, nay kho tàng hết sạch của cải, thì quốc gia phải lâm nguy. Bàn xong, các quan lại vào tâu vua:

– Tâu Bệ hạ, thái tử đã dùng hết hai phần ba của cải trong kho tàng, xin Bệ hạ can ngăn thái tử.

Vua trả lời:

– Trẫm không muốn làm trái ý con mình, vậy các khanh hãy từ từ tìm cách can ngăn thái tử.

Hôm sau, thái tử Thiện Hữu vào kho thì không thấy quan giữ kho đến mà cửa kho thì khóa chặt. Thái tử sai người đi mời quan giữ kho, nhưng không gặp. Thái tử tỏ vẻ bực mình:

– Sao viên quan coi kho lại dám làm trái ý ta? Hay phụ vương ta đã ra lệnh như vậy?

Nói xong, thái tử sực tỉnh, liền tự nghĩ: "Người con hiếu thảo, không nên phá tán của cải của cha mẹ, ta hãy tự tìm lấy của báu để bố thí chúng sinh. Nếu ta không thể cấp dưỡng đầy đủ thức ăn, áo mặc cho tất cả chúng sinh được như ý, thì sao có thể gọi là con của một vị Đại vương?"

Nghĩ như thế rồi, thái tử liền triệu tập các quan văn võ để thảo luận. thái tử hỏi:

– Người ta làm nghề gì thì kiếm được nhiều của nhất?

Vị đại thần thứ nhất thưa:

– Ở đời, muốn giàu có trước hết phải cày cấy trồng trọt, vì mất ít vốn mà lại được nhiều lời.

Vị đại thần khác lại nói:

– Cái nghề đưa lại nhiều lợi tức nhất là nghề chăn nuôi, là vì súc vật sinh nở rất mau.

Một vị đại thần nữa nói:

– Ai muốn trở nên đại phú thì phải xuống biển tìm các thứ bảo vật. Nếu được viên ngọc báu Ma-ni thì tha hồ cấp dưỡng cho tất cả chúng sinh, khiến đều được đầy đủ như ý muốn.

Thái tử Thiện Hữu nói:

– Duy có cách ấy là hợp ý ta nhất.

Lập tức thái tử cho các quan giải tán rồi vào cung tâu với vua cha:

– Nay con muốn xuống biển tìm các thứ châu báu, xin phụ vương chấp thuận.

Nghe lời nói ấy, như sét đánh bên tai, nhà vua nghẹn ngào nói với thái tử:

– Giang sơn đất nước này và kho tàng của báu kia đều thuộc quyền sở hữu của con, tùy ý con sử dụng, hà tất phải xuống biển tìm châu báu? Con vốn sinh trưởng trong thâm cung, sống trên nhung lụa, nay phải dãi dầu sương gió, đói khát nóng lạnh, lấy ai săn sóc. Hơn nữa, giữa biển cả mênh mông, bao nhiêu tai nạn, nào ác quỉ, độc long, sóng dồn gió dập, nước xoáy đá ngầm, cá kình cá mập, ngàn vạn người ra đi chỉ một vài người đến đích. Nay con lại xin xuống biển thì việc ấy cha không thể cho được.

Lúc ấy, thái tử Thiện Hữu liền phủ phục xuống đất tâu với vua cha:

– Nếu cha mẹ không cho con được xuống biển tìm châu báu thì con sẽ bỏ mạng nơi đây chứ trọn không đứng dậy.

Bấy giờ, nhà vua và phu nhân thấy như thế, thì chỉ đưa mắt nhìn nhau mà không nói nên lời. Một lúc sau mới khuyên giải thái tử:

– Con hãy dậy ăn uống đi.

Thái tử nói:

– Nếu cha mẹ không cho con được toại nguyện, con nhất định sẽ nhịn đói đến chết.

Vua cha và các phu nhân đều âu sầu khổ não, khóc lóc thảm thương, cứ như thế đến trọn một ngày mà thái tử cũng không ăn uống. Rồi hai ngày, ba ngày cho tới sáu ngày trôi qua, thái tử cũng không hề lay chuyển. Cha mẹ lo sợ quá nên đến ngày thứ bảy mới vỗ về, khuyên nhủ thái tử:

– Con hãy dậy ăn uống đi! Cái thân này nhờ có ăn uống mới sống được, nếu không ăn uống thì tất phải chết.

Thái tử nói:

– Nếu cha mẹ nhất định không cho con xuống biển tìm châu báu thì con sẽ chết tại đây, không bao giờ đứng dậy.

Bấy giờ, phu nhân đệ nhất tâu vua:

– Con nó đã quyết chí như thế thì khó có thể lay chuyển được. Ta nỡ nào nhìn con bỏ mạng nơi đây? Vậy xin Bệ hạ rủ lòng thương mà cho con xuống biển may ra còn hy vọng phần nào trong muôn một, chứ nếu không cho thì chắc chắn con nó sẽ chết ngay thôi.

Nhà vua thấy không thể nào ngăn cản nổi, nên đành phải bằng lòng. Thái tử Thiện Hữu bèn đứng dậy, vui mừng, lễ chân phụ vương. Các cung

phi, thể nữ và trăm ngàn người xung quanh đều hỏi nhau:

– Thái tử còn sống hay chết?

Vua trả lời:

– Hôm nay thái tử đã trở dậy, vui vẻ và ăn uống như thường.

Vua hỏi thái tử:

– Mục đích con muốn xuống biển để tìm của báu gì?

Thái tử trả lời:

– Tâu Phụ vương, con muốn tìm cho được viên ngọc báu Ma-ni để cấp dưỡng cho tất cả chúng sinh, khiến không còn thiếu thốn.

Bấy giờ nhà vua mới truyền lệnh khắp trong nước:

– Thái tử Thiện Hữu muốn xuống biển tìm ngọc báu Ma-ni, nếu ai chịu đi với thái tử thì khi trở về, ta sẽ ban cho của cải dùng trong bảy đời không phải thiếu thốn. Ta sẽ sắm đầy đủ thuyền bè và cung cấp lương thực đi đường.

Khi nghe lệnh ấy, năm trăm người vui mừng tụ họp, rồi đến tâu vua:

– Muôn tâu Bệ hạ, chúng tôi xin tình nguyện đi theo thái tử.

Thời ấy ở nước Ba-la-nại, có một nhà hàng hải rất thông thạo các đường biển, nhưng đã tám mươi tuổi, nên mắt mờ kém. Vua nước Ba-la-nại tìm đến tận nơi nói với nhà hàng hải:

– Trẫm chỉ có một người con, từ xưa chưa hề đi đâu, mà nay lại muốn xuống biển tìm ngọc báu, nên trẫm đến cảm phiền khanh cùng đi để hướng dẫn con trẫm.

Nghe vua nói như thế, nhà hàng hải quá xúc động, cất tiếng khóc, rồi tâu vua:

– Tâu Bệ hạ, giữa biển cả mênh mông, tất gặp rất nhiều gian khổ nguy hiểm, muôn ngàn người ra đi mà chỉ có một vài người đến đích, tại sao Bệ hạ lại để cho thái tử dấn thân vào con đường hiểm nghèo như vậy?

Vua nói:

– Thái tử quyết chí xin đi, trẫm đã nhiều ngày khuyên giải mà thái tử không nghe. Cho nên, vì quá thương con mà trẫm không dám làm trái ý thái tử.

Nghe xong, nhà hàng hải tuân theo mệnh lệnh của vua để cùng đi với thái tử.

Bấy giờ, thái tử Thiện Hữu chuẩn bị hành trang đầy đủ cho năm trăm người, rồi sai đám hầu cận chở ra bãi biển. Lúc đó, em thái tử là Ác Hữu

tự nghĩ: "Xưa nay cha mẹ thường yêu quý Thiện Hữu hơn ta, nay Thiện Hữu lại đi ra biển tìm ngọc báu, nếu ngày kia ngọc được đem về, chắc chắn cha mẹ càng yêu quý Thiện Hữu hơn nữa mà ghét bỏ ta." Nghĩ như thế rồi, thái tử Ác Hữu liền đến xin vua cha, cho phép cùng đi với Thiện Hữu xuống biển tìm châu. Vua nói:

– Tùy ý con. Giữa đường nếu gặp tai nạn thì anh em phải che chở cho nhau.

Lúc tới biển, thái tử Thiện Hữu dùng bảy cái neo, neo thuyền lại bảy ngày trước khi ra khơi. Mỗi buổi sáng, khi mặt trời vừa mọc, thái tử Thiện Hữu đánh một hồi trống nêu rõ:

– Tất cả mọi người, ai muốn xuống biển thì cứ mặc nhiên, nếu ai còn quyến luyến cha mẹ, vợ con, anh em và các thú vui ở đời, thì hãy trở về chứ đừng vì tôi mà đi theo. Tại sao vậy? Vì giữa biển cả mênh mông, có nhiều tai nạn, trong muôn ngàn người đi thì chỉ một vài người đến đích.

Trong khi tuyên bố như vậy, nếu tất cả mọi người đều giữ im lặng, thì nhổ một chiếc neo gác lên mạn thuyền. Ngày nào cũng làm như thế, cho đến ngày thứ bảy thì tất cả bảy chiếc neo đều được nhổ lên và bắt đầu giương buồm cho thuyền ra khơi.

Nhờ phúc đức và lòng Từ bi của thái tử nên mọi người đã vượt qua biển cả mà đến được núi Trân bảo, bình an vô sự. Đến nơi, thái tử Thiện Hữu liền gióng một hồi trống rồi nói với mọi người:

– Các vị nên biết, đường sá xa xăm, nay đã đến nơi, vậy các vị phải mau mau thu lượm lấy của báu mà trở về, càng sớm càng hay. Nhưng của báu ở đây rất nặng và quý giá, ở cõi Diêm-phù-đề không có vật gì sánh kịp, vậy các vị đừng có tham lam chở nhiều, sợ nặng quá khiến thuyền đắm giữa dòng, không về đến nơi thì thật là uổng công khó nhọc.

Dặn dò xong xuôi, thái tử cùng mọi người chia tay, nói:

– Các vị cứ yên tâm trở về, ta còn đi nữa để tìm cho được ngọc báu Ma-ni.

Bấy giờ, thái tử Thiện Hữu và nhà hàng hải hướng đạo tiến lên, đi được bảy ngày thì đến một chỗ nước chỉ sâu tới đầu gối; lại đi bảy ngày nữa thì tới một chỗ nước sâu đến cổ; lại tiến thêm bảy ngày nữa, vượt qua một lớp phù sa thì đến một bãi biển, cát toàn bằng bạch ngân. Người hướng đạo hỏi:

– Đất này bằng thứ gì?

Thái tử đáp:

– Đất này toàn bằng bạch ngân.

Người hướng đạo lại nói:

– Thái tử hãy nhìn xa ra bốn phía xem có dãy núi bạch ngân nào không?

– Phía Đông nam có một dãy núi Bạch ngân xuất hiện.

– Con đường này sẽ dẫn đến chân dãy núi ấy.

Khi tới núi Bạch ngân rồi, người hướng đạo nói với thái tử:

– Bây giờ ta nên đi đến vùng Kim sa.

Nhưng lúc đó người hướng đạo cảm thấy mỏi mệt, kiệt sức, liền nói với thái tử:

– Tôi thấy trong người yếu quá, chắc không bao lâu nữa tôi sẽ bỏ mạng nơi này. Vậy thái tử hãy hăng hái lên, từ đây về phía Đông chừng bảy ngày nữa, sẽ tới rặng Kim sơn, rồi từ Kim sơn đi bảy ngày nữa sẽ đến một nơi đất toàn bằng hoa sen xanh thắm. Lại đi thêm bảy ngày nữa, đất ở nơi ấy thuần là hoa sen đỏ, hồng. Lại đi qua nơi này thì đến một cái thành Thất bảo, nền thành toàn bằng hoàng kim, lầu gác bằng bạch ngân, những tấm bình phong bằng ngọc san hô đỏ, xa cừ, mã não xen lẫn với nhau, những lưới châu ngọc giăng mắc phía trên, bảy lần hào lũy toàn bằng lưu ly. Đó là thành của Long vương Đại Hải. Trong tai bên trái của vị Long vương ấy có một viên ngọc báu Ma-ni Như ý. Thái tử nên đến mà xin. Nếu được viên ngọc ấy thì có thể làm cho khắp cõi Diêm-phù-đề đầy đủ các thứ của báu, thức ăn, áo mặc, thuốc thang và ca nhạc vui tươi. Nói tóm lại, tất cả chúng sinh cần cái gì là tùy ý được thỏa mãn, cho nên gọi là ngọc báu Như ý. Nếu thái tử có được viên ngọc ấy thì chắc chắn mọi nguyện ước sẽ thành tựu cứu giúp chúng sinh.

Nói xong, người hướng đạo trút hơi thở cuối cùng. Bấy giờ, thái tử Thiện Hữu ôm lấy xác người hướng đạo khóc thương thảm thiết. Người hướng đạo chết đi, thái tử đã mất một người tin cậy. Sau khi phủ cát vàng mai táng cho nhà hàng hải, thái tử Thiện Hữu đi nhiễu bảy vòng, làm lễ rồi từ biệt.

Từ đấy, thái tử đi thẳng đến rặng Kim sơn, qua rặng Kim sơn thì thấy hoa sen màu xanh mọc khắp mặt đất. Dưới những bông sen, có nhiều rắn độc cũng màu xanh. Loại rắn đó có ba thứ độc hại: nó cắn cũng chết, chạm xát vào nó cũng chết, nó phun nọc độc cũng chết. Những con rắn độc này quấn lấy cuống bông sen, giương mắt le lưỡi nhìn thái tử. Lúc đó, thái tử Thiện Hữu liền nhập từ bi quán, rồi nhờ năng lực từ bi nên giẫm lên hoa sen lá sen mà đi thẳng tới cung điện Long vương, mà những rắn độc kia

không hề cắn hại. Bốn bên cung điện của Long vương có bảy lớp hào lũy, trong các hào lũy ấy có rất nhiều rồng độc, mình quấn lấy nhau, giao đầu nhìn nhau mà giữ cửa thành.

Khi thái tử Thiện Hữu đến ngoài cửa thành thì thấy toàn rồng độc. Thái tử liền vận dụng Từ tâm và tự nghĩ: "Nếu thân ta đây mà bị những con rồng độc kia sát hại, thì tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề đều sẽ mất lợi ích lớn".

Bấy giờ thái tử giơ tay phải lên, bảo những con rồng độc:

– Các ngươi nên biết, ta nay vì tất cả chúng sinh, muốn được yết kiến Long vương.

Ngay lúc ấy, tất cả các rồng độc liền tránh ra mở đường cho thái tử đi qua. Thái tử đi hết bảy lớp thành hào lũy có rồng canh giữ như vậy thì đến dưới cửa thành. Ở đây, thái tử thấy hai ngọc nữ, phục sức bằng nhung tơ, yểu điệu thướt tha. Thái tử mới hỏi:

– Các người là ai?

Ngọc nữ trả lời:

– Chúng tôi là những tỳ nữ của Long vương, có bổn phận giữ cửa thành ngoài.

Đoạn thái tử tiến vào cửa giữa, lại thấy bốn người ngọc nữ phục sức toàn bằng tơ lụa màu bạc trắng. Thái tử hỏi:

– Có phải các tiểu thư là cung phi của Long vương chăng?

Ngọc nữ trả lời:

– Không phải. Chúng tôi chỉ là tỳ nữ của Long vương, có phận sự canh gác cửa giữa thành.

Thái tử lại vào cửa trong, thấy tám nàng ngọc nữ, phục sức toàn bằng tơ lụa màu hoàng kim. Thái tử hỏi:

– Các tiểu thư là người thế nào?

Ngọc nữ trả lời:

– Chúng tôi là tỳ nữ giữ cửa trong của Long vương.

Thái tử nói:

– Các tiểu thư hãy vì tôi vào báo cho Long vương Đại Hải biết là có thái tử Thiện Hữu, con vua nước Ba-la-nại, ở cõi Diêm-phù-đề muốn được yết kiến Long vương.

Các ngọc nữ liền vào tâu Long vương. Long vương nghe xong lấy làm lạ, mới tự nghĩ: "Nếu không phải là con người có đầy đủ phước đức và

thiện tâm thì không thể nào vượt qua được những khoảng đường xa xăm đầy nguy hiểm mà đến đây!". Nghĩ như thế rồi, Long vương bèn ra tận cửa để đón rước thái tử Thiện Hữu vào cung.

Cung điện của Long vương toàn bằng lưu ly, giường nằm, tòa ngồi làm bằng bảy báu, ánh sáng chói ngời, nhìn vào lóa mắt. Long vương mời thái tử Thiện Hữu ngồi, rồi cùng chuyện trò. Nhân đó, Thái tử thuyết pháp cho Long vương nghe, nói về công đức của sự bố thí, trì giới và phúc báo ở cõi người, cõi trời. Nghe xong, Long vương Đại Hải rất vui mừng, mới hỏi:

– Thái tử đã vượt qua bao nhiêu trùng dương đến đây, mục đích là muốn tìm vật gì?

Thái tử nói:

– Tâu đại vương, tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề chỉ vì miếng cơm ăn, manh áo mặc mà phải chịu khổ vô cùng. Nay tôi không quản đường xa, vượt qua bao gian khổ và hiểm nghèo, đến đây mục đích chỉ để xin viên ngọc báu Như ý trong tai bên trái của đại vương mang về cấp dưỡng cho tất cả chúng sinh, khiến họ đều được ấm no, đầy đủ.

Long vương nói:

– Xin Thái tử hãy ở lại đây bảy ngày để tôi có dịp được cúng dường.

Thái tử Thiện Hữu nhận lời mời của Long vương. Sau bảy ngày, Long vương đưa viên ngọc báu Ma-ni biếu Thái tử. Nhận ngọc rồi, Thái tử từ biệt Long vương để trở về cõi Diêm-phù-đề. Lúc đó Long vương Đại Hải sai các Long thần tiễn Thái tử bay trên hư không mà đi, nên chẳng bao lâu đã đến bờ cõi Diêm-phù-đề.

Khi tới nơi, thái tử Thiện Hữu gặp em là Ác Hữu, mừng rỡ hỏi han:

– Những người đồng hành hiện nay ở đâu?

Thái tử Ác Hữu đáp:

– Thưa anh, thuyền của chúng em bị đắm và tất cả mọi người đều chết, duy còn em, nhờ bám chặt lấy một tử thi dạt vào đây nên mới sống sót, của báu mất hết, không còn một vật gì.

Thái tử Thiện Hữu nói:

– Ở đời có của báu nào đáng quý trọng hơn cái thân ta? Của báu tuy mất nhưng em được sống sót, thế là quý lắm rồi.

Thái tử Ác Hữu nói:

– Không phải thế. Người ta chẳng thà chết trong cảnh giàu có còn hơn là sống trong cảnh nghèo khổ.

Thiện Hữu nói:

– Ai nói như vậy?

Ác Hữu trả lời:

– Em đã từng đến chỗ tha ma và được nghe ma quỉ nói như thế.

Thái tử Thiện Hữu bản tánh thật thà, mới đem chuyện mình có được ngọc quý nói thực với Ác Hữu:

– Tuy em mất hết của báu nhưng đừng có lo, anh đã được viên ngọc báu Ma-ni Như ý của Long vương đây rồi.

Ác Hữu hỏi:

– Thế anh để ở đâu?

Thiện Hữu trả lời:

– Anh kết trong búi tóc.

Nghe xong, Ác Hữu sinh lòng ganh ghét, lo buồn, áo não, liền tự nghĩ: "Xưa nay, cha mẹ ta thường thiên vị, thương yêu Thiện Hữu hơn ta, nay Thiện Hữu lại được ngọc báu Ma-ni đem về, thì chắc cha mẹ sẽ thương yêu gấp bội mà ghét bỏ ta như thấy gai gốc."

Nghĩ như thế rồi, Ác Hữu mới nói với anh:

– Được viên ngọc ấy thì quý lắm. Giữa khoảng đường này, phải nên giữ gìn cẩn thận.

Bấy giờ Thiện Hữu, giơ viên ngọc ở trong búi tóc ra, đưa cho Ác Hữu xem và dặn:

– Khi nào em mệt mà ngủ thì anh canh giữ; nếu anh mà ngủ thì em phải trông chừng.

Lúc Thiện Hữu ngủ, đến lượt Ác Hữu giữ ngọc thì Ác Hữu liền dùng hai thanh tre nhọn đâm vào mắt anh rồi cướp ngọc mà chạy. Bấy giờ, Thiện Hữu tri hô lên và gọi em bảo:

– Ác Hữu! Ác Hữu! Kẻ cướp đến đâm vào mắt anh mà lấy ngọc.

Nhưng không thấy Ác Hữu trả lời. Thiện Hữu càng lo sợ, buồn rầu và kêu lớn: "Có lẽ em ta đã bị cướp giết mất rồi". Tiếng kêu thảm thiết động đến quỉ thần. Lúc đó thần cây thương tình, đến báo cho Thiện Hữu biết:

– Em nhân giả là Ác Hữu, chính là kẻ cướp đã đâm vào mắt ngươi để đoạt lấy viên ngọc mà đi rồi. Nay nhân giả còn gọi Ác Hữu làm gì cho tốn hơi mệt sức.

Nghe thần cây nói thế, thái tử Thiện Hữu buồn bã nghẹn ngào, sầu

đau khổ não.

Nói về thái tử Ác Hữu, khi cướp được viên ngọc báu rồi, trở về bản quốc, ra mắt phụ vương, dâng viên ngọc quý, tâu:

– Tâu phụ vương, con nhờ có phúc đức mà được sống sót, thái tử Thiện Hữu và những người đồng hành vì bạc phúc nên đã bỏ mạng ngoài khơi.

Vua và các phu nhân nghe Ác Hữu nói như thế liền cất tiếng than khóc, vật vã buồn rầu đến nỗi ngất lăn ra đất. Đám hầu cận chung quanh lấy nước lạnh rửa mặt cho vua, hồi lâu mới tỉnh. Lúc đó vua và phu nhân hỏi Ác Hữu:

– Làm thế nào mà con có thể đem được viên ngọc này về?

Nghe vua hỏi, Ác Hữu thấy lòng quặn đau, đứt từng khúc ruột, không nói nên lời, bèn đem viên ngọc chôn ở trong vườn.

Còn về phần thái tử Thiện Hữu, sau khi bị đâm vào hai mắt trở nên mù lòa, đi lại phải dò dẫm, không còn biết đường lối nữa. Đang lúc đau khổ, lại thêm đói khát, cầu sống cũng khó, mà mong chết cũng không được. Cứ thế lần mò đi mãi. Một ngày kia, đến nước của vua Lợi-sư-bạt. Vua Lợi-sư-bạt trước đã hứa với vua nước Ba-la-nại sẽ gả con cho thái tử Thiện Hữu.

Vua Lợi-sư-bạt dùng một người chăn bò tên là Lưu Thừa để chăn dắt một đàn bò gồm năm trăm con. Hôm ấy, vì quá mỏi mệt, lại không thấy lối đi, nên thái tử Thiện Hữu mới ngồi xuống giữa đường. Lúc đó, đàn bò giành nhau chạy tới, con đầu đàn liền đứng lại, án ngang Thiện Hữu khiến cho những con khác không thể giẫm phải. Sau khi đàn bò qua hết, con đầu đàn mới đi. Nhưng nó đi được vài bước thì quay đầu trở lại, rồi lấy lưỡi liếm vào hai mắt của thái tử để nhổ hai thanh tre nhọn ra.

Bấy giờ, người chăn bò từ phía sau đi tới, thấy Thiện Hữu ngồi giữa đường, bèn hỏi:

– Ông là ai?

Thiện Hữu tự nghĩ: "Nếu ta thuật lại tất cả các việc đã xảy ra, thì chắc chắn em ta sẽ bị khổ." Nghĩ xong, liền trả lời người chăn bò:

– Tôi là một kẻ mù lòa, đi ăn xin.

Nhưng người chăn bò thấy kẻ ăn mày này có một tướng mạo khác thường, mới bảo:

– Nhà tôi gần đây, mời ông hãy vào, tôi xin cấp dưỡng.

Rồi người chăn bò đưa Thiện Hữu về nhà, sắp các thức ăn uống đầy

đủ và dặn mọi người trong nhà:

– Các người hãy săn sóc, hầu hạ người này cũng như săn sóc ta vậy.

Cứ như thế, được hơn một tháng thì người nhà bắt đầu chán ngán và nói với nhau: "Nhà mình không được dư dật, làm thế nào có thể cung phụng người mù này mãi được."

Nghe những lời nói ấy, Thiện Hữu cảm thấy buồn bã, thao thức suốt đêm, đến sáng hôm sau, liền nói với người chủ nhà *(người chăn bò)*:

– Nay tôi muốn đi.

Người chăn bò hỏi:

– Có điều gì không được vừa ý mà ông muốn đi.

Thiện Hữu trả lời:

– Không có điều gì cả, vì thực tình tôi không dám làm phiền ông mãi. Nếu ông có lòng thương tôi, xin ông làm ân cho tôi một cây đàn tranh, rồi đưa tôi đến một thành, ấp, hoặc thôn, xã nào có đông dân cư để tôi lần hồi kiếm ăn.

Người chủ nhà đành phải theo ý muốn của Thiện Hữu và sau khi đã mua cho Thiện Hữu một cây đàn tranh, bèn dắt Thiện Hữu đến thành vua Lợi-sư-bạt, nơi đông dân chúng nhất, rồi trở về nhà.

Thiện Hữu có tài gảy đàn tranh, âm thanh trầm bổng, du dương khiến cho ai nghe cũng phải say mê, ngây ngất. Do đó, tất cả mọi người kẻ ít người nhiều, gom góp để cung cấp cho Thiện Hữu đầy đủ cơm ăn áo mặc, không phải đói rách. Không những thế, Thiện Hữu lại còn dư dật để cấp dưỡng cho năm trăm hành khất trên khắp các nẻo đường trong thành vua Lợi-sư-bạt đều được no đủ.

Nhà vua có một khoảnh vườn trái cây xanh tươi tốt, thường bị chim chóc phá tán. Người coi vườn mới bảo Thiện Hữu:

– Nếu ông vui lòng đuổi chim chóc cho tôi, tôi sẽ cấp dưỡng cho ông đầy đủ.

– Tôi là người mù, làm sao đuổi chim chóc được?

Người coi vườn nói:

– Tôi đã có cách. Tôi sẽ buộc những chiếc khánh nhỏ vào lưới, rồi giăng lên ngọn cây, ông ngồi bên gốc cây, khi nào nghe tiếng chim kêu, thì ông chỉ việc giật những đầu dây là đủ.

Thiện Hữu trả lời:

– Như thế thì tôi có thể làm được.

Rồi người coi vườn dắt Thiện Hữu đến ngồi bên gốc cây, dặn dò xong thì đi. Trong khi ngồi rồi, Thiện Hữu lấy đàn dạo chơi cho khuây khỏa. Lúc đó công chúa con vua Lợi-sư-bạt cùng các thị tỳ vào vườn thưởng ngoạn. Nghe tiếng đàn văng vẳng, công chúa nhìn về phía gốc cây thì thấy một người mù. Công chúa đến nơi, hỏi:

– Ông là ai?

Thiện Hữu trả lời:

– Tôi là một kẻ hành khất mù lòa.

Công chúa nghe rồi, sinh lòng thương mến, không muốn xa lìa. Vua sai người ra tìm nhưng công chúa nhất định không về, lại bảo thị tỳ:

– Hãy về mang cơm ra đây cho ta.

Người hầu đem cơm đến, công chúa cùng người mù ăn uống xong, rồi về tâu vua:

– Xin phụ vương cho con được chung sống với người mù này, cho được mãn nguyện của con.

Vua Lợi-sư-bạt nói:

– Con là người điên hoặc bị ma ám hay sao mà lại đi sống chung với một người mù? Con không biết rằng trước đây cha mẹ đã hứa gả con cho thái tử Thiện Hữu, con vua nước Ba-la-nại sao? Hiện nay Thiện Hữu xuống biển tìm châu báu chưa về, mà con lại đòi làm vợ người mù là lẽ gì?

Công chúa trả lời:

– Mặc dầu thế, nhưng thà chết thì thôi, chứ con nhất định không thể xa lìa được.

Nghe con nói một cách quả quyết như thế, nhà vua cũng không muốn làm trái ý con, đành phải sai kẻ hầu đưa người mù về một căn phòng vắng vẻ rồi đóng cửa lại. Lúc đó, công chúa mới đến chỗ người mù, nói:

– Chàng biết không, nay thiếp muốn cùng chàng kết nghĩa vợ chồng!

Thiện Hữu nói:

– Nàng là con gái nhà ai mà muốn cùng tôi kết duyên chồng vợ?

Công chúa trả lời:

– Thiếp là con vua Lợi-sư-bạt.

Thiện Hữu nói:

– Nàng là công chúa con vua mà tôi chỉ là một kẻ hành khất mù lòa, làm sao ăn ở với nhau được?

Công chúa trả lời:

– Thiếp sẽ hết lòng cung kính và phụng dưỡng chàng, không dám trái ý.

Sau khi sống chung với nhau được ba tháng, một hôm, công chúa có việc cần phải đi mà không cho chồng biết, mãi đến chiều mới về. Khi đến nhà, Thiện Hữu trách:

– Nàng lén lút ra ngoài mà không cho tôi biết. Đi mãi đến giờ mới về!

Công chúa trả lời:

– Thiếp không lén lút.

Thiện Hữu nói:

– Lén lút hay không, ai mà biết được.

Công chúa buồn rầu, khóc lóc sướt mướt, mới thề rằng:

– Nếu thiếp có hành động lén lút thật, thì xin cho hai mắt chàng cứ mù như thế mãi, bằng không thì xin cho một mắt của chàng trở lại sáng tỏ như xưa.

Vừa thề nguyện xong, thì một mắt của Thiện Hữu bỗng chớp chớp rồi mở bừng như xưa, xanh biếc, sáng quắc, như một vì sao lấp lánh giữa khoảng trời xanh. Bấy giờ, được thấy công chúa, công chúa mới hỏi:

– Thế nào, chàng có tin thiếp không?

Thiện Hữu mỉm cười, công chúa nói tiếp:

– Chàng thật vô ân. Thiếp là con gái của một vị Đại vương, chàng chỉ là một người hèn hạ, thiếp đã hết lòng phụng sự mà chàng không tin thiếp.

Thiện Hữu nói:

– Nàng không biết tôi là ai?

– Chàng là một người hành khất, chứ còn ai? Công chúa trả lời.

– Không phải. Tôi là thái tử Thiện Hữu, con vua nước Ba-la-nại.

Công chúa nói:

– Chàng thật ngu si, điên rồ, sao chàng dám nói như thế? Thái tử Thiện Hữu, con vua Ba-la-nại xuống biển tìm châu báu chưa về, chàng dám nhận mình là Thiện Hữu, ăn nói càn dỡ thiếp không tin được.

Thiện Hữu nói:

– Tôi từ thuở nhỏ đến giờ, chưa từng nói dối.

Công chúa nói:

– Dù thật hay dối, ai mà tin được.

Thiện Hữu nói:

– Nếu tôi nói dối nàng thì một mắt còn lại của tôi cứ mù mãi mãi, còn nếu tôi nói thật thì khiến cho mắt đó bình phục như trước. Nàng hãy chứng kiến lời nói của tôi.

Vừa nói dứt lời, thì mắt kia của Thiện Hữu trở lại sáng tỏ như xưa, không khác. Khi hai mắt Thiện Hữu bình phục thì diện mạo sáng láng, thân hình đầy đủ, đẹp đẽ tuyệt vời, không ai sánh kịp. Công chúa thấy thế, lòng sinh vui mừng, như thấy Hiền thánh, nhìn khắp thân thể mắt không muốn chớp, vội vàng vào cung tâu với phụ vương:

– Tâu Phụ vương, chồng con đây chính là Thiện Hữu.

Vua nói:

– Con là người si mê, điên cuồng, bị ma quỉ ám ảnh nên mới dám nói thế. Thái tử Thiện Hữu xuống biển tìm châu chưa về, nay con lại nhận kẻ hành khất kia là Thái tử.

Công chúa trả lời:

– Tâu Phụ vương, con không dám nói dối. Xin phụ vương hãy dời gót ngọc đến xem.

Nghe con mình nói chắc như thế, nhà vua cũng muốn ra xem thực hư thế nào. Quả nhiên, khi nhìn thấy, nhà vua nhận ngay ra thái tử Thiện Hữu. Lòng thấy bối rối, nhà vua tự nghĩ: "Nếu vua nước Ba-la-nại được biết chuyện này, sẽ trách ta không ít." Nghĩ rồi liền xin lỗi thái tử Thiện Hữu, nói:

– Quả thật trẫm không biết.

Thái tử Thiện Hữu nói:

– Xin phụ vương hãy vì con mà ban thưởng cho người chăn bò.

Vua Lợi-sư-bạt liền lấy vàng bạc, lương thực và y phục thưởng cho người chăn bò và cho luôn cả năm trăm con bò. Người chăn bò mừng rỡ và khen ngợi khôn xiết. Lại tự nghĩ: "Ân nghĩa của ta đối với thái tử Thiện Hữu không đáng bao nhiêu mà thái tử đền đáp trọng hậu như thế này, thật ta không xứng đáng!" Nghĩ rồi, đứng giữa công chúng nói to lên:

– Ở đời, hễ gây nhân thì nhận quả. Mà quả báo của sự bố thí thật lớn lao không thể nghĩ bàn.

Lúc đó không biết bao nhiêu người thấy thế lòng sinh vui mừng, sung sướng và đều phát tâm bố thí để cứu khổ tất cả, cầu chứng đạo quả thành Phật.

Bấy giờ trên hư không, các Thiên thần khen ngợi, tán thán đại chúng và nói:

– Quý hóa thay! Quý hóa thay! Đúng như vậy!

Lại nói về thái tử Thiện Hữu, khi chưa xuống biển tìm châu báu, lúc ở trong cung có nuôi một con chim nhạn trắng. Khi mặc áo lúc ăn cơm, uống nước kể cả lúc đi đứng nằm ngồi, chim và thái tử không rời nhau. Một hôm Mẫu hậu đến chỗ chim nhạn và nói với chim:

– Khi thái tử còn ở nhà, thường thương yêu chăm sóc ngươi, nay thái tử xuống biển chưa về, không biết sống chết thế nào, vậy ngươi có thương nhớ thái tử không?

Nghe Mẫu hậu nói, chim nhạn cất tiếng kêu ai oán, thảm sầu, rồi làm ra hiệu như muốn được đi tìm thái tử. Bấy giờ Mẫu hậu viết thư buộc vào cổ chim nhạn. Nhạn vỗ cánh tung bay, lượn trên không một vòng qua cung điện, rồi nhắm thẳng phía biển bay đi. Mẫu hậu thấy thế, sinh lòng tin tưởng, chắc chắn phen này sẽ được biết tin tức con mình, sống chết ra sao.

Chim bay ra biển, tìm khắp đó đây, không thấy thái tử, mới quay trở về đất liền. Khi bay qua nước vua Lợi-sư-bạt, thì xa trông thấy thái tử đang ngồi ở trước cung điện nhà vua, chim liền đáp xuống, đến trước thái tử, líu lo vui mừng. Thái tử cầm lấy phong thư, cung kính mở ra, đọc xong mới biết, phụ vương và mẫu hậu đêm ngày than khóc, nhớ thương thái tử, đến nỗi hai mắt mờ đi. Thái tử liền viết thư thuật lại cho phụ vương và mẫu hậu biết tất cả những sự việc đã xảy ra, rồi lại buộc vào cổ chim nhạn, khiến đem về dâng cho phụ vương và mẫu hậu. Chim nhạn sung sướng băng mình theo gió, không lâu đã về đến nước Ba-la-nại.

Phụ vương và mẫu hậu được thư của Thái tử, vui mừng khôn xiết. Xem thư xong, mới biết thái tử bị em là Ác Hữu hãm hại để đoạt lấy ngọc báu Ma-ni. Trong cơn đau đớn, khổ não, nhà vua liền hạ lệnh bắt thái tử Ác Hữu, gông cùm, giam vào ngục tối, rồi sai sứ sang nói với vua Lợi-sư-bạt:

– Sao Bệ hạ cứ giữ Thái tử khiến chúng tôi phải buồn khổ?

Vua Lợi-sư-bạt vội vàng cho người sắp đặt xe ngựa, hành trang, rồi cử một đoàn hộ tống, kéo cờ xí, nổi âm nhạc tiễn đưa thái tử và công chúa về nước Ba-la-nại.

Được biết tin thái tử trở về, phụ vương và mẫu hậu vô cùng sung sướng, cỡi voi lớn, khởi ca nhạc, đốt trầm hương, treo cờ xí, ra tận ngoài xa đón rước thái tử. Dân chúng trong nước, lớn, bé, già trẻ, nghe tin thái tử trở về bình an, đều vui mừng khôn xiết, cùng ra đón rước.

Khi tới nơi, thái tử Thiện Hữu đến trước cha mẹ, cúi đầu đảnh lễ phụ vương và mẫu hậu, vì mắt đã mờ nên cả hai bậc sinh thành không rõ hình dung của thái tử, bèn lấy tay sờ vào người thái tử, hỏi:

– Người có phải là con ta, thái tử Thiện Hữu đây không? Cha mẹ thương nhớ con và lo buồn quá mới đến nỗi thế này.

Thái tử Thiện Hữu làm lễ, thăm hỏi cha mẹ xong, mới quay lại cảm tạ các quân thần và muôn dân trong nước, rồi cho họ giải tán.

Bấy giờ thái tử Thiện Hữu tâu phụ vương:

– Em con là Ác Hữu hiện giờ ở đâu?

Vua trả lời với thái tử Thiện Hữu:

– Con không nên nhắc đến con người độc ác ấy nữa. Hiện nay nó đang bị giam trong ngục tối, không thể buông tha được.

Thái tử Thiện Hữu nói:

– Xin phụ vương hãy phóng thích Ác Hữu cho anh em con được gặp nhau.

Thiện Hữu xin vua cha ba lần, vua mới bằng lòng cho mở cửa ngục và đưa Ác Hữu tới. Lúc đó Ác Hữu, tay chân bị xiềng xích, cổ phải mang gông, đến gặp Thiện Hữu. Thiện Hữu thấy thế, liền xin cha mẹ cho phép được tháo gông cùm, xiềng xích cho em, rồi ôm lấy Ác Hữu dùng lời thân mật, thương yêu hỏi han:

– Em có mệt nhọc lắm không? Em đã mang hộ viên ngọc vô giá về cho anh, hiện giờ để ở đâu?

Hỏi như thế đến ba lần, Ác Hữu mới nói:

– Chôn ở trong vườn ấy.

Thái tử Thiện Hữu sai người ra vườn đào lấy viên ngọc, rồi đến trước cha mẹ, quỳ xuống, thắp hương và chú nguyện:

– Nếu ngọc này nếu thật là ngọc báu Như ý thì hãy làm cho hai mắt cha mẹ ta trở lại sáng tỏ như xưa.

Vừa chú nguyện xong, thì mắt của nhà vua và hoàng hậu liền bình phục. Lúc đó cha mẹ được nhìn thấy mặt con, lòng vô cùng sung sướng, xiết bao vui mừng.

Sáng sớm hôm sau, nhằm ngày mười lăm, thái tử Thiện Hữu tắm rửa sạch sẽ, thay y phục mới, lên trên lầu cao, thắp hương lễ bái viên ngọc báu Như ý, phát nguyện:

– Ta vì tất cả chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề, đã phải chịu bao nhiêu cay đắng khổ nhục mới cầu được viên ngọc báu vô giá này. Ta xin nguyện: Tất cả chúng sinh, nhờ ngọc báu Ma-ni này, từ nay không còn phải thiếu thốn, khổ sở nữa, mà đều được đầy đủ yên vui.

Bấy giờ, một cơn gió lớn từ phương Đông thổi đến, đánh tan mây

mù, bầu trời trở nên quang đãng; tất cả những vật nhơ bẩn, rác rưởi hôi thối ở cõi Diêm-phù-đề đều cùng tan biến theo làn gió cuốn. Rồi nhờ sức vi diệu của viên ngọc báu Ma-ni, một trận mưa trút xuống khắp cõi Diêm-phù-đề. Tất cả các sông ngòi, ao, hồ, hào, rạch, đều tràn ngập thóc gạo và các thứ mỹ vị thơm ngon. Sau lại mưa xuống các thứ y phục thượng hảo và khuyên vàng, vòng xuyến. Sau cùng là mưa xuống vàng bạc, bảy báu và các loại nhạc cụ tinh xảo. Nói tóm lại, mọi thứ chúng sinh cần dùng đều được sung túc.

Bồ-tát vì phát tâm đại từ bi, tu hạnh Bố thí ba-la-mật cấp dưỡng cho tất cả chúng sinh, khiến đều được đầy đủ yên vui, là như thế đó.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Vua nước Ba-la-nại bấy giờ nay là phụ vương của Ta; mẫu hậu nay là thân mẫu Ta, Ma-da phu nhân; thái tử Ác Hữu nay là Đề-bà-đạt-đa, còn thái tử Thiện Hữu nay chính là Ta, Thích-ca Như Lai. Này Tôn giả A-nan, ở kiếp quá khứ, Đề-bà-đạt-đa thường mang tâm ác hại Ta như thế mà Ta vẫn lấy lòng Từ bi nhẫn nhục, cứu khổ ban ân, huống chi ngày nay Ta đã thành Phật.

Khi Phật nói pháp này, có trăm ngàn người chứng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Lại có trăm ngàn người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, cho đến vô lượng trăm ngàn chúng sinh đều phát tâm Thanh văn và tâm Bích-chi-phật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, kinh này nên gọi là gì và chúng con phải phụng trì như thế nào?

Phật nói:

– Kinh này gọi là Kinh Phật Báo Ân Phương Tiện Cấp Túc Nhất Thiết Chúng Sinh.

Đại chúng nghe Phật nói rồi đều vui mừng, làm lễ và lui ra.

-oOo-

Lại nữa, Đề-bà-đạt-đa tuy được theo Phật xuất gia, nhưng lòng ganh ghét sâu nặng, chỉ cầu danh lợi, nên dù có đọc tụng rất nhiều kinh điển, nhưng cũng không thoát được tội khổ trong địa ngục A-tỳ. Đề-bà-đạt-đa kết bạn thân với thái tử A-xà-thế, hai người rất gắn bó và tin cậy nhau. Một hôm, Đề-bà-đạt-đa bảo thái tử A-xà-thế:

– Anh hãy lên làm vua đi và tôi sẽ làm Phật.

– Việc đó không thể được vì vua cha hãy còn.

– Anh phải tìm cách giết vua cha và tôi sẽ toan mưu hại Phật, rồi sau, anh lên làm tân vương, tôi sẽ làm tân Phật, cùng chung giáo hóa chúng sinh, thế có khoái không?

Thái tử A-xà-thế nghe lời xúi giục của Đề-bà-đạt-đa mới về giết cha, rồi lên làm vua nước Ba-la-nại.

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa nói với vua A-xà-thế:

– Nay tôi muốn hại Phật để lên làm Phật.

– Phật có nhiều thần thông, biết trước việc chúng ta đã nghĩ rồi, vậy làm thế nào giết được? Hơn nữa, Phật luôn có các vị đại đệ tử ở bên cạnh như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên và A-nậu-lâu-đà…

– Đại vương hãy cố giúp tôi.

Thái tử A-xà-thế hỏi:

– Giúp bằng cách nào?

Đề-bà-đạt-đa trả lời:

– Đại vương phải ra lệnh cấm, không ai được cúng dường thức ăn, áo mặc cho các Tỳ-kheo.

Lúc đó vua A-xà-thế truyền lệnh:

– Nếu ai cúng dường thức ăn, áo mặc cho các Tỳ-kheo sẽ bị chặt chân tay.

Khi ấy, Phật và các đệ tử đang ở trong núi Kỳ-xà-quật. Sau khi lệnh nhà vua được truyền đi, không ai dám cúng dường Phật và các vị đệ tử đi khất thực đều trở về không, cứ như thế cho đến bảy ngày. Thời gian này, Tôn giả Xá-lợi-phất và các vị đại đệ tử phải dùng thần thông, đến các phương khác để khất thực. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa nói với vua A-xà-thế:

– Nay các vị đại đệ tử đều đi vắng, chỉ có một mình Như Lai ở nhà, đại vương hãy cho người đến thỉnh Phật vào cung cúng dường. Một mặt cho năm trăm con voi đen hung dữ uống rượu thật say, nếu Phật nhận lời mời mà vào thành, lúc đó thả đàn voi say ra cho chúng giày chết.

A-xà-thế vương nghe theo kế ấy, liền cho người đến thỉnh Như Lai. Phật nhận lời mời của nhà vua rồi cùng năm trăm vị La-hán tiến vào thành Vương xá. Lúc đó, A-xà-thế sai thả năm trăm con voi say ra, chúng hung hăng xông đột, thôi thì cây gãy, tường xiêu, cất tiếng gầm thét, nhắm thẳng phía Như Lai mà chạy tới. Năm trăm vị La-hán sợ hãi quá bèn bay lên hư không, quyện quanh phía trên Phật, còn Tôn giả A-nan thì bám chặt lấy Như Lai, lo sợ không thế nào thoát được. Như Lai liền vận dụng sức từ bi, giơ tay phải lên, rồi từ năm đầu ngón tay, phóng ra năm con sư tử lớn, há

miệng gầm rống, khiến năm trăm con voi say kia, kinh hoàng, ngã vật ra đất.

Bấy giờ đại chúng vây quanh Như Lai, tiến vào cung. Vua A-xà-thế liền ra đón rước, thỉnh Phật an tọa, rồi cầu xin sám hối, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, đó không phải là lỗi tại tôi, mà chính tại Đề-bà-đạt-đa.

Phật nói:

– Đại vương, Ta cũng biết thế, không những ở kiếp này Đề-bà-đạt-đa muốn hại Như Lai mà từ nhiều đời quá khứ cũng thường mang tâm ác hủy hại Như Lai như vậy, nhưng nhờ sức từ bi, Như Lai đều được an toàn.

Vua A-xà-thế chắp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, trong kiếp quá khứ, Đề-bà-đạt-đa hủy hại Như Lai, việc đó như thế nào?

Phật bảo A-xà-thế:

– Hãy nghe cho kỹ! Ta sẽ vì Đại vương mà nói rõ việc ấy. Cách đây không biết bao nhiêu kiếp, có một ông vua chỉ thích ăn thịt chim nhạn. Nhà vua sai một người chuyên đi thả lưới bắt chim. Lúc ấy, một đàn năm trăm chim nhạn từ phương Bắc bay qua phía Nam, con đầu đàn rủi ro sa lưới. Người đánh bẫy vui mừng, từ trong khóm lá chạy ra vồ lấy chim. Khi đó, một con nhạn khác, kêu than thảm thiết, quanh quẩn không bay đi. Người đánh bẫy liền giương cung bắn, không những không sợ cung tên, mà con nhạn ấy còn đáp xuống rồi lăn vào con nhạn đầu đàn. Còn bầy nhạn trên không cũng bồi hồi lui tới, nhất định không bay đi. Người đánh bẫy thấy con nhạn kêu than thảm thiết, miệng trào ra máu, mới tự nghĩ: "Loài chim muông mà còn biết thương mến nhau, đến nỗi không tiếc thân mạng như thế này, sao ta lại có thể nhẫn tâm giết hại chúng được?". Nghĩ như thế rồi, liền mở lưới thả chim nhạn ra. Sau khi được thả, hai con nhạn cất tiếng kêu vui mừng, vỗ cánh bay lên, rồi cùng với bầy nhạn trên không, quấn quít lấy nhau mà bay đi.

Người đánh bẫy trở về tâu vua:

– Tâu Bệ hạ, hôm nay thần bẫy được một con nhạn đầu đàn, lẽ phải đem về dâng Bệ hạ, nhưng một con nhạn khác, kêu than thảm thiết đến trào máu miệng, không sợ cung tên, bồi hồi không đi. Thần thấy cảnh ấy, mủi lòng, thương xót, liền thả chúng ra. Khi được thả ra, nhạn liền ca hót vui mừng, rồi cùng bầy nhạn, quấn quyện với nhau mà bay đi.

Nghe xong, nhà vua tỏ vẻ buồn thảm, tự nghĩ: "Loài chim thú mà còn

biết thương yêu, che chở nhau như thế.”

Nghĩ rồi, liền phát Từ tâm và từ đó nhà vua không hề ăn thịt nhạn và không sai bắt chim nữa.

Đại vương nên biết, vị vua lúc đó, nay chính là Đại vương vậy; người bẫy chim bấy giờ, nay là Đề-bà-đạt-đa; con nhạn kêu thương thảm thiết đến trào máu miệng, nay là A-nan; bầy nhạn trên không nay là năm trăm vị La-hán, còn con nhạn đầu đàn lúc ấy chính là thân Như Lai. Hôm nay đây, A-nan thấy lòng thương xót, lưu luyến Như Lai cũng như xưa không khác, còn năm trăm vị La-hán thì bay lên hư không cũng như bầy nhạn xưa. Đề-bà-đạt-đa lúc nào cũng muốn làm hại Như Lai, nhưng nhờ sức từ bi, Như Lai thường được an ổn.

Khi Phật nói pháp ấy, thì trăm ngàn người chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, hoặc phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến phát tâm Thanh văn và tâm Bích-chi-phật.

-oOo-

Lại nữa, Đề-bà-đạt-đa tâm ác không dứt, chỉ muốn tìm cách hại Phật, mới tự nghĩ: “Nay ta phải nuôi móng tay cho dài, khiến cho thật sắc, lấy thuốc độc nhét vào trong, rồi đến chỗ Như Lai, giả vờ vào lễ chân Phật, lúc đó dùng mười móng tay cào cấu nơi chân Phật, cho thuốc độc ngấm vào thì chắc Phật phải chết.” Nghĩ xong, Đề-bà-đạt-đa nhất định làm theo kế ấy. Ít lâu sau, Đề-bà-đạt-đa đến chỗ Như Lai, vào lễ chân Phật, rồi cào cấu thật mạnh, nhưng thuốc độc biến thành cam lộ, nên thân Như Lai không hề đau đớn.

Lại nữa, Đề-bà-đạt-đa vẫn chưa toại nguyện, rồi lại tự nghĩ: “Hôm nay Như Lai đang ngồi dưới chân núi Kỳ-xà-quật, ta hãy lên đỉnh núi, lấy một tảng đá lăn xuống để giết Phật.” Nghĩ xong liền lên đỉnh núi, lăn đá xuống làm cho ngón chân Như Lai bị thương, nhưng Như Lai luôn lấy lòng Từ bi, coi kẻ oán, người thân đều bình đẳng.

Lại nữa, ở đời quá khứ xa xưa, cách đây không biết bao nhiêu kiếp, bấy giờ có một vị Phật ra đời, hiệu là Ứng Hiện, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Sau khi Đức Phật ấy nhập diệt, trong đời tượng pháp, có một vị Tỳ-kheo, ngồi thiền định một mình trong rừng. Tỳ-kheo thường có con rận, sợ nó xúc não trong khi ngồi thiền, mới giao ước với rận:

– Lúc ta ngồi thiền, ngươi phải lặng lẽ, nằm yên một chỗ, không được xúc não.

Con rận tuân theo. Một lúc sau có con vắt đến bên, hỏi con rận:

– Sao mà thân thể chú béo tốt thế kia?

Rận đáp:

– Tôi sống nhờ ông chủ đây, ông thường tu thiền định và bảo tôi ăn uống có giờ giấc, tôi làm theo nên thân thể mới được béo tốt, đẹp đẽ như thế này.

– Tôi cũng muốn làm theo chú, có được không?

– Tùy ý bác.

Thế là con vắt bám chặt lấy vị Tỳ-kheo đang ngồi thiền mà hút máu. Lúc đó vị Tỳ-kheo thấy lòng phiền não, liền cởi áo ra và đốt ngay đi.

Phật nói:

– Vị Tỳ-kheo tọa thiền lúc đó, nay là Phật Ca-diếp. Con vắt là Đề-bà-đạt-đa, còn con rận là thân Ta.

Xưa kia, vì lợi dưỡng mà Đề-bà-đạt-đa muốn làm hại Ta, cho đến ngày nay Ta đã thành Phật, cũng vì ham danh lợi mà Đề-bà-đạt-đa làm cho thân Phật chảy máu, nên mặc dầu đang còn sống mà phải bị đọa vào địa ngục. Đề-bà-đạt-đa thường mang lòng thâm độc, hủy hại Như Lai, nếu nói cho đầy đủ việc đó thì cùng kiếp cũng không hết được. Thế mà lúc nào Ta cũng đem lòng Từ bi, thương xót Đề-bà-đạt-đa, vì chính Ta thường gặp Đề-bà-đạt-đa nên mới chóng chứng đạo quả Bồ-đề. Do nhớ ân sâu dày ấy nên Ta thường đem lòng yêu mến xót thương và tha thứ.

Bấy giờ Đức Như Lai liền sai Tôn giả A-nan đi đến Địa ngục, để thăm hỏi Đề-bà-đạt-đa xem chịu khổ thế nào. A-nan phụng mệnh ra đi. Khi đến ngoài cửa địa ngục, A-nan nói với viên cai ngục là ngưu đầu A-bàng:

– Xin gọi hộ tôi Đề-bà-đạt-đa.

– Tôn giả muốn hỏi Đề-bà-đạt-đa nào? Chư Phật ở quá khứ đều có Đề-bà-đạt-đa.

– Tôi muốn gọi Đề-bà-đạt-đa của Phật Thích-ca Mâu-ni.

Bấy giờ A-bàng vào báo cho Đề-bà-đạt-đa biết là có A-nan đứng ngoài, hiện muốn được gặp. Đề-bà-đạt-đa liền ra và nói với A-nan:

– Mời A-nan hãy vào. Như Lai vẫn còn thương nhớ đến tôi ư?

– Như Lai cho tôi đến hỏi thăm ông có thể chịu được những nỗi thống khổ ở đây không?

– Tôi ở trong địa ngục A-tỳ này, cũng như một vị Tỳ-kheo đã thể nhập được cái thú vui ở cõi trời Tam thiền.

Phật nói:

– Các bậc Đại Bồ-tát, tu các phép phương tiện dẫn để tiếp dắt chúng sinh, thì dù có phải chịu sinh tử và các nỗi thống khổ cũng không lấy thế làm lo. Nếu ai bảo Đề-bà-đạt-đa thực là kẻ ác nhân, phải đọa địa ngục A-tỳ, thì người đó không hiểu.

Bấy giờ, Đức Như Lai liền vì đại chúng mà nói rõ mật hạnh vi diệu và các pháp đại phương tiện của Đề-bà-đạt-đa. Khi ấy vô lượng trăm ngàn Bồ-tát chứng Pháp nhẫn vô sinh, vô lượng trăm ngàn người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và vô lượng trăm ngàn người chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Từ trên hư không, Thiên thần mưa các thứ hoa, rải khắp đại chúng, trỗi kỹ nhạc trời, phóng ánh sáng lớn, rồi ca ngợi:

– Quý hóa thay, Đức Như Lai nói pháp chưa từng có!

Khi ấy tất cả đại chúng nghe Phật nói pháp xong, vô cùng vui mừng, cúi đầu làm lễ lui ra.

□

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN

QUYỂN 5

Phẩm 7: TỪ BI

Bấy giờ, đại chúng vây quanh Đức Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng tán thán. Khi ấy, Đức Như Lai vì muốn cứu chúng sinh thoát khỏi nỗi khổ trong ba cõi, tiêu trừ năm thứ phiền não và mười điều ràng buộc, khiến tất cả chúng sinh đều được giải thoát vào cảnh Niết-bàn yên vui nên Ngài mới mở lòng Từ bi sâu xa mà chỉ bày hai thứ ruộng phúc: một là ruộng phúc hữu vi; hai là ruộng phúc vô vi. Đó là Cha mẹ cùng với Sư trưởng và chư Phật, Pháp, Tăng các vị Bồ-tát. Nếu chúng sinh hết lòng phụng dưỡng cúng dường, sẽ được phúc báo và có thể tiến đến thành tựu đạo quả Bồ-đề.

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất, các vị đại đệ tử và các hàng Bồ-tát:

– Các ông nên biết, chẳng bao lâu nữa Như Lai sẽ vào Niết-bàn.

Khi nghe Phật nói như thế, Tôn giả Xá-lợi-phất cảm thấy thân thể rụng rời, đau đớn như cắt, buồn rầu, thương xót quá đến ngất đi và ngã xuống đất. Người xung quanh lấy nước lạnh rảy vào mặt, hồi lâu mới tỉnh. Tôn giả liền đứng dậy, chắp tay, đọc bài kệ ca khen ngợi công đức của Phật:

Phật như nhạc cõi trời
Nghe không bao giờ chán
Phật sắp vào Niết-bàn
Tất cả đều mất lợi.
Bể sinh tử năm ngả
Ví như vũng bùn nhơ
Bị ái dục ràng buộc
Ngu si không xa lìa.
Kiếp xưa tu chánh đạo
Bố thí không phân biệt
Từ chặng mày phóng quang
Soi tỏ không hạn định
Mắt tựa ánh trăng rằm
Chiếu sáng mười phương cõi
Khiến chúng sinh trông thấy
Tất cả đều vui mừng.

Nói trăm ngàn kệ tán thán Phật xong, Tôn giả Xá-lợi-phất cúi đầu lễ chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, rồi nói với đại chúng và Thiên, Long, Quỉ thần, Nhân, Phi nhân:

– Này các thiện nam tử, lạ thay! Cõi thế gian này trở thành hư không, khổ thay! Cõi thế gian này tan biến. Đau đớn thay, con mắt của thế gian này không còn nữa! Cây cầu diệu pháp nay sắp hư hoại, cây đạo cao tột nay sắp gãy nát, cột phướn diệu bảo nay sắp nghiêng ngả; mặt trời Phật pháp sắp lặn, núi đại Niết-bàn gần ngày sụp đổ!

Đại chúng nghe rồi, lòng sinh sợ hãi, vô cùng kinh ngạc. Mặt trời mờ tối, núi non nghiêng ngửa, đại địa rung động. Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất đứng giữa đại chúng, nói bài kệ:

Tôi thấy thân tướng Phật
Như núi vàng chói lọi
Tướng đẹp, đủ uy đức
Danh thơm còn muôn thuở.
Nên siêng tu tinh tấn
Để ra khỏi ba cõi
Lựa chọn mọi nghiệp lành
Niết-bàn vui hơn hết.

Đọc bài kệ ấy để an ủi đại chúng rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất vận dụng thần thông bay lên hư không, hóa thành một ngàn voi báu, đứng quyện lấy nhau, hướng một ngàn đầu ra ngoài; mỗi con voi có bảy ngà, trên mỗi ngà có bảy cái ao, trong mỗi ao có bảy bông sen, trên mỗi đài sen có bảy vị Hóa Phật, mỗi vị Hóa Phật đều có Tôn giả Xá-lợi-phất đứng hầu bên cạnh; mỗi một Tôn giả Xá-lợi-phất phóng ra những luồng ánh sáng lớn, chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới để chiêu tập những chúng sinh có duyên với Phật pháp. Khi những chúng sinh đó đến rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất lại hiện ra thân lớn, chật cõi hư không, sau thì biến thân nhỏ lại mà nhảy xuống đất; hoặc lửa trong thân bốc cháy bừng bừng, hoặc nước trong mình phun ra cuồn cuộn, tràn ngập hư không.

Sau khi đã hiện ra trăm ngàn vô số các thứ thần biến như thế, Tôn giả từ trên hư không xuống, đến chỗ đại chúng, thuyết pháp để chỉ dạy những điều lợi ích, yên vui, khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Lại có trăm ngàn người chứng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán và hàng ức triệu người phát tâm Thanh văn và tâm Bích-chi-phật. Sau khi làm vô lượng những việc lợi ích ấy rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với đại chúng:

– Tôi sẽ không yên lòng nhìn Đức Như Lai vào Niết-bàn.

Nói xong, Tôn giả liền bay lên hư không, dùng lửa thần thông tự đốt cháy mình mà chứng nhập Niết-bàn trước.

Khi ấy, đại chúng nhìn Tôn giả Xá-lợi-phất, mắt không muốn chớp, lòng sinh thương tiếc, vật vã khóc than, mặt trời lu mờ, đại địa chuyển động. Rồi trăm ngàn đại chúng, thu lượm xá-lợi, xây tháp cúng dường, lại vây quanh tháp của Tôn giả Xá-lợi-phất, tưởng niệm, sầu thương, lòng sinh mê man, quên mất chánh niệm.

Bấy giờ, Đức Như Lai dùng diệu lực từ bi hóa ra Tôn giả Xá-lợi-phất đứng giữa đại chúng. Thấy thế, mọi người đều cùng vui mừng, những nỗi buồn khổ tiêu tan và tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đó, Tôn giả A-nan, nhờ thần lực của Phật, biết rõ trong lòng mọi người đều có chỗ ngờ vực, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại áo để hở vai bên phải, đầu gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, tại sao Tôn giả Xá-lợi-phất lại vội vàng nhập diệt trước Đức Thế Tôn, khiến cho đại chúng buồn rầu, đau khổ như vậy?

Phật bảo Tôn giả A-nan và đại chúng:

– Chẳng những ngày nay Tôn giả Xá-lợi-phất mới nhập diệt trước Như Lai, mà ở những kiếp quá khứ xa xưa cũng không nỡ thấy Ta nhập diệt trước.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, trong những kiếp quá khứ Tôn giả Xá-lợi-phất đều nhập diệt trước Phật, việc đó như thế nào, xin Đức Thế Tôn nói cho chúng con rõ.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Các vị hãy nghe cho kỹ: Cách đây một a-tăng-kỳ kiếp, bấy giờ có nước tên là Ba-la-nại, vua nước ấy tên là Đại Quang Minh, thống lãnh sáu mươi tiểu quốc và tám trăm thôn xã. Vua Đại Quang Minh vốn có Từ tâm, bố thí tất cả, không trái ý người. Cùng thời ấy, có một ông vua nước nhỏ, là lân bang thường mang lòng oán ghét. Vua Đại quang Minh, hàng tháng cứ đến ngày trai, dùng năm trăm con voi, chở các thứ châu báu, của cải, áo mặc, thức ăn đến một ngôi chợ lớn và ngoài bốn cửa thành để bố thí cho mọi người. Những nước thù địch và những kẻ oán ghét thấy vua Đại Quang Minh bố thí tất cả, không trái ý người, liền đua nhau đến lấy các

thứ thức ăn, áo mặc, vàng bạc, châu báu đem đi. Khi ấy, ông vua nước nhỏ láng giềng kia nghe thấy đức bố thí của vua Đại Quang Minh, càng sinh lòng ghen ghét. Ông liền triệu tập quần thần để xem có thể đến nước Ba-la-nại xin cái đầu của vua Đại Quang Minh. Trong đám quần thần không ai dám lãnh sứ mạng đó. Vua lại truyền lệnh, nói: "Nếu người nào dám sang nước Ba-la-nại để xin đầu của vua Đại Quang Minh thì sẽ được thưởng một ngàn cân vàng". Lúc ấy có một người Bà-la-môn xin đi và yêu cầu nhà vua cấp đủ lương thực cho cuộc hành trình. Nước ấy cách nước Ba-la-nại hơn sáu ngàn dặm, nhà vua cung cấp đầy đủ hành trang và giục người Bà-la-môn lên đường.

Khi người Bà-la-môn đi đến ranh giới nước Ba-la-nại, thì đất liền chấn động, chim muông sợ hãi, bỏ chạy tứ tán, mặt trời bị che lấp, mặt trăng thì lu mờ; các vì tinh tú mất vị trí thường, cầu vồng đỏ, đen, trắng, ngày đêm thường hiện sao băng. Tất cả suối, hồ, ao, giếng trong xứ đều cạn; hoa quả, cây cối tốt đẹp xanh tươi đều trở nên khô héo. Khi người Bà-la-môn đến thành Ba-la-nại, đứng ở ngoài cửa, thần giữ cửa liền bảo người canh gác:

– Người Bà-la-môn đại ác này từ phương xa đến, muốn xin đầu của vua Đại Quang Minh, ngươi chớ cho vào.

Người Bà-la-môn phải ở ngoài cửa thành mất bảy ngày, không thể vào được. Một hôm, y nói với người gác cửa:

– Tôi từ phương xa tới đây, muốn được yết kiến nhà vua.

Người gác cửa liền vào tâu vua:

– Tâu Bệ hạ, có một người Bà-la-môn từ phương xa đến, muốn được bệ kiến, hiện đang ở ngoài cửa.

Vua nghe thấy thế, tức tốc ra đón tiếp, như con được gặp cha. Vua chào mừng trước rồi hỏi:

– Đường xá xa xôi, nay nhân giả mới đến, nhân giả có mệt mỏi lắm không?

Vị Bà-la-môn đáp:

– Tôi ở phương xa, nghe biết công đức nhà vua, luôn bố thí không trái ý người. Thanh danh của Bệ hạ xa gần đều ca ngợi, thật không ngoa. Bởi thế không quản đường xa, vượt qua sông núi đến đây, tôi muốn xin Bệ hạ một vật.

Vua nói:

– Tôi là người sẵn sàng bố thí tất cả, nhân giả muốn cần gì, xin cứ

cho biết.

Người Bà-la-môn nói:

– Thực thế sao? Tôi đến đây chỉ để xin cái đầu của Bệ ha chớ không cần một vật gì khác.

Vua nghe nói thế, liền tự nghĩ: "Từ vô thỉ kiếp đến nay, ta đã bỏ bao nhiêu thân mạng, nhưng chưa từng bao giờ vì pháp vong thân, cứ lăn lộn trong vòng sinh tử, uổng công, mệt trí. Nay cái thân này, đã nguyện cùng chúng sinh cầu đạo Bồ-đề, nếu không cho thì trái với bản nguyện của ta, còn nếu không bố thí thân này, thì nhờ vào duyên gì để chứng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?". Tự nghĩ thế rồi, vua liền nói với vị Bà-la-môn:

– Được lắm, nhưng hãy cho tôi suy xét một chút để tìm người phó thác ngôi vua, dặn dò phu nhân và thái tử. Sau bảy ngày, tôi sẽ dâng đầu biếu nhân giả.

Bấy giờ, nhà vua vào cung báo cho các phu nhân biết ý định đó và tìm lời an ủi họ:

– Ở đời, hết thảy ân ái đều phải có ngày xa lìa, con người có sống thì có chết; sự nghiệp có thành thì có bại. Vạn vật tươi thắm trong mùa xuân, nhưng thu, đông thì tàn tạ.

Phu nhân và thái tử nghe những lời ấy xong, bèn nghẹn ngào hỏi nhà vua:

– Đại vương vì lẽ gì lại nói như vậy?

Vua đáp:

– Có người Bà-la-môn từ phương xa đến đây để xin đầu của ta và ta đã hứa cho họ rồi.

Phu nhân và thái tử nghe xong, vật vã than khóc, đầu tóc rối bù, y phục rách nát, rồi cùng tâu vua:

– Tâu đại vương, thân mình là vật đáng quý nhất trên đời, tại sao đại vương lại có thể bỏ cái khó bỏ để cho người khác?

Lúc ấy năm trăm vị đại thần hỏi người Bà-la-môn:

– Ngươi dùng cái đầu máu mủ hôi thối ấy làm gì?

Người Bà-la-môn đáp:

– Tôi chỉ cần xin đầu, hỏi tôi làm chi?

– Ngươi đến nước ta, ta phải hỏi và ngươi phải trả lời.

Người Bà-la-môn cũng muốn nói thật, nhưng lòng sợ hãi, sợ các đại

thần giết chết. Năm trăm vị đại thần bảo người Bà-la-môn:

– Ngươi đừng sợ hãi, chúng ta sẽ vì Đại vương mà tha cho ngươi. Người Bà-la-môn nghèo hèn kia! Ngươi lấy cái đầu đầy máu mủ làm gì? Chúng ta mỗi người sẽ làm một cái đầu bằng bảy thứ châu báu để đổi cho ngươi và cho ngươi tất cả các thứ cần dùng trong bảy đời, ngươi sẽ không phải thiếu thốn.

Người Bà-la-môn nói:

– Tôi không cần dùng các thứ đó.

Bấy giờ các vị đại thần không được thỏa nguyện, lòng sinh khổ não, cất tiếng than khóc mà tâu vua:

– Nay đại vương nỡ nào vì một người Bà-la-môn, mà vĩnh viễn xa lìa Tổ quốc, muôn dân, phu nhân và thái tử?

Nhà vua nói:

– Nay ta vì các ngươi và tất cả chúng sinh mà xả thân bố thí.

Lúc ấy có một vị đại thần thấy nhà vua đã quyết định xả thân bố thí cho người Bà-la-môn, liền tự nghĩ: "Ta nay làm sao có thể ngồi nhìn đại vương bỏ thân mạng như thế?". Nghĩ vậy rồi liền vào một căn phòng vắng vẻ, dùng dao tự sát.

Khi đó, nhà vua đi vào vườn sau, gọi người Bà-la-môn đến, bảo:

– Nhân giả từ phương xa đến để xin đầu ta, ta vì lòng Từ bi thương xót nên không làm trái ý. Ta nguyện đời sau được đầu trí tuệ để bố thí cho mọi người.

Nói xong, vua chắp tay lễ bái mười phương, nguyện:

– Kính lạy chư Phật mười phương, rủ lòng thương xót, chư Đại Bồ-tát, uy thần ủng hộ, khiến con được thành tựu nguyện này.

Nguyện rồi, vua bảo người Bà-la-môn cắt đầu. Người Bà-la-môn nói:

– Nhà vua có sức mạnh thế kia, nếu khi đau đớn, không chịu nổi, sinh hối hận mà quay lại giết tôi thì sao? Vậy nhà vua hãy dùng tóc tự quấn mình vào cành cây cho tôi cắt đầu.

Nhà vua nghe nói, sinh lòng thương xót và tự nghĩ: "Người kia già yếu, nếu không cắt được đầu ta, sẽ mất lợi lớn". Liền theo lời thỉnh cầu, lấy tóc tự trói mình vào cây, rồi bảo người Bà-la-môn:

– Người hãy cắt đầu đặt vào tay ta, ta sẽ trao cho người.

Lúc ấy, người Bà-la-môn, tay cầm dao, tiến lại gốc cây. Tức thời thần cây lấy ngón tay ấn vào đầu người Bà-la-môn, khiến người này té

ngất, bất tỉnh. Vua Đại Quang Minh bảo thần cây:

– Sao ông không giúp tôi, lại gây khó khăn để cản trở pháp lành?

Thần cây nghe Vua nói thế, lòng thấy khổ não, bèn nói to lên:

– Lạ thay! Khổ thay! Bầu trời xanh ngắt mà lại mưa máu, trời đất rúng động, mặt trời mờ tối.

Lúc đó người Bà-la-môn liền cắt đầu nhà vua, đem về nước láng giềng.

Bấy giờ, năm trăm năm vị thái tử và quần thần, lo tẩm liệm phần thân còn lại của vua Đại Quang Minh, xây tháp cúng dường.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Vị Đại thần đệ nhất lúc bấy giờ thấy vua Đại Quang Minh đem đầu bố thí, mắt chẳng nỡ nhìn, nên đành tự sát, nay chính là Tôn giả Xá-lợi-phất, còn vua Đại Quang Minh nay chính là Ta, Thích-ca Như Lai. Bồ-tát tu tập khổ hạnh như thế, nguyện vì chúng sinh, nhớ ân chư Phật, nên được siêu thoát, thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Tôn giả Xá-lợi-phất, được biết Như Lai, sắp vào Niết-bàn, mắt chẳng nỡ thấy, nên nhập diệt trước, cũng như xưa kia chẳng nỡ thấy Ta xả thân bố thí, việc đó không khác. Trong khu vườn ấy, nơi gốc cây kia, Ta đã từng bỏ đủ một ngàn cái đầu của ngôi vua Chuyển luân để bố thí, huống chi là đối với các chi thể khác, khi không làm vua, Ta cũng đã từng hy sinh cả thân thể, chân tay để bố thí nữa.

Khi Phật nói về nhân duyên tu khổ hạnh đó, vô lượng trăm ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; hàng trăm người đạt quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, vô lượng trăm ngàn người phát tâm Thanh văn, tâm Bích-chi-phật. Tất cả đại chúng, chư Thiên, Long, Quỉ thần, Nhân và Phi nhân, nghe Phật thuyết pháp đều vô cùng vui mừng, cúi đầu đảnh lễ và lui ra.

-oOo-

Lại nữa, ở nước Ma-già-đà có năm trăm tên giặc, thường đón đường cướp phá, hà hiếp kẻ vô tội, làm cản trở sự đi lại. Vua nước Ma-già-đà bèn sai quân đi bắt. Họ lùa chúng vào rừng, đến một nơi hiểm trở và bắt trọn ổ cướp, rồi móc mắt, xẻo mũi, cắt tai chúng. Lúc đó, năm trăm tên giặc, thân thể đau đớn, sắp chết đến nơi. Trong số năm trăm tên ấy, có một người là đệ tử Phật. Người này bảo đồng bọn:

– Chúng ta chẳng còn sống được bao lâu nữa, tại sao không chí thành xưng niệm danh hiệu của Phật?

Bấy giờ, năm trăm người, đồng thanh hô to lên:

– Kính lạy Đức Phật Thích-ca Mâu-ni!

Trong khi ấy, Đức Phật từ núi Kỳ-xà-quật, dùng sức thần thông đến núi Càn-đà. Gió lớn nổi lên, rung chuyển cây cối, bụi chiên-đàn cuốn theo làm mờ mịt hư không. Gió liền thổi tới khu rừng, nơi bọn giặc ngộ nạn, thu nhặt những mắt, mũi, tai… của họ và làm cho bình phục như cũ. Khi bọn giặc được hoàn lại đôi mắt, hết các thương tích, máu biến thành sữa, thì cùng bảo nhau:

– Chúng ta nhờ ân Đức Phật mà thân thể được yên ổn. Nếu muốn báo đền ân Phật, chúng ta phải mau mau phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nói xong, tất cả đều đồng thanh hô to lên:

– Những người chưa được yên vui, ta sẽ khiến cho được giải thoát, những người chưa được độ, ta sẽ độ cho; những người chưa đắc đạo, ta sẽ khiến cho được vào Niết-bàn.

-oOo-

Lại nữa, những phương tiện về từ bi và sức uy thần của Đức Như Lai thật khó nghĩ bàn. Khi Đức Phật ở nước Xá-vệ, lúc ấy trong núi Quật có năm trăm người thường đón đường cướp phá, làm mọi điều phi pháp. Bấy giờ, Đức Như Lai dùng sức phương tiện, hóa làm một người cỡi con voi lớn, mình mặc áo giáp, lưng đeo cung tên, tay cầm giáo nhọn. Con voi trang sức bằng các thứ bảy báu; đồ trang sức của người ấy cũng toàn bằng bảy báu, lộng lẫy, sáng chói; một mình đi vào con đường hiểm trở, đến núi Quật. Lúc đó, ở trên núi, năm trăm tên cướp trông thấy người kia từ đằng xa, liền bảo nhau:

– Chúng ta làm giặc đã lâu, chưa từng thấy người nào như thế.

Tên đầu đảng mới hỏi đồng bọn:

– Các anh thấy gì?

– Chúng tôi thấy một người cỡi con voi lớn, y phục lộng lẫy, yên cương của voi toàn bằng bảy thứ báu, tỏa ra ánh sáng chiếu rực trời đất, mà lại chỉ có một mình, đang từ đằng xa đi đến. Nếu ta bắt được, thì y phục và đồ tư trang của người ấy dùng đến bảy đời cũng không hết. Tên đầu đảng nghe xong, lòng vui mừng và khẽ bảo đồng bọn: "Cẩn thận, chớ bắn vội! Chúng ta hãy từ từ bao vây cả phía trước, phía sau, rồi cùng xông ra một lượt mà bắt."

Bấy giờ năm trăm tên cướp đồng thanh hô to, bảo người kia hãy

đứng lại.

Người kia dùng diệu lực từ bi, rủ lòng thương xót, liền giương cung bắn. Năm trăm tên cướp lần lượt bị tên, thương tích đau nhức, không thể chịu nổi, đều cùng té nhào, lăn lộn kêu khóc, rồi ngồi dậy nhổ tên ra, nhưng tên cứ dính chặt, không sức nào nhổ nổi. Bọn cướp sợ hãi và nói với nhau:

– Hôm nay chúng ta tất phải chết. Từ xưa đến nay chưa từng gặp người nào khó chống cự như người này.

Rồi cùng đọc bài kệ:

Ông là người thế nào
Có sức chú thuật này
Hiện phép Long, Thần, Quỉ
Một tên bắn năm trăm.
Đau khổ không thể tả
Chúng tôi đều quy y
Xin vì nhổ tên độc
Thuận theo không dám trái.

Người kia liền nói bài kệ đáp:

Vết thương không đau mấy
Tên bắn chẳng quá mạnh
Người khỏe không thể nhổ
Chỉ nghe nhiều là khỏi.

Nói kệ xong, người kia liền hiện lại thân Phật, phóng hào quang lớn, chiếu khắp mười phương. Tất cả chúng sinh trông thấy ánh sáng đó, thì người mù trở lại sáng, người gù đứng thẳng được, người què được tay chân lành lặn, kẻ mê lầm thấy chánh đạo. Nói tóm lại mọi sự không vừa ý, đều được toại nguyện.

Khi ấy, Đức Như Lai thuyết pháp cho năm trăm người nghe, chỉ dạy những điều lợi lạc. Năm trăm người nghe pháp đều vui mừng, thương tích bình phục, máu trở thành sữa, liền phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề, đồng thanh đọc bài kệ:

Chúng ta phát tâm rồi
Làm lợi ích chúng sinh
Phải nên thường cung kính
Thuận theo học chư Phật.
Nhờ Phật sức từ bi
Cứu khổ, lòng yên vui

Nên phải nhớ ân Phật
Bồ-tát và bạn lành.
Sư trưởng và cha mẹ
Cùng mọi loài chúng sinh
Oán, thân lòng bình đẳng
Ân đức không có hai.

Bấy giờ trên không trung, chư Thiên ở cõi Dục và Kiều-thi-ca, liền tuôn mưa hoa, tấu nhạc cúng dường Như Lai cùng hiện xuống đồng thanh đọc kệ:

Con nhờ phúc đời trước
Được sáng sủa nghiêm sức
Cúng dường các thứ quý
Lợi ích cho hết thảy.
Thế Tôn rất khó gặp
Diệu pháp khó được nghe
Nhờ vun trồng cõi phúc
Nay được gặp Như Lai.
Chúng con nhớ ân Phật
Đều cùng phát đạo tâm
Con nay được thấy Phật
Nếu có nghiệp thiện gì
Xin vì mọi chúng sinh
Hồi hướng đạo Vô thượng.

Nói kệ xong, các vị trời đi nhiễu quanh Phật trăm ngàn vòng, cúi đầu đảnh lễ rồi bay lên hư không, biến đi.

-oOo-

Lại nữa, sức từ bi, phương tiện của Đức Như Lai thật khó nghĩ bàn. Một lần, tại nước Tỳ-xá-ly, có người Bà-la-môn chấp theo tà kiến, tham đắm kiêu căng. Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đến nhà nói pháp khuyên nhủ, nhưng người ấy không chịu tin hiểu, cứ cố chấp theo tà thuyết. Người này giàu có, của báu vô số, nhưng lại không con. Người ấy tự nghĩ: "Một mai chết đi, của cải mất hết". Nghĩ như thế rồi, liền đến thần miếu và các thần cây để lễ bái cầu tự. Sau chín mươi ngày, người vợ mang thai. Chín tháng mười ngày, sinh được con trai, thân hình đẹp đẽ, tướng mạo khôi ngô, cha mẹ rất yêu mến, mọi người cũng quý trọng. Khi được mười hai tuổi, một hôm cùng các bè bạn đi chơi, giữa đường bị con voi say đạp chết. Cha mẹ hay tin, vật vã than khóc, lòng

phát điên cuồng, mình mẩy lấm láp, bứt tóc, rứt tai, cất tiếng than: "Sao mình bạc phúc thế này, có sống cũng như chết!" Sau tìm đến nơi con chết, ôm lấy xác con kêu gào thảm thiết, tỉnh rồi lại mê, tâm trí cuồng loạn, khỏa thân mà đi. Lúc đó may sao, được thấy Đức Như Lai. Phật dùng sức từ bi, hóa làm người con. Cha mẹ thấy vậy, vội đến ôm lấy, vui mừng khôn xiết, tâm hết cuồng loạn, tỉnh táo như trước. Bấy giờ, Phật mới nói pháp cho nghe, nghe xong đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

-oOo-

Lại nữa, diệu lực từ bi, thiện căn của Như Lai không thể nghĩ bàn. Một lần, vua Lưu Ly xuất bốn thứ quân đi đánh nước Xá-duy, bắt những người họ Thích đem đi rồi đào hố chôn vừa tới nách, không cho cử động. Hơn bảy ngày sau, Đức Như Lai dùng sức từ bi biến chỗ đất đó thành một cái ao. Nước ao trong mát, đủ tám công đức. Trong ao có các thứ hoa thơm ngát, như hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, to bằng bánh xe, đủ các màu xanh, vàng, đỏ, trắng. Lại có các loài chim, cùng hòa tiếng hót. Những người họ Thích thấy thế, sinh lòng vui mừng, liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi họ đã phát tâm Bồ-đề, vua Lưu Ly cho năm trăm con voi đen uống rượu thật say, đóng móng sắt vào chân, buộc kiếm nhọn vào ngà, rồi gióng một hồi trống, thả đàn voi ra, giày đạp những người họ Thích khiến thân thể họ tan nát, xương da rã rời, ngổn ngang trên mặt đất. Nhưng nhờ sức từ bi của Phật, nên thân tâm họ đều được yên vui nên mới phát tâm Bồ-đề. Nhờ phát tâm Bồ-đề đối với chúng sinh đều sinh tâm bình đẳng; vì sinh tâm bình đẳng nên không mang lòng sân hận; vì không sân hận nên sau khi mạng chung được sinh lên cõi trời. Khi sinh lên cõi trời rồi, nhờ có Thiên nhãn, thấy đủ căn duyên, liền nói với nhau:

– Nhờ từ ân của Phật, chúng ta mới được sinh thiên. Cung điện toàn bằng bảy báu, y phục lộng lẫy, thân tướng rực rỡ, ca nhạc tuyệt vời, tất cả đều nhờ thần lực của Đức Như Lai mà có. Vậy nên chúng ta phải phát tâm đại bi làm lợi ích cho chúng sinh. Bất cứ nơi nào có Phật pháp, hoặc ở thành, ấp, làng mạc, hoặc trong rừng núi, hay cung điện, nhà cửa, hễ có người đọc tụng, biên chép, giải bày nghĩa lý, thì người ấy được mọi sự cung cấp hỗ trợ, đầy đủ như ý, không bao giờ thiếu thốn. Nếu có xảy ra chiến tranh, bệnh tật, đói khát, thì chúng ta phải ngày đêm ủng hộ những người ấy, tâm không xa lìa.

Lúc mọi người phát nguyện như thế rồi, thân tướng trở nên tươi sáng, chói lọi, rực rỡ hơn trước bội phần, họ đều vô cùng vui mừng, bay trên hư

không mà đi.

-oOo-

Lại nữa, sức từ bi, phương tiện của Đức Như Lai không thể nghĩ bàn. Sau khi đánh phá nước Xá-duy và hãm hại những người họ Thích rồi, vua Lưu Ly bắt những con gái dòng họ Thích, chọn những người có nhan sắc và tài năng, gồm năm trăm người, bắt họ xếp hàng, gảy đàn, thổi sáo, múa hát, mà trở về nước mình.

Khi về tới nước mình các phu nhân và cung nữ của vua Lưu Ly đều lên ngồi trên chánh điện nói với mọi người: "Hôm nay chúng ta sung sướng vô cùng". Những người con gái họ Thích hỏi vua Lưu Ly:

– Tại sao hôm nay các vị ấy bảo là sung sướng?

Vua đáp:

– Vì ta đã thắng kẻ thù.

Những người con gái họ Thích nói:

– Nhà vua không thắng đâu. Thật ra thì cả bốn thứ binh của nhà vua cũng không thể địch lại được một người họ Thích chúng tôi. Nhưng vì chúng tôi là đệ tử của Phật, không tranh giành với ai, nên để nhà vua thắng đó thôi. Nếu chúng tôi mà chống cự thì nhà vua đâu phải trước sau phải kéo quân sang nước Xá-duy ba bốn lần, mà luôn thoái lui.

Lần thứ nhứt, khi nhà vua mang quân đến, những người trong dòng họ Thích chúng tôi đã cùng bảo nhau: "Ông vua Lưu Ly này không biết đến ân nghĩa, sinh lòng tàn ác. Nếu chúng ta cùng ông giao chiến thì không phân biệt được người hiền, kẻ ngu, đen trắng không rõ. Vậy chúng ta chỉ nên làm cho ông ta sợ hãi mà rút lui thôi". Nói xong liền phát thệ nguyện: "Mọi người chúng ta đều phải bắn, nhưng không được để cho mũi tên gây nên thương tích." Rồi xuất bốn đạo binh ra chống cự vua Lưu Ly. Cách bốn mươi dặm, giương cung mà bắn. Những mũi tên theo nhau bay đi vun vút và đều trúng đích. Thấy thế, vua Lưu Ly hoảng sợ, liền mở đường chạy lui.

Hơn chín mươi ngày sau, vua Lưu Ly lại cử binh đi đánh dòng họ Thích. Lúc đó, những người họ Thích họp lại bàn: "Lưu Ly là con người tàn ác, không biết hổ thẹn, lại kéo quân đến muốn rước lấy họa hoạn hay sao?" Nói xong cũng tuyên thệ: "Hôm nay chúng ta cùng nhắm áo giáp mà bắn, đừng để cho người bị thương". Thế rồi mọi người đều giương cung bắn, khiến cho áo giáp và những đồ binh khí của địch tan tành, gãy nát, chỉ còn người không. Khi ấy, vua Lưu Ly trong lòng sợ hãi, liền triệu

tập các quần thần bàn bạc. Vua nói: "Hôm nay, chúng ta sợ khó toàn tánh mệnh". Trong số có một vị Đại thần đệ nhất tâu: "Những người họ Thích đều là đệ tử của Phật, giữ giới bất sát, tu hành từ bi, nếu không thì thân mạng của chúng ta chẳng bao lâu nữa sẽ bị tiêu diệt".

Vua nói: "Nếu thật như thế, thì ta hãy tiến lên".

Lúc đó, những người họ Thích khoanh tay đứng nhìn. Quân mã của vua Lưu Ly xông đến gần bức hiếp. Trong số dòng họ Thích, có một người Bà-la-môn bảo những người họ Thích: "Tai họa đã đến nơi, sao lại thản nhiên đứng nhìn như vậy?" Họ đáp: "Chúng tôi không tranh giành với ai cả, nếu đánh nhau với kẻ kia thì không phải là đệ tử của Phật". Bất mãn với những lời nói đó, người Bà-la-môn xông ra vòng chiến, đánh nhau với quân mã của vua Lưu Ly; bắn một phát, giết bảy người và chỉ trong khoảng thời gian ngắn, số tử thương đã tăng lên rất nhiều, khiến bốn đạo binh của vua Lưu Ly phải tìm đường rút lui. Bấy giờ, những người họ Thích lại nghĩ: "Chúng ta không làm bạn với kẻ ác nhân này". Nghĩ xong, liền họp nhau đuổi người Bà-la-môn ấy đi. Sau khi đuổi người Bà-la-môn đi rồi, thì vua Lưu Ly lại xuất quân đánh nước Xá-duy và vì thế nên nhà vua mới thắng.

Nghe xong, vua Lưu Ly sinh lòng hổ thẹn, liền sai bọn Chiên-đà-la xẻo tai, mũi, cắt chân tay của những người con gái họ Thích, rồi cho xe chở đến vùng gò mả mà vứt bỏ. Sau khi bị cắt chân tay; những người con gái họ Thích lăn lóc kêu gào, khóc than thảm thiết, đau đớn, khổ cực. Biết rằng cái thân tàn chẳng còn sống được bao lâu, họ bắt đầu gọi đến cha mẹ, anh em chị em, hoặc kêu trời, la đất, đau đớn không cùng. Trong số những người con gái này, có một người thuộc loại hiểu biết nhất bảo những người kia:

– Này các chị em, tôi đã từng theo Phật, được biết trong lúc tai nạn nguy cấp, nếu người nào phát được một niệm Phật, dốc lòng quy kính, thì được yên ổn và đúng như ý nguyện.

Lúc đó, năm trăm người con gái họ Thích đồng thanh, chí thành niệm:

– Kính lạy Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác!

Rồi lại cùng xướng to lên:

– Đau đớn thay! Than ôi, Đấng Bạc-già-phạm!

Khi xướng như thế, thì ở giữa không trung, nhờ sức uy thần và thiện căn của Đức Như Lai, một áng mây đại từ bi nổi lên, rồi tiếp theo là những giọt nước đại từ tuôn xuống thân thể của những người con gái họ Thích. Nhờ những giọt mưa ấy, mà tai mũi, chân tay hoàn lại như cũ.

Cảm thấy vô cùng sung sướng, những người con gái họ Thích đồng thanh hô to lên:

– Lạy Đức Từ Phụ Như Lai, Đức Thế Tôn không gì hơn. Ngài là phương thuốc thần diệu của thế gian. Đối với chúng sinh trong ba cõi, Ngài thường cứu khổ, ban vui, bởi thế nên ngày nay chúng con mới được thoát nạn.

Rồi họ bảo nhau:

– Chúng ta phải nghĩ đến ân của Phật và phải nhớ báo ân Phật.

Nhưng họ lại nghĩ: "Nên lấy gì để báo ân Đức Phật? Thân của Như Lai là thân kim cương, thường còn không mất, không đói khát, sắc tướng mầu nhiệm, tất cả đều đầy đủ; trăm ngàn phép định, năm căn, năm lực và bảy món trợ đạo không thể nghĩ bàn; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, phước tuệ trang nghiêm, thường ở cảnh đại Niết-bàn, coi chúng sinh như con, oán thân bình đẳng, không mong báo đáp. Ngày nay chúng ta muốn báo ân Phật thì chỉ nên xuất gia, giữ gìn giới cấm và hộ trì chánh pháp".

Suy nghĩ thế rồi, liền cầu y bát, trở về bản quốc, tìm đến nơi tinh xá của Tỳ-kheo-ni xin được xuất gia.

Lúc ấy, đám lục quần Tỳ-kheo-ni thấy những người con gái họ Thích, tuổi hãy còn trẻ, đều có nhan sắc thì tự nghĩ: "Tại sao họ lại có thể bỏ những cái khó bỏ để đi xuất gia? Ta nên đem những sự vui thích ở đời nói cho họ nghe và bảo họ khi nào luống tuổi hãy xuất gia, như thế chẳng thú lắm sao? Nếu họ hoàn tục, tất sẽ đem y bát dâng cho ta". Suy nghĩ thế rồi, đám lục quần Tỳ-kheo-ni bèn đến chỗ những người con gái họ Thích và đem những việc trên nói cho họ nghe. Những người con gái họ Thích nghe xong, lòng thấy khổ não. Và họ tự nghĩ: "Đây là nơi yên ổn, sao lại có sự việc đáng sợ như vậy, chẳng khác nào trong thức ăn ngon ngọt mà pha lẫn thuốc độc. Những điều mà đám Tỳ-kheo-ni kia vừa nói cũng lại như thế. Trong những thứ dục lạc ở đời có nhiều nguy hại, chúng ta đã biết rồi, tại sao lại còn tán dương những thứ đó và khuyên chúng ta trở về để đắm theo năm dục?" Nghĩ xong liền òa lên khóc và ra khỏi phòng Tăng.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo-ni tên là Hoa Sắc hỏi những người con gái họ Thích:

– Tại sao các em lại khóc?

– Vì không được như ý nguyện.

– Các em nguyện điều gì?

– Chúng tôi muốn xuất gia mà không được chấp thuận.

– Các em muốn xuất gia thì ta sẽ độ cho.

Những người con gái họ Thích nghe rồi, lòng sinh vui mừng, nói với Tỳ-kheo-ni Hoa Sắc:

– Bạch Hòa thượng, chúng con khi còn tại gia, gặp nhiều thống khổ, họ hàng ly tán, lại bị xẻo mũi, cắt tai, chặt hết tay chân, đau đớn khôn cùng.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Hoa Sắc bảo các đệ tử:

– Những nỗi khổ não của các người đâu đáng kể. Khi ta còn tại gia đã phải gánh chịu không biết bao nhiêu khổ cực.

Những người con gái họ Thích liền quỳ xuống, chắp tay xin Thầy nói lại căn nguyên của các nỗi khổ lúc còn tại gia cho nghe. Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Hoa Sắc mới vào đại định, dùng sức thần thông phóng hào quang lớn, chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề, chiêu tập những người có duyên với Phật pháp, cả Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Nhân và Phi nhân. Rồi giữa đại chúng, vị ấy tự nói:

– Khi ở tại gia, ta là người nước Xá-vệ, cha mẹ gả ta cho người phương Bắc. Theo phong tục nước ấy, người đàn bà sau khi mang thai, gần ngày sinh nở phải về nhà cha mẹ mình. Cứ như thế, vài năm một lần, sau lại mang thai. Có một kỳ gần đến ngày sinh, hai vợ chồng ta về nhà cha mẹ, đi được nửa đường thì gặp một con sông, nước sông tràn đầy, chảy xiết, đường sá vắng tanh, lại nhiều giặc cướp. Khi tới sông, thì trời vừa sẩm tối, không thể qua được, đành ngủ lại trên bờ sông. Vào khoảng canh một thì bụng chuyển đau, ta liền ngồi dậy và không bao lâu sinh được một cháu trai.

Trong đám cỏ trên bờ sông có một con rắn độc, thấy mùi máu tươi, nó mới tìm đến, nhưng chưa tới chỗ ta nằm. Trong khi đó thì chồng ta và người đầy tớ đang ngủ ở giữa đường. Rắn đến chỗ người đầy tớ và cắn chết ngay, rồi lại nơi chồng ta, vì ngủ không biết, nên cũng bị nó cắn chết. Lúc ta hô: "Rắn! Rắn!", không thấy chồng ta trả lời. Sau khi cắn chết chồng ta và người đấy tớ rồi, nó lại cắn luôn cả trâu, ngựa. Sáng hôm sau, ta thấy thân thể của chồng sưng phồng, thối nát, xương thịt tan rã, ngổn ngang trên đất. Ta đau buồn sợ hãi quá đến nỗi ngất đi rồi vật vã than khóc, đập đầu, bứt tóc, thân hình lấm láp, tỉnh rồi lại mê, qua mấy ngày liền, đau buồn khổ thương như vậy.

Một mình ở lại bờ sông cho đến khi nước sông rút bớt, ta mới cõng đứa con nhỏ sau lưng, còn đứa hài nhi mới sinh thì bọc vào trong áo, lấy thắt lưng buộc chặt rồi ngậm ở nơi miệng mà lội qua sông. Khi đến giữa

dòng, ta quay lại nhìn đứa con lớn còn ngồi trên bờ, thì thấy một con cọp dữ đang hồng hộc chạy tới. Ta vừa cất tiếng tri hô, bỗng đứa hài nhi rơi theo dòng nước. Ta vội cúi xuống mò tìm, đứa hài nhi đã chẳng thấy thì đứa con nhỏ trên lưng, vì không tay giữ, cũng lại té xuống sông và bị dòng nước cuốn đi. Trong khi đó thì đứa con lớn trên bờ bị cọp ăn thịt. Nhìn cảnh ấy, lòng ta tan nát, đứt từng khúc ruột, máu trào ra miệng, kêu gào, than khóc; chỉ trong một buổi sớm ta đã phải chứng kiến biết bao cảnh tang tóc!

Khi lên đến bờ sông, ta liền ngã lăn bất tỉnh. Một lúc sau, ta thấy một đám người đi đến. Trong đám người đó, có một ông Trưởng giả là bạn của cha mẹ ta. Ta vội hỏi thăm tin tức về cha mẹ, thì được người Trưởng giả cho biết, nhà cha mẹ ta vừa bị cháy đêm trước và cha mẹ đều bị chết thiêu. Được biết tin ấy, ta lại chết ngất, hồi lâu mới tỉnh. Vừa đúng lúc đó, có năm trăm tên cướp ào đến chận đường cướp phá đám ông Trưởng giả kia. Bấy giờ, tên tướng cướp bắt ta dẫn đi, rồi ép ta làm vợ, giao cho ta giữ cửa, khi bị người đuổi, gặp lúc nguy cấp, phải mở cho mau. Ít lâu sau, một hôm, chồng ta cùng bọn giặc đi cướp giật, bị các tài chủ trong làng, hợp lực đuổi bắt, phải bỏ chạy về. Lúc đó, trong nhà ta vừa sinh con, chồng ta đứng ngoài gọi hai ba lần, nhưng không ai mở cửa. Bấy giờ, y tự cho rằng ta muốn hại y. Nghĩ rồi, y liền trèo tường mà vào và hỏi tại sao ta không mở cửa? Ta nói là vì mới vừa sinh nở nên không kịp ra mở cửa. Thấy thế, tên tướng cướp mới nguôi giận và bảo ta: "Người ta hễ có thân thì tất có con. Vì ngươi sinh đẻ mà suýt nữa nguy hại cho ta. Đứa con này có ích gì, đem giết cho mau!". Nhưng lòng ta thương xót, không nỡ đem giết. Bấy giờ tên tướng cướp rút dao chặt hết chân tay đứa trẻ rồi bảo ta phải ăn cho hết, nếu không chịu ăn, y sẽ chém đầu. Vì quá sợ hãi nên ta phải ăn, sau khi ăn xong, y hết tức giận.

Sau đó chồng ta tiếp tục đi cướp phá. Một hôm bị nhà vua bắt được, đem ra trị tội. Cái phép trị giặc cướp là phải xử tử và người vợ của tội nhân cũng bị chôn theo chồng. Lúc ấy, ta mặc toàn đồ quý giá, mang nhiều chuỗi báu anh lạc. Có kẻ tham lợi, ban đêm đến đào mả để lấy của báu và bắt ta đem đi. Nhưng ít lâu sau, nhà vua cho người đi dò xét và ta lại bị bắt. Sau khi bắt được ta, nhà vua theo luật mà xử như trị tội giặc. Phép trị giặc là xử tử và người vợ của tội nhân cũng bị chôn theo. Nhưng chôn không được kỹ, nên đêm đến các loài hổ lang ra bới lên để ăn tử thi, nhờ thế mà ta thoát chết. Khi ra khỏi mả, hồn ta mê man, mặc dầu cứ đi mà không biết đi đâu. Dọc đường ta gặp nhiều người, ta liền nhờ họ chỉ cho một nơi yên ổn, để diệt trừ mọi nỗi lo âu sầu muộn. Bấy giờ, có một vị Trưởng lão thuộc dòng Bà-la-môn, rủ lòng thương xót, nói với ta: "Lão từng nghe nói, trong giáo

pháp của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, có nhiều yên vui, không còn khổ não."

Được nghe xong, ta thấy vui mừng vô hạn, liền đến chỗ Sư trưởng Đại Ái Đạo, tức Tỳ-kheo-ni Kiều-đàm-di cầu xin xuất gia. Sau khi xuất gia, ta cứ lần lượt y theo giáo pháp mà tu tập, cho đến khi chứng được đạo quả A-la-hán, đầy đủ ba minh, sáu thông và tám môn giải thoát.

Các người thấy chưa? Khi còn ở tại gia, ta đã phải trải qua những nỗi khổ đau như vậy. Nhưng cũng nhờ thế mà ngày nay ta mới chứng được đạo quả.

Những người con gái họ Thích nghe xong, lòng rất vui mừng, chứng được pháp nhãn. Đại chúng nghe rồi, đều cùng phát tâm cầu đạo Vô thượng.

Bấy giờ, dì của Phật là Tỳ-kheo-ni Kiều-đàm-di bảo các vị Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di ni, Ưu-bà-di và tất cả phụ nữ:

– Phật pháp là lợi ích lớn. Chỉ trong biển giáo pháp của Đức Như Lai mới có đầy đủ các công đức và ba thứ quả báo. Tất cả chúng sinh đều có phận trong đó. Thế mà Đức Như Lai lại không cho phụ nữ chúng ta được dự vào Phật pháp là vì lẽ gì? Là vì phụ nữ chúng ta phần nhiều hay ngờ vực, chấp trước, không có lòng hỷ xả. Cũng vì chấp trước nên mới tạo không biết bao nhiêu nghiệp trói buộc, đến nỗi bị ngu si và ái dục che lấp mất chân tâm, do đó mà phải chìm đắm mãi trong bể khổ sinh tử, mặc cho bao lớp sóng ái dục dập vùi. Vì tà kiến và tham ái làm chướng ngại, nên mới sinh ra kiêu ngạo, lười biếng, bởi thế thân này không thể đạt đến đạo quả Vô thượng Bồ-đề, không thể có được ba mươi hai tướng tốt. Trong đường sinh tử, không được làm Chuyển luân thánh vương, dùng pháp Thập thiện, để giáo hóa chúng sinh; cũng không thể đạt đến ngôi Phạm vương cùng tột, không thể kiến lập Chánh pháp và khuyến thỉnh chư Phật chuyển bánh xe Pháp để cho tất cả chúng sinh đều được lợi lạc. Bởi thế nên Đức Như Lai không cho nữ nhân được làm đệ tử. Thiên ma Ba-tuần, các loại tà kiến và tất cả ngoại đạo chuyên làm điều ác, chấp theo tà thuyết, phá hoại chánh pháp, diệt Phật, Pháp, Tăng. Vì vậy Đức Như Lai không cho nữ nhân dự vào Phật pháp.

Ta vì tất cả phụ nữ, ba lần thỉnh cầu Đức Như Lai cho được xuất gia, tu học Phật pháp, mà Phật không thuận. Vì không được như nguyện, lòng ta buồn tủi, giận cho thân người phụ nữ, bất giác lệ tràn mí mắt, ta mới thất thểu bước ra khỏi tinh xá Kỳ hoàn.

Lúc đó, ta gặp Tôn giả A-nan. Tôn giả hỏi tại sao trông ta buồn khổ như vậy. Ta liền thuật lại cho Tôn giả nghe là ta muốn xuất gia tu theo Phật pháp, nhưng cầu xin đến ba lần mà Đức Như Lai cũng không chấp thuận,

bởi thế nên ta buồn khổ.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bảo ta đừng lo, Tôn giả hứa sẽ xin Đức Như Lai chấp thuận cho ta vào Phật pháp. Nghe lời Tôn giả A-nan nói vậy lòng ta sung sướng vô cùng.

Khi ấy Tôn giả A-nan vào bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con muốn cầu xin Thế Tôn chấp thuận cho một việc.

Phật bảo A-nan:

– Ông muốn xin điều gì, cứ nói.

A-nan thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề đã chăm nom nuôi nấng sắc thân của Thế Tôn, đến ngày nay Thế Tôn đã thành Phật. Nếu kể đến công lao của Di mẫu đối với Như Lai, thì Như Lai phải mang ân Di mẫu rất nhiều. Thế mà, tất cả chúng sinh Như Lai còn cho dự vào Phật pháp, huống chi là Di mẫu, nỡ nào Như Lai không thuận?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Đúng như lời ông nói. Không phải Ta không biết đến ân sâu của Di mẫu đối với Ta, nhưng Ta không muốn cho nữ nhân dự vào Phật pháp. Nếu ta cho nữ nhân ở trong Phật pháp thì sau năm trăm năm, chánh pháp của Ta sẽ suy đồi. Bởi thế mà Ta không muốn để nữ nhân dự vào Phật pháp.

Bấy giờ Tôn giả A-nan cúi đầu đảnh lễ, rồi quỳ gối, chắp tay lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ chư Phật thời quá khứ đều có đủ bốn bộ chúng, chỉ có một mình Đức Thích-ca Như Lai là không có đủ.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nếu Di mẫu quý chuộng Phật pháp, phải hết sức tinh tấn, tu tập phép Bát kính, ta sẽ ưng thuận cho được xuất gia sống trong Phật pháp.

Lúc đó Tôn giả A-nan lễ Phật, đi nhiễu ba vòng rồi lui trở ra. Tôn giả liền đến báo cho ta biết là Đức Như Lai đã theo lời cầu xin của Tôn giả mà bằng lòng cho ta được xuất gia, phụng trì Phật pháp. Được biết tin ấy, lòng ta vui mừng vô hạn và bạch Tôn giả A-nan:

– Quý hóa thay, Tôn giả A-nan! Tôn giả đã hết lòng thỉnh cầu Đức Như Lai, khiến cho tôi được toại nguyện.

Rồi Tôn giả nói lại cho ta nghe pháp Bát kính mà Đức Như Lai đã ân cần dạy bảo. Nghe xong, nửa mừng nửa tủi, ta tự nghĩ: "Thân ta đây là cái thân vô thường, nay được đổi lấy cái thân quý báu; mạng sống ta đây, niệm niệm hằng biến diệt, không nhất định, nay được đem đổi lấy mạng quý báu;

thân mạng, của cải của ta đây đều do nhân duyên giả hợp mà có, không phải chân thật, nay được đem đổi lấy của báu vĩnh viễn bất diệt.” Khi nghĩ đến những công đức và lợi ích như thế, ta liền sinh lòng chí thành cung kính cúng dường Tôn giả A-nan và bạch:

– Đại đức A-nan, xin Tôn giả đừng lo. Tôi sẽ trọn đời tuân theo giáo pháp mà Đức Như Lai chỉ dạy. Dù có phải bỏ cả thân mạng chăng nữa, tôi cũng không dám vi phạm.

Bấy giờ Đức Như Lai mới nói pháp Bát kính vi diệu cho ta nghe. Lúc đó, ta vận dụng lòng đại bi, vì tất cả nữ nhân đời vị lai mà bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nếu sau này, trong đời xấu ác vẩn đục, có thiện nữ nào đối với Phật pháp, sinh lòng kính mến, thì xin Thế Tôn cũng nhận cho được dự vào Phật pháp.

Khi ấy, Phật bảo ta:

– Quý hóa thay! Nếu sau này có những thiện nữ, biết hộ trì Phật pháp, theo thứ lớp mà tu tập, giữ giới, bố thí, học rộng, tu các pháp thiện, tại gia hay xuất gia, thọ Tam quy hoặc trì Ngũ giới, hay giữ đủ các giới, tu các pháp Lục độ và các pháp trợ đạo, ta sẽ cho được tùy ý mà tu tập và cũng đạt được ba thứ quả báo ở cõi người, cõi trời và đạo quả Vô thượng.

Nghe Phật nói thế, lòng ta vui sướng vô cùng, ta liền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân chúng con mà được ba thứ quả báo ấy, thì chính là nhờ ân Phật.

Phật nói:

– Đừng nghĩ như thế, Như Lai không hề có ân đối với chúng sinh, Như Lai không bao giờ kể có ân. Nếu kể ân tức là phá bỏ tâm bình đẳng của Như Lai. Nên biết rằng, đối với chúng sinh nếu Như Lai còn kể có ân hay không ân, thì Như Lai không có tâm bình đẳng. Vì sao vậy? Vì nếu chúng sinh nào đem lòng hủy hoại Phật, Như Lai không giận, hoặc có chúng sinh lấy hương chiên-đàn mà ướp vào thân Như Lai, Như Lai cũng không mừng. Như Lai đối với tất cả chúng sinh đều bình đẳng, không còn phân biệt oán, thân. An là ân của Tôn giả A-nan, chớ không phải của Như Lai. Là vì nhờ có Tôn giả A-nan mà nữ nhân mới được vào Phật pháp. Vậy nên đời sau, các Tỳ-kheo-ni và tất cả những người thiện nữ thường phải hết lòng ghi nhớ ân của Tôn giả A-nan, nhắc nhở danh hiệu, cung kính, cúng dường, tôn trọng tán thán, đừng để dứt mất. Nếu không thể làm được như thế luôn luôn, thì đêm ngày sáu thời, cũng phải để tâm ghi nhớ.

Bấy giờ, Sư trưởng Kiều-đàm-di bảo các vị Tỳ-kheo-ni và tất cả mọi thiện nữ:

– Chúng ta phải nên dốc lòng quy kính Đại sư A-nan. Nếu thiện nữ nào muốn cầu sự yên ổn và quả báo tốt đẹp, cứ đến ngày mùng tám tháng hai, hoặc mùng tám tháng tám, mặc áo sạch sẽ, dốc lòng thọ trì pháp Bát trai giới, ngày đêm sáu thời siêng tu tinh tấn, thì Đại sư A-nan sẽ dùng sức uy thần, tùy nguyện giúp đỡ, khiến được như ý.

Nghe pháp xong, đại chúng đều vui mừng, nhiễu quanh bên phải và lui ra.

□

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN

QUYỂN 6

Phẩm 8: ƯU-BA-LY

Bấy giờ, đại chúng vây quanh Đức Thế Tôn, cúng dường, cung kính, tôn trọng tán thán.

Lúc đó Tôn giả A-nan nhận thấy trong tâm của đại chúng đều có điểm ngờ vực, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, tại sao Đức Thế Tôn lại nhận cho Ưu-ba-ly, là người hạ tiện, theo Phật xuất gia? Việc đó là sự hủy nhục cho hàng đệ tử Phật, lại khiến cho các dòng Vương tôn quý tộc sinh lòng bất kính, do vậy mà tổn mất phúc điền và cũng khiến cho con vua Bạch Tịnh là Tỳ-kheo Nan-đà sinh lòng khinh mạn?

Phật bảo Tôn giả A-nan và đại chúng:

– Các ông nghe cho kỹ! Các ông có thể nói Như Lai không có lòng bình đẳng, không có tâm đại bi, không có năm trí, không có chánh định, nhưng các ông không được nói rằng Ưu-ba-ly là người hạ tiện, tu tập hạnh hạ tiện, nguyện hạ tiện và tinh tấn hạ tiện. Các ông có thể nói Như Lai còn phiền não, thay đổi không thường, nhưng các ông không được nói Ưu-ba-ly là người hạ tiện đi xuất gia.

Như Lai dùng trí nhận biết đúng khắp, mà nói những lời chân thật, vậy các ông nên tin theo lời Phật. Như Lai khi thấy rõ được sự sinh tử là tai họa mà một mình giác ngộ thành Phật, thì Ưu-ba-ly cũng theo Phật xuất gia, chứng được ba minh, sáu thông và đầy đủ các môn giải thoát, các chúng cõi trời, người đều sinh lòng ngưỡng mộ. Ưu-ba-ly là người giữ luật vào bậc nhất, hộ trì chánh pháp xứng đáng lãnh nhận sự cúng dường, khiến cho chúng sinh thành tựu được ba thứ diệu quả, nghĩa là: quả báo ở đời này, đời sau và nhiều kiếp sau nữa. Bởi thế, các ông nên biết, Ưu-ba-ly là một vị Bồ-tát đại bi, có những công hạnh kỳ đặc vi diệu. Ở những kiếp quá khứ với vô lượng trăm ngàn vạn ức các cõi Phật. Ưu-ba-ly đã từng vun trồng các cội công đức, trong giáo pháp của Phật Thích-ca Mâu-ni, Ưu-ba-ly cũng là người trì luật thứ nhất.

Khi nghe Phật tán thán mật hạnh của Tôn giả Ưu-ba-ly, Tỳ-kheo Nan-đà mới khởi tâm cung kính, liền đứng dậy đến lễ Tôn giả Đại Kiều-trần-như và lần lượt các vị đệ tử khác. Nhưng khi đến trước Tôn giả Ưu-ba-ly thì Nan-đà chỉ cúi đầu, rồi ngẩng lên và chắp tay đứng nhìn. Lúc đó, Đức Như Lai vì Nan-đà nói kệ:

Nan-đà, phải nên biết
Chớ khinh người nghèo cùng
Đừng cậy mình giàu sang
Xuất gia không phân biệt.

Nan-đà nghe Phật chỉ dạy những điều lợi lạc, sinh lòng vui mừng, liền sửa lại y phục, rồi cúi đầu lễ chân Tôn giả Ưu-ba-ly. Lúc ấy trời đất đều rung động. Nan-đà thấy mình khoan khoái, nhẹ nhàng tức thì chứng được đạo quả A-la-hán mà vào địa vị của bậc Vô học.

Bấy giờ Phật bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

– Ông hãy thuyết pháp, nói rõ sự sai khác về Tam bảo, pháp Tứ đế, về tại gia, xuất gia, về thất chúng… nghĩa là ông hãy nói về Tam quy, Ngũ giới cho đến tất cả các giới, về giới làm lợi ích chúng sinh, giới diệt trừ phiền não, giới điều trị thân tâm, giới thiền định và giới vô lậu…, để làm cho ngôi Tam bảo được hưng thịnh.

Bấy giờ Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nhờ sức uy thần của Như Lai tiếp dẫn, hộ niệm, con xin hỏi Thế Tôn một vài điều không hiểu.

Nói xong, ngài tự suy nghĩ: "Thế nào là Tam bảo: Phật, Pháp và Tăng? Tam bảo nếu không có bản chất thì làm thế nào phân biệt mà nói được? Pháp, Tăng cũng khác nhau, vậy nếu quy y Tam bảo thì phụng hành thế nào? Còn Tam quy nếu chỉ là một thì không thể nói có ba, nếu nói Tam quy thì tại sao lại có bảy chúng khác nhau?"

Tự suy nghĩ thế rồi, Tôn giả Ưu-ba-ly mới bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nương nhờ về đâu mà gọi là quy y Phật?

Khi ấy Đấng Đại Giác Thế Tôn bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

– Phật là người đã giác ngộ, thấu suốt cả hai phần "tánh" và "tướng" của tất cả các pháp. Lại nữa, tất cả chúng sinh đang mê muội trong ba cõi, Phật đã đạt được đạo nhãn, tự mình đã thức tỉnh, lại thức tỉnh cho những chúng sinh còn mê muội kia, bởi thế mới gọi là giác. Phật đã thấu suốt tất cả mọi pháp và có thể thuyết minh về tất cả các pháp.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật:

– Thế nào gọi là Phật thuyết giảng về tất cả các pháp? Phật tùy thời cơ, thích ứng với chúng hội mà thuyết, hay chỉ thuyết cho từng nhóm người thôi?

Phật đáp:

– Phật theo căn tánh của chúng sinh và tùy thời cơ mà thuyết các pháp. Sau này các đệ tử kết tập Pháp tạng sẽ chia ra từng bộ loại một. Khi Phật thành đạo, vì các đệ tử mà nói ra giới luật, có giới khinh giới trọng, hữu tàng và vô tàng, kết tập thành Luật tạng. Khi Như Lai nói về nhân quả, tội phúc, các thứ ràng buộc, phiền não và các nghiệp nơi thân, khẩu, ý thì kết thành Luận tạng. Như Lai vì hàng trời, người, tùy thời thuyết pháp để khuyên họ tu tập, nói ra bộ Tăng nhất A-hàm. Sau lại vì những chúng sinh thông minh, nói các pháp cao sâu, gọi là Trung A-hàm, để cho những người có lợi căn theo đó mà tu tập. Sau nữa, nói các phép tọa thiền cho những người tu thiền định học tập, nên mới thành bộ Tạp A-hàm. Sau hết, vì phá trừ tà kiến của ngoại đạo mà nói ra bộ Trường A-hàm. Tất cả bốn bộ loại đó, sau kết tập thành Kinh tạng.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu Phật đã nói tất cả các pháp, thì tại sao một hôm Phật ngồi bên gốc cây, bốc một nắm lá hỏi các đệ tử là lá trong tay Phật nhiều hơn hay là lá trên cây nhiều hơn? Các đệ tử đều trả lời lá trên cây nhiều hơn. Lúc đó Phật bảo các đệ tử rằng, tất cả các pháp Phật đã thấu suốt cũng nhiều như lá trên cây. Còn các pháp Phật đã nói chỉ là lá trong bàn tay mà thôi. Vậy làm sao có thể nói là Phật đã thuyết tất cả pháp?

Phật trả lời:

– Tất cả các pháp đều có "biệt tướng" và "tổng tướng". Như Lai nói đã thuyết tất cả các pháp là nói về phần "biệt tướng" chứ không phải "tổng tướng". Không phải Như Lai không nói được phần "tổng tướng", nhưng nếu Như Lai nói phần "tổng tướng" thì chúng sinh không thể lãnh hội hết được. Các ông nên biết Như Lai đã thấu suốt tất cả các pháp, nhưng mới chỉ nói về phần "biệt tướng" của các pháp chứ chưa nói đến phần "tổng tướng".

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu Phật biết mà có thể nói được, thì các vị Thanh văn, Duyên giác, căn cứ vào chỗ hiểu biết cũng có thể nói được. Vậy tại sao các vị đó không thể xưng là Phật?

Phật đáp:

– Không thể được. Là vì Phật biết và nói đầy đủ cả hai phần "tánh",

"tướng" của các pháp; còn các vị Thanh văn, Duyên giác, tuy cũng biết và nói được, nhưng không thể nói hết "tánh", "tướng" của các pháp. Lại nữa, Phật hiểu thấu và có thể đặt tên cho các pháp, nhưng Thanh văn, Duyên giác thì không thể làm được. Lại nữa, Phật chứng được vô biên pháp và có thể nói mãi không cùng, nhưng hàng Nhị thừa thì không thể làm được. Lại nữa, có pháp "cộng" và "bất cộng" tức điều mà hàng Nhị thừa đạt được thì Phật cũng có, nhưng điều mà Phật có thì Nhị thừa chưa đạt được. Điều mà Thanh văn đã chứng được thì Tam thừa đều biết; điều mà Duyên giác đã chứng được thì Thanh văn và Bồ-tát cũng đều biết. Nhưng điều mà Phật đã chứng thì hàng Nhị thừa không thể biết được, chỉ Phật tự biết mà thôi. Lại nữa, tráp lớn thì nắp phải lớn, pháp lớn thì pháp tướng cũng vô cùng. Trí của Phật là trí không có bờ bến, cho nên Phật mới có thể thấu suốt và thuyết minh được tất cả các pháp, còn trí của hàng Nhị thừa là trí có hạn, nên Nhị thừa không thể thấu suốt được "tánh", "tướng" của tất cả pháp. Lại nữa, Phật đã chứng được cái trí biết như thực, nghĩa là đối với "tánh", "tướng", của pháp, Phật đều hiểu rõ như thực, còn hàng Nhị thừa hiểu các pháp chưa được hoàn toàn, chưa thấu suốt đến căn nguyên của "tánh" và "tướng", bởi thế không thể nói là đã chứng được trí biết như thực. Căn cứ vào những nghĩa nói trên, nên biết hàng Nhị thừa không thể xưng là Phật. Hơn nữa, chữ Phật không thể dùng tiếng mà truyền được, cũng không thể lấy nghĩa mà hiểu được. Còn thế nào gọi là Thế Tôn? Là người có thể biết hết các pháp đối trị. Lại nữa, ở thế gian ngôn ngữ bất đồng, nên người đời không thể hiểu được nhau, nhưng Phật thì hiểu biết tất cả, nên gọi Phật là Thế Tôn. Lại nữa, như Sắc Tỳ-kheo nói, Nhị thừa phàm phu tự nói đã chứng được các pháp, hoặc ưa nơi tĩnh mịch, hoặc thích thiền định, hay các pháp khác, nhưng giữ bí mật. Phật thì không thế, Phật chứng được các pháp, đều rủ lòng Từ bi mà nói cho người khác nghe. Lại nữa, vì Phật đã diệt trừ được tham, sân và si, nên gọi là Thế Tôn.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Nhị thừa cũng đã phá trừ được tham, sân, si, tại sao lại không thể xưng là Thế Tôn?

Phật trả lời:

– Không thể được, vì hàng Nhị thừa đối với tâm Đại thừa còn có khi thoái chuyển, Phật thì không bao giờ thoái chuyển. Thoái chuyển có ba: một là, đã chứng quả mà còn thoái chuyển; hai là chưa chứng quả mà đã thoái chuyển; ba là đã đến chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển.

Đã chứng quả mà thoái chuyển là nói ngôi Thanh văn đã chứng được

quả thứ ba mà còn có khi thoái chuyển. Chỉ có quả thứ tư là A-la-hán thì mới không còn thoái chuyển. Còn như Trung thừa, nếu đã tu tập đủ trăm kiếp, đã thấu suốt được mười hai nhân duyên, thành Bích-chi-phật, cũng không còn thoái chuyển nữa. Nhưng nếu là Hạ thừa, chứng quả thứ ba mà thành Bích-chi-phật, thì vẫn còn thoái chuyển. Còn như Phật đã chứng quả rồi, thì không bao giờ thoái chuyển.

Chưa chứng quả mà thoái chuyển là nói những người của ba thừa, chưa chứng được quả mà đã thoái chuyển; nếu tu ba nghiệp của Tỳ-kheo mà lười biếng, hoặc tu tập các pháp không chăm chỉ, thì gọi là chưa chứng quả đã thoái chuyển.

Đã tới chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển là nói những người đã chứng được các pháp, mà không ứng dụng hiện tiền, như mười lực của Phật và mười trí của Tiểu thừa, mà chỉ ứng dụng một; hay phải tụng mười vạn lời kinh, mà không tụng, đều gọi là đã đến chỗ ứng dụng mà thoái chuyển.

Thanh văn chưa chứng quả mà thoái chuyển; Duyên giác và Độc giác cũng có khi chưa chứng quả mà thoái chuyển, nhưng Phật thì không bao giờ thế. Đối với tất cả hạnh tu tập, không bao giờ Phật biếng nhác. Nhị thừa đã đến chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển, chứ Phật thì nhất định không thế. Như trong mười lực mà chỉ dùng một, bỏ chín, nên gọi là thoái chuyển. Hoặc như tụng hai mươi vạn lời kinh, mà người phàm sức yếu, phải tụng một, hai ngày mới xong, nhưng Phật có thể tụng xong ngay. Thập lực cũng vậy, dùng là dùng liền, không bị ngăn lại. Cho nên Phật không có sự không dùng mà bỏ. Lại nói, Phật không có sự không dùng mà bỏ như khi mặc áo Nê-hoàn tăng, không phải thời không mặc. Như khi ở trong pháp của thế gian, khi làm bất cứ việc gì đều vì lợi ích của chúng sinh mà làm. Việc gì có lợi thì làm, không có lợi thì bỏ, chứ không phải không làm được, bởi thế Phật không có sự không dùng mà thoái chuyển. Tuy Phật hiểu suốt các pháp mà nói không nhất định là vì ý Phật sâu xa, không thể nghĩ bàn được.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Tại sao Thanh văn đã chứng đến quả A-na-hàm còn thoái chuyển? Nhưng chứng quả A-la-hán thì không thoái chuyển?

Phật đáp:

– Quả A-na-hàm đã từng được, cho nên thoái chuyển, còn quả A-la-hán thì chưa từng được, cho nên không thoái chuyển.

Cũng như người đang đói mà được ăn cỗ ngon, không bao giờ quên, ý nghĩa quả A-la-hán cũng vậy. Lại nữa, A-la-hán lấy nhẫn nhục làm đạo vô ngại, lấy trí tuệ làm đạo giải thoát, còn A-na-hàm lấy trí tuệ làm đạo vô

ngại và cũng lấy trí tuệ làm đạo giải thoát, cho nên còn thoái chuyển. Lại nữa, A-la-hán lấy sự hiểu biết như thực làm đạo, cho nên không thoái chuyển, còn A-na-hàm thì lấy tư duy làm đạo, cho nên còn thoái chuyển. A-na-hàm còn phải diệt hết vọng tưởng và trừ sạch tham, sân, si, ái, tà kiến, vô minh, nên còn bị tư duy bức bách. Nhưng A-la-hán thì tìm hiểu đạo như thực, nên không bị bức bách, vì đạo như thực không có bức bách. Thấy rõ được phần "vọng" tức thấy lý "chân". Như không cần tư duy nên không bị bức bách và vì thế không thoái chuyển.

Lại nữa, cái trí tìm hiểu của A-la-hán lớn mạnh như rường cột, chống đỡ mọi vật, nên không thoái; còn cái trí tư duy của A-na-hàm nhỏ, yếu, cho nên còn thoái.

Lại nữa, A-la-hán dùng tâm nhẫn nhục và trí tuệ để diệt trừ chín phẩm Tư hoặc ở dục giới, bảy mươi hai phẩm Kiết phược ở Sắc giới, cho nên không còn thoái chuyển. Căn cứ vào các nghĩa nói trên, nên biết Nhị thừa không thể xưng là Thế Tôn, mà chỉ có Phật mới được xưng là Thế Tôn.

Lại nữa, Phật đã dứt hết tập khí, nhưng Nhị thừa chưa đoạn hết. Chẳng hạn như Ngưu Ty Tỳ-kheo thường nhai như bò, là vì năm trăm kiếp trước phải đọa làm kiếp bò, bây giờ mới được làm người, nhưng cái tập khí nhai như trâu vẫn chưa hết. Hoặc như vị Tỳ-kheo kia, tuy đã chứng quả A-la-hán, nhưng thường thích soi gương, là vì những kiếp trước phải làm thân kỹ nữ.

Lại như một vị Tỳ-kheo kia, thường hay bám lấy bao lơn mà đánh đu, nhảy, nhót, là vì trong những kiếp trước bị đọa làm loài khỉ. Bởi thế Nhị thừa không được xưng là Thế Tôn.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Phàm đầu nơi các kinh thường có câu: "Chính tôi được nghe…" là lời của Tôn giả A-nan nói khi Phật còn ở đời thuyết pháp, Tôn giả được nghe như vậy. Nhưng khi hai mươi năm sau khi Phật thành đạo, Tôn giả A-nan mới theo Phật xuất gia. Như vậy, trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, Tôn giả A-nan không được nghe. Thế mà, tại sao sau khi Phật nhập Niết-bàn, lúc kết tập Pháp tạng, lại nói: "Chính tôi được nghe…".

Phật trả lời:

– Khi Tôn giả A-nan theo Như Lai xuất gia, có xin bốn điều như sau:

-Điều thứ nhất, xin Phật đừng cho con áo cũ của Phật.

-Điều thứ hai, xin Phật đừng bảo người khác mời con đi phó trai; con vì cầu pháp, vì cung kính Phật mà theo hầu bên Phật, chứ không phải vì cơm áo.

-Điều thứ ba, sớm tối, các vị Tỳ-kheo muốn được thấy Phật thì cứ việc vào, chứ con không phải vào bạch trước.

-Điều thứ tư, trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, con không được nghe, xin Phật nói lại hết cho con nghe.

Theo điều nguyện thứ tư, Như Lai phải truyền nhờ chư Thiên nói lại cho Tôn giả A-nan nghe. Cũng có khi Như Lai dùng tâm Tam-muội truyền cho Tôn giả A-nan; cũng có khi A-nan nghe lại từ các vị Tỳ-kheo khác.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

– Phật thuyết pháp trong hai mươi năm, làm thế nào có thể nói lại hết được?

Phật đáp:

– Như Lai dùng Trí phương tiện thiện xảo, cho nên trong một câu có thể diễn ra vô lượng pháp và trong vô lượng pháp có thể chỉ tóm tắt trong một câu. Nhờ lợi căn, Phật chỉ nói qua phần chính yếu của tám vạn pháp là Tôn giả A-nan thông hiểu hết cả.

Như một cái cây gồm có gốc, thân cây và cành, lá, gọi là một cây, Phật vì chúng sinh, trước sau nói pháp, gọi là một Tạng, như thế gọi là tám vạn pháp. Lại nói, Phật ngồi ở một nơi nói pháp, gọi là một Tạng, như thế là tám vạn pháp. Lại như mười sáu chữ, là nửa bài kệ, ba mươi hai chữ là một bài kệ, như thế cũng gọi là tám vạn pháp. Lại như một bài kệ dài hay ngắn, có bốn mươi hai chữ, cũng là một bài kệ, như thế cũng gọi là tám vạn pháp. Lại như nửa tháng một lần tụng giới, cũng gọi là một Tạng, như thế cũng là tám vạn pháp. Lại như Phật tự nói, có tám vạn trần lao, thì có tám vạn pháp tạng để đối trị, cho nên gọi là tám vạn pháp tạng.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

– Tại sao Kinh, Luận không lấy Phật làm đầu, mà chỉ có Luật tạng là lấy Phật làm đầu?

Phật trả lời;

– Vì Luật là hơn hết và chỉ có Phật mới chế ra Luật mà thôi. Còn trong Kinh cũng có khi các đệ tử thuyết pháp, cũng có khi Thiên, Long, Bát bộ, do Phật hỏi mà nói pháp, chẳng hạn như Thích Đề-hoàn Nhân tự nói rằng bố thí là đệ nhất, vì ông đã nhờ công đức bố thí mà được làm vua cõi Trời, được mọi điều như ý và Phật cũng cho như thế là phải. Lại cũng có khi Phật hóa thành các vị Hóa Phật thuyết pháp. Nhưng Luật thì không thế. Tất cả luật nghi đều do Phật thuyết, vì thế nên lấy Phật làm đầu.

Lại nữa, Kinh thì tùy nơi thuyết pháp mà có quyết định, Luật thì

không thế. Nếu phạm luật trong nhà thì không được kết tội ngay, mà phải ra ngoài để kết tội. Nếu ở nhà người bạch y làm điều gì phạm luật, phải ra trước chúng Tăng để buộc tội; nếu ở trong làng xóm mà phạm luật, cũng phải ra trước chúng Tăng để buộc tội; nếu trong năm chúng xuất gia mà làm điều phạm luật, thì phải ra trước các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà buộc tội, bởi thế cho nên lấy Phật làm đầu…

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Tam quy lấy gì làm tánh?

Phật trả lời:

– Tam quy lấy chỗ người khác dạy làm tánh, hoặc không theo người dạy làm tánh. Nghĩa là: khi thọ Tam quy, quỳ gối, chắp tay, miệng theo người xướng, mà đọc Tam quy, thế là cả thân, khẩu đều theo người dạy, bởi vậy lấy chỗ người dạy làm tánh. Nếu dốc lòng chí kính, tự mình xướng hiệu Tam quy, không theo người khác, thế gọi là lấy chỗ không theo người khác làm tánh.

Lại nữa, Tam quy lấy thân, khẩu, ý, tức tam nghiệp, làm tánh. Hoặc Tam quy là Ngũ ấm thiện; lấy Ngũ ấm thiện của chúng sinh làm Tam quy. Lấy Tam bảo làm chỗ quy hướng, chỗ quy hướng là nói theo nghĩa cứu hộ. Ví như người có tội đối với nhà vua, chạy sang nước khác để cầu cứu. Vua nước ấy nói: "Nếu nhà ngươi muốn được che chở, thì không được ra khỏi nước ta và không được trái lệnh ta". Chúng sinh cũng vậy, vốn thuộc dòng ma, có tội sinh tử, quay về Tam bảo để cầu sự cứu hộ. Nếu thành tâm tin tưởng nơi Tam bảo, không tin chỗ khác, không trái lời Phật dạy, thì Ma vương tà ác chẳng làm gì được.

Ngày trước có một con chim bồ câu bị một con chim cắt đuổi, bay đến núp sau bóng Tôn giả Xá-lợi-phất, nhưng vẫn thấy sợ hãi. Sau nó bay đến núp nơi bóng Như Lai thì thấy thản nhiên, không còn sợ; dù cho bể lớn có thể dời đi, nhưng con chim đó thì bất động. Sở dĩ thế là vì Phật có đức đại từ, đại bi, còn Tôn giả Xá-lợi-phất chưa có được lòng đại từ bi; Phật đã hết tập khí, nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất vẫn còn. Phật đã tu hạnh Bồ-tát trong ba a-tăng-kỳ kiếp, Tôn giả Xá-lợi-phất mới tu tập khổ hạnh trong sáu mươi kiếp. Do đó, chim bồ câu núp bóng Tôn giả Xá-lợi-phất vẫn còn sợ hãi, mà núp bóng Phật thì thản nhiên không còn sợ.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu nói quy y Tam bảo thì diệt trừ được tội ác, lòng được yên vui, thì sao Đề-bà-đạt-đa cũng quy y Tam bảo, tín tâm xuất gia, thọ giới cụ túc, mà còn phạm tội tam nghịch, đến nỗi phải bị đọa vào địa ngục A-tỳ?

Phật đáp:

– Nói cứu hộ là cứu những người còn có thể cứu được mà thôi. Tội ác của Đề-bà-đạt-đa quá sâu nặng, hơn nữa, lại vì định nghiệp nên khó cứu nổi.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu người tội nặng mà Phật không thể cứu được thì người không có tội, không cần Phật cứu. Vậy tại sao lại nói Tam bảo có sức cứu hộ?

Phật đáp:

– Đề-bà-đạt-đa tuy quy y Tam bảo, nhưng tâm không thành thật, không đủ Tam quy, thường ham danh lợi, tự cho mình là người hiểu biết tất cả, cạnh tranh với Phật, cho nên Tam bảo dù có sức lớn, cũng không thể cứu nổi. Như vua A-xà-thế, tuy phạm tội nghịch, đáng phải bị đọa vào địa ngục A-tỳ, nhưng nhờ lòng chí thành, biết cầu Phật ăn năn, nên giảm tội A-tỳ, chỉ phải đọa vào địa ngục Hắc thằng, cũng như những tội nhân khác, chỉ trong bảy ngày đều được thoát tội. Đó là nhờ sức cứu độ của Tam bảo.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi:

– Nếu tội của Đề-bà-đạt-đa không thể cứu được thì tại sao có Kinh nói: "Nếu người nào quy y Phật, không phải sa vào ba đường ác", là nghĩa gì?

Phật trả lời:

– Nhờ có quy y Tam bảo nên dù phải vào địa ngục A-tỳ, nhưng Đề-bà-đạt-đa cũng bớt phần khổ cực và cũng có lúc được tạm nghỉ. Lại như có người ở trong rừng núi, hay chỗ hoang vắng đáng sợ, nếu họ tưởng niệm đến công đức của Phật, thì sự rùng rợn sẽ tiêu tan. Như thế thì sự quy y Tam bảo không phải là vô ích.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Trong Tứ đế thì Tam bảo thay thế cho đế nào? Trong hai mươi hai căn thì Tam bảo thay cho căn nào? Trong mười tám giới, Tam bảo thay cho giới nào? Trong mười hai nhập, năm ấm, Tam bảo thay cho nhập nào, ấm nào?

Phật đáp:

– Trong Tứ đế thì Tam bảo thay cho Diệt đế và một phần Đạo đế. Trong hai mươi hai căn, Tam bảo thay cho ba căn, tức là căn chưa biết, căn biết rồi và căn muốn biết. Trong mười tám giới, Tam bảo thay cho ý căn giới, ý thức giới và pháp trần giới. Trong mười hai nhập, Tam bảo thay cho ý nhập và pháp nhập. Trong năm ấm, Tam bảo thay cho năm ấm vô lậu.

Trong Tứ đế, Phật bảo thay cho phần Đạo đế, Pháp bảo thay cho Diệt đế và Tăng bảo cũng thay cho một phần Đạo đế. Trong hai mươi hai căn, Phật bảo thay cho căn muốn biết; Pháp bảo vì là Diệt đế vô vi nên không thay cho căn nào. Còn Tăng bảo thay cho ba căn vô lậu. Trong mười tám giới, Phật bảo thay cho một phần ý căn giới, ý thức giới và pháp trần giới; Pháp bảo thay cho một phần pháp trần giới; Tăng bảo thay cho một phần ý căn giới, ý thức giới và pháp trần giới. Trong mười hai nhập, Phật bảo thay cho một phần ý căn nhập và pháp trần nhập; Pháp bảo thay cho một phần pháp trần nhập, Tăng bảo cũng thay một phần ý căn nhập và pháp trần nhập. Trong năm ấm, Phật bảo thay cho một phần năm ấm vô lậu, Pháp bảo thì không thay cho năm ấm, vì năm ấm thuộc về hữu vi, còn Pháp bảo thuộc về vô vi. Tăng bảo thay cho một phần năm ấm vô lậu.

Hỏi:

– Quy y Phật là quy y Phật Thích-ca Văn hay quy y Phật cả ba đời?

Phật trả lời:

– Quy y Phật ba đời, vì Pháp thân của Phật cùng một thể, cho nên quy y một Đức Phật tức là quy y chư Phật ở ba đời.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu nói quy y chư Phật ba đời, thì tại sao các người ở cõi trời, mỗi người đều tự xưng là đệ tử của một Đức Phật trong bảy vị Phật. Chẳng hạn, người thì nhận mình là đệ tử của Phật Ca-diếp, người thì nhận mình là đệ tử của Phật Câu-lưu-tôn… Như vậy, thì chỉ nên nói là quy y một Đức Phật, chứ không nên nói là quy y chư Phật ba đời.

Phật trả lời:

– Không nên nói thế. Vì sao? Vì trong Kinh Tỳ-sa-môn nói: "Thiên vương Tỳ-sa-môn quy y Tam bảo, là quy y chư Phật ở quá khứ, hiện tại và vị lai". Theo nghĩa đó thì phải nói là quy y chư Phật ba đời.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu thế thì như các người nơi cõi trời kia đều tự nhận mình là đệ tử của một Đức Phật, nghĩa ấy như thế nào?

Phật đáp:

– Không thể căn cứ vào lời chư Thiên nói mà cho là nghĩa nhất định được. Chư Thiên nhận là quy y một Đức Phật, nhưng thật ra thì quy y chư Phật ở ba đời, song chỉ lấy một vị Phật đã xuất hiện nơi thế gian để chứng minh thôi.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Quy hướng vào đâu gọi là quy y Phật?

Phật đáp:

– Quy y Phật nghĩa là quay về với cái bản tánh chân như, đầy đủ trí tuệ công đức của mình.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Như vậy thì quy y Sắc thân hay quy y Pháp thân?

Phật trả lời:

– Quy y Pháp thân chứ không quy y Sắc thân. Đừng tưởng Sắc thân là Phật; nó chỉ là cái thân hư vọng mà thôi.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu Sắc thân là hư vọng, không phải Phật, thì tại sao Đề-bà-đạt-đa làm cho thân Phật chảy máu, lại mắc tội nghịch lớn?

Phật trả lời:

– Sắc thân tuy là giả dối, nhưng là chỗ nương tựa của Pháp thân, nghĩa là Pháp thân phải nương tựa vào Sắc thân; cho nên làm hại Sắc thân tức là làm hại thân Phật, vì thế mà phạm tội đại nghịch.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Nương tựa vào đâu gọi là quy y Pháp?

Phật đáp:

– Đoạn trừ tất cả dục vọng để hướng về Niết-bàn, thế gọi là quy y Pháp.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Như thế thì quy y sự vô dục của chính mình hay quy y sự vô dục của người khác?

Phật trả lời:

– Quy y sự vô dục của chính mình và cả sự vô dục của người, gọi là quy y Pháp.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Quy y Tăng là quy y vào đâu?

Phật đáp:

– Quy y Tăng là hướng về ruộng phúc tốt lành, nghĩa là hướng tới quả vị Thanh văn hữu học và vô học, đầy đủ công đức. Thế gọi là quy y Tăng.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Thế thì quy y Tục đế Tăng hay quy y Đệ nhất nghĩa Tăng? Nếu quy

y Đệ nhất nghĩa Tăng thì vì lẽ gì khi Phật trao truyền Tam quy cho hai người lái buôn là Đề-vị và Ba-lợi, Phật lại dặn họ: "Sau này có Tăng, các ngươi phải nên quy y." Sao Phật không nói: "Đệ nhất nghĩa Tăng thường ở thế gian, các ngươi phải nên quy y"?

Phật trả lời:

– Vì Tục đế Tăng là chỗ nương dựa của Đệ nhất nghĩa Tăng, cho nên Như Lai mới nói sau này có Tăng, họ phải quy y. Và Như Lai nói thế cũng là vì muốn tôn trọng Tục đế Tăng. Phật tự nói: Tất cả trong chúng thì Phật là đệ nhất. Giống như từ sữa mà có ra lạc, từ lạc có ra tô, từ tô có ra đề hồ, đề hồ là chất đặc biệt hơn hết. Chúng đệ tử Phật cũng lại như vậy. Nếu có chúng Tăng tập họp ở trong đó thì bốn phương bốn hướng được ruộng phúc vô thượng. Cho nên trong tất cả chín mươi sáu loại thì Tăng là tối tôn tối thượng không ai bì kịp. Vì vậy nói sau này có Tăng hai vị ấy nên quy y. Chớ làm tổn thương nghĩa chân chánh.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Phật cũng là Pháp, Pháp cũng là Pháp, mà Tăng cũng là Pháp, như thế là chỉ có một Pháp, chứ không có gì sai khác?

Phật trả lời:

– Tuy là một Pháp, nhưng theo nghĩa mà nói thì có khác nhau. Chẳng hạn, nói về Tam bảo thì Vô sư trí, quả vị Vô học và tất cả công đức là Phật bảo; Diệt đế vô vi là Pháp bảo. Công đức, trí tuệ, của quả vị Thanh văn hữu học và vô học là Tăng bảo.

Nói về Pháp, thì Trí vô sư và Pháp vô học là Phật bảo; Diệt đế vô vi, không phải pháp hữu học, cũng không phải pháp vô học, là Pháp bảo. Thanh văn hữu học và vô học là Tăng bảo. Nói về căn thì Phật là căn vô tri, Pháp thì không căn, Tăng là ba căn vô lậu. Nói về Tứ đế thì Phật là một phần của Đạo đế, Pháp là Diệt đế, Tăng là một phần Đạo đế. Nói về quả Sa-môn thì Phật là Sa-môn, Pháp bảo là quả Sa-môn; Tăng là Sa-môn, Pháp bảo là quả Sa-môn. Nói về Bà-la-môn thì Phật là Bà-la-môn, Tăng cũng là Bà-la-môn, Pháp bảo là quả Bà-la-môn. Nói về phạm hạnh thì Phật là phạm hạnh, Pháp bảo là quả phạm hạnh, Tăng là phạm hạnh, Pháp bảo là quả phạm hạnh. Nói về nhân quả thì Phật là nhân, Pháp bảo là quả, Tăng là nhân, Pháp bảo cũng là quả. Nói về Đạo quả thì Phật là Đạo, Pháp bảo là quả, Tăng là Đạo, Pháp bảo cũng là quả. Phật lấy Pháp làm thầy, Phật do Pháp sinh ra, Pháp là mẹ của Phật, Phật nương vào Pháp mà trụ.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Phật lấy pháp làm thầy vậy tại sao trong Tam bảo lại không xưng

Pháp trước?

Phật đáp:

– Pháp tuy là thầy, nhưng nếu không có Phật thì Pháp không được mở rộng, bởi vậy thường nói: "Đạo do người mở mang", cho nên Phật đứng đầu Tam bảo là thế.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Phật:

– Bạch Thế Tôn, nếu khi thọ Tam quy, xưng Pháp trước rồi sau mới xưng Phật, có được không?

Phật trả lời:

– Nếu người không hiểu biết, đọc không theo thứ tự, họ không mắc tội, cũng thành Tam quy được. Nhưng nếu người hiểu biết, mà cố tình đọc sai thứ lớp thì phải mắc tội và không thể thành Tam quy được.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu chỉ xưng Phật và Pháp, mà không xưng Tăng, có thành Tam quy không? Hoặc xưng Pháp và Tăng mà không xưng Phật, có thành Tam quy không? Hay chỉ xưng Phật và Tăng mà không xưng Pháp, có thành Tam quy không?

Phật đáp:

– Tất cả đều không thành Tam quy, vì không đủ Tam bảo.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu không thọ Tam quy mà thọ ngay Ngũ giới, có được không? Hoặc không thọ Tam quy mà thọ ngay Bát giới, có thành không? Hay không thọ Tam quy có được thọ Thập giới chăng? Nếu không bạch Tứ Yết-ma, có được thọ giới Cụ túc không?

Phật trả lời:

– Tất cả đều không được. Nếu muốn thọ Ngũ giới, trước phải thọ Tam quy. Thọ Tam quy xong, mới được thọ Ngũ giới. Sở dĩ phải nói tên của năm giới là vì muốn cho người thọ biết rõ tên các giới, cũng như bạch bốn lần Yết-ma rồi mới được thọ giới Cụ túc. Còn phải nói đến bốn Y, bốn Đọa và mười ba Tăng tàn, cũng là vì muốn cho người thọ giới biết rõ. Thọ Tam quy xong, nói đến giới sát,… bấy giờ mới được giới. Nếu một giới giữ được thì năm giới cũng có thể giữ được, bởi thế nói một giới mà gồm được cả năm giới. Hơn nữa, trong năm giới phân biệt rõ ràng, nên tự ý phát nguyện thọ cả năm giới. Nói thọ năm giới rồi sau được giới, song trong tất cả thuyết nói trên, đều phải thọ Tam quy rồi mới thọ Ngũ giới, như thế mới đúng nghĩa. Giống như đã bạch Tứ Yết-ma thọ tám giới thọ mười giới hay

năm giới như trước đã nói.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Như một người Ưu-bà-tắc trước đã thọ Tam quy rồi sau nếu muốn thọ năm giới, tám giới hoặc mười giới, thì có cần phải thọ lại Tam quy nữa không?

Phật đáp:

– Không cần phải thọ Tam quy nữa cũng được các giới, vì trước đã thọ Tam quy rồi.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu trước không thọ Tam quy mà bạch ngay Tứ Yết-ma, thì có được giới Cụ túc không?

Phật đáp:

– Nếu thọ năm giới, tám giới và mười giới, thì trước cần phải thọ Tam quy rồi sau mới thọ các giới đó, mới thành giới. Nhưng nếu thọ giới Cụ túc thì cần phải bạch Tứ Yết-ma mới thành được giới, chứ không cần phải thọ Tam quy trước. Là vì công đức của giới Cụ túc rất sâu dầy, nếu không nhờ nhiều duyên sức khác thì không thành được giới. Cho nên Tam quy không đủ mà phải có ba vị Hòa thượng và bảy vị Tôn chứng, bạch Tứ Yết-ma mới thành được giới Cụ túc. Còn như năm giới, tám giới và mười giới ít công đức, cho nên, nếu thọ Tam quy là được thành giới, không cần nhiều duyên sức khác như giới Cụ túc.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Tại sao khi thọ giới Cụ túc rồi chỉ nói đến bốn tội Đọa và mười ba tội Tăng tàn, mà không nói đến các giới khác.

Phật đáp:

– Hai đoạn giới này là những giới nặng nhất, nếu phạm một giới, khó trở lại thanh tịnh được. Tuy có thể trở lại thanh tịnh được nhưng cách sám hối rất khó. Người phạm giới này phải hành pháp Ba-lợi-bà-sa và Ma-na-đỏa, sau phải đối trước hai mươi vị Tăng mà sám hối mới được thanh tịnh. Những giới đó rất khó giữ, còn các giới khác thì dễ giữ, cho nên không cần nói. Bởi thế chỉ nói đến hai đoạn bốn Đọa và mười ba Tăng tàn, mà không nói đến những đoạn khác.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Giới Ba-la-đề-mộc-xoa này là Vô lậu giới hay Thiền giới?

Phật đáp:

– Không phải Vô lậu giới, cũng không phải Thiền giới. Nếu có Phật

ra đời thì mới có giới Ba-la-đề-mộc-xoa, nếu không có Phật ra đời thì không có. Nhưng Thiền giới và Vô lậu giới thì dù có Phật ra đời hay không, lúc nào cũng có cả. Giới Ba-la-đề-mộc-xoa phải do người dạy, còn Thiền giới và Vô lậu giới không do người dạy. Giới Ba-la-đề-mộc-xoa phải có người truyền, còn Thiền giới và Vô lậu giới không cần người truyền. Bất luận lúc ngủ hay thức, tâm thiện, tâm ác, hay tâm không thiện, không ác, lúc nào cũng có giới Ba-la-đề-mộc-xoa, nhưng Thiền giới và Vô lậu giới thì chỉ trong tâm Thiền định và tâm Vô lậu mới có, ngoài ra trong các tâm vọng niệm thì không có. Giới Ba-la-đề-mộc-xoa chỉ có ở cõi Dục, còn giới Vô lậu và Thiền giới thì ở cõi Dục cũng như cõi Sắc, đều thành tựu cả. Giới Ba-la-đề-mộc-xoa chỉ đệ tử Phật mới có, nhưng Thiên giới thì không những đệ tử Phật mới có mà cả đệ tử ngoại đạo cũng có.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Trong năm giới của Ưu-bà-tắc, thì giới nào là tánh tội, giới nào là tội cấm?

Phật trả lời:

– Bốn giới: sát sinh, trộm cắp, tà dâm và nói dối là tánh tội, còn giới uống rượu là tội cấm. Vì uống rượu mà có thể phạm bốn giới kia, cho nên đặt thành giới thứ năm. Uống rượu là nguồn gốc của sự buông lung, càn rỡ, có thể dễ phạm vào bốn giới khác. Như trong thời Đức Phật Ca-diếp, có một người Ưu-bà-tắc, vì say rượu mà phạm gian với vợ người khác, bắt gà của người ta mà giết, đến khi người ta hỏi tại sao thì chối là không làm gì cả. Vì say rượu, có thể trong một lúc phá cả bốn giới. Lại vì say rượu, có thể gây nên bốn tội nghịch nữa, duy có tội phá hòa hợp Tăng là không thể gây được mà thôi. Tuy không phải là nghiệp của nhiều đời, nhưng vẫn phải chịu quả báo cuồng loạn, vì uống rượu nên tâm hồn trở nên mê man, rối loạn, cũng như người điên. Lại cũng vì say rượu mà bỏ mất chánh nghiệp, như: ngồi thiền, tụng kinh hoặc giúp đỡ công việc trong chúng. Do đó, uống rượu tuy không phải là tánh tội, nhưng cũng không khác gì tánh tội.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Phật:

– Trong năm giới của Ưu-bà-tắc thì chỉ đối với chúng sinh mới là giới cấm, không được phạm, hay đối với các loài không phải là chúng sinh, như Thiên, Long, Quỉ, Thần… cũng là giới cấm, không được phạm? Lại nữa, đối với chúng sinh có thể giết hại, có thể trộm cướp, có thể tà dâm, có thể nói dối, thì mới là giới cấm, không được phạm. Còn đối với Thiên, Long, Quỉ, Thần, không phải là chúng sinh, không thể sát hại, không thể trộm cướp, không thể tà dâm, không thể nói dối, cũng là giới cấm, không

được phạm sao?

Phật trả lời:

– Đối với chúng sinh thì có bốn giới đầu, đối với loài không phải là chúng sinh, thì có giới cấm thứ năm. Nhưng, nếu nói rộng ra, thì dù chúng sinh có thể giết hại, không thể giết hại, có thể trộm cướp, không thể trộm cướp, có thể tà dâm, không thể tà dâm, có thể nói dối, không thể nói dối, tất cả đều có giới cấm, không được phạm. Dưới từ địa ngục A-tỳ, trên từ cõi trời Phi phi tưởng và trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến Như Lai, tất cả mọi loài có sinh mệnh, đều có giới cấm, không được phạm, vì ngay lúc thọ giới, tất cả không được sát hại, không được trộm cướp, không được tà dâm, không được nói dối. Bởi vậy, tất cả chúng sinh đều có giới cấm. Cho nên, phàm thọ giới pháp, trước phải nói các giới cho người ta nghe, chỉ bày, giải thích cho người ta hiểu, để lượng sức mình xem có lãnh thọ được không, nếu được họ sẽ sinh lòng khao khát, do đó mới phát tâm tinh tấn mà tu trì.

Còn phép thọ giới, thì tất cả chúng sinh đều có bốn giới và bốn giới này lại khác nhau, nên thành mười hai giới. Chẳng hạn, không được giết hại, không được trộm cướp, không được tà dâm, không được nói dối, mà nếu phạm vào bốn giới đó, đều do ba nguyên nhân: một là vì tham, hai là vì sân; ba là vì si. Như vậy thì ai ai cũng có mười hai điều ác và nếu làm trái lại với mười hai điều ác ấy, thì thành được mười hai giới thiện. Tất cả mọi loài chúng sinh đều như thế, ví thử một trăm vạn hay ngàn vạn vị A-la-hán được vào Niết-bàn, thì từ vị La-hán đầu tiên cho đến vị La-hán cuối cùng, đều do công đức trì giới mà được thành tựu đạo quả. Nhưng đừng tưởng rằng các vị La-hán đã chứng quả thì các giới cũng không còn nữa đâu. Chẳng hạn đã thọ giới "không uống rượu" thì trọn đời không uống rượu và khi thọ giới đã phát nguyện, dù khắp trong ba ngàn thế giới có các thứ rượu, cũng không bao giờ uống. Giả sử không còn ai làm rượu chăng nữa, thì giới đó vẫn thường được trì, mà không bị bỏ mất.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Một người trước khi thọ giới, đối với tất cả nữ nhân không phạm giới dâm, nhưng sau lại lấy vợ thì có phạm giới dâm không?

Phật đáp:

– Không phạm. Là vì đối với tất cả nữ nhân không được tà dâm, nhưng đây là vợ mình, thì không phải tà dâm, nên không phạm giới đó. Lấy nghĩa ấy mà suy ra, thì tất cả đều thế. Tám giới, mười giới, chúng sinh hay Thiên, Long, Quỉ, Thần, được giới cũng thế. Trong hai trăm năm

mươi giới, thì hết thảy chúng sinh đều được bảy giới.

Trong bảy giới này, phân biệt về nghĩa, thì có hai mươi mốt giới. Thí dụ: chúng sinh nào thân tạo ba điều ác và miệng tạo bốn, thành bảy điều ác, thì khi tạo những điều ác đó phải có đủ ba yếu tố: một là vì tham, hai là vì sân và ba là vì si. Do ba yếu tố đó mà gây nên bảy điều ác, cho nên ba bảy thành hai mươi mốt giới ác. Nếu làm trái lại hai mươi mốt giới ác ấy thì thành được hai mươi mốt giới thiện. Một chúng sinh được hai mươi mốt giới tướng như thế thì tất cả chúng sinh khác cũng vậy. Lấy đó mà suy, thì trong một lúc có thể được vô lượng giới, nhưng không thể phạm hết các giới trong một lúc, song có thể xả tất cả giới trong một lúc.

Nói về phép phá giới, nếu phá bốn giới nặng thì kể như mất giới, nếu phá giới rồi, sau thọ lại, cũng không được giới. Chẳng hạn như đã phá một giới nặng trong Bát trai giới, sau lại thọ tám giới, năm giới, mười giới, hoặc hai trăm năm mươi giới, thiền giới và giới vô lậu, hết thảy đều không được. Nếu trong năm giới mà phá hết bốn giới nặng rồi, sau có thọ tám giới, mười giới, giới Cụ túc, giới vô lậu hay thiền giới, đều không thành giới. Nếu phá cả năm giới rồi, muốn xả năm giới để thọ mười giới thì lại không thể được nữa. Nếu đã phá và xả năm giới, tám giới, mười giới, Cụ túc giới, Vô lậu giới và Thiền giới, hết thảy đều không được. Nếu đã phá những giới nặng trong mười giới và giới Cụ túc, muốn được giới lại nên xả giới để thọ lại, thì cũng như trong năm giới đã nói ở trên, nghĩa là không được.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Thiền giới, Vô lậu giới và Ba-la-đề-mộc-xoa, trong ba giới đó thì giới nào hơn hết?

Phật đáp:

– Ba-la-đề-mộc-xoa hơn hết. Là vì nếu Phật có ra đời thì mới có giới này còn Thiền giới và Vô lậu giới thì thời nào cũng có. Chỉ có loài người mới được thọ trì Ba-la-đề-mộc-xoa giới, còn Thiền giới và vô lậu giới thì người cũng như Trời đều được cả. Đối với tất cả chúng sinh, phải sinh lòng thương xót, mới được thọ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, còn Thiền giới và Vô lậu giới thì không do lòng Từ bi cũng được. Sở dĩ duy trì được Phật pháp, là nhờ có bảy chúng; đạo quả của Tam thừa còn mãi ở thế gian, không bao giờ dứt, đều là nhờ lấy Ba-la-đề-mộc-xoa làm gốc. Thiền giới, Vô lậu giới thì không thế, cho nên trong ba cõi, Ba-la-đề-mộc-xoa giới là tôn quý hơn hết.

Khi sắp thọ giới, bạch Tứ Yết-ma rồi là giới tướng đã thành tựu. Một niệm về giới tướng lúc ban đầu gọi là thiện nghiệp, cũng gọi là đạo nghiệp.

Nhưng nếu có một niệm ban đầu rồi, sau mới có giới tướng, thì chỉ là thiện nghiệp thôi, chứ chưa phải là đạo nghiệp. Là vì một niệm về giới tướng lúc đầu, có đầy đủ hai phần "tư" và "nguyện" vì thế nên gọi là Tư đạo nghiệp. Trước lấy giới làm nhân, sau giới tướng tự nhiên phát sinh, cho nên gọi là thiện nghiệp mà không phải là đạo nghiệp. Chẳng hạn như một niệm về giới đầu tiên, có "giới tướng", "giới tánh" rồi sau lần lượt sinh ra các giới, nhưng chỉ có giới tánh mà không có giới tướng, cho nên một niệm về giới lúc đầu, cũng gọi là giới, cũng gọi là hạnh lành, hoặc gọi là luật nghi. Sau đó, các giới tiếp tục phát sinh, thì cũng theo nghĩa ấy.

Ưu-ba-ly lại hỏi Phật:

– Trong ba đời, thì đời nào được giới?

Phật trả lời:

– Ở hiện tại, chỉ một niệm là được giới, còn quá khứ và vị lai là pháp, chứ không phải chúng sinh, cho nên không được giới, hiện tại một niệm là chúng sinh, cho nên được giới.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Vậy thì ở trong tâm thiện mà được giới, hay trong tâm bất thiện, hoặc trong tâm vô ký, hay trong vô tâm mà được giới?

Phật đáp:

– Tất cả các thứ tâm ấy đều được cả. Trước hết phải lấy thiện tâm mà làm lễ Tăng, thỉnh cầu thầy Hòa thượng xin thọ đại giới, quỳ gối chắp tay, bạch Tứ Yết-ma xong, thiện tâm vẫn tiếp tục, đến khi giới tướng được thành tựu, như thế gọi là trong thiện tâm mà được giới. Nếu lúc đầu lần lượt theo các pháp, thường sinh thiện tâm mà nghe lời truyền giới, nhưng đến khi bạch Tứ Yết-ma, thì lại phát khởi tâm tham dục, tâm sân hận và các niệm bất thiện, nếu trong lúc ấy mà thành tựu các giới tướng, thì gọi là trong tâm bất thiện mà được giới, là vì phải nhờ sức thiện tâm mới được giới chứ không phải nhờ sức tâm bất thiện. Nếu lúc đầu, lấy thiện tâm mà nghe lời giảng dạy về giới luật, nhưng khi bạch Tứ Yết-ma lại buồn ngủ và nếu trong lúc ngủ ấy mà sinh các giới tướng, thì gọi là trong tâm vô ký mà được giới. Nếu lúc đầu lấy tâm thiện mà nghe lời truyền giới, nhưng đến khi bạch Tứ Yết-ma lại vào định Diệt tận, nếu ngay lúc đó mà thành tựu các giới tướng, thì gọi là trong vô tâm mà được giới vậy.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Phật:

– Nếu người tại gia không thọ năm giới mà khi xuất gia, thọ ngay mười giới như thế có thành giới không?

Phật trả lời:

– Nếu như thế thì một lúc được hai loại giới: được giới Ưu-bà-tắc và được giới Sa-di. Nếu không thọ năm giới, mười giới, mà thọ ngay hai trăm năm mươi giới thì một lúc được ba loại giới.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

– Nếu thọ hai trăm năm mươi giới mà đồng thời được ba loại giới, thì hà tất phải theo thứ lớp trước thọ năm giới, kế thọ mười giới rồi mới thọ hai trăm năm mươi giới?

Phật đáp:

– Tuy có thể đồng thời được ba loại giới đấy, nhưng muốn được thấm nhuần Phật pháp, tất phải theo thứ lớp, trước thọ năm giới để điều phục lấy mình, khiến cho lòng tin tăng dần, kế thọ mười giới, thiện căn lại càng thêm sâu, sau mới thọ hai trăm năm mươi giới. Nếu theo thứ lớp như thế thì thâm nhập được Phật pháp, lòng tin vững bền, khó có thể thoái chuyển, cũng như khi đi vào bể lớn, dần dần tới chỗ thật sâu, vào bể Phật pháp cũng lại như thế. Nếu một lúc mà thọ ngay hai trăm năm mươi giới, thì không những đã mất thứ lớp mà lại còn phá uy nghi nữa. Hơn nữa, cũng có người chỉ thọ năm giới mà được đạo quả, cũng có người do thọ mười giới mà được đạo quả. Bởi những sự khác nhau ấy, cho nên Như Lai mới đặt ra thứ tự. Nếu trước thọ năm giới, kế thọ mười giới, thì trong lúc thọ mười giới cũng thành tựu hai loại giới, nghĩa là năm giới và mười giới. Thọ mười giới rồi, sau thọ đến hai trăm năm mươi giới, thì trong lúc thọ hai trăm năm mươi giới cũng thành tựu được ba loại giới, nghĩa là năm giới, mười giới và Cụ túc giới. Như trong phép thọ giới của bảy chúng, thì duy chỉ có giới bạch Tứ Yết-ma là phải lần lượt ba thời mới được giới, còn sáu loại khác thì chỉ thọ một thời cũng được giới chứ không cần phải theo thứ lớp ba thời. Như một lúc thọ được ba loại giới, khi muốn xả giới, nếu nói: "Tôi là Sa-di, không phải Tỳ-kheo", thì mất giới Cụ túc, chỉ còn hai loại giới, nghĩa là Ngũ giới và Thập giới. Nếu nói: "Tôi là Ưu-bà-tắc không phải Sa-di", thì mất mười giới, chỉ còn năm giới. Nếu nói: "Tôi xả hết các giới tại gia, xuất gia. Tôi chỉ là người Ưu-bà-tắc quy y mà thôi", thì đồng thời mất hết ba loại giới, nhưng Tam quy vẫn còn.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu khi thọ giới, theo thứ lớp được ba loại giới, thì khi xả giới cũng phải theo thứ tự: chẳng hạn trước đã thọ giới Ưu-bà-tắc, sau xuất gia thọ Thập giới, có phải xả Ngũ giới trước không?

Phật trả lời:

– Không phải xả, chỉ mất danh Ưu-bà-tắc và tại gia, chứ không mất Ngũ giới. Mất danh Ưu-bà-tắc, được danh Sa-di, mất thứ lớp tại gia, được thứ lớp xuất gia.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Sa-di khi thọ giới Cụ túc, có mất thập giới và ngũ giới không?

Phật đáp:

– Chỉ mất danh và thứ lớp, chứ không mất giới. Mất danh Sa-di, được danh Tỳ-kheo; mất thứ lớp Sa-di, được thứ lớp Tỳ-kheo, trước, sau vẫn là ba loại giới, nhưng tùy thời mà thay đổi tên gọi. Cũng như lá cây, mùa xuân, mùa hạ thì xanh, mùa thu thì vàng, mùa đông thì trắng, màu sắc có khác nhưng lá cây vẫn một. Giới cũng như thế, thường là một giới, nhưng tùy thời mà có những tên gọi khác nhau. Hay cũng như sữa, để lâu thành váng sữa và sau thành sữa đặc, tùy thời có khác, nhưng vẫn là sữa. Giới cũng vậy, tuy là có ba loại khác nhau, nhưng giới vẫn là một.

Ưu-ba-ly lại hỏi Phật:

– Phàm thọ giới Ưu-bà-tắc, nếu người không đủ sức thọ cả năm giới, mà chỉ thọ một giới, hai giới hay bốn giới thôi, như thế có được không?

Phật trả lời:

– Không được.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

– Nếu không được, thì tại sao lại có kinh nói "Thiểu phần Ưu-bà-tắc", "Đa phần Ưu-bà-tắc", "Mãn phần Ưu-bà-tắc" nghĩa đó là thế nào?

Phật đáp:

– Nói như thế là để minh định cái công đức trì giới nhiều hay ít, chứ không phải nói phép thọ giới như thế được.

Ưu-ba-ly lại hỏi Phật:

– Năm giới chỉ thọ trì trong một ngày, hai ngày hay mười ngày, như thế có được không?

Phật trả lời:

– Không được. Phật chế giới đều có hạn định, nếu thọ năm giới, phải giữ trọn đời; nếu thọ tám giới, phải trì một ngày, một đêm, bởi thế không được.

Phàm giới bạch Tứ Yết-ma, đều có thượng, trung, hạ. Năm giới là giới hạ phẩm; mười giới là giới trung phẩm, hai trăm năm mươi giới là giới thượng phẩm. Trong năm giới, cũng có ba phẩm, nếu phát tâm nhỏ mà thọ giới thì được giới hạ phẩm; nếu phát tâm vừa mà thọ giới, thì được giới

trung phẩm; nếu phát tâm lớn mà thọ giới, thì được giới thượng phẩm; mười giới, hai trăm năm mươi giới đều có ba phẩm, cũng như trong năm giới nói trên. Nếu phát tâm nhỏ mà được năm giới rồi, sau phát tâm vừa hay tâm lớn mà thọ mười giới, thì trước cũng được năm giới, chứ không thêm, không hơn. Từ giới thứ sáu cho đến giới "Quá giờ không ăn" nghĩa là ngoài năm giới, thì gọi là được "năm giới tăng thượng". Nếu trước phát tâm nhỏ mà được năm giới, thì cũng vẫn được năm giới hạ phẩm mà thôi. Lại như trước phát tâm nhỏ mà thọ năm giới, sau phát tâm vừa và tâm lớn mà thọ hai trăm năm mươi giới, thì trước cũng chỉ được năm giới, không thêm, không hơn. Ngoài năm giới ra, các giới khác cũng thế, nếu khi thọ giới mà tâm thêm lên, thì được giới tăng thượng. Lấy đó mà suy, thì giới Ba-la-đề-mộc-xoa không phải dễ được.

Theo thứ tự mà nói, thì năm giới là hạ phẩm, mười giới là trung phẩm, hai trăm năm mươi giới gọi là thượng phẩm. Theo nghĩa đó mà suy, thì cũng có thể là: Nếu phát tâm lớn mà thọ năm giới, thì được giới thượng phẩm; nếu phát tâm vừa mà thọ mười giới, thì được giới trung phẩm; nếu phát tâm nhỏ mà thọ hai trăm năm mươi giới thì được giới hạ phẩm. Căn cứ vào đó thì biết rằng, tùy ở tâm, có lớn, vừa, nhỏ, mà được giới cũng có thượng, trung, hạ không giống nhau, không nhất định.

Nếu thỉnh thầy Hòa thượng, mà trong lúc thọ mười giới, Hòa thượng không đến thì cũng được giới. Nếu trong khi thọ mười giới, mà thầy Hòa thượng chết, hoặc biết tin đã chết, thì thọ giới không được; nếu chết mà không biết thì thọ giới, được giới. Nếu trong lúc bạch Tứ Yết-ma thọ giới Cụ túc, mà thầy Hòa thượng vắng mặt, thì không được thọ giới; là vì không đủ Tăng số; nếu đủ Tăng số và có người thay mặt cho Hòa thượng, thì được thọ giới.

Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Phật:

– Người Ưu-bà-tắc thọ năm giới, có được buôn bán không?

Phật trả lời:

– Được buôn bán, nhưng không được làm năm nghề sau đây:

1. Không được lấy việc buôn bán súc sinh làm nghề nghiệp. Nếu trước khi thọ giới, nhà có nuôi súc vật, được phép bán đi, nhưng không được bán cho nhà đồ tể.

2. Không được làm nghề buôn bán cung, tên, dao, kiếm, súng, đạn. Trước khi thọ giới, nếu có các thứ đó thì được bán đi.

3. Không được làm nghề bán rượu. Trước khi thọ giới, nếu có rượu thì được đem bán.

4. Không được ép dầu, sát hại côn trùng. Vì cách ép dầu ở nước Thiên trúc và nước Kế tân là: giã nhỏ hạt gai, đem chôn xuống đất mấy ngày, khi nào sinh ra nhiều trùng mới đem ra ép, để được nhiều dầu. Nhưng nếu xứ nào không làm theo cách ấy, thì ép dầu không phạm giới.

5. Không được làm nghề nhuộm năm sắc lớn, vì phải giết nhiều sâu bọ. Cách nhuộm màu sắc ở các nước Lạc-sa… phải giết nhiều côn trùng, bởi thế cấm làm nghề nhuộm.

Ưu-ba-ly lại hỏi Phật:

– Phép thọ Bát quan trai, không được ăn quá ngọ. Nhưng không ăn quá ngọ là giới thứ chín, vậy tại sao không nói là Cửu quan trai, mà gọi là Bát quan trai?

Phật đáp:

– Phàm phép ăn chay là lấy sự không ăn quá ngọ làm thể. Tám giới cùng giúp đỡ cho thành cái "thể" của phép ăn chay, mà gọi là Trai pháp Bát chi, cho nên nói Tám giới mà không gọi là Chín giới.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Người thọ Bát quan trai giới, trong bảy chúng, họ thuộc chúng nào?

Phật trả lời:

– Tuy không thọ giới trọn đời, nhưng vì họ giữ giới trong một ngày một đêm; thì cũng có thể gọi là Ưu-bà-tắc.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

– Ngoài bảy chúng ra, có giới Ba-la-đề-mộc-xoa không?

Phật đáp:

– Có Bát trai giới đó. Lấy đấy mà suy, thì nếu thọ Bát trai giới, không thuộc vào bảy chúng. Phép thọ Bát trai giới, chỉ nói không sát sinh trong một ngày, một đêm thôi, ngoài ra không cấm. Cho nên đừng lầm lẫn với giới tướng trọn đời.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Phép thọ Bát trai giới, có được thọ một lúc trong hai ngày, ba ngày cho đến mười ngày không?

Phật trả lời:

– Phật đã chế ra giới một ngày, một đêm, thì không được quá hạn. Nếu có sức thọ được thì một ngày xong rồi, lại lần lượt thọ lại, cứ như thế tùy sức nhiều hay ít, chứ đừng tính số ngày. Phàm thọ Bát trai pháp là phải theo người khác dạy, mới được thọ.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Theo người nào mà thọ?

Phật trả lời:

– Theo người trong năm chúng xuất gia mà thọ. Đã thọ tám giới, mà đánh đập chúng sinh thì không được thanh tịnh. Tuy ngay hôm thọ giới, không đánh đập nhưng hôm sau mà đánh đập chúng sinh, cũng không được thanh tịnh. Nói tóm lại, nếu thân, khẩu, ý làm những việc trái uy nghi, tuy không phạm giới, nhưng cũng mất thanh tịnh. Nếu thân, khẩu thanh tịnh, nhưng tâm lại khởi lên những ý tưởng tham dục, sân hận và não hại, thì cũng không được thanh tịnh. Nếu thân, khẩu, ý ba nghiệp đều thanh tịnh, nhưng lại không tu sáu niệm thì cũng mất thanh tịnh. Thọ tám giới rồi, siêng tu sáu niệm, mới được gọi là trai pháp thanh tịnh. Như làm đến vua cõi Diêm-phù-đề, giàu có tự tại, vàng bạc, của báu không thiếu thứ gì. Tuy có những công đức như thế, nhưng nếu đem chia ra làm mười sáu phần, thì công đức của vua Diêm-phù-đề không bằng một phần công đức giữ Bát quan trai giới được hoàn toàn thanh tịnh.

Nếu người muốn thọ pháp Bát trai nhưng trước khi thọ, làm những điều phóng túng, như ham mê sắc dục, đàn địch, ca hát, ăn thịt uống rượu và bày mọi trò vui, phóng tâm làm những việc ấy rồi, sau mới thọ Bát trai giới, như thế bất luận trước sau đều không thành trai giới. Nếu người trong tâm không định thọ giới Bát trai, mà làm các việc phóng túng ấy, sau gặp thiện tri thức dạy cho, liền thọ Bát trai giới, thì bất luận trước sau đều thành được trai giới. Nếu người muốn thọ Bát trai giới, mà gặp nhiều việc khó khăn, chướng ngại, không được tự tại, nhưng sau giải quyết xong các việc khó khăn, rồi thọ Bát trai giới, thì bất luận trước sau đều thành trai giới.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu người muốn thọ có hạn, thí dụ chỉ thọ trai pháp ban ngày mà không thọ trai pháp ban đêm, hoặc chỉ thọ trai pháp ban đêm mà không thọ trai pháp ban ngày, như thế có được tám giới không?

Phật trả lời:

– Không được. Là vì Phật đặt ra trai pháp, cho thọ một ngày đêm đã có hạn định như vậy, không được làm sai.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Nếu không được, thì tại sao trong luận Bì Cách nói: "Ức Nhĩ ở chỗ đồng không mông quạnh, thường thấy các loài quỉ đói chịu mọi tội khổ; hoặc ban ngày hưởng phúc, ban đêm chịu tội; hoặc ban đêm hưởng phúc, ban ngày phải chịu tội. Sở dĩ như thế là vì trước kia, khi họ làm người, ban

ngày thì thọ giới pháp, ban đêm thì làm việc ác, hoặc ban đêm thì thọ giới pháp, ban ngày lại làm các hạnh chẳng lành", thì nghĩa ấy ra sao?

Phật đáp:

– Phàm làm nhân duyên kiếp trước, thì không thể căn cứ vào lời nói đó được. Luận Bì Cách không phải là Kinh Luật, cho nên không thể căn cứ vào đó để định nghĩa xác thực được. Điều ấy có khi là Tôn giả Ca-chiên-diên, vì muốn độ cho Ức Nhĩ mà biến hiện như thế để hóa độ Ức Nhĩ, chứ không phải sự thực.

Khi thọ trai rồi nếu muốn xả trai, không cần phải cầu năm chúng để xả. Khi muốn xả, chỉ cần đến nói một người là hôm nay xả trai, thế là trai đã được xả rồi.

Nếu nói đến năm ngả, thì chỉ có loài người mới được giới Ba-la-đề-mộc-xoa, còn bốn ngả khác không được. Chẳng hạn chư Thiên cõi trời thì vì đắm đuối ham vui quá nên không được giới. Như trước kia, một hôm vì một đệ tử lâm bệnh, nên Tôn giả Đại Mục-kiền-liên phải lên cung trời Đao-lợi để tìm thầy thuốc Kỳ-bà xuống chữa. Khi lên tới nơi, Tôn giả Mục-kiền-liên thấy chư Thiên cõi trời đang vui chơi trong vườn Hoan lạc. Lúc đó, Mục-liên dừng lại bên đường nhưng không ai để ý đến cả. Sau Kỳ-bà ngoảnh lại trông thấy Mục-liên, liền giơ tay chào, rồi cỡi xe thẳng tới. Mục-liên tự nghĩ: "Người này trước kia vốn là đệ tử của ta. Nay được hưởng phúc báo ở cõi trời và vì quá đắm say thú vui nên không còn nhớ nữa". Nghĩ xong, liền dùng sức thần thông để chặn xe lại. Kỳ-bà xuống xe, làm lễ Mục-liên. Bấy giờ Mục-liên dùng mọi lời để trách móc. Kỳ-bà thưa: "Bạch Tôn giả Mục-liên, vì trước kia ở cõi người, tôi vốn là đệ tử của Đại đức, bởi thế mới giơ tay chào hỏi, chứ Tôn giả có thấy chư Thiên làm như thế không? Phàm đã sinh lên cõi trời, tâm người nào cũng đắm theo dục lạc, không được tự tại, cho nên mới thế".

Bấy giờ, Mục-liên hỏi Kỳ-bà:

– Tôi có người đệ tử lâm bệnh, nên chữa trị theo cách nào?

Kỳ-bà đáp:

– Nên nhịn ăn là tốt hơn hết.

Lại một hôm Tôn giả Mục-liên khuyên vua Thích Đề-hoàn Nhân, nói:

– Phật ra đời khó gặp, tại sao Thiên chủ không luôn luôn gần gũi để cúng dường và cầu nghe chánh pháp?

Thiên đế Thích muốn lãnh hội ý của Tôn giả Mục-kiền-liên, nên sai

một người sứ đến. Nhưng gọi hai ba lần mà người này không lại, vì họ có một người vợ và một nàng ca kỹ, ham mê tình dục, nên tuy là người cõi trời mà không tự cắt đứt được. Nhưng cuối cùng, thì không thể dừng được mà phải đến. Khi tới nơi, Thiên đế Thích mới hỏi nguyên do tại sao đến chậm, người ấy cứ thực tình thưa bày, nghĩa là vì quá say mê các thú vui, nên không đến ngay được.

Nhân thế, Thiên đế Thích mới nói với Tôn giả Mục-liên:

– Người ấy chỉ có một vợ và một nàng ca kỹ mà còn vui chơi đắm đuối, không tự dứt được, huống nữa là vua cõi trời, có rất nhiều cung điện, vô số Thiên nữ, các món thức ăn cõi trời, trăm mùi thơm ngon, trăm ngàn ca kỹ, ham mê, đắm đuối, nhìn về phía Đông, quên mất phía Tây, thì tự dứt sao được? Cho nên tuy biết rằng Phật ra đời là khó được gặp, chánh pháp khó được nghe, nhưng vì các thú vui trói buộc, mất hết tự tại, biết làm sao được?

Phàm phép thọ giới là phải dùng tâm dũng mãnh, nguyện cắt đứt mọi duyên, sau mới được giới. Các người ở cõi trời, lòng ham đắm dục lạc thì nhiều, sức thiện tâm lại yếu ớt, thì do đâu mà được giới? Các loài ngạ quỉ thì đói khát khổ sở, thân tâm bị thiêu đốt; các loài ở địa ngục thì chịu mọi sự hình phạt, đau đớn ê chề, tâm ý não loạn, cũng không nhờ đâu mà được giới. Còn các loài súc sinh thì nghiệp chướng sâu dày, ngu si tăm tối, không hiểu, không biết, nên cũng không thọ được giới. Tuy có nhiều chỗ trong kinh nói là Rồng cũng thọ Trai pháp, nhưng đó chỉ nói về thiện tâm, nghĩa là thọ tám giới trong một ngày, một đêm thì được công đức thiện tâm, chứ không được tám giới, là vì nghiệp chướng.

Nếu nói về bốn cõi thiên hạ, chỉ có ba cõi thiên hạ là Diêm-phù-đề, Câu-da-ni, Phất-bà-đề và những người trên Hải Châu, khoảng giữa ba thiên hạ là được giới pháp. Như ở Câu-da-ni, thì Phật sai Tân-đầu-lư đến để truyền bá đạo pháp, thành lập bốn bộ chúng. Ở châu Phất-bà-đề cũng có Tỳ-kheo thi hành Phật sự và cũng có bốn bộ chúng. Duy chỉ cõi Uất-đơn-việt là không có Phật pháp và dĩ nhiên là không có giới. Vì ở đây phúc báo sung sướng quá và con người lại ngu si, nên không nhận lãnh được Phật pháp.

Lại nữa, có bốn hạng người là: người nam, người nữ, hoàng môn và nhị căn. Trong bốn hạng ấy, chỉ có hai hạng: người nam, người nữ là được giới, còn hai hạng kia là hoàng môn và nhị căn, thì không được giới. Nhưng trong những hạng người nam và người nữ, nếu người nào giết cha mẹ, giết A-la-hán, làm cho thân Phật chảy máu, phá hoại chúng Tăng, làm nhơ Tỳ-

kheo-ni, dứt hết căn lành và những kẻ giả mạo làm Tăng, những kẻ không thể độ, tất cả những người như thế đều không được giới.

Nói rộng ra thì phàm đã mến chuộng Phật pháp, bất luận là Trời, Rồng, Quỉ, Thần, hay ở cõi Uất-đơn-việt, hoặc hoàng môn, nhị căn, tất cả những loài phi nhân ấy, đều được thọ Tam quy vậy.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Chư Phật ba đời, độ cho chúng sinh được thọ giới đều nhau hay hơn kém nhau?

Phật đáp:

– Không đều. Phàm nói đến giới, thì chỉ có các loài chúng sinh và phi chúng sinh mới được giới mà một vị Phật ra đời, hóa độ cho vô số a-tăng-kỳ chúng sinh vào cõi Niết-bàn vô dư. Đến Đức Phật sau ra đời, thì tất cả các chúng sinh ấy đều không được giới. Như thế đủ biết, chư Phật chỗ được giới, đều không giống nhau. Chẳng hạn, như Phật Ca-diếp, độ cho vô số a-tăng-kỳ chúng sinh vào cõi Niết-bàn vô dư và Ngài cho hết thảy chúng sinh đó đều được giới. Nhưng đến Phật Thích-ca Văn, thì những chúng sinh ấy đều không được giới.

Tuy nhiên, tất cả chư Phật đều có ba việc như nhau: Một là chứa góp công hạnh như nhau. Hai là Pháp thân như nhau. Ba là độ chúng sinh như nhau. Hết thảy chư Phật đều đã tu hạnh Bồ-tát qua ba a-tăng-kỳ kiếp, đều đã đầy đủ năm phần pháp thân, mười lực, Tứ vô sở úy, mười tám pháp bất cộng và cũng đã độ cho vô số a-tăng-kỳ chúng sinh vào cõi Niết-bàn vô dư.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Trong kinh thường nói, một Đức Phật ra đời, độ cho chín mươi na-do-tha chúng sinh vào Niết-bàn vô dư, nay lại nói vô số a-tăng-kỳ chúng sinh, là nghĩa thế nào?

Phật trả lời:

– Trong kinh nói, một Đức Phật ra đời, độ chín mươi na-do-tha chúng sinh là chỉ nói nhờ Phật mà từng ấy chúng sinh được độ. Còn có những chúng sinh, tự mình theo Phật mà được độ, hoặc nhờ các đệ tử của Phật mà được độ, hay nhờ giáo pháp của Phật mà được độ. Cho nên nói chín mươi na-do-tha chúng sinh là chỉ do nhờ chính Phật mà được độ. Nói tóm lại, hoặc nhờ Phật, nhờ đệ tử hay nhờ giáo pháp mà vô số a-tăng-kỳ chúng sinh đã được độ vào cõi Niết-bàn vô dư. Chư Phật ba đời đều có ba việc giống nhau, nhưng cách độ sinh, đắc giới thì khác nhau vậy.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Các loài chúng sinh và chẳng phải chúng sinh đều được thọ ác luật nghi giới phải không?

Phật đáp:

– Chỉ có chúng sinh mới được thọ ác luật nghi giới, còn chẳng phải chúng sinh thì không được thọ. Nói một cách khác, chỉ có các loài có thể giết hại, được thọ ác giới, còn loài không thể giết hại, thì không được thọ, nhưng cũng có thể nói, chúng sinh hay sát hại hay chúng sinh không thể giết, đều được thọ ác giới. Chẳng hạn như người đồ tể giết dê, thường mang lòng giết chóc, ý lúc nào cũng nghĩ đến việc giết dê, giả sử có người ở cõi người hay cõi Trời không làm nghề giết chóc, nhưng vì phải lưu chuyển trong vòng thọ sinh, cũng có khi phải đọa làm kiếp dê. Cho nên tất cả chúng sinh đều có thể thọ ác giới. Trong mười hai ác luật nghi cũng vậy.

Mười hai ác luật nghi là:

1. Nghề đồ te.
2. Nghề bán nem.
3. Nghề nuôi heo.
4. Nuôi gà.
5. Bắt cá.
6. Săn bắn.
7. Bẫy chim.
8. Bắt trăn.
9. Bẫy rồng.
10. Làm nghề coi ngục.
11. Làm giặc.
12. Làm nghề đánh giặc thuê.

Đó là mười hai nghề ác luật nghi. Như người làm nghề nuôi tằm cũng là người không xa lìa ác luật nghi.

Có ba thời xả ác luật nghi giới: một là lúc chết; hai là lúc thọ luật nghi giới; ba là lúc thọ Tam quy. Thời thứ nhứt bỏ được ác giới; thời thứ hai và thứ ba thì được thiện giới.

Ưu-ba-ly hỏi:

– Khi người ta tạo ác giới, thì lúc nào xả thiện giới mà được ác giới?

Phật đáp:

– Lần đầu tiên nói: "Tôi là người đồ tể", thì bỏ mất thiện giới. Lần thứ hai, thứ ba nói: "Tôi là người đồ tể", liền được ác giới. Nói cách khác,

tùy lúc bỏ thiện giới mà được ác giới. Nếu người tu thiện giới, tuy chưa nói mình là đồ tể, nhưng vì ham lợi, cùng với đồ tể làm việc giết hại, thì lúc ấy cũng phạm thiện giới rồi. Muốn bỏ thiện giới mà cầu ác giới thì chỉ tự mình phát thệ là được, chứ không cần theo người khác dạy cho. Nếu muốn thọ ác luật nghi giới trong một ngày, hai ngày, cho đến mười ngày, hoặc một năm, hai năm cứ tùy theo chỗ tâm mình muốn lâu hay chóng thì đều được cả, là vì các pháp ác thuận theo dòng sinh tử, cho nên cứ tùy theo việc làm là được, chứ không như thiện luật nghi giới.

□

KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN

QUYỂN 7

Phẩm 9: THÂN CẬN

Phật nói:

– Các bậc Đại Bồ-tát biết ân, báo ân, tu tập các phương tiện, làm lợi ích chúng sinh, phải nên tùy thời thích nghi mà hiển bày Phật pháp.

Bấy giờ Phật bảo các vị Bồ-tát:

– Này các thiện nam tử, cách đây đã lâu, có một vị Phật ra đời, hiệu là Vô Di Vương, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài ra đời để tiếp dẫn cho những kẻ có duyên với Phật pháp và khi độ hết những người ấy rồi Ngài liền vào Niết-bàn.

Sau khi Ngài nhập diệt, trong thời chánh pháp, có một người Bà-la-môn, hết sức thông minh, thọ trì năm giới, ủng hộ Phật pháp. Một hôm người Bà-la-môn, nhân có duyên sự, phải đi đến một nước khác, mà con đường này lại có nhiều giặc cướp. Cùng đi với người Bà-la-môn, còn có năm trăm người nữa. Khi đến quãng đường hiểm trở, họ liền tạm trú lại. Nơi đây thường có một bọn cướp gồm đến năm trăm tên, ẩn núp để cướp giật những khách bộ hành. Khi thấy đoàn người Bà-la-môn dừng lại, tên tướng cướp liền mật sai một người đi dò xét rồi hẹn giờ cùng xông ra. Nhưng trong đám cướp ấy lại có một người, trước kia là bạn thân với người Bà-la-môn và vì chỗ thân thiện, nên mới tới bảo người Bà-la-môn:

– Ông bạn nên biết, canh một đêm nay sẽ có cướp đến. Tôi sợ lúc đó lộn xộn sẽ làm tổn hại đến ông, nên mới đến báo trước cho ông hay. Vậy ông nên tìm cách một mình lánh xa đi, đừng để các bạn ông biết.

Nghe xong, người Bà-la-môn nghẹn ngào, đau đớn. Muốn đem việc đó nói cho mọi người đồng hành biết, nhưng lại sợ họ giết hại người kia. Nếu họ giết hại, họ sẽ phải đọa vào ba đường ác, chịu khổ vô cùng. Mà nếu cứ im đi thì bọn cướp sẽ hại đồng bạn. Nếu bọn cướp giết hại những người đồng hành, chúng cũng sẽ phải sa vào ba nẻo ác, chịu các tội khổ. Thật là

khó nghĩ! Sau một lúc phân vân, người Bà-la-môn tự quyết định: "Ta phải dùng phương tiện làm lợi ích cho chúng sinh, dù phải đọa vào ba đường ác, cũng là vì chúng sinh mà chịu khổ, chứ không phải vì bản thân." Nghĩ xong, người Bà-la-môn liền cầm dao giết người kia đi, khiến các bạn đồng hành đều được bình an.

Khi ấy, mọi người sửng sốt, đồng thanh hỏi:

– Xưa nay, ông vốn là người cao quý, hiền lương, tại sao hôm nay lại làm một việc cực ác như vậy?

Lúc đó, người Bà-la-môn quỳ gối, chắp tay, lòng sinh hổ thẹn, nói:

– Lẽ ra tôi không được làm ác, nhưng vì lợi ích của chúng sinh và của các bạn, mà hôm nay tôi phải giết người.

Đồng bạn lại hỏi:

– Ông tự ý giết người, chứ có lợi lạc gì cho chúng tôi đâu?

Người Bà-la-môn nói:

– Đây là một tên cướp, định mưu hại các bạn. Vì các bạn mà tôi phải giết y, để các bạn được bình an trở về. Còn tội khổ phải đọa địa ngục tôi sẽ xin chịu.

Bấy giờ năm trăm người, vừa mừng vừa sợ, đồng thanh nói:

– Ở đời không gì hơn mạng sống, không gì đáng sợ hơn cái chết. Thế nên, tất cả chúng sinh đều sẵn sàng bỏ cả vàng bạc, của báu, cho đến quốc thành, thê tử, hoặc cơm ăn, áo mặc để đổi lấy mạng sống.

Nói xong, liền tự nghĩ: "Người Bà-la-môn này, vì làm lợi ích cho chúng sinh, đã không sợ các nỗi thống khổ trong ba đường dữ. Ngày nay chúng ta nên ghi nhớ ân sâu và sẽ dốc báo đền ân ấy." Nghĩ như thế rồi, tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong khi ấy, bọn cướp cũng đến và đồng thanh nói:

– Xưa nay ông là người cao quý, hiền lương, tại sao có thể làm một việc đại ác như thế này?

Người Bà-la-môn nói:

– Thật tôi không nên làm việc cực ác ấy, nhưng vì lợi ích của chúng sinh, cũng vì tánh mạng của các ông nữa mà tôi phải làm.

Bọn cướp lại hỏi:

– Việc ông giết người có lợi ích gì cho chúng tôi?

Người Bà-la-môn bảo bọn cướp:

– Ta đã biết trước là các ngươi hiện ở đây, nhưng ta cứ mặc nhiên,

không báo cho nhà vua và bạn của ta biết, bởi thế nên tánh mạng của các ngươi mới được toàn vẹn.

Nghe xong, bọn cướp tự nghĩ: "À ra vì thế mà cuộc đời của chúng ta được bình an". Nghĩ rồi liền chắp tay nói với vị Bà-la-môn:

– Quý hóa thay, bậc Đại sĩ! Người tu hành nguyện đại bi. Xin dạy cho chúng tôi biết, chúng tôi phải làm gì để đền đáp ân cao cả ấy?

Người Bà-la-môn nói:

– Các ngươi muốn trả ân ta, thì chỉ có cách là: Các ngươi hãy cải tà quy chánh, làm ăn lương thiện và mau phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ bọn cướp, vì muốn báo ân, liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Bồ-tát siêng tu tinh tấn, muốn trang nghiêm đạo Bồ-đề, muốn đền đáp ân Phật, thì phải nhớ nghĩ đến tất cả chúng sinh, như thương nhớ con ruột của mình. Tôn giả nên biết, người Bà-la-môn lúc ấy có phải là ai khác đâu, chính là Như Lai đây. Nhờ thế mà sau chín kiếp tu hành, Như Lai đã chứng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

-oOo-

Lại nữa, Bồ-tát tu các phương tiện, biết ân, đền ân. Khi Như Lai ở tinh xá Trúc Lâm, có một Tỳ-kheo mắc bệnh lở lói, khắp cả thân thể máu mủ thường chảy, ai cũng sợ hãi, không dám thân gần. Vị Tỳ-kheo này, ở trong một căn phòng dột nát, cách xa đại chúng.

Bấy giờ Như Lai dùng sức thần thông che mắt mọi người, không cho ai biết, Như Lai một mình đến chỗ vị Tỳ-kheo có bệnh, trông nom săn sóc, lấy nước rửa ráy.

Nghĩ như thế rồi, Như Lai bèn cho tất cả chư Thiên ở cõi Dục biết. Vua Thích Đề-hoàn Nhân cùng với trăm ngàn quyến thuộc vây quanh trước sau, đứng giữa không trung, mưa mọi thứ Thiên hoa và khởi các loại Thiên nhạc. Lúc đó, vua cõi trời Đao-lợi nâng một chiếc bình bách phúc trang nghiêm, trong đựng đầy nước đại bi thanh tịnh, đến trước dâng lên Như Lai, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng qua một bên. Như Lai liền giơ cánh tay đầy đủ phúc đức lên, thì ngay lúc ấy, từ năm đầu ngón tay nhỏ bé phóng ra những tia sáng lớn, chiếu khắp các cõi trời. Khi chư Thiên nơi cõi trời theo ánh sáng ấy mà cùng đến hội họp rồi, Như Lai mới tới chỗ người Tỳ-kheo có bệnh. Đến nơi, Như Lai liền phóng ra một luồng hào quang từ đỉnh đầu, chiếu vào vị Tỳ-kheo bị bệnh. Khi gặp được ánh sáng

ấy, vị Tỳ-kheo bị bệnh cảm thấy hết đau đớn, liền ngồi dậy cúi đầu quy mạng. Lúc đó Như Lai dùng tay phải đỡ lấy nước từ Thiên đế Thích và rửa đầu cho vị Tỳ-kheo bệnh, còn tay trái thì xoa vuốt mình mẩy. Tay Như Lai đưa tới đâu thì những vết lở lói trên mình Tỳ-kheo đều khỏi đến đấy. Sau khi bình phục, vị Tỳ-kheo vui mừng khôn xiết, liền cất tiếng niệm:

– Kính lạy Đức Thích-ca Mâu-ni! Đấng Đại Từ Phụ, Đấng Vô Thượng Y Vương! Con nay đã hết thân bệnh. Xin Như Lai rủ lòng thương xót, cho con pháp dược để trừ hết bệnh hoạn của cả thân, tâm.

Bấy giờ Như Lai bảo vị Tỳ-kheo bệnh:

– Như Lai vẫn nhớ trọng ân của ngươi. Nay Như Lai muốn đền đáp ân ấy.

Nghe xong, vị Tỳ-kheo bệnh vô cùng kinh ngạc và vui vẻ. Như Lai liền chỉ dạy cho những điều lợi lạc hoan hỷ. Vị Tỳ-kheo vui mừng và ngay lúc ấy, chứng quả A-la-hán, đầy đủ ba minh, sáu thông và tám môn giải thoát.

Khi ấy, Thiên đế Thích và các quyến thuộc, cùng vô lượng Thiên chúng đều nghi ngờ, liền hỏi:

– Tại sao Đức Như Lai đã hạ thân vàng ngọc để rửa những vết ung nhọt, đầu máu mủ của người Tỳ-kheo bị bệnh, mà lại bảo là báo ân, việc đó ra sao? Xin Như Lai vì chúng con mà phân biệt giải thích?

Phật bảo Đế Thích và chư Thiên:

– Các ông hãy nghe cho kỹ tôi sẽ vì các ông mà nói các việc kiếp trước.

Này Đế Thích, ở đời quá khứ, cách đây vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, có một ông vua độc ác, vô đạo, thường hay áp bức, ức hiếp dân lành một cách phi lý để đoạt của cải. Ông vua độc ác này có một bày tôi thân tín, tên là Ngũ Bá. Nhà vua cho Ngũ Bá toàn quyền trừng phạt những người phạm pháp, hoặc thi ân hay gia uy là tùy ở Ngũ Bá, nhưng nếu có lợi lộc lo lót, thì phải chia cho nhà vua. Vì vậy Ngũ Bá thường hay đánh đập phạm nhân; ai có nhiều tiền của hối lộ thì tha, ai không có tiền lo lót thì đánh đập có khi đến chết và coi đó là việc rất thường.

Một hôm, có một người Ưu-bà-tắc phạm chút lỗi nhỏ, được giao cho Ngũ Bá tùy ý trừng phạt. Nhưng Ngũ Bá vốn biết người Ưu-bà-tắc này là một người hiền lành, phúc hậu, nên không nỡ đánh đập, bèn tha cho, do đó người Ưu-bà-tắc được thoát nạn và vui mừng khôn xiết. Kiều-thi-ca nên biết: Ngũ Bá lúc bấy giờ, nay là vị Tỳ-kheo bị bệnh và người

Ưu-bà-tắc nay là Như Lai. Cho nên, Bồ-tát trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ân tuy nhẹ nhưng cũng lo đền đáp, cho đến khi thành Bậc Chánh Giác mà lòng thường không quên.

Lúc đó, Thiên đế Thích và vô lượng Thiên chúng hết sức vui mừng, có bốn vạn tám ngàn chư Thiên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phát tâm xong rồi, bèn tấu thiên nhạc cúng dường Như Lai và đoạn trở về cõi trời.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nếu người thiện nam, thiện nữ biết ân, muốn báo ân, thì phải làm bốn việc sau đây:

1. Phải gần gũi bạn hiền.

2. Phải dốc lòng nghe pháp.

3. Phải suy nghĩ về nghĩa lý.

4. Phải đúng như pháp mà tu hành.

Lại có bốn việc nữa sau đây:

1. Theo pháp chứ không theo người.

2. Theo nghĩa, không theo chữ.

3. Theo trí, không theo thức.

4. Theo Kinh liễu nghĩa, không theo Kinh không liễu nghĩa.

Làm theo tám việc ấy gọi là biết ân.

Nếu lại làm theo tám pháp sau đây mà không nhiễm đắm gọi là báo ân:

1. Lợi.

2. Suy.

3. Hủy.

4. Khen.

5. Tán thán.

6. Chê bai.

7. Khổ.

8. Vui.

Lại nữa, nếu làm theo bốn việc sau đây thì gọi là biết ân và báo ân:

1. Thấy những kẻ độc ác, lòng sinh thương xót, là nhân duyên để tu tập lòng Từ.

2. Thấy những người đau khổ, mắt không thể rời, là nhân duyên để

khởi tâm Bi.

3. Thấy Sư trưởng, Cha mẹ và những bậc có đức, tâm tánh vui vẻ, là nhân duyên để khởi tâm Hỷ.

4. Thấy những người thù oán, lòng không giận tức, là nhân duyên để tu tập tâm Xả.

Bấy giờ Tôn giả A-nan sửa lại y phục, đến trước Phật, bạch:

– Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn mới phát tâm Bồ-đề, đã biết ân, báo ân mà làm theo bốn việc kể trước như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ở đời quá khứ, cách đây vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, có một vị Phật, hiệu là Tỳ-bà-thi, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài ra đời để giáo hóa cho chúng sinh có duyên với Phật pháp. Những người có duyên với Phật pháp sau khi được giáo hóa xong, Ngài mới vào Niết-bàn. Thời kỳ chánh pháp và tượng pháp của Phật diệt rồi, có một nước gọi là Ba-la-nại, dân chúng giàu có, đất đai phì nhiêu. Vua dùng chánh pháp trị nước, không ức hiếp dân lành. Trong nước có một dãy núi tên là Tiên thánh sơn. Trên núi thường có năm trăm vị Bích-chi-phật và rất nhiều Thần, Tiên chứng đắc năm phép thần thông. Lại có vô số cầm thú, trong số này có con sư tử tên Kiên Thệ, lông vàng chói lọi, mạnh khỏe lực lưỡng, bệ vệ uy nghiêm, khi cất tiếng rống, chim đang bay phải rơi xuống, các thú rừng đều sợ hãi, tìm nơi ẩn núp.

Một hôm, sư tử Kiên Thệ đến chỗ khe núi, thấy một vị Bích-chi-phật, thân tướng uy nghi, thanh tịnh. Kiên Thệ thấy, thì lòng vui mừng, không sợ. Rồi từ đó, cứ ngày ngày đến gần để nghe vị Bích-chi-phật tụng kinh, thuyết pháp. Bấy giờ có người thợ săn, thấy sư tử Kiên Thệ mình vàng óng ả thì hết sức mừng rỡ, liền tự nghĩ: "Nếu mình bắt được con sư tử kia, lột da đem dâng nhà vua chắc sẽ được ban thưởng rất nhiều, bảy đời không phải thiếu thốn! Nhưng sư tử Kiên Thệ là chúa Sơn lâm, cung tên khó có thể bắn nổi và bẫy sập cũng khó bắt được. Vậy ta phải lập mưu để bắt. Kiên Thệ thường kính mến và gần gũi vị Sa-môn Bích-chi-phật, ta phải giả dạng làm Sa-môn, giấu cung tên có tẩm thuốc độc dưới lớp ca-sa, rồi từ từ tiến đến ngồi bên gốc cây kia. Kiên Thệ thấy ta tất sẽ lại gần, lúc đó ta sẽ giương cung bắn, thì chắc trăm phần là được".

Nghĩ như thế rồi, liền trở về nói với người nhà:

– Tổ tiên ta đã trải mấy đời làm nghề săn bắn, mà ta chưa từng nghe nói có con thú nào lại có bộ lông vàng chói như thế, huống nữa bây giờ ta

được thấy, thì phải bắt cho bằng được.

Nói xong, y lập tức cạo đầu, khoác áo ca-sa như đã định trước, rồi trở vào trong núi, ngồi bên gốc cây. Khi thấy người Tỳ-kheo giả mạo kia, sư tử Kiên Thệ sinh lòng vui mừng, tiến ngay lại gần, liếm chân Tỳ-kheo. Lúc đó, người thợ săn giương cung bắn ngay. Bị trúng tên độc, sư tử gầm thét, kêu rống, muốn vồ lấy gã thợ săn mà xé tan thân xác, nhưng lại nghĩ rằng: "Đó là một vị Sa-môn, mặc áo hoại sắc là hình dáng tiêu biểu của chư Phật, Hiền thánh. Nếu ta định giết thì chẳng khó gì, nhưng nếu giết người tức là phá hoại cái tướng tiêu biểu của chư Phật, Hiền thánh". Nghĩ như thế rồi, liền nuốt giận chịu khổ. Sau một lúc lâu, vì thuốc độc chạy khắp thân thể, sư tử cảm thấy đau đớn, khó nhẫn, lại định cấu xé người thợ săn. Nhưng lại nghĩ rằng, nếu giết thì không khó, nhưng chư Phật, Hiền thánh sẽ quở trách, hơn nữa người đời sẽ không phân biệt được thiện ác. Đây là một kẻ xấu ác, mang lòng thâm độc, âm mưu hại ta, nếu ta không nhịn được thì cũng không khác gì kẻ kia. Người tu hành nhẫn nhục, ai cũng kính mến, kẻ không nhẫn nhịn, ai cũng ghét bỏ, vì thế mà càng thêm phiền não thì sinh tử thêm lên, sinh tử càng tăng thì phải sinh vào những nơi nạn xứ; sinh vào nơi nạn xứ, thì xa lìa bạn lành, xa lìa bạn lành thì không được nghe chánh pháp, không được nghe chánh pháp càng sinh hoài nghi, hoài nghi càng nhiều thì phải xa lìa đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì thế ta không nên làm ác. Nghĩ như thế rồi, liền nói kệ:

Đối người mặc áo pháp
Xin tự nguyện bỏ mình
Trọn không khởi tâm ác.
Đối với người xuất gia
Xin tự nguyện bỏ mình
Trọn không khởi tâm ác.

Nói kệ xong, liền ngã xuống tắt thở. Lúc đó, trời đất rúng động, cầm thú sợ hãi bỏ chạy tứ tán, trời xanh mưa máu, mặt nhật lu mờ. Bấy giờ tên thợ săn mới cởi bỏ áo pháp, cầm dao lột lấy da sư tử đem về. Khi về tới nhà liền mang đến dâng lên vua. Vua thấy tấm da của sư tử thì vui mừng, mới nói với quần thần:

– Ta chưa từng nghe thấy có giống thú nào mà lông lại vàng chói như thế. Vậy mà hôm nay mắt lại được thấy, thế mới lạ.

Vua mới hỏi người thợ săn dùng cách nào mà có được tấm da ấy. Người thợ săn tâu vua:

– Nếu Bệ hạ có tha cho hạ thần, thì hạ thần mới dám tâu.

Nhà vua nói:

– Cho phép nhà ngươi cứ theo ý mà nói.

Người thợ săn bèn thuật lại đầy đủ câu chuyện cho vua nghe. Nghe xong, vua thấy lòng nghẹn ngào, đau đớn, nói chẳng nên lời, liền triệu tập tất cả quan đại thần và các tiểu vương lại mà tuyên bố:

– Các khanh nên biết, ta từng được nghe các bậc trí giả nói rằng, nếu có con thú nào lông mình thuần sắc vàng óng, tức là vị Bồ-tát hóa thân, vì hết thảy chúng sinh, mở lòng Bồ-đề mà làm việc đại lợi ích. Tại sao ngày nay, tên thợ săn độc ác này dám dùng quỉ kế để giết hại một vị Bồ-tát? Nay nếu ta đem quan tước, bổng lộc, voi, ngựa, của báu, cơm áo, tiền tài và tơ lụa mà ban thưởng cho kẻ ác này, thì tức là ta đã hùa với y mà làm việc vô đạo.

Nói xong liền đem người thợ săn ra chém đầu. Rồi đem bộ da sư tử vào trong núi, tìm lấy xác chết bọc lại và dùng ngưu đầu chiên-đàn chất lên thành giàn mà hỏa thiêu. Xong xuôi thì thu lấy xá-lợi, xây tháp cúng dường.

Phật bảo Tôn giả A-nan và đại chúng:

– Các thiện nam tử, sư tử Kiên Thệ bấy giờ, nay là Như Lai, Thích-ca Văn Phật vậy. Bồ-tát thân cận bạn lành như thế cho đến mất cả thân mạng mà không khởi tâm ác. Vì sao vậy? Là do biết ân và báo ân. Bởi thế Bồ-tát thường được gần gũi thiện hữu tri thức và chóng thành tựu được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, Bồ-tát siêng tu, gần gũi thiện tri thức, cầu nghe chánh pháp, cho đến một câu, một bài kệ hoặc một nghĩa để diệt trừ tất cả phiền não trong ba cõi. Khi Bồ-tát dốc lòng cầu lời Phật dạy, vì khao khát phép mầu, nên chẳng tiếc thân mạng, dù có phải đứng trên sắt nóng, bị lửa thiêu đốt cũng không lấy thế làm lo. Bồ-tát vì một câu kệ còn chẳng tiếc thân mạng, huống chi cả mười hai bộ Kinh. Vì một câu kệ mà đến thân mạng còn không tiếc, huống chi là những báu vật khác. Là vì cái lợi nghe pháp làm cho thân tâm được yên vui, sinh ra tín tâm chân chánh. Được thấy người thuyết pháp, cũng như thấy cha mẹ, lòng không dám khinh lờn. Vì chúng sinh mà dốc lòng nghe pháp, chứ không phải vì lợi lộc; vì tạo lợi ích cho chúng sinh chứ không phải vì tư lợi. Vì chánh pháp mà không sợ mọi nạn khổ, cho đến đói khát, nóng lạnh, hổ lang, thú dữ và những việc giặc giã, trộm cướp, tất cả đều không sợ. Trước phải điều phục lấy mình, diệt trừ tận gốc các phiền não, rồi sau mới nghe pháp. Khi nghe pháp, lòng không rối loạn, cung kính người nói pháp, tôn trọng pháp, thế gọi là Bồ-tát biết ân, báo ân.

Thế nào gọi là Bồ-tát dốc lòng nghe pháp? Nghe pháp có bốn điều:

1. Tâm thành tín.

2. Tâm chuyên chú.

3. Tâm cung kính.

4. Tâm thiện.

Sở dĩ Bồ-tát dốc lòng nghe pháp, cần cầu mười hai bộ Kinh, là vì nhớ nghĩ đến ân sâu nặng của Phật, muốn cho chánh pháp của Phật được lưu hành khắp nơi, muốn cho Phật pháp trường tồn mãi mãi; muốn cho thế gian tin ở Phật pháp, khiến cho tất cả chúng sinh đều chứng được đạo Vô thượng Bồ-đề. Thế là Bồ-tát vì nghĩ đến vô lượng chúng sinh ở mười phương, vì đền đáp ân sâu dày của Phật, cho nên dốc lòng nghe pháp, cần cầu mười hai bộ Kinh.

Tại sao Bồ-tát lại cần cầu Phật pháp? Là vì muốn khiến cho chúng sinh, phát sinh lòng tin, cho nên Bồ-tát cần cầu Phật pháp.

Tại sao Bồ-tát phải tìm hiểu Nhân luận? Là vì muốn hiểu thấu mọi tội lỗi, muốn phá trừ các tà thuyết của ngoại đạo, muốn biết phương tiện để điều phục chúng sinh, muốn phân biệt rõ ý nghĩa của lời Phật dạy để đối trị những lời nói của thế gian. Bởi thế Bồ-tát phải tìm hiểu Nhân luận.

Tại sao Bồ-tát phải tìm hiểu Thanh luận? Là vì muốn cho lời nói được thanh tịnh trang nghiêm. Nếu lời nói không thanh tịnh thì không thể giải thích rõ ràng mọi ý nghĩa, vì muốn hiểu biết tất cả mọi nghĩa lý để làm cho chánh pháp khỏi bị tổn hại; để diệt trừ lòng kiêu mạn của người khác và phá tan mọi tà kiến. Vì muốn biết phương tiện để điều phục chúng sinh, bởi thế mà Bồ-tát phải tìm hiểu Thanh luận.

Tại sao Bồ-tát phải tìm hiểu các phương thuốc? Là vì muốn khiến cho chúng sinh thoát khỏi bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh, xa lìa các điều ác; vì thương xót tất cả chúng sinh, vì muốn cho chúng sinh phát sinh lòng tin tưởng để tránh mọi khổ đau, cho lòng được yên vui. Khi lòng đã được yên vui thì thường nhớ nghĩ đến tâm đại bi cứu độ chúng sinh của Phật. Bởi thế mà Bồ-tát phải tìm hiểu mọi phương thuốc.

Tại sao Bồ-tát phải tìm hiểu các học thuật thế gian? Là vì muốn tạo lợi ích cho chúng sinh một cách dễ dàng. Là vì nếu hiểu suốt các học thuật thế gian thì rất dễ phá trừ lòng kiêu mạn của mọi người để điều phục họ, khiến cho họ sinh lòng chánh tín, trừ bỏ các tà kiến và chấp trước. Bởi thế mà Bồ-tát phải tìm hiểu các học thuật thế gian. Nếu Bồ-tát nào không chịu cầu học năm việc ấy thì không thể chứng được đạo Vô thượng Bồ-đề. Vì muốn đạt được đạo quả Vô thượng Bồ-đề mà Bồ-tát phải cầu năm việc ấy.

Bồ-tát ghi ân, trả ân là vì chúng sinh mà nói. Nhưng nói việc gì? Và nói bằng cách nào?

Nói việc gì là nói về mười hai bộ Kinh. Còn nói cách nào là phải thông thạo năm việc kể ở trên. Vì muốn chứng được đạo Vô thượng Bồ-đề cho nên phải nói theo hai cách:

1. Nói pháp theo thứ lớp;

2. Nói pháp theo thanh tịnh.

Nói pháp theo thứ lớp là: Trước phải nói bố thí, kế nói trì giới… cho đến trí tuệ. Nếu muốn ghi ân, đền ân, thì phải suy nghĩ đúng nghĩa lý, rồi như pháp mà tu hành. Thế gọi là nói pháp theo thứ lớp.

Nói pháp thanh tịnh là: Nếu người nghe thì ngồi mà người nói lại đứng thì không nên nói pháp. Nếu người nghe cố tìm những lỗi của pháp và của người nói pháp, thì cũng không nên nói pháp. Nếu người nghe căn cứ vào người nói mà không căn cứ vào pháp, thì cũng không nên nói pháp. Nếu người nghe chấp theo chữ mà không y theo nghĩa, thì cũng không nên nói pháp, cho đến người nghe không y theo Kinh liễu nghĩa thì cũng không nên nói pháp. Tại sao vậy? Là vì những người ấy không biết cung kính chư Phật, Bồ-tát và pháp thanh tịnh. Nếu người nói pháp biết tôn trọng pháp và những người nghe pháp cũng biết quý kính, dốc lòng nghe pháp, không sinh tâm khinh nhờn, thế gọi là nói pháp thanh tịnh.

Lại nữa, nói pháp theo thứ lớp là nói tất cả về các pháp. Nói tất cả về các pháp nghĩa là nói mười hai bộ Kinh cho đến một câu, một bài kệ hay nửa bài kệ, trong đó tùy theo lời nói, ý nghĩa và phương pháp để tùy cơ theo phương tiện trình bày, chỉ giáo, đem lại lợi ích cho mọi người. Cũng có khi cần phải dùng lời quở trách, có lúc nên nói thẳng, cũng có khi cần phải thí dụ, cứ tùy chỗ nên nói, hoặc nói gần gũi cho người nghe dễ hiểu, cứ tùy theo chỗ người muốn nghe, dùng phương tiện mà nói pháp, thế gọi là Bồ-tát biết ân và đền ân, theo thứ lớp mà nói pháp.

Nói pháp thanh tịnh là: các bậc Đại Bồ-tát đối với những việc oán ghét phải tu tập lòng Từ. Khi đã được lòng Từ rồi, dùng mọi phương tiện để nói pháp cho những người xấu ác, những người buông lung cho đến những kẻ tham đắm dục lạc, tâm ý phóng túng và cả những người nghèo khổ, khiến cho họ đều cùng được tỉnh ngộ, đừng vì khen mình chê người, đừng vì chuyện ăn uống, lợi lộc và danh vọng. Thế gọi là Bồ-tát biết ân và đền ân mà nói pháp thanh tịnh. Theo đúng như pháp mà tu tập các điều thiện, diệt trừ ba nghiệp ác, đầy đủ sự thanh tịnh, ghi ân đền ân để trang

nghiêm đạo Vô thượng Bồ-đề. Nếu các bậc Đại Bồ-tát muốn nhớ ân để trả ân thì phải suy nghĩ về giáo nghĩa, học rộng, nghe nhiều để thông suốt tất cả, để nêu cao ngọn đuốc Phật pháp. Nếu muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, thì phải tu các pháp bố thí, trì giới…, lại phải cúng dường những người nói pháp, không tìm lỗi của pháp và của người nói pháp, không mang lòng ác hại, đem sự yên vui cho mọi người, thế gọi là biết ân. Sau khiến cho cả mình và người được hưởng phúc báo ở cõi người và cõi trời, cho đến khi chứng được đạo quả Niết-bàn, thế gọi là báo ân.

Lại nữa, Bồ-tát phải theo bốn phép để tu hạnh nhẫn nhục, diệt trừ lòng bất nhẫn, trang nghiêm đạo Bồ-đề:

Khuyên tất cả chúng sinh tu hạnh nhẫn nhục.

Tự mình nhẫn và dạy người khác nhẫn để xa lìa sự sợ hãi, thế gọi là biết ân.

Nhờ sự nhẫn nhục nên không sinh lòng giận hờn, không làm hại ai, không phải chịu khổ não nên không ân hận.

- Sau khi bỏ thân này, được hưởng phúc báo ở cõi người và cõi trời, cho đến chứng được đạo quả Niết-bàn, thế gọi là báo ân.

Này các thiện nam tử, Bồ-tát lại theo bốn việc mà siêng tu tinh tấn để diệt bỏ sự biếng trễ, trang nghiêm đạo Bồ-đề:

Khuyên tất cả chúng sinh vì đạo Bồ-đề mà siêng tu tinh tấn.

Xa lìa mọi phiền não, tăng trưởng các pháp lành cho thân được yên vui, thế là tư lợi.

Bồ-tát tinh tấn, không làm phiền chúng sinh, đánh đập, chửi rủa, thế là lợi tha.

Bỏ thân này rồi, được hưởng phúc báo ở cõi người, cõi trời, mình được yên vui, cho đến được đạo Bồ-đề, thế là được đạt quả báo lớn lao.

Lại nữa, Bồ-tát theo bốn việc mà tu phép định để dứt trừ tâm tán loạn, trang nghiêm đạo Bồ-đề:

Khuyên tất cả chúng sinh vì đạo Bồ-đề mà tu Thiền định.

Đời này được yên vui, thân tâm vắng lặng, thế gọi là biết ân.

Vì thân tâm vắng lặng, nên không làm phiền chúng sinh, thế gọi là biết ân, đền ân.

Bồ-tát bỏ thân này rồi, được thân thanh tịnh, yên ổn vui vẻ, chứng được Niết-bàn.

Thế là Bồ-tát theo bốn việc mà tu Thiền định.

Lại nữa, Bồ-tát biết ân, đền ân, cũng phải theo bốn việc mà thành tựu

trí tuệ để diệt trừ vô minh, trang nghiêm đạo Bồ-đề:

Dùng pháp Tứ nhiếp dạy bảo chúng sinh, vì đạo Bồ-đề, tu hành trí tuệ.

Vì hiểu thấu "tánh", "tướng" của các pháp, nên mình được yên vui, thế là tự lợi.

Có thể giúp chúng sinh về các việc thế gian và xuất gian, thế là lợi tha.

Có thể tiêu trừ được hai chướng là phiền não và trí tuệ phàm phu, thế là được quả báo lớn. Như vậy gọi là biết ân, đền ân.

Đó là Bồ-tát theo bốn việc mà tu trí tuệ không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát dùng trí tuệ kiếp trước, biết được các việc kiếp trước, hiểu suốt các nghiệp của chúng sinh, dù thiện hay ác, cũng đã đến ngày được hưởng một duyên lành. Cho nên Bồ-tát, vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, đã dùng đại phương tiện, từ cung trời Đâu-suất, đầy đủ thọ mạng, có ba điều tối thắng:

1. Thọ mạng hơn hết.

2. Đẹp đẽ hơn hết.

3. Danh thơm hơn hết.

Khi mới giáng sinh, phóng ra những tia sáng lớn, chiếu khắp mười phương và đã biết trước giờ phút ra đời ngay từ khi mới thọ thai. Lúc vừa sinh ra, đã đi bảy bước, không phải dìu dắt và tự nói: "Kiếp này là kiếp sau chót của Ta."

Bấy giờ, chư Thiên, Quỉ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già dâng các thứ hoa, hương vi diệu trỗi ca nhạc và treo phan, phướn cúng dường. Bồ-tát có ba mươi hai tướng đẹp đẽ trang nghiêm, không ai hơn được; thân thể khỏe mạnh, khí lực đầy đủ, dùng sức từ thiện dẹp chúng ma quân. Khi lên bảy tuổi, không học thế sự mà hiểu biết tất cả, học không cần thầy, tự tu mà chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Sau khi thành đạo, Phạm thiên khuyến thỉnh chuyển bánh xe pháp tế độ chúng sinh. Khi nhập đại định thì dù cho sấm sét cũng không lay chuyển. Các loài thú vật thường đến gần gũi, mến như mến cha mẹ; súc vật dâng các thức ăn vì Phật hiểu lòng mình. Linh thần tuôn mưa, tắm gội thân thể, cây rủ cành lá, che rợp khắp người. Trong sáu năm tu khổ hạnh, Ma thường tìm kiếm mà không thấy một lỗi lầm. Thường ngồi thiền định, thành tựu tâm niệm, khéo hiểu biết các giác quan có lúc khởi, lúc diệt. Đó là điểm bất

khả tư nghị của Bồ-tát giống với chúng sinh. Còn điểm khác với chúng sinh, là Bồ-tát làm lợi ích cho tất cả mọi loài, như người điên được thấy Như Lai thì trở lại bản tâm, người mù được thấy, người điếc được nghe, người sinh ngược trở lại thuận và những tánh tham, sân, si đều diệt trừ. Đó là chỗ bất khả tư nghị của Bồ-tát khác với chúng sinh.

Lại nữa, tuy cũng sinh ra như chúng sinh, nhưng chỗ hành động của Như Lai không thể nghĩ bàn: Như Lai thường nằm nghiêng về bên phải như Sư tử vương, dù cỏ hay lá cũng không làm động loạn được, gió cuốn, bão táp mà y phục không lay động. Khi bước chân đi, như Sư tử vương và Bạch nga vương. Nếu lúc muốn đi, bao giờ cũng bước chân phải trước, những chỗ đi qua đều bằng phẳng không còn cao thấp. Khi ăn xong, không còn sót một hạt cơm ở miệng. Đó là chỗ "Cộng sinh" bất khả tư nghị của Như Lai.

Lại nữa, tuy cũng sinh như chúng sinh, nhưng Như Lai có ba mươi tướng không thể nghĩ bàn:

1. Bàn chân bằng phẳng.
2. Bàn chân có ngàn xoáy ốc.
3. Ngón tay dài và nhỏ.
4. Gót chân đầy đặn.
5. Ngón tay có nhiều vân.
6. Chân tay mềm mại.
7. Bụng tròn trĩnh, đầy đặn như bụng Kim sắc lộc vương.
8. Mắt cá chân bằng phẳng.
9. Tay dài tới đầu gối.
10. Tướng âm tàng, như tượng mã vương.
11. Mình tròn trặn, đầy đặn như cây Ni-câu-đà.
12. Lông trong mình đều nghiêng lên phía trên.
13. Lông đều xoáy theo bên phải.
14. Thân mình sắc vàng.
15. Thường chiếu sáng cách thân tám thước.
16. Lớp da mịn màng, không dính bụi bặm.
17. Bảy chỗ đầy đặn, bằng phẳng.
18. Nửa mình trên như mình sư tử.
19. Cánh tay tròn lẳn.
20. Xương ngực bằng phẳng.

21. Thân hình vạm vỡ.

22. Trong miệng có bốn mươi răng.

23. Răng nhỏ khít và rất đều.

24. Răng trắng như ngà.

25. Hàm vuông như hàm sư tử.

26. Khi ăn thấy hương vị thượng hảo.

27. Đỉnh trên trán nhô lên thành tướng nhục kế.

28. Lưỡi dài và rộng.

29. Tiếng như tiếng Phạm âm.

30. Sắc mắt xanh biếc.

31. Mắt như mắt ngưu vương.

32. Khoảng giữa lông mày có một sợi lông dài và trắng.

Như thế cho đến tám mươi vẻ đẹp không thể nghĩ bàn. Mỗi mỗi tướng tốt lại có vô lượng trăm ngàn vẻ đẹp huyền diệu. Mỗi một tướng tốt đều là kết quả của sự tu tập diệu hạnh của Bồ-tát từ lúc mới phát tâm Bồ-đề kiên cố cho đến khi được thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Phật lại nói:

– Như Lai đã từng trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp dốc lòng tu trì tịnh giới, cho nên nay mới được tướng bàn chân bằng phẳng. Nhờ sự cúng dường Cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng và các bậc có đức, cho nên được tướng ngàn xoáy ốc dưới bàn chân. Đối với chúng sinh không mang lòng làm hại, không có ý tưởng cướp đoạt. Hễ thấy Cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng và những bậc có đức thì ra đón chào, sửa đặt tòa ngồi, cung kính lễ bái, dẹp bỏ lòng kiêu mạn, nhờ thế mà nay được tướng ngón tay dài và nhỏ. Có đủ ba hạnh kể trên, nên được tướng gót chân đầy đặn. Nhờ dùng Tứ nhiếp pháp giúp đỡ chúng sinh, nên được tướng ngón tay có nhiều vân. Dùng các thứ dầu thơm tắm gội cho Cha mẹ, Sư trưởng và các bậc có đức, nhờ thế mà được tướng chân tay mềm mại. Nhờ công tu tập các pháp lành không biết chán mỏi, nên được tướng bụng tròn trặn, đầy đặn. Nghe pháp vui vẻ, thích nói lại cho người khác nghe và ưa làm việc đạo, nhờ thế mà được tướng mắt cá chân bằng phẳng. Nhờ ba nghiệp thanh tịnh, khám bệnh cho thuốc, phá trừ lòng kiêu ngạo, ăn uống có chừng mực, nên được tướng tay dài bằng gối. Thấy người ta chia rẽ, dùng lời nói khéo khiến cho người ta đoàn tụ với nhau. Biết tự tu hổ thẹn, lại dạy người tu, nhờ thế mà được tướng âm tàng như tượng mã vương. Tự mình tu sạch ba nghiệp, lại dạy người khác tu, nếu chúng sinh nào đau ốm thì tìm cách chạy chữa, do thế

mà được tướng thân tròn mình lẳn. Nhờ lòng vui vẻ nghe pháp, lại hay nói lại cho người khác nghe, mà được tướng lông trong mình đều hướng lên phía trên. Suy nghĩ ý nghĩa sâu xa của các pháp, ưa tu các pháp lành, cúng dường Cha mẹ, Sư trưởng và những bậc có đức; nếu đi dọc đường gặp pháp, hoặc tăng phòng đều cúng dường, giữa đường nếu có gạch đá, gai gốc hay vật bẩn thỉu thì dọn đi, nhờ thế mà được có tướng lông trong mình đều xoáy về bên phải. Nếu đem thức ăn hoặc đồ châu báu cho người thì không bao giờ sinh lòng sân hận, nhờ thế mà được hai tướng: một là sắc da vàng, hai là thường có ánh sáng và lại được tướng da mịn màng, không dính bụi nhơ. Thường giúp cho người những thứ cần dùng, nhờ thế mà được tướng bảy chỗ đầy đặn. Tự mình dẹp bỏ tánh kiêu mạn, biết điều hòa tánh tình, tùy theo sở thích của mọi người, như pháp tu hành để diệt các điều bất thiện và tăng trưởng các pháp lành, nhờ thế mà được tướng nửa mình trên như thân sư tử, tướng cánh tay tròn lẳn và tướng xương ngực bằng phẳng, tướng ngón tay nhỏ, tướng thân hình đầy đặn. Nhờ không nói lưỡi hai chiều và làm cho những người tranh giành phải hòa thuận mà được tướng có bốn mươi răng, tướng răng khít không kẽ hở, tướng răng bằng nhau, đều đặn. Nhờ tu các nghiệp từ bi, thiện lạc mà được tướng răng trắng như ngà. Thấy người thiếu thốn, vui vẻ giúp đỡ, đón thưa, nhờ thế mà được tướng hàm vuông như hàm sư tử, coi tất cả chúng sinh như một người con, vì thế mà được tướng ăn thức gì cũng thấy mùi vị thượng hảo; thường bố thí chúng sinh pháp vị vô thượng, gặp người hay quên thì cho trí nhớ, tự mình giữ năm giới, lại dạy người cũng tu tập lòng Từ, hay bố thí pháp cho mọi người, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng nhục kế, tướng lưỡi dài rộng, cứ như thực mà nói pháp cho mọi người vui mừng, nói những lời êm ái, dịu dàng, không đúng giờ không nói, do đó mà được tướng tiếng Phạm âm. Chứa góp lòng thương, coi tất cả chúng sinh như cha mẹ, nhờ nhân duyên ấy mà được sắc mắt xanh biếc và tướng mắt như mắt Ngưu vương, thấy những người có đức, thành thật tán thán, do đó mà được tướng bạch hào.

Đó là ba mươi hai tướng, tuy có những nhân duyên khác nhau, nhưng nhân duyên chính là cái nhân "trì giới" và "tinh tấn". Tại sao vậy? Vì nếu không chịu trì giới và siêng tu tinh tấn, thì đến thân người còn chẳng được làm, nói chi đến ba mươi hai tướng tốt?

Lại nữa, phàm đã làm việc thì lòng nhất định không hối hận, nhờ thế mà được tướng bàn chân bằng phẳng. Và khi làm việc thì dốc lòng làm, do đó mà được tướng ngàn xoáy ốc dưới bàn chân, tướng ngón tay có nhiều vân, tướng bảy chỗ bằng phẳng tướng da mịn màng, tướng thân thẳng và tròn, tướng lưỡi dài rộng. Thường tu các pháp thiện và dạy người khác tu,

cho nên được tướng ngón tay dài nhỏ; tướng tay chấm gối; tướng thường phát ra ánh sáng cách xa tám thước và tướng răng khít không thưa hở. Nhờ công tu sạch ba nghiệp nên được các tướng khác.

Lại nữa, đối với chúng sinh, sinh tâm thuần thiện, nhờ nhân duyên ấy được tướng tay chân mềm mại, da thịt mịn màng, bụi nhơ không bám. Vì theo thứ lớp và thời tiết mà tu tập các pháp lành, cho nên được tướng thứ hai, thứ ba và thứ tư. Ưa làm điều lành, lòng không chán nản, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng thân sắc vàng; tướng thân thường sáng; tướng răng trắng; tướng giữa khoảng lông mày có sợi lông trắng. Nếu nghe người ta ca ngợi đức tánh của mình không sinh lòng kiêu mạn, giấu giếm việc lành không cho người khác biết, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng mã tàng. Phàm tu các việc lành đều hồi hướng cho đạo Bồ-đề, vì thế mà được tướng lông trong mình đều hướng lên phía trên và đều xoay theo bên phải; tướng trong miệng có bốn mươi chiếc răng; tướng khi ăn thấy mùi vị thượng hảo. Nhờ nhân duyên siêng tu tinh tấn, nên được tướng hàm vuông như hàm sư tử; tướng nửa thân trên như mình sư tử. Dốc lòng thương nhớ tất cả chúng sinh, như mẹ thương con, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng răng nhỏ và bằng phẳng, tướng mắt xanh biếc như mắt Ngưu vương. Nhờ tu tập các pháp lành không biết chán nản, cho nên được các tướng khác.

Các bậc Đại Bồ-tát, khi dựa vào tịnh hạnh mà tu ba mươi hai tướng tốt, khi các nghiệp đã được thanh tịnh, tuy có ba mươi hai tướng tốt như thế nhưng chưa đầy đủ, chưa được hoàn toàn trong sáng. Bồ-tát còn phải tu theo mười hai hạnh để thấu suốt đầy đủ tất cả các pháp của Phật. Tuy vô lượng tướng của chúng sinh không giống nhau, có thượng, trung và hạ không thể nghĩ bàn. Bởi thế Phật nói, trong ba mươi hai tướng, đem công đức tích chứa góp hợp của tất cả chúng sinh mà so sánh thì mới chỉ bằng cái tướng mảy lông của Như Lai. Tất cả các lỗ chân lông đều có công đức, chứa góp hòa hợp mà thành một vẻ đẹp, rồi tập hợp công đức của tám mươi vẻ đẹp, tăng gấp trăm lần mới thành một tướng. Duy chỉ có hai tướng Bạch hào và Nhục kế thì phải tập hợp tất cả các tướng khác, tăng đến ngàn lần mới thành được hai tướng đó. Do đem hòa hợp tất cả công đức, đem hết công đức của ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp tăng lên ngàn vạn ức lần mới thành được cái tướng Lôi âm của Như Lai, mà âm vang xa thẳm đến vô lượng, vô biên thế giới của chư Phật nhiều như vi trần cũng đều nghe thấy. Vì làm lợi ích cho chúng sinh mà Bồ-tát tu hạnh đại từ bi, nhớ ân đền ân, tu tập các pháp sâu xa mầu nhiệm khó thể nghĩ bàn và các tướng tốt vi diệu như thế. Trong mỗi tướng có thể làm lợi ích cho vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh, khiến cho họ đều phát tâm Bồ-đề, lần lượt tu tập,

đầy đủ công đức, cho đến thành được ba mươi hai tướng tốt đẹp. Khi có đủ các tướng tốt đẹp rồi, đều khiến đi đến gốc cây Bồ-đề, hàng phục ma quân, chứng thành Phật quả, quay bánh xe chánh pháp, độ cho chúng sinh qua khỏi bể khổ, ngu si, sinh tử mà lên bờ giác ngộ, giải thoát yên vui để thành tựu công việc lợi ích cho tất cả muôn loài.

Phật bảo Tôn giả A-nan, tất cả đại chúng và các bậc Đại Bồ-tát:

– Các thiện nam tử, các vị những ai có thể luôn nhớ ân của Phật, hộ trì chánh pháp, biên chép đọc tụng kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân sâu xa vi diệu này? Ai có thể ở đời ác trược sau này, phát tâm đại tinh tấn thọ trì ủng hộ đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Ai có thể hộ pháp, truyền bá Kinh này để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh?

Bấy giờ trong đại hội có một vạn tám ngàn vị Đại Bồ-tát, đều từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, để hở vai áo bên phải, đầu gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, trong đời ác trược sau này chúng con đều có thể thọ trì ủng hộ đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; đều có thể hộ trì chánh pháp và giáo hóa chúng sinh.

Lúc đó Bồ-tát Sư Tử lại nói:

– Bạch Đức Thế Tôn, con cũng có thể dùng mọi phương tiện để giúp đỡ chúng sinh.

Bồ-tát Kim Cang nói:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu chúng sinh sắp sa vào ba đường dữ con có thể ngăn lại, khiến cho khỏi bị đọa.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu chúng sinh cầu tu các pháp thiện, con có thể khiến cho tất cả đều đầy đủ như ý.

Bồ-tát Trí Tràng nói:

– Con có thể cho chúng sinh được trí lớn.

Bồ-tát Pháp Tràng nói:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thể lấy pháp mà bố thí khắp cho chúng sinh.

Bồ-tát Nhật Quang nói:

– Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện đem sự yên vui mà bố thí chúng sinh.

Bồ-tát Nguyệt Quang nói:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thể giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến tu phước đức.

Bồ-tát Thiện Hộ nói:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thể giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến không buông lung.

Bồ-tát Vô Tận Ý nói:

– Bạch Đức Thế Tôn, con có thể giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến cho thấy rõ "tánh", "tướng" của pháp giới vô tận.

Bồ-tát Nguyệt Thượng nói:

– Bạch Thế Tôn, con có thể bố thí chúng sinh điều yên vui không gì hơn.

Như thế các vị Bồ-tát lần lượt tự lập thệ nguyện vi diệu để trang nghiêm đạo Bồ-đề, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Vì muốn nhớ ân Phật và muốn đền đáp ân Phật, nên chư Bồ-tát từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ sát đất, chắp tay bạch Phật:

– Xin Đức Thế Tôn đem Kinh này giao phó cho hàng Bồ-tát chúng con.

Bấy giờ Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, kinh này nên đặt tên là gì và phụng trì như thế nào?

Phật bảo:

– Kinh này gọi là kinh Nhiếp Chúng sinh Thiện Bản, cũng gọi là Đại Phương Tiện, cũng gọi là Vi Mật Hạnh, cũng gọi là Phật Báo Ân.

Phật bảo Tôn giả A-nan và các bậc Đại Bồ-tát:

– Các vị phải theo đúng lời dạy mà tu hành.

Khi Phật nói phẩm Chúc lụy này, có bảy vạn hai ngàn vị Thanh văn phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Tất cả chư Thiên, Long, Quỉ, Thần, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi Nhân và đại chúng nghe Phật thuyết pháp, đều vui mừng vâng làm.

□

SỐ 157

KINH BI HOA

Hán dịch: Đời Bắc Lương, Tam tạng
Pháp sư Đàm Vô Sấm, người Thiên trúc.

QUYỂN 1

Phẩm 1: Chuyển Pháp Luân

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ngự tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá, cùng với đông đủ sáu vạn hai ngàn vị đại Tỳ-kheo Tăng đều là bậc A-la-hán, đã sạch các lậu, không còn phát sinh phiền não, đã được hoàn toàn tự tại, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, giống như voi chúa đã thuần thục trọn vẹn, việc làm đã xong, đã rũ bỏ gánh nặng, được tự lợi, cắt đứt các trói buộc; với trí tuệ chân chánh giải thoát, tâm được tự tại đối với tất cả, đã đạt đến bờ bên kia, chỉ trừ Tôn giả A-nan.

Các bậc Đại Bồ-tát này có đến bốn trăm bốn mươi vạn vị, Bồ-tát Di-lặc làm thượng thủ, đều được Đà-la-ni, nhẫn nhục, thiền định, hiểu rõ các pháp đều không, không có tướng nhất định. Các bậc Đại sĩ như vậy đều là bậc không còn thoái chuyển.

Bấy giờ, có Đại Phạm thiên vương cùng với vô lượng trăm ngàn các Phạm Thiên tử; Tha hóa tự tại Thiên vương cùng quyến thuộc bốn trăm vạn vị; Hóa lạc Thiên vương cùng với quyến thuộc ba trăm năm mươi vạn vị; Đâu-suất Thiên vương cùng quyến thuộc ba trăm vạn vị; Dạ-ma Thiên vương cùng quyến thuộc ba trăm năm chục vạn vị; Đao-lợi Thiên vương là Thích Đề-hoàn Nhân cùng quyến thuộc bốn trăm vạn vị; Tỳ-sa-môn Thiên vương cùng quỉ thần quyến thuộc mười vạn vị; Tỳ-lâu-lặc Thiên vương cùng Câu-biện-trà quyến thuộc một ngàn vị; Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương cùng các rồng quyến thuộc một ngàn vị; Đề-đầu-lại-tra Thiên vương cùng Càn-thát-bà quyến thuộc một ngàn vị; Nan-đà Long vương, Bà-nan-đà Long vương mỗi vị cũng cùng một ngàn quyến thuộc, các chúng hội này đều đã phát tâm hướng đến Đại thừa, đã tu hành sáu Ba-la-mật.

Bấy giờ, cùng với đại chúng vây quanh, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu để tất cả đại chúng dứt trừ bốn điên đảo, sinh ánh sáng pháp lành, được trí tuệ sáng suốt, hiểu rõ bốn Thánh đế và muốn cho tất cả các Bồ-tát ở đời sau được vào Tam-muội, sau khi vào Tam-muội, vượt qua địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật, cho đến khi chứng quả vị A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, không còn thoái chuyển.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Vô Nghi Kiến, Bồ-tát Thủy Thiên, Bồ-tát Sư Tử Ý, Bồ-tát Nhựt Quang cùng các Bồ-tát Ma-ha-tát thượng thủ như vậy mười ngàn vị, từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về hướng Đông nam một lòng vui mừng, cung kính chiêm ngưỡng và niệm lên rằng:

– Nam-mô Liên Hoa Tôn, Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nam-mô Liên Hoa Tôn, Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Thật hy hữu thay! Thế Tôn thành Chánh giác chưa bao lâu mà Ngài có thể thị hiện vô lượng các pháp thần túc biến hóa, khiến cho vô lượng, vô biên trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh được trồng căn lành, được không thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc ấy, trong hội có vị Đại Bồ-tát tên là Bảo Nhựt Quang Minh, từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay hướng lên Đức Phật, thưa:

– Kính bạch Thế Tôn, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Vô Nghi Kiến, Bồ-tát Thủy Thiên, Bồ-tát Sư Tử Ý, Bồ-tát Nhựt Quang, cùng mười ngàn vị Bồ-tát Ma-ha-tát thượng thủ như vậy, vì nhân duyên gì các vị bỏ việc nghe pháp, rời tòa đứng dậy, bày vai bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, bắt tréo tay rồi chấp lại, hướng về phía Đông nam một lòng vui mừng, niệm: "Nam-mô Liên Hoa Tôn, Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Nam-mô Liên Hoa Tôn, Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Thật hy hữu thay! Thế Tôn thành Chánh giác chưa bao lâu mà Ngài có thể thị hiện vô lượng các pháp thần túc biến hóa, khiến cho vô lượng, vô biên trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh được trồng căn lành".

Kính bạch Thế Tôn, Đức Phật Liên Hoa Tôn này cách đây gần hay xa? Đức Phật đó thành Phật đến nay thời gian đã bao lâu? Cõi nước đó tên là gì? Và dùng vật gì để trang nghiêm? Phật Liên Hoa Tôn vì sao thị hiện biến hóa nhiều cách, nơi mười phương thế giới, chỗ có chư Phật, Ngài thị hiện biến hóa vô lượng cách. Hoặc có Bồ-tát thấy được, riêng con không được nhìn thấy.

Đức Phật bảo Bồ-tát Bảo Nhựt Quang Minh:

– Thiện nam tử! Lành thay! Lành thay! Những điều ông hỏi chính là châu báu, chính là hiền thiện, chính là biện tài, chính là khéo hỏi.

Này thiện nam tử, ông có thể hỏi Như Lai về diệu nghĩa như vậy là vì muốn được Như Lai giáo hóa cho vô lượng vạn ức na-do-tha chúng sinh, khiến họ đều được trồng căn lành, muốn được hiển bày vô số sự trang nghiêm ở cõi Liên Hoa Tôn, nên mới thưa hỏi như thế.

Này thiện nam tử, nay Ta sẽ nói, ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, khéo lãnh thọ và giữ gìn.

Bồ-tát Bảo Nhựt Quang Minh một lòng vui mừng vâng nhận và lắng nghe Phật dạy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với Bồ-tát Bảo Nhựt Quang Minh:

– Này thiện nam tử, ở phương Đông nam, cách đây một ức trăm ngàn cõi Phật, có thế giới của Phật tên là Liên hoa, trang nghiêm bằng vô số các loại xinh đẹp, dâng các hoa đẹp, hương thơm bay tỏa khắp nơi, cây báu trang nghiêm, lớp lớp núi báu với đất bằng lưu ly xanh biếc, có vô lượng Bồ-tát ở khắp trong cõi ấy. Âm thanh vi diệu về pháp lành nghe vang khắp nơi. Đất ở nơi đó mềm mại giống như Thiên y. Khi đi, chân đạp lún sâu xuống đất bốn tấc, nhưng khi giở chân lên thì đất trở lại như cũ và có các loài hoa sen mọc lên tự nhiên. Có cây bảy báu cao bảy do-tuần, trên nhánh cây đó tự nhiên có treo y ca-sa trời.

Thế giới của Đức Phật kia thường nghe âm nhạc hay của chư Thiên. Trong tiếng hót ca của các loài chim ở cõi đó thường phát ra âm thanh với các diệu pháp như: Năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý. Nhánh, lá cây chạm vào nhau phát ra âm thanh hay hơn cả âm thanh của năm loại âm nhạc chư Thiên. Nơi mỗi gốc cây phát ra mùi hương thơm hơn cả hương thơm của chư Thiên. Hương thơm đó bay xa khắp một ngàn do-tuần. Ở khoảng giữa các cây có treo các loại chuỗi ngọc trời. Có lầu gác bằng bảy báu cao năm trăm do-tuần, ngang dọc bằng thẳng một trăm do-tuần. Có lan can làm bằng bảy báu bao bọc chung quanh. Bốn phía lầu gác đó có ao nước lớn dài tám mươi do-tuần, rộng năm mươi do-tuần. Bốn phía ao có bậc thềm đẹp làm bằng bảy báu. Trong ao nước đó có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng; mỗi hoa sen cao lớn bằng thẳng bằng một do-tuần. Đầu đêm, có các Bồ-tát sinh trong đài hoa, ngồi kiết già cảm nhận sự an vui, hoan hỷ của giải thoát. Gần sáng, bốn phía có gió thơm dịu dàng chạm vào thân Bồ-tát. Gió đó có thể làm cho các hoa đang khép được nở ra và thổi bay rải khắp đất.

Bấy giờ, Bồ-tát ra khỏi thiền định, lại cảm nhận sự an vui hỷ duyệt của giải thoát, bước xuống đài sen rồi lên lầu cao ngồi kiết già nơi tòa bảy

báu, lãnh thọ diệu pháp. Bên ngoài hoa viên kia, bao bọc bốn phía là dãy núi bằng vàng ròng Diêm-phù-đề cao hai mươi do-tuần, dài rộng bằng thẳng đều ba do-tuần. Trên núi có vô lượng trăm ngàn châu báu, ánh sáng của ngọc châu lưu ly sắc biếc, ngọc châu lưu ly lớn sắc biếc, hỏa châu chiếu sáng xen lẫn nhau.

Bấy giờ, Phật Liên Hoa Tôn dùng ánh sáng lớn và các ánh sáng báu hợp nhau tỏa chiếu rực rỡ nơi thế giới ấy. Cõi đó có ánh sáng vi diệu bậc nhất. Lại nữa, cõi đó không có mặt trời, mặt trăng, cũng không có ngày đêm, chỉ xem hoa khép lại và chim đậu nghỉ để biết thời gian. Trên núi báu đó có đài tốt đẹp bằng lưu ly xanh biếc cao sáu mươi do-tuần, ngang dọc hai mươi do-tuần. Bốn bên đài có lan can bằng bảy báu bao bọc xung quanh. Giữa đài, có tòa bằng bảy báu, trên mỗi tòa có một Bồ-tát đạt Nhất sinh bổ xứ ngồi nghe và lãnh thọ giáo pháp.

Này thiện nam tử, thế giới của Đức Phật đó có cây Bồ-đề tên là Nhân-đà-la, cao ba ngàn do-tuần, thân cây to lớn năm trăm do-tuần, nhánh lá tỏa rộng một ngàn do-tuần. Dưới cây có hoa sen, lưu ly làm cành, cao năm trăm do-tuần, nơi mỗi hoa đều có một ức trăm ngàn cánh bằng vàng dài năm do-tuần, nhụy làm bằng mã não, tua bằng bảy báu cao mười do-tuần, hoa lớn bằng bảy do-tuần.

Bấy giờ, sau đêm chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đức Phật Liên Hoa Tôn ngồi trên hoa sen ấy, tòa hoa này lại có nhiều hoa sen bao bọc xung quanh. Có các Bồ-tát ngồi trên hoa đó chiêm ngưỡng vô số sự biến hóa của Phật Liên Hoa Tôn.

Khi Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni thuyết việc này xong, Đại Bồ-tát Bảo Nhựt Quang Minh bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn, Phật Liên Hoa Tôn dùng hình tướng gì để làm ra các việc biến hóa ấy? Cúi xin Thế Tôn dạy rõ.

Đức Phật bảo Bồ-tát Bảo Nhựt Quang Minh:

– Này thiện nam tử, Phật Liên Hoa Tôn vào sau đêm chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ngài thị hiện vô số thần túc biến hóa. Thân Ngài biến hiện đến cõi Phạm thiên. Tướng nhục kế trên đảnh đầu phóng ra sáu mươi ức na-do-tha trăm ngàn ánh sáng chiếu nơi thế giới của các Đức Phật ở phương trên nhiều như số vi trần.

Bấy giờ, Bồ-tát ở phương trên không thấy các sắc duyên với mắt ở phương dưới như là đại, tiểu Thiết vi và các núi nhỏ, chỉ thấy ánh sáng của Phật chiếu đến các thế giới nơi có các Bồ-tát được thọ ký, hoặc được Tam-muội Nhẫn nhục đà-la-ni, hoặc được Thượng vị Nhất sinh bổ xứ. Do ánh

hào quang của Đức Phật nên ánh sáng của các vị Bồ-tát không hiện ra được. Đại chúng như vậy đều chắp tay hướng đến chiêm ngưỡng tôn nhan của Đức Phật Liên Hoa Tôn.

Lúc ấy, đại chúng chỉ thấy ba mươi hai tướng quý báu và tám mươi vẻ đẹp lần lượt trang nghiêm nơi thân Ngài, thấy Phật Liên Hoa Tôn và thế giới của Ngài với vô số tướng trang nghiêm. Thấy như vậy rồi, tâm họ được vui vẻ.

Khi ấy, trong các thế giới chư Phật, các vị Bồ-tát nhiều như vi trần trông thấy ánh sáng của Phật Liên Hoa Tôn biến hóa và thế giới của Ngài xong, mỗi vị đều rời bỏ cõi của mình, dùng sức thần túc cùng nhau đi đến gặp Đức Phật kia, lễ bái, vây quanh cúng dường, cung kính, tôn trọng và khen ngợi.

Này thiện nam tử, lúc thấy các Bồ-tát, Đức Phật kia bèn hiện tướng lưỡi của mình che phủ khắp bốn cõi thiên hạ. Tất cả chúng sinh đi, đứng, ngồi... trong đó; hoặc có Bồ-tát vào thiền định và xuất thiền định, đến giữa đại chúng, lễ bái, vây quanh cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen Đức Phật Liên Hoa Tôn.

Thiện nam tử, sau khi thị hiện tướng lưỡi dài rộng như vậy, làm các việc biến hóa xong, Đức Phật ấy liền thâu nhiếp tướng lưỡi lại.

Thiện nam tử, Phật Liên Hoa Tôn lại phóng ánh sáng từ nơi lỗ chân lông trên thân, mỗi lỗ chân lông phát ra sáu mươi ức na-do-tha trăm ngàn ánh sáng. Ánh sáng đó vi diệu, chiếu khắp mười phương, mỗi phương đều có thế giới của chư Phật nhiều như số vi trần. Trong thế giới đó, ở khắp mỗi nơi đều có Bồ-tát đã được thọ ký, được Tam-muội Nhẫn nhục đà-la-ni, hoặc được Thượng vị Nhất sinh bổ xứ. Thấy ánh sáng đó rồi, mỗi vị đều rời bỏ thế giới của Phật ấy, dùng năng lực thần thông cùng nhau đi đến chỗ Đức Phật Liên Hoa Tôn, lễ bái, vây quanh cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen.

Thiện nam tử, sau khi biến hóa xong, Đức Phật kia vì để giảng nói chánh pháp cho các Bồ-tát và đại chúng nên chuyển pháp luân bất thối, muốn cho vô lượng, vô biên chúng sinh được lợi ích lớn, được an vui lớn, vì thương xót thế gian, vì trời người cho nên muốn cho tất cả đều được đầy đủ pháp Đại thừa tối thượng.

-oOo-

Phẩm 2: ĐÀ-LA-NI

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Nhựt Quang Minh bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn, thế giới của Đức Phật kia làm sao có thể biết được sự khác nhau giữa ngày và đêm, âm thanh được nghe với tướng trạng gì? Các Bồ-tát kia làm sao để thành tựu được nhứt tâm và hành hạnh khác biệt gì?

Phật bảo Bồ-tát Bảo Nhựt Quang Minh:

– Thiện nam tử, thế giới của Đức Phật kia thường thường được chiếu sáng bằng hào quang của Phật. Khi hoa khép lại cùng với chim đậu nghỉ, Như Lai, Bồ-tát vào các thiền định Sư tử du hý, tâm vui vẻ hưởng an lạc giải thoát, nên biết, khi ấy là ban đêm. Lúc có gió thổi, các thứ hoa rải trên đất, các loài chim chóc đua nhau ca hót, tạo thành những âm thanh vi diệu, trời mưa các thứ hoa, bốn phía gió thổi mang hương thơm dịu êm mềm mại, mịn màng trơn láng, Phật và Bồ-tát xuất thiền định, bấy giờ Đức Phật kia thuyết tạng pháp Bồ-tát cho đại chúng, muốn cho họ vượt qua bậc Thanh văn, Duyên giác thì biết đó là ban ngày.

Thiện nam tử, chúng Bồ-tát ở thế giới của Đức Phật kia thường nghe tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng tịch diệt, tiếng vô sở hữu, tiếng sáu Ba-la-mật, tiếng mười lực, sáu vô úy, tiếng sáu thần thông, tiếng vô sở tác, tiếng vô sinh diệt, tiếng vi diệu tịch tĩnh, tiếng nhân của tịch tĩnh, tiếng duyên của tịch tĩnh, tiếng đại từ, tiếng đại bi, vô sinh pháp nhẫn, thọ ký... Hoàn toàn là các vị Bồ-tát với diệu âm thanh tịnh và luôn luôn nghe âm thanh như thế.

Thiện nam tử, âm thanh được nghe với tướng trạng như vậy.

Thiện nam tử, ở cõi kia Bồ-tát đã sinh, hoặc đang sinh đều thành tựu ba mươi hai tướng. Thân thường có ánh sáng chiếu xa một do-tuần, cho đến khi thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không còn bị rơi vào ba đường ác. Các Bồ-tát kia đều thành tựu tâm đại từ, tâm đại bi, tâm mềm mỏng, tâm không ái trược, tâm điều phục, tâm tịch tĩnh, tâm nhẫn nhục, tâm thiền định, tâm thanh tịnh, tâm không chướng ngại, tâm không nhơ nhớp, tâm không dơ bẩn, tâm chân thật, tâm ưa pháp, tâm muốn cho chúng sinh đoạn trừ phiền não, tâm như mặt đất, tâm xa lìa tất cả ngôn ngữ thế tục, tâm ưa thích thánh pháp, tâm cầu thiện pháp, tâm xa lìa ngã, tâm tịch diệt xa lìa sinh-già-bệnh-chết, tâm thiêu đốt các phiền não, tâm tịch tĩnh cởi bỏ tất cả trói buộc, được tâm bất động đối với tất cả pháp.

Thiện nam tử, các Bồ-tát kia được năng lực chuyên tâm, được năng lực phát khởi, được năng lực duyên, được năng lực nguyện, được năng

lực vô tránh, được năng lực thấy tất cả pháp, được năng lực các căn lành, được năng lực các Tam-muội, được năng lực đa văn, được năng lực trì giới, được năng lực đại xả, được năng lực nhẫn nhục, được năng lực tinh tấn, được năng lực thiền định, được năng lực trí tuệ, được năng lực tịch tĩnh, được năng lực tư duy, được năng lực thông suốt tất cả, được năng lực niệm, được năng lực Bồ-đề, được năng lực phá trừ tất cả ma, được năng lực bẻ dẹp tất cả ngoại đạo, được năng lực phá diệt tất cả các phiền não. Như vậy, ở nơi cõi Phật kia, Bồ-tát đã sinh, đang sinh đều là bậc Bồ-tát chân thật, đã được cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, Thế Tôn, đã gặp các Đức Phật và trồng các căn lành. Các Bồ-tát kia dùng thiền vị làm thức ăn mà pháp thực, hương thực giống như Phạm thiên, không có đoàn thực hay tên gọi, không có những điều không tốt, cũng không có nữ nhân, khổ thọ, yêu, ghét, các phiền não khác và ngã, ngã sở, khổ não của thân tâm, ba đường ác,... và cũng không có các tên như trên, cũng không có những chỗ tối tăm, hôi thối, gai gốc bất tịnh, dơ xấu, núi gò, ụ mối, đống đất, cát, sạn, đá vụn và ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, lửa cháy, núi Tu-di, biển lớn, đại-tiểu Thiết vi, chỗ tối tăm giữa hai núi. Cũng không có mưa tuôn nước đục, gió dữ phá hoại và tám nạn xứ, cũng không có các danh từ này.

Này thiện nam tử, thế giới của Đức Phật kia được chiếu sáng bằng ánh sáng báu của Phật và Bồ-tát. Ánh sáng đó vi diệu, thanh tịnh bậc nhất, tỏa khắp cả thế giới. Trong thế giới đó có chim tên là Thiện Quả, thường ca hót với âm thanh vi diệu nói về căn, lực, giác, đạo.

Bấy giờ, Bồ-tát Bảo Nhựt Quang Minh lại bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn, thế giới của Đức Phật kia cao rộng bao nhiêu? Đức Phật đó trụ thế, tuổi thọ và thuyết pháp với thời gian bao lâu? Sau đêm thành Bậc Chánh Giác cho đến sau khi Phật đó diệt độ, pháp của Ngài trụ ở đời bao lâu? Các chúng Bồ-tát trụ ở đời bao lâu? Các Bồ-tát sinh ở thế giới kia có bị cách xa việc được thấy Phật, nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng không? Thế giới của Đức Phật Liên Hoa khi Ngài chưa xuất hiện, tên là gì? Cõi đó từ khi thành hình cho đến khi Đức Phật, Thế Tôn ở quá khứ diệt độ thì đã trải qua thời gian bao lâu? Sau Ngài diệt độ, khoảng thời gian ở giữa đó là bao lâu thì Phật Liên Hoa Tôn mới thành đạo? Vì nhân duyên gì ở khắp mỗi nơi trong mười phương thế giới có chư Phật nhập Tam-muội Sư Tử du hý và thị hiện vô số thần túc biến hóa mà các Bồ-tát có vị được thấy, hoặc có vị không được thấy?

Phật bảo Bồ-tát Bảo Nhựt Quang Minh:

– Thiện nam tử, như Tu-di sơn vương cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, ngang dọc tám vạn bốn ngàn do-tuần; bấy giờ hoặc có người siêng năng tinh tấn, dùng năng lực huyễn hóa, hoặc năng lực thiền định phá núi Tu-di ra nát như hạt cải thì nhiều không thể tính toán được, trừ Phật, Thế Tôn với Nhất thiết trí ra thì không ai có thể biết được. Ví dụ một hạt cải là một Tứ thiên hạ, như vậy số Tứ thiên hạ có ở trong thế giới Liên hoa nhiều như là số hạt cải này. Các Bồ-tát ở khắp trong số thế giới đó, giống như các Bồ-tát trong thế giới an lạc ở phương Tây.

Thiện nam tử, Phật Liên Hoa Tôn kia có thọ mạng và thuyết pháp ba mươi trung kiếp. Sau khi Ngài diệt độ, chánh pháp trụ đời đủ mười trung kiếp.

Thiện nam tử, các Bồ-tát ở cõi kia đã sinh, đang sinh thọ mạng bốn mươi trung kiếp.

Thiện nam tử, ngày xưa, thế giới của Đức Phật kia vốn tên là Chiên-đàn xảo diệu thanh tịnh, không giống như hiện nay. Bấy giờ thế giới đó không có Bồ-tát thanh tịnh như hiện nay.

Thiện nam tử, trong quá khứ, thế giới Chiên-đàn có vị Phật đầu tiên xuất hiện ở thế gian hiệu là Nhựt Nguyệt Tôn, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, với tuổi thọ và thuyết pháp đến ba mươi trung kiếp. Lúc Phật sắp diệt độ, có Bồ-tát do nguyện lực nên đi đến cõi Phật khác. Ngoài ra, những vị còn ở lại nghĩ như thế này: "Vào giữa đêm nay, Nhật Nguyệt Tôn Như Lai sẽ vào Niết-bàn. Phật diệt độ rồi, chúng ta sẽ hộ trì chánh pháp trong mười trung kiếp. Ai có thể đối với chánh pháp này sau khi Phật diệt độ, kế tiếp chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề?".

Khi ấy, có Bồ-tát tên là Hư Không Ấn, do bản nguyện cho nên Nhựt Nguyệt Tôn Như Lai liền thọ ký:

– Thiện nam tử, sau khi Ta diệt độ rồi, chánh pháp trụ ở đời đủ mười trung kiếp, qua mười trung kiếp, vào đầu đêm, khi chánh pháp diệt tận, ngay trong lúc ấy, ông sẽ thành Chánh giác hiệu là Liên Hoa Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Bấy giờ các Bồ-tát Ma-ha-tát đã đến chỗ Phật Nhựt Nguyệt Tôn, dùng năng lực thiền định với vô số Sư tử du hý, tự tại cúng dường Nhựt Nguyệt Tôn Như Lai. Sau khi cúng dường, họ đi nhiễu bên phải ba vòng và thưa:

– Kính bạch Thế Tôn, chúng con nguyện muốn nhập Diệt tận định

trong mười trung kiếp.

Này thiện nam tử, bấy giờ Nhựt Nguyệt Tôn Như Lai bảo với Hư Không Ấn Bồ-tát Ma-ha-tát:

– Thiện nam tử, hãy thọ trì và hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni này mà quá khứ các Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri đã vì các Bồ-tát nhận quả vị Phật nên thuyết giảng như ngày nay. Hiện tại, chư Phật trong mười phương cũng vì các Bồ-tát nhận quả vị Phật nên thuyết giảng. Chư Phật, Thế Tôn trong vị lai cũng sẽ vì các Bồ-tát nhận quả vị Phật nên thuyết giảng. Đó là hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni.

Đức Phật liền thuyết kệ tụng:

– Xà lê, xà liên ni, ma ha xà liên, hưu sí, hưu sí tam bát đề ma ha, tam bát đề, đề đà a sất ế đa giá sất già sất đà la trác già. A tư ma già tư, ê lệ, di lệ đế lệ. Lưu lưu sí, ma ha lưu lưu sí, xà di đầu xà xi, xà di mạt sách thiên để, xá đa nỉ già đà nỉ a mậu lệ, mậu la ba, lệ xà ni ma la tư nỉ tỳ la bà nỉ, mục đế mục đế ba lệ thâu đề. A tỳ để, ba dạ vô chất nỉ, ba la ô ha la nỉ, đàn đà tỳ xà tỷ xà bà, lưu uất đam nỉ.

Các kệ tụng này phá trừ tất cả các luận nghị của ngoại đạo, đưa vào pháp luân chân chánh, lại có thể ủng hộ người thuyết chánh pháp, mở bày, phân biệt pháp Tứ niệm xứ và giải thoát môn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ tụng:

– Phật đà ba gia xá di, a ma ma nỉ ma ma ha giá thị pha đề ngạch đề niết đế la nỉ, lộ ca đề mục đế san đề đà lệ bà mạt ni.

Bài kệ tụng này hiển bày phân biệt bốn pháp môn Thánh giải thoát.

Đức Thế Tôn lại thuyết kệ tụng:

– Ba sa đề, ba sa nỉ, đà lệ, đà la ba để, cúc để thử tỳ thủ bà ba để, nỉ để, tu ma bạt để sạn đề sí để ca lưu na uất đề xoa di, tỳ để ưu tỳ xoa tam bát nỉ, a la sí bà la địa, khư kỳ khư kỳ yết di a mậu lệ, mục la thâu đàn ni.

Kệ tụng này hiển bày, phân biệt pháp môn Bốn vô sở úy.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói kệ tụng:

– Chớ pha la, a già pha la, a niết pha la, niết la pha la tam mục đa a diên đà, y tỳ trì để tỳ trì, ô đầu đô la đâu lam a hưng tam thừa, y đề đa bà, a đỏa đa đỏa tát bà lộ già, a trà già, lệ tần đà, a phù tát lệ, đà đà mạn để tỳ xá già bạt đề a pha la ca pha lam.

Bài kệ tụng này hiển bày, phân biệt, thủ hộ pháp môn Tam thừa.

Phật lại thuyết kệ tụng:

– Xà đà đa, an nỉ uất la, bà ba đa phiếu, y đàm pha lệ ni viêm pha

lệ, tam mậu đàn na diên, tỳ phù xá, ba tha tô ma đâu, a miễn ma ngữ, a cưu ma đô tha đà bạt đế đạt xá bà la tỳ ba tha tha, tất xá thế đa, a ni ẩm ma để noa ma để, a lộ câu, a đề đấu noa, tát để mạt để.

Kệ tụng này vốn là pháp mà chư Phật hiện tại tu tập và giảng giải, phân biệt pháp môn Tứ chánh cần.

Đức Thế Tôn lại nói kệ tụng:

– An nỉ, ma nỉ, ma nỉ, ma ma nỉ, giá lệ chí lợi đế, lệ lý xa lý đa tỳ, thiên đế mục đế úc đa lý, tam lý ni tam lý, tam ma tam lý xoa duệ. A xoa duệ, a xà địa, thiên đế. Xa mật trí, Đà-la-ni. A bạt già bà bà tư lại na ba đề, lại ma ba đề, xà na bà đề, nhĩ lưu bà để xoa kiêu ni đà xá ni, lộ già bà đề ba nỉ đà xá ni.

Kệ tụng này giảng giải phân biệt pháp môn giải thoát bốn vô ngại biện.

Đức Thế Tôn lại nói kệ tụng:

– Nghiên bệ a bà bà nỉ đà xá ni. Thiền na lộ già đà đâu ba bà tán ni, tát bà nhân đề phù ma để thiên để. Tát bà tát bà, bà ma tát bà ba gia, bà xoa giạ ca lệ. Cụ ca lệ bà xà ni, lộ già sất đạt xá na tỳ bà.

Kệ tụng này giảng giải phân biệt pháp môn giải thoát Như ý túc.

Đức Thế Tôn lại nói kệ tụng:

– A giá lệ, Phật đề đà đà ba giá lệ, na ny, càn noa tư đề cam tần đề, ny tiết đề tam bút tri. Ba lệ già tát lệ tô di chiến đề, chiến đề a giá lệ, a giá giá lệ, a ba lệ, tần chi bà ly, nỉ bà ly, bà giá giá ly, ba ba ly, a na giạ, a na giạ, a tỷ tư, câu câu sa bà tỳ nỉ ca nỉ, nỉ xà tư, già già nhi na do đế.

Kệ tụng này giảng giải, phân biệt tất cả pháp môn giải thoát căn và lực.

Đức Thế Tôn lại nói kệ tụng:

– Phú bãi, chữu phú bãi, độ ma ba, lệ ha lệ, a bà di uất chi lệ, chi ca lặc sai a giạ mạt đâu. Đế đế lệ ma ma lệ thủ giá thi thi lệ. Lộ già tả ny xà na dạ xoa kỳ ê đế na giá giạ đế sa chiên đề na.

Kệ tụng này giảng giải, phân biệt pháp môn giải thoát Thất Bồ-đề phần.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nói kệ tụng:

– Giá già bà xà lệ, bà đế giá già lệ, giá da đà lệ, đà la giá, ca lệ đà lê, mậu lệ ê ê lệ lệ đà ly a lâu bà bạt đề, hưu hưu, giạ tha thậm bà ngạ tần bà lệ giạ đà kỳ ni, giạ tha ba lan giá, ly đề xa giạ tha bà na ly ly thí tác giá ni lệ ha la. Xà lưu giá tỳ ly, tỳ lê ny ly ha la, mạt ly, mạt già ny lệ ha la, ny la ny

lệ ha la. Tam ma đề ni lệ ha la, Bát-nhã ni lệ ha la, tỷ mục đế ni lệ ha la, tỷ mục đế xà na đà lệ xá na, ny lệ ha la na xoa đế ni lệ ha la. Chiên đà ni, lệ ha la, tu lợi ny, lệ ha la ba đà xá dạ, lục đam đa đà a già độ a phù đà ny la phù đàm tam Phật-đà. A Phật-đà, y ha phù đà, chớ sỉ phù đà, ny ha ngã ma mậu lệ. A la phả đà đà la phả bán trà lệ, man đà lệ chớ sỉ lệ đa lưu ma, già già lân ny mậu tổ noa, tam bán mậu tổ noa, hàng già băng già ma sất ny, lưu bà na xá ny na xá bàn đà ny, sất sất đế, sất sất đổ ma do bà ê đăng già ma bà lệ ma lệ ha chớ ni, bà lệ ma lệ tần đề tỳ ly tỳ ly ưu sa ly, xá ha ny, đà la ny, bà bà để, bà lan na la dị, tỳ đầu ma bà la củ ma phạm ma giá lệ na nhân đề bà thi đề đề da la ni ma ê thủ la la ni, tam ma túc di a lam niệm di, y ca lặc xoa lợi sư giá ni giá la a chi. Chiên đà la tu lợi, tát bà tu la a bà lam phú na già trí đam bán trì đa, a giạ na, kiền trỉ diêm ba tư ca già đà lệ, a la đà ha ny, ma già la tỳ lộ ha ny, tất đàm mang đế, tỳ lộ ca mạn đế.

Môn Đà-la-ni này, chư Phật, Thế Tôn thọ trì, giảng giải, phân biệt pháp môn giải thoát mười lực của Như Lai.

Khi Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn giảng thuyết hiển bày rõ tất cả pháp môn Đà-la-ni này, khắp ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động đủ sáu cách: trồi, sụp, nổi lên, chìm xuống, nghiêng tới, thụt lùi.

Bấy giờ, có ánh sáng lớn vi diệu chiếu khắp mười phương, vượt qua hằng hà sa số các thế giới, với những nơi có núi Tu-di vương, Đại tiểu Thiết vi không làm trở ngại tầm nhìn, chỉ thấy thế giới bằng thẳng như bàn tay. Các nơi trong mười phương thế giới ấy, có các Bồ-tát được các thiền định, tổng trì nhẫn nhục, nhiều đến vô lượng. Các chúng này do thần lực Phật, biến mất khỏi chỗ mình và bỗng nhiên đến núi Kỳ-xà-quật ở thế giới Ta-bà, tới gần Đức Như Lai, đầu mặt lạy sát chân Phật, đem các phép thần túc tự tại mà các Bồ-tát đã đạt được cúng dường Đức Phật. Sau khi cúng dường, các vị theo thứ tự ngồi sang một bên, muốn được lãnh thọ và hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni.

Có vô số chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc, đồng đi đến gặp Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, rồi cũng đều theo thứ lớp ngồi sang một bên lãnh thọ và hiểu rõ tất cả các môn Đà-la-ni. Đại chúng này đều được thấy cõi Phật Liên Hoa và Đức Phật kia cùng với Đại Bồ-tát vây quanh.

Bấy giờ, Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni thuyết giảng pháp môn hiểu rõ tất cả Đà-la-ni ấy, có bảy mươi hai hằng hà sa Bồ-tát Ma-ha-tát đạt được môn Đà-la-ni ấy. Ngay khi đó, họ được thấy chư Phật, Thế Tôn trong mười phương thế giới nhiều không thể kể xiết và thấy thế giới tịnh diệu của chư Phật. Các Bồ-tát này rất lấy làm lạ về việc chưa từng có ấy. Các Bồ-tát này

với sức thiền định Sư tử du hý, được tự tại nên làm ra đầy đủ các thức cúng dường, đem cúng dường Phật.

Bấy giờ, Phật bảo các Bồ-tát:

– Thiện nam tử, nếu Bồ-tát tu pháp môn hiểu rõ tất cả Đà-la-ni này thì được tám vạn bốn ngàn môn Đà-la-ni, bảy vạn hai ngàn môn Tam-muội, sáu vạn môn pháp tụ, được đại từ đại bi, hiểu rõ pháp Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, được Nhất thiết trí không còn chướng ngại. Môn Đà-la-ni này bao trùm tất cả pháp của Phật. Chư Phật hiểu rõ Đà-la-ni này rồi, vì các chúng sinh thuyết pháp vô thượng, trụ mãi nơi đời không nhập Niết-bàn.

Này thiện nam tử, nên biết rằng, theo những điều ông thấy, tức là do sức oai thần của môn Đà-la-ni này nên khiến cho đại địa chấn động sáu cách và có ánh sáng thanh tịnh vi diệu chiếu khắp mười phương, vượt qua hằng hà sa số các thế giới của chư Phật. Ánh sáng đó chiếu đến chỗ nào thì có các Bồ-tát ở vô lượng thế giới đi đến hội này để thọ lãnh, hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni và cùng với vô lượng chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc ở cõi này tập họp. Lại có các Rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Nhân và Phi nhân đều đến muốn lãnh thọ, hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni.

Nếu Bồ-tát nào nghe và hiểu được các môn Đà-la-ni này sẽ chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề, không bị thoái lui.

Nếu người nào ghi chép thì cho đến khi đạt đến Vô thượng Niết-bàn, luôn luôn thấy Phật, nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng.

Nếu người nào thường đọc tụng, các nghiệp ác vĩnh viễn không còn, chuyển thân thọ sinh liền vượt qua Sơ địa, được trụ ở địa thứ hai.

Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành và hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni này thì tội ngũ nghịch cực ác đã tạo đều được tiêu diệt. Tái sinh lần thứ hai thì vượt qua Sơ địa, được trụ vào địa thứ hai. Bồ-tát nào không tạo tội ngũ nghịch thì ngay nơi thân này diệt hết và không còn những nghiệp nặng đã tạo, khi chuyển thân liền vượt qua Sơ địa, được trụ ở địa thứ hai.

Người nào không thể đọc tụng, tu hành, ngay trong khi nghe pháp dùng các tơ lụa dâng lên cúng dường Pháp sư thì được chư Phật trong hiện tại nhiều như cát sông Hằng ở ngay nơi thế giới này khen ngợi, tán thán: "Lành thay! Lành thay!" và thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho vị đó. Bồ-tát này do nhân duyên cúng dường cho nên không bao lâu sẽ được chứng thành Phật, chỉ một đời sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu người cúng dường hương thơm, không lâu sẽ được hương Vô thượng định. Nếu người cúng dường hoa, không lâu sẽ được hoa Vô thượng

trí. Nếu người dùng châu báu cúng dường Pháp sư, không lâu sẽ được quả pháp báu ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Này thiện nam tử, Bồ-tát nào hiểu rõ Đà-la-ni này thì được lợi ích rất lớn. Vì lẽ gì? Vì môn Đà-la-ni này có khả năng hiển bày, phân biệt tất cả các tạng pháp báu của Bồ-tát. Do giữ gìn tạng pháp này cho nên các Bồ-tát được pháp Vô ngại biện, bốn Thích ý.

Thiện nam tử, sau khi Đức Nhật Nguyệt Tôn Như Lai vì Bồ-tát Hư Không Ấn mà thuyết môn Đà-la-ni xong thì đại địa chấn động sáu cách, cũng có vô lượng ánh sáng vi diệu chiếu khắp mười phương vô lượng, vô biên thế giới chư Phật, thấy các cõi Phật này đất bằng phẳng như bàn tay.

Bấy giờ, trong hội có vô lượng Đại Bồ-tát thấy hết chư Phật, Thế Tôn trong mười phương nhiều không thể kể xiết. Khi ấy, khắp mười phương có vô lượng, vô biên Bồ-tát đều từ nơi thế giới của mình ẩn mất và bỗng nhiên đi đến thế giới Chiên-đàn gặp Phật Nhựt Nguyệt Tôn, lễ bái và vây quanh, cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen và đều muốn lãnh thọ môn Đà-la-ni này.

Thiện nam tử, bấy giờ Đức Phật kia bảo với các Bồ-tát:

– Nay ta đã thọ ký cho các ông, hoặc là một đời bổ xứ và nhập Diệt tận định trong mười trung kiếp. Ngoài ra, các Bồ-tát khác đã đủ mười trung kiếp thì theo Đại Bồ-tát Hư Không Ấn nhận lãnh môn Pháp tạng Bồ-tát Đà-la-ni này, tùy theo pháp thọ trì mà được thấy chư Phật ở vô lượng thế giới mười phương. Nhờ được thấy Phật cho nên tâm họ được hoan hỷ, được các căn lành.

Bấy giờ, trong chúng hội có các Bồ-tát đã được các sức Sư tử du hý tự tại, đem đầy đủ các thức cúng dường để cúng dường Đức Phật kia. Sau khi cúng dường, họ bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát Hư Không Ấn qua mười trung kiếp sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ được chuyển pháp luân vô thượng?

Phật bảo:

– Các thiện nam tử, như lời các ông nói: vị Đại Bồ-tát Hư Không Ấn này qua mười trung kiếp được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và ngay sáng hôm ấy liền chuyển pháp luân.

Khi Đại Bồ-tát Hư Không Ấn thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác xong, sau đêm ấy liền chuyển Chánh pháp luân, Bất thoái chuyển pháp luân, Vô thượng pháp luân.

Trong hội có vô lượng, vô biên trăm ngàn ức na-do-tha Bồ-tát trước đó đã theo Bồ-tát Hư Không Ấn ở trong mười trung kiếp nhận môn Đà-la-ni này được Bất thoái chuyển, còn một đời bổ xứ sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, nếu có Bồ-tát tu học không nhiều về môn Đà-la-ni này, ở trong tương lai được vượt Sơ địa, vào địa thứ hai, chẳng thoái lui nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì quyết định sẽ được môn Đà-la-ni này.

Thuyết như vậy xong, Nhựt Nguyệt Tôn Như Lai vì các Bồ-tát thị hiện vô số các thần túc biến hóa. Thị hiện như vậy xong, Thế Tôn vì Đại Bồ-tát Hư Không Ấn thị hiện Tam-muội Na-la-diên và dạy:

– Ông được định này sẽ liền được thân Kim cang.

Đức Phật lại thị hiện tất cả ánh sáng của Tam-muội Trang nghiêm và dạy:

– Thiện nam tử, ông tuy chưa chuyển chánh pháp luân, nhưng trong chiêm bao thấy vì các Bồ-tát thuyết pháp môn Đà-la-ni này, ngay khi ấy, ông liền được thân của Như Lai với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, cũng sẽ phóng ra tất cả ánh sáng Tam-muội trang nghiêm này chiếu khắp vô lượng tất cả thế giới. Ở trong ánh sáng đó, được thấy vô lượng, vô biên chư Phật, lại được thị hiện Tam-muội Kim cang trường. Nhờ sức của Tam-muội Kim cang ấy cho nên chưa ngồi đạo tràng bên gốc cây Bồ-đề, chưa chuyển pháp luân mà ông có thể vì các Bồ-tát thuyết vi diệu pháp. Ông lại được thị hiện Luân tu Tam-muội, do sức Tam-muội ấy liền chuyển pháp luân. Khi chuyển pháp luân, có vô lượng, vô biên trăm ngàn ức na-do-tha Bồ-tát được vào định.

Nghe thuyết việc này xong, Đại Bồ-tát Hư Không Ấn tự biết sẽ chuyển pháp luân nên vui mừng hớn hở, cùng với vô lượng Bồ-tát cúng dường Phật. Sau khi cúng dường, mỗi vị vào trong các lầu gác.

Bấy giờ, Đức Phật kia ngay trong đêm đó vào Vô dư Niết-bàn. Qua đêm ấy, các Bồ-tát đã cúng dường xá-lợi. Cúng dường xong, mỗi vị đều trở về lầu gác báu. Bồ-tát ở các phương khác, mỗi vị đều tự trở về thế giới của Phật mình. Bồ-tát nào còn một đời bổ xứ thì vẫn nhập Diệt tận định trong mười trung kiếp. Ngoài ra, các Bồ-tát nhờ Bồ-tát Hư Không Ấn thuyết diệu pháp, khi mãn mười trung kiếp thì được trồng căn lành.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Hư Không Ấn bắt đầu từ đêm thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền ngay trong ngày sau chuyển chánh pháp luân, thị hiện vô số thần túc biến hóa, khiến cho trăm ngàn ức na-do-tha vô lượng chúng sinh được không thoái chuyển với quả Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật nói tiếp:

– Ta nay ở nơi đây, khi thuyết môn Đà-la-ni này cũng có tám mươi na-do-tha trăm ngàn Bồ-tát được pháp Vô sinh nhẫn, bảy mươi hai ức chúng sinh đối với quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thoái chuyển, bảy mươi hai na-do-tha trăm ngàn Bồ-tát được hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni, vô lượng, vô biên trời và người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, trong hội có Bồ-tát tên là Giải Thoát Oán Tắng bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát thành tựu được bao nhiêu pháp mới có thể tu tập và hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni này?

Phật bảo Bồ-tát Giải thoát Oán Tắng:

– Thiện nam tử, Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có thể tu môn Đà-la-ni này. Những gì là bốn? Bồ-tát sống theo bốn thánh chủng này, đối với y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược thường biết đủ. Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì có thể tu môn Đà-la-ni này.

Lại nữa này thiện nam tử, Đại Bồ-tát thành tựu năm pháp thì có thể tu môn Đà-la-ni này. Những gì là năm?

Tự mình giữ gìn cấm giới, nghĩa là ưa thích hộ trì giới Biệt giải thoát, thành tựu hạnh oai nghi, phòng hộ giới pháp, tâm sinh sợ hãi đối với những lỗi nhỏ nhặt như Kim cang vụn, thọ trì tu học tất cả các giới. Thấy có người phá giới, khuyên răn khiến cho họ giữ gìn giới.

Thấy người tà kiến, khuyên cho họ theo chánh kiến.

Thấy người phá oai nghi, khuyên cho họ giữ oai nghi.

Thấy người tâm tán loạn, khuyên cho họ định tâm.

Thấy người ưa thích nơi Nhị thừa, khuyên cho họ an trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát thành tựu năm pháp như vậy thì có thể tu môn Đà-la-ni này.

Lại nữa này thiện nam tử, Đại Bồ-tát thành tựu sáu pháp thì có thể tu môn Đà-la-ni này. Những gì là sáu?

Tự tu tập, nghe nhiều thông suốt không trở ngại. Thấy người học ít, khuyên cho họ học nhiều.

Bản thân mình không keo kiệt, bỏn xẻn. Thấy người keo kiệt bỏn xẻn, khuyên cho họ sống theo pháp không keo kiệt, bỏn xẻn.

Tự mình không ganh ghét. Thấy người ganh ghét, khuyên cho họ sống theo pháp không ganh ghét.

Tự mình không làm cho người khác sợ hãi, đem sự không sợ hãi cho người.

Thấy người sợ hãi, làm việc bảo hộ cho họ, khéo nói lời dỗ dành an ủi làm cho họ được an ổn.

Lòng không dua nịnh, không gian trá, thực hành Không Tam-muội.

Đại Bồ-tát thành tựu sáu pháp như vậy thì có thể tu môn Đà-la-ni này.

Đại Bồ-tát thành tựu pháp tướng này xong, ở trong bảy năm tóm lược tất cả kệ tụng Đà-tỳ-lê, ngày đêm sáu thời đem đầu mặt cung kính, lễ bái, nhất tâm tư duy niệm thân, thực hành Không Tam-muội, đọc tụng kệ tụng Đà-la-ni như vậy. Ngay khi đứng dậy, nghĩ khắp mười phương vô lượng thế giới của chư Phật, Bồ-tát Ma-ha-tát này qua bảy năm rồi liền hiểu rõ được tất cả môn Đà-la-ni ấy. Bồ-tát được môn Đà-la-ni này rồi, liền được con mắt Thánh thanh tịnh như vậy. Được mắt như thế rồi, thấy trong các thế giới nhiều như cát sông Hằng ở mười phương, nơi nào chư Phật, Thế Tôn cũng không nhập Niết-bàn, nơi nào cũng thấy các Ngài thị hiện vô lượng thần túc biến hóa. Khi ấy, Bồ-tát này thấy hết tất cả vô lượng chư Phật, do được thấy Phật nên liền được tám vạn bốn ngàn môn Đà-la-ni, bảy vạn hai ngàn môn Tam-muội, sáu vạn môn Pháp tụ. Đại Bồ-tát được hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni này rồi, đối với chúng sinh được đại từ, đại bi. Lại có Bồ-tát Ma-ha-tát được pháp môn này rồi, đối với tội ngũ nghịch cực ác... đã tạo, khi chuyển thân liền được dứt hết; sinh lên Địa thứ ba xong, hết sạch tất cả nghiệp. Nếu không tạo tội ngũ nghịch thì được trụ Địa thứ mười. Ngoài ra, các nghiệp khác ngay nơi thân này liền vĩnh viễn được dứt hết. Qua xong một đời thì được đệ Thập trụ và không lâu liền được ba mươi bảy phẩm và Nhứt thiết trí.

Thiện nam tử, sự hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni này tạo nhiều lợi ích cho các Bồ-tát như vậy, nếu Bồ-tát thường nhớ nghĩ đến Pháp thân của chư Phật thì được thấy các loại thần túc biến hóa. Thấy biến hóa xong, liền được vô lậu hoan hỷ. Như thế, nhờ hoan hỷ cho nên được thành tựu thần túc biến hóa, nhờ sức thần túc thì có thể cúng dường hằng hà sa số chư Phật ở các thế giới. Được cúng dường xong, cũng được lãnh thọ diệu pháp của chư Phật ấy. Nhờ nghe và lãnh thọ diệu pháp cho nên ngay khi ấy được Tam-muội Nhẫn nhục đà-la-ni và trở về đến thế giới của Đức Phật ấy.

Thiện nam tử, môn Đà-la-ni này có thể tạo được những việc lợi ích lớn, giảm bớt các điều ác, tăng thêm các căn lành như vậy.

Bấy giờ, có các Bồ-tát bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn, chúng con gặp được chư Phật nhiều như cát

của một sông Hằng trong quá khứ, nghe môn Đà-la-ni này, nghe xong liền chứng đắc.

Lại có Bồ-tát thưa thế này:

– Chúng con đã gặp được chư Phật nhiều như cát của hai sông Hằng nghe môn Đà-la-ni này, nghe xong liền chứng đắc.

Có Bồ-tát thưa:

– Chúng con đã gặp được chư Phật nhiều như cát của ba sông Hằng, nghe môn Đà-la-ni này, nghe xong liền chứng đắc.

Có Bồ-tát thưa:

– Chúng con đã gặp được chư Phật nhiều như cát của bốn sông Hằng, nghe môn Đà-la-ni này, nghe xong liền chứng đắc.

Có Bồ-tát thưa:

– Chúng con đã gặp được chư Phật nhiều như cát của năm sông Hằng, nghe môn Đà-la-ni này, nghe xong liền chứng đắc.

Có Bồ-tát thưa:

– Chúng con đã gặp được chư Phật nhiều như cát của sáu sông Hằng, nghe môn Đà-la-ni này, nghe xong liền chứng đắc.

Có Bồ-tát thưa:

– Chúng con đã gặp được chư Phật nhiều như cát của bảy sông Hằng, được nghe môn Đà-la-ni này, nghe xong liền chứng đắc.

Có Bồ-tát thưa:

– Chúng con đã gặp được chư Phật nhiều như cát của tám sông Hằng, nghe môn Đà-la-ni này, nghe xong liền chứng đắc.

Có Bồ-tát thưa:

– Chúng con đã gặp được chư Phật nhiều như cát của chín sông Hằng nghe môn Đà-la-ni này, nghe xong liền chứng đắc.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn, khi con ở vào thời quá khứ cách đây mười hằng hà sa số kiếp, có một đại kiếp tên là Thiện phổ biến, ngay trong kiếp này thì thế giới Ta-bà vi diệu thanh tịnh, tất cả đều trang nghiêm. Bấy giờ có Đức Phật xuất hiện ở đời hiệu là Ta-la Vương, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Có vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha Tỳ-kheo Tăng và có không kể xiết các Đại Bồ-tát cung kính vây quanh Ngài. Vì các đại chúng, Phật Ta-la Vương thuyết

giảng cho mọi người hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni này. Từ nơi Đức Phật kia, con được nghe pháp này xong và tu học; học xong liền được tăng thêm sự hiểu biết rộng lớn, đầy đủ. Như vậy, trong vô lượng, vô biên kiếp có a-tăng-kỳ số Phật không thể kể xiết, ngay khi ấy tùy theo tuổi thọ của mình đem vô số Tam-muội Sư tử du hý tự tại mà các Bồ-tát đã đạt được để cúng dường vô lượng chư Phật như vậy. Ngay khi đó, ở chỗ của mỗi Đức Phật ấy, con được vun trồng vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp thiện căn không thể kể xiết. Trồng thiện căn rồi, con được vô lượng đại công đức tụ. Do thiện căn này cho nên con được vô lượng chư Phật thọ ký cho. Do bản nguyện cho nên con ở mãi trong sinh tử, do chưa đúng lúc cho nên không thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn, xin nguyện Như Lai ngay hôm nay trao cho con quả vị Phật khiến con được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ Phật bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Đúng thế! Đúng thế! Đúng như lời ông nói: khi Phật Ta-la Vương ở đời, ông đã được hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni này. Di-lặc! Ở nơi quá khứ trong mười đại kiếp, nếu có người nào muốn nguyện thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ngay khi đó, ông liền đáp ứng đầy đủ, làm cho họ nhanh chóng thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào Vô dư Niết-bàn. Di-lặc, ông ở lâu nơi sinh tử là do bản nguyện. Sở dĩ không thành Phật là do chưa đúng lúc. Di-lặc, vì ông, nay Ta trao quả vị Phật.

Bấy giờ, sau khi Thế Tôn quán sát các đại chúng và các Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thiên, Long, Dạ-xoa, A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà, Nhân, Phi nhân..., liền nói kệ tụng này:

– Đới sĩ, phù di, đàn đà phù di, đàn ma đà phù di, già đế phù di, mật đế phù di, Bát nhã phù di, Tỳ xá la xà phù di, Bát đế tam tỳ đa phù di, A nậu ta bà phù di, a bà sai phù di, tam ma đa bát sai ma bát sai phù di, xà đế xoa duệ phù di, tam xoa xà tỳ xoa xà, ba la xoa xà, tỳ xá già đạt xá bà đế, tỳ xá đà đế la na, la già già, tam xoa xá bà đa.

Tỳ ma đế thâu ba ê la la già ma. A tra xoa la, bà xá tăng già ma, y đế châu la thất đế di văn đà la, đà ha la bạt đế Bát-nhã phù đa. A đà già di đa bà đồ sa bàn đa, y la da ny la da, a hô tát tra, a thâu đà thâu a tha bà đế già lâu bà đế. Đế ê ma đề, bà a ca na ma đế. Bà ca na ma đế tam di đế tỳ xa bà địa, y đà bà la, y đà bà la, a la đa la, câu lưu sa đâu lâu sa lại ma la lưu tha đa lưu tha. Tát bà tha, tát bà tha giá ni lưu tha đề ha đa đa ê phả la. Bà hầu phả la tát bà phả la thế tra bà đề.

Khi Phật thuyết các loại kệ tụng mười hai nhân duyên giải thoát này,

có sáu mươi na-do-tha chư Thiên thấy được bốn Thánh đế.

Đức Thế Tôn lại thuyết kệ tụng:

– Đới phả lam, a già phả lam, la la phả lam, a lam phả lam, ni la hô la. Bà đa phiếu, thi đàm phả lam, ny lam phả lam. Nam mô đà lam, tỳ phù ngạ, Bát nhã giá già, a sất tỳ địa giá ca, xà ni giá ca.

Khi Phật thuyết kệ tụng giải thoát này có một ức chư Thiên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều được Bất thoái chuyển.

Đức Thế Tôn lại thuyết kệ tụng:

– Bà tha, tô ma đô, a sất ma đô, a câu ma đô cưu đà bà câu, ma sỉ tha đà xá la. Tỳ bá bạt tha, y ha thế thiết đa tô nỉ ma, tô đế xí noa lợi huệ, a lộ câu quang minh, a đa đầu noa đại nhiên đà.

Khi thuyết kệ tụng giải thoát này có sáu vạn bốn ngàn chư Long phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều được Bất thoái chuyển.

Bấy giờ Thế Tôn lại thuyết kệ tụng:

– A xoa tu bạt xoa, tu bà sa ba mạn đà na a la trụ bà già la chù, già la trà xoa, tất đàm ma đế tam mạn đa, ê a xoa bà lệ, ê tra ca lộ ma ha bà lệ, ô xà đà lộ, Đà la ni, ế già la xoa, câu đà xoa, câu bà xoa. Tỳ lộ bố, tỳ lưu ba, mục khư, thế đế hại sí. Thế đế bà lệ a tu lộ tỷ na, tu lộ ba ma đề.

Khi thuyết kệ tụng giải thoát này có mười hai ức Dạ-xoa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều được Bất thoái chuyển.

Đức Thế Tôn lại thuyết kệ tụng:

– A thê ty, lệ ly, ni đế để, san đế để già đế nị na già di, a lam di, ba lam di, a đà di ma đà di, ma đế di, san ni a, thủ lệ, Đà-la-ni, a tỳ xá đa, tát đà, tát đề bà, tát na già, tát Dạ xoa, tát a tu la đề bà na già, ny lục đế lệ bà la, ny lục đế la tỳ mật đế bát nhã, bát lê bạt đa mạt đế, bà lợi la tỳ già đế đề, đế ba lợi ba la già đế đề đế la tỳ phất bà sí tỳ xà nỉ tỳ tát giá lợi bạn đa.

A tỳ đà na bạn đa, thủ la bạn đà đáo la tỳ lê gia. Tỳ đà tỳ đa tỳ bạn để, tỳ sa bà nỉ, mạt già văn đà, tỳ xá bát lợi kiếm ma. Nỉ xoa ba la hô, ô ha la lô đề la ba đô. A tu la văn đà na già xoa. Văn đà, Dạ xoa văn đà, la lợi văn đà tỳ đề, tỳ đề di đa ty, đa đa ty, ô noa na bạn, bà khư đề, Đà-la-ni a tỳ xá đa đề xá thủ đà ni. Ba sí thâu đề, kỳ bà thâu đà ni, ba sí ba lợi yết ma, đế ma đế già đế phu đế già na ba đế. Bà la na phất đề xà da, giá gia thâu nhã đà giá ca, ty giạ.

Thuyết kệ tụng giải thoát này rồi, có năm vạn sáu ngàn A-tu-la phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều được Bất thoái chuyển.

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Vô Sở Úy Bình Đẳng Địa:

– Thiện nam tử, chư Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời rất khó. Diễn bày pháp này lại càng khó hơn. Pháp này chính là để huân tập cho sự tu hành về giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến.

Thiện nam tử, kệ tụng này có thể khiến cho Bồ-tát thành tựu oai đức của bậc Bồ-tát.

Thiện nam tử, Như Lai khi thực hành đạo Bồ-tát bằng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, được bao gồm trong kệ tụng đây. Nhờ cúng dường vô lượng, vô biên trăm ngàn vạn ức chư Phật, Thế Tôn, đối với chư Phật, Thế Tôn, hoặc thực hành việc bố thí, hoặc tu phạm hạnh, giữ giới thanh tịnh, hoặc siêng năng tinh tấn, hoặc tu nhẫn nhục, hoặc nhập Tam-muội, hoặc tu trí tuệ, tu tập tất cả nghiệp tịnh thuần thiện, cho nên nay Ta được trí Vô thượng.

Thiện nam tử, xưa kia ở vô lượng a-tăng-kỳ ức na-do-tha kiếp, khi Ta tu Bồ-tát đạo, thân thường xa lìa vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, cho nên nay Ta được tướng lưỡi này.

Thiện nam tử, do nhân duyên đấy cho nên những gì chư Phật, Thế Tôn thuyết ra đều chân thật không hư dối.

Khi thị hiện vô số thần túc biến hóa xong, Đức Thế Tôn vào Tam-muội Biến nhất thiết công đức. Nhập Tam-muội xong, Ngài xuất tướng lưỡi dài rộng che khắp cả mặt, từ nơi lưỡi kia phóng ra sáu mươi ức ánh sáng. Ánh sáng vi diệu đó che khắp tam thiên đại thiên thế giới. Địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, trời, người, đều được nhờ ánh sáng đó. Những chúng sinh trong địa ngục, thân bị đốt cháy, do nhờ ánh sáng này cho nên trong giây lát được thanh tịnh mát mẻ, an lạc; ở ngay trước mặt các chúng sinh đó đều có Hóa Phật với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm. Bấy giờ, những chúng sinh nhờ được thấy Phật nên đều được sung sướng, an vui. Mỗi loại chúng sinh tự nghĩ: "Nhờ ân vị này khiến ta được vui". Chúng đối với các Hóa Phật, tâm được vui vẻ, chắp tay cung kính.

Bấy giờ, Hóa Phật bảo các chúng sinh kia:

– Này, các con hãy niệm "Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng". Do nhân duyên này sẽ thường được an lành.

Các chúng sinh ấy ở trước Phật quỳ thẳng, chắp tay, vâng lời Phật dạy và niệm:

– Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng.

Các chúng sinh ấy do nhân duyên căn lành này nên khi qua đời ở đây, hoặc được sinh lên cõi trời, hoặc sinh trong loài người. Hoặc có chúng sinh đang ở trong địa ngục rét lạnh, bấy giờ liền có một ngọn gió ấm áp, êm dịu

thổi đến xúc chạm nơi thân, cho đến được sinh trong cõi trời, cõi người cũng như vậy.

Chúng sinh trong loài ngạ quỉ bị đói khát bức bách, nhờ ánh sáng của Phật cho nên trừ được sự đói khát khổ não, nhận sự an vui sung sướng, ở trước mỗi chúng sinh ấy đều có một Hóa Phật với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm. Do được thấy Phật cho nên chúng đều được an vui, sung sướng, đều nghĩ: "Nhờ ân vị này khiến ta được an vui". Chúng đối với Hóa Phật, tâm được hoan hỷ, chắp tay cung kính.

Bấy giờ, được Đức Thế Tôn khiến cho thấy được nhân duyên nghiệp ác của mình ở đời trước, các chúng sinh kia liền tự hối hận, trách mắng mình. Do nhờ căn lành này, chúng qua đời được sinh trong cõi trời, cõi người. Đối với chúng súc sinh cũng như vậy.

Khi Đức Thế Tôn chỉ bày nhân duyên đời trước cho các chư Thiên thì có vô lượng, vô biên chúng sinh đi đến chỗ Phật, đầu mặt làm lễ và lui ra ngồi một bên, thọ lãnh diệu pháp.

Bấy giờ có vô số chư Thiên và loài người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vô số Bồ-tát Ma-ha-tát được Đà-la-ni Tam-muội nhẫn nhục.

□

KINH BI HOA

QUYỂN 2

Phẩm 3: BỐ THÍ LỚN (PHẦN 1)

Bấy giờ trong hội có Đại Bồ-tát tên là Tịch Ý, sau khi chiêm ngưỡng vô số thần thông biến hóa của Như Lai xong, bạch Phật:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, do nhân duyên gì thế giới của chư Phật khác thì thanh tịnh vi diệu với biết bao sự trang nghiêm, xa lìa năm trược, không có các sự dơ xấu, trong đó chỉ có chư Đại Bồ-tát thành tựu vô lượng vô số công đức và thọ hưởng các diệu lạc. Cõi đó tên về Thanh văn, Bích-chi-phật còn chẳng có, huống gì lại có Nhị thừa? Nay Đức Thế Tôn của con do nhân gì, duyên gì mà ngay trong đời ác năm trược này, với thế giới dơ xấu chẳng sạch: mạng trược, kiếp trược, chúng sinh trược, kiến trược, phiền não trược, Ngài được thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và thuyết pháp Tam thừa cho bốn chúng? Do nhân gì, duyên gì Ngài không nhận thế giới thanh tịnh và không xa lìa đời ác năm trược?

Phật bảo Bồ-tát Tịch Ý:

– Thiện nam tử, Đại Bồ-tát do bản nguyện cho nên nhận cõi tịnh diệu, cũng do nguyện cho nên nhận cõi bất tịnh. Vì sao?

Thiện nam tử, vì Đại Bồ-tát thành tựu đại bi nên nhận lấy cõi tệ ác, bất tịnh này. Ta do bản nguyện nên ở chỗ thế giới bất tịnh dơ xấu này mà thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, ông nay hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, khéo lãnh thọ và hành trì đúng đắn, Ta sẽ nói.

Khi ấy, các Bồ-tát vâng lời dạy bảo, lắng nghe. Phật bảo Bồ-tát Tịch Ý:

– Thiện nam tử, Ta trong thuở xưa, trải qua hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, thế giới của Phật này tên là San-đề-lam. Bấy giờ, đại kiếp tên là Thiện trì, ở trong kiếp đó có Chuyển luân thánh vương tên Vô Tránh Niệm làm chủ bốn châu thiên hạ, có một đại thần tên là Bảo Hải. Vị đại thần này thuộc dòng Phạm-chí, biết rành về việc xem tướng. Khi ấy, vua sinh

một người con có ba mươi hai tướng tốt, trang nghiêm đẹp đẽ nơi thân, tám mươi vẻ đẹp thứ lớp trang nghiêm với trăm phước đức thành tựu một tướng, thường có ánh sáng chiếu xa một tầm. Thân tướng vị ấy đầy đặn như cây Ni-câu-lư, ngắm mãi một tướng không hề nhàm chán. Ngay khi sinh người con đó, có trăm ngàn chư Thiên cùng đến cúng dường. Nhân đó, vua đặt tên hiệu cho người con là Bảo Tạng.

Sau khi khôn lớn, hoàng tử ấy cạo bỏ râu tóc xuất gia, mặc pháp phục, chứng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại lấy hiệu là Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; và chuyển pháp luân khiến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha các chúng sinh... sẽ được sinh lên cõi trời, người, hoặc được giải thoát. Tạo lợi ích cho các hàng trời, người như vậy rồi, Ngài cùng trăm ngàn ức na-do-tha đại chúng Thanh văn cung kính vây quanh, tuần tự du hành qua các thành ấp, xóm làng, lần đến một thành tên là An-châu-la, tức là chỗ trị vì của Thánh vương.

Cách thành không xa có một khu rừng tên là Diêm-phù. Bấy giờ, Đức Như Lai cùng với vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha đại chúng Thanh văn nghỉ lại nơi khu rừng này.

Khi ấy, nghe Phật Bảo Tạng cùng vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chúng đại Thanh văn tuần tự du hành đến rừng Diêm-phù, Chuyển luân thánh vương suy nghĩ: "Nay ta nên đến gặp Phật để lễ bái, thân cận, cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen". Nghĩ như vậy rồi, lập tức với thần lực, Thánh vương cùng vô lượng đại chúng cùng nhau trước sau ra khỏi thành An-châu-la, đi tới rừng Diêm-phù. Đến bên ngoài rừng, Thánh vương theo như pháp, xuống xe đi bộ đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi lui ngồi một bên.

Thiện nam tử, bấy giờ Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri liền vì Thánh vương thuyết giảng chánh pháp, với vô số phương tiện chỉ dạy làm cho được lợi ích, an vui. Thuyết pháp này xong, Phật liền lặng yên. Khi ấy, vua Chuyển luân liền từ chỗ ngồi đứng dậy, ra trước Phật quỳ thẳng, chắp tay, bạch:

– Cúi xin Như Lai cùng các Thánh chúng nhận sự cúng dường y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược của con trong ba tháng.

Thiện nam tử, khi ấy Như Lai lặng yên nhận lời. Biết Phật đã chấp thuận, vua đem đầu mặt đảnh lễ, nhiễu Phật ba vòng rồi vui mừng lui ra.

Sau đó, vua Chuyển luân bảo với các vua nhỏ, đại thần, dân chúng

cùng quyến thuộc của mình như sau:

– Các khanh biết không, trẫm đã thỉnh Bảo Tạng Như Lai và đại chúng của Ngài, xin dâng cúng các thức cần dùng đều được yên ổn, suốt ba tháng đem những vật quý giá mà trẫm ưa thích để cúng dường và cung cấp đầy đủ các tôi tớ, nô bộc để hầu hạ. Trẫm xả tất cả, đem cúng dường Phật và các Thánh chúng. Lúc này các khanh cũng nên như vậy, xả tất cả các vật quý giá cúng dường và đem các tôi tớ, nô bộc hầu hạ để dâng cúng Phật và Thánh chúng.

Mọi người nghe xong, lập tức nhận lời dạy, hoan hỷ phụng hành.

Bấy giờ, đại thần coi về vật báu ở trong rừng Diêm-phù, dùng vàng ròng làm nền đất, ở trên đất đó xây lầu bảy báu, bốn cửa của lầu gác đó dùng bảy báu làm thành. Bảy hàng cây báu, trên cây đều có treo y báu và chuỗi anh lạc, vô số châu ngọc quý hiếm đẹp đẽ, lọng báu và các đồ dùng quý giá để trang trí. Lại có các thứ hương thơm, hoa trái đẹp báu cùng trang trí nơi cây. Dâng các thứ hoa, kết thắt các loại tơ lụa dùng để trải cùng khắp, treo các cờ lụa, ở trước lầu gác của Thánh vương treo kim luân giữa hư không, cách đất bảy thước. Ở sau chỗ Như Lai thì cho voi trắng báu giữ những cây bảy báu. Nơi cây đó lại có chôn châu, tơ lụa cùng vô số thứ anh lạc dùng để trang nghiêm, trên đó lại có bảy cái lọng báu đẹp. Sai ngọc nữ báu ở trước Như Lai đem bột Ngưu đầu chiên-đàn và hắc trầm thủy dâng cúng lên Phật, đem ngọc ma-ni báu đặt ở trước Phật. Ánh sáng đẹp đẽ của bảo châu Kim luân vương thường chiếu sáng khắp cả khu rừng Diêm-phù nên ngày đêm không khác nhau. Thân Như Lai Bảo Tạng thường thanh tịnh vi diệu sáng chói khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới. Sàng tòa cho mỗi vị Thanh văn đều làm bằng gỗ ngưu đầu chiên-đàn, mỗi chiếc sàng tòa Ngưu đầu chiên-đàn đó có một cái ghế nhỏ. Sau mỗi chỗ ngồi, có voi trắng báu giữ cây bảy báu. Vô số vật trang trí cũng giống như chỗ của Như Lai. Trước mỗi chỗ ngồi có ngọc nữ báu đem bột Ngưu đầu chiên-đàn và hắc trầm thủy dâng lên cúng dường. Ở trước mỗi vị Thanh văn đều có đặt để ngọc báu ma-ni. Trong khu rừng đó tấu lên vô số âm nhạc. Bên ngoài khu vườn có bốn thứ binh lính báu vây quanh hộ vệ.

Thiện nam tử, sáng sớm, vua Chuyển luân này ra khỏi thành, đi đến chỗ Phật. Tới bên ngoài rừng, vua theo như pháp, xuống xe đi bộ đến gặp Phật, đem đầu mặt lạy sát chân Phật, đi nhiễu phía bên phải Phật ba vòng, tự rót nước và đích thân san sớt thức ăn ngon bổ thượng diệu dâng lên cúng dường Phật và đại chúng. Sau khi thọ thực, Phật và đại chúng thu xếp bát và súc miệng.

Vua Chuyển luân tay cầm quạt báu, quạt cho Như Lai và các vị Thanh văn. Khi ấy có một ngàn người con của vua và tám vạn bốn ngàn các vua nhỏ... đều cùng cúng dường mỗi vị Thanh văn như vua Chuyển luân cúng dường Thế Tôn.

Ngay sau bữa ăn, có vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh vào rừng Diêm-phù, thọ lãnh chánh pháp với Như Lai. Bấy giờ, trong hư không có vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chư Thiên dâng các hoa trời, trỗi âm nhạc trời để cúng dường Phật. Nơi hư không có Thiên y anh lạc và các thứ lọng báu tự xoay chuyển. Lại có bốn vạn thanh y Dạ-xoa ở nơi rừng Chiên-đàn vì Phật và đại chúng mà nhen lửa bằng gỗ Ngưu đầu chiên-đàn để nấu chín thức ăn. Đêm đó, vua Chuyển luân đốt vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha ngọn đèn ở trước Phật và đại chúng.

Thiện nam tử, bấy giờ vua Chuyển luân đầu đội một chiếc đèn, vai vác hai chiếc đèn, hai tay cầm bốn chiếc đèn, trên hai đầu gối, mỗi bên đều có một chiếc đèn, trên hai mu bàn chân có hai chiếc đèn, cúng dường Như Lai như vậy trọn đêm. Nhờ thần lực Phật, cho nên thân tâm nhà vua vui vẻ an lạc, không hề mệt nhọc. Giống như Tỳ-kheo vào Thiền thứ ba, vua Chuyển luân thánh vương hưởng thọ diệu lạc cũng như thế. Vua cúng dường như vậy trọn đủ ba tháng. Bấy giờ, một ngàn người con của vua và tám vạn bốn ngàn các vua nhỏ... vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha số người cũng đem thức ăn ngon bổ cúng dường mỗi vị Thanh văn... cũng như thức ăn thơm ngon bổ dưỡng của Thánh vương và cũng cúng dường trọn ba tháng. Ngọc nữ báu cũng đem vô số hoa hương cúng dường Phật như vua Chuyển luân cúng dường Phật. Ngoài ra, chúng sinh cúng dường hương hoa đến Phật cũng như ngọc nữ cúng dường Thanh văn.

Thiện nam tử, ba tháng đã qua, vua Chuyển luân sai đại thần coi về kho báu dâng lên Như Lai vàng Diêm-phù-đàn, dâng ngọc anh lạc chạm đầu rồng vàng, tám vạn bốn ngàn bánh xe vàng quý, voi trắng, ngựa xanh, ma-ni châu báu, ngọc châu lấy lửa vi diệu tốt đẹp, thần báu giữ kho, chủ bốn binh báu, các vua nhỏ... ở nơi thành An-châu-la và các thành ấp nhỏ, cây áo bảy báu, chùm hoa đẹp báu cùng nhiều loại lọng báu. Chuyển luân thánh vương mặc áo đẹp, đeo vô số tràng hoa, anh lạc thượng diệu, xe đẹp bảy báu cùng vô số sàng tòa báu, người hầu cận bảy báu, lưới báu bao bọc, khóa bằng vàng Diêm-phù, dây bằng trân châu báu, giày dép thượng diệu, nệm chiếu mềm mại, ghế dựa vi diệu, đồ vật bảy báu, chuông trống âm nhạc, linh báu, loa ngọc, vườn rừng, cờ phướn, châu báu, đèn đuốc, chim thú bảy báu, kho chứa, cửa đẹp, vô số các thứ thuốc... những vật như

vậy đều có tám vạn bốn ngàn cái, đem dâng lên cúng dường Phật và Thánh chúng.

Sau khi cúng dường xong, vua bạch Phật:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, việc nước con quá nhiều nên không thể ở lâu, con xin sám hối, cầu mong Như Lai ở lại lâu trong vườn này và cho phép con được thường xuyên đi đến lễ bái, gần gũi, cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen.

Ngồi ở trước Phật, mỗi người con của vua cũng đều thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng trọn ba tháng, xin được cúng dường đầy đủ những thứ cần thiết để Phật và chúng Tăng được yên ổn. Cúi xin Phật chấp thuận cho.

Khi ấy Đức Như Lai lặng im nhận lời. Biết Như Lai đã nhận lời mời của các con rồi, vua Chuyển luân đem đầu mặt đảnh lễ Phật và Tỳ-kheo Tăng, đi nhiễu bên phải ba vòng rồi vui vẻ lui ra.

Thiện nam tử, khi ấy trong số một ngàn người con của vua, thái tử đầu tên là Bất Tuần, cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng trọn ba tháng, dâng cúng các vật dụng được đầy đủ, yên ổn, y như Thánh vương đã làm.

Hằng ngày, vua Chuyển luân đều đến gặp Phật, chiêm ngưỡng tướng hảo của Đức Thế Tôn cùng Tỳ-kheo Tăng, lắng nghe và thọ trì diệu pháp.

Thiện nam tử, bấy giờ đại thần Phạm-chí Bảo Hải đi khắp cõi Diêm-phù-đề để gặp đàn ông, đàn bà, đồng nam đồng nữ, những người đang cầu xin những vật cần dùng. Làm người thí chủ lớn nhất, Phạm-chí bảo:

– Các người có thể quy y Tam bảo, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi sau đó sẽ nhận lãnh vật bố thí.

Tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề không có một người nào là không theo Phạm-chí thọ Tam quy y, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi nhận được sự giáo giới của Phạm-chí, mọi người đều nhận vật cần dùng.

Bấy giờ, Phạm-chí đã khiến cho năm trăm ức vô lượng chúng sinh an trụ nơi ba loại phước và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thái tử Bất Tuần cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng mãn ba tháng, lại dâng lễ cúng dường tám vạn bốn ngàn anh lạc đầu rồng vàng, chỉ không có bánh xe vàng Thánh vương, voi trắng, ngựa xanh, ngọc nữ, thần giữ kho, chủ binh. Ngoài ra, còn có bánh xe vàng, voi, ngựa, đồng nam, đồng nữ, bảy báu, cây y phục bảy báu, chùm hoa bảy báu, các loại lọng báu, y phục đẹp đẽ, vô số các loại vòng hoa anh lạc thượng diệu, xe đẹp bảy báu, các loại sàng tòa báu, người giữ bảy báu, lưới báu bao

bọc, khóa bằng vàng Diêm-phù, dây bằng trân châu báu, giày dép thượng diệu, nệm chiếu mềm mại, ghế dựa vi diệu, vật dụng bảy báu, chuông, trống, kỹ nhạc, linh quý, loa ngọc, vườn rừng, cờ phướn báu, châu báu và đèn đuốc, chim thú bảy báu, kho chứa, quạt báu, vô số thuốc quý... Những vật như vậy, mỗi thứ có tám vạn bốn ngàn cái, đem dâng cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Sau khi cúng dường xong, họ bạch Phật:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, những vật hiện có thật chẳng đáng vào đâu, con xin sám hối những việc thiếu sót.

Vương tử thứ hai tên Ni-ma, cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng trọn ba tháng như thái tử Bất Tuần, các phẩm vật dâng cúng như đã nói ở trên.

Vương tử thứ ba tên là Vương Chúng, vương tử thứ tư tên là Năng-già-la, thứ năm tên Vô Sở Úy, thứ sáu tên Hư Không, thứ bảy tên Thiện Tý, thứ tám tên Mẫn Đồ, thứ chín tên Mật Tô, thứ mười tên Nhu Tâm, thứ mười một tên Mông-già-nô, thứ mười hai tên Ma-xư-mãn, thứ mười ba tên Ma-nô-mạc, thứ mười bốn tên Ma-sai-thô-mãn, thứ mười lăm tên Ma-xà-nô, thứ mười sáu tên Vô Cấu, thứ mười bảy tên A-xà-mãn, thứ mười tám tên Vô Khuyết, thứ mười chín tên Nghĩa Vân, thứ hai mươi tên Nhân-đà-la, hai mươi mốt tên Ni-bà-lư, hai mươi hai tên Ni-già-châu, hai mươi ba tên Nguyệt Niệm, hai mươi bốn tên Nhựt Niệm, hai mươi lăm tên Vương Niệm, hai mươi sáu tên Kim Cang Niệm, hai mươi bảy tên Nhẫn Nhục Niệm, hai mươi tám tên Trụ Niệm, hai mươi chín tên Viễn Niệm, ba mươi tên Bảo Niệm, ba mươi mốt tên La-hầu, ba mươi hai tên La-hầu-lực, ba mươi ba tên La-hầu-chất-đa-la, ba mươi bốn tên La-ma-chất-đa-la, ba mươi lăm tên Quốc Tài, ba mươi sáu tên Dục Chuyển, ba mươi bảy tên Lan-đà-mãn, ba mươi tám tên La-sát-lư-tô, ba mươi chín tên La-đa-thâu, bốn mươi tên Viêm Ma, bốn mươi mốt tên Dạ-bà-mãn, bốn mươi hai tên Dạ-xà-lư, bốn mươi ba tên Dạ-ma-khu, bốn mươi bốn tên Dạ-đọa-châu, bốn mươi lăm tên Dạ-phả-nô, bốn mươi sáu tên Dạ-bà-nô, bốn mươi bảy tên Nam-ma-châu-đế, bốn mươi tám tên A-lam-giá-nô...

Như vậy, một ngàn người con của Thánh vương, mỗi người đều cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng tất cả những vật cần dùng như: y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược trong ba tháng, cũng giống như vô số các vật của thái tử thứ nhất dâng cúng và cũng mỗi thứ có tám vạn bốn ngàn cái. Nhân việc bố thí đó, mọi người đều phát tâm: hoặc nguyện được sinh làm vua trời Đao-lợi, hoặc cầu Phạm vương, Ma vương, Chuyển luân thánh vương, hoặc nguyện giàu có lớn, hoặc cầu quả vị Thanh văn. Trong

số các vương tử này, chẳng có một người nào cầu Duyên giác, huống gì là cầu Đại thừa!

Vua Chuyển luân muốn làm các việc bố thí như trên vì mong cầu sau này lại được làm vị Chuyển luân vương. Khi ấy Thánh vương và một ngàn người con cúng dường như vậy đủ hai trăm năm mươi năm, mỗi người đều hướng đến Phật và Tỳ-kheo Tăng sám hối những điều thiếu sót.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí Bảo Hải đến chỗ Phật và bạch rằng:

– Cúi xin Đức Như Lai và Tỳ-kheo Tăng nhận sự cúng dường y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược của con trọn bảy năm.

Như Lai lặng yên nhận lời thỉnh cầu của Phạm-chí.

Thiện nam tử, Phạm-chí cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng những vật cần dùng cũng như Thánh vương đã cúng dường.

Thiện nam tử, Phạm-chí Bảo Hải lại suy nghĩ: "Nay ta đã làm cho trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nhưng ta không biết Chuyển luân thánh vương ngài nguyện những gì? Nguyện làm vua loài người, vua trời, nguyện làm Thanh văn, Duyên giác hay là cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nếu đời sau chắc chắn thành Vô thượng Bồ-đề, ta sẽ độ những người chưa được độ, giảng giải cho người chưa được hiểu; đối với người chưa lìa sinh, lão, bệnh, tử, sầu bi, khổ não, ta đều làm cho họ được xa lìa; đối với người chưa được diệt độ, ta làm cho họ được diệt độ. Nếu chắc chắn như vậy thì khi ta nằm nghỉ sẽ có chư Thiên, Ma vương, các Rồng và Dạ-xoa cùng chư Phật, Thế Tôn, Thanh văn, Sa-môn, Bà-la-môn... vì ta mà hiện trong điềm chiêm bao, nói rõ chí nguyện mong cầu của Thánh vương là ngài cầu vua loài người, cầu vua trời, cầu Thanh văn, Bích-chi-phật thừa hay Vô thượng Bồ-đề?".

Thiện nam tử, ngay trong giấc ngủ, Phạm-chí Bảo Hải thấy có ánh sáng, nhờ ánh sáng đó nên thấy được chư Phật, Thế Tôn trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương. Từ xa, chư Phật, Thế Tôn trao hoa xinh đẹp vi diệu cho Phạm-chí, trong đài hoa xinh đẹp đó thấy có hình tượng vầng mặt trời, trên mặt trời đều có lọng đẹp bằng bảy báu, nơi mỗi vầng mặt trời đều phát ra sáu mươi ức ánh sáng. Các ánh sáng đó chiếu đến, nhập vào miệng Phạm-chí. Phạm-chí tự thấy thân mình lớn cả ngàn do-tuần, trong sạch hoàn toàn không có một vết nhơ, giống như vầng sáng. Thấy ở trong bụng có sáu mươi ức na-do-tha trăm ngàn Bồ-tát hiện đang ngồi kiết già nhập định chánh thọ ở trên hoa sen. Lại thấy vòng mặt trời

vây quanh thân, ở trong các hoa phát ra các âm nhạc hay hơn nhạc trời.

Này thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí lại thấy nhà vua kia bị máu dính nhớp cả thân, rảo chạy khắp bốn phía, đầu và mặt giống như đầu mặt heo, ăn vô số các thứ trùng. Ăn trùng xong, đến ngồi bên gốc cây Y lan. Có vô lượng chúng sinh đến ăn thân vua, chỉ còn lại các đốt xương dính mắc với nhau. Sau khi những đốt xương dính mắc với nhau bị tan rã thì trong giây lát trở lại thân hình như cũ.

Lại thấy các người con của vua, có người với mặt heo, có người với mặt voi; hoặc mặt trâu, sư tử, cọp, chó sói, báo; hoặc mặt khỉ, vượn, bị máu dính đầy thân, mỗi người cũng ăn nuốt vô lượng chúng sinh và ngồi bên gốc cây Y lan. Lại có vô lượng chúng sinh đến ăn thân đó, cho đến chỉ còn xương vụn. Xương vụn lại tan ra và giây lát trở lại thân hình như cũ.

Hoặc thấy vương tử lấy hoa Tu-mạn-na làm anh lạc, cỡi xe trâu nhỏ xấu, theo con đường không ngay thẳng, chạy nhanh về phía Nam. Lại thấy Tứ đại Thiên vương, Thích Đề-hoàn Nhân, Đại Phạm thiên vương đi đến chỗ ấy bảo với Phạm-chí:

– Hãy lấy những hoa sen đang ở chung quanh ông, đem cúng dường một hoa cho Chuyển luân vương trước và sau đó trao cho vương tử mỗi vị một cái. Số hoa còn lại đem trao cho các Tiểu vương, tiếp theo, trao cho con của ông và những người khác.

Phạm-chí nghe dạy như vậy liền đem hoa sen phát hết cho mọi người.

Thấy chiêm bao như vậy xong, Phạm-chí bỗng nhiên thức giấc và ngồi dậy, nhớ lại những điều đã thấy trong giấc mộng. Ngay lúc ấy Phạm-chí biết được và nghĩ: "Sự nguyện cầu của Chuyển luân thánh vương là thấp kém, ưa thích sinh tử, tham đắm theo cái vui ở đời và lại biết trong số các người con của vua có người với nguyện thấp hèn kém cỏi. Do các vương tử có phát tâm cầu Thanh văn thừa cho nên trong chiêm bao đã thấy họ lấy hoa Tu-mạn-na làm anh lạc, cỡi xe bằng trâu kéo, đi trên con đường không ngay thẳng, chạy nhanh về phía Nam.

Vì duyên gì vào đêm qua, nơi giấc chiêm bao ta thấy ánh sáng lớn và thấy vô lượng thế giới trong mười phương, nơi nào nơi nào cũng có chư Phật, Thế Tôn? Bởi vì ta dạy cho vô lượng chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, làm cho tất cả an trụ nơi ba loại phước. Do vậy, nên trong giấc chiêm bao ta được thấy ánh sáng và vô lượng thế giới trong mười phương, nơi nào nơi nào cũng có chư Phật, Thế Tôn. Bởi vì ta đã dạy khuyên tất

cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và ta thỉnh Phật Bảo Tạng và Tỳ-kheo Tăng suốt bảy năm dâng cúng các thức cần dùng được an ổn, cho nên trong giấc chiêm bao ta thấy chư Phật trong mười phương trao cho ta hoa sen. Vì ta đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho nên trong giấc chiêm bao ta thấy chư Phật trong mười phương trao cho ta lọng báu. Như ta đã thấy hình tượng mặt trời trong đài hoa báu có vô lượng ánh sáng nhập vào trong miệng ta và thấy thân ta lớn đầy cả ngàn do-tuần. Và trên lọng bảy báu có trang sức bằng mặt trời và thấy trong bụng có sáu mươi ức trăm ngàn Bồ-tát ngồi kiết già nhập định trên hoa sen. Bấy giờ, Phạm thiên vương khuyên ta cung cấp cho mọi người các hoa sen.

Những điềm mộng như vậy không phải là sự việc mà ta có thể hiểu được. Chỉ có Đức Như Lai mới có thể hiểu được những việc đó. Nay ta nên đi đến chỗ Đức Thế Tôn để thưa hỏi Ngài: Vì nhân duyên gì ta thấy các việc như vậy?"

Này thiện nam tử, sau đêm ấy, vào lúc sáng sớm, Phạm-chí Bảo Hải liền đi đến chỗ Phật với thức ăn đã sắm sửa xong, tự tay rót nước rửa, san sớt những thức ăn ngon bổ thượng diệu dâng cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Sau khi Phật và chúng Tăng thọ thực, Phạm-chí rót nước, thâu dẹp bình bát, liền ngồi trên một chiếc ghế thấp ở một bên Phật và muốn được nghe diệu pháp.

Bấy giờ Thánh vương cùng với một ngàn người con và vô lượng, vô biên trăm ngàn đại chúng ra khỏi thành An-châu-la cùng nhau cung kính hướng về vườn Diêm-phù. Đi tới bên ngoài vườn, Thánh vương đúng như pháp xuống xe đi bộ đến chỗ Phật, đầu mặt lạy Phật và Tỳ-kheo Tăng, ngồi ở trước Phật, vì muốn được nghe pháp.

Bấy giờ, Phạm-chí như trong giấc chiêm bao đã thấy, bạch đầy đủ lên Phật. Phật bảo Phạm-chí:

– Trong giấc mộng, ông thấy có ánh sáng lớn khắp vô số thế giới như cát sông Hằng trong mười phương và được chư Phật, Thế Tôn ở trong các thế giới ấy trao hoa sen cho ông, ở trong đài hoa có tượng vầng mặt trời, có ánh sáng lớn nhập vào trong miệng là do trước kia ở trong hai trăm năm mươi năm ông dạy cho vô lượng chúng sinh nơi cõi Diêm-phù-đề trụ vào ba loại phước. Ông lại khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hôm nay lại làm công việc bố thí to lớn là cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Vì lẽ đó, chư Phật trong mười phương thọ ký cho ông đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vô số chư Phật, Thế Tôn nhiều như cát sông Hằng trong mười phương hiện đang thuyết pháp, trao cho ông hoa sen cọng bằng bạc, lá bằng vàng, nhụy bằng lưu ly, đài bằng mã não, trong đài hoa sen có tượng vầng mặt trời. Các việc như vậy đều là tướng thọ ký cho ông.

Phạm-chí, trong giấc chiêm bao, ông thấy nơi vô số thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương, có chư Phật, Thế Tôn ở các thế giới đó hiện đang thuyết pháp. Các Đức Thế Tôn kia trao cho ông lọng đẹp bằng bảy báu, trên lọng có trang sức cao đến Phạm thiên. Ông ở đời sau, ngay trong đêm thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đã có danh tiếng lớn vang khắp nơi vô số thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương, lên đến Phạm thiên và sẽ được tướng Vô kiến đảnh tối thượng, tức là cái tướng ban đầu thành đạo của ông. Ông chiêm bao thấy thân lớn, lại thấy vầng mặt trời tự vây quanh, tương lai ông sẽ thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô lượng chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề trước kia nhờ ông dạy bảo làm cho phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng sẽ đồng một lúc trong các thế giới nhiều như vi trần khắp mười phương thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mỗi vị mỗi vị đều phát ra lời khen ngợi này: "Ta ở đời trước nhờ Phạm-chí Bảo Hải khuyên dạy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho nên ngày nay chúng ta đều được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế Tôn ấy tức là chân thiện tri thức của ta".

Bấy giờ chư Phật, mỗi vị đều sai các Đại Bồ-tát cúng dường cho ông, các Bồ-tát ấy đem các loại Tự tại sư tử du hý thần túc biến hóa đã chứng đắc trước đây ở cõi Phật mình để cúng dường.

Các Bồ-tát ấy làm vô số việc cúng dường xong, ở nơi đó nghe pháp, được Tam-muội Nhẫn nhục đà-la-ni. Các Bồ-tát này lãnh thọ pháp rồi đều trở về nước mình, đến chỗ Phật, Thế Tôn của mình khen ngợi các việc hiện có trong nước của ông.

Phạm-chí, điềm mộng như vậy đều là hình tướng thành đạo của ông.

Phạm-chí, trong giấc mộng ông thấy ở trong bụng mình có vô lượng ức chư Đại Bồ-tát ngồi kiết già nhập định trên hoa sen. Trong đời sau, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác xong, ông sẽ khuyến hóa vô lượng ức vạn trăm ngàn chúng sinh, khiến không thoái lui nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi ông nhập Vô thượng Bát-niết-bàn, vào đời vị lai có vô lượng chư Phật, Pháp vương, Thế Tôn trong mười phương thế giới sẽ khen ngợi tên tuổi ông. Các Ngài sẽ bảo: "Trong quá khứ nhiều như số vi trần đại kiếp, có Phật hiệu là..., chính Phật, Thế Tôn này đã

khuyến hóa chúng ta an trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khiến không thoái lui. Vì vậy cho nên chúng ta ngày nay thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, làm vua chánh pháp".

Phạm-chí, các điềm mộng như vậy đều là tướng trạng thành đạo của ông.

Phạm-chí, trong giấc mộng, ông thấy hình người mặt heo, cho đến mặt khỉ, vượn bị máu dính đầy thân, ăn nuốt vô số trùng xong, đến ngồi bên gốc cây Y lan, vô lượng chúng sinh đến ăn thân đó, cho đến chỉ còn lại xương vụn, giây lát lại thọ thân khác.

Có những người ngu si tu theo ba việc phước mà chỉ thực hành bố thí, điều phục, hộ trì thân và miệng. Những người như vậy sẽ sinh vào Thiên, Ma, có cái khổ thoái lui. Nếu sinh trong loài người phải chịu sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não; khổ về thương yêu phải xa lìa, oán ghét phải gặp gỡ, khổ cầu mong không được toại ý, sinh trong loài ngạ quỉ chịu các khổ đói khát; sinh trong súc sinh vô minh tăm tối; có cái khổ bị chặt đầu; sinh trong địa ngục chịu vô số các thứ khổ. Muốn được xa lìa các khổ như vậy, cho nên họ an trú tu tập ba việc phước với nguyện cầu làm Thiên vương, Chuyển luân thánh vương; hoặc muốn làm thủ lãnh một Tứ thiên hạ, cho đến thủ lãnh bốn Tứ thiên hạ. Người ngu si như vậy, ăn tất cả chúng sinh, các chúng sinh này lại sẽ ăn trở lại. Người ngu si ấy, cứ vậy đi mãi trong vòng sinh tử không thể nào tính đếm được.

Phạm-chí, chiêm bao như thế tức là mãi nhận tướng mạo sinh tử.

Phạm-chí, trong giấc chiêm bao, ông thấy có các người lấy hoa Tu-mạn-na làm anh lạc, ngồi trên xe nhỏ xấu, dùng trâu để kéo, theo con đường không ngay thẳng chạy về phía Nam.

Phạm-chí, đó tức là tướng mạo của người an trú nơi ba việc phước, có thể tự điều phục làm cho được vắng lặng mà hướng đến Thanh văn thừa.

Thiện nam tử, khi ấy Phạm-chí Bảo Hải bạch với Chuyển luân vương:

– Đại vương nên biết, thân người khó được, nay vua đã được làm người, vậy không còn khó. Chư Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian còn khó hơn hoa Ưu-đàm nở. Điều phục tâm mình để ưa việc lành và phát nguyện làm việc lành lại càng khó hơn nhiều. Lúc này, nếu đại vương lại nguyện được làm trời, người, tức là gốc khổ. Nếu muốn được làm chủ một Tứ thiên hạ hay hai, ba, bốn Tứ thiên hạ cũng là gốc khổ, bị xoay vần trong sinh tử. Nếu đại vương nguyện sinh làm trời, người đều là vô

thường, không có tướng nhất định, cũng giống như làn gió thoảng qua. Người ưa nơi ngũ dục, tâm không nhàm chán, giống như đứa trẻ con nhìn mặt trăng trong nước. Nếu nguyện cầu ở trong chư Thiên để nhận cái vui buông lung, người đó sẽ luôn luôn bị đọa trong địa ngục, chịu khổ vô cùng. Nếu được sinh trong loài người thì chịu khổ thương yêu phải xa lìa, oán ghét phải gặp gỡ. Nếu được sinh lên cõi trời có cái khổ thoái lui. Lại sẽ luôn luôn có sự khổ thọ thai, có vô số khổ về đoạt mạng, ăn nuốt lẫn nhau, ngu si như đứa trẻ con, tâm không biết nhàm chán. Vì lẽ gì? Vì bị xa lìa thiện tri thức nên không phát nguyện tốt, không thực hành tinh tấn nên điều đáng được không được, điều đáng hiểu không hiểu, điều đáng chứng không chứng; ngu si như trẻ con không biết phân biệt. Chỉ có tâm Bồ-đề mới có khả năng xa lìa các khổ, không bị dục vọng sai khiến, lại mới sinh nhàm chán. Ở thế gian sinh tử, luôn luôn nhận chịu khổ não mà lại cam lòng ưa thích, khiến cho các khổ càng thêm tăng trưởng.

Đại vương, hãy nên suy nghĩ về sinh tử có vô số những cái khổ như vậy. Ngày hôm nay đại vương đã cúng dường Phật và đã trồng căn lành, vì vậy cho nên đối với Tam bảo nên sinh lòng tin sâu xa.

Đại vương nên biết, trước kia đại vương đã từng cúng dường chư Phật, Thế Tôn, tức là nguyên nhân làm cho đời sau được giàu có lớn. Ưa thích giữ gìn giới cấm tức là nguyên nhân làm cho đời sau được làm trời, người. Nghe pháp tức là nguyên nhân làm cho đời sau có trí tuệ.

Đại vương nay đã được thành tựu những việc như vậy nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, vua bảo Phạm-chí:

– Nay ta không muốn đạt được Bồ-đề như thế. Tâm ta đang ưa thích sinh tử, vì vậy nên ta bố thí, trì giới và lãnh thọ diệu pháp. Phạm-chí, đạt được Vô thượng Bồ-đề rất khó.

Phạm-chí lại bạch đại vương:

– Đạo này thanh tịnh, phải nên nhất tâm nguyện cầu đầy đủ.

Đạo này không ô trược vì tâm thanh tịnh.

Đạo này ngay thẳng vì tâm không dua nịnh quanh co.

Đạo này tươi đẹp, trong sáng vì xa lìa phiền não.

Đạo này rộng lớn vì không chướng ngại.

Đạo này dung nạp nhiều vì tư duy nhiều.

Đạo này không sợ vì không làm các điều ác.

Đạo này rất giàu vì hay Bố thí ba-la-mật.

Đạo này thanh tịnh vì hay Trì giới ba-la-mật

Đạo này vô ngã vì hay Nhẫn nhục ba-la-mật.

Đạo này chẳng trụ vì hay Tinh tấn ba-la-mật.

Đạo này không loạn vì hay Thiền định ba-la-mật.

Đạo này khéo lựa chọn vì hay thực hiện Trí tuệ ba-la-mật.

Đạo này chính là chỗ đi đến trí tuệ chân thật vì thực hiện đại Từ.

Đạo này chẳng thoái lui vì thực hiện đại Bi.

Đạo này hoan hỷ vì thực hiện đại Hỷ.

Đạo này bền chắc vì thực hiện đại Xả.

Đạo này không gai góc, đâm chích vì thường biết xa lìa tham dục, tức giận, phiền não.

Đạo này là tâm an ổn vì không chướng ngại.

Đạo này không tổn hại vì phân biệt được sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Đạo này phá trừ ma vì khéo phân biệt ấm, nhập, giới.

Đạo này lìa ma vì đoạn các trói buộc.

Đạo này thù thắng vi diệu vì lìa chỗ tư duy của Thanh văn, Duyên giác.

Đạo này biến khắp vì thọ trì tất cả chỗ của chư Phật.

Đạo này hết sức quý báu vì có tất cả trí tuệ.

Đạo này trong sáng thanh tịnh vì trí tuệ sáng suốt không có chướng ngại.

Đạo này khéo thuyết vì là chỗ hộ trì cho thiện tri thức.

Đạo này bình đẳng vì cắt đứt được thương ghét.

Đạo này không có bụi trần vì xa lìa tức giận.

Đạo này hướng đến thiện vì xa lìa tất cả những điều chẳng thiện.

Này đại vương, đạo này như vậy nên có thể đưa đến chỗ an vui, cho đến Niết-bàn. Vì vậy, đại vương cần phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chuyển luân thánh vương đáp lời đại thần:

– Phạm-chí, ngày nay Như Lai xuất hiện ở đời, thọ tám vạn năm, mạng sống của Ngài có hạn. Ngài không thể vì tất cả chúng sinh mà đoạn trừ các nghiệp ác, khiến họ trồng các căn lành, trồng căn lành xong, lại đặt họ vào quả vị Thánh, như được Tam-muội Nhẫn nhục đà-la-ni, hay được làm Bồ-tát với căn lành thù thắng vi diệu, được chư Phật thọ ký quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; hoặc được chút ít thiện căn ở trong

hàng trời, người hưởng thọ các diệu lạc. Các chúng sinh này mỗi người tự nhận lấy quả báo lành hay chẳng lành.

Phạm-chí, đối với chúng sinh dù chỉ một người mà không có căn lành thì Như Lai cũng không thể nói pháp đoạn khổ cho họ. Như Lai Thế Tôn tuy làm ruộng phước nhưng nếu người không có căn lành thì Ngài không thể làm cho họ đoạn trừ các sự khổ não.

Phạm-chí, nay ta phát tâm thành Chánh giác, khi ta thực hành đạo Bồ-tát, tu tập theo Đại thừa, theo pháp môn Bất khả tư nghị giáo hóa chúng sinh để làm Phật sự, hoàn toàn không nguyện ở nơi đời ngũ trược, trong quốc độ dơ xấu phát tâm Bồ-đề. Nay ta thực hành Bồ-tát đạo, nguyện khi thành Chánh giác, trong thế giới của ta, chúng sinh không có các khổ. Nếu ta được cõi Phật như vậy thì mới thành Chánh giác.

Thiện nam tử, bấy giờ Bảo Tạng Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri liền nhập Tam-muội. Tam-muội đó tên là Kiến chủng chủng trang nghiêm. Nhập Tam-muội xong, Ngài hiện thần túc biến hóa, phóng ánh sáng rực rỡ. Do năng lực của Tam-muội nên ở mỗi phương trong mười phương thế giới đều hiện ra ngàn cõi Phật nhiều như vi trần với vô số quang cảnh trang nghiêm tươi đẹp. Hoặc có thế giới Đức Phật đã Niết-bàn, hoặc có thế giới Phật vừa mới Niết-bàn, hoặc có thế giới trong đó Bồ-tát mới vừa ngồi nơi đạo tràng bên gốc cây Bồ-đề chiến thắng ma oán; hoặc có thế giới Phật mới thành đạo liền chuyển pháp luân. Có thế giới Phật thành đạo đã lâu mới chuyển pháp luân. Có thế giới toàn là các Đại Bồ-tát đầy khắp trong nước, không có tên Thanh văn, Duyên giác. Hoặc có thế giới Phật thuyết về thừa Thanh văn, Bích-chi-phật. Có thế giới không có Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác. Có thế giới năm trược dơ xấu. Có thế giới thanh tịnh vi diệu, không có các sự dơ xấu. Hoặc có thế giới nhỏ hẹp, xấu xí chẳng sạch. Có thế giới nghiêm tịnh, đẹp đẽ. Hoặc có thế giới mạng sống dài vô lượng; có thế giới mạng sống ngắn ngủi. Hoặc có thế giới với đại hỏa tai, có thế giới với đại thủy tai, có thế giới có đại phong tai. Có thế giới kiếp vừa mới thành, có thế giới đã thành tựu xong. Như vậy, được ánh sáng vi diệu chiếu soi khắp nơi nên vô lượng thế giới đều được hiện rõ.

Bấy giờ, đại chúng đều thấy vô lượng thế giới thanh tịnh của chư Phật với vô số việc trang nghiêm như vậy. Lúc ấy, Phạm-chí Bảo Hải bạch với Chuyển luân thánh vương:

– Đại vương, hiện nay đại vương đã được thấy thế giới chư Phật với vô số quang cảnh trang nghiêm như thế, vậy đại vương nên phát tâm Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn cầu cõi Phật nào tùy ý.

Thiện nam tử, bấy giờ Chuyển luân vương hướng lên Phật, chắp tay bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, các Bồ-tát do nghiệp gì mà nhận thế giới thanh tịnh? Do nghiệp gì nhận thế giới uế trược? Do nghiệp gì mạng sống lâu dài? Do nghiệp gì mạng sống ngắn ngủi?

Phật bảo Thánh vương:

– Đại vương nên biết, các Bồ-tát do nguyện lực cho nên nhận cõi thanh tịnh, xa lìa năm ác trược. Lại có Bồ-tát do nguyện lực cho nên cầu sinh vào cõi năm ác trược.

Thánh vương ở trước Phật lại bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, nay con trở về trong thành, đến chỗ yên tịnh chuyên tâm suy nghĩ, sẽ lập thệ nguyện theo như quang cảnh cõi Phật xa lìa năm ác trược mà con đã được thấy để nguyện cầu về thế giới thanh tịnh trang nghiêm.

Phật bảo:

– Thánh vương nên biết, đã đến lúc!

Thiện nam tử, bấy giờ Chuyển luân thánh vương đem đầu mặt lạy Phật và Tỳ-kheo Tăng, đi nhiễu bên phải ba vòng rồi lui ra, trở về thành, đến một nơi vắng vẻ trong cung điện của mình, ngồi ngay thẳng, nhất tâm tư duy tu tập vô số cách trang nghiêm về cảnh giới Phật của mình.

Thiện nam tử, Phạm-chí Bảo Hải lại thưa với thái tử Bất Tuần:

– Thái tử cũng nên phát tâm thành Chánh giác như thái tử đã làm với ba việc phước, nghĩa là: bố thí, điều phục, khéo hộ trì thân, miệng, ngoài ra đối với sự thực hành nghiệp lành thanh tịnh, tất cả nên cùng đem hồi hướng đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thái tử thưa:

– Trước hết, tôi phải trở về cung điện, ở một nơi vắng vẻ, ngồi ngay thẳng tư duy. Nếu chắc chắn có thể phát tâm thành Chánh giác, tôi sẽ đi đến gặp Phật và ở trước Thế Tôn, quyết định phát tâm nguyện nhận vô số cõi Phật đẹp đẽ, thanh tịnh.

Rồi thái tử đem đầu mặt lạy Phật và Tỳ-kheo Tăng, đi nhiễu bên phải ba vòng và trở về cung điện, ở tại một nơi vắng vẻ, ngồi ngay thẳng, nhất tâm tư duy tu tập vô số cách trang nghiêm về thế giới Phật của mình.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí lại nói với vị vương tử thứ hai như sau:

– Thiện nam tử, nay vương tử nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy, một ngàn người con của vị Thánh vương ấy đều được giáo hóa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Phạm-chí lại giáo hóa tám vạn bốn ngàn vua nhỏ và chín vạn hai ngàn ức chúng sinh khác, làm cho họ đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tất cả đại chúng đều thưa:

– Phạm-chí, hôm nay chúng tôi sẽ trở về chỗ hiện tại, ở tại một nơi thanh vắng, ngồi ngay ngắn, nhất tâm tư duy tu tập vô số cách trang nghiêm về thế giới chư Phật của mình.

Đại chúng như vậy đều nhất tâm thanh tịnh trong thời gian bảy năm. Mỗi người ở nơi chỗ của mình nhất tâm ngồi ngay thẳng tư duy tu tập vô số cách trang nghiêm về thế giới Phật của mình.

Thiện nam tử, sau đó, Phạm-chí Bảo Hải lại nghĩ: "Ta đã giáo hóa vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh, làm cho đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ta đã thỉnh Phật và đại chúng để cúng dường các sự cần dùng được an ổn trong thời gian bảy năm. Nếu đời sau, ta chắc chắn thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sự nguyện cầu của ta được thành tựu, ta sẽ khuyến hóa Trời, Rồng, Quỉ, Thần, A-tu-la, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà... khiến họ luôn cúng dường đại chúng như vậy".

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí liền nghĩ đến Tỳ-sa-môn Thiên vương.

Thiện nam tử, biết được những điều suy nghĩ trong tâm của Phạm-chí, Thiên vương cho gọi trăm ngàn ức vô lượng Dạ-xoa cung kính cùng nhau đi đến chỗ Phạm-chí và ngay đêm đó ở trước Phạm-chí thưa:

– Phạm-chí, nhân giả muốn dạy bảo những điều gì?

Phạm-chí hỏi:

– Ông là ai?

Tỳ-sa-môn đáp:

– Phạm-chí, nhân giả có từng nghe đến Tỳ-sa-môn Thiên vương không? Chính là tôi đây. Nhân giả muốn dạy những gì?

Phạm-chí bảo:

– Lành thay đại vương! Tôi đang cúng dường đại chúng này. Đại vương có thể giúp tôi cùng nhau cúng dường những vị đó không?

Tỳ-sa-môn Thiên vương đáp:

– Xin kính vâng theo điều Nhân giả đã dạy, xin tùy ý làm.

Phạm-chí lại thưa:

– Đại vương, nếu đại vương có thể tùy theo ý tôi khiến cho các Dạ-xoa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đại vương nên tuyên dạy các Dạ-xoa người nào muốn được phước, người nào muốn được thành Chánh giác, ngày ngày có thể vượt qua biển lớn lấy Ngưu đầu chiên-đàn và trầm thủy cùng các thứ hương thơm khác với vô số các loại hoa đem đến nơi đây, cũng sẽ như tôi cúng dường Phật và Tăng chúng hàng ngày?

Bấy giờ, nghe hỏi như vậy xong, Thiên vương bèn trở về chỗ ở, đánh trống nhóm họp Dạ-xoa, La-sát, bảo thế này:

– Các khanh biết không? Cõi Diêm-phù-đề này có Chuyển luân thánh vương tên là Vô Tránh Niệm, có Phạm-chí tên là Bảo Hải, tức là vị đại thần của Thánh vương đó, suốt bảy năm thỉnh Phật và Tăng dâng cúng các vật cần dùng được đầy đủ, an ổn. Các khanh đối với việc phước đức này nên sinh lòng tùy hỷ. Sinh lòng tùy hỷ xong, nhờ thiện căn, hãy phát tâm hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, bấy giờ có trăm ngàn ức na-do-tha Dạ-xoa chắp tay thưa như sau:

– Nếu Phạm-chí Bảo Hải suốt bảy năm cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng các thức cần dùng đầy đủ, an ổn, chúng tôi xin tùy hỷ căn lành phước báo đó, do tùy hỷ theo căn lành này nên khiến cho chúng tôi được thành Chánh giác.

Thiên vương lại bảo:

– Các khanh lắng nghe, muốn được phước đức và thiện căn, có thể ngày ngày vượt qua biển lớn, vì Phạm-chí kia mà lấy Ngưu đầu chiên-đàn và trầm thủy để nấu chín thức ăn dâng Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Bấy giờ, có chín vạn hai ngàn Dạ-xoa đồng một lúc thưa:

– Thiên vương, từ nay cho đến bảy năm, chúng tôi sẽ thường lấy Ngưu đầu chiên-đàn và trầm thủy đem trao cho Phạm-chí để nấu chín thức ăn dâng cúng Phật và Tăng.

Lại có bốn vạn sáu ngàn Dạ-xoa cũng đồng lên tiếng:

– Chúng tôi sẽ lấy các hương thơm vi diệu trao cho Phạm-chí kia cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng.

Lại có năm vạn hai ngàn các Dạ-xoa cũng đều đồng thanh thưa:

– Chúng tôi sẽ lấy vô số các thứ hoa đẹp đem trao cho Phạm-chí để

cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng.

Lại có hai vạn các Dạ-xoa cũng đồng thanh nói:

– Chúng tôi sẽ lấy tinh chất của các vị ngon trao cho Phạm-chí để trộn vào thức ăn đem cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Bấy giờ có bảy vạn Dạ-xoa cũng đồng thanh nói:

– Chúng tôi sẽ đến để cùng làm thức ăn cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng.

Thiện nam tử, Phạm-chí lại nghĩ: "Tiếp theo, ta sẽ khuyến hóa Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương, Tỳ-lâu-la-xoa Thiên vương, Đề-đầu-lại-tra Thiên vương". Khi Phạm-chí nghĩ như vậy, ba vị vua kia liền biết ngay ý nghĩ đó nên đi đến gặp Phạm-chí như trên cho đến trở về lại chỗ ở của mình.

Tỳ-lâu-lặc-xoa cùng trăm ngàn ức na-do-tha Câu-biện-trà, Tỳ-lâu-la-xoa Thiên vương cùng trăm ngàn ức na-do-tha các rồng, Đề-đầu-lại-tra Thiên vương cùng vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha các Càn-thát-bà, cho đến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí lại nghĩ đến bốn vị thiên vương ở tầng trời thứ hai. Nhờ năng lực của Phật nên bốn thiên vương kia đều đến gặp Phạm-chí và thưa:

– Phạm-chí, hôm nay Nhân giả muốn dạy bảo những điều gì?

Phạm-chí đáp:

– Nay ta khuyên ông cùng các quyến thuộc phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bốn vua trời thưa:

– Xin kính vâng như điều Nhân giả đã dạy.

Mỗi vị liền trở về chỗ của mình cùng với các quyến thuộc đồng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy cho đến cả ba ngàn đại thiên thế giới có trăm ức Tỳ-sa-môn Thiên vương phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trăm ngàn ức Tỳ-lâu-lặc-xoa vua trời, trăm ngàn ức Tỳ-lâu-la-xoa, trăm ngàn ức Đề-đầu-lại-tra đều cùng với quyến thuộc của mình phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, Phạm-chí lại suy nghĩ: "Nếu trong đời sau chắc chắn thành Chánh giác, ta sẽ làm cho tất cả chư Thiên đều được phần phước đức này, cũng khuyên cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu ta ở đời sau, do căn lành này sẽ thành Chánh giác, Đao-lợi thiên vương sẽ đi đến đây gặp ta, Dạ-ma Thiên tử, Đâu-suất Thiên tử, Hóa lạc

Thiên tử, Tha hóa tự tại Thiên tử cũng sẽ đến đây gặp ta".

Thiện nam tử, khi Phạm-chí nghĩ như vậy xong, vua trời Đao-lợi, vua trời Dạ-ma, vua trời Đâu-suất, vua trời Hóa lạc, vua trời Tha hóa tự tại đều cùng đến gặp Phạm-chí và nói:

– Phạm-chí, nay Nhân giả muốn khuyên chúng tôi những gì?

Phạm-chí hỏi:

– Ông là ai?

Năm vua trời đều xưng tên họ, lại hỏi Phạm-chí:

– Nhân giả muốn khuyên những gì? Cần sai bảo chúng tôi làm gì tại đại hội này?

Phạm-chí đáp:

– Thiên vương nên biết: các ông ở trên trời có tòa báu đẹp, cung điện, lầu gác, có các cây báu và các cây y phục, cây thiên hương, cây hoa, cây quả, áo trời, tòa trời, mền nệm mềm mại với các thứ đồ dùng quý báu thượng diệu và dùng anh lạc, phướn trời, lọng trời, các cờ lụa... đủ các thứ xinh đẹp. Chư Thiên có vô số thứ âm nhạc, các ông có thể dùng các vật như vậy với vô số các thứ xinh đẹp, trang trí nơi vườn Diêm-phù này để cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Năm vua trời thưa:

– Xin kính vâng theo điều Nhân giả đã dạy.

Các vua trời, mỗi người đều tự trở về chỗ ở của mình. Vua trời Đao-lợi bảo với Tỳ-lâu-lặc Thiên tử, vua trời Dạ-ma bảo với A-trà-mãn Thiên tử, vua trời Đâu-suất bảo với Lộ-ê Thiên tử, vua trời Hóa lạc bảo với Câu-đà-la Thiên tử, vua trời Tha hóa tự tại bảo với Nan-đà Thiên tử với lời thế này:

– Nay khanh nên xuống cõi Diêm-phù-đề, dùng tất cả những vật ở cõi trời này để đem trang trí nơi vườn Diêm-phù kia. Treo các anh lạc, trải các sàng tòa như các thứ trang nghiêm của các vua trời, vì Như Lai cho nên xây lầu báu cao, làm như lầu báu ở cõi trời Đao-lợi đây.

Nghe những lời dạy như vậy xong, các Thiên tử liền đi xuống cõi Diêm-phù-đề và ngay trong đêm ấy trang trí các thứ nơi vườn Diêm-phù, dùng các cây báu... cho đến cờ phướn trời xen nhau trang trí nơi đó. Vì Đức Như Lai nên họ xây lầu bảy báu như trên cõi trời Đao-lợi. Năm Thiên tử này dùng các vật báu cùng vô số thứ đem trang trí vườn Diêm-phù xong, liền trở về trên cõi trời, đến bạch với vua mình:

– Đại vương biết cho, chúng tôi đã đi đến trang trí nơi vườn kia với

những vật giống như ở đây không khác, vì Đức Như Lai nên xây lầu bảy báu, giống như lầu báu nơi trời Đao-lợi.

Thiện nam tử, khi ấy Đao-lợi Thiên vương, Dạ-ma Thiên vương, Đâu-suất Thiên vương, Hóa lạc Thiên vương, Tha hóa tự tại Thiên vương, lập tức đi đến cõi Diêm-phù-đề gặp Phạm-chí và nói:

– Phạm-chí, nay tôi đã vì Phật và chúng Tăng mà trang trí khu vườn này. Nhân giả có còn dạy điều gì nữa không, xin hãy cho biết ngay.

Phạm-chí bảo:

– Mỗi người từ nơi cảnh giới của mình, dùng quyền lực mà tập họp chư Thiên lại đem lời của ta đến nói rằng: Trong cõi Diêm-phù-đề có đại Phạm-chí tên là Bảo Hải, thỉnh Phật, Thế Tôn và vô lượng Tăng chúng dâng cúng các vật cần dùng được an ổn trong bảy năm. Đối với phước đức này, các khanh nên phát tâm tùy hỷ. Sinh tâm tùy hỷ xong, hãy phát tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy, các khanh nên đi đến chỗ Phật, gặp Phật, Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng, cúng dường những vật cần dùng và lãnh thọ diệu pháp.

Năm Thiên vương được nghe Phạm-chí dạy xong, mỗi người đều trở về Thiên cung của mình. Đao-lợi Thiên vương là Thích Đề-hoàn Nhân liền nhóm họp chư Thiên lại và bảo với họ:

– Các khanh nên biết, cõi Diêm-phù-đề có Chuyển luân thánh vương tên là Vô Tránh Niệm, có đại Phạm-chí tên Bảo Hải, là vị đại thần của Thánh vương đó, thỉnh Phật, Thế Tôn và vô lượng ức chúng Tăng cúng dường những vật cần dùng suốt bảy năm. Trước đây ta đã vì Phật và Tỳ-kheo Tăng đem các báu vật đến trang nghiêm vườn Diêm-phù. Các khanh đối với nhân duyên căn lành này nên phát tâm tùy hỷ. Sinh tâm tùy hỷ xong, phát tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng khiến cho Phạm-chí đạt được ước nguyện.

Thiện nam tử, bấy giờ trăm ngàn vô lượng ức na-do-tha Thiên tử ở Đao-lợi Thiên cung kính chắp tay thưa:

– Chúng con ngày hôm nay đối với căn lành này xin phát tâm tùy hỷ. Do nhân duyên tùy hỷ này sẽ giúp cho tất cả chúng con đều được thành Chánh giác.

Dạ-ma Thiên vương, Đâu-suất Thiên vương, Hóa lạc Thiên vương, Tha hóa tự tại Thiên vương... cũng đều nhóm họp chư Thiên lại và bảo họ rằng:

– Các khanh nên biết, trong cõi Diêm-phù-đề có Chuyển luân thánh vương tên là Vô Tránh Niệm, có Phạm-chí tên Bảo Hải là vị đại thần của

Thánh vương đó, thỉnh Phật, Thế Tôn và vô lượng ức Tăng trọn bảy năm dâng cúng các vật cần dùng được an ổn. Trước đây, ta đã vì Phật và Tỳ-kheo Tăng lấy các vật báu cùng vô số thứ xinh đẹp để trang trí nơi vườn Diêm-phù kia. Các khanh đối với nhân duyên căn lành này nên phát tâm tùy hỷ. Sinh tâm tùy hỷ xong, phát tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giúp cho Phạm-chí đạt được ý nguyện.

Thiện nam tử, bấy giờ bốn vua trời kia đều có vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha Thiên tử cung kính chắp tay thưa:

– Chúng con ngày hôm nay đối với căn lành này xin phát tâm tùy hỷ, do tâm tùy hỷ cho nên sẽ giúp cho tất cả chúng con đều được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ năm vị vua trời, mỗi vị đều bảo:

– Các khanh hãy đi đến cõi Diêm-phù-đề gặp Phật Bảo Tạng và Tỳ-kheo Tăng, lễ bái, đi nhiễu, cung kính cúng dường, tôn trọng, ngợi khen.

Thiện nam tử, khi đó năm Thiên vương ngay đêm ấy mỗi vị đem các Thiên tử, Thiên nữ, đồng nam, đồng nữ và trăm ngàn ức na-do-tha chúng quyến thuộc khác cùng nhau trước sau đi đến gặp Phật, đảnh lễ nơi chân Phật và Tỳ-kheo Tăng, theo Phật nghe pháp, cho đến sáng ngày họ bay lên trên hư không, rải vô số các thứ Thiên hoa, hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, Tu-mạn-na, Bà-sư-ca, A-đề-mục-đa-giá-chiêm-bà-già, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la... xuống trên đại hội như mưa và đánh nhạc trời để cúng dường.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí Bảo Hải lại nghĩ: "Vào đời sau nếu ta chắc chắn sẽ thành Chánh giác, sự nguyện cầu được thành tựu, bản thân ta được lợi ích, ta sẽ giáo hóa các A-tu-la, làm cho tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Thiện nam tử, Phạm-chí nghĩ như vậy xong, có năm A-tu-la vương đi đến gặp Phạm-chí, cho đến vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha A-tu-la nam tử, nữ nhân, đồng nam, đồng nữ, như lời Phạm-chí dạy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đi đến gặp Phật, lãnh thọ diệu pháp.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí Bảo Hải lại nghĩ: "Vào đời sau, nếu ta chắc chắn thành Chánh giác, sự nguyện cầu thành tựu, bản thân ta được lợi ích, ta sẽ giáo hóa Thiên ma Ba-tuần khiến cho phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Thiện nam tử, khi ấy, biết được ý nghĩ của Phạm-chí, ma Ba-tuần liền cùng vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha nam tử, nữ nhân, đồng nam, đồng nữ đi đến gặp Phạm-chí, kính vâng theo những lời dạy bảo phát tâm

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến nghe pháp cũng y như trên.

□

KINH BI HOA

QUYỂN 3

Phẩm 3: BỐ THÍ LỚN (PHẦN 2)

Phật lại bảo Bồ-tát Tịch Ý:

– Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí suy nghĩ: "Nếu đời sau ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chí nguyện thành tựu, bản thân ta được lợi ích, tiếp đó ta sẽ giáo hóa Đại Phạm thiên vương phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Khi ấy, Phạm thiên vương biết những điều suy nghĩ trong tâm của Phạm-chí, đến gặp Phạm-chí và thưa:

– Nhân giả muốn dạy bảo điều gì?

Phạm-chí hỏi:

– Ông là ai?

Phạm vương thưa:

– Con là Đại Phạm thiên vương.

Phạm-chí bảo:

– Lành thay! Vua trời! Ông có thể trở về tập họp các vị trời, đem lời ta bảo với họ: Trong cõi Diêm-phù-đề có đại Phạm-chí tên Bảo Hải, trong bảy năm thỉnh Phật, Thế Tôn và vô lượng Tăng chúng dâng cúng các thức cần dùng được an ổn. Ngày nay đối với phước đức này, quý vị nên phát tâm tùy hỷ. Tùy hỷ xong, hãy phát tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nghe dạy như vậy xong, Phạm vương liền trở về trời tập họp các Phạm thiên, bảo với họ:

– Các khanh nên biết, cõi Diêm-phù-đề có Chuyển luân thánh vương tên Vô Tránh Niệm, có đại Phạm-chí tên Bảo Hải, là vị đại thần của Thánh vương đó, thỉnh Phật, Thế Tôn và vô lượng Tăng chúng suốt bảy năm dâng cúng các thức cần dùng được an ổn. Các khanh nên sinh tâm tùy hỷ với thiện căn này. Tùy hỷ xong, phát tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác, sẽ làm cho Bảo Hải đạt được sở nguyện.

Thiện nam tử, khi ấy vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha các Phạm Thiên tử cung kính chắp tay thưa:

– Ngày nay đối với thiện căn này, chúng tôi xin phát tâm tùy hỷ. Do việc tùy hỷ này, sẽ giúp cho tất cả chúng tôi đều được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phạm thiên vương lại bảo:

– Các khanh nên đến cõi Diêm-phù-đề gặp Phật Bảo Tạng và Tỳ-kheo Tăng lễ bái, hầu hạ, cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi.

Thiện nam tử, khi ấy Phạm thiên vương cùng vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha các Phạm Thiên tử cùng nhau đi đến chỗ Phật, đem đầu mặt lạy sát chân Phật và Tỳ-kheo Tăng, lãnh thọ diệu pháp.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí lại nghĩ: "Ta sẽ giáo hóa Đao-lợi Thiên vương, Dạ-ma Thiên vương, Đâu-suất Thiên vương, Hóa lạc Thiên vương, Tha hóa tự tại Thiên vương ở cõi thiên hạ thứ hai". Do nhờ Phật lực cho nên chư Thiên ấy liền cùng đi đến gặp Phạm-chí và thưa:

– Nhân giả muốn dạy bảo những việc gì?

Phạm-chí hỏi:

– Các ông là ai?

Bắt đầu từ Đao-lợi Thiên vương cho đến Tha hóa tự tại Thiên vương,... từng vị trời đáp:

– Tôi là...

Phạm-chí bảo:

– Quý vị hãy trở về chỗ ở của mình, đem lời của ta nói với mọi người: Trong cõi Diêm-phù-đề có Chuyển luân thánh vương tên Vô Tránh Niệm, có Phạm-chí tên Bảo Hải, tức là đại thần của vua đó, trọn bảy năm cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Quý vị nên tùy hỷ với nhân duyên căn lành này. Tùy hỷ xong, hãy phát tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nghe xong, từ Đao-lợi Thiên vương cho đến Tha hóa tự tại Thiên vương đều tự trở về chỗ của mình, họp chư Thiên lại và bảo:

– Các khanh nên biết! Trong cõi Diêm-phù-đề có Chuyển luân thánh vương tên Vô Tránh Niệm, có đại Phạm-chí tên Bảo Hải, tức là đại thần của Thánh vương đó, trọn bảy năm cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Các khanh nên sinh tâm tùy hỷ đối với nhân duyên thiện căn này. Tùy hỷ xong, hãy phát tâm hồi hướng thành Chánh giác.

Khi ấy, Thiên chúng cung kính chắp tay thưa:

– Đối với thiện căn này, chúng tôi xin tùy hỷ, do sự tùy hỷ nên làm cho tất cả chúng tôi đều được thành Chánh giác.

Các vua trời lại bảo thêm:

– *Các khanh nay nên đến gặp Phật, Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo Tăng, lễ bái, thân cận, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán.*

Thiện nam tử, bấy giờ Đao-lợi Thiên vương cho đến Tha hóa tự tại Thiên vương, mỗi vị đều cùng vô lượng trăm ngàn ức Thiên tử, Thiên nữ, đồng nam, đồng nữ và các quyến thuộc khác cùng nhau đi đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Phật cùng Tỳ-kheo Tăng và lãnh thọ diệu pháp.

Năm A-tu-la vương, Thiên ma Ba-tuần, Đại Phạm thiên vương ở cõi thiên hạ thứ hai cũng như vậy. Cõi thứ ba, thứ tư, thứ năm, cho đến tam thiên đại thiên thế giới, trăm ức Đao-lợi thiên, trăm ức Dạ-ma thiên, trăm ức Đâu-suất thiên, trăm ức Hóa lạc thiên, trăm ức Tha hóa tự tại thiên, trăm ức ngũ A-tu-la vương, trăm ức ma Ba-tuần, trăm ức Đại Phạm thiên vương và vô lượng ức trăm ngàn na-do-tha quyến thuộc đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhờ Phật lực cho nên họ cùng đi đến cõi thiên hạ thứ tư để gặp Phật, đem đầu mặt đảnh lễ Phật cùng chúng Tỳ-kheo Tăng và lãnh thọ diệu pháp.

Bấy giờ đại chúng ở đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, không một chỗ nào là không có.

Thiện nam tử, Phạm-chí Bảo Hải lại nghĩ: "Ta đã giáo hóa được trăm ức Tỳ-sa-môn Thiên vương cho đến trăm ức Đại Phạm thiên vương và với thệ nguyện này ta đã được tự tại".

Lại nghĩ: "Nếu đời sau sẽ được thành Chánh giác, bản thân được lợi ích, chí nguyện được thành tựu, ta nguyện Phật, Thế Tôn vì đại chúng thị hiện vô số thần túc biến hóa. Nhờ thần lực khiến cho ba ngàn đại thiên thế giới, nơi nào có súc sinh, ngạ quỉ, địa ngục và người đời... đều được xa lìa tất cả khổ não, hoàn toàn thọ hưởng diệu lạc. Trước mỗi chúng sinh đều có một Hóa Phật khuyên chúng sinh kia phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Thiện nam tử, khi ấy vừa biết những suy nghĩ trong tâm của Bảo Hải, Bảo Tạng Như Lai liền nhập Tam-muội Vô nhiệt. Nhập Tam-muội này xong, Như Lai thị hiện thần túc biến hóa: nơi mỗi lỗ chân lông phóng ra vô lượng, vô biên ánh sáng, ánh sáng vi diệu đó chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, suốt đến địa ngục. Chúng sinh ở trong địa ngục nước đá đông lạnh gặp ánh sáng đó liền được ấm áp. Chúng sinh bị nóng bức, gặp được ánh

sáng đó thì mát mẻ. Chúng sinh đói khát gặp được ánh sáng đó thì no đủ, thọ hưởng niềm vui vi diệu. Mỗi một chúng sinh đều có một Hóa Phật ở ngay trước mặt với ba mươi hai tướng tốt nơi thân và trang nghiêm bằng tám mươi vẻ đẹp. Thọ hưởng diệu lạc xong, các chúng sinh kia suy nghĩ: "Chúng ta nhờ duyên gì mà được xa lìa khổ não và được thọ hưởng diệu lạc này?".

Bấy giờ thấy Hóa Phật với ba mươi hai tướng tốt nơi thân và trang nghiêm bằng tám mươi vẻ đẹp như vậy, nên chúng sinh ấy tự nghĩ: "Kết quả này là nhờ ân đức của Bậc Đại Bi đây, khiến ta được xa lìa tất cả khổ não, thọ hưởng diệu lạc".

Khi ấy, chúng sinh đều rất hoan hỷ chiêm ngưỡng tôn nhan của Phật. Hóa Phật bảo các chúng sinh:

– Các con hãy cùng xưng niệm "Nam-mô Phật" và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ đây trở về sau không còn bị lại các khổ não, thường thọ hưởng diệu lạc tối thắng.

Các chúng sinh kia liền xưng niệm: "Nam-mô Thế Tôn!" và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do căn lành này nên chấm dứt tất cả điều ác và ngay trong khi đó liền qua đời và được sinh trong loài người. Chúng sinh trong chỗ nóng bức do nhờ ánh sáng ấy nên được mát mẻ, xa lìa khổ đói khát, thọ hưởng diệu lạc, cho đến được sinh trong loài người. Như địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, loài người cũng như vậy, ánh sáng đó chiếu khắp các thế giới xong, trở lại nhiễu quanh thân Phật ba vòng và nhập vào trên đảnh.

Khi ấy, có vô lượng, vô biên Trời, Người, Dạ-xoa, A-tu-la, Càn-thát-bà, Rồng, La-sát được bất thoái chuyển với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có vô số chúng sinh được Thiền định Nhẫn nhục đà-la-ni.

Bấy giờ, người ở vùng Diêm-phù nghe vô lượng chư Thiên vì Phật, Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng mà đem vô số các thứ tốt đẹp trên cõi trời trang trí vườn Diêm-phù, ngoài thành An Châu như trang trí trên cõi trời, họ lại nghĩ: "Chúng ta hãy đến đó sẽ gặp Đức Như Lai và Tỳ-kheo Tăng, nhờ đó lãnh thọ giáo pháp".

Thiện nam tử, bấy giờ hàng ngày thường có vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha người nam, người nữ, đồng nam, đồng nữ đi đến gặp Phật, đem đầu mặt lạy Phật và Tỳ-kheo Tăng, nhiễu quanh bên phải ba vòng, cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi và muốn chiêm ngưỡng vườn Diêm-phù. Vườn đó có hai vạn cửa ngõ làm toàn bằng bảy báu, trước mỗi một cửa ngõ có trải năm trăm tòa bằng bảy báu, có năm trăm Phạm-chí

ngồi trên từng tòa đó. Nếu chúng sinh nào muốn vào vườn, các vị Phạm-chí này liền khuyến hóa làm cho họ đều được quy y Tam bảo, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi sau đấy mới cho vào vườn gặp Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng, lễ bái, hầu hạ, cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen.

Thiện nam tử, Phạm-chí ấy trong bảy năm giáo hóa chư Thiên nhiều vô số, làm cho họ đều an trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phạm-chí lại làm cho vô số Rồng, A-tu-la, Càn-thát-bà, La-sát, Câu-bàn-trà, Tỳ-xá-già, ngạ quỉ, súc sinh, địa ngục và người đều an trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, bấy giờ sau bảy năm, Phạm-chí đem tám vạn bốn ngàn Kim luân, chỉ trừ Thiên luân; tám vạn bốn ngàn voi trắng với bảy báu trang nghiêm, chỉ trừ voi báu; cho đến tám vạn bốn ngàn các loại âm nhạc, đem tất cả các loại như vậy dâng cúng Phật và Tăng.

Trong bảy năm của Chuyển luân thánh vương không có các sự tham dục, như là: Không dục về sân hận, không dục về ngu si, không dục về kiêu mạn, không dục về quốc độ, không dục về con cái, không dục về ngọc nữ, không dục về ăn uống, không dục về y phục, không dục về hương hoa, không dục về xe cộ, không dục về ngủ nghỉ, không dục về tưởng vui, không dục về ngã, không dục về người khác... Như vậy, trong bảy năm vua không có một tâm dục nào, lại thường ngồi không nằm, không nghĩ tưởng về ngày đêm, không nghĩ tưởng đến sự mệt nhọc, cũng không nghĩ tưởng đến thanh, hương, vị, xúc. Trong thời gian đó, vua thường thấy trong mười phương, ở mỗi phương có nhiều vạn cõi Phật như số vi trần, thế giới của chư Phật đều thanh tịnh trang nghiêm, không thấy Tu-di và các núi nhỏ, Đại tiểu Thiết vi và chỗ tối tăm ở giữa hai núi đó, mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, cung điện của chư Thiên. Những chỗ thấy được chỉ toàn là cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh. Thấy những việc như vậy xong, vua tùy theo sở nguyện mà nhận lấy. Chuyển luân thánh vương trong bảy năm được thọ hưởng diệu lạc và thấy thế giới của chư Phật với vô số sự thanh tịnh trang nghiêm nên nguyện nhận cõi Phật thượng diệu thanh tịnh như vậy. Thái tử Bất Tuần, con của Chuyển luân thánh vương, cho đến một ngàn người con, tám vạn bốn ngàn các tiểu vương... và chín vạn hai ngàn ức chúng sinh đều trong bảy năm tâm không ham về dục, cho đến không tưởng nhớ đến hương, vị, xúc. Mỗi người ở một nơi vắng vẻ nhập định tư duy về các thế giới, ở mỗi mỗi phương trong mười phương có nhiều thế

giới như số vi trần vạn cõi Phật và chỉ thấy những việc trang nghiêm đẹp đẽ ở các thế giới Phật, không thấy Tu-di và các núi nhỏ, Đại tiểu Thiết vi và chỗ tối tăm giữa hai núi đó, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, cung điện chư Thiên, họ chỉ thấy cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm. Như chỗ họ đã thấy, tùy nguyện mà nhận lấy. Tất cả các đại chúng... đều được tu hành vô số pháp môn như vậy trong bảy năm, hoặc nguyện được cõi Phật thanh tịnh, hoặc nguyện nhận cõi Phật bất tịnh.

Thiện nam tử, sau bảy năm, Phạm-chí đem các thứ bảy báu dâng cúng Phật cùng Tỳ-kheo Tăng và hướng lên Phật chắp tay bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, con đã khuyến hóa Chuyển luân thánh vương phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trở về chỗ ở ngồi yên lặng tư duy và không cho một người nào vào. Con lại khuyến hóa ngàn người con của vua đó phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vương tử ấy cũng đều trở về chỗ ở, ngồi yên tịnh tư duy, cho đến không cho một người nào vào. Tám vạn bốn ngàn tiểu vương, chín vạn hai ngàn ức chúng sinh cũng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều ở chỗ vắng vẻ, ngồi ngay thẳng tư duy, cho đến không cho một người nào vào.

Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài làm cho Chuyển luân vương ấy... sau khi xuất định, đi đến gặp Phật, cùng với những người trước đây đã được Ngài khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giúp họ tập họp nơi chỗ Đức Phật, nhất tâm ngồi ngay thẳng, lãnh thọ thế giới thanh tịnh của Phật, không còn thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh giác. Nhờ Phật thọ ký xong, họ sẽ nhận cõi nước và tên họ.

Thiện nam tử, bấy giờ Bảo Tạng Như Lai liền nhập Tam-muội Định vương. Nhập định này rồi, ngay trong miệng Ngài phát ra vô số sắc hào quang: xanh, vàng, đỏ, trắng, tía. Khi Chuyển luân vương... đang ở trong định, mỗi vị đều tự thấy ở trước mình có hóa Phạm vương thưa:

– Các ông ngày nay có thể xuất thiền, đi đến gặp Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng, lễ bái, hầu hạ, cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen. Các ông nên biết, Phạm-chí Bảo Hải trong bảy năm mở pháp hội đã hoàn mãn, nay Phật, Thế Tôn sẽ du hành đến các cõi nước khác.

Chuyển luân vương... nghe dạy như vậy liền xuất định. Bấy giờ, chư Thiên ở giữa hư không trỗi các âm nhạc, lập tức Thánh vương đi xe cùng với một ngàn người con, tám vạn bốn ngàn tiểu vương..., chín vạn hai ngàn ức người trước sau dẫn đường, ra khỏi thành An-châu-la, hướng đến vườn Diêm-phù. Đến bên ngoài vườn, vua theo như pháp xuống xe đi bộ tới chỗ Phật, đem đầu mặt đảnh lễ Phật và Tỳ-kheo Tăng rồi lui ngồi một bên.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí bạch với Thánh vương:

– Cúi xin đại vương đem vật báu này cùng với vô số châu báu của tám vạn bốn ngàn thành An-châu-la mà đại vương đã cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng trong ba tháng trước kia, phước đức như vậy nên hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Một ngàn người con của vua, tám vạn bốn ngàn các tiểu vương, chín vạn hai ngàn ức người, tất cả đều được dạy bảo khiến đều hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Họ nói:

– Đại vương nên biết, nhân việc bố thí này không nên cầu nơi Đao-lợi thiên vương, Đại Phạm thiên vương. Vì sao? Nay vua được phước báu, có vô số châu ngọc nhưng đều là vô thường không chắc chắn cố định, giống như làn gió thoảng. Vì vậy, nên cần phải đem các thứ này bố thí sẽ được quả báo khiến tâm tự tại, mau thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thoát vô lượng, vô biên chúng sinh vào Niết-bàn.

-oOo-

Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 1)

Bấy giờ, Bảo Tạng Như Lai lại nghĩ: "Như vậy là có vô lượng chúng sinh không còn thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta nay sẽ thọ ký cho từng người và cho họ thấy vô số cõi Phật".

Đức Thế Tôn liền nhập định. Định đó tên là Bất thất Bồ-đề tâm *(Chẳng mất tâm Bồ-đề)*. Do diệu lực của định ấy nên có ánh sáng lớn chiếu khắp vô lượng, vô biên các thế giới, khiến cho tất cả Chuyển luân thánh vương và vô lượng chúng sinh đều được thấy vô biên thế giới của chư Phật.

Lúc ấy, ở mười phương vô lượng, vô biên các thế giới khác, trong đó có các Đại Bồ-tát do nhờ ánh sáng và nhờ Phật lực, nên mỗi vị tự đi đến chỗ Phật, đem thần túc biến hóa mà mình đã đạt được cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng, đầu mặt đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu bên phải Phật ba vòng và ngồi ở trước Phật, muốn được nghe Như Lai thọ ký cho các Bồ-tát thành Phật.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí Bảo Hải lại thưa với Thánh vương:

– Đại vương, lúc này đại vương có thể phát nguyện trước tiên để nhận cõi Phật tốt đẹp.

Thiện nam tử, nghe thưa như vậy, Thánh vương liền đứng dậy chắp tay quỳ thẳng hướng về Phật bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, con thật muốn được Bồ-đề. Trước kia,

suốt trong ba tháng con đem các thức cần dùng cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Con hồi hướng căn lành này đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không nguyện nhận lấy cõi Phật bất tịnh.

Bạch Đức Thế Tôn, trước kia trong thời gian bảy năm, ngồi ngay thẳng, con tư duy đến vô số cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm.

Bạch Đức Thế Tôn, con xin phát nguyện cho con được thành Chánh giác, trong thế giới ấy không có địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh. Tất cả chúng sinh sau khi qua đời không bị rơi vào trong ba đường ác. Chúng sinh trong thế giới đều có màu hoàng kim, người và trời không khác nhau, đều được sáu phép thần thông. Nhờ Túc mạng thông, họ biết được trăm ngàn vạn ức na-do-tha những việc ở kiếp trước. Nhờ Thiên nhãn thanh tịnh, họ thấy tất cả trăm ngàn ức na-do-tha thế giới khắp mười phương, trong đó có chư Phật đang thuyết pháp vi diệu ở mọi nơi. Nhờ Thiên nhĩ thanh tịnh, họ nghe tất cả trăm ngàn ức na-do-tha tiếng của chư Phật trong mười phương thế giới đang thuyết pháp. Do Tha tâm trí nên họ biết được vô lượng, vô biên ức na-do-tha tâm của chúng sinh trong các thế giới khắp mười phương. Nhờ Như ý thông nên trong một niệm họ đến khắp trăm ngàn ức na-do-tha thế giới chư Phật, qua lại cùng khắp, làm cho các chúng sinh đều hiểu được không có ngã, ngã sở, đều được bất thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nguyện cho thế giới của con không có người nữ và tên gọi về họ. Tất cả chúng sinh chỉ một lần hóa sinh thì được tuổi thọ vô lượng, trừ khi họ có thệ nguyện, không có tất cả các tên bất thiện. Thế giới ấy thanh tịnh không nhơ xấu, thường có hương thơm vi diệu của chư Thiên lan tỏa cùng khắp. Tất cả chúng sinh đều được thành tựu ba mươi hai tướng tốt để trang nghiêm cho mình. Tất cả Bồ-tát trong đó chỉ còn một đời bổ xứ, trừ thệ nguyện của họ.

Nguyện cho thế giới của con, chúng sinh ngay trong thời gian một bữa ăn, nhờ Phật lực nên đến khắp vô lượng, vô biên thế giới gặp Phật trong hiện tại, lễ bái, hầu hạ, đem thần túc biến hóa đã đạt được cúng dường lên Phật và ngay trong khoảng bữa ăn trở về thế giới của mình, thường giảng thuyết tạng pháp của Phật, thân được sức mạnh như Na-la-diên. Những việc trang nghiêm nơi thế giới ấy, người có Thiên nhãn cũng không thể nói hết. Chúng sinh ở đó đều được bốn biện tài. Mỗi vị Bồ-tát ngồi bên một gốc cây, nhánh lá che khắp một vạn do-tuần. Thế giới thường có ánh sáng tịnh diệu làm cho vô lượng cõi Phật ở các phương khác với vô số thứ trang nghiêm đều hiện ra trong đó. Các chúng sinh ở đấy cho đến khi thành Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác không làm việc bất tịnh, thường được tất cả chư Thiên và phi nhân cung kính cúng dường, tôn trọng; cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và ở trong giai đoạn ấy thường được sáu căn thanh tịnh, ngay khi sinh ra liền được an vui vô lậu, thọ hưởng diệu lạc, tự nhiên thành tựu tất cả căn lành, vừa sinh ra được mặc ca-sa mới, liền được Tam-muội, Tam-muội đó tên là Thiện phân biệt. Do diệu lực của Tam-muội ấy họ đi đến cùng khắp vô lượng thế giới của chư Phật, gặp Đức Phật hiện tại để lễ bái, hầu hạ, cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen; cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đối với Tam-muội này không thoái chuyển. Có Bồ-tát theo như nguyện của mình đều tự trang nghiêm tu tập cõi tịnh diệu. Ở trong cây bảy báu, họ thấy tất cả chúng sinh nơi thế giới chư Phật ngay sau khi sinh được định Biến chí, do diệu lực của định này nên thường thấy chư Phật hiện đang ở trong vô lượng, vô biên các thế giới nơi mười phương, cho đến khi thành Chánh giác, không còn thoái chuyển.

Nguyện trong thế giới của con, những chúng sinh đều được cung điện, y phục, anh lạc và vô số thứ trang nghiêm giống như cõi trời thứ sáu là Tha hóa tự tại. Trong thế giới không có núi, gò, ụ đất, Đại tiểu Thiết vi, Tu-di, biển lớn; cũng không có các tiếng phiền não chướng ngại, như: năm ấm, năm cái... Không có tên ba đường ác, tám nạn, không có tên cảm thọ khổ và tên không khổ không vui.

Bạch Đức Thế Tôn, vào đời sau con sẽ luôn luôn hành đạo Bồ-tát, mong được thành tựu cõi Phật thanh tịnh như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn, vào đời sau làm những việc hy hữu như vậy xong, con mới thành Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, khi con thành Chánh giác, cây Bồ-đề cao lớn ngang dọc bằng thẳng một vạn do-tuần.

Khi con ngồi nơi đạo tràng, bên gốc cây ấy, chỉ trong một niệm được thành Chánh giác và liền có ánh sáng chiếu đến vô lượng, vô biên trăm ngàn ức na-do-tha thế giới chư Phật, khiến cho tuổi thọ của con lâu dài vô lượng, vô biên trăm ngàn ức na-do-tha kiếp không thể biết hết, trừ Bậc Nhất Thiết Trí; làm cho thế giới của con không có Thanh văn, Bích-chi-phật thừa. Đại chúng nơi đó toàn là Bồ-tát nhiều vô lượng, vô biên không thể tính đếm, trừ Bậc Nhất Thiết Trí.

Nguyện khi con thành Chánh giác xong, được chư Phật trong mười phương xưng dương tán thán danh hiệu của con.

Nguyện khi con thành Chánh giác xong, ở vô lượng, vô biên a-tăng-

kỳ kiếp thế giới Phật khác, có chúng sinh nào được nghe danh hiệu của con mà tu các pháp lành, muốn được sinh về thế giới của con, nguyện cho họ sau khi xả bỏ thân mạng, nhất định được sinh về, chỉ trừ người phạm tội ngũ nghịch, hủy báng Thánh nhân, phá hoại chánh pháp.

Nguyện khi con thành Chánh giác xong, vô lượng, vô biên chúng sinh trong thế giới của chư Phật khác, có chúng sinh nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu các căn lành muốn sinh về thế giới của con, khi họ lâm chung, con sẽ cùng đại chúng vây quanh ở trước người đó. Người đó được thấy con và sinh tâm hoan hỷ với con. Nhờ được thấy con nên họ xa lìa các chướng ngại, lập tức xả thân mạng, sinh đến cõi của con.

Nguyện khi con thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác xong, các Đại Bồ-tát nào chưa được nghe pháp, muốn theo con nghe pháp thì đều được nghe như ý nguyện.

Nguyện con thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác xong, ở vô lượng, vô biên, vô số thế giới khác, có các Bồ-tát nào được nghe tên con liền được bất thoái chuyển đối với đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được đệ nhất nhẫn, đệ nhị, đệ tam nhẫn. Có người nào nguyện muốn được Đà-la-ni và các Tam-muội, chắc chắn sẽ đạt được như nguyện của họ cho đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không còn thoái lui. Sau khi con diệt độ, trải qua các số kiếp có vô lượng, vô biên, vô số thế giới, trong đó Bồ-tát nào nghe tên con, tâm được tịnh tín, hoan hỷ vô cùng, lễ bái con, khen ngợi, thán phục và nói: "Vị Phật, Thế Tôn ấy khi còn Bồ-tát đã làm rất nhiều Phật sự lâu dài mới chịu thành Chánh giác. Các Bồ-tát kia được tín tâm hoan hỷ xong, quyết định sẽ được đệ nhất, đệ nhị, đệ tam nhẫn. Có người nào nguyện muốn được môn Đà-la-ni và các Tam-muội thì ước nguyện của họ đều đạt được hết, cho đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vẫn không thoái thất".

Con thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác xong, ở vô lượng, vô biên, vô số thế giới khác có các người nữ nào nghe tên con liền được tín tâm hoan hỷ đệ nhất, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến khi thành Phật không bao giờ còn trở lại thọ thân người nữ nữa.

Nguyện sau khi con diệt độ, dầu trải qua vô lượng, vô biên, vô số kiếp, ở vô lượng, vô biên, vô số cõi Phật, trong đó có người nữ nào nghe đến tên con liền được tín tâm hoan hỷ đệ nhất, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến khi thành Phật không còn thọ thân người nữ trở lại.

Kính bạch Đức Thế Tôn, lòng nguyện cầu của con là được cõi Phật như vậy, chúng sinh như vậy.

Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu được thế giới và chúng sinh thanh tịnh như vậy, sau đó con mới thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, bấy giờ Bảo Tạng Như Lai bảo Chuyển luân thánh vương:

– Lành thay! Lành thay! Đại vương, theo tâm nguyện sâu xa của ông nên ngày nay ông được nhận cõi thanh tịnh, tâm của chúng sinh ở trong cõi đó cũng thanh tịnh. Đại vương, như ông đã thấy, về phương Tây cách đây trăm ngàn vạn ức cõi Phật có thế giới tên là Tôn thiện vô cấu, thế giới đó có Đức Phật hiệu là Tôn Âm Vương, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Hiện nay, Ngài đang thuyết giảng chánh pháp cho các Bồ-tát. Ở thế giới đó không có tên Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng không có nói pháp Tiểu thừa, thuần nhất thanh tịnh một pháp Đại thừa. Tại đó, chúng sinh hoàn toàn do hóa sinh, cũng không có người nữ và danh từ về họ. Những công đức thanh tịnh trang nghiêm của cõi Phật kia đúng y như sở nguyện của đại vương và đại vương sẽ được cõi nước với vô lượng, vô biên sự trang nghiêm tươi đẹp như vậy. Do đã cứu giúp, điều phục vô lượng, vô biên chúng sinh nên nay đổi tên đại vương là Vô Lượng Thanh Tịnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo Vô Lượng Thanh Tịnh:

– Phật Tôn Âm Vương kia qua một trung kiếp sẽ Bát-niết-bàn. Bát-niết-bàn xong, chánh pháp trụ ở đời đủ mười trung kiếp. Sau khi chánh pháp diệt, trải qua sáu mươi trung kiếp, cõi đó đổi tên là Di lâu quang minh, sẽ có Phật xuất hiện ở đời hiệu là Bất Khả Tư Nghị Công Đức Vương, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật này cũng giống như Tôn Âm Vương Như Lai với thế giới trang nghiêm đẹp đẽ như cõi Tôn thiện vô cấu. Đức Phật đó sống lâu sáu mươi trung kiếp. Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp trụ ở đời sáu mươi trung kiếp. Chánh pháp diệt rồi, trải qua một ngàn trung kiếp, bấy giờ thế giới vẫn tên là Tôn thiện vô cấu.

Lại có Phật ra đời hiệu là Bảo Quang Minh, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới này và tuổi thọ có khác ít nhiều với cõi Di lâu nhưng chánh pháp trụ

thế cũng như Phật Bất Khả Tư Nghị Công Đức Vương không khác. Sau khi chánh pháp diệt, thế giới bấy giờ đổi tên là Thiện kiên, lại có Phật ra đời hiệu là Bảo Tôn Âm Vương, đầy đủ tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới này trang nghiêm như trước không khác, Đức Phật thọ ba mươi lăm trung kiếp. Sau khi Phật diệt độ, chánh pháp trụ ở đời đủ bảy trung kiếp. Chánh pháp diệt rồi, lại có vô lượng, vô biên chư Phật tiếp nối ra đời; về thế giới, thọ mạng, chánh pháp cũng đều như vậy. Hiện nay, Ta thấy tất cả các việc của chư Phật từ khi thành đạo cho đến lúc diệt độ là như vậy. Trong giai đoạn ấy, thế giới kia thường trụ không thay đổi, không có thành hoại.

Đại vương, khi chư Phật như vậy đều diệt độ hết, lại trải qua một hằng hà sa vô số kiếp, vào đệ nhị số kiếp nhiều như cát sông Hằng, bấy giờ thế giới đổi tên là An lạc. Đại vương lúc ấy sẽ thành Phật, hiệu là Vô Lượng Thọ gồm đủ tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Khi Thánh vương nghe những lời này xong, bạch Phật:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, những vị sẽ thành Phật như vậy hiện nay đang ở đâu?

Phật bảo:

– Này đại vương, Bồ-tát như vậy đang ở tại đại hội này với số đông vô lượng không thể tính kể, đều từ thế giới của các Đức Phật khác trong mười phương tập họp đến đây để cúng dường Ta và lãnh thọ diệu pháp. Các Bồ-tát này đã được chư Phật quá khứ thọ ký thành Chánh giác. Lại được chư Phật hiện tại trong mười phương thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên các vị ấy sẽ thành Chánh giác trước.

Này đại vương, các Bồ-tát ấy đã từng cúng dường vô lượng, vô biên trăm ngàn vạn ức na-do-tha Phật, vun trồng các căn lành, tu tập trí tuệ. Đại vương, vì vậy các Bồ-tát này thành Chánh giác trước đại vương.

Chuyển luân thánh vương bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Phạm-chí Bảo Hải này thường hay khuyên con cùng các quyến thuộc phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy, vị Phạm-chí này vào đời vị lai trải qua thời gian bao lâu sẽ thành Chánh giác?

Phật bảo:

– Đại vương, Phạm-chí này thành tựu đại bi cho nên trong đời vị lai,

khi vị ấy gầm lên tiếng sư tử thì đại vương tự biết.

Chuyển luân vương lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con được thành tựu như Phật đã thọ ký thì khi con đem đầu mặt lạy Phật, sẽ khiến cho các thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương chấn động đủ sáu cách, chư Phật trong đó cũng sẽ thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho con.

Thiện nam tử, Vô Lượng Tịnh Vương nói xong liền ở trước mặt Đức Phật, đem đầu mặt lạy sát đất. Bấy giờ, các thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng trong mười phương đều chấn động sáu cách, chư Phật trong đó liền thọ ký như sau: "Cõi San-đề-lam trong kiếp Thiện trì, lúc loài người thọ tám vạn tuổi, có Phật ra đời hiệu là Bảo Tạng, có Chuyển luân thánh vương tên là Vô Lượng Tịnh làm chủ bốn thiên hạ, suốt ba tháng cúng dường Bảo Tạng Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Do thiện căn này nên qua vô lượng vô số kiếp xong, mới vào đệ nhị vô số kiếp như cát sông Hằng sẽ được thành Phật hiệu là Vô Lượng Thọ, thế giới tên là An lạc, thân thường chiếu ánh sáng khắp nơi, bao trùm khắp vô số thế giới của chư Phật nhiều như cát sông Hằng trong mười phương.

Bấy giờ, vì đại vương, Bảo Tạng Như Lai thuyết kệ:

Mười phương thế giới
Đại địa chấn động
Cùng các núi rừng
Nhiều như Hằng sa
Ngài hãy đứng dậy
Được thọ ký rồi
Làm thân trời, người
Thắng pháp điều ngự.

Thiện nam tử, nghe kệ xong, Chuyển luân thánh vương tâm rất hoan hỷ, liền đứng dậy chắp tay đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi nghe pháp cách Phật không xa.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí Bảo Hải lại thưa với thái tử thứ nhất của Thánh vương:

– Thiện nam tử, hãy đem vật báu này và các vật như trước, suốt ba tháng cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng với vô số châu ngọc quý, đem phước đức như vậy tập hợp lại mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại bảo thế này:

– Thiện nam tử, làm việc bố thí này không nên cầu về Đao-lợi Thiên

vương, Đại Phạm thiên vương. Vì sao? Những vật có được do phước báo đều là vô thường, không có tướng nhất định, giống như gió thoảng. Vì vậy, nên đem quả báo do bố thí làm cho tâm được tự tại, mau thành Chánh giác, độ thoát vô lượng, vô biên chúng sinh được vào Niết-bàn.

Thái tử nghe những lời như vậy xong, thưa với Phạm-chí:

– Tôi xem thấy chúng sinh trong địa ngục có nhiều sự khổ não. Trong cõi trời người mà có tâm bất tịnh thì luôn luôn bị đọa trong ba đường ác.

Thái tử lại nghĩ: "Các chúng sinh này vì gần gũi với ác tri thức cho nên bỏ mất chánh pháp, đọa trong chốn vô cùng tối tăm, từ bỏ các gốc lành, nhận vô số tà kiến..., bị chúng che lấp tâm tánh nên đi vào đường tà".

Nghĩ xong, liền bạch với Phật:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, con dùng âm thanh lớn bảo cho các chúng sinh: Xin đem tất cả các thiện căn mà con có được, hồi hướng hết lên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nguyện cho con khi thực hành đạo Bồ-tát, nếu có chúng sinh nào chịu các sự khổ não... thoái lui nơi chánh pháp, đọa trong chỗ tối tăm lớn, buồn rầu, cô độc, khốn khổ, không có người cứu giúp, không y phục, nhà cửa mà chúng sinh đó có thể nghĩ đến con, xưng niệm danh hiệu của con, thì chúng sinh đó được con nghe bằng thiên nhĩ, thấy bằng Thiên nhãn. Nếu những chúng sinh như thế không được thoát khỏi các khổ não này thì con quyết không thành Chánh giác.

Thái tử lại bạch Phật:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, con lại sẽ vì chúng sinh phát nguyện thù thắng. Kính bạch Thế Tôn, nếu con có thể mau được tự lợi ích, nguyện cho Chuyển luân thánh vương trải qua đệ nhất hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp xong, vừa vào đệ nhị hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, bấy giờ thế giới tên là An lạc, đại vương thành Phật hiệu là Vô Lượng Thọ, làm vua chánh pháp của thế giới trang nghiêm, chúng sinh thanh tịnh. Đức Phật, Thế Tôn này ở vô lượng kiếp làm Phật sự xong, việc cần làm đã làm xong, nhập Niết-bàn vô dư, cho đến khi Chánh pháp còn tồn tại, con ở trong đó tu đạo Bồ-tát, thường làm Phật sự. Chánh pháp của Đức Phật ấy diệt vào đầu đêm thì ngay cuối đêm đó con thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thái tử lại bạch Phật:

– Cúi xin Đức Thế Tôn thọ ký cho con. Con xin nhất tâm cầu thỉnh chư Phật hiện tại như cát sông Hằng trong mười phương, cúi xin các Ngài thọ ký cho con.

Thiện nam tử, bấy giờ Phật Bảo Tạng liền thọ ký cho thái tử thứ nhất.

Thiện nam tử, ông thấy cõi trời, người và tất cả chúng sinh trong ba đường ác nên sinh lòng đại bi, muốn chấm dứt các khổ não cho chúng sinh, muốn đoạn trừ các phiền não cho chúng sinh, muốn khiến cho chúng sinh sống trong sự an vui. Vì vậy, thiện nam tử, nay sẽ đổi tên cho ông là Quán Thế Âm.

Thiện nam tử, khi hành đạo Bồ-tát, ông đã khiến cho vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh được lìa khổ não; khi còn là Bồ-tát, ông đã tạo được Phật sự lớn.

Thiện nam tử, sau khi Phật Vô Lượng Thọ Bát-niết-bàn, vào đệ nhị hằng hà sa... phần sau cùng của a-tăng-kỳ kiếp, trong phần đầu đêm, chánh pháp diệt hết; vào cuối đêm, cõi kia đổi tên là Nhứt thiết trân bảo sở thành tựu thế giới, có vô lượng, vô biên, vô số các thứ trang nghiêm, cõi thế giới An lạc không sánh kịp.

Thiện nam tử, vào cuối đêm, bên gốc cây Bồ-đề, với vô số các thứ trang nghiêm, ông ngồi trên tòa Kim cang, chỉ trong một niệm thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hiệu là Biến Xuất Nhứt Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương, gồm đủ tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật đó sống lâu chín mươi sáu ức na-do-tha trăm ngàn kiếp. Phật Bát-niết-bàn xong, chánh pháp trụ thế sáu mươi ba ức kiếp.

Bấy giờ, Bồ-tát Quán Thế Âm ở trước Phật, bạch:

– Nếu nguyện của con được thành tựu thì ngay khi con đem đầu mặt kính lễ Phật sẽ được chư Phật hiện tại trong các thế giới như cát sông Hằng ở mười phương, từng vị thọ ký cho con, làm cho đại địa các thế giới như cát sông Hằng trong mười phương và các núi sông đều chấn động sáu cách, phát ra vô số âm nhạc, tâm của tất cả chúng sinh được xa lìa dục.

Thiện nam tử, khi Bồ-tát Quan Thế Âm đem đầu mặt sát đất lạy Bảo Tạng Như Lai thì các thế giới như cát sông Hằng trong mười phương đều chấn động đủ sáu cách. Tất cả núi rừng đều phát ra vô số âm nhạc, chúng sinh nghe xong liền được lìa dục, trong đó chư Phật đều thọ ký như sau: "Cõi San-đề-lam trong kiếp Thiện trì, khi loài người sống tám vạn tuổi, có Phật ra đời hiệu là Bảo Tạng, có Chuyển luân thánh vương tên Vô Lượng Tịnh làm chủ bốn thiên hạ. Thái tử của vua đó tên là Quán Thế Âm, cúng dường Bảo Tạng Như Lai và Tỳ-kheo Tăng suốt ba tháng. Do thiện căn này nên vào đệ nhị hằng hà sa, trong phần sau của a-tăng-kỳ kiếp, vị ấy sẽ được làm Phật hiệu là Biến Xuất Nhất Thiết Quang

Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai. Thế giới tên là Nhất thiết trân bảo sở thành tựu".

Bảo Tạng Như Lai lại vì Bồ-tát Quán Thế Âm thuyết kệ:

Đại bi công đức
Hãy nên đứng dậy
Nơi các cõi Phật
Đất động sáu cách
Chư Phật mười phương
Thọ ký cho ông
Sẽ được thành Phật
Thật đáng vui mừng.

Thiện nam tử, thái tử Quán Thế Âm nghe kệ xong rất vui mừng, liền đứng dậy trước Phật, chắp tay đảnh lễ sát chân Phật, ngồi cách Phật không xa để nghe pháp.

Thiện nam tử, khi ấy Phạm-chí Bảo Hải lại thưa với vương tử thứ hai là Ni-ma:

– Thiện nam tử, ông đã tạo nghiệp phước đức thanh tịnh, vì tất cả chúng sinh mà được Nhứt thiết trí, vậy nên hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, bấy giờ vương tử ngồi ở trước Phật, chắp tay bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, như trước đây trong ba tháng, con cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng và với sự thực hành nơi thân, khẩu, ý thanh tịnh của con, với phước đức như vậy, con xin hồi hướng lên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không nguyện về thế giới bất tịnh dơ xấu, nguyện cho quốc độ và cây Bồ-đề của con như thế giới của Bồ-tát Quán Thế Âm, cây Bồ-đề báu với vô số các thứ trang nghiêm và thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nguyện: Khi Đức Phật Biến Xuất Quang Minh Công Đức mới thành Phật đạo, con sẽ thỉnh Phật chuyển Pháp luân trước hết và tùy thuận theo thời gian thuyết pháp của Ngài, trong giai đoạn đó con thực hành đạo Bồ-tát. Sau khi Đức Phật ấy Niết-bàn, chánh pháp diệt hết, tiếp theo là con thành Chánh giác. Khi con thành Phật, với Phật sự đã làm nên trong thế giới của con có vô số các thứ trang nghiêm tốt đẹp. Sau khi con Bát-niết-bàn, chánh pháp trụ thế cùng các việc như vậy đều giống như Đức Phật kia không khác.

Phật bảo vương tử thứ hai:

– Này thiện nam tử, theo nguyện của ông là được nhận thế giới lớn lao, ông ở đời sau sẽ được thế giới đúng như nguyện của mình.

Thiện nam tử, ông ở đời sau sẽ được thế giới lớn lao như vậy và thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiệu là Thiện Trụ Trân Bảo Sơn Vương gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Thiện nam tử, do nguyện nhận thế giới hết sức lớn lao của ông cho nên danh hiệu của ông là Đắc Đại Thế.

Bấy giờ, ở trước Phật, Bồ-tát Đắc Đại Thế bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích thì khi con kính lễ Phật, sẽ làm cho thế giới của các Đức Phật nhiều như cát sông Hằng trong mười phương chấn động sáu cách, mưa hoa Tu-mạn-na, trong đó chư Phật hiện tại đều thọ ký cho con.

Thiện nam tử, lúc ấy Bồ-tát Đắc Đại Thế ở ngay trước Phật, đem đầu mặt lạy sát đất, thì vô số thế giới như cát sông Hằng trong mười phương đều chấn động sáu cách, trời mưa hoa Tu-mạn-na, trong đó chư Phật, Thế Tôn hiện tại đều thọ ký.

Bấy giờ Bảo Tạng Như Lai vì Bồ-tát Đắc Đại Thế, thuyết kệ:

Công đức bền vững
Nay nên tinh tấn
Rúng động đại địa
Mưa hoa Tu-mạn.
Chư Phật mười phương
Thọ ký cho ông
Đời sau sẽ thành
Nhân Thiên Phạm Tôn.

Thiện nam tử, Bồ-tát Đắc Đại Thế nghe bài kệ này xong, tâm rất hoan hỷ, liền đứng dậy, ở trước Phật chắp tay lạy sát chân Phật, cách Phật không xa ngồi nghe diệu pháp.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí Bảo Hải lại nói với vương tử thứ ba là Vương Chúng:

– Thiện nam tử, những phước đức và nghiệp thanh tịnh mà ông đã làm cho tất cả chúng sinh để được Nhứt thiết trí, hãy đem hồi hướng nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, bấy giờ vương tử thứ ba ngồi ở trước Phật, chắp tay bạch Phật:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, như trước đây trong ba tháng, con đã cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng những hạnh thanh tịnh về thân, khẩu, ý

của con, phước đức như vậy con nay đem hồi hướng về đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay nguyện của con là không thể thành Chánh giác nơi thế giới bất tịnh, cũng không nguyện mau thành Chánh giác. Khi con tu hành đạo Bồ-tát, nguyện cho chúng sinh được con giáo hóa trong vô lượng, vô biên thế giới của chư Phật trong mười phương đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được bất thoái với tâm Vô thượng Bồ-đề, được khuyến hóa tu tập theo sáu Ba-la-mật.

Nguyện cho con trước hết đối với tất cả các cõi Phật nhiều như cát sông Hằng khắp mười phương có chư Phật thành Phật đang thuyết pháp, khiến cho con khi ấy bằng Thiên nhãn thanh tịnh thấy khắp tất cả.

Nguyện khi con là Bồ-tát có thể làm vô lượng Phật sự như vậy. Ở đời sau, con hành đạo Bồ-tát không có giới hạn. Đối với các chúng sinh đã hóa độ, con làm cho tâm họ được thanh tịnh giống như Phạm thiên. Chúng sinh như thế được sinh trong cõi của con và được vậy con mới thành Chánh giác, đem sự thanh tịnh như trên để trang nghiêm cõi Phật.

Nguyện khiến cho tam thiên đại thiên thế giới với vô số cõi Phật trong mười phương làm một cõi Phật. Chung quanh thế giới ấy có tường báu lớn bao bọc. Kho chứa đựng đầy bảy báu, tường đó cao lớn đến cõi Vô sắc, đất bằng lưu ly xanh biếc, không có bụi đất, cát đá, gai gốc nhơ nhớp... Lại không có những tiếp xúc xấu, cũng không có người nữ và danh từ về họ. Tất cả chúng sinh đều do hóa sinh, không ăn bằng cách nhai nuốt..., dùng pháp hỷ Tam-muội làm thức ăn, không có thừa Thanh văn, Bích-chi-phật. Khắp trong nước đó chỉ có các Bồ-tát xa lìa tham dục, sân giận, ngu si và đều tu phạm hạnh. Ngay khi Bồ-tát vừa sinh xong, râu tóc tự rụng, mặc ba pháp y, muốn ăn uống liền có dụng cụ chứa quý báu ở trong tay mặt và tự nhiên trong bát có đầy đủ các thức ăn trăm mùi vị thượng hạng.

Khi ấy, các Bồ-tát suy nghĩ: "Chúng ta không nên ăn thức ăn này, ta hãy đem đến cúng dường chư Phật, chúng Thanh văn và cấp thí cho những người bần cùng trong mười phương. Có các ngạ quỉ đang chịu khổ do đói khát thiêu đốt thân, ta hãy đến nơi đó cung cấp đầy đủ cho họ. Chánh chúng ta nên tu hạnh Pháp hỷ thực Tam-muội". Nghĩ như vậy xong, các vị ấy được pháp Tam-muội của Bồ-tát. Tam-muội đó tên là Bất khả tư nghị hạnh. Được Tam-muội này xong, các vị ấy liền được thần lực vô ngại, đến nơi vô lượng, vô biên thế giới chư Phật trong hiện tại để cúng dường chư Phật và Tỳ-kheo Tăng, cấp thí cho kẻ bần cùng hạ tiện, loài ngạ quỉ. Làm việc bố thí xong, các vị ấy thuyết pháp cho họ. Ngay trong

bữa ăn, các vị ấy qua lại khắp nơi và trở về quốc độ của mình, đem y phục, châu báu cùng các vật cần dùng cúng dường chư Phật cho đến ngạ quỉ cũng như vậy rồi mới tự dùng.

Nguyện làm cho thế giới của con không có tám nạn, bất thiện, khổ não; cũng không có các việc thọ giới, phá giới, sám hối và các danh từ đó.

Nguyện cho thế giới của con thường có vô lượng các loại châu báu cất chứa đầy kho. Cây áo châu báu mà mười phương thế giới chưa từng có, chưa từng thấy nghe, cho đến cả ức năm nói về danh từ của những loại đó cũng không thể hết.

Nguyện nơi thế giới của con, các Bồ-tát muốn thấy sắc vàng, tùy ý được thấy; muốn thấy sắc bạc thì cũng tùy ý thấy. Ngay khi thấy sắc bạc thì không mất tướng sắc vàng. Ngay khi thấy tướng sắc vàng thì không mất tướng sắc bạc; pha lê, lưu ly, xa cừ, mã não, xích trân châu, vô số châu báu cũng tùy ý được thấy như vậy. Muốn thấy A-kiệt-lưu hương, Đa-già-lưu hương, Đa-ma-la-bạt, Chiên-đàn trầm thủy, Xích chiên-đàn và Ngưu đầu chiên-đàn, Thuần chiên-đàn thì tùy ý được thấy; muốn thấy trầm thủy cũng tùy ý thấy. Đang thấy trầm thủy thì không mất chiên-đàn. Đang thấy chiên-đàn thì không mất trầm thủy... Ngoài ra cũng như vậy, vô số các sự nguyện cầu đều thành tựu.

Nguyện cho thế giới của con không có mặt trời, mặt trăng. Các Bồ-tát có ánh sáng rộng lớn tự nhiên phát ra theo sự mong cầu và có thể chiếu đến cả trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới. Nhờ ánh sáng này nên không có ngày đêm. Các hoa nở thì biết đó là phần ngày, các hoa khép lại thì biết đó là phần đêm. Thế giới có khí hậu điều hòa, không có lạnh, nóng và già, bệnh, chết. Nếu Bồ-tát nào chỉ còn một đời rồi sẽ sinh ở phương khác, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền đi đến cung trời Đâu-suất ở phương khác, sau khi qua đời thì thành Phật. Nếu con thành Chánh giác xong, không ở nơi cõi này nhận Bát-niết-bàn. Nếu khi con Bát-niết-bàn thì ở ngay giữa hư không.

Nếu các Bồ-tát muốn gì thì tự nhiên có được. Chung quanh thế giới đó thường có trăm ngàn ức na-do-tha âm nhạc tự nhiên. Trong âm nhạc này không có tiếng dục tưởng mà thường phát ra tiếng sáu Ba-la-mật, tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tỳ-kheo Tăng, tiếng Bồ-tát tạng, tiếng nghĩa thâm sâu. Đối với các âm thanh đó, các Bồ-tát hiểu được tùy theo căn cơ từng vị.

Kính bạch Đức Thế Tôn, khi con thực hành đạo Bồ-tát, nếu con được thấy trăm ngàn ức na-do-tha a-tăng-kỳ thế giới chư Phật với vô số trang nghiêm, vô số anh lạc, vô số tướng mạo, vô số trú xứ, vô số ý nguyện thì

khiến cho thế giới của con cũng được thành tựu các việc trang nghiêm như vậy, chỉ trừ Thanh văn, Bích-chi-phật. Lại nữa, thế giới của con cũng không có đời năm trược, ba đường ác..., các núi Tu-di, Đại tiểu Thiết vi, đất cát, ngói đá, biển lớn, rừng cây, chỉ thuần có cây báu, hơn ở trên trời. Thế giới của con lại không có các loại hoa khác, chỉ có hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la như trên trời. Không có các thứ dơ xấu, thuần có hương thơm tỏa khắp trong nước. Các Bồ-tát chỉ còn một lần sinh, không có một người nào sinh ở cõi khác, chỉ trừ đến phương khác để thành Phật, như đến cõi Đâu-suất, khi qua đời sẽ thành Phật.

Kính bạch Đức Thế Tôn, khi con hành đạo Bồ-tát, không có kỳ hạn cần phải thành tựu quả báo như vậy để làm thanh tịnh cõi Phật. Những vị Bồ-tát còn một lần sinh có khắp nơi trong đó. Các Bồ-tát này không một người nào là không được nhận sự giáo hóa từ nơi con rồi mới bắt đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu tập sáu Ba-la-mật. Như vậy, các Bồ-tát ấy đều bắt đầu nhờ con giáo hóa mà phát tâm tu tập, an trú vào sáu Ba-la-mật. Nếu chúng sinh trong cõi San-đề-lam này sinh vào cõi con thì tất cả những sự khổ não đều chấm dứt hết.

Bạch Đức Thế Tôn, khi con thực hành đạo Bồ-tát, cốt yếu phải thành tựu các việc hy hữu như vậy, sau đó vào đời vị lai mới thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nguyện cây Bồ-đề tên Tuyển trạch kiến thiện trân bảo chu vi tỏa rộng vừa một vạn bốn cõi thiên hạ, có hương thơm, ánh sáng lan khắp một vạn ba ngàn đại thiên thế giới. Dưới cây Bồ-đề có tòa Kim cang bằng vô số thứ châu báu, chu vi bằng năm cõi Tứ thiên hạ, tòa đó tên là Thiện trạch tịch diệt trí hương đẳng cận, cao một vạn bốn ngàn do-tuần. Tại tòa này, con ngồi kiết già và chỉ trong một niệm thành Chánh giác, cho đến Bát-niết-bàn, thường ở nơi đạo tràng, dưới cây Bồ-đề, ngồi nơi tòa Kim cang không hư hoại, lại sẽ hóa ra vô lượng chư Phật và chúng Bồ-tát, sai đến các thế giới của chư Phật khác để giáo hóa chúng sinh. Mỗi một Hóa Phật trong khoảng thời gian một bữa ăn vì các chúng sinh thuyết giảng pháp vi diệu, liền ngay trong khoảng bữa ăn khiến cho vô lượng, vô biên chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vừa phát tâm xong, liền không thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Hóa Phật và chúng Bồ-tát này thường làm các việc hiếm có như vậy.

Khi con thành Chánh giác xong, nguyện: Ở các thế giới khác có các chúng sinh nào chiêm ngưỡng thân con và chúng sinh chiêm ngưỡng thân con với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp thì chắc chắn họ được đạo

quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến Niết-bàn đều không xa lìa sự chiêm ngưỡng Phật.

Nguyện cho chúng sinh trong thế giới của con đầy đủ sáu căn, không bị khiếm khuyết. Các Bồ-tát muốn thấy con thì tùy theo chỗ ở của họ, đi-đứng-nằm-ngồi đều được thấy con. Các Bồ-tát ấy phát tâm xong, lập tức thấy con ngồi nơi Bồ-đề đạo tràng, bên gốc cây. Trước đó, nếu đối với các pháp tướng có chỗ nghi ngờ, chưa được con giảng thuyết, thì ngay khi thấy con, họ liền được dứt hết nghi ngờ và hiểu được nghĩa sâu xa của pháp tướng.

Nguyện đời sau, tuổi thọ của con vô lượng, không thể tính kể, trừ Bậc Nhất Thiết Trí. Tuổi thọ của Bồ-tát cũng như vậy. Trong một niệm con thành Chánh giác xong, ngay trong một niệm có vô lượng Bồ-tát râu tóc tự rụng, mặc ba pháp y cho đến khi chứng Niết-bàn. Nơi khoảng thời gian đó không có một người nào râu tóc để dài và mặc y phục thế tục, tất cả đều mặc pháp phục Sa-môn.

Bấy giờ, Phật bảo vương tử thứ ba:

– Thiện nam tử! Lành thay! Lành thay! Ông là Đại trượng phu thuần thiện, thông tuệ, khéo hiểu, có thể phát nguyện lớn rất khó như vậy, làm các việc công đức hết sức sâu xa khó có thể nghĩ bàn, chỉ có trí tuệ vi diệu mới có thể làm được. Ông là thiện nam, vì chúng sinh nên tự phát nguyện tôn quý như vậy, nhận cõi nước tươi đẹp, vì thế nên danh hiệu của ông là Văn-thù-sư-lợi. Trong đời sau, trải qua hai hằng hà sa vô lượng, vô biên, vô số kiếp, vào vô lượng, vô biên, vô số kiếp thứ ba, ở phương Nam này có thế giới của Phật tên là Thanh tịnh vô cấu bảo trí. Cõi San-đề-lam này cũng nhập vào trong đó. Trong thế giới kia có vô số thứ trang nghiêm, ông ở trong đó sẽ thành Bậc Chánh Giác hiệu là Phổ Hiện gồm đủ tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Các chúng Bồ-tát đều thanh tịnh. Nguyện của ông được thành tựu đầy đủ như đã nói trên.

Thiện nam tử, khi ông thực hành đạo Bồ-tát, đã vun trồng các căn lành nơi vô lượng, nơi vô lượng ức các Đức Như Lai, cho nên tất cả chúng sinh đều lấy ông làm thuốc. Tâm ông thanh tịnh, có thể phá tan phiền não, thêm các căn lành.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi ở trước Phật, bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con được thành tựu, bản thân con được lợi ích, con xin nguyện vô lượng, vô biên, vô số thế giới

khắp mười phương đều chấn động sáu cách, trong đó chư Phật hiện tại thuyết pháp thọ ký cho con. Con cũng nguyện cho tất cả chúng sinh nhận niềm vui hoan hỷ, giống như Bồ-tát vào Đệ nhị thiền với diệu dụng tự tại. Trời mưa hoa Mạn-đà-la đầy khắp thế giới, trong hoa thường phát ra tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tỳ-kheo Tăng, tiếng sáu Ba-la-mật, mười lực, vô sở úy... đủ các tiếng như vậy. Nguyện khi con đảnh lễ Phật Bảo Tạng thì các tướng trạng như thế liền xuất hiện.

Nói như vậy xong, Văn-thù-sư-lợi đem đầu mặt sát đất lạy Phật. Ngay khi ấy, vô lượng, vô biên, vô số thế giới trong mười phương đều chấn động sáu cách. Trời mưa hoa Mạn-đà-la giữa hư không, tất cả chúng sinh nhận niềm vui hỷ lạc giống như Bồ-tát vào Đệ nhị thiền với diệu dụng tự tại. Khi ấy, các Bồ-tát chỉ nghe tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tỳ-kheo Tăng, tiếng sáu Ba-la-mật, mười lực, vô sở úy, với các tiếng như vậy.

Bấy giờ, thấy nghe việc này, các Bồ-tát ở phương khác rất ngạc nhiên, cho là việc chưa từng có, đồng bạch với Phật của mình:

– Vì sao có điềm tốt này ứng hiện?

Chư Phật đều bảo các Bồ-tát:

– Chư Phật trong mười phương, mỗi vị đều vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó nên điềm lành này ứng hiện.

Bấy giờ, Bảo Tạng Như Lai vì Văn-thù-sư-lợi nói kệ:

Ý đẹp rộng lớn
Hãy nên đứng dậy
Chư Phật mười phương
Thọ ký cho ông
Ngay trong đời sau
Thành đạo tôn thắng
Đại địa thế giới
Chấn động sáu cách
Chúng sinh nhận đủ
Các sự diệu lạc.

Thiện nam tử, nghe kệ xong, Văn-thù-sư-lợi rất hoan hỷ, đứng dậy chắp tay lạy sát chân Đức Phật và ngồi cách Phật không xa để nghe diệu pháp.

□

KINH BI HOA

QUYỂN 4

Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 2)

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí Bảo Hải thưa với vương tử thứ tư là Năng-già-nô,... cho đến phát nguyện cũng như ở trước.

Đức Phật bảo Năng-già-nô:

– Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, khi ông hành đạo Bồ-tát đã dùng trí tuệ Kim cang phá tan vô lượng, vô biên các núi phiền não của chúng sinh, làm xong Phật sự lớn như vậy rồi, sau đó mới thành Chánh giác. Thiện nam tử, vì thế nên hiệu của ông là Kim Cang Trí Tuệ Quang Minh Công Đức.

Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Trí Tuệ Quang Minh Công Đức:

– Thiện nam tử, ông ở vào đời sau, qua hằng hà sa số kiếp thứ nhất, vào hằng hà sa số kiếp thứ hai, về phương Đông, vượt qua mười vô số thế giới như số cát sông Hằng, có thế giới tên là Bất tuần.

Thiện nam tử, ở nơi đó, ông sẽ được thành Phật, hiệu là Phổ Hiền, gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới của Phật đó có đầy đủ các thứ trang nghiêm đẹp đẽ như ông đã nguyện.

Thiện nam tử, khi Bảo Tạng Như Lai thọ ký cho Đại Bồ-tát Kim Cang Trí Tuệ Quang Minh Công Đức thành Bậc Vô Thượng Chánh Giác, trong hư không có vô lượng, vô biên trăm ngàn ức na-do-tha chư Thiên khen ngợi: "Lành thay! Lành thay!", rồi mưa xuống hương thơm Ngưu đầu chiên-đàn, A-già-lưu, hương Đa-già-lưu, hương Đa-ma-la-bạt tinh và hương bột để cúng dường.

Bấy giờ Bồ-tát Kim Cang Trí Tuệ Quang Minh Công Đức bạch Phật:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, con xin kính lễ chư Phật, Thế Tôn, xin nguyện ngay lúc

ấy, trong vô số thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương, có đầy hương thơm vi diệu của chư Thiên, các loại chúng sinh hoặc tại địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, trên cõi trời, trong nhân gian, khi nghe được mùi thơm ấy thì thân tâm không còn các bệnh khổ não.

Thiện nam tử, khi Bồ-tát Kim Cang Trí Tuệ Quang Minh Công Đức thưa như vậy xong, lập tức lạy Phật thì hằng hà sa vô số thế giới trong mười phương đều có hương thơm vi diệu bao bọc chung quanh. Chúng sinh nào nghe được mùi hương đó thì thân tâm đều được xa lìa các khổ não. Vì Bồ-tát Kim Cang Trí Tuệ Quang Minh Công Đức, Bảo Tạng Như Lai thuyết kệ:

Tuệ Kim cang hay trừ
Nay ông hãy đứng dậy
Thế giới Phật mười phương
Có hương thơm trùm khắp.
Cho vô lượng chúng sinh
Được an lạc hoan hỷ
Vị lai ông thành Phật
Vô Thượng Thế Gian Giải.

Thiện nam tử, lúc ấy Bồ-tát Kim Cang Trí Tuệ Quang Minh Công Đức nghe kệ xong, tâm rất vui mừng, liền đứng dậy lạy Phật, ngồi cách Phật không xa để nghe diệu pháp.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí Bảo Hải lại thưa với vương tử thứ năm là Vô Sở Úy, cho đến phát tâm cũng như ở trước.

Vương tử thưa với Phạm-chí:

– Nay nguyện của con là không muốn thành Chánh giác ở thế giới bất tịnh này. Nguyện khi con thành Phật, trong thế giới đó không có địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh. Đất ở đó toàn bằng lưu ly báu màu xanh biếc... nói rộng ra đều như các sự việc tốt đẹp ở thế giới Liên hoa.

Vương tử Vô Úy bèn đem hoa sen dâng lên Phật Bảo Tạng và thưa:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, nhờ Phật lực, nay ở trước Phật, con nguyện sẽ được thấy vô số thiền định vi diệu. Lại nguyện trời mưa vô số hoa sen lớn như bánh xe đầy khắp vô số thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương, nhiều như vi trần. Tất cả chúng sinh trong các thế giới ấy đều trông thấy mưa hoa sen. Thấy rồi, họ đều rất hoan hỷ.

Thiện nam tử, vương tử Vô Úy thưa như vậy xong, nhờ Phật lực cho nên ngay khi ấy liền được thấy vô số thiền định vi diệu. Trời mưa vô lượng

hoa sen lớn như bánh xe đầy khắp vô số thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương. Nơi các quốc độ của chư Phật nhiều như cát sông Hằng trong mười phương, tất cả đại chúng đều trông thấy sự việc này, thấy xong, họ rất hoan hỷ.

Bấy giờ, Phật bảo vương tử Vô Úy:

– Thiện nam tử, ông phát thệ nguyện lớn lao sâu xa nhận cõi Phật thanh tịnh như thế, lại có thể mau được thấy vô số thiền định vi diệu. Do nguyện không hư dối nên trời mưa vô lượng hoa sen như vậy.

Vương tử Vô Úy bạch Phật:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, con nguyện cho các hoa này đều trụ giữa hư không, không còn rơi xuống đất.

Phật Bảo Tạng bảo vương tử Vô Úy:

– Thiện nam tử, nay ông đem các hoa sen ấn lên hư không một cách nhanh chóng, do đó, nên hiệu của ông là Hư Không Ấn.

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Hư Không Ấn:

– Thiện nam tử, ông ở đời sau trải qua một hằng hà sa số kiếp rồi qua hằng hà sa số kiếp thứ hai, về phương Đông nam, cách cõi Phật này trăm ngàn vạn ức hằng hà sa thế giới, có thế giới tên là Liên hoa, ở đó ông sẽ thành Bậc Chánh Giác hiệu là Liên Hoa Tôn gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đại chúng toàn là các bậc Đại Bồ-tát, nhiều vô lượng không thể tính kể. Đức Phật đó sống lâu vô lượng, vô biên, tất cả các sở nguyện đều được thành tựu.

Khi ấy, Bồ-tát Hư Không Ấn đem đầu mặt lạy Đức Bảo Tạng Như Lai và ngồi cách Phật không xa để nghe diệu pháp.

Vì Bồ-tát Hư Không Ấn, Đức Thế Tôn thuyết kệ:

Thiện nam tử nên biết
Có người đã lợi mình
Dứt phiền não trói buộc
Luôn khiến đạt tĩnh lặng
Những công đức làm được
Nhiều như cát sông Hằng
Trong vi trần thế giới
Thành tựu không hề mất.
Ông vào đời vị lai

Thành tựu đạo vô thượng
Như chư Phật quá khứ
Hoàn toàn không sai khác.

Thiện nam tử, Bồ-tát Hư Không Ấn nghe kệ xong rất vui mừng, hoan hỷ.

Thiện nam tử, khi ấy, Phạm-chí Bảo Hải thưa với vương tử thứ sáu là Hư Không,... cho đến phát tâm cũng như trên.

Vương tử Am-bà-la bạch Phật:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, nay nguyện của con là không muốn thành Chánh giác ở thế giới bất tịnh này... nói lược... như nguyện của Bồ-tát Hư Không Ấn. Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, con nguyện trong vô số thế giới nhiều như cát sông Hằng khắp mười phương tự nhiên có lọng đẹp bằng bảy báu làm toàn bằng kim cương che khắp nơi trên hư không. Lọng này có treo linh bằng bảy báu để trang trí. Lọng và linh báu đó thường phát ra tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tỳ-kheo Tăng, tiếng sáu Ba-la-mật, sáu thần thông, mười lực, vô úy... Nơi thế giới đó, chúng sinh được nghe các thứ tiếng như vậy liền phát tâm thành Chánh giác. Phát tâm xong, lập tức họ được bất thoái chuyển. Trong linh báu phát ra tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, cho đến tiếng Vô sở úy, vang khắp các thế giới trong mười phương. Bồ-tát Hư Không Ấn nhờ Phật lực nên cũng nghe được.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện con được thành tựu, bản thân con được lợi ích, nay con nguyện được Tam-muội Tri nhật, nhờ sức Tam-muội nên tăng thêm tất cả các căn lành. Khi con được Tam-muội xong, cúi xin chư Phật thọ ký cho con thành Chánh giác.

Nói lời nguyện này xong, nhờ Phật lực nên vương tử liền được Tam-muội Tri nhật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn khen ngợi vương tử:

– Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, nguyện của ông hết sức sâu xa, do nhân duyên công đức sâu xa đó, nên ngay khi ấy ở các thế giới nhiều như cát sông Hằng khắp mười phương tự nhiên có lọng đẹp bảy báu làm toàn bằng Kim cương che khắp nơi trên hư không, có linh trang nghiêm bằng bảy báu, trong linh thường phát ra tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, cho đến Vô sở úy. Lúc ấy có trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh nghe các âm thanh ấy xong, liền phát tâm thành Chánh giác. Do đó nên hiệu của ông là Hư Không Nhật Quang Minh.

Phật lại bảo Bồ-tát Hư Không Nhật Quang Minh:

– Ông ở đời sau, trải qua vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng lần thứ nhất, rồi vào vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng lần thứ hai, về phương Đông cách đây hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Nhật Nguyệt, ở đó ông sẽ thành Bậc Chánh Giác hiệu là Pháp Tự Tại Phong Vương gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Bồ-tát Hư Không Nhật Quang Minh nghe thọ ký như vậy xong, liền lạy sát chân Phật. Đức Thế Tôn vì Hư Không Nhật Quang Minh thuyết kệ:

Thiện nam, hãy đứng dậy!
Lành thay tự điều ngự
Đem tịch tĩnh đại bi
Đến tất cả chúng sinh.
Độ thoát, chấm dứt khổ
Cuối cùng được giải thoát
Trí tuệ phân biệt rõ
Đạt đến đạo Vô thượng.

Thiện nam tử, Bồ-tát Hư Không Nhật Quang Minh nghe kệ xong, rất hoan hỷ, đứng dậy chắp tay đảnh lễ sát chân Phật, ngồi cách Phật không xa để nghe diệu pháp.

Bấy giờ, Phạm-chí Bảo Hải lại thưa với vương tử thứ bảy là Thiện Tý... cho đến sự phát tâm cũng lại như trước.

Vương tử bạch Phật:

– Nay nguyện của con không muốn thành Chánh giác ở thế giới bất tịnh này. Con nguyện đời sau, trong thế giới của con không có địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, danh từ về nữ nhân và do thai sinh cùng các núi Tu-di, Đại tiểu Thiết vi, đồi, gò, cát đá dơ nhớp, không có gió độc, gai góc, rừng rú, cây cối, sông to biển lớn, mặt trời mặt trăng, ngày đêm, chốn tối tăm bẩn thỉu. Các loại chúng sinh không đại tiểu tiện, khạc nhổ xú uế, thân tâm không bị các việc không vui. Đất bằng mã não, không có các bụi bặm, chỉ hoàn toàn trang nghiêm bằng trăm ngàn vô lượng châu báu, không có các cỏ rác, chỉ có hoa Mạn-đà-la tươi đẹp và vô số cây báu để trang sức. Bên gốc cây báu có lọng báu đẹp. Lại có vô số y báu, tràng hoa, các âm nhạc, hương hoa, anh lạc báu, các loại như vậy trang trí như cây báu kia. Trong thế giới đó không có ngày đêm, dùng hoa nở và khép để biết thời gian. Các Bồ-tát ở trong hoa bằng vàng tự nhiên sinh ra và liền được vô số thiền định trang nghiêm vi diệu.

Nhờ sức Tam-muội ấy nên các Bồ-tát được thấy chư Phật ở các thế giới nhiều như vi trần khắp mười phương và cũng nhờ Tam-muội này nên trong khoảng một niệm họ được đầy đủ sáu phép thần thông.

Nhờ Thiên nhĩ nên nghe tất cả âm thanh của chư Phật hiện đang thuyết pháp ở các thế giới trong mười phương.

Nhờ Túc mạng trí nên biết được những việc của vô số đời quá khứ như số vi trần trong một cõi Phật.

Nhờ Thiên nhãn nên thấy tất cả những thứ vi diệu ở các thế giới của chư Phật trong mười phương.

Nhờ Tha tâm trí nên ngay trong một niệm biết được tâm ý của các chúng sinh nhiều như số vi trần trong một thế giới Phật, cho đến khi thành tựu Chánh giác cũng không mất Tam-muội này.

Lúc sáng sớm yên tịnh, bốn phía có gió trong lành thoảng nhẹ, thổi hương thơm vi diệu và rải các thứ hoa. Do sức gió nên các Bồ-tát ra khỏi Tam-muội, liền được năm lực như ý thông suốt. Do nhờ năng lực đó nên ngay trong khoảng một niệm, các Bồ-tát có thể đi đến các cõi Phật trong mỗi mỗi phương khắp mười phương, nơi vô số thế giới của chư Phật nhiều như vi trần trong một cõi Phật, cúng dường chư Phật hiện tại, xin lãnh thọ diệu pháp và ngay trong một niệm liền trở về thế giới cũ mà không hề trở ngại. Các Bồ-tát ở trong đài hoa của hoa Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, ngồi kiết già tư duy các pháp môn, muốn được thấy con *(vị Phật tương lai)* ở phương nào thì dù cho đang ngồi hướng về phía nào cũng được thấy. Người nào đối với giáo pháp sâu xa có chỗ nghi ngờ, nhờ thấy con *(vị Phật tương lai)* nên liền được hết nghi. Nếu có người muốn nghe diệu pháp hỏi nghĩa, nhờ thấy con *(vị Phật tương lai)* nên liền được hiểu rõ, không còn nghi ngờ. Các Bồ-tát nào hiểu rõ không có ngã và ngã sở nên có thể xả bỏ tất cả thân căn, mạng căn, nhất định không thoái lui nơi quả vị Vô thượng Bồ-đề. Thế giới ấy không có tất cả các tên về bất thiện, cũng không có danh từ thọ giới, phá giới, hủy giới, sám hối. Tất cả chúng sinh đều có ba mươi hai tướng tốt, được sức mạnh như Na-la-diên cho đến khi thành Chánh giác. Tất cả mọi người có sáu căn đầy đủ. Nơi đó, chúng sinh ngay khi vừa mới sinh râu tóc tự rụng, mặc ba pháp y, phân biệt rành rẽ được Tam-muội cho đến thành Chánh giác không bị thoái lui nửa chừng. Tất cả các căn của các chúng sinh đều được hài hòa. Tất cả mọi người không bị khổ về già, bệnh. Như các Bồ-tát khi qua đời đều ngồi kiết già nhập Hỏa định, tự thiêu thân mình, sau khi thiêu xong, gió trong lành bốn phía thổi đến làm cho xá-lợi được rải tới các phương không có thế giới Phật. Ngay khi ấy, xá-lợi biến

thành Ma-ni bảo châu, như bảo châu của Chuyển luân thánh vương. Chúng sinh nào được thấy và tiếp xúc với bảo châu ấy thì không còn bị đọa trong ba đường ác, cho đến được Niết-bàn, không còn bị các khổ, liền được xả thân sinh về phương khác, nơi đang có chư Phật, được lãnh thọ diệu pháp, phát tâm thành Chánh giác không thoái chuyển. Nếu khi qua đời, tâm chúng sinh ở nơi đó vẫn ở trong định không bị tán loạn, không bị các nỗi khổ về ái biệt ly... Sau khi qua đời không còn bị đọa vào tám nạn hay sinh về thế giới không có Phật... cho đến khi được thành Chánh giác, thường được thấy Phật, lãnh thọ diệu pháp, cúng dường chúng Tăng. Tất cả chúng sinh xa lìa tham dục, sân hận, ngu si, ân ái, ganh ghét, vô minh, kiêu mạn. Thế giới không có Thanh văn, Duyên giác. Đại chúng ở khắp trong nước đó chỉ thuần là các Đại Bồ-tát..., tâm họ hòa dịu không ái trược, kiên cố không thoái lui đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được các Tam-muội. Thế giới ấy chỉ có ánh sáng thanh tịnh. Các thế giới của chư Phật nhiều như vô số vi trần trong mười phương đều được nghe đến thế giới của con. Thế giới của con có hương thơm vi diệu bay khắp vô lượng thế giới của chư Phật như số vi trần trong mười phương. Chúng sinh trong thế giới của con thường được an lạc, chưa từng nghe tiếng về cảm giác khổ.

Bạch Đức Thế Tôn, khi con thực hành đạo Bồ-tát không có giới hạn nên con cần phải trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh như vậy, làm cho các loài chúng sinh ở khắp trong cõi nước đó đều được thanh tịnh, sau đó con mới thành Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, con thành Chánh giác xong sẽ phát ra vô lượng, vô biên ánh sáng chiếu khắp các thế giới của Phật như số vi trần khắp mười phương, làm cho chúng sinh ở những nơi ấy đều được thấy con với ba mươi hai tướng tốt. Ngay khi ấy, họ được sạch hết phiền não tham dục, sân giận, ngu si, ganh ghét, vô minh, kiêu mạn và phát tâm thành Chánh giác, được Tam-muội Nhẫn nhục đà-la-ni như đã nguyện. Nhờ thấy con, các chúng sinh ở chỗ rét buốt được ấm áp, an vui, giống như Bồ-tát khi vào Đệ nhị thiền, nhờ thấy con nên thân tâm được diệu lạc bậc nhất và phát tâm thành Chánh giác. Nếu người đó qua đời, chắc chắn sẽ sinh vào thế giới Phật của con, sinh xong liền không bị thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các hàng súc sinh, ngạ quỉ, chúng sinh trong địa ngục nóng đốt cũng được thọ hưởng như trên. Chư Thiên được thấy ánh sáng ấy gấp bội và tuổi thọ của con được lâu dài vô lượng, vô biên không thể tính kể, trừ Bậc Nhất Thiết Trí.

Bạch Đức Thế Tôn, con thành Chánh giác xong, được chư Phật đang

ở trong vô lượng, vô biên thế giới khắp mười phương khen ngợi. Ngoài ra, nếu các chúng sinh nào được nghe tiếng khen ngợi con như vậy mà nguyện làm việc lành thì mau được sinh vào nước của con. Sau khi qua đời, chắc chắn họ sẽ sinh vào nước con, chỉ trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch, phá hoại Tam bảo, hủy báng Thánh nhân.

Bạch Đức Thế Tôn, con thành Chánh giác xong, chúng sinh ở nơi vô lượng, vô biên, vô số khắp mười phương nếu nghe tiếng con, phát nguyện muốn sinh về thế giới của con thì các chúng sinh ấy, khi gần qua đời, đều được thấy con cùng các đại chúng vây chung quanh. Ngay khi đó, con nhập Tam-muội Vô ế. Nhờ sức Tam-muội này nên con ở ngay trước mặt họ thuyết pháp. Nhờ nghe diệu pháp nên họ liền dứt trừ tất cả khổ não, tâm rất hoan hỷ. Tâm hoan hỷ nên được Tam-muội Bảo minh. Nhờ sức Tam-muội ấy nên tâm được chánh niệm và vô sinh nhẫn. Sau khi qua đời, chắc chắn sinh vào thế giới của con. Ngoài ra, ở các thế giới khác, chúng sinh nào không có bảy loại tài sản Thánh, không muốn tu tập thực hành ba thừa, không muốn sinh trong hàng trời, người, cũng không tu hành tất cả thiện căn và ba loại phước, làm việc phi pháp, nhớp nhúa, luyến ái, tham dục, chuyên thực hành tà kiến thì với chúng sinh như vậy con nguyện nhập Vô phiền não Tam-muội. Do năng lực của Tam-muội đó, nếu các chúng sinh kia khi qua đời, con cho đại chúng đứng ở trước mặt, vì họ thuyết diệu pháp, lại vì họ, con thị hiện tất cả những gì có trong cõi Phật, khuyến khích cho họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chúng sinh ấy nghe xong, sinh lòng tin vô cùng với con, được hoan hỷ, an lạc, liền phát tâm thành Chánh giác và làm cho chúng sinh ấy dứt trừ khổ não, dứt trừ khổ não xong, được Tam-muội Nhựt đăng quang minh, dứt trừ tối tăm si ám. Sau khi qua đời, họ liền sinh về thế giới của con.

Bấy giờ Bảo Tạng Như Lai khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Ông có thể phát được nguyện lớn lao vi diệu như vậy.

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện con được thành tựu, bản thân con được lợi ích, con nguyện cho các thế giới của chư Phật như số vi trần trong mười phương đều có mưa hương thơm Ưu-đà-la-bà-la và hương thơm Chiên-đàn, hương thơm Ngưu đầu chiên-đàn cùng vô số hương bột thơm. Chúng sinh nào ở khắp mọi nơi nghe được mùi hương thơm này đều phát tâm thành Chánh giác, làm cho con ngày hôm nay được Tam-muội, nguyện rắn chắc như Kim cương. Nhờ năng lực của Tam-muội đó nên được trông thấy mưa các thứ hương thơm trong các thế giới ấy.

Thiện nam tử, bấy giờ vương tử thưa như vậy xong liền được Tam-muội, tự thấy thế giới của chư Phật nhiều như số vi trần trong mười phương có các thứ hương thơm, hương Ưu-đà-la-bà-la, hương Ngưu đầu chiên-đàn, vô số hương bột và thấy ở mỗi phương đều có vô số chúng sinh cung kính phát tâm thành Chánh giác.

Bảo Tạng Như Lai bảo vương tử:

– Thiện nam tử, nguyện cầu của ông đã được thành tựu. Trời đã mưa các thứ hương thơm vi diệu, có vô số chúng sinh chắp tay cung kính phát tâm thành Chánh giác. Do đó hiệu của ông là Sư Tử Hương. Ông ở đời sau, trải qua một hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, ở phương trên cách đây bốn mươi hai hằng hà sa thế giới với vô số thế giới của chư Phật nhiều như vi trần, có thế giới tên là Thanh hương quang minh vô cấu, ở nơi đó ông sẽ được thành Bậc Chánh Giác hiệu là Quang Minh Vô Cấu Kiên Hương Phong Vương gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Thiện nam tử, lúc ấy Bồ-tát Sư Tử Hương đem đầu mặt lạy Bảo Tạng Như Lai sát đất. Như Lai vì Bồ-tát Sư Tử Hương mà thuyết kệ:

Thầy trời, người hiện
Nhận các cúng dường
Vượt khỏi sinh tử
Xa lìa khổ vướng.
Dứt mọi trói buộc
Và bao phiền não
Đời sau sẽ được
Người, trời tôn quý.

Thiện nam tử, bấy giờ Bồ-tát Sư Tử Hương nghe kệ ấy xong, tâm rất vui mừng, liền đứng dậy chắp tay rồi ngồi ở cách chỗ Phật không xa để nghe diệu pháp.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí Bảo Hải lại thưa với vương tử thứ tám là Mẫn Đồ..., cho đến phát tâm cũng như trên.

Vương tử ở trước Phật, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, nay nguyện của con là cần phải ở nơi thế giới bất tịnh này tu đạo Bồ-tát. Lại cần phải làm cho mười ngàn thế giới bất tịnh trở nên thanh tịnh, làm cho các thế giới đó được tươi đẹp, sạch sẽ giống như thế giới Thanh hương quang minh vô cấu. Con cũng sẽ giáo

hóa vô lượng Bồ-tát, khiến cho tâm họ được thanh tịnh, hướng đến Đại thừa, làm cho thế giới của con được đầy đủ tất cả, sau đó con mới thành Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, nguyện khi con tu hành đạo Bồ-tát, quyết phải vượt hơn các Bồ-tát khác. Suốt bảy năm, con ngồi ngay thẳng, tư duy về công đức thanh tịnh của chư Phật, Bồ-tát và vô số công đức để trang nghiêm cõi Phật. Khi ấy, con liền được thấy vô số các pháp Tam-muội trang nghiêm và một vạn một ngàn Bồ-tát ở trong thiền định tinh tấn tu tập.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu đời vị lai, các Bồ-tát trong khi thực hành đạo Bồ-tát, cũng nguyện được tất cả Tam-muội như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện được Tam-muội Xuất ly tam thế thắng tràng và nhờ sức của Tam-muội đó nên thấy tất cả thế giới của chư Phật vô lượng, vô biên trong mười phương và chư Phật hiện tại ở khắp nơi vượt khỏi ba đời và thuyết pháp cho chúng sinh.

Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện được Tam-muội Bất thoái, nhờ sức Tam-muội đó nên trong một niệm thấy tất cả chư Phật, Bồ-tát và các Thanh văn như số vi trần cung kính vây quanh.

Nguyện cho con được ở chỗ các Đức Phật ấy, được Tam-muội Vô y chỉ. Do sức từ Tam-muội đó nên cùng một lúc con hóa thân đến khắp các quốc độ của Phật nhiều như vi trần để cúng dường, lễ bái Phật như ở một cõi Phật.

Nguyện cho mỗi thân của con dùng vô số châu báu, hương hoa, hương xoa, hương bột thơm đẹp thượng diệu, vô số âm nhạc trang nghiêm cúng dường các Đức Phật.

Bạch Đức Thế Tôn, nguyện mỗi thân con ở chỗ mỗi Đức Phật tu hành đạo Bồ-tát nhiều kiếp như số giọt nước trong biển lớn.

Nguyện cho con được Tam-muội Nhất thiết thân biến hóa *(Biến hóa tất cả thân)*, do năng lực từ Tam-muội này nên trong một niệm ở ngay trước từng Đức Phật, con biết được vô số thế giới của chư Phật giống như một cõi Phật.

Bạch Đức Thế Tôn, nguyện cho con được Tam-muội Công đức lực *(Năng lực công đức)*, do sức của Tam-muội này nên ở trước từng Đức Phật đến khắp vô số chỗ chư Phật giống như một cõi Phật, rồi dùng lời tán dương vi diệu để tán dương chư Phật.

Bạch Đức Thế Tôn, nguyện cho con được Tam-muội Bất huyễn, nhờ sức của Tam-muội này nên trong một niệm thấy tất cả chư Phật đầy

khắp trong vô lượng, vô biên thế giới ở mười phương.

Bạch Đức Thế Tôn, nguyện cho con được Tam-muội Vô tránh, nhờ sức của Tam-muội này nên thấy khắp các thế giới thanh tịnh vi diệu của chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bạch Đức Thế Tôn, nguyện cho con được Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, nhờ sức của Tam-muội này nên hóa làm thân ở trong địa ngục, vào địa ngục thuyết pháp vi diệu cho chúng sinh ở đấy, khuyên dạy khiến họ phát tâm thành Chánh giác. Các chúng sinh kia được nghe diệu pháp này xong, tức thì phát tâm thành Chánh giác và liền qua đời, được sinh trong loài người, sinh ở chỗ nào cũng đều được gặp Phật, được gặp Phật liền được nghe diệu pháp, lãnh thọ pháp xong được an trụ ngay địa vị Bất thoái chuyển. Đối với Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân..., Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Dạ-xoa, La-sát, yêu tinh, quỉ hôi hám, quỉ tha ma, nô lệ, đồ tể hàng thịt, người buôn bán, dâm nữ, súc sinh, ngạ quỉ..., các chúng như vậy con cũng giáo hóa tất cả, đều làm cho họ phát tâm thành Chánh giác. Có các chúng sinh tùy theo chỗ sinh mà mang các hình tướng khác nhau, con phân thân theo như nghiệp chúng đã tạo, tùy theo đấy thọ sự khổ vui và các nghề nghiệp của chúng, nguyện cho con biến hóa ra các thân hình như vậy và tùy theo hành động của họ, giáo hóa dẫn dắt họ.

Bạch Đức Thế Tôn, có những chúng sinh với các loại âm thanh khác nhau, nguyện cho con tùy theo vô số âm thanh đó mà thuyết pháp làm cho họ được hoan hỷ. Nhờ hoan hỷ, khuyên họ phát tâm an trụ vào đó, khiến không còn thoái lui nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, con cần phải giáo hóa số chúng sinh trong mười ngàn cõi Phật, làm cho tâm họ được thanh tịnh, không còn tạo các nghiệp phiền não độc hại, không để cho một người nào còn lệ thuộc vào bốn loại ma, huống là nhiều người. Nếu con trang nghiêm mười ngàn cõi Phật thanh tịnh như vậy, như thế giới Thanh Hương Quang Minh Vô Cấu của Phật Quang Minh Vô Cấu Tôn Hương Vương với vô số sự trang nghiêm vi diệu, sau đó con cùng các quyến thuộc mới đạt được ước nguyện như của Bồ-tát Sư Tử Hương kia.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện con thành tựu, bản thân con được lợi ích, con sẽ làm cho tất cả chúng sinh trong mười ngàn thế giới của chư Phật không còn các khổ, tâm được nhu hòa, tâm được điều phục. Người người ở khắp bốn thiên hạ đều thấy Phật, Thế Tôn đang thuyết pháp. Tất cả chúng sinh tự nhiên được vô số của báu, hương hoa, hương bột, hương xoa, vô số

y phục và cờ phướn, đem tất cả cúng dường Phật. Sau khi cúng dường Phật, họ đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bạch Đức Thế Tôn, nguyện cho chúng con nhờ được vô số năng lực từ Tam-muội vi diệu nên được thấy các việc như vậy và khi nguyện như vậy xong, liền như ước nguyện, được thấy tất cả.

Bấy giờ Đức Thế Tôn khen A-di-cụ:

– Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, nay bốn phía thế giới của ông được bao bọc với một vạn cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm, đời vị lai ông sẽ giáo hóa vô lượng chúng sinh làm cho tâm họ được thanh tịnh, lại sẽ cúng dường vô lượng, vô biên chư Phật, Thế Tôn ở các thế giới ấy.

Thiện nam tử, do nhân duyên này nên đổi tên ông là Phổ Hiền, vào đời vị lai trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian cuối cùng, về phương Bắc, cách thế giới này hơn sáu mươi hằng hà sa cõi Phật có thế giới tên là Tri thủy thiện tịnh công đức, ông sẽ ở đó thành Bậc Chánh Giác hiệu là Trí Cương Hống Tự Tại Tướng Vương, gồm đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Thiện nam tử, khi ấy Đại Bồ-tát Phổ Hiền lạy Phật Bảo Tạng. Đức Như Lai vì Đại Bồ-tát mà thuyết kệ:

Đạo sư, hãy đứng dậy
Đã được như sở nguyện
Khéo điều phục chúng sinh
Làm cho đều nhất tâm
Vượt qua sông phiền não
Và khỏi các pháp ác
Đời sau làm đèn sáng
Bậc thầy của trời, người.

Thiện nam tử, lúc ấy trong chúng hội có mười ngàn người vốn có tâm biếng trễ, hiện tại cũng dốc tâm đồng thanh thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời sau chúng con sẽ thành Chánh giác ở cõi Phật nghiêm tịnh như vậy, đó là các thế giới do sự tu hành thanh tịnh của Bồ-tát Phổ Hiền. Bạch Đức Thế Tôn, chúng con cần phải tu đầy đủ sáu Ba-la-mật, nhờ đầy đủ sáu Ba-la-mật nên mỗi người đều thành Chánh giác ở nơi các cõi Phật.

Thiện nam tử, khi ấy Bảo Tạng Như Lai liền thọ ký cho mười ngàn người đó đều thành tựu đạo quả Chánh giác:

– Thiện nam tử, khi Bồ-tát Phổ Hiền thành Chánh giác, các ông sẽ ở trong vạn cõi Phật mà Bồ-tát Phổ Hiền đã tu thanh tịnh, đồng một lúc thành Chánh giác. Có một ngàn vị Phật đồng một hiệu là Trí Xí Tôn Âm Vương gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Lại có một ngàn vị Phật đồng hiệu Tăng Tướng Tôn Âm Vương.

Lại có một ngàn vị Phật đồng một hiệu là Thiện Vô Cấu Tôn Âm Vương.

Có một ngàn vị Phật đồng một hiệu là Ly Bố Úy Tôn Âm Vương.

Có một ngàn vị Phật đồng một hiệu là Thiện Vô Cấu Quang Tôn Âm Vương.

Có một ngàn năm trăm vị Phật đồng một hiệu là Nhật Âm Vương.

Có năm trăm vị Phật đồng một hiệu là Nhật Bảo Tạng Tôn Vương.

Có năm vị Phật đồng một hiệu là Nhạc Âm Tôn Vương.

Có hai Đức Phật đồng một hiệu là Nhật Quang Minh.

Có bốn Đức Phật đồng một hiệu là Long Tự Tại.

Có tám Đức Phật đồng một hiệu là Ly Khủng Bố Xưng Vương Quang Minh.

Có mười vị Phật đồng một hiệu là Ly Âm Quang Minh.

Có tám vị Phật đồng một hiệu là Âm Thanh Xưng.

Có mười một vị Phật đồng một hiệu là Hiển Lộ Pháp Âm.

Có chín vị Phật đồng một hiệu là Công Đức Pháp Xưng Vương.

Có hai mươi vị Phật đồng một hiệu là Bất Khả Tư Nghị Vương.

Có bốn mươi Đức Phật đồng một hiệu là Bảo Tràng Quang Minh Tôn Vương.

Lại có một vị Phật hiệu Giác Tri Tôn Tưởng Vương.

Có bảy vị Phật đồng một hiệu là Bất Khả Tư Nghị Âm.

Có ba vị Phật đồng một hiệu là Trí Tạng.

Có mười lăm vị Phật đồng hiệu là Trí Sơn Tràng.

Có năm mươi vị Phật đồng một hiệu là Trí Hải Vương.

Có ba mươi vị Phật đồng một hiệu là Đại Lực Tôn Âm Vương.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Sơn Công Đức Kiếp.

Có tám mươi vị Phật đồng một hiệu là Thanh Tịnh Trí Cần.

Có chín mươi vị Phật đồng một hiệu là Tôn Tướng Chủng Vương.

Có một trăm vị Phật đồng một hiệu là Thiện Trí Vô Cấu Lôi Âm Tôn Vương.

Có tám mươi vị Phật đồng một hiệu là Thắng Tôn Đại Hải Công Đức Trí Sơn Lực Vương.

Có bốn mươi vị Phật đồng một hiệu là Vô Cấu Bồ-đề Tôn Vương.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Trí Giác Sơn Hoa Vương.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Công Đức Sơn Trí Giác.

Có ba vị Phật đồng một hiệu là Kim Cang Sư Tử.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Trì Giới Quang Minh.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Thị Hiện Tăng Ích.

Có một vị Phật hiệu là Vô Lượng Quang Minh.

Có ba vị Phật đồng một hiệu là Sư Tử Du Hý.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Vô Tận Trí Sơn.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Bảo Quang Minh.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Vô Cấu Trí Tuệ.

Có chín vị Phật đồng một hiệu là Trí Tuệ Quang Minh.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Sư Tử Xưng.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Công Đức Thông Vương.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Vũ Pháp Hoa.

Có một vị Phật hiệu là Tạo Quang Minh.

Có một vị Phật hiệu Tăng Ích Sơn Vương.

Có một vị Phật hiệu Xuất Pháp Vô Cấu Vương.

Có một vị Phật hiệu Hương Tôn Vương.

Có một vị Phật hiệu Vô Cấu Mục.

Có một vị Phật hiệu Đại Bảo Tạng.

Có một vị Phật hiệu Lực Vô Chướng Ngại Vương.

Có một vị Phật hiệu Tự Tri Công Đức Lực.

Có một vị Phật hiệu Y Phục Tri Túc.

Có một vị Phật hiệu Đắc Tự Tại.

Có một vị Phật hiệu Vô Chướng Ngại Lợi Ích.

Có một vị Phật hiệu Trí Tuệ Tạng.

Có một vị Phật hiệu Đại Sơn Vương.

Có một vị Phật hiệu Viết Lực Tạng.

Có một vị Phật hiệu Cầu Công Đức.

Có một vị Phật hiệu Hoa Tràng Chi.

Có một vị Phật hiệu Chúng Quang Minh.

Có một vị Phật hiệu Vô Si Công Đức Vương.

Có một vị Phật hiệu Kim Cang Thượng.

Có một vị Phật hiệu Pháp Tướng.

Có một vị Phật hiệu Tôn Âm Vương.

Có một vị Phật hiệu Kiên Trì Kim Cang.

Có một vị Phật hiệu Trân Bảo Tự Tại Vương.

Có một vị Phật hiệu Kiên Tự Nhiên Tràng

Có một vị Phật hiệu Sơn Kiếp.

Có một vị Phật hiệu Vũ Ngu Lạc.

Có một vị Phật hiệu Tăng Ích Thiện Pháp.

Có một vị Phật hiệu Sa-la Vương.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Công Đức Biến Mãn Đại Hải Công Đức Vương.

Có một vị Phật hiệu Trí Tuệ Hòa Hiệp.

Có một vị Phật hiệu Trí Xí.

Có một vị Phật hiệu Hoa Chúng.

Có một vị Phật hiệu Thế Gian Tôn.

Có một vị Phật hiệu Ưu-đàm-bát Hoa Tràng.

Có một vị Phật hiệu Pháp Tràng Tự Tại Vương.

Có một vị Phật hiệu Chiên-đàn Vương.

Có một vị Phật hiệu Thiện Trụ.

Có một vị Phật hiệu Tinh Tấn Lực.

Có một vị Phật hiệu Tràng Đẳng Quang Minh.

Có một vị Phật hiệu Viết Trí Bộ.

Có một vị Phật hiệu Viết Hải Tràng.

Có một vị Phật hiệu Diệt Pháp Sinh.

Có một vị Phật hiệu Hoại Ma Vương.

Có một vị Phật hiệu Chúng Quang Minh.

Có một vị Phật hiệu Xuất Trí Quang Minh.

Có một vị Phật hiệu Viết Tuệ Đăng.

Có một vị Phật hiệu An Ẩn Vương.

Có một vị Phật hiệu Viết Trí Ân.

Có một vị Phật hiệu Tràng Nhiếp Thủ.

Có một vị Phật hiệu Thiên Kim Cang.

Có một vị Phật hiệu Chủng Chủng Trang Nghiêm Vương.

Có một vị Phật hiệu Vô Thắng Trí.

Có một vị Phật hiệu Thiện Trụ Ý.

Có một vị Phật hiệu Nguyệt Vương.

Có một vị Phật hiệu Vô Thắng Bộ Tự Tại Vương.

Có một vị Phật hiệu Sa-lân-đà Vương.

Có tám mươi vị Phật đồng một hiệu là Sư Tử Bộ Vương.

Có năm mươi vị Phật đồng một hiệu là Na-la-diên Vô Thắng Tạng.

Có bảy mươi vị Phật đồng một hiệu là Tụ Tập Trân Bảo Công Đức.

Có ba mươi vị Phật đồng một hiệu là Quang Minh Tạng.

Có hai mươi vị Phật đồng một hiệu là Phân Biệt Tinh Tú Xưng Vương.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Công Đức Lực Sa-la Vương.

Có chín mươi vị Phật đồng một hiệu là Vi Diệu Âm.

Có một vị Phật hiệu Viết Phạm Tăng.

Có một vị Phật hiệu Đề-đầu-lại-tra Vương.

Có một ngàn vị Phật đồng một hiệu là Liên Hoa Hương Trạch Xưng Tôn Vương.

Có sáu mươi vị Phật đồng một hiệu là Quang Minh Sí Chử Vương.

Có ba mươi vị Phật đồng một hiệu là Liên Hoa Hương Lực Tăng.

Có hai vị Phật đồng một hiệu là Vô Lượng Công Đức Đại Hải Trí Tăng.

Có một vị Phật hiệu Diêm-phù Âm.

Có một trăm lẻ hai vị Phật đồng một hiệu là Công Đức Sơn Tràng.

Có một vị Phật hiệu Sư Tử Tướng.

Có một trăm lẻ một vị Phật đồng một hiệu là Long Lôi Tôn Hoa Quang Minh Vương.

Có một vị Phật hiệu Thiện Thú Chủng Vô Ngã Cam Lộ Công Đức Vương Kiếp.

Có một ngàn vị Phật đồng một hiệu là Ly Pháp Trí Long Vương Giải

Thoát Giác Thế Giới Hải Nhãn Sơn Vương.

Các Đức Phật trên đây đều có đủ mười tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Các Đức Phật này đồng thành Chánh giác cùng một ngày một giờ, mỗi Ngài ở các thế giới đều sống đến mười trung kiếp. Các Ngài Niết-bàn cũng đồng một ngày. Bát-niết-bàn xong, chánh pháp sau bảy ngày liền diệt.

Thiện nam tử, khi ấy mười ngàn người hướng về Phật Bảo Tạng làm lễ. Đức Thế Tôn vì mười ngàn người, thuyết kệ:

Long vương hãy đứng
Bền vững tự tại
Nguyện tốt cao cả
Thanh tịnh hòa hợp
Các ông dụng ý
Nhanh như gió mạnh
Siêng năng tu học
Sáu Ba-la-mật
Đời sau sẽ thành
Thầy của trời, người.

Thiện nam tử, khi ấy mười ngàn người nghe kệ xong, rất hoan hỷ, liền đứng dậy lạy Phật, ngồi cách chỗ Phật không xa để nghe diệu pháp.

Thiện nam tử, Phạm-chí Bảo Hải lại thưa với vương tử thứ chín là Mật Tô … cho đến phát tâm cũng như trước.

Bấy giờ, vương tử ở trước Phật, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, khi con tu hành đạo Bồ-tát, nguyện chư Phật ở các thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương sẽ làm chứng cho con. Nay ở trước Đức Phật con phát tâm thành Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện khi thực hành đạo Bồ-tát cho đến lúc thành Phật, trong thời gian đó không sinh tâm hối hận, cho đến lúc thành Phật thường giữ vững nhất tâm không thoái chuyển. Lời nói và việc làm như nhau, cho đến không có một người nào tới quấy nhiễu tâm con. Con lại không cầu Thanh văn, Duyên giác, không khởi tâm dâm dục, tưởng ác. Tâm đó không tương ưng với kiêu ngạo, nghi ngờ, hối hận... Lại cũng không có tâm tham lam, dâm dục, sát sinh, trộm cướp, nói dối, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác, nói thêu dệt, tham lam, sân hận, tà kiến, ganh ghét, kiêu mạn, khinh khi, lừa dối. Con tu hành đạo Bồ-tát cho đến khi thành Chánh giác, trong khoảng thời gian đó cũng không sinh các pháp ác như

thế. Trong từng bước đi, tâm và tâm sở thường nghĩ nhớ đến chư Phật, được thấy chư Phật, thỉnh nhận diệu pháp, cúng dường chúng Tăng.

Con sinh đến nơi nào cũng thường nguyện được xuất gia, ngay khi xuất gia liền được thành tựu ba y phấn tảo. Thường ở bên gốc cây, ngồi một mình tư duy, trụ chốn lan-nhã, thường đi khất thực, không cầu mong lợi dưỡng, thực hành hạnh tri túc, thường giảng thuyết Chánh pháp, thành tựu vô lượng biện tài thông suốt, không phạm tội lớn, không dùng tướng của mình thuyết pháp cho người nữ. Nếu khi thuyết pháp, thường dùng tướng Không, tâm thường nghĩ đến pháp Không, chắp tay ngồi ngay ngắn, cũng không để lộ răng ra. Nếu có người tu học pháp Đại thừa, thì đối với người đó có ý tưởng như với Thế Tôn, cung kính cúng dường. Nghe người thuyết pháp cũng tưởng như được nghe Phật thuyết. Đối với các Sa-môn, Bà-la-môn ấy sinh tâm cung kính, cúng dường, tôn trọng. Trừ Phật, Thế Tôn, đối với các chúng, khi làm việc bố thí chẳng sinh tâm phân biệt: đây là phước điền, đây không phải là phước điền.

Nguyện con đối với pháp thí của người, không sinh tâm ganh ghét. Nếu có chúng sinh bị hình phạt phanh thây, nguyện cho con được xả thân mạng để cứu giúp chúng. Nếu có chúng sinh phạm các tội, nguyện cho con dùng năng lực, lời nói và tiền của để cứu giúp họ, làm cho họ được giải thoát. Nếu có người tại gia, xuất gia tạo các tội lỗi, con nguyện không phơi bày với người khác. Đối với các việc tiếng khen, lợi dưỡng, thường xa lìa như tránh hầm lửa, đao kiếm, cây độc.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu các nguyện như vậy của con cho đến khi thành Chánh giác đều được thành tựu như hôm nay con đã phát nguyện ở trước Phật, thì khiến cho hai tay con tự nhiên có bánh xe trời một ngàn căm sáng chói như lửa cháy rực.

Thiện nam tử, vương tử nói như vậy xong, trong hai tay của ông ngay khi đó có bánh xe một ngàn căm như đã nguyện.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con được thành tựu, bản thân con được lợi ích, thành Chánh giác, con sai bánh xe một ngàn căm này sẽ phát tiếng vang lớn khắp cõi Phật. Như Long vương Nan-đà, Long vương Ưu-ba-nan-đà phát âm thanh lớn đầy khắp thế giới, âm thanh của bánh xe đó cũng như vậy. Đó là âm thanh thọ ký cho Bồ-tát. Âm thanh chánh niệm trí tuệ, âm thanh tu học Không pháp, pháp tạng của chư Phật. Nếu có chúng sinh ở bất cứ nơi nào nghe diệu pháp âm này, lập tức dứt trừ được tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn, keo kiệt, ganh ghét và được an tịnh, tư duy về trí tuệ sâu xa của chư Phật, phát tâm thành Chánh giác.

Thiện nam tử, khi ấy, vương tử liền sai hai bánh xe đi nhanh như thần túc của chư Phật, bánh xe đó đến các thế giới ác không có Phật trong mười phương, vì các chúng sinh phát ra âm thanh thọ ký cho các Bồ-tát, phát ra âm thanh chẳng mất chánh niệm trí tuệ, phát ra âm thanh tu học pháp Không và Pháp tạng của chư Phật đã có. Bất cứ ở đâu, các chúng sinh nào nghe được pháp âm này thì lập tức diệt được tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn, keo kiệt, ganh ghét và được yên tịnh, tư duy về trí tuệ sâu xa của chư Phật, phát Bồ-đề tâm thành Đẳng chánh giác. Bánh xe đó, trở về trước mặt vị vương tử trong thời gian rất ngắn.

Thiện nam tử, Bảo Tạng Như Lai khen vương tử:

– Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông thực hành đạo Bồ-tát đã phát nguyện tốt đẹp, cao cả, sai bánh xe ngàn căm đến nơi các thế giới ngũ trược không có Phật, làm cho vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ ức trăm ngàn chúng sinh được tâm không còn uế trược, tâm không não hại và khuyến hóa họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì thế nên đổi tên ông là A-súc, ở đời vị lai sẽ làm Thế Tôn. Ông nên ở trước Phật như tâm ưa thích, nguyện nhận cõi Phật với vô số sự trang nghiêm.

Bấy giờ, A-súc bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, theo ý nguyện của con là cõi Phật với các loại trang nghiêm như vậy, khiến cho thế giới của con đất toàn bằng vàng, bằng thẳng như lòng bàn tay, có vô số diệu bảo của chư Thiên đầy khắp trong nước đó. Không có các loại núi, gò, ụ đất, cát, đá vụn, gai góc... Đất ở đấy mềm mại giống như Thiên y, khi đi chân đạp lún sâu bốn tấc, giở chân lên đất trở lại bình thường, không có địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh cùng các thứ bất tịnh, nhơ nhớp, mà chỉ có hương thơm thanh cao vi diệu của chư Thiên và hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la đầy khắp trong nước ấy. Chúng sinh ở nơi đó không có già, bệnh, tất cả đều sống tự tại, không hề sợ hãi nhau, không bao giờ gây hại cho người khác, không bị chết yểu. Khi sắp qua đời, tâm họ không hối hận, tâm ổn định không tán loạn, chỉ có suy nghĩ về chư Phật Như Lai. Nếu qua đời thì họ không bị đọa vào đường ác, không sinh nơi đời ngũ trược, nơi không có Phật, cho đến thành Chánh giác thường được thấy Phật, thỉnh thọ diệu pháp, cúng dường chúng Tăng. Chúng sinh nơi đó ít tham dâm, sân hận, ngu si, luôn thực hành mười điều lành. Thế giới ấy không có các thứ nghề nghiệp, không có tội phạm và tên về tội phạm. Cũng không có thiên ma cùng các việc trở ngại cho chánh pháp. Chúng sinh đều có những thân hình tốt đẹp, cũng không phân biệt lớn nhỏ, cao thấp. Tất cả chúng

sinh đều hiểu rất sâu xa về diệu lý không có ta và của ta. Cho đến trong mộng, các vị Thanh văn, Bồ-tát cũng không bị xuất bất tịnh. Chúng sinh thường ưa cầu pháp, nghe diệu pháp, không có một người nào sinh kiến chấp điên đảo, cũng không có ngoại đạo. Chúng sinh không có thân tâm mỏi mệt, đều được năm pháp thần thông, không bị các nghiệp đói khát khổ não. Tùy theo sự ưa thích, liền có vô số vật dụng quý báu đựng đầy thức ăn tự nhiên ở nơi tay. Có vô số thức ăn giống như của chư Thiên cõi dục. Không có các chất đờm giải khạc nhổ, đại tiểu tiện, nước mắt dơ nhớp. Cũng không nóng, lạnh, thường có gió thơm mát mẻ chạm thân. Hơi gió thơm vi diệu này tỏa khắp cả trời người mà chẳng cần các loại hương thơm khác. Gió thơm này tùy theo sự cầu mong lạnh ấm của chư Thiên đều làm cho được thỏa mãn. Lại có người cầu gió thơm hoa Ưu-bát-la, gió hương hoa Ưu-đà-sa-la, gió thơm Trầm thủy, gió thơm Đa-già-la, gió thơm A-già-la, vô số gió thơm theo sự mong cầu khi có ý muốn liền được đáp ứng, trừ hẳn cõi năm trược.

Nguyện trong quốc độ của con có lầu bảy báu, trong lầu bảy báu đó có giường, tòa ngồi bằng bảy báu, nệm, chiếu, gối đỏ mịn màng, trơn láng, mềm mại như áo trời. Chúng sinh ở trong lầu báu này đều được vui vẻ với sàng tòa ấy. Bốn phía lầu có ao nước tốt đẹp với nước có đầy đủ tám công đức, chúng sinh tùy ý lấy dùng. Quốc độ đó có nhiều cây đa la bằng vàng, vô số hương thơm, hoa quả, đầy đủ y báu thượng hạng, vô số lọng báu được trang trí bằng châu ngọc, anh lạc. Các chúng sinh tùy theo ý thích mà lấy y phục báu đẹp ở ngay trên cây để dùng. Đối với hoa quả, hương thơm... cũng như trên.

Bạch Đức Thế Tôn, nguyện cho cây Bồ-đề của con toàn bằng bảy báu, cao một ngàn do-tuần, chu vi thân cây lớn rộng một do-tuần, cành lá tỏa rộng một ngàn do-tuần, thường có gió nhẹ thổi vào cây Bồ-đề, liền phát ra âm thanh vi diệu nói về sáu Ba-la-mật, căn, lực, giác, đạo. Chúng sinh nào nghe âm thanh vi diệu này thì đều được xa lìa tâm dục.

Nữ nhân nơi đó thành tựu tất cả các công đức vi diệu, giống như Thiên nữ trên trời Đâu-suất, không có các việc: bất tịnh, nói chia rẽ, keo kiệt, ganh ghét, tâm che giấu... của người nữ. Không cùng kết giao với đàn ông có tâm hữu lậu. Những đàn ông nào sinh tâm dâm dục, đi đến chỗ người nữ và nhìn họ bằng tâm luyến ái, thì ngay trong chốc lát bèn xa lìa tâm dục, phát sinh nhàm chán, lập tức trở lui, liền được Tam-muội thanh tịnh. Do năng lực của Tam-muội đó nên đối với mọi sự trói buộc của các ma, đều được giải thoát, không còn sinh lại tâm ái dục. Người

nữ cũng như vậy, khi thấy người nam mà có tâm ái dục, liền có thai thì đều được xa lìa ý tưởng về dâm dục. Trong khi mang thai dù là trai hay gái thân tâm của người nữ cũng không có các việc khổ não, mà được thọ hưởng an lạc vi diệu như thân tâm của chư Thiên trên cung trời Đao-lợi.

Người nữ mang thai bảy ngày bảy đêm thọ hưởng an lạc cũng như Tỳ-kheo vào Đệ nhị thiền. Trai hay gái ở trong thai không bị các thứ bất tịnh làm nhơ nhớp. Đủ bảy ngày, đứa bé được sinh ra và ngay khi sinh được thọ hưởng các an lạc với hương thơm vi diệu. Người nữ khi sinh cũng không có các đau đớn khổ cực, mẹ con cùng vào trong nước tắm rửa thân thể. Khi ấy, người nữ được chánh niệm, nhờ sức nơi chánh niệm nên được Tam-muội Ly dục thanh tịnh, nhờ sức của Tam-muội nên tâm thường định, được giải thoát khỏi các sự trói buộc của ma.

Chúng sinh nào theo quả báo của nghiệp cũ nên trong vô lượng đời phải làm thân người nữ, do định lực này nên được lìa thân nữ, cho đến khi đắc Niết-bàn. Tất cả nghiệp nữ vĩnh viễn diệt sạch không còn thọ trở lại.

Chúng sinh nào từ nơi vô lượng ức kiếp, theo quả báo của nghiệp cũ nên phải chịu khổ não trong bào thai đến vô lượng kiếp, nguyện cho con thành Chánh giác xong, họ nghe danh hiệu của con liền sinh hoan hỷ, hoan hỷ xong họ liền qua đời, ngay khi còn trong thai họ liền sinh về thế giới của con. Vừa sinh xong, vĩnh viễn không còn thọ thai nữa, cho đến thành Chánh giác.

Chúng sinh nào có nhiều căn lành, liền được đến thế giới của con sinh trong hoa sen. Chúng sinh nào có ít căn lành phải ở trong thai, hoặc nhận thân người nữ mà được sinh trong cõi của con, thì sau đó mới được dứt hẳn việc sinh bằng thai. Các chúng sinh trong cõi của con đều thọ hưởng an lạc vi diệu. Gió thổi nhẹ, cây Kim-đa-la kia phát ra âm thanh vi diệu, đó là âm thanh khổ, không, vô ngã, vô thường... Người nghe âm thanh này được Tam-muội Quang minh, nhờ sức của Tam-muội ấy nên được các Tam-muội Không định sâu xa. Thế giới không có âm thanh và hình tướng về dâm dục.

Bạch Đức Thế Tôn, con ngồi bên gốc cây Bồ-đề, ngay trong một niệm thành Chánh giác xong, nguyện cho thế giới của con không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng làm cho ngày đêm sai khác, trừ hoa nở, hoa khép. Con thành Chánh giác xong sẽ đem ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, làm cho các chúng sinh đều được Thiên nhãn, do Thiên nhãn nên thấy được vô lượng, vô biên thế giới của chư Phật trong mười phương,

khắp nơi chư Phật, Thế Tôn đều đang thuyết pháp.

Bạch Đức Thế Tôn, con thành Chánh giác xong, thuyết giảng chánh pháp, làm cho âm thanh ấy vang khắp ba ngàn đại thiên thế giới, chúng sinh nào nghe được liền được Tam-muội niệm Phật. Các chúng sinh đi đứng, tới lui về phía nào cũng được thấy con. Hoặc đối với các pháp có sự nghi ngờ vướng mắc, nhờ thấy con nên họ liền được dứt hết nghi.

Bạch Đức Thế Tôn, con thành Chánh giác xong, vô lượng, vô biên, vô số thế giới chư Phật trong mười phương bất kỳ ở đâu có chúng sinh nào học Thanh văn, học Duyên giác, học Đại thừa mà nghe đến tên con thì khi qua đời liền sinh về thế giới của con. Người nào học Thanh văn, nghe diệu pháp của con được quả A-la-hán với tám giải thoát. Người nào học Đại thừa, nghe diệu pháp của con thì được hiểu sâu Pháp nhẫn Đà-la-ni cùng với các Tam-muội, không thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được làm bà con với vô lượng Thanh văn, số đó vô biên không thể tính đếm, chỉ trừ chư Phật.

Bạch Đức Thế Tôn, khi con đã thành Chánh giác, bất kỳ nơi nào con bước đến, chỗ con cất bước hạ chân liền mọc lên hoa sen vàng ngàn cánh, hoa đó vi diệu, có ánh sáng lớn. Con sẽ sai hoa ấy đến chỗ không có Phật để khen ngợi danh hiệu con. Có chúng sinh nào nhờ hoa này mà được nghe lời khen ngợi về danh hiệu con, liền sinh hoan hỷ, trồng các căn lành, muốn sinh về nước con, nguyện khi qua đời đều được sinh đến.

Người xuất gia trong các đại chúng của con xa lìa dua nịnh, ganh ghét, gian trá, làm nhơ nhớp Sa-môn, tôn trọng chánh pháp. Đối với tiếng khen, lợi dưỡng, tâm không quý trọng, thường ưa khổ, không, vô thường, vô ngã, luôn siêng năng tinh tấn tôn trọng pháp, quy y Tăng. Các Bồ-tát nào được Bất thoái thì đều đắc Tam-muội Long vũ. Do năng lực nơi Tam-muội này nên thuyết Bát-nhã ba-la-mật cho chúng sinh, khiến lìa sinh tử, cho đến thành Phật. Trong khoảng thời gian đó, chúng sinh không quên hay bỏ mất những pháp đã được nghe.

Bạch Đức Thế Tôn, con thành Phật xong, sống lâu ở đời mười ngàn đại kiếp. Sau khi Bát-niết-bàn, chánh pháp trụ thế đủ một ngàn kiếp.

Bấy giờ, Như Lai khen ngợi Bồ-tát A-súc:

– Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, nay ông đã nhận thế giới thanh tịnh, ông ở đời sau trải qua vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng, vào vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng lần thứ hai, ở phương Đông cách đây mười ngàn thế giới Phật, có thế giới tên là Diệu-lạc, với đầy đủ các thứ trang nghiêm như ông đã nguyện. Ông ở nơi đó sẽ thành Bậc Chánh Giác, cũng

hiệu là A-súc gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Khi ấy, Bồ-tát A-súc bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện con thành tựu, bản thân con được lợi ích thì con sẽ giúp đỡ cho tất cả chúng sinh thuộc về ấm-giới-nhập trong thế gian đều được tâm Từ, không có tưởng về oán tặc và các uế trược, thân tâm an lạc, giống như các Bồ-tát Thập trụ... ngồi trên hoa sen kiết già nhập định. Do năng lực của định đó khiến tâm không chút cấu uế, các chúng sinh ấy được thân tâm an lạc cũng như vậy. Nay con kính lạy Phật, cúi xin đất nơi đây có ánh sáng màu vàng.

Thiện nam tử, khi Bồ-tát A-súc đem đầu mặt kính lễ sát chân Phật, tức thì tất cả vô lượng chúng sinh thân tâm liền được thọ hưởng diệu lạc, đất ở đó cũng sáng chói màu vàng.

Bấy giờ, Bảo Tạng Như Lai vì Bồ-tát A-súc mà thuyết kệ:

Tôn ý, đứng dậy!
Nay ông làm cho
Tất cả chúng sinh
Tâm không giận dư.
Đối với chúng sinh
Sinh tâm đại Bi
Hai tay đều được
Bánh xe ngàn căm
Tịnh ý vị lai
Làm Thiên Nhân Tôn.

Thiện nam tử, nghe kệ xong, Bồ-tát A-súc rất vui mừng, liền đứng dậy lạy Phật, ngồi cách Phật không xa để nghe diệu pháp.

KINH BI HOA

QUYỂN 5

Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 3)

Phật bảo Bồ-tát Tịch Ý:

– Thiện nam tử, khi ấy Phạm-chí Bảo Hải lại thưa với vương tử thứ mười là Nhuyễn Tâm,... cho đến phát tâm cũng như trước, đều giống như nguyện của Bồ-tát A-súc.

Vương tử này thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, con sẽ khiến cho tất cả chúng sinh tư duy được cảnh giới của chư Phật. Trong tay họ tự nhiên phát ra hương thơm Chiên-đàn, hương thơm Ưu-đà-bà-la, đem các hương thơm này cúng dường chư Phật.

Bảo Tạng Như Lai khen vương tử:

– Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, nguyện của ông hết sức đặc biệt, thật hiếm có. Ông nguyện trong tay chúng sinh tự nhiên phát ra hương thơm Chiên-đàn, hương thơm Ưu-đà-bà-la, tư duy được tất cả cảnh giới của chư Phật và giữ ý niệm thanh tịnh. Do đó, nay đổi tên ông là Hương Thủ.

Phật bảo Bồ-tát Hương Thủ:

– Thiện nam tử, đời vị lai trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian cuối cùng, sau khi A-súc Như Lai Bát-niết-bàn, chánh pháp diệt xong, bảy ngày sau, khi ấy ông sẽ thành Bậc Chánh Giác, thế giới của Phật đó vẫn tên là Diệu-lạc. Phật hiệu là Kim Hoa gồm đủ các tôn hiệu Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Bồ-tát Hương Thủ lại thưa:

– Nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, ngay

khi con lạy Phật, khắp vườn Diêm-phù này sẽ mưa các hoa Chiêm-bặc.

Thiện nam tử, khi Bồ-tát Hương Thủ ở trước Phật Bảo Tạng kính lễ sát đất thì khắp vườn Diêm-phù mưa hoa Chiêm-bặc như hương Thủ nguyện.

Bảo Tạng Như Lai thuyết kệ:

Công đức tôn quý
Cõi thiện, đứng lên
Như tâm đã nguyện
Mưa hoa Chiêm-bặc
Độ thoát vô lượng
Tất cả chúng sinh
Chỉ dạy đường lành
Khiến được vô úy.

Thiện nam tử, Bồ-tát Hương Thủ nghe kệ xong, tâm rất hoan hỷ, liền đứng dậy lạy Phật, ngồi cách chỗ Phật không xa để nghe pháp.

Thiện nam tử, Phạm-chí Bảo Hải lại thưa với vương tử thứ mười một là Mông-già-nô,... cho đến phát tâm cũng như trên. Nguyện của vương tử cũng giống như nguyện của Bồ-tát Hương Thủ.

Bấy giờ, vương tử Sư Tử đem cờ báu cúng dường Đức Bảo Tạng Như Lai. Phật khen ngợi vương tử Sư Tử:

– Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, nay ông đem cờ báu cúng dường nên tên hiệu của ông là Bảo Tướng.

Phật bảo Bồ-tát Bảo Tướng:

– Vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian cuối cùng của thế giới Diệu-lạc, sau khi Kim Hoa Như Lai Bát-niết-bàn, chánh pháp diệt xong, trải qua ba trung kiếp, thế giới Diệu-lạc chuyển tên là Nguyệt-thắng, vào thời gian đó, ông sẽ thành Bậc Chánh Giác hiệu là Long Tự Tại Tôn Âm Vương gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới của Phật ấy trang nghiêm như thế giới Diệu-lạc không khác.

Bồ-tát Bảo Tướng bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích thì nay con lạy Phật, làm cho tất cả chúng sinh được chánh niệm giống như Bồ-tát đang trụ Tam-muội Vô siểm và tất cả chúng sinh được lợi ích lớn, sinh đại bi, phát tâm Bồ-đề.

Thiện nam tử, khi Bồ-tát Bảo Tướng ra trước Phật Bảo Tạng kính lễ lạy sát đất thì tất cả chúng sinh đều được Tam-muội Vô siểm, được lợi ích lớn, sinh đại bi, phát tâm Bồ-đề.

Bảo Tạng Như Lai vì Bồ-tát Bảo Tướng mà thuyết kệ:

Thiện Ý đứng dậy
Ở ngay trước Ta
Vì các chúng sinh
Phát thệ nguyện lớn
Lợi ích tất cả
Vô lượng chúng sinh
Khiến tâm không nhơ
Nên đời vị lai
Được thành quả Phật
Trời, người tôn kính.

Thiện nam tử, Bồ-tát Bảo Tướng nghe kệ xong, tâm rất hoan hỷ, liền đứng dậy lạy Phật, ngồi cách Phật không xa để nghe pháp.

Khi đó, năm trăm vị vương tử nhóm Ma-xà-bà phát nguyện:

– Nguyện được cõi Phật với những công đức trang nghiêm đều như cõi Tịnh độ của Đại Bồ-tát Hư Không Ấn đã tu tập.

Khi ấy, Bảo Tạng Như Lai thọ ký cho từng vị một thành Chánh giác, cùng một lúc ở mỗi nước khác nhau đều thành tựu đạo quả Vô thượng, như Đại Bồ-tát Hư Không Ấn.

Lại nữa, có bốn trăm vị vương tử phát nguyện:

– Nguyện nhận được cõi Phật tịnh diệu trang nghiêm giống như Đại Bồ-tát Kim Cang Trí Tuệ Quang Minh.

Đức Bảo Tạng Như Lai cũng thọ ký cho từng vị một thành Bậc Chánh Giác cùng một lúc ở thế giới khác nhau đều thành tựu đạo quả Vô thượng như Đại Bồ-tát Kim Cang Trí Tuệ Quang Minh.

Lại có tám mươi chín vị vương tử phát nguyện:

– Nguyện nhận được Phật độ trang nghiêm như cõi Phật của Đại Bồ-tát Phổ Hiền đã tu tập.

Bấy giờ, tám vạn bốn ngàn vị Tiểu vương, tất cả đều phát nguyện thù thắng khác nhau, mỗi vị tự nhận Phật độ với vô số trang nghiêm thượng diệu.

Đức Bảo Tạng Như Lai lại thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho từng vị: vào đời vị lai ở các thế giới khác nhau, tám vạn

bốn ngàn Tiểu vương ấy đồng một lúc thành tựu Vô thượng đạo.

Chín mươi hai ức chúng sinh cũng đều phát nguyện nhận Phật độ với vô số thắng diệu trang nghiêm. Đức Bảo Tạng Như Lai đều thọ ký thành Bậc Chánh Giác cho tất cả:

– Các ông vào đời sau, ở các nước khác nhau, đồng một lúc thành tựu đạo quả Vô thượng.

Thiện nam tử, Phạm-chí Bảo Hải có tám mươi người con, là anh em với Bảo Tạng Như Lai. Người con đầu tên là Hải Địa Tôn.

Thiện nam tử, khi ấy Phạm-chí Bảo Hải bảo với người con đầu của mình:

– Nay con có thể nhận cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm không?

Người con thưa:

– Cúi xin Tôn giả rống tiếng sư tử trước.

Người cha bảo:

– Nguyện của ta sẽ nói sau cùng.

Người con lại thưa:

– Nguyện của con là nên nhận cõi thanh tịnh hay bất tịnh?

Người cha bảo:

– Nếu Bồ-tát nào thành tựu đại bi thì mới nhận thế giới bất tịnh. Vì sao? Vì muốn điều phục hoàn toàn những cấu uế của chúng sinh. Việc đó con hãy tự biết.

Thiện nam tử, bấy giờ Hải Địa Tôn đến gặp Đức Bảo Tạng Như Lai, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện thành Chánh giác, nếu khi loài người thọ tám vạn tuổi như thế giới của Phật hiện nay thì khi ấy con mới thành Chánh giác. Con lại nguyện cho chúng sinh trong cõi nước của con ít tham dâm, sân hận, ngu si, nhàm chán thân tâm; thấy lỗi lầm của chúng, sợ hãi sinh tử và đến chỗ con xuất gia học đạo. Khi ấy, con thuyết pháp ba thừa cho các chúng sinh.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, cúi xin Đức Thế Tôn thọ ký cho con thành Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Bảo Tạng Như Lai bảo với Hải Địa Tôn:

– Thiện nam tử, đời vị lai, trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, bấy giờ có kiếp tên Biến phu Ưu-bát-la hoa. Thế giới của Đức Phật ấy sẽ có tên là Nguyệt Ái. Dân chúng thọ

tám vạn tuổi, ông ở cõi đó thành Bậc Chánh Giác, hiệu là Bảo Sơn gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Hải Địa Tôn lại bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, thì xin chung quanh vườn Diêm-phù này sẽ mưa châu ngọc màu đỏ, tất cả cây cối tự nhiên phát ra âm nhạc vi diệu.

Thiện nam tử, khi Hải Địa Tôn đảnh lễ Phật Bảo Tạng thì mưa châu ngọc đỏ chung quanh vườn kia. Tất cả cây cối tự nhiên đều phát ra vô số âm nhạc vi diệu. Vì đồng tử, Bảo Tạng Như Lai thuyết kệ:

Sức lớn đã khởi
Vô lượng trí tạng
Thương xót chúng sinh
Đem lợi ích khắp.
Sở nguyện thanh tịnh
Nay được thành tựu
Sẽ vì chúng sinh
Làm thầy trời, người.

Thiện nam tử, Hải Địa Tôn nghe kệ xong rất hoan hỷ, liền đứng dậy lạy Phật, ngồi cách Phật không xa để nghe pháp.

Người con thứ hai của Phạm-chí tên là Tam-bà-bà, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nay nguyện của con cũng giống như nguyện của Hải Địa Tôn.

Bảo Tạng Như Lai lại bảo Tam-bà-bà:

– Đời vị lai, ở thế giới Nguyệt Ái, trong kiếp Ưu-bát-la hoa, loài người thọ tới tám mươi ức tuổi. Nơi đó, ông sẽ thành Bậc Chánh Giác hiệu là Nhật Hoa gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Người con thứ ba được thế giới cũng như vậy. Khi loài người thọ hai ngàn tuổi, vị ấy thành Bậc Chánh Giác hiệu là Hỏa Âm Vương Như Lai... cho đến Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Người con thứ tư thành Phật hiệu là Tu-mạn-na.

Người con thứ năm thành Phật hiệu là Trì Giới Vương.

Người con thứ sáu thành Phật hiệu là Thiện Trì Mục.

Người con thứ bảy thành Phật hiệu là Phạm Tăng Ích.
Người con thứ tám thành Phật hiệu là Diêm-phù Ảnh.
Người con thứ chín thành Phật hiệu là Phú-lâu-na.
Người con thứ mười thành Phật hiệu là Thắng Diệu.
Người con thứ mười một thành Phật hiệu là Bảo Sơn.
Người con thứ mười hai thành Phật hiệu là Hải Tạng.
Người con thứ mười ba thành Phật hiệu là Na-la-diên.
Người con thứ mười bốn thành Phật hiệu là Thi-khí.
Người con thứ mười lăm thành Phật hiệu là Nam-mô-ni.
Người con thứ mười sáu thành Phật hiệu là Giác Tô.
Người con thứ mười bảy thành Phật hiệu là Kiều-trần-như.
Người con thứ mười tám thành Phật hiệu là Sư Tử Lực.
Người con thứ mười chín thành Phật hiệu là Trí Tràng.
Người con thứ hai mươi thành Phật hiệu là Âm Thanh.
Người con thứ hai mươi mốt hiệu là Tôn Thắng Phật.
Người con thứ hai mươi hai hiệu là Ly Thế Tôn Phật.
Người con thứ hai mươi ba hiệu là Lợi Ích Phật.
Người con thứ hai mươi bốn hiệu là Trí Quang Minh Phật.
Người con thứ hai mươi lăm hiệu là Sư Tử Tôn Phật.
Người con thứ hai mươi sáu hiệu là Tịch Tịnh Trí Phật.
Người con thứ hai mươi bảy hiệu là Nan-đà Phật.
Người con thứ hai mươi tám hiệu là Ni-câu-la Vương.
Người con thứ hai mươi chín hiệu là Kim Sắc Mục Phật.
Người con thứ ba mươi hiệu là Đắc Tự Tại Phật.
Người con thứ ba mươi mốt hiệu là Nhật Lạc Phật.
Người con thứ ba mươi hai hiệu là Bảo Thắng Phật.
Người con thứ ba mươi ba hiệu là Thiện Mục Phật.
Người con thứ ba mươi bốn hiệu là Phạm Thiện Lạc Phật.
Người con thứ ba mươi lăm hiệu là Phạm Tiên Phật.
Người con thứ ba mươi sáu hiệu là Phạm Âm Phật.
Người con thứ ba mươi bảy hiệu là Pháp Nguyệt Phật.
Người con thứ ba mươi tám hiệu là Thị Hiện Nghĩa Phật.
Người con thứ ba mươi chín hiệu là Xưng Lạc Phật.

Người con thứ bốn mươi hiệu là Tăng Ích Phật.
Người con thứ bốn mươi mốt hiệu là Đoan Nghiêm Phật.
Người con thứ bốn mươi hai hiệu là Thiện Hương Phật.
Người con thứ bốn mươi ba hiệu là Nhãn Thắng Phật.
Người con thứ bốn mươi bốn hiệu là Thiện Quán Phật.
Người con thứ bốn mươi lăm hiệu là Nhiếp Thủ Nghĩa Phật.
Người con thứ bốn mươi sáu hiệu là Thiện Ý Nguyện Phật.
Người con thứ bốn mươi bảy hiệu là Thắng Tuệ Phật.
Người con thứ bốn mươi tám hiệu là Kim Tràng Phật.
Người con thứ bốn mươi chín hiệu là Thiện Nhân Phật.
Người con thứ năm mươi hiệu là Thiên Minh Phật.
Người con thứ năm mươi mốt hiệu là Tịnh Phạn Phật.
Người con thứ năm mươi hai hiệu là Thiện Kiến Phật.
Người con thứ năm mươi ba hiệu là Tỳ Lưu Ly Tràng Phật.
Người con thứ năm mươi bốn hiệu là Tỳ-lâu-bác-xoa Phật.
Người con thứ năm mươi lăm hiệu là Phạm Âm Phật.
Người con thứ năm mươi sáu hiệu là Công Đức Thành Tựu Phật.
Người con thứ năm mươi bảy hiệu là Hữu Công Đức Tịnh Phật.
Người con thứ năm mươi tám hiệu là Bảo Quang Minh Phật.
Người con thứ năm mươi chín hiệu là Ma-ni Châu Phật.
Người con thứ sáu mươi hiệu là Thích-ca Văn-ni Phật.
Người con thứ sáu mươi mốt hiệu là Âm Tôn Vương Phật.
Người con thứ sáu mươi hai hiệu là Trí Hòa Hiệp Phật.
Người con thứ sáu mươi ba hiệu là Thắng Tôn Phật.
Người con thứ sáu mươi bốn hiệu là Thành Hoa Phật.
Người con thứ sáu mươi lăm hiệu là Thiên Hoa Phật.
Người con thứ sáu mươi sáu hiệu là Vô Nộ Phật.
Người con thứ sáu mươi bảy hiệu là Nhật Tạng Phật.
Người con thứ sáu mươi tám hiệu là Tôn Nhạo Phật.
Người con thứ sáu mươi chín hiệu là Nhật Minh Phật.
Người con thứ bảy mươi hiệu là Long Đắc Phật.
Người con thứ bảy mươi mốt hiệu là Kim Cang Quang Minh Phật.
Người con thứ bảy mươi hai hiệu là Xưng Vương Phật.

Người con thứ bảy mươi ba hiệu là Thường Quang Minh Phật.

Người con thứ bảy mươi bốn hiệu là Tướng Quang Minh Phật.

Người con thứ bảy mươi lăm hiệu là San-ni-thâu Phật.

Người con thứ bảy mươi sáu hiệu là Trí Thành Tựu Phật.

Người con thứ bảy mươi bảy hiệu là Âm Vương Phật.

Người con thứ bảy mươi tám hiệu là Sa-la Vương Na-la-diên Tạng Phật.

Người con thứ bảy mươi chín hiệu là Hỏa Tạng Phật.

Thiện nam tử, bấy giờ đứng trước Phật, người con út (thứ tám mươi) của Phạm-chí tên là Ly Bố Não, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, bảy mươi chín vị Phật ấy, lúc này đã được thọ ký ở thế giới Nguyện ái, trong kiếp Biến phu Ưu-bát-la hoa, khi tuổi thọ của loài người tăng lên sẽ thành Chánh giác. Bạch Đức Thế Tôn, nay con ở trước Phật phát tâm thành Chánh giác, trong thời gian cuối cùng của kiếp Ưu-bát-la hoa sẽ thành Chánh giác. Khi ấy, giống như tuổi thọ của bảy mươi chín vị Phật, nguyện cho tuổi thọ của con cũng được như vậy. Số lượng chúng sinh được con độ cũng như số chúng sinh được bảy mươi chín vị Phật kia độ. Như pháp ba thừa của bảy mươi chín Đức Phật kia thuyết, con cũng thuyết pháp ba thừa như vậy. Như số lượng chúng đệ tử Thanh văn của bảy mươi chín Đức Phật, số chúng được con độ cũng như vậy. Trong kiếp Ưu-bát-la hoa những chúng sinh được bảy mươi chín Đức Phật kia giáo hóa cho được thân người nhưng chưa giải thoát thì vào kiếp vị lai, khi thành Bậc Chánh Giác xong, con sẽ giáo hóa tất cả chúng sinh ấy cho trụ vào ba thừa.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện con thành tựu, bản thân con được lợi ích, cúi xin Đức Thế Tôn thọ ký cho con thành Chánh giác.

Thiện nam tử, khi ấy, Phật Bảo Tạng khen ngợi Ly Bố Não:

– Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, nay ông vì vô lượng chúng sinh phát tâm đại bi. Thiện nam tử, đời vị lai trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, thời đó có kiếp tên Ưu-bát-la hoa, trong thời gian cuối cùng ông sẽ thành Bậc Chánh Giác hiệu là Vô Cấu Đăng Xuất Vương gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cộng tuổi thọ của bảy mươi chín Đức Phật lại thì bằng nửa kiếp. Tuổi thọ của ông cũng được nửa kiếp và những nguyện trước đây của ông đều được thành tựu.

Khi ấy, Bồ-tát Ly Bố Não lại bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, thì khi con kính lạy Phật, làm cho khắp cả thế giới này mưa hương thơm vi diệu của hoa Ưu-bát-la. Nếu chúng sinh nào nghe mùi hương ấy, thì thân tứ đại được thanh tịnh điều hòa, an ổn, tất cả bệnh khổ đều được khỏi hẳn.

Thiện nam tử, nói như vậy xong, khi Bồ-tát Ly Bố Não đem đầu mặt lạy sát chân Phật thì thế giới của Đức Phật ấy mưa hương thơm vi diệu của hoa Ưu-bát-la cùng khắp. Chúng sinh nghe hương thơm ấy thì thân tứ đại được thanh tịnh điều hòa, dễ chịu, tất cả bệnh khổ được khỏi hẳn.

Đức Bảo Tạng Như Lai thuyết kệ:

Thiện tâm từ bi
Đạo sư đứng dậy
Chư Phật, Thế Tôn
Thảy đều khen ngợi.
Đoạn được phiền não
Trói buộc bền chặt
Vị lai sẽ thành
Tịnh Trí Tuệ Tạng.

Thiện nam tử, khi nghe kệ xong, Bồ-tát Ly Bố Não rất hoan hỷ, liền đứng dậy lạy Phật và ngồi cách Phật không xa để nghe pháp.

Thiện nam tử, bấy giờ Phạm-chí Bảo Hải có ba ức đệ tử cùng ngồi một chỗ ở ngoài cửa vườn dạy các chúng sinh khác thọ ba quy y, làm cho họ phát tâm thành Chánh giác.

Thiện nam tử, khi ấy Phạm-chí khuyên các đệ tử:

– Các ông hãy phát tâm thành Chánh giác, nhận thế giới Phật này và ngay ở trước Phật, hãy nói ra những điều mong cầu của mình.

Trong ba ức người ấy, có một người tên Thọ Đề, thưa:

– Thưa Tôn giả, thế nào gọi là Bồ-đề? Thế nào gọi là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề? Thế nào gọi là Bồ-tát tu hạnh Bồ-đề? Thế nào gọi là chánh niệm về Bồ-đề?

Vị thầy (Phạm-chí) trả lời:

– Đồng tử, như lời ông hỏi, Bồ-đề tức là sự tu tập bốn Vô tận tạng của Bồ-tát. Những gì là bốn? Nghĩa là: Vô tận Phước đức tạng, Vô tận Trí tạng, Vô tận Tuệ tạng, Vô tận Phật pháp hòa hợp tạng. Thiện nam tử, đó gọi là Bồ-đề.

Đồng tử, như lời Phật dạy: Pháp trợ Bồ-đề là pháp môn bảo vệ, giúp cho thanh tịnh để vượt sinh tử.

Thiện nam tử, bố thí, xả bỏ tài sản là pháp trợ Bồ-đề để điều phục chúng sinh.

Trì giới là pháp trợ Bồ-đề vì tùy theo nguyện mà được thành tựu.

Nhẫn nhục là pháp trợ Bồ-đề để đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Tinh tấn là pháp trợ Bồ-đề thành tựu để đầy đủ tất cả các việc.

Thiền định là pháp trợ Bồ-đề để điều phục hoàn toàn tâm.

Trí tuệ là pháp trợ Bồ-đề để biết rõ được tất cả các phiền não.

Đa văn là pháp trợ Bồ-đề để được biện tài vô ngại.

Phước đức là pháp trợ Bồ-đề vì là sự cần thiết của tất cả chúng sinh.

Trí là pháp trợ Bồ-đề vì thành tựu được trí vô ngại.

Tịch diệt là pháp trợ Bồ-đề vì thành tựu được tâm lành nhu nhuyến.

Tư duy là pháp trợ Bồ-đề vì thành tựu việc đoạn trừ nghi ngờ.

Tâm Từ là pháp trợ Bồ-đề vì thành tựu được tâm không ngại.

Tâm Bi là pháp trợ Bồ-đề vì giáo hóa chúng sinh không nhàm chán.

Tâm Hỷ là pháp trợ Bồ-đề vì đối với chánh pháp sinh ưa thích.

Tâm Xả là pháp trợ Bồ-đề vì thành tựu được việc cắt đứt thương ghét.

Nghe pháp là pháp trợ Bồ-đề vì diệt trừ năm thứ buộc ràng che phủ.

Xuất thế là pháp trợ Bồ-đề vì thành tựu được việc xả bỏ tất cả thế gian.

A-lan-nhã tức là pháp trợ Bồ-đề vì diệt những điều bất thiện đã làm không cho sinh lại; giúp cho căn lành đã có thêm tăng trưởng.

Niệm là pháp trợ Bồ-đề vì thành tựu được việc hộ trì.

Ý là pháp trợ Bồ-đề vì thành tựu được việc phân biệt các pháp.

Trì là pháp trợ Bồ-đề vì thành tựu được việc suy nghĩ, bàn luận về tỉnh thức.

Niệm xứ là pháp trợ Bồ-đề vì thành tựu được việc phân biệt thân, thọ, tâm, pháp.

Cần là pháp trợ Bồ-đề vì xa lìa tất cả pháp bất thiện, tu hành tất cả pháp thiện càng thêm rộng lớn.

Như ý tức là pháp trợ Bồ-đề vì thành tựu được việc thân tâm nhẹ nhàng.

Các căn tức là pháp trợ Bồ-đề vì việc bảo hộ các căn được thành tựu.

Các lực là pháp trợ Bồ-đề vì tiêu diệt tất cả phiền não.

Giác là pháp trợ Bồ-đề vì biết rõ các pháp chân thật.

Lục hòa là pháp trợ Bồ-đề vì điều phục được chúng sinh, làm cho thanh tịnh.

Đồng tử, đấy gọi là pháp môn Nhiếp thủ, giúp cho được thanh tịnh, vượt qua sinh tử.

Thọ Đề lại thưa:

– Tôn giả, như Phật đã dạy: quả báo về bố thí là được giàu có lớn, được quyến thuộc lớn; giữ gìn giới cấm được sinh lên cõi trời; học rộng nghe nhiều được trí tuệ lớn.

Lại như Phật dạy: "Đạt được pháp tư duy thì vượt qua được sinh tử."

Vị thầy lại bảo:

– Này đồng tử, nếu vì ưa thích sinh tử mà làm việc bố thí thì chỉ được giàu có lớn. Đồng tử, nếu kẻ thiện nam thiện nữ nào tâm hướng về Bồ-đề, vì để điều phục nên thực hành bố thí; vì tâm tịch tịnh nên trì cấm giới; vì tâm thanh tịnh không ái trược nên cầu đa văn; vì đại bi nên tư duy tu đạo. Ngoài ra, các pháp trí tuệ khác là phương tiện thành tựu, hỗ trợ sự mong cầu. Đồng tử, đây gọi là pháp trợ Bồ-đề. Tu hành như vậy tức là buộc niệm để được Bồ-đề.

Đồng tử, hãy nên ưa thích Bồ-đề như vậy. Hãy chuyên tâm ước nguyện. Đạo thanh tịnh này không nhơ, khiến tâm luôn trong lặng. Đạo này là chánh đạo, không có dua nịnh, đoạn trừ các phiền não. Đạo này an ổn, có thể đưa đến thành Niết-bàn. Các ông hãy nên phát đại thiện nguyện nhận cõi Phật trang nghiêm, tùy theo ý mình mà nhận cõi Phật tịnh hay bất tịnh.

Thiện nam tử, khi ấy đồng tử Thọ Đề ở trước Phật Bảo Tạng, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, con phát tâm thành Chánh giác, nếu chúng sinh trong thế giới bất tịnh này ít tham dâm, sân giận, ngu si, không phạm phi pháp, tâm không ái trược, không tưởng oán tặc, xả bỏ tâm keo kiệt, ganh ghét, xa lìa tâm tà kiến, an trụ nơi chánh kiến, lìa tâm bất thiện, cầu các pháp lành; lìa ba tâm ác, cầu ba nẻo thiện, nơi ba loại phước thành tựu căn lành, siêng năng tu tập pháp ba thừa thì bấy giờ con mới thành tựu đạo quả Vô thượng.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích thì khiến cho hai tay con tự nhiên xuất hiện rồng và voi mạnh màu

trắng.

Khi thưa như vậy xong, nhờ thần lực của Phật, trong hai tay của Bồ-tát liền hiện ra rồng và voi mạnh, toàn thân màu trắng, bảy chi chấm đất. Thấy việc như thế, đồng tử bảo rồng và voi:

– Các ngươi hãy bay lên hư không gần đây, mưa nước thơm tám công đức để giác ngộ cho tất cả chúng sinh ở cõi này. Chúng sinh nào được gặp một giọt hay nghe hương thơm của nước mưa đó thì không còn năm thứ trói buộc, che lấp là: dâm dục, giận hờn, ham ngủ nghỉ, dao động, nghi ngờ.

Đồng tử nói xong, thì rồng và voi chúa đi giáp vòng khắp hư không, như người lực sĩ thiện xạ bắn mũi tên, rồng và voi này làm các việc như vậy, trở về đứng trước đồng tử.

Thọ Đề thấy sự việc như thế thì rất hoan hỷ.

Thiện nam tử, khi ấy Đức Bảo Tạng Như Lai liền bảo đồng tử:

– Thiện nam tử, đời vị lai trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, bấy giờ có kiếp tên Âm Quang Minh, thế giới của Phật ấy đổi tên là Hòa hiệp âm quang minh. Ở đó ông thành Bậc Chánh Giác, hiệu là Bảo Cái Tăng Quang Minh gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Thiện nam tử, bấy giờ Thọ Đề lạy sát chân Phật. Bảo Tạng Như Lai liền vì Thọ Đề mà thuyết kệ:

Tâm ông thanh tịnh
Vậy hãy đứng dậy
Nay Ta thọ ký
Khiến cho vô lượng
Ức số chúng sinh
Được đạo thanh tịnh
Nơi đời vị lai
Hướng dẫn trời người.

Thiện nam tử, Thọ Đề nghe kệ xong rất hoan hỷ, liền đứng dậy lạy Phật, ngồi cách Phật không xa để nghe pháp.

Ba ức đệ tử, trừ một ngàn người, còn lại đều đồng thanh phát nguyện: Ở nơi thế giới này thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Bảo Tạng Như Lai thọ ký cho tất cả thành Bậc Chánh Giác, cho đến Tỳ-bà-thi, Thi-khí, Tỳ-thi-sa-bà thành Bậc Chánh Giác sau

cùng. Ngàn người còn lại đều đọc tụng ngoại điển Tỳ-đà. Trong đó, người được tôn trọng nhất tên là Bà-do-tỷ-nữu, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nguyện của con là được thành Chánh giác ở trong đời ngũ trược xấu ác thuyết pháp cho chúng sinh rất nặng về tham dục, sân giận, ngu si, nhiều phiền não ở cõi ấy.

Khi đó, trong số một ngàn người lại có một người tên là Hỏa Man, thưa:

– Vừa rồi, vì sao Tôn giả Bà-do-tỷ-nữu nguyện ở trong đời ngũ trược xấu ác thành Chánh giác?

Vị thầy ấy đáp:

– Bồ-tát này thành tựu tâm đại bi nên thành Chánh giác trong đời ngũ trược. Khi ấy, chúng sinh không có người cứu hộ, không có các niệm tốt, tâm thường bị phiền não quấy nhiễu, bị các tà kiến phá hoại; vị ấy ở nơi cõi đó thành Chánh giác mới có thể đem lại lợi ích lớn cho vô lượng chúng sinh, mới có thể cứu hộ, làm nơi nương nhờ, làm nhà cửa, đèn đuốc; lại độ thoát họ qua biển lớn sinh tử và dạy cho họ an trụ trong chánh kiến, ở nơi Niết-bàn, uống nước cam lộ. Đại Bồ-tát này muốn thị hiện đại bi nên nguyện nhận đời ngũ trược xấu ác như thế.

Thiện nam tử, bấy giờ Đức Bảo Tạng Như Lai bảo Bà-do-tỷ-nữu:

– Này thiện nam tử, đời vị lai, trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian sau cùng, ở phương Đông, cách đây vô số cõi Phật nhiều như vi trần, có thế giới tên Ca-sa tràng, ông ở cõi đó sẽ thành Chánh giác hiệu là Kim Sơn Vương gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Bà-do-tỷ-nữu lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, con xin đem đầu mặt kính lễ dưới chân Phật. Cúi xin Đức Như Lai đem hai chân với trăm phước trang nghiêm đặt trên đỉnh đầu con.

Thiện nam tử, khi Bà-do-tỷ-nữu nói như vậy xong và kính lễ sát chân Phật Bảo Tạng, thì bàn chân với trăm phước của Như Lai đã đặt trên đỉnh đầu của ông. Đức Phật nói kệ khen ngợi:

Bậc tâm đại bi
Hãy nên đứng dậy
Trí tuệ sắc bén
Hành đạo Bồ-tát

Vì quả Bồ-đề
Cắt đứt trói buộc
Của dây phiền não
Đời sau thành Phật
Lợi ích tất cả
Vô lượng chúng sinh.

Thiện nam tử, Bà-do-tỷ-nữu nghe kệ xong, rất hoan hỷ, liền đứng dậy lạy Phật, ngồi cách Phật không xa để nghe pháp.

Thiện nam tử, khi ấy, đồng tử Hỏa Man ở trước Phật Bảo Tạng, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay bạch:

– Con nguyện ở thế giới này phát tâm thành Chánh giác, nếu có chúng sinh bị ba độc chi phối, không chuyên tâm trụ vào pháp lành, những người tâm bất thiện thọ bốn vạn tuổi, khi ấy con sẽ thành Bậc Chánh Giác.

Bảo Tạng Như Lai bảo Hỏa Man:

– Thiện nam tử, vào đời vị lai trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian sau cùng, thế giới Phật này sẽ có tên là Ta-bà. Vì sao tên là Ta-bà? Các chúng sinh ở đây chịu đựng ba độc và các phiền não cho nên cõi đó gọi là thế giới Nhẫn. Khi ấy có đại kiếp tên Thiện hiền, vì sao kiếp tên là Thiện hiền? Trong đại kiếp này có nhiều chúng sinh tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn, có ngàn Đức Thế Tôn thành tựu đại bi xuất hiện ở đời.

Thiện nam tử, vào đầu Hiền kiếp, loài người thọ bốn vạn tuổi, trong ngàn Phật, vị Phật đầu tiên thành Phật hiệu là Câu-lưu-tôn, là Bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, vì chúng sinh thuyết pháp ba thừa, làm cho vô lượng chúng sinh thoát khỏi sinh tử, đạt đến Niết-bàn.

Thiện nam tử, bấy giờ đồng tử Hỏa Man đến trước Phật, lạy nơi chân Ngài, rồi ngồi sang một bên nghe pháp.

Thiện nam tử, đồng tử thứ hai tên là Hư Không, ngồi ở trước Phật, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con đời sau tiếp theo Câu-lưu-tôn Như Lai, khi loài người sống ba vạn tuổi sẽ thành Chánh giác.

Đức Thế Tôn bảo đồng tử Hư Không:

– Thiện nam tử, đời vị lai trải qua một hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian cuối cùng,

vào giữa Hiền kiếp, có thế giới Ta-bà, tiếp sau Phật Câu-lưu-tôn, khi loài người sống ba vạn tuổi, ông sẽ ở cõi đó thành Chánh giác hiệu là Già-na-ca Mâu-ni gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, có danh tiếng lớn vang khắp thế gian.

Bấy giờ, đồng tử Hư Không nghe thọ ký xong, đem đầu mặt lạy sát chân Phật rồi đi nhiễu bên phải ba vòng, đứng ở trước Phật, đem vô số hoa dâng lên Phật, chắp tay cung kính lễ bái, dùng kệ khen Phật:

Hộ trì thân tâm
Khéo nhập thiền định
Dùng tiếng vi diệu
Răn dạy điều hay
Tâm Ngài thanh tịnh
Không hề loạn nhơ
Tuy dạy chúng sinh
Chẳng hoại chánh pháp
Danh tiếng sáng chói
Luôn luôn chánh niệm,
Trăm phước công đức
Vô cùng rộng lớn
Chỉ bày đạo tốt
Cho các chúng sinh
Dựng cờ Tiên Thắng
Các núi công đức
Đem lợi ích khắp
Vô lượng chúng sinh,
Khiến cho tất cả
Công đức đủ đầy
Lại cho chúng sinh
Tịch diệt Đạo đế
Thiêu đốt phiền não
Như núi Tu-di
Ở trong ba cõi
Sinh tâm đại bi
Và thọ ký cho
Vô lượng chúng sinh.

Thiện nam tử, bấy giờ đồng tử thứ ba tên Tỳ-xá-cúc-đa, ở trước Phật dùng giường bằng bảy báu, trên giường trải nệm chiếu giá trị ngàn vàng,

ở đó đặt bình bằng vàng ròng đựng đầy bảy báu, bình rửa bằng vàng, cây gậy đẹp đẽ bằng bảy báu... cúng dường Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng. Làm việc cúng dường xong, đồng tử bạch Phật:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, con ở đời vị lai, trải qua một hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian sau cùng, vào Hiền kiếp, con nguyện thành Chánh giác. Bấy giờ tuổi thọ loài người giảm dần, chúng sinh mới sinh vào đời ngũ trược, rất nặng về tham dâm, giận hờn, ngu si, keo kiệt, ganh ghét, hành động theo tà kiến, theo tri thức ác, các căn bất thiện che lấp tâm họ, tâm không thực hành các căn lành, xa lìa chánh kiến, sống theo tà mạng. Sau khi Già-na-ca Mâu-ni Bát-niết-bàn, chánh pháp diệt xong, tất cả chúng sinh mù tối, không có mắt trí tuệ, không có thầy hướng dẫn, loài người thọ còn hai vạn tuổi thì con sẽ thành Chánh giác.

Thiện nam tử, khi ấy Bảo Tạng Như Lai khen Tỳ-xá-cúc-đa:

– Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông đã thành tựu trí tuệ vô thượng, sẽ ở đời ngũ trược, vào giai đoạn đầu, khi tuổi thọ loài người đủ hai vạn tuổi, họ mờ tối, không có mắt trí tuệ, không có thầy hướng dẫn, ông ở nơi đó thành Chánh giác. Nay hiệu của ông là Đại Bi Trí Tuệ.

Phật bảo Bồ-tát Đại Bi Trí Tuệ:

– Thiện nam tử, ông ở đời vị lai, trải qua một hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian cuối cùng vào giữa Hiền kiếp, khi loài người sống hai vạn tuổi, khi ấy ông thành Chánh giác hiệu là Ca-diếp gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Thiện nam tử, bấy giờ Bồ-tát Đại Bi Trí Tuệ liền lạy Phật rồi lui đứng một bên, đem vô số hương hoa, hương bột, hương thoa cúng dường Đức Thế Tôn, dùng kệ khen Phật:

Thế Tôn trong đời
Lợi ích chúng sinh
Làm cho chúng sinh
Sinh tâm ưa thích
Pháp môn Niệm, Định
Tâm được chuyên nhất,
Con nghe diệu âm
Tâm rất hoan hỷ
Trí tuệ phương tiện

Đầy đủ tất cả
Nên hay thực hành
Giáo hóa chúng sinh
Lại cùng vô lượng
Vô biên chúng sinh
Thọ ký đạo quả
Vô thượng Bồ-đề
Nhờ đó được thấy
Thần túc trí tuệ
Của Phật mười phương
Thảy đều bình đẳng
Chư Phật có được
Công đức vi diệu
Và cùng thị hiện
Tu đạo Bồ-tát
Thọ ký chúng sinh
Thành Vô thượng đạo
Nếu muốn xưng tán
Không thể hết được
Nên hôm nay con
Cúi đầu kính lạy.

Bấy giờ, Phạm-chí Bảo Hải lại bảo đồng tử thứ tư Tỳ-xá-da Vô Cấu:

– Thiện nam tử, ông có thể phát tâm thành Bậc Chánh Giác.

Thiện nam tử, khi ấy Tỳ-xá-da Vô Cấu ở trước Phật, bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, con nguyện ở giữa Hiền kiếp của thế giới này cầu thành Chánh giác, không phải ở trong đời ngũ trược xấu ác như quốc độ của Phật Ca-diếp. Sau khi Đức Ca-diếp Như Lai Bát-niết-bàn, chánh pháp diệt xong, tuổi thọ loài người giảm dần xuống mười ngàn tuổi, các việc bố thí, điều phục, trì giới... thảy đều bị diệt hết. Các chúng sinh tâm lành giảm dần, xa lìa bảy loại tài sản của bậc Thánh; đối với ác tri thức cho là Thế Tôn; đối với ba loại phước, tâm hoàn toàn không học; xa lìa hạnh lành, siêng làm ba việc ác; bị các phiền não che lấp nên tâm không thấy được trí tuệ; đối với pháp ba thừa không muốn tu học. Trong cõi của những chúng sinh ấy, nếu con muốn thành Bậc Chánh Giác, còn không có người có thể làm ngăn ngại được, huống là khi tuổi thọ của loài người chỉ còn một ngàn tuổi. Cho đến lúc loài người thọ trăm tuổi, khi ấy trong chúng sinh danh từ pháp thiện còn không có, huống là có người làm việc thiện.

Đời ngũ trược xấu ác, tuổi thọ của con người giảm dần cho đến chỉ còn mười tuổi, kiếp đao binh lại nổi lên, ngay khi ấy con sẽ từ cõi trời đến cứu giúp chúng sinh, chỉ dạy pháp lành, làm cho họ xa lìa các pháp chẳng lành, cho đến tu học theo mười điều thiện, xa lìa các phiền não của mười điều ác, khiến chúng sinh đạt được thanh tịnh, diệt đi năm thứ uế trược. Sau đó, tuổi thọ loài người tăng dần đến tám vạn tuổi, bấy giờ con sẽ thành Chánh giác. Khi ấy, chúng sinh ít tham dâm, giận dữ, ngu si, vô minh, keo kiệt, ganh ghét và con thuyết giảng pháp ba thừa dẫn dắt chúng sinh tu tập theo.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, cúi xin Đức Như Lai thọ ký cho con thành Bậc Chánh Giác.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu con không được thọ ký như vậy, ngày hôm nay con sẽ cầu Thanh văn hoặc cầu Duyên giác, nương nơi năng lực đó để mau giải thoát, vượt khỏi sinh tử.

Phật Bảo Tạng bảo Tỳ-xá-da Vô Cấu:

– Thiện nam tử, Bồ-tát có bốn việc biếng trễ, Bồ-tát nào có đủ bốn pháp như thế thì tham đắm sinh tử, ở trong ngục sinh tử chịu các khổ não, không thể mau thành Bậc Chánh Giác. Những gì là bốn?

Hành động thấp kém.

Kết bạn thấp kém.

Bố thí thấp kém.

Chí nguyện thấp kém.

Thế nào là Bồ-tát hành động thấp kém?

– Như có Bồ-tát phá giới, không khéo giữ nghiệp thân, khẩu. Đây gọi là hành động thấp kém.

Thế nào là kết bạn thấp kém?

– Bồ-tát có bạn bè thấp kém, gần gũi hàng Thanh văn và Bích-chi-phật, cùng tùy thuận với họ. Đây gọi là Bồ-tát bạn bè thấp kém.

Thế nào là bố thí thấp kém?

– Không thể xả bỏ tất cả những gì mình có. Đối với người nhận, có tâm phân biệt. Vì mong được lên cõi trời hưởng thọ diệu lạc cho nên làm việc bố thí. Đây gọi là Bồ-tát bố thí thấp kém.

Thế nào là chí nguyện thấp kém?

– Không thể nhất tâm nguyện nhận thế giới thanh tịnh vi diệu của chư Phật và thệ nguyện không phải vì nhằm giáo hóa tất cả chúng sinh. Đó gọi là Bồ-tát chí nguyện thấp kém.

Bồ-tát có bốn pháp tiêu cực này thì ở mãi trong sinh tử chịu các khổ não, không thể mau thành Chánh giác.

Thiện nam tử, có bốn pháp, Bồ-tát nào thành tựu thì có thể mau thành Bậc Chánh Giác. Những gì là bốn?

Hay giữ gìn giới cấm trong sạch; hộ trì thân, miệng, ý; giữ gìn các pháp hạnh.

Gần gũi người tu học Đại thừa và cùng giúp nhau tu học theo pháp.

Có thể xả bỏ hoàn toàn những vật của mình, đem tâm đại bi bố thí cho tất cả chúng sinh.

Nhất tâm thệ nguyện nhận vô số thế giới trang nghiêm của chư Phật, cũng vì nhằm giáo hóa cho tất cả chúng sinh.

Bồ-tát nào thành tựu bốn pháp này thì sẽ mau thành Chánh giác.

Lại có bốn pháp, nếu Bồ-tát thành tựu thì có thể giữ được đạo Vô thượng Bồ-đề. Những gì là bốn?

Siêng năng thực hành các Ba-la-mật.

Cứu giúp tất cả vô lượng chúng sinh.

Tâm không xa lìa bốn hạnh vô lượng.

Tự tại với các thần thông.

Đây gọi là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu thì có thể giữ được đạo Vô thượng Bồ-đề.

Có bốn pháp khiến tâm không nhàm chán. Những gì là bốn?

Thực hành bố thí.

Nghe pháp.

Tu hành.

Cứu giúp chúng sinh.

Bốn pháp như vậy khiến tâm không nhàm chán, Bồ-tát nên học.

Có bốn Vô tận tạng, các Bồ-tát nên thành tựu. Những gì là bốn?

Tín căn.

Thuyết pháp.

Nguyện được căn lành.

Cứu giúp các chúng sinh bần cùng.

Đó là bốn Vô tận tạng của Bồ-tát để sự tu tập được đầy đủ.

Có bốn pháp thanh tịnh Bồ-tát phải thành tựu. Những gì là bốn?

Trì giới thanh tịnh vì không có ngã.

Thiền định thanh tịnh vì không chấp trước về chúng sinh.

Trí tuệ thanh tịnh vì không chấp trước về tuổi thọ.

Giải thoát tri kiến thanh tịnh vì không chấp trước về người.

Đây là bốn pháp thanh tịnh. Nếu Bồ-tát thành tựu bốn pháp này thì mau thành Bậc Chánh Giác, chuyển pháp luân Hư không, chuyển pháp luân Bất khả tư nghị, chuyển pháp luân Bất khả lượng, chuyển pháp luân Vô ngã, chuyển pháp luân Vô ngôn thuyết, chuyển pháp luân Xuất thế, chuyển pháp luân Thông đạt, chuyển bánh xe pháp vi diệu mà chư Thiên, loài người không thể chuyển được.

Thiện nam tử, đời vị lai trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian cuối cùng, ở đầu Hiền kiếp, sau khi năm trược diệt, tuổi thọ loài người tăng lên đến tám vạn tuổi, ngay thời đó ông sẽ thành Bậc Chánh Giác, hiệu là Di-lặc gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Bấy giờ, đồng tử Tỳ-xá-da đảnh lễ Phật, lui đứng qua một bên, đem vô số hương hoa, hương bột, hương thoa cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng, nói kệ khen ngợi:

Thế Tôn thanh tịnh
Như núi vàng vòng
Bạch hào giữa mày
Trắng như ngọc kha
Đúng lúc vì con
Nói pháp vi diệu
Thọ ký đời sau
Con được thành Phật.
Ai được thấy, nghe
Mà không chấp nhận
Tiên thánh Đại giác
Công đức chiếu đời.

Thiện nam tử, lúc ấy một ngàn đồng tử của Phạm-chí Bảo Hải, chỉ trừ một người, tất cả đang đọc tụng ngoại điển Tỳ-đà, đều đã được khuyến hóa theo đạo quả Vô thượng Chánh giác, như Câu-lưu-tôn, Ca-na-già Mâu-ni, Ca-diếp, Di-lặc. Người thứ năm tên Sư Tử Quang Minh, cũng như trong số ngàn người ấy, chỉ trừ một người, ngoài ra đều nguyện sẽ thành Chánh giác trong Hiền kiếp. Trong chúng đó, người nhỏ nhất tên

Trì Lực Tiệp Tật, cũng được Phạm-chí Bảo Hải giáo hóa làm cho phát tâm thành Bậc Chánh Giác:

– Thiện nam tử, nay ông chớ quán sát lâu dài mà xa lìa tâm cầu giác ngộ, hãy vì các chúng sinh mà phát tâm đại bi.

Bấy giờ Phạm-chí liền vì Trì Lực Tiệp Tật thuyết kệ:

Ấm, giới, các nhập
Ràng buộc chúng sinh
Sợ già, bệnh, chết
Đọa nơi biển ái.
Nhốt trong ba cõi
Nơi ngục đáng sợ
Uống độc phiền não
Gây hại lẫn nhau.
Bị đọa lâu dài
Trong biển khổ não
Si tối không mắt
Bị mất chánh đạo.
Ở mãi sinh tử
Thiện căn bị lấp
Chúng sinh ba cõi
Các khổ đốt cháy.
Do lìa chánh kiến
Sống trong tà kiến
Luân hồi sinh tử
Ở trong năm đường.
Ví như bánh xe
Không được dừng nghỉ
Có các chúng sinh
Mất con mắt pháp
Tối tăm không thấy
Không người cứu giúp.
Ông nên cứu bằng
Vô lượng trí tuệ
Để lìa si hoặc
Phát tâm Bồ-đề,
Nên vì chúng sinh
Làm thiện tri thức
Thiêu hết ái kết

Cởi trói phiền não,
Nên vì chúng sinh
Phát tâm Bồ-đề
Người mất mắt pháp
Bị si che lấp
Cần cho thắng đạo
Để xa lìa si
Ngục hữu sinh tử
Lửa lớn đốt cháy
Cho pháp cam lộ
Khiến được đầy đủ.
Nay ông mau đi
Đến ngay chỗ Phật
Đầu mặt lạy chân
Vì lợi ích lớn
Ngay nơi chỗ Phật
Phát nguyện diệu thắng
Đã nguyện thắng diệu
Khéo nhớ giữ gìn
Ông ở đời sau
Làm thầy trời người
Cũng sẽ nguyện giúp
Chúng sinh hết sợ
Cứu độ tất cả
Khiến đều giải thoát
Cũng khiến đầy đủ
Căn, lực, giác đạo
Mưa pháp vũ lớn
Thí nước trí tuệ
Diệt lửa khổ não
Của các chúng sinh.

Thiện nam tử, khi ấy Trì Lực Tiệp Tật thưa:

– Tôn giả, nay nguyện của tôi là không cầu quả báo sinh lên cõi trời, không cầu Thanh văn, Bích-chi-phật thừa, tôi chỉ cầu đạo quả Vô thượng Đại thừa, chỉ còn đợi suy nghĩ về thời gian, nơi chốn giáo hóa chúng sinh và phát nguyện hoàn thiện. Nay tôi tư duy các việc như vậy. Tôn giả, hãy đợi giây lát để nghe tiếng Sư tử rống của tôi.

Thiện nam tử, khi ấy có năm người thị giả của Phạm-chí Bảo Hải đang từ từ đi tới, họ tên là:

Thủ Long.

Lục Long.

Thủy Long.

Hư Không Long.

Diệu Âm Long.

Phạm-chí bảo họ:

– Nay các ông hãy phát tâm thành Chánh giác.

Năm người thưa:

– Tôn giả, chúng con hoàn toàn không có gì để cúng dường Phật và chúng Tăng, chưa vun trồng căn lành, làm sao phát tâm thành Chánh giác được?

Thiện nam tử, khi ấy Phạm-chí lấy chiếc vòng báu bên tai trái của mình trao cho Thủ Long, lấy chiếc vòng quý bên tai phải trao cho Lục Long, đem giường báu đang ngồi trao cho Thủy Long, đem gậy báu đang dùng trao cho Hư Không Long, đem bình sữa bằng vàng trao cho Diệu Âm Long và bảo:

– Đồng tử, các ông có thể đem những vật này cúng dường Phật và chúng Tăng để phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

□

KINH BI HOA

QUYỂN 6

Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 4)

Bấy giờ, năm người liền đến chỗ Phật, đem vật vừa nhận được cúng dường Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng. Cúng dường xong, họ bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, cúi xin Như Lai thọ ký cho chúng con vào Hiền kiếp thành Chánh giác.

Thiện nam tử, khi ấy, Bảo Tạng Như Lai liền thọ ký cho năm người thành Chánh giác bằng lời dạy:

– Thủ Long, ở đời sau, trong Hiền kiếp, ông sẽ thành Phật hiệu là Kiên Âm Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Sau khi Đức Kiên Âm Như Lai Bát-niết-bàn, Lục Long kế tiếp sẽ thành Phật hiệu là Khoái Lạc Tôn Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Sau khi Đức Phật Khoái Lạc Tôn Bát-niết-bàn, Thủy Long kế tiếp sẽ thành Phật hiệu là Đạo Sư Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Sau khi Phật Đạo Sư Bát-niết-bàn, Hư Không Long kế tiếp sẽ thành Phật hiệu là Ái Thanh Tịnh Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Sau khi Phật Ái Thanh Tịnh Bát-niết-bàn, Diệu Âm Long kế tiếp sẽ thành Phật hiệu là Na-la-diên Thắng Diệp Như Lai, đầy đủ mười hiệu.

Thiện nam tử, sau khi Đức Bảo Tạng Như Lai thọ ký cho năm người này vào Hiền kiếp thành Phật, Phạm-chí Bảo Hải lại bảo Trì Lực Tiệp Tật:

– Thiện nam tử, ông có thể nhận vô số thế giới trang nghiêm tịnh diệu. Tùy theo sự ưa thích, ông có thể phát nguyện ban cho tất cả chúng sinh pháp vị cam lộ, chuyên tâm siêng năng hành đạo Bồ-tát, cẩn thận chớ suy nghĩ về kiếp số dài lâu.

Thiện nam tử, khi ấy Phạm-chí đưa Trì Lực Tiệp Tật đến gặp Phật và bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, đời vị lai, trong Hiền kiếp có bao nhiêu Phật xuất thế sau Đức Như Lai?

Phật bảo Trì Lực Tiệp Tật:

– Thiện nam tử, trong nửa Hiền kiếp có một ngàn bốn trăm vị Phật xuất hiện ở đời.

Trì Lực Tiệp Tật thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, trong Hiền kiếp kia, chư Phật Thế Tôn Bát-niết-bàn xong, Diệu Âm Long thành Chánh giác sau cùng, hiệu là Na-la-diên Thắng Diệp.

Bạch Thế Tôn, con nguyện vào lúc đó tu đạo Bồ-tát, tu tất cả các hạnh khổ như: trì giới, bố thí, đa văn, tinh tấn, nhẫn nhục, ái ngữ, phước đức, trí tuệ, vô số trợ đạo. Chư Phật ở Hiền kiếp, khi sắp thành Phật, nguyện cho con được dâng cúng thức ăn uống trước tiên. Sau khi chư Phật Niết-bàn, con thâu nhận xá-lợi và dựng tháp cúng dường, hộ trì chánh pháp. Thấy người hủy giới, khuyến hóa họ giữ gìn giới luật. Người xa lìa chánh kiến, có tà kiến thì con khuyến hóa họ sống theo chánh kiến. Với người tâm tán loạn thì con khuyến hóa họ an trụ định tâm. Người không oai nghi thì con khuyến hóa an trụ nơi oai nghi của bậc Thánh. Nếu có chúng sinh muốn tu hành thiện căn, con sẽ chỉ dạy thiện căn cho họ. Sau khi các Đức Thế Tôn kia Niết-bàn, chánh pháp sắp diệt, bấy giờ con sẽ ở ngay trong thế giới đó, đốt đèn chánh pháp, hộ trì khiến không đoạn tuyệt; trong kiếp đao binh con sẽ giáo hóa tất cả chúng sinh giữ giới, chẳng sát hại lẫn nhau, cho đến được chánh kiến, giúp chúng sinh thoát khỏi mười điều ác, an trụ trong mười điều lành, diệt các tối tăm, mở bày pháp thiện. Con sẽ diệt hết kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sinh trược, mạng trược. Nơi kiếp đói khát, con sẽ khuyến hóa tất cả chúng sinh tu tập Bố thí ba-la-mật, cho đến trí tuệ Ba-la-mật cũng như vậy. Khi chúng sinh an trụ vào sáu Ba-la-mật, dứt hết các sự đói khát, hắc ám, dơ nhớp, oán tặc, tranh giành và các thứ phiền não, con sẽ làm cho họ được tịch diệt, con sẽ giáo hóa khiến tất cả chúng sinh an trụ trong pháp Lục hòa, bốn nhiếp pháp và diệt trừ hết những tật bệnh, tối tăm.

Vào nửa Hiền kiếp, sau khi một ngàn bốn trăm vị Phật ra đời, nhập Niết-bàn và lúc chánh pháp ấy diệt hết thì con sẽ thành Chánh giác. Như tuổi thọ và đệ tử Thanh văn của một ngàn bốn trăm vị Phật kia, tuổi thọ và đệ tử Thanh văn của con cũng lại như vậy. Như sự điều phục chúng sinh của một ngàn bốn trăm Đức Phật trong nửa Hiền kiếp, con nguyện cũng điều phục chúng sinh ở nửa Hiền kiếp, cả đến đệ tử Thanh văn của chư Phật trong nửa Hiền kiếp ấy, phá hủy cấm giới, rơi vào các tà kiến,

đối với chư Phật không trung chánh, sinh tâm sân hận não hại, phá Pháp, hoại Tăng, phỉ báng Hiền thánh, hủy hoại chánh pháp, tạo tội nghịch ác. Bạch Đức Thế Tôn, khi con thành Chánh giác, con sẽ vét sạch hết bùn nhơ sinh tử, làm cho họ được vào thành Niết-bàn, không sợ hãi. Sau khi con Bát-niết-bàn, chánh pháp cùng một lúc diệt hết theo Hiền kiếp. Nếu con Niết-bàn, Hiền kiếp và chánh pháp diệt hết thì xương, răng của con cùng với xá-lợi sẽ biến hóa làm hình tượng Phật với ba mươi hai tướng trang nghiêm nơi thân, trong mỗi tướng có tám mươi vẻ đẹp thứ lớp trang nghiêm khắp vô lượng, vô biên thế giới của chư Phật trong mười phương. Mỗi Hóa Phật dùng pháp ba thừa giáo hóa vô lượng, vô biên chúng sinh, khiến không thoái chuyển.

Nếu thế giới kia, khi kiếp bệnh phát sinh, không có Phật pháp thì Đức Hóa Phật ấy cũng sẽ đến đó giáo hóa chúng sinh như đã nói ở trước.

Các thế giới nào không có châu báu, con nguyện làm Như ý ma-ni bảo châu, mưa các châu báu, tự nhiên phát ra kho chứa toàn vàng.

Các thế giới nào có các chúng sinh lìa các căn lành, bị các khổ trói buộc thân, ở đó con sẽ làm mưa hương Ưu-đà-sa, vô số các hương Ngưu đầu, Trầm thủy, làm cho chúng sinh hết các bệnh phiền não, các bệnh tà kiến, bệnh thân tứ đại, làm cho tâm ý họ siêng năng tu hành ba loại phước và khi qua đời được sinh vào cõi trời.

Bạch Đức Thế Tôn, khi con hành đạo Bồ-tát, làm lợi ích cho chúng sinh như vậy; khi thành Chánh giác, con sẽ làm Phật sự lợi ích cho chúng sinh cũng như vậy; sau khi con Bát-niết-bàn, xá-lợi sẽ đến vô lượng thế giới đem lại, tạo lợi ích cho chúng sinh.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con chẳng thành tựu, bản thân con chẳng được lợi ích, con không thể làm Đại Y vương, không đem lại lợi ích cho các chúng sinh, thì con đã dối trá với chư Phật, Như Lai đang ở khắp vô lượng, vô biên thế giới trong mười phương và các Ngài cũng không nên thọ ký cho con thành Chánh giác. Thế Tôn đối với vô lượng, vô biên, vô số chúng sinh được Phật thọ ký cho thành Chánh giác, con cũng không được thấy những vị đó, cũng không được nghe âm thanh Phật, Pháp, Tăng, âm thanh hành pháp thiện và thường bị đọa trong địa ngục A-tỳ.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con được thành tựu, bản thân con được lợi ích thì lúc này xin Như Lai khen ngợi con.

Khi ấy, Phật liền khen ngợi Trì Lực Tiệp Tật:

– Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông ở đời sau làm Đại Y vương, khiến các chúng sinh lìa các khổ não, do đó nên tên ông là Hỏa Tịnh

Dược Vương.

Phật bảo Hỏa Tịnh Dược Vương:

– Vào đời sau, trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa đẳng a-tăng-kỳ kiếp, giai đoạn cuối cùng của Hiền kiếp, có một ngàn bốn trăm Đức Phật sắp thành Chánh giác, ông sẽ được dâng cúng thức ăn cho tất cả các Ngài như nguyện của ông ở trên.

Sau khi Phật Na-la-diên Thắng Diệp Bát-niết-bàn, chánh pháp diệt xong, ông sẽ thành Chánh giác hiệu là Lâu Chí đầy đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, sống lâu nửa kiếp, có các đệ tử Thanh văn giống như đệ tử Thanh văn của một ngàn bốn trăm Đức Phật. Sự giáo hóa chúng sinh sau khi Bát-niết-bàn, chánh pháp diệt cùng với Hiền kiếp, xá-lợi, xương, răng hóa ra hình tượng Phật, cho đến... sinh vào trong cõi trời, cũng lại như trước đã nói.

Bấy giờ, Bồ-tát Hỏa Tịnh Dược Vương bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện con thành tựu, bản thân con được lợi ích, cúi xin Như Lai đưa tay sắc vàng với trăm phước trang nghiêm xoa nơi đảnh đầu con.

Thiện nam tử, khi ấy Bảo Tạng Như Lai đưa cánh tay với trăm phước trang nghiêm xoa trên đảnh đầu Hỏa Tịnh Dược Vương.

Thiện nam tử, Bồ-tát Hỏa Tịnh Dược Vương được việc này xong, tâm rất hoan hỷ, liền lạy Phật, lui đứng một bên.

Lúc đó, Phạm-chí Bảo Hải đem y trời đẹp trao cho Bồ-tát Hỏa Tịnh Dược Vương và khen:

– Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, nguyện của ông hết sức đặc biệt, hết sức kỳ lạ. Từ nay về sau không cần phải sách tấn ông nữa, ông thường được tự tại tu tập hạnh an lạc.

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Tịch Ý:

– Thiện nam tử, khi ấy, Phạm-chí Bảo Hải suy nghĩ: "Ta đã khuyên vô lượng, vô biên trăm ngàn ức na-do-tha chúng sinh, khiến họ an trụ nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta thấy các Đại Bồ-tát này, mỗi vị đều phát nguyện nhận cõi Tịnh độ, chỉ trừ Bà-do-tỷ-nữu. Các Bồ-tát khác trong Hiền kiếp này cũng xa lìa ngũ trược, trong đời cuối cùng ta sẽ đem pháp vị chân chánh ban cho chúng sinh. Ta cũng sẽ khiến cho các nguyện lành trang nghiêm, bền vững như sư tử rống, tất cả Bồ-tát nghe rồi rất lấy làm kỳ lạ, thán phục là việc chưa từng có. Lại khiến cho tất cả các đại

chúng: Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và Phi nhân chắp tay cung kính cúng dường ta, làm cho Phật, Thế Tôn khen ngợi và thọ ký cho ta, khiến cho chư Phật ở khắp vô lượng, vô biên trong mười phương đang giảng thuyết chánh pháp mà khi nghe ta rống tiếng sư tử thảy đều khen ngợi, thọ ký cho ta thành Chánh giác và cũng sai sứ giả đi đến nơi, làm cho đại chúng đều được thấy. Nay ta phát thệ nguyện lớn sau cùng là thành tựu tất cả tâm đại bi của Bồ-tát, cho đến thành Chánh giác xong, nếu có chúng sinh nào nghe danh hiệu đại bi của ta đều sinh tâm thán phục. Sau này, nếu có Bồ-tát nào thành tựu đại bi cũng sẽ nguyện nhận thế giới như vậy. Trong thế giới này có chúng sinh nào không biết chánh pháp, mờ mịt, không có mắt trí tuệ, ở trong bốn dòng nước dữ, các Bồ-tát này sẽ cứu hộ và thuyết pháp cho họ. Cho đến khi ta đã nhập Niết-bàn, nơi vô lượng, vô biên các thế giới khắp mười phương trong hiện tại, chư Phật đều khen ngợi danh hiệu ta giữa các Bồ-tát và đại chúng và cũng thuyết về thiện nguyện của ta, làm cho các Bồ-tát kia dùng đại bi xông ướp tâm. Sau khi chuyên tâm lắng nghe việc này thì họ rất kinh ngạc, khen chưa từng có, làm cho từ bi đã có thêm rộng lớn. Như ta đã nguyện nhận cõi bất tịnh, các Bồ-tát đây đều như ta, nơi thế giới bất tịnh thành Chánh giác, cứu chúng sinh ra khỏi bốn dòng bạo lưu, giúp họ tu tập theo ba thừa, cho đến đắc Niết-bàn".

Thiện nam tử, sau khi tư duy về nguyện đại bi như vậy, Phạm-chí Bảo Hải bày vai áo bên phải, đi đến gặp Phật. Bấy giờ có trăm ngàn vạn ức chư Thiên trong hư không tấu âm nhạc trời, mưa vô số hoa, tất cả đồng thanh khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Bậc đại trượng phu đang đi đến chỗ Phật để phát nguyện đặc biệt, muốn dùng nước trí tuệ diệt phiền não của chúng sinh trong thế gian.

Bấy giờ, tất cả đại chúng cùng chắp tay cung kính, ở trước Phạm-chí đồng thanh lễ kính và khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Bậc Đại trí tuệ tôn kính. Chúng con đang được lợi ích lớn, có thể lập các nguyện trọn vẹn kiên cố. Chúng con nguyện được nghe tôn ý bằng thiện nguyện của bậc Đại trí.

Khi ấy, ở ngay trước Phật, Phạm-chí vừa quỳ gối bên phải sát đất thì ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách, vô số âm nhạc tự nhiên hòa tấu, chim bay, thú chạy vang lên âm thanh hòa nhau, tất cả cây cối trổ hoa sái mùa. Trong Tam thiên đại thiên thế giới, chúng sinh sống nơi đất đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc đã phát tâm,

hoặc chưa phát tâm, chỉ trừ các cõi địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh hạ liệt, ngoài ra, tất cả chúng sinh đều sinh tâm lợi ích lớn, tâm thuần thiện, tâm không oán tặc, tâm không uế trược, tâm từ, tâm hy hữu. Chúng sinh đang ở nơi hư không đều phát tâm hoan hỷ, dâng vô số hoa, vô số âm nhạc, cờ phướn, y phục để cúng dường, dùng âm thanh nhẹ nhàng, vi diệu, ca ngợi Phạm-chí... Tất cả đều nhất tâm muốn nghe Phạm-chí phát thiện nguyện. Đến như chư Thiên trên trời A-ca-ni-tra cũng xuống cõi Diêm-phù-đề, ở trong hư không dâng vô số hoa, hương bột, hương xoa, vô số âm nhạc, cờ phướn, y phục để cúng dường, dùng âm thanh nhẹ nhàng, vi diệu, tán thán, ca ngợi Phạm-chí, nhất tâm, dốc sức đều muốn nghe Phạm-chí phát thệ nguyện.

Khi ấy, Phạm-chí Bảo Hải chắp tay cung kính, nói kệ khen Phật:

An trụ thiền định
Như đại Phạm vương
Sáng rực trang nghiêm
Như Thiên đế Thích
Bố thí tài sản
Như Chuyển luân vương
Giữ châu báu đẹp
Như thần Chủ tạng
Năng lực tự tại
Như Sư tử vương
Không thể lay động
Như núi Tu-di
Tâm luôn ổn định
Như nước biển lớn
Nơi tội không tội
Tâm vững như đất
Trừ các phiền não
Như nước trong sạch
Thiêu các kết sử
Như ngọn lửa mạnh
Không bị các chướng
Như trận gió lớn
Biểu hiện pháp thật
Như Tứ thiên vương
Tuôn mưa chánh pháp

Như đại Long vương
Tràn ngập tất cả
Như mưa đúng thời
Phá các ngoại đạo
Như đại Luận sư
Hương thơm tỏa khắp
Như hoa Tu-man
Diệu âm thuyết pháp
Giống như Phạm thiên
Trừ các khổ não
Như Đại y vương
Tâm bình đẳng khắp
Như mẹ thương con
Che chở chúng sinh
Giống như cha lành
Thân không thể hoại
Như núi Kim cang
Chặt đứt nhánh ái
Giống như dao bén
Vượt biển sinh tử
Giống như thuyền trưởng
Dùng trí vớt người
Cũng như ghe thuyền
Sáng chói trong lành
Như trăng tròn đầy
Nở hoa chúng sinh
Như trời mới mọc
Ban cho chúng sinh
Bốn quả Sa-môn
Như cây mùa thu
Sinh các quả tốt
Tiên thánh vây quanh
Giống như phượng hoàng
Ý nguyện sâu rộng
Giống như biển lớn
Bình đẳng mọi loài
Giống như cây cỏ
Rõ các pháp tướng

Như xem tay không
Sống đời bình đẳng
Phẳng như mặt nước
Thành tựu diệu tướng
Đầy đủ đại bi
Hay thọ ký cho
Vô lượng chúng sinh
Nay con điều phục
Vô lượng chúng sinh
Cúi xin Như Lai
Thọ ký cho con
Nơi đời vị lai
Thành tựu thắng đạo
Đại tiên Thế Tôn
Trí tuệ vi diệu
Xin dùng diệu âm
Chân thật nói ra
Con nơi đời ác
Siêng tu các nhẫn
Trừ giặc phiền não
Cùng các kết sử
Cứu độ vô lượng
Tất cả chúng sinh
Sống được an lạc
Trong đạo tịch diệt.

Thiện nam tử, khi Phạm-chí Bảo Hải thuyết kệ tán thán Phật xong, tất cả đại chúng đều khen:

– Lành thay! Lành thay! Đại trượng phu đã khéo tán dương Đức Như Lai Pháp vương.

Phạm-chí lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con đã giáo hóa vô lượng ức chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các chúng sinh này nguyện nhận thế giới tịnh diệu, lìa cõi bất tịnh, đem tâm thanh tịnh trồng các căn lành, khéo hộ trì chúng sinh để điều phục họ. Đồng tử Hỏa Man... một ngàn bốn trăm người cùng đọc tụng ngoại điển Tỳ-đà, Như Lai đã vì số người này mà thọ ký cho họ trong Hiền kiếp sẽ được thành Phật. Có các chúng sinh làm nhiều việc tham dâm, sân si, kiêu mạn, sẽ được điều phục tất cả và an

trụ trong ba thừa. Một ngàn bốn trăm Đức Phật này đã từ bỏ những phiền não sâu dày của chúng sinh như là: Đời ngũ trược xấu ác hay tạo tội ngũ nghịch, phá hoại chánh pháp, phỉ báng Thánh nhân, thực hành tà kiến, lìa bảy tài sản của Thánh, bất hiếu với cha mẹ; đối với Sa-môn, Bà-la-môn không có tâm cung kính; làm những việc không nên làm, việc nên làm lại không làm, không làm việc phước, không sợ quả báo nơi đời sau; tâm không muốn thực hành ba loại phước, không cầu quả báo trên trời, trong loài người; thường tạo gây việc ác hướng đến ba bất thiện, xa lìa thiện tri thức, không biết gần gũi người trí tuệ chân thật; luân hồi trong ba cõi, ở nơi ngục sinh tử, trôi lăn theo bốn dòng dữ, chìm đắm nơi sông tro, bị si mê làm cho tối tăm, xa lìa các nghiệp lành, chuyên tạo nghiệp ác... Chúng sinh như vậy, thế giới của chư Phật không dung nạp, ruồng đuổi, nên đến tập họp ở thế giới này. Do xa lìa nghiệp lành, hành động theo nghiệp chẳng thiện, tập hợp những tội hết sức xấu xa của tà đạo lại như núi lớn.

Khi ấy, thế giới Ta-bà trong Hiền kiếp, người sống một ngàn tuổi, một ngàn bốn trăm Đức Phật này không thành tựu đại bi, không nhận đời tệ ác như ở đây, khiến cho các chúng sinh bị luân chuyển trong sinh tử giống như máy xoay tròn không có người cứu độ, không nơi nương tựa, không nhà cửa, đèn đuốc, chịu các khổ não, bị các vị Phật kia rời bỏ, lại đều nguyện nhận lấy thế giới tịnh diệu, chúng sinh trong tịnh độ phải tự hoàn thiện bản thân trước, tâm thanh tịnh xong thì siêng năng tinh tấn trồng căn lành. Đã được cúng dường vô lượng chư Phật, lại được các vị ấy hộ trì. Bạch Đức Thế Tôn, có thật chư vị đó là như vậy không?

Thế Tôn bảo với Phạm-chí:

– Đúng thật như đã nói. Thiện nam tử, các vị đó nhận vô số thế giới trang nghiêm theo sở thích. Ta tùy theo sự ưa thích ấy mà thọ ký.

Phạm-chí lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nay tâm con dao động như lá nơi cây hoa. Tâm rất lo buồn, thân tiều tụy. Các Bồ-tát ấy tuy phát đại bi, nhưng không thể nhận thế giới ngũ trược xấu ác này, để cho các chúng sinh kia rơi vào si ám tối tăm.

Bạch Đức Thế Tôn, đời vị lai trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian cuối cùng của Hiền kiếp, loài người thọ một ngàn tuổi, bấy giờ con sẽ hành đạo Bồ-tát, ở mãi trong sinh tử nhận chịu các khổ. Nhờ năng lực nơi Tam-muội, nên Bồ-tát sẽ quyết không bỏ chúng sinh.

Bạch Đức Thế Tôn, từ nay con thực hành sáu Ba-la-mật, điều phục

chúng sinh. Như Phật dạy: "Đem tài vật bố thí, gọi là Bố thí ba-la-mật."

Bạch Đức Thế Tôn, khi con thực hành Bố thí ba-la-mật, nếu có chúng sinh đời đời theo con cầu xin vật cần dùng, tùy theo sự cầu xin, con sẽ cung cấp đủ thức ăn uống, y phục, vật dụng nằm, thuốc thang, nhà cửa, xóm làng, hương hoa, anh lạc, hương xoa thân, cung cấp thuốc men cho người bệnh, kẻ hầu hạ, cờ phướn, lọng báu, tiền tài, lúa gạo, lụa là gấm vóc, voi ngựa, xe cộ, vàng bạc, tiền của, trân châu, lưu ly, pha lê, kha bối, ngọc bích, san hô, vật quý, giống như vật quý, mão trời, cây phất đẹp. Đối với chúng sinh bần cùng, con phát tâm đại bi đem bố thí cho hết cả. Tuy làm việc bố thí như vậy, con không cầu quả báo trên trời hay trong nhân gian, chỉ nhằm điều phục, cứu giúp chúng sinh. Vì lý do này nên con xả bỏ hết tư hữu của mình. Nếu chúng sinh nào cầu xin quá nhiều, như là cầu xin tôi tớ, xóm làng, thành ấp, vợ con, nam nữ, tay chân, mũi lưỡi, đầu mặt, da thịt, máu xương, thân mạng..., cầu xin vô số vật như vậy, khi ấy con sẽ phát tâm đại bi đem các vật ấy bố thí, không cầu quả báo, chỉ vì điều phục, cứu giúp chúng sinh.

Bạch Đức Thế Tôn, khi con Bố thí ba-la-mật, các Bồ-tát trong quá khứ Bố thí ba-la-mật không sánh kịp. Thời vị lai, các Bồ-tát phát tâm thành Chánh giác Bố thí ba-la-mật cũng không sánh kịp.

Bạch Đức Thế Tôn, đời vị lai nếu có người muốn hành đạo Bồ-tát, con sẽ giúp họ Bố thí ba-la-mật như vậy, khiến không ngừng nghỉ. Khi con bắt đầu Trì giới ba-la-mật, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên giữ vô số giới, tu các hạnh khổ như trong bố thí đã nói.

Con quán vô ngã nên năm căn không bị năm trần làm thương tổn nhờ Nhẫn nhục ba-la-mật. Con hành Nhẫn nhục ba-la-mật cũng như đã nói ở trên. Quán pháp hữu vi, xa lìa các tội ác, thấy pháp vô vi vi diệu, vắng lặng, tinh tấn nên tu tập đạo Vô thượng không thoái lui. Đây là Tinh tấn ba-la-mật.

Con hành Tinh tấn ba-la-mật như vậy thuận theo tất cả nơi chốn mà tu hành tướng Không, được pháp tịch diệt thì gọi đó là Thiền định ba-la-mật. Nếu hiểu rõ tánh các pháp vốn không sinh, nên không diệt, gọi đó là Bát-nhã ba-la-mật.

Trong vô lượng ức a-tăng-kỳ kiếp, con siêng năng kiên cố tu tập Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Đời quá khứ có Bồ-tát vì không chứng thành Chánh giác mà vẫn tu hành Bồ-tát đạo, siêng năng kiên cố tinh tấn tu tập Bát-nhã ba-la-mật. Đời vị lai có Bồ-tát vì chưa chứng thành Chánh giác nên hành đạo Bồ-tát siêng năng kiên cố, tinh tấn tu tập Bát-nhã ba-la-mật. Do đó, vào

đời vị lai con sẽ tu Bồ-tát đạo, phát tâm thành Chánh giác, làm cho các pháp lành không đoạn tuyệt.

Bạch Đức Thế Tôn, khi con mới phát tâm, đã chỉ dạy đại bi cho các Bồ-tát đời vị lai, cho đến Niết-bàn. Người nào được nghe tên pháp đại bi của con thì kinh ngạc cho là kỳ lạ và khen là việc chưa từng có. Do đó, đối với việc bố thí con không tự khen ngợi mình, không ỷ lại vào trì giới, không nhớ nghĩ đã nhẫn nhục, không ỷ lại tinh tấn, không đắm các vị ngọt của thiền. Trí tuệ có được không chấp vào ba đời. Tuy thực hành sáu Ba-la-mật như thế nhưng không cầu quả báo. Có các chúng sinh xa lìa bảy Thánh tài, bị vất bỏ vào thế giới không có Phật, tạo tội ngũ nghịch, hủy hoại chánh pháp, phỉ báng Thánh hiền, thực hành đạo tà, tội ác rất nặng giống như núi lớn, thường bị đạo tà che lấp, cho nên nay con vì các chúng sinh ấy mà chuyên tâm trang nghiêm tinh tấn tu tập sáu Ba-la-mật. Con cũng sẽ gieo trồng căn lành cho từng chúng sinh. Trong mười trung kiếp, con nguyện vào địa ngục A-tỳ chịu vô lượng khổ, trong ngạ quỉ, súc sinh và quỉ thần bần cùng, người trong hạng ty tiện cũng như vậy. Nếu có chúng sinh hoàn toàn không có căn lành, mất chánh niệm, tâm cháy bỏng, con đều cứu giúp để điều phục, làm cho họ trồng căn lành. Cho đến Hiền kiếp, trong giữa chừng, con không ước nguyện thọ hưởng các diệu lạc trên trời, trong loài người, chỉ trừ một lần sinh ở cõi trời Đâu-suất, đợi lúc thành Phật.

Bạch Đức Thế Tôn, con sẽ ở mãi trong sinh tử với số kiếp như vi trần trong một thế giới Phật, đem các vật cần dùng cúng dường chư Phật, vì từng mỗi một chúng sinh mà trồng căn lành. Đem vô số các thức cúng dường nhiều như vi trần trong một thế giới Phật, cúng dường vô lượng, vô biên từng Đức Phật trong khắp mười phương. Lại đối với vô lượng, vô biên các Đức Phật khắp mười phương được vô số công đức lành như vi trần trong một thế giới Phật. Ở trước mỗi Đức Phật giáo hóa vô số chúng sinh nhiều như vi trần trong một thế giới Phật, làm cho họ trụ vào đạo Vô thượng Bồ-đề; Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy. Tùy theo nguyện của các chúng sinh mà chỉ dạy. Với thế giới nào chưa có Phật xuất hiện ở đời, nguyện làm Tiên nhân giáo hóa các chúng sinh, khiến họ hành theo Thập thiện, được năm thần thông, xa lìa các tà kiến.

Nếu có chúng sinh thờ trời Đại tự tại, con nguyện hóa thân như trời Ma-hê-thủ-la để giáo hóa họ, làm cho trú vào pháp thiện. Nếu họ thờ phụng thần Tám tay, con cũng nguyện hóa làm thân trời Tám tay để giáo hóa họ, làm cho trụ vào pháp thiện. Nếu họ thờ phụng thần Nhật Nguyệt Phạm thiên, con cũng nguyện hóa làm thân Nhật Nguyệt Phạm thiên để giáo hóa,

khiến họ trụ nơi pháp thiện. Nếu họ thờ phụng chim cánh vàng, cho đến thờ thỏ, con cũng nguyện hóa làm thân thỏ, thân chim để theo giáo hóa, dẫn dắt họ trụ nơi pháp thiện.

Thấy chúng sinh đói khát, con sẽ đem thân máu thịt bố thí cho họ, giúp cho họ được no đủ. Nếu có chúng sinh phạm các tội, con sẽ đem thân mạng chịu tội thay để cứu giúp họ.

Bạch Đức Thế Tôn, trong đời vị lai có các chúng sinh xa lìa các căn lành, thiêu đốt, tiêu diệt các căn lành, bấy giờ con vì các chúng sinh ấy mà siêng năng tinh tấn hành đạo Bồ-tát, chịu các khổ não ở trong sinh tử. Cho đến trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, vào đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, thời gian cuối cùng, lúc bắt đầu Hiền kiếp, đồng tử Hỏa Man thành Chánh giác tên là Câu-lưu-tôn Như Lai. Khi ấy, con sẽ giáo hóa những chúng sinh nào đã xa lìa các nghiệp thiện, thực hành nghiệp bất thiện, thiêu đốt tâm thiện, lìa bảy Thánh tài, tạo tội ngũ nghịch, phá hoại chánh pháp, phỉ báng Thánh nhân, làm theo tà kiến, tội càng ác giống như núi lớn, thường bị đạo tà che lấp, bị vất bỏ vào thế giới không có Phật, con sẽ khiến cho họ phát tâm thành Chánh giác, tu tập Bố thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật, trụ yên nơi địa vị Bất thoái chuyển, thành tựu quả vị Phật ở từng cõi Phật khắp mười phương thế giới nhiều như vi trần, chuyển bánh xe chánh pháp, khiến cho chúng sinh trồng các căn lành nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ra khỏi nẻo ác, an trụ nơi công đức trí tuệ và pháp trợ Bồ-đề. Nguyện cho khi ấy, con được thấy hết tất cả.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu có chư Phật ở bất cứ nơi nào sai các chúng sinh đến chỗ của chư Phật, nhận thọ ký thành Bậc Chánh Giác, khiến đạt được Tam-muội Nhẫn nhục đà-la-ni thì được tuần tự tiến lên quả vị Bồ-tát, được thế giới với vô số trang nghiêm. Mỗi vị được tùy ý nhận Phật độ thanh tịnh như đã nguyện. Những chúng sinh ấy đều do con khuyến hóa. Vào Hiền kiếp, khi Phật Câu-lưu-tôn xuất hiện ở đời, các chúng sinh này cũng ở nơi vô số thế giới chư Phật nhiều như vi trần khắp mười phương mà thành Chánh giác. Sự trụ thế và thuyết pháp của các vị ấy, ở bất kỳ nơi nào con cũng đều được thấy.

Bạch Đức Thế Tôn, khi Phật Câu-lưu-tôn thành Phật, con đến gặp Ngài và đem đầy đủ thức cúng dường để cúng dường, thưa hỏi vô số pháp xuất gia. Đối với sự trì giới thanh tịnh, học rộng, nghe nhiều, chuyên tu Tam-muội, siêng năng tinh tấn, thuyết vi diệu pháp, chỉ trừ Như Lai, ngoài ra không ai có thể hơn con được. Bấy giờ, nếu có chúng sinh nào là hàng độn căn, không có các căn lành, bị đọa nơi tà kiến, hành đạo bất chánh, tạo

tội ngũ nghịch, hủy hoại chánh pháp, phỉ báng Thánh hiền, tội ác rất nặng giống như núi lớn; khi ấy con sẽ vì chúng sinh này thuyết giảng chánh pháp, cứu độ, điều phục. Sau khi mặt trời Phật lặn xong, tự nhiên con sẽ thực hành vô số Phật sự, kể cả thời Phật Già-na-ca Mâu-ni, Phật Ca-diếp... trụ thế, thuyết pháp, con cũng tự nhiên làm Phật sự như vậy.

Đến khi loài người sống một ngàn tuổi, lúc ấy con khuyên các chúng sinh tạo ba loại phước. Qua một ngàn tuổi xong, con lại sinh lên cõi trời, vì chư Thiên giảng thuyết chánh pháp, làm cho họ được điều phục.

Đến khi loài người thọ một trăm hai mươi tuổi, bấy giờ chúng sinh ngu si, ngang ngược, tự ỷ xinh đẹp, thuộc dòng sang quý, làm các việc buông lung, keo kiệt, ganh ghét, đọa đời ác năm trược tối tăm; rất nặng về tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn, hành động phi pháp, muốn cầu tài sản phi pháp, thi hành tà kiến điên đảo, xa lìa bảy Thánh tài, bất hiếu với cha mẹ, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn không có tâm cung kính, việc đáng làm không làm, việc không đáng làm lại làm, không thực hành việc phước, không sợ quả báo ở đời sau, không siêng năng tu tập ba loại phước, không thích ba thừa, đối với ba thiện căn không thể tu hành, chuyên làm ba điều ác, không tu mười pháp thiện, siêng làm mười điều ác, tâm thường bị bốn điên đảo che lấp, sống trong bốn việc phá giới, làm cho bốn ma thường được quyền lực, trôi lăn trong bốn dòng nước dữ, luôn bị năm thứ ràng buộc che tâm. Trong đời vị lai, chúng sinh như vậy sáu căn buông lung, thi hành tám pháp tà, vào núi tội lớn, bày ra các sự trói buộc, không cầu quả báo trên trời, trong loài người, bị các tà kiến khiến cho điên đảo, chạy theo đạo tà, gây tội ngũ nghịch, phá hủy chánh pháp, phỉ báng Thánh nhân, xa lìa các thiện căn, bần cùng, hạ tiện, không biết e sợ, không biết ân nghĩa, mất chánh niệm, khinh chê pháp lành, không có trí tuệ, không chịu học hỏi, phá giới, dua nịnh; do tâm ganh ghét nên đối với vật đã có không phân chia cho người, không cung kính, khinh mạn lẫn nhau, thêm lười biếng, trễ nải, các căn thiếu khuyết, thiếu thốn cơm áo, thân thể tiều tụy, gần gũi bạn ác, thất niệm khi trong thai; do chịu vô số khổ não nên thân sắc xấu xí, tiều tụy, nhìn nhau không biết xấu, không biết hổ, gây sợ hãi nhau cả trong từng bữa ăn; nghiệp thân, khẩu, ý tạo vô lượng, vô biên các nghiệp ác. Do hay làm ác nên được khen ngợi. Bấy giờ chúng sinh cùng chuyên tu tập hai thứ: đoạn kiến, thường kiến; tham đắm vào thân ngũ ấm mỏng manh không chắc thật. Đối với năm dục lạc sinh tham luyến sâu nặng, thường phát sinh tâm như giặc cướp, giận dữ muốn hại chúng sinh. Tâm thường nóng giận, khổ não, uế trược, thô lậu; đối với keo kiệt, tham trước, chưa được điều phục, không bỏ pháp quấy, không thể quyết định, sinh cạnh tranh nên sợ hãi lẫn

nhau. Do tâm uế trược cùng giết hại nhau, xa lìa pháp thiện nên khởi tâm không lành, làm các nghiệp ác, không tin quả báo thiện, chẳng thiện. Tâm trái chống đối với các pháp lành. Pháp lành diệt, tâm sinh hoan hỷ, phát tâm chuyên làm pháp chẳng thiện, tâm không cầu pháp tịch diệt Niết-bàn, tâm không cung kính Sa-môn, Bà-la-môn trì giới; phát tâm mong cầu các trói buộc, phát lòng tin nơi lão, bệnh, tử, phát tâm thọ trì các phiền não, phát tâm giữ gìn pháp ngũ nghịch, khởi tâm dẹp bỏ cờ chánh pháp, sinh tâm dựng lập cờ các tà kiến. Thường sinh tâm khinh hủy, trái chống nhau, sinh tâm tranh giành nhau ăn uống. Mọi người cùng trái chống nhau, xâm hại nhau, giữ gìn tâm oán hận, não loạn. Đối với các dục xấu ác, tâm không hề nhàm chán. Đối với tài vật của người, sinh tâm ganh ghét. Đối với việc thọ ân không có tâm báo đền. Khởi tâm trộm cướp đối với các chúng sinh, khởi tâm chiếm đoạt đối với phụ nữ của người... Bấy giờ trong tất cả tâm của chúng sinh không có ý nguyện lành. Do đó nên thường nghe tiếng địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh; tiếng tật bệnh, già, chết; tiếng não hại; tám nạn; tiếng gông cùm, xiềng xích trói buộc; tiếng xâm phạm não hại, đoạt tài vật của người; tiếng sân giận, khinh hủy, trách mắng; tiếng phá hoại sự hòa hợp của mọi người; tiếng binh giáp của nước giặc khác; tiếng đói khát, tiếng trộm cắp thóc lúa, vật quý trọng; tiếng tà dâm, vọng ngữ, cuồng si; tiếng nói hai lưỡi, lời ác, lời thêu dệt; tiếng keo kiệt, ganh ghét, bảo thủ; tiếng đấu tranh do đắm trước về ngã; tiếng yêu, ghét, vừa ý, không vừa ý; tiếng ân ái, biệt ly buồn khổ; tiếng oán ghét mà phải gặp gỡ gây khổ não; tiếng mọi người tôi tớ sợ nhau; tiếng ở trong thai hôi hám, nhơ nhớp; tiếng nóng lạnh, đói khát, mệt nhọc, tiếng cày bừa, trồng trọt mất mùa; tiếng vô số nghề nghiệp mệt nhọc; tiếng tật bệnh, hoạn nạn, khổ đau, ốm gầy, hao tổn... Bấy giờ chúng sinh thường nghe những tiếng như vậy, bỏ mất các thiện căn, xa thiện tri thức, thường sân giận. Chúng sinh như vậy đầy khắp cả thế giới Ta-bà, thế giới mà chư Phật ở phương khác từ bỏ.

Do nghiệp nặng nên loài người ở trong Hiền kiếp thọ một trăm hai mươi tuổi. Chúng sinh do nhân duyên nghiệp báo nên ở thế giới Ta-bà chịu sự kém cỏi, bị xa lìa tất cả các căn lành. Đất ở thế giới Ta-bà có nhiều chất mặn, cằn cỗi, xấu xí, với đất, cát, đá vụn, núi gò, đồng đất, khe lạch, hang ngòi, ao rãnh hiểm hóc, muỗi mòng, rắn độc; trong đó đầy dẫy những chim thú ác, gió độc thô rít thường thổi lên, luôn rơi mưa đá, nước mưa có chất mặn. Do nước mưa này, các cây cối, cỏ thuốc, cây lớn sinh ra với thân cây, nhánh, lá, hoa, quả, trăm loại thực vật đều lẫn lộn chất độc với các vật thô rít, dơ xấu đều bị nhiễm chất độc trái thời này. Chúng sinh ăn xong càng thêm sân giận, thân sắc tiều tụy không tươi nhuận, không có lòng thương.

Các chúng sinh phỉ báng Thánh nhân, mọi người không có tâm cung kính, thường sinh tâm khủng bố, não loạn, tàn hại lẫn nhau, uống máu, ăn thịt, lột da làm áo, cất giữ dao gậy, siêng làm việc sát hại. Tự ỷ hào tộc, tướng mạo xinh đẹp, đọc tụng ngoại điển, học cỡi ngựa, sử dụng thành thạo các thứ giáo, mác, cung tên, sinh tâm ganh ghét quyến thuộc của mình.

Nếu các chúng sinh tu tập theo tà pháp thì chịu vô số khổ.

Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện lúc ấy từ cõi trời Đâu-suất hạ sinh vào gia tộc là Tối Thắng Chuyển luân vương, ở trong thai của đại phu nhân bậc nhất nơi vương gia ấy để điều phục tâm vương gia. Có các chúng sinh dốc điều phục tâm họ, khiến tu nghiệp thiện nên ngay khi nhập thai, phóng ánh sáng lớn, ánh sáng đó vi diệu chiếu khắp thế giới Ta-bà, từ nền Kim cang lên đến cõi trời A-ca-nị-tra, khiến cho các chúng sinh trong thế giới ấy, hoặc tại địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, hoặc trên cõi trời, trong nhân gian, hoặc có sắc, không sắc, có tưởng, không tưởng, hoặc phi hữu tưởng, phi vô tưởng đều nguyện được thấy ánh sáng vi diệu của con. Nếu ánh sáng chạm vào thân họ thì cũng nguyện biết được. Do thấy biết ánh sáng nên phân biệt được lỗi lầm sinh tử, siêng cầu Niết-bàn tịch diệt vô thượng, cho đến trong một niệm trừ sạch các phiền não. Đó là dạy chúng sinh bắt đầu vun trồng mầm mống Niết-bàn.

Nguyện con mười tháng ở trong thai biết chọn lựa được tất cả pháp để thâm nhập tất cả pháp môn, đó là: Vô sinh môn, Không môn, Tam-muội môn và trong vô lượng kiếp đời vị lai thuyết giảng Tam-muội này với tâm hoàn toàn quyết định, không thể hết được. Nếu con ra khỏi thai, thành Chánh giác xong, con sẽ đưa các chúng sinh kia thoát khỏi sinh tử, làm cho các chúng sinh ấy đều được thấy con. Tuy ở trong thai mẹ đủ mười tháng, nhưng thật ra là ở trong Tam-muội châu báu, ngồi kiết già ngay thẳng, chánh định tư duy. Đủ mười tháng xong, con từ hông bên phải đi ra, đem tất cả công đức thành tựu năng lực Tam-muội. Do đó thế giới Ta-bà từ nền Kim cang lên đến trời A-ca-nị-tra đều hiện chấn động sáu cách. Trong đó, các chúng sinh hoặc ở địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, trên cõi trời, trong loài người đều được tỉnh ngộ. Khi ấy, lại có ánh sáng vi diệu chiếu khắp thế giới Ta-bà, làm cho vô lượng, vô biên chúng sinh đều được tỉnh ngộ. Hoặc có chúng sinh chưa trồng căn lành, con sẽ khiến họ trồng căn lành. Đối với Niết-bàn đã trồng căn lành xong, con làm cho các chúng sinh này nẩy mầm Tam-muội. Từ hông bên phải của mẹ bước ra, khi chân đạp đất, con lại nguyện: thế giới Ta-bà từ nền Kim cang lên đến trời A-ca-nị-tra chấn động sáu cách, có các chúng sinh sống trên đất, trên nước, trong hư không thuộc

noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh trong năm cảnh giới đều được tỉnh ngộ.

Nếu chúng sinh nào chưa được Tam-muội, nguyện họ đạt được và làm cho an trụ nơi địa vị Bất thoái chuyển trong pháp ba thừa. Sau khi sinh xong, con đều khiến các chư Thiên, Phạm vương, Thiên ma, chư Thiên Đao-lợi và Nhật Nguyệt thiên, Tứ thiên vương thiên, chư Đại Long vương, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, thần tiên hóa sinh, Dạ-xoa, La-sát ở thế giới Ta-bà, tất cả cùng đến cúng dường con.

Nguyện cho con sinh xong liền đi bảy bước. Sau khi đi đủ bảy bước, đem diệu lực của Tam-muội lựa chọn công đức ra thuyết giảng chánh pháp, khiến cho các đại chúng tâm hoan hỷ trụ vào ba thừa. Ở trong chúng hội ấy, có chúng sinh nào học về Thanh văn, nguyện hết đời này liền được giải thoát. Nếu có người tu học theo Duyên giác thừa, tất cả đều được Nhẫn nhục Nhật Hoa. Có người học Đại thừa được Tam-muội Chấp trì kim cang ái hộ đại hải. Nhờ sức của Tam-muội này nên họ đạt đến địa thứ ba.

Ngay khi con mong sự tắm rửa, nguyện có Đại Long vương tối thắng đến tắm rửa cho con, chúng sinh nào thấy được liền trụ vào ba thừa, đạt được công đức như nói ở trên.

Khi con làm đồng tử cỡi xe dê, có thể thị hiện vô số kỹ thuật, nhằm làm cho tất cả chúng sinh tỉnh ngộ. Ở trong cung điện cùng vợ con, thể nữ vui chơi theo năm dục, con thấy các lỗi lầm, nên nửa đêm vượt thành, cởi bỏ chuỗi báu và các vật tốt đẹp đang trang sức trên thân mình.

Vì muốn phá trừ các phái ngoại đạo như Ni-kiền Tử... cung kính về y phục nên con mặc ca-sa đến bên cây Bồ-đề. Thấy con ở bên gốc cây Bồ-đề, tất cả chúng sinh đều phát nguyện: muốn con mau dùng tất cả công đức để thành tựu sức Tam-muội và thuyết pháp ba thừa. Ai nghe pháp này xong, đều sinh tâm tôn trọng hết mực đối với ba thừa, muốn siêng năng tinh tấn thực hành. Nếu người nào đã phát tâm Thanh văn thừa thì con làm cho họ thoát phiền não, chỉ cần một đời nhờ nơi con mà được điều phục. Nếu người nào đã phát Duyên giác thừa thì con làm cho tất cả đều được Nhẫn nhục Nhật hoa. Nếu người nào phát tâm Đại thừa thì được Tam-muội Chấp trì kim cang ái hộ đại hải. Do năng lực của Tam-muội này nên vượt đến địa thứ tư. Con tự nhận cỏ, trải tòa Kim cang bên gốc cây Bồ-đề, ngồi kiết già, thân tâm ngay thẳng, buộc niệm nơi Tam-muội A phả. Do năng lực của Tam-muội nên làm cho hơi thở ra vào an trú nơi nẻo vắng lặng. Khi tu định này, trong một ngày một đêm ăn nửa hạt mè, nửa hạt gạo, đem nửa hạt còn lại bố thí cho người khác. Con tu tập khổ hạnh lâu xa như vậy, từ thế giới

Ta-bà lên đến trời A-ca-nị-tra, ai nghe tên con đều đến cúng dường. Con tu khổ hạnh như vậy, các chúng sinh ấy đều sẽ chứng minh cho con. Có chúng sinh nào trồng thiện căn nơi Thanh văn thừa, bạch Đức Thế Tôn, con nguyện khiến cho các chúng sinh ấy không còn tâm ác phiền não. Nếu chỉ còn một đời là giải thoát, cần phải đến gặp con, con sẽ điều phục, đối với Duyên giác, Đại thừa cũng như thế.

Nếu có các chúng Rồng, Quỉ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, ngạ quỉ, Tỳ-xá-gia, thần tiên đạt ngũ thông... đi đến chỗ con để cúng dường, con tu khổ hạnh như vậy, các chúng sinh ấy đều làm chứng cho. Nếu người nào đã học Thanh văn, Duyên giác và Đại thừa thì cũng như vậy.

Nếu có chúng sinh trong bốn thiên hạ tu theo khổ hạnh ngoại đạo, ăn uống thô sơ, có các phi nhân đi đến gặp vị đó, nói: "Các ngươi không thể tu hết các hạnh khổ, cũng không được quả báo lớn, không phải là hy hữu. Trong địa phận của ta có vị Bồ-tát Nhất sinh thực hành khổ hạnh lại nhập thiền định vi diệu; thân - khẩu - ý nghiệp đều vắng lặng nhưng hơi thở vẫn vào ra, một ngày một đêm chỉ ăn nửa hạt mè, nửa hạt gạo. Khổ hạnh như vậy thì được quả báo lớn, được lợi ích lớn, giáo hóa rất nhiều, người khổ hạnh như vậy không lâu sẽ thành Chánh giác. Nếu ngươi không tin lời ta, hãy đi đến chỗ đó chiêm ngưỡng việc làm của vị ấy".

Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện các người này bỏ cách tu của mình, đi đến chiêm ngưỡng sự khổ hạnh của con, hoặc có chúng sinh đã học Thanh văn cho đến Đại thừa thì cũng như trên.

Nếu có các quốc vương, đại thần, dân chúng, tại gia, xuất gia, thấy con tu khổ hạnh như vậy, đều đi đến chỗ con cúng dường. Hoặc có chúng sinh đã học Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa cũng như vậy.

Nếu có người nữ thấy con tu khổ hạnh, đi đến chỗ con cúng dường. Các người nữ này được thọ thân phần, tức là thân nữ cuối cùng. Nếu có chúng sinh đã học Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa cũng như thế.

Nếu có các loài cầm thú thấy con tu khổ hạnh cũng đến chỗ con, thì các loài cầm thú này qua đời ở đây không còn trở lại thân súc sinh. Nếu có người đã phát tâm Thanh văn thừa, chỉ còn một đời, phải đi đến gặp con để được điều phục. Nếu có người đã phát tâm Duyên giác cũng như vậy, cho đến loài ngạ quỉ, loài trùng nhỏ vi tế cũng như vậy.

Con ngồi kiết già tu khổ hạnh lâu xa như thế, khi ấy có trăm ngàn ức na-do-tha vô lượng chúng sinh chứng minh cho con. Vô lượng chúng sinh này đã ở vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp vun trồng hạt giống giải thoát.

Bạch Đức Thế Tôn, con tu khổ hạnh như vậy, trong quá khứ chưa từng có chúng sinh nào thực hành được. Ngoài ra, Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa ngoại đạo cũng không thể làm được các khổ hạnh như thế.

Bạch Đức Thế Tôn, con khổ hạnh như vậy, chúng sinh đời vị lai cũng không có thể làm được. Ngoài ra, Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa ngoại đạo cũng không có thể khổ hạnh như vậy.

Khi con chưa thành Chánh giác đã có thể làm Phật sự lớn, con nguyện phá trừ ma phiền não, nghĩa là phá diệt ma vương và quyến thuộc của chúng. Thành Chánh giác xong, làm cho chúng sinh thứ nhất an trụ trong quả A-la-hán thắng diệu, tùy theo họ mà thọ thân với quả báo của dư nghiệp. Như thế, con khiến cho chúng sinh thứ hai an trụ A-la-hán. Thứ ba, thứ tư, dư nghiệp cũng như vậy. Con vì mỗi mỗi chúng sinh thị hiện vô lượng trăm ngàn thần túc, muốn làm cho họ an trụ trong chánh kiến, vì mỗi chúng sinh mà thuyết trăm ngàn vô lượng nghĩa pháp môn, tùy khả năng lãnh thọ của họ mà khiến đạt được thánh quả. Dùng trí tuệ kim cang dứt trừ tất cả các núi phiền não của chúng sinh. Vì các chúng sinh thuyết pháp ba thừa, vì mỗi một chúng sinh nên đi qua trăm ngàn do-tuần mà không dùng thần lực, đến đó để thuyết pháp khiến an trụ nơi vô sở úy. Hoặc có những người muốn xuất gia trong pháp của con thì nguyện của họ không bị chướng ngại, nghĩa là không bị yếu kém, thất niệm, cuồng loạn, kiêu mạn, sợ hãi, ngu si không trí tuệ, nhiều trói buộc, tâm tán loạn. Nếu có người nữ muốn xuất gia trong pháp con để học đạo, thọ đại giới thì được thành tựu theo nguyện lớn. Bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di của con đều được cúng dường. Nguyện cho chư Thiên và các Quỉ thần được bốn Thánh đế. Các Rồng, A-tu-la và súc sinh khác thọ trì tám trai giới, tu phạm hạnh thanh tịnh.

Bạch Đức Thế Tôn, khi con thành Chánh giác xong, nếu chúng sinh nào sinh lòng sân hận với con; hoặc dùng dao gậy, hầm lửa và vô số các thứ khác muốn tàn hại con; hoặc khắp cả mười phương dùng lời mắng nhiếc, hủy báng, khinh chê; hoặc đem thức ăn độc cho con ăn, dư nghiệp như vậy con sẽ nhận hết. Khi con thành Chánh giác, những chúng sinh oán hại với con từ xưa, sinh tâm hãm hại, nói vô số lời ác, dùng các thức ăn có trộn các chất độc, làm thân con ra máu, những người như vậy đem tâm ác đi đến chỗ con, con sẽ dùng Tam-muội giới đa văn, tâm đại bi huân tập, Phạm âm vi diệu thuyết pháp cho họ, khiến cho những người kia nghe xong tâm liền thanh tịnh, trụ vào pháp thiện. Đối với các nghiệp đã tạo, họ lập tức xin sám hối, hoàn toàn không tạo trở lại, khiến cho tất cả được sinh lên

trời, trong loài người, không có sự ngăn trở, sinh trong chư Thiên được giải thoát tốt đẹp, an trụ thắng quả, lìa các ác dục, sạch nghiệp, đoạn hẳn các dòng chướng ngại. Nếu chúng sinh có nghiệp dư tàn đều được dứt hết.

Bạch Đức Thế Tôn, khi con thành Chánh giác xong, tất cả các lỗ chân lông nơi thân hằng ngày thường xuất hiện các vị Hóa Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thứ tự trang nghiêm thân. Con sẽ sai đến thế giới không có Phật, thế giới có Phật và cõi ngũ trược. Nếu thế giới kia có người tạo tội ngũ nghịch, hủy hoại chánh pháp, hủy báng Thánh nhân, cho đến diệt mất các thiện căn, hoặc có người học Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa mà phá hủy các giới, tùy tội lớn thiêu đốt và tiêu diệt tâm lành, diệt mất nẻo thiện, đọa trong sinh tử, ở nơi đồng hoang vu, rừng chằm mà hành các đạo tà, bước lên núi tội. Chúng sinh như vậy có trăm ngàn vạn ức, nên mỗi Hóa Phật trong mỗi ngày đều thuyết pháp cho tất cả họ. Hoặc có người phụng thờ Ma-hê-thủ-la, tùy theo đó con hiện thân hình để thuyết pháp cho họ. Cũng ngay khi ấy có tiếng xưng danh hiệu của con để khen ngợi. Nguyện chúng sinh này nghe sự khen ngợi về con đều sinh tâm hoan hỷ, trồng các thiện căn, được sinh về thế giới của con.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu khi các chúng sinh này lâm chung, con không ở trước họ thuyết pháp, khiến cho tâm họ được thanh tịnh, thì vào đời vị lai con sẽ không thành Chánh giác. Nếu chúng sinh kia sau khi qua đời, bị đọa nơi ba đường ác, không sinh vào trong nước của con, không thọ thân người, thì vô lượng chánh pháp mà con hiểu biết sẽ diệt mất, các Phật sự không thành tựu.

Với người thờ phụng Na-la-diên cũng vậy.

Bạch Đức Thế Tôn, khi con thành Chánh giác xong, nguyện cho người tạo tội ngũ nghịch ở thế giới phương khác, cho đến hành theo các đạo tà, bước lên núi tội, chúng sinh như vậy khi sắp qua đời đều được tập họp đông đủ, sinh vào thế giới của con, tùy theo tướng cũ mà thọ thân sắc hầu hết đều không tươi thắm, mặt mày xấu xí như Tỳ-xá-gia. Do thất niệm, phá giới, tạo nghiệp nhơ nhớp, nên đoản mạng..., các ác này làm tổn giảm thân mạng; của cải giúp cho đời sống thường bị thiếu hụt. Vì các loại chúng sinh này nên con ở nơi Tứ thiên hạ, trong thế giới Ta-bà, vào một lúc nọ, từ cõi Đâu-suất hạ xuống, thị hiện ở nơi thai mẹ, cho đến làm đồng tử học các kỹ thuật, xuất gia tu khổ hạnh, phá dẹp các ma, thành đạo Vô thượng, chuyển bánh xe chánh pháp, sau khi Bát-niết-bàn lưu lại xá-lợi, thị hiện vô số Phật sự như vậy khắp cả trăm ức các cõi Tứ thiên hạ.

□

KINH BI HOA

QUYỂN 7

Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 5)

Bạch Đức Thế Tôn, khi con thành Chánh giác xong, sẽ dùng một loại âm thanh để thuyết pháp:

Người nào học Thanh văn thừa, nghe Phật thuyết pháp, liền biết được tạng pháp Thanh văn.

Người nào tu học Bích-chi-phật thừa, nghe Phật thuyết pháp liền hiểu được pháp Bích-chi-phật.

Người nào tu học Vô thượng Đại thừa, nghe Phật thuyết pháp liền hiểu rõ pháp Đại thừa thuần nhất không xen tạp.

Người nào tu tập pháp trợ Bồ-đề, muốn được Bồ-đề, nghe Phật thuyết pháp liền đem tài sản ra bố thí.

Chúng sinh nào bị xa lìa các công đức mà mong cầu diệu lạc trên cõi trời, nơi cõi người, nghe Phật thuyết pháp, liền giữ được giới.

Chúng sinh nào tâm ưa sân hận, sợ hãi lẫn nhau, nghe Phật thuyết pháp liền sinh tâm thân thiện, cùng giúp đỡ.

Chúng sinh nào ưa tạo nghiệp giết hại, nghe Phật thuyết pháp liền được tâm từ bi.

Chúng sinh nào thường bị keo kiệt, đố kỵ che tâm ý, nghe Phật thuyết pháp liền tu tâm hoan hỷ.

Chúng sinh nào xinh đẹp, không bệnh, nên tham đắm sắc, sinh tâm buông lung, nghe Phật thuyết pháp liền được tâm xả bỏ sự tham đắm.

Chúng sinh nào nặng đường dâm dục, buông lung, nghe Phật thuyết pháp liền tu tập quán Bất tịnh.

Chúng sinh nào học Đại thừa, bị dao động, phiền não che lấp, nghe Phật thuyết pháp liền được pháp Thân niệm xứ.

Chúng sinh nào thường khen ngợi mình có khả năng bàn luận việc

lớn, trí tuệ sáng suốt lãnh hội nhạy bén, nghe Phật thuyết pháp liền hiểu rõ về mười hai nhân duyên thâm diệu.

Chúng sinh nào sự hiểu biết cạn cợt, kém cỏi, lại tự cho mình có thể luận nghị, nghe Phật thuyết pháp liền được đầy đủ các pháp Đà-la-ni.

Chúng sinh nào đi vào núi tà kiến, nghe Phật thuyết pháp, liền hiểu rõ các pháp là Không môn vi diệu.

Chúng sinh nào bị các tri giác che tâm, nghe Phật thuyết pháp liền được hiểu rõ pháp môn Vô tướng.

Chúng sinh nào bị các nguyện bất tịnh che lấp tâm tư, nghe Phật thuyết pháp liền hiểu rõ pháp môn Vô tác.

Chúng sinh nào tâm không thanh tịnh, nghe Phật thuyết pháp thì tâm được thanh tịnh.

Chúng sinh nào do nhiều duyên che tâm, nghe Phật thuyết pháp được hiểu rõ pháp, chẳng mất tâm Bồ-đề.

Chúng sinh nào bị sân hận che tâm, nghe Phật thuyết pháp, liền hiểu rõ tướng chân thật, nên được thọ ký.

Chúng sinh nào bị sự ỷ lại che tâm, nghe Phật thuyết pháp, hiểu rõ các pháp vốn không có chỗ ỷ lại.

Chúng sinh nào bị ái nhiễm che tâm, nghe Phật thuyết pháp mau hiểu rõ các pháp thanh tịnh không nhơ.

Chúng sinh nào quên mất tâm thiện, nghe Phật thuyết pháp hiểu rõ Tam-muội Nhật quang.

Chúng sinh nào thực hành theo các nghiệp của ma, nghe Phật thuyết pháp mau được hiểu rõ pháp thanh tịnh.

Chúng sinh nào bị tà luận che tâm, nghe Phật thuyết pháp liền được hiểu rõ thêm chánh pháp.

Chúng sinh nào bị phiền não che tâm, nghe Phật thuyết pháp thì mau được hiểu rõ, xa lìa các thứ phiền não.

Chúng sinh nào đi theo các nẻo ác, nghe Phật thuyết pháp liền quay trở lại đường thiện.

Chúng sinh nào gần với pháp Đại thừa mà lại khen ngợi tà pháp là tốt đẹp, nghe Phật thuyết pháp liền từ bỏ pháp tà nên được chánh kiến.

Có Bồ-tát nào nhàm chán sinh tử, nghe Phật thuyết pháp liền sinh tâm ưa thích sinh tử.

Có chúng sinh nào không biết cảnh giới thiện, nghe Phật thuyết pháp liền hiểu được pháp của cảnh giới thiện.

Có chúng sinh nào thấy người khác làm lành mà không ưa thích, sinh tâm ganh ghét, nghe Phật thuyết pháp liền được hoan hỷ.

Có chúng sinh tâm trái ngược chống đối nhau, nghe Phật thuyết pháp liền được sáng suốt, vô ngại.

Có chúng sinh nào hành theo các nghiệp ác, nghe Phật thuyết pháp, hiểu rõ quả báo của nghiệp ác.

Có chúng sinh nào sợ hãi đại chúng, nghe Phật thuyết pháp, được hiểu rõ Tam-muội Sư tử tướng.

Có chúng sinh nào bị bốn loại ma che tâm, nghe Phật thuyết pháp mau được Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm.

Có chúng sinh nào không thấy ánh sáng nơi quốc độ của chư Phật, nghe Phật thuyết pháp liền được hiểu rõ vô số Tam-muội Quang minh trang nghiêm.

Có chúng sinh nào có tâm ưa ghét, nghe Phật thuyết pháp liền được tâm xả.

Có chúng sinh nào chưa được ánh sáng nơi Phật pháp, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Pháp tràng.

Có chúng sinh nào xa lìa trí tuệ lớn, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Pháp cự.

Có chúng sinh nào bị si ám che tâm, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Nhật đăng quang minh.

Có chúng sinh nào không có tài năng về giảng nói giáo pháp, nghe Phật thuyết pháp liền được vô số công đức ứng đối.

Có chúng sinh nào xem xét các sắc hòa hợp nhau không bền chắc, giống như bọt nước, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Na-la-diên.

Có chúng sinh nào tâm loạn không định, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Kiên lao quyết định.

Có chúng sinh nào muốn chiêm ngưỡng đảnh Phật, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Tu-di tràng.

Có chúng sinh nào xả bỏ bản nguyện, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Kiên lao.

Có chúng sinh nào thoái thất các thần thông, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Kim cang.

Có chúng sinh nào đối với Bồ-đề đạo tràng, sinh nghi hoặc, nghe Phật thuyết pháp liền được hiểu rõ đạo tràng Kim cang.

Có chúng sinh nào trong tất cả pháp không có tâm chán, lìa, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Kim cang.

Có chúng sinh nào không biết tâm của loài khác, nghe Phật thuyết pháp liền biết rõ tâm của loài khác.

Có chúng sinh nào đối với các căn không biết rõ lợi, độn, nghe Phật thuyết pháp liền biết rõ là lợi, độn.

Có chúng sinh nào đối với từng chủng loại của các loài, không hiểu ngôn ngữ của chúng, nghe Phật thuyết pháp liền được hiểu rõ về Tam-muội Âm thanh.

Có chúng sinh nào chưa đắc Pháp thân, nghe Phật thuyết pháp liền được hiểu rõ, phân biệt các thân.

Có chúng sinh nào không thấy thân Phật, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Bất huyễn.

Có chúng sinh nào luôn phân biệt các duyên, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Vô tránh.

Có chúng sinh nào có tâm nghi ngờ đối với việc Chuyển pháp luân, nghe Phật thuyết pháp nên đối với Chuyển pháp luân, tâm được thanh tịnh.

Có chúng sinh nào phát sinh tà hạnh, không tin nhân quả, nghe Phật thuyết pháp liền được sáng suốt, hiểu rõ các pháp và tùy thuận nhân duyên.

Có chúng sinh nào khởi thường kiến đối với một thế giới Phật, nghe Phật thuyết pháp liền phân biệt được hết vô lượng cõi Phật.

Có chúng sinh nào chưa vun trồng các tướng thiện căn, nghe Phật thuyết pháp liền được vô số Tam-muội trang nghiêm.

Có chúng sinh nào không thể phân biệt hết tất cả ngôn ngữ, nghe Phật thuyết pháp liền được pháp Tam-muội Giải liễu phân biệt chủng chủng ngôn âm (Hiểu rõ, phân biệt các loại ngôn ngữ, âm thanh).

Có chúng sinh nào chuyên tâm cầu tuệ Nhất thiết trí, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Vô sở phân biệt pháp giới.

Có chúng sinh nào đối với pháp bị thoái lui, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Kiên cố.

Có chúng sinh nào không biết pháp giới, nghe Phật thuyết pháp liền được đại trí tuệ.

Có chúng sinh nào xa rời bản nguyện, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Bất thất.

Có chúng sinh nào hay phân biệt các đạo pháp, nghe Phật thuyết pháp liền hiểu được đạo pháp duy nhất, không còn sự phân biệt.

Có chúng sinh nào mong cầu trí tuệ, muốn rộng lớn như hư không, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Vô sở hữu.

Có chúng sinh nào chưa được đầy đủ các Ba-la-mật, nghe Phật thuyết pháp liền được trụ nơi Tịnh ba-la-mật.

Có chúng sinh nào chưa được đầy đủ pháp bốn nhiếp, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Diệu thiện nhiếp thủ.

Có chúng sinh nào phân biệt Tứ vô lượng tâm, nghe Phật thuyết pháp liền được tâm bình đẳng, siêng năng tinh tấn.

Có chúng sinh nào chưa được đầy đủ ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Trụ bất xuất thế.

Có chúng sinh nào tâm thất niệm và mất trí tuệ, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Đại hải trí ấn.

Có chúng sinh nào nghi ngờ về Vô sinh pháp nhẫn, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội quyết định các pháp với một pháp tướng.

Có chúng sinh nào quên mất pháp đã nghe, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Bất thất niệm *(Chẳng mất niệm)*.

Có chúng sinh nào không ưa thích đối với những người thuyết pháp, nghe Phật thuyết pháp liền được tuệ nhãn thanh tịnh, không có lưới nghi.

Có chúng sinh nào không tin Tam bảo, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Công đức tăng trưởng.

Có chúng sinh nào đói khát mưa pháp, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Pháp vũ.

Có chúng sinh nào đối với Tam bảo dấy khởi chấp đoạn diệt, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Chư bảo trang nghiêm *(Các báu trang nghiêm).*

Có chúng sinh nào không tạo nghiệp trí tuệ, không siêng năng tinh tấn, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Kim cang trí tuệ.

Có chúng sinh nào bị các phiền não trói buộc, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Hư không ấn.

Có chúng sinh nào chấp ngã, ngã sở, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Trí ấn.

Có chúng sinh nào không biết công đức đầy đủ của Như Lai, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Thế gian giải thoát.

Có chúng sinh nào nơi đời quá khứ chưa từng cúng dường Phật, nghe

Phật thuyết pháp liền được vô số thần túc biến hóa.

Có chúng sinh nào chưa được nghe nói về một thứ pháp giới trong vô lượng kiếp đến tận đời vị lai, nghe Phật thuyết pháp liền được hiểu thông suốt, tất cả các pháp đồng một pháp giới.

Có chúng sinh nào đối với tất cả các kinh điển chưa chọn lựa được, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Chư pháp bình đẳng thật tướng.

Có chúng sinh nào xa lìa pháp Lục hòa, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Giải liễu chư pháp *(Hiểu rõ các pháp)*.

Có chúng sinh nào không siêng năng, tinh tấn đối với pháp môn giải thoát bất khả tư nghị, nghe Phật thuyết pháp, ngay trong các thần thông liền được Tam-muội Sư tử du hý.

Có chúng sinh nào muốn phân biệt hội nhập vào Như Lai tạng, nghe Phật thuyết pháp, hoàn toàn không nghe theo người khác, liền được phân biệt hội nhập vào Như Lai tạng.

Có chúng sinh không siêng năng tinh tấn đối với đạo Bồ-tát, nghe Phật thuyết pháp liền được trí tuệ, siêng năng tinh tấn.

Có chúng sinh chưa từng được thấy kinh Bản Sinh, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Nhứt thiết tại tại xứ xứ.

Có chúng sinh hành đạo chưa xong, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội thọ ký.

Có chúng sinh chưa được đầy đủ mười lực của Như Lai, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Vô hoại.

Có chúng sinh chưa được đầy đủ Tứ vô sở úy, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Vô tận ý.

Có chúng sinh nào chưa được đầy đủ pháp Bất cộng Phật, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Bất cộng pháp.

Có chúng sinh nào chưa được đầy đủ tri kiến không ngu si, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Nguyện cú.

Có chúng sinh nào chưa rõ biết tất cả môn nơi Phật pháp, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Tiên bạch vô cấu tịnh ấn.

Có chúng sinh nào chưa được đầy đủ Nhất thiết trí, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Thiện liễu.

Có chúng sinh chưa được thành tựu tất cả Phật sự, nghe Phật thuyết pháp liền được Tam-muội Vô lượng Bất tận ý...

Các chúng sinh như vậy đối với Phật pháp đều được tin hiểu.

Có các Bồ-tát tâm tánh ngay thẳng không dối trá, nghe Phật thuyết

pháp liền được tám vạn bốn ngàn các pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp Tam-muội, bảy vạn năm ngàn môn Đà-la-ni.

Có vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ Đại Bồ-tát tu tập Đại thừa, nghe thuyết pháp này cũng được vô lượng công đức như vậy, an trụ nơi địa Bất thoái chuyển. Cho nên, các Đại Bồ-tát muốn được vô số trang nghiêm bền chắc, nên phát nguyện Bất khả tư nghị, tăng thêm tri kiến Bất khả tư nghị, để tự trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng trang nghiêm, với tám mươi vẻ đẹp kèm theo.

Nhờ diệu âm trang nghiêm, nên các Bồ-tát tùy theo sở thích của các chúng sinh mà thuyết pháp, làm cho người nghe pháp được đầy đủ tri kiến.

Do tâm trang nghiêm nên được các Tam-muội không thoái chuyển. Do niệm trang nghiêm nên không mất tất cả các pháp Đà-la-ni. Do tâm trang nghiêm nên phân biệt được các pháp. Do niệm trang nghiêm nên hiểu được các ý nghĩa rất vi tế. Do tâm thiện trang nghiêm nên được thệ nguyện kiên cố, tinh tấn bền chắc, theo nguyện của mình đưa đến bờ bên kia. Do chuyên tâm trang nghiêm nên vượt qua các cấp bậc. Do Bố thí trang nghiêm nên đối với các thứ cần dùng có thể xả hết. Do Trì giới trang nghiêm nên khiến tâm lành trong trắng, thanh tịnh. Do Nhẫn nhục trang nghiêm nên đối với các chúng sinh tâm không chướng ngại. Do Tinh tấn trang nghiêm nên tất cả sự giúp đỡ đều được thành tựu. Do Thiền định trang nghiêm nên đối với tất cả pháp Tam-muội đạt được Tam-muội Sư tử du hý. Do Trí tuệ trang nghiêm nên biết rõ chỗ tập khởi của các phiền não. Do Từ trang nghiêm nên chuyên tâm nhớ nghĩ đến tất cả chúng sinh. Do Bi trang nghiêm nên có thể dứt hẳn tất cả khổ cho chúng sinh. Do Hỷ trang nghiêm nên tâm không nghi hoặc đối với tất cả pháp. Do Xả trang nghiêm nên lìa được tâm kiêu mạn, tâm không còn phân biệt cao thấp. Do các thần thông trang nghiêm nên được Tam-muội Sư tử du hý đối với tất cả pháp. Do công đức trang nghiêm nên có được tay giữ gìn kho tàng vô tận. Do trí trang nghiêm nên biết các tâm đang có của chúng sinh. Do ý trang nghiêm nên tạo phương tiện giúp tất cả chúng sinh được tỉnh ngộ. Do quang minh trang nghiêm nên được mắt trí tuệ sáng. Do các biện tài trang nghiêm nên khiến chúng sinh được lời lẽ ứng đối đúng nghĩa pháp. Do Vô úy trang nghiêm nên tất cả các ma không thể làm hại. Do công đức trang nghiêm nên được công đức của chư Phật, Thế Tôn. Do pháp trang nghiêm nên được biện tài vô ngại, thường vì chúng sinh giảng thuyết diệu pháp. Do quang minh trang nghiêm nên được ánh sáng của tất cả pháp Phật. Do tỏa chiếu ánh sáng

trang nghiêm nên có thể chiếu khắp thế giới chư Phật. Do tha tâm trang nghiêm nên được chánh trí không loạn. Do sự chỉ dạy trang nghiêm nên giữ gìn được giới cấm đúng theo lời nói. Do thần túc trang nghiêm nên được Như ý túc đạt đến bờ kia. Do thọ trì tất cả sự trang nghiêm của chư Như Lai nên được vào pháp tạng vô lượng của Như Lai. Do pháp tôn quý trang nghiêm nên được trí tuệ không tùy thuộc vào người khác. Do thực hành theo tất cả pháp thiện trang nghiêm nên được sự thực hành đúng như lời nói, muốn khiến cho chúng sinh ấy đều được tất cả các công đức lợi ích như vậy.

Có vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ Đại Bồ-tát tu tập pháp Đại thừa, do nghe con thuyết giảng một câu pháp nên có đầy đủ tất cả pháp thiện thanh tịnh. Do vậy, các Đại Bồ-tát đối với các pháp đạt được trí tuệ, không nghe theo người khác, thành tựu được ánh sáng của pháp lớn, thành Bậc Chánh Giác vô thượng.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu chúng sinh ở thế giới phương khác tạo tội ngũ nghịch, cho đến phạm bốn giới cấm nặng, thiêu đốt và tiêu diệt pháp lành, hoặc học Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa, nhưng do nguyện lực nên muốn sinh đến thế giới con, đã sinh đến rồi, vẫn còn tất cả các nghiệp bất thiện, thô bạo, tệ ác, tâm ngang ngược, khó điều phục, chuyên dua theo bốn thứ điên đảo tham đắm, keo kiệt. Các chúng sinh như vậy với tám vạn bốn ngàn nẻo tâm loạn, với căn tánh khác nhau, con sẽ vì những chúng sinh với căn tánh khác nhau đó mà giảng rộng về tám vạn bốn ngàn pháp tụ.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu có chúng sinh học Vô thượng Đại thừa, con sẽ vì họ mà giảng rộng đầy đủ sáu Ba-la-mật, là: Bố thí ba-la-mật..., cho đến Bát-nhã ba-la-mật.

Có chúng sinh nào học Thanh văn thừa, chưa trồng căn lành, nguyện cầu chư Phật làm thầy cho mình, thì con sẽ làm cho họ tu học theo ba pháp quy y, rồi sau đó khuyên bảo khiến họ tu học theo sáu pháp Ba-la-mật.

Có chúng sinh ưa làm việc sát hại, con sẽ khiến họ không còn giết hại. Có chúng sinh chuyên làm việc tham ác, con sẽ làm cho họ không còn trộm cướp. Có chúng sinh tà dâm phi pháp, con sẽ giúp họ dứt bỏ tà dâm. Có chúng sinh cố vọng ngữ, phỉ báng, con sẽ dẫn dắt họ không còn vọng ngữ. Có chúng sinh thích thú việc cuồng si, con sẽ chỉ dạy khiến họ không còn uống rượu.

Chúng sinh nào phạm năm việc này, con sẽ truyền dạy cho họ năm giới Ưu-bà-tắc.

Chúng sinh nào không ưa thích các pháp lành, con sẽ làm cho họ thọ

trì tám giới trong một ngày một đêm.

Có chúng sinh ít thiện căn, sinh tâm ưa thích thiện căn, con sẽ tạo cho họ vào đời vị lai được xuất gia học đạo trong Phật pháp, sống theo mười giới, phạm hạnh thanh tịnh.

Có chúng sinh tâm mong cầu các pháp thiện căn, con sẽ giúp họ được thành tựu phạm hạnh, đầy đủ đại giới, sống trong pháp thiện căn.

Các chúng sinh như vậy, từ loại tạo tội ngũ nghịch cho đến keo kiệt, con vì những chúng sinh này, dùng vô số pháp môn, thị hiện thần túc, thuyết giảng các văn nghĩa, mở bày chỉ dạy các ấm, giới, nhập, khổ, không, vô thường, vô ngã, khiến an trụ nơi Niết-bàn thiện diệu, an ổn, tịch diệt, không còn sợ hãi. Lại vì bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà thuyết pháp.

Có chúng sinh cầu được nghe về luận nghị, con sẽ thuyết giảng các luận giải về chánh pháp, cho đến có người cầu giải thoát, con sẽ vì họ thuyết giảng luận giải về Không, Vô.

Có chúng sinh tâm không ưa pháp thiện chân chánh, con sẽ vì họ thuyết giảng các việc phục vụ chúng Tăng.

Có chúng sinh tâm ưa thích đối với pháp thiện chân chánh, con sẽ vì họ thuyết các pháp Tam-muội, Không định, chỉ bày nẻo giải thoát chân chánh.

Bạch Đức Thế Tôn, con vì mỗi mỗi chúng sinh như vậy, cần phải đi qua trăm ngàn do-tuần mà không dùng thần túc, để chỉ bày vô lượng, vô biên, vô số phương tiện khiến họ hiểu giáo pháp, nên thị hiện thần túc cho đến Niết-bàn mà tâm không nhàm chán.

Bạch Đức Thế Tôn, con nhờ sức của Tam-muội nên xả thọ mạng đã đạt được ở phần thứ năm để nhập Niết-bàn. Ngay khi ấy, con tự phân tán thân thể nhỏ như nửa hạt cải, vì thương xót chúng sinh nên cầu nhập Niết-bàn. Sau khi nhập Niết-bàn, chánh pháp trụ thế một ngàn năm, tượng pháp trụ thế năm trăm năm. Sau khi con Niết-bàn, nếu chúng sinh nào dùng vật quý báu, âm nhạc cúng dường xá-lợi, cho đến lễ bái, đi nhiễu bên phải một vòng, chắp tay khen ngợi, dâng một cành hoa..., do nhân duyên đó, tùy theo nguyện họ đều không còn thoái chuyển đối với pháp ba thừa.

Bạch Đức Thế Tôn, sau khi con nhập Niết-bàn, chúng sinh nào có thể giữ gìn kiên cố một giới như trong pháp con đã dạy, cho đến đọc tụng một bài kệ bốn câu, giảng nói cho người khác, làm cho họ nghe, sinh tâm hoan hỷ, cúng dường Pháp sư, dù cho chỉ dâng một cành hoa, lạy một lạy..., do nhân duyên đó, tùy theo chí nguyện của mình, trong ba thừa sẽ không còn

thoái chuyển. Cho đến khi đuốc pháp tắt, cờ pháp ngã, chánh pháp diệt hết, xá-lợi của con vẫn ẩn trong đất, đến nền Kim cang. Bấy giờ, thế giới Ta-bà không có châu báu, xá-lợi của con biến làm Ý tướng lưu ly bảo châu, ánh sáng chiếu khắp từ nền Kim cang đến khắp cả thế gian, trên đến trời A-ca-nị-tra, mưa vô số hoa: hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Ba-lợi-chất-đa, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa. Có ánh sáng thanh tịnh tỏa lớn như bánh xe, các loại hoa ấy với trăm cánh, ngàn cánh, hoặc trăm ngàn cánh; ánh sáng nơi hoa chiếu khắp và có hương thơm vi diệu thường lan tỏa mọi chốn, người xem không thấy nhàm chán. Ánh sáng đó tỏa chiếu nơi nơi không thể tính kể, hương thơm vi diệu vô lượng, vô biên, mưa thuần vô lượng các hoa như vậy. Ngay khi mưa, lại phát ra vô số tiếng vi diệu: tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tỳ-kheo Tăng, tiếng Tam quy y, tiếng Ưu-bà-tắc giới, tiếng thành tựu tám giới, tiếng xuất gia mười giới, tiếng bố thí, tiếng trì giới, tiếng phạm hạnh thanh tịnh, gồm đủ đại giới, tiếng giúp đỡ các việc cho Tăng chúng, tiếng đọc kinh, tiếng thiền định tư duy, tiếng quán bất tịnh, tiếng theo dõi hơi thở ra vào, tiếng Phi tưởng phi phi tưởng, tiếng Hữu tưởng, tiếng Vô tưởng, tiếng Thức xứ, tiếng Không xứ, tiếng Bát thắng xứ, tiếng Thập nhất thiết nhập, tiếng Định tuệ, tiếng Không, tiếng Vô tướng, tiếng Vô tác, tiếng mười hai nhân duyên, tiếng Cụ túc Thanh văn tạng, tiếng học Duyên giác, tiếng Cụ túc Đại thừa sáu Ba-la-mật..., trong hoa đó phát ra các tiếng như vậy, chư Thiên nơi cõi Sắc đều nghe hết, từ xưa đã trồng các căn lành thì tự nhớ nghĩ; có những điều không lành, liền tự hối trách nên trở lại thế giới Ta-bà giáo hóa vô lượng chúng sinh trong thế gian, khiến cho đều được sống theo mười điều thiện. Chư Thiên nơi Dục giới cũng được lãnh thọ, không còn ái kết, tham ưa năm dục đã có, các tâm sở pháp đều được vắng lặng. Nếu xưa kia đã trồng các căn lành liền tự nhớ nghĩ, có điều chẳng lành, liền tự hối trách, nên hạ xuống thế giới Ta-bà giáo hóa vô lượng chúng sinh, làm cho tất cả được sống trong mười điều thiện.

Bạch Đức Thế Tôn, các hoa này ở trong hư không sẽ hóa làm vô số châu báu, kim, ngân, lưu ly, châu ngọc ma-ni, ngọc kha bối, ngọc bích, vật báu, giống như vật báu, san hô, mã não, mão trời, vật trang sức quý báu... rơi xuống như mưa đầy khắp tất cả thế giới Ta-bà. Bấy giờ, tâm mọi người hòa thuận vui vẻ, không có các việc tranh giành, đói khát, bệnh tật, các độc hại của oán tặc, ác khẩu ở phương khác đến bị tiêu diệt tất cả, nên được sống yên tịnh. Thế giới bấy giờ có những sự an vui như vậy. Chúng sinh nào thấy các châu báu, hoặc xúc chạm, hoặc sử dụng, thì đối với pháp của ba thừa không bị thoái chuyển, các châu báu này tạo các lợi ích như thế xong lại ẩn vào đất, trở về chỗ cũ, ở nền Kim cang.

Bạch Đức Thế Tôn, ở thế giới Ta-bà, khi kiếp binh đao khởi lên, xá-lợi của con sẽ hóa làm ngọc lưu ly xanh biếc từ đất hiện ra, lên đến trời A-ca-nị-tra, mưa vô số hoa: hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Ba-lợi-chất-đa, cho đến trở lại ẩn nơi đất, tận nơi nền Kim cang cũng giống như trên.

Bạch Đức Thế Tôn, như kiếp binh đao, kiếp đói khát, dịch bệnh nổi lên cũng lại như trên.

Bạch Đức Thế Tôn, giữa đại Hiền kiếp, sau khi con Bát-niết-bàn, các xá-lợi này làm Phật sự như vậy, điều phục vô lượng, vô biên chúng sinh được Bất thoái chuyển nơi ba thừa. Như thế, sẽ ở trong vô số đại kiếp nhiều như vi trần trong thế giới của năm Đức Phật, điều phục vô lượng, vô biên chúng sinh, làm cho họ không thoái chuyển nơi ba thừa.

Bạch Đức Thế Tôn, sau khi mãn một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, những vị ở nơi vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ thế giới khác trong mười phương ra đời thành Phật, đều là nhờ khi con thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giáo hóa những vị ấy mới phát tâm thành Chánh giác, khiến chư vị được an trú vào sáu Ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn, khi thành Chánh giác xong, con sẽ giáo hóa chúng sinh làm cho họ phát tâm thành Chánh giác, an trụ nơi sáu Ba-la-mật. Và sau khi con Niết-bàn, xá-lợi biến hóa để giáo hóa chúng sinh, giúp họ phát tâm thành Chánh giác. Các chúng sinh này trải qua một ngàn hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp ở trong vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ thế giới khắp mười phương ra đời thành Phật, đều sẽ xưng danh hiệu con và khen ngợi con rằng: "Vào thuở quá khứ lâu xa có kiếp tên là Hiền, khi vào đầu kiếp, Đức Thế Tôn thứ tư tên là....., Đức Thế Tôn đó khuyến hóa chúng con đầu tiên phát tâm thành Chánh giác. Chúng con khi ấy tâm lành bị thiêu đốt, quen theo căn tánh chẳng lành, tạo tội ngũ nghịch cho đến tà kiến. Bấy giờ Đức Phật kia khuyến hóa chúng con, khiến được an trụ nơi sáu Ba-la-mật. Nhờ vậy liền được hiểu rõ tất cả môn Đà-la-ni, chuyển bánh xe chánh pháp, lìa sự trói buộc của sinh tử, làm cho vô lượng, vô biên trăm ngàn chúng sinh an trụ nơi thắng quả. Lại tạo cho vô lượng trăm ngàn chúng sinh được làm chư Thiên, cho đến chứng quả giải thoát." Nếu có chúng sinh cầu đạo Bồ-đề, nghe khen ngợi con xong đều hỏi Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Đức Phật Thế Tôn kia thấy có những ích lợi gì mà thành Chánh giác ở đời năm trược xấu ác?

Chư Thế Tôn ấy lập tức hướng đến thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-đề này, nói:

– Phật Thế Tôn kia ngày xưa đã thành tựu đại bi mới phát tâm thành Chánh giác, với nhân duyên phát khởi bản nguyện ấy là làm cho thế giới trang nghiêm và vi diệu tốt đẹp.

Người này nghe xong rất kinh ngạc, khen chưa từng có, liền phát nguyện tốt, sinh tâm đại bi đối với các chúng sinh, phát lời nguyện giống như con.

Có thế giới nặng về năm trược, chúng sinh trong đó tạo tội ngũ nghịch cho đến sống với các căn bất thiện, con sẽ ở trong đó điều phục họ. Chư Thế Tôn kia do các người này mà thành tựu đại bi, phát các nguyện lành nơi đời năm trược, thọ ký tùy theo sự nguyện cầu của họ.

Bạch Đức Thế Tôn, lại vì các người tu học Đại thừa, Phật Thế Tôn kia nói về nhân duyên mà xá-lợi con đã biến hóa: "Quá khứ lâu xa có Phật, Thế Tôn hiệu là....., sau khi Bát-niết-bàn, kiếp đao binh, tật bệnh, đói khát khởi lên, bấy giờ chúng con ở trong kiếp đó bị các khổ não, xá-lợi của Phật ấy vì chúng con nên hiện ra vô số thần túc Sư tử du hý khiến chúng con được phát tâm thành Chánh giác, trồng các căn lành, siêng năng tu tập sáu Ba-la-mật như đã rộng nói ở trên."

Phật bảo Bồ-tát Tịch Ý:

– Thiện nam tử, bấy giờ ở chỗ Phật Bảo Tạng, trước chư Thiên, đại chúng Nhân, Phi nhân, Phạm-chí Bảo Hải liền thành tựu được tâm đại bi rộng lớn, phát năm trăm thệ nguyện xong, lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, nếu nguyện của con không thành tựu và bản thân con không được lợi ích, con không ở vào giai đoạn cuối cùng của Hiền kiếp trong đời vị lai với năm ác trược nặng nề, trong đó chúng sinh tranh giành lẫn nhau, si mê không có mắt, không thầy dẫn đường, không được dạy bảo, đọa vào tà kiến tối tăm, si ám, tạo năm tội nghịch ác... mà thành tựu sở nguyện và làm các Phật sự trong những điều kiện như đã nói ở trên, thì con nay bỏ tâm Bồ-đề và cũng không trồng các căn lành ở cõi Phật nơi phương khác.

Bạch Đức Thế Tôn, nay con chuyên tâm như vậy, không đem thiện căn này để thành Chánh giác, cũng không nguyện cầu Bích-chi-phật thừa, cũng không nguyện làm Thanh văn thừa, Thiên vương, Nhân vương, tham ưa năm dục sinh trong chư Thiên, không cầu Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Dạ-xoa, La-sát, chư Long vương... Do thiện căn này, con không cầu các nơi như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu được giàu có lớn là do nhân bố thí. Nếu được sinh lên trời là do nhân giữ giới. Được trí tuệ rộng lớn là do nhân học rộng. Đoạn tuyệt phiền não là do nhân tư duy. Như Phật dạy, các việc như vậy đều là công đức lợi mình lợi người, có thể tùy theo sự nguyện cầu mà đều được hết.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu căn lành con thành tựu, bản thân con được lợi ích; các việc bố thí, trì giới, học rộng, nghe nhiều của con đều sẽ thành tựu, đem quả báo này đến cho tất cả chúng sinh trong địa ngục. Nếu có chúng sinh nào bị đọa địa ngục A-tỳ, với căn lành này con sẽ cứu độ khiến họ được sinh trong loài người, nghe Phật thuyết pháp liền được thông tỏ, thành A-la-hán, mau vào Niết-bàn. Các chúng sinh này nếu chưa hết nghiệp báo, con sẽ xả mạng sống, vào ngục A-tỳ chịu khổ não thay cho họ. Nguyện cho thân con nhiều như vi trần trong một thế giới Phật, mỗi một thân như núi Tu-di... Mỗi thân này đều biết khổ lạc, như khổ lạc của từng cảm giác ở thân con ngày hôm nay. Con thọ thân nhiều như số vi trần trong một thế giới Phật và chịu các loại quả báo thô ác khổ não như số vi trần trong một thế giới Phật hiện nay. Chúng sinh trong thế giới của mười phương chư Phật đã tạo ác ngũ nghịch, gây nghiệp bất thiện, cho đến bị đọa nơi địa ngục A-tỳ, hoặc về sau trải qua đại kiếp như số vi trần trong một thế giới Phật, chúng sinh trong vô số thế giới như vi trần của thế giới chư Phật ở mười phương, tạo ác ngũ nghịch, gây nghiệp bất thiện sẽ đọa địa ngục A-tỳ, con sẽ vì tất cả chúng sinh ở trong địa ngục A-tỳ ấy mà chịu thay các khổ, làm cho chúng không còn bị đọa trong địa ngục, được gặp chư Phật lãnh thọ diệu pháp, ra khỏi sinh tử, vào thành Niết-bàn. Nay con quyết sẽ thay thế cho các chúng sinh này, ở mãi trong địa ngục A-tỳ.

Lại nữa, trong vô số thế giới nhiều như vi trần trong một cõi Phật khắp mười phương, có các chúng sinh đã tạo nghiệp xấu sẽ chắc chắn chịu quả báo đọa địa ngục thiêu đốt như: địa ngục A-tỳ, địa ngục Hỏa chích, địa ngục Ma-ha lư-man, địa ngục Bức bách, địa ngục Dây đu, địa ngục Tưởng và vô số súc sinh, ngạ quỉ, bần cùng, Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-gia, A-tu-la, Ca-lâu-la..., con cũng đều chịu thay cho chúng những đau khổ như trên.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu số chúng sinh trong các thế giới nhiều như vi trần trong một cõi Phật ở khắp mười phương đã tạo ra các nghiệp ác mà chắc chắn sẽ được thọ sinh vào loài người, bị đui, điếc, câm, ngọng, không có tay chân, loạn tâm, thất niệm, ăn uống bất tịnh..., thì con cũng sẽ thay

thế cho chúng sinh này chịu các tội như đã nói ở trên.

Lại nữa, nếu có chúng sinh phải đọa địa ngục A-tỳ chịu các khổ não, con sẽ mãi mãi thay thế cho các chúng sinh ấy chịu các khổ não. Như đối với chúng sinh thọ ấm, giới, nhập ở trong sinh tử với thân súc sinh, ngạ quỉ, bần cùng, Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-gia, A-tu-la, Ca-lâu-la... thì con cũng đều chịu các khổ não như trên.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu nguyện của con thành tựu, bản thân con được lợi ích, con được thành Chánh giác như đã nguyện ở trên, thì chư Phật hiện tại trong vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ thế giới khắp mười phương đang thuyết pháp cho chúng sinh đều sẽ làm chứng cho con, do cũng được chư Phật thấy biết.

Bạch Đức Thế Tôn, nay cúi xin Ngài thọ ký cho con thành Chánh giác, ở trong Hiền kiếp, khi loài người thọ một trăm hai mươi tuổi, con ra đời gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu con có thể chắc chắn thành tựu Phật sự như con đã nguyện, thì đại chúng này và chư Thiên, A-tu-la... hoặc ở trong hư không hay trên mặt đất, chỉ trừ Như Lai, tất cả đều cảm động rơi nước mắt, đều ở trước con làm lễ, khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Ngài đã thành tựu đại bi không ai sánh kịp, được chánh niệm thâm diệu, vì các chúng sinh mà phát lòng thương xót sâu xa, thệ nguyện bền chắc, hành động của ngài không do người khác chỉ dạy, do chuyên tâm đại bi che chở tất cả, ngài giáo dục những người bất thiện, ngũ nghịch. Chúng tôi biết rõ hết nguyện tốt đẹp của ngài. Khi ngài mới phát tâm thành Chánh giác, đã vì chúng sinh làm Đại lương dược, làm nơi quy y, nơi ủng hộ, làm nhà cửa... để cho tất cả chúng sinh được giải thoát, cho nên phát thệ nguyện này. Nay nguyện của ngài đã tạo nên lợi ích, Như Lai sẽ thọ ký cho ngài thành Chánh giác.

Khi nghe nói như vậy xong, Chuyển luân thánh vương với vô lượng thanh tịnh, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cảm động rơi lệ, chắp tay hướng về Phạm-chí, đầu mặt kính lạy và nói kệ:

Nay nguyện của ngài
Bền vững sâu xa
Hy sinh vui riêng
Vì các chúng sinh
Phát tâm đại bi

Vì dạy chúng con
Các pháp chân thật
Pháp tướng thù thắng.

Bấy giờ, Bồ-tát Quán Thế Âm nói kệ khen ngợi:

Chúng sinh nhiều tham đắm
Nay ngài không vướng mắc
Đối các căn cao, thấp
Được tự tại từ lâu
Nên tùy theo chúng sinh
Khởi thệ nguyện đầy đủ
Đời vị lai sẽ được
Trí tạng Đà-la-ni.

Bồ-tát Đắc Đại Thế nói kệ khen:

Vô lượng ức chúng sinh
Vì thiện nên nhóm họp
Biết ngài đại từ bi
Tất cả đều rơi lệ
Tu tập các hạnh khổ
Xưa nay chưa từng có.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói kệ khen:

Tinh tấn thiền định
Hết sức bền vững
Trí tuệ thắng diệu
Phân biệt hoàn toàn
Ai đem hoa hương
Cúng dường đến ngài
Hôm nay được ngài
Hoan hỷ nhận lấy.

Bồ-tát Hư Không Ấn dùng kệ khen:

Ngài vì chúng sinh
Thành tựu đại bi
Nơi đời ác, đục
Bố thí tài sản
Nghiêm trì các tướng
Vi diệu đệ nhất
Vì các chư Thiên
Làm Thầy Điều ngự.

Bồ-tát Kim Cang Trí Tuệ Quang Minh nói kệ khen:

Tâm đại bi của ngài
Rộng lớn như hư không
Vì muốn giúp chúng sinh
Nên thực hành Bồ-đề.

Bồ-tát Hư Không Nhật nói kệ khen:

Ngài đã thành tựu
Công đức đại bi
Trí tuệ thắng diệu
Hiểu rõ pháp tướng
Trừ Phật, Thế Tôn
Không ai sánh bằng.

Bồ-tát Sư Tử Hương nói kệ khen ngợi:

Ngài đời vị lai
Ở trong Hiền kiếp
Nơi nhiều phiền não
Được tiếng khen lớn
Lại khiến vô lượng
Các loài chúng sinh
Dứt trừ khổ não
Giải thoát hoàn toàn.

Bồ-tát Phổ Hiền nói kệ khen:

Tất cả chúng sinh
Tâm siêng tu tập
Sinh tử đói khát
Vào núi tà kiến
Ăn nuốt lẫn nhau
Không có tâm thiện
Ngài vì đại bi
Cứu độ tất cả.

Bồ-tát A-Súc nói kệ khen:

Thiêu đốt tâm lành
Chuyên làm ác nghịch
Vô minh che mãi
Trong chốn tối tăm
Không sao ra được
Bùn lầy phiền não

Ngài đã hộ trì
Chúng sinh như vậy.

Bồ-tát Hương Thủ nói kệ khen:

Nay ngài thấy rõ
Nơi đời vị lai
Xem các sợ hãi
Như cảnh trong gương
Chúng sinh trong đó
Hủy hoại chánh pháp
Bị thiêu đốt hết
Tất cả tâm thiện.

Bồ-tát Bảo Tướng nói kệ khen:

Nay ngài chỉ dùng
Trí tuệ trì giới
Thiền định, từ bi
Trang nghiêm tâm mình
Nên thường cứu độ
Tất cả chúng sinh
Kẻ đốt pháp lành
Phỉ báng Thánh nhân.

Bồ-tát Ly Khủng Bố Trang Nghiêm nói kệ khen:

Nay ngài đã tu
Vô lượng hạnh khổ
Đều vì cứu hộ
Chúng sinh đời sau
Kẻ đốt tâm thiện
Sống theo tà kiến.

Bồ-tát Hoa Thủ nói kệ khen:

Ngài với đại bi
Trí tuệ tinh tấn
Giữa đại chúng này
Không ai sánh kịp
Cho nên cứu hộ
Các kẻ tà kiến
Bị bức ép do
Sinh, lão, bệnh, tử.

Bồ-tát Trí Xưng nói kệ khen:

Vô lượng chúng sinh
Nhiều loại bệnh khổ
Thường bị phiền não
Gió độc thổi đến
Nay ngài thường đem
Nước đại trí tuệ
Tiêu diệt các ma
Phá thế lực chúng.

Bồ-tát Địa Ấn lại nói kệ khen:

Nay Ngài đã được
Tinh tấn bền vững
Diệt sạch phiền não
Và được giải thoát
Chúng con chí thấp
Không thể bằng ngài.

Bồ-tát Nguyệt Hoa nói kệ khen:

Tu tập bền vững
Dụng ý tinh tấn
Nương tựa công đức
Sinh lòng thương xót
Cho nên đời sau
Thường vì chúng sinh
Đoạn tuyệt ba nghiệp
Trói buộc ba cõi.

Bồ-tát Ly Cấu Nguyệt lại nói kệ khen:

Đạo Bồ-tát tu tập
Đại bi là trên hết
Lời nói không chấp tướng
Cho nên con kính lễ.

Bồ-tát Trì Lực lại nói kệ khen:

Đời ác năm trược
Nhiều bệnh phiền não
Ngài muốn giác ngộ
Phát nguyện bền vững
Vì các chúng sinh
Chặt gốc phiền não.

Bồ-tát Hỏa Man nói kệ khen:

Trí tuệ của ngài
Cũng như kho báu
Thệ nguyện phát ra
Thanh tịnh vô cấu
Tu hành đạt được
Vô thượng Bồ-đề
Chỉ vì chúng sinh
Làm vua thầy thuốc.

Bấy giờ, Bồ-tát Hiện Lực cảm động rơi lệ, ở trước Phạm-chí làm lễ sát đất, chắp tay nói kệ khen:

Ngài dùng đuốc sáng
Đại trí tuệ này
Vì các chúng sinh
Trị bệnh phiền não
Cũng vì chúng sinh
Bần cùng thiếu thốn
Diệt trừ tất cả
Vô lượng khổ não.

Thiện nam tử, bấy giờ ở trước Phạm-chí, tất cả đại chúng Thiên, Long, Quỉ, Thần, Càn-thát-bà, Nhân và Phi nhân đem đầu mặt làm lễ xong, đứng dậy chắp tay cung kính, nói vô số pháp khen ngợi.

Phật bảo Bồ-tát Tịch Ý:

– Thiện nam tử, khi ở trước Như Lai, Phạm-chí Bảo Hải quỳ gối bên phải sát đất thì đại địa chấn động sáu cách. Tất cả thế giới trong mười phương nhiều như vi trần trong một cõi Phật cũng chấn động sáu cách. Có vầng ánh sáng lớn tỏa chiếu khắp thế gian, mưa vô số hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Ba-lợi-chất-đa, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa cùng vô lượng ánh sáng chiếu khắp mười phương, như trong một cõi Phật. Chư Phật hiện tại khắp nơi nhiều như số vi trần trong các thế giới tịnh hoặc bất tịnh giảng thuyết chánh pháp cho tất cả chúng sinh. Chư Phật này đều có Bồ-tát ngồi nghe pháp. Thấy đại địa chấn động sáu cách, ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ, mưa vô số hoa, các Bồ-tát này bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vì sao đại địa nơi đây chấn động sáu cách, có ánh sáng rực rỡ và mưa vô số hoa?

Bấy giờ, ở phương Đông cách đây nhiều thế giới như số cát một sông Hằng, có thế giới Phật tên là Tuyển trạch trân bảo, Đức Phật ở cõi này tên là Bảo Nguyệt gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh

Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, hiện đang cùng vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ các Đại Bồ-tát cung kính vây quanh, thuyết pháp Đại thừa. Có hai Bồ-tát: Vị thứ nhất tên Bảo Tướng, vị thứ hai tên Nguyệt Tướng, hướng về Phật Bảo Nguyệt, chắp tay cung kính bạch:

– Kính bạch Đức Thế Tôn, vì sao đại địa chấn động sáu cách, có hào quang sáng rực và mưa vô số hoa?

Đức Phật Bảo Nguyệt bảo hai Bồ-tát:

– Thiện nam tử, ở phương Tây, cách đây nhiều thế giới như số cát một sông Hằng, có thế giới tên là San-đề-lam, có Phật Thế Tôn hiệu là Bảo Tạng gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, hiện đang thọ ký cho vô lượng, vô biên chư Bồ-tát thành Chánh giác, nói về các quốc độ, chỉ dạy những cảnh giới Tam-muội thiện nguyện trang nghiêm trong thế giới của chư Phật và các kinh nói về Đà-la-ni. Trong đại hội kia có một Đại Bồ-tát tên Đại Bi, phát nguyện: "Nay con sẽ dùng tâm xông ướp đại bi nhận thọ ký thành Chánh giác, vì các Đại Bồ-tát nên thị hiện thiện nguyện. Do đó, trước hết nên làm cho vô lượng, vô biên các Bồ-tát phát thệ nguyện lớn, nhận vô số thế giới trang nghiêm để điều phục chúng sinh". Sự thành tựu đại bi của vị Đại Bồ-tát này, đại chúng không ai sánh kịp, ở nơi đời năm trược điều phục kẻ tệ ác, nhiều phiền não, cứu giúp tất cả những kẻ ngũ nghịch, cho đến kẻ tu tập các căn chẳng lành, thiêu đốt tâm thiện. Các đại chúng Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Nhân và Phi nhân kia không cúng dường Phật mà lại cùng nhau đến và cúng dường thân tối hậu của Bồ-tát Đại Bi, đem đầu mặt đảnh lễ, đứng dậy cung kính chắp tay nói kệ khen ngợi...

Bấy giờ, ở trước Phật, Bồ-tát Đại Bi quỳ gối bên phải sát đất xin Phật thọ ký. Phật, Thế Tôn kia liền mỉm cười, khiến cho đại địa ở các thế giới nhiều như vi trần ở một cõi Phật trong khắp mười phương chấn động sáu cách, phóng hào quang lớn, mưa vô số hoa, thức tỉnh tất cả các Bồ-tát. Lại cũng chỉ dạy các đạo Bồ-tát. Phật, Thế Tôn kia khiến cho các Bồ-tát nhiều như vi trần ở mười phương đều tập họp đến và thuyết giảng pháp môn Vô úy, Tam-muội Đà-la-ni cho các Đại Bồ-tát này. Thế nên Đức Phật kia thị hiện vô số biến hóa như vậy.

Thiện nam tử, hai Bồ-tát nghe việc này xong liền bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Bồ-tát Đại Bi này từ khi phát tâm đến nay trải qua thời gian bao lâu? Thời gian hành đạo Bồ-tát là bao lâu? Khi nào sẽ

ở đời năm trược xấu ác hàng phục, cứu giúp những chúng sinh phiền não sâu dày, luôn tranh giành với nhau, gây nhiều ngũ nghịch, thành tựu cho tất cả những kẻ không có thiện căn, thiêu đốt tâm thiện?

Đức Phật kia bảo hai Bồ-tát:

– Thiện nam tử, Bồ-tát Đại Bi ngày nay mới phát tâm thành Chánh giác. Thiện nam tử, ông có thể đến chiêm ngưỡng Phật Bảo Tạng, cung kính cúng dường, lễ bái, hầu hạ, nghe các kinh nói về pháp môn Vô úy, Tam-muội Đà-la-ni, gặp Đại Bồ-tát Đại Bi và thay Ta thưa: "Bảo Nguyệt Như Lai thành tâm thưa hỏi, dùng hoa Nguyệt quang tịnh này để ngài làm tin". Lại khen Bồ-tát Đại Bi: "Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông mới phát tâm mà đã có thể thành tựu đại bi như vậy. Nay đã có vô lượng tiếng khen về ông đầy khắp vô số thế giới chư Phật trong mười phương như vi trần trong một cõi Phật, với lời nói: "Bồ-tát Đại Bi kia mới phát tâm mà đã có thể thành tựu đại bi như vậy". Cho nên này Thiện nam tử, Ta khen ngợi ông: "Lành thay! Lành thay!".

Lại nữa, Thiện nam tử, ông vì các Bồ-tát đời vị lai thành tựu đại bi nên nói đại bi, không đoạn tuyệt thiện nguyện, dựng ngọn cờ pháp cho nên được khen: "Lành thay! Lành thay!".

Lại nữa Thiện nam tử, tiếng khen về ông sẽ vang đến tận đời vị lai, kéo dài đến vô số a-tăng-kỳ kiếp, nhiều như vi trần trong một cõi Phật và dạy cho trăm ngàn ức vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng sinh an trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đến địa vị Phật không thoái chuyển, hoặc phát thiện nguyện, hoặc nhận Tịnh độ, cứu giúp chúng sinh, tùy theo họ để giáo hóa, lại làm cho họ ở đời vị lai được thọ ký thành Chánh giác. Chúng sinh như vậy đến đời vị lai, trải qua số kiếp như vi trần trong một cõi Phật, sẽ ở nơi số kiếp như vi trần một cõi Phật khắp mười phương, sẽ ở vô số thế giới chư Phật như vi trần một cõi Phật khắp mười phương được thành Chánh giác, chuyển bánh xe chánh pháp, lại sẽ khen ngợi Bồ-tát Đại Bi, cho nên dùng các pháp khen ngợi này để khen ngợi ông: "Lành thay! Lành thay!"."

Thiện nam tử, bấy giờ cõi kia có chín mươi hai ức các Đại Bồ-tát đồng thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn đi đến cõi San-đề-lam chiêm ngưỡng Phật Bảo Tạng, lễ bái, cúng dường, cung kính, hầu hạ, nghe các kinh nói về Tam-muội Đà-la-ni, pháp môn Vô úy và muốn chiêm ngưỡng Bồ-tát Đại Bi.

Đức Phật kia bèn đem các pháp tán thán cùng hoa Nguyệt quang

tịnh đưa cho hai Bồ-tát và bảo phải biết đúng thời.

Khi ấy, Bồ-tát Bảo Tướng, Bồ-tát Nguyệt Tướng nhận hoa Nguyệt quang tịnh của Đức Phật kia rồi cùng với chín mươi hai ức Đại Bồ-tát, nhanh như ánh điện chớp, ẩn mất ở thế giới kia và xuất hiện nơi cõi San-đề-lam, đến gặp Phật Bảo Tạng trong vườn Diêm-phù, lạy nơi chân Phật, đem vô số Sư tử du hý mà các Bồ-tát đã được để cúng dường Phật. Bấy giờ, hai Bồ-tát kia thấy Phạm-chí Bảo Hải cung kính chắp tay khen ngợi đại chúng; thấy xong, liền suy nghĩ: "Nay đại sĩ này phải chăng là Bồ-tát Đại Bi nên mới được Như Lai Bảo Nguyệt trao tặng hoa báu này?". Hai Bồ-tát ở trước Phật liền quay về phía Phạm-chí, lấy hoa dâng lên và thưa:

– Như Lai Bảo Nguyệt trao hoa đẹp này cho Ngài làm tin và ba pháp tán thán... *như đã nói ở trên.*

Như vậy, vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ thế giới chư Phật ở phương Đông cũng sai vô lượng Đại Bồ-tát đến cõi San-đề-lam, đều dùng hoa Nguyệt quang tịnh và các pháp tán thán, *ngoài ra như đã nói ở trên.*

Thiện nam tử, khi ấy ở phương Nam, cách đây bảy vạn, bảy ngàn, trăm ngàn ức thế giới Phật, có thế giới Phật tên là Bảo lâu sư tử hống, có Phật hiệu Sư Tử Tướng Tôn Vương gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, đang thuyết pháp Đại thừa cho các Bồ-tát, có hai Đại Bồ-tát: Vị thứ nhất tên Kim Cang Trí Tướng, vị thứ hai tên Sư Tử Kim Cang Tướng. Hai Bồ-tát này bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vì sao đại địa chấn động sáu cách? Có ánh sáng lớn và mưa vô số hoa…, giống như các Bồ-tát ở phương Đông.

Lại nữa, vô lượng, vô biên chư Phật ở phương Nam đều sai vô lượng Bồ-tát đến cõi San-đề-lam cũng như vậy.

Bấy giờ, ở phương Tây, cách đây tám vạn chín ngàn, trăm ngàn ức thế giới, có thế giới tên An lạc, Đức Phật ở đây hiệu là Nhiếp Chư Căn Tịnh Mục Như Lai hiện đang thuyết pháp Tam thừa cho bốn bộ chúng. Có hai Bồ-tát: Vị thứ nhất tên Hiền Nhật Quang Minh, vị thứ hai tên Sư Tử Hống Thân. Hai Bồ-tát này bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì khiến đại địa chấn động sáu cách, có ánh sáng lớn tỏa chiếu và mưa vô số hoa? Ngoài ra như đã nói ở trên. Vô lượng thế giới ở phương Tây cũng như vậy.

Bấy giờ, ở phương Bắc, cách đây chín vạn trăm ngàn ức thế giới, có thế giới tên Thắng chân bảo, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Thế Gian Tôn Vương

Như Lai hiện đang thuyết pháp Đại thừa cho các Bồ-tát. Có hai Bồ-tát: Vị thứ nhất tên Bất Động Trụ, vị thứ hai tên Đắc Trí Tuệ Thế Gian Tôn Vương. Hai Bồ-tát này bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vì sao đại địa chấn động sáu cách? Ngoài ra như đã nói ở trên. Vô lượng thế giới ở phương Bắc cũng như vậy.

Khi ấy, ở phương Dưới, cách chín vạn tám ngàn, trăm ngàn ức na-do-tha thế giới, có thế giới tên Ly ám vụ, Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Ly Khủng Bố Vi Nhiễu Âm hiện đang thuyết pháp Tam thừa cho bốn chúng. Có hai Bồ-tát: Vị thứ nhất tên Nhật Tôn, vị thứ hai tên Hư Không Nhật. Hai Bồ-tát này bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vì sao đại địa đã chấn động sáu cách? *Ngoài ra như đã nói ở trên*. Thế giới phương Dưới cũng lại như vậy.

□

KINH BI HOA

QUYỂN 8

Phẩm 4: NGUỒN GỐC CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC THỌ KÝ (PHẦN 6)

Khi ấy, ở phương Trên, cách đây hai mươi vạn trăm ngàn thế giới, có một thế giới tên Diệu hoa, ở đó có Đức Phật hiệu Hoa Phu Nhật Vương Như Lai hiện đang thuyết pháp ba thừa cho bốn chúng. Có hai Bồ-tát: Vị thứ nhất tên Tuyển Trạch Tự Pháp Nhiếp Thủ Quốc Độ, vị thứ hai tên Đà-la-ni Diệu Âm. Hai Bồ-tát này đồng bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vì sao mặt đất nơi đây chấn động sáu cách, lại có ánh sáng lớn và mưa vô số hoa?

Đức Phật ấy bảo hai Bồ-tát:

– Này các Thiện nam, phương Dưới cách đây hai mươi vạn trăm ngàn thế giới, ở thế giới tên San-đề-lam, có Phật, Thế Tôn hiệu là Bảo Tạng Như Lai, mười hiệu đầy đủ..., Phật, Thế Tôn ấy đang thọ ký cho vô lượng, vô biên các Bồ-tát thành Chánh giác, thuyết giảng về các quốc độ, chỉ dạy về thế giới trang nghiêm của chư Phật, cảnh giới Tam-muội thiện nguyện, các kinh Đà-la-ni môn. Trong chúng hội đó có một Đại Bồ-tát hiệu là Đại Bi, phát nguyện: "Ta sẽ dùng đại bi xông ướp tâm để được thọ ký thành Chánh giác, vì các Đại Bồ-tát thị hiện nguyện lành. Do đó, trước hết làm cho vô lượng, vô biên các Bồ-tát phát thệ nguyện lớn, nhận vô số thế giới trang nghiêm để điều phục chúng sinh".

Đối với sự thành tựu đại bi của Bồ-tát này cả đại chúng không thể theo kịp. Ở nơi đời năm trược, Bồ-tát ấy điều phục các phiền não tệ ác, cứu độ tất cả những kẻ ngũ nghịch, kể cả những kẻ căn tánh chẳng lành đã thiêu đốt tiêu diệt tâm thiện. Các đại chúng Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Nhân, Phi nhân… không cúng dường Phật, lại cùng nhau cúng dường vị Bồ-tát thành tựu đại bi. Sau đó, họ cúi đầu làm lễ, rồi đứng dậy chắp tay cung kính đọc kệ tán thán. Khi ấy, Bồ-tát Đại Bi ở ngay trước Phật, gối bên phải quỳ sát đất, nhận Phật thọ ký. Phật, Thế Tôn ấy mỉm cười. Vì nhân duyên đó nên khiến cho đại địa trong các thế giới nhiều như vi trần nơi một cõi Phật khắp

mười phương đều chấn động sáu cách, phóng ra ánh sáng lớn và mưa vô số hoa, thức tỉnh tất cả các Bồ-tát và cũng chỉ dạy các đạo Bồ-tát.

Phật, Thế Tôn ấy đã khiến cho vô số các Bồ-tát nhiều như vi trần nơi một cõi Phật khắp mười phương cùng đến nhóm họp, rồi vì các Đại Bồ-tát này mà thuyết các Tam-muội Đà-la-ni môn, pháp môn Vô úy. Thế nên, Đức Phật kia đã thị hiện vô số biến hóa như vậy.

Thiện nam tử, nghe sự việc này xong, hai Bồ-tát ấy liền bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, Bồ-tát Đại Bi này từ khi phát tâm tu đạo Bồ-tát đến nay đã trải qua thời gian bao lâu? Thời gian hành đạo Bồ-tát ra sao? Và khi nào thì sẽ ở nơi đời năm trược xấu ác cứu giúp, điều phục những chúng sinh ở đấy, với các phiền não sâu dày cùng tranh giành lẫn nhau, làm nhiều điều ngỗ nghịch, tạo ra các căn bất thiện, thiêu đốt và tiêu diệt tâm thiện của chính họ như thế?

Phật bảo hai Bồ-tát:

– Này các Thiện nam, lúc này Bồ-tát Đại Bi mới bắt đầu phát tâm thành Chánh giác. Thiện nam, các ông có thể đến để chiêm ngưỡng Phật Bảo Tạng, cung kính cúng dường, lễ bái, hầu hạ, nghe thuyết các kinh Tam-muội Đà-la-ni môn, pháp môn Vô úy và chiêm ngưỡng Đại Bồ-tát Đại Bi. Các ông thay Ta thưa: "Phật Hoa Phu Nhật Vương có lời vấn an ngài, dùng hoa Nguyệt quang tịnh này để làm tin". Lại khen: "Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử, ông mới phát tâm mà đã thành tựu được đại bi như vậy. Ông đã được vô lượng tiếng khen khắp các thế giới nhiều như số vi trần một cõi Phật trong mười phương, với lời khen ngợi: "Bồ-tát Đại Bi mới phát tâm đã có thể thành tựu đại bi như vậy." Thế nên, Thiện nam tử, nay Ta tán thán ông: "Lành thay! Lành thay!".

Lại nữa Thiện nam tử, ông vì các Bồ-tát đời vị lai thành tựu đại bi nên thuyết giảng về đại bi, dựng ngọn cờ pháp, không mất thiện nguyện, nên Ta lại tán thán: "Lành thay! Lành thay!".

Lại nữa Thiện nam tử, tận đời vị lai, tiếng khen về ông sẽ đến tận a-tăng-kỳ thế giới như vô số vi trần trong một cõi Phật, như là sự chỉ dạy cho vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng sinh, khiến thành tựu Chánh giác, đạt đến quả Phật không còn thoái chuyển; hoặc phát thiện nguyện, hoặc chọn Tịnh độ, điều phục chúng sinh, cứu độ, tùy nguyện; lại làm cho họ vào đời vị lai được thọ ký thành Chánh giác. Chúng sinh này trong đời vị lai, trải qua các kiếp số như số vi trần nơi một cõi Phật, sẽ ở trong vô số thế giới nhiều như vi trần nơi một cõi Phật trong mười phương thành Chánh giác, chuyển pháp luân, lại sẽ tán thán ông, nên Ta đem ba pháp tán thán này để

tán dương ông: "Lành thay! Lành thay!".

Thiện nam tử, khi ấy, ở cõi kia có vô lượng ức Bồ-tát đồng thanh thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, chúng con muốn đi đến cõi San-đề-lam để chiêm ngưỡng Phật Bảo Tạng, lễ bái, cúng dường, cung kính, hầu hạ, nghe các Tam-muội Đà-la-ni môn, pháp môn Vô úy cùng chiêm ngưỡng Bồ-tát Đại Bi.

Lúc ấy, Đức Phật kia đem ba pháp tán thán và hoa Nguyệt quang tịnh trao cho hai Bồ-tát và bảo nên biết đúng thời.

Hai Bồ-tát này liền nhận hoa báu rồi cùng với vô lượng ức chúng Bồ-tát tức thì biến mất nơi cõi đó và hiện đến trong vườn Diêm-phù, cõi San-đề-lam đảnh lễ, cung kính chiêm ngưỡng Phật Bảo Tạng.

Bấy giờ, thế giới của các Đại Bồ-tát, người tu tập Đại thừa và học Thanh văn, Duyên giác thừa, Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Ma-hầu-la-già..., các chúng như vậy số đông vô lượng, cùng khắp trong cả nước nhiều như lúa, mè, tre, lau, không thể tính kể, đem vô số các pháp Sư tử du hý của các Bồ-tát đã đạt được mà cúng dường Phật. Cúng dường xong, thấy Phạm-chí Bảo Hải cung kính chắp tay tán thán sự cúng dường của đại chúng này, nên họ suy nghĩ: "Hay vị Đại sĩ ấy chính là Bồ-tát Đại Bi nên mới được Hoa Phu Nhật Vương Như Lai trao tặng hoa báu này". Hai Bồ-tát ở trước Phật, hướng về phía Phạm-chí, dâng hoa và thưa:

– Hoa Phu Nhật Vương Như Lai trao hoa đẹp này để ngài làm tin và ba pháp tán thán... *như đã nói ở trên*.

Thiện nam tử, khi ấy mưa vô số các hoa, cũng rơi đến cả những thế giới không có Phật. Lại có vô số âm thanh vi diệu, hoàn hảo vang ra khắp nơi. Đó là: tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tỳ-kheo Tăng, tiếng tịch tĩnh, tiếng Vô sở hữu, tiếng các Ba-la-mật, tiếng năng lực Vô sở úy, tiếng sáu thần thông, tiếng không có sự tạo tác, tiếng không sinh diệt, tiếng tịch diệt, tiếng đại Từ, tiếng đại Bi, tiếng Vô sinh nhẫn, tiếng thọ ký, tiếng thuyết giảng Đại thừa... Cõi kia có Bồ-tát do bản nguyện nên có đại thần lực, tu tập pháp sâu xa và được tự tại, vì chúng sinh nên ở thế giới kia nghe tiếng này xong, nhờ Phật lực, nhờ nguyện lực và nhờ Tam-muội lực, ở thế giới ấy, bằng năng lực thần thông như đại lực sĩ co duỗi cánh tay, trong giây lát đến chỗ Phật Bảo Tạng, nơi vườn Diêm-phù, cõi San-đề-lam, đem đầu mặt lạy sát chân Phật, đem vô số pháp Sư tử du hý mà các Bồ-tát đã chứng được, cúng dường Phật và các đại chúng, rồi theo thứ tự mà an tọa, lãnh thọ diệu pháp.

Thiện nam tử, bấy giờ sau khi đem hoa Nguyệt quang tịnh cúng

dường Bảo Tạng Như Lai, Phạm-chí Bảo Hải bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, cúi xin Như Lai thọ ký cho con thành Chánh giác.

Thiện nam tử, khi ấy, Bảo Tạng Như Lai liền nhập Tam-muội Điện đăng. Năng lực của Tam-muội này khiến cho tất cả núi rừng, cây cỏ, đất đai nơi cõi San-đề-lam biến thành bảy báu, chính mắt đại chúng đều trông thấy, tất cả đều ở trước Phật lãnh thọ diệu pháp. Tùy theo sự suy nghĩ mà họ thấy thân mình màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, tía; hoặc thấy giống như gió, giống như lửa, giống như hư không, giống như ngọn lửa đang cháy rực; hoặc thấy giống như nước, giống như bọt nước, giống như núi lớn, giống như Phạm thiên, giống như Đế Thích, giống như hoa; hoặc thấy giống như Ca-lâu-la, rồng, sư tử; hoặc giống như mặt trời, mặt trăng, tinh tú; hoặc thấy giống như voi, giống như cáo đồng... cùng ngồi trước Phật lãnh thọ diệu pháp. Tùy theo sự suy nghĩ mà mọi người tự thấy thân hình của mình với những tướng trạng như vậy.

Thiện nam tử, tùy theo sự suy nghĩ, những chúng sinh này lại thấy thân mình giống như thân Phật Bảo Tạng. Các đại chúng đang ở trước Phật bỗng thấy Phạm-chí ngồi trên hoa sen bảy báu ngàn cánh. Tất cả đại chúng hoặc ngồi, hoặc đứng trên đất, trong hư không; tất cả các chúng sinh ấy, mỗi người tự thấy Bảo Tạng Như Lai ngồi ở trước mình, thuyết pháp cho riêng mình, nhưng chỉ có mỗi mình được thấy.

Thiện nam tử, khi ấy Bảo Tạng Như Lai khen Phạm-chí Bảo Hải:

– Lành thay! Lành thay! Tịnh hạnh đại bi! Ông phát khởi đại bi tạo lợi ích lớn cho vô lượng, vô biên chúng sinh, làm ánh sáng lớn trong thế gian. Phạm-chí giống như ruộng hoa đang nở rộ, có vô số màu sắc, vô số hương thơm, vô số sự mềm mại, vô số lá, cành, cội rễ, vô số công năng, có thể làm thành các loại thuốc cần dùng. Hoặc có hoa sen đầy trăm ngàn do-tuần, hương thơm, ánh sáng cũng giống như các hoa. Hoặc có hoa lớn với đường kính bằng một trăm do-tuần, hai trăm do-tuần, ba trăm do-tuần, hương thơm ánh sáng giống như các hoa. Có hoa lớn với đường kính bằng một cõi thiên hạ, hương thơm ánh sáng cũng giống nhau không khác.

Các loài chúng sinh nào mù lòa, nghe hương thơm của hoa này liền được thấy màu sắc, người điếc nghe được tiếng, cho đến những kẻ các căn thiếu khuyết cũng liền được đầy đủ.

Chúng sinh nào khi có bốn trăm lẻ bốn bệnh phát ra, nghe hương thơm của hoa này liền được lành hẳn bệnh.

Người nào bị mất niệm, tâm loạn, điên cuồng, phóng dật, cuồng si,

thùy miên, nghe hương thơm của hoa này đều được tỉnh trí, nhất tâm.

Trong ruộng hoa này cũng mọc hoa Phân-đà-lợi. Hoa này cứng chắc, giống như kim cương, cành bằng lưu ly, có trăm hạt, cánh hoa bằng vàng ròng, nhụy bằng mã não, râu hoa bằng xích trân châu. Hoa cao tám mươi bốn ức do-tuần, đường kính của hoa lớn đến mười vạn do-tuần. Hoa này có màu sắc, hương thơm tỏa khắp mười phương, đến vô số thế giới chư Phật nhiều như vi trần trong một cõi Phật. Chúng sinh ở đó, kẻ nào bốn đại không điều hòa, tật bệnh khốn đốn, các căn tổn giảm, mất niệm, tâm loạn, điên cuồng, buông lung, ham ngủ nghỉ, cuồng si, thấy ánh sáng và nghe hương thơm của hoa, tất cả các bệnh tật đều lành hẳn, được nhất tâm. Chúng sinh nào vừa mới qua đời, thân chưa hư hoại, được ánh sáng chiếu đến, xúc chạm, được hương thơm bay đến xông ướp, liền được sống lại như cũ, cùng với các thân quyến dạo chơi nơi khu vườn, cùng nhau vui hưởng năm dục. Nếu chắc chắn phải qua đời thì họ sẽ sinh lên cõi Phạm thiên, không sinh cõi khác, ở mãi cõi kia, sống lâu không lường.

Phạm-chí, ruộng hoa sen ấy tức là đại chúng của hội này. Giống như khi mặt trời mọc khiến các hoa nở rộ, mặt trời giác ngộ của Như Lai xuất hiện, nuôi dưỡng và phát triển ánh sáng với hương thơm vi diệu, diệt trừ các khổ cho tất cả chúng sinh.

Thiện nam tử, nay Ta như mặt trời xuất hiện ở thế gian, khiến cho các chúng sinh nở hoa thiện căn, có hương thơm vi diệu và ánh sáng chiếu khắp, có thể diệt trừ vô số bệnh tật cho chúng sinh.

Như Lai xuất hiện ở thế gian chính là đem ánh sáng đại bi che trùm khắp tất cả, làm cho các chúng sinh nở rộ căn lành, tăng thêm lợi ích, an trú vào ba loại phước.

Thiện nam tử, ông đã giáo hóa vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng sinh, làm cho họ an trụ nơi Chánh giác. Các chúng sinh này đi đến chỗ Ta, mỗi người tự phát vô số thiện nguyện, nhận thế giới Phật tịnh hoặc bất tịnh. Tùy theo sở nguyện của họ, nên Ta đã thọ ký.

Thiện nam tử, Bồ-tát nào ở trước Ta, nguyện nhận Tịnh độ, dùng tâm thanh tịnh hoàn toàn tự điều phục, cứu giúp chúng sinh, trồng các căn lành thì vị ấy được gọi là Bồ-tát nhưng không phải là đại trượng phu hùng lực mạnh mẽ, không phải là Bồ-tát có đại bi sâu dày, vì chúng sinh mà cầu thành Chánh giác.

Bồ-tát nào nguyện nhận cõi Phật thanh tịnh tức là Bồ-tát xa lìa đại bi. Lại nữa, người nào không nguyện đi vào Nhị thừa là Bồ-tát không có phương tiện và trí tuệ khéo léo, không có tâm bình đẳng.

Bồ-tát nào phát thệ nguyện làm cho thế giới của mình xa lìa Thanh văn, Bích-chi-phật thừa, diệt gốc bất thiện, không có các người nữ cùng ba đường ác, thành Chánh giác xong, chỉ dùng Đại Bồ-tát làm đại quyến thuộc, thuyết pháp Đại thừa vô thượng, tuổi thọ vô lượng, trụ mãi nơi đời trải qua vô số kiếp, chỉ thuyết pháp vi diệu cho người có tâm thiện, điều phục thanh tịnh, thành tựu thiện căn thì vị ấy tuy được gọi là Bồ-tát nhưng không phải Đại sĩ. Vì sao? Vì không có phương tiện thiện xảo và trí bình đẳng.

Thiện nam tử, khi ấy, Bảo Tạng Như Lai duỗi cánh tay sắc vàng, từ năm đầu ngón tay phóng ra ánh sáng lớn, với vô lượng vô số trăm ngàn các màu sắc, chiếu khắp phương Tây, đi qua vô lượng, vô biên, vô số thế giới, đến thế giới tên Đại chỉ, dân chúng ở đó sống ba mươi tuổi, sắc diện xấu xí, hình dáng khả ố, đủ tất cả các căn bất thiện, thân cao sáu thước. Trong cõi đó có Phật hiệu Đại Bi Quang Minh gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn hiện đang thuyết pháp ba thừa cho bốn chúng.

Thiện nam tử, bấy giờ đại chúng ở đây đều được trông thấy Phật, Thế Tôn ấy và đại chúng. Phật Bảo Tạng bảo đại chúng:

– Trong vô lượng, vô biên, vô số kiếp về quá khứ, vào thời Phật Bảo Cái Quang Minh, Phật Đại Bi Quang Minh ấy bắt đầu phát tâm thành Chánh giác, khi đó cũng khuyến hóa vô lượng, vô biên ức na-do-tha chúng sinh an trụ nơi đạo Vô thượng, tùy tâm nguyện nhận vô số thế giới trang nghiêm, nhận đời năm trược xấu ác, hoặc tịnh hoặc bất tịnh. Phật Đại Quang Minh này cũng khuyên Ta phát tâm trụ vững nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, ở chỗ Phật Bảo Cái Quang Minh, Ta được khuyên phát nguyện trang nghiêm thành Chánh giác nơi đời năm trược xấu ác này. Phật ấy khen ngợi Ta: "Lành thay! Lành thay!" và thọ ký cho Ta thành Chánh giác. Như thế là Ta có bậc thiện tri thức ấy khuyên Ta thành Chánh giác. Thiện tri thức thắng diệu trượng phu kia khuyên Ta hãy nhận đời năm trược xấu ác này với quốc độ bất tịnh, nhiều các phiền não. Chúng sinh trong đó làm các việc nghịch ác, cho đến tạo ra các căn chẳng lành, thiêu đốt tiêu diệt tâm lành, đi mãi giữa đồng hoang sinh tử. Phật ấy khuyên Ta nên nguyện nhận và điều phục được các chúng sinh như vậy.

Bấy giờ, trong vô lượng, vô biên thế giới khắp mười phương, chư Phật đều sai sứ đến chỗ vị trượng phu toàn thiện này để khen ngợi, tán thán và gọi danh hiệu là Đại Bi Nhật Nguyệt Quang Minh. Vị Đại Bi Nhật Nguyệt Quang Minh kia chính là thiện tri thức của Ta, đã tạo nên

lợi ích rất lớn. Nơi thế giới Đại chỉ, Ngài thành Phật chưa bao lâu, vì các người ác và mạng ngắn này mà vận chuyển bánh xe chánh pháp. Đức Phật kia khi mới thành Chánh giác, vô lượng, vô biên chư Phật trong mười phương đều sai đệ tử đi đến gặp Ngài để cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi. Các Thế Tôn này đều do Phật Đại Quang Minh xưa kia khuyến hóa đầu tiên, khiến tu tập theo Bố thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Do biết ân ấy nên các Đức Thế Tôn này sai các Bồ-tát đến cúng dường.

Phạm-chí, ông có thấy không, các Đức Thế Tôn này đều ở thế giới thanh tịnh, sống lâu vô lượng, chỉ vì những người có tâm đã được điều phục thanh tịnh, thành tựu căn lành mà làm các Phật sự. Phật Đại Quang Minh lại ở đời năm trược, nơi thế giới bất tịnh này mà thành Chánh giác. Có chúng sinh tạo nhiều tội nghịch cho đến đủ các căn bất thiện, tuổi thọ ngắn ngủi, Ngài có thể ở trong đó giúp họ được tăng lợi ích, tạo vô lượng Phật sự, không bỏ Thanh văn, Bích-chi-phật thừa, thuyết pháp ba thừa cho các chúng sinh. Vị ấy (Phật Đại Quang Minh) là Bậc Trượng Phu toàn thiện, tất cả đại chúng không thể sánh bằng, làm được những việc tốt đẹp rất khó làm như thệ nguyện nhân cõi bất tịnh trong đời năm trược xấu ác; con người tạo nhiều tội nghịch cho đến đủ các căn bất thiện..., chúng sinh như vậy đều được Ngài cứu giúp, điều phục.

Thiện nam tử, có Bồ-tát nào nhận thế giới thanh tịnh của Phật, xa đường ác và hàng Thanh văn, Duyên giác, giúp đỡ điều phục những chúng sinh có tâm thiện thanh tịnh và thành tựu thiện căn thì đó chỉ gọi là Bồ-tát giống như các thứ hoa khác, chứ chẳng phải gọi là Đại Bồ-tát như hoa sen trắng, vì chỉ làm Phật sự với chúng sinh có tâm thiện, đã được điều phục và vun trồng các căn lành.

Này Phạm-chí, nay ông hãy nghe bốn pháp không tích cực của Bồ-tát. Những gì là bốn?

1. Nguyện nhận thế giới thanh tịnh.

2. Nguyện làm Phật sự với những chúng sinh thanh tịnh mà tâm thiện đã được điều phục.

3. Nguyện sau khi thành Phật, không thuyết pháp Thanh văn, Bích-chi-phật.

4. Nguyện sau khi thành Phật, sống lâu vô cùng.

Đây gọi là bốn pháp không tích cực của Bồ-tát. Bồ-tát này chỉ giống như các thứ hoa khác, không thể gọi Bồ-tát ấy như hoa sen trắng.

Phạm-chí, trong Thiên chúng này, chỉ trừ một mình Bà-do-tỷ-nữu

nhận thế giới bất tịnh, cứu giúp điều phục kẻ nhiều phiền não. Này Phạm-chí, trong Hiền kiếp có Bồ-tát nào nhận thế giới bất tịnh thì Bồ-tát đó có bốn pháp tinh tấn. Những gì là bốn?

1. Nguyện nhận thế giới bất tịnh.

2. Làm Phật sự giữa những người bất tịnh.

3. Thành Phật xong, thuyết pháp Tam thừa.

4. Thành Phật xong, nhận thọ mạng trung bình, không dài không ngắn.

Đó gọi là bốn pháp tinh tấn của Bồ-tát. Đây gọi là Bồ-tát như hoa sen trắng, không phải như các hoa khác, cũng gọi là Đại Bồ-tát.

Phạm-chí, ông đang ở trong vô lượng, vô biên, vô số ruộng hoa của đại chúng Bồ-tát này mà phát nguyện được thọ ký, vậy là ngay trước Phật, ông đã phát sinh ra Hoa sen trắng đại từ bi" để nhận lấy đời năm trược xấu ác với những chúng sinh nhiều nghịch tội, đã tạo ra tất cả các căn bất thiện và ở trong ấy để tùy thuận mà điều phục họ. Ông dùng âm thanh đại bi khiến cho chư Phật, Thế Tôn như số vi trần nơi một cõi Phật ở khắp mười phương sai sứ giả đến khen ngợi hiệu ông là Thành Tựu Đại Bi. Khen ngợi xong, lại dạy đại chúng này cúng dường ông. Lại nữa, này Đại Bi, vào đời vị lai, trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, trong thời gian sau cùng của đệ nhị hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, trong Hiền kiếp, ở thế giới Ta-bà, loài người sống một trăm hai mươi tuổi, bị trói buộc do già, bệnh, chết; đời sống tối tăm, không có thầy dạy bảo, tạo ra tất cả các căn chẳng lành, đi theo đường tà, vào sông phiền não, chuyên tạo tội ngũ nghịch, hủy hoại chánh pháp, phỉ báng Thánh nhân, phạm bốn giới trọng, ngoài ra như đã nói ở trên thì ngay nơi đời hỗn loạn phiền não như vậy, ông sẽ thành Phật gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xa lìa vòng sinh tử, chuyển bánh xe chánh pháp, phá tan bốn loại ma. Bấy giờ, ông có tiếng tăm lớn vang khắp vô lượng, vô biên thế giới chư Phật khắp mười phương, ông có đại chúng Thanh văn một ngàn hai trăm năm mươi vị. Tuần tự trong bốn mươi lăm năm, ông thành tựu vô lượng Phật sự như vậy, được đầy đủ những việc như ông đã nguyện. Khi ấy, vô lượng Tịnh vương này cũng thành Phật, sống lâu vô lượng. Tuy trong vô lượng, vô biên kiếp, những Đức Phật này cũng thành tựu Phật sự như Đức Phật trên không khác.

Này bậc Trượng phu hiền thiện, sau khi ông Bát-niết-bàn, chánh pháp

trụ ở đời đủ một ngàn năm. Sau khi chánh pháp diệt, các xá-lợi của ông tạo các Phật sự như ông đã nguyện, ở mãi nơi đời đem lại lợi ích cho chúng sinh như đã nói ở trên.

Thiện nam tử, lúc ấy trong hội có một Phạm-chí tên là Tướng Cụ Túc, thưa:

– Thưa bậc Đại Trượng phu toàn thiện, trong vô lượng, vô biên, vô số kiếp đời vị lai, khi ngài làm Bồ-tát, sinh ở bất cứ nơi nào, tôi sẽ luôn luôn xin làm thị giả cho ngài, luôn đem tâm Từ dâng cúng các thức cần dùng, đến khi ngài chỉ còn một lần sinh, tôi sẽ làm cha ngài, sau khi ngài thành Phật, tôi sẽ làm đại thí chủ và ngài cũng sẽ thọ ký cho tôi đạo quả Vô thượng.

Bấy giờ, có Hải thần tên Điều Ý thưa:

– Thưa bậc Đại Trượng phu toàn thiện, từ nay trở đi, cho đến lúc ngài chỉ còn một lần sinh, ở bất cứ nơi nào, tôi nguyện sẽ thường làm mẹ ngài. Sau khi ngài thành Phật, cũng sẽ thọ ký cho tôi đạo quả Vô thượng.

Lại có Thủy thần thưa:

– Từ nay trở đi, cho đến lúc ngài chỉ còn một lần sinh, bất cứ ở nơi nào, tôi nguyện sẽ thường làm nhũ mẫu cho ngài. Khi ngài thành Phật, ngài cũng sẽ thọ ký cho tôi đạo quả Vô thượng.

Có hai vị trời Đế Thích là Thiện Niệm và Bảo Niệm thưa:

– Thưa bậc Đại Trượng phu toàn thiện, sau khi ngài thành Phật, chúng tôi sẽ làm đệ tử Thanh văn trí tuệ và thần túc của ngài.

Lại có vị Đế Thích tên Thiện Kiến Túc, thưa:

– Thưa Đại Bi, từ nay trở về sau, cho đến khi ngài chỉ còn một lần sinh, ở bất cứ nơi nào, tôi thường làm con của ngài.

Có vị thần núi Tu-di tên Thiện Nhạc Hoa, thưa:

– Đại Bi, cho đến khi ngài còn một lần sinh, tôi xin luôn làm vợ ngài. Sau khi thành đạo, ngài cũng sẽ thọ ký cho tôi đạo Vô thượng.

Có A-tu-la vương tên là Hung Ức Hạnh, thưa:

– Đại Bi, trong suốt vô lượng, vô biên, vô số kiếp, trong thời gian ngài làm Bồ-tát, cho đến khi ngài chỉ còn một lần sinh, trong thời gian đó, tôi sẽ làm kẻ tôi tớ phục vụ, dâng cho ngài các vật cần thiết. Sau khi ngài thành Chánh giác, chuyển bánh xe pháp, tôi liền hiểu pháp, được quả vị báu, uống vị cam lộ đầu tiên, cho đến diệt hết tất cả phiền não, chứng A-la-hán.

Lúc ấy, có vô số Trời, Rồng, Quỉ, Thần, A-tu-la, Ca-lâu-la, Nhân, Phi

nhân... đều hướng đến chỗ Bồ-tát Đại Bi thệ nguyện:

– Thưa bậc Đại Trượng phu toàn thiện, xin ngài nên rủ lòng điều phục, giáo hóa chúng con.

Bấy giờ, có một Phạm-chí lõa hình tên Loạn Tưởng Khả Úy, lại thưa:

– Thưa bậc Đại Trượng phu toàn thiện, khi ngài ở vô lượng, vô biên, vô số kiếp hành đạo Bồ-tát, tôi sẽ theo ngài cầu xin các thức cần dùng, thường đến chỗ ngài cầu xin y phục, giường, ghế, ngọa cụ, phòng xá, nhà đất, voi, ngựa, xe cộ, quốc gia, thành phố, vợ con, đầu, mắt, tủy, não, da, thịt, tay, chân, tai, mũi, lưỡi, thân.

Thưa bậc Đại Trượng phu hiền thiện, tôi sẽ làm người giúp đỡ ngài để ngài thực hành Bố thí ba-la-mật đầy đủ, cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Khi Phạm-chí Đại Bi thực hành các đạo Bồ-tát này, tôi sẽ khuyên ngài thành tựu đầy đủ sáu Ba-la-mật. Khi ngài thành Phật xong, tôi nguyện làm đệ tử sẽ theo ngài nghe tám vạn pháp tụ. Nghe xong, tôi liền có thể biện luận, giảng thuyết về pháp tướng. Thuyết pháp tướng xong, ngài sẽ thọ ký đạo Vô thượng cho tôi.

Thiện nam tử, Phạm-chí Đại bi nghe xong, liền lạy sát chân Phật, lại bảo Phạm-chí lõa hình:

– Lành thay! Lành thay! Ông chính là bạn đạo vô thượng của ta. Ông từ vô lượng, vô biên trăm ngàn vạn ức vô số kiếp thường đến ta cầu xin các vật cần dùng như y phục, cho đến lưỡi, thân... khi ấy với tâm thanh tịnh, ta đem những vật của mình ra bố thí cho ông. Khi ấy, ông cũng không có bị chút tội nào cả.

Thiện nam tử, Đại Bồ-tát Đại Bi lại thưa với Đức Bảo Tạng Như Lai:

– Bạch Đức Thế Tôn, con từ vô lượng, vô biên trăm ngàn vạn ức vô số kiếp, khi làm Bồ-tát sống ở bất cứ nơi nào, có các khất sĩ đứng trước con xin thức ăn hoặc dùng lời nhỏ nhẹ, hoặc dùng lời hung ác, hoặc khinh chê, hủy báng; hoặc nói lời chân thật. Bạch Đức Thế Tôn, khi ấy con không sinh một chút tâm niệm ác nào cả. Nếu như con có nổi giận, dù trong thời gian ngắn nhất, lại đem nhân duyên bố thí này để cầu phước báo đời sau, tức là con đã dối trá chư Phật trong hiện tại ở vô lượng, vô biên, vô số thế giới khắp mười phương và vào đời vị lai chắc chắn con sẽ không được thành Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, con phải đem tâm hoan hỷ cho người đến xin, nguyện cho người nhận không bị các tổn hại, cũng không bị trở ngại một chút nào đối với các căn lành. Nếu con khiến cho người nhận kia có một chút nào trở ngại, tổn hại căn lành, tức là đã dối trá với chư Phật hiện tại ở

trong vô lượng, vô biên, vô số thế giới khắp mười phương. Nếu con dối trá chư Phật thì chắc chắn sẽ đọa địa ngục A-tỳ, không thể hoan hỷ thí cho y phục, thức ăn. Nếu người xin kia dùng lời êm dịu hoặc lời thô ác, hoặc khinh hủy, mắng nhiếc; hoặc bằng lời chân thật để cầu xin đầu, mắt, tủy não như vậy. Bạch Đức Thế Tôn, nếu khi ấy tâm con không hoan hỷ, cho đến có một niệm sân giận mà đem việc bố thí này cầu quả báo thì chính là dối trá chư Phật hiện tại nơi vô lượng, vô biên thế giới khắp mười phương. Vì lý do này, chắc chắn con đọa địa ngục A-tỳ. Con nói về Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy.

Thiện nam tử, khi ấy Đức Bảo Tạng Như Lai liền khen ngợi Phạm-chí Bảo Hải:

– Lành thay! Lành thay! Ông đã an trú hoàn toàn ở tâm đại bi nên mới phát thệ nguyện này.

Thiện nam tử, bấy giờ tất cả đại chúng Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Nhân và Phi nhân đều đến chắp tay khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Ngài đã an trú hoàn toàn ở tâm đại bi nên phát thệ nguyện này, được tiếng khen lớn, kiên cố tu hành pháp Lục hòa, làm lợi ích đầy đủ cho tất cả chúng sinh.

Thiện nam tử, khi Phạm-chí lõa hình phát thệ nguyện, cũng có tám vạn bốn ngàn người phát thệ nguyện như Phạm-chí.

Thiện nam tử, khi ấy, Đại Bồ-tát Đại Bi cùng tám vạn bốn ngàn người như vậy rất hoan hỷ, đồng phát thệ nguyện, rồi chắp tay hướng về bốn phía nhìn khắp đại chúng và nói lên lời hy hữu:

– Vào thời vị lai, khi chánh pháp diệt, đời năm trược xấu ác nhiều các phiền não, con ở trong đó phóng hào quang vĩ đại, làm thầy dắt dìu, đốt đèn chánh pháp nơi đời tối tăm. Các chúng sinh nào không có người cứu hộ, không có thế lực, không có Phật chỉ đường, khi con mới phát tâm Bồ-đề đã được các bạn đạo vô thượng ấy, nguyện cho những người này đời đời theo con nhận đầu, mắt, tủy não, da thịt, máu xương, tay chân, tai, mũi, lưỡi, thân này, cho đến y phục, thức ăn uống...

Thiện nam tử, Phạm-chí Bảo Hải bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu trong vô lượng, vô biên trăm ngàn vạn ức kiếp ở đời vị lai, chúng sinh như vậy đến gặp con để nhận đầu, mắt, tủy não..., cho đến ẩm thực dù rất ít như là một sợi lông thì khi con đã thành Chánh giác, nếu họ không thoát sinh tử, không được thọ ký Tam thừa thì chính là con đã dối trá chư Phật hiện tại ở vô lượng, vô biên thế giới khắp mười phương và con không được thành Chánh giác.

Thiện nam tử, khi ấy Đức Bảo Tạng Như Lai lại khen ngợi Bồ-tát Đại Bi lần nữa:

– Lành thay! Lành thay! Này bậc Đại Trượng phu toàn thiện, ông có thể hành đạo Bồ-tát như vậy, như xưa kia Bồ-tát Tu-di Sơn Bảo ở trước Phật Thế Gian Quang Minh, bắt đầu phát tâm Bồ-đề, phát thệ nguyện và hành Bồ-tát đạo như vậy. Trải qua một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp, về phương Đông cách đây trăm ngàn ức thế giới Phật, ở đó có thế giới tên Quang minh trí xí, loài người thọ một trăm tuổi, Bồ-tát ấy thành Phật ở đó và hiệu là Trí Hoa Vô Cấu Kiên Bồ-đề Tôn Vương gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, trụ thế thuyết pháp bốn mươi lăm năm, làm các Phật sự.

Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Đại Bi:

– Phật ấy sau khi Bát-niết-bàn, chánh pháp trụ thế mãn một ngàn năm. Sau khi chánh pháp diệt, tượng pháp trụ thế cũng một ngàn năm. Đại Bi, Đức Phật Thế Tôn ấy, hoặc tại thế, hoặc Niết-bàn, ở khoảng giữa chánh pháp và tượng pháp có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni sống phi pháp, phá giới cấm, thực hành tà đạo, phá pháp, nhận cúng dường không tàm quý, hoặc phá vật Chiêu-đề tăng, hoặc phá y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược của hiện tiền tăng; lấy vật của chúng Tăng làm vật của mình, tự đem cho người và cho kẻ tại gia.

Thiện nam tử, những người như vậy đều được Phật, Thế Tôn kia thọ ký ở trong Tam thừa.

Đại Bi, ở chỗ Như Lai kia, nếu có người xuất gia, khoác ca-sa của Ta chế ra, đều được thọ ký Bất thoái chuyển nơi Bồ-tát thừa. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phạm bốn trọng cấm, Đức Phật kia đối với những người ấy vẫn có tưởng như Thế Tôn và trồng các căn lành, thọ ký cho họ được bất thoái nơi Tam thừa.

Thiện nam tử, Đại Bồ-tát Đại Bi lại thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, nay con nguyện: khi con hành đạo Bồ-tát, nếu có chúng sinh nào con cần phải khuyến hóa, làm cho an trụ Bố thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật, thì con khuyến hóa khiến trụ nơi căn lành, dù chỉ nhỏ như một sợi lông, cho đến khi thành Chánh giác vẫn không ngừng lại. Nếu có một chúng sinh nào thoái lui nơi Tam thừa thì chính là con dối trá chư Phật hiện tại ở vô lượng, vô biên, vô số các thế giới khắp mười phương và nhất định con không được thành Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, khi con thành Chánh giác xong, nếu có chúng sinh nào vào trong pháp con, khi xuất gia mặc ca-sa mà phạm trọng giới, hành tà kiến, khinh chê không tin Tam bảo, gây các tội nặng, những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ấy, nếu có một niệm sinh tâm cung kính tôn trọng Thế Tôn hay Pháp, Tăng. Bạch Đức Thế Tôn, chúng sinh này dù cho chỉ có một người thoái lui, không được thọ ký nơi Tam thừa thì chính là con dối trá chư Phật hiện tại ở vô lượng, vô biên, vô số các thế giới khắp mười phương và nhất định con không được thành Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn, sau khi con thành Phật, các chúng Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Nhân và Phi nhân, nếu có thể đối với những người mặc ca-sa này mà cung kính cúng dường, tôn trọng, khen ngợi, những người đó nếu được thấy một phần nhỏ ca-sa này thì được bất thoái nơi Tam thừa. Hoặc chúng sinh nào bị đói khát bức bách, hoặc quỉ thần bần cùng, các người hạ tiện, cho đến trong chúng ngạ quỉ, nếu được một phần nhỏ ca-sa, dù chỉ bằng bốn tấc, người đó liền được ăn uống đầy đủ, tùy sở nguyện mau được thành tựu.

Có chúng sinh nào phản nghịch, chống nhau, tưởng nhau như oán tặc đưa đến tranh giành, hay có các Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Câu-biện-trà, Tỳ-xá-gia, Nhân và Phi nhân nào khi tranh giành nhau mà nhớ đến ca-sa này liền phát tâm từ bi, tâm mềm dịu, tâm không oán thù, tâm tịch diệt, tâm điều phục tốt.

Người nào ở trong chỗ binh trận, hoặc đang bị xử xét về tranh tụng, đem một mảnh ca-sa này vào giữa nơi ấy để tự hộ thân, với sự cung kính, tôn trọng, cúng dường, thì những người kia không thể bị xúc phạm, phá hoại, quấy phá, khinh lờn, thường được thắng người và vượt qua các nạn này.

Bạch Đức Thế Tôn, nếu ca-sa của con chế ra không thể thành tựu năm công đức của bậc Thánh như vậy, chính là con dối trá chư Phật hiện tại ở vô lượng, vô biên, vô số các thế giới khắp mười phương và nơi đời vị lai con không thể thành Chánh giác làm Phật sự, bị mất pháp thiện, nhất định không thể phá tan được ngoại đạo.

Thiện nam tử, khi ấy Đức Bảo Tạng Như Lai lại duỗi cánh tay phải màu vàng ròng xoa đầu Bồ-tát Đại Bi, khen:

– Lành thay! Lành thay! Này Đại Trượng phu, những lời ông nói là châu báu tột bậc, là đại hiền thiện. Ông thành Chánh giác xong, y phục ca-sa này có thể tạo lợi ích lớn, thành tựu năm công đức của bậc Thánh.

Thiện nam tử, Đại Bồ-tát Đại Bi nghe Phật khen ngợi xong, tâm rất

vui mừng, phấn khởi. Nhờ Đức Phật duỗi cánh tay sắc vàng với ngón thon dài, có màng lưới mềm mại giống như Thiên y xoa đầu Bồ-tát, nên thân hình vị Bồ-tát ấy liền thay đổi, trẻ như đồng tử hai mươi tuổi.

Thiện nam tử, đại chúng Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Càn-thát-bà, Nhân, Phi nhân trong hội ấy đều chắp tay cung kính hướng về Bồ-tát Đại Bi dâng vô số hoa và âm nhạc để cúng dường Bồ-tát. Lại dùng vô số lời tán thán xong rồi đứng im lặng.

-oOo-

Phẩm 5: BỐ THÍ BA-LA-MẬT (PHẦN 1)

Thiện nam tử, khi ấy Bồ-tát Đại Bi đem đầu mặt đảnh lễ Đức Bảo Tạng Như Lai xong, ở trước Phật, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, có bao nhiêu kinh được gọi là các môn Tam-muội, môn trợ Bồ-đề pháp thanh tịnh? Thế nào là Bồ-tát vô úy, đầy đủ trang nghiêm nơi nhẫn?

Thiện nam tử, Đức Phật ấy khen Bồ-tát Đại Bi:

– Lành thay! Lành thay! Đại Bi, ông hỏi những việc rất đặc biệt. Đó chính là châu báu có thể đem lại lợi ích lớn cho vô lượng, vô biên các Bồ-tát. Vì sao? Này Đại Bi, vì ông có thể hỏi Phật việc lớn như vậy.

Đại Bi, ông hãy lắng nghe cho kỹ! Thiện nam, thiện nữ nào tu hạnh Đại thừa, có Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, nhập Tam-muội này thì có thể vào trong tất cả các Tam-muội.

Có Tam-muội Bảo ấn, nhập Tam-muội này có thể ấn chứng các Tam-muội.

Có Tam-muội Sư tử du hý, nhập Tam-muội này có thể du hý như Sư tử nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Thiện nguyệt, nhập Tam-muội này có thể chiếu soi các Tam-muội.

Có Tam-muội Nguyệt tràng tướng, nhập Tam-muội này có thể giữ vững các cờ Tam-muội.

Có Tam-muội Xuất nhất thiết tánh, nhập Tam-muội này có thể ra khỏi tất cả Tam-muội.

Có Tam-muội Quán ấn, nhập Tam-muội này có thể thấy tất cả đảnh Tam-muội.

Có Tam-muội Ly pháp giới, nhập Tam-muội này có thể phân biệt các Tam-muội.

Có Tam-muội Ly tràng tướng, nhập Tam-muội này có thể giữ gìn tất cả các tràng Tam-muội.

Có Tam-muội Kim cang, nhập Tam-muội này có thể làm cho tất cả Tam-muội không bị phá hoại.

Có Tam-muội Chư pháp ấn, nhập Tam-muội này có thể ấn chứng tất cả pháp.

Có Tam-muội Vương thiện trụ, nhập Tam-muội này có thể đối với các Tam-muội như vua an trụ.

Có Tam-muội Phóng quang, nhập Tam-muội này có thể phóng ánh sáng chiếu các Tam-muội.

Có Tam-muội Lực tấn, nhập Tam-muội này có thể đối với các Tam-muội tăng tấn tự tại.

Có Tam-muội Chánh xuất, nhập Tam-muội này có thể chính thức ra khỏi các Tam-muội.

Có Tam-muội Biện từ, nhập Tam-muội này có thể hiểu rõ tất cả vô lượng âm thanh.

Có Tam-muội Ngữ ngôn, nhập Tam-muội này có thể vào tất cả các thứ ngôn ngữ.

Có Tam-muội Quán phương, nhập Tam-muội này có thể xem thấy khắp tất cả các Tam-muội.

Có Tam-muội Nhất thiết pháp, nhập Tam-muội này có thể phá tất cả pháp.

Có Tam-muội Trì ấn, nhập Tam-muội này có thể giữ các ấn Tam-muội.

Có Tam-muội Nhập nhất thiết pháp tịch tĩnh, nhập Tam-muội này có thể khiến tất cả Tam-muội vào tịch tĩnh.

Có Tam-muội Bất thất, nhập Tam-muội này không mất tất cả Tam-muội.

Có Tam-muội Nhất thiết pháp bất động, nhập Tam-muội này có thể khiến tất cả Tam-muội không động.

Có Tam-muội Thân cận nhất thiết hải ấn, nhập Tam-muội này có thể gần gũi, cứu giúp tất cả Tam-muội.

Có Tam-muội Nhất thiết vô ngã, nhập Tam-muội này có thể làm cho các Tam-muội không có sinh diệt.

Có Tam-muội Biến phú hư không, nhập Tam-muội này có thể che khắp tất cả Tam-muội.

Có Tam-muội Bất đoạn nhất thiết pháp, nhập Tam-muội này có thể giữ gìn các Tam-muội làm cho không dứt mất.

Có Tam-muội Kim cang trường, nhập Tam-muội này có thể sửa trị tất cả các trường Tam-muội.

Có Tam-muội Nhất thiết pháp nhất vị, nhập Tam-muội này có thể giữ tất cả pháp một vị.

Có Tam-muội Ly nhạc ái, nhập Tam-muội này có thể xa lìa tất cả phiền não và trợ phiền não.

Có Tam-muội Nhất thiết pháp vô sinh, nhập Tam-muội này có thể chỉ bày tất cả Tam-muội không sinh, không diệt.

Có Tam-muội Quang minh, nhập Tam-muội này có thể chiếu soi tất cả Tam-muội, làm cho Tam-muội đó sáng rực.

Có Tam-muội Bất diệt nhất thiết pháp, nhập Tam-muội này không phân biệt tất cả Tam-muội.

Có Tam-muội Bất cầu, nhập Tam-muội này không tìm cầu tất cả pháp.

Có Tam-muội Bất trụ, nhập Tam-muội này đối với các pháp không trụ pháp giới.

Có Tam-muội Hư không ức tưởng, nhập Tam-muội này làm cho các Tam-muội đều như hư không và có thể thấy sự chân thật của nó.

Có Tam-muội Vô tâm, nhập Tam-muội này có thể diệt tâm, tâm sở pháp trong tất cả các Tam-muội.

Có Tam-muội Sắc vô biên, nhập Tam-muội này sắc sáng chói vô biên trong tất cả các Tam-muội.

Có Tam-muội Tịnh đăng, nhập Tam-muội này có thể làm đèn sáng trong tất cả Tam-muội.

Có Tam-muội Nhất thiết pháp vô biên, nhập Tam-muội này có thể thị hiện vô lượng trí tuệ nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Điện vô biên, nhập Tam-muội này thị hiện trí tuệ nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Nhất thiết quang minh, nhập Tam-muội này có thể thị hiện môn Quang minh Tam-muội nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Chư giới vô biên, nhập Tam-muội này thị hiện vô lượng, vô biên trí tuệ nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Bạch tịnh kiên cố, nhập Tam-muội này được định Không đối với các Tam-muội.

Có Tam-muội Tu-di sơn, nhập Tam-muội này có thể thị hiện hư không nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Vô cấu quang minh, nhập Tam-muội này có thể trừ các nhơ nhớp nơi Tam-muội.

Có Tam-muội Nhất thiết trung vô úy, nhập Tam-muội này thị hiện không sợ nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Nhạc lạc, nhập Tam-muội này đều được ưa thích đối với các Tam-muội.

Có Tam-muội Nhất thiết pháp chánh du hý, nhập Tam-muội này đối với Tam-muội chỉ bày không có tất cả các sắc.

Có Tam-muội Phóng điện quang, nhập Tam-muội này thị hiện phóng ánh sáng nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Nhất thiết pháp an chỉ vô cấu, nhập Tam-muội này thị hiện trí tuệ không nhơ nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Vô tận, nhập Tam-muội này đối với các Tam-muội thị hiện không phải hết, không phải không hết.

Có Tam-muội Nhất thiết pháp bất khả tư nghị thanh tịnh, nhập Tam-muội này thị hiện các hình tượng bất khả tư nghị *(không thể nghĩ bàn)* như trong gương nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Hỏa quang, nhập Tam-muội này làm cho trí tuệ rực rỡ nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Ly tận, nhập Tam-muội này nơi các Tam-muội thị hiện bất tận.

Có Tam-muội Bất động, nhập Tam-muội này ở trong các pháp chẳng động, chẳng thọ nhận, không xem thường, đùa cợt.

Có Tam-muội Tăng ích, nhập Tam-muội này đối với các Tam-muội đều thấy tăng ích lợi.

Có Tam-muội Nhật đăng, nhập Tam-muội này phóng ánh sáng nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Nguyệt vô cấu, nhập Tam-muội này như mặt trăng chiếu sáng nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Bạch tịnh quang minh, nhập Tam-muội này được bốn biện tài nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Hữu tác bất tác, nhập Tam-muội này đối với các Tam-muội làm hay chẳng làm đều thị hiện trí tướng.

Có Tam-muội Kim cang, nhập Tam-muội này được thông suốt tất

cả các pháp, cho đến không thấy các chướng ngại như vi trần.

Có Tam-muội Trụ tâm, nhập Tam-muội này tâm bất động, không nhận khổ vui, không thấy ánh sáng, trong tâm không có sân hận, lại cũng không thấy tâm tưởng như vậy.

Có Tam-muội Biến chiếu, nhập Tam-muội này thấy tất cả ánh sáng nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Thiện trụ, nhập Tam-muội này có thể khéo được an trụ nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Bảo sơn, nhập Tam-muội này có thể thấy các Tam-muội giống như núi báu.

Có Tam-muội Thắng pháp ấn, nhập Tam-muội này có thể ấn chứng tất cả các Tam-muội.

Có Tam-muội Thuận pháp tánh, nhập Tam-muội này có thể thấy tất cả pháp thảy đều tùy thuận.

Có Tam-muội Ly nhạo, nhập Tam-muội này được xa lìa say đắm đối với tất cả pháp.

Có Tam-muội Pháp cự, nhập Tam-muội này trừ được các pháp tối tăm.

Có Tam-muội Pháp vũ, nhập Tam-muội này có thể mưa pháp vũ, phá hoại sự chấp tướng nơi các Tam-muội.

Có Tam-muội Đẳng ngôn ngữ, nhập Tam-muội này được con mắt sáng suốt đối với các pháp.

Có Tam-muội Ly ngữ ngôn, nhập Tam-muội này đối với các pháp không còn có một ngôn từ.

Có Tam-muội Đoạn duyên, nhập Tam-muội này dứt các pháp duyên.

Có Tam-muội Bất tác, nhập Tam-muội này, trong các pháp không thấy có người làm.

Có Tam-muội Tịnh tấn, nhập Tam-muội này thấy tất cả tự tánh thanh tịnh của các pháp.

Có Tam-muội Vô chướng ngại, nhập Tam-muội này trong các pháp không có chướng ngại.

Có Tam-muội Ly cương, nhập Tam-muội này thấy các Tam-muội đầy đủ, không còn thấy cao thấp.

Có Tam-muội Tập tụ nhất thiết công đức, nhập Tam-muội này xa lìa tất cả pháp tập họp.

Có Tam-muội Chánh trụ, nhập Tam-muội này đối với các pháp không thấy có tâm và tâm sở pháp.

Có Tam-muội Giác, nhập Tam-muội này liền có thể giác ngộ tất cả các pháp.

Có Tam-muội Niệm phân biệt, nhập Tam-muội này đối với các pháp được vô lượng biện tài.

Có Tam-muội Trí giác thanh tịnh, nhập Tam-muội này thì đối với tất cả pháp được bình đẳng hay không bình đẳng.

Có Tam-muội Trí tướng, nhập Tam-muội này có thể ra khỏi ba cõi.

Có Tam-muội Trí đoạn, nhập Tam-muội này thấy các pháp chấm dứt.

Có Tam-muội Trí vũ, nhập Tam-muội này được tất cả mưa pháp.

Có Tam-muội Vô y, nhập Tam-muội này không thấy y chỉ trong các pháp.

Có Tam-muội Đại trang nghiêm, nhập Tam-muội này trong các Tam-muội không thấy pháp tràng.

Có Tam-muội Hạnh, nhập Tam-muội này có thể thấy các pháp hạnh đều tịch tĩnh vắng lặng.

Có Tam-muội Nhất thiết hạnh ly nhất thiết hữu, nhập Tam-muội này hiểu rõ, thông suốt các pháp.

Có Tam-muội Tục ngôn, nhập Tam-muội này có thể hiểu rõ lời tục.

Có Tam-muội Ly ngữ ngôn vô tự, nhập Tam-muội này đối với các pháp liền hiểu rõ không có ngôn ngữ.

Có Tam-muội Trí cự, nhập Tam-muội này hay chiếu sáng các pháp.

Có Tam-muội Trí thắng tướng hống, nhập Tam-muội này đối với các pháp thị hiện tướng tĩnh.

Có Tam-muội Thông trí tướng, nhập Tam-muội này thấy tất cả trí tướng nơi các pháp.

Có Tam-muội Thành tựu nhất thiết hạnh, nhập Tam-muội này đối với các pháp thành tựu tất cả hạnh.

Có Tam-muội Ly khổ lạc, nhập Tam-muội này nương tựa nơi các pháp.

Có Tam-muội Vô tận hạnh, nhập Tam-muội này thấy các pháp không chấm dứt.

Có Tam-muội Đà-la-ni, nhập Tam-muội này đối với các Tam-muội có thể giữ gìn pháp tướng không thấy chánh tà.

Có Tam-muội Vô thắng ái, nhập Tam-muội này đối với các pháp không thấy thương ghét.

Có Tam-muội Tĩnh quang, nhập Tam-muội này không thấy nhơ nhớp nơi pháp hữu vi.

Có Tam-muội Kiên lao, nhập Tam-muội này không thấy các pháp.

Có Tam-muội Bất kiên lao hữu mãn nguyệt tịnh quang, nhập Tam-muội này, đối với các Tam-muội có thể thành tựu đầy đủ các công đức.

Có Tam-muội Đại trang nghiêm, nhập Tam-muội này thì nơi các Tam-muội đều thành tựu được vô lượng trang nghiêm.

Có Tam-muội Nhất thiết thế quang minh, nhập Tam-muội này dùng trí chiếu sáng các Tam-muội.

Có Tam-muội Nhất thiết đẳng chiếu, nhập Tam-muội này được nhất tâm đối với các Tam-muội.

Có Tam-muội Tịnh vô tịnh, nhập Tam-muội này đối với các Tam-muội không thấy tịnh, chẳng tịnh.

Có Tam-muội Vô trạch, nhập Tam-muội này không thấy các nhà cửa.

Có Tam-muội Như nhĩ, nhập Tam-muội này đối với các Tam-muội không thấy làm, không làm.

Có Tam-muội Vô thân, nhập Tam-muội này đối với các pháp không thấy có thân.

Bồ-tát được các môn Tam-muội như vậy thì khẩu nghiệp thanh tịnh như hư không, đối với các pháp không còn thấy khẩu nghiệp, giống như hư không, không bị chướng ngại.

Đại Bi, đây gọi là Đại Bồ-tát tu học các môn Tam-muội Đại thừa.

□

KINH BI HOA

QUYỂN 9

Phẩm 5: BỐ THÍ BA-LA-MẬT (PHẦN 2)

Thiện nam tử, pháp môn Thanh tịnh trợ Bồ-đề của Đại Bồ-tát là những gì?

Thiện nam tử, Bố thí tức là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì giáo hóa chúng sinh.

Trì giới là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì đầy đủ nguyện lành.

Nhẫn nhục là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Tinh tấn là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì siêng năng giáo hóa các chúng sinh.

Thiền định là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì làm cho tâm được điều phục hoàn toàn.

Trí tuệ là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì có thể biết đầy đủ các thứ phiền não.

Đa văn là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì đầy đủ sự vô ngại đối với các pháp.

Nhất thiết công đức là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì làm cho tất cả chúng sinh được đầy đủ.

Trí nghiệp là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì được đầy đủ trí vô ngại.

Tu định là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì thành tựu được tất cả tâm nhu nhuyến, nhẹ nhàng.

Tuệ nghiệp là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì xa lìa tất cả các nghi hoặc.

Tâm Từ là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì tâm vô ngại đối với các chúng sinh.

Tâm Bi là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì diệt hết các khổ cho chúng sinh.

Tâm Hỷ là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì ưa thích pháp.

Tâm Xả là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì không còn yêu ghét.

Nghe pháp là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì đoạn trừ năm sự ngăn che.

Xuất thế là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì xả bỏ những gì mình có.

A-lan-nhã là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì lìa mọi thứ bận rộn.

Chuyên niệm là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì được Đà-la-ni.

Ghi nhớ đúng là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì ý thức phân biệt.

Tư duy là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì đối với các pháp được hiểu rõ nghĩa.

Niệm xứ là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì phân biệt hiểu rõ thân, thọ, tâm, pháp.

Chánh cần là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì chấm dứt các pháp ác, tu tập các pháp thiện.

Như ý túc là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì thân tâm nhẹ nhàng.

Các căn là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì được đầy đủ căn lành của tất cả chúng sinh.

Các lực là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì có thể phá diệt hoàn toàn các phiền não.

Các giác chi là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì đối với các pháp hiểu biết đầy đủ tướng thật.

Chánh đạo là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì xa lìa tất cả các tà đạo.

Thánh đế là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì đoạn diệt tất cả các phiền não.

Bốn vô ngại biện là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì diệt trừ được các nghi hoặc cho chúng sinh.

Duyên niệm là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì được trí tuệ không do nghe từ nơi người khác.

Thiện hữu là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì giúp cho thành tựu tất cả công đức.

Phát tâm là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì thành tựu không dối trá với các chúng sinh.

Dụng ý là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì phát xuất tất cả pháp.

Chuyên tâm là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì tăng thêm pháp lành.

Tư duy pháp lành là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì thành tựu được các pháp đã nghe.

Nhiếp thủ là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì thành tựu việc giáo hóa các chúng sinh.

Hộ trì chánh pháp là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì làm cho hạt giống Tam bảo không bị chấm dứt.

Thiện nguyện là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì thành tựu thế giới Phật tươi đẹp, thanh tịnh.

Phương tiện là pháp hỗ trợ cho Bồ-đề vì mau được thành tựu Nhất thiết trí.

Thiện nam tử, đây là tất cả các pháp môn thanh tịnh trợ Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Thiện nam tử, bấy giờ Đức Bảo Tạng Như Lai nhìn đại chúng Bồ-tát khắp bốn phía rồi bảo Đại Bi:

– Này Đại Bi, Bồ-tát dùng ngọc anh lạc vô sở úy trang nghiêm đầy đủ nơi pháp nhẫn như thế nào?

Thiện nam tử, Bồ-tát nào thấy rõ Đệ nhất nghĩa không còn si mê, nên tinh tấn không tham đắm nơi ba cõi. Không tham đắm nơi ba cõi là pháp Tam-muội vô úy của Sa-môn, như đưa tay giữa hư không, không bị vướng mắc. Lại quán sát các pháp không thấy có tướng.

Đại Bi, đó gọi là Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng ngọc anh lạc vô sở úy.

Thiện nam tử, thế nào gọi là Đại Bồ-tát đầy đủ nhẫn? Khi Bồ-tát trụ vào pháp này, thấy được các tướng trạng của các pháp như vi trần và quán sát nghịch thuận về các pháp, hiểu rõ không có quả báo.

Tu tập về Từ, không còn có ngã.

Tu tập về Bi, không còn có chúng sinh.

Tu tập Hỷ, không còn có thọ mạng.

Tu tập Xả, không còn chấp có người.

Tuy làm việc Bố thí mà không thấy có vật thí.

Tuy tu hành Trì giới mà không thấy có tâm tịnh.

Tuy thực hành Nhẫn nhục mà không thấy có chúng sinh.

Tuy hành Tinh tấn mà không lìa tâm mong muốn.

Tuy hành Thiền định mà không dứt trừ tâm ác.

Tuy hành Trí tuệ mà tâm không có chỗ hành.

Tuy hành Niệm xứ mà không thấy tư duy.

Tuy hành Chánh cần mà không thấy sự sinh diệt của tâm.

Tuy hành Như ý túc mà không thấy tâm vô lượng.

Tuy hành Tín mà không thấy tâm không chướng ngại.

Tuy hành Niệm mà không thấy tâm được tự tại.

Tuy hành Định mà không thấy tâm nhập định.

Tuy hành Tuệ mà không thấy tuệ căn.

Tuy hành các Lực mà không có sự phá diệt.

Tuy hành các Giác ý mà tâm không phân biệt.

Tuy hành Chánh đạo mà không thấy các pháp.

Tuy hành Định nghiệp mà không thấy chỗ tịch tĩnh của tâm.

Tuy hành Tuệ nghiệp mà không thấy chỗ hành của tâm.

Tuy hành Thánh đế mà không thấy thông đạt pháp tướng.

Tuy tu niệm Phật mà không thấy vô lượng tâm hành.

Tuy tu niệm Pháp mà tâm đồng pháp giới.

Tuy tu niệm Tăng mà tâm không nơi trụ, giáo hóa chúng sinh mà tâm giữ được thanh tịnh.

Tuy giữ gìn Chánh pháp mà đối với các pháp giới, tâm không phân biệt.

Tuy tu Tịnh độ mà tâm bình đẳng giống như hư không.

Tuy tu tướng hảo mà tâm không có các tướng.

Tuy được nhẫn nhục mà tâm không sở hữu.

Tuy trụ nơi Bất thoái mà thường tự mình không thấy thoái và bất thoái.

Tuy hành đạo tràng mà hiểu rõ ba cõi không có tướng khác.

Tuy phá trừ các ma mà chính vì lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Tuy hành Bồ-đề mà quán các pháp Không, không có tâm Bồ-đề.

Tuy chuyển pháp luân mà đối với tất cả pháp không chuyển, đi không trở lại.

Tuy thị hiện Đại Bát-niết-bàn, mà đối với sinh tử tâm luôn bình đẳng không khác.

Bồ-tát như vậy được gọi là đầy đủ nhẫn.

Khi giảng thuyết pháp này có sáu mươi bốn ức Đại Bồ-tát từ mười phương đến núi Kỳ-xà-quật, chỗ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni để nghe kinh Bản Duyên Tam-muội Môn Thanh Tịnh Trợ Bồ-đề Pháp này. Nghe xong, tất cả các vị ấy đều được Vô sinh nhẫn.

Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bảo đại chúng:

– Các ông nên biết: Trong đời quá khứ, khi Đức Bảo Tạng Như Lai

thuyết giảng pháp này có bốn mươi tám hằng hà sa Đại Bồ-tát được Vô sinh nhẫn, Đại Bồ-tát nhiều như số vi trần trong bốn nơi thiên hạ đều trụ địa vị Bất thoái chuyển, một hằng hà sa Đại Bồ-tát lãnh hội được kinh Bản Duyên Tam-muội Môn Trợ Bồ-đề Pháp.

Thiện nam tử, Bồ-tát Đại Bi nghe pháp này xong, tâm rất hoan hỷ, thân thể liền thay đổi, trẻ lại như người hai mươi tuổi, theo bên Như Lai như hình theo bóng.

Thiện nam tử, lúc ấy Chuyển luân thánh vương và một ngàn người con, tám vạn bốn ngàn tiểu vương, chín mươi hai ức người đều cùng xuất gia, phụng hành giới cấm, tu học đa văn, Tam-muội nhẫn nhục, siêng năng tinh tấn.

Thiện nam tử, khi ấy Đại Bồ-tát Đại Bi dần dần theo Phật học hỏi và lãnh thọ tám vạn bốn ngàn pháp tụ của Thanh văn, chín vạn pháp tụ của Duyên giác, thọ trì đọc tụng thông suốt. Đối với pháp tạng Đại thừa, mười vạn pháp tụ trong Thân niệm xứ, mười vạn pháp tụ trong Thọ niệm xứ, mười vạn pháp tụ trong Tâm niệm xứ, mười vạn pháp tụ trong Pháp niệm xứ đều được Bồ-tát Đại Bi thọ trì đọc tụng thông suốt. Đối với mười vạn pháp tụ trong mười tám giới, mười vạn pháp tụ trong mười hai nhập, mười vạn pháp tụ đoạn trừ tham dục, mười vạn pháp tụ đoạn trừ sân hận, mười vạn pháp tụ đoạn trừ si mê, mười vạn pháp tụ Tam-muội giải thoát, mười vạn pháp tụ các lực vô úy, các pháp Bất công, mười ức pháp tụ... như vậy, Bồ-tát Đại Bi cũng đều thọ trì đọc tụng thông suốt tất cả.

Thiện nam tử, sau khi Đức Phật kia nhập Niết-bàn, bấy giờ Đại Bồ-tát Đại Bi đem vô lượng, vô biên, vô số các thứ hoa, hương bột, hương xoa, cờ phướn, lọng báu, châu ngọc, âm nhạc để cúng dường, chất vô số củi thơm làm giàn, hỏa táng thân Như Lai, thu xá-lợi, dựng tháp bảy báu cao năm do-tuần, chiều ngang và dọc đều bằng một do-tuần; đem vô số vô lượng, vô biên hoa hương, âm nhạc, cờ phướn, lọng báu để cúng dường trong bảy ngày; lại làm cho vô lượng, vô biên chúng sinh an trụ trong pháp Tam thừa.

Thiện nam tử, qua bảy ngày, Bồ-tát Đại Bi cùng với tám vạn bốn ngàn người đồng xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc. Sau khi Phật Bảo Tạng Bát-niết-bàn, Bồ-tát Đại Bi đem tâm tùy thuận bình đẳng khiến cho chánh pháp rực rỡ suốt mười ngàn năm; lại làm cho vô lượng, vô biên, vô số chúng sinh tu tập theo pháp ba thừa, ba quy y, năm giới cấm, tám trai giới, mười giới Sa-di, tuần tự cho đến đầy đủ tịnh hạnh

của bậc Đại Tăng; lại khuyến hóa vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sinh tu tập nơi bốn hạnh vô lượng, thần thông phương tiện, quán sát năm ấm giống như giặc thù, quán các nhập và xứ như xóm làng hoang vắng, quán các pháp hữu vi do nhân duyên sinh, khuyến hóa giúp cho chúng sinh đạt được tri kiến, quán tất cả pháp như ảnh phản chiếu trong gương, như dợn nắng, như trăng trong nước, đối với các pháp biết không có ngã, không sinh, không diệt, Niết-bàn là vi diệu tịch tĩnh đệ nhất; lại làm cho vô lượng, vô biên chúng sinh trụ yên trong tám Thánh đạo. Sau khi thực hiện các Phật sự lợi ích lớn như vậy xong, Tỳ-kheo Đại Bi viên tịch.

Khi ấy, có vô lượng, vô biên trăm ngàn người đem vô số vật cúng dường để cúng dường xá-lợi Tỳ-kheo Đại Bi. Như pháp cúng dường Chuyển luân thánh vương, đại chúng này cũng dùng vô số loại cúng dường như vậy để cúng dường xá-lợi Tỳ-kheo Đại Bi. Trong ngày Tỳ-kheo Đại Bi viên tịch, chánh pháp của Bảo Tạng Như Lai cũng diệt hết. Các Bồ-tát khác theo bản nguyện của mình nên sinh đến cảnh giới Phật, hoặc sinh nơi cõi trời Đâu-suất, sinh nơi loài Người, loài Rồng, Dạ-xoa hoặc A-tu-la, hay sinh trong các loài súc sinh.

Thiện nam tử, sau khi Tỳ-kheo Đại Bi viên tịch, theo bản nguyện, ở phương Nam, cách đây mười ngàn cõi Phật, có thế giới Phật tên là Hoan hỷ, loài người trong đó sống tám mươi tuổi, tập trung tất cả các kẻ căn tánh bất thiện, ưa làm việc sát hại, sống theo các nghiệp ác, không có tâm từ bi với tất cả chúng sinh, bất hiếu với cha mẹ, cho đến không sợ quả báo ở đời sau. Do bản nguyện, Tỳ-kheo Đại Bi sinh vào nhà Chiên-đà-la của thế giới ấy, thân tướng cao lớn, tuấn tú, lực vững mạnh, oai phong, hùng dũng, chuyên cần học vấn, biện luận nhanh nhẹn, các việc như vậy đều hơn người. Dùng uy lực vững mạnh của mình ra lệnh cho mọi người, Đại Bi nói thế này:

– Nếu ngươi có thể thọ giới không trộm cướp, cho đến xa lìa vô số tà kiến, thực hành chánh kiến, ta sẽ tha mạng cho ngươi, cung cấp cho ngươi đầy đủ đồ vật, tài sản cần dùng, không để thiếu thốn. Nếu không thọ giới, ta nhất định sẽ giết chết ngươi rồi mới ra đi.

Khi ấy, mọi người quỳ thẳng, chắp tay thưa:

– Nhân giả, ngài đã khiến cho chúng tôi hàng phục, theo lời ngài dạy, chúng tôi xin thọ trì; trọn đời không còn làm lại việc trộm cắp, cho đến chánh kiến cũng như vậy.

Khi ấy, Cường Lực Chiên-đà-la đi đến gặp vua, đại thần và thưa:

– Tôi đang cần các thứ vật dụng, tài sản như là: thực phẩm, y phục, vật dùng để nằm, y dược, hương hoa, vàng bạc, tiền của, hàng hóa, trân châu, lưu ly, ngọc kha bối, ngọc bích, san hô, hổ phách, vật báu, giống như vật báu... Nếu tôi được vô số vật này, sẽ đem bố thí cho chúng sinh.

Quốc vương, đại thần liền cho người này đầy đủ các vật cần dùng. Nhân làm việc bố thí ấy, Chiên-đà-la đã giúp cho vua và đại thần sống trong mười điều thiện. Bấy giờ, tuổi thọ của loài người tăng thêm đủ năm trăm tuổi. Vua đó qua đời, các đại thần đưa Chiên-đà-la lên kế vị ngôi vua. Nhân đấy đặt danh hiệu là Công Đức Lực.

Thiện nam tử, bấy giờ làm vua một quốc độ không bao lâu, lại nhờ có khả năng nên vua Công Đức Lực lại làm vua hai quốc độ. Như vậy, không bao lâu, tuần tự nhà vua được thành Chuyển luân thánh vương, làm vua cõi Diêm-phù-đề, sau đó giáo hóa tất cả chúng sinh, khiến an trụ nơi giới bất sát, cho đến chánh kiến cũng như vậy. Tùy theo chỗ ưa thích của chúng sinh, vua khuyến hóa cho họ tu tập theo ba thừa.

Khi vua Công Đức Lực giáo hóa vô lượng chúng sinh trong Diêm-phù-đề sống theo mười điều thiện, tu tập theo ba thừa xong, thì lớn tiếng xướng lên trong khắp cõi Diêm-phù-đề:

– Nếu có ai cầu xin vật cần dùng, thực phẩm, cho đến muốn được các loại châu báu, đều đến nơi đây ta sẽ cấp cho.

Khi nghe xướng như vậy, tất cả khất sĩ trong cõi Diêm-phù-đề đều đến tập họp. Bấy giờ, vua Công Đức Lực cung cấp các vật dụng cần dùng cho họ đầy đủ theo ý muốn.

Lúc ấy, có một Ni-kiền Tử tên Khôi Âm, đi đến gặp vua, thưa:

– Những hành động bố thí vĩ đại của nhà vua đang làm là để cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân, ngài nên cung cấp cho tôi những vật cần dùng được đầy đủ, đời vị lai vua sẽ thắp sáng đèn pháp.

Vua hỏi:

– Khanh cần những gì?

Người kia đáp:

– Tôi tụng trì chú thuật, muốn gây chiến với A-tu-la, đánh dẹp làm cho chúng nó sợ; và để được thắng lợi, tôi xin thưa vua: vật tôi cần dùng là da và mắt của người chưa chết.

Nghe thưa như vậy, đại vương suy nghĩ: “Ta đã được làm Chuyển luân thánh vương với thế lực vô lượng như vậy rồi, đưa được vô lượng

chúng sinh vào trong mười nẻo thiện và ba thừa, lại thực hiện vô lượng, vô biên việc bố thí lớn. Thiện tri thức này muốn giúp cho ta đem thân không bền chắc đổi lấy thân bền chắc".

Sau khi nghĩ vậy, đại vương liền bảo:

– Xin ông phát tâm hoan hỷ, ta sẽ đem mắt thịt phàm phu này bố thí cho ông; nhờ sự việc ấy, khiến cho đời sau ta được tuệ nhãn thanh tịnh. Với tâm hoan hỷ, ta lột da cho ông, nhờ sự việc này làm cho ta sau khi thành Chánh giác được thân màu vàng ròng.

Thiện nam tử, bấy giờ vua Công Đức Lực dùng tay phải móc lấy hai mắt bố thí cho Ni-kiền Tử, máu chảy khắp cả mặt, vua nói:

– Chư Thiên, Long thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân... hoặc ở trong hư không, hoặc ở trên mặt đất, xin hãy cùng nghe ta nói: "Sự bố thí của ta hôm nay đều vì đạo Vô thượng Bồ-đề thanh tịnh Niết-bàn để cứu độ chúng sinh vượt bốn dòng nước dữ, khiến được an trụ vào Niết-bàn".

Lại bảo:

– Nếu ta chắc chắn thành Chánh giác, tuy làm việc như thế này nhưng mạng sống hiện nay không thể bị hủy hoại, không mất chánh niệm, không hối hận, giúp cho các chú thuật Ni-kiền Tử được thành tựu.

Lại bảo:

– Ông đã có thể đến lột lấy da của ta.

Thiện nam tử, khi ấy Ni-kiền Tử liền dùng dao bén lột lấy da vua và bảy ngày sau hoàn thành được chú thuật. Bấy giờ, trong bảy ngày, mạng sống của vua vẫn còn, nhưng vua không mất chánh niệm. Tuy chịu khổ cực như vậy nhưng vua không có một ý niệm hối hận nào cả.

Thiện nam tử, ông nên biết, khi ấy Bồ-tát Đại Bi thời ấy đâu phải là người nào khác, mà chính là thân Ta. Nơi đời quá khứ, bắt đầu phát tâm thành Chánh giác ở chỗ Phật Bảo Tạng. Vừa mới phát tâm, Ta đã khuyến hóa vô lượng, vô biên chúng sinh an trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiện nam tử, đấy là lần đầu tiên Ta dốc sức tinh tấn. Khi ấy, Ta nhờ diệu lực của bản nguyện nên qua đời, sinh vào nhà Chiên-đà-la, nơi thế giới Hoan hỷ, là lần thứ hai Ta hết mực tinh tấn, mạnh mẽ. Ta sinh trong gia đình Chiên-đà-la, giáo hóa chúng sinh sống theo pháp thiện, dùng uy lực của mình cho đến sinh làm Chuyển luân thánh vương, diệt trừ sự tranh giành, uế tạp ở cõi Diêm-phù-đề, khiến được thanh tịnh, tăng thêm tuổi thọ.

Đây là lần đầu tiên Ta xả bỏ thân, da và mắt.

Thiện nam tử, do bản nguyện nên Ta qua đời ở thế giới kia và sinh trở lại nơi thế giới Hoan hỷ, trong gia đình Chiên-đà-la, cho đến được làm Chuyển luân thánh vương, dùng uy lực lớn khiến chúng sinh sống trong pháp thiện. Nơi thế giới ấy, Ta lại diệt trừ được các việc oán tặc, tranh chấp, cấu uế, làm cho tuổi thọ của chúng sinh được tăng thêm. Ngay khi Ta vừa xả bỏ tai, lưỡi..., làm các việc lợi ích lớn như vậy nơi các cõi thiên hạ trong Tam thiên đại thiên thế giới xong, do nguyện lực nên Ta trước sau luôn tinh tấn bền vững như vậy. Lại ở những đời năm trược xấu ác nhiều như cát sông Hằng, Ta luôn tạo lợi ích lớn, an trụ chúng sinh trong pháp thiện và ba thừa, diệt trừ mọi thứ oán tặc, tranh giành, uế tạp.

Thiện nam tử, ngoài ra, thế giới thanh tịnh ở phương khác có chư Phật với bản hạnh khi cầu thành Vô thượng Chánh giác là không nói lỗi người khác, không nói lời thô ác đối với người khác, không dùng thế lực để biểu hiện sự khủng bố, không khuyến hóa chúng sinh vào Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa, cho nên sau khi chư Phật thành tựu viên mãn Chánh giác, được thế giới tươi đẹp thanh tịnh này, không có các danh từ tội lỗi, không có thọ giới, tai không bao giờ nghe lời thô ác, không có tiếng bất thiện, thường nghe tiếng chánh pháp, xa lìa tất cả các tiếng không vừa ý, được tự tại đối với tất cả chúng sinh, không có các danh từ Thanh văn, Bích-chi-phật.

Thiện nam tử, trong hằng hà sa đại kiếp, ở hằng hà sa các quốc độ không có Phật, với đời năm trược xấu ác, Ta dùng nhân duyên là lời thô ác, muốn giết chết để khiến cho chúng sinh sợ hãi và sau đó khuyến hóa giúp họ an trụ vào pháp thiện và trong ba thừa. Dư nghiệp của họ như vậy nên khiến ra có thế giới tệ ác như vậy. Do dùng âm thanh bất thiện nêu bày khắp thế giới nên nay có chúng sinh bất thiện đầy khắp thế giới ấy. Bản nguyện của Ta là thuyết giảng pháp ba thừa, nhận thế giới Phật, điều phục chúng sinh..., sự việc ấy là như vậy. Như Ta đã nói, luôn tinh tấn tu tập hành đạo Bồ-tát nên nay được chủng tử ban đầu giống như thế giới của Phật. Hiện tại bản nguyện của Ta đã được như thế.

Thiện nam tử, nay Ta sẽ nói sơ lược về việc Bố thí ba-la-mật của Ta xưa kia. Khi Ta thực hành Bố thí ba-la-mật, các Bồ-tát thời quá khứ khi hành đạo Bồ-tát cũng không thể làm được hạnh như vậy. Đời vị lai, người hành đạo Bồ-tát cũng không thể sánh kịp. Ta là Bồ-tát mà khi thực hành Bố thí ba-la-mật chỉ trừ tám vị thiện trượng phu thời quá khứ:

Bồ-tát thứ nhất tên Nhất Địa Đắc, tại cõi Nhất thiết quá hoạn ở

phương Nam này thành Bậc Chánh Giác hiệu là Phá Phiền Não Quang Minh gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Khi loài người thọ một trăm tuổi, Ngài ở đó thuyết pháp, sau bảy ngày nhập Bát-niết-bàn.

Bồ-tát thứ hai tên Tinh Tấn Thanh Tịnh, ở quốc độ Viêm xí, nơi phương Đông, thành Bậc Chánh Giác hiệu là Bách Công Đức gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Khi loài người thọ một trăm tuổi, Ngài ở đó thuyết pháp. Đức Phật ấy trải qua một hằng hà sa đại kiếp làm Phật sự xong, nhập Niết-bàn vô thượng. Cho đến nay, ở nước không có Phật, xá-lợi của Phật đó làm các Phật sự giống như Ta không khác.

Bồ-tát thứ ba tên Kiên Cố Hoa, siêng năng, tinh tấn tu tập các Tam-muội, dùng uy lực lớn làm việc bố thí. Vào đời vị lai, trải qua mười hằng hà sa đại kiếp, ở thế giới Hoan lạc nơi phương Bắc, thành Bậc Chánh Giác hiệu là Đoạn Ái Vương gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Bồ-tát thứ tư tên Tuệ Xí Nhiếp Thủ Hoan Hỷ, trải qua một đại kiếp, ở thế giới Khả úy nơi phương Tây, khi loài người thọ trăm tuổi, Bồ-tát ấy thành Bậc Chánh Giác hiệu là Nhật Tạng Quang Minh Vô Cấu Tôn Vương gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Nay ở trước Ta đang có hai Bồ-tát: Vị thứ nhất tên Nhật Quang, vị thứ hai tên Hỷ Tý. Vào đời vị lai, trải qua vô lượng, vô biên đại kiếp, ở quốc độ Khôi vụ thuộc phương Trên, kiếp tên Đại loạn, đời năm trược xấu ác, nhiều thứ phiền não, loài người thọ năm mươi tuổi, do bản nguyện nên Bồ-tát Nhật Quang ở trong đó thành Bậc Chánh Giác, hiệu là Bất Tư Nghị Nhật Quang Minh gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Trong khoảng mười năm thực hiện đầy đủ mọi Phật sự và Bát-niết-bàn, ngay ngày Niết-bàn, chánh pháp cũng diệt. Sau đó, suốt mười năm không có Phật, tuổi thọ của loài người giảm dần xuống còn ba mươi tuổi, Bồ-tát Hỷ Tý do bản nguyện nên ở trong thời ấy được thành Bậc Chánh Giác hiệu là Thắng Nhật Quang Minh gồm

đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, cũng thực hiện đầy đủ mọi Phật sự trong mười năm rồi Bát-niết-bàn. Bát-niết-bàn xong, do bản nguyện, chánh pháp trụ ở đời đủ bảy mươi năm.

Bấy giờ, ở trước Phật vừa được nghe thọ ký thành Chánh giác nên hai Bồ-tát rất hoan hỷ, cúi đầu kính lễ. Do hoan hỷ nên hai vị liền bay vút lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, chắp tay hướng Phật, đồng thanh đọc kệ:

Ánh sáng Như Lai
Vượt hơn nhật nguyệt
Ngay trong đời ác
Thuyết trí tuệ lớn
Điều ngự bạch tịnh
Không còn cấu uế
Luận nghị vi diệu
Phá dẹp ngoại đạo.
Con vô lượng kiếp
Tu định Vô tưởng
Để cầu Bồ-đề
Thắng diệu vô thượng
Cúng dường chư Phật
Nhiều như hằng sa.
Phật thời quá khứ
Chưa thọ ký con
Thế Tôn ly dục
Tâm được giải thoát
Nơi đời tối tăm
Giỏi làm Phật sự
Giảng thuyết pháp cho
Chúng sinh lạc đường
Khiến thoát qua khỏi
Dòng nước sinh tử,
Nay nguyện của con
Tự tại nơi đây
Pháp Phật thanh tịnh
Xuất gia tu đạo
Tịnh giới giải thoát

Làm đúng như lời
Định tâm quán Phật
Như bóng theo hình
Không vì lợi dưỡng
Chỉ cầu chánh pháp
Được nghe pháp xong
Uống vị cam lộ
Cho nên Thế Tôn
Thọ ký cho con
Nơi đời vị lai
Đắc đạo Vô thượng.

Thiện nam tử, ngoài hai người chưa phát tâm ra, những vị đã phát tâm là:

1. Nhật Quang,

2. Hỷ Tý.

Và trước đó có bốn vị:

1. Địa Đắc,

2. Tinh Tấn Tịnh,

3. Kiên Cố Hoa,

4. Tuệ Xí Nhiếp Thủ Hoan Hỷ.

Cộng lại, có tám người, trong đó có sáu Bồ-tát ban đầu đã được Ta khuyến hóa làm cho phát tâm thành Chánh giác.

Thiện nam tử, nay ông hãy lắng nghe nhân duyên của thời quá khứ, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về trước. Bấy giờ thế giới này tên Vô cấu Tu-di, loài người thọ trăm tuổi, có Phật ra đời hiệu Hương Liên Hoa, sau khi Phật ấy Bát-niết-bàn, trong đời tượng pháp, lúc đó Ta làm Chuyển luân thánh vương Đại Cường Lực, hiệu Nan Thư Hoại, là vua cõi Diêm-phù-đề, có ngàn người con được ta khuyến hóa, khiến đều phát tâm thành Bậc Chánh Giác Vô Thượng. Sau đó, cũng trong đời tượng pháp, họ theo pháp của Phật Hương Liên Hoa xuất gia tu tập, phát huy rực rỡ giáo pháp của Phật để lại, chỉ trừ sáu người con không chịu phát tâm Bồ-đề, xuất gia học đạo. Khi ấy, Ta luôn luôn bảo:

– Các khanh nay muốn cầu gì? Vì sao không phát tâm cầu đạo Vô thượng, xuất gia tu hành?

Sáu người con thưa:

– Không nên xuất gia. Vì sao? Nếu ở thời gian cuối cùng của đời

tượng pháp mà xuất gia thì không thể hộ trì và thành tựu giới tụ, xa lìa bảy Thánh tài. Do không hộ giới, khi qua đời sẽ bị rơi trong bùn nhơ sinh tử, đọa vào ba đường ác, không được sinh lên cõi trời, trong loài người. Vì vậy, chúng con không thể xuất gia tu hành.

Thiện nam tử, lúc ấy Ta lại hỏi:

– Vì sao các khanh không phát tâm cầu đạo Vô thượng?

Sáu người con đáp:

– Nếu có thể cho chúng con cõi Diêm-phù-đề, sau đó chúng con sẽ phát tâm thành Chánh giác.

Thiện nam tử, nghe như vậy, Ta rất vui mừng, suy nghĩ: "Ta đã chỉ dạy người cõi Diêm-phù-đề thọ trì ba quy y, giữ gìn tám trai giới, tu tập theo ba thừa. Nay Ta sẽ phân cõi Diêm-phù-đề này ra làm sáu phần cho sáu người con khiến họ phát tâm cầu đạo Vô thượng, sau đó, Ta sẽ xuất gia tu hành". Sau khi suy nghĩ như vậy, Ta bèn phân cõi Diêm-phù-đề làm sáu phần cho các con, rồi đi xuất gia.

Sáu vị vua này lại chống đối nhau, không hòa thuận, cướp bóc, gây chiến tranh, tạo mọi gông cùm xiềng xích tác hại lẫn nhau.

Bấy giờ, khắp cả cõi Diêm-phù-đề lúa mạ không mọc, dân chúng khổ cực, mưa nắng không đúng mùa, cây cối không trổ hoa trái, cỏ thuốc không mọc; muôn dân, các loài cầm thú thảy đều bị đói khát, thân như bị lửa cháy thiêu đốt. Khi ấy, Ta lại suy nghĩ: "Lúc này Ta nên từ bỏ thân thể, đem da và máu thịt của mình bố thí cho chúng sinh, giúp cho họ được no đủ".

Nghĩ như vậy xong, từ chỗ ở nơi A-lan-nhã, Ta đi đến thế giới của loài người. Giữa đường có ngọn núi tên Thủy ái hộ, Ta ở tại núi này nói kệ phát nguyện:

Như Ta tự bỏ
Thân mạng của mình
Vì tâm đại bi
Không cầu quả báo
Chỉ vì lợi ích
Người và chư Thiên
Nguyện làm núi thịt
Thí cho chúng sinh.
Nay Ta đã bỏ
Thân tướng đoan nghiêm
Không cầu Đế Thích
Thiên ma, Phạm vương

Chỉ vì lợi ích
Trời, người vị lai
Đem thân máu thịt
Cho các chúng sinh.
Chư Thiên, Long, Thần
Nhân và Phi nhân
Kẻ ở núi rừng
Hãy nghe Ta nói
Vì các chúng sinh
Ta phát đại bi
Tự đem máu thịt
Cung cấp cho họ.

Thiện nam tử, ngay khi Ta phát nguyện như vậy xong thì các cõi trời đều rúng động. Đại địa, núi Tu-di, biển lớn, đều chấn động sáu cách. Trời, người, đại chúng thảy kêu gào thương xót. Bấy giờ, Ta ở núi Thủy ái hộ tự gieo mình xuống, do nguyện lực nên thân liền hóa thành núi thịt cao một do-tuần, chiều ngang và dọc đều bằng một do-tuần. Bấy giờ, thú chạy, chim bay, muôn dân... bắt đầu cùng nhau lần lượt uống máu, ăn thịt Ta. Do bản nguyện của Ta nên vào khoảng giữa đêm, thân càng thêm to lớn, cho đến cao tới một ngàn do-tuần, ngang dọc cũng đều bằng một ngàn do-tuần, tự nhiên ngay nơi thân mọc ra những đầu người đầy đủ tai, mắt, mũi, miệng, môi, lưỡi. Mỗi cái đầu đều kêu lên thế này:

– Này các chúng sinh, mỗi người hãy tùy ý đến lấy mà dùng. Uống máu, ăn thịt, lấy đầu, mắt, tai, mũi, môi, lưỡi, răng... Sau đó đều phát tâm thành Chánh giác, hoặc phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật.

Các khanh nên biết, vật này thật là vô cùng tận, ăn vào dễ tiêu, sống lâu không chết yểu. Người có trí sáng, uống máu, ăn thịt, lấy đầu, mắt, tai, mũi, lưỡi, thì hoặc phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật thừa, hoặc phát tâm thành Chánh giác, hoặc cầu giàu vui trong loài người, trên trời. Do bản nguyện nên đến vạn năm, thân ấy không tổn giảm. Người và quỉ thần, chim bay, thú chạy trong cõi Diêm-phù-đề, tất cả đều được đầy đủ. Trong vạn năm, Ta đã bố thí mắt như số cát một sông Hằng, đã bố thí máu như nước bốn biển lớn, đã xả bỏ thịt như ngàn núi Tu-di, đã bỏ lưỡi như núi Đại Thiết vi, đã bỏ tai như núi Thuần-đà-la, bỏ mũi như núi Tỳ-phú-la, bỏ răng như núi Kỳ-xà-quật; bỏ thân, da như đất... trong ba ngàn đại thiên thế giới.

Thiện nam tử, ông nên biết, trong vạn năm xưa kia Ta đã xả bỏ vô

lượng, vô biên a-tăng-kỳ thân, trong từng mạng sống của mình đã dùng máu thịt cung cấp cho vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng sinh, khiến họ đều được no đủ mà không có một chút ý niệm hối hận nào. Lúc ấy, Ta lại nguyện:

– Nếu Ta nhất định thành Chánh giác, sở nguyện thành tựu, bản thân được lợi ích, ta ở cõi Diêm-phù-đề này trong một vạn năm, tự đem máu thịt cung cấp cho tất cả vô lượng chúng sinh. Như vậy, trong hằng hà sa vạn năm, ta làm núi máu thịt lớn như núi Vô cấu Tu-di khắp cả ba ngàn thế giới. Mỗi một thiên hạ trong vạn năm, Ta tự đem máu thịt, đầu, mắt, tai... cung cấp cho chúng sinh. Cho nên Trời, Rồng, Quỉ, Thần, Nhân và Phi nhân, tất cả hàng súc sinh, dù ở hư không hay ở trên đất, cho đến loài ngạ quỉ cũng đều được no đủ. Sau đó, Ta khuyến hóa thảy đều tu tập theo pháp Tam thừa, hoặc trong một thế giới Phật này, đã làm cho chúng sinh được đầy đủ xong, cho đến khắp mười phương thế giới năm trược xấu ác nhiều như cát sông Hằng, ta lại xả máu thịt, đầu, mắt, tai, mũi... cung cấp cho chúng sinh đều được đầy đủ. Như vậy, như trong một hằng hà sa đại kiếp, Ta tự xả bỏ thân mạng để bố thí cho chúng sinh. Nếu nguyện Ta không thành, bản thân Ta không được lợi ích, tức là dối trá vô lượng, vô biên chư Phật Thế Tôn trong mười phương, vì các chúng sinh mà chuyển pháp luân, Ta chắc chắn không được thành Chánh giác, bị ở mãi nơi sinh tử, hoàn toàn không được nghe tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tỳ-kheo Tăng, tiếng Ba-la-mật, tiếng Vô sở úy, cho đến tất cả các tiếng nói về thiện căn. Nếu Ta không thể thành tựu được việc xả thân bố thí đầy đủ cho chúng sinh thì thường đọa địa ngục A-tỳ.

Thiện nam tử, thuở xưa, những nguyện của Ta phát ra như vậy, đều được thành tựu. Ở mỗi một cõi thiên hạ, Ta xả thân máu thịt cung cấp cho chúng sinh, khiến được no đủ. Tuần tự, trong các thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng khắp mười phương, Ta đều xả thân máu thịt cung cấp cho chúng sinh, luôn khiến họ đều được đầy đủ.

Thiện nam tử, ông nên biết, Ta lúc bấy giờ vì Bố thí ba-la-mật nên tuần tự xả thân bố thí như vậy. Nếu đem mắt đã bố thí gom lại thì đầy cả cõi Diêm-phù-đề và cao đến trời Đao-lợi.

Thiện nam tử, đây gọi là Như Lai nói sơ lược sự việc xả thân Bố thí ba-la-mật.

Lại nữa Thiện nam tử, trải qua vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp như thế, bấy giờ thế giới này chuyển tên là Nguyệt điện, cũng ở đời năm trược xấu ác, thời ấy, Ta làm Chuyển luân thánh vương, là vua cõi Diêm-phù-

đề, hiệu là Đăng Quang Minh. Ta cũng dạy vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ người an trụ trong các pháp thiện như nói ở trên. Làm việc này xong, dạo nơi vườn rừng xem đất đai, thấy có một người bị trói, Ta liền hỏi:

– Người này phạm lỗi gì?

Đại thần tâu:

– Những người làm ruộng thâu được lúa mạch phải phân làm sáu và nộp quan một phần. Người này không tuân theo pháp vua, không chịu đem nộp lúa cho nên bị trói.

Lúc ấy, Ta ra lệnh thả ra và từ nay về sau không cần bắt buộc nộp.

Đại thần tâu:

– Thế trong dân chúng sẽ không có một người nào phát tâm hoan hỷ theo nghĩa vụ của mình mà đem nộp lúa cả. Như vậy, sự chi dụng, ăn mặc của các con vua, quyến thuộc, quý nhân, thể nữ trong hậu cung, tất cả đều phải cố lấy từ những người bên cạnh, vì không có một người dân nào đem nộp với tâm thanh tịnh.

Ta nghe như vậy rất ưu sầu, tự suy nghĩ: "Cõi Diêm-phù-đề này sẽ đem cho ai? Ta có năm trăm người con, trước đã khiến chúng phát tâm cầu đạo Vô thượng, sẽ phân đất này làm năm trăm phần chia đều cho các con. Ta sẽ xuất gia, đến chốn A-lan-nhã tu các pháp tiên, học phạm hạnh thanh tịnh". Suy nghĩ xong, Ta liền phân đất này làm năm trăm phần chia đều cho các con, rồi xuất gia nơi rừng cây Uất-đầu-ma ở bờ biển phía Nam, ăn các trái cây. Ta tu học lần lần đạt được năm thần thông.

Thiện nam tử, khi ấy ở cõi Diêm-phù-đề có năm trăm người buôn vào biển lớn muốn tìm châu báu. Có một thương chủ tên là Măn Nguyệt, người này nhân có phước đức từ đời trước nên được như nguyện, đến nơi bãi lấy rất nhiều các thứ châu báu xong, muốn trở về cõi Diêm-phù-đề.

Lúc ấy, thần biển lớn tiếng khóc lóc, rất nhiều rồng nổi giận, muốn hại thương nhân, có một Long vương tên Mã Kiên, là Đại Bồ-tát, do bản nguyện nên sinh trong loài rồng, phát tâm từ bi cứu hộ các thương gia, giúp họ được yên ổn vượt qua biển lớn, đến bờ bên kia. Sau đó, Long vương trở về nơi bản xứ.

Bấy giờ lại có một La-sát đại ác đuổi theo thương nhân như bóng theo hình, muốn làm hại. La-sát ác này ngay trong ngày đó nổi gió bão lớn, khiến các thương nhân hoảng hốt nên bị lạc đường, hết sức sợ hãi, gào khóc thất thanh, kêu gọi chư Thiên Ma-hê-thủ-la, thần đất, thần nước, thần lửa, thần gió; lại gọi cha mẹ, vợ con, quyến thuộc xin cứu giúp cho họ.

Thiện nam tử, ngay khi ấy dùng Thiên nhĩ thanh tịnh nghe được âm thanh đó, Ta liền đến nơi, dùng tiếng êm dịu vỗ về, an ủi họ: "Chớ sợ hãi, ta sẽ chỉ đường giúp cho các ngươi trở về cõi Diêm-phù-đề được an ổn".

Thiện nam tử, ngay khi ấy Ta dùng lụa trắng quấn cánh tay, đem dầu rưới lên đó, đốt để làm đuốc và phát lời nguyện chân thật:

– Ta trước kia nhờ ở rừng Uất-đầu-ma, trong ba mươi năm chuyên tinh tu hành Tứ vô lượng tâm, vì các chúng sinh ăn trái cây, khuyến hóa tám vạn bốn ngàn các Rồng, Dạ-xoa, Thần... được Bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do căn lành này, nay Ta đốt cánh tay để chỉ đường, giúp cho các thương gia trở về cõi Diêm-phù-đề được an ổn.

Cánh tay cháy sáng đến bảy ngày bảy đêm nên các thương nhân được an ổn trở về cõi Diêm-phù-đề.

Thiện nam tử, khi ấy Ta lại phát thiện nguyện:

– Nếu cõi Diêm-phù-đề không có các châu báu và nếu Ta chắc chắn thành Chánh giác, bản thân được lợi ích thì Ta sẽ làm thương chủ trong mỗi thiên hạ có bảy lần mưa vật báu. Ta lại vào biển lớn lấy ngọc như ý khiến cho nơi mỗi thiên hạ lại mưa vô số vật báu xen lẫn nhau, tuần tự như vậy khắp cả thế giới này, cho đến vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ các thế giới trong mười phương cũng như vậy.

Thiện nam tử, thuở xưa các nguyện Ta đã phát đều được thành tựu. Trong một hằng hà sa đại kiếp, Ta làm thương chủ giàu có vô cùng. Nơi hằng hà sa đời năm trược xấu ác, trong một ngày có bảy lần mưa vô số châu báu, tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh như vậy. Sau khi giúp cho tất cả đều được đầy đủ châu báu, Ta lại khuyến hóa họ tu học theo ba thừa.

Thiện nam tử, ông nên biết đó là Như Lai xả bỏ các châu báu để được nhân duyên thiện căn của các tướng.

Lại nữa Thiện nam tử, trải qua vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ kiếp như vậy, thế giới Phật này chuyển tên là Võng, kiếp tên Tri cụ túc, dân chúng nơi đời năm trược đó sống năm vạn tuổi. Do bản nguyện, Ta sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, trong nhà Bà-la-môn tên là Tu Hương, đọc tụng văn tự ngoại điển Xiển-đà. Khi ấy, chúng sinh phần nhiều chấp vào thường kiến nên xem nhau như giặc, luôn tranh giành nhau. Ta dùng uy lực mạnh, vì các chúng sinh mà thuyết giảng năm thọ ấm giống như oan gia, nói rõ về thuyết mười hai nhập như xóm làng hoang vắng, thuyết tánh mười hai duyên luôn sinh diệt, chỉ dạy pháp sổ tức quán, làm cho họ tu học. Ta lại

bảo:

– Nay quý vị có thể phát tâm đem thiện căn đã làm mà hồi hướng thành Chánh giác.

Ngay khi ấy, Ta tự nhiên được ngũ thông của bậc Thần tiên. Có vô lượng, vô biên, vô số người thọ trì lời Ta dạy nên đều được Ngũ thông.

Lại có vô lượng, vô biên chúng sinh diệt trừ oán thù, xa lìa tranh giành và muốn xuất gia, ăn rau, trái cây, hạt cỏ, ngày đêm tu tập Tứ vô lượng tâm. Hết kiếp Dục ấy, các vị đó, mỗi người đều phân tán đi khắp cõi Diêm-phù-đề giáo hóa chúng sinh, làm cho xa lìa mọi tranh chấp, diệt trừ oán hận, khiến đều được vắng lặng. Họ làm cho khắp nơi không còn bị hạn hán, bão tố, lụt lội... Đất nơi đó được màu mỡ, lúa thóc được mùa, thức ăn uống ngon, nhiều. Sau khi kiếp Dục hết, chúng sinh lại bị vô số bệnh khổ bức bách.

Thiện nam tử, bấy giờ Ta lại suy nghĩ: "Nếu không thể trừ bệnh cho chúng sinh, Ta chắc chắn không thành Chánh giác. Vậy phải trừ diệt phiền não cho các chúng sinh. Ta nên dùng những phương tiện gì để dứt trừ? Chỉ có tập họp tất cả đại chúng chư Thiên ở các cõi Đao-lợi, Thích thiên, Phạm thiên, Tứ thiên vương... và các Thiên tiên, Long tiên, Nhân tiên, hỏi về các phương thuốc, tập họp các cỏ và vô số chú thuật để chữa bệnh".

Suy nghĩ xong, Ta liền dùng thần thông đến Thích thiên, Phạm thiên, Tứ đại vương thiên và chỗ của các Trời, Thần, Rồng, Người, Tiên, nói:

– Xin các vị cùng đến tập họp ở núi Tỳ-la.

Nghe xong, đại chúng liền tập họp và cùng nhau trì tụng chú thuật Tỳ-đà. Chú này có năng lực xua đuổi tất cả quỉ thần ác, ủng hộ chúng sinh. Ta dùng các phương thuốc để trị liệu những bệnh đàm ấm, phong hàn, nóng lạnh... khiến cho vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ người được xa lìa các khổ não.

Thiện nam tử, khi ấy Ta lại phát nguyện:

– Như Ta đã làm cho vô lượng, vô biên chúng sinh trong một thiên hạ này được trí tuệ sáng, tu học theo pháp ba thừa, đóng ba cửa ác, mở đường nơi cõi trời người, trừ các bệnh khổ, khiến được hoan hỷ. Lại nữa, tuần tự Ta làm cho vô lượng, vô biên, vô số người được trí tuệ sáng, cho đến được vui sướng. Do duyên lành của quả báo ấy, khiến nguyện của Ta được thành tựu, bản thân mau đạt lợi ích. Như Ta đã vì vô lượng, vô biên, vô số người trong một thiên hạ này mà đóng ba đường ác, mở đường nơi cõi trời người, vì các người bệnh mà thỉnh các Trời, Rồng, Người, Thần,

Tiên tập họp ở núi Tỳ-la tụng chú Tỳ-đà, giúp cho vô lượng, vô biên, vô số người được hết bệnh, hưởng thọ an lạc. Như vậy, Ta làm lợi ích cho tất cả vô lượng chúng sinh ở khắp nơi trong thế giới Võng tu học theo ba thừa, đóng ba đường ác, mở đường vào cõi trời người. Ta lại cũng vì những người bệnh trong thế giới này mà thỉnh chư Thiên, Long, Thần, Tiên, Người tập họp ở núi Tỳ-la, tụng chú Tỳ-đà, khiến vô lượng, vô biên, vô số người đều được hết bệnh, hưởng thọ an lạc; cho đến hằng hà sa các thế giới với đời năm trược xấu ác khắp mười phương cũng đều được Ta cứu giúp như vậy.

Thiện nam tử, khi ấy ở thế giới Võng cho đến đời năm trược xấu ác nhiều như cát sông Hằng trong mười phương, các nguyện mà Ta đã phát đều được thành tựu.

Thiện nam tử, ông nên biết, khi Như Lai còn là Bồ-tát, luôn tăng trưởng trí tuệ, tu Bồ-tát đạo nên gọi là Như Lai bảo hộ chủng tử thiện căn của ba nghiệp thân, miệng, ý.

□

KINH BI HOA

QUYỂN 10

Phẩm 5: BỐ THÍ BA-LA-MẬT (PHẦN 3)

Phật bảo Bồ-tát Tịch Ý:

– Thiện nam tử, sau đó trải qua vô lượng, vô biên, vô số kiếp, cõi này đổi tên là Tuyển trạch chư ác, đại kiếp tên Thiện đẳng cái, cũng đời năm trược xấu ác.

Về phương Đông, cách đây năm mươi bốn cõi thiên hạ, cõi Diêm-phù-đề kia tên là Lư-bà-la, do nguyện lực nên Ta sinh vào nơi đó và làm Chuyển luân thánh vương, cai trị bốn cõi thiên hạ, hiệu là Hư Không Tịnh, chỉ dạy các chúng sinh tu tập theo mười điều thiện và ba thừa. Lúc ấy, Ta bố thí cho tất cả chúng sinh không có sự phân biệt. Có vô số những người ăn xin theo Ta xin các vật quý báu như vàng bạc, lưu ly, pha lê, tiền tài, hàng hóa, ngọc lưu ly xanh lớn, ngọc ma-ni đỏ... Vật quý báu thì ít mà người xin quá đông nên đại thần thưa không đủ. Ta hỏi đại thần:

– Châu báu này có từ đâu?

Đại thần tâu:

– Đó là do Long vương hiện ra. Tuy có các vật báu này nhưng chỉ để cúng dường Thánh vương, không thể có đủ để cho tất cả mọi người đến xin như thế.

Khi ấy, ta phát thệ nguyện rộng lớn:

– Thời vị lai, trong đời năm trược xấu ác, loài người thọ trăm tuổi, dày đặc phiền não, chắc chắn ta thành Chánh giác. Nếu nguyện của ta được thành tựu, bản thân được lợi ích thì ta làm Đại Long vương, hiện ra vô số kho châu báu nơi thế giới Tuyển trạch chư ác này. Khắp mọi nơi trong tứ thiên hạ, mỗi một thiên hạ ta đều có bảy lần thọ thân, mỗi thân hiện ra vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kho châu báu, mỗi kho báu ngang dọc đều bằng một ngàn do-tuần. Các kho tàng ấy đều có đầy vô số châu báu, cung cấp cho chúng sinh như đã nói ở trên. Như trong một thế giới này, Ta luôn thể hiện sự tinh tấn, tuần tự như vậy, ở khắp cả hằng hà sa các quốc

độ không có Phật, với đời năm trược xấu ác khắp mười phương, nơi mỗi thiên hạ, mỗi một Phật độ, Ta đều bảy lần thọ thân... *như đã nói ở trên*.

Thiện nam tử, khi Ta phát thiện nguyện như vậy thì có trăm ngàn ức chư Thiên ở trong hư không mưa vô số hoa và khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Ý muốn bố thí cho tất cả, nay đại vương đã được như nguyện.

Thiện nam tử, khi ấy đại chúng nghe chư Thiên gọi vua Hư Không Tịnh hiệu là "Bố thí tất cả" nên cùng bảo với nhau:

– Chúng ta nên đến gặp nhà vua để cầu xin vật khó cho. Nếu vua có thể cho, mới được gọi là "Bố thí tất cả". Nếu không, sao có thể được gọi là "Bố thí tất cả"?

Bấy giờ, mọi người đều đi đến gặp vua để xin phu nhân, xin thể nữ và thái tử... trong hậu cung. Nghe họ xin xong, vua Chuyển luân rất vui mừng, theo sự cầu xin mà cung cấp cho tất cả. Mọi người lại bảo nhau:

– Thê tử đều dễ cho, không phải là việc khó. Nay chúng ta nên theo vua xin thân thể, tay chân... Nếu vua cho thì mới có thể được gọi là chân thật cho tất cả.

Lúc ấy, mọi người đến gặp đại vương. Trong chúng đến xin này có một người trẻ tuổi tên Thanh Quang Minh, thọ trì giới luật của loài chó, đến trước Chuyển luân vương thưa:

– Đại vương, nếu ngài là người bố thí cho tất cả, cúi xin ngài cho tôi cõi Diêm-phù-đề này.

Ta nghe xong rất vui mừng, liền đem nước thơm tắm rửa cho người đó, cho mặc y phục mềm mại hảo hạng, làm lễ quán đảnh và cho kế thừa ngôi vị Thánh vương, rồi đem cõi Diêm-phù-đề trao cho người đó. Ta lại phát nguyện:

– Như Ta đã bố thí cõi Diêm-phù-đề, do sự việc này, Ta sẽ thành Chánh giác, nguyện cầu được thành tựu, bản thân được lợi ích. Dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề này sẽ vâng lời, tôn kính người này làm vua; lại khiến vị Chuyển luân vương ấy sống lâu vô cùng. Ta thành Chánh giác xong, sẽ thọ ký cho họ: chỉ còn một đời sẽ được thành Phật.

Có Bà-la-môn tên Lư Chí đến xin Ta hai chân, nghe xong, Ta rất hoan hỷ, liền đem dao bén tự chặt hai chân cho người kia. Cho xong, Ta phát nguyện:

– Nguyện vào đời sau Ta sẽ được chân là Giới vô thượng.

Có Bà-la-môn tên Nha, đến xin Ta hai mắt. Nghe xong Ta rất hoan

hỷ, liền móc hai mắt cho người kia. Cho xong, Ta phát nguyện:

– Nguyện vào đời sau Ta sẽ được đầy đủ năm loại mắt vô thượng.

Không bao lâu, có Bà-la-môn tên Tịnh Kiên Lao đến xin Ta hai tai. Nghe xong, Ta rất hoan hỷ, liền tự cắt tai cho người kia. Cho xong, Ta phát nguyện:

– Nguyện đời sau Ta sẽ có được tai đầy đủ trí tuệ vô thượng.

Sau đấy, có Ni-kiền Tử tên Tưởng, đến xin Ta nam căn. Nghe xong, Ta rất hoan hỷ, liền cắt cho ngay. Cho xong, Ta phát nguyện:

– Nguyện Ta vào đời sau thành Chánh giác, được tướng Mã âm tàng.

Lại có người đến xin máu thịt của thân Ta. Nghe xong, Ta rất hoan hỷ, liền cho ngay. Cho xong, Ta phát nguyện:

– Nguyện Ta vào đời sau được đầy đủ tướng thân màu vàng ròng vô thượng.

Sau đấy, có Bà-la-môn tên Mật Vị, đến xin Ta hai tay. Nghe xong, Ta rất hoan hỷ, dùng tay phải cầm dao cắt tay trái và nói:

– Tay phải này Ta không thể tự cắt, khanh hãy tự cắt lấy.

Cho như vậy xong, Ta phát nguyện:

– Nguyện Ta vào đời sau sẽ được tay thành thật vô thượng.

Thiện nam tử, cắt tay chân như vậy xong, thân thể đổ máu, Ta lại phát nguyện:

– Nhân việc bố thí này, Ta chắc chắn thành Chánh giác, nguyện của Ta được thành tựu, bản thân được lợi ích thì phần thân còn lại này cũng có được người nhận nữa. Nếu không phải bậc Thánh thì không hiểu được ý nghĩa này.

Các vị tiểu vương và các đại thần đều bảo:

– Than ôi! Phải chăng là quá ngu muội! Vì lẽ gì tự cắt thân thể, tay chân, khiến cho trong một lúc mà các chi phần nơi thân thể bị mất hết, còn lại cục thịt này thì có giá trị gì?

Bấy giờ, các đại thần liền đem thân Ta ra ngoài thành, để giữa nghĩa địa rồi cùng trở về. Khi ấy, có vô số ruồi muỗi đến hút máu Ta. Loài chim ưng, chồn, hổ, sói... đều đến ăn thịt Ta. Lúc ấy, mạng sống Ta chưa dứt hẳn, tâm rất hoan hỷ, Ta lại phát nguyện:

– Hiện nay Ta xả bỏ tất cả tay chân và các phần thân thể của mình để bố thí, không sinh một ý niệm tức giận và hối hận. Nếu nguyện của Ta thành tựu, bản thân được lợi ích, sẽ khiến cho thân này thành núi thịt lớn, để các chúng sinh uống máu ăn thịt đến đây tùy ý ăn uống.

Ta phát nguyện như vậy xong, liền có các chúng sinh cùng nhau đến ăn uống. Do diệu lực của bản nguyện, thân Ta chuyển biến cao lớn cả ngàn do-tuần, chiều ngang, dọc đều bằng năm trăm do-tuần, cung cấp máu thịt cho chúng sinh mãn ngàn năm. Ngay khi ấy, Ta xả bỏ lưỡi, giúp cho các loài hổ lang, chim ưng, chim điêu thứu... được no đủ. Do nguyện lực nên lưỡi Ta mọc lại như cũ, nếu gom lại thì lớn như núi Kỳ-xà-quật. Làm việc bố thí này xong, Ta lại nguyện:

– Nguyện Ta vào đời sau được thành tựu đầy đủ tướng lưỡi dài rộng.

Thiện nam tử, khi Ta qua đời ở cõi Diêm-phù-đề, do bản nguyện nên sinh vào loài rồng, làm Đại Long vương tên là Thị Hiện Bảo Tàng. Ngay đêm sinh ra, Ta hiện ra trăm ngàn ức na-do-tha vô số kho báu và tự lệnh:

– Hiện nay, trong thế giới này có nhiều kho báu, ở đó gồm đầy đủ các vật báu quý lạ như kim, ngân cho đến ngọc báu ma-ni.

Nghe truyền như vậy, các chúng sinh này đều tự do đến lấy các vật báu tùy ý dùng. Dùng đầy đủ xong, mọi người đều thực hành mười điều thiện, phát tâm thành Chánh giác, hoặc phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Vào thời gian ấy, Ta sinh trở lại bảy lần, làm Long vương, sống lâu bảy vạn bảy ngàn ức na-do-tha trăm ngàn năm, hiện ra vô lượng, vô biên, vô số kho báu cho các chúng sinh, khiến vô lượng, vô biên, vô số người tu học theo ba thừa, khuyên họ thực hành đầy đủ mười đường thiện đạo. Sau khi đem vô lượng châu báu cho chúng sinh được đầy đủ, Ta lại phát nguyện:

– Nguyện vào đời vị lai Ta sẽ được đầy đủ ba mươi hai tướng tốt.

Như vậy, nơi cõi thiên hạ thứ hai, Ta cũng bảy lần sinh làm Đại Long vương như trên. Khắp nơi khắp chốn trong các thế giới, Ta đều thực hiện vô lượng lợi ích như vậy. Khắp vô lượng, vô biên thế giới trong mười phương, mỗi một cõi thiên hạ, mỗi một cõi Phật, Ta cũng sinh lại bảy lần làm Đại Long vương, sống lâu bảy vạn bảy ngàn ức na-do-tha trăm ngàn năm, hiện ra vô lượng, vô biên, vô số kho báu và cũng tạo mọi lợi ích như trước.

Thiện nam tử, ông nên biết, đó là khi làm Bồ-tát, Như Lai đã hết sức tinh tấn cầu nhân duyên để được ba mươi hai tướng.

Thiện nam tử, sự tinh tấn của Như Lai khi hành Bồ-tát đạo, trừ tám vị trượng phu kể trên, trong đời quá khứ, hoàn toàn không ai có thể sánh kịp. Nếu quá khứ đã không có ai, nên biết rằng các Bồ-tát đời vị lai cũng không ai có thể hành động siêng năng sâu xa như Ta đã làm.

Thiện nam tử, lại trải qua vô lượng, vô biên, vô số kiếp, thế giới này chuyển tên là San hô trì, kiếp tên Hoa thủ. Bấy giờ, vào đời năm trược

không có Phật, ở đó Ta làm Thích Đề-hoàn Nhân tên Thiện Nhật Quang Minh, quan sát cõi Diêm-phù-đề thấy các chúng sinh chuyên làm việc ác, Ta liền hóa thành hình dáng Dạ-xoa đáng kinh sợ, xuống cõi Diêm-phù-đề đứng trước mọi người. Thấy Ta, mọi người đều rất sợ hãi, hỏi Ta muốn gì thì hãy nói.

Ta đáp:

– Chỉ cần ăn uống, chứ không cần gì khác.

Họ lại hỏi:

– Muốn ăn những gì?

Ta đáp:

– Chỉ cần giết người để ăn máu thịt. Nếu các ngươi có thể trọn đời giữ giới bất sát, cho đến chánh kiến, phát tâm thành Chánh giác, hoặc phát tâm thành Thanh văn, Duyên giác thì Ta sẽ không ăn nuốt các ngươi.

Thiện nam tử, khi ấy Ta thường biến ra những hóa nhân đòi cung cấp việc ăn uống. Thấy Ta như vậy, chúng sinh càng thêm sợ hãi, nên đều thọ trì giới bất sát cho đến chánh kiến trọn đời, hoặc phát tâm thành Chánh giác, hoặc phát tâm theo Thanh văn, Bích-chi-phật thừa.

Sau khi khuyên tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề tu hành mười điều thiện, trụ vào Tam thừa xong, Ta lại phát nguyện:

– Nếu Ta chắc chắn thành Chánh giác, nguyện của Ta được thành tựu, bản thân được lợi ích thì Ta sẽ khuyến hóa người trong Tứ thiên hạ này làm theo mười điều thiện. Cho đến khắp trong thế giới ấy, ở bất cứ chỗ nào trong Tứ thiên hạ, Ta đều dùng tướng mạo như vậy khiến cho các chúng sinh thực hành mười điều thiện. Ta khuyến hóa khắp một thế giới như vậy phát tâm tu tập theo ba thừa xong, cho đến trong vô lượng, vô biên vô số đời năm trược xấu ác, các quốc độ không có Phật khắp mười phương cũng được như thế.

Thiện nam tử, khi ấy, Ta phát nguyện xong, thành tựu tất cả, nơi thế giới San hô trì hóa làm hình dáng Dạ-xoa đáng sợ để điều phục chúng sinh, khiến họ tu tập theo mười điều thiện và trụ trong ba thừa. Như vậy, trong vô lượng, vô biên vô số đời năm trược xấu ác, nơi các quốc độ không có Phật khắp mười phương, Ta hóa làm hình dáng Dạ-xoa để điều phục chúng sinh, khiến tu hành theo mười điều thiện, trụ trong ba thừa. Thuở xưa, Ta đã dùng phương tiện khiến chúng sinh sợ hãi để họ thực hành mười điều thiện, tu tập theo ba thừa. Do nghiệp quả từ nhân duyên này nên nay Ta được ngồi bên cội cây Bồ-đề, khi sắp thành Chánh giác, còn bị Thiên ma Ba-tuần cho các chúng ma đến chỗ Ta nhằm phá hoại, làm rối loạn đạo Bồ-

đề của Ta.

Thiện nam tử, Ta lược thuyết về Bố thí ba-la-mật của Ta khi còn hành Đại Bồ-tát là như vậy.

Thiện nam tử, pháp nhẫn của các Đại Bồ-tát rất sâu xa, Tổng trì giải thoát, Tam-muội vi diệu, lúc ấy Ta chưa được, chỉ có hai thân: ngũ thông và hữu lậu. Khi Ta làm việc lớn như vậy, khiến cho vô lượng, vô biên, vô số người an trụ nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; vô lượng, vô biên, vô số người an trụ Bích-chi-phật thừa; vô lượng, vô biên, vô số người an trụ Thanh văn thừa và lại được cúng dường chư Phật như vô số vi trần một thế giới Phật. Công đức đạt được nơi mỗi cõi Phật nhiều như những giọt nước trong biển lớn. Cúng dường vô lượng Thanh văn, Duyên giác, Sư trưởng, Cha mẹ, Thần tiên đạt năm phép thần thông cũng như thế. Xưa kia, khi làm Bồ-tát, Ta tự đem máu thịt cung cấp cho chúng sinh, tâm đại bi của Ta như vậy các A-la-hán ngày nay đều không có tâm này.

-oOo-

Phẩm 6: MÔN NHẬP ĐỊNH, TAM-MUỘI

Bấy giờ, Phật dạy Đại Bồ-tát Tịch Ý:

– Thiện nam tử, ngày nay, ta dùng Phật nhãn thấy chư Phật Thế Tôn đã Bát-niết-bàn trong thế giới khắp mười phương nhiều như số vi trần nơi một cõi Phật đều do xưa kia được Ta khuyến hóa khi mới bắt đầu phát tâm thành Chánh giác, thực hành Bố thí ba-la-mật, cho đến Trí tuệ Ba-la-mật; chư Phật đời vị lai cũng như vậy.

Thiện nam tử, nay Ta thấy vô lượng, vô biên, vô số chư Phật Thế Tôn ở thế giới phương Đông hiện đang chuyển bánh xe chánh pháp cũng là nhờ xưa kia Ta khuyến hóa đầu tiên, khiến cho phát tâm thành Chánh giác, tu hành sáu Ba-la-mật. Chư Phật ở phương Nam, Tây, Bắc, bốn phía, trên dưới cũng như vậy.

Thiện nam tử, ở phương Đông, cách đây tám mươi chín ức thế giới chư Phật, có thế giới tên Thiện hoa, Đức Phật ở cõi ấy tên là Vô Cấu Công Đức Quang Minh Vương gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, hiện đang thuyết pháp cho chúng sinh. Đức Phật ấy xưa kia cũng nhờ Ta khuyến hóa mới bắt đầu phát tâm thành Chánh giác, tu hành Bố thí ba-la-mật, cho đến Bát-

nhã ba-la-mật.

Ở phương Đông lại có thế giới Diệu-lạc, trong đó có Phật hiệu A-súc Như Lai.

Lại có thế giới Diêm-phù, trong đó có Phật hiệu Nhật Tạng Như Lai.

Lại có thế giới tên Nhạc tự tại, trong đó có Phật hiệu Nhạc Tự Tại Âm Quang Minh Như Lai.

Lại có thế giới tên An lạc, trong đó có Phật hiệu Trí Nhật Như Lai.

Lại có thế giới tên Thắng công đức, trong đó có Phật hiệu Long Tự Tại Như Lai.

Lại có thế giới tên Thiện tướng, trong đó có Phật hiệu Kim Cang Xưng Như Lai.

Có thế giới tên Giang hải vương, trong đó có Phật hiệu Quang Minh Như Lai.

Có thế giới tên Bất ái nhạc, trong đó có Phật hiệu Nhật tạng Như Lai.

Có thế giới tên Ly cấu quang minh, trong đó có Phật hiệu Tự Tại Xưng Như Lai.

Có thế giới tên Sơn quang minh, trong đó có Phật hiệu Bất Khả Tư Nghị Vương Như Lai.

Có thế giới tên Tụ tập, trong đó có Phật hiệu Đại Công Đức Tạng Như Lai.

Có thế giới tên Hoa quang minh, trong đó có Phật hiệu Quang Minh Ý Tướng Như Lai.

Có thế giới tên Hòa xí thạnh, trong đó có Phật hiệu An Hòa Tự Tại Kiến Sơn Vương Như Lai.

Có thế giới tên Thiện địa, trong đó có Phật hiệu Hòa Tượng Như Lai.

Có thế giới tên Hoa trú, trong đó có Phật hiệu Nhãn Tịnh Vô Cấu Như Lai.

Thiện nam tử, như vậy, vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chư Phật đang ở phương Đông vì các chúng sinh mà chuyển bánh xe chánh pháp. Khi các vị ấy chưa phát tâm thành Chánh giác, đầu tiên do Ta khuyến hóa khiến cho phát tâm, lại còn dẫn đường đưa họ đến khắp các trú xứ của chư Phật, Thế Tôn trong mười phương, đến chỗ nào cũng tu hành theo Bố thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật và được thọ ký thành Chánh

giác.

Bấy giờ, ở phương Đông, thế giới Thiện hoa có Phật Vô Cấu Công Đức Quang Minh Vương, nơi tòa Sư tử và đại địa chấn động sáu cách, có ánh sáng lớn, cùng mưa vô số hoa sen quý đẹp. Các Bồ-tát thấy việc như vậy, rất kinh ngạc vì việc chưa từng có ấy, liền bạch Phật:

– Kính bạch Thế Tôn, vì sao tòa Sư tử của Như Lai chấn động như vậy? Chúng con từ xưa đến nay chưa từng thấy việc này.

Phật bảo các Bồ-tát:

– Thiện nam tử, về phương Tây cách đây tám mươi chín ức thế giới chư Phật, nơi quốc độ tên Ta-bà, có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, đang thuyết pháp Bản Duyên cho bốn bộ chúng. Khi Phật, Thế Tôn ấy làm Bồ-tát, đầu tiên khuyến hóa Ta phát tâm thành Chánh giác, lại dắt dìu Ta đến chỗ chư Phật. Trước hết, khiến cho Ta tu hành Bố thí ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật. Khi ấy, tùy chỗ Ta đã đến, lần đầu tiên Ta được thọ ký thành Chánh giác. Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn kia chính là chân thiện tri thức của Ta, đang ở phương Tây thuyết kinh Bản Duyên cho bốn bộ chúng. Tòa Sư tử Ta đang ngồi bị lay động là do diệu lực từ thần túc của Đức Như Lai kia. Thiện nam tử, trong các ông, ai có thể đến thế giới Ta-bà để thưa hỏi Đức Phật kia mọi sự hành hóa có được nhẹ nhàng, an lạc hay không?

Khi ấy, các Bồ-tát đều bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, các Bồ-tát ở thế giới Thiện hoa này đều được thần thông. Đối với các Bồ-tát đạt công đức tự tại thì vào sáng sớm hôm nay được thấy ánh sáng lớn này, ánh sáng đó đều từ thế giới của chư Phật đến đây. Khi ấy, đại địa liền chấn động sáu cách, mưa vô số hoa. Thấy như vậy xong, có vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Bồ-tát muốn dùng thần lực đến thế giới Ta-bà để chiêm ngưỡng Phật Thích-ca Mâu-ni cúng dường, cung kính, tôn trọng, ngợi khen và muốn thưa hỏi, lãnh thọ tất cả môn Đà-la-ni, nhưng đều không biết thế giới Ta-bà của Phật Thích-ca Mâu-ni ở phương nào?

Đức Phật kia liền duỗi cánh tay phải sắc vàng, trên đầu năm ngón tay phóng ra vô số ánh sáng vi diệu, ánh sáng vàng đó liền chiếu đến tám mươi chín ức quốc độ chư Phật, đến thế giới Ta-bà. Bấy giờ, các Bồ-tát nhờ ánh sáng ấy nên được thấy thế giới Ta-bà với đông đảo các Đại Bồ-tát khắp nơi. Lại có chư Thiên, Long, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già... khắp trong hư không. Thấy việc như vậy xong, họ bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nay con đã được thấy thế giới kia, biết phương hướng nơi cõi ấy, thấy các đại chúng trời người đầy khắp trong đó. Đức Thích-ca Như Lai cũng nhìn thấy chúng con, Ngài đang thuyết pháp vi diệu.

Đức Phật kia dạy các Bồ-tát Đại sĩ:

– Thiện nam tử, Đức Thích-ca Như Lai thường dùng Phật nhãn thanh tịnh vô thượng, thấy khắp tất cả, không sót một nơi nào. Thiện nam tử, chúng sinh ở thế giới Ta-bà, trên đất liền hay trong hư không, tất cả đều nói: "Đức Thích-ca Như Lai chỉ thấy riêng tâm của con, chỉ thuyết pháp cho con".

Thiện nam tử, Đức Thích-ca Như Lai kia dùng một âm thanh thuyết pháp cho vô số loài khác nhau. Chúng sinh tùy theo căn cơ của mỗi loài mà được lãnh hội, không phải dùng nhiều âm thanh khác nhau thuyết giảng cho nhiều loài. Chúng sinh nơi cõi kia nếu thờ Phạm thiên, thấy thân Như Lai giống như Phạm thiên và được nghe pháp. Nếu thờ Ma thiên, Thích thiên, Nhật Nguyệt, Tỳ-sa-môn thiên, Tỳ-lâu-la-xoa, Tỳ-lâu-bát-xoa, Đề-đầu-lại-tra, Ma-hê-thu-la,... tám vạn bốn ngàn các loại như vậy, tùy theo sự thờ phụng của mình đều thấy hình tượng đó và được nghe pháp, sinh ý tưởng cho rằng đã giảng nói riêng cho mình.

Bấy giờ trong hội có hai vị Bồ-tát: Vị thứ nhất tên La Hầu Điện, vị thứ hai tên Hỏa Quang Minh. Khi ấy, Phật Vô Cấu Công Đức Quang Minh Vương bảo hai Bồ-tát:

– Thiện nam tử, nay các ông có thể đến thế giới Ta-bà, nhân danh Ta, thưa hỏi Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn: "Mọi sự hành hóa của Ngài có được nhẹ nhàng, lợi lạc chăng? Khí lực có được an ổn không?".

Hai Bồ-tát liền bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, con thấy tất cả thế giới của Phật ấy, đại chúng vân tập đầy kín khắp trên đất và trong hư không, không còn một khoảng trống. Nếu chúng con đi đến, sẽ đứng chỗ nào?

Phật bảo:

– Này các Thiện nam tử, đừng nói rằng thế giới kia không có chỗ đứng. Vì sao? Vì nơi đó rộng rãi vô biên. Đức Phật ấy có công đức vô lượng, không thể nghĩ bàn. Do bản nguyện và tâm bi rộng lớn nên khiến cho vô lượng các loài chúng sinh được vào pháp Phật lãnh thọ ba quy y, sau đó thuyết pháp ba thừa cho họ. Ngài lại thuyết ba loại giới luật, chỉ bày ba cửa giải thoát, lại độ vô lượng, vô biên chúng sinh thoát ba đường ác, an trụ trong ba đường toàn thiện.

Thiện nam tử, vào lúc nọ, sau khi Đức Thích-ca Như Lai vừa thành đạo chưa bao lâu, vì muốn điều phục các chúng sinh nên Ngài ngồi kiết già trên tòa, trong hang Nhân đài sa-la, núi Tỳ-đà, suốt bảy ngày bảy đêm nhập Tam-muội Chánh thọ, hưởng pháp lạc. Bấy giờ, thân Phật đầy khắp hang này, không có chỗ trống, dù chỉ bằng bốn tấc. Qua bảy ngày, trong mười phương thế giới có mười hai na-do-tha Đại Bồ-tát đến thế giới Ta-bà đứng ở triền núi kia muốn được thấy Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, thưa thỉnh lãnh thọ diệu pháp.

Thiện nam tử, bấy giờ ngay nơi chỗ ở, Đức Như Lai dùng đại thần túc khiến cho hang đó rộng rãi thênh thang, chứa được tất cả mười hai na-do-tha Đại Bồ-tát. Các Bồ-tát vào bên trong đều thấy hang rộng rãi trang nghiêm, có các Bồ-tát đem thần túc Sư tử du hý tự tại để cúng dường Phật. Mỗi vị Bồ-tát đều ngồi nghe pháp nơi bảo tọa do Phật hóa hiện.

Thiện nam tử, với thần lực của Đức Phật kia như vậy, các Bồ-tát này được nghe pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đem đầu mặt đảnh lễ Phật, nhiễu bên phải ba vòng, mỗi người tự trở về thế giới Phật của chính mình. Họ vừa đi khỏi, hang ấy liền trở lại như cũ.

Thích Đề-hoàn Nhân, chủ cõi trời thứ hai của bốn cõi thiên hạ, tên Kiều-thi-ca sắp qua đời và chắc chắn sẽ bị đọa trong đường súc sinh. Rất sợ hãi về việc này, Kiều-thi-ca cùng tám vạn bốn ngàn vị nơi cõi trời Đao-lợi cùng nhau đi đến hang Nhân đài sa-la để gặp Như Lai. Dạ-xoa Vương Nhãn, là thần của hang đó, đang đứng ở bên ngoài. Nhờ Phật lực nên Đế Thích suy nghĩ: "Ta sẽ sai Càn-thát-bà Tử là Bát-giá-tuần đến gặp Phật trước, dùng âm thanh vi diệu khen ngợi Đức Như Lai, sẽ khiến cho Thế Tôn ra khỏi định".

Thiện nam tử, Thích Đề-hoàn Nhân suy nghĩ như vậy xong, liền sai Càn-thát-bà Tử là Bát-giá-tuần khảy đàn cầm lưu ly, âm thanh ấy vi diệu, đặc biệt khác lạ, phát ra năm trăm điều khen ngợi Như Lai.

Thiện nam tử, khi Bát-giá-tuần đang tán thán Phật thì Như Lai lại chuyển nhập vào trong Tướng tam-muội. Do diệu lực của tam-muội, thế giới này tạo ra đại thần lực khiến các Dạ-xoa, La-sát, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc đều đến tập họp. Người nào ưa nghe âm thanh vi diệu, tùy ý được nghe và rất hoan hỷ. Người nào ưa nghe lời tán thán Phật, nghe tán thán xong cũng rất hoan hỷ, đều đối với Như Lai phát tâm cung kính tôn trọng. Chúng sinh nào ưa nghe âm nhạc liền được nghe, nghe xong đều hoan hỷ.

Lúc đó, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai xuất định. Các đại chúng đứng ở cửa hang Sa-la, riêng Thích Đề-hoàn Nhân đến gặp Phật, đảnh lễ sát chân, lui đứng qua một bên, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay con sẽ ngồi nơi nào?

Phật bảo:

– Kiều-thi-ca, quyến thuộc của ông nên tập họp vào hết. Ta sẽ khiến cho hang Nhân đài sa-la này hết sức rộng rãi để dung nạp tất cả mười hai hằng hà sa số đại chúng quyến thuộc này đều được an tọa.

Bấy giờ, giữa đại chúng, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai dùng một âm thanh vi diệu diễn thuyết chánh pháp, khiến cho tám vạn bốn ngàn chúng sinh với căn cơ khác nhau đều ưa thích nghe giảng. Trong chúng, những người nào học Thanh văn thì được nghe pháp Thanh văn và có chín mươi chín ức chúng sinh được quả Tu-đà-hoàn. Những người nào tu học Duyên giác thừa thì được nghe pháp Duyên giác thừa. Những người nào tu học pháp Đại thừa thì thuần nghe Đại thừa.

Đại chúng do Càn-thát-bà Tử Bát-giá-tuần dẫn, đều có mười tám na-do-tha vị được bất thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người nào chưa phát tâm thì phát tâm Vô thượng Bồ-đề, hoặc phát tâm Duyên giác, hoặc phát tâm Thanh văn.

Khi ấy, Thích Đề-hoàn Nhân hết sợ hãi, sống thêm một ngàn tuổi, được quả Tu-đà-hoàn.

Thiện nam tử, Đức Thích-ca Như Lai với thần lực có thể tạo nên các sự việc rộng lớn vô lượng, vô biên như vậy; âm thanh thuyết pháp cũng như thế, không một người nào lường được giới hạn nơi âm thanh của Phật ấy. Phương tiện của Đức Phật ấy là vô lượng, vô biên để giáo hóa chúng sinh, không ai có thể biết được hết phương tiện như vậy.

Thiện nam tử, sắc thân của Đức Phật kia cũng vô lượng, vô biên, không người nào có được thân như Ngài và thấy được đảnh của Ngài.

Thiện nam tử, nếu cả đại chúng muốn vào trong bụng Phật thì cũng đều được tiếp nhận. Đã vào bụng rồi, người nào muốn có một chỗ trống thêm nữa ở trong bụng cũng không thể có, vậy mà bụng của Như Lai vẫn không tăng giảm. Nếu có các loại chúng sinh cùng nhau muốn qua lại trong một sợi lông, đều không bị trở ngại, cho đến dùng Thiên nhãn cũng không thể thấy được bờ mé của lỗ chân lông, nhưng lỗ chân lông của Ngài cũng không thêm hay bớt. Đức Phật Thế Tôn kia có thân lớn vô lượng, vô biên đến như vậy.

Thiện nam tử, thế giới của Đức Phật kia cũng rộng lớn vô lượng, vô

biên. Thiện nam tử, giả sử chúng sinh nơi các thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương thì thế giới kia cũng dung nạp được hết. Vì sao? Vì ban đầu khi mới phát tâm thành Chánh giác, Đức Phật kia đã phát vô lượng, vô biên thệ nguyện.

Thiện nam tử, không những chỉ là chúng sinh trong các thế giới nhiều như số cát nơi một sông Hằng, mà chúng sinh nơi các thế giới nhiều như số cát một ngàn sông Hằng trong mười phương thì thế giới kia cũng dung nạp được mà hình tướng của thế giới ấy vẫn như cũ, không thêm không bớt.

Thiện nam tử, Đức Thích-ca Như Lai khi mới phát tâm thành Chánh giác, muốn được đầy đủ Nhất thiết trí nên Ngài phát đại thệ nguyện, do đó ngày nay được thế giới vô lượng, vô biên.

Thiện nam tử, Đức Thích-ca Mâu-ni dùng bốn pháp này, chư Phật Thế Tôn không thể sánh kịp.

Thiện nam tử, nay ông đem hoa Nguyệt quang minh vô cấu tịnh này đến thế giới Ta-bà ở phương Tây như đã thấy và nhân danh Ta thưa hỏi Phật: "Mọi sự hành hóa có được nhẹ nhàng, lợi lạc; sức khỏe có được an ổn không?".

Bấy giờ, Phật Vô Cấu Công Đức Quang Minh Vương lấy hoa Nguyệt quang minh vô cấu tịnh trao cho hai Bồ-tát và bảo:

– Các ông hãy nương nơi diệu lực từ đại thần thông của Ta mà đi đến thế giới kia.

Khi ấy, trong chúng hội có hai vạn Bồ-tát bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đúng như vậy! Đúng như vậy! Chúng con sẽ nương nơi thần lực của Phật đi đến thế giới kia để chiêm ngưỡng Đức Thích-ca Như Lai, cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi.

Phật bảo:

– Thiện nam tử, các ông nên biết đúng thời.

Khi ấy, hai Bồ-tát cùng hai vạn Đại sĩ nương theo thần lực của Phật, trong khoảng một niệm, từ cõi Thiện hoa tức thì hiện đến núi Kỳ-xà-quật ở thế giới Ta-bà, tới trước Như Lai, quỳ thẳng, chắp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, về phương Đông cách đây tám mươi chín ức thế giới Phật, có thế giới tên Thiện hoa, trong đó có Phật hiệu Vô Cấu Công Đức Quang Minh Vương, hiện đang có vô số đại chúng Bồ-tát vây quanh, khen ngợi vô lượng công đức của Thế Tôn. Đức Phật kia nói: "Thế giới Ta-bà có Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai, đang vì đại chúng chuyển

bánh xe chánh pháp. Khi làm Bồ-tát, Đức Phật, Thế Tôn ấy đã khuyên Ta phát tâm Bồ-đề đầu tiên. Do đó, khi ấy Ta liền được phát tâm Vô thượng đạo. Ta phát tâm xong, Ngài lại khuyên ta tu tập sáu Ba-la-mật, cho đến việc Như Lai dùng bốn pháp này mà chư Phật, Thế Tôn không thể sánh kịp". Vì vậy, Đức Phật kia đã sai chúng con đem hoa Nguyệt quang minh vô cấu tịnh này cúng dường Đức Thế Tôn, thưa hỏi Đức Như Lai: Mọi sự hành hóa có được nhẹ nhàng lợi lạc, khí lực luôn được an ổn chăng?

Thiện nam tử, thế giới Diệu-lạc ở phương Đông có Đức A-súc Như Lai, tòa Sư tử nơi Ngài ngồi cũng chấn động sáu cách. Có vô lượng các đại chúng Bồ-tát thấy việc này xong, bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, vì sao tòa Sư tử của Như Lai đang ngồi lại chấn động như vậy?

Như đã nói ở trên, tất cả chư Phật nơi phương Đông cũng như vậy.

Bấy giờ, vô lượng, vô biên, vô số các Đại Bồ-tát ở phương Đông đều đến thế giới Ta-bà này, dâng hoa Nguyệt quang minh vô cấu tịnh, chiêm ngưỡng Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng khen ngợi.

Thiện nam tử, vô lượng chư Phật ở phương Đông cũng như vậy, đều sai các Bồ-tát đến khen ngợi Ta.

Thiện nam tử, Ta đang thấy: về phương Nam, cách thế giới này trải qua một hằng hà sa quốc độ của chư Phật, ở đó có thế giới tên Ly chư ưu, trong đó có Phật hiệu Vô Ưu Công Đức Như Lai hiện đang thuyết pháp.

Lại có thế giới tên Diêm-phù quang minh, trong đó có Phật hiệu Pháp Tự Tại Sư Tử Du Hý Như Lai.

Lại có thế giới tên An tu-di, trong đó có Phật hiệu Đạo Tự Tại Ta-la Vương Như Lai.

Lại có thế giới tên Công đức lâu vương, trong đó có Phật hiệu Sư Tử Hống Vương Như Lai.

Lại có thế giới tên Trân bảo trang nghiêm, trong đó có Phật hiệu Bát Tý Thắng Lôi Như Lai.

Lại có thế giới tên Chân châu quang minh biến chiếu, trong đó có Phật hiệu Trân Bảo Tạng Công Đức Hống Như Lai.

Lại có thế giới tên Thiên nguyệt, trong đó có Phật hiệu Hỏa Tạng Như Lai.

Lại có thế giới tên Chiên-đàn căn, trong đó có Phật hiệu Tinh Tú Xưng Như Lai.

Lại có thế giới tên Xưng hương, trong đó có Phật hiệu Công Đức Lực

Ta-la Vương Như Lai.

Lại có thế giới tên Thiện thích, trong đó có Phật hiệu Diệu Âm Tự Tại Như Lai.

Lại có thế giới tên Đầu lan-nhã, trong đó có Phật hiệu Ta-la Thắng Tỳ Bà Vương Như Lai.

Lại có thế giới tên Nguyệt tự tại, trong đó có Phật hiệu Quang Minh Tự Tại Như Lai.

Lại có thế giới tên Thiện lôi âm, trong đó có Phật hiệu Diệu Âm Tự Tại Như Lai.

Lại có thế giới tên Bảo hòa hiệp, trong đó có Phật hiệu Bảo Chưởng Long Vương Như Lai.

Lại có thế giới tên Thùy bảo thọ, trong đó có Phật hiệu Vũ Âm Tự Tại Pháp Nguyệt Quang Minh Như Lai.

Như vậy, vô lượng, vô biên, vô số chư Phật hiện tại ở phương Nam đều là những vị xưa kia khi còn là Bồ-tát, Ta đã khuyến hóa họ mới được phát tâm Bồ-đề. Tòa Sư tử của các Thế Tôn này cũng đều bị chấn động. Chư Phật kia cũng đều khen ngợi công đức Ta, cũng sai vô lượng, vô biên, vô số các Đại Bồ-tát đem hoa Nguyệt quang minh vô cấu tịnh đến núi Kỳ-xà-quật, nơi thế giới Ta-bà để chiêm ngưỡng Phật, lễ bái, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi, thứ lớp rồi lui ngồi qua một bên nghe pháp.

Thiện nam tử, nay Ta lại thấy về phương Tây, cách đây bảy vạn bảy ngàn trăm ngàn do-tuần thế giới Phật, ở đó có thế giới tên Tịch tĩnh, trong đó có Phật hiệu Bảo Sơn, hiện đang thuyết pháp vi diệu cho bốn chúng.

Lại có Phật Thắng Quang Vô Ưu, Phật Âm Trí Tạng, Phật Xưng Quảng, Phật Biến Tạng, Phật Phạm Hoa, Phật Thế Tấn, Phật Pháp Đăng Dõng, Phật Thắng Âm Sơn, Phật Xưng Âm Vương, Phật Phạm Âm Vương. Như vậy, vô lượng, vô biên, vô số chư Phật, Thế Tôn ở phương Tây đều là những vị xưa kia khi còn là Bồ-tát, Ta đã khuyến hóa cho, họ mới được phát tâm Bồ-đề. Tòa Sư tử của các Thế Tôn này cũng đều chấn động. Chư Phật kia cũng đều tán thán công đức của Ta và sai vô lượng, vô biên vô số các Đại Bồ-tát đem hoa báu Nguyệt quang minh vô cấu tịnh đồng đến núi Kỳ-xà-quật, nơi thế giới Ta-bà này để chiêm ngưỡng Phật, lễ bái, cúng dường, cung kính tôn trọng, ngợi khen, thứ lớp lui ngồi qua một bên nghe pháp.

Phương Đông bắc, cách đây trăm ngàn na-do-tha thế giới Phật, ở đó có thế giới tên Vô cấu, trong đó có Phật hiệu Ly Nhiệt Não Tăng Tỳ-sa-môn Ta-la Vương Như Lai, có hai Bồ-tát: Vị thứ nhất tên Bảo Sơn, vị thứ

hai tên Quang Minh Quán. Lại có Phật Hoại Chư Ma, Phật Ta La Vương, Phật Đại Lực Quang Minh, Phật Liên Hoa Tăng, Phật Chiên-đàn, Phật Di Lâu Vương, Phật Kiên Trầm Thủy, Phật Hỏa Trí Đại Lực... vô lượng chư Phật Như Lai như vậy, cho đến phương Bắc, bốn phía, trên dưới cũng đều như thế.

Khi ấy, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai dùng đại thần lực vì muốn dung nạp đại chúng, khiến cho thân của tất cả những vị đến dự họp biến nhỏ như hạt cải, đầy kín hư không và mặt đất, khắp thế giới Ta-bà không còn một khoảng trống dù như sợi lông.

Bấy giờ, các chúng sinh không thấy nhau, lại cũng không thấy các núi Tu-di sơn vương lớn nhỏ, chỗ tối tăm giữa hai núi Đại tiểu Thiết vi vây quanh, trên đến cung điện chư Thiên, dưới đến nền Kim cang, chỉ trừ một mình Phật, Thế Tôn.

Lúc ấy, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai lại nhập tam-muội Biến hư không đoạn chư pháp định ý, khiến cho vô lượng hoa Nguyệt quang tịnh đều nhập vào các lỗ chân lông trên toàn thân. Tất cả đại chúng đều được thấy.

Bấy giờ, chúng sinh đều không nhớ đây là sắc thân của Phật, mà chỉ thấy có vườn đẹp trong lỗ chân lông, nơi vườn đẹp đó có các cây báu, cây đó lại có vô số cành lá, hoa quả sum suê, trang trí bằng vô số y báu, cờ phướn lọng trời, mão trời quý đẹp, ngọc trân châu, chuỗi báu anh lạc, giống như thế giới An lạc ở phương Tây. Thấy xong, đại chúng lại suy nghĩ: "Ta nên đến vườn kia dạo xem".

Lúc ấy, chỉ trừ chúng sinh trong ba đường ác và cõi trời Vô sắc, ngoài ra tất cả đại chúng đang có mặt đều theo lỗ chân lông vào ngồi nơi từng khu vườn trong thân Như Lai.

Khi Như Lai xả bỏ thần túc, đại chúng đều được thấy trở lại tướng trạng như cũ, nên bảo với nhau:

– Như Lai đang ở nơi nào?

Lúc ấy, Bồ-tát Di-lặc bảo đại chúng:

– Các ông nên biết, ta cùng các ông đều đang ở trong thân của Như Lai.

Khi thấy hết cả trong, ngoài thân Như Lai, đại chúng này mới biết cùng vô lượng đại chúng khác đang tập trung trong thân Như Lai, nên bảo nhau:

– Chúng ta vào đây bằng chỗ nào? Ai dẫn đường cho chúng ta vào

được trong này?

Bồ-tát Di-lặc lại bảo:

– Lắng nghe, lắng nghe! Như Lai đang hiện bày diệu lực đại thần thông biến hóa, vì tạo lợi ích cho đại chúng nên Ngài sắp thuyết pháp. Quý vị hãy nhất tâm ghi nhớ.

Nghe như vậy, đại chúng đều quỳ thẳng, chắp tay vâng theo lời dạy để nghe. Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng tất cả pháp môn để diễn thuyết diệu pháp. Tất cả pháp môn là những gì? Ra khỏi bùn nhơ sinh tử, vào Bát thánh đạo, được thành tựu đầy đủ Nhất thiết trí.

Thiện nam tử, có mười tâm chuyên cần phát Bồ-đề để có thể vào môn này. Những gì là mười?

Muốn khiến cho chúng sinh đều được giải thoát, tùy hỷ hồi hướng.

Phát tâm đại bi giúp đỡ chúng sinh.

Nhằm hóa độ người chưa được độ. Tinh tấn sửa sang thuyền pháp vô thượng.

Muốn giải thích cho người chưa được hiểu, giúp họ quán sát đúng đắn thoát khỏi điên đảo, vọng tưởng.

Muốn rống tiếng Sư tử vô sở úy trang nghiêm để quán tánh các pháp vô ngã.

Muốn đi đến bất kỳ thế giới nào, tâm vẫn không phân biệt. Học trọn vẹn các pháp đồng với mười ví dụ.

Muốn được thế giới quang minh trang nghiêm, sửa sang giới pháp khiến cho thanh tịnh.

Thành tựu trang nghiêm mười lực của Như Lai, đầy đủ tất cả Ba-la-mật.

Thành tựu trang nghiêm bốn Vô sở úy, làm đúng như đã nói.

Trang nghiêm mười tám pháp bất cộng, pháp đã được nghe đều không bị sót mất, không phóng dật.

Đó gọi là mười pháp chuyên tâm, phát Vô thượng Bồ-đề thì có thể vào tất cả hành môn này, được bất thoái nơi đạo quả Vô thượng Bồ-đề, hành môn Vô tướng, hành môn Trí đạo, tất cả pháp không có ngã, tâm không tư duy, không sinh, không diệt. Đây gọi là địa Bất thoái chuyển của Bồ-tát. Do vậy, nên chẳng phải thoái, chẳng phải bất thoái, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải định, chẳng phải loạn.

Khi Phật thuyết pháp này, tám mươi ức hằng hà sa Đại Bồ-tát đang ở trong bụng của Như Lai được pháp Bất thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh

giác. Lại có vô số Đại Bồ-tát được các pháp Nhẫn tam-muội thâm diệu, đều từ lỗ chân lông nơi thân Như Lai ra ngoài, rất kinh ngạc, tán thán việc chưa từng có, liền đến ngay trước Phật, đầu mặt sát đất kính lạy Phật. Lạy xong, bỗng nhiên họ đều tự trở về thế giới Phật của chính mình ở mười phương, nghe lại âm thanh của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã diễn thuyết, cách vô lượng, vô biên, vô số thế giới chư Phật trong mười phương mà không bị các chướng ngại. Tuy trở về cõi kia, các Bồ-tát này đã tiếp thu lời Như Lai giảng dạy với câu văn, ý nghĩa không hề giảm bớt, như nghe ở gần bên hay ở trước Phật. Thân cũng như vậy, đầy khắp vô lượng các thế giới trong mười phương, có vô lượng, vô biên, vô số Thanh văn, Bồ-tát ra vào lỗ chân lông thứ nhất không bị trở ngại. Đại chúng ở lỗ chân lông thứ hai cũng vậy và tuần tự như thế cho đến tất cả các lỗ chân lông khác, đại chúng cũng ra vào không trở ngại. Khắp mười phương thế giới cũng như vậy.

Bấy giờ đại chúng từ lỗ chân lông của Đức Thích-ca Như Lai đi ra đều cúi đầu lạy Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, đứng trước Phật, dùng vô số âm thanh tán thán Phật.

Lúc ấy, chư Thiên Dục giới, Sắc giới mưa vô số hoa, hương bột, hương thoa, cờ phướn, anh lạc, âm nhạc vi diệu cúng dường Như Lai.

Khi ấy, trong hội có một Bồ-tát tên Vô Úy Đẳng Địa, ở trước Phật quỳ thẳng, chắp tay bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn, kinh lớn này sẽ đặt tên là gì? Phụng trì như thế nào?

Phật dạy Bồ-tát Vô Úy Đẳng Địa:

– Kinh này nên đặt tên là Giải liễu nhất thiết Đà-la-ni môn *(Thấu triệt tất cả môn Đà-la-ni),* cũng gọi là Vô lượng Phật, cũng gọi là Đại chúng, cũng gọi là Thọ Bồ-tát ký *(Thọ ký cho Bồ-tát),* cũng gọi là Tứ vô sở úy xuất hiện ư thế *(Bốn Vô sở úy xuất hiện ở đời),* cũng gọi là Nhất thiết chư tam-muội môn *(Tất cả các môn Tam-muội),* cũng gọi là Thị hiện chư Phật thế giới *(Thị hiện thế giới của chư Phật)*, cũng gọi là Do như đại hải *(Giống như biển lớn),* cũng gọi là Vô lượng, cũng gọi là Đại bi Liên hoa *(Hoa sen Đại bi)*.

Đại Bồ-tát Vô Úy Đẳng Địa lại bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn, nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng thông suốt kinh này, giảng thuyết cho người khác, cho đến chỉ một bài kệ, thì được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo Bồ-tát Vô Úy Đẳng Địa:

– Trước đây Ta đã nói về phước đức đạt được, nay Ta sẽ vì ông lược

nói lại việc đó:

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh này, đọc tụng thông suốt, giảng nói cho người khác, dù chỉ một bài kệ, trong năm mươi năm sau, cho đến có thể biên chép một bài kệ thì công đức đạt được hơn các Bồ-tát hành hóa sáu Ba-la-mật trong mười đại kiếp. Vì sao? Vì chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Dạ-xoa, La-sát, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Câu-biện-trà, Ngạ quỉ, Tỳ-xá-gia, Nhân và Phi nhân nào có tâm sân giận, nghe kinh này xong liền được hoan hỷ, dịu dàng, thanh tịnh... xa lìa các bệnh phẫn nộ, oán hận, các sự tranh giành; tiêu diệt tất cả các tai họa của bão tố, lụt lội; người bệnh được lành, đói khát được ăn no, thọ hưởng các sự an lạc, cùng được hòa thuận, có thể làm cho người sân giận được nhẫn nhục, người sợ hãi không còn sợ hãi, cảm nhận sự an vui, khiến cho người có phiền não xa lìa phiền não, có thể giúp cho tất cả căn lành tăng trưởng, cứu độ chúng sinh ra khỏi cảnh giới ác, chỉ dẫn rõ về con đường giải thoát của ba thừa, được pháp Nhẫn tam-muội đà-la-ni môn thâm diệu, làm lợi ích lớn cho chúng sinh, có thể ngồi tòa Kim cang nơi Bồ-đề đạo tràng, phá trừ bốn loại ma, chỉ dạy tất cả pháp trợ Bồ-đề, chuyển pháp luân, khiến cho người không có Thánh tài được đầy đủ, khiến cho vô lượng, vô biên chúng sinh được vào thành trì dứt mọi sợ hãi.

Do nhân duyên có thể thọ trì, đọc tụng thông suốt kinh này và nói lại cho người khác, dù chỉ một bài kệ, cho đến trong năm mươi năm cuối cùng vào thời mạt thế mà người nào có thể biên chép một bài kệ thì cũng được vô lượng, vô biên phước đức. Do đó, Ta thuyết giảng kinh này và kinh lớn này sẽ phó chúc cho ai? Ai là người có thể ở trong năm mươi năm cuối vào đời mạt thế hộ trì pháp này? Ai là người có thể tuyên thuyết kinh này cho các Bồ-tát Bất thoái ở khắp mọi nơi được nghe? Lại nữa, ai là người có thể vì những người làm việc phi pháp, tham dục, tà kiến, ác kiến không tin quả báo thiện ác, mà diễn giải giáo pháp này?

Khi ấy, đại chúng đều biết tâm của Phật, có một Đại tiên Dạ-xoa tên Vô Oán Phất Túc đang ngồi giữa chúng, Đại Bồ-tát Di-lặc liền rời chỗ ngồi đứng dậy, đưa vị Dạ-xoa này đến gặp Phật. Như Lai bảo Đại tiên Dạ-xoa:

– Ông sẽ nhận kinh này, cho đến trong năm mươi năm cuối thời mạt thế, vì hàng Bồ-tát Bất thoái cho đến người không tin quả báo thiện ác mà diễn thuyết giáo pháp này.

Bấy giờ Dạ-xoa bạch Phật:

– Thời quá khứ, trong tám mươi bốn đại kiếp, do bản nguyện nên con làm Tiên Dạ-xoa, tu tập pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi ấy,

con giáo hóa vô lượng, vô biên, vô số người tu tập theo Tứ vô lượng tâm. Lại khiến cho vô lượng, vô biên chúng sinh được bất thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Kính bạch Đức Thế Tôn, nay con sẽ vì tất cả chúng sinh đời vị lai trong năm mươi năm cuối cùng mà làm người ủng hộ những ai thọ trì kinh này, cho đến chỉ được nghe bài kệ bốn câu do người khác nói lại cũng đều đọc tụng thông suốt; lưu truyền khắp mọi người, khiến không bị đoạn tuyệt.

Phật nói kinh này xong, Bồ-tát Tịch Ý, đại chúng chư Thiên, Càn-thát-bà, Nhân, Phi nhân... đều rất vui mừng, cúi đầu làm lễ, rời tòa, lui ra.

□